LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 194

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

SỐ 2115

(QUYỂN 11 →19)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2115

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

Sa-môn Khế Tung ở Đông Sơn, Đàm Tân, Đằng Châu soạn.

QUYỂN 11

ĐỀ LỜI TỰA
(gồm 13 bài)

LỜI TỰA TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG ĐỊNH TỔ ĐỒ

Bồ-đề Đạt-ma thật là Tổ thứ hai mươi sáu trong giáo của nhà Phật, cũng như Đại Ca-diếp là người trực tiếp tương thừa từ Đức Thích-ca Văn Như Lai. Lưu truyền đạo đó đến Trung Quốc, năm tháng thời đại tích chứa lâu xa, phả điệp sai lầm rối ren, mà người học ít biết không thể suy rõ gốc thật đó, lẫn lộn dị luận xưa nay lắm nhiều vậy. Tôi bình sanh lấy đó làm hoạn nạn lớn, vừa khảo xét phải quấy đó, để làm chánh Tông Tổ đó. Sách đó vừa ra mắt, gặp ban biểu đồ Tổ sư truyền pháp trao y, trải bày đến cùng thiên hạ. Nhưng người học Phật tuy đều vinh hạnh đó, vẫn còn nghe oánh ngời chưa hiểu ý trên. Tôi may đây trộm nói cùng người có nhận biết rằng: "Phật tôi đem cốt yếu của chánh pháp làm tông của một Đại giáo, dùng kín truyền nhận làm Tổ của một Đại giáo. Tông đó là Đạo nguyên của Thánh Hiền, là Diệu bản của sanh linh. Tổ đó là Đại Phạm của muôn đời học Định tuệ, là chân nghiệm của mười hai Bộ thuyết.

Từ khi sách truyện loạn lạc đó lan tràn, thiên hạ nghi ngờ đó cả trăm ngàn năm vậy. Nay Hoàng thượng là bậc Đại Thánh đặc ban Biểu

đồ để làm chánh Tông Tổ đó. Nhưng Thánh nhân giáo Đạo hẳn Thánh nhân mới hay chánh đó. Đó đâu chỉ may mắn lớn của sanh linh trời đất vậy. Tôi cố chẳng trốn lánh trách phạt, tiếm vượt ngu vọng đó, dám mê mờ chế dẫn việc cũ của sách đó, suy diễn ý của Đại Thánh, ngưỡng ghi chú ở Tổ Đồ, cũng là chỗ trước gọi là ban Tổ sư truyền pháp trao y ấy vậy. Nhưng mới đầu đó loạn lạc Tổ Tông tôi, thiêu đốt lầm hoặc người học trong thiên hạ, chẳng như ở "Phú Pháp Tạng truyện". Chánh Tông tổ đó để dứt đoạn tranh cải của muôn đời thì không gì như ở "Thiền Kinh". "Thiền Kinh" đã lưu xuất trước "Phú Pháp Tạng truyện" sáu mươi hai năm, thỉ chung đều biên ghi đầy đủ, hai mươi tám vị Tổ đã thấy ở đời nhà Tấn. "Phú Pháp Tạng truyện" khuyết sau niện hiệu Thái Bình Chân Quân (440-451). Đời vua Thái Võ Đế- Thác Bạt Đào (424-452) thời Bắc Ngụy phế hủy Phật giáo vậy, chỉ nói có hai mươi bốn đời Tổ sư thấy ở thời nhà Ngụy. Vừa lấy "Thiền kinh" để nghiệm xét, mà "Phú Pháp Tạng truyện" quả thật đó sai lầm vậy. Như kinh Đại Niết-bàn, luận Đại Trí Độ cùng lời tựa đó vậy. Dùng ý để tìm cầu đó, mà ý chỉ vi diệu của Phật còn vậy. Hoàng Thượng dục tâm cao diệu, riêng được ở ngoài ngôn ngữ, đó là thiên tư Phật ký thác vậy. Nên đó phát huy Thiền tổ nhã cùng kinh hợp, thích nghi ban trải muôn đời trọn làm đoán định. Các hàng Phật tử Tam học, tuân theo đó mà kính ngưỡng, thiên hạ chẳng lại nghi ngờ vậy. Xếp bày của Biểu Đồ đó, từ Đức Phật Thích-ca Văn, xuống Đại Ca-diếp, đến Thiền sư Đại Giám. Lục tổ ở Tào Khê, cả thảy ba mươi tư vị. Lại vì các bậc Hiền của Nho giáo và Phật giáo, họ nói Tông Tổ tôi vốn có chứng cứ, mười vị xếp bày ở chung quanh chư Tổ, kính cẩn cùng theo Truyền Pháp Chánh Tông Ký đó đến cung quyết tấu dâng. Mảy trần vấy bẫn Thần quyến, chẳng nhậm lo sợ rất lắm. Kính ghi lời tựa.

LỜI TỰA LỤC TỔ PHÁP BẢO KÝ

Bài này tức do Thị lang làm phụ

Căn cứ Đường Thư nói: Cuối thời Hậu Ngụy có vị Tăng hiệu là Đạt ma vốn con vua nước Thiên Trúc, vì hộ pháp nên xuất gia, đi vào Nam Hải, chứng đắc Diệu pháp của Thiền tông từ Đức Phật Thích-ca Văn tương truyền, có y bát làm chứng ký, vì đời cùng trao nhận. Đạt-ma mang y bát theo đường biển đi thuyền mà lại. Vào Nam Lương, đến vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550), vua Võ Đế đem việc Hữu vi mà hỏi, Đạt-ma không giảng nói, mới đến Bắc Ngụy ẩn ở chùa Thiếu Lâm tại Tung sơn, đem Pháp đó truyền trao cho Tuệ Khả. Tuệ Khả truyền trao

cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền trao cho Đạo Tín, Đạo Tín truyền trao cho Hoằng Nhẫn, Hoằng nhẫn truyền trao cho Huệ Năng, mà lại truyền xuất cho Thần Tú. Huệ Năng tính từ Đạt-ma đến Trung Quốc tức là đời thứ sáu, nên thiên hạ gọi đó là Lục Tổ.

Pháp Bảo Ký là do Lục Tổ giảng nói Pháp đó vậy. Pháp đó là Đại Bản của sanh linh, nào là người, là Quỷ thần, là muôn vật, bèn cùng thanh minh quảng đại đó rối ren mà khác lạ. Lục Tổ mới xót thương đó, mới dẫn dụ người, muốn người tìm cầu đó, tức tâm đó mà trở lại với Đạo vậy. Nhưng người nói tánh mạng ở trong thiên hạ có lắm nhiều vậy. Như họ nói đó rất rõ ràng, lý đó rất xác đáng, suy đó thẩy tường tận, mà nhà Phật chứng đắc đó vậy. Như họ chỉ bày đó rất thẳng, hướng đến đó rất tắt, chứng đắc đó rất gần, mà Lục Tổ đối với nhà họ Thích lại chứng đắc đó vậy. Lục Tổ đối với giáo Đạo nhà Phật có thể gọi là cốt yếu thấu đạt vậy.

Nay Thiên Tử viết Thiện Các Ký, nghĩa là đem bản tánh chứng ở Liễu nghĩa, tức là chưa có bỏ Đạo của Từ phụ ở Lục Tổ, nối dõi thiện tâm của chư Phật vậy. Kỳ vĩ thay! Chỉ bậc Chí Thánh mới có khả năng biết chí Đạo vậy. Nhưng thuyết của Lục Tổ, tôi vốn kính trọng đó, lo hoạn đó bởi sự thêm bớt của thế tục, mà văn tự hẹp hòi, rườm rà xen tạp, gần như không thể khảo sát. Gặp có Sa-môn Khế Tung làm Đàn Kinh Tán, nhân đó tôi nói cùng Sư Khế Tung rằng: “Nếu có khả năng chánh đó, tôi sẽ vì xuất tài của, khắc bản in ấn để rộng lưu truyền”. Trải qua hai năm, Sa-môn Khế Tung quả nhiên có được Bản cổ của Tào Khê mà hiệu đính đó, khắc thành ba quyển, rõ ràng lời của Lục Tổ lại chẳng sai vọng, mới bảo thợ khắc bảng để gom tập Thắng sự đó.

Ngày mười chín tháng ba năm Chí Hòa thứ ba (1056) thời Bắc Tống. Kính ghi lời tựa.

LỜI TỰA NGỮ LỤC CỦA HÒA THƯỢNG LƯƠNG Ở NGŨ PHONG TẠI MINH CHÂU

Mới đầu, Đức Phật Thích-ca Văn, ngoài kinh giáo ra, đem Đại Tam muội bảo cùng đệ tử cao túc là Đại Quy Thị trao truyền đó. Nhưng chẳng phải không liên quan đến kinh giáo, bởi chỗ mở sáng của kinh giáo vậy, đem dùng ấn chánh hết thẩy pháp môn quyết định làm Tông cực của Diệu giác. Mãi đến Bồ-đề Đạt-ma tiếp thừa Đại Quy Thị làm Tổ đời thứ hai mươi tám mới truyền đến Các Hạ. Ở Các Hạ, đến Tổ thứ sáu ở Tào Khê truyền đó. Trải qua thời thế đó, chưa tập học thuần thục các Tổ sư, như tựa kinh để luận người học chưa hẳn thuần dùng chân

yếu để chỉ bày đó. Bậc chí nhân đời sau thân gần có mà thích nghi đó, bèn dùng ngay đó mà phát người, nên chỗ làm người đó chẳng dùng kinh nói, nên người chương cú trong thiên hạ nghe oánh ngời, cho đó là trái với Kinh mà lập dị, vì chẳng phải vậy.

Ôi! Đó đâu biết, phàm biến mà thông đó rất khế hợp với kinh. Nhưng người học không dễ thấu đạt đó. Thấu đạt đó lại khó kế tiếp đó, kế tiếp đó lại khó biện rành đó. Như người đều họa vẽ rồng mà chưa từng được thấy hình rồng thật, đến lúc có người đem rồng thật chỉ bảo cho đó mà ở đời cũng không tin, bởi trong thiên hạ, người biết rồng hiếm ít vậy. Nay ở đời, ai chẳng nói Đạo, rối ren đều truyền, chỗ truyền ấy có thấu đạt, có cùng không? Đâu có thể hết được chỗ biện đó ư? Nên tôi thường âu lo hỗn loạn đó, Đạo chân thật làm người bệnh nặng, chỉ thẹn núp mà chẳng thể giăng bày đó vậy. Hiện nay, chỗ tôi biết có Lương Công ở Ngũ phong là bậc Thiện tri thức vậy, càng mừng mà nói đó. Lương công cũng vui mừng tương đắc, bèn đưa bản Ngữ lục cho tôi xem, đọc đó có nhiều điểm phát huy kỳ diệu, chỗ gọi là khéo biến mà thông ấy vậy. Lương Công nhận thọ từ Thiền sư Viên Từ Minh. Từ Minh được truyền kế tiếp từ Lâm Tế, Lâm Tế là được truyền từ Đại Tịch-Đại Trí. Lương Công đây thích nghi với Thiền là bậc tvậy. Như đẹp xinh của tu khiết đó, mà ấp người bốn phương thạnh xưng đó, thì đây chẳng phải lại luận bàn.

LỜI TỰA VÕ LĂNG TẬP

Hòa thượng Tuệ Viễn do có đạo phong mà vang danh vang khắp bốn phương. Trong khoảng niên hiệu Thiên Hy (1017-1022), Càn Hưng (1022-1023) thời Bắc Tống, tiếng tăm người rất vang động, ngài học ở bốn phương chẳng kể xa gần thảy đều quy hướng như nước cuồn cuộn đổ về. Tôi thuở nhỏ có nghe đó, mà hận không biết người đó, về sau đến đất Ngô, được biết điều đó từ hai Sa-môn Cần và Xiêm. Xem đó phát diễn rõ ràng tường tận, ứng đối thứ tự, ngôn ngữ thảy đều văn vẻ. Chẳng dùng phàm gần tạp xuất, tuy vào Đại kinh Đại luận, mà tựa cứ như văn trị thế, thuyết của Lão Tử Trang Chu mà chẳng nghi ngờ. Nhàn rỗi nghiên cứu chỗ kết quy đó, mà cùng Phật Pháp áo diệu tợ như không thể dùng trí tận cùng thần mà sáng tỏ đó. Ngõ hầu đó ư? Mới đầu, Đại sư Đạt-ma đem tâm ấn của Phật đến Trung Quốc, gặp Thiên tử Nam Lương (Võ Đế-Tiêu Diễn 502-550) đắm trước Hữu vi, không xét rõ lời đó, Đạt ma bèn theo hướng Bắc vào Tung Sơn, quay mặt vào núi, trọn ngày ngồi im lặng suốt chín năm. Đến lúc nghi ngờ của người Hoa Hạ

hơi cởi mở thì đạo của Đạt-ma mới được lưu truyền vậy. Đời sau, lại có các cao tăng dùng Thiền quán đó để lưu truyền. Lại nữa, người học ở đời sau không hiểu biết xa rất tin truyền là làm lời ấy vậy. Cũng chẳng tư duy đó quá lắm vậy. Đạo của Đạt-ma, đâu chỉ có Thiền quán mà thôi vậy. Phàm, Thiền là tĩnh, Quán là quán tưởng vậy. Thánh nhân chỉ dạy người mới học khiến họ Tĩnh tư lự để quán Đạo đó vậy. Như chỗ truyền của Đạt-ma tiếp thừa từ Đệ tử Cao túc của Phật là Đại Ca-diếp. Xưa kia, Đức Như Lai lúc sắp diệt độ, đem chánh pháp nhãn tạng có thể dùng ngôn ngữ để phát ra, mà không thể dùng ngôn ngữ để thấu đáo, nên bảo Đại Ca-diếp dùng Tâm để truyền. Chỗ gọi là chánh pháp ấy là nguyên do lưu xuất của Đại giáo, là nguyên do tỏ sáng của các kinh. Người chứng đắc đó, tuy dùng muôn vàn đầu mối mà nói đó nhưng điều nói đó chưa từng xen tạp. Người không chứng đắc đó, tuy dứt tuyệt ngôn ngữ mà giữ đó, nhưng chỗ giữ đó chưa từng không lầm hoặc vậy. Nay điều nói của Hòa thượng, nghĩa là chứng đắc chánh pháp đó vậy. Thiền quán sao có thể cùng tận đó? Hòa thượng được lưu xuất từ đời thứ ba của Đại sư Vân Môn. Đại sư Vân Môn được lưu xuất từ đời thứ tám của Thiền Sư Đại Giám. Than ôi! Cách Thánh nhân càng xa, người học nghi ngờ lầm hoặc sai lầm. Ngay thời của Hòa thượng, cách Đại sư Vân Môn chưa đầy trăm năm, riêng ôm chánh pháp cùng người đó chung trông mong, cứng rắn dẫn dắt người học dùng chánh pháp nhãn tạng đó để chánh truyền trao cho người học đó. Thật như được dừng để chấm dứt chạy cuồng. Đó đối với giáo Đạo mà đức cũng thấu đáo vậy. Sau khi Hòa thượng đã thi tịch, các chúng đệ tử gom nhặt lời của Hòa thượng, lấy chỗ đất nơi Hòa thượng ở, mà đặt gọi tên là "Võ Lăng Tập".

Ngày hai mươi tháng mười năm Nhâm ngọ (1042) thuộc niên hiệu Khánh Lịch (1041-1049) thời Bắc Tống. Kính đề tựa.

LỜI TỰA NGUYÊN TÔNG TẬP

Thiền sư Cần ở Tượng Quận, gom tất cả thuyết của Thiền học và Bách gia, tham tầm mà nhón rút điểm rất thấu đáo của lời đó. Tiếp làm thành sách của một nhà. Do từ Đức Thích-ca Như Lai mà xuống đến Vân Môn, đệ tử truyền y cả thảy có ba trăm ba mươi người, nói có sáu trăm hai mươi tắc, cả thảy hơn một vạn tám ngàn từ. Khi sách hoàn thành, bảo không đầy đặn tên mà đề tựa đó. Đại chỉ vì không theo ngôn ngữ sanh chỗ giải hội. Người bình thường giản đơn kính nhiệm chẳng mất tông đó làm được đó vậy. Nên nói Thiền sư Cần-Nguyên Tông chứng pháp từ Viễn Công-Đức sơn, ấn khả ở Trường Công-Tam Giác.

Trường Công và Viễn Công đều là Pháp tôn của Đại sư Khuông Chân vậy. Vân Môn tiếp thừa từ Thiền sư Tiến-Vân Phong, Vân Phong tiếp thừa từ Tuyên Giám-Đức Sơn. Đức Sơn tiếp thừa từ Thiền sư Tín-Long Đàm. Long Đàm nối dõi từ Thiền sư Ngộ-Thiên Hoàng. Thiên Hoàng nối dõi từ Đại sư Thạch Đầu. Thạch Đầu tiếp nối từ Hòa thượng Tư-Lô Lăng. Hòa thượng Tư thọ pháp từ Lục Tổ tức là Thiền sư Đại Giám. Mở rộng Đạo do Bồ-đề Đạt-ma hoằng truyền, nên người học Phật trong thiên hạ tôn quý đức đó. Như Khổng Tử tiếp thừa Chu Công mà khua động Đạo của Nghiêu Thuấn, Thánh nhân cử dụng đó sở dĩ gọi là giáo vậy. Đại dụng không thể rốt cùng, tức văn tự lấy làm đến. Tới lúc chủng trí sai biệt, Pháp môn muôn khác, lại sợ người đa văn ở đời sau sai lầm, khốn khổ người học không kịp, nên Đức Thích-ca Như Lai đem ngay chánh pháp trao cho Đại Ca-diếp, tuy chỉ bày ngôn thuyết đó mà không vết tích văn tự. Bồ-đề Đạt-ma cách Đức Như Lai hai mươi chín đời, nhận thọ đó rồi đưa đến phương Đông. Mới đầu mọi người chẳng hiểu, thời đó đều đuổi bỏ. Kịp lúc truyền đến đời Thiền sư Đại Giám, lại rất kính tin. Người học hướng theo, như nước cuồn cuộn đổ về. Ôi! Cuối thời Tượng Pháp, cách Thánh nhân càng xa, người học xuyên tạc mê mất Đạo chân, Thiền sư vì rất lấy làm than thở đó, nên làm mẫu tông cực đó, ngõ hầu có chỗ chánh vậy.

Ngày Rằm tháng mười năm Tân tỵ (1041) thuộc niên hiệu Khang Định (1040-1041) thời Bắc Tống.

LỜI TỰA DI THẠCH THI.

"Di Thạch Thi" tức là tảng đá được khiêng về mài dũa xinh đẹp của Quân tử vậy. Tảng đá ấy lúc đầu vất bỏ bên vệ đường, tuy nó quý lạ, to lớn nhưng khả quan, mà người đi đường chẳng đoái hoài. Sa-môn Vô Biện suy nghĩ lấy mà hiển bày đó, mới dùng thợ khéo tính chẳng sùng triều, bèn đặt để đến nơi sân nhà. Cao vút trống như núi cao, trước nhìn ao trong, sau râm cây tốt, hai bên càng mở rộng ba ngôi nhà đề tên là: Thạch Diên, Chiếu cổ và Thiền yến. Đến đó khiến người chợt nhiên mà u tư, từ đó người khoe cùng bảo người trông xem rão lại, đẹp xinh của Đá một sáng sớm bèn hiển bày. Sa-môn Vô Biện lại làm thơ để ca ngâm đó. Các Hiền sĩ Đại phu cùng chư vị các phương khéo giỏi thơ cũng theo mà phú đó. Hẳn muốn tôi làm lời tựa, nhưng mọi người đều có sự đam thích, mà có nhã có tục, có Dâm có Chánh. Nhìn vật đó thì Hiền của người đó có thể biết chăng? Nếu Đá đó là vật, tánh nó cứng mà chất nó chắc, hình nó tĩnh mà chế nó vuông. Vuông ấy là tợ như Quân

tử cương chánh mà không cẩu thả. Chắc ấy là tợ như tiết tháo Quân tử chẳng thay đổi vậy. Cứng ấy là tợ như Quân tử hùng nhuệ mà đứng vững vậy. Nhưng tên của Di Thạch lại càng đẹp xinh ấy vậy. Ngoài ra phong cự tợ như Hiền nhân nghiêm trọng mà túc vật vậy. Bên trong đó trống rỗng tợ như chí nhân hư tâm mà hợp Đạo vậy. Nay Sa-môn Vô Biện dùng Đạo tôi làm Thiền giả, Sa-môn cũng dùng bút mực cùng các Nho nhân giao du, đem đá đó dựng lập nơi sân, sớm trông chiều nhìn, hẳn muốn nhờ sáu thứ dùng làm Đạo đức có ngoài giúp thưởng, tháo tu đó im lặng xét vậy. Đến lúc đọc thơ đó, tìm cầu nguyên do làm ý đó thì chưa cùng từng đây chẳng hợp. Nhưng, Sa-môn Vô Biện tâm đó xa như vậy mà cùng thế tục đó đùa vui với thật, cố nhiên chẳng đủ cùng trông mong. Các ông đẹp xinh mà thi phú cũng chẳng thích nghi ư? Thơ đó có bao nhiêu bài, đều là Hào phú của thơ ấy vậy, trông nhìn đó có thể thấy, đâu phải chỗ thấp kém có thể thảy đều bình xét.

Ngày... tháng... năm..., Tôi kính đề tựa.

LỜI TỰA THƠ MƯỜI BÀI VỊNH PHÁP VÂN.

Trú thượng nhân ở Pháp vân sửa chỗ ở tại Tây Hạ đề là Thúy Việt Đường, vì đó đẹp của núi rừng che râm mát vậy. Cửa nhà xoay hướng Bắc bình thản, đề là Lăng Nhai Môn, chỉ bày đó nhân cao hẳn giẫm chánh vậy. Mới đầu đó vào đường tắt của rừng, đề là Tiêu Nguyệt Kính, nêu cao chỗ tiện lợi đó vậy. Thông với suối nước đó, đề là Hạ Lương Tuyền, tức là quý sự tưới mát nóng bức vậy. Để phô bày tâm địa sáng ngời của Tăng xưa trước, nên đề là Hoa nghiêm Tháp, nhằm biểu đức người đó vậy. Chỉ ngọn núi đó cao vút, đề là Tiêu La Lĩnh. Lấy vui vẻ với việc hoang dã, đề tên Đình đó là Ánh Phát đình, tức lấy nghĩa Vương tử kính núi sông cùng ánh phát vậy. Đặt cốc của núi đó là Dương Hải Đảo, là riêng mừng vui quả ấy vậy. Bảng hiệu lầu các đó đề là Thanh Ẩn Các, lấy chỗ đó có thể tĩnh lặng ấy vậy. Đến hiên trúc tịch, đề là Tu Trúc Hiền, tức phỏng tiết tháo đó vậy.

Mười bài vịnh đó là thuộc ở Tịnh xá Pháp Vân. Pháp Vân gá ở trong núi Đại Từ, cách đô thành khoảng mười dặm, phía Bắc trông nhìn suốt tận Chiết Giang, phía Nam trông nhìn hồ Tiền Đường, trải qua nhiều lớp sườn núi, chợt nhiên men theo khe lội suối, tiếng nước lạnh lạnh, mây cây mịt mờ, sống như từ bên sông hồ đến núi, mà Đại Từ rất là sâu tối. Pháp Vân sân nhà tiếu sái rừng núi cuộn quanh, sầm uất tươi tốt, so với các chùa khác ở núi Đại Từ thì đó lại là tuyệt xuất ấy vậy.

Xưa kia, Lại Bộ lang công làm Thị lang trí chính trở về quê hương,

phần nhiều thích rão bước các danh sơn, rất vui thích ở đó, lấy đó là trú xứ cao giẫm vậy. Cứ mỗi lần đến thì dừng ở cả tuần cả tháng vui vẻ mà quên trở về. Lại Bộ là người danh đức xông tỏa khắp thiên hạ. Đã vui thích ở đó, mọi người cũng văn vẻ theo mà mến chuộng đó. Nên cảnh thắng Pháp Vân bèn vang tỏa khắp xa. Trú Thượng nhân còn lấy làm chưa hết vẻ đẹp của núi sông đó mới càng đề cao mười cảnh đó, chăm chăm dẫn các Thi nhân ngâm vịnh đó. Các hàng tiên sanh tấn thân, cùng các Danh Tăng ở Ngô trung nghe đó đều vui cùng làm Phú, tranh nhau lưu xuất từ kỳ câu lạ, mà phong vận như tuông ra vàng đá leng keng, khởi tư duy trong lắng nơi người. Chỗ gọi là thắng khái là càng vang càng tỏa, đem truyền đó mà không cùng vậy. Nhưng cảnh vật ẩn mất hay hiện bày cũng do sự ôm kỳ cặp dị của người. Ẩn hiển hay cùng thông hẳn có thời số. Cảnh của mười bài vịnh như thế, bày trải trong núi hẳn cũng lâu xa vậy. Bỏ đặt mà chưa từng hơi phát. Nay Trú Thượng nhân khua động đó, mà thơ các bậc Hiền tỏa sáng đó. Há số đó cùng hội cũng có thời vậy ư? Nên, Hiền giả tuy trọn đời ẩn đó, bởi thời mạng vậy, cũng chẳng đủ may mắn đó. Thượng nhân đã vui được thơ của các vị đó, đặc biệt giao tôi làm lời tựa. Nhưng không có nghĩa là có thể nói cùng tận đẹp xinh của thơ đó ấy vậy.

LỜI TỰA THƠ PHÁP HỶ ĐƯỜNG.

Có người khéo giỏi việc, khắc thơ Pháp Hỷ Đường đem truyền tỏa đó, mà Tịnh Nguyên thượng nhân dự biên đó, tiếp đem việc ấy nói với Tiềm Tử tôi rằng: "May mắn chí ông đó vậy!" Phàm Pháp Hỷ đường là một thất nhỏ, ở của Thiền sư Quảng-Bảo Nguyệt vậy. Quân tử khéo đem Pháp Hỷ đó mà tự xử, nên làm thơ mà ca ngợi đó vậy. Thơ đó phàm có bao nhiêu bài là do các Tiên sinh tấn thân, cự công vĩ nhân làm nên vậy, cao vượt thù tuyệt chẳng thể được mà bình luận vậy. Như Bảo Nguyệt sống tâm tốt đẹp, ngụ chữa bệnh để mở lớn hạnh đó, Chương Biểu Dân biên thuật đó rất rõ ràng vậy. Tôi chẳng phải luận nữa, chỉ lần lượt phát mở chỗ gọi là Pháp Hỷ ấy. Phàm, Pháp là Đạo, Hỷ là vui tiện. Đạo hẳn là chánh của trời người. Người mà chẳng tiện Đạo, sao có thể làm Tâm vậy? Phàm, sống chết là đại biến của con người vậy, nếu chẳng phải tiện Đạo, thì không thể ở ngoài biến đó làm chí Thần trọn vẹn vậy. Vinh nhục thạnh suy là biến của việc người, chẳng phải tiện Đạo thì không thể thuận biến đó để đến phần an vậy. Ghét thương lấy bỏ là biến của tình người, chẳng phải tiện Đạo thì không thể lý biến đó để đến tánh thắng vậy. Nên có nghĩa là Đạo không gì chẳng còn

nhất quán ở trong ngoài vậy. Chỉ Thánh Hiền thường dùng Đạo ngưng lắm, sống đó chẳng loạn, chết đó chẳng bạc, ra đó chẳng biến đổi, ở đó chẳng phiền muộn, nghèo bần đó chẳng khốn cùng, giàu sang đó chẳng tham đắm, núi rừng ấy, triều đình phố chợ ấy, chỉ Đạo là chỗ tiện vậy. Tục chẳng đoái hoài Đạo mà lục lục lấy biến tệ đó. Than ôi! Xưa nay đâu thiếu vậy thay? Bảo Nguyệt người đất Hàng, nước đó đất an lạc, phong tục dùng xa xỷ cùng cao, người lớn phương phục, cơ hồ quên Đạo mà hướng theo chỗ chuộng đó vậy. Bảo Nguyệt am thất đó trải qua giữa khoảng chợ giếng, mới kiều nhiên riêng tu lạc của Pháp Hỷ. Đó đâu chỉ chuyên tự vui đó mà thôi vậy, đó sắp có chỗ học đòi mà khuyên đó ư? Thơ phú các vị ấy thật là đẹp xinh đó vậy.

Ngày mồng tám tháng mười một năm Tân sửu (1061). Tiềm tử đề tựa.

LỜI TỰA SƠN TỲ ĐƯỜNG.

Thiền sư Trí Nghiêm-Nam Tông làm chủ Tinh xá Khánh Thiện, mà ấp nhân thích nghi đó, gần một năm mà chỗ ở đã tu sửa, Bạch Vân Đường người cũng làm mới đó. Lại đem thư mời đồng bạn đó là Khế Tung tôi nói: “Tôi dùng thất hư tiếng trống để tiếp đãi ông”. Gặp lúc tôi mới chuyên ý Thiền tập, biên thuật sách, năm đó bèn đến thăm xem, cửa nhà chiếm nửa ngọn núi, nhưng ra sau chỗ ở đó, cửa sang xoay hướng Nam mở rộng. Phía trước trông các núi liền nhau chập chồng quanh co, cùng với Thiên Trù mây cây mà cùng tỏa sáng, như thấy bức họa đẹp tiêu nhiên khởi phát tư duy sâu thẩm nơi người. Tôi vui vẻ ở đó trải qua cả năm, tâm rất tự đắc, mà việc trần giảm ít. Ngày càng thanh tịnh, nhân nghĩ tên chỗ ở cũ lấy nghĩa rất gần, liền bảo lấy hiệu Sơn Tỳ mà thay đổi đó. Sơn Tỳ là lấy hiệu nơi ở của Cao tăng Huệ Ước thời nhà Lương. Xưa kia, Sa-môn Huệ Ước với đức hạnh cao vời, Thiên Tử rất kính trọng, mà Chu Ngung ở Nhữ Nam mới tạo dựng chùa Sơn Tỳ tại Chung Sơn và thỉnh mời Sư đến ở đó. Nên ngày mà Chu Ngung làm xinh đẹp Sơn Tỳ, Sa-môn Huệ Ước ở mà Thanh phong tràn đời. Như Sa-môn Huệ Ước đáng xưng gọi là bậc Hữu Đạo của chúng tôi vậy. Chúng tôi đáng nên kính mộ đó, kẻ ngu sao dám sánh cùng người đó vậy. Lấy Sơn Tỳ đó để đặt hiệu của Đường, thành thật muốn chỗ đó cũng được như Huệ Ước vậy.

Ngày ba mươi tháng giêng năm Đinh hợi (1047), thuộc niên hiệu Khánh Linh (1041-1049) thời Bắc Tống. Đề tựa.

ĐỀ TỰA THÚ HIÊN.

Chỗ ở của Từ Hóa đô Tăng chánh là tại Bắc Hiên, ở Tịnh xá làm nơi sâu cùng, nơi cửa sang khác rất là rỗng sáng. Tĩnh lắng có thể để yên, an có thể để nghỉ, vừa tiện để Từ Hóa vui thích đó, muốn Tiềm Tử tôi đề tên mà nêu cao đó. Tiềm Tử tôi nói với Từ Hóa rằng: "Rõ tánh Sư, mọi người đều có thích, mà thích của ông vui mừng gần Đạo. Đó gần như ngõ hầu ư? Tĩnh là chánh, sáng mới soi, hư rỗng mới dung, chỗ làm sâu thẳm mới thanh. Tuy phương trượng đó phòng thất bao bọc chung quanh, chí đạo thì thanh phong hạo khí sáng cả đất trời, suốt cả xưa nay. Diệu thay! Ở đời nhân gian mà tuyệt ra sâu thẳm, chẳng hẳn ở tại núi xanh mây trắng, vắng vẻ rỗng thoáng không ngằn mé, chẳng hẳn ở đời phô bày phương ngoài vậy. Thượng nhân ưa thích đó, đã có thú của chí đạo, mà Tiềm Tử tôi mới dùng chữ Thú Hiên để đặt tên Bắc Hiên đó, mà văn đó càng phô bày chỗ chuộng tâm chí thanh thắng của Từ Hóa. Tiềm Tử tôi là Khế Tung ở Mạnh Lăng vậy".

ĐỀ TỰA DU SƠN XƯỚNG HÒA THI TẬP.

Tùng sự Dương Công Tế cùng Xung Hối Ngộ thượng nhân đến thăm hỏi Tiềm Tử tôi. Ngày hôm sau lại mời tôi đến ở nghĩ tại Linh Ẩn, lại ngày mai nữa đến ở Thiên Trúc, bèn dừng nghỉ tại Thiên Trúc vậy. Ba người vừa vân du vừa ngâm vịnh được ba mươi sáu bài thơ. Công Tế mời Tiềm Tử tôi đề lời tựa ở đầu. Tiềm Tử tôi nhường lại Công Tế mà nói: "Tôi không dám dẫn trước kẻ sĩ của Triều đình". Công Tế nói: "Đây là núi rừng, chỉ luận Đạo chẳng luận Thế". Tiềm Tử ghi lời tựa chẳng phải nhục vậy. Tiềm Tử tôi nói: "Vâng! Tôi sẽ làm lời Tựa". Nhưng Công Tế và Tiềm Tử tôi kết bạn vốn người Nho người Phật khác nhau vậy. Người tiến tới Quan sĩ, cùng kẻ thối lùi ẩn tàng lại càng khác vậy. Nay cùng nhau ở đây bởi do bên trong đó có chỗ hợp mà như vậy. Công Tế cùng Xung Hối do ham mê thơ nên hợp, cùng Tiềm Tử tôi vì ưa thích núi nước nhàm tiện nên hợp. Tiềm Tử tôi cũng có phần do thơ mà cùng hợp với Xung Hối. Mà Xung Hối lại vì mến thích núi nước nên cùng hợp với tôi. Phàm, trở về núi nước, phong vị đó đạm nhạt lại tĩnh lắng. Trong thiên hạ ưa thích đó có được bao nhiêu người? Nên tôi thuộc được hợp đó thường ít vậy. Vừa thong dong trong núi, gặp gỡ đó cũng là khó có được. Nên ăn khớp đó lóc cóc đó trọn ngày trông nhìn cùng nói nhau là hầu như quên cả hình tích đó, không biết ai là Phật, ai là Nho nữa!

Ở thời nhà Tấn, Vương Tạ Hứa Tử vì vui thích núi nước nên kết

bạn với Chi Đạo Lâm; ở thời Tiền Đường, Bạch Công Ẩn Lô phụ cũng dẫn bốn Thích tử làm bạn phương ngoài. Ý đó há chẳng vậy ư? Hợp với Đạo đó có thể chợt nhiên ư? Mây và Rồng quý do khí hợp, gió và hổ quý vì tiếng hợp. Thánh và Hiền quý vì thời hợp. Vua và tôi quý vì Đạo hợp. Người học quý vì Đạo của Thánh nhân hợp. Trăm thợ khéo giỏi quý vì công việc hợp. Côn trùng quý vì loại đó hợp. Chẳng cùng hợp, tuy Đạo như Trọng Ni, Bá Di cũng không chỗ hợp ở đời vậy. Thiên hạ sao được chẳng trọng chỗ hợp đó ư?

Vừa rồi, hai ông đó lại đã bức thúc hết năm, cảnh núi rậm rà vì ý Xuân. Nhưng thay tạ cùng đoạt chợt râm chợt sáng tạnh. Sáng thì mây trắng mốc xanh văn vẻ như vậy, chiều thì băng thừa tuyết ánh như vậy. Suối bay lạnh lạnh như tuông ra vàng đá. Rừng tối hương mai hoặc ngưng hoặc tan, cây có chim hót, suối có cá bơi. Mà hai người đó đam mê núi nước thì chỗ ưa thích càng được, đam mê nhân tiện thì tình đó càng vui. Thắng khí thấm khắp mà lại phát u hứng ưu du cuộn quanh, ngoài ra ngâm tiêu tự nhiên. Tuy người bên cạnh thấy đó, không biết sở dĩ họ làm vui vậy; khách ngồi tiếp đó, không biết sở dĩ họ làm được vậy. Riêng Tiềm tử tôi sắc xanh che phủ, may đi cuối đó, mà nói với đó rằng: "Vui của hai ông chẳng phải chỗ vui của thế tục, được của hai ông chẳng phải chỗ được của thế tục vậy. Đó là khiết tịnh tiêu diêu, việc vượt ngoài đua tranh trần lụy vậy, trọn đó có thể vậy". Nhân bình thơ đó mà nói: "Thơ của Công Tế là Thiệm, Thơ của Xung Hối là Điển. Như Lão lệ nhã kiện thì khí đó cách cùng cao vậy". Tiềm Tử tôi thì im lặng, vì đối với thơ là chẳng chuyên, tuy nhạt yếu bệnh vụn đó, xa chẳng kịp hai ông, đâu có nghĩa là hết không ý đối với hứng vậy!

LỜI BẠT DU SƠN XƯỚNG HÒA THI TẬP.

Công Tế mới đầu cùng Tiềm Tử tôi ước giao làm lời tựa và lời bạt tập thơ. Tiềm Tử tôi chẳng tự biết lượng, đã mở đầu mối đó. Công Tế mới khiêm nhường, chẳng lại làm đó, nhưng ý của thơ, lời tựa nói chưa hết. Mới đầu Công Tế thấy thơ gặp tuyết ở trong núi của Tiềm Tử tôi, mến đón lẽ đó cùng riêng đến nói là Tiêu lệ có phong của Cổ nhân, bèn khí khái rút thơ trong tay áo Xung Hối mà tìm đó, ý lưu lại trong núi cùng cực thực quanh co. Tiềm Tử tôi cũng vì Công Tế đã vui mừng thích ý phi thường đó. Lại chẳng tự bó buộc giữa hai bên vui mừng cùng Du vịnh. Tiềm Tử tôi là Thiền giả ít vì tư lự loạn lạc, ở Ngô Trung hơn hai mươi năm, tủi nhục các Sĩ Đại phu vân du theo vài lần vậy. Như Cố Thị lang Lang Công đến trông nhìn đó rất sâu dày. Lang Công lại do thi

danh mà hiển bày trong thiên hạ. Tiềm Tử tôi kính phụng hòa xướng đó, cũng chẳng thuộc loại phóng tứ ngày nay, mà chẳng tự cẩn trọng đó. Nhưng Tiềm Tử tôi tuy hẳn bình sanh lớn lên muốn mong ở cao giãn nhã tố, như Chi Đạo Lâm, Tuệ Viễn ở Lô Sơn làm người phương ngoài, lo lắng sức chẳng đủ kịp đó. Tuy nhiên già vậy mà tôi cùng các vị phương bào chịu cùng vui mà theo cùng vân du đó, được mấy người vậy ư? Công Tế là nhà Nho tài tuấn cùng với tôi khác giáo mà cùng ân cần tốt lành như thế, đây chẳng cùng cần vân du và ngâm vịnh thì ai cùng vân du ư? Xướng hòa gồm cả thảy có sáu mươi bốn bài. Mới đầu ở trong núi vân du ngâm vịnh mà thành được ba mươi bảy bài, sau đó giả biệt nhau, mà các ông vẫn nghĩ nhớ gởi nối tiếp xương vịnh qua lại được hai mươi bảy bài, đều biên ghi đó làm thành Tập vậy.

Ngày mồng năm tháng hai năm Kỷ Hợi (1059) thuộc niên hiệu Gia Hựu (1056-1064) thời Bắc Tống, Tiềm Tử tôi lại ghi đề.

ĐỀ TỰA GIỚI NGUYỆT THƯỢNG NHÂN ĐỔI CHỮ

Thượng nhân tên là Hiểu Nguyệt tự là Trúc Khanh. Tôi cho là chữ đầu đó nghĩa không xứng đáng, không thể dùng làm Huấn nghĩa, nên dùng Công Hối để đổi đó. Tên dùng chữ Nguyệt, bởi lấy cái nghĩa cao sáng đó vậy. Nhưng sáng không thể trọn sáng, hẳn nhận chịu đó vì tối (Hối). Nhật nguyệt trọn sáng, thì đạo của ngày đêm chẳng thành, nên nhật tối ở Âm mà Nguyệt tối ở Dương vậy. Trời đất là chí minh (sáng cùng tột) của Nhật Nguyệt ấy vậy. Thánh Hiền sao có thể trọn nhọc sáng đó ư? Thánh Hiền trọn sáng thì Đạo của động tĩnh, tiến thối hẳn không đủ Pháp ở thế gian vậy. Nên Thánh Hiền thời xưa trước sáng ở Hữu vi mà tối ở Vô sự vậy. Thuấn sáng ở chánh trị mà tối ở được người, vì nhường thiên hạ. Văn Vương, Kiến Ky Tử sáng so cùng cửu trù mà tối ở đại nạn. Chu Công sáng ở Phụ tướng mà tối ở thành công. Khổng Tử sáng ở văn của Xuân Thu sáu kinh mà tối ở Lữ nhân. Nhan Tử, Mạnh Kha, Tử Tư, Dương Hùng đều cùng cao vọng mà sáng tối ở đời sau vậy. Nên sự nghiệp đó rất lớn, đạo đức càng dương tỏa, làm Pháp ở đời mà muôn đời truyền đó.

Nay thượng nhân là người có khí thức, sáng ở làm học biết Đạo, đó sắp có chỗ tối ư? Thượng nhân chúng tôi ấy cùng sự vật ở thế tục xa vời chẳng tương tiếp, lại càng nên tối vậy. Tôi đối với Thượng nhân là người xưa cũ vậy, cách biệt nhau mười năm, cuối cùng được pháp từ Lang Da, lại gặp ở Ngô trung, xét xử tâm đó không tịch, hay ngoài nơi thân thế mà chẳng lụy được mất phải quấy đó, thật chỗ gọi là hay hướng

hối ấy vậy. Chữ (= Tự) đó dùng Hối (= Tối) ước cũng phát tích từ áo nghĩa đó vậy. Một sáng sớm vì Đạo trở về thăm thấy chỗ thân quen, đòi văn làm giả biệt, nên đầu tựa dùng chữ đó mà tặng ấy vậy.

ĐỀ TỰA CHU CẢM CHI ĐỔI CHỮ.

Chu Quân mới đầu tự là Cảm Chi, tôi cho rằng nghĩa đó chưa cùng cực, xin dùng chữ Thành Chi để đổi đó. Chu Quân tên là Ứng, nhưng muôn vật không gì lấy theo loại tương ưng mà chẳng thể ứng, chẳng đồng loại vậy. Chỉ người thành thật mới có trời đất khác loại tương ứng. Nên thành thật ứng là công của ứng vật vậy, còn loại ứng là tư của ứng vật vậy. Tư thì ít được, mà công thì ít phu. Quân tử xấu hổ mất chỗ ở một vật, cho nên Quân tử quý thành thật ứng thiên hạ vậy. Thành thật ấy là nghĩa của Chí Chánh vậy. Dịch nói là "Trung Phù". Trung phù tức là trung chánh ấy vậy. Dùng nhu đó mà chánh bên trong, dùng cương đó mà chánh bên ngoài vậy. Huống gì dưới mà thuận với được Đạo đó của Âm Dương vậy. Suy ở nhân sự thì có thể do giáo Đại tín. Thiện nói là hóa bang vậy, heo cá tốt, tin đến heo cá vậy. Trung phù do lợi trinh mới ứng với trời đất vậy. Nghĩa của Thành (thành thật) cũng chẳng là Chí (thấu đáo) ấy ư? Chu Quân mới đầu tôn thờ cha mẹ thì người trong làng ngợi khen hiếu đó, đến lúc làm quan thì liêm minh, trải qua Quan phẩm phàm một Bộ một Úy. Người đó nếu là Sa-môn áo vàng, Nho sĩ áo trắng đều vui mừng nhân đức đó. Đó nếu chẳng phải đem Thành thật mà đải vật thì sao có thể thiện đó như thế ư? Mà Chu Quân nhọc ở Huyện Lại trải qua hơn mười năm, tự chẳng đó thấm khắp ngưng trệ mà cẩu thả tiến cử ở biết mình. Hỏi đó thì nói là mạng vậy. Quan sĩ mắc bệnh chẳng làm chính, đâu miệt mài ở người biết. Đó lại thấy thành thật đó thấu đáo vậy. Chỗ gọi là Thành đó cũng chẳng thích nghi ư? Đã mới đầu Chi mà lại cuối cùng cũng Chi. Chi đó nghĩa là Thành vậy. Thiên hạ vì thành thủy chung do đó lớn dày mà cao sáng. Thánh nhân vì thành thủy chung do đó lưu truyền pháp của muôn đời. Tuy nhiên, Thành của Quân tử suy ở chỗ tự đắc đó, tạm thời họ giàu sang vậy, chẳng vì kiêu dật. Họ già vậy chẳng gì rối ren tám chín mươi. Họ uống rượu mà chẳng vì say loạn. Đoán đoán ở "thủy" đó là phải, ở "chung" đó là phải, thì Đạo của Thánh Hiền được chỗ truyền vậy. Đức của Chu Quân sắp chẳng khuyết mà được trọn vẹn đó vậy. Tên đó vang ai có thể diệt mất? Tôi cùng với Chu Quân đều là người phương Nam, lại đặc biệt bạn lành cùng nhận biết sâu sắc mà lại rõ ràng vậy, nên nhân chữ dùng làm tên tự mà gắng gỏi đó.

ĐỀ TỰA ĐƯA TIỄN DIÊU GIÁ BỘ ĐẾN TẦM DƯƠNG

Giá bộ Diêu Công sắp đến Tầm Dương, trên đường hẳn ngang qua đất Yến (Yến là quê hương của tôi). Tiềm Tử tôi muốn nhân người theo đó mà gởi thư. Người bác họ tôi là Lý Chủ bộ Diêu Công, chẳng do hiền đó mà tự cao, mới lại gởi thư nhiều trang, rất mực ngợi khen Tiềm tử tôi khéo dùng bút, rộng xem Lục kinh mà biên thuật sách, phát huy pháp đó để chánh người học trong Nhị giáo. Cho rằng, tuy như các Đại thiền Cự Sư ở thời xưa trước, chưa có ai toàn vẹn như Tiềm tử. Đó rộng mà lại lớn vậy. Diệu Công đó cấp dẫn người làm thiện, muốn khiến họ đạt đến thấu đáo vậy. Tiềm tử tôi không cho như vậy, há quả như vậy ư? Tuy nhiên, mới đầu Tiềm tử tôi biên thuật sách Nguyên giáo, tâm đó thành thật làm cho kia chấp văn tập lý ấy vậy (Chấp văn là Nho giả, Tập Lý là Thích giả, tập dùng tục ngữ để dụ Pháp đó. Đó là thư của Diêu Công gởi lại nói vậy). Cả hai đều tệ Đạo mà chẳng tự phát minh, vừa muốn cứu đó vậy. Sách đó đã lưu xuất, tuy bốn phương vừa truyền, mà học trò người văn thì vui với văn của tôi, người không phải văn thì chẳng biện rành đạo của tôi, cũng lại chẳng thấy chỗ hướng đến thấu đáo của Tiềm tử. Tiềm tử tôi riêng không có học trò, cùng giảng cầu còn ngơ ngác, âu lo Đạo đó chưa rõ ràng đối với người vậy. Đạo của Tiềm tử tôi là Đại bản của sanh linh, là rốt ráo (= Chí) của làm thiện trong thiên hạ. Nếu gốc đó không tỏ sáng thì chí đó chưa xét, người trong thiên hạ muốn chỗ kết quy đó là gì? Kẻ sĩ hành đạo sao nhẫn mà chẳng xót xa ấy ư? Nên Tiềm tử tôi thường chẳng trốn lánh sự chê cười của lưu tục, mới đem sách đó mà cầu thông ở các bậc Thiên Tử, Tể Tướng Hiền Sĩ Đại phu, là bởi vì đó vậy. Nhưng các hàng Tiên sanh tiến thân đều biết, tâm của Tiềm tử tôi như vậy có được bao nhiêu người ư? Diêu Công mới nói là pháp sở đắc của ta như đó vậy, chỉ chỗ làm lại như vậy, dẫn nêu Cao tăng cự sư của thời xưa trước để cùng so sánh đó lại như đó vậy. Há chẳng phải vì đó mà biết mình ư? Cùng biết đó sâu chăng? Diêu Công mới đầu dùng Đại thần tiến cử, tự mặc áo vải đi chân không, chẳng do khoa thường mà thẳng đất cao vào Quan, văn chương tài nghiệp trác việt hơn người có thể biết. Nay lại ra Tầm Dương, Tầm Dương thuộc phương Nam vậy. Tiềm tử tôi người phương Nam, tập học biết được núi nước phong tục rất rõ ràng, hãy vì ông mà nói đó. Lãnh ngoại, từ phía Đông của Ung Quản, phía Tây của của Triều dương, phía Nam của Quế lâm, phía Bắc của Hợp phố bao quanh vài ngàn dặm, nước nhà chính giáo khắp đủ, tức sương mốc tuyết mống đó thấm đượm đã nhiều, khí bệnh dịch tiêu mất chẳng phát. Dân tốt vật quý ngày một xuất hiện,

phong thổ đó ngày một đẹp xinh. Cây hương rừng quế hoa báu quả kỳ (Hoa báu quả kỳ là người phương nam xưa trước xưng gọi), danh phẩm khác lạ liên tiếp tốt tươi mà quanh năm chẳng tuyệt. Như Ngô, Đăng, Dung, Tầm, một số quận đều men sông. Núi Ngũ Đái, núi rất đẹp xinh, sông rất trong sạch, có động phủ Thần tiên, có lầu quán nhà Phật. Thôn ấp thành quách trông liền nhau, mà người khói cuộn quanh sớm thôn tối dương, đang trời đất lắng tạnh thì khí tượng đó thanh thấu như tranh họa đồ. Nhưng tục đó chất phác, người đó thuần hòa, ít tranh tụng mà biết ngấm dần ảnh hưởng phương. Tôi biết Diêu Công trị dân đó, thì hóa của Nhân nghĩa đó dễ hành, đến cảnh đó thì chí thanh minh đó càng được. Diêu Công tâm thông, lại hay dùng đại đạo tự thắng. Sự thuyết phục giáo của Tiềm tử tôi cũng nhờ đó mà càng được lan truyền vậy. Đợi công phân sắc chiếu trở về lại phương Bắc, sẽ cùng một số người được đạo này. Có bao nhiêu người đó ư? Đường sá trên dưới, khổ nhọc của thuyền xe, ngài nên tự tiện lợi, tự thận trọng đó.

ĐỀ TỰA THƠ ĐƯA TIỄN QUÁCH CÔNG PHỦ TRIỀU PHỤNG.

Quách tử mừng vui đạo của Tiềm tử tôi, muốn giúp đỡ để chánh tu từ lập thành đó, Tiềm tử tôi có thể đáng chăng? Quách tử là học trò của Tiên sanh tiến thân, mới riêng có khả năng nhấc lên đạp phong của Cao thế. Khá trọng, khá thẹn! Tôi nói chẳng đủ để cùng giúp đó. Nhưng Quách Tử tuấn sáng thiên tài vượt phát, thuở thiếu thời thì hay làm ca ngâm, tiếng nhiều trăm ngàn lời mà khí đó chẳng suy, thể đó bình đạm. Vận điệu vút cao xưa, cách lực ưu thiệm. Nhiều nhiều càng công, ngậm muôn tượng ở đầu ngòi bút, động đó thì từ cú kinh xuất mà không cùng. Cùng khách người nghe lời tụng đó, tuy cả ngàn từ hẳn ghi nhớ, ngữ vận thanh xướng như tuông ra vàng đá, khiến người kinh đông mà ưa thích đó. Tuy như Mai Thánh Du, Chương Biểu Dân lấy làm quý (cuối cùng) Thái Bạch phục sanh dùng thơ trang bày đó. Khắp bốn biển chín châu các bạn đồng học chưa ai biết Quách Tử là hạng người gì, các Công khanh Triều đình ai từng thấy thạnh của Quách Tử như vậy ư? Phàm, rùa, rồng, lân, phụng, đó cũng là vật vĩ kỳ vậy, khiến nó ghé đính nơi bàn đất, gá nơi gai gốc, thì đó là chỗ tiếc của Quân tử. Tôi sợ Quách Tử hết phải quấn quanh, ngoài ra hư dối cùng đời chìm nổi, nhân lúc giả biệt nên làm thơ phú để cầu chúc đó:

“Đá trắng tạc tạc
Chứa mỹ phái ấy
Quân tử đạo tôi

Quân tử đó vui,
U nhàn rờn rờn
Khua dáng đẹp ấy.
Thục nhân chẳng hiện
Thục nhân chẳng khuyết
Chỉ là tấc vuông
Làm gốc của đó
Trái đó vật lay
Cùng đó vật loạn
Lắng đó gom đó
Lắng lắng buồn buồn
Nước nào trong lắng chừ!
Khá sức khá rửa
Núi nào thầm lặng chừ!
Khá nghĩ khá tiện,
Sao thiếu ở yên
Sao thừa làm đầu".

ĐỀ TỰA BÀI CA ĐƯA TIỄN BÍ THỪA VƯƠNG TRỌNG NINH.

Năm trước có sắc chiếu cử Bí tỉnh Vương Hầu đến chấp tể huyện Phù Phong. Vương Hầu vì chịu tang cha tại Thiển thổ, nên xin đợi phong dựng mà sau sẽ đến Quan. Triều đình tốt đẹp đó có con đạo, theo đó lại bảo là: "Lễ xong phải vâng mạng đến Triều đình". Bấy giờ các hàng Nhân sĩ ở Tiền Đường mến mộ Vương Hầu làm quan có tiếng tăm nên cùng nhau bàn nghị rằng: "Phù Phong là đất Tần, mới làm Nhung Địch kinh động, đâu nên đến đó. Chẳng bằng Thiên Tử đưa Vương Hầu lại cho nước ta". Người nhận biết chẳng phải đó thì nói: "Đó là tình của người thường, chẳng phải nghĩa là biết Hiền ấy vậy".

Phàm, Vương Hầu là bậc Hiền mà có khí thức, đọc sách tham tầm Đạo của văn võ, phát khảng khái lập đại tiết, mới đáng làm gương cho Đại hình của nước nhà, dẫn giết trừ hung xu để trị từ lý thái bình. Đó hẳn phấn nhiên để so sánh tài năng đó. Há chịu tục lục theo mọi người, tạm lánh khó khổ, để tìm sự yên ổn nơi đất lắng? Hoặc nói: "Triều đình vì Vương Hầu lâu khuất ở những cục, tạm phát Hiền tướng đó để nhận hiển quan ư? Trong năm Tân Tỵ (1041) đang lúc nắng nóng, quả nhiên từ Tân Định lại sắp đến kinh đô, trên đường ra Tiền Đường, Tiềm tử tôi nhân ca ngợi ý người bàn nghị, nên lấy làm bài ca riêng rằng:

"Chí của Hiền hào chừ! Thoát lược chẳng buộc

Gắng cao xa vời chừ! Tục đâu dễ biết.
Thích thẳng Đại tiết chừ! Gặp việc không đổi thay,
An thật bại danh chừ! Quân tử xấu hổ làm
Cửa trời rành biết chừ! Cung điện sâm sai
Vương Hầu Chứa chí chừ! Sắp phát kỳ trong não,
Biển Tần mênh mông chừ! Lũng thọ y y
Vương Hầu đến ở chừ! Quyết đi chẳng từ
Ban kia một Ấp chừ! Khiến dân nhọc mệt
Cũng nuôi Đức kia chừ! Vùng ven Thanh Tần.
Đang yêu khí lớn chừ! Cảnh vận thêm sáng
Công danh cùng lớn chừ! Ngàn năm tốt tươi".

ĐỀ TỰA THƠ TIỄN ĐƯA CHU CẢM CHI VÀO KINH.

Cảm Chi vì chịu tang cha nên nghỉ việc Quan, mướn thuê nhà ở Tiền Đường để ở ba năm. Tuy không vác đá chất chứa, chưa từng bước chân đến nhà quyền hào, để tiếng tăm đó đến cùng, tiếp đón giao du, dùng bằng thành thật, không cậy dùng tài, nên các người tương giao đó hoặc là kẻ Sĩ Đại phu, mà dưới đãi cả người trong xóm làng, biết hay không biết thảy đều xưng Hiền với người đó. Nhưng đó chưa đủ để biết Cảm Chi ấy vậy. Phàm, hành đã tự tin, thì Đạo đó chẳng vọng cùng người biện giải. Đến như cùng đạt cũng không vượt đáp tiết nghĩa, đó cũng là Thường đạo của Quân tử ấy vậy. Bởi các hàng lưu tục khinh thường ương bướng chẳng thể giữ đó, nên họ kết quy xinh đẹp ở Cảm Chi ư? Như Nhân nghĩa của Cảm Chi xuất phát từ Thiên tánh đó, đọc sách làm học thức độ sáng xa, luận Lễ nhạc Hình chính xưa nay. Ý chỉ đó đáng chăng, không có gì chẳng phải, khiến đó đắc chí hành ở một ấp một châu, một nước nhà trong thiên hạ, hẳn có thể chính nghĩa, ban ân cho trăm họ, khiến người không oán vọng, đâu chỉ tự tín mà có tận cùng làm Hiền ư? Thuở nhỏ, tôi cùng Cảm Chi biết nhau rất sâu sắc, thường bùi ngùi không sức lực để trải bày đó. Nay Xuân Phục khuyết, lại điều ra làm quan tại kinh đô, mong cũng sắp trở lại Lô Phụ, tiếc đó vì cách biệt xa vời, nhân làm bài thơ để giải bày tư tưởng quyến luyến rằng:

"Cùng ông rong chơi chừ! Tâm tôi thênh thênh
Cùng ông giả biệt chừ! Tâm tôi thêm lo buồn,
Ông cất bước đi chừ! Xuân thủy mênh mông
Trời xanh chín tầng chừ! Mây khuyết thênh thang,
Khí trông hào hoa chừ! Tiếp cánh liệng bay
Hoài đức riêng tới chừ! Ai người cùng dương,

Gạo quý như ngọc chừ! Củi tợ cành Quế
Kinh Quốc chín hưu chừ! Sao làm chỗ giúp
Giang Nam tháng năm (05) chừ! Cỏ Dao bờ dậu
Sớm về lại chừ! Yên tương tư đây".

ĐỀ TỰA THƠ TIỄN CHU CÔNG TẾ

Ngày trước, Tiềm tử tôi ở Tầm Dương, Công Tế thuở nhỏ theo học chỗ bạn tôi là Chu Thúc Trí. Chuyên học mà trầm lắng rõ hiểu, nói năng không phát vọng, chẳng đồng như các bạn học. Tiềm Tử tôi thường nói cùng Thúc Trí rằng: "Tầm Dương núi sông khí tượng thanh thuần, thích nghi un đúc ở người đó. Học trò ở đây, trong các người con của nhà họ Chu, nghi rằng Công Tế được đó vậy. Tôi thấy Công Tế học ở chỗ thành vậy". Đến lúc Tiềm Tử tôi giả biệt Tầm Dương hơn mười năm, quả nhiên nghe Công Tế đổ đạt Tiến Sĩ, sau đó lại nghe do Hiền giám ty Lý Công tiến cử nên được chấp tể tại Kiến Đức, chưa đầy một năm mà khắp đường xá lan truyền làm Hiền lệnh. Mùa thu năm trước nhân có việc đến đất Hàng, mới quyền Tiền Đường, bèn được lui tới trong núi, thấy Công Tế trị dân ít dùng lại thuật, phần nhiều dùng Nhân nghĩa. Thấy việc cung kính mà chuyên cần, hành đã đoan chánh lại liêm khiết, cùng người tương giao lâu mà càng kính, chưa đầy tháng trời mà người ở Hàng châu tự nhiên cùng ngợi ca. Tiềm tử tôi trộm mừng, may mắn ứng nghiệm của lời tôi nói xưa trước vậy. Nhưng ngợi ca Thúc Trí là bậc sĩ có đạo vậy. Bình sanh rất ưa thích dùng nhân nghĩa đến với người kích động giũa mài phong tục đó. Buồn tiếc Thúc Trí đã sớm qua đời, không thấy được sự dựng lập của Công Tế ngày nay. Tuy nhiên, Công Tế đem lại vốn tự được, đâu phải là ngu dốt nhờ ở Thầy Hiền khéo dẫn dắt hỗ trợ đó ư? Gặp Tiềm tử tôi mới đầu lấy truyền Đạo làm chí, chỗ tích chứa chưa tỏ bày. Công Tế lúc bình sanh sức làm do tôi khua động đó. Công Tế vừa thành thật lại chuyên cần, tuy các bậc tài sĩ kháng khái ngày xưa trước cũng chẳng qua đó vậy. Sắp giả biệt, ý mông lung rất cảm mến đó, mới làm bài thơ để tặng Công Tế đi đó. Lời thơ rằng:

"Khí tốt ngùn ngút chừ! Tại như thân của người,
Tôi xưa xem ông vậy! Cao khác chẳng bạn đồng
Nghiệm dấu vết trị vậy! Nay đã tỏa sáng rực
Buồn thầy của ông chừ! Không thấy phong Quân tử.
Sắp phải biệt ly chừ! Ven sông
Rão bước song khuyết chừ! Ngàn dặm

Đế tòa rực rỡ chừ! Cửa ông nghiêm sâu
Gắng tự tiến tới chừ! Chớ để chìm cạn".

ĐỀ TỰA TIỄN ĐƯA BÍ THƯ CHU CẢM CHI TRỞ VỀ PHƯƠNG NAM.

Từ Hàng Châu cách giao đất rộng, ra Giang Nam ụ trạm dừng nghỉ năm sáu ngàn dặm. Chuyến đi bằng đường biển gặp gió thuyền đi được mỗi ngày ngàn dặm, không vậy thì dừng lạc đến đảo khác trải qua cả tháng năm dài, nên người từ phương Nam đến đất Ngô thường lấy đó làm khó khổ. Nay có khách ở Tiền Đường đã thấy hai mùa Xuân vậy, thấy người lại tự phương Nam có phần hiếm ít. Tháng ba năm Canh thìn (1040), có người khách vì Chu Úy (Chu Cảm Chi) đến bảo với tôi rằng: "Úy đến nhận phong người vậy. Ông sao thấy đó ư?" Một sáng sớm tôi đến nhà đó, gặp lúc Úy đi vắng, trở về trong lòng cứ mãi áy náy không yên. Vài ngày sau, quả nhiên Chu Úy dẫn theo tùy tùng hỏi tìm đến nơi tôi ở. Vào Thất cùng trò chuyện việc quê hương rành rẽ trong sáng cả tai mắt. Bình sanh như nói xưa cũ, gắng gỏi mà chẳng thể dừng nghỉ, áo ôm bằng phẳng, thấy đó làm người có Đại thể. Tới chiều tối mới dẫn đi, tôi mới lấy làm lạ đó, nói với người có nhận biết rằng: "Úy dùng văn từ phấn phát lời thề, chẳng phải do Tiến Sĩ được Quan không làm vậy". Thường tứ cử khuất ở Hữu ty mà chẳng biến đổi tâm đó. Đến lúc được đó, cũng chưa từng vì chỗ làm Quan xa so với nhà mà nhường Quân mang. Do vì kinh đô như quê cũ, nghinh đón người thân đó mà đến ở Tiền Đường. Đường xa cả muôn dặm, chẳng vì lộc mỏng bạc chưa lắm có sức làm nhọc, ở Quan quá liêm khiết, tuy nước uống hẳn muốn mua. Phàm, Kẻ sĩ lo lắng không có tiết tháo, chẳng lo lắng không lập. Tạm sáng sớm gặp phải việc phải làm mà chiều tối mất chỗ giữ đó. Gà gáy ngâm nga, cỏ thi thích tạm dung chẳng rãnh, đáng chỗ lợi thì tranh giành, chỗ không lợi thì khước từ, cách làng xóm chưa tới trăm dặm, thì trọn ngày ân hận tỏ vẻ nữ nhi, lại sao mong danh tiếng lớn, vết tích hay rực rỡ soi sáng thiên hạ đến đời sau như Chu Úy ấy ư? Gìn giữ tiết tháo đó, thủy chung chỉ một, cũng chẳng thật khẳng khái Đại trượng phu ư? Tôi nghe các bậc già lão xưa tương truyền rằng: Phương Nam toàn Dương có được người khí khái chân chánh đó, hẳn cứng mạnh trung chánh mà thông minh. Tôi đối với Chu Úy đều là người ở phương Nam vậy, riêng chỉ khiếp nhược mờ tối không một khéo để tự phát tánh thuốc đó, lại chẳng thể kiển nhiên cao tạ cùng vật bàn bạc ở một đời. Thấy Chu Úy như vậy mà chẳng thẹn chỗ sanh đó ư? Nhân vì khởi phát tình quê cũ,

há chẳng phải chỗ Trang Chu gọi là cách người càng xa mà nghĩ tưởng người càng sâu ư?

ĐỀ TỰA TIỄN ĐƯA LÂM DÃ PHU TÚ TÀI TRỞ VỀ TRIỀU DƯƠNG

Ở đời ngợi ca Triều Dương có nhiều Quân tử, mà giòng họ Lâm rất thạnh. Tôi mới đầu gặp thân phụ của Dã Phu làm Điền tào ở Hàng Châu. Trông thấy đó rộng sáng thuần túy sức hành Đạo xưa làm chính, chẳng so le trang sức việc quan lại, mới tin người ngợi ca đó không dối tốt lành vậy. Lại gặp quan Phạm Dương, Lô Nguyên Bá nói về Dã Phu kính trọng thân phụ rằng: "Tiên sanh Tốn là người vừa mới sanh mà biết vậy. Học sáu kinh, tham tầm trăm nhà, thảy đều hay nghiên cứu tận cùng, bao nhiêu Đạo của Thánh nhân, cao vợi tự đắc. Vì cho rằng Dịch là Đạo đủ cả Tam cực, tích chứa của Thánh nhân, riêng bệnh giòng họ Dương Hùng muốn sáng tỏ đó mà cao vời ấy chưa thấu đáo. Nhân trứ thuật Thảo Phạm sắp vì làm Đại minh thủy chung của Dịch Đạo vậy. Lại cho rằng, hưng vương là lễ nhạc làm lớn nên lại trứ thuật sanh lễ nhạc để chỉ bày mới đầu của Đế Vương trị chính. Vốn làm Nho chẳng miệt mài ở giàu sang, mà cao tiết xa vời, tìm phong giáo của Thánh nhân xưa trước". Tôi lại càng tin sự hưng thạnh của giòng họ Lâm ấy, có thật tại vậy. Đến lúc Điền Tào mãn hạng sắp đến dưới khuyết. Mà Nguyên Bá theo phương Nam trở về, Tôi cũng theo hướng Đông đến Cối Kê. Qua hai năm sau, tôi lại đến Hàng Châu. Lại nghe Điền Tào cảm mắc bệnh ở kinh đô, ông có đến ở để tang ba năm, Dã Phu quả nhiên nâng đỡ di cốt về an táng ở quê nhà, đi thuyền theo Ngô giang mà lại. Ngày khác tôi đến viếng điếu đó, Dã Phu, Bá Trọng đều buồn cảm gầy ốm, gần như không giằng nỗi đau buồn đó. Đến lúc hiếu sự đã xong, Dã Phu lại nói cùng tôi rằng: "Ông sao ca để tặng tôi trở về?" Tôi nhân nghĩ suy giòng họ Lâm ở Triều Dương là rất thạnh. Ca làm sao hết được đẹp kinh đó, chẳng như dùng từ mà trải bày đó. Tôi nghe, trời xanh Hiền giả nên dùng thay thơ trời, khiến phụ cùng Đạo của trời đất, đó là Hiền giả nên sống thọ lại hiển bày địa vị có thể vậy. Nhan Uyên chết yểu, Bá Ngưu cảm bệnh, Mạnh Kha trắc trở, Tuân Huống, Dương Hùng lạc chớ ở thời, Giả Nghị, Đổng trọng Thư vài đồng bạn cùng trông mà chẳng may mắn. Không biết vạn vật là trái ý nào ư? Như nhân đức của Điền tào Nam an, trí thức của người em đó, minh đức chưa đến tuổi hai mươi đã đại thí, mà chết đều đủ tuổi. Tuy kẻ Sĩ minh triết nghe đó, ai chẳng lấy làm lầm hoặc ư? Hoặc cho là tuổi thọ của giòng họ Lâm

chẳng ở tự thân đó mà ở con cháu đó ư? Nghe Dã Phu dùng mũi nhọn lóc thịt đùi vế để trị bệnh cho cha, muốn cha lành khỏi bệnh mà trọn không như chí ý. Quân tử cho đó là thuần hiếu vậy! Dã Phu tạm có thể đốc suất Bá Trọng đó giẫm trải Nhân hiếu của Điền Tào, đồng chí học của Tốn Tiên sanh, thì tuổi thọ của giòng họ Lâm đó sắp có ở thuần dốc, thật tỏa sáng càng lớn ở sau. Nguyên Bá cũng là có đạo ấy vậy, đối với Dã Phu làm anh em rễ, tạm cùng đó xây dựng gắng gỏi danh tiết, thì thạnh của giòng họ Lâm tốt đẹp vậy. Đâu chỉ sáng rỡ ở Triều Dương trong ngày nay, mà sẽ tỏa ngời khắp thiên hạ ở đời sau ấy vậy!

ĐỀ TỰA BÀI CA ĐƯA TIỄN SƯ PHẠM TÀI CÁT VỀ THIÊN THAI.

Phàm, làm Phật là tu đạo xuất thế, nhân dùng thanh tịnh tự giữ, chẳng giao tiếp với thế tục. Chẳng phải vì giáo dục đó suy ở đời khuyên ở người, đâu thích nghi cùng ở nơi nhân gian rong ruổi ư? Đại sư Phạm Tài thuở thiếu thời dùng thơ ngâm ca ở chốn Kinh đô, sau về Thiên Thai cùng chuyên cần tu đạo với tôi, mong một sớm mai nghĩ đem Phật sự khuyên các hàng Tiên sanh tiến thân. Năm trước đến ở Hoài Điện, Triết Tây, gặp gỡ các quan khanh Đại phu có tiếng tăm đối với người đều vui theo việc đó, chẳng những đến số trăm. Đó nếu chẳng phải tinh thành dốc chí suy tôn ở nơi chân giáo Diệu đạo của Thánh nhân, thì sao có thể được các hàng Quân tử nhân hiền đông nhiều như vậy ư?

Than ôi! Tôi là người có vào ra nơi cửa nhà người quyền hào, rão bước đến đường thế lợi, đức chẳng đủ để khơi phát niềm tin của người. Nghi ngờ nhưng mà chẳng nói, hủy hoại mà chẳng biện bày, ngâm nga chỉ hang huyệt quỷ quyệt, cùng lấy Phật làm đùa vui. May nhan sắc đó gá nhờ sự thế đó, để tạm lợi của một thân mình, đến chết chẳng đoái hoài giáo đạo là kia nghe Phong của Đại sư, thích nghi gì làm Tâm ư? Tôi lấy làm lớn lao thay! Chỗ làm của Đại sư Phạm Tài Cát, nên có lời ca để tặng đó trở về. Ca rằng:

“Như ông lại chừ! Hiền tuấn cùng nghinh
Như ông về chừ! Thắng sự báo thành
Sắc xuân đẹp chừ! Gió Xuân nhè nhẹ
Nắm áo mây chừ! Rảo bước đi xa
Thiên Thai vút cao chừ! Khí tượng trong lành
Nghi thân thưởng tiện chừ! Thôi bày phù danh,
Kia theo lợi quên Đạo chừ! Thời tình lưu tục.
Đã mất bọn tôi chừ! Sao đủ cùng bình luận!”

ĐỀ TỰA TIỄN ĐƯA PHÁP SƯ CHÂN TRỞ VỀ LÔ SƠN.

Tôi xa rời Tầm Dương năm năm, mà Pháp sư Chân Công từ Lô Sơn đến gặp ở Tiền Đường. Nghe Pháp sư mới đến, vừa mừng vừa kinh sợ, bởi Pháp sư từng chẳng đoái hoài chỗ được của Tể tướng, vén áo vượt hào vào trong núi. Pháp sư thề trọn đời không đặt chân đến cảnh tục, nay vì sao mà lại vậy? Đến lúc cùng trò chuyện, mới biết Đại sư tính làm tháp Phật, chẳng phải vì việc thường mà đổi thay chí nguyện đó. Tôi ở tại Tầm Dương thường cùng Chu Thúc Trí bình luận người vật, cho rằng Đại sư thanh khiết, có thể đem Đạo đó dạy răn người học, Thúc Trí rất lấy trọng lời nói cùng suy, nên cùng tôi kịp đến Quách Thúc Bảo, Bùi Trường Ngôn, vài lần đến nhà đó, đắp đổi làm thơ ca để tán dương đẹp xinh đó. Đại sư cùng vui vẻ cùng đức, nay ra vài ngàn dặm, lại cùng đó gặp vui vẻ gần nửa năm. Tiếp lời nói đó càng văn vẻ, đạo đó càng thân gần, hợp nghĩa dốc thuần, gấp bội trăm lần so với lúc đầu. Đang mùa Thu tháng tám, mà Đại sư do vì mưu tính việc, nhóm tập bảo dẫn dắt thuyền muốn đi. Mọi người ở Hàng Châu kính mộ cúi đầu cầu xin ở lại rất khẩn thiết, cuối cùng Đại sư cũng dẫn đi không đoái hoài. Tôi đi khắp bốn phương, riêng cách biệt Tầm Dương, quyến luyến như nghĩ nhớ nước nhà của cha mẹ mà chẳng thể quên, bởi vì ở đó có Quân tử nhân hiền, dốc thuần thành thật, tin ở giao du, dùng Đạo đức mà cùng thấm đượm. Lại vì sửa Lộ Điện, bên tả đó cao vút hiểm trở, khí tượng đó sâu thẩm âm u, khiến người đến thưởng ngoạn đó có chí cao trong thiên hạ. Nay Đại sư Chân lại trở về vậy, tôi vướng bận việc chẳng được đồng đi, chỉ tư duy cao vời rối ren nơi lồng ngực: Nhân, Đại sư vì ta mà tạ Quân tử Tầm Dương, cùng thấu đạt vinh thúy", nhọc thân hình tôi, tính nghĩ được mất, muôn mối nhọc tâm tôi. Nhân sanh vừa như một giấc mộng, sao dài cùng vật bàn bạc ở đời. Đó nên tham tâm nơi Đạo Phật, lắng gạt Thần minh đó. Đại sư Chân là người dẫn Đạo đó, nên bảo đó đáng đi vậy.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 12

CHÍ - KÝ - MINH - ĐỀ
(gồm 12 bài)

VÕ LÂM SƠN CHÍ

Núi đó phía Tây bắc Di Hàng, đường đó theo hướng Nam bắc bên cạnh hồ mà vào. Từ phía Nam ra cửa phía Tây, theo hướng Xích Sơn, vượt mạch lãnh yên chỉ. Từ phía Bắc ra cửa Tiền Đường, leo lên tảng đá chỗ Tần Vương, neo thuyền qua hai núi Tầm Vọng và Tinh Đình, dần đến núi Đà Hiện, dừng lại rồi theo phía tả đi vào cửa Tùng Viên Công, đến cầu Hành Xuân. Từ cầu đi về phía Tây thông liền đường rẽ phía Nam. Qua cầu Hành Xuân gần hai dặm thì đường của hai phía Nam bắc gặp nhau, thưa thớt có dân ở nghịch lữ, người đi đường có thể dừng nghỉ. Lại theo hướng Tây đi khoảng hai dặm, vào cửa hai chùa cặp cầu Hợp giản. Qua hai cầu Hợp giản và Long Tích, từ đình Tử Vi, Chu Nhai, men khe cửa đá đến đình Lãnh Tuyền, rồi đến chùa Linh Ẩn, có dòng nước trong lắng, bờ đá vây quanh, quái lạ như khắc vót chợt thấy sảng nhiên vậy. Từ cầu Hợp giản theo hướng Nam đến đình Canh Khúc Khủy và có khe lớn Tân di. Từ cửa chùa Thiên Trúc nhìn về phía Tây, núi chướng chập chồng cùng ánh ngời, như không có cùng. Chùa Linh Ẩn từ đầu thời nhà Tấn vốn là Thiền lâm vậy. Chùa Thiên Trúc là nơi giảng pháp ở thời nhà Tùy. Núi đó khởi hợp ra Mục Thấu. Từ Hàng Châu về phía Tây nam là Phú Xuân, về phía Tây bắc khống ngự Dư Hoàng, ngoằn nghèo tràn lan liền vài trăm dặm, đến Võ lâm bèn tỏa rộng như dẫn hai bên bờ vai. Phía Nam dọc đến non Yên Chi, phía Bắc trải đến non Đà Hiện, phía Bắc ngọn núi đó gió nổi lên, gọi là Cao phong, trùm Tháp bay mà bít cả ngọn Linh ẩn ấy vậy. Phía Đông của Cao phong gọi là đảnh núi Bình phong. Lại về phía Đông nữa gọi là Tây phong (thuộc phía tây của Quận), lại về phía đông nữa gọi là đảnh núi

Đà Hiện (Tục gọi Đà Uyển là nói sai lầm vậy). Từ Cao phong về phía Tây gọi là Ô phong, lại về phía Tây nữa gọi là Thạch Duẫn, lại về phía Tây nữa gọi là cửa đá Dương Hải, lại về phía Tây nữa gọi là Tây Nguyên (cũng gọi là Tây Am). Rẽ ra phía phải của Tây nguyên gọi là Thạch Nhân. Phía nam của ngọn núi đó nổi cao mà sùm uất gọi là Bạch Viên, phía tả ra trước của Bạch Viên gọi là Hương Lô. Càng tới trước mà dọc theo khe gọi là Hưng Chánh, phía hữu rẽ ra trước của Bạch Viên mà mây cây rậm rạp, gọi là Nguyệt Quế; phía Đông của Bạch viên là đãnh núi Yên chi; phía Tây của Bạch Viên là Sư Tử. Lại tiếp về phía Tây nữa là Ngũ Phong, lại về phía Tây nữa là Bạch Vân, lại về phía Tây nữa là Ấn Tây. Theo phía Nam của Ấn Tây hướng tới trước chạy quanh co ở trong của Võ Lâm gọi là Vô Ngại, lại tới trước nữa gọi là Thiện Trụ. Cùng với Thiện Trụ mà đặc biệt nổi cao gọi là Kê Lưu (tục gọi là kê lung, tức sai lầm vậy). Phía Tây của Kê Lưu gọi là Liên Hoa, có ngọn núi cao ngất gọi là Ngọc Nữ. Phía Đông của Liên Hoa gọi là đảnh núi Phi Lai, tức Sa-môn Huệ Lý người xứ Tây Vức nói đó là một đảnh núi nhỏ từ núi Linh Thứu ở nước Tây Vức bay lại (Phi Lai) ấy vậy. Xưa kia có nhiều Linh Tiên ẩn ở đó, mới gọi là Bạch Viện mà nghiệm đó. Nam Bình và Thiên Trúc ở phía Bắc ngăn che Linh Ẩn. Đảnh núi đó có Cầu Đá thiên nhiên theo hướng Tây đi qua, bên trong đó có hang động vậy. Động thì có động Long Hoằng là ngắm nhìn về phía Bắc. Phía sau theo hướng Đông đi ra gọi đó là ngầm suốt cảnh lạ tuyệt. Từ Triết Giang xuống quá Võ Lâm, nhưng Nam bắc nối tiếp cao mà nổi, những núi lớn có cả trăm ngọn, phần nhiều không có tên, trong đó chỉ hai mươi bốn ngọn có tên. Cách phía trong thành mười hai dặm, bao quanh cũng như thế. Từ thời nhà Tần nhà Hán mới gọi là Hổ Lâm, vì đó là nơi nương náu của giống Hổ trắng. Đến thời nhà Tấn gọi là Linh Ẩn, tức dùng sự tích bay lại xưa cũ vậy. Đến thời nhà Đường gọi là Võ Lâm, là do trích kỵ Húy vậy, hoặc gọi là Thanh Lâm Nham, Động Tiên ở, cũng là biệt hiệu của Võ Lâm vậy. Nhưng dáng núi đó khéo đẹp, khí tượng thanh thấu, mà các núi khác chẳng sánh kịp với sự hùng tráng nổi trội cao cùng cực, gần như cùng với Hành Lô La Phù khác vậy. Núi đó đến khoảng tháng tám tháng chín, mỗi đêm mưa tạnh trăng tỏ thì trời mưa Quế thật, tướng trạng như hạt ngô đồng. Dòng nước đó chảy về phía Nam thì gọi là Nam giản, chảy về phía Bắc gọi là Bắc giản. Từ cầu Hợp giản đến dấu vết của ngọn núi Bạch Vân phải vượt qua tám cầu, trong đó có bảy cầu đá và một cầu cây gỗ. Bắc giản từ cầu Long tích đến dấu vết của ngọn núi Tây nguyên phải vượt qua bảy cầu, trong đó có bốn

cầu đá và ba cầu cây gỗ. Nguồn Nam giản bên sườn của ngọn núi Bạch Vân theo hướng Đông đổ xuống gặp các khe rẽ khác, vượt qua phía Tây cầu thứ tám lại theo phía Đông đổ xuống, gặp khe Hề Gia chảy vào khe Tân Di, ra cửa ngăn quanh co chảy theo hướng bắc đến cầu Hợp giản. Nguồn Bắc giản từ bụng của ngọn núi Tây nguyên, theo hướng Đông đổ xuống qua cửa Đảo Đằng Vân, cặp cửa Đảo Phong Thọ tràn đến dưới cầu thứ năm, xâm qua dấu vết ngọn núi Phi Lai, chảy quanh lại phía Tây Đảo, sóng sánh động ở tẩy rửa, Đầm chứa nước ở bãi xoáy, đến phía Đông bãi nhỏ (cũng còn gọi là suối Noãn) nước sóng sánh dưới đình Lãnh Tuyền, trải qua khe Hô Viên Thạch môn, ngầm kích đến Phục Long Hoằng, qua dưới cầu Long tích, theo hướng Đông đổ xuống, cùng với Hợp giản. Lại theo hướng Đông đổ vượt qua hai dặm, qua dưới cầu Hành Xuân, ra bến Linh Ẩn vào Hồ Tiền Đường, xưa trước gọi là suối Tiền Nguyên ra núi Võ Lâm tức là đây vậy. Khe suối ở hai phía Nam bắc tuy lắm nhiều, nhưng phần nhiều không tên gọi, song đều nhóm họp ở hai khe suối. Đó đều từ Nam giản mà vào thì gọi là Nam Đảo (Người phương Nam cho rằng Cốc là Đảo, Cốc âm là Dục vậy). Còn đều theo phía Bắc giản mà vào thì gọi là Bắc Đảo. Mà phía Bắc cùng có sáu đảo rẽ, đó là Linh Ẩn, Sào Dương, Bạch Sa, Đại Đồng, Đằng Vân, Tây Nguyên. Ở sáu đảo đó đều là có Tich xá nhà Phật, đó là Tinh xá Linh Ẩn, Bích Tuyền, Pháp An, Tư Nghiêm, Biện Lợi, Vô Trước, Vô Lương thọ, Định Tuệ, Vĩnh An, Di Đà, Cát Tường, Tây An, có cả thảy mười ba Tinh xá (khuyết mất tên một Tịnh xá). Trong đó có mười Tinh xá ở Chi Đảo, còn ba Tinh xá bị hư phế, ba nơi đó là vườn nhà. Phía Nam chánh Đảo cũng có chi Đảo, đều có Tinh xá, đó là Tinh xá Thiên Trúc, Hưng Thánh, Sùng Thọ Giảng Tụ, Khánh Ninh, Vĩnh Thanh, Kim Phật, Đức Trừng, Phước Quang, Thiên Trúc Tùng Tông. Xưa kia Bồ-tát Quán Thế Âm đã ứng hiện ở đây, người cầu xin đều linh ứng, nên gọi là Vĩnh Ninh. Cả thảy gồm mười Tinh xá, trong đó có năm ngôi tại Chi Đảo, còn năm ngôi bị hư phế, ở đó là vườn nhà. Chánh Đảo và các đảo đều có người dân sinh sống xen tạp, nơi hư hủy đó cơ hồ muốn thành thôn dã, nhưng không sườn núi khai khẩn, chẳng chăn nuôi trâu bò dê heo, đất nước chẳng lấm dơ bẩn, con người ở đó không chuyên việc săn bắn, lấy việc hái chè tự làm nghề sống. Nhưng đồng của họ là phong khiết tỉnh thuần thắng thời xưa trước, chưa từng hỗn tạp vậy. Tục đó tại Nam Đảo là tận cùng đến đảnh của ngọn núi Bạch Vân, ở Bắc Đảo là đến Tây nguyên, từ sườn bờ núi phía Tây hướng đến phía Tây giản, phía Nam thông liền với Nam giản. Từ phía Nam núi đó ra, gọi là

Nguyệt Quế, là Phục Tê, là Đan Tĩnh, là Vĩnh Thanh, là Yển Tùng, là Thông Minh, là Ỷ Tích. Nguồn suối như thế có bảy, trong đó: Nguyệt Quế tại chùa Thiên Trúc, Phục Tê tại đảnh ngọn núi Tây Lai, chảy rỉ chẳng thường, còn năm nguồn suối kia đều ở Chi Đảo. Phía Bắc của nguồn đó ra gọi là Lĩnh tuyền, là Thao Quang, là Bạch Sa, là Thạch Duẫn, là Bạch Công, Trà Tĩnh, là Vô Trước Yển Tùng, là Vĩnh An Bắc Nguyên, là Di Đà Tây Nguyên, là Đằng Vân Thượng Nguyên Tây Am. Nguồn suối ấy gồm có chín, trong đó chỉ có Lãnh Tuyền là ở ven giản, còn tám nguồn kia đều ở tại chi đảo ở phía Nam. Di tích của người xưa ở đó, như là Cát Đảo của Cát Huyện (Chánh tự lánh hủy triều) thời nhà Ngô; Chu Tĩnh của Cát Hồng thời nhà Tấn; Đài Phiên kinh của Tạ Linh Vận thời Tiền Tống, Tháp cốt Phật do Chân Quán nêu dựng ở thời nhà Tùy, Thảo đường Đầu Đà Đạo Tiêu thời Tiền Đường. Ở tại Bắc đảo, có nhà của chín vị sư lục lệ thời nhà Hán, Cửu Đá Phục Hổ của Cát Hồng thời nhà Tấn, Tư Chân Đường của Hứa Mthời nhà Tấn, Yếu Tịch Nham của Huệ Lý thời nhà Tấn, Đình Tạ Khánh của Đỗ Sư thời nhà Tấn, Đài Phạn Viên của Trí Nhất thời Tiền Tống, khe suối Hồ Viên, tượng đá của vua Giản Văn Đế thời nhà Lương, giếng nấu trà của Bạch Cư Dị thời tiền Đường, Đình Viên Quân của Viên Nhân Kính thời tiền Đường. Ở hai đảo có cả thảy mười sáu Sự tích, từ xưa đến nay tương truyền, tuy tên gọi còn mà sự tích đã dần mất, không thể căn cứ mà ghi chép đầy đủ. Núi đó không có cầm thú quái dữ, chỉ có cây gỗ Sào cấu là cây rất lâu xưa. Tùng Quân dược vật quả qua đều như các núi khác, chỉ có chè ngon, cùng như ở Linh Sơn nơi sanh loại cây Tỳ Bà, Hoa quế, tỏa phát hương thơm kỳ lạ vậy.

DU NAM BÌNH KÝ.

Do từ bờ sườn núi leo lên trăm bộ, theo hướng Đông thì đi đến đình Tễ Vân, theo hướng Tây thì đi đến ủ lũ, qua cửa đá nhỏ đến đình Tích Thúy. Từ đình Tể Vân càng về hướng Đông đến động U Cư, phía Đông của động thì rừng sâu cỏ tốt. Từ đình Tích Thúy càng về hướng Tây thì vào khoảng rừng trúc, che râm rậm rạp, gần như không thể tính kể; có tòa đá trải bao quanh, bên trong có thể hàm trượng. Từ đình Tích Thúy về hướng Đông quanh co mà lên đến đình Phát U, thấy thành quách Tiền Đường như nhìn ở lòng bàn tay. Rời đình Phát U mà theo hướng Đông đến đình Bạch Vân. Từ đình Bạch Vân về hướng Đông, chi phần khuyết tất, chỗ đến đều vào rừng trúc tươi tốt, không biết đến tận cùng đó vậy. Từ đình Phát U lại quanh co mà lên, sườn bờ La mạn lục giẫm

vượt hiểm nguy lên đến trên đảnh của núi, mỗi lúc trông nhìn khắp bốn phía đều thông thoáng vậy. Ngô giang, Việt Trụ nghiễm nhiên tại trong tròng mắt. Núi đó khống ngự phía Tây thành Phụng Hoàng, lệch theo hướng Nam chạy lên trên Hồ. Cao thấy Linh Thứu mà cúi tiếp Tư Sơn. Đại ước từ bờ sườn lên đến đảnh, nham thạch đều kỳ lạ, hình trạng quái ngụy trong đời không có, như người vật bay chạy, nhảy vọt luôn luôn đến tận mây khí, rầm rầm tương giao ngăn bít ánh sáng, thật như là thần Quỷ giao linh, ngàn biến muôn hóa lóa tâm mắt người. Hoặc nghe nói núi đó mới đầu vất bỏ cỏ hang tươi tốt, tuy Tiều Tô Thụ Tử cũng chẳng chịu đoái hoài, ùn đống đấp đồi còn sợ còn sợ chẳng được cùng đó so sánh. Một ngày nọ, có người khéo giỏi việc biết được, mở mang khai phát đó. Người ở Hàng Châu đến trông thấy, không ai chẳng kinh ngạc quái lạ, cho là trời sụp đất nổi, đều hận do vì được đó quá muộn. Mọi người vân du tham quan từ đó suy cao, núi đó tuy tầng Hồ ngàn, hang muôn hóc chẳng ra bên hữu đó. Đến như kinh ấp tiếng tăm, mà Hiền sĩ Đại phu đều vui thích đến đó. Nên người có lại Giang Đông mà không đến núi Nam Bình thì không thể được. Tôi nhân nghĩ thiên hạ khắp bốn phương, những bậc Sĩ có đạo, mờ mịt ở đời cùng hàng thế tục nổi chìm, đầu tiên đến Nam Bình cũng lắm nhiều vậy. Kia những người có đạo hẳn ôm ấp tài đức kỳ dị cao vợi khác loại khiến gặp biết chính mình dẫn dắt mà khua động đó, nhờ đó giúp cùng đạo của Thánh nhân mà hình nghi nhân luân cũng chẳng lớn lao ư? Khả quan cùng với núi đá du vật, lại không thể đồng trong một ngày mà nói vậy. Tôi ham thích núi nước rất lắm vậy. Mới đầu đến thấy núi Nam Bình, vừa mừng cho rằng: Một lần đi không lấy làm nhàn chán tâm tôi, chẳng như nương náu nơi nơi rừng chầm, thường vân du đến cảnh đó. Nên năm nay vui đến dừng nghỉ lại ở đây, mỗi ngày hẳn sách trương riêng đến, đến nơi sâu thẩm đó, tư lự dung lên, chí của thiên hạ thông; đến nơi rỗng thoáng ấy, tư lự vượt lên, việc của thiên hạ vượt thấy; đến nơi nói cùng cực sâu mà lắng ấy, xung thoáng ngưng lắng, thần cùng đạo hợp, cưỡi hạo khí gội thanh phong, đào thải đó, hớp nhấm đó, như ở mới đầu của muôn vật. Do vậy tôi ghi lại lời chí đó, để chỉ bày tương lai những người có mến mộ như tôi mà vân du đến đó vậy!

GIẢI THÍCH TÊN ĐỘC TÚ THẠCH.

Tôi đã gọi là Độc Tú Thạch, còn Chương Biểu Dân cho rằng tên đó chưa xác đáng, lại dùng thơ để bình giải đó mà đổi là Độc Quái Thạch. Chương Biểu Dân khéo giỏi văn, dùng nghĩ đó hẳn là xa, nhưng

nghĩa Độc Tú của tôi cũng chưa từng nói với người. Nhận được luận đó, chỗ thế tục gọi là Quái, hẳn vì đó quái dị các thứ hình trạng cũng như người vật cầm thú ấy vậy, nên làm thế. Như vậy thì đá ở Bình Sơn đầy hang tràn hóc, không gì chẳng như người vật cầm thú ấy vậy. Đâu riêng một tảng đá mà gọi đó là Quái ư? Phàm, Độc Tú Thạch có nhô trội và mũi nhọn sừng sững riêng đứng ở phía Đông nam của núi, đoan trang chẳng cùng các đá khác vây quanh phụ, rất tợ như Nhân sĩ đoan chánh ôm đạo tự xử, chẳng vì sự thế làm bạn đảng. Phàm là vật bẩm thọ tú khí mà sanh thành, chỗ dựng lập đó hẳn cao vượt ngoại, đồng loại ấy. Chỗ tôi nói là Độc Tú Thạch là ý nó nung đúc từ Tú khí mà có thể dựng lập chẳng cùng đồng loại đó phụ hòa sáng lệ. Cốt yếu Thi nhân ca ngợi để phô bày đó, bởi muốn có chỗ cảnh tỉnh vậy. Nếu dùng Quái Thạch mà gọi tên đó, thì mọi người kia có thể nói đó, nào đợi không đầy đặn mà gọi đó ư? Không thôi, tôi xin theo ở Độc Tú Thạch.

BÀI KÝ ĐẠI TẠNG CHUYỂN LUÂN Ở THIỀN VIỆN SÙNG THỌ TẠI VÔ VI QUÂN.

Đại tạng Chuyển Luân ở Tinh xá Sùng Thọ hình thành, nhân lời chúc của Sa-môn Nguyệt ở chùa Thiên Trúc nên vì ghi chép đó. Căn cứ thư đó nói: "Viện Sùng Thọ tịch thuộc Vô Vi Quân, là nơi cao ráo của trong thành. Xưa trước; Sa-môn nghĩa Hoài ở đó giảng nói pháp, nhóm tụ đồ chúng mến mộ đó. Đồ chúng đã đông lại thạnh, mà kinh giáo khuyết thiếu, khó khổ họ không chỗ đọc xem. Cho nên có Trương Củng Thanh Hà cảm đó, vội vàng cùng đốc suất người trong Ấp xuất tiền của thuê mướn thợ, tính lường biên tả Tam tạng giáo điển của Phật giảng thuyết xưa trước. Mà Sa-môn Nghĩa Hoài vì sứ mạng khác đã qua lại bảo Sa-môn Tịnh Nhân hiện nay đến kế tiếp đó, và Trương Củng càng cùng chúng Tăng trong viện đó nói là: "Từ nguyện,... chung sức hẳn thành việc đó". Thế mà là Sa-môn Tịnh Nhân lại bảo Sa-môn Xử Nhân... tìm thuê thợ làm Đại tạng Chuyển Luân để tôn trí kinh đó. Nhưng Tạng phải có Điện thờ, dùng các phòng thất để bao quanh Điện, gồm tất cả bấy nhiêu gian. Bên trong tôn trí tượng Phật và pháp khí, vàng ngọc chiếu sáng đều nghiễm nhiên khả quan. Tiền sử dụng đó hết bảy trăm vạn. Phàm Đại tạng Chuyển Luân, chẳng phải chế độ của Phật, mới do Di nhân Đại sĩ Truyền Hấp ở thời nhà Lương thực hành đó, thật là lấy nghĩa của chuyển Pháp luân vậy. Ý đó muốn người đều dự ở Pháp. Pháp ấy là Đại bản của sanh linh, là Diệu đạo của chư Phật. Chư Phật do đó mà Đại minh, quần sanh vì đó mà đại muội. Thánh Hiền là

suy sáng ở chính mình mà chánh sự mờ tối của người, nên lấy dụ của Tam tạng để dụ ở đây vậy. Chỗ kết quy của Ngũ thừa là kết quy ở đây vậy. Nhưng lý đó sâu mầu, nghĩa đó rộng lớn, gần như chẳng phải mọi người khái nhiên mà liền được, nên càng tàng đó mà chuyển đó, hãy khiến hỗ trợ luân mà chuyển tạng, muốn gồm cả chúng đó đều được, dần nhiễm Phật pháp mà dự thắng duyên đó, thì đối với Đạo đó ngõ hầu ư? Đó cũng là một mối của chí nhân nhiếp hóa quần sanh vậy. Ý đó xa mà lớn vậy. Nay Sa-môn Tịnh Nhân theo mà thành công hiệu đó. Điểm còn đó há chẳng thấu đáo ư? Có thể biên ghi vậy.

Ngày mồng mười tháng sáu năm Chí Hòa thứ ba (1056) thời Bắc Tống. Kinh Ký.

BÀI KÝ CÁC THIÊN PHẬT Ở THIỀN VIỆN SÙNG PHƯỚC TẠI CHƯƠNG CHÂU.

Lễ bộ Thái thường Thôi sai sứ tự thông chạy đến Hàng Châu gởi thư cho tôi nói rằng: “Các ở Sùng Phước đã hoàn thành. Kính mộ Trọng Linh nên ghi chí đó”. Mới đầu, tôi không dám làm đó, từ từ suy nghĩ: “Thái Thường Thôi là Đại phu Công danh, từng vì ta giúp trang trải “Sách Phụ giáo” ở Kinh đô, đối với ta rất là cao nghĩa. Nay lại đem Thắng sự khác phó thác cho ta, ta đâu nên trái ngược đó ư?” Bèn dẫn việc đó mà biên ghi rằng:

Sùng Phước là ngôi Tinh xá lớn ở phía Nam Chương Châu, tăng chúng thường có năm trăm vị nhóm tụ chung sống thư thái vậy, tôn sùng Đại Tỳ-kheo Hiển Vi làm trưởng lão. Sa-môn Hiển Vi thống nhiếp ở đó vừa mới năm năm, mà phòng nhà lớn nhỏ thảy đều chỉnh sửa hoàn bị. Mới đầu tại phía Đông chỗ ở đó có đất bị hỏm, Sa-môn Hiển Vi với ý cho đó là hình thắng có thể dựng xây Các thờ Phật, mới dẫn Vương Văn Ác cùng mưu tính đó. Mới đầu chẳng biết làm sao, có người khách lại nói rằng: “Nay trong núi nước đang tràn đầy, các thứ gỗ tốt tích chứa từ lâu đều nổi ra ven sông, đó đủ để làm thành ấy vậy”. Sa-môn Hiển Vi lấy làm cảm hội, bèn xuất hết tiền của chùa được hơn trăm vạn. Vương Văn Ác lại cúng thí hỗ trợ hai mươi lăm vạn, kẻ Tăng người tục trong châu đó không dưới ba mươi vị, mỗi mỗi cùng hổ trợ khuyên các người lạc thiện trong xóm làng xuất của cải, hợp lại khắc chạm tôn tượng ngàn Đức Phật ở Hiền kiếp, năm trăm vị Ứng chân, và họa vẽ Tôn tượng năm trăm vị Ứng chân. Bắt đầu từ tháng mười một năm Giáp ngọ (1054) thuộc niên hiệu Chí Hòa (1054-1056) thời Bắc Tống, sai các thợ thổ mộc cấp bách lo làm không ngày tạm nghỉ. Qua đến mùa Thu năm

sau thì Các đó hoàn thành, cao vợi chín tầng, lấn vượt giữa hư không, cầu bay nguy nga, đình nổi bên cạnh. Các tôn tượng họa vẽ đều đã hoàn thành, bèn nghinh thỉnh mà tôn trí vào bên trong. Tôn tượng Đức Phật Thích-ca, Di-lặc, Dược Sư thì tôn trí chính giữa; tôn tượng ngàn đức Như Lai tôn trí trước sau và hai bên. Phía dưới Các cũng dùng Tôn tượng Đức Phật Thích-ca, Bồ-tát Văn Thù, Phổ Hiền, các Thánh mà tôn trí bên trong. Tôn tượng năm trăm vị Ứng Chân và mười sáu vị Đại Thanh văn thì tôn trí ở bốn phía.

Khoảng đầu niên hiệu Gia Hựu (1056) thời Bắc Tống, có Dương Sức người ở Long Nham đến phía Nam của Các đó làm Đại A-la-hán, men theo hiên vũ phòng thất bao quanh đó đầy đủ các pháp sự, nhưng quy mô đó rất tráng lệ. Người Mân lấy làm kỳ vĩ đó, cho rằng "Các đó bao trùm cả lầu quán của người Mân chúng tôi vậy". Như ngàn Đức Như Lai trong Hiền kiếp là cùng với Đức Phật Thích-ca Văn trước sau đồng xuất hiện tại đời nhân gian vậy, cùng với trời đất quần linh vạn hữu mà làm thắng duyên rộng lớn ấy vậy. Nhưng Thánh nhân duỗi tượng cùng với đời sau trong thiên hạ, hẳn muốn người trời đó quán tượng để tánh ở không tượng, tiếp đến là muốn họ trông thấy tượng để phát thiện tâm đó, và tiếp nữa là muốn họ chiêm ngưỡng tượng để trị thắng duyên đó. Tánh ở không tượng gần thấu đạt vậy, phát khởi thiện tâm là do ảnh hưởng đạo vậy, và dự Thắng duyên là dân lớn thiện vậy. Ba điều đó tuy ở công có chút ít sai khác, đến lúc họ sẽ đến đời sau thành đức thì chỉ một vậy.

Thư của Thôi Công nói: "Sa-môn Hiển vi là người cao hạnh, hay cùng người làm việc ưu thắng, mọi người đều vui mà theo đó, được kỳ đặc làm Các thờ Phật đó, ý vừa hợp với chỗ gọi là Thánh nhân duỗi giáo vậy", thì điều ngợi khen của giòng họ Thôi ứng nghiệm vậy. Người ở phương Nam nên biết Tâm đó không có nghĩa là Sa-môn Hiển Vi không việc thổ mộc mà khéo xa thế tục vậy. Kia những người vận mặc phương bào ở đời sau có chỗ tạo dựng, cũng nên xem Pháp ở Sa-môn Hiển Vi vậy.

Ngày ba mươi tháng bảy năm Kỷ hợi (1059), tức năm Gia Hựu thứ tư thời Bắc Tống. Sơn xá Vĩnh An thuộc chùa Linh Ẩn, kính ghi.

BÀI MINH SONG CÁC Ở LẶC ĐÀM. (và lời tựa)

Đại Trưởng lão Hiểu Nguyệt, tự Công Hối thống lãnh Thiền giả ở Lặc Đàm suốt mười lăm năm. Đạo đó đã truyền, lại muốn tu sửa Tinh lô, có đệ tử là Cư Tấn bèn đem ý của thầy mà khuyên người trong làng

xóm san sẻ vàng để cúng thí xây dựng Các ở bên tả của sân chùa, chùa cũng xuất tiền của để hỗ trợ đó. Lại khuyên lương phụ của giòng họ Lã nói là "giòng họ Hồ và giòng họ Trâu cúng thí mười vạn Tiền để xây dựng Các tại bên hữu của sân chùa". Bên hữu thiết trí tôn tượng Phật Di Lặc, bên tả đặt chuông của giòng họ Phù. Lại có cối xay mật thạch làm vọt đường phía trước các dài hơn mười trượng, phí dây tiền hơn năm mươi vạn.

Đến tháng hai năm Canh tý (1060) thuộc niên hiệu Gia Hựu (1056-1064) thời Bắc Tống thì hoàn tất, việc trang họa đó lạc thành. Cư Tấn mới nhân thầy đó mang thư đến cầu nhờ tôi làm bài văn chí đó. Nhưng tôi cùng với Công Hối nhã tố cùng đức sâu dày tốt lành, mà tâm của Công Hối làm Các, tôi biết đó vậy. Ý của Công Hối là ở đạo chứ chẳng phải ở Các. Các là ngụ ý đó vậy. Phàm, vào đạo, không gì trước sự thấy nghe. Nay làm tượng ở Các đó là để chánh chỗ thấy của người, làm chuông ở Các đó là phát chỗ nghe của người, muốn họ ngay thấy mà minh diệu, ngay nghe mà chóng giác. Tức chẳng tại ngôn ngữ, chẳng nhờ văn tự mà đột nhiên riêng được, cùng với tông hoằng truyền ngoài giáo tôi hợp vậy. Tâm của Công Hối hẳn là như thế, nếu không vậy thì Công Hối đâu phải nhọc việc thổ mộc đó vậy.

Lặc Đàm là nơi chốn núi sông thanh thắng, là nơi chốn Di tích của các Đại Thiền đức Đạo Nhất và Mã Tổ. Đạo của Nhất Công là giáo của nhà Phật làm Đại chí, Công Hối ở đó là có là có chỗ làm, lại hay lợi ích suy đạo đến người, đó đối với Nhất Công mới bắt đầu có chỗ khua động vậy, mà cùng các Sĩ Phu cúng thí làm phước làm thắng lợi, há có thể lường được ư? Tốt lành thay! Công Hối, lại nhàn thông sách trị thế Thánh nhân, thức đó tinh thông, đối với các thiền giả ngày nay rất là hiền hào, nên vì Các đó, mà làm bài minh rằng:

"Chỉ Các chuông ngân, chỉ Các tượng nghiêm
Tượng chánh thấy đó, chuông phát nghe đó
Chỉ thấy chỉ nghe, mới chánh tánh đó
Chớ bảo Đạo xa, chỉ nháy mắt đó
Chớ bảo nghe xa, tại khua động đó
Chỉ Các chỉ cây, tôi có chỗ ngụ
Chỉ chuông chỉ tượng là Thần giúp đó
Tìm người học đó, nên biết thầy đó
Cẩn trọng thấy nghe, chớ bảo nhọc làm".

BÀI MINH THANH HIÊN. (và lời tựa).

Cao thức Thượng nhân mở mang hiên vũ phía Nam Tinh xá, được hết cảnh đẹp của núi sông mà sáng sủa đáng vui mắt. Võ Công Tô Tử lấy làm đẹp xinh đó mới đặt tên là “Thanh Hiên”. Về sau, các bậc Hiền sĩ đại phu phần nhiều đến đó thưởng ngoạn mà đề thi phú ngâm vịnh. Thượng nhân mới đem ý đó bảo Tiềm tử tôi làm bài minh đó. Đã không thể từ chối, tôi mới nói cùng Thượng nhân rằng: Trời đất muôn vật không gì bằng chẳng có đục trong. Khí tượng đó đều có thể cảm người mà làm chánh làm loạn. Phàm trong của trời đất đó cảm người ấy cung kính. Trong của Thánh nhân đó cảm người ấy trang nghiêm. Trong của thời thế đó cảm người tu chỉnh, trong của núi sông đó cảm người ấy tỉnh sớm. Trong của Trời đất và thời thế là hóa công. Tôi không được mà phỏng bàn nghị. Phàm, trong của Thánh Hiền sông núi đó có thể suy đó để làm lợi ích cho đời vậy. Vừa rồi, Thượng nhân mở rộng Hiên đó, hội tụ các Tĩnh của núi, cái trong của nước đó để đãi người đến tưởng thưởng, làm tâm họ mở mà thần họ sáng, tư lự chẳng lại quá tệ, đó cũng là lợi ích cho người lắm nhiều vậy. Hoặc có mở sáng Tâm thần đó mà trở lại Thái thanh chí tĩnh, thì ý làm Hiên đó càng được vậy. Tiềm tử tôi nhân vậy mà làm bài minh đó rằng:

“Trời đất muôn tượng, có đục có trong
Chỉ trong cảm người, người đó chánh vậy
Chỉ đục cảm người, người đó loạn vậy
Chỉ trong chỉ chánh, mới tốt Đức đó
Chỉ đục chỉ loạn, mới đượm ác đó
Xét thay! Quân tử, chọn chỗ vừa thời
Răn thay! Quân tử, thận trọng lúc vui
Hiền đó chỉ sáng, cảnh đó chỉ trong
Có núi cao vời, có thể dứt tình
Có nước lắng trong, có thể ẩn hiện
Đã sạch mới chí, đã trong mới Thần
Chỉ trong chỉ sạch, mới làm rất tiện
Chớ hẹp ở Hiên, đó là vui thưởng
Chớ bảo vật ngoài, đó là Thần giúp
Chỉ trong (= Thanh) chỉ Hiên, chỉ chỗ mượn Đạo
Khắc cần là ý, Thượng nhân kia vậy”.

(Nguyên trong Tập không ghi tên, khả như vậy. Nay đây nói là Cao thức tức là ngụ ý vậy).

BÀI MINH NAM HIÊN. (và lời tựa)

Nam Hiên ở tại hướng chánh Bắc của núi Nam Bình, núi đó cùng cánh chẳng tới vài trăm bộ. Tựa Hiên đó để trông xem cỏ cây muôn vật, không một mảy may ẩn khuất. Mưa tạnh núi sáng trong sạch, phát màu xanh biếc soi tận gối chiếu. Lúc mùa Hạ thì cảnh gió vụt vụt chẳng vẫy mà tự lại, lúc mùa Đông thì ôm cả vầng Thái dương sáng rỡ vẫn lạnh buốt. Khách có quấn quanh ngoài ra nhàn tản không chỗ dùng ở đời, được trọn ngày cúi ngưỡng nơi khoảng không gian ấy, luôn luôn khăn áo. Hiên rỗng thông, thần khí hạo nhiên, như ngoài trời đất mà riêng lập. Phàm, những bậc Đạt Quán xưa trước không ai chẳng quý được chỗ tiện việc, tạm có thể để chánh tự lự, khiến tốt xấu hối hận chẳng hại đối với Đạo. Tuy tranh cỏ thềm đất mà lấy làm hẹp hòi. Đào Uyên Minh nói: "Tiêu ngạo dưới Đông hiên, hãy lại qua đây sống". Đó chẳng phải được chỗ tiện ư? Tại Nam Hiên, tôi ở nơi gian sau của nhà khách, Sa-môn Oai chẳng cho là Ngu Quán ở đó, gặp việc muốn dẫn đi, nghĩ Nam Hiên nhờ đó toàn ngu tợ được chỗ tiện. Tuy chủ nhân lấy việc sai sử đó, còn tạm rão mạng, huống nhục dùng đức, nghĩa mà tiếp đó, đâu có thể dùng Nam Hiên khinh lìa? Với Bài minh rằng:

"Nhìn Nam Hiên ấy sao nép ngưỡng rụt rè
Ta phát kia đẹp,
Kia vừa ta ngu
Ta và Nam Hiên cùng phải".

BÀI MINH CHIẾC NGHIÊN CŨ. (và lời tựa)

Lúc tôi còn ở quê nhà, có Đạo sĩ Mã Tri Chương là bạn nay đã qua đời làm tặng tôi chiếc nghiên Đoan khê. Đến lúc tôi vân du khắp bốn phương, chiếc nghiên ấy cũng cùng theo đi, tới nay đã mười bốn năm vậy. Mã Tri Chương không may qua đời sớm. Than ôi! Mã Tri Chương làm người có Tín nghĩa, ham thích học vấn sáng sạch, chuyên giữ chí tiết cao, chưa toại chí đó mà trời đoạt mất mạng sống. Trông nhìn chiếc nghiên, luôn luôn tưởng thấy người đó, nên gìn giữ nó mà chưa từng tạm bỏ. Lúc này đang là tháng Chạp năm Khang Định thứ nhất (1040) thời Bắc Tống, vì làm bài minh rằng:

"Như người đã mất, Đạo giao đã vậy
Vàng đá mà Tâm, nhìn đây báu đây."

ĐỀ Ở VÁCH TƯỜNG ĐÌNH HÀ HƯƠNG CỦA THUYÊN THƯỢNG NHÂN TẠI TÂY HỒ, TIỀN ĐƯỜNG.

Khí tượng ở Tây Hồ chẳng như những nơi khác, sáng sớm ánh ngời, chiều tối mờ mịt, ảm đạm trong ánh, không lúc nào chẳng tốt đẹp. Núi che lầu các, vàng biếc giao díp mắt, Hoa sen tranh gió, thoảng hương thơm khắp bốn phương, đầm ấm chợt lóa mắt như cảnh khác. Nhưng bởi tâm người trong đục cảm vật mới vậy. Mà người làm Đạo sao được chẳng chọn chỗ ở đó? Thuyên Thượng nhân tụng kinh ngâm thơ, tập thảo Thánh thư, mở mang đình Hà Hương, nhờ Cảnh Hồ mà giúp thanh tâm, hướng mến mộ đạo có thể thấy vậy.

Ngày hai mươi lăm tháng Chạp năm Kỷ Dậu (1069) thuộc niên hiệu Hy Ninh (1068-1078) thời Bắc Tống. Tiềm tử tôi kính đề.

BIA VĂN TRUNG TỬ.

Phàm, thiện của thiên hạ còn ở đạo của Thánh nhân, Lý của thiên hạ là còn ở tài của Thánh nhân. Có tài đó mà không có đạo đó thì giáo không kịp hóa vậy. Có đạo đó mà không có tài đó thì hóa không kịp giáo vậy. Nghiêu Thuấn được đạo của Thánh nhân ấy vậy. Võ Thang Văn Võ Chu Công được tài của Thánh nhân ấy vậy. Nên nói: "Phu tử Hiền vượt xa so với Nghiêu Thuấn vậy". Trọng Ni qua đời hơn trăm năm mà có Mạnh Kha làm, tuy chẳng kịp Trọng Ni mà mở đầu ở Trọng Ni ấy vậy. Mạnh Kha qua đời mà có Tuân Khanh Tử làm. Tuân Khanh Tử qua đời mà có Dương Tử Vân tiếp nối đó. Tuân Khanh Tử và Dương Tử Vân tán thán đối với Trọng Ni ấy vậy. Giáo chuyên mà đạo chẳng nhất, Mạnh Kha làm kế tiếp đó. Cách sau Trọng Ni hơn ngàn năm mà sanh ở thời nhà Trần nhà Tùy, hiệu là Văn Trung Tử, mới đầu đem mười hai sách tham thời chủ chí, thấy chẳng thể cùng làm, mới muốn ôm mà nghĩ nhớ đó. Trở về phần bắc khua động lớn giáo đó, một tiếng sấm mà bốn biển tầm theo tiếng đó. Có cả ba ngàn học trò tìm lại, mất mát đối với Trọng Ni ấy vậy. Bấy giờ thiên hạ mất Đạo, chư hầu Khanh Đại phu chẳng thể tu đó. Riêng Văn Trung Tử khởi động đốc suất dùng lễ để chuyên chánh người cứu vật, thường nói: "Thiên hạ có Đạo của Thánh nhân ẩn tàng vậy, thiên hạ không Đạo Thánh nhân hiển bày vậy". Trái ngược một không vết tích, tầm thường chẳng ẩn tàng ư? Nhân hai để cứu tế, có thể không hiển bày ư? Xưa kia chính của hai Đế ba Vương chánh mà chưa ghi nhớ, chính của chư hầu ngũ bá mất mà chưa biện rành. Trọng Ni dùng văn làm sáu kinh đầy đủ để giáo hóa ở đời sau vậy. Sau hai triều đại nhà Hán có thiên hạ, xen tạp dùng Vương Bá để trị, đến lúc

chánh của chính đó ngõ hầu vậy. Thời nhà Ngụy Tam Quốc cho đến thời Nam Bắc Triều rối ren mà nhân đạo mất đến tận cùng. Người đã giao không thể truy tìm, người mới lại còn có thể phỏng nào. Đạo của Tiên Vương tốt tươi gần tỏa sáng nơi đất, Văn Trung Tử âu lo đời sau không pháp, nên lại nói: "Ngàn năm trở xuống có trị nghiệp của Trọng Ni, tôi không được mà nhường đó vậy". Nên gom nhặt chính của thời nhà Hán nhà Ngụy và của Lục Đại, văn đó làm kinh tiếp tục rộng giáo hóa ở đời sau vậy. Chẳng phải có Đạo của Thánh nhân, tài của Thánh nhân mà ai có thể cùng như vậy ư? Đối với Trọng Ni của Văn Trung Tử, như Nhật mà Nguyệt ấy vậy, thời tiền Đường hưng phát được.

Hàng đệ tử đó phát huy kinh của Văn Trung Tử để trị thiên hạ, thiên hạ bèn thấu đạt ở chánh, Lễ nhạc chế độ đốt sáng, suốt bốn trăm năm sánh như hưng thạnh ở thời Tam Đại. Ôi! Trọng Ni đã qua đi mấy trăm năm, giáo đó mắc họa ở thời nhà Tần, các đệ tử thực hành giáo đó mà làm Quan sĩ chẳng qua chỉ làm Bồi thần ở các nước. Đệ tử của Văn Trung Tử làm Thiên tử, Thừa tướng, giáo đó truyền bá mãi đến ngày nay, sao thạnh đó thay! Chỉ bày cao xa đến như thế vậy. Trời ấy dùng đức của Trọng Ni gá ở Văn Trung Tử ư? Tôi không được mà biết đó. Đọc thế gia của Vương thị, mừng thích chỗ được của Văn Trung, lớn vậy thay! Nên ghi lời bia rằng:

"Sau sáu kinh chừ! Trị đạo chẳng tinh
Đại luân rối ren chừ! Quyền quất hưng hành
Văn trọng làm vậy
Sóng đổ lắng trong
Sáu kinh tiếp tục vậy
Thiên hạ hóa thành
Khổng Tử như ngày sống
Văn Trung sáng cả hai
Rộng xa cả muôn đời
Chẳng đâu cùng kinh".

KHÚC KÝ HẠNH NGHIỆP CỦA CỐ ĐẠI PHÁP SƯ TỪ VÂN-VÕ CÔNG Ở CHÙA THIÊN TRÚC TẠI VÕ LÂM-HÀNG CHÂU.

Pháp sư húy Tuân Thức, tự là Tri Bạch, vốn người giòng họ Diệp ở Ninh Hải, Quận Lâm Hải. Mới đầu, thân mẫu là Vương Ảo khất cầu linh nơi Quán Thế Âm xin sanh một con trai. Một đêm nọ mộng thấy trong phòng nhà đó sáng sạch, có bé gái xinh đem minh châu trao cho, bèn nuốt mất. Đến lúc sanh Pháp sư vừa mới bảy tháng đã hay theo

mẹ xưng niệm Quán Thế Âm. Lúc vừa ơi trưởng thành, chẳng vui cùng người anh làm nghề buôn bán, bèn trốn ngầm tìm đến núi Đồng Dịch nơi Sa-môn Nghĩa Toàn cầu xin xuất gia. Đêm trước đó, Sa-môn Nghĩa Toàn mộng thấy có một Đồng tử đến ở bên tả tôn tượng Phật chùa ấy. Ngày hôm sau, thì Pháp sư đến, tức mộng ấy vừa nghiệm vậy.

Năm mười tám tuổi, Sư xuống tóc, năm hai mươi tuổi thọ giới cụ túc tại chùa Thiền Lâm. Năm sau, Sư tập học luật tạng ở Luật sư Thủ Sơ. Đang lúc Quận hiệu của Đài mới hưng thạnh, các tiên sanh cho rằng pháp sư là người tài tuấn sáng suốt, thường dùng thơ muốn pháp sư theo Nho nghiệp, pháp sư bèn phú vịnh mà đáp đó. Thơ đó đại khái là: "Chân không là Tuyển trường, Đại giác làm Quan vị". Thế rồi, vào chùa Quốc Thạnh, đến trước tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền, pháp sư đốt ngón tay thề nguyền học theo giáo pháp Thiên thai. Từ Cổ Tráp, pháp sư tìm đến nơi giảng tịch của Đại sư Nghĩa Thông ở Bảo Vân, giữa đường mộng thấy một Lão Tăng tự xưng "Tôi là Văn Thù Hòa thượng" vậy. Đến lúc gặp Đại sư Nghĩa Thông thì thật đúng là vị tăng đã gặp trong mộng, Pháp sư bèn phục ứng giữ lễ thọ học, chưa bao lâu mà sở truyền của tông Thiên Thai, do chỉ vị ngôn đó, Pháp sư thảy đều thấu đạt, trí giải vút cao vượt ngoài đồng bạn. Gặp đến ngày tưởng niệm Tổ sư Trí Giả thị tịch, Pháp sư bèn tự đốt trên đảnh đầu trọn ngày, dùng sức thề nguyện hành Tứ thiền Tam muội, nhân đó nói kệ để kiểm hiệu sự chí thành đó (Thơ kệ đó đều thấy có ở Văn Tập, ở đây đều lược không biên ghi). Đến lúc Đại sư Nghĩa Thông đã thị tịch, pháp sư liền trở về Thiên thai. Do vì khổ nhọc nên thường mắc bệnh ẩu ra huyết, Pháp sư tự cho là hẳn phải chết, nên cứng rắn vào Phật thất nơi gò linh, dùng chú pháp tiêu phục mà tự nguyền rằng: "Nếu Tứ giáo hưng hành tại nơi tà thì bệnh này phải lành hẳn, còn không như vậy thì nguyện vất bỏ mạng tại đây". Vừa mới đến đêm thứ hai mươi mốt, bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo là: "Tuân Thức không bao lâu nữa sẽ chết". Pháp sư càng chẳng biếng lười, đến ngày thứ ba mươi lăm, bèn thấy thây chết đầy trong phòng thất, Pháp sư cũng chẳng lầm hoặc giẫm đạp đó mà hành đạo, thây chết đó bèn ẩn mất. Đến ngày thứ bốn mươi chín, Lễ sám đã xong, lại nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Chư Phật trong mười phương tăng thêm phước thọ cho ông". Đêm đó đang lúc mơ ngủ, hoảng hốt thấy một người to lớn cầm chày Kim cang phỏng giằng nói miệng, Pháp sư kinh hãi mà tỉnh giấc, bệnh ấy bèn tiêu suất. Khả năng tuấn biện của pháp sư càng phát, âm thanh dung mạo thần sắc đẹp xinh hơn so với ngày thường. Pháp sư rất cảm kích càng muốn theo việc ở

đó, bèn biên thuật sách đề là "Quán Âm Lễ Văn". Vừa mới đề bút, liền có vị Tăng kỳ lạ đưa đến quyển sách tên là "Tự Ý Thú". Pháp sư so với bản mình biên thuật đại khái tương đồng.

Khoảng đầu niên hiệu Thuần Hóa (990) thời Bắc Tống, pháp sư vừa mới hai mươi tám tuổi, Tăng chúng cầu thỉnh pháp sư kế thừa pháp tịch của thầy tại Bảo Vân, truyền giảng bốn bộ kinh lớn (Pháp Hoa, Duy Ma, Niết Bàn, Kim Quang Minh). Qua nhiều năm, một sáng mai nọ có con Lừa đang mang thai của nhà họ Thí đến nằm dưới tòa, như có ý muốn nghe pháp, sau đó qua thời gian bốn mươi ngày, lúc nó mới sanh thôi, con lừa con ấy quả nhiên có ý như người, cũng chẳng lạ ư?

Năm Bính Thân (996) thuộc niên hiệu Chí Đạo (995-998) thời Bắc Tống, pháp sư nhóm kết kẻ tăng người tục có sự kính tin tập hành hạnh nghiệp Tịnh Độ. Biên thuật sách, đề là "Thệ Sanh Tây Phương Ký", lại phỏng theo Phổ Hiền mà làm "Niệm Phật Tam muội". Pháp sư ở tại Bảo Lâm mười hai năm, mà chưa từng qua lại nơi nhà người thế tục. Tự may được Bồ-tát Quán Âm ngầm vì tán thán, mới bảo người thợ dùng gỗ Chiên-đàn làm tượng Đại Bi, tượng khắc xong bèn mang đội đó. Pháp sư lại soạn bài văn gồm mười bốn Đại nguyện. Về sau, người thợ có sự sai làm gãy mất chỗ nắm cành dương, pháp sư cung kính mà lo sợ đó, liền tự nhận lấy, chẳng nhờ keo dán mà tự nhiên dính hợp như cũ.

Năm Hàm Bình thứ ba (1000) thời Bắc Tống, ở quận Tứ Minh gặp phải hạn hán, mọi người trong quận mong cầu có mưa, Pháp sư bèn dùng thỉnh "Quan Âm Tam muội", và ngầm ước nguyện nếu qua ba ngày không mưa thì sẽ tự thiêu đốt. Đến kỳ hạn quả nhiên có mưa, dân chúng trong quận sống lại tươi tốt. Thái Úy lấy làm lạ mới liền dựng Bia ghi lại sự việc ấy.

Năm Hàm Bình thứ năm (1002) thời Bắc Tống, Pháp sư trở về lại Thiên Thai, muốn theo hướng Đông vào Bình Cư, mà đồ chúng càng đông nhiều, mới liền đến Tinh xá Ích Hoàng tại Tây Dương, căn cứ theo kinh, tạo Đại tượng Phật Vô Lượng Thọ, cùng đốc suất tu pháp "Niệm Phật Tam muội", trước thuật thuyết "Tịnh Độ Hành Pháp". Tại Ấp độ đó trước kia có Dâm Từ, pháp sư đều vì xét theo pháp để chánh lạm hưởng đó triệt bỏ. Có nơi gọi là miếu Bạch Hạc, dân chúng rất thần tượng đó, tranh nhau dùng muôn sinh mà cúng tế, Pháp sư bèn dẫn dụ mọi người đó, khiến biến đổi thức ăn bằng máu huyết thành thức ăn chay tịnh. Đến lúc Pháp sư cùng mọi người đi thuyền đến Bạch Hạc, mà sóng gió bão bùng nổi dậy, trong ý mọi người cho là Thần làm nên vậy.

Pháp sư liền hướng về miếu mà giảng nói duyên giới giết hại của Phật, mà sóng gió ấy bèn lắng dứt. Về sau, Pháp sư bảo Thần đó thọ giới của Phật, từ đó về sau, việc cúng tế bằng muôn sinh bèn dứt tuyệt. Pháp sư lại trứ thuật sách đề là "Dã Miếu Ký" là cùng Thần hiệp ước, mà dân chúng mãi đến nay vẫn y theo đó vậy.

Năm Đại Trung Tường Phù thứ tư (1011) thời Bắc Tống, gặp Chương Tuân Công, vừa làm Long Quan, lãnh tất cả chư tăng theo Hạ chế, mới bảo làm Tăng chánh, mời Pháp sư vào Tinh xá Cảnh Đức ở quận đó, giảng "Đại Chỉ Quán". Mùa Hạ năm đó hoàn tất, có ba Sa-môn mặc áo nạp tự nhiên mà đến xin dự giảng tịch Vu lan bồn, vừa tiếp mời ngồi, mà chợt nhiên không còn trông thấy.

Pháp sư từng vì duyên sự ưu thắng khác, vừa trên đường ra Hoàng Nham, có một con heo vội chạy lại nhiễu quanh chỗ xe của Pháp sư rồi (...) đó là heo tránh người giết mổ mà lại vậy. Pháp sư bèn bồi thường trị giá đó và bảo người giết mổ thả nó, đồng thời bảo đưa về nuôi tại chùa Diệu Hỷ, đặt cho nó tên là "Ngộ Thiện". Phàm, Quả hưởng đức của heo, người tà sao đó thay?

Tại Thiên thai có chùa Xích Sơn cao sáng mà gần biển, Pháp sư từng bảo mọi người là: "Ở đó nên dựng xây ngôi tháp". Mọi người làng đó vui thích nghe đều nói: "Trên đảnh núi đó thường có ánh sáng tỏa chiếu trên mặt biển, giữa khoảng ánh sáng đó lại thấy ảnh của ngôi Phù Đồ cao bảy tầng. Nhưng chỗ ánh sáng đó soi chiếu đến bốn mươi dặm, đều là cầu mành lưới của người giăng bắt cá bao quanh đó". Pháp sư biết phát sáng đó là muốn có cảnh răn, nên càng khuyên chúng hẳn đáp đó. Đến lúc việc đó bắt đầu làm từ nền móng khai phá đất quả nhiên có được hộp đá. Đến lúc tháp thành cũng làm bảy tầng ứng với điềm trước đó vậy, mà dân ở đó chẳng còn làm nghề chài lưới vậy.

Pháp sư vừa mới trăm ngày tu sám tại núi Đông Dịch, gặp lúc đó nắng hạn, nước chẳng cấp dùng, pháp sư mới ra ngoài phòng nhà đứng trông nhìn, bỗng nhiên dùng tích trượng gõ một cái, mà suối đá theo đó mà nước chảy tràn. Nay ở Đông Dịch gọi là "Thạch nhãn tuyền", tức đó vậy.

Mới đầu, người ở Hàng Châu muốn thỉnh mời Pháp sư theo hướng Tây vượt đến giảng pháp. Tuy kẻ Sứ qua lại thỉnh mời suốt bảy năm, mà Pháp sư chưa từng theo đi. Đến lúc Sa-môn Tề Nhất ở chùa Chiêu Khánh dẫn cả đồ chúng lại thỉnh mời, Pháp sư mới theo đến. Lúc đó là đã mười hai năm vậy. Trước kia, Pháp sư từng mộng thấy ở trong Thai mẹ mười hai năm, so tính lại Pháp sư rời khỏi Thiên thai để vào Hàng

Châu đó, mới là ứng nghiệm của mộng ấy vậy. Đến Hàng Châu, mới đầu Pháp sư dừng ở tại chùa Chiêu Khánh, giảng thuyết xiển dương Đại nghĩa, người học hưởng mộ đông nhiều như nước trút đổ vào đầm. Phong tục của Hàng Châu, quen thói dùng rượu và thức ăn ngon tiếp đãi lúc tang lễ, Pháp sư đặc biệt dùng thắng duyên mà dẫn dụ đó, tục đó đều chuyển hóa, cải đổi tất cả các thứ tanh nồng thành chay tịnh. Nhân đó, Pháp sư biên thuật văn đề là "Giới Tửu Nhục Từ Tuệ Pháp môn", để chánh việc đó. Người xứ đó đến nay vẫn còn kính chuộng vậy.

Qua năm sau, người ở Tô Châu cho là Châu đó đáng nên đón rước, Pháp sư đến Tinh xá Khai Nguyên, ngày đêm chuyên giảng pháp hội, nhóm tập đông nhiều các hàng tăng tục đến nghe Pháp. Có thể gọi là ban ngày muôn người ban đêm ngàn người. Số người đó không uống rượu ăn thịt gần hết cả thành ấp. Các quán rượu tiệm thịt rất chẳng bán được vậy. Pháp sư bèn nói với mọi người đó là: "Tổ của ta là Đại sư Trí Giả để lại thư nói sáu điều hận của Tấn Vương, trong đó thứ nhất là vừa vì Pháp tập động chúng là hoạn phòng ngại quan làm. Nay, tôi đức mỏng, sao có thể đáng ở đây lâu? Nên đi vậy". Xong, Pháp sư liền trở lại Hàng Châu. Lúc đó là năm Ất Mão (1015) thuộc niên hiệu Đại trung Tường phù (1008-1017) thời Bắc Tống vậy.

Thứ sử Tiết Công Nhan liền thỉnh mời Pháp sư đến ở Tịnh xá Linh Sơn. Xưa trước, pháp sư từng vui thích cảnh thắng đó, đã có ý theo đó, đến đây mới thật vừa với tâm nguyện sắc son. Chỗ đất đó là nơi do tăng Chân Quán xây dựng chùa Thiên Trúc ở thời nhà Tùy, đến thời Tiền Đường thì Sa-môn Đạo Tiêu tiếp thừa đó. Nhưng thời nhà Tùy nhà Đường đã qua bốn trăm năm mà di tích của Quán Công tiêu mất, gần như không thể thấy gì nữa. Pháp sư y cứ theo Cựu Chí, tham tầm trong khoảng cỏ hoang xanh rợp quả nhiên có được các dấu hiệu đó, Pháp sư bèn dùng Thi phú để làm bia ghi lại đó, đó là bắt đầu mưu tính trở lại Thiên Trúc vậy. Mới đầu, ở phía Tây chùa đó có chỗ trồng cây cối, khô rui chỉ còn trơ gốc, đến đây mà trở lại tươi tốt, bởi là chứng nghiệm của chùa ấy làm lại vậy, nhân đó mà đặt tên đó là "Trùng Vinh Cối". Lại lấy Thạch thượng mai nơi cửa động Hương Lâm. Gốc của núi đó trong bụng trúc, mặt đá. Trúc cùng với cây cối là bốn mốc mối của Thiên Trúc. Pháp sư làm bốn bài thơ ghi về thắng dị đó. Pháp sư ở chưa bao lâu mà người đến học đông nhiều, mới liền ngay phía Đông của chùa xây dựng am Nhật Quán, soạn thuật "Thiên Trúc Cao Tăng Truyện". Bổ khuyết thuyết "Tam muội Hành pháp" của Đại sư Trí Giả để chánh người học.

Năm Đại Trung Tường phù thứ chín (1016) thời Bắc Tống, ở Thiên Thai có Sa-môn Chánh Tuệ nghĩ đến Kinh đô đem tên của Pháp sư mà tấu trình, bèn ban tặng Pháp sư pháp phục sắc tía, sau đó lại thỉnh mời Pháp sư đến giảng ở chùa Thọ Xương. Bãi khóa giảng, Pháp sư trở lại núi Đông Dịch, bảo cùng đồ chúng ở đó rằng: “Linh Sơn là chỗ tôi chọn trọn đời ở đó, đến kinh thành xong, tôi sẽ trở về lại đó”. Sau đó, Pháp sư nắm bút viết lên vách tường một bài ca dao dài để từ biệt Đông Dịch, trở lại Thiên Trúc.

Phàm, mùa Hạ thì Pháp sư cấm túc, khuyên răn đồ chúng hành trì “Kim Quang Minh sám pháp”, mỗi năm lấy bảy ngày bảy đêm làm lịch trình. Cung Bảo Mã Công đã già yếu lại kính phụng Phật, rất mến mộ lời của Pháp sư, Pháp sư bèn thuật làm “Tịnh Độ quyết nghi luận”. Mã Công khắc bản in lưu truyền. Đến lúc Vương Văn Mục công bãi tướng võ yên Hàng Châu, nghe cao phong của Pháp sư, nhân Lý minh Châu cần muốn thấy gặp ở phủ xá. Khi đã thấy, Vương Công lấy làm kỳ lạ đó, vài ngày sau bèn dẫn các hàng liêu thuộc phỏng tìm Pháp sư ở trong núi, và liền thỉnh mời Pháp sư giảng pháp. Pháp sư mới giảng “Pháp Hoa Tam pháp Diệu Nghĩa”. Tài biện của Pháp sư phát ra trong lắng, khiến mọi người thảy đều chăm chú. Vương Công nói: “Đây, thật chưa từng nghe vậy”. Pháp sư bèn nêu dẫn bản mạt của giáo nghĩa Thiên Thai, vì muốn xiển dương đó. Vương Công chấp nhận vậy. Sau đó, Pháp sư tấn bày trở về lại chùa, và được sắc ban tên hiệu của Thiên Trúc. Vương Công viết bảng đó, Tôn Quân bảo vậy, Vương Công mới đem Tây Hồ tấu xin làm Hồ phóng sanh, cũng là Pháp sư dùng ý Hộ sanh của Đại sư Trí Giả nói mà động đó vậy. Vương Công đó ra duẫn ứng thiên mới cảm chút bệnh, mộng cùng thấy gặp Pháp sư mà bệnh đó liền lành, mới gởi thư đến nói rõ việc ấy, và cho là bình sanh gặp gỡ có thắng duyên, mới từ Giang Ninh lại đón mời pháp sư đến phủ xá, hỏi pháp, lưu ở lại ba tháng. Vương Công mới đầu muốn làm tượng Tăng già, phỏng dịch mà chưa thành quả, Pháp sư mới vì đó suy Bồ-tát Quán Âm ứng hóa biến tri, không phương mà chỉ bày đó. Trước đó, Pháp sư từng mộng cùng Vương Công ở trong Tháp Phật, có Lão tăng nắm linh vàng mà phân cho hai người, lại nói đó để nghiệm vừa luận. Vương Công nói: “Thật, nghĩa là của Kim Lăng vậy”. Đã tạo tượng hoàn tất, dâng trao đến Pháp sư, nhân đó, Pháp sư soạn “Tử Châu Đại Thánh Lễ văn” để tôn phụng việc đó. Vương Công lại cùng Tần Quốc phu nhân cúng thí hơn sáu trăm vạn tiền để làm Đại Điện của chùa đó. Pháp sư làm lại chùa, là từ Hoàng gia cùng Vương Công vậy. Đặc biệt có chỗ cảm, bèn gom

tập lại giáo nghĩa Thiên Thai, soạn văn "Tứ thời lễ Phật" để khuyên đồ chúng đó hành trì. Muốn để báo đức, gặp tiết Càn nguyên, Vương Công đem đạo hạnh của Pháp sư tấu trình, bèn sắc tặng Pháp sư hiệu là Từ Vân. Từ đó hai vị cùng nhau giao du làm bạn phương ngoài càng thân, hình ở Thi thơ đông nhiều vậy. Như có trứ thuật: "Viên Đốn Thập Pháp yếu", "Quán Pháp Đồ chú", "Nam Nhạc Tư Sư Tâm yếu kệ"... đều do Vương Công làm vậy. Đến trong niên hiệu Thiên Thánh (1023-1032) thời Bắc Tống, Vương Công trọn đem giáo bộ Thiên thai, tấu trình dự vào Đại Tạng. Thiên Thai tông Bắc truyền, là do sức lực của Pháp sư và Văn Mục Công vậy.

Mới đầu, Chương Hiến Hoàng hậu vì Pháp sư huân tu chuyên chí, nên trong khoảng niên hiệu Càn Hưng (1022-1023) thời Bắc Tống, đặc biệt sai sứ mang vàng lụa hai lần đến trong núi, vì nước nhà mà tu sám. Pháp sư bèn biên thuật văn nghi "Hộ Quốc Đạo tràng" mà tấu dâng, xin cùng bản giáo đó đưa vào Đại tạng. Qua năm Thiên Thánh thứ nhất (1023) thời Bắc Tống, Nội thần Dương Hoài Cát đi sứ phương Đông, lại tặng Pháp sư nhũ hương. Lúc giả biệt, Dương Hoài Cát cho là Pháp sư khéo viết nên cầu xin bút tích, Pháp sư liền viết một bài thơ mà tặng, Dương Hoài Cát bèn tấu trình. Năm sau lại tặng một trăm lượng bạc, cúng dường trai phạn ngàn vị Tăng trong núi. Nhưng thời đó các hàng Sĩ khanh Đại phu nghe mỹ phong đó mà vui thích thắng duyên đó, như Tiền Văn Hỷ, Dương Văn Công, Chương Tuân Công, và các Công Khanh khác đông nhiều, sợ bởi xích tên mà chẳng đều ghi. Pháp sư nhàn nhã từ bút thuần chương, có phong thái của Thi nhân. Trong các văn đó có viết như "Kim Viên Tập", "Thiên Trúc Biệt Tập", "Linh Uyển Tập". Nhưng Pháp sư tu khiết tinh khổ, đã vài lần tự đốt các ngón tay, mà còn lại một vài ngón vậy, nhưng đến lúc Pháp sư nắm bút biên ghi, tinh mỹ rất được thể của Chung Vương. Ở Linh Sơn, mùa Thu khi tạnh mưa, thường trời mưa hạt Quế tử (Hạt Quế), Pháp sư mới làm bài thơ "Quế Tử Chủng Quế", Thượng thư Hồ Công thấy mà chịu tưởng thưởng đó. Mới cùng Tiền Văn Hỷ Công nối tiếp đó, Hồ Công lãnh quận Tiền Đường, cúng thí vàng để làm ba cửa chánh của chùa đó.

Pháp sư lãnh dẫn chùa đó đã lâu, từng muốn thôi nghỉ, Sứ Quân Lý Công... liền nhóm hội người trong quận khổ cầu Pháp sư ở lại. Lại qua hai năm, đến tháng giêng năm Thiên Thánh thứ chín (1031) thời Bắc Tống, đang lúc giảng kinh Tịnh Danh, chưa bao lâu, Pháp sư chợt trông nhìn mà bảo đồ chúng đó rằng: "Xưa trước, ta ở tại Đông Dịch cũng giảng Kinh này, từng mộng thấy Tôn giả Kinh Khê ở trong thất

trao cho quyển kinh, đến lúc mở xem thì ngày đã ẩn mất vậy. Nay ta gần rốt cùng ở giảng đây vậy". Một ngày nọ, quả nhiên Pháp sư cùng đồ chúng mà quyết biệt rằng: "Ta ở hai chùa tại Thiên Thai và Hàng Châu đây đã bốn mươi năm, lớn ý dùng ý mười phương, luôn chuyên truyền tư, nay giao phó giảng tịch, nên theo chí của ta". Liền bảo cùng đệ tử lớn của mình là Sa-môn Tổ Thiều rằng: "Ông phải tiếp nối đạo tôi, tôi đem lò hương phất trần này trao cho ông, chớ làm người sau cùng đoạn mất giống Phật, ông phải cố gắng đó". Rồi, Pháp sư bèn làm thơ tạ ba duyên (nghĩa là Tạ tuyệt đồ chúng, bè bạn và bút nghiên vậy) bảo người học khắc lên đá để nêu bày đó.

Qua mùa Thu, ngày hai mươi tám tháng tám, một mình Pháp sư đến Thảo Đường ở Đông Lãnh của chùa mà tự ẩn. Đến ngày mồng tám tháng mười năm sau (1032), Pháp sư hiện tướng cảm chút bệnh, chẳng dùng thuốc thang, bảo lấy bài thơ mà pháp sư từng hòa thơ Hối Tích của Lưu Di Dân người nhà Tấn, sửa đổi câu kết ở đó là: "Bay không dấu tự tuyệt, chẳng tại núi xanh xanh", và bảo bào gọt vách sườn mà khắc đó. Qua chiều ngày hôm sau, Pháp sư lại bảo: "Báo duyên tôi hẳn hết, đâu dám quên Di huấn đối với các ông ư?". Pháp sư lại vì giảng pháp để khuyên răn đồ chúng đó. Qua chiều hôm sai nữa, Pháp sư bảo thỉnh tôn tượng Phật A Di Đà để chánh làm chung đó. Cơ đồ còn muốn có chỗ khẩn đảo, lại đem tôn tượng Quán Thế Âm ứng mạng, Pháp sư bèn đốt hương, chiêm ngưỡng tôn tượng mà khấn chúc rằng: "Quán Thế Âm tôi, khoảng trước chẳng đến, khoảng sau chẳng đi, mười phương chư Phật đều trú thật tế, nguyện trú nơi thật tế này, ghi nhận con đốt một nén hương..." Hoặc có người hỏi pháp sư quy tịch về đâu? Pháp sư đem "Tịnh Độ Tịch Quang" mà đáp đó. Đến trống canh ba đêm đó, Pháp sư đoan tọa an nhiên thị tịch.

Trước đó, pháp sư tự chế một chiếc quan tài, đề là "Hà sáp" (chiếc giường dài xa) và ghi minh rằng: "Người học chuyên kính phụng chí trước của Thầy đó, hẳn nằm Linh thể đó ở Hà Sáp". Qua bảy ngày sau, hình tướng dung mạo của Pháp sư hoàn toàn nghiêm khiết như lúc bình sanh. Pháp sư hưởng thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi Hạ lạp. Ngay đêm Pháp sư thị tịch, trong núi thấy có một ngôi sao lớn rơi xuống trên Thứu phong, sáng rực, có màu sắc hồng phát chiếu đến phía trước chùa. Pháp sư độ đệ tử như Hư Bối có cả trăm người, còn trao giảng thọ pháp như Văn Xương. Các thương nhân thì chỉ được hai mươi vị, còn người đến cửa cầu học chẳng những cả số ngàn. Đến ngày mồng bốn tháng hai năm sau (1033), nghinh phụng Hà Sáp về an táng dưới ngọn núi

Nguyệt Quế thuộc phía Đông chùa, gần bên cạnh tháp Cao tăng Chân Quán thời nhà Tùy.

Lờ mờ biết Thiều Công đã ba mươi năm, về sau, nhân cùng vân du trong núi mà tôi càng thân. Thiều Công về già thuần trọng, cũng là một bậc Pháp sư Danh đức vậy, từng đem Thực Lục của Đại Pháp sư (Từ Vân) nhờ tôi biên chép. Mới đầu, tôi tự cho mình văn tuệ, không dám cán đáng. Đến lúc nhờ tấu thư làm pháp đã chứng hiệu trở về, mà Thiều Công đã vật nên mới cảm khái. Nay Sa-môn Biện lại đem bản ghi chép những gì thấy biết gởi đến, mong thành tựu ý nguyện của thầy đó. Sa-môn Biện xét ngay thẳng khéo tiếp nối, lại là bậc đệ tử Hiền của Minh Trí vậy. Gặp tôi lánh lời vừa đi trong núi, dặn dò đó càng ân cần, nhìn lại trái mạng với Tiên sư đó, nên hãy căn cứ theo Thiều Công, Thực Lục mà luận bàn thứ tự đó. Bảo đề là "Khúc Ký", bởi khúc chiếc chi ly mà ghi việc đó vậy. Nhưng Đại sư Từ Vân là người thông triết kiên minh, nên đem Phật pháp đó mà tự dựng lập, cao vợi, thủy chung chẳng suy, tuy các bậc Cao tăng xưa trước cũng không hơn vậy. Ở đời so với Cao tăng Chân Quán, chẳng phải vậy ư? Phong giáo Thiên Thai càng thạnh ở tại Ngô Việt cũng nhờ từ đức của Pháp sư Từ Vân vậy. Tôi buồn hận không kịp thấy người đó vậy!

Ngày Rằm tháng chín năm Quý mão (1063) thuộc niên hiệu Gia Hựu thời Bắc Tống, tiện đang ở tại vườn Long Du phía Đông, cửa Kinh Đô, kính ghi.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 13

BIA - KÝ - MINH - BIỂU - TỪ

BÀI MINH THÁP CỐ HÒA THƯỢNG CẦN CÔNG Ở THIỀN VIỆN TƯ THÁNH TẠI TÚ CHÂU

Tháng tám năm Nhâm Dần (1062) thuộc niên hiệu Gia Hựu (1056-1064) thời Bắc Tống, người ở Tú Châu nghinh thỉnh cốt thân Cố Hòa thượng Cần Công về tôn trí bảo tháp ở núi An Lạc tại Dư Hàng. Từ mới đầu, đệ tử bẩm pháp của Cố Hòa thượng, là Sa-môn Tỉnh Văn, bậc Nho giả ấy nghe An Viễn mách bảo, mới nhờ Khế Tung tôi biên ghi làm bài minh đó.

Hòa thượng húy là Thạnh Cần, vốn giòng họ Ta, nhưng vì không tìm được gốc ngọn của giòng họ đó, bèn theo giòng họ Thích, là người ở Thọ Dương thuộc Tượng Quận. Hòa thượng đồng chân xuất gia, giữ lễ tôn thờ Thiền sư Duy Tề ở núi Bạch Dung tại Quận tượng. Trong niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, do tụng kinh trúng thi, bèn được xuất gia xuống tóc. Và cũng năm đó (?), Hòa thượng thọ giới cụ túc tại chùa Diên Linh ở Quế Quản. Trở về lại Bạch Dung thì gặp phải Thầy vừa thị tịch. Hoàn tất việc Tang lễ, Hòa thượng bèn mạnh mẽ theo hướng Tây vân du phỏng tìm bậc Sư tông. Hòa thượng bẩm tánh thuần ý sâu dày, xưa trước vốn có Đạo thức. Lúc còn trẻ nhỏ do tự phát minh, tham học các bậc Thạc sư lão thiền ở các châu Hành, Tương, Yên, Dĩnh, mà riêng rất thấu đạt Huyền chỉ nơi Hòa thượng Viễn ở Đức Sơn. Mới đầu, Hòa thượng đem Ngữ cú của Vân Môn đến thỉnh cầu Hòa thượng Viễn quyết trạch, tuy ân cần thưa hỏi suốt cả ba tháng, nhưng Hòa thượng Viễn vẫn chưa từng biện giải chút ít. Ý muốn để cho Hòa thượng tự khế ngộ vậy. Một sáng nọ, đã tỏ ngộ rồi, đến Hòa thượng Viễn xin chất vấn. Vừa thấy mặt, Hòa thượng Viễn bảo: "Ông đã thấu triệt vậy!". Đương lúc ấy, Hòa thượng chóng cảm thấy tự thân

bay vượt giữa hư không, chẳng thấy phòng thất làm ngăn ngại. Trở lại chỗ đứng đó, tức khắp thân mình mồ hôi toát đổ như mưa. Hòa thượng ngộ đạo linh nghiệm như thế đó. Trước đó, Hòa thượng từng tham học ở một vị tăng khác, được trao truyền hành tập pháp Thiền định An Ban. Mới đầu trao pháp đó, Hòa thượng ngồi ngay chiếu đất, đốt lửa trên đảnh đầu trước vị thầy đó, bèn có ánh sáng khác lạ bắn vọt lên, tròn đỏ rực như mặt nhật. Ánh sáng dập tắt rồi, mà nguyên vẹn không tổn hại gì. Vị thầy ấy bảo: "Ông là pháp khí tối thượng thừa, hãy cố gắng đó, nếu không do đây tự hết vậy". Hòa thượng có sự cảm thông, lại như thế đó. Về sau, mọi người tham học thiền mới ùn ùn hưởng mộ, đến Triết Tây xen lẫn dấu vết ở núi An lạc tại Dư Hàng.

Khoảng đầu niên hiệu Hoàng Hựu (1049) thời Bắc Tống, Gia Hòa Thái thú Niếp Công, đã nhiều năm nghe đạo phong của Hòa thượng, vì dẫn dắt người trong quận nên cầu thỉnh Hòa thượng nhậm lãnh đồ chúng ở đó. Trải qua mười hai năm, người ở Tú Châu bất kể Hiền ngu, nam nữ đều cảm mộ phong đức ấy mà chuyển hóa lớn. Bạn đạo thường ngày đến pháp hội đó không dưới vài trăm, phòng ốc tự viện hoàn toàn sửa sang, Tăng chúng luôn đầy đủ, mà ở Tú Châu có Thiền Cư là do tự Hòa thượng hưng khởi vậy.

Đến ngày Nhâm dần, tháng năm, năm Canh tý (1060), tức năm Gia Hựu thứ năm, Hòa thượng hiện tướng cảm chút bệnh, an tọa đoan nghiêm, nói kệ mà thị tịch, hưởng thọ sáu mươi tám tuổi, bốn mươi hai Hạ lạp. Đến ngày Kỷ dậu cũng trong tháng năm đó, tuân theo giáo mà trà tỳ, có được xá lợi năm sắc, văn vẻ sặc sở không thể tính kể. Đệ tử do Hòa thượng hóa độ, có như Sa-môn Tông Ích nối dõi pháp đó mà lãnh chúng ở một phương. Ngoài ra còn có các vị như "Tỉnh Văn, Hữu Xương. Lúc bình sanh, Hòa thượng từ gom nhặt những ngữ yếu xưa trước biên ghi thành sách, đề là "Nguyên Tông Tập". Mà về sau các học trò mới lưu truyền đó. Nhưng Pháp sở đắc của Hòa thượng, thật là bí yếu của chư Phật, là sở tông của quần sanh, là sở truyền của chư Tổ ấy vậy. Chẳng phải nói hay nín mà có thể thấu đạt vậy, nhưng chẳng phải nói hay nín lại không thể hơi phát. Nên Hòa thượng đợi người tiếp chúng tuy ân cần dạy răn, mà nói đó thường giản đơn, cơ duyên đó chẳng phiền khuôn vết lớn, yếu Đạo đó là từ đức vào người rất sâu. Cho nên, Hòa thượng thị tịch, người ở Tú Châu khắp thành đều gào khóc, như chịu tang người thân vậy.

Các vị ấy cho rằng, Khế Tung tôi đối với Hòa thượng đạo giao cùng biết rất rõ ràng sâu sắc được chỗ xuất xứ đó, mới đem văn giao

phó. Tuy cố nài nỉ nhưng trọn chẳng được chối từ. Xin ghi lời minh rằng:

"Chỉ cốt đặc viên, chỉ Đạo cũng vậy
Chẳng sanh chẳng diệt, không thiên không lệch
Chế tiểu Di Thạch Lặc, mà đây Pháp thường truyền".

BÀI KÝ ẢNH ĐƯỜNG CỐ HÒA THƯỢNG XIÊM Ở THIỀN VIỆN TƯ THÁNH TẠI TÚ CHÂU.

Thiền sư cảm bệnh, tôi từ Hàng Châu đến thăm hỏi thuốc thang, Thiền sư thường ngoảy nhìn mà bảo: "Tôi già yếu lại bệnh tật, đó hẳn đã vậy, chết lại phiền lụy đến các ông đào bới mà chôn lấp. Ông nên vì tôi mà ghi chế nối dõi pháp đó", và bèn trao cho tôi nguyên do đó vậy. Tôi trở về lại Hàng Châu chưa bao lâu thì quả nhiên Thiền sư thị tịch. Người học chẳng đều thiêu đốt mất đó, cuối cùng không được mà tạo dựng tháp đó. Nên tôn trí Danh tích của Thiền sư ở Ảnh Đường, nhờ Trưởng lão Thiền sư Cần hiện nay khắc đá để lưu truyền đó.

Cố Thiền sư húy là Khánh Xiêm, tổ tiên xưa trước vốn người xứ Kiến Dương, giòng họ Phạm. Giòng họ Phạm nhiều đời thường là sĩ tộc, thân phụ và ông nội của Thiền sư đều làm Quan sĩ, chẳng lại phải biên ghi vậy. Mới đầu, Thiền sư nhân thân phụ làm quan mà sống ở Cối Kê, đến lúc thân phụ qua đời tại quận Hải Diêm, Thiền sư bèn cùng thân mẫu gìn giữ gia sản nên ở tại Tú Châu. Khi ấy, Thiền sư vừa mới năm tuổi, mà khí mạo tốt lành xông tỏ, thân mẫu lấy làm lạ đó, nên bảo theo Sa-môn Tử Chiếu ở Tịnh Hạnh, tức nay là Tinh xá Tư Thánh, mà cầu xin xuất gia. Qua hơn mười tuổi, được xuống tóc, thọ giới cụ túc tại chùa Linh Quang, tập học các kinh Lăng Nghiêm, Viên Giác ở giảng sư, sống giữ thuần tố trong suốt mười năm. Qua tuổi rõ ràng, Thiền sư liền rộng vân du phương ngoài, tham vấn khắp các Thiền yếu, lại trải qua mười năm mới trở về. Mới đầu tại Tú Quận chưa từng có Thiền Cư, tiếp đãi người đến cũng có chỗ khuyết thiếu. Nhưng khi Thiền sư đã trở về, mới một mực đổi thay viện đó, chuyên cùng chúng ở dẫn dụ đồ chúng đó, tức như Thiền quy của các Viện chủ ở mười phương vậy. Khi đồ chúng đã có phần ổn định, Thiền sư bèn dựng lập am riêng ở nơi vườn rừng, thuần hành hạnh Đầu đà, chẳng ra chẳng vào lại suốt mười chín năm. Tuy vận mặc áo xấu, ăn thức ăn dở, như tự thấy yên ổn như vậy, sống không sao. Gặp cố Thiền sư Thanh ở Tuyết Đậu đến nơi am của Thiền sư mà nói: "Lành thay! Nhân giả, mới đến vậy thay!". Nhân đó nêu bày hết pháp sở chứng đó, mà Thiền sư Thanh rất phải đó. Cuối cùng cũng

tiếp thừa ở Thiền sư Thanh.

Đến trong niên hiệu Thiên Thánh (1023-1032) thời Bắc Tống, Quận thái thú Trương Công mong mỏi Thánh cao đó, mới trở lại Phương trượng để cử hành Thiền. Nên sự việc đó đợi cố Hàn lâm học sĩ Diệp Công Đạo Khanh dùng trong Duẫn lãnh quận, thấy mà càng vui mừng bèn tôn kính làm Trưởng lão, bảo truyền Pháp đó. Qua hai mươi năm trọn dùng vật cũ đó.

Than ôi! Thiền sư sống ở đời bảy mươi sáu năm mà sáu mươi hai hạ lạp. Thiền sư dẫn trị viện đó, từ lúc trẻ khỏe đến tuổi già suy suốt bốn mươi sáu năm. Đối với người rất trang nhã, đối với chính mình rất liêm ước, ăn uống tự dụng thảy đều thuần tố tiết kiệm, chẳng hợp với trụ đương thời, cho nên các học trò cho là khó mà ít thân gần. Chỉ các Sĩ Đại phu trong Thiền sư nghiêm tu tinh khiết nên chẳng nhẫn đem các thứ rượu thịt tanh nồng làm rối loạn Thất đó.

Trước đó, tại Ngô Trung, chư Tăng tọa pháp mất hẳn thứ tự, liền dùng thế cao thấp, chẳng lại dùng giới đức để luận, Thiền sư bùi ngùi, từng vài lần gởi thư đến Quan cầu xin xử lý. Người đời đều chẳng ngó ngàn thuyết đó, mà Thiền sư chưa từng tự ngăn cản. Đến lúc Diệp Công Đạo Khanh chuyển vận Ngô Việt, Thiền sư lại gởi thư đó, mà Diệp Công chấp thuận, bèn chánh chỉnh việc đó ở tại Quận. Thế rồi, Tăng chúng ở Tú Châu quả nhiên suy tôn Thiền sư ở tòa cao. Mới gặp lại, bèn liền tụ tuyệt, nối gót chẳng dùng tục gần mười lăm năm. Nhưng cũng là thiên tánh công chánh tha thiết đối với Hộ pháp vậy.

Xưa trước, Thiền sư từng cùng nói với tôi rằng: “Tôi không khả năng đem Đạo ban thí cho vật, Đức hạnh cũng chẳng đủ đáng trông, thật lấy làm thẹn với Thánh nhân xưa trước vậy. Tạm nhẫn nhìn loạn Pháp đó là càng thẹn nữa vậy”. Tôi liền nói lại với Thiền sư rằng: “Chẳng hẳn phải khiêm nhường vậy. Tông môn Tào Động là Đạo diệu của thiên hạ, mà người học hiếm ít thấu đáo. Mười hai hạnh Đầu đà là hạnh rốt ráo của xuất thế, là chỗ khó của bọn chúng tôi. Hay vì pháp mà phấn phát, chẳng đoái hoài tự thân, cũng là việc khó thể làm của người. Với ba điều đó sư điều được mà hành đó, sao lại thẹn ư?” Thiền sư bảo: “Tôi đâu dám được như thế”. Tuy nhiên, tôi tầm thường lấy khải mà ngợi ca đó đối với chúng tôi, bởi muốn đó có chỗ khuyên vậy. Thiền sư đã thị tịch đến nay, năm Kỷ Hợi (năm Kỷ Hợi (1059) (tức thuộc niên hiệu Gia Hựu (1056-1064) chứ không phải là Hoàng Hựu.) thuộc niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1054) thời Bắc Tống, thật đã năm năm rồi vậy. Buồn thay!

BÀI MINH THÁP ĐẠI SƯ PHỔ TỪ Ở LINH ẨN.

Pháp sư húy là Ấu Mân, vốn giòng họ Diệp, người xứ Ngọc sơn-Tín Dương. Từ thuở bé thơ Pháp sư đã có chí xuất tục. Xin cùng song thân, được chấp thuận, Đại sư bèn vào Lan nhã Hưng Giáo thuộc trong ấp đó, nương theo Sa-môn Tĩnh Đàm cầu xin xuất gia. Sau khi đã thọ giới cụ túc, Đại sư mới vân du khắp bốn phương phỏng hỏi đạo. Đến Hổ Lâm ra mắt Thiền sư Huệ Minh, chợt nhiên có đạo khí, Đại sư bèn liền phục ứng giữ lễ làm học trò, dốc lòng học pháp đó, việc pháp không khó dễ, đủ lấy làm thường đó vậy. Lâu sau, Thiền sư Huệ Minh bảo Đại sư trông coi việc chùa đó. Sau đó không lâu, chùa gặp phải nạn lửa đốt hại lan tràn hết mới tính chỗ mất mát đó, những người đồng sự lấy làm nguy ách đó đều lo buồn là họa. Đại sư mới bảo đó rằng: "Tôi không coi việc chùa, tất cả tội đều tại tôi, riêng mình tôi nhận chịu đó, các ông chẳng hẳn phải lo sợ vậy". Quan lại quả nhiên không vào chùa xét hỏi Đại sư, mà bắt người giữ việc nấu bếp vậy. Đó há là chỗ người xưa nói gặp nạn không tạm khỏi đó ư? Sau đó, Thiền sư Huệ Minh thị tịch, hoàn tất việc tang lễ, Đại sư liền dẫn đồ chúng đó mà bảo: "Bản phủ thỉnh Đại Trưởng lão Huệ Chiếu Thông Công trú trì chùa đó, để kế thừa Thiền sư Huệ Minh". Chỗ bao gồm là để trông coi chùa giúp đó, nên chung sức cùng làm lại chùa đó, chưa đầy mười năm mà dựng xây phòng nhà sừng sững có hơn ngàn gian, lại hùng vĩ hơn so với xưa trước.

Trong khoảng niên hiệu Khánh Lịch (1041-1049) thời Bắc Tống, triều đình dùng tiến cử đó mà ban tặng Chương phục, về sau lại ban tặng hiệu là Phổ Từ. Đến lúc Trưởng lão Huệ Chiếu thị tịch, Đại sư đang cảm mắc bệnh nặng, cũng gắng sức bệnh mà lo việc lễ tang đó. Mới đầu, Trưởng lão Huệ Chiếu sắp thị tịch có để lại Di thư, đề cử Đại sư tự thay thế. Quan phủ nghi ngờ việc ấy, chẳng chấp thuận, để Linh Ẩn đổi thay đề cử vị Tăng làm chủ việc chùa đó. Đại sư phụng sự vị Tăng đó càng cung kính, không mảy may tâm niệm bị lận hiện bày nơi dáng vẻ và tiếng nói, nên mọi người càng mến đức đó. Bấy giờ Tri phủ Long Đồ Quý Công biết đó, mới đem lên Tinh xá Thiên Trúc, bảo Đại sư làm Trưởng lão ở đó. Đến lúc Quán Văn Tôn Công mới bắt đầu làm Tư Chánh Đại học sĩ đến Hàng Châu, đặc biệt vì chuyển dời Đại sư trở lại làm chủ chùa Linh Ẩn. Mới ngày đầu tiên, Đại sư giảng Pháp, các hàng Công Tôn Đại Sư áo mão sang quý đến dự chẳng những cả trăm người, dự hội đốt hương, nghe Đại sư giảng Pháp, và các hàng Tăng tục già trẻ sang hèn chen vai mà đến có cả muôn người. Ngày đó, tiếng người, vết xe đầy tràn cả núi cốc. Hưng thạnh của Pháp tịnh đó sống lại

như thế vậy.

Đại sư bẩm tánh khoan dung bình thản từ thứ, cùng người bao gồm mà phần nhiều đều dung nhiếp mà người cũng rất tốt lành đó. Nên Đại sư ở chùa đó vừa mới sáu năm, mà chùa càng tu, chúng càng Tĩnh. Đại sư độ Đệ tử được hai mươi ba vị.

Đầu tháng mười một năm Ất hợi, thuộc niên hiệu Gia Hựu (1054-1064), (trong niên hiệu Gia Hựu không có năm Ất hợi, và năm Ất hợi (1035) hay (1095) thì hẳn là không phải), bỗng nhiên Đại sư cảm chút bịnh mà nằm. Trước lúc thị tịch một ngày, Đại sư cùng nhờ nói sắp giao việc chùa và trông coi Thiền đức hiện nay, ngữ khí rõ ràng chánh xác như ngày trước bình thường không suy yếu. Đến ngày mười ba, lúc gà gáy, Đại sư thức dậy súc miệng rửa mặt, hỏi giờ khắc rồi mới ngồi yên mà thị tịch, thọ sáu mươi mốt tuổi với bốn mươi mốt Tăng lạp. Mãi đến ngày hai mươi chín tháng đó (11) mới nhập tháp trong tường thành của chùa, ngay hướng Bắc của khe suối Hô Viên. Nhập tháp xong, biết Đại sư đem Hành trạng đó cầu nhờ soạn văn mà làm bài minh đó. Nhưng pháp đó trong Cao Tăng Truyện xưa trước phàm chúng tôi đối với giáo phó đó có Đức của ngôn từ và người có công đó mới biên ghi đó. Như nay, Linh Ẩn là một ngôi chùa rất danh tiếng trong thiên hạ, hẳn trong Phật pháp chúng tôi vì đó mà buông giữ vậy. Than ôi! Đại sư Phổ Từ ở chùa đó lúc bình sanh có công hiệu như vậy, há chẳng phải là đối với Pháp có công ư? Nên tôi chẳng nhún nhường mới dẫn nêu việc đó mà biên ghi vậy. Và xin ghi lời minh rằng:

"Chỉ công ở Pháp, chỉ Đức ở Pháp,

Pháp đã chẳng sanh, Thắng duyên đó đâu có dứt ư?"

Chỉ thạnh thiện của Đại sư thường vậy, chẳng hết chẳng đổ, đoán có thể thấy vậy".

BIỂU VĂN THÁP CỐ ĐẠI ĐỨC HẠNH THIỆU Ở CHÙA BẢO THẮNG TẠI NÚI THẠCH BÍCH - HÀNG CHÂU.

Chùa Thạch Bích cách Hàng Châu ba mươi dặm, chạy theo Long Sơn mà về hướng Tây, sâu thẩm mà vào cốc tối. Có vẻ đẹp của khe suối Thạch nham, tuy khí tượng ở đó trong lành, mà người đời chưa từng biết đến. Từ khi Đại đức Hạnh Thiệu và người anh là Pháp sư Hạnh Tĩnh ở đó, thì tôn ấy mới lan tỏa, cũng là đất do người mà hiển bày vậy.

Đại đức húy là Hạnh Thiệu, vốn giòng họ Thẩm, người xứ Tiền Đường thuộc Hàng Châu. Mới đầu, thân mẫu mộng thấy được vị Dị Tăng cho viên xá lợi, bèn nuốt đó, nhân vậy mà mang thai. Đến lúc

sanh ra Đại đức, tỏ tánh thuần mỹ chẳng như những trẻ nhỏ khác, không thích ăn thịt cá, ham mê nghe Phật sự. Vừa mới mười hai tuổi tìm đến Thiền sư Diên Thọ - Trí Giác cầu xin làm đệ tử, song thân bèn chấp thuận đó. Đến lúc đắc giới Cụ túc, Đại đức chuyên luyện thông luật bộ. Đương lúc ấy, Quốc sư Thiều ở tại núi Thiên Thai, đạo phong vang vọng, Đại đức mới vén áo tìm theo đó. Quốc sư Thiều vừa thấy gặp mà liền mến quý, bèn bảo Đại đức đến học pháp Tam Quán ở Pháp sư Hy Tịch tại Loa Khê. Nhân đó, cùng người anh là Pháp sư Hạnh Tĩnh đều tôn thờ Pháp sư Hy Tịch giảng cầu Đại nghĩa. Ở đó chưa bao lâu, mà sở học đã thành tựu, bèn trở về lại Hàng Châu, tức tu bổ lại chùa cũ đó. Sau đó, Đại đức cũng nhường chùa ấy cho Pháp sư Hạnh Tĩnh làm Hội giảng chúng. Pháp sư Hạnh Tĩnh cùng Đại đức đều xuất gia từ Thầy Trí Giác, mà Đại đức làm Pháp huynh, còn pháp sư Hạnh Tĩnh làm anh thế tục. Pháp sư Hạnh Tĩnh là do tố đức tự phát, trước đó sáu mươi năm, tuy các bậc túc học danh tăng vẫn đều suy tôn đó là Cao nhân. Đương thời nên làm chỗ nương tựa của người học. Đến lúc Pháp sư Hạnh Tĩnh chuyển dời giảng ở chùa khác, mà Đại đức lại đến ở Thạch Bích, trong suốt thời gian năm mươi năm đó, gìn giữ tiết tháo ở núi rừng đó, chưa từng tạm đến trong xóm làng lân cận, giữ thân tu khiết. Những người có sự nhận biết đều ngợi ca đó là thanh ước. Một sớm mai nọ, Đại đức hiện tướng cảm chút bệnh. Đến đêm sau đó ba ngày, căn dặn đồ chúng đó. Mới đầu nhóm chúng uống trà, cùng trao khí rồi, bèn ngồi mà thị tịch. Lúc đó Đại đức thọ tám mươi tuổi, sáu mươi tám Tăng lạp.

Qua hai mươi năm sau, tôi mới đến Thạch Bích, gặp đệ tử của Đại đức là Sa-môn Giản Trường, mới nghe được Đạo phong đó. Sa-môn Giản Trường cũng là người giới khiết, hay gìn giữ khuôn phép xưa trước đó, bèn cùng người em đồng học là Sa-môn Giản Vi cố đem bài chí về tháp Đại đức giao phó cho tôi. Tôi từng nói đó rằng: "Điều trong giáo nói: "Nhân sanh khó gặp là vài đầu mối, mà Thiện Tri thức lại rất khó nữa vậy". Nên sách thế tục nói: "Người Hiền thiện, tôi không được mà thấy gặp đó vậy. Được thấy có thường, đó có thể vậy". Người Hiền thiện thật khó gặp đó vậy.

Như Đại Đức xuất gia ở Thọ Công (Diên Thọ-Trí giác) học pháp ở Tịch Công (Hy Tịch). Thấy biết ở Quốc sư Thiều Công, Thiều Công là người chẳng thể lường vậy. Kỳ tiết dị đức, Đạo hạnh tỏa khắp, mà Thọ Công và Tịch Công cũng là bậc có Đạo của chúng ta vậy. Thiên hạ đâu có thể được nhiều. Như Đại đức lúc đầu gặp mà thân gần tàn rụi đó, giả sử được một lần thấy đó, đã rất tốt lành vậy, huống hồ nhân nơi người

mà được Pháp ư? Vẽ Đẹp như thế nơi Đại đức có lắm nhiều vậy. Đại đức lại là anh em với Pháp sư Hạnh Tĩnh, đồng chuyên học thân gần đạo, nương náu tự dưỡng ở núi rừng, đó là vẻ đẹp của bình sanh đáng nên biên ghi vậy. Tháp đó ở trong vườn thuộc phía Tây của chùa, nên dùng bút mà biên ghi Biểu văn này vậy.

Ngày mười một tháng hai năm Quý tỵ (1053) thuộc niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1054) thời Bắc Tống vậy.

AI TỪ TRÍ CHÍNH THỊ LANG TRUNG SƠN CÔNG.

Cố Thị lang Trung Sơn Công, ngày hạ táng tang lễ có người khách cảm đức xưa trước của Thị Lang mà làm Ai từ để phô bày ý vậy. Nhưng, khách vốn là người nhà Phật. Ngoài để lại hình chất mà bên trong dung chứa tình ngụy, không tiện có chỗ cảm mà Ai đó vậy. Bởi không nhẫn thấy Hiền nhân đó qua đời mà đạo của Quân tử càng hiếm ít. Than ôi! Đó chẳng thôi, hãy mượn Ai mà từ đó. Tuy nhiên, công đức của Thị lang ở người, danh và tích có Thái sử truyền bá đó, mà người ấy chưa hẳn đều biết gốc Công đức của Thị lang là thấu đạt (chí) ấy vậy. Chỗ gốc của Thị lang là Thành thật vậy. Nên mới đầu, Thị lang tu thân phụng sự song thân, mà người trong làng xóm đều học theo đó. Đến tuổi Trung niên ra làm Quan ở Triều đình mà giữ tiết tháo lớn chẳng biến đổi, mà Thiên tử luôn đề cao đó. Đến lúc tuổi già, dùng Lễ cáo lui, phô bày bậc thầy của các Sĩ Đại phu mà thiên hạ ứng nghi đó. Nhưng hành đạo của kẻ sĩ ở đời, phần nhiều mới đầu nhạy bén mà giữa chừng lười biếng, trước phải mà sau sai quấy. Có ai như Thị Lang tiến thối trước sau không mất một mảy may. Bởi Thị Lang tu thành thật sâu dày ở gốc mà khiến nên vậy. Thị Lang đã từ tạ bỏ đi Hiên niệm, lại càng lấy sự Thanh tịnh mà dưỡng thọ mạng đó, nên lờ mờ tủi nhục sự giao du của Thị Lang, cũng là thân gần biết được đạo đức của Thị Lang sở dĩ thấu đạt, lại rõ ràng có thể ở pháp ấy vậy. Than ôi! Tủi nhục đoái hoài chờ đợi của Thị Lang khác lạ vậy, chẳng lại còn thấy vậy. Xin ghi bài Từ:

“Lông vẫy tốt nhiều vậy, chỗ Rồng phụng bày.
Rồng chẳng thể ẩn vậy, Phụng chẳng thể suy
Nhân luân chỉnh chỉnh vậy, chỗ Thánh Hiền nhờ.
Thánh chẳng thể mất, Hiền chẳng thể tiệt.
Người đã lão thành vậy, đã cùng Hóa...
Điển hình tuy còn vậy, đâu thể gần nhìn.
Đêm dài tối mịt vậy, lại sáng lúc nào
Thần minh đi rồi vậy, vắng vẻ nào biết.

Đạo đức trải đời vậy, chỗ các Tâm suy
Thanh bạch truyền nhà vậy, đời đời đáng theo.
Ngũ phước quý trọng vậy, Thị Lang được đó
Thời phân riêng khó vậy, ai cùng bằng rộng,
Người thọ trăm năm vậy, Thị Lang muốn đủ
Con hiếu cháu thuận vậy, sao hẳn thêm buồn
Chỗ tôi buồn thương vậy, Hiền giả ít đượm
Thuần thành chẳng nói vậy, đạo Quân tử nhỏ
Muôn loại phân luân vậy, tà chánh cùng quấy.
Riêng đừng lẽ đi vậy, không ai trù theo,
Gió Thu se se vậy, sương trắng lả tả.
Cỏ cây linh lạc vậy, gò đồi cao vợi
Linh xa riêng cử vậy, cờ đỏ vút bay
Nhìn đây biệt ly vậy, mờ mịt dài xa!"

AI TỪ LÝ HỐI THÚC THÔI QUAN.

Lý Hối Thúc ở Lũng Tây qua đời, có người cho biết tin đó. Nghe vậy tôi vô cùng xót thương, vã lại, có chỗ cảm vậy. Hối Thúc là người có tuấn tài, vốn do khí lực của tài đó mà tự hào kiệt, nên đối với văn chương biện luận không lắm suy nhường. Tháng hai năm trước, dẫn dắt thí sinh đến nơi Thất tôi cùng trò chuyện, trọn ngày mà chẳng thể rời đi. Thường nói là: "Xưa trước gọi là Phương bào bình thúc. Tôi nay trông nhìn sư chẳng đủ sách vậy, bèn tự bùi ngùi cùng biết đó muộn". Đến lúc được chuyển thư nhường đó quá ngợi khen, lại nói: "Mới nay, trong thiên hạ, người Hiền mà có thức được mấy ai ư? Ở Trọng Linh sao lại nhường?

"Sau đó có vài lần cùng trò chuyện, suy khiến ở khoảng giao du, kỳ hẹn sắp trở lại kịch luận. Tuy nhiên, tôi chẳng phải người đó, châm chước ý mến thương đó, há chẳng có nghĩa đó biết tôi ư? Cách biệt đi một năm, chí mới hùng mạnh, đâu tỏ ngộ đó chợt nhiên mà đã mất ư? Người xưa đem đời sống con người mà sánh ví tợ mây nổi rồi chợt nhiên tan, không thể gìn giữ lâu bền. Như thế nên tin đó vậy. Xin ghi lời Từ rằng:

"Trước nghe Hối Thúc chí khí hùng
Nay nghe Hối Thúc chợt chẳng còn
Mới biết chưa tin tiện hẳn vậy
Định nghe bất chợt lòng tự thương.
Lòng thương Quân tử sao tha thiết

Nghĩ ông chưa trải tấm lòng son
Hiền lương chẳng toại chết theo việc
Đáng tiếc trách Tiên tài diễm còn.
Lục Cơ anh em đều mất sớm
Chi Lan rơi rụng sao cùng mong
Nhà cao mẹ cha tóc phủ áo
Ban ngày dằn dặc buồn chưa tan.
Nhớ ông năm trước đến Thất tôi
Chỉ chỏ nói cười tiếng rẽ rành
Người nghe sợ khen nào tuyệt đến
Quấy quấy phải phải cùng chăng tàng.
Đương lúc vâng vậy rất tương đắc
Thanh sắc khảng khái lắm du dương.
Mới bảo Bình Thúc chẳng đủ sách
So le tự ngại nào dám đương
Mây trắng có kỳ còn cùng đợi
Đâu ý hồn đi thành mênh mông.
Triết nhân từ xưa hiếm người thọ
Lý trời vì sao chẳng thể lường!"

AI TỪ CHU THÚC TRÍ.

Chu Thúc Trí tên là Trắc, vốn người xứ Tầm Dương, Cửu giang. Từ tuổi nhỏ đã thông minh mẫn ngộ, đọc sách hay nhớ kỷ, từ sáu sách Dương Mạnh, cho đến Sử của Tư Mã, thuyết của Lão Trang, liệt ngự khấu, và kinh nhà Phật tôi, trải qua mắt bèn thông hiểu đó. So sánh xưa nay, viện dẫn việc cũ, động có điển cứ, từng kinh hãi người nghe. Tất cả đều phục cao luận đó, làm văn học Dịch hệ Từ, cao kỳ rất khéo, thẹn với đua tranh, vội vàng chẳng đổi giữ gìn đó, nên danh chẳng nhờ gá lắm, giao du bè bạn thường vì phận nhà nghèo khó, thêm nữa song thân già nua nên cố gắng đó. Đến ngoài bốn mươi tuổi, mới dùng tài năng khéo tốt khắc đẳng cử, sau đó báo với Hữu ty, trở về quê nhà chuyên đem Đạo đó dạy dẫn người sau. Tại Giang Châu, phong tục cướp bóc khinh rẻ, người đó ít thể trang chỉnh, mà Thúc Trí khảng nhiên ở với quê nhà, mà hàng hậu học sanh sau chẳng dám tứ ý phóng túng.

Tháng tư năm trước, được con của Thúc Trí nói rõ Phục thư, lại nghe Thúc Trí đã qua đời từ tháng bảy năm Quý mùi (1043). Than ôi! Tôi từng cùng Thúc Trí kết bạn, phàm có bàn luận chẳng vì Đạo cùng khế hợp, chưa từng mở miệng nói lời đó. Trung chánh của giao Đạo, tự

cho là người xưa chẳng thấu đáo như vậy. Tới lúc đến Ngô Việt chẳng cùng gặp nhau đã sáu bảy năm. Ngày đêm mênh mông, nghĩ trở về lại Tầm Dương, mến mộ phong thái của Tuệ Vĩnh, Tuệ Viễn, Tông Bích, Lưu Di Dân, cùng với Thúc Trí đều già lão cùng ở dưới rừng. Kịp đến tin đây, tôi chẳng trọn giúp việc ấy. Than ôi! Giao đạo đó đã vậy ư? Buồn thay! Người đó không còn thấy lại nữa, nên lời Từ đây để ngợi ca đức đó vậy. Xin ghi lời Từ rằng:

"Núi của Sông chừ! Khang Lô rõ linh
Nước của Sông chừ! Cửu giang trong vắt.
Hợp khí đó chừ! Sanh người tinh anh
Ông được đó chừ! Đã thông lại minh,
Đạo đức tu chừ! Khí thức rộng lớn
Trọn chẳng bày chừ! Đoạt hóa đời lắng
Thọ của ông chừ! Khiến danh chẳng hủ
Phước của ông chừ! Học hỏi giàu có
Nhân nghĩa gia truyền chừ! Con cháu giữ báu
Ai bảo đã qua chừ! Chẳng sáng đời sau.
Sông Bồn nỗi trời chừ! Duyên lắng lăn tăn
Đá trắng cỏ xanh chừ! Ngày chiều sâm sai
Như người chẳng về chừ! Muôn xưa ly biệt
Cùng trông gò mộ chừ! Ngàn dặm y y".

THUẬT XÁ LỢI HÀNH ĐẠO Ở CHÙA TINH NGHIÊM TẠI TÚ CHÂU

(Tiếng Phạm gọi là Xá lợi, Trung Hoa gọi là Thân Cốt).

Đạo hẳn có chỗ nghiệm, chẳng có chỗ nghiệm, ai thấy Đạo đó thấu đáo (= chí) hay chẳng thấu đáo ư? Xá lợi của Phật, là nghiệm của Đạo ấy vậy. Phàm, Đại chí (thấu đáo rốt ráo) của Đạo hẳn suốt cả nhân thần sống chết mà Diệu đó. Thánh nhân dùng Diệu đó thì ở trong u tối mà hay hưng hiển, ở nơi trong sáng mà hay biến không, cho nên Thánh nhân mới sanh đó vậy. Khéo tốt lành đời mà không tốt lành, mới chết đó vậy. Ngầm Thần mà dùng Thần, Xá lợi là phô bày cả trăm đời mà nghiễm nhiên, công hiệu linh đó, thì thiên hạ chẳng thể lường, há chẳng phải làm của Thần đó ư? Nay, phàm chín phái triết học và cả trăm nhà dùng Đạo đó mà làm, đó là thiên hạ rối ren, nghĩa là Đạo đó thì cùng với Phật chưa từng khác vậy. Xét nghiệm đó thì thiên hạ không có vậy. Tranh giành tôn quý bậc thầy đó thì cho là Phật chẳng đủ. Cùng Thánh nhân đó mà so sánh thì chết của người đó vậy, chưa trọn ngày mà hình

thối rả, chưa trọn năm mà cốt mục nát. Thần đó thì mênh mang, sao có ở hốt hoảng. Há đạo đó cũng có chỗ chưa đạt đến so với Phật ấy ư?

Xưa kia, Phật pháp mới lưu truyền đến trong thời nhà Hán, mà người Hán chẳng rõ biết, truyền đến trong thời nhà Ngô mà người Ngô chẳng tin thực. Họ đều chuyên theo Nho Lão mà chống cự đạo ta, nên Tôn giả Ca-diếp Ma đằng, Sa-môn Khương Tăng Hội đem xá lợi để nghiệm đời Phật, từ đó hợp nhiên mà hưởng ứng theo. Phàm, Đạo xa vậy, mà nghiệm gần vậy. Quán gần vậy là phát đó vậy, quán xa vậy là thấu đạt đó vậy. Thấu đạt đó là Thánh nhân, dùng nghiệm quán Đạo thì thô hay diệu có thể xét vậy. Dùng Đạo để quán Thánh nhân mà lớn nhỏ có thể thấy vậy. Người cũng có nói: "Giáo đó có việc lớn không thể nghĩ bàn". Càng biết Phật làm Đại Thánh nhân, chẳng vậy đó ư? Nhưng trông thấy xá lợi trong thiên hạ xưa nay có lắm nhiều, có cuộn quanh giữa hư không mà bay liệng, có không duyên mà cớ mà đến, có phát sáng tỏa chiếu đồng như nhật nguyệt, có chẳng thể thiêu đốt, có chẳng thể vỡ nát. Xá lợi của hành đạo như vậy ngày đêm triển chuyển mà chẳng dứt, mà thiên hạ chưa từng thấy vậy. Bưng pháp đó cung kính thì Khánh đạt càng chuyển, như cùng ý người mà cùng ứng khác ư? Đẹp xinh thay! Vật của chí Thần cũng chẳng hẳn lớn vậy, nghiệm của chí đạo chẳng hẳn nhiều vậy. Xét đó mới đầu đặt để thì nói được đó ở Ngô Việt, nên Quốc sư Thiều Công bởi được ở Nhạc Dương của Lương, Vương Tiêu xét chỗ truyền đó ấy vậy. Thế mà Tiên Vương của giòng họ Tiền bên trong nơi khánh đạt vàng dùng tháp đồng nhỏ mà phong bịt đó đặt để ở chùa Linh Quang (Tên cũ của chùa nay) gần cả trăm năm vậy. Thiều Công là bậc chí nhân, gọi xá lợi đó, một là Hành Đạo, một là Nhập Định. Nhập Định là bí ẩn mà không thể thấy. Hành Đạo là giúp tháp mà trang bày đó. Đó há chẳng vì chư tăng đời sau không khuôn phép đạo mà tục bạc ít tin, sẽ cũng có chỗ khuyên mà phát đó ấy ư? Nên thuật ý đó bảo chúng tôi dùng hiển bày.

ĐỀ Ở VÁCH TƯỜNG ẢNH ĐƯỜNG VIỄN CÔNG.

Sự tích của Viễn Công, người học tuy thấy mà ít có thể cùng tận đó, khiến đời chẳng rõ ràng trông thấy đức của tiên Hiền, cũng là lỗi quá của người sau vậy. Tôi đọc "Cao Tăng truyện", "Liễu Xá Ký", và các bản ghi lục mới cũ ở Cửu Giang, rất mến mộ Viễn Công, gồm có sáu việc có thể dùng để khuyên vậy. Lại nên nêu dẫn để giải thích đó, xếp đặt nơi ảnh đường để chỉ bày lại là: Lục Tu Tĩnh là một học giả dị giáo, mà đưa tiễn qua Hổ Khê, đó chẳng vì người mà bỏ lời thề vậy.

Đào Uyên Minh là người đắm say rượu chè, mà lại cùng kết giao, đó là gạt bỏ tiểu tiết mà lấy thấu đạt đó vậy. Cao Tăng Bạt Đà vì hiển dị bị ruồng duổi mà mời lại cùng ngợi khen đó, bởi trạng có nhận biết mà nắn sửa tật Hiền vậy. Tạ Linh Vận vì tạp tâm chẳng giữ, mà kết quả chết bị luật hình, bởi biết khí đó mà cẩn trọng việc chung cùng ấy vậy. Lô Tuần muốn phản, mà lại nắm tay cầu xưa cũ, bởi tự tin đạo vậy. Hoàn Huyền khua oai, mà chống kháng lại khuất, bởi có đại tiết vậy. Phàm, từ xưa đến nay, nhân tình không ai chẳng sợ oai mà tạm khỏi, quên nghĩa mà lánh nghi ngờ, ham sanh mà mờ tối sự thật, bạn đảng với thế lực mà nhẫn chịu cô quạnh, trang sức hành vi mà sợ lụy, tự mình phải mà quấy với người. Ai có đạo tôn quý một đời làm Hiền, làm thầy chịu vì phiến ngôn mà theo người đó ư? Ai có xưa trước bẩm thọ thắng đức làm hạnh sáng sạch, lại chịu giao du với kẻ say sưa mà cao chuộng thành đạt đó ư? Ai có khuất cúi sự tôn quý của người lễ tiếp khách bị xua đuổi mà bày tỏ Hiền đó ư? Ai có chống kháng kẻ sĩ thạnh danh chẳng cùng đối với giáo mà khắc toàn chung ư? Ai có nghĩa chẳng lánh họa thuần hóa xưa cũ mà tin đạo ư? Ai có gặp phải oai phong của Tướng soái đang lúc giết phạt bạo ngược, mà giữ đạo chẳng nhiễu loạn, toàn tiết ư?

Đó, nên Viễn Công có thức lượng xa lớn riêng vượt ngoài xa nay vậy. Như phù trì mang đội chí giáo mở lớn Thánh đạo, cứu giúp trời người đó, chẳng phải nhờ mới có thể tận cùng Thánh đó ư? Hiền đó ư? Kỳ vĩ lớn lao thay! Ôi khí lục hợp phong thanh danh vang của Viễn Công vậy. Sắc thu của bốn biển rung động trong thần núi, thanh cao của Viễn Công vậy. Người, Tăng, Rồng, phụng cao vái tiếp Sào Hứa, tức phong phạm của Viễn Công vậy. Mây trắng núi đỏ cây ngọc cỏ Dao là nơi ở của Viễn Công vậy. May được sau Viễn Công mà sanh sống, tuy mến mộ đó mà lại bàn luận, chiêm ngưỡng di tượng đó, cúi đầu kính lễ, nguyện đem văn tệ ghi đề ở vách tường phòng thất.

ĐỀ SAU TRUYỆN MAI PHƯỚC.

Ban Cố nói: "Mai tử Chân từng làm Nam Dương úy bất đắc chí, bèn tự dẫn đi biến đổi họ tên để làm Giám môn ở Cối Kê". Lại nói: "Tiên đi, nên sau đó người nói". Chẳng qua là cho rằng, Tử Chân hay dùng Tiên Úy làm Lại Ẩn, khéo cùng thời thế nổi chìm, luôn luôn dẫn việc đó làm úy là mỹ ngôn, cũng là chỗ không rõ ràng của người học vậy. Nhỏ nhen thay nói vậy.

Tử Chân là người lỗi lạc có tiết tháo lớn phấn phát, chẳng đoái hoài tự thân, trung với nước nhà, lo âu cho thiên hạ ấy vậy. Đang lúc

triều đại nhà Hán mất chính lý, gốc ngọn đều trái ngược, Tử Chân giận ghét tà thần dùng việc trộm lộng quyền lớn, nên phát tức dâng thư luận về Đại thể đại yếu của nước nhà, hưng hành lễ độ lên dùng người tài tuấn hiền lương. Tuy xúc chạm bọn dèm pha dua nịnh mà không chỗ lánh kỵ, nhưng từ khí thẳng thắng, ý muốn cảnh động chúa ở đương thời. Tuy thư từng dâng tấu mà chưa trọn chẳng tỏ hiểu, cuối cùng đất đổ ngói vở, khiến đương thời tạm hơi dùng lời nói đó, mà xã tắc của Cao Tổ (?) chưa hẳn táng mất.

Than ôi! Tử Chân ở địa vị cuối Cửu phẩm, triều đình không một để ý viện dẫn lên, cứng rắn phấn phát chí trung dũng mạnh quá người, nhả từ hỗ trợ nguy ách của nước nhà, đi ngược vảy rồng mà tìm đến miệng Hổ; chẳng trên bước chân mà họa đến thân đó. Thế mà còn chẳng lấy làm sợ hãi, thật khảng khái đại trượng phu vậy! Ôi! Xưa nay những người đọc sách làm học, ai chẳng ôm khí tự thấy làm anh hùng ở khoảng bằng du. Như có một lời trái ngược, chẳng hợp ý đó, hẳn liền phát hận mắng rủa, hận chẳng thể giết đó như thù. Đến lúc đó đứng nơi Triều đình, thấy có bất nghĩa, tuy đại chí ở hại giáo hóa thương phong tục, lấy đó chẳng thiết đối với chính mình. Tuy thấy như không thấy, tuy nghe như không nghe, luôn luôn theo mà nịnh nọt đó. Nếu đó hư bại thì chụm miệng mà cười đó. Đây nghe phong của Tử Chân, nên làm Tâm thế nào? Tử Chân qua đời ở cuối thời Tiên Hán, đến nay trên dưới có hơn ngàn năm, đối với Huyện úy chưa có như Tử Chân ấy vậy, hay có mà chưa nghe thấy ư? Tôi thường đau khổ vì ở đời không biết đạo của Tử Chân, đức của Tử Chân, nhọc đề cao được Thuật Tiên đi đó, nên ghi đề từ vậy.

BIÊN GHI CUỐI TRUYỆN VĂN TRUNG TỬ.

Đọc "Vương Trách Tập" của Đông Nghiệt Tử, mới biết Vương thị giả thật có sáu kinh của Khổng Tử, biết Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Lý Tĩnh, Đỗng Thường, Ôn Ngạn Bác, Ngụy Trưng, Tiết Thâu, Đỗ Yêm... quả nhiên đều là đệ tử của Văn Trung Tử ấy vậy. Đọc "Đường Thư", "Truyện Vương Bột", mới biết Văn Trung Tử là Tổ của Bột, quả thật từng làm Nguyên Kinh. Vương Trách chết năm Trinh Quán thứ 18 (664) thời tiền Đường, cách đời của người anh đó rất gần, hay nói việc ấy vậy. Xót xa thay! Các ông Phòng, Đổ, Ôn, Ngụy, Vương Bột đều không viết một chữ để truyền Hiền của Văn Trung Tử! Mà "Tùy Thư mất ghi chép đến đời sau, nên cho việc của Văn Trung Tử chẳng đủ tin. Đến lúc Hàn Tử nổi tiếng văn chương, Học sĩ trong thiên hạ tôn Hàn là Hàn Dũ,

chứ không xưng là Văn Trung Tử. Lý Cao lại xem thường sách đó, so sánh như gia giáo của Thái Công, mà người học chuộng chẳng lấy Văn Trung Tử vậy. Nhưng Vương thị hay tiếp tục sáu kinh của Khổng Tử, chuộng Á của Khổng Tử vậy. Hàng thức giả nên đem đạo của Thánh nhân so sánh mà chánh đó. Đạo của Văn Trung Tử đó nếu cùng Khổng Tử hợp là nối dõi của Khổng Tử, mà có và không của sách truyện chẳng đủ làm tin. Tình ghét thương của người thời nhà Tùy muốn khinh miệt Thánh hiền đó có thể được ư? Mạnh Kha há không nói: "Tận tin biên ghi chẳng như không biên ghi". Tôi thấy Trung thuyết đọc Thơ đó nói: "Bốn danh năm chí", đọc Thư nói: "Bốn chế bảy mạng". Nguyên kinh thì nói: "Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần mất vì họa nước nhà đó, mà khéo lập pháp đó, có đạo của Thánh nhân". Than ôi! Không thấy Lục kinh đó, hãy ghi đây để lại người học.

BIÊN GHI SAU LÝ HÀN LÂM TẬP.

Tôi đọc: "Lý Hàn Lâm Tập" thấy thơ Lạc Phủ đó có hơn trăm bài, ý đó là tôn trọng nước nhà, làm chánh nhân luân, trác nhiên có phong của Chu Thi, chẳng phải nhọc ngâm vịnh tình tánh oái ẩu cẩu thả tự tiện mà thôi. Rõ ràng, đương thời Tiền Đường có thiên hạ đến đời thứ năm, Thiên Tử (Duệ Tông-Lý Đán 685?) ý lắm Thanh sắc, hình như chấp chính hơi cởi mở, để bọn gian tà được vào trộm lộng quyền bính, gặp binh giặc Lộc Sơn phạm khuyết, mà Minh Hoàng đến Thục. Rõ ràng, Mẫn Thiên Tử thất thủ khinh bỏ Tông miếu, nên làm biệt ly xa để giết đó. Đến lúc làm "Thục Đạo Nan", vì giết cường hoàng của chư hầu, làm "Lương Phủ Ngâm" thương Hoài Trung mà chẳng thấy dừng; làm "Thiên Mã Ca" buồn thương vất bỏ tài hiền mà không ghi lục công đó, làm "Hành Lộ Nan" ác dèm pha mà không được cùng tận thần tiết đó, làm "Mạnh Hổ Hành" phẩn hận Hồ lỗ loạn Hạ mà nghĩ an Vương thất, làm "Dương Xuân Ca" để răn Dâm lạc không tiết, làm "Mã Tê Khúc" để tránh ham Sắc mà không ham Đức, làm "Chiến Thành Nam" để chê hết binh lính không tốt. Như thế đó không thể thảy đều nói và phóng bỏ đi. Còn làm "Thu Phổ Ngâm" mang rõ ý người chủ chẳng trọn hoài mong. Cuối cùng vất bỏ ở khoảng giang hồ, bèn quanh co. Ngoài ra, khinh đời đánh uống quá say, ngụ ý ở pháp của Đạo Sĩ, nên họ giao du xem tặng đưa các thợ tạp dùng thuyết của Thần Tiên. Phàm chỗ làm của Tánh là chỗ đến của Chí. Tiểu nhân thì dùng ngôn từ, Quân tử thì dùng thơ. Do ngôn từ và thơ để cầu chí đó thì Quân tử và Tiểu nhân có thể cùng tận đó. Như thơ của Lý Bạch vậy. Như vậy mà Tánh đó cùng

với chí há là Tiểu hiền ư? Như đương thời thủy chung người đó tận cùng tài đó mà dùng đó khiến lập công nghiệp, sau biết quả đó không thể vậy. Đời gần đây nói Lý Bạch thanh tài quá khí, chỉ trích tiên nhân. Đó đâu hẳn vậy ư? Nhìn thơ đó thể chế tài tư như núi rung biển động, cao vợi mênh mông không thể cùng cực. Nếu đương thời được dự gạn lọc của Thánh nhân có thể tham Nhị nhã, nên cùng phong hóa của nước nhà mà truyền đó đến vô cùng, mà Ly Tao, Tử Hư chẳng đủ để cùng sách.

BIÊN GHI SAU TRUYỆN GIA CÁT VÕ HẦU.

Khổng Minh lúc mới đầu tự thân cày ở Long Trung, từng tự so sánh với Quản Trọng, Lạc Nghị. Người thời bấy giờ chẳng có ai hẹn được, chỉ Bình Từ Thứ ở Thôi Châu lấy làm vậy. Tôi khảo xét sự tích Khổng Minh, đó là lấy chí công của thiên hạ để làm tâm, muốn chinh phạt Ngụy là để dựng lại xã tắc nhà Hán, cùng hợp với Quản Trọng ở chỗ là tập hợp chư hầu thành một để giúp thiên hạ. Lạc nghị chẳng giết cử tức thành Mấc chi, muốn chuyên dùng Vương Đạo một kết quy thiên hạ. Đạo đó đâu khác ư? Lưu Bị ba lần đến mới thấy gặp. Khổng Minh mới cùng Lưu Bị họa kế, sao đó khéo vậy! Đến lúc quân Lưu Bị thất bại, tự thân trốn đến Hạ Khẩu mà Khổng Minh đến nói với Tôn Quyền, được binh lính tiếp viện, đánh phá Tào Tháo ở Xích Bích. Đó cùng với Lạc Nghị nói Thiệu Sở Ngụy, khiến Thiệu hám Tần vì đánh lợi của Tề, mà Nghị đều được binh lính của năm nước Sở, Ngụy... đánh Tề, phá đó tiếp tế hướng Tây. Mà tài lược đó kỳ vĩ cùng Lạc ngang bằng vậy. Dẫn các quân từ phương Bắc đổ vào Hán Trung, đến lúc sắp phát hành, dâng sớ, cùng với Lạc Nghị báo gởi thư của Yến Huệ, trung nghĩa đó đồng loại. Chỉ gặp chủ đó trong thời khó, chẳng như đắc chí của Quản Trọng vậy. Giả sử Khổng Minh gặp thời thạnh, trời chẳng đoạt tuổi thọ đó, được dùng việc đó thủy chung, khôi phục lại nhà Hán mà bình nhất thiên hạ, hưng sùng Vương Đạo, thì Quản Di, Lạc Nghị gần như chẳng kịp vậy. Tiếc đó khinh dùng mã súc bèn bại ở Nhai Đình, hại việc hay đó. Nhưng Gia Cát Khổng Minh hiền hào tuấn kiệt còn lầm mờ ở biết người như vậy, huống người chẳng như Khổng Minh mới khinh tin ư? Người lợi khẩu mà dùng đó cũng chẳng dễ ư? Răn đó thay! Răn đó thay!

BIÊN GHI SAU TRUYỆN PHẠM TUY.

Mới đầu, Phạm Tuy cải đổi họ tên, tự xưng là Trương Lộc tiên sanh, vào đất Tần nói với Tần Vương, chỉ điều lỗi của Nhương Hầu là

tướng của Tần. Tần Chiêu Vương bèn đuổi Nhưỡng Hầu, thâu ấn tướng đó. Và liền bái Phạm Tuy làm tướng, hiệu là Ứng Hầu. Ứng Hầu nhậm dùng Trịnh An Bình, sai đem binh lính đi đánh Triệu. Ứng Hầu lo không biết tính chỗ ra đó, mà Thái Trạch mới từ hướng Tây vào Tần ra mắt Chiêu Vương, sai người tuyên lời cảm giận Ứng Hầu. Ứng hầu phục nói đó, mới cử Thái Trạch. Ứng Hầu nhân đó lấy cớ bệnh từ tạ xin trao ấn lại. Phạm Tuy đã hết làm tướng, Tần Chiêu Vương bèn phái Thái Trạch làm tướng. Thái Trạch làm tướng Tần được vài tháng, hoặc có người ghét ganh, sợ bị giết chết, sau đó cũng lấy cớ bệnh xin trả lại ấn tướng đó. Trang Tử nói: "Một con ve sầu mới được chỗ râm mát đẹp mà quên thân nó. Con Bọ ngựa báo ngăn che mà bắt đó. Thấy được mà quên hình nó. Con chim khác khác theo mà được lợi. Thấy lợi mà quên thật đó". Trang Chu xót xa mà bảo: "Ôi! Vật hẳn cùng lụy vậy". Đó cùng với Phạm Tuy, hai ba ông cùng khuynh mà cùng đoạt, có gì khác ư? Muốn điều muốn của người, người cũng muốn đó. Ai nói là có thể hẳn gìn giữ giàu sang đó ư?

NGỢI CA TRUYỆN ĐOÀN THÁI ÚY THỜI TIỀN ĐƯỜNG.

Thái úy Đoàn Tú Thật trước tiên bị người dùng việc đoạt đi Binh quyền mà không oán hận, đến lúc cứng rắn phấn phát hòm sách đánh giết Chu Thử. Chẳng đoái hoài một cái chết, mưu đồ chỉ còn Vương thất. Xưa trước xưng gọi đó là Bề tôi của xã tắc vậy. Lại nói là giết thân để thành nhân, lại nói là gặp nạn không tạm khỏi, mà họ Đoàn đều được đó vậy. Người nói hoặc lại bảo là: "Đoàn Thái Úy nhỏ bé yếu đuối, động mà chẳng nghịch vậy, rất thuộc loại Nho giả". Đến lúc phấn phát đánh tù phản tiếng mắng gằng vút mà khí quen muôn phu, mũi nhọn sáng hoắc múa máy trước mặt mà chọn chẳng biến đổi sắc mặt. Có gì mạnh hơn vậy ư? Mạnh như gió thổi, xe như sấm sét đánh, khẳng khái hùng vĩ vượt cao ngoài xưa nay. Thái Sử Công nghi ngờ Điền Hầu ở Họa Đồ, tin có đó vậy. Than ôi! Phần lớn xưa nay nhân tình được thạnh của quyền thế, chẳng khua động chủ thì kiêu, thời đến khí mất đó thì oán, mong chẳng thể tự còn, luôn luôn mưu tính làm không khuôn phép. Như Thái úy Đoàn Tú Thật là được đó mà chẳng lấy làm may mắn, mất đó mà chẳng làm oán hận. Thành và bại chỉ tại lúc chưa quyết mà vì chết theo Vương Thất, phỏng theo Hoài Âm Hầu, Hàn Tín thì Hiền đó xa vậy.

NGỢI KHEN HIẾU THIỆN.

Thiện của Thánh nhân lấy người làm thiện, người đó hẳn là hiếu thiện. Cản trở thiện của người để tự thiện, người đó hẳn là ghét thiện. Người hiếu thiện, đạo đó hẳn rộng, người ghét thiện, sống đó hẳn nhục. Hiếu thiện thì người thiện trong thiên hạ vui dùng thiện đó báo, nhóm tụ thiện của thiên hạ lấy làm hạnh. Đạo đó cũng chẳng rộng lớn ư? Ghét thiện thì người thiện trong thiên hạ tuy sợ nghe chỗ thiện đó, bưng bít thiện của thiên hạ lấy làm ngôn từ. Sống đó cũng chẳng nhục ư? Thuấn là người hiếu thiện thời xưa, Nhan Tử cũng là người hiếu thiện thời xưa. Thuấn ấy là Thánh nhân của thời xưa vậy, ở ngay đời của Nghiêu khắc đều làm hiếu, chung chung lại chẳng cách gian, thiên hạ chẳng kết quy ở Chu mà kết quy ở Thuấn, mà thiên hạ đều có thiện đối với Thuấn ấy vậy. Đến lúc họ nghe một ngôn từ thiện thấy một hạnh thiện, như khơi sông ngoài chảy sầm sầm chẳng thể ngăn cản vậy. Nhan Tử là Hiền nhân của thời xưa, sống đương thời của Khổng Tử, ôm đạo của Thánh nhân cùng ở nơi hẻm hóc hẹp hòi, người chẳng kham ưu lo đó, mà Nhan Tử chẳng đổi niềm vui đó, ngõ hầu ư? Thánh nhân sở dĩ ngợi khen đó, mà thiên hạ đâu có thiện đối với Nhan Tử vậy. Đến khi họ nghe một điều thiện của người thì chăm chăm phục ứng.

Như nay chỗ gọi là thiện nhân, tôi chưa thấy có như Thánh Hiền của Thuấn và Nhan Tử vậy. Thiện đó chưa hẳn là thiện đối với người trong thiên hạ. Đến lúc họ nghe thiện của người, ai chịu chảy xiết mà hành đó, cũng ai chịu chăm chăm mà phục ứng. Người theo mà bưng bít đó có đó, người biện rành hẳn hình ở ngôn từ, người vụng chạt hẳn hình ở sắc. Hoặc thiếu mà ngợi khen đó người đó vậy. Chẳng phải tình cùng bằng đảng thì chẳng làm vậy.

Than ôi! Muốn danh đó chẳng nhục, họ có thể được chăng? Rộng lớn của đạo đó vậy, có thể được chăng? Người thời nay không như thời xưa xa vậy. Nên gọi hiếu thiện, nếu không phải người của Thánh Hiền thì không thể hiếu thiện vậy. Tận cùng trời đất, phô bày đến muôn đời, chỉ có Thuấn và Nhan Tử mà thôi vậy. Tuyên bày ở đạo và danh đó, truyền đó đến vô cùng vậy.

TRUYỆN LỤC THIỀM

Lục Thiềm người xứ Đàm Tân, Đằng Châu, do khéo giỏi thơ văn nên tiếng tăm vang tới tận Sở Việt. Trong bài vịnh Bộc Bố, viết rằng:

"Linh nguyên người chẳng lường, ngàn thước treo đầu mây.
Sắc núi nhuốm không được, Thần Công cắt cũng khó

Hạ phun Quyến điểu ngưng, Thu vẩy Đẩu ngưu lạnh
Đợi đến ngày mênh mông, làm sóng đổi khéo xem.”

Đó, các Thi nhân rất ngợi ca, mà làm khách chết ở núi Tư Không thuộc Du Huyện. Thuở nhỏ, tôi đến Hành Sơn, gặp Cao Lãng là người ẩn dật nói với tôi rằng: “Xưa trước Lục Tiên sinh là người Ấp của ông, mới thời đầu nước nhà, nhà họ Liêu do làm thơ rất hưng thạnh, mà Thi nhân khắp bốn phương mến mộ nhà họ Liêu nên đến Hành Sơn rất đông nhiều”. Riêng Lục Tiên sinh làm thơ phần nhiều là câu cú cảnh răn, tuy mến mộ Liêu Dung cũng cùng suy cao, nhưng Lục Tiên sanh chẳng chỉ khéo giỏi thơ văn mà thôi, còn hiểu biết đại khái về Vương Bá, cũng đợi có chỗ khó gặp, nên trong ngôn ngữ thơ đó thấy có chí ý, như hai câu cuối của bài Vịnh trên nói “Đợi đến ngày mênh mông, làm sóng đổi khéo xem”. Thường quấn khăn áo vải, khéo nắm cao tiết, đến đâu, đóng cửa tự ở, chẳng chịu cùng người thường giao tiếp. Tôi nghe phong thái đó lại tán thán đó là: “Lục tiên sinh người cùng Ấp, hay khéo dùng thơ, vượt cao ngoài đồng bạn, đó cũng Hiền vậy, mà phụ đạo giữ tiết, chẳng làm a dua đời cẩu thả hợp, mà muốn tự có chỗ khó gặp”. Tuy Khổng Mạnh còn chẳng được chí đó mà sống vậy, cũng chẳng khéo ư? Nhưng trong thiên hạ, như Lục tiên sanh theo chết nơi gò hốc là hạng nào?”

TRUYỆN HÀN KHOÁNG.

Hàn Khoáng tự là Nhiếp Sanh, là một ẩn sĩ vậy. Hoặc có người nói là con cháu của Hàn Thông ở thời Ngũ Đại. Đầu thời Bắc Tống, gia đình đó bị phá tán, Hàn Khoáng đang còn bé nhỏ, có người trộm giấu mà dưỡng nuôi. Đến lúc hơi biết số phận gia thế mình, Hàn Khoáng cũng bèn tự trốn mất ở xứ Dương Việt, chỉnh tề to lớn. Lúc tuổi trẻ nhậm hiệp túng rượu đánh kiếm. Một sáng nọ cảm ngộ, liền nghiêm khiết thân vén áo, vân du khắp Danh sơn, mến mộ Đạo gia, bỏ ăn dẫn dắt, làm người trầm lắng cương nghị, ít nói, lo lắng nhưng có khi xa, cam chịu ăn mặc xấu dỡ. Đến ở đây, bèn liền đóng cửa, chẳng giao tiếp với người đời. Các Quan tôn quý như Thứ Sử túng cầu đó, mà chưa từng có cho thấy gặp, hoặc hơi thấy gặp chỉ một lần bái tiếp, bèn tự dẫn chẳng lại cùng trò chuyện. Thuở thiếu thời, tôi biết Hàn Khoáng ở Nhạc Mê, người đó đã già, lặng lẽ, chẳng vọng nói việc gì. Nhưng người nhiều vui thích cao nghĩa đó mà tự khuyên. Mới đầu tôi cho Hàn Khoáng là cây gỗ vụng về ít văn vẻ, khi vân du đến Hồng Tĩnh thấy chúc từ đó hoàn hảo khả quan, nghe bình sanh đó rõ ràng hơn càng tin, đó có đức mà có

ngôn từ vậy. Cuối đời, cùng Hàn Khoáng mất ở Tương Đàm vậy.

BÌNH SÁCH CỦA THANH CÔNG Ở BẮC SƠN.

Tôi xin bình phẩm rằng: Cao tăng Thần Thanh ở thời Tiền Đường không ưa thích Thiền giả, tự tôn quý tông của chính mình, mới viết sách mà chèn ép đó, bảo là: "Truyền pháp Hiền Thánh đó chỉ là Thanh văn, như Ca-diếp... Tuy nói là hồi tâm, mà còn là Tiểu trí, đâu có thể truyền Tâm ấn của Phật ư?" Lại dẫn trong Truyện Phú Pháp tạng nói: "Xưa kia, Thương-na-hòa-tu bảo Ưu-ba-cúc-đa rằng: "Tam muội của Phật hàng Bích-chi không biết, Tam muôi của Bích-chi hàng Thanh văn không biết, Tam muội của các Đại Thanh văn thì các Thanh văn khác không biết. Tam muội của A-nan nay ta không biết, Tam muội của ta nay ngươi cũng không biết. Như vậy, Tam muội đều theo ta diệt. Lại có bảy vạn bảy ngàn kinh Bản Sanh, một vạn A-tỳ-đàm, tám vạn thanh tịnh Tỳ-ni cũng theo ta diệt".

Có vậy thay! Thần Thanh nhọc bày điều ưa ghét của chính mình mà không biết rất sai lầm về tiên Thánh. Mới đầu tôi thấy sách của Thần Thanh, thấy so sánh luận bàn về Tam muội đó tuy văn từ không đẹp, bởi vì khéo ghi nhớ kinh sách, chẳng khác biệt nghĩa lý nguyên do mà chẳng tức quấy đó. Đến khi khảo xét về thuyết của Thiền tông đó, gặn hỏi vài phen, liền gom nhặt điều chuộng của lưu tục, và việc dẫn sách truyện lại không được rõ ràng đó. Mới đầu tôi cho đó chẳng phải là chí luận, nên chẳng đủ mà lưu tâm để ý. Tôi mãi nghĩ suy điều nói là "Ca-diếp... đâu có thể truyền Tâm ấn của Phật", đúng rất là nói cuồng. Sợ điều đó thiêu đốt làm mê hoặc thế tục, tăng thêm sự bới móc nhau của hàng sanh sau học cuối không thôi, mới cùng chánh đó, chẳng phải ham thích biện luận vậy. Phàm muôn sự thì lý làm gốc đó mà vết tích là làm ngọn đó. Người thông gốc đó nên được nhiều đó, người bó buộc ngọn đó nên nhiều mất mát đó. Như truyền pháp có cả vài mươi Thánh hiền, tuy chỉ bày đồng là Thanh văn mà đâu nên vì Thanh văn đều cùng tận đó ư? Trong kinh nói: "Nay Ta có chánh pháp Vô thượng..., thảy đều đem phó chúc cho Đại Ca-diếp". Cuối cùng lúc nói kinh Đại Niết-bàn, Phật truyền nói: "Nay Ta có các Pháp Đại từ Đại bi Tứ thiền Tam muội vô lượng công đức mà tự trang nghiêm, mà Tỳ-kheo Ca-diếp cũng lại như thế". Lại nói: "Ưu-ba-cúc-đa là Vô cấu tướng hảo". Phật lại bảo "Tăng-già-nan-đề là Đức Như Lai Bà-la-vương ở thời quá khứ giáng tích làm Tổ". Đồng loại như vậy có nhiều lắm, há chẳng phải Thánh nhân muốn phù trì pháp đó cùng nhau tôn kính mà hiện bày làm lớn nhỏ

ư? Trong kinh Lăng Nghiêm nói có ba hạng A-la-hán: Một là Đắc quyết định tịch diệt Thanh văn A-la-hán; hai là Tăng tu Bồ-tát hạnh A-la-hán; ba là Ứng hóa chỗ Phật hóa A-la-hán. A-la-hán đó vì bản nghiệp thiện căn, sức phương tiện, nên hiện cõi nước chư Phật. Nên như Đại Ca-diếp truyền pháp vài mươi Thánh hiền, há chẳng phải là A-la-hán ứng hóa chỗ Phật hóa ư? Nhưng chỗ Phật hóa là nên có Tứ thiền Tam muội vô lượng công đức cùng Đức Như Lai không khác vậy. Chẳng khác so với Đức Như Lai mà truyền Tâm ấn của Phật, ai bảo đó không vậy ư? Như Thương-na-hòa-tu nói: "Tam muội của A-nan thì ta không biết, Tam muội của ta nay ngươi cũng không biết". Đó là sợ có chỗ ức dương vậy, chưa thể gọi đó hẳn vậy. Trong kinh nói: "Vào Viễn hành địa đã được vô lượng Tam muội". Phàm, vào Viễn hành địa, tức từ là Bồ-tát Thất địa vậy. Bồ-tát Thất địa còn có thể được vô lượng Tam muội, mà hóa Phật há đều không thể vậy? Nhưng chỗ truyền Tâm ấn của Phật cùng các Tam muội khác, nên khác ngày mà nói ư? Phàm, Tâm ấn là Diệu bản chủng trí của Đại Thánh nhân. Các Tam muội khác là Trí tuệ do Diệu bản phát ra, đều do Tam muội mà xưng đó vậy. Tâm ấn tức như trong kính nói là Tam muội của Tam muội Vương ấy vậy. Chỗ truyền của Như Lai là Tam muội đó vậy. Thần Thánh cho là các Tam muội khác ư? Còn chỗ đó gọi là "Bảy vạn bảy ngàn kinh Bản Sanh, một vạn A-tỳ-đàm, tám vạn thanh tịnh Tỳ-ni cũng tùy theo ta diệt". Điều đó, tôi chưa thấy ở các sách khác, chỉ riêng Truyện Phú Pháp tạng nói. Đó còn hoặc nghi ngờ vậy. Giả sử khiến sách ấy không sai lầm, sợ chẳng phải cho là Truyền pháp Thánh hiền đó chẳng thể nhậm trì mà ấy vậy. Đó hẳn vì quần sanh đời sau có duyên phước lực càng kém yếu mà chẳng hơn giáo đó. Cho nên diệt đó, mới còn mất của Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt Pháp cũng tùy theo đời mà pháp có ô nhiễm hay hưng long vậy. Nào từng vì hoằng pháp Thánh Hiền đó mà khiến chánh hay mạt ư? Than ôi! Người học chẳng cầu kinh, không tận cùng lý, động sai lầm ý của Thánh nhân làm thuyết đó. Tuy khéo giỏi biên ghi liền việc của muôn đời, cũng đâu ích gì ư? Thư nói: "Ghi nhớ học của hỏi, chưa đủ để làm Thầy người" nghĩa là như Thần Thanh ấy vậy.

BÌNH VỀ VIỆC THIỀN TỔ TUỆ KHẢ TRONG TỤC CAO TĂNG TRUYỆN THỜI TIỀN ĐƯỜNG.

Bình rằng: Trong Tục Cao Tăng Truyện biên soạn ở thời Tiền Đường nói: "Tuệ Khả gặp giặc nên chặt tay cho". Tôi xin biên ghi rằng: Sao kỳ lạ vậy ư? Tôi xét trong văn Bia, Pháp Lâm nói: "Đại sư Tuệ

Khả đứng trong tuyết qua vài đêm, chặt cánh tay, đập dập thân mình để mong cầu khai thị”. Nhưng người làm Tăng truyện cùng đồng thời với Pháp Lâm, thuyết của Pháp Lâm hợp với sách Thiền, mà Truyện trái lại đó. Há chẳng phải gom nhặt nghe đó chưa thấu đáo ư? Ước cũng theo tà thuyết mà vọng, chẳng phải đó ư? Nên sách đó chẳng đủ để bình xét vậy.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 14

PHI HÀN TỬ
(Phần Thượng)

PHI HÀN TỬ
(gồm 30 bài và Lời tựa)

LỜI TỰA

Phi Hàn Tử là người dùng điều sai quấy để mổ xẻ kinh điển, rồi bắt thiên hạ phải làm theo, phải quấy như tục dùng thương ghét để cùng công kích nhau vậy. Nếu là bậc chí Thánh chí Hiền ở đời hẳn tin điều tôi nói đó là không cẩu thả vậy. Sách này gồm ba mươi bài, chỉ hơn ba vạn ngôn từ.

BÀI MỘT

Hàn Tử nghị luận bó buộc lại cạn cợt, không kịp chí Đạo của Nho để có thể biện. Mới đầu, tôi thấy đề mục đó là “Nguyên Đạo, Từ thị”, trong đó nói: “Nhân và Nghĩa làm định danh, Đạo và Đức làm hư vị”. Xét ý đó, chánh dùng nhân nghĩa việc người hẳn có, mới nói Nhân và Nghĩa làm định danh. Đạo đức vốn không duyên do Nhân xử trí vậy, mới nói Đạo và Đức làm hư vị. Đó nói là đặc biệt riêng Hàn Tử nghĩ đó chẳng tinh tường vậy.

Phàm, duyên Nhân Nghĩa mà đặt để Đạo Đức, nếu chẳng phải Nhân Nghĩa tự không có Đạo đức vậy. Được hư vị đó, quả nhiên có Nhân nghĩa, vì do dùng đủ Đạo Đức, đâu là Hư ư? Đạo Đức làm Hư vị, là Đạo không thể nguyên vậy, sao hẳn gọi là Nguyên Đạo? Thuấn Điển nói: “Kinh phu bày Ngũ giáo”. Nghĩa là Nhân, nghĩa..., ngũ thường vậy. Hàn Tử quả nhiên chuyên Nhân nghĩa, nên đề mục sách đó là Nguyên giáo có thể vậy. Đó cũng là Hàn Tử không biết khảo kinh vậy. Trong

đó, nói "Bác ái" đó gọi là Nhân, Hành mà thích nghi đó, gọi là Nghĩa. Do đó mà đến vậy, đó gọi là Đạo. Đủ ở chính mình không đợi ở ngoài đó gọi là Đức. Phàm, Đạo Đức nhân nghĩa bốn điều đó là đầu mối lớn của Thánh nhân lập giáo. Đó trước sau thứ tự có nghĩa có lý, sao có thể cải đổi? Tuy Đạo Đức đó nhỏ, như Đạo gọi là tài nghệ, Đức gọi là Hành thiện, đó cũng Đạo đức đặt để trước. Kia nói Đạo của Nhân nghĩa là kia lại tán thuyết, lấy nói đó bèn khiến Đạo ở thứ vị dưới vậy. Từ xưa chưa từng có bốn điều đó liền xuất mà Đạo Đức ở sau đó vậy. Khúc Lễ nói: "Đạo đức và Nhân nghĩa chẳng phải Lễ thì không thành". Thuyết Quái nói: "Hòa thuận Đạo Đức mà lý ở nghĩa". Luận Ngữ nói: "Chí ở Đạo, y cứ ở Đức, nương tựa ở Nhân và giao du ở Nghĩa". Lễ Vận nói: "Nghĩa là phần của nghệ (nghề nghiệp) là tiết của Nhân. Hiệp ở Nghệ, giảng ở Nhân, được đó là cường mạnh". Đó nói rõ giao du ở Nghĩa là Thánh nhân dùng ý chỉ thâm sâu của Nghĩa vậy. Dương Tử nói: "Đạo dùng dẫn dắt đó, Đức dùng được đó, Nhân dùng người đó, Nghĩa dùng thích nghi đó". Lão Tử tuy là Nho giả chẳng lấy xưng đó, mà Nho cũng nói: "Hết Đạo sau mới dùng Đức, hết Đức sau mới dùng Nhân, hết Nhân sau mới dùng Nghĩa. Khai Đạo thông trước". Giải thích về khai thông, như trong Hệ Từ nói: "Khai vật thành vụ". Lại nói: "Thông chí của thiên hạ", là đó vậy. Do khai thông mới được lý đó, nên Đức là phần thứ đó (tức sau Đạo). Được lý làm thiện, dùng Ân ái ban ân huệ vật, mà Nhân lại phần kế đó. Đã Nhân lại Ái, hẳn quyết đoán hợp nghi, mà nghĩa lại là phần kế đó. Đạo đức Nhân nghĩa cùng Nhân mà có đó, gốc ngọn nghĩa lý đó như vậy. Thánh nhân làm kinh, định trước sau đó, bởi còn Đại nghĩa đó vậy.

Nay Hàn Tử xoay ngược kinh, trước Nhân Nghĩa mà sau Đạo Đức, ức đoán nói so sánh Đại khai thông được lý, chẳng phải là điên đảo hẹp hòi quanh co vô vị ư? Nhưng, Đạo đức của Nho hẳn có nhỏ có lớn vậy. Nhỏ như nghĩa riêng ở trong Khúc Lễ, một thuyết nói Đạo nghĩa là tài nghệ, Đức làm hành thiện ở chính mình. Phải vậy, lớn như Hệ Từ nói một Âm một Dương đó gọi là Đạo, kế tiếp đó là Thiện vậy, Thành đó là Tánh vậy. Người nhân thấy đó gọi đó là Nhân, người trí thấy đó gọi đó là Trí. Mọi người sử dụng thường ngày mà không biết, nên Đạo của Quân tử hiếm ít vậy. Thuyết quái nói: "Xưa kia Thánh nhân làm Dịch, dẫn dùng Lý của thuận tánh mạng. Đạo của lập Thiên gọi là Âm và Dương, Đạo của lập Địa gọi là Cương và Nhu, Đạo của lập Nhân gọi là Nhân và Nghĩa". Trung Dung nói: "Thiên mạng đó gọi là Tánh, nương theo Tánh đó gọi là Đạo, tu Đạo đó gọi là giáo". Phải vậy, Hệ Từ lấy ở

Âm Dương đó mà Diệu đó làm Đạo, người thì bẩm nhận Đạo để thành Tánh. Người Nhân người Trí tuy nhờ ở Đạo mà thấy Nhân thấy Trí, bèn trệ chấp ở thấy của Nhân và Trí. Mọi người tuy thường ngày sử dụng ở Đạo mà mịt mờ không biết là Đạo. Nên Đạo của Thánh nhân hiển bày sáng tỏ làm Diệu ít vậy. Nhưng Đạo của Thánh nhân đâu chỉ ở Nhân Nghĩa mà thôi vậy. Thuyết Quái dùng lý của tánh mạng, tức lý chí của chí Thần vậy, trời đất muôn vật không gì chẳng cùng đó. Nên Thánh nhân làm Dịch trọng Quái, thuận theo lý đó, mới lập Đạo của Thiên, Địa, Nhân - tam tài. Thiên đạo vốn ở đầu thì có Âm có Dương, Địa đạo thành hình thì có Nhu có Cương, Nhân Đạo tình tánh thì có Nhân có Nghĩa, là nhờ ở Đạo mà có đó vậy. Trung Dung cho rằng, tuân theo Tánh đó, mới gọi đó là Đạo, tu trị Đạo đó, mới gọi đó là giáo, giáo tức là nhân nghĩa ngũ thường vậy. Đó, đâu phải Đạo chỉ ở nhân nghĩa? Mà trước của nhân nghĩa quả thật không Đạo ư? Như, Thuyết Quái, như Luận ngữ, như Biệt Nghĩa của Khúc Lễ, như Lão Tử, Dương Tử, điều họ gọi là Đạo Đức, đều là Đại Đạo của đây vậy. Nhưng Đạo Đức đó ở Lễ thì Trung Dung thật rõ ràng vậy, ở Thư thì Hồng phạm Hoàng cực vậy, ở Thi thì Tư duy không tà vậy, ở Xuân Thu thì là Đạo của Liệt thánh Đại trung vậy.

Khổng Tử nói với Tăng Tử rằng: “Sâm mè! Đạo ta chỉ một mà suốt đó”. Tăng Tử nói: “Đúng vậy!” Lại nói với Tử Cống rằng: “Chẳng phải vậy, Ta chỉ lấy một mà xuyên suốt đó”. Chỉ có Tăng Tử do học trò hỏi đó, mà Tăng Tử cho rằng học trò đó là nhỏ chưa đủ để phải nói hết, nên dùng Đạo gần để dẫn dụ đó, mới đáp với học trò đó là “Đạo của Phu Tử là Trung Thứ mà thôi vậy”. Bởi Tăng Tử dùng điều gọi là Trung thứ của Trung Dung, ý cách Đạo không xa, mà các hành Hậu Nho không thông hiểu, liền lấy Trung Thứ bèn làm nhất quán, đó là sai làm vậy. Hệ Từ nói: “Động của thiên hạ, Trinh phu nhất”. Lại nói: “Một đặt để mà trăm lo toan”. Lễ Vận nói: “Lễ hẳn gốc ở Thái nhất”. Trung Dung nói: “Đó làm vật, không hai, đó sanh vật ấy chẳng thể lường”. Lấy đó mà so sánh và liệt bày thì sao được dùng Trung Thứ mà liền làm Nhất quán đó ư? Nhan Uyên bùi ngùi than rằng: “Ngưỡng đó mà càng cao, khoan dùi đó mà càng cứng chắc, trông nhìn đó ở trước mà bỗng nhiên lại ở sau”. Phu Tử dần dần khéo dẫn dụ người. Nhan Tử chánh cho là Thánh nhân dùng Đạo Nhất quán đó để dạy người, dần dần vậy có thứ tự đó, đó là làm Thiện tiến khuyên đối với người vậy. Đó, rõ ràng Thánh nhân chỉ dùng thành thật sáng tỏ Đại Đạo khai thông nhất quán làm giáo đó. Nguyên làm các Thiện là gốc của trăm Hạnh. Trung Dung

nói: "Trung ấy là Đại bản của thiên hạ". Há chẳng vậy ư? Đến đây tạm ba bản kinh lược, chánh hai điều Nhân nghĩa đó uyển chuyển làm Đạo Đức đó. Đó đối với pháp của Thánh nhân, há chẳng khuyết ư? Trung Dung nói: "Đạo đó chẳng hành, Ta biết đó vậy. Người Hiền vượt quá mà kẻ ngu chẳng kịp". Đây nghĩa là người của Hiền trí chợt nhiên Đạo mà sở dĩ làm quá vậy. Bọn ngu xuẩn bất tiếu xa đạo mà sở dĩ làm chẳng kịp vậy. Hàn Tử quên gốc, há chẳng làm quá ư? Khinh mất Chí Đạo làm Nguyên Đạo, muốn biện minh Đạo là cũng lầm hoặc vậy. Điều Hệ Từ nói Nhân và Trí đó là vì mê mờ Đạo, chấp trệ thấy đặt để đó, là Đạo của Thánh nhân suy ít, chẳng đủ để hiển bày. Như Hàn Tử hạn cục nhân nghĩa mà làm Đạo Đức đó, chánh là chỗ lo hoạn của Hệ Từ vậy. Phàm, Nghĩa là Thiện của Tình ấy vậy, đối với Đạo đức làm thứ, vì tình thì ít có, hẳn chánh mà chẳng mất. Nên Luận Ngữ nói: "Đại đức chẳng vượt quá nhàm, Tiểu đức ra vào, có thể vậy". Lại nói: "Sắc lấy người mà hành trái ở đó không nghi ngờ". Biểu Ký Tử nói: "Cùng Nhân đồng công mà khác Tình". Cùng Nhân đồng công, Nhân đó chưa thể biết vậy. Cùng Nhân đồng quá, sau đó, Nhân đó có thể biết vậy. Trang Tử nói: "Cửa của chư hầu mà nhân nghĩa còn vậy". Đó muốn riêng dùng nhân nghĩa mà làm, có thể được ư? Nhưng Tử Cống, Tử Hạ làm người Hiền của Nhân nghĩa, còn có quá và chẳng kịp, huống gì đó chẳng như Tứ và Thương, đời sau có thể tính hơn. Đó sao được chẳng nghiên cứu Đại Bản và giáo nhân, đó dùng Đạo đức mà chánh làm Thiện đó ư? Trung Dung nói: "Đạo đó chẳng Hành vậy". Phàm, đó là Thánh nhân xót thương họ chẳng cùng chí Đạo chí Đức mà dạy người vậy.

Hoặc nói: "Hàn Tử trước là Nhân nghĩa mà thứ đó là Đạo đức, bởi chuyên việc người mà muốn riêng khác ư? Phật và Lão là Đạo đức hư vô vậy".

Xin nói: Xưa kia, Thánh nhân làm Dịch vì chánh ở Đạo trời việc người, mà hư vô là rất nguyên đó vậy. Nếu khác Đạo của hư vô, thì mười Dực sáu mươi bốn quẻ là chẳng phải sách của Nho. Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử... chín vị Thánh nhân của Trị Dịch cũng chẳng phải Sư tông của Nho vậy. Khổng Tử chẳng phải Sư tông của Nho ư? Quả thật vậy thì Hàn Tử chưa từng đọc Dịch. Dịch chính là Đại kinh của Nho. Chẳng biết Dịch mà cho là Nho của Thánh Hiền, tôi không tin vậy. Đó nói: "Lão Tử đó tiểu nhân nghĩa chẳng hủy đó vậy". Họ thấy là nhỏ vậy, vì ngồi đáy giếng trông nhìn bầu trời, nên nói trời nhỏ, đó chẳng phải tội của trời vậy. Nhưng Lão Tử nói: "Mất Đạo sau mới dùng Đức, mất Đức sau mới dùng Nhân, mất Nhân sau mới dùng Nghĩa, mất

Nghĩa sau mới dùng Lễ". Đó là răn chớ hủy Nhân nghĩa nhỏ vậy. Bởi vì Đạo đức cùng với Nhân nghĩa làm Thị có Long có sát, mà công đó có ưu có kém vậy. Phàm, sáng tỏ đó chẳng như dùng Lễ vận so sánh. Khổng Tử nói: "Hành của Đại Đạo là thiên hạ làm công". Chọn Hiền cùng khả năng giảng tin tu hòa mục, nên người chẳng riêng thân với người thân đó, chẳng riêng con với người con đó. Lại nói: "Mưu tính đóng bít mà chẳng hứng, trộm cướp loạn giặc mà chẳng làm, nên ngoài thông mà chẳng đóng bít. Đó gọi là Đại Đồng". Vậy đó há chẳng phải Đại Đạo cùng với Đức làm Trị mà ưu ư? Lại nói: "Đại Đạo nay đã ẩn, thiên hạ làm nhà, mỗi tự thân với người thân họ, mỗi tự con với con họ". Lại nói: "Vũ, Thang, Văn, Võ, Thành Vương Chu Công, do đó trọn đó vậy. Sáu quân tử đó chưa có bất cẩn đối với Lễ ấy vậy". Vì đắm trước nghĩa đó, vì khảo tin đó, đắm trước đó có quá. Hình Nhân giảng nhượng, chỉ bày dân có thường. Nếu có chẳng như vậy tại chấp đó đi, chúng lấy làm ương. Đó làm Tiểu Khang, đó há chẳng phải Nhân nghĩa làm Trị đối với Đạo Đức là kém ư? Như thế nào riêng Lão Tử mà Nhân nghĩa nhỏ ư? Hàn Tử sao họ chẳng tự, chợt kinh Nho mà chê trách Lão Tử ư? Lại nói: "Điều Lão Tử gọi là Đạo Đức... là bỏ Nhân và Nghĩa nói đó vậy. Riêng nói của một người vậy". Đó là nói của Hàn Tử, do đó rất bất công vậy. Phàm, điều nói của Lão Tử là Đại Đạo vậy. Đạo quả thật riêng ư? Điều nói của Đại Đạo là đâu riêng Đạo của Lão Tử, bởi Đại Đạo của Tam Hoàng Ngũ Đế vậy. Hàn Tử không biết, nhọc thấy Đạo gia Lão thệ tự vì các hạng đó chẳng đồng như Nho, muốn chèn ép đó mà ấy vậy. Phàm, phân chiết Lão thị làm Đạo gia đó, mới đầu phát khởi của từ sách giòng họ Tư Mã, mà Ban Cố trọng. Như Lão Tử đó thật là Nho nhân ở thời xưa trước vậy, ở thời nhà Chu làm Sử chủ tạng thất, phần nhiều biết việc Thần pháp của Thánh nhân. Nên Khổng Tử đối với Lễ thì nói: "Tôi nghe ở Lão Đam", là bởi Lão Tử thường tham tầm sách của Tam Hoàng Ngũ Hoàng mà được yếu chỉ của Đại Đạo đó, mới tự biên thuật sách để phát minh đó. Hàn Tử chẳng thể lường gốc tề ngọn, nhọc muốn bài bác đó mà chuyên lấy các Nho danh, cũng chẳng trái ư? Lễ Vận nói: "Hành của Đại Đạo cùng Anh Khâu của Tam Đại chưa kịp đó vậy, mà có chí vậy". Trịnh Huyền giải nói: "Đại Đạo nghĩa là thời Ngũ Đế". Nhưng các sách khác phần nhiều nói Đại Đạo là Hoàng Đạo, mà riêng Trịnh Huyền giải nói là thời của Ngũ Đế vậy. Ý đó vì cho là: tuy Hoàng cùng với Đế, Đạo đó cùng thông nên vậy. Trong Ngũ Đế bản kỷ thì Hoàng Đế là đứng đầu đó. Nhưng Hoàng Đế cùng với Phục Hy, Thần Nông, đó thật là Tam hoàng, mà kinh sử chỉ làm Đế là bởi Hoàng

Đế cùng với vương xưa cũng là thông xưng vậy. Nên Trịnh Huyền giải nói, thời của Ngũ Đế, mà Hoàng ở trong khoảng đó vậy, chỉ Hoàng Đế là Tam Hoàng ở đầu của Ngũ Đế mà bao gồm cả Nghiêu Thuấn. Tuy gốc ngọn nhỏ khác, mà Đại Đạo chỉ một vậy. Hệ Từ nói: “Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn rủ áo xiêm mà thiên hạ bình trị”. Đó là ấy vậy. Khổng An Quốc nói là: “Sách của Tam Hoàng làm Tam Bí, tức nói về Đại Đạo vậy. Sách của Ngũ Đế làm Ngũ Điển, nói về Thường Đạo vậy”. Khổng An Quốc là người Dĩnh Đạt, Chánh nghĩa đó nói: “Hoàng ưu so với Đế. Đạo đó chẳng chỉ có thể thường hành mà thôi. Lại Đại so với Thường, nên làm Bí vậy”. Đó nghĩa là đối liệt bày vậy. Tuy nhỏ có ưu kém đều là Đại Đạo, đều có thể thường hành, cũng dẫn “Hành Đại Đạo” của Lễ Vận cho là thời của Ngũ Đế làm chứng đó. Nhưng sách của Tam Hoàng và Ngũ Đế chẳng rốt ráo (chí) so với Dịch. Đem Dịch cùng với Lão Tử so sánh, mà Đạo đó đâu khác ư? Như Hệ Từ nói: “Động của thiên hạ chánh phu nhất ấy vậy”. Mà Lão Tử nói: “Vương hầu được một lấy làm thiên hạ chánh”. Đó là Đại lược vậy. Nếu khảo xét lý của Vô tư Vô vi và thuyết của Âm Dương biến hóa, hai sách đâu chẳng đều vậy. Nên Ban Cố nói trong Hán Thư rằng: “Các hàng trong Lão thị, bởi xuất phát từ Sử Quan”. Lại nói: “Hợp ở khắc nhượng của Nghiêu là khiêm khiêm của Dịch”. Nghĩa là ở đây vậy.

Thuở thiếu thời, tôi nghe ở người lớn nói: “Lão Tử là tiếp thừa ở họ hàng Hoàng Đế ấy vậy”. Đến lúc thấy Trang Chu, Quảng Thành Tử nói: “Đắc Đạo tôi là trên làm Hoàng dưới làm Vương”. Càng tin Lão Tử thật xuất phát từ Tam Hoàng Ngũ Đế ấy vậy. Đó rõ ràng Đạo Đức của Lão Tử thật là căn bản Đạo Đức nhân nghĩa của Nho từ thời Tam Hoàng và Ngũ Đế ấy vậy. Rõ ràng vậy, đâu xuất phát ở thuyết riêng của một người là Lão thị ấy ư? Hẳn vì Lão Tử làm quấy thì Dịch và Lễ vận có thể thiêu đốt vậy. Rõ ràng vậy. Văn Vương, Khổng Tử thì làm chùy Đề nhân nghĩa ấy vậy. Phàm, khéo biện luận của Tiên Nho ai sáng cùng Mạnh Tử? Thời của Mạnh Tử, sách của Lão Tử lưu xuất có hơn trăm năm vậy. Mà Trang Chu lại cùng Mạnh Tử đồng đời. Nếu đó có thể bài bác thì Mạnh Tử đã bài bác đó vậy, đâu đợi đến các Nho sĩ đời sau biện luận đó ư? Tư Mã Thiên nói rằng: “Đạo của Lão Tử ước mà dễ tháo, việc ít mà công nhiều”. Nho sĩ hoặc chẳng vậy, dèm pha Hoàng Lão trước mà sáu kinh sau, là cũng không biết ý đó vậy. Sách của Thái Sử Công, Khổng Tử tức làm Thế gia đó, Lão Tử tức làm Liệt Truyện. Đó đâu có nghĩa là tôn quý Lão thị ư? Bởi vì Đạo của Lão thị là từ gốc của Nho vậy. Sở dĩ trước đó là chánh muốn tôn quý gốc đó vậy, chẳng phải

cẩu thả trước người đó vậy. Nói của Tử Trường nhỏ mà lại xa vậy. Hàn Tử không thể tư duy sâu và rõ ràng xa đó, liền ở nơi Tiên nho, mới nói: "Chu Đạo suy sụp, Khổng Tử ẩn một, tai họa lửa đốt ở thời nhà Tần, Hoàng Lão ở thời nhà Hán, Phật ở thời nhà Tần, nhà Tiền Tống, nhà Tề, nhà Lương, nhà Ngụy, nhà Tùy". Đó nói Đạo Đức nhân nghĩa là không vào ở Dương Tử thì vào ở Mặc Tử, không vào ở Mặc Tử thì vào ở Lão Tử, không vào ở Lão Tử thì vào ở Phật, vào ở kia thì ra ở đây. Vào là Chủ đó, ra là Tớ đó. Vào là giúp đó, ra là làm dơ bẩn đó. Than ôi! Sau đó nói chẳng khiêm tốn như vậy? Đó nói ra vào làm tớ làm dơ, nghĩa là ra ở Dương Tử và Mặc Tử ư? Hay là ra ở Lão Tử và Phật ư? Lão Tử và Phật đâu khiến người ác hèn như vậy ư? Phàm, Phật Pháp ở nhà quả thật là dùng Tâm thành thật để vào Đạo. Còn chỗ ra đó, xa thì thành Hiền thánh thù thắng, chỗ ra đó gần thì là thân là Tâm khiết tịnh từ huệ làm Thượng thiện nhân, ra ở nơi xóm làng thì người kính đó mà không dám khinh đó. Đó cũng là mục kích trong nhân gian, chỗ thường thấy vậy. Đâu có ra làm tớ làm dơ làm nhục đó ư?

Thời xưa trước có các bậc Đế Vương mà vào Phật Pháp. Từ thời Đông Hán đến thời Tiền Đường không thể tính kể hết. Như vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời tiền Đường đến chùa Sùng Phước, phát nguyện xưng là Hoàng Đế Bồ-tát giới đệ tử. Vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) thời tiền Đường, chuyên việc Phật thanh tịnh, phụng sự huân tu đó. Đó cũng là từ Phật giáo mà ra, nào có là tớ là dơ bẩn ư? Hàn Tử nhọc vì vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương làm quá, mà không biết nhục đối với Tổ tông ở triều mình. Đó đâu có thức lự ư? Nhưng việc của vua Võ Đế thời Nam Lương, trong Nguyên giáo tôi tuy thuận tục mà có phần bình luận đó nhưng chưa từng luận quá. Như so sánh đó xả thân, đối với tục thì tôi, đối với Đạo thì là Đức. Chẳng phải nhân tình đó liền biết, chỉ trời đất thần minh mới biết đó vậy. Nên ngay lúc vua Võ Đế thời Nam Lương xả thân mà đất làm rung động, đó rất là việc phi thường, mà Sử thần không biên ghi, làm cho đời sau càng không biết. Nên biết ý của vua Võ Đế thời Nam Lương là u thắng, đó phát chí hẳn chẳng đồng như chỗ làm của hàng phàm phu bình thường, chưa thể lấy hàng tôi tớ mà nhìn thấy đó vậy.

Hàn Tử đã quấy nhiễu bài xích Dương Tử, Mặc Tử, Lão Tử và Phật như vậy, mà thuyết của bậc thấy đó lại nói: "Khổng Tử dùng Lễ kính bái Lão Đam". Đó độc ở Mặc Tử thì nói là: "Khổng Tử hẳn dùng Mặc Tử, Mặc Tử hẳn dùng Khổng Tử, nếu không tương dụng, thì chẳng đủ làm Khổng Mặc". Đó là, như Giáng châu Mã Phủ quân hành trạng

nói: "Tư Đồ Công qua đời, chích cánh tay ra máu biên ghi kinh Phật có hơn ngàn ngôn từ, để cầu Phước báu". Lại nói: "Chịu tang có hơn hạnh của người đời, đó xưng là Đại Điên tương tự". Cao nhàn cũng đều suy thuật ở Phật pháp vậy. Hàn Tử sao phải quấy đó, chẳng định trước sau đó cùng trái ngược như vậy ư? Đó chẳng chỉ tự lầm hoặc mà cũng là sai lầm lụy đến người học ở đời sau vậy. Lão Tử và Phật quả nhiên là phải, mà Hàn Tử là quấy vậy. Các hàng hậu học không biện rành, nhọc thấy Hàn Tử là bậc Đại Nho mà đó lại khéo giỏi văn chương, mới cùng mến mộ mà quấy đó, rồi cho Dương Tử, Mặc Tử quả nhiên là quấy mà Hàn Tử là phải đó. Các người học cũng cùng so sánh mà mà phải đó. Phàm, lấy phải mà làm quấy thì là phá hoại thiện tâm của người, lấy quấy mà làm phải thì dẫn dắt người học quấy, phá hoại mỹ phong thuần thiện truyền đến đời sau. Sai lầm người đó sở dĩ làm tâm quấy việc nhỏ vậy, tổn hại âm Đức mà ngầm thêm sai quá đó. Nếu chẳng ở nơi thân thì hẳn ở nơi Thần cùng với con cháu họ, đời sau cũng đáng sợ vậy. Nho có phụ, Hàn Tử đó nói: "Khổng Tử chỉ học Lễ ở Lão Đam vậy, chẳng phải học Đạo đó vậy". Xin nói là: Không phải vậy. Lễ cũng là Đạo vậy. Nhạc ký nói: "Đại lễ cùng với trời đất đồng tiết". Lại nói: "Trung chánh không tà là chất của lễ vậy". Lễ Vận nói: "Lễ hẳn gốc ở Thái nhất". Phàm, Trung chánh, Thái nhất là chất gốc của Lễ vậy. Nghi chế trên dưới, văn của Lễ là ngọn vậy. Nếu Thánh nhân chỉ học văn ngọn mà không nghiên cứu ở chất gốc, sao làm Thánh nhân ư? Chỉ Thánh nhân hẳn có khả năng văn chất gốc ngọn đầy đủ biết mà xét cử đó vậy. Người học không biết Tăng Tử hỏi Khổng Tử học lễ cạn cợt ở Lão Đam ấy vậy, mà không biết sử ký nêu rõ sâu và Lão Đam truyền trao Khổng Tử hỏi lễ ấy vậy. Hàn Tử kia tuy học văn ngôn của Nho, đâu biết sở dĩ của Lễ như vậy ư? Đó nói: "Nghe xưa trước làm dân có bốn hạng, nay làm dân có sáu hạng. Ngày xưa, giáo đó chỉ có một, nay giáo đó có đến hai. Nghệ nông chỉ một nhà làm mà ăn thóc gạo có cả sáu nhà. Thợ chỉ một nhà mà dùng dụng cụ có sáu nhà. Buôn bán chỉ một nhà mà nhờ cậy đó có sáu nhà. Làm sao dân chẳng khốn cùng mà sanh trộm cướp vậy". Phàm, điều gọi là giáo, đâu cùng trời đất đều xuất hiện mà định số đó ư? Đó cũng là do Thánh nhân thích thời hợp nghi mà làm đó, để giúp ở trị thể ấy vậy. Nhưng xưa nay đổi thay biến chuyển mỗi lúc càng sai khác. Chưa hẳn một giáo mà có thể hợp nghi khắp cả muôn đời vậy. Xưa kia, Thuấn ở cuối thời của Ngũ Đế, thời đó dần bạc bẻo, người đó dần dối ngụy, Thánh nhân hợp nghi đó, mới thiết bảy ngũ giáo, định chế ngũ hình, mỗi mỗi bảo quan làm chủ đó, mà khế hợp làm Tư đồ,

chuyên bày trải ngũ giáo, bèn để lại đời sau khiến đốc suất người làm Thiện, mà thiên hạ có giáo bắt đầu từ đó vậy. Đến đời của Chu Công lại đang thời của Tam Vương, thời đó càng bạc bẻo, con người càng dối nghị mà thiên hạ càng khó trị. Thánh nhân hợp nghi đó, bèn mở rộng giáo pháp đó mà đầy đủ đó. Thiên hạ gọi đó là giáo của Nho từ Chu Công khởi dậy vậy. Sau đó Khổng Tử thuật mà biên ghi đó thành sáu sách là Thi, Thư,..., mà giáo của Nho càng khua động ở cuối thời nhà Chu. Chính của Tam đại càng tệ, Thiện nhân cây thuật mà phí trí, kẻ bất Thiện mượn pháp mà làm ngụy, thiên hạ tổn hại sai sử sống, thương tổn tánh mà không biết tự trị đó. Lão tử hợp nghi với thời ấy, lại đem thuyết Đạo Đức của Tam Hoàng, Ngũ Đế để cứu tệ hại đó, mà thiên hạ bèn có giáo của Lão Tử vậy. Ở thời Tiền Hán, Hậu Hán thấy cuối thời nhà Chu thì càng mỏng bạc càng hư ngụy. Hiền cùng với ngu sai sử ở trí và đối, rối ren cả một nửa, muôn một tuy tập học ở thuyết của Lão Tử, mà không thể rất thông ở tánh mạng có diệu. Suy Thần minh đi lại cứu đời càng mê mờ, chỉ nguyên nhân của sống chết đó vậy, thiên hạ bèn có giáo của Phật vậy. Dương Tử nói: "Phàm, Đạo chẳng phải thiên nhiên ứng thời mà tạo, tổn ích có thể biết vậy". Đó đâu chẳng vậy ư? Phàm, từ các thời Chu, Tần, Hán, Ngụy, mỏng bạc và hư ngụy đó ngày càng lắm nhiều, đều tích trữ ở thời của đời sau. Trời đó hoặc nhờ là Phật giáo để ứng việc đó, muốn cùng đó mà cứu đời vậy. Không như vậy, sao trời người cùng đó cảm ứng lâu dài mà hưng thạnh như vậy ư? Hàn Tử chìm đắm ở xưa không biết biến, mà chẳng tỏ ngộ Phật giáo thích thời hợp dụng, mới lo toan Lão Tử và Phật thêm ở nơi Nho, hẳn muốn như ở thời Tam Đại mà không đó. Đó cũng vì ông ta không tư duy lắm vậy.

Phàm, ở thời Tam Hoàng không có giáo, thời Ngũ Đế không Nho. Đến lúc họ có giáo có Nho, mà thời thế người việc chẳng như xưa trước. Giả sử như ngay ở thời Hạ võ, hoặc có người nói là Trị của thời xưa vậy. Có hóa mà không giáo, hóa thì dân hóa thuần. Tôi muốn như ở đời của Tam Hoàng dùng hóa mà chẳng dùng giáo. Đang lúc không có giáo đó, có thể đang thời của Chu Tần cũng có người nói làm Trị của thời xưa trước dùng giáo đó đơn giản. Làm Trị của nay, dùng Nho đó phiền tạp, phiền tạp thì dân khổ nhọc. Mà giả sử tôi muốn ở thời của Nhị Đế dùng giáo mà không dùng Nho, đang lúc đó không Nho có thể được chăng? Nhân vì thời đó mà chọn lựa đó, không thể không giáo không Nho hẳn ấy vậy. So sánh đó với thuyết của Hàn Tử, muốn thời của đời sau không có Phật không có Lão, nào khác gì ư?

Hàn Tử nói: "Nay nói đó, sao chẳng làm vô sự của thời Thái

Cổ”. Đó cũng là như trách người mặc áo cừu lúc mùa Đông rằng: “Sao không làm sáo vải mà thay đổi đó?” Trách người ăn lúc đói rằng: “Sao không làm uống để thay đổi đó?” Hàn Tử, đó cũng biết đời sau không thể chuyên dùng Đạo của thời Thái Cổ mà dèm pha nói đó. Và đó là không biết hợp nghi của thời vậy, mới càng đến đời sau mà Hàn Tử muốn không có Phật và Lão Tử. Sao làm là tự trái phản không biết đó hợp nghi của thời ư? Đâu có chỗ bằng đẳng mà ấy vậy, gần muốn tệ mà đặc biệt không thấy ư? Như, chế của bốn hạng dân phí, của sáu nhà ăn dùng, thì trong luận nguyên giáo tôi đã nói rõ ràng, nay lại lấy việc gần mà so sánh đó. Từ thời nhà Chu nhà Hán trở lại, trị thiên hạ duổi đến ở Vương Đạo, thì ai sánh cùng như vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời tiền Đường? Trong suốt thời gian đó, Phật giáo và Lão giáo đó rất thạnh, người đó rất đông nhiều, thực dụng đó rất rộng lớn, mà khắp nước nhà đoán ngục tốt mỗi năm chết không quá ba mươi người. Phía Đông đến biển, phía Nam đến Lãnh ngoại, đêm đều ở bên ngoài, nhà không đóng cửa, lữ hành chẳng mang theo lương thực. Còn trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) dưới đời vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) thời tiền Đường, thiên hạ trị bình, gần như ở thời niên hiệu Trinh Quán (627-650) trước vậy, mà làm của Phật giáo và Lão giáo càng thạnh. Đó đâu phải không có người của Phật giáo và Lão giáo ư? Mà thiên hạ ở thời Tiền Đường đâu có tham muốn cướp bóc dựt tuyệt? Như vậy tôi cho rằng dân khốn cùng và trộm cướp chỉ bởi thời và chính đó, chẳng phải do Phật hay Lão mà khiến nên ấy vậy. Nhưng Phật giáo tạm có thể vất bỏ đi thì hai vua đó ở thời tiền Đường đã dùng thế đó mà vất bỏ lâu rồi, sao được để đến người đời sau rầm rầm nhọc lấy lời trống không mà cùng nhau bới móc vậy?

Hoặc có người cho rằng: “Hàn Tử khéo giỏi ruồng duổi Phật và Lão mà công đó ngang bằng như Vũ”. So sánh lời trống không đó thật công hiệu, không là khuất đối với Vũ ư? Lời nói của kẻ cuồng sao đó chẳng nghỉ vậy? Đó nói: “Nay Pháp đó hẳn dứt bỏ, mà vua tôi dẹp, mà cha con cấm đạo cùng sanh dưỡng đó, để cầu điều gọi là Thanh tịnh tịch diệt ấy vậy”. Đó là do Hàn Tử ghét Phật giáo người xuất gia trì giới bèn oán trách với ngôn từ đó. Phàm, người xuất gia tu đạo đâu tàn khốc như vậy ư? Người xuất gia là bỏ tục theo chân. Bề tôi được xin ở vua, cha chịu mạng người con đó mới đáng, chẳng phải phản đi mà nghịch bỏ vậy. Người Trì giới chỉ muốn học trò họ khiết tịnh hạnh Dâm tham đó. Trụ giới thì dung chánh ngẫu đó, chẳng phải tất cả đều đoạn tuyệt đạo cùng sanh dưỡng của người vậy. Nhưng làm lụy của Tình dâm lụy làm

cẩn trọng. Các giáo dạy người thận trọng Dâm mắc mứu Dục. Không Dục mà thiên hạ còn rối ren vậy, nếu như chìm đắm ở Dâm tham đến nổi mất tâm vùi thân ấy vậy. Hàn Tử nào hẳn sợ người không cưới gã của nam nữ, thấy người tịch cốc, vội lo đó bèn tuyệt giống của năm thứ thóc lúa, không là quá lo lắng ư? Phàm, Thanh tịnh nghĩa là Diệu trạm của tánh đó, Tịch nghĩa là chí tĩnh. Diệt nghĩa là diệt lụy của tình cảm đó, chẳng phải lấy cái nghĩa gọi là ngoan tịch tử diệt vậy. Phàm, người xuất gia trì giới, Phật dùng Đại quan đó vậy. Thánh nhân xem rộng chung ở Nhân gian trời đất chồng vợ thường luân muôn mối đều do tình ái mà thành, đều một nỗi giả như mộng. Tham đó, đắm đó, khổ đó, vui đó, vinh đó, nhục đó, mắng bảo đó, tệ đó, Ân ái đó, phiền não đó, cho đến đều bất chợt, làm đại giả đại mộng đó. Không biết họ làm đại hoạn, mà Diệu của Đại minh chí chánh thật ở mất vậy. Xuất gia là xa trần tuyệt tục, thần chuyên tư nhất, hẳn dễ giác dễ tu. Thấy thân là vô ngã, sao đắm trước? Thấy tâm không ý, sao tham? Thấy các sự hữu vi chẳng đủ bền chắc, sao mắng bảo? Cho nên Đại minh vậy, chí chính vậy. Thắng đức có thể được mà Thánh Đạo có thể thành vậy. Ngữ nói: "Ông tuyệt bốn thứ mẫu ý, mẫu hẳn mẫu có mẫu ngã". Lão Tử nói: "Sở dĩ tôi có hoạn nạn lớn bởi vì tôi có thân, như tôi không có thân, làm gì có hoạn nạn?" Hai điểm đó cùng với pháp xuất gia nhà Phật nhân đó tương tợ. Đó chỉ vì Đại Thánh nhân đều biết mà rốt ráo đó, khiến Thánh nhân chỉ mắng bảo đời mê mờ như bọt bóng nổi tan, không biết vượt ra một đời sanh tử hư dối. So với người phàm sao xa vậy? Nên Khổng Tử ít nói đó, bởi nhỏ nhiệm còn ở sách đời vậy? Đó nói rộng, sáng tỏ lớn, nghiên tầm cực diệu thực hành mà công hiệu đó. Nếu đợi như giáo của Phật xuất thế hợp nghi làm ấy vậy. Đó, có thể dùng minh số mà xét vậy. Nay Phật vì người xuất gia trì giới, đặc biệt muốn cảnh răn nỗi giả đại mộng của đời, nêu cao nghiệp chướng của người mà trị Đại hoạn của Sanh tử đó. Mà Hàn Tử trái lại lấy đó làm hoạn nạn, gá mượn áo dầy mũ trụ đó, ngăn chương đó mà cứng rắn bài bác Phật, cho rằng Phật dối ngụy quấy nhiễu đời ta đang trị bình. Đó là Hàn Tử vì tự mình không thấy mà vu cáo điều thấy của người. Tình tệ như thế gia quá lắm vậy. Phật còn gì để nói? Di Thư nói: "Xưa trước có mộng, người cả nước đó đều lấy mộng mà cho là giác. Đến lúc có người thật giác mà dẫn dụ họ, mà người ngụy giác đó trái lại đều mắng: "Sao ông dùng mộng mà khi dối chúng tôi ư?" Người thật giác đó chỉ im lặng, không còn gì hơn". Đó rất cùng loại với Hàn Tử chống cự Phật vậy. Trong Thơ, Hàn Tử nói: "Chớ lo việc đời với việc mình, phải đắm nhân gian sánh cùng

mộng”. Đó hẳn Nhân ở Đại Điên vừa hơi tĩnh, mới tin có ngoài hình hài dùng Lý tự thắng mới bắt đầu vậy. Tuy nhiên thuyết trước đó đã truyền, muốn nói hối hận nào còn kịp ư! Lại nói: “Than ôi! Đó may mà chẳng xuất hiện sau của Tam Đại, chẳng thấy truất phế ở Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, Không Tử vậy. Đó cũng vì chẳng may mà chẳng xuất hiện trước của Tam Đại, không thấy ở Chánh ở Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử vậy”. Đó là Hàn Tử nghi vậy không đoạn. Quân tử gặp việc tức dùng Lý mà xét quyết đó, sao hẳn cậy nhờ người xưa? Giả sử Hàn Tử vào ra làm văn võ, gặp phải việc lớn của nước nhà còn nói: “Đâu chưa thể truất phế, chưa chánh ở Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử”. Do dự thì việc lớn đó qua mất vậy, sao dùng làm văn làm võ ư?

Phàm, trăm hạnh thanh khiết thân cấm, không gì chẳng xuất phát từ Trai giới. Mọi điều Thiện thấu đáo chính, không gì chẳng ra từ chính Tâm vậy. Phật pháp đại khái dạy người trai giới chánh tâm, không ác nào chẳng đoạn, không thiện nào chẳng giữ. Đời nay và đời sau đang có Thánh Hiền tự dùng Đạo Lý đó biện luận, sao hẳn Văn, Võ, Chu Công..., họ đã chết, chánh đó truất phế đó mới lấy làm tin ư? Nói về Tánh mạng của sách Nho, thì Trung Dung nói rất là rõ ràng. Ở Trung Dung, Khổng Tử đặc biệt nói: “Chất nạn ở Quỷ thần mà không nghi ngờ, trăm đời vì đợi Thánh nhân mà chẳng lầm hoặc”. Chất nạn ở Quỷ thần mà không nghi ngờ là biết trời vậy, trăm đời vì đợi Thánh nhân mà chẳng lầm hoặc là biết người vậy. Đó hẳn là đợi Đại Thánh nhân biết rõ Tánh mạng mới biên giải Trung Dung uyên áo đó mà không lầm hoặc vậy. Nhưng từ Khổng Tử mà tương lai trăm đời vậy. Chuyên lấy Tánh mạng làm giáo, chỉ Phật là Đại thạnh ở Trung Quốc. Khổng Tử trưng bày đó cũng đợi Phật lấy làm chứng ư? Không như vậy, trăm đời đây lại có Thánh nhân nào ư? Có thuyết rất thạnh nào về Tánh mạng mà qua Phật ư? Đó rõ ràng Khổng Tử chánh Phật cũng đã công hiệu vậy. Hàn Tử sao hẳn nghi ngờ đó? Lại nói: “Đó là Đạo gì?”. Xin nói: “Đó, điều tôi gọi là Đạo, chẳng phải như vừa rồi chỗ gọi là Đạo của Lão và Phật vậy. Nghiêu lấy đó mà truyền cho Thuấn, Thuấn lấy đó mà truyền đến Vũ, Vũ lấy đó mà truyền đến Thang, Thang lấy đó mà truyền đến Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử. Khổng Tử truyền đến Mạnh Kha, Mạnh Kha qua đời không được truyền đó vậy.

Xét cứ văn đó của Hàn Tử là cho rằng: Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Kha là chín vị Thánh Hiền đều nối tiếp tương kiến ở đời dùng nhân nghĩa mà cùng truyền trao vậy. Như

Vũ và Thang, Thang và Văn, Võ, Chu Công; Chu Công cùng Khổng Tử; Khổng Tử cùng Mạnh Kha, sao được cùng thấy thân gần mà cùng truyền trao bẩm nhận ư? Buồn cười cho Hàn Tử đã căn cứ kinh truyện nào liền nói như vậy ư? Mạnh Tử nói: “Từ Thuấn, Vũ đến đến Thang cách hơn năm trăm năm. Từ Thang đến Văn Vương cách có hơn năm trăm năm. Từ Văn Vương đến Khổng Tử cách hơn năm trăm năm. Từ Khổng Tử mà đến nay (thời Mạnh Tử) có hơn trăm năm”. Từ Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Kha, niên đại và đời cùng cách nhau xa vời đã như vậy, mà Hàn Tử chẳng nhìn lại Điển tịch, nhọc tôn trọng sở quyền mà muốn họ nói đó. Thắng mạnh mà không tỏ rõ điểm không thật của văn đó, được chẳng gọi là mạn loạn đó vậy, mà lời nói của Hàn Tử có thể còn tin ư? Luận Ngữ nói là Nghiêu đem thiên hạ truyền đến Thuấn, mới bảo đó rằng: “Bàn tính với Thuấn ông, lịch số của trời tại nơi thân ông, xứng đáng nắm giữ khuyết Trung”. Thuấn cũng đem bảo cùng Vũ, mà Nghiêu, Thuấn, Vũ cùng trao đó vậy, chưa nghe chỉ truyền nhân nghĩa mà thôi. Đến như đời của nhà Thang, Văn, Võ, Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Kha, cũng đều dùng Trung Đạo Hoàng cực để cùng chiêu mộ mà tương thừa vậy. Trung Dung nói: “Thong dong Trung Đạo là Thánh nhân vậy”. Mạnh Tử nói: “Trung Đạo mà lập, người có khả năng theo đó”. Há chẳng vậy ư? Như đó chẳng tu thành, chẳng Trung chánh, người đó quả thật là nhân nghĩa ư? Như họ thành thật là trung chánh, quả thật mất Nhân nghĩa ư?” Hàn Tử sao chưa biết, phàm Thiện có gốc mà sự có yếu vậy, khuôn phép ngưng trệ nơi vết tích, chẳng rốt ráo Đạo sâu mầu của Thánh nhân ư? Hàn Tử thuyết vài mối đó, đại khái chỉ suy từ nhân luân thiên thường cùng với Pháp của Nho trị thế, mà muốn hẳn phá Phật thừa và Đạo giáo. Than ôi! Hàn Tử đợi giữ việc gần của nhân dân mà không thấy lý xa của nhân sanh, há mờ tối bên trong mà theo bên ngoài ư? Phàm, vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ nhờ ở thần mà sanh sống. Thần đó thói quen của Thiện ác mà cùng Thần đều biến, Thiện thì sanh nhân luân, ác thì sanh loại khác. Người đó có theo pháp hay chẳng theo pháp đều tệ một đời, mêng mông chưa từng biết thân họ đời nay sở dĩ như vậy. Cho rằng sống hẳn chết, chết mà bèn diệt, mới phóng túng tham dục khoái lạc ở một đời đó. Tuy bên trong tự khi, cũng chẳng biết thẹn đối với Thần minh vậy. Đến lúc Phật pháp dạy người, bên trong xét chẳng diệt, hẳn dùng Thiện pháp tu tâm, cốt yếu đời đời họ chẳng mất ở nhân luân, càng tu Thập Thiện bởi lấy ở Thiên luân, người ấy mới biết sở dĩ của việc muôn đời đó vậy.

Trên dưới hơn ngàn năm tại Trung Quốc mà không có Hiền ngu,

không có sang hèn, cao thấp, bèn hợp nhiên dùng thuyết của Phật mà tự hóa. Như chưa toàn thiện mà cẩn trọng tội, kính trọng phước, tin có minh báo, thì đều biết Tâm đó không thể khi, đó thuộc gần như khắp thiên hạ. Nay khắp thôn xóm chỗ thấy nơi nơi, giả như Phật ở trên thành cao tường lớn, mở rộng cửa đó mà cùng người thông đồng qua lại đó. Như ở trong phòng rất tối, mà đất cao cửa song lên thì người ở trong và ngoài đều sáng rõ vậy. Sánh dùng Thi Thư mà vào Thiện, thì dùng thuyết của Phật để vào càng rộng càng lớn vậy. So dùng Lễ nghĩa tu thân, danh xứng với đời, mà dùng Thiện để tự tu bên trong nhập Thần thì thân thiết vậy, càng sâu càng xa vậy. So sánh đó chẳng phiền thưởng phạt ở nhà tự tu, đó cốt yếu giảm bớt hình pháp ở nước nhà mà ngầm hỗ giúp chính trị. Đó công hiệu nhiều vậy. Đây chẳng căn cứ mà không tỏ ngộ vậy. Còn kia giác ngộ phù sanh, cho rằng sanh tử là huyễn là mộng, mà xuất gia tu hành nghiêm khiết, dùng Đạo đức đó để báo cha mẹ làm trọng, chuyên cần của ngon ngọt làm khinh. Đó cũng là muôn phần trong sanh nhân mà một đó mới ấy vậy. Tuy nhiên, còn chế cho họ giảm bớt phần ăn mặc để nuôi dưỡng song thân đó, chẳng chấp nhận họ bỏ mặc cha mẹ vậy. Phàm, thiết giáo của Phật như vậy, họ đối vời đời là Thiện ư? Hay là ác ư? Họ đối với nhân luân có mở mang lợi ích ư? Hay không tế ích ư? Họ cùng với Trị Đạo của Nho, Lý giáo đó có thuận chăng? Hàn Tử thuộc loại nên tham cứu sâu mà xa rõ đó. Giáo của Lão Tử, tuy pháp đó dần sâu mầu, nhưng so với Phật thì không bằng. Như họ dạy người vô vi, vô dục, điềm đạm, khiêm hòa, bởi xuất phát từ Đạo của Tam Hoàng Ngũ Đế, sao có thể cùng với Dương Tử, Mặc Tử gạt phẳng mà bài bác đó? Khổng Tử dùng Đạo Trung Chánh của Liệt Thánh, đoan chánh của thiên hạ làm Lỗ Xuân Thu. Họ thiện với người thiện đó, họ ác với người ác đó, chẳng hẳn ở Trung Quốc và Di Địch vậy. Xuân Thu nói: “Từ đánh Cử, Từ vốn là Trung Quốc ấy vậy”. Đã bất thiện thì Di Địch đó. Nói người Tề người Địch cùng thề ở hình, người Địch vốn người Di Địch vậy. Đã thiện tức là Trung Quốc đó. Thánh nhân tôn quý Trung Quốc mà xem thường Di Địch, chẳng phải ở biên cương lãnh thổ mà cùng với người đó vậy, tại vì họ gọi là Thích Lý vậy. Nên nói: “Quân tử đó đối với thiên hạ, không vừa vậy, không chớ vậy”. Nghĩa đó cùng sánh, như Pháp của Phật so ở đời Thiện, có thể gọi là Thuần thiện Đại thiện vậy. Ở tại Trung Đạo, đó có thể cùng ư? Có thể chống cự ư? Nếu chẳng dùng Trung Đạo của Thánh nhân mà chọn lựa thiện ác đó, chánh lấy bỏ đó, là người tầm thường riêng tư của thương ghét, không pháp, sao đủ nói ư?

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 15

PHI HÀN TỬ
(Phần Trung)

BÀI HAI

Mới đầu thấy Nguyên Đạo của Hàn Tử, chỉ lấy Nhân nghĩa làm Đạo Đức, tôi cho rằng Hàn Tử như vậy là tuyệt nhiên, không biết Đạo đức của Nho vậy. Sau đó thấy luận "Bất Nhị Quá" của Nhan tử nói: "Thánh nhân ân chánh tánh của căn Thành minh, chánh Đức của Trung Dung". Lại dẫn ở Trung Dung nói: "Tự thành minh, gọi đó là Tánh, tự minh thành gọi đó là giáo". Lại nói: "Đều có nghĩa là không thể vô sanh ở tâm đó mà chẳng phô bày đó ở ngoài". Khảo xét đó ở Đạo của Thánh, thì sai lầm quá vậy. Phàm, Thành minh của Trung Dung, thật là cội nguồn của đạo đức, nhân nghĩa, trăm hạnh của Thánh Hiền vậy. Như thế, Hàn Tử hẳn cũng biết có Đạo đức của Thành minh - Trung Dung, cớ sao Nguyên Đạo vất bỏ đó mà không nói vậy? Cho rằng, người chẳng đủ biết Đạo đó ư? Cho rằng người hẳn chẳng thể chợt vậy ư? Hoặc đem dấu Thiện mà chẳng nói hết ư? Quân tử hẳn không thể dấu Thiện vậy. Đó hẳn Hàn Tử nhọc thấy Thành minh đó, Trung Dung đã nói mà Tâm chưa thông Lý đó ư? Nhưng Lý rất nhỏ nhiệm sâu mầu, tinh xét mà chẳng thấu đáo vậy. Trong số bảy mươi hai học trò của mình, Khổng Tử chỉ nói riêng điều đó cùng Nhan Uyên mà thôi, đó gần như ngõ hầu ư? Mà Nhan Tử thấu đáo đó, nên đó nói ít sai quấy. Nay Hàn Tử suy gốc ở Đạo đức Nhân nghĩa của Thánh nhân cùng người sao còn? Văn tự đó trước không mà sau có, tự cùng trái loạn. Đó có thể gọi là đã thấu đáo rốt ráo ư? Tâm chẳng đạt Chí Lý của Thành minh trung Dung, tuy càng biên thuật sách, có thể truyền lấy làm pháp ư?

BÀI BA

Hàn Tử lấy điều Khổng Tử gọi là “Chỉ có bậc Thượng trí và hàng Hạ ngu không chuyển đổi”. Cùng với điều gọi là “người bậc trung trở lên có thể dùng nói trên vậy, và người bậc trung trở xuống, không thể cùng nói”. Hàn Tử lấy Thượng ấy làm Tánh, mà biên thuật “Nguyên tánh” nói: “Phẩm của Tánh có ba, và điều dùng làm tánh đó có năm. Đó là gì? Phẩm của Tánh có ba bậc thượng, trung và hạ. Bậc Thượng ấy là chỉ Thiện mà thôi vậy; bậc Trung là có thể nói mà thành thượng hoặc hạ vậy; còn bậc Hạ ấy là chỉ ác mà thôi vậy. Điều dùng làm tánh đó có năm là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí và Tín. Người bậc Thượng đó chủ ở một mà hành ở bốn. Người bậc trung đó ở năm, một ấy chẳng ít có vậy thì ít kịp vậy, họ đối với bốn ấy hổn độn. Người bậc Hạ đó ở năm vậy, trái lại ở một mà bội nghịch ở bốn. Nói người bậc Thượng ấy là Thiện vậy, nên hay hành đạo của năm đó. Người bậc Trung là có thể nói làm thiện làm ác vậy, họ ở năm tuy chẳng lắm có cũng có thể tiến mà kịp đó vậy. Người bậc Hạ là ác vậy, họ ở năm là trái ngược mà chẳng thể làm đó vậy. Tánh đó ở Tình thấy phẩm đó, Tình đó ở phẩm cũng có ba bậc Thượng Trung và Hạ. Sở dĩ làm tình đó là có bảy, tức: mừng, giận, buồn, sợ, thương, ghét. Muốn bậc Thượng đó ở bảy ấy, động mà ở trong đó. Bậc Trung đó ở bảy, có chỗ lắm nhiều và có chỗ không có, nhưng mà cầu hợp chung đó vậy. Bậc Hạ đó ở bảy, mất cũng lắm, thẳng tình mà hành vậy. Nhưng, Hàn Tử nói thiện và ác như vậy, cũng đồng như điểm nói của Phật và Lão, mới đặc dị thuyết đó.

Phàm, Tánh đâu ở Phật và Lão ư? Mà người trong thiên hạ đều được, bởi Đạo của Chí Công ấy vậy. Sao có thể riêng đó mà ức thuyết ư? Ôi! Hàn Tử ghét Phật và Lão bèn dẫn đến dùng tánh mạng đó mà nói quanh co, sao quá thương ghét lắm vậy ư? Điều mà Khổng Tử nói “Chỉ bậc Thượng trí và hàng Hạ ngu không chuyển đổi” là nói có tài trí và thông minh, đồng thời ngu tối mà không biết của người vậy, chẳng phải nói về Tánh, Phàm, trí đó và ngu đó là thế thông bít của Tánh, chẳng phải gốc ngọn của Tánh. Còn tánh là tức ở vật linh mà có biết ấy vậy. Nay người linh trong thiên hạ, nhưng lợi đến thì biết chạy theo, hại đến mà biết lánh trốn, ai chẳng vậy ư? Đâu có riêng khác thượng hạ ư? Chỉ chỗ biết đó có xa gần, khả năng đó có ít nhiều, đó bởi thế thông bít mà khác vậy. Điều trong Luận Ngữ nói “Tánh tương cận” tức là nói Tánh đó thì đồng vậy; nói “Tập tương viễn” tức nói nhân học tập đó thì người có thiện ác khác biệt vậy. Sau đó mới nói chỉ bậc Thượng trí và hàng Hạ ngu là chẳng chuyển đổi, đó cũng là tiếp thừa hợp ý nói trước vậy.

Nghĩa là người chẳng tập làm bất thiện, điều đổi thay dễ, đó chỉ là bậc Thượng trí cao tài vậy. Chẳng tập làm Thiện mà rốt cùng chuyển đổi cũng chỉ là hàng Hạ ngu tuyệt ngoan ấy vậy. Ngoài ra, không ai chẳng do sự học tập mà làm thiện làm ác vậy. Đó cũng là Thánh nhân thuần dốc ở khuyến giáo mà hóa đó vậy. Phàm, Thượng ấy là Thánh nhân, Hạ ấy là ngu nhân, Thiện ác là tốt xấu vậy. Tốt xấu cùng sanh đều sanh, mọi người đều có đó, há Thánh nhân chỉ có tốt mà ngu nhân chỉ có xấu ư? Nếu nói Thánh nhân và ngu nhân đều có tốt xấu, là thiện ác quân bình vậy. Đâu phải bậc Thượng chỉ là thiện, kẻ Hạ chỉ là ác ư? Hàn Tử hẳn cho rằng Thượng trí và Hạ ngu không chuyển đổi là người của bậc Thượng và Hạ tánh thiện ác đó mỗi mỗi đã định vậy. Sao Khổng Tử đã nói "Tánh tương cận, tập tương viễn". Nghĩa là tánh người chẳng sai vội. Lại nói chỉ bậc Thượng trí và hàng Hạ ngu là không chuyển đổi, nghĩa là thiện ác của tánh người, mỗi tự cố định. Đâu có lời nói của Thánh nhân mà trước sau chẳng cùng xứng, mà trái ngược như vậy. Không chỉ chẳng cùng xứng mà ước cũng chẳng phải chỉ bày giáo vậy. Cho rằng, lời nói của Thánh nhân là trái ngược có thể được chăng? Hàn Tử đọc sách chẳng tìm cầu ý của văn đó như thế nào, mới liền mạnh lời đó bèn lấy làm lập ngôn. Phàm, Nhân nghĩa Ngũ thường là Thiện của Tình người ấy vậy, mà Hàn Tử không xét biết, mới nói: "Sở dĩ làm tánh là có năm, đó là nhọc thấy Ngũ thường xuất phát từ nơi tánh mà bèn lấy làm tánh, rất không biết chỗ xuất phát của tánh ấy đều là tình vậy. Nay xin hỏi người ấy rằng: "Ông cho nhân ái trong Ngũ thường cùng với Ái của ái ố (thương ghét) trong Thất tình là đồng hay dị ư? Hẳn người ấy sẽ đáp là đồng vậy. Lại hỏi: Hiếu (ưa thích) của Hiếu Nhân nghĩa trong Ngũ thường, cùng với Hiếu của Hỷ Hiếu (vui thích) trong Thất tình là đồng hay dị ư? Đó hẳn đáp là chẳng dị vậy. Như thế, điều Hàn Tử nói là Ngũ là Thất, là thiện là ác há chẳng đều là tình ư? Đắm trước ở tình mà mới đầu xử đặt bên ngoài của tánh. Bậc thầy của Hàn Tử đó chánh là Khổng Tử vậy. Muốn làm sách, sao được chẳng xét lời của Thầy đó, mà sau mới phát ra liền làm sai lầm ư? Ý của Thánh nhân là như vậy. Nói tánh của Khổng Tử là nói nhân sanh mà tánh của trời tĩnh lắng, do cảm vật mà động dục của tánh vậy. Lại nói: "Tịch nhiên bất động", là do cảm mà bèn thông thiên hạ đó. Phàm, Nhân sanh mà tĩnh lắng, tịch nhiên bất động, đó đâu phải là tánh của người chỉ tịch chỉ tĩnh, nào từng có thiện có ác có phẩm đó ư? Phàm cảm động mà động dục của tánh, cảm mà bèn thông thiên hạ đó, há chẳng phải tiếp ở ngoài vật mới thành tình của thiện ác đó ư? Trung Dung nói: "Mừng, giận, buồn,

vui chưa phát, gọi đó là Trung: phát mà đều Trung tiết, gọi đó là Hòa". Trung ấy là Đại bản của thiên hạ, Hòa ấy là đạt đạo của thiên hạ, đó cũng là thấy đủ ở nơi phần của Tình và Tánh vậy. Than ôi! Thánh nhân xưa trước họ nói tình tánh công hiệu rõ ràng như vậy, mà người đời sau chẳng tuân theo, đua tranh chuyên khác mà cẩu thả làm thuyết đó. Tuy muốn cầu khác lạ so với Phật và Lão, rất không biết quá trái nghịch lời nói của Thầy đó, mà làm loạn cả Đạo của Thánh nhân vậy! Dịch nói: "Lợi trinh chính là Tình Tánh ấy vậy". Nghĩa là Tánh là chánh, Tình là tà vậy. Hẳn dùng Tánh chế Tình mới là Trung chánh vậy. Về sau, người học mới không biết tánh đó, mới làm cuồng, làm nghịch, làm tà, làm nịnh, làm tham, làm hoặc, ít có người thành đức tánh ấy vậy. Đâu kham lập ngôn ban giáo, mới lại dùng tình dùng tánh chẳng biện rành chân ngụy mà truyền đó. Với người như thế, tôi sợ là ngu phu càng lầm hoặc vậy. Đạo của Thánh nhân sắp phế hủy vậy!

BÀI BỐN

Hàn Tử làm nguyên nhân, nói: "Hình ở trên Nhật Nguyệt muôn sao đều là trời vậy. Hình ở dưới cỏ cây sông núi đều là đất vậy. Mạng ở hai khoảng Di địch cầm thú đó đều là người vậy". Nếu nói vậy, tôi gọi cầm thú là người có được chăng? Nói chẳng phải vậy, chỉ núi mà hỏi đó có phải núi chăng? Nói núi có thể được vậy. Vì núi có cỏ cây cầm thú đều khắp có vậy. Chỉ một ngọn cỏ của núi, mà hỏi đó là núi ư? Nói núi thì không thể được vậy. Nên Thiên đạo loạn mà Nhật Nguyệt muôn sao chẳng được hành đó. Địa đạo loạn, mà cỏ cây núi sông chẳng được bình đó. Nhân đạo loạn mà Di Địch cầm thú chẳng được tình đó. Trời là chủ của Nhật nguyệt muôn sao, đất là chủ của cỏ cây sông núi, người là chủ của Di Địch cầm thú vậy. Chủ mà phô bày đó, chẳng được Đạo làm chủ đó vậy. Cho nên Thánh nhân chỉ một trông thấy mà đồng Nhân, dốc gần mà cử xa. Ôi! Hàn Tử cớ sao nói đó mà không biện rành vậy? Cho rằng: Hàn Tử khéo biên thuật sách, tôi không biết vậy. Kia ý họ cũng thuộc loại nào ư? Tế Thống nói: "Phàm, nhân sanh ở giữa khoảng trời đất, đó đều gọi là mạng. Muôn vật đó chết đều gọi là chiết, còn người chết gọi là Quỷ". Như Khổng Tử nói là chiết là Quỷ, bởi phân rành đó vậy. Người và cầm thú cỏ cây khác nhau vậy. Hàn Tử nếu nói vậy, tôi gọi cầm thú là người có được chăng? Nói chẳng phải vậy. Chỉ núi mà hỏi đó là núi ư? Nói núi có thể được vậy, vì núi có cầm thú cây cỏ đều khắp đó vậy. Muốn dùng riêng cầm thú đó và người, mà văn không phân rành, mà dùng dụ chẳng xác đáng. Ý của Hàn Tử, đó thật cho

rằng người cùng với Di Địch cầm thú đều đồng Đạo của tánh mạng đó vậy. Chẳng thẳng nói đó mà hẳn muốn khác với thuyết của giáo khác vậy. Nhưng Hàn Tử như vậy mà khác, cũng như Thư Công phú mao nói: "Sáng ba mà chiều bốn, sáng bốn mà chiều ba". Quả nhiên sao có thể làm khác ư? Đó nói: người là chủ của Di Địch cầm thú, đó lại là hổn loạn mênh mông mà chẳng đủ để làm răn bảo vậy. Hàn Tử nếu cho rằng người là chủ của huyết khí, Di Địch kia cũng là người vậy, tự có thể làm chủ đối với cầm thú vậy. Sao được nói như cầm thú mà làm chủ đối với người ư? Nhưng cầm thú cũng chẳng phải người làm chủ đó vậy. Muôn loại mỗi mỗi tự có chủ của nó vậy. Người tự chủ đối với người lớn trong loại đó. Cầm thú cũng là tự chủ đối với vật lớn trong loại đó. Trong thiên hạ nào có cầm thú quen lờn với người mà làm chủ đó ư? Hàn Tử kia nếu giúp đối với cầm thú Di Địch, cùng tôi đồng tánh mạng đó, muốn người chẳng phô bày đó vậy, làm nguyên nhân đó, đáng nên nói người là đồng sanh đó của cầm thú Di Địch vậy. Đồng sanh mà phô bày sanh đó không được, do đó làm Đạo của sanh vậy. Như thế thì ngõ hầu có thể ư?

BÀI NĂM

Hàn Tử làm Bản Chính, nói: "Chính của Chu, văn đó đã tệ vậy, đời sau không biết tiếp thừa đó để phô bày lớn về tiên cổ, bèn biên thuật của một thời làm sáng tỏ chỉ bày cho dân. Mới đầu, dân lầm hoặc giáo, thuyết của trăm nhà nổi dậy". Lại nói: "Nghe ở người thầy bảo: "Quân vương thời xưa từ trời xuống mà hóa đó, chẳng chỉ bày Đạo của họ sở dĩ hóa đó. Đến lúc Đạo ấy tệ thì lại đổi thay, chẳng chỉ bày Đạo của họ sở dĩ đổi thay đó". Chính dùng phải được, dân dùng phải thuần. Họ làm đó là biết chỗ Dao phế của giáo đó, đè ép hư dối quái lạ mà thỏa sướng Hoàng Cực. Nép phục văn mạo mà chuộng Trung chất, mịt mờ Thiên vận, sâu thẩm Thần hóa, Đạo đó hành hầu như đã vậy ư?"

Hàn Tử với thuyết đó há chẳng phải nhàm chán vì quá xấu của văn. Làm giáo đó có vết tích ấy vậy. Nhưng nói đó tợ như muốn thiên hạ như chính của Tam Vương dùng văn chất cùng cứu. Lại như muốn thiên hạ như Tam Hoàng dùng Đạo giản dịch lấy làm hóa. Nói đó không đầu mối bé nhỏ, khiến người học lầm hoặc đó. Hàn Tử nếu muốn như chính của Tam Vương, thì Tam Vương sao được chẳng chỉ bày Đạo của họ sở dĩ chính đó ư? Nếu muốn vô vi như Tam Vương, đó mịt mờ ở Thiên vận, sâu thẩm ở Thần hóa, thì thuộc loại như điều Lão Tử gọi là Đạo đức đó ấy vậy. Như Quân Vương thời xưa từ trời xuống mà hóa đó, mà chẳng

chỉ bày Đạo của họ sở dĩ hóa đó là chẳng gì thạnh so như Tam hoàng Phục Hy, Thần nông, Hoàng Đế ấy vậy. Tam Hoàng là sư tông của Đạo Lão Tử. Hàn Tử đang chê cười Lão Tử cho rằng, Đạo đức đó mà làm lời nói riêng tư của một người vậy. Nếu thuyết của Lão Tử quả thật là riêng tư thì điều nói của Hàn Tử sao được làm công ư? Hàn Tử làm sách sao chẳng xét khảo, chẳng tư duy mà như vậy, khiến người học lấy gì khảo xét mà làm Pháp?

BÀI SÁU

Hàn Tử làm Nguyên Quỷ, cho rằng: Như Đinh Dân đó có phải lúc vậy, nên Nguyên Quỷ làm để biện giải đó vậy. Ôi! Quỷ sao hẳn nguyên ư? Khiến Dân không biết Quỷ đối với chính đâu tổn hại gì? Khiến Dân biết Quỷ, đối với giáo nào có ích gì? Quân tử thời xưa dùng Đạo biện hoặc để chính bình yêu, như thế mà thôi vậy. Xưa kia ở thời nhà Ân, chính tệ mà Dân đó dùng Quỷ, Tiên Vương lo lắng mà giết đó, vì Quỷ nghĩa là họ có lắm oai nghi tợ như phụng sự quỷ thần ấy vậy, huống lại là Nguyên Quỷ. Thật dùng Quỷ mà chỉ bày cho Dân, đâu phải pháp của Tiên Vương ư? Ngữ nói: “Chưa thể phụng sự người sao có thể phụng sự Quỷ thần?” Hàn Tử nói như thế chẳng chỉ trái nghịch đối với Đạo của Tiên Vương, ước cũng là mê mờ không hiểu ý của Khổng Tử. Sai lầm quá lắm như thế thay!

BÀI BẢY

Hàn Tử làm Hoạch Lâm (gặp được Kỳ Lân) giải rằng: “Lân xuất hiện hẳn có Thánh nhân đang tại vị, Lân vì Thánh nhân mà xuất hiện vậy. Thánh nhân hẳn là biết Lân, Lân quả thật không làm điều chẳng tốt lành”. Đó nghĩa là Lân vì Khổng Tử mà xuất hiện. Khổng Tử biết Lân, Lân làm điều tốt lành, để giải thích về người ở xưa trước cho rằng Lân làm điều không tốt lành ấy vậy. Điều Hàn Tử cho như thế sao đó chưa biết kinh vậy? Lân sở dĩ xuất hiện ở thời Xuân thu, nếu chẳng thể phát minh ý của Khổng Tử làm Xuân thu, thì dùng gì để giải hiểu Lân? Phàm, Lân, người học cũng có thể biện giải đó vậy. Khổng Tử là bậc Thánh nhân, đâu chỉ có thể biết Lân vậy? Nói Lân cho là Khổng Tử xuất hiện, là cẩu thả dùng lấy vọng thuyết của tạp gia, không kinh chứng cứ sai lầm luôn vậy. Hàn Tử vì biết Thánh nhân ca ngợi Lân, thì chẳng nhọc vì đó xuất hiện hay không xuất hiện vậy. Xưa kia, Khổng Tử nhân Lân mà làm Xuân Thu, bởi vì Lân, Phụng... tứ linh đại khái hệ thuộc với Vương Chính. Nên Lễ Vận nói: “Thánh nhân làm thì Tứ

Linh lấy làm súc". Ở thời của Khổng Tử, nhà Chu dần suy, Vương Đạo đã tuyệt, có Lân mà không có Chính, Thánh nhân cảm vậy, bèn vì cứu giúp để còn ở Vương pháp, nên sách đó đã phát khởi ở đời Bình Vương mà tuyệt bút Hoạch Lân, mà Đổ Dự chú giải "Hoạch Lân", thuyết đó sức nát chẳng quyết.

Đã nói: "Lân là điềm tốt lành của Thánh Vương". Lại nói: "Thời đó không có Minh vương, cảm điềm tốt lành mà không ứng". Đã không có Minh vương, lấy gì để cảm Lân xuất hiện đó ư? Đó bởi Đổ Dự không có khả năng khảo xét ý xuất hiện hay không xuất hiện đó vậy. Trong Lễ Vận, Khổng Tử nói: "Chính của Thánh Vương đại thuận nên Phụng và Kỳ Lân đều ở nơi giao thủ, Quy và Long ở nơi cung chiêu". "Giao" nghĩa là nó chẹt ở Vương thành; "Thủ" nghĩa là rừng cạn của cây củi. Nghĩa là sở cảm của Đại thuận thì Lân Phụng chỉ như vật nuôi dưỡng vậy. Đó nói ở gần nơi khoảng cây củi của giao vậy. Đó cho là xuất hiện của Lân là như vậy. Tả Thị nói: "Tây thú đại dã hoạch Lân". "Đại dã" là đầm lớn của Lỗ vậy. Ở đó hoang vu xa rộng hiểm tuyệt, thấy mây mộng của Sở, thấy khắp đất của Ngô, đều là chỗ mà thiên Hạ gọi là mười tẩu ấy vậy. Nhưng núi sâu đầm lớn hẳn là nơi loài vật khác lạ ẩn phục. Lân không may bị người Lỗ tìm tòi mà gặp đó, đâu phải cảm mà tự xuất hiện ư? Nên tôi nói rằng: Lân chưa từng xuất hiện, hẳn nghĩa là đó làm xuất hiện của Lân vậy, thì trong Lễ Vận lời nói của Khổng Tử là sai lầm vậy. Thánh nhân đâu sai lầm vậy ư? Kinh nói: "Tây thúc hoạch Lân". Lân chẳng tự nhiên mà xuất hiện có thể biết vậy, bút tích của Thánh nhân như vậy, chẳng phải nghĩa là thiện đó vậy. Xuân Thu phàm xưng là "hoạch" tức là chẳng dạy riêng ở "Đắc" (= Được), bởi nghĩa là binh lính cứng mạnh được thắng vậy. Kinh nói: "Hoạch" là hệ của Tấn hầu ấy vậy". Nay nói "Tây thú" là bởi ghét đó chẳng phải thời mà phô bày vật vậy, nói "Hoạch Lân" là có dèm pha vậy. Với dị nghĩa là nói Khổng Tử sửa kinh Xuân Thu, lập ngôn làm pháp của Tố Vương, Lân mới ứng đó. Hoặc nói, hưng là làm tốt lành, mất là làm ương họa. Nghĩa là, Lân làm phù hợp điềm lành vâng thọ mạng của đời sau. Đó đều không thấy biên ghi ở trong kinh truyện. Nếu vì ức đoán lựa chọn, rất không đủ để lấy đó. Nghĩa là Khổng Tử làm Tố Vương, đó lừa dối Thánh nhân quá lắm vậy.

BÀI TÁM

Hàn Tử dùng ba sách tự dâng tiến cầu dùng ở Tể tướng. Tôi đọc đó, chưa từng chẳng lấy làm than thở. Ở đời cho rằng: Hàn Tử như bậc

Hiền kế tiếp Thánh mà xuất hiện vậy. Tôi cho rằng: Thánh Hiền tiến thối nói nín cử động đều có sư pháp, chẳng nên cùng kẻ sĩ tầm thường đồng chìm nổi vậy. Kẻ sĩ thời xưa đều muốn dùng, chẳng phải Lễ đó chẳng cùng dùng đó. Quan Sĩ ở thời Tam Đại dùng thiên hạ mà tự nhậm, không ai như Y Duẫn, cuối thời nhà Chu, âu lo thiên hạ, không ai như Khổng Tử, ở thời Chiến Quốc, muốn hành Đạo đó, không ai như Mạnh Kha. Tuy nhiên, đều dùng Lễ sính mà làm chính, chẳng nghe dùng sách tự cử mà yêu cầu dùng đó vậy. Lễ nói: "Nho có vật quý tốt ở trên chiếu để đãi sính, sớm tối gắng học để đợi hỏi, ôm hoài trung tín để đợi cử, dùng sức làm để đợi lấy". Ngữ nói: "Phu Tử ôn lương cung kiệm nhượng để được đó. Cầu của Phu Tử khác với cầu của mọi người ấy vậy". Trần Tử nói cùng Mạnh Tử rằng: "Quân tử thời xưa làm quan thế nào?" Mạnh Tử nói: "Chỗ đến có ba, chỗ đi có ba. Nghinh đón đó rất mực cung kính, vì có Lễ. Nói năng dẫn dắt, thật hành nói năng đó thì đến. Lễ mạo chưa suy, nói năng chẳng thật hành, thì bỏ đó đi..." Phàm, Thánh Hiền thời xưa đợi mà chẳng cầu vậy. Đợi như vậy mà chẳng cầu, bởi quý Nghĩa mà giữ Đạo. Sở dĩ vậy mà họ làm Thánh Hiền vậy. Hàn Tử đã chẳng thể giữ Đạo mà quý nghĩa như Thánh Hiền thời xưa vậy. Lại dùng sách mà tự cử đối với trên đó, hẳn hợp nghi cung kính lời nói đó, bình lắng khí đó, tự nói có thể vậy. Sao được vội vã vì phẫn hận, vội vàng chẳng phải chính trị của người ư? Khổng Tử nói: "Nói chưa kịp đó mà nói gọi đó là vội vã". Lại nói: "Nay người khổ nhọc phẫn hận định hẳn Hàn Tử suy việc của Chu mà so sánh chánh trị của thời đó". Chẳng phải đó không thấu đáo. Phàm thân chưa kịp ở ngôi vì mà liền cười chê chinh đó, chẳng phải vội vã ư? Tự cử chẳng được mà trách người, chẳng phải khổ nhọc ư? Phẫn hận ư? Nho Hành nói: "Tẩy thân mà gội đức, tỏ bày lời mà phục, tĩnh lắng mà chánh đó. Trên chẳng biết vậy, thô mà ngẵng lên vậy, lại chẳng gấp làm vậy". Tỏ bày lời mà phục đó nghĩa là Nho có chỗ tỏ bày nói, hẳn phục mà đợi mạng của trên. Tĩnh lắng mà chánh đó, nghĩa là tuy chẳng được mạng hẳn tĩnh lắng mà giữ đó, chánh chẳng vì khuynh tháo vậy. Trên chẳng biết, thô mà ngẵng lên vậy, lại chẳng gấp làm, nghĩa là tuy đã có khéo nói chánh hành, trên chẳng biết thì đồng nhan sắc đó sơ lược mà phát đó, chẳng hẳn gấp bày mà làm vậy. Thánh nhân nghĩa là như vậy, bởi muốn người tuân trọng lý mà xa nhục vậy, tuân trọng Lễ do đó làm Nho vậy. Hàn Tử kính mộ Khổng Tử, nghĩa là làm thuần Nho, mà chỗ làm đó trái với pháp của Thánh nhân như vậy, có thể gọi là thật Nho ư? Chẳng chỉ không thấu ở Nho, mà cũng sợ sai lầm người đời sau thất lễ mà chuốc nhục vậy. Sách của

Hàn Tử mong muốn Triều đình nhân ban tước lộc cho mình để dẫn dụ khiến những kẻ sĩ đời sau di tật. Hàn Tử dùng lời đó đãi thiên hạ, sao cạn cợt mà sai lầm vậy? Trong thiên hạ hẳn cũng có các người chẳng rơi gặt ở nghèo hèn, chẳng sung gạt bỏ ở giàu sang, nhưng lại rất hay giữ Đạo ôm tiết, vượt mà quá Hàn Tử. Như truyền thuyết đồng bọn Gia Cát Lượng vậy. Truyền thuyết Gia Cát Lượng đâu chỉ nhân người mà vội lại, quanh co vậy để hướng đến lợi lộc ư? Đây còn lược nêu cử sự lớn thạnh thấy nghe nơi đời. Chủ thời đó có thể dùng Lễ nghĩa thành thật đến sính mà khiến đó có làm ấy vậy, huống gì có những người ẩn tích mai danh vượt khỏi vòng lưới đời ấy ư? Bởi có thấy phân nước như nhẹ bỗng mà không bề tôi, không quan sĩ. Như Thái Bá, Bá Di, tuy tước mạng gấp trăm mà còn trở lại khinh miệt đó. Hàn Tử sao có thể dụ mà khiến đó ư? Tôi sợ sách của Hàn Tử chưa hẳn có thể vì nước nhà lấy chí Hiền đó ấy vậy. Hàn Tử nói: "Người thời xưa ba tháng chẳng làm Quan thì cùng viếng thăm". Đó là dẫn sách của Mạnh Tử, ở cuối chương Đăng Tử Văn Công, mới đầu đáp câu hỏi của Chu Tiêu. Hàn Tử nhọc lược lời của Mạnh Tử mà chẳng thể dùng hết ý đó. Cuối chương đó, Mạnh Tử mới nói là: "Người thời xưa chưa từng chẳng muốn làm Quan vậy". Lại ghét chẳng do Đạo đó, chẳng do Đạo đó mà đến là cùng loại khoan dài huyệt hỏm vậy. Ý đó chánh nghĩa là: Kẻ sĩ tuy gấp ở Quan vậy, cũng đợi mạng đó mà dùng, chẳng thể cẩu thả tiến tới mà cầu dùng vậy. Cẩu thả tiến tới mà cầu dùng là hẳn như nam nữ chẳng đợi lời bảo dạm hỏi của cha mẹ, khoan dùi huyết hỏm cùng lớn trông, đạp vượt tường cùng theo nhau, làm chỗ hèn tiện của người ấy vậy. Nay Hàn Tử tự dâng tiến mà cầu dùng mới viện chương ấy của Mạnh Tử làm dụ, sao chợt tự rõ bày thất lễ mất nghĩa đó vậy thay? Tôi nghe người xưa muốn có chỗ ra mắt chỉ dùng Đồ lễ của họ mà dâng đi trước. Thiên Tử thì đồ lễ Hộp đựng cung, Chư hầu thì đồ lễ Ngọc, Khanh thì đồ lễ Dê, Đại phu thì đồ lễ Nhạn, Sĩ thì đồ lễ Trỉ. Cho nên Mạnh Tử nói: "Khổng Tử ra biên cương hẳn chuyên chở chất". Chẳng nghe dùng sách để ra mắt với người trên đó vậy. Bởi người đời sau cẩu thả làm đó vậy. Ở đời vua Hiếu Võ Đế (?) thời nhà Hán, các kẻ sĩ ở khắp bốn phương, như đồng bạn của Đông Phương Sóc... kiêu dối huyễn bán, bởi dùng sách mà tự tiến dâng, thiên hạ mới cùng học đòi, tự nhiên thành phong Mạnh Tử nói rằng: "Tự bán để thành Quân Vương, người tự tốt lành trong làng xóm chẳng làm". Mà cho là người Hiền làm đó ư? Nhưng mà ai từng lấy đó mà tự làm thẹn vậy?

Than ôi! Đời sau càng suy, phong giáo mỏng nhạt càng lắm, người

học đem nghề cùng khoe, lấy tài năng làm ưu thắng, ngạo dối tự đại, ai chẳng như vậy. Ôn lương cung kiệm nhượng, Đạo đó gần phế. Đang lúc đó, Hàn Tử hẳn nên dốc sức hành Đạo của Thánh nhân, đem thân dẫn trước thiên hạ mà chánh phong tục đó, có thể vậy. Lại theo phụng sự việc ấy mà kiệu khoe phẫn hận vội vã càng thạnh, người học đời sau không biết căn bản, nhọc thấy sách của Hàn Tử mới cùng nói với nhau "Hàn Tử là bậc Đại Nho, chúng ta nên học đòi theo chỗ làm đó". Như vậy, chẳng chỉ tổn phong giáo đó, ước cũng hại tiết tháo của bề tôi đó, nhục thân người đó. Nên nói: Sách của Hàn Tử chẳng phải pháp, tôi không chỗ lấy đó vậy. Hoặc có người nói: "Ở thời của Hàn Tử, họ dùng Đạo của kẻ sĩ khác với thời xưa. Hàn Tử bởi nhân thời đó mà làm đó vậy. Hẳn như giữ Đạo của xưa đợi sính đó mà sau dùng kẻ sĩ. Đạo của Quân tử hẳn đến chết mà chẳng được hành đó vậy". Xin nói: Không phải vậy. Hàn Tử còn dùng Đạo của Chu Công mà trách cả Tể Tướng của thời đó. Ngay đó sao không nghĩ, đến thời nay so với xưa trước khác vậy? Không thể dùng Đạo xưa mà tìm cầu ở nay vậy. Đâu vì mưu tính tự thân tức cho là tùy thời, mà trách người tức cho rằng hẳn như Đạo xưa? Quân Tử quả thật như vậy mà làm ý ư? Nhưng sính lễ của kẻ sĩ đời nào không có đó? Ở thời Tiền Đường cũng còn nghe dùng Lễ mà ban chiếu mời người ẩn dật ấy vậy, đâu có bỏ sót Thánh Hiền mà chẳng sính ư? Ngữ nói: "Chớ lo không địa vị, chỉ lo sở dĩ lập, chẳng là không biết mình, cầu làm có thể biết vậy". Hạng người như Hàn Tử cũng nên suy nghĩ đó vậy.

BÀI CHÍN

Hàn Tử làm "Đối Vũ Vấn", cho rằng: "Vũ tuy đem thiên hạ mà truyền cho con, mà Hiền đó không phải là chẳng kịp Hiền của Nghiêu Thuấn truyền Hiền vậy".

Thuở thiếu thời, tôi biên thuật Bình Nhượng, mới đầu cũng lấy thuyết của Hàn Tử nói là Vũ truyền con. Về sau xét nghĩ đó, tức khảo cứu sách của Ngu Hạ, trọn không hề thấy thuyết của Vũ truyền Hiền hay truyền con, chỉ Mạnh Tử nói: "Vũ tiến cử Ích ở ngôi Thiên Tử, bảy năm sau Vũ băng hà, ba năm chịu tang hoàn tất, Ích trốn lánh con của Vũ ở phía Nam núi Kỳ Sơn. Kẻ chầu hầu ngục tụng chẳng đến nơi Ích mà đến nơi Khải nói rằng: "Con của Quân Vương tôi vậy!" Âu Ca chẳng âu ca Ích mà âu ca Khải rằng: "Con của Quân Vương tôi vậy!" Đến lúc kiểm chứng ở Sử, thì Hạ Bản Kỷ Thái Sử Công cũng nói: "Vũ đem thiên hạ trao cho Ích, Ích nhường cho Khải, thiên hạ bèn kính

phụng Khải lấy làm Quân Vương". Đó mới rõ ràng Vũ chưa từng tự đem thiên hạ mà trao cho con vậy. Tuân Khanh, Dương Hùng tuy đều nói việc truyền trao, cũng chưa từng xưng Vũ tự đem thiên hạ trao cho con vậy. Nhân đó rất lấy làm quái lạ Hàn tử quá sai lầm, chẳng xét rõ kinh sử, liền làm nên lời đó. Giả sử cho rằng Hàn Tử cẩu thả lấy tạp thuyết của Bách gia cho rằng Vũ truyền thiên hạ cho con, mà Hiền đó chẳng giảm so với Hiền của Nghiêu Thuấn vậy. Lại cùng như điều nói ở Lễ Vận chẳng đồng vậy. Lễ Vận nói: "Đại Đạo đó hành, thiên hạ làm công là dùng thời đó làm Đại đồng. Nghĩa là Đại Đạo đã ẩn, thiên hạ làm nhà là dùng thời đó làm Tiểu khang". Mà nhà họ Trịnh giải thích rằng: "Thiên hạ làm công, nghĩa là truyền nhượng. Thiên hạ làm nhà, nghĩa là truyền ngôi vị cho con vậy". Phàm, truyền nhượng đã làm Đại đồng, mà lúc của nhà truyền mới là tiểu Khang. Mà Vũ nếu quả thật đem thiên hạ mà trao truyền cho con, họ làm Hiền vậy, sao được chẳng kém so với Nghiêu Thuấn ư? Hàn Tử tuy muốn nói Hiền của Vũ, mà trái lại đổi khiến chẳng Hiền của Vũ. Hàn Tử suy lường Nghiêu, Thuấn, Vũ sở dĩ truyền trao, mà mới làm lời đó nói là "Truyền Hiền của Nghiêu Thuấn là muốn chỗ được của thiên hạ vậy. Còn truyền cho con của Vũ là lo loạn của thiên hạ tranh giành đó vậy". Lại nói: "Nghiêu đem truyền Thuấn làm lo cho đời sau, Vũ đem truyền con, làm nghĩ đời sau". Sao văn tự đó tản mạn, không hiểu phân mà như vậy ư? Nhưng được chỗ tức chẳng tranh, tranh tức không được chỗ vậy. Lo như nghĩ vậy, nghĩ như lo vậy. Họ làm nghĩa huấn cũng đâu có gì khác lạ ư? Đại khái, tranh đấu đó hẳn phát khởi từ riêng tư và bất bình vậy. Đã nói là Vũ muốn khiến đời sau không tranh giành, mới đáng chẳng truyền cho con đó. Đối với Lý và Sự làm được vậy. Đã trao truyền cho con, sao được cấm chế loạn chẳng tranh giành đó ư? Sau Vũ, đến con và cháu mới hai đời mà Nghệ bèn đoạt thiên hạ đó mà có đó. Cùng bọn Hàn Trác rối ren làm tuyệt chính của Hạ đến hai trăm năm. Thiếu Khang lập mới khôi phục chính của nhà Hạ. Kế tiếp Đạo của Vũ cũng vậy, chỗ gọi là không tranh giành ở đâu ư? Phàm, Vũ là bậc Thánh nhân vậy, há có Thánh nhân mà không biết nguyên do của khởi tranh loạn đó ư? Hàn Tử tuy cẩu thả làm thuyết đó, mà chẳng lụy đến Vũ ư? Ngữ nói: "Cao vợi Thuấn, Vũ có thiên hạ vậy mà chẳng cùng vậy". Ghi chú của Khổng thị xa vời hẳn chẳng đủ phát minh ý của Thánh nhân. Đó là Thuấn, Vũ, tuy có thiên hạ, chẳng phải riêng tư mà có đó, đều có nghĩa là thường có chỗ nhường vậy. Chẳng may truyền nhượng của Vũ, việc đó không thành quả, bèn mới trao cho con tương thừa mà có thiên hạ. Khổng

Tử dùng Thế số đó mới xếp đặt Vũ ở đầu của Tam Đại. Nên Lễ Vận nói: "Vũ, Thang, Văn, Võ, Thành Vương, Chu Công do đó tuyển chọn vậy. Nhưng mà Nghiêu, Thuấn,Vũ đó thì chưa từng khác vậy". Phàm, thiên hạ là thiên hạ của thiên hạ, trao truyền Hiền trao hay truyền cho con, thì Thánh nhân đâu cẩu thả chuyện đó mà làm kế tính ư? Nếu như đang thời đó, người của thiên hạ muốn đem thiên hạ mà trao truyền bậc Hiền, mà Nghiêu Thuấn tuy muốn trao truyền cho con, cũng không thể được vậy. Đang thời đó, người trong thiên hạ muốn đem thiên hạ trao truyền cho con, mà Vũ tuy muốn truyền Hiền cũng không thể được vậy. Nên thời đáng trao truyền Hiền thì Thánh nhân hẳn trao truyền đó cho Hiền, thời đáng trao truyền con thì Thánh nhân chẳng thể không trao truyền cho con. Trao truyền thiên hạ của Thánh nhân đó chánh nghĩa là thuận ở thời số việc người mà thôi vậy, đâu có nghĩa là lo đó nghĩ đó làm cho đời sau gượng tính nghĩ mà khác với thiên hạ đó vậy? Nghiêu nói cùng Thuấn rằng: "Lịch số của trời ở tại thân ông". Thuấn cũng lấy đó mà nói với Vũ. Lễ nói: "Nghiêu trao cho Thuấn, Thuấn trao cho Vũ, Thang phóng tha Kiệt, Võ Vương đánh Trụ, cũng là thời vậy". Cho nên Dịch nói: "Thiên hạ tùy theo thời, nghĩa đó lớn thay!". Thuyết của Hàn Tử không kê cứu, nào từng được như ý trao truyền của Thuấn Vũ ư? Than ôi sai lầm thay!

BÀI MƯỜI

Hàn Tử được cử đày đến Hồ Châu, mới tấu thư tạ Thiên Tử, nhân ca tụng Thiên Tử phong truyền đó, cho rằng chính mình có khả năng văn chương có thể chấn tích công đức biên ở Thi, Thư mà chẳng nhường như người xưa.

Tôi trộm cười Hàn Tử phát bày khinh suất mà việc chẳng cứu xét. Phong thuyền thời xưa là Đại Điển của nước nhà, là việc lớn của Đế Vương. Bề tôi và con lúc bình còn có thể khiến người chủ vội làm, huống hồ ở lúc bài xích xua đuổi so le mà liền nói đó? Hàn Tử đâu có thiện để tự hợp nghi đó ư? Như Lục Chí làm Tể tướng bị truất phế đến ở Trung châu mười năm, đóng cửa dứt tuyệt việc người, chẳng lại làm sách riêng, chí chẳng chỉ hay cẩn trọng mà cũng biết đó tự chẳng đáng dự việc của Triều đình. Lục Công có thể gọi là nhận biết Đại thể vậy. Phàm, Phong Thuyền chẳng phải việc của Nhị Đế Tam Vương, nó được bắt đầu từ đời Thủy Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước tây lịch) thời nhà Tần, mà rất lắm ở đời Hiếu Võ (?) thời nhà Hán. Việc ấy thế hùng tốn phí rất lắm, bởi trăm cự vạn. Lễ độ cùng với điều xưa trước nói là

Thượng đế trông nhìn núi sông đâu bình đẳng ư? Đương thời, các Nho sĩ tuy dẫn nghĩa của Thuấn điển, đến nơi Đại tông sài vọng trật ở núi sông để truyền hợp thuyết đó, tợ như phải mà quấy, rất không được thật. Lại việc Quản Di Ngô đối đáp lời nói phong thuyền của Tề Hoàn Công, đó cũng chẳng phải xuất phát từ sách của Nhị Đế Tam Vương vậy. Hán thư ca ngợi Nghê Khoan bàn nghị phong thuyền nói: "Nhưng đó dâng cử nghĩa hưởng chẳng biên thuật ở Sách". Đúng là ấy vậy. Xưa kia, Thái sử Công tuy lấy đó làm sách, bởi lánh đang thời đó nương theo trái ngược, chẳng dám châm đốt phải quấy. Đệ nói: "Tôi theo tuần xét trời đất các Thần danh sơn mà phong thuyền vậy". Trở lui mà luận thứ tự từ xưa lại, người dùng việc Quỷ Thần thấy đầy đủ trong ngoài đó, sau có Quân tử được mà xem xét đó. Đến Ban Cố bàn nghị luận về giao kỷ đến Phong Thuyền, hoặc có thể hoặc chẳng thể, cũng chẳng châm đốt phải đó quấy đó. Chỉ suy tấu làm chánh của Cốc Vĩnh, đời sau nên có bậc Hiền nhận biết trội vượt cứng rắn suy chế độ của Nhị Đế và Tam Vương, chiết trung việc cũ của Tần Hán để đợi người làm Phong thuyền ở đời sau có thể vậy.

Tôi từng bùi ngùi các bậc tiên Nho như bọn Dương Tử Vân, nhọc khéo biên thuật sách phải quấy xưa nay muôn đời mà rốt cùng chẳng kịp đó. Văn Trung Tử tuy có phân biện luận đó, muốn cảnh răn phong thuyền của thời nhà Tùy mà thuyết đó rất lược ở hòa mục. Đời sau như có công đức chẳng xứng đáng phù hợp tốt lành chưa thấu đáo liền đem Pháp đó mà cẩu thả làm đó, họ lấy gì làm chất đó ư?

Hàn Tử bình sanh tự phụ, cho rằng có khả năng chuyên Đạo của Nhị Đế Tam Vương, mà khéo bài xích sai vọng của Bách gia xưa nay. Sao được một Triều đình vừa bị truất phế là tự suy bại sai lầm, trái lại dùng hùng hào xa xỷ khoe dối của Tần Hoàng, Hán Võ để phụng sự Quân Vương đó ư? Hàn Tử chỗ giữ đó như thế nào ư? Giả sử khiến Quân Vương đó hơi có Công đức có thể phong thuyền vậy, cũng còn nên khám chước so sánh với thời của vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời Tiền Đường, mà sau mới cử đó. Văn Hoàng Đế ở thời tiền Đường đã dẹp loạn, chân hưng Vương đạo, bình trị đến mấy trăm năm; công đức sùng thịnh đó có thể sánh cùng Vũ, Thang, Văn, Võ vậy. Tuy Văn Đến và Cảnh Đế (Văn Đế - Lưu Hằng 179-156) Cảnh Đế - Lưu Khải 756-740 trước tây lịch) thời Tây Hán còn sợ đó chẳng đủ dự chỗ đó có như thế. Thái Tông thời tiền Đường còn không dám bàn nghị phong thuyền, nên nói: "Như thẩm bản Tâm chỉ khiến thiên hạ thái bình, tuy khuyết phong thuyền cũng có thể sánh đức Nghiêu Thuấn.

Nếu trăm họ chẳng đủ, tuy tu phong thuyền cũng nào khác gì Kiệt Trụ. Xưa kia, Thủy Hoàng thời nhà Tần đăng phong Đại Tông xa xỷ tự kiêu, còn Hán Văn trọn chẳng đăng phong, tự thân thực hành kiệm ước. Nay đều gọi Thủy Hoàng là chúa bạo ngược, mà Hán Văn là Quân Vương có đức". Do đó mà nói: Không gá mượn Phong Thuyền, vua Thái Tông thời tiền Đường, có thể xưng gọi là Quân Vương có Đạo của Thánh Hiền ấy vậy. Mà ở thời Chương Võ (?), trị Đạo công đức đó phù hợp tốt lành, đó ưu thắng so với Thái Tông ư? Cũng sợ chẳng kịp mỹ phong của trong niên hiệu Trinh Quán (627-650) xa vời vậy. Mà Hàn Tử là muốn phong thuyền đó, sao đó chẳng nghĩ suy quá lắm vậy? Nhưng mà văn phong thuyền của Tần Hán đâu chuyên bỏ họ thành công so với trời đất ư? Mới mến mộ Thần tiên, cầu trường sanh để mãi sống thọ mà làm đó ấy vậy. Cho nên sách đó nói: "Phong thuyền tức Hoàng Đế bất tử đó vậy". Lại nói: "Thượng phong thì có thể Tiên lên trời vậy".

Cuối niên hiệu Nguyên Hòa (821) thời Tiền Đường, Thiên Tử (Hiến Tông - Lý Truân 806-821) mới lầm hoặc thuyết Thần Tiên trường sanh, dẫn Phương sĩ Liễu Bí ăn bánh bột kim đan đó mà làm lo hoạn rất lắm, huống lại suy Tần Hoàng, Hán Võ muốn trọng đó? Hàn Tử cử việc đó thấy cơ hồ, đâu gặp bài xích xua đuổi cùng quẩn đó, muốn người đẹp chủ để tự cẩu thả giải khỏi ư? Trung Dung nói: "Quân tử trong trắng ngôi vị đó mà hành, chẳng mong ở ngoài đó, trong trắng giàu sang mà hành ở giàu sang, trong trắng nghèo khó mà hành nghèo khó, trong trắng Di địch mà hành Di địch, trong trắng hoạn nạn mà hành hoạn nạn. Quân tử không vào mà chẳng tự đắc vậy". Đó nghĩa là chỗ hướng cẩu thả chẳng mất lý đó, đều có thể an đó, mà không vì sủng nhục họa phước loạn chí đó vậy. Rõ ràng, phàm, Quân tử hay dùng Trung Dung mà khác so với Tiểu nhân vậy. Xưa kia, Tôn Thúc đi chơi ở Sở, ba lần đến ba lần bị đuổi mà không tỏ vẻ mừng giận. Bạch Cư Dị bị đuổi đến ở Tầm Dương, chẳng vì đổi dời biến trách đó mà để ý. Hai ông ấy như thế, bởi cũng dùng Trung Dung mà tự xử vậy. Hàn Tử đã mạnh dạng ở nói việc, mới bị giáng xuống làm Quận Lại, mà cử động vội vã vọng kiêu khéo ta thán, chẳng thể thiếu an. So với Tôn Tử, Bạch Lạc Thiên thì vẫn còn xa vậy!

BÀI MƯỜI MỘT

Hàn Tử cùng Phùng Túc Thư luận văn, cho rằng người không biết văn đó, bèn tự sánh với Dương Tử Vân lúc làm Thái Huyền dẫn lời nói của Hùng rằng: "Đời không biết ta không hại vậy. Đời sau lại có

Dương Tử Vân có thể tán thán vậy". Nhưng mà Tử Vân đã chết cách đó cả ngàn năm, vậy làm gì có Đương Tử Vân ca ngợi vậy. Thời đó, Hoàn Đàm cũng cho rằng sách của Hùng hơn Lão Tử, vì Lão Tử chưa đủ Đạo vậy. Tử Vân đâu chỉ cùng Lão Tử tranh giành biên cương mà thôi ư? Đó chẳng là biết Hùng có đệ tử là Hầu Ba Phả biết đó, lấy làm sách của Thầy đó hơn Chu Dịch, nhưng trong văn khác của Hầu Ba Phả không thấy ở đời, không biết người đó quả thật như thế nào. Lấy đó mà nói làm là không mong cầu chỗ biết của người rõ ràng vậy. (Trên đây đều là văn của Thối).

Tôi thấy đó mà chưa từng chẳng vỗ sách mà vì than thở đó. Nghĩa là, Hàn Tử đáng bậc Hiền ư? Sao làm lời đó dễ dàng vậy? Phàm, Thánh nhân sở dĩ biên thuật sách, đâu cùng người mà tranh giành biên cương ư? Thánh Hiền chỉ sợ Đạo chẳng tỏ sáng mà người chẳng bình trị, nên làm sách đó muốn truyền Đạo đó vậy. Đâu có ý cùng người tranh giành biên cương? Chẳng tranh giành mới có chỗ làm vậy. Phàm lấy chỗ làm đó mà cùng người muốn tranh giành biên cương đấu thắng. Đó đặc biệt là chỗ chuộng của lưu tục, khiến khí chẳng buông tuồng vậy. Thánh nhân như vậy mà làm đó thì cách mọi người nào xa ư? Đạo đó thấu đáo (= chí), tự chẳng thấu đáo của hình người, nói đó là tự chẳng phải của hình người. Người đó có biết bèn tự phục mà tôn quý đẹp xinh vậy, đâu có tranh giành đó mà được người tôn quý đẹp xinh ư? Từ xưa, biên thuật sách mà văn chương đó sáng rỡ hòa nhã như vậy thì ai bằng Khổng Tử? Mà Khổng Tử nói: "Văn chẳng phải tôi mà như người vậy". Thánh nhân đâu dùng Đạo đó mà cẩu thả hơn ư? Trung Dung nói: "Khoan nhu dùng giáo, chẳng báo không Đạo. Cường ở phương Nam là Quân tử ở đó". Đó đâu vì tranh giành đó mà làm mạnh ư? Ngữ nói: "Do ấy gồm người, nên hừ đó". Đó là Thánh nhân đâu muốn Nho sĩ mà cùng người tranh giành biên cương ư?

Hàn Tử học Nho, làm lời chẳng thuộc loại pháp đó, cũng chẳng sai lầm người học đời sau ấy vậy. Như sách của Lão Tử, chỗ phát minh đó là Đạo đức của Tam Hoàng Ngũ Đế ấy vậy. Văn đó ước lược mà rõ ràng. Lý đó giản đơn mà thấu đáo. Phương thức trị quốc trị gia, tu thân dưỡng thần, pháp cách xuất sư dụng binh, Đạo của trời đất biến hóa, không gì chẳng đầy đủ đó vậy. Khổng Tử từng theo việc mà học hỏi người, đó đâu chẳng dùng đó như vậy. Mà Lão Tử đâu đổi hơn đó ư? Lại nữa, huống hồ điều chuộng lấy chẳng tranh giành làm đức vậy. Tử Vân bình sanh học hỏi ở người Thục, nghiêm tuân quân bình, nên Pháp ngôn đó thạnh xưng ở quân bình. Quân bình là trị của Lão Tử ấy

vậy. Đến lúc Tử Vân làm Thái Huyền, mới đem một sanh ba mà làm bản sáng chế, đó cũng là tham tầm điều mà Lão Tử gọi là “Một sanh hai, hai sanh ba, ấy vậy (Thuyết ấy thấy Thái Huyền giải nghĩa). Cho nên Tử Vân nói: “Nói Đạo Đức của Lão Tử, tôi có lấy ấy vậy”. Tông bản của Hùng thư đã phát xuất từ Lão Tử, mà cho rằng Huyền hơn Lão Thị, đó cũng là chưa tư duy vậy. Nhưng Hoàn Đàm đâu từng hay biết Tử Vân ư? Mà Hàn Tử mới viện lời của Hoàn Đàm? Đúng là đáng cười vậy! Mới lại nói: “Đệ tử đó là Hầu Ba Phả biết đó, lấy làm sách của thầy đó hơn Chu Dịch”. Đó lại là Hàn Tử quá sai lầm vậy. Như Thái Huyền của Hùng, thiết bày Phương Châu bộ gia bốn địa vị, là Tứ Tượng Lục Hào của Dịch vậy. Bày tám mươi mốt bài chính là sáu mươi tư quái của Dịch vậy. Hai trăm bốn mươi hai biểu còn có mà chẳng biên ghi hết là y theo khẩu quyết của Chu Võ vậy. Bày bảy trăm hai mươi chín tán là ba trăm sáu mươi Hào của Dịch vậy. Bản đó chẳng xuất từ Âm Dương nhị nghi. Sanh khắc đó chẳng xuất từ số của bảy, tám, chín, sáu, năm, hàng; kỷ cương đó chẳng xuất từ Đạo của Tam cực, mà sách của Hùng đại để nhờ từ Dịch mà thành đó vậy. Pháp ngôn đó nói: “Việc đó thì thuật, sách đó thì làm”. Hán Thư xưng Hùng cũng nói: “Lấy làm kinh chẳng gì lớn so với Dịch, nên làm Thái Huyền đều châm chước bản đó, cùng cho buông nương mà rong ruổi...’ Tôi từng trị Dịch, được số của Tứ tượng Bát quái đó. Phàm chỗ còn của Huyền là Lục khí, Ngũ hành, Tam tài, Thất chính, Tứ thời, mười hai tháng, hai mươi bốn Tiết, bảy mươi hai Hầu, năm kỷ, năm phương, năm thần, năm Ân, mười hai luật, chín cung, mười ngày, mười hai thời, không gì chẳng gồm suốt đó, bởi Thánh nhân ngậm chương thiên có bí mà chẳng phát đó. Đến thời nhà Hán mà bọn Tiêu Cống, Kinh Phòng liền phân Hào trực nhật, mà đạo của Dịch bèn lộ bày. Tử Vân bởi được ý phân Hào của họ Tiêu vậy. Lại tham đó để lẫn pháp của trời, nhưng đó khéo léo nghĩ suy số, tự khởi đầu mối đó làm Địa vị, làm Đầu, làm tán để kiềm ở một năm. Học đòi Dịch để chiêm đoán việc của trời người, đó là Hiền ấy vậy. Phàm, Dịch là vốn từ Hà Đồ Lạc Thư làm thành đó. Bởi trời đất tự nhiên là Pháp của Chí Thần, chẳng phải sáng chế của Thánh nhân. Nhưng chẳng phải Thánh nhân cũng không thể phát minh đó. Tuy thời thế đó trải qua Tam cổ tịch Thánh nhân phát huy là có chín người, nhưng chỉ có Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử là sự nghiệp rất hiển trước. Như Sách của Tử Vân mới đầu xuất phát thế nào mà sao được đó? Người làm sách đó sau mà cũng đòi giống như ở Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử ư? Nhưng pháp của Huyền xuất phát từ ý người tư duy kinh doanh đó khiến vậy,

cùng với Đạo của trời đất tự nhiên hẳn không thể đồng ngày mà nói vậy. Hiền của Tử Vân chẳng kịp Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử, tuy trẻ nhỏ cũng biết đó ấy vậy. Mà Hàn Tử lấy Hầu Ba mới tạm biết đó mà cho rằng Huyền hơn Dịch, sao lầm hoặc đó quá lắm vậy! Tấn Thư nói là: "Vương Trường Văn từng biên thuật sách đề là "Thông Huyền", có văn ngôn giải tượng, có thể dùng bói thệ. Người thời bấy giờ so sánh đó với Thái Huyền của Dương Hùng". Đó có thể cho là hơn Dịch ư? Hầu Ba kia còn không biết điều tố thuật của bậc Thầy đó, sao vọng làm thuyết đó bít ép kinh của Thánh nhân, loạn chí người học ở đời sau chẳng phải việc nhỏ vậy. Đó đủ để biết điên cuồng của Hầu Ba, ngu sao lắm vậy! Chẳng cần đợi thấy ở văn khác, mà cũng đủ biết người ấy vậy. Hàn Tử đối với đó đáng phải biện giải bài xích đó, để tôn chứng Đạo của Thánh nhân có thể vậy, mà trái lại theo phụng sự thuyết đó, cẩu thả dùng nhờ đó mà tự kiêu. Nho sĩ quá đáng vậy ư?

Tôi sợ dùng văn tranh giành cượng mạnh mà hậu sanh tập học làm khinh bạc, mọi người không đức liêm kính, chưa hẳn từ Hàn Tử làm đầu mối vậy. Tôi từng cho rằng: Dương Tử nhân Dịch để làm thành sách, chỉ gọi là Thuật thì có thể vậy. Không nên làm kinh tự làm chủ thuyết đó cùng với Đại Dịch chống kháng hành. Lại nói: "Khổng Tử chỉ thuật mà chẳng làm, tin mà ưa chuộng xưa, trộm sách với Lão bành ta". Trọng Ni còn chẳng dám làm, mà Tử Vân mới làm đó ư? Hán Thư nói là: "Các Nho sĩ dèm pha Dương Tử chẳng phải Thánh nhân mà làm kinh". Bởi cũng vì đó chẳng thể tôn trọng gốc vậy. Sao lại dùng sách đó mà cho là hơn Dịch để trọng Nho, đó cũng trái vậy ư?

BÀI MƯỜI HAI

Hàn Tử vì dâng tấu sách bài xích Xá-lợi Phật, bị tội biếm đày đến ở Hồ Dương, thuyền đi qua Hồ Động đình, sợ bị trách phạt chết, mới cầu phò hộ ở miếu Nhị phi ở Hoằng Lăng. Hàn Tử cho rằng: Vừa rồi đó Thánh Hiền chánh trực chẳng theo tà bài xích cốt Phật sao vội xin Linh ở Quỷ của người nữ ư? Ngày trước Khổng Tử mắc bệnh, Tử Lộ xin cầu đảo, Khổng Tử bảo: "Tuổi thọ của Khâu tôi lâu dài vậy". Phàm Thánh Hiền mới tự tin thành tố đó hợp với trời đất thần kỳ vậy, chẳng đợi khấn đảo mà cầu phước. Hàn Tử cầu đảo đó, vậy cũng có chỗ chưa hợp ư? Đến lúc được trở về, Hàn Tử mới xuất tiền của sửa sang miếu đó. Dùng đủ lễ vật cúng tế đó, làm sách ghi chí việc đó. Phàm, miếu ở Hoằng Lăng xưa nay tương truyền rằng "Hai Phi theo Thuấn đi tuần phương Nam, thấy con mèo Đạo chết bèn chôn ở núi của Động Đình, do đó mà

làm miếu vậy". Nhưng đó chỉ là thế tục tương truyền, tuy hơi có chỗ thấy, nhưng đều hoặc là Từ, là Chí của Tạp gia, chẳng phải biên ghi đầy đủ của Lục nghệ. Thuấn Điển chỉ nói: "Trắc phương mới chết". Đàm Cung chỉ nói: "Thuấn an táng ở đồng trống của Thương Ngô, bởi hai phi chưa theo đó vậy". Ở sách khác hoặc nói là hai phi an táng ở Hành sơn, hoặc nói núi Động Đình là nơi hai phi ở, vì là con gái của Thiên Đế vậy, chẳng phải Phi của Thuấn vậy. Hàn Tử tự phụ học kinh, làm học trò của Thánh nhân, ngay đó nên chấp để chánh sự nghi ngờ sai lầm của đời đó có thể vậy, trái lại theo phụng sự đó mà càng làm thuyết đó. Khổng Tử nói: "Đó chẳng phải Quỷ mà cúng tế đó, là xiểm nịnh vậy". Hai Phi sự việc đó chưa chánh, lại chẳng phải Tổ nể của chính mình, mà Hàn Tử phụng sự đó. Hàn Tử không tin Phật mà mới gặp phải khiển trách việc hủy xá-lợi Phật, sao cẩu thả muốn phước của Quỷ thần ấy như vậy? Mà chẳng sợ lời nói của Khổng Tử ư?

BÀI MƯỜI BA

Hàn Tử làm văn Bia miếu Khổng Tử ở Xử Châu, đem Long khí trong câu nói về Xã tắc của Khổng Tử mà so sánh với phong ước của Tế lễ đó. Cho rằng, Khổng Tử dùng Đức được tế thạnh, lễ hơn so với Xã Tắc cùng với Cú Long khí". Ngôn từ đó viết rằng: "Chỗ ngôi vị đó chẳng ốc (nhà) mà là Đàn. Há Khổng Tử dùng việc Vương giả cao vợi đáng ngồi, dùng môn nhân làm phối từ Thiên tử mà xuống, xoay mặt hướng Bắc bái quỳ dâng tế, tiến thối thành kính lễ như người thân, đệ tử... Phàm, Xã tắc là dùng khí chánh của thấu đạt trời đất đó, dùng chẳng phải ốc mà là Đàn làm tôn quý. Chỉ mất Xã tắc của nước mới ốc, bày tuyệt Dương mà thông Âm giới đó vậy. Nên Xã tắc ốc đó là nhục đó vậy. Hàn Tử muốn dùng không ốc của của Xã tắc cùng Khổng Tử mà sánh vinh đó, sao đó không biết kinh đó như vậy ư? Phàm, Phu Tử là tự lấy giáo đó làm Tiên thánh của Nho sĩ, hẳn đáng hưởng lễ của Thích Thái, Thích Điện, sao có thể dùng Cú long khí... sánh công đức ư? Đó lại là Hàn Tử bình luận quá sai lầm đó vậy!

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 16

PHI HÀN TỬ
(Phần Hạ)

BÀI MƯỜI BỐN

Hàn Tử làm Hành trạng tặng Giáng Châu Thứ sử Mã Vị nói rằng: "Tử đồ Công qua đời, mã Vị chích cánh tay lấy máu viết kinh Phật hơn ngàn lời, mong để báo đáp ân đức". Lại nói: "Đó sống chịu tang quá hơn hạnh người". Lại nói: "Dũ đã ở đời Thông gia, rõ nghe thế hệ sự nghiệp đó, theo cầu thỉnh của Thiếu phủ, bèn gom nhặt phần lớn đó mà làm Hành trạng, mượn gá lập ngôn ở Quân tử mà đồ tính bất hủ đó vậy".

Mã Vị là con cả của Bắc Bình Vương Tư đồ Mã Toại. Tư Đồ Công (Mã Toại) qua đời, lúc tang cha đó, Mã Vị chích cánh tay lấy máu viết kinh Phật, đó là ở Hàn Tử đang biện giải mới theo mà ngợi ca đó. Hàn Tử gần như mới đầu có biết kinh Phật ư? Phàm, đức của cha mẹ như trời cao lồng lộng, mà ai có thể báo đáp đó? Nay nói là "mong để báo đáp ân đức", Hàn Tử đó mới biết Pháp của Phật có chỗ thấu đáo ư? Nói: "Đó sống chịu tang quá hơn hạnh người", đó cũng cao đó hay thực hành việc của Phật vậy. Nói "gom nhặt phần lớn đó để làm Hành trạng, mượn gá lập ngôn ở Quân tử mà đồ tính bất hủ đó vậy". Ấy là Hàn Tử cũng muốn người đều khuyên mà theo sự ở Phật ư?

Tôi xét Hàn tử lúc làm Hành trạng, tuổi đã 34-35, lập triều gần làm Bác sĩ Ngự sử vậy. Hàn Tử tự cho rằng: Vốn đọc sách biên thuật văn, như học của Dương Tử, Mặc Tử, Lão tử và Phật không chỗ vào tâm đó. Đến đó mới ngợi khen Mã Vị làm việc của nhà Phật. Đâu phải Hàn Tử đã lớn mạnh, tinh thần sáng thạnh, mới bắt đầu thấy Đạo lý mới giác ngộ chỗ làm thấu đáo của thuyết nhà Phật ư? Về sau đó, tuy cũng có biên chép về Phật (như việc biên cốt Phật vậy), nhưng gần như bên

ngoài chuyên Nho để bảo hộ danh đó, mà bên trong trọn im lặng trọng Đạo diệu đó ư? Không như vậy sao thấu triệt đến Lão, dùng Đạo Lý cùng Đại Điên, cùng ngợi khen đó ân cần như kia vậy? Phàm, Phật là đấng chí Đại của người. Đó có thể phá hủy ư? Phá hủy đó vừa đủ để tự tổn, còn đối với Phật nào thương hại gì? Tuy nhiên "Nguyên Đạo" trước ruồng bỏ Phật, sao đó thái quá, mà Hành trạng suy Phật sao đó chuyên vậy? Hàn Tử hẳn cũng chẳng thường Đức đó vậy (ghi chú: Hàn Tử làm Tiến Học giải, cho rằng Dương Tử đó bài xích Phật giáp Lão giáo vậy, nên làm Nguyên Đạo để đối lại trước vậy).

BÀI MƯỜI LĂM

Tôi đọc Đường Thư, thấy trong đó có nói Hàn Tử cùng Lý Thân tranh giành Đài Tham, chuyển dời Điệp qua lại luận sự thể của Đài Phủ, mà thấy Tánh của Dũ bướng ngạnh, ngôn từ chẳng khiêm tốn, rất huyên hoa vật luận. Đến lúc thấy luận của Hàn Tử về "Kinh Duẫn bất Đài tham" để đáp thư của người bạn mà hơi khí đó vội vã, ngôn từ gắng gỏi tranh giành đó vậy.

Ôi! Hàn và Lý đều là Danh thần của thời tiền Đường, sao trong khoảng hành sự của họ là như thế? Điển cổ ngự sử Đài của thời tiền Đường thì nắm giữ Hình hiến Điển Chương của nước nhà, mà túc chánh Triều đình đó vậy. Kinh Triệu Phủ, tuy là chỗ cai quản thuộc Thần Châu Kỳ Huyện, nhưng đó thật là sự thể của một Đại Châu mục vậy. Đem Đài phủ đó mà so sánh thì Đài trọng hơn Phủ vậy. Hàn làm Kiêm Ngự sử Đại phu, (?) Lý làm Chánh Trung thừa. Nhưng Đại phu hẳn cao hơn so với Trung thừa, nên Hàn và Lý cùng nhau làm khinh trọng đó vậy. Đó là nguyên nhân phát ra mối tranh cãi ấy vậy. Hàn Tử thấy gần như mới đầu phải lánh mà nhường đó có thể vậy. Không như vậy thì nên theo nghi cũ của triều đình, sao lại khiến liền tranh giành đó? Ở thời Xuân thu, Đằng Hầu, và Tiết Hầu vì Châu Lỗ mà tranh giành lớn, Khổng Tử ghét vô lễ đó mà biên ghi vậy, sai tả binh minh mà phát vi chỉ đó. Thánh nhân đâu chẳng nhân trước mà răn cấm sau ư? Thân và Dũ giả sử chẳng thể thấy, gần như hơi tỏ ngộ, sao chẳng nghĩ pháp của Xuân thu mà sợ đó ư? Nhưng đối với Lý thị, tôi chẳng luận bàn đó; còn Hàn Tử tự cho rằng chuyên Nho, cứng rắn muốn làm học trò của Thánh nhân, là cũng biết Nho có tiết vị làm tướng trước. Người làm Tướng lâu đãi tướng xa đến, người ở xú di chẳng tranh giành. Lại nói, Quân tử giữ mình mà chẳng tranh giành. Hàn Tử với Công Thùy bình sanh rất thân thiện, mới đầu Công Thùy đổ cử Tiến sĩ, Hàn Tử mới dùng thư ngợi ca

tài năng đó mà tấu trình đến Lục viên ngoại. Đến đó chánh có thể nên suy nhượng để nhìn lại tốt lành trước kia. Trái lại tranh giành đó, huyên hoa nơi chốn Triều đình, vậy Hàn Tử đối với hạnh của Nho làm sao có? Nên Đạo của xưa cũ còn ở đâu? Khiến mọi người học sau phải làm sao để thủ pháp? Giả sử Triều đình ưu đãi đối với Hàn Tử, ban chiếu riêng miễn Đài tham đó. Hàn Tử tự đáng vì không dám khuyết thiếu lệnh thức của Triều đình, hẳn nên khuyên nhường để cung lễ mạo đó, thường ngày đến nơi Đài tham. Lý Thân kia là bậc thức giả há chẳng thẹn mà lại phục vậy? Kia muốn giá họa đến hai người, há chẳng cản trở gian kế đó mà tự hối cải? Đâu chẳng trở về hậu Đức mà xưng người lớn đối với Hàn Tử ư? Đó đâu riêng đương thời cảm thẹn ở Phùng cát mà thôi vậy, mà cũng là lễ đại phép tắc cho các Sĩ Đại phu ở đời sau vậy. Tiếc thay, chẳng thể hành đến để thành tựu Đức đó! Há sức lực Hàn Tử không đủ mà nhận biết không thấu đáo ư?

Xưa kia, Liêm Phả chẳng phục ngôi vị đó ở dưới Lan Tương Như, mở lời muốn làm nhục đó, mà Lan Tương Như mỗi lúc đến chầu thường cáo bệnh, chẳng muốn cùng Liêm Phả tranh giành thứ vị. Tôi thường mến mộ Lan Tương Như có khí thức, gặp việc luôn giữ Đại thể. Thái sử Công nói rằng: “Lui nhường Liêm Phả, đức trọng nhủ khâu sơn”. Nên Lan Tương Như có trọng danh vậy, so sánh Hiền đó với Hàn Tử thì xa vời vậy!

Ở thời Hán Hiếu Cảnh, Đậu Anh cùng Điền Phần giao hủy cùng tranh giành chầu, đã ra mà Võ An Hầu tức giận, Ngự sử Đại phu Hàn An Quốc chẳng chuyên giúp đỡ mình. An Quốc nhân đó trách Điền Phần rằng: “Phàm ngụy đó hủy Quân Vương, Quân Vương đáng miễn áo mão, cởi bỏ ấn dãi mà về. Có thể nói Bề tôi may được đợi tội, hẳn chẳng phải nhậm đó. Ngụy nói đó đều phải vậy”. Như thế thì trên hẳn nhiều Quân Vương có nhường Đức. Người ngày nay chê hủy Quân Vương, Quân Vương cũng chê hủy đó, thí như giả kiên nữ tử tranh giành nói, sao đó không Đại thể vậy? Hàn Tử đương thời tuy không trách nhậm của Ngự sử, nay họ để lại sách sử mà chuốc lấy cười chê muôn đời ở hàng thức giả, đó lại quá lắm so với nhường của An Quốc vậy. Cẩn trọng đó thay! Cẩn trọng đó thay!

BÀI MƯỜI SÁU

Hàn Tử làm Văn Cá Sấu để Cá, mà bảo với đời rằng, Cá Sấu nhân đó mà bỏ đi. Tôi lấy làm không phải vậy. Cá sấu là vật côn trùng không biết ấy vậy, sao có thể hiểu được văn của Hàn Tử ư? Nhưng nếu

Hàn Tử có thành thật hẳn có thể cảm động đối với vật, vì thành thật tức đã vậy, sao hẳn làm văn ư? Văn là Thánh nhân sở dĩ đãi người vậy. Để lại cho trùng cá mà dùng văn cũng chẳng hèn tiện ư? Ôi! Người văn đó, người đó còn có chỗ không biết, huống gì là côn trùng ư? Cho rằng cá sấu đi đó, tôi sợ đó chưa hẳn vậy. Đường Thư tuy ngợi khen đó, cũng là chỗ không biện rành của các nhà làm Sử vậy.

BÀI MƯỜI BẢY

Hàn Tử gửi thư cho Mạnh Giản Thượng thư, nói là: “Tự lại nói là có người rao truyền rằng: “Thuở thiếu thời, Dũ tôi tôn phụng Thích thị”, đó là nói vọng của người rao truyền vậy. Lúc ở tại Thiều Châu có một Lão tăng hiệu là Đại Điên, rất thông minh hiểu biết Đạo lý, thật có khả năng vượt ngoài hình hài, dùng Lý tự thắng, chẳng bị sự vật xâm loạn, cốt yếu tự lấy làm khó được, nhân cùng qua lại. Đến lúc Tế thần đến Thượng Hải bèn tạo lập am chòi ở đó, lúc trở lại Viên Châu, có lưu lại chiếc y để cùng tôi giả biệt. Đó chỉ là tình của con người, chẳng phải sùng tin pháp đó, mong cầu phước điền lợi ích vậy”.

Ôi! Hàn Tử tuy gượng làm lời nói đó, chuyên muốn tự bít lấp, đâu biết nói đó càng nhiều mà vết tích đó càng thấy. Hàn Tử cho rằng, Đại Điên thật là người có khả năng vượt ngoài hình hài mà dùng lý tự thắng, chẳng bị sự vật xâm loạn, ấy vậy. Hàn Tử tuy nói tình người mà như vậy, cũng sao khỏi đã tin Pháp đó vậy ư? Phàm, Phật giáo chí luận ở phước điền lợi ích là chánh vì thuận lý làm phước, được tánh như pháp, chẳng bị ngoại vật làm mê hoặc, làm rất lợi ích vậy. Hàn Tử cùng với Đại Điên vân du, đó dự đàm Lý luận Tánh, đã bên cạnh phước điền lợi ích đó vậy. Hàn Tử sao chẳng nghĩ lấy làm cảm mà lại nói... vậy?

Thuở thiếu thời, tôi đọc sách Thiền sư Đại Điên, thấy trong đó nói là: “Hàn tử thường hỏi Đại Điên rằng: “Thế nào là Đạo?” Đại Điên bèn im lặng giây lâu, Hàn Tử chưa kịp hiểu ý chỉ. Vị đệ tử đó là Tam Bình bèn đánh vào giường đó. Đại Điên trông nhìn lại hỏi Tam Bình làm gì? Tam Bình nói: “Trước dùng Địch động, sau dùng Trí nhổ”. Hàn tử liền nói: “Dũ tuy hỏi Đạo ở Sư, mới tại nơi Thượng nhân đây được vào”. Và bèn kính bái đó”. Lấy đó mà nghiệm điều Hàn Tử nói dùng Lý tự thắng là ấy vậy. Hàn Tử tuy khéo nói lắm mối, muốn bảo hộ danh Nho đó, cũng nào có thể trốn lánh chỗ thấy cười của hàng thức giả ư? Đại khái việc không biết tức đã rồi, không tin tức thôi, sao có biết Đạo đó như thế, tin học trò đó như vậy, mà trái lại bài bác vị Thầy đó, nhẫn tâm phá hủy Pháp đó? Quân tử xử tâm đâu đáng như vậy ư?

Đại Điên là Đệ tử của Phật, Phật là Thầy của Đại Điên. Phàm, Đạo của Đệ tử, hẳn theo chỗ được của Thầy đó vậy. Hàn Tử khéo hay Đạo của Đệ tử đó, mà hẳn bài xích bậc Thầy đó, như trọng nghĩa của con cháu người, mà khinh thường Tổ nể đó. Ai cho rằng Hàn Tử biết Lễ ư?

Lại nói: "Tích thiện, tích ác, ương lụy hay tốt lành mỗi tự theo loại đó mà đến. Nào có bỏ Đạo của Thánh nhân, xả pháp của Tiên Vương mà theo pháp của Di Địch để cầu phước lợi vậy?" Đó là Hàn Tử chưa suy nghĩ vậy. Phàm, Đạo của Thánh nhân, chỉ thiện mà thôi, Pháp của Tiên Vương chỉ trị mà thôi vậy. Phật dùng Ngũ giới khuyên đời, đâu muốn đó loạn ư? Phật dùng Thập thiện dẫn dắt người, đâu muốn họ làm ác ư? Thư nói: "Làm thiện chẳng đồng, đồng quy ở Trị". Đó đâu chẳng vậy ư? Như đó dạy người mở tình vọng mất thân thế, tu khiết Thần minh, đó là Đại Quan của Phật Đại Thánh nhân tôi, trị Đại hoạn đó dùng Thần đạo thiết giáo ấy vậy. Họ làm thiện ước lại thấu đáo vậy, sâu sắc vậy, rộng lớn thảy đều đầy đủ vậy, không thể đem thế Đạo mà tạm so sánh vậy. Khổng Tử nói: "Quân tử đến với thiên hạ, không vừa vậy, không chớ vậy". Nghĩa đó cùng sánh, nghĩa ấy là Lý vậy. Nghĩa là Quân tử lý đáng tức cùng chẳng chuyên đây, chẳng khinh miệt kia. Hàn Tử nhọc thấy dấu tích của Phật giáo, mà chẳng thấy Lý sở dĩ làm giáo của Thánh nhân Phật giáo, nên đã cẩu thả bài xích Phật Lão vậy. Văn Trung Tử nói: "Quán cực nói thẳng bàn nghị, biết Phật giáo có thể dùng một vậy". Đó hẳn là Hàn Tử không biết vậy. Lại nói: "Phật kia quả thật là người gì ư? Hành sự đó là thuộc loại Quân tử hay Tiểu nhân ư? Nếu là Quân tử, hẳn chẳng vọng gieo họa đến người giữ Đạo. Nếu là Tiểu nhân thì thân đó đã chết Quỷ đó không linh..." Đó là Hàn Tử nghi ngờ quá lắm vậy. Đã chưa quyết định đó là loại Quân tử hay Tiểu nhân, sao có thể liền tự tiện hủy báng Phật ư? Như người phàm phu ở trong thôn xóm rất là không biết gì, muốn cùng dèm chê khinh nhục, còn biết trước tham tìm sở đoản kia quả thật đáng mắng, mới bắt đầu mắng mà phô bày đó. Nay Hàn Tử nghi ngờ Phật, chưa biện rành loại gì, là sở trường của Quân tử hay sở đoản của Tiểu nhân, mà bèn tàn khốc dèm chê đó, cũng chẳng phô bày mà vọng đó ư? Gần như chẳng bằng người trong xóm làng kia để ý xét xem trước đã vậy. Nghĩa là, Phật là Đại Thánh nhân còn chẳng đủ để hết Phật, huống gì Quân tử hay Tiểu nhân ư? Tuy người ngu dốt xưa nay, đều biết Phật chẳng phải xếp loại Quân tử hay là Tiểu nhân, mà riêng Hàn Tử đem Quân tử và tiểu nhân để xếp loại Phật, huống gì lại nghi ngờ đó mà tự chẳng quyết

ư? Thật đáng cười vậy!

Lại nói: "Trời đất thần kỳ, rõ bày la liệt, chẳng thể lừa dối vậy. Lại chịu khiến Quỷ đó hành nơi cõi lòng làm oai phước ở khoảng ấy ư?" Phàm, trời đất thần kỳ thật không thể lừa dối, hẳn như điều nói của Hàn Tử. Còn nói chỉ muốn cậy nhờ trời đất thần kỳ chẳng khiến Quỷ làm oai phước, đó lại là Hàn Tử biết Lý không thấu đáo vậy. Nếu tự biết điều biết đó Lý đến. Lý đáng bài xích thì bài xích đó, Lý chẳng đáng bài xích thì không bài xích đó. Biết rõ thì không đợi bên ngoài hỗ giúp. Lý xác đáng thì trời đất tự thuận. Bọn tôi đối với sự phải quấy ức dương, rất nhờ đó vậy, chẳng đồng loại như Hàn Tử, bên ngoài dẫn Thần kỳ dùng làm chú Thỉ mà cậy nhờ đó vậy. Dịch nói: "Trước trời mà trời chẳng trái, sau trời mà phụng thờ trời". Trời còn chẳng trái huống gì là người ư? Huống gì là Quỷ thần ư? Đồng bạn Hàn Tử nào từng phảng phất thấy ở tâm Thánh nhân ư? Trong Đường Thư, Lưu Vân nói rằng: "Bọn Hàn Tử bài bác Phật Lão, đối với Đạo chưa hoằng thật chẳng riêng tư vậy". Phải quấy của Sử thần chẳng phải sai lầm ấy vậy.

BÀI MƯỜI TÁM

Xưa kia, Dương Thành làm xử sĩ, có sắc chiếu chuyển đổi làm Gián nghị Đại phu. Qua thời gian lâu mà gián tranh giành đó chưa thấy, mọi người đều lấy hư danh mà dèm chê Dương Thành, cho đó là nhục vậy, mà Hàn Tử bèn làm "Gián Thần Luận" để nói việc quấy đó. Ý đó cũng cho rằng, Dương Thành đã ở địa vị Gián Quan mà khiến thiên hạ chẳng nghe lời nói can gián tranh giành đó, đâu phải chỗ làm của kẻ sĩ có Đạo ư? Đến lúc, Dương Thành ra trấn thủ Đạo Châu, vì khéo chấp chính nên tiếng tăm vang vọng, mà Hàn Tử lại làm tường trình đề đạt Thái học sinh Hà Kiên đưa Dương Thành trở lại Châu, lại đặt chỗ trị của Hiền Thành là nước có Đạo. Đặc biệt so sánh với Hoàng Bá lúc làm Dĩnh Xuyên ở thời nhà Hán, cảm chim phụng nhóm tụ kêu hót nơi giá.

Lúc nhỏ, tôi thấy hai thuyết đó, rất lấy làm quái lạ Hàn tử nghị luận chẳng nhất định, mà phải quấy cùng trái nhau. Phàm, phải hẳn phải đó, quấy hẳn quấy đó. Sao đó trước sau hỗn loạn lầm hoặc như vậy? Chỗ luận xưa nay, cho rằng Hiền Thánh biết người lúc tên họ chưa vang, thấy việc lúc chưa làm vậy. Xưa kia, Vương Tuấn có chí lớn, lúc chưa có công hiệu, mọi người đều cười chê đó. Chỉ có Dương Thúc Tử cho rằng, người đó hẳn kham nhậm việc lớn, nhờ khéo chờ đợi đó, mà Vương Tuấn quả thật lập công ở thời nhà Tấn. Ở thời tiền Đường, lúc đi đến Hoài Tây, Lý Quang Nhan mới đầu hèn hạ nơi hàng ngũ, mọi người

chưa biết đó, riêng Bùi Trung Lập ngợi khen tài đó với Hiến Tông (Lý Truân 806-821). Chẳng mấy ngày sau, có tấu trình Quang Nhan có khả năng Đại phá quân giặc. Ở thời nhà Tấn, thuở thiếu thời, Đại Hy rất có tài huệ, mọi người đều hứa hẹn cho rằng đó hẳn có chính xa, chỉ Kê Thị Trung cho rằng người đó hẳn chẳng thành khí, về sau Đại Hy quả thật vì không hành vi nên bị bài xích. Nên trong Đường thư và Tấn thư ngợi ca đó biết người, mà Kê, Dương, Bùi, ba vị công khanh thời nhà Tấn, là ba vị Quân tử sáng rực tỏa chiếu muôn đời vậy.

Hàn Tử là bậc Hiền, khả năng nhận biết đó soi chiếu người vật hẳn nên như vậy. Giả sử Hiền Thành quả thật là bậc Hiền, mới lúc can gián tranh giành đó chưa có vang vọng gì, Hàn Tử nên suy đó để chất vấn cùng dèm chê của mọi người. Đâu có trước đã chẳng phải bậc Hiền, mà sau nhân lúc đó có tốt đẹp, mà theo lại là Hiền đó? Như vậy thì Hàn Tử nên bày đó có Đạo và không Đạo, đó đều nhân ở người mà vậy, đâu phải Hàn Tử có thể tự biết đó ư? Tôi đọc Đường thư, thấy Dương Tử (= Thánh) vốn là người Quân tử vậy. Chẳng phải Hiền đó làm Thái thú, mà chẳng Hiền ở gián quan. Là vì Hàn Tử tự không biết Dương Tử vậy. Hàn Tử cho rằng: "Kháng Tông ở chức gián quan, mà muốn giữ chế xử sĩ, mới dẫn thượng cửu của Dịch cổ cùng Lục nhị giao từ của kiêng để chiết phân hành sự đó". Đó là Dương thị ở Quan, tự có ý vua tôi nói thẳng mà Hàn Tử chẳng thấy.

Căn cứ Đường Thư, đầu niên hiệu Chánh (tránh chữ húy ở sau) Nguyên (Trinh nguyên 785-805?), gián quan rối ren tranh giành nói, mọi việc nhỏ nhen tế toái không gì chẳng nghe thấu, Thiên Tử (Đức Tông - Lý Khoát 180-805) càng nhàm chán khổ đó. Đang lúc đó kháng tông tự ở núi rừng, vì có Đạo nên có chiếu ban làm giáng liệt, hẳn nên cùng thời mà phát, sao có thể như các gián quan khác, đoán đoán vội sính miệng lưỡi để trọng người chủ nhàm ghét. Rõ ràng Kháng Tông ở Quan mà người chẳng thấy can gián tranh giành đó vậy. Chẳng phải không nói vậy, bởi dùng nghĩa Ngũ gián của Lễ, mà chỗ phát tinh tế thẳng ngay tự có thứ tự, không thể được mà liền thấy. Ngũ gián đó là: Phúng, Thuận, Khuy, Chỉ và Hãm. Phúng giáng nghĩa là biết mầm móng của họa hoạn mà phúng cáo đó vậy. Thuận gián nghĩa là mở lời từ tốn hòa thuận chẳng nghịch tâm Quân Vương. Khuy gián nghĩa là trông nhìn nhan sắc của Quân Vương mà can gián. Chỉ gián nghĩa là chất chỉ việc đó mà can gián. Hảm gián nghĩa là nói họa của nước nhà mà quên sự sống vì Quân Vương vậy. Nhưng việc đó chưa đến nỗi mất nước đại hại đối với chính, thì chưa thể dùng Chỉ gián và Hảm gián vậy.

Chỉ gián và Hảm gián nghĩa là nói thẳng mà hơi khí cứng mạnh, khơi khích tức giận nơi người chủ, mất thân nhiều mà giúp việc ích. Ngụy Văn Chánh nói: "Thần xin Bệ hạ cho Thần được làm Lương Thần, chớ khiến Thần làm Trung Thần". Trung thần túng giết thân mạng, có danh Trực gián, mà chẳng ích lợi việc đó, lại rõ bày điều xấu ác của Quân Vương. Như vậy thì Phúng gián quả thật ưu ẩn so với Trực gián. Trực gián đâu chẳng vì bất đắc dĩ mà dùng đó ư? Nên Thánh Hiền xưa trước phần nhiều chuộng Phúng gián. Khổng Tử nói: "Tôi theo Phúng gián đó vậy". Lễ nói: "Làm lễ của người Bề tôi chẳng hiển bày can gián". Lại nói: "Phụng sự Quân Vương muốn can gián mà chẳng muốn tỏ bày". Đó đâu chẳng vậy ư? Dương Tử là dùng theo nghĩa ấy vậy. Đến lúc bọn Bùi Diên Linh dùng việc, cùng người tà kết bạn đảng, khuynh lấp Tể tướng, đại hại Quốc chính. Kháng Tông bất đắc dĩ, bèn cùng Vương Trọng Thư để thu phục Các Hạ, tấn dâng một Sớ luận bày gian tà đó. Thiên Tử (Đức Tông) quả nhiên tức giận muốn buộc tội giết Dương Thành, gặp lúc ấy, Thuận Tông (Lý trọng 805-806) đang ở Đông cung giải cứu được khỏi. Nhưng pháp can gián tranh giành của Dương Thành sửa thị trói buộc là tùy việc đó tiện nghi. Mới đầu, Dương Thành cùng hai người em khổ uống đêm ngày, nếu có khách đến chỗ Dương Thành muốn hỏi nguyên do đó, Dương Thành biết ý đó, liền mời khách ngồi, dùng rượu cưỡng ép khách uống say, muốn khách không rãnh mà mở lời. Đó đủ thấy Dương Tử ở Quan vị ý ấy có vậy. Tuy kẻ sĩ tầm thường cũng có thể dùng để suy lường ý của Dương Tử. Hàn Tử sao rất quá mờ tối mà vội làm luận cãi nhau, liền dẫn ngôn từ của Thượng Thư Quân Trần mà nói: "Như điều Thư gọi là Đại Thần tức việc của Tể Tướng, chẳng phải điều nên làm của Dương Tử vậy". Đó lại là Hàn Tử không biết kinh vậy. Như Quân Trần nói: "Người có mưu tốt mô tốt thì vào báo cùng Hậu của ngươi ở trong, ngươi mới thuận ở ngoài". Nói mưu đó mô đó là chỉ đức của Hậu tạ vậy.

Than ôi! Người Bề tôi đều như thời chỉ hiển bày tốt lành thay! Họ sở dĩ than ôi ấy là bởi bùi ngùi than, phàm Bề tôi đối với người đều là thuận hành đó vào báo thuận Đạo bên ngoài, há chẳng làm lương Thần rất hay hiển bày đức của Quân Vương đó vậy. Khổng An Quốc truyền đó cũng như vậy. Như vậy thì vào thì can gián Quân Vương đó, ra chẳng khiến người ngoài biết, đâu riêng chỉ Đại thần Tể tướng mới được hành đó ư? Dương Tử đứng chầu làm gián nghị Đại phu. Địa vị đó đâu quá thấp? Quan đó đâu quá nhỏ? Vào thì can gián ra thì không khiến người biết, há chẳng hợp nghi chỗ hành đó? Ai bảo không thể được ư?

Phàm, can gián tranh giành từ xưa hiếm có người được chỗ đó. Người khéo can gián ở thời nhà Hán là Viên Áng cấp ảm mà nói việc còn xúc nghịch người chủ, sở dĩ chẳng vùi hảm thân đó là nhờ Văn Võ Hiền chủ mà nhận can gián. Sau đó bọn Tiết Quảng Đức, Chu Vân, Lưu Phụ khơi khích giận Thiên Tử lại quá lắm đó vậy. So với can gián tranh giành của Dương Thành, học kinh có pháp, tại vì Hàn Tử hẳn thường suy đó dùng để dạy đời sau có thể vậy. Trái lại cản trở đó, sai lầm luận giải như thế cũng chẳng dễ ư?

BÀI MƯỜI CHÍN

Hàn Tử đọc Mặc thư cho rằng: "Khổng Tử hẳn dùng Mặc Tử, Mặc Tử hẳn dùng Khổng Tử. Chẳng cùng nhau dùng thì chẳng đủ làm Khổng Mặc". Đến lúc gửi thư cho Mạnh Giản mới nói là "Đạo của Nhị Đế Tam Vương các Thánh đại hoại, người học ở đời sau không chỗ tìm theo, dẫn đến nay đây hết sạch vậy, họa đó xuất phát từ Dương Tử, Mặc Tử, Phỏng tứ hàng mà chẳng cấm ngăn đó vậy". Hàn Tử sao nói đó phản phúc như thế? Lầm hoặc người mà không chuẩn cứ vậy?

BÀI HAI MƯƠI

Hàn Tử đề tựa tiễn đưa Cao Nhàn, nói rằng: "Nay, Sư Nhàn, giòng họ Phù Đồ, một chết sống mở ngoài lầm lỗi, là đó làm Tâm hẳn ghi nhưng không chỗ khởi. Đó ở đời hẳn điềm nhiên không chỗ tham đắm". Hàn Tử làm thuyết đó, tợ như biết Pháp của Phật thật sâu mầu có lợi ích với tánh mạng của người vậy. Phàm, một sống chết, nghĩa là sống như chết vậy, chết như sống vậy. Ở Lý như không có sống chết đó vậy. Đã thấy Lý bất sanh bất tử đó thì người đó không tham sống không ghét chết vậy. Mở ngoài xằng bậy là tự ngoài Lý tánh đó, nam nữ tình nhơ đắm dục dâm hoặc, trăm mối đều là xằng bậy dối vọng đó vậy. Xằng bậy dối vọng đã mở tan, sống chết đã ngang bằng, nên tánh mạng của người đó mới khiết tỉnh mà được chí chánh ấy vậy. Lão Tử nói: "Thanh tĩnh làm thiên hạ chánh". Lời nói ấy tợ đó. Phàm, tánh mang đã chánh, đâu hẳn ở nơi đồng bạn với Nhân đợi chết đó mà thay đổi sống làm thánh thần làm Đại Chí nhân ư? Tức ngay đời sống đó tự chân thật có thể làm chánh nhân làm Chí Hạnh, đã Hiền càng Hiền, chẳng Thiện hẳn Thiện, mà Hàn Tử chẳng phải cùng lời nói của Nhàn. Trong Nguyên Đạo đó mới nói: "Tuyệt Đạo cùng sanh dưỡng đó, để cầu điều gọi là thanh tĩnh tịch diệt vậy". Phàm, thanh tĩnh tịch diệt là chánh nghĩa dẫn dắt người ngang bằng sống chết, mở ngoài hệ lụy xằng bậy hư

vọng tình trước để toàn chánh của Tánh mạng ấy vậy. Hàn Tử làm sách mà chẳng lại nhìn trước sau, mới vội làm Nguyên Đạo. Mà những người sanh sau học cuối, tâm chẳng thông Lý, thấy đó cho là ý chỉ của Hàn Tử là phải vậy, bèn theo vết tay cho đến trọn đời, mờ tối tánh mạng đó mà rõ nét ngạo báng Phật, không biết Hàn Tử làm lời đó chẳng suy nghĩ vậy. Giả sử theo Cao Nhàn mà nói, tự Cao nhàn là nguyên do của giòng họ Thích, chẳng phải muốn suy Đạo đó làm lợi ích ở đời, ý nếu có lợi ích ở đời, mà Quân tử sao chẳng ngợi ca đó? Khổng Tử nói: "Đại nhân chẳng xướng Du ngôn". Bởi nói không lợi ích ở Dụng mà chẳng nói vậy. Cho rằng Hàn Tử là học trò của Thánh Hiền, sao được làm lời vô ích đó ư? Gần như Hàn Tử tuy gọi là Văn nhân, nhưng đối với Đạo còn quả thật có chỗ chưa thấu đáo ư? Tôi không biết vậy!

BÀI HAI MƯƠI MỐT

Người thời tiền Đường, có Dư Tri Cổ cùng Âu Dương Sanh đàm luận về văn thư, nói rằng: "Đời gần đây, Hàn Tử làm Nguyên Đạo, thì Thôi Báo đáp sách Ngưu Hưỡng; làm Hủy Biện, thì Trương Chiêu luận tên cũ; làm truyện Mao Dĩnh, thì Viên thục Đại lan Vương Cửu Tích; làm Văn Tống cùng Dương Hùng Phú Thục bần; làm Biểu luận Phật cốt thì Lưu Trú tấu sớ tránh Tề Vương. Tuy nương cậy như vậy ngu chưa công quá. Nhưng luận bàn của Dư Tri Cổ và Âu Dương Sanh chưa đủ kiểm hiệu đó phải chăng? Như Văn Tống cùng đó nói là cùng có Quỷ. Cùng Quỷ bởi gượng hẹp không cứu xét tự nịnh nọt. Hàn Tử làm văn đó buông tuồng như Quỷ đó cùng trông thấy, sao quái đó ư? Hàn bèn gá đó để tự dụ, sao dùng dụ đó chẳng tốt lành vậy? Như trí của Hàn Tử biết học văn, cùng văn đó mới nhờ Quỷ mà làm đó. Hàn Tử há chẳng tự cho là người Thành minh ư? Ngôn từ của Quân tử là Pháp ngôn vậy. Nghĩa là có thể dùng dạy người mà Quân tử mới nói vậy, không thể vì dạy người thì Quân tử không nói. Nên Khổng Tử nói: "Đại nhân chẳng xướng Du ngôn". Hàn Tử như vậy, lấy gì dạy người ư? Ngữ nói: "Quân tử cố cùng, Tiểu nhân cùng lạm đó vậy". Hàn Tử quả thật cùng rất nên dùng Quân tử cố giữ, sao có thể liền lấy văn hoa bỉ ngữ dùng làm đùa cười vậy?

BÀI HAI MƯƠI HAI

Hàn Tử làm Ai từ Âu Dương Chiêm, nói rằng: "Chiêm phụng thờ cha mẹ rất hiếu đạo, nhân từ với vợ con". Lại nói: "Chiêm đối với Từ Hiếu rất cao sáng". Mà Hoàng Phác, người thời tiền Đường rao truyền

Chiêm, nói là “Chiêm vì xướng phụ một động mà chết”, mà dèm pha Chiêm bất hiếu, mới dẫn thơ của Mạnh Giản khóc Chiêm rằng: “Sanh ra chớ trầm mê, Trầm mê mất chân đó”. Hoàng Phác và Âu Dương Chiêm là người cùng quê hương, bình luận về Chiêm hẳn nên rõ ràng vậy. Đàn Cung nói: “Văn Bá chết, Kính Khương đến bên sàn giường mà chẳng khóc”, vì Văn Bá phần nhiều được tình của người bên trong, mà hiềm đó khoáng Lễ vậy. Huống gì chết của một người vợ, mà để lại hận của người thân đó vậy. Hàn Tử ngợi ca Chiêm hiếu hạnh cao sáng, cũng chẳng vì riêng bằng đảng đó mà tự khi ư? Cũng chẳng không kịp biết Lễ như Kính Khương ư? (ghi chú: Sở dĩ Chiêm chết cũng thấy ở Thái Bình Quảng Ký).

BÀI HAI MƯƠI BA

Hàn Tử làm văn bia miếu La Phù, mà Đường sử cho là quấy đó. Hợp quấy đó, phụng sự thần đó, ở Hàn Tử đáng biện rõ là theo Thần đó mà bày thuyết đó. Sao đó ưa thích quái lạ vậy? Ngữ nói: “Khổng Tử không nói sức quái loạn Thần”, mà Hàn Tử lại làm vậy, há chẳng trái ngược với Khổng Tử ư?

BÀI HAI MƯƠI BỐN

Hàn Tử làm Truyện Mao Dĩnh, mà Sử cho là Quấy đó. Thư nói: “Đức thạnh chẳng quen lờn”. Lại nói: “Đùa vui người mất đức, đùa vui vật mất chí”. Hàn Tử chẳng phải quen lờn, chẳng phải đùa vui đó ư? Gọi là Đức đó ư?

BÀI HAI MƯƠI LĂM

Hàn Tử viết Biểu văn luận về Phật cốt. Lấy vận tộ hưng vong và tuổi thọ ngắn dài của các bậc Đế Vương xưa trước mà so sánh đó. Cho rằng ở thời không có Phật, vận tộ đó tự lâu dài, bởi phụng sự Phật thì ngắn ngủi. Nêu chỉ việc vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương bị nạn Hầu Cảnh, mà cho rằng bởi vua phụng sự Phật cầu Phước, mới lại mắc họa, để khởi động Quân Vương đó vậy. Đương thời Nam Bắc triều, riêng vua Võ Đế ở Giang Biểu suốt năm mươi năm thời gian hơi tiểu khang. Vua Võ Đế sống tám mươi sáu tuổi, thì đó làm phước cũng thấu đáo vậy. Ở thời Xuân Thu, giết Quân Vương đó có đến ba mươi sáu vị, vậy các Quân Vương kia đâu phải đều họa là do sống mà phụng sự Phật ư? Hàn Tử không trông nhìn phước đó, mà chuyên lấy họa để vu báng Phật. Sao đó nói bất công vậy? Từ xưa, loạn thần trộm

phát tuy trời đất thần kỳ mà không như đó sao? Đâu riêng vua Võ Đế hẳn khỏi ư? Đó là Hàn Tử chưa biết sở dĩ của phước ấy vậy. Phàm, họa phước báo ứng là do thiện ác làm gốc rễ đó vậy. Sở dĩ Phật dạy người tu phước đó chánh vì muốn thiên hạ dùng Tâm làm Thiện, mà chẳng muốn họ làm ác vậy. Như Tăng Tử nói: "Người ưa chuộng thiện, phước tuy chưa đến mà cách họa đã xa vậy. Người thích làm ác, hung hăng tuy chưa đến, mà cách họa gần vậy". Ý của Phật chánh đó, chỉ đem ba đời mà so sánh báo chí đó thì Tăng Tử sai chẳng kịp Phật nói đó xa vậy. Nên đến của họa phước đó, tự có trước sau, chưa thể đem việc một đời mà tìm cầu. Nếu vì thọ vận đó ngắn ngủi, mà cho rằng vì phụng sự Phật không công hiệu, rồi muốn người chẳng hẳn dùng Phật pháp làm phép tắc. Hồng Phạm dùng Ngũ Phước Hoàng cực dạy người, hợp cực thì Phước mà Thọ, trái cực thì Họa mà Hung, ngắn gãy.

Như Văn Đế (Lưu Hằng 179-156 trước Tây lịch), Cảnh Đế (Lưu Khải 156-140 trước Tây lịch) thời Tây Hán rất là có đạo của Quân Vương. Cớ sao Hiếu Văn Đế làm Thiên Tử mới hai mươi ba năm, chỉ bốn mươi bảy tuổi mà chết? Hiếu Cảnh Đế ở ngôi chỉ mười sáu năm, mới bốn mươi tám tuổi mà chết? Lịch số đó đều chưa kịp một đời, tuổi thọ đó đều chưa đến Hạ thọ, há cho rằng điều nói của Khổng Tử không ứng nghiệm mà liền chẳng theo giáo đó ư?

Than ôi! Thánh nhân làm giáo bày Pháp đều muốn ở đời làm Thiện mà chẳng làm loạn, chưa hẳn tại sự ngắn dài của thọ vận đó vậy. Hàn Tử nói rằng: "Nếu như thân đó đến nay hiện còn, vâng phụng Quốc mạng đến chầu. Bệ Hạ tiếp đó chẳng qua tuyên chính một lần thấy gặp, lễ khách một bày, tặng y một tấm, gìn giữ mà bảo ra khỏi cảnh vức, chớ khiến làm mê hoặc mọi người vậy. Huống gì thân đó chết đã lâu, cốt khô mục nát, là dư thừa của hung uế, đâu thể đặt vào trong cung cấm?" Đó là Hàn Tử khinh miệt Phật quá lắm vậy. Phật tuy chẳng xuất hiện ở Các Hạ, nhưng Thần linh duệ trí đó cũng thật là Thánh nhân thời xưa trước vậy. Sao lại có thể khái luận xá lợi đó cùng với cốt của phàm uế mà đồng so sánh ư? Tuy Thánh nhân của Trung Quốc như Ngũ Đế, Tam Hoàng qua đời đã cả ngàn năm mà cốt đó chẳng mục nát, huống gì Thần kỳ thù dị đó có vì cùng đời là tốt lành làm phước ư? Đó, Hàn Tử cũng nên có phần tư duy mà công luận vậy.

Xưa trước, có Hộp đựng giầy của Khổng Tử cùng với cốt đầu của Vương Bôn, qua nhiều đời lưu truyền đó. Đến năm Thái Hy thứ năm, (niên hiệu Thái Hy chỉ có một năm (290) ở thời Tây Tấn) thời nhà Tấn, nhân lửa võ khố bèn đốt cháy mất. Phàm, Đại thiện không ai

như Khổng Tử - bậc Thánh nhân vậy. Đại ác không ai như Vương Bôn – kẻ bất tiếu vậy. Đời trước còn lưu lại vết tích ấy mà truyền bày, bởi muốn chỉ bày không quên Đại thiện đó, và lưu răn Đại ác đó. Xưa nay kính sùng linh cốt của Phật là ý họ cũng mến mộ Đại thiện đó vậy. Như trước, điều Hàn Tử nói là "lễ khách chẳng qua một lần bày". Đó là chỉ bày họ không biết Lễ mà đãi người không phẩm cách vậy. Giả sử Phật chẳng phải là Thánh nhân, hẳn cũng khác với mọi người ở Dị vức, sao có thể dùng một chiếc áo, một bữa ăn mà tiếp lễ đó?

Xưa kia, Quý Trác Do Dư vào Trung Quốc, mà Trung Quốc dùng lễ của Hiền nhân để tiếp lễ đó. Quý Trác Do Dư kia là người của Đệ thế, chưa hẳn như Phật Thần linh mà chẳng lường vậy, đến khiến Quân Vương đó đãi Phật mà chẳng như Quý Trác Do Dư ấy vậy. Khổng Tử nói: "Phụng sự Quân Vương, muốn can gián mà chẳng muốn tỏ bày". Nghĩa là không thể phô bày lỗi quá của Quân Vương đó ra bên ngoài. Giả sử Thiên Tử ở thời tiền Đường vì Phật mà làm xấu ác vậy, Hàn Tử phải nên dùng ngôn từ mềm dịu mà kín can ngăn. Huống gì Quân Vương đó quả thật chưa từng làm xấu ác, sao được bới móc mà phô bày việc đó ư?

Xưa kia, Ngụy Trưng khéo hay can gián, chẳng hay quên lời đó, sách đó dùng chỉ bày cho Sử quan, mà người nhận biết ít vậy. Mã Chu sắp chết, bảo đốt Biểu thảo đó, nói Quản Yến phô bày lỗi quá của Quân Vương để cầu danh tiếng của thân sau. Tôi chẳng làm vậy, mà Quân tử là bậc Hiền nhân, như can gián của Hàn Tử so với Ngụy Trưng thì chưa hẳn làm đáng lưu lại Biểu văn đó, khiến đời có được vì truyền làm sai lầm đó, nên lại quá so với Trưng vậy. Mà vẽ đẹp của Toàn Quân chẳng kịp Hiền của Mã Chu Xa vậy. Huống gì điều làm của Quân Vương chưa đến đổi làm xấu ác mà phô bày Biểu văn luận bàn đó? Mới thấy, mọi người bài xích đó buông ép lưu lại thuyết đó để tự bày rõ nông nỗi thức trí đó, lan tỏa cực xấu đó đến đời sau vậy. Than ôi!

BÀI HAI MƯƠI SÁU

Hàn tử dâng thư đến Địch, ngợi ca Địch như có ngôn hạnh của Thánh nhân, mới nói: "Tin ở Địch có Đức mà lại có ngôn từ vậy". Mới dẫn lời Dương tử Vân nói rằng: "Thương thư mênh mông vậy, Chu thư nghiêm túc vậy". Tin ở Địch có khả năng mênh mông mà lại nghiêm túc. Nhưng so với Địch Liệt Truyện thì trái nhau, cũng chẳng nịnh nọt ư?

BÀI HAI MƯƠI BẢY

Hàn tử bị biếm xích đến ở Triều Châu, có người tớ gái cùng theo đó, vừa theo phương Nam đến trạm Tần Phong, bèn chết, về sau chuyển dời an táng. Hàn Tử làm bài minh ở Phần mộ, hận đó chết đường, bèn đến mắng nhục Phật. Nhân đó nói: "Dũ tôi thuở thiếu thời làm Thu Quan, nói Phật là di Quỷ, nói Pháp đó loạn trị. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương phụng sự đó, cuối cùng có Hầu Cảnh phản bại. Đáng nên quét trừ tuyệt dứt, không nên để lan tràn".

Phàm, Hoa Hạ có Phật, xưa nay, các hàng Hiền ngu, tuy là thất phu thất phụ không ai chẳng biết Phật là không phải quỷ, biết pháp đó chẳng dạy người làm hung ác để loạn chính trị. Mà Hàn Tử riêng lấy làm Quỷ loạn trị. Người tớ gái của Hàn Tử tự chết, đâu liên quan gì đến Phật, mà Hàn tử tình đấm riêng tớ gái ấy, đến nỗi xoay ngược người trong thiên hạ xưa nay, bất kính tàn khốc không lường đến Thánh nhân, vu cáo phỉ báng Pháp đó quá lắm! Khổng Tử nói: "Người ở phương Tây có bậc Thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không hóa mà tự lành. Mênh mông thay! Dân không thể gọi tên vậy". Chẳng phải đó nghĩa là Thánh nhân của Tam Vương, Ngũ Đế ấy vậy? Vua Văn Đế (Lưu nghĩa Long 424-454) thời tiền Tống, nói với Quần thần như Hà Thượng Chi...: "Phật chế Ngũ giới, Thập thiện, nếu khiến thiên hạ đều tuân theo hóa đó, thì Trẫm sẽ ngồi yên đến Thái bình". Hàn Tử mờ tối mà hẳn không xét lời nói ấy vậy.

Lại làm thơ tiễn tặng Trừng Quán mà ghi tên đó, từ ý khinh mạn như khuôn pháp dạy răn tục tử tiểu sanh. Nhưng Trừng Quán là tợ phải Quốc sư Thanh Lương. Quán Công cho rằng, Thơ từ có nói: ", đều nói Trừng Quán tuy là Tăng đồ mà Công tài lại dụng đáng mà nay không". Lại nói: "Gá hỏi kinh quán vốn người nào? Đạo nhân Trừng Quán tên tịch tịch". Hoặc nói: "Riêng tự một Trừng Quán đó".

Phàm, Tăng Nho đối với giáo đó, đều gọi là Đạo đức. Đạo đức tôn quý nên có Thiên tử mà chẳng có tên Cao Tăng. Vua Thái Tông (Lý thế Dân 627-650) thời Tiền Đường lấy công để tôn xưng Huyền Trang đó vậy. Truyện nói: "Bậc sĩ thạnh đức không tên". Thái Tông đâu dùng Pháp đó ư? Nhưng Xuân Thu biên ghi tên, chẳng phải ý của thiện đó vậy. Đã tặng thơ đó, đặt tên gọi mà khuôn khổ khắc đó, há hợp nghi đó ư? Giả sử chẳng phải Quốc sư Thanh Lương đã chẳng đáng vậy, thì quả thật ở Quán Công càng không thể vậy. Như Pháp sư Quán, ở thời tiền Đường, từ khi vua Đại Tông (Lý Dự 763-780) thỉnh mời kính lễ hỏi Đạo, cho đến đời vua Văn Tông (Lý ngang 827-841), là bậc thầy của

bảy đời vua. Đạo đức đó tôn diệu, học thức đó gần thông nội ngoại, thọ hơn trăm tuổi. Đang thời đang thạnh hóa đó, liệu Hàn Tử mới là sanh sau Quan nhỏ, há dám dùng thơ ấy mà tặng đó? Đó hẳn Hàn Tử vì Quán Công đạo cao tôn đại, ở trong đồ chúng của Phật giáo đứng đầu tất cả. Giả sử đó làm thơ nên bày khinh mạn đó, xem thường đè ép ý khí của Phật pháp, mà làm mê hoặc hướng theo chuộng chí đó, thì chẳng phải chân thật Quán Công ấy vậy. Hàn Tử tuy mạn nhiên chẳng đoái hoài Đạo lý có thể được chăng? Hoàng hành bài xích nói Phật, rất không biết cùng với Quân vương và Tổ tông bản triều đó mà làm nhục đó vậy. Lễ chẳng dám dính xe Quân Vương, ngựa giẫm cỏ đó có phạt. Thấy gậy án của Quân Vương thì đứng dậy, ngang qua xe vua thì bước xuống, vì tôn kính Quân Vương nên vậy. Vừa rồi Hàn Tử là đặc mạn khinh thường bậc thầy của Quân Vương đó. Thiên Tử thường lễ mạo đến đó, Hàn Tử đối với Lễ nghĩa sao như vậy? Như Hoàng đế Đức Tông (Lý Khoát 780-805) nhân tiết Thánh đản, ban kiệu thỉnh mời vào Nội điện giảng đàm giáo pháp rộng, phu tuyên Tâm kinh. Khi đó vua im lắng trong Hải ấn lãng nhiên Đại giác, bèn răn bảo Quần thần rằng: "Thầy của Trẩm ngôn ngữ cao nhã mà giản đơn, từ điển mà phong phú, quạt chân phong giữa trời Đệ nhất nghĩa, hay đem Thánh pháp làm mát lành tâm Trẩm!" Và bèn dùng hai chữ "Thanh Lương" tặng làm hiệu của Quốc sư. Nhưng Pháp sư tuy Đạo đức vị mạo tôn nghiêm như vậy, có thể xem thường mà thất lễ Đức nghĩa của Quân sư ư? Chẳng chỉ vô lễ với Quân sư và Triều đình đó, ước lại phát khởi tâm khinh bạc của hàng tiểu tử sanh sau. Tôi biết từ nay và mai sau trong thiên hạ chẳng tuân lễ nghĩa. Các kẻ sĩ khinh mạn Đạo đức, Di phong khinh bạc đó, bắt đầu từ Hàn Tử vậy.

BÀI HAI MƯƠI TÁM

"Hàn Tử đáp thư của Thôi Lập, nói rằng: "Kẻ hèn tôi thấy hiểm chẳng thể dừng, động không được thời. Đầu cúi Lang bái, mất chỗ tiết giáo gìn giữ đó, khốn khổ không biết biến. Làm nhục đối với vài ba chỗ xót cười của Quân tử và Tiểu nhân, cho đến hầu như không thể được, như sắp canh cày nơi đồng trống rỗng rang, câu nơi bến sông vắng vẻ. Cầu di sự của nước nhà, xét thủy chung của Hiền nhân triết sĩ, làm một kinh của Đường ban trải đó đến vô cùng, giết trừ gian nịnh ở đã chết, khai phát u quang của ngầm đức".

Than ôi! Điều Hàn Tử nói là làm một kinh của Đường là quá vậy. Xưa nay, lập thư lập ngôn tuy chỉ một từ một câu hẳn là trước sau người

học đều nhờ đó lấy làm pháp. Ngôn từ đó không trúng thì sai lầm người học. Chu thư, Võ thành ban xuất ở ngòi bút của Khổng Tử để tựa mà định đó. Đó nói: "Máu đổ nỗi chày, Mạnh Tử còn chẳng lấy mà cho là quấy đó". Nghĩa là, đó là lỗi quá của không đáng nói mà nói vậy. Phàm, Khổng Tử làm văn của Xuân Thu, Lục nghệ, còn chẳng tự cho đó là kinh. Xưng kinh đặc biệt do hàng Hậu Nho tôn quý điều làm của Tiên Thánh mà vậy. Xưa kia, Dương Hùng làm kinh Thái Huyền, vì chuẩn cứ ở Dịch nên vậy, mà các Nho sĩ ở thời nhà Hán còn chẳng chấp nhận đó. So sánh đó thì như Ngô Sở tiếm hiệu xưng Vương ấy vậy. Nay Hàn Tử liền nói làm kinh, sao đó dễ vậy? Giả sử Hàn Tử có đức như Trọng Ni mà quả thật thành sách đó, còn nên đợi những người khác hoặc đời sau tôn trọng đó làm kinh, sao được dự tự xưng đó? Tuy đó chưa thành, sách đó với Dương Hùng cũng đã quá tiếm vậy. Hàn Tử nói "giết trừ gian nịnh ở đã chết, khai phát u quang của ngầm đức", đó là ý thiện thiện ác ác khen chê vậy. Bởi Hàn Tử chí ý nhạy bén, muốn làm thành sử vậy. Đến lúc thấy Ngoại Tập đó đáp sách Luận sử của Lưu Tú Tài, mới trái lại sợ không dám làm mà nói: "Phàm làm sử, nếu không có họa ở người hẳn có hình phạt ở trời". Mới dẫm Khổng Tử là bậc Thánh nhân làm Xuân thu mà nhục đến các nước Lỗ, Vệ, Trần, Tống, Tề, Sở, cuối cùng chẳng gặp mà chết. Anh em Thái sử ở thời nhà Tề, gần như hết sạch. Tả Khâu Minh biên kỷ Xuân Thu thời mà sự đến nỗi mất sáng. Tư Mã Thiên làm Sử, bị luật hình giết chết; Ban Cố thì gầy bệnh chết; Tuần Thọ nỗi dậy rồi lại phế cuối cùng không chỗ thấu đáo. Vương Ân phỉ báng lui chết ở nhà. Tập Tạp Xỷ không một chân. Thôi Hạo, Phạm Hoa cũng diệt cả giòng tộc. Nguỵ Thâu Thiên tiệt tự. Hiếu Vương thời Tiền Tống giết chết, dưới chân xưng gọi là Ngô tranh cũng chẳng nghe thân quý mà sau có vang vọng vậy. (Một bản khác chỉ lược nêu dẫn Tư Mã Thiên, Phạm Hoa, Tả Khâu Minh ba người mà thôi). Nhưng lấy đó làm lạ, Hàn Tử sao chẳng dõng mạnh ở ngôn từ rỗng không mà sợ ở quả làm đáng cười vậy? Thật là như trước gọi là "Đầu cúi lang bái", chỗ tiết tháo gìn giữ đó, mà phát cuồng vọng đó ư?

BÀI HAI MƯƠI CHÍN

Hàn Tử bị giáng đến ở Triều Dương, cùng gặp Phương sĩ Mao Vu Cơ, bèn làm "Mao tiên ông Thập bát huynh" để tựa rằng: "Vu Cơ là xét ở ngôn từ, chẳng do từ đạo của Khổng Thánh, chẳng do ở giáo của Lão Trang, chỉ dùng tuệ tánh biết được người có tước lộc dày mỏng thọ mạng ngắn dài, phát lời như Sử tứ, tin ở khác người vậy. Nhưng huynh

nói quả thật có chứng cứ để thấu đáo vậy. Bèn ghét dọn sảnh ốc hầu huynh một ngày cùng vui cười".

Hàn Tử mới tin thuyết đó, nghĩa là nói quả thật như Huynh nói. Bèn quét dọn sảnh ốc để hầu Huynh, tức đem việc đó, Huynh đó để tự liệt bày đối với môn nhân vậy. Ngay đó Hàn Tử sao không biết mạng mà dễ động như ấy vậy? Giả sử lời nói của Vu Cơ quả thật ứng nghiệm như Thần, tại nơi mọi người đang nghe mà kỳ lạ đó. Hàn Tử tự cho hiệt hàng, làm kẻ sĩ của Thánh Hiền, hẳn nên giữ Đạo của Thánh nhân vậy. Ngữ nói: "Người trí không lầm hoặc, người Nhân không lo buồn, người Dõng không khiếp sợ". Đó nghĩa là, Quân tử sáng tỏ nên không lầm hoặc, biết mạng nên không lo buồn, dõng mãnh đối với nghĩa nên không khiếp sợ. Tử Hạ nói: "Chết sống có mạng, giàu sang tại trời". Khổng Tử nói: "Không biết mạng, không lấy làm Quân tử vậy". Bởi cũng đều suy ở Đạo tánh mạng của Thánh nhân, không đợi ở cẩu thả vậy. Sao được chẳng trông nhìn đó mà liền như mọi người lầm hoặc ở Mao Sanh ư? Hàn Tử tự đoái hoài làm học Nho của Thánh Hiền như thế nào ư? Nếu Đạo đó không thấu đáo, sao có thể lấy học Thánh Hiền mà tự phụ ư? Hàn Tử trước kia làm Thơ tạ tự nhiên mà dèm pha bài xích Thần tiên dị đoan, ngữ cú rất gắng gỏi, nay mới giáng xuống làm Quận mới tự suy biến động rất lầm hoặc. Huynh sự Tiên ông dị nhân, yên định mong muốn phục làm môn nhân đó, quét rưới sảnh phòng để hầu đó, cậy ngôn từ đó mà mong thoát khỏi chuyển dời gián trách để đáp chí đãi dụng đó vậy. Trung Dung nói: "Vốn hoạn nạn, hành ở hoạn nạn, vốn Di địch hành ở Di địch". Hàn Tử đối với Trung Dung của Thánh nhân, được không thẹn đó ư?

BÀI BA MƯƠI

Tôi xem sách của Hàn Tử, thấy đó chẳng thấu đáo như bình luận ở trước lắm nhiều vậy. Mới đầu muốn thảy đều lấy mà biện luận đó. Gần đây, nghe ở Thục có người làm sách mà chẳng phải là Hàn Tử mới truyền đến kinh đô. Chỗ chẳng gọi là trăm mối, tuy chưa thấy ở sách của người Thục. Tôi càng nói đó, sợ cùng đó tương trọng nên hãy đã. Trong Đường Thư, Lưu Vân nói: "Hàn Tử tánh đó nghiêng lệch cứng ngạnh". Lại nói: "Đối với Đạo chẳng hoằng". Tôi xét sách đó, nghiệm chỗ làm đó, thật là như vậy. Muốn Hàn Tử như Thánh Hiền thong dong trung đạo ở thời xưa trước, hẳn đó chẳng kịp vậy. Nên ở các bậc thức giả cho rằng "Hàn Tử là người thứ lớp văn từ". Phàm, văn là do vì truyền Đạo vậy. Đạo chẳng thấu đáo, tuy lắm nhiều văn, nào dùng?

Như Hàn Tử nghị luận như vậy, Đạo đó có thể gọi là thấu đáo (= chí) ư? Mà người học chẳng lại xét đến Đạo lý trúng chăng, mới văn vẻ nhọc công hiệu văn đó mà dèm pha cản trở Thánh nhân của Phật giáo? Rất tàn khốc! Tôi thường bất bình, vừa rồi muốn theo Đại Công của Thánh Hiền, biện rành mà chọn lựa đó, để chánh kẻ cẩu thả phá hủy của trong thiên hạ, mà chí chưa thành quả. Nhưng đến nay đã năm năm, tôi tuổi đã năm mươi tuổi rồi, vả lại, gần đến sự chết vậy, đó trọn chẳng thể ấy vậy. Học trò tôi hoặc trong muôn một có bậc Hiền giả, đang nay Thiên Tử là bậc minh Thánh của Triều đình rất chí công, ngày khác hẳn đề sách tôi cống hiến mà biện giải đó. Đó cũng chẳng nhục nó theo phụng sự ở Đạo tôi ấy vậy.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 17

THƠ CỔ LUẬT
(gồm 60 bài)

THƠ BA VỊ CAO TĂNG
(và lời Tựa)

Ở thời Tiền Đường, có ba Sa-môn Kiểu Nhiên, Linh Triệt và Đạo Tiêu, do đạo phong vang vọng đến Ngô Việt, nên có ca dao ngợi ca đó rằng: "Trú ở Tráp hay thanh tú, Triệt ở Việt như băng tuyết, Tiêu ở Hàng sát mây xanh". Tôi nghe mỹ phong mà mến mộ người đó, nhân điều nói của ca dao, bèn làm ba bài thơ để nói rộng ý đó.

TRÚ CÔNG Ở TRÁP HAY THANH TÚ

Trú Công văn chương thanh lại tú
Thời cùng tài đó chẳng thể đấu
Tăng làm văn thập từ xưa có
Ra bạt phải tôn Trú đứng đầu.
Tạo hóa tuy dời, Thần chẳng đổi
Trú Công làm thơ tâm cũng vậy
Trên đạp tao nhã, dưới lẳng sàn
Khéo nghĩ tung hoàng Đạo tự toàn
Thiền Bá sửa văn đâu nhọc vậy
Dụ dẫn tâm người thông Phật lý
Quan lại tiên sanh bạn Lỗ Công
Sớm theo thanh du mến phương ngoài
Người đó đã đi, lời còn đó
Hộ pháp đáng nên để muôn đời!

TRIỆT CÔNG Ở VIỆT NHƯ BẢNG TUYẾT.

Thanh của Triệt Công như băng tuyết
Bẩm chất cao tăng khác biệt người
Tuổi vừa ba mươi thơ đã xuất
Tên ở bạn Thơ tâm ở Luật.
Chẳng khác Huệ Viễn khác Huệ Hưu
Kiểu Nhiên chưa hợp ai cùng bạn
Mây trắng tiêu tan nào định dừng
Chợt vào Quan trung hỏi Bao Lý
Riêng Thanh khó vũng nhiều ngại trở
Đến cùng không tội trong chẳng nói
Cây đẹp giữa rừng gió hẳn lay
Triệt Công ôm đức thành thai họa
Người xưa đã qua chẳng lại than
Vì vậy làm thơ để cho đời.

TIÊU CÔNG Ở HÀNG SÁT MÂY XANH.

Cao của Tiêu Công sát mây xanh
Tại Đức đâu tại nơi trầm lắng
Một am chót đảnh riêng sâu thẳm
Chống vết tiêu nhiên chẳng vào tục
Có lúc trèo vượt ngằn mé nhìn
Chẳng nghe nói đó vọng trời reo
Đang lúc Lục Vũ việc u xét
Từng vào mây xanh dự nghe Đạo
Dùng mưa cứu hạn xua thần Rồng
Đó cùng nhân gian việc đâu đồng
Cơ ngầm cảm dị mầm mống tâm
Công đây sở dĩ xưng Đạo Tiêu.

TIỄN ĐƯA BÍ THƯ CHƯƠNG BIỂU DÂN.

Một ngày Phu Tử đến sơn thùy
Hỏi rằng ly biệt đi đến đâu?
Thanh trần Úy cũ cũng đều đến
Ít xe nhẹ mang sáng lục ly
Vào cửa nhìn ta nhan sắc đẹp
Dưới rừng vén ào cùng tìm theo
Cười ngạo phóng tứ ý khí hào

Ngẫng đầu bất chợt bạch nhật soi
Phủi giường nghĩ lại đêm hang núi
Chăn giấy chiếu Bồ thật đáng tao
Chẳng tính phong ước chỉ vừa đẹp
Duy duy không nói cùng chống trái
Bấy giờ giữa tháng Hai (02) Xuân hòa
Trọn đêm rực sáng xem thường lạnh
Cao đàn giao phát nhã hứng hợp
Như bình trút suối tranh lâm ly
Khoảng khắc thúc chiếu đề ngôn chí
Nhả ngay niềm nỗi khua thuần từ
Tâm người chẳng động có như mặt.
Bình sanh mỗi tự có chỗ làm
Biểu Dân thốt nhiên đến chiếu thẳng
Nói tôi có chí người chẳng hay
Mạt tục thiển cận sao đủ nói
Ngậm men chưa nhả than thở dài
Thuở nhỏ theo thầy học kinh điển
Chẳng đầm lành lá cùng cội rễ
Đạo của Đế Vương, đoán khá biết
Ân bàn Chu Cáo không lại nghi
Sự nghiệp xưa nay quý vừa dùng
Văn ý thuật làm phải có khuôn
Đâu loại trẻ con không giữa khắc
Bánh vẽ chẳng thể trừ đói sáng
Mười lăm năm chăm việc văn tự
Mài cọ bút nghiên tinh thần bải
Thiên dài pho lớn rộng vô số
Khẳng khái chỉ muốn giúp chính trị
Năm trước bổ Lại đến chiết hữu
Cục chuyên những tục chẳng thể trông
Ôm hoài muốn so Vương Bá lược
Cưỡi ngựa bắn săn chẳng hợp nghi
Tiền Đường phủ lớn nhiều Quan đạt
Phẩm trật cùng sánh ta thấp cùng
Mạnh Kha riêng phụ khí Hạo nhiên
Ai hay vén áo rủ may dài
Trượng phu quý trọng dùng Đạo tiến

Mây xanh muôn dặm phải tự rong
Than ôi! Nhìn ta Hồ làm đó
Đành làm cửa che làm thân giúp
Bèn làm tạ bệnh xa dẫn đi
Vội mang trâm dãi cùng sai thành
Giao tây Đổng sanh tạm đáng mến
Dưới chướng khắc khổ cùng thi thư
Nhàn cư rơi chớ lắm cảm kích
Chỗ cảm thời chính sanh tỳ vết
Tôi hèn ôm tiết riêng tự sánh
Làm sách muôn chữ ném sân chầu
Lính trời hang sâu tại Tây bắc
Dẫn lên đãnh trông mây tan tạnh
Đức âm trọn chẳng xuống báo đền
Tỏ bày gan mật không khạt nhổ
Than thôi !Tôi sống thời mạng sai
Chẳng gặp phải thời đành ẩn dật
Trùng sâu rồng rắn chịu lui khuất
Muôn vật không thời phải tự vui
Nhà tôi ruộng vườn ở phía Nam
Cũng có khe núi tên Võ Di
Suối ngọt đất tốt đáng gieo trồng
Về cùng lão nông chuyên cày bừa
Tôi cùng cảm đó nghe lời ấy
Tinh thần bay động kinh rung má
Mưu sâu tính xa chẳng thể lường
Mênh mông không đáy trời không bờ
Trước ngạch chốt cửa khách vô hạn
Kề vai đạp gót tranh từ trước
Ăn no mặc ấm tứ khí đẹp
May bạn rành rọt hay như vậy
Xin ông đến trước cùng Quân nói
Nào hẳn khinh ngại phiền chăm chăm
Thóc tốt đông thâu nhậm bút phát
Các vật tốt tươi có bệnh chậm
Chẳng nghe Y Duẫn ngũ can Thang
Đạo của Nghiêu Thuấn mới được hành
Hiền Kiệt khinh thân trọng thiên hạ

Đâu khiến cấp cấp tạo riêng ấy
Huống đang Di Địch khinh Trung Hoa
Giẫm xéo hai bỉ phiên da đất
Tướng quân xét giết khổ chưa khắc
Muôn vàn Sư Lão nhọc biểu dương
Năm tốt năm xấu lại xen làm
Gió mưa sương tuyết chẳng phải mùa
Thiên Tử chăm chính chẳng rãnh ăn
Cũng đợi tài năng cùng giúp đỡ
Ở trên Miếu đường có Quân tử
Thông minh đâu chịu nhiều cao quý
Cầm nắm Đạo công tôn Đại tượng
Chọn độ quê nhà yên sâm sai
Mến ông làm người tánh thông đạt
Chẳng vì giáo đó cùng bới móc
Gặp gió trăng thanh ngàn dặm biệt
Chúc Từ đâu sợ khuynh gan mật
Người tục khéo hủy ít vui thiện
Tên tốt Tiết thanh chớ khuyết mất
Triều đình nếu hỏi sách Bình Tân
Hiền Lương nhất ông, chẳng ai bằng.

Ý XƯA (có năm bài)

BÀI MỘT

Gió đùa vừng mây trôi
Mưa xuân bay nhè nhẹ
Uống rượu dưới rặng tuông
Bẻ cành thông làm gậy
Chống đỡ qua giá băng
Trong tay không một vật
Cốc sâu không người lại
Chiều tà ý ai hay!

BÀI HAI

Ông chớ cười Chi Hứa
Tịch mạc chẳng ngu rõ
Ông chớ khinh kệ nguyễn
Núi rừng có thanh hứng

Người sống trong trăm năm
Vui ít buồn có thừa.
Muôn sự đầy ngắn dài
Không như khiến Đạo thắng
Đó không sĩ ngạo đời
Cao đạp móc Danh xưng
Chỉ tạ duyên trong vức
Cam lòng gá bậc đá
Lắng không bạch nhật bay
Thế sự trọn không ứng
Chẳng như xét thành đó
Tự nói và tự tặng.

BÀI BA

Thong mây thấy đôi chim
Cao bay dắt nhật nguyệt
Lông cánh rực văn chương
Liệng quanh khắc ứng cốt
Chợt nhiên xa ngàn dặm
Trọn chẳng nhìn rừng Việt.
Gió Xuân thổi lan tràn
Lông cứng lại vút nhanh
Du hiệp tử trên bờ
Nhìn trông nhọc thương tốt
Tuy có cung tên vàng
Ngắm nghía không dám bắn
Nhân biết vốn kỳ dị
Tự giữ dài vượt qua
Xoay nhìn đàn sẻ vàng
Nên làm chuyển bụi trần.

BÀI BỐN

Kham làm mấy nỗi cao
Lướt trời che trăng sao
Thà làm Lan Huệ ẩn
Trong cỏ tự thoảng thơm
Tự đủ là phần trời
Chưa cần Hư linh ấy
Bít che nơi xấu ác

Nên làm lâu dừng dùng
Xưa nay Sĩ thông đạt
Sao vết lắm ẩn mờ
Núi rừng tiếc lớn quá
Tàng Dụng cũng tàng Hình
Ngu cốc không thể kịp
Thẳm sâu lại tự yên
Ôi! Tôi cũng tham thế
Núi chẳng dưỡng tuổi già

BÀI NĂM

Cùng phẩm gặp cụ già
Trao tôi một quyển sách
Rừng sâu gặp người
Thẳm Cho tôi Búa với Bừa
Búa bừa cũng sao làm
Dạy dưỡng cùng thảo mộc
Hoang nế hẳn phải cắt
Khiến đó tốt tự nhiên
Trao sách muốn sao làm
Dạy đó tâm và Thân
Học hẳn trước chánh mình
Tự trị mới thừa ngoài
Ý đó có dạy tốt
Mang đó chưa từng trừ
Làm sao người dặn dặt
Tự lầm muốn phải từ
Cùng tập thành bạc tục
Đức mọn ôm chiếu trúc
Tôi chọn đó nhờ nói
Cậy ông làm truyền lan.

ĐẾN LONG SƠN PHỎNG TÌM ĐẠO SĨ LÝ TIÊN SƯ.

Nhật xuất đồng trống sáng
Chỉnh túc tìm Đạo Sanh
Man mác đi ngoài hồ
Tan đản bên mây bước
Thu cao bầu trời sạch

Lá rụng bay tung hoành
Cưỡi gió qua đãnh rừng
Chuyển thấy áo đầy nhẹ
Lúc nghe giữa thăm thẳm
Gió vút vang tiếng Hạc
Biết cùng nhà Tiên gần
Qua Tư lãnh trong sáng
Phút chốc chuyển cốc sâu
Phủ tía đồng cỏ phẳng
Tiên Đồng chạy chân báo
Tùng tử lại cửa nghinh
Tiếp áo nói lại cười
Vui chỗ chẳng tục tình
Má son người chưa giá
Đạo mạo trời đã thành
Mở chiếu bày Hạt ngọc
Bàn thức ăn tía ánh
Buộc ràng tợ bạn cũ
Rượu rơi hoài bảo khuynh
Xế chiều nhẫn bảo đi
Bồi hồi tựa gian núi
Muốn có trùng tìm ước
Lại lo biến cao danh.

CẢM NGỘ. (có chín bài)

BÀI MỘT

Nước Biển đêm tối trong
Sắc thu dung Hồ bồng
Có hai Long Công già
Lưới sắt trải San hô
Gió mây rộng dung cùng
Buồn bã vẽ nơi nào
Muốn hỏi người trên trời
Vén được Trăng sáng không.

BÀI HAI

Tiên nhân kinh Bạch Ngọc
Đi đi sao xa tít

Lầu Quỳnh mười hai tầng
Lung linh nổi ngoài mây
Bạc nhuốm Trăng làm sóng
Muôn khoảnh tức ao cong
Thu lại cung điện sáng
Rạng ngời khắp nhân gian
Trời trong không mây gợn
Ráng khói chim xanh nhỏ
Thấy được không đến được
Chỗ nghĩ không mịt mờ

BÀI BA

Lo thay! Dương cầm kích
Biết xa tài tuyệt kỳ
Mới đề bút thảo huyền
Rất làm chỗ người cười
Trác trác đạo Khổng Mạnh
Tạ bình hiểm hý đó
Gương ngọc ngậm u quang
Ngàn năm mới tươi tốt
Gởi nói Sĩ khoảng hoài
Chưa đạt thôi than thở
Tâm mong Đạo tự quý
Thói tục, thế sao tùy
Núi xanh giữ lớn qua
Bạch nhật trong đáng nhìn
Nêu cao tạ Tùng Bách
Cô phương tháo chẳng dời.

BÀI BỐN

Thiên oai nói chẳng đến
Can qua động biên bỉ
Tướng Quân ra oai mạnh
Anh hùng thế nổi thao
Rối ren ra du quan
Chỉnh nghiêm trong sắc thu
Ngựa trắng xung mây vàng
Sương thanh gắng nghiêm chỉ
Trẻ mạnh cánh rừng non
Chuyên hay chớ lắm mừng

Khéo võ nào Tâm ông
Dùng binh chẳng đặng đừng
Gởi lời đến Tướng Quân
Chước khéo nên không sánh
Chí còn báo ân Quân
Đâu làm vàng ròng chết
Trượng phu thân nước nào
Khảng khái đang như thế
Thà dạy Thái sử thư
Khinh cười Lỗ Liên Tử.

BÀI NĂM

Mênh mông giữa đất trời
Tỏa sáng xử thế nào
Từng nghe người xưa cổ
Chưa thấy vầng nhật dừng
Tài ngầm mây Yêm tư
Lại bên cây Phù tang
Sắc núi buồn trong tối
Hình trời sáng trong mộng
Sao biết mục Thiên tử
Rồng ngựa thần làm ngự
Muôn dặm chóng cưỡi gió
Lại theo Diêu Đài đi
Vượt xa bạn Thần Tiên
Lý đó đáng thế nào
Chẳng hướng Nghiêu năm dài
Trọn khiến ở nhân gian.

BÀI SÁU

Mão lọng khách xử nào
Lướt mây ý bay cưỡi
Sớm sớm đến Song khuyết
Xung xung qua cầu Vị
Vàng ngọc ngoài mây hưởng
Họa đuốc đốt trong trăng
Xa tít đi đường trời
Vọt bay tại Ngọc tiêu
Làm sao trong khu Vũ

Chóng cùng xa nhân gian
Lớn phủi xiêm lụa đi
Chầu dưới Điện Minh Quang
Một cúi lại một ngưỡng
Vinh nhiều buồn cũng lắm
Tóc bạc bên cổ dài
Sắc son trong gương lạnh
Đâu biết dưới Tùng cối
Người ngầm dài vắng vẻ
Muôn sự lắng không lo
Buông nằm ngâm nga dài
Mênh mông giữa đất trời
Ai hỏi Hy, Hoàng, Nghiêu?
Gặp một gió lành thổi
Sao làm Thiên tử cao

BÀI BẢY

Giữa trời lắng khói xa
Sắc tạnh ngậm cảnh thu
Nghĩ ông mỗi bàng hoàng
Chăm nhìn đảnh Thiên phong.
Trăng sáng mới vừa tròn
Khá soi bóng mỹ nhân
Mỹ nhân lại không đến
Mây ráng xa núi rừng

BÀI TÁM

Đất Tùng Bách linh thiêng
Cỏ gai đồng tươi tốt
Mong được trong khu vức
Tâm người lại thuần tố
Ngô xanh cối kê mát
Không lại có lăng mộ
Lục Hợp không biết âm
Núi xanh có đường về
Nhân sanh tiếc chu nhan
Hiền chiếu lớn cùng trông
Đêm qua sương đài hoa

Ai chẳng oán chiều thu.

BÀI CHÍN

Chợt nhiên Nghiêm Tử Lăng
Xa lớn vắng rỗng khí
Nên người quý làm Quân
Ngựa trắng cần chẳng đến
Đắm nhàn luyến đầm biếc
Cao vượt lộng bánh thơm
Núi xanh nổi mây trắng
Muôn xưa ngụ ý cao
Hầu Bá không biết Đạo
Mới đầu chí hiểm ngạo
Việc gì thấp Vương Hầu
Tâm đó vượt trời đất
Nhân thương gìn giữ bạn
Sao làm thế cậy quyền
Rão chơi giữa giáng quán
Bẻ tiết xếp quanh co
Rực rỡ Hoàng Đạo xưa
Nhọc sống tự nó buộc
Chẳng như về đi lại
Nhân gió phủi áo dài.

NHỚ CÁC KHAI SĨ NGẦM Ở NÚI KIÊM THỊ – VIỆT TRUNG

Nhàm thấy cảnh người náo
Lặng đi nhớ Linh Việt
Đông nam ngàn dặm núi
Xanh nổi đầy lắng chìm
Theo lại cảnh trong kiếng
Hình thắng tuyệt nhân gian
Trăng lặng vén khe nga
Mây nổi che huyệt sách
Mỗi một tơ phiêu bồng
Vội cùng người xưa biệt
Thước lụa chưa kịp thông
Cỏ thơm đã bảo hết
Buồn thay! Đường đi khó

Cúi ngưỡng tôn sanh tiết
Hạc kêu muốn về Đông
Gởi lời tạ trăng sáng.

NGÂM THU SỚM

Đêm qua ở núi Phòng cửa lạnh
Ngô Đồng một lá nơi giếng vàng
Trời cao như nước sạch chứa mây
Trăng sáng ngậm tỏa biến cảnh thu
Cành Quế hoa gãy gió vút bay
Ai trên lầu cao thổi Tiêu ngọc
Nhân gian chẳng thấy dạng lên trời
Trên trời sắp thấy chim làm cầu
Tuổi trẻ người đi ở xứ nào
Sương trắng đượm áo chưa về đi
Bờ biển nay không nỗi nhà mẹ
Giang Nam ai cùng Vương tôn gặp
Bồi hồi dưới trăng rỗng ngâm dài
Tôi nhọc tự xưa khó biết âm
Muốn lên Đài cao hỏi trăng sáng
Trăng sáng sao chẳng rọi tâm người!

CÁC HIỀN GIẢ NGHỈ ĐÊM Ở NÚI, PHÚ VỊNH ĐƯỢC MÂY CHIỀU DƯỚI HANG.

Gió nhẹ lắng rừng sao
Vầng nhật xuống hang núi
Ánh trăng nhô đã tròn
Mây trắng về chưa lắm.
Cao ứng bạn khỉ hạc
Sâu chẳng tối lưới tùng
Như chẳng làm lâm khứ
Đó như hạn năm nào.

CHIẾT GIANG CHIỀU TRÔNG

Sắc chiều nhìn không ngằn
Chiều không nước lộn trời
Cánh buồm chim bay ngoài
Trăng non rơi bên sóng

Cách Việt hình núi nhỏ
Nuốt đất Ngô thế lệch
Mấy người già qua lại
Sớm chiều đến đầu Thuyền.

ĐỀ CHÙA KÍNH SƠN

Xanh phủ ngoài các núi
Liền trời thế chưa thôi
Mây mờ đường chim bay
Mưa ra ao Rồng cổ
Tăng nhập định trong mây
Hương thơm hòa quyện tỏa
Người đời được chẳng đến
Đài Điện tự thu thanh.

LANG THỊ LANG TỪ QUAN

Lúc bình riêng cao tạ
Đạo chẳng muốn ngầm sáng
Tóc bạc từ minh chúa
Núi xanh mến quê nhà
Ruộng thuốc dung Hạc đến
Ngâm tắc sợ mây tàng
Lại chuộng nằm rừng Thiền
Đến giờ phẩy giường đá.

TẢO MAI TRONG NÚI.

Dừng dừng rừng cảnh chiều
Rỡ rỡ ra đầu rừng
Vườn nhỏ liền mây đượm
Cỏ thơm xung tuyết lạnh
Nhân gian rất chưa thấy
Vật ngoài nhìn trước tiên
Chỉ muốn ngọc Phương Quỳnh
Sao sắp thắng mẫu đơn.

BƠI THUYỀN KHE NHÃ DA

Vượt nước cưỡi Xuân nổi
Cửa thuyền đóng lại mở

Núi đẹp men bờ đi
Chợt mưa rơi hoa lại
Bờ ảnh Tiều phu qua
Tiếng ca gái tắm về
Mênh mông không hạng ý
Trời chiều lại lo thay.

THƯ MAO CÓ ĐÌNH CHƯƠNG VIÊN

Mến vườn rừng đây đẹp
Trùng điệp cây hoa tươi
Người chơi say quên bước
Chim lắng hót không ngơi
Khói tỏa liền cỏ thơm
Hồ xuân nổi ao biếc
Tùng tre không tục vận
Du tử đầy cùng mong.

SƠN ĐÌNH CHIỀU XUÂN

Sơn đình chiều tĩnh lắng
Rừng đá tự hiểm hóc
Chó đi sủa người nói
Hoa bay mặc chim ngâm
Tạnh khói xông cỏ tốt
Trời lặng ngọn sam cao
Lại vui Trăng đầy tròn
Sáng trong dưới núi biếc.

TỰ TẶNG

Ngồi lắng lại nhìn trúc
Đi nhàn cũng hợp tiều
Đạo tâm nên hiện có
Sanh sự hợp chẳng buồn
Khách đi thiếu thành đàm
Năm đến tóc bạc nhiều
Tràn đầy chi theo bút
Nhàn rỗi thú tiêu dao.

NGÀY HẠ KHÔNG MƯA

Trong núi khổ không mưa
Ngày ngày trông mây mống
Hạn nhỏ lại hạn lớn
Khe sâu thành khe cạn
Suối khô liền đáy giếng
Đất nóng quá luống rau
Không đem hỏi ý trời
Không nghĩ chim nước kêu

GHI NHỚ CUỐI NĂM.

Gió bấc vừa đổi lạnh
Sớm mai sắp ngậm sáng
Nước Nam lại chưa về
Đông Sơn năm đã cạn
Phù sanh ngầm lại qua
Dáng đẹp sao được dừng
Gởi tạ người thế gian
Phân hoa rất đáng ngộ.

ĐI SỚM TRONG NÚI

Trước núi qua đêm mưa
Riêng bước bộ bùn xuân
Ráng trời gần ló dạng
Gà gáy canh nhà nông
Khói lễ nỗi nơi đi
Đồng trống nhìn trông xuống
Còn mừng gặp Tiều Phu
Cùng dẫn qua mấy suối.

CHIỀU VỀ TRÊN HỒ.

Nhân gian bạc du bải
Về hướng tìm ẩn cũ
Bờ xuân đi chưa cùng
Tịch Dương nhìn muốn hết.
Khí sáng ngằn núi nhạt
Cảnh trời bên nước gần
Tự thương sâu lắng thật

Ngâm thanh lại kéo dài.

CUỐI XUÂN GỬI BẠN SANH

Trên hồ ngày không khói
Nhân gian lúc Hàn thực
Râm tạnh Xuân biến đổi
Hoa trắng hầu khó bằng
Chưa sợ Thanh oa loạn
Trước buồn quyết tía suy
Mây núi hướng dần nóng
Cùng hỏi chớ nên chậm.

GỬI NHỚ THIỀN SƯ NGUYỆT Ở NÚI LẶC ĐÀM.

Nghe nơi Thiền Đạo An
Rêu sâu mờ cách khe
Thanh viên phát trong đình
U điểu gá bên tòa
Mây ảnh chầu trưa biệt
Đảnh núi xa gần bằng
Không biết ai hỏi pháp
Tuyết đêm xuống Giang Tây.

TIỄN ĐƯA KHÁCH VỀ BẮC KHUYẾT, LÀM GIỮA ĐƯỜNG.

Bắc Quách tiễn Dương Tử
Nhật liệu về ở xưa
Đường lầy gần sáng nhuận
Trăng mờ bức xuân thừa
Tang Đố trong mưa biếc
Người khói thông ngoài ải
Y nhiên thấy phong tục
Về hứng lẫn Tiều ngư

THƯ VẬN VÔ BIỆN ĐẾN THỪA THIÊN TÁI MẠNG.

Chở mạng về cao nhường
Biết chỗ ông đến sâu
Núi xanh đáng chỗ ẩn
Tóc bạc muốn gá tâm
Lại đợi gặp mưa mơ

Nào ngại qua Hổ Lâm
Lừ đừ hợp khe nước
Tháng sáu đủ thanh âm.

SƠN XÁ CHIỀU VỀ.

Chiều xuống về Tinh lô
Bước chậm không chỗ đều
Trời lặng trăng lại sáng
Núi không nước lại lắng
Phảng phất nghe chuông vọng
Chợt nhiên tại non Tây
Lời gởi người cao đời
Lại đây tạ cảnh trần.

ĐỌC SÁCH

Đọc sách Lão làm gì
Thay đọc hãy che mắt
Ý đó tuy Đằng nhàn
Tình cao gởi vô hạn
Giũa mài Tâm ngàn xưa
Vụt lại đói quên cơm
Không biết mây trắng trôi
Xuân lắng chiều trong núi.

TIỄN ĐƯA LÔ ẨN SĨ VỀ LÔ SƠN.

Việc đời tợ xoay quanh
Phải quất trọn chẳng cùng
Tham đó về núi sâu
Mặc người chê tiểu ẩn
Hoàng Hạc bay đã cao
Mây trắng cách chẳng gần
Tiếng trời kề tịch mạc
Đảnh nào đùa thanh chẩn.

TÚC SỰ VỀ LẠI NÚI NAM BÌNH.

Tuổi già về lại Thạch thất lạnh
Tùng rêu sầm tịch tự bàng hoàn
Chỉ biết dưới rừng qua một năm

Không thấy nhân gian muôn việc khó
Ở ẩn có thơ đề Thạch Ký
Giải đùa không nói cùng thời xem
Tâm đây đã cùng không sanh hợp
Thân tợ mây trôi chẳng hẳn nhìn.

VÀO NÚI THẠCH BÍCH

Thân tợ mây nổi tuổi tợ dòng
Nhân gian quấy nhiễu chỉ nên thôi
Già lại đã quen La tử xanh
Ẩn đi nên tìm Đạo du bạc
Thẳng vào loạn sơn sao tĩnh đường
Định nhìn lá rụng mới hay Thu
Lúc nào cửa cốc người cùng gặp
Chớ hỏi chọn thơ tạ Ngũ Hầu.

TỰ VUI TẠ CHỖ BIẾT TRONG NÚI

Muôn sự tùy nghi chớ gượng vin
Tạm qua Triều chợ xoay về núi
Nhọc sống chưa hẳn danh nổi đẹp
Xứng tánh nên phải đến chỗ nhàn
Đều tợ trong mộng thôi hỏi ảnh
Chỉ kham ngâm lý đổi dáng vui
Đạo ở Tương Dương sao biết vậy
Khỉ Hạc tiêu nhìn Thạch thất nhàn.

GỬI THỪA THIÊN NGUYÊN LÃO

Thanh tán năm lại việc càng nhàn
Chẳng luận dưới rừng với nhân gian
Tâm Thiền tỏ rõ không ồn lắng
Mặc khách nào ai lại viếng thăm
Thanh Hiên đá đẹp thêm thắng thú
Suối chảy tòa biếc rọi thân gầy
Chi hình thoát lược thời có lắm
Nên cười về lại lìa mua núi.

GHI RĂN

Ngâm cao trông xa tựa thang mây

Việc cũ qua Tâm thảy đáng bày
Đạo đức hai thiên nhọc tự biện
Phải quấy một ngựa đâu ngang bằng
Ngọc thất núi sáng thương kinh lửa
Rắn linh mất nước sợ ở bùn
Gửi lời minh hồng vút trời bay
Lướt mây lông cánh chớ nghĩ cúi.

NGUYÊN NHẬT (Ngày mồng một tết).
Trong tối xuân giục bày sắc sáng
Trăm gà chào nghinh gáy tiếng mới
Đêm lạnh còn trong sâu Rồng rắn
Lịch tàng mới bày ngày tháng nghinh
Lá Huyên bốn mùa nay mới phát
Hoa mai một sớm chiếm khoe xinh
Sơn gia xin chúc ngày Nghiêu thọ
Mạn học Trâu núi báo thái bình.

BIÊN THUẬT SÁCH XONG, NGHĨ TRỞ VỀ NAM, GẶP KHÁCH TỪ PHIÊN NGU ĐẾN, NHÂN PHÚ THƠ NÀY.

Thường trước viết sách nay tạm thôi
Về Nam trọn muốn ẩn La Phù
Đầu xuân chợt gặp ông quê cũ
Trọn đêm khoe nói đi biển khơi
Chỉ Quý Dương thành phong vật đẹp
Đâu từ Mai Lãnh đường hiểm tu
Nên phải chung cùng bàn Hồng cát
Chống vết núi rừng tiễn bạc đầu.

RIÊNG THƯỞNG SUỐI LẠNH, GỬI XUNG HỐI THƯỢNG NHÂN.

Gió Nam dậy sóng nước khe đầy
Trong núi kẻ ẩn lại tắm rửa
Riêng đứng bên khe thanh hứng thật
Lại thích dòng suối cỏ thơm non
Bình sanh ẩn xét quý tiêu tán
Thế Đạo rối ren nào đủ tính
Tháng năm (05) nhân gian hạ mây nhiều

Cùng ước về lại ông chớ yên.

KHIỂN HỨNG TAM TUYỆT.

Quá hứng phải nên học Kiểu Nhiên
Đời này rưới rửa lão thơ Thiền
Nào phòng thừa được câu kinh người
Vịnh khắp núi sông một muôn thiên
Lấn ép đạo tôi mọi việc sai
Mà nay không kế cấm sóng dần
Theo người đùa pháp thành lưu tục
Chỉ khóc sách vàng vậy làm sao.
Năm trước tạm dừng chùa đầu sông
Nay cùng tăng lữ ở núi rừng
Chớ bảo thân này không vết định
Nhân sanh đều loại một lục bình.

GHI CHÙA LỤC HÒA – NAM SƠN.

Thông xanh cây ngọc tiếp khe sầm
Đài các vút cao đất trải vàng
Đi đến mây trắng nối trùng điệp
Tiếng nước vận trùng nhạt tâm người.

TRONG MƯA NGÀY HÀN THỰC.

Man mác mây giăng tạnh lại râm
Hoa đồng rũ ướt chiều trầm trầm
Người đi chớ oán trời mưa lắm
Huống ở Đông Cao Xuân đã sâu.

DẬY SỚM.

Cửa trời trăng qua sao lác đác
Khoảng rèm mờ phân mây yểu điệu
Sơn gia sâu thẳm không gà gáy
Tới giờ quạ lạnh báo sáng ngày.

ĐỐI CHIM KHÁCH.

Nằm yên chợt kinh chim khách nhiều
Khoảnh khắc thật có cố nhân qua
Trong núi rõ lường toàn vô sự

Hỏi đó miên man đâu nói gì.

GỬI NGỘ XUNG MAI.

Tuổi già cùng thăm mắt càng xanh
Nhớ ông nghĩ thơ khổ nhọc mình
Nhân gian lại có vô cùng cảm
Khéo nắm cửa Thiền giữ tánh linh

RỬA BÚT.

Người xưa tin văn tự
Chữ chữ từ đây ra
Tâm Thiện hạ chẳng khinh
Đó cũng có âm chất
Rửa đây để trẻ con
Nhớ đó chưa nên mất.

ĐẾN NÚI ĐẠI TỪ, GHI Ở VÁCH TƯỜNG CỦA TRÚ THƯỢNG NHÂN.

Trong cốc chùa Xâm Vân
Tìm vào đến nơi sâu
Xuân qua hoa lạnh nở
Người lại chim hót bay
Đâu mang khách thảo am
Về chiều cùng gặp đây.

THANH KHÊ

Chớ bảo Thanh Khê trong
Lớn như kiếng mới rửa
Phải phòng dung tạp vật
Dơ trong đó đến đáy.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 18

Đây là những bài thơ Du sơn xướng hòa cùng với Dương Công Tế, Ngộ Xung Hối. Nay đều biên ghi vào đây, trân quý các vị Hậu Hiền mở xem, để thấy sự thanh thắng của một thời văn hội vậy.

Cuối năm gặp tuyết rơi, Sơn Trai đốt hương riêng ngồi một mình, bảo trẻ nhỏ lấy tuyết nấu Trà. Nhân nghĩ Bông Liễu theo gió mà khởi nên câu, bèn lấy Tạ Đạo chứa truyền đọc đó. Thấy thần tình đó tán lãng, nên có phong khí dưới rừng càng phát hứng sâu mới làm thơ cùng Giản cư sĩ Công Tế và Thượng nhân Xung Hối.

ĐÔNG SƠN, SA-MÔN KHẾ TUNG LÊN.

Ngoài rèm gió lạnh tối chim về
Giữa cửa riêng ngồi khó lui thay
Vừa nhìn lịch, ngày năm mới đến
Vui thấy núi rừng chợt tuyết bay
Chỉ nhớ người xưa có tài vịnh
Sao nghĩ khách lâu không áo thay
Bào Chiêu Thang Lão hay nhân hứng
Thành quách thế nào Thúy vi bày.

CHƯƠNG AN – DƯƠNG BÀN TIẾP VẬN.

Linh lạc Sơn Đông Lão Phật thầy
Xưa nay riêng đến, ông hiếm thay
Bên tuyết khứ hầu xuân sắp phá
Dưới rừng tình Thiền câu muốn bay
Ngày sau sẽ tìm Tuệ Viễn xã
Người nào tặng áo Đại Điên thay
Một thiên cảm phát hồn vô sự
Động đến Thiếu vi sam xanh thay.

SA-MÔN DUY NGỘ Ở THẢO ĐƯỜNG – TIỀN HỒ TIẾP VẬN LÊN

Tuyết đầy Tây sơn Xuân chưa bày
Tiếng mối cổ lạnh chim hót thay
Lắng mắt nhìn cảnh người xa tít
Xua đuổi thơ ma ngoài trời bay
No lòng mỗi bữa cơm Tùng nấu
Rét lạnh kéo giấy làm áo thay
Ta thương văn thơ ông làm đó
Lại ước hận Tâm nhỏ nhiệm bày.

ƯỚC HẸN XUNG HỐI ĐẾN NGHỈ Ở TINH XÁ ĐÔNG SƠN THIỀN TỰ ĐÃ GHÉ TRƯỚC (Dương Bàn).

Thượng nhân hợp đồng hứng ở rừng
Tôi hận già chậm học Tạ An
Xếp guốc gậy nương ẩn có hạn
Thổi mây rơi mưa đầy không mối
Trước nhờ báo tin cành Xuân gãy
Dự tưởng phân đề thất tuyết lạnh
Dưới rừng chẳng hiểu người đời khổ
Cười dẫn hái mai cùng ông xem.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Khế Tung)

Tương Dương người học chẳng tham Quan
Muốn bạn người ẩn hỏi Đạo An
Xông tuyết giẫm sương buổi cuối năm
Nin la kéo thúy đến đầu mây
Luận bàn thế sự thẹn tuổi già
Đối đáp Thanh quy khổ đêm lạnh
Không cảm Tri âm lấy gì báo
Chỉ khoe núi nước giàu ông xem

ĐẾN PHỎNG HỎI VĨNH AN THIỀN SƯ ĐÔNG SƠN GHÉ TRƯỚC (Duy Ngộ).

Am ở dưới ngàn gốc Tùng Quế
Lại không việc trần đến Phu quân
Cao phóng hiếm qua khe Hộ Viên
Lắng nghĩ chỉ nhìn ôm đá mây

Chiều về bên tòa bóng chim nhóm
Tuyết lạnh sườn bờ hình Đường phân
Dương Hùng hẹn tôi cùng đến nghỉ
Dưới trăng thiền rồi nhát luận văn.

TIẾP VỆN HÒA ĐÁP (Khế Tung).
Cuối năm râm ngầm trời sẩm tối
Tông Lôi hỏi tôi lại dẫn ông
Cùng hẹn Thạch thất nên đến nghỉ
Riêng dừng Sơn tỳ học nằm mây
Tuyết ánh chấn cửa người đã tĩnh
Gió ngâm bóng đèn đầu đêm phân
Tự thương Huệ Vĩnh lắm nhàn tản
Gượng tiếp Thanh ngôn thẹn không văn.

NGHỈ ĐÊM Ở PHƯƠNG TRƯỢNG VĨNH AN, THƯ TRÌNH THIỀN SƯ ĐÔNG SƠN (Dương Bàn).
Ngàn năm nói ở truyện Cao Tăng
Chưa luận Thi nhân lại có bình
Từng thuật văn chương nguyên đạo đạo
Riêng suy tánh mạng độ quần sanh.
Mây trắng đã tỏa khoảng chùa núi
Suối chảy không truyền tên trên đời
Rừng xa chẳng nghe khua chuông khánh
Năm canh chim ẩn hót lời xuân.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Khế Tung).
Thi hào sao tốn đêm hang hốc
Phẩm cách cao thấp suốt sáng bình
Chưa xét trước cửa không trăng đến
Chỉ kinh trên chiếu có gió sanh
Khích Siêu tuổi trẻ quá cao ẩn
Trang Tử tài hùng chẳng gần danh
Ngày mai ông về người đi lạc
Chớ dẫn Bình thúc hỏi hư thanh.

TIẾP VẬN VÂNG HÒA (Duy Ngộ)
Đạo An riêng nối gót Tương Dương

Thơ hay nhác xem Tháp Trú bình
Nhà tre vài gian đã mấy năm
Áo cỏ ba sự ngạo bình sanh
Phóng bộ dưới rừng gom vết lẽ
Khó học người đời tham sách lớn
Đèn lửa đã tàn vui chưa mỏi
Gió sớm liệu mưa cửa đánh vang.

MỪNG CÔNG TẾ XUNG HỐI ĐẾN THĂM (Khế Tung)

Thanh Khê vài khúc núi mấy trùng
Núi sâu chiều tối đã khua chuông
Chợt nghe hành khách nói trước cửa
Lại tìm vết người ẩn dưới rừng
Mới tiếp phong lưu rất lịch lạc
Lại giăng đèn lửa gấp đón mừng
Chẳng phải tiện đi ngờ không đãi
Đã có kê vàng trong cối xưa.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Dương Bàn)

Vài trăm chiêu đề ẩn đầy núi
Mênh mông đâu lại rành chuông ông
Xuân ngậm chưa được Hoàng Lý báo
Đường chuyển chỉ tầm vết chân nai.
Am ở bên trăng lớn không tỏa
Hứng lại ngoài trời bỗng gặp đây
Người mù chẳng cười áo mũ khách
Cũng có Hồng lai đãi mướn xay.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Duy Ngộ)

Mây trắng biển xanh lớp chập chồng
Tựa nhà xa nghe cách Đảo chuông
Trên trăng lại không người ồn náo
Tuyết sâu không rõ vết Hổ đi
Thi Thư cùng vui chong đèn luận
Trà quả tợ nghi gặp trong mộng
Cởi giầy trò chuyện vui vô hạn
Lò ấm lạnh un Nhật cao xay.

ĐẾN LINH ẨN GẶP MƯA, TRÌNH PHỔ TỪ VÀ HAI THI ÔNG
(Dương Bàn)

Già núi chưa dung khách thăm núi
Nên dẫn trận mây bít cửa vào
Mưa giục sắc chiều ngưng các ngọn
Sấm tiễn tiếng Xuân rơi sau thôn.
Đêm nay rừng xanh ngại trăng lên
Người xưa tóc bạc ôm thơ luận
Lại chầu núi nước trọn nỗi xa
Sách trượng cùng theo xét khe nguồn.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP. (Khế Tung)

Mây chiều sắp mưa khổ rối ren
Nhìn mưa dẫn ông tựa cửa chùa
Chim bay sợ sấm về sau đảo
Mai rơi dòng nước ra trước thôn.
Danh sơn còn đây nào phải đi
Thắng sự mà nay lại khéo bàn
Huống có Thiền ông thông Diệu lý
Bồi hồi trọng thực gõ nguồn chân.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP. (Duy Ngộ)**.**

Mưa rửa các núi sắc đẹp phân
Một gậy hai giầy đến cửa Tùng
Bên trời mây tan tranh về động
Ngoài đảo tiều phu mỗi chiếm thôn.
Lâu mặc bào xanh tâm đã chán
Cùng nhìn đầu bạc việc thôi bàn
Các ông hỏi nhỏ mai vàng lão
Phải tin sông Thiền riêng có nguồn.

CÙNG CÔNG TẾ XUNG HỐI NGHỈ TẠI LINH ẨN ĐÊM TRỜI LẠNH (Khế Tung).

Không ngủ lại nấu trà Bắc uyển
Đèn lạnh rơi hết còn lại hoa
Đêm khuya mưa qua hình núi hiện
Trời lắng không mây trăng đẹp bày
Lại vui cửa Tăng sáng tợ ngày

Chớ luận người đời việc như ma
Huống gì Chi Hứa đều hay phú
Đâu ngại đề thơ trên lụa biếc.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Dương Bàn)

Gió núi cũng hợp ý người núi
Cuốn hết trời phân quét tuyết hoa
Trăng sáng ngang lầu tình đã hứng
Mây biếc rơi giấy câu đẹp bày
Thiên oai chợt tạnh nên thông vật
Tiên bạn tiện cùng hợp họ ma
Các động đã tiêu cây rừng vọng
Nằm nhìn tinh đẩu cách cửa the.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Duy Ngộ)

Đánh lùi ma ngủ lại châm trà
Mở bày văn quyển lóa mắt hoa
Mừng gặp đêm dài thân tuy khỏe
Gắng hòa thơ mới hứng chưa hay
Gió nhẹ tiếng vượn tợ phạm âm
Trăng sáng bóng Sam kín như ma
Tháng lạnh chong đèn trùng bay hết
Nào hẳn ân cần bịt lụa xoa.

SỚM QUA THIÊN TRÚC TRÌNH MINH TRÍ VÀ HAI LÃO ĐỒNG ĐI. (Dương Bàn)

Mưa đêm Linh Phong nằm giường trúc
Bình minh guốc gỗ đến Vân Đường
Trước cửa mưa qua suối mới đầy
Trên đá gió xoay hương cỏ cũ
Núi ôm tiếng chuông tròn chẳng tan
Mây bày mặt ngói lạnh không sáng
Lý Công chớ ngại thơ cùng não
Ngày nay cùng đi đều họ Thang.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Khế Tung).

Khe Bắc đêm tựa Thiền xá ngủ
Núi Nam nay hỏi giảng sư đường

Mới đi đường Tùng mến sạch sớm
Kịp qua cầu đá nghe hương lạ
Sắc trời sưởi ấm các hốc lắng
Khí tanh vọt biếc mấy ngọn sáng
Đạo Tiêu chuộng khách sao cao đến
Thay uống bọn tôi cùng diệp Thang

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP. (Duy Ngộ)
Sớm qua chùa dưới Phiên kinh đài
Cùng ông đồng đến Tổ sư đường
Trước sân Quế tía lá đừng rụng
Trên đá mai hồng hoa tỏa hương
Ra động mây che bóng rẽ xa
Nhật treo tùng lạnh lọt trong sáng
Tạ ông mời cơm phải không nhường
Chẳng hứa trái thời dâng trà Thang.

ĐÙA VUI BÊN CẠNH NAM GIẢN, TRÌNH CÔNG TẾ XUNG HỐI (Khế Tung)
Cùng dẫn nhau lại bên khe biếc
Núi rừng tuyết hết nước dông dài
Chưa nên đuổi chim xuống bờ rêu
Trước cùng nhìn cá cọt cầu đá,
Trời lặn cát lạnh cò tự nhóm
Năm hết vào Xuân cỏ ngậm hương
Bào chiêu Thang Lão phải đồng vịnh
Sao hẳn nhân gian việc bộn bề.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Dương Bàn).
Khe Nam gió trong thổi vi vu
Dưới rừng cùng lại Bạch nhật dài
Mây xa đá sâu liền Thứu lãnh
Nước lạnh cát cạn tợ cá cầu.
Gá hỏi lão quê về việc trước
Bạn nhàn người ẩn hái các hương
Lại muốn cùng nguồn tình chưa đã
Biết ông giận tôi bèn trở về.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP. (Duy Ngộ).

Vén mây qua được Nam lũng đi
Dòng nước chảy ra một khe dài
Đá bàng ai chồng vá bờ khuyết
Tùng già tự ngã thành cầu nguy.
Chim cát gọi mái từng dức lác
Thuốc núi nhả sắc thường thoảng hương
Đông đi Xuân lại núi thêm đẹp
Mừng ông cùng không bận việc trần.

ĐẾN CHÙA THIỆN THƯỢNG THIÊN TRÚC TRÌNH ĐÔNG SƠN, TRỌNG LINH, XUNG HỐI (Dương Bàn)

Vào rừng đã mừng vượn chim vui
Cùng ngạo phù sanh thắng lớn về
Ngoài thân phải quấy mây chẳng buộc
Trong xã lưu luyến mưa tương quan.
Rèm kiệu tịch mạc thên Bành Trạch
Chống gậy phong lưu giống Đức Sơn
Gởi lời cát hồng nước dưới núi
Chớ chảy mộng trong lạc người đời.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Khế Tung).

Cùng phỏng tìm xa chùa đảo sâu
Bèn theo lão quê bán củi về
Chim đậu đã yên người mới đến
Sắc chiều tuy đượm cửa chưa cài.
Đêm nay phòng núi thôi hỏi pháp
Sáng ngày guốc lạp đạp núi leo
Bình sanh bạn lành rất khó gặp
Chớ nhàm cùng dắt tịch mặc theo.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Duy Ngộ)

Trời lạnh mưa nhỏ ngày sắp chiều
Bùn trơn ai cấm đánh ngựa về
Hang cát suối nhả kêu quyết quyết
Rừng trúc chim về hót oan oan.
Hãy nhìn tạ khách phải mang giầy
Chớ tham chi công riêng mua núi

Phương ngoài luận giao tình chưa cạn
Nguyện bồi đến già mây trắng giăng.

CÙNG CÔNG TẾ, XUNG HỐI ĐẾN THIÊN TRÚC, KIÊM GIẢN TRÌNH THIỀN LÃO BÁ CHU (Khế Tung).

Mến đây tiêu nhiên núi tùng sâu
Thi nhân mời tôi đến cùng tầm
Mênh mông trời lạnh vừa tan mốc
Mù mịt mây dày lại kết râm.
Am Thạch buông lòng về kịch thưởng
Kiểu Nhiên nhân hứng ngậm thanh ngâm
Chủ nhân khuyên dừng cửa thiền nghỉ
Huống gặp hương mai tỏa ngát rừng.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP. (Dương Bàn)

Chớ hỏi bờ vượn đường chim sâu
Dắt gậy mang giầy bạn ông tầm
Trong núi Quế tử kinh đêm lạnh
Sau tuyết hoa mai ép nằm râm.
Muốn ở lại gặp mắt xanh ngó
Cùng nhìn phải hết tóc bạc ngâm
Năm sau nếu tiếp Cao Tăng Truyện
Chưa buông Thang Hưu với Đạo Lâm.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Duy Ngộ)

Thường trước thơ Thiền ban hợp sâu
Thay lại người ngoài việc u tầm
Mưa thừa khe hóc dòng lạnh hưởng
Năm yên sanh sam già biếc râm
Gót bày chẳng ngại say Đào lệnh
Phong lưu lắm học lạc sanh ngâm
Sơn ông mở giường mời thanh thưởng
Chưa buông Hiền trước thắng Trúc lâm.

DỪNG NGHỈ THIÊN TRÚC, LẠI TẶNG THIỀN SƯ ĐÔNG SƠN VÀ XUNG HỐI. (Dương Bàn).

Trọng Linh biên thuật thẹn biết mình
Xung hối thiên chương trộm thưởng âm

Thắng bạn đều yên vui núi nước
Thần giao đã quá tuyết sương sâu
Trước đèn tự cười việc bình sanh
Sau mưa một đêm lại hận tâm
Cùng kiểm chớ dạy thơ gián đoạn
Canh khuya đồng nghe vượn đêm ngâm.

TIẾP VẬN VÂNG HÒA (Khế Tung)

Thẩm hầu tài tuấn trùm rừng Nho
Thơ ngữ kinh người vàng ngọc âm
Biển học bình sanh thẹn ta cạn
Nguồn từ ngày nay tham ông sâu.
Mạnh nhìn Lão cách phải căng mật
Vui nghe Thanh ngôn lại rửa tâm
Xướng nối tạm hay dung nhiều câu
Tràn bồi lương phụ tiếp cao ngâm.

TIẾP VẬN VÂNG HÒA. (Duy Ngộ)

Đèn lửa xanh tàn mây chùa núi
Tiếng vượn kêu dứt âm còn vang
Sọt mai tuyết trắng gió xuân gần
Núi mưa bồn nghiêng khe nước sâu.
Trái vết đời, mến vết chim cao
Kết tâm giao hợp tâm Tùng lão
Đáp ông câu hay không từ mới
Nhọc quẩy ruột thơ suốt bày ngâm.

NGHỈ TẠI CHÙA THIÊN TRÚC, PHÚ NGHE TIẾNG SUỐI TRÌNH HAI LÃO. (Dương Bàn).

Ta có suối trong hứng
Bình sanh mến thủy kinh
Núi lúc không vỡ lỡ
Đêm lắng chuyển lạnh lạnh
Ngầm mạch lại xiết gấp
Tiếng trong ra lẫn mờ
Trăng lạnh gió không vọng
Gối cao cùng ông nghe.

ĐỒNG PHÚ NGHE TIẾNG SUỐI (Khế Tung)

Năm tàn ngủ giữa rừng
Mới nghe huống đêm tạnh
Súc lạnh tỉnh mộng khách
Người ẩn thạch thất thanh.
Ai người hay vì ta
Ghi tiếng đàn này vào?

ĐỒNG PHÚ NGHE TIẾNG SUỐI (Duy Ngộ).

Khe suối nơi tôi ưa
Sơn xá lắng không ồn
Mạch Xuân sanh mây đến
Tiếng đêm lại trước gối
Gió dừng chẳng động tre
Trăng lên vượn chưa hú
Trên đá kêu quá gấp
Lạnh lẽo hồn mộng thanh.

TIỄN ĐƯA CÔNG TẾ VÀ XUNG HỐI XUỐNG NÚI, KIÊM GIẢN DỪNG GHÉ LÝ TƯ VĂN (Khế Tung).

Mấy ngày dạo núi tản tuyết hiếm
Cùng theo Lão quê cũng vong cơ
Vừa thường trong động mây yên nằm
Lại nhớ nhân gian năm cuối năm
Đêm hoa mai rụng khắp đầy đường
Gió ngậm sắc Xuân tự thổi áo
Nhờ ông vì nói đạo Vương Tôn
Âm tín trọn phải gởi chim bay.

TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP. (Dương Bàn)

Cuối năm gió Đông quét thúy vi
Đồng nhìn phương liễu phá xuân cơ
Ba đêm nghe nước đều không mộng
Bốn ngày lên núi chưa chịu về.
Già quê chỉ nhờ mây đưa khách
Người nhà nên cười mưa thấm áo
Thơ ông kiêm giản công tử đẹp
Chỉ sợ đầy nghiêng một đêm bay.

TIẾP VẬN VÂNG HÒA. (Duy Ngộ).

Vời dẫn đồng xanh bên thôn đi
Nhiều ngày núi biếc có nhiều đời
Tiếc đến Vĩnh A-lan-nhã biệt
Trở qua Linh Ẩn vượt đầu về.
Mây núi chứa tuyết mờ đường tiều
Đá nức suối mới vẫy áo khách
Thưa hội chưa do bồi Đế thích
Tâm theo mây chim vào thành bay.

DẠO NÚI VỀ GẶP MƯA TRÌNH TRỌNG LINH, XUNG HỐI
(Dương Bàn).

Chín dặm cửa Tùng lúc tuyết qua
Rèm kiệu điểu điểu ngại cành tùng
Mưa giữ khách đêm lại liệu rớt
Gió tiễn người đi cũng thổi ngã
Hoa bày chợt kinh Hoàng Hạc lại
Trong tai còn vắng tiếng vượn buồn
Sáng mai chớ mang giầy lên núi
Khá lánh mùi ông tạ khách nhi.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP. (Khế Tung)

Nghiêm Duy, Linh Triệt lúc xuống núi
Lánh mưa từng nghe ngại cành cây
Cuối năm sương lạnh nào đủ sợ
Trong ống sắc xuân đã kham thổi.
Gió ngậm chuông ngân ngưng lại tỏa
Nước kết tiếng khe nghẹn lại buồn
Đánh cỏ đồng chơi ông chớ cười
Mới Bình nguyên là chăn Dê non.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Duy Ngộ)

Cao hứng chưa chịu thôi thơ thanh
Bỏ kiệu lại nâng lược cành dẻ
Tùng Bách xanh tươi mưa xuân rửa
Khói mây nhẹ mạnh gió khe thổi.
Tiều về sau núi liền tiếng hát
Nai qua trước khe mất bạn buồn

Chớ nói về nhà chịu vắng vẻ
Đào Tiềm tự có năm (05) trẻ con.

TRONG NÚI NHỚ LẠI LÃO ĐÔNG SƠN (Dương Bàn).

Dạo núi hứng phát riêng tìm ông
Guốc bày gậy trúc quanh bốn phía
Bắc núi nhìn mây quên chế sự
Nam khe nghe nước được trời chân.
Danh cao lặng lẽ còn Tăng sử
Dưới rừng tợ người Tấn phong lưu
Ngày nào Tỳ Bà khổ tranh thục
Tức đi chưa kém Xuân năm rồi.

TIẾP VẬN VÂNG HÒA. (Khế Tung)

Việc ông tiêu dao vào mây loạn
Cùng ông nối gót khắp gần khe
Giữa rừng nghe chim nghe riêng thích
Ngằn khói nhìn núi thấy chẳng chân
Khe nước chỉ hay bận tiễn khách
Hoa đá chẳng mở giữ người lâu
Nhạc trời lại có Long môn ước
Thắng hội nên phải đến đầu xuân.

LIỀN ĐƯỢC CÔNG TẾ XUỐNG NÚI, GIỮA ĐƯỜNG BÀY HAI THIÊN BỈ TƯ KHÔ CẠN VÂNG HÒA CHẲNG RỖI TẠM XIN BÃI XƯỚNG. (Khế Tung)

Thiên thơ để rơi cửa lão quê
Lại được Ngu Khanh ngọc vài cành
Quái tợ giao long ra nước cũ
Thanh như Nhật nguyệt in sông thu.
Tiếp ngâm nào chỉ khoe núi đầm
Biện nhã trọn phải buộc Quốc bang
Vì báo nhà thơ tướng mạnh nói
Tuyết hết thôi xướng tâm đã hàng.

TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP. (Dương Bàn)

Mấy đêm luận thơ ngồi cửa đá
Mến ông trăm bài hay nào bằng.

Dẫn đồng quê hướng lấn trăng lẽ
Não loạn nguồn từ vọt đại giang
Vài trang chợt nhiên đến núi trúc
Ngàn năm còn rọi tỏa Ngô bang
Tương tư chưa khỏi lại lừa lọc
Chờ dựng cờ phan tức dối hàng.

XUỐNG NÚI ĐẾN GIỮA ĐƯỜNG GỬI THIỀN SƯ VĨNH AN.

(Duy Ngộ)

Tùng hàng chưa hết đức xoay đầu
Mưa lạnh bàng đà đã tạm ngưng
Nhìn biển bên gác mây giăng phủ
Chơi Xuân dưới cầu nước đổ tuông
Am núi chợt lìa bàn nói xa
Chùa thành sắp về đầy mặt thẹn
Phải biết biên sách đồng Hộ pháp
Dằng dặc việc người đầy bắt tù.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP. (Khế Tung)

Chợt nhớ trong núi người bạc đầu
Cuối năm đến nhìn tuyết mới tan
Thiên thơ thấy thưởng đều cao hứng
Tạ khách cùng theo chẳng tục phàm.
Đầy có núi mây cúng đêm nằm
Huống không đất ăn đầy buổi thẹn
Mến ông ngâm vịnh rất kham nghe
Âm thanh vàng ngọc thắng sở tù.

CÔNG TẾ VÀ XUNG HỐI XUỐNG NÚI, NGÀY SAU DÂNG GỬI.

(Khế Tung)

Tôn Xước từng theo Chi Tuần chơi
Ngàn năm người bảo hai phong lưu
Tham ông mến đây giẫm guốc gỗ
Kết bạn tới lui chung một gò.
Áo lạnh tuyết sương còn chưa bỏ
Cao hứng mây trăng chịu gom thâu
Mê thơ trọng Đạo đều không sánh
Đáng địch đương thời muôn cửa hầu.

TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP. (Dương Bàn).

Tiếng vượn chưa rơi tiếng chim buồn
Măng mọc hoa nở khe nước trong
Lại đối gió Xuân kinh tiết vật
Đầy nghĩ già quê tựa rừng đồi.
Người xưa đắc đạo lắm sâu ẩn
Hiền giữ biết danh quý sớm gom
Dưới rừng từng qua ông chớ lại
Tự nhìn cốt tướng chẳng Phong hầu.

TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP. (Duy Ngộ).

Ngày nay nghĩ nhớ ngày qua vui
Hai ông nhân hứng tợ đua đòi
Xa tìm hóc sâu đi kéo guốc
Từng đến trong mây nằm gối đồi.
Bờ trúc hoang sơ sáng của loạn
Mai núi rụng rơi hương chiều gom
Hợp nên lại hỏi Lão Đăng Châu
Cùng hẹn cao tài Thẩm ẩn Hầu.

TIẾP VẬN VÂNG HÒA. (Khế Tung)

Nhạc trời đã cùng rộng bày đi
Lại ra phong trần ngoài lưu tục
Rượu Thánh hết tài chẳng hết nỗi
Thơ Tiên đều muốn tiếp gò đồi.
Thiên Chương quá chỗ núi sông động
Bút nghiên lúc rỗi mây mưa gom
Huống có thanh danh đều nhờ lắm
Cùng bay Nam bắc động Vương hầu.

CUỐI NĂM VỀ LẠI TÂY Ổ GỬI CÔNG TẾ VÔ BIỆN (Khế Tung)

Nhân hứng bên khe đi
Nhưng từ dưới rừng về,
Hương mai báo tin xuân
Sắc trời ấm áo người
Tóc bạc nghĩ về xa
Dòng trong gặp lại hiếm
Chim đồng nào hội ý

Cùng nhìn hướng củi bay.

TIẾP VẬN VÂNG HÒA. (Dương Bàn).

Nghe nói Am tây đẹp
Đằng Châu sợ chẳng về
Tùng lâu năm ăn được
Lánh đời áo cỏ thay
Đảo núi tuyết đã tan
Đầu rừng mai cũng hiếm
Còn mến hai lão Thiền
Câu hay đến cửa thành.

TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP. (Biện Nguyên).

Thả bộ dòng khe lắng
Nguồn sâu hứng chưa về
Chim chiều đậu trúc tuyết
Tuyết tàn rưới áo Thiền.
Buông ý bờ trời xa
Cuồng ngâm người lạc hiếm
Thơ thành gởi bạn tôi
Khí trong động cửa rừng.

TIẾP VẬN VÂNG HÒA. (Duy Ngộ)

Tóc bạc Lão Đông sơn
Rừng xanh núi Tây về
Chim chiều đậu trúc tuyết
Sương tàn rưới thiền y
Tài cao luận khó địch
Riêng theo đi cũng hiếm
Thẹn ông gởi tiều phu
Câu hay ra cửa núi.

GỬI THIỀN SƯ ĐÔNG SƠN. (Dương Bàn)

Trăng cao nằm rừng Tây
Nhàn lẽ riêng thấy ông
Gậy lê dò khe nước
Thực gối nhìn núi mây
Nai qua người nào thấy

Vượn hú chỉ tự nghe
Thiên chương biết mấy bài
Gởi tôi chẳng từ cần.

TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP. (Khế Tung)

Chợt nhiên ẩn dưới rừng
Đạo tôi khác phu quân
Tập nhẫn như cỏ ngầm
Quán thân tợ áng mây
Tình người không ý nhiễm
Hạc khóc có lúc nghe
Tạ khách thơ nhớ gởi
Mến ông hứng cần đây.

Dương Bàn đem tuyết vọt lên lầu vàng, xa trông về phía Tây núi nhớ Trọng Linh, sợ hãi chợt có phong xa vời thế sự, nhân nghĩa Vương Huy ở Sơn Âm trong đêm tuyết riêng chước, tứ vọng Kiểu Nhiên, bồi hồi vịnh thơ Vưu Thái Xung Chiêu Ẩn, chợt nhớ Đài Quý đi thuyền con cảm hứng. Tôi hận chưa được đến, tạm gởi bài thơ này.

Nhà ở Tây Hồ mây trên đảo
Tuyết sáng sắc nguyệt lại xâm hồn
Hứng đến cháy tràn gieo không lão
Thơ nghỉ mênh mông mắt chánh mờ.
Nước Tấn áo mão tìm xứ nào
Lương triều Điện các nghiễm nhiên còn
Nghĩ ông chẳng kịp sơn âm tối
Xa trông tùng biếc nghe vượn kêu.

TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP (Khế Tung)

Sắc mờ rừng rậm tuyết lẫn mây
Người xưa ở đây động ngâm hồn
Khói ngưng lửa lạnh muôn nhà lắng
Sắc nước cảnh núi trọn đêm mờ.
Hứng phát Tấn Hiền xưa trước xa
Thơ truyền chùa vắng gần nay còn
Xuân về hang hốc lắm cây đẹp
Đồng muốn lay ông nghe vượn kêu.

GỬI KHUYÊN XUNG HỐI CHÓNG HÒA CHUYẾT THẬP.

Xung Hối tài thơ Tăng lẫn Nho
Rất mến chờ ngươi trẻ áo bào
Ngàn bài cảm hứng không ai địch
Ba mươi năm công cách rất cao
Tóc bạc liền xuân nay càng mạnh
Thanh ngâm suốt lão nào chối lao
Mai nào mới chịu mang châu ngọc
Tức báo Tiên nhân kéo cây đào.

TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP. (Duy Ngộ)

Cửa Đổ ai lại nhớ bọn tôi
Già sợ xuân lạnh quấn áo bào
Biếng dối xưa nay nhọc tự cười
Xướng đáp nay lại sợ ông cao.
Từng không Đạo Dự ồn ào tỏa
Nhàm nắm Mật tỳ khổ khổ lao
Câu hay chợt lại thúc câu thực
Như đem quả túc bức Tiên Đào.

NĂM MỚI MƯA SUỐT KHÔNG NGƯNG, GỬI CÔNG HỐI, KIÊN GIẢN VÀ HIỀN LỆNH CƯỜNG CÔNG. (Khế Tung)

Giao lạnh vừa mừng hoa năm mới
Cảnh vật râm râm lại một tuần
Mây đeo trời cúi rủ ruộng đồng
Mưa chứa ngày Xuân tối mê người.
Sao buồn đèn lửa phòng trăng sáng
Liền gọi nhà thơ tiếc lệnh thần
Đào lệnh mà nay nằm sông nước
Tựa lầu ngâm ngóng lại ai thân.

TIẾP VẬN HÒA ĐÁP (Dương Bàn)

Cửa Đổ nhàm nghe tiếng mưa hoài
Vì tiếc gió xuân chỉ chín tuần
Ôm đánh hoa núi sắp buông Hạnh
Lần tìm năm tháng người đã qua.
Lúc nào vui thích đến Nam giản
Mỗi đêm không tới ngóng Bắc thần

Ngồi buồn bởi không xe ngựa khách
Riêng thương thơ bútt mạn tương thân.

TRỘM THẤY THƠ MƯA LÂU CỦA TRỌNG LINH LẠI NÓI Ý TÔI VÀ CÔNG TẾ NGÂM THEO, LIỀN TIẾP VẬN VÂNG HÒA. (Chí).

Thơ hứng kéo lôi ngày ngày mới
Đầu năm mới phá mưa hơn tuần
Xưa đạo đã được công bộ mới
Câu hay nay gặp Hưu thượng nhân.
Ngoài mây rong tâm liền nước đá.
Bên sông lay đầu ngắm trời sao
Bùn sâu chưa mến tìm guốc núi
Ai cùng Tây am gậy giầy thân.

LẠI TIẾP NGUYÊN VẬN. (Chí).

Ngâm nghĩ nào hay năm tháng mới
Vừa oanh hót mưa sớm hơn tuần
Đẹp xinh tre đồng thông nước lạnh
Tẩy rửa mai sông lạnh chiếu người.
Thứu lãnh đều chơi nhọc mộng ngủ
Hổ Khê một cười còn đến tham
Ngàn vàng chữ tục hình cuối thiên
Vết chưa tương đồng ý đã thân.

LẠI TIẾP VẬN DÂNG GỬI CƯỜNG LỆNH (Khế Tung)

Chầm chầm năm trôi năm lịch mới
Tháng hai ngày Xuân chưa đầy tuần
Làm sao muôn dặm mây xanh sĩ
Lại hỏi Song Phong tóc bạc người
Thơ nghĩ nhã kinh ngậm lão cách
Phong Thần thanh sảng tiếc phương thần
Huống nghe Ngạo lệnh Đào Nguyên Lượng
Cuối năm phải lại cùng ta thân.

LẠI TIẾP VẬN VÂNG ĐÁP. (Chí)

Ngàn năm mấy việc thảy mới thay
Muốn gửi trước đi đầy quá tuần

Mưa dãi mây đen ngăn khách tục
Vượn hú chim bay bạn ẩn người.
Thong dong kịch luận biết ngày nào
Đều khơi thiên đẹp ổn lúc này
Bốn biển tiếng sáng chẳng Tạc Xỷ
Đạo An danh trọng như là thân.

■

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

QUYỂN 19

PHỤ LỤC TRƯỚC THUẬT CỦA CÁC SƯ

LỜI TỰA

(Thích Hoài Ngộ biên thuật)

Xưa kia, Bồ-tát Hiền Thủ ở trong hội Hoa Nghiêm dùng kệ tụng để đáp Đại sĩ Văn Thù, tán thán Bồ-tát hay chỉ bày đồng thế gian rằng: "Nhã tư uyên tài là vua trong văn từ, ca múa đàm nói là điểm vui thích của Đại chúng". Tin ở văn đó hay hiển bày Đạo tế vật, đâu riêng ở nay ấy ư? Từ xa xưa ở đời chư Phật trong các phương không đâu chẳng vậy.

Mới đầu, lúc thiếu thời, tôi rão khắp các Tùng lâm ở bốn phương, phỏng tìm thầy bạn, chuyên Đạo cầu học. Vì có học đòi chí ý của các bậc Cao Tăng thời xưa trước chẳng ngại ngàn dặm cầu thầy. Ở trong mọi người đông đúc, trầm lắng tự khuyên răn ý khí đó. Như Thượng tướng Quân mang ý muốn dựng xây nước nhà, trước tiên phải xa địch quốc mà vừa đánh vừa làm, chẳng màng việc ăn ngủ.

Nghe chỗ gọi là văn cao, hạnh vượt, Đạo lớn, thức xa của Thiền sư Minh Giáo ở Đông Sơn, thấy gặp văn họa do người trứ thuật, không gì tôi chẳng ghi lục gom thâu cất giữ đó. Lúc đến núi Linh Ẩn ở Tiền Đường, thì có được "Hành Nghiệp Ký" của Đại sư do Trần lệnh cử ở Gia Hòa soạn thuật khắc ghi trên đá. Cuối bài đó ghi rằng: "Sư, từ Định Tổ đồ trở xuống thì gọi đó là "Trị Bình tập", lại còn có "Gia Hựu tập", tổng cộng hơn sáu mươi vạn từ, mà người cháu ngoại của Đại sư là Sa-môn Pháp Trừng khắc ghi kính phụng cất giữ để làm tin cho đời sau tiếp thừa mở rộng bản đó. Trừ "Chánh Tông Ký" và "Phụ Giáo Thiên" đã nhập tạng, ngoài ra đều còn ở cất giữ ở trong các thất của chư tăng tại Cô tàng Ngô sơn".

Tôi cố sai bảo người đến núi đó nơi có chư Tăng ở để tìm hỏi mà

vắng vẻ, không biết đó tại đâu, luôn chỗ nhờ cậy chẳng có được người đó, mất chỗ gìn giữ cất chứa, mà người làm việc khéo giỏi lại chuyển dời đến ở nơi khác!

Đầu niên hiệu Đại Quán (1107) thời Bắc Tống, tôi đang ở nơi thất Từ Hàng của Nghi chân Trường lô, đang ở trong chúng đông, có được Sa-môn Cảnh Thuần thượng nhân ở Hồ Nam một ngày nọ vào thất tôi, đặt một tập lớn trên chiếu mà nói: "Đây là Toàn Tập của Đại lão Khế Tung, mà tôi đã kín cất giữ bấy lâu, nay nghe Sư tha thiết kính mộ Di văn đó, nên tôi xin dâng tặng sư". Tôi được đó mà vừa kinh sợ vừa vui mừng, nghĩ đó là chỗ trời cùng biết mà trao cho tôi vậy ư? Như có được vật báu trân quý vô cùng vậy!

Trong đó, từ Hoàng Cực, Trung Dung mà trở xuống cả thảy gồm hơn năm mươi luận, cùng với Thư, Khải, Ký, Biện, Thuật, Minh, Tán, Võ Lâm Sơn Chí, các tạp trước... ước có hơn mười sáu vạn ngôn từ, đều là những thứ ngày trước nghe tên mà chưa kịp thấy đó. Tuy văn lý ít có sai lầm, đều so sánh tuyển luyện thuyên thứ, hầu như mới đầu thành tập, hẳn khả quan vậy. Lại mong muốn bản khéo so sánh rõ thì chẳng do đâu có được. Sau đó, tôi lại gặp Chu Cách Phi ra trấn thú Kiền Châu trở về và có được tập văn "Phi Hàn", cả thảy gồm ba mươi bài, hơn ba vạn ngôn từ. Vì lại gặp phải binh lửa mà tản mất, bèn chưa thể đúc kết tập đó. Gần đây lại được Bản đó ở Đông Lam Ngạn Thượng nhân tại Ngự Khê, mới cùng đem bản khác ngày trước tôi có được ở Khuông Sơn mà so sánh đó. Văn tự rất thô suất sai lầm, mới dùng Hàn văn chỉnh lý mà chánh đó. Nhưng các thứ của Đại sư trước thuật không được lưu truyền đó mà rơi lạc lắm nhiều vậy. Như "Khúc Ký Hành Trạng Pháp sư Từ Vân ở Thiên Trúc", "Bia chí của hai Đại sư Xiêm, Cần ở Trường Thủy", "Thuật xá-lợi Hành Đạo", "Bia văn Đạo giả Xiêm ở Khuông Sơn", "Lời tựa Định Tổ Đồ", đều do tôi tự thấy được ở bản đá, bèn khắc bảng mà lưu truyền đó. Nay gom tất cả để nhập tạng "Chánh Tông Ký Định tổ Đồ" cùng với Văn Tập này... hợp tính đó, mới được hơn ba mươi vạn ngôn từ, ngoài ra thì tuyệt nhiên không nghe thấy vậy. Như nay nêu cử điểm biên ghi cho là có hơn sáu mươi vạn ngôn từ thì đã mất một nữa vậy. Than ôi! Tiếc thay.

Nay đem "Hạnh Nghiệp Ký" do Trần lệnh cử soạn thuật làm quyển đầu, quý ở thấy được vết tích thế hệ nối dõi Tổ tông, xuất thế đi ở của Đại sư, và phong thái tiết tháo kỳ đặc đạo hạnh vĩ đại, Đạo cáo đức thắng xa vượt nơi đời của Đại sư vậy. Lại tiếp thêm "Sách phụ giáo" gồm ba phần thượng trung hạ làm ba quyển trước. Vì văn từ

do Đại sư trứ thuật, chí ở thông hội Nho Thích để dẫn dụ các hàng Sĩ phu, soi gốc biết tâm cùng Lý thấy Tánh, mà vắng bặt tiếng ganh ghét phỉ báng phải quấy. Lại đem "Luận Chân Đế Vô Thánh" nhiếp ở sau "Sách Phụ giáo" và "Tán thán Đàn kinh", để nêu bày chí của Đại sư chuyên ở việc hoằng tán Đạo thắng diệu u viễn sâu rộng của Phật, bậc Đại Thánh nhân Vô thượng của chúng tôi không ở nơi văn tự ngữ ngôn. Đó chỗ gọi là yếu chỉ của "Truyền riêng ngoài giáo", mới thấy ở việc làm đó vậy. Nên cuối văn tán thán đó nói là: "Nêu bày pháp chẳng phải văn tự, nên tông của Bậc Chí Nhân chuộng ở mặc truyền vậy". Lại nói: "Thánh nhân như xuân đào mà phát đó vậy. Chí nhân như Thu rưới rưới mà thành đó vậy". Đó có nghĩa là trọn kết quy về tịch mặc vậy. Nên ở "Chân đế vô Thánh luận" đúc kết rằng: "Phàm, tri giác của Thánh nhân là ảnh hưởng của Chân Đế, là phan duyên của vọng tâm vậy". Nhưng người học có chí ở ngoài văn tự xem có hai thuyết đó, đâu chẳng ít cảnh răn ở trong ư?

Và, "Phụ giáo tập" đó với bản cũ đã trải qua nhiều lần khắc bản, nên tuy thạnh lưu truyền ở đời, mà văn nghĩa sai thoát ước có hơn sáu mươi điểm, nay đều dùng kinh sách khảo xét mà chánh đó. Người xem có thể lấy bảng cũ mà tham đọc đó thì sơ suất sai lầm đó có thể xét rõ vậy. Nay từ "Luận Nguyên" xuống đến các bài "Tán Từ", ước làm mười hai quyển, tiếp theo trước thành mười lăm quyển. Xưa trước đề tên đó là "Gia Hựu Tập". Còn văn "Phi Hàn" xưa trước phân làm ba mươi chương, nay ước làm ba quyển, tiếp theo trước thành mười tám quyển. Lại đem các bài "Thơ cổ luật", và "Du sơn xướng hòa" gồm một trăm hai mươi bốn bài, phân làm hai quyển. Tổng cộng thành hai mươi quyển. Và đặt tựa đề là "Đàm Tân Văn Tập", để nêu bày chẳng quên bản đó vậy.

Nhưng, Đại sư thường tự nói là: "Nhân sanh ở thế gian, nhàn là Đệ nhất". Bởi đó tự được thú ở trong nhàn, nên các Thơ của Đại sư làm, tuy chẳng lắm phong nồng hoa lệ, mà phong điệu đó cao cổ nhã đàm. Đến như biên tả đó, chí buông nhớ, có phong thái xa vượt đời lướt cao mây, cũng có thể tưởng thấy được người đó vậy. Đọc xem thư của Đại sư gửi cho Nguyệt Công Hối, tự nói: "Chí tôi ở tại Nguyên giáo" mà hành ở "Hiếu luận". Tôi xét rõ thư đó, thì công ở "Nguyên giáo", Phi Hàn", hành ở "Thư Tăng Hiếu luận", đức ở "Chí thượng Viễn Công", mà hiển bày văn ở Ảnh đường nói ở "Tán thán Đàn kinh" và "Luận Chân Đế vô thánh". Văn đó cao trội thắng xa tuyệt vượt xưa nay thì thấy ở "Võ lâm sơn chí". Nên ở lời bạt sau đó nói: "Nhân phong tục núi

sông đó ưu thắng, muốn ném vất tài lực đó để gom thâu cảnh thú đó vậy, mới làm Võ lâm sơn chí". Nhưng tìm cầu người biết ngôn xét âm ở đời, cũng chẳng khó người đó ư? Đại sư tự mong sách đó đến bái yết Thiên Tử Tể, Tướng trở xuống.

Phàm chỗ thấy thì chỉ để Chánh "Tông Ký", "Sách Phụ giáo" mà đến đó. Đến như Văn Trung Công thì đặc biệt biếu tặng tập "Võ lâm sơn chí" mới biên soạn đó vậy. Than ôi! Văn Trung Công cho rằng "Văn chương như vàng tinh ngọc đẹp ở chợ hẳn có định giá, chẳng phải người có thể tạm dùng miệng lưỡi mà khinh trọng đó vậy". Đó lại đọc "Tồ lại tập" nói: "Đợi lửa phỉ báng kia ngấm tắt, mà phóng huyền sáng nhọn đó vậy. Nhân sanh trong một đời, dài ngắn không quá trăm năm. Không cùng ở sau đó, muôn đời ở trước đó, được dài lắm là bao nhiêu ư? Được ngắn chưa đủ xót thương, chỉ có kia không thể mục nát. Danh thanh văn hạnh ấy, dèm pha hư dối, chẳng phải biện rành cũng chỉ trong thời gian trăm năm. Trăm năm sau, người đến ghét thương chẳng cùng duyên". Công bàn nghị sau đó ra, tự nhiên thấy gian xấu.

Nên trong khoảng niên hiệu Khánh Lịch (1041-1049) thời Bắc Tống, Đại sư mới dùng văn xướng Đạo trong thiên hạ. Nhưng đang thời đó, bọn sùng Nho bó buộc giáo, mũi nhọn của phải quấy, lửa dữ của phỉ báng mà lý rối ren. Đại sư trọn dùng Đạo đó tỏa phát mà trứ thuật đó, làm cao văn chí luận, nhân phong mà diệt khinh lờn đó như vậy. Nên người học đời sau, có nghe phong thái đó chuyên việc Đạo đó mà trông nhìn văn đó, như thoát mờ tối đến trông ngóng Bắc thần, ngưỡng kính chiêu hồi vậy. Nhưng đó, hãy đem văn chương qua một đời của Đại sư, khôi phục hoằng dương hỗ giúp tán thán Đạo giáo của đức Như Lai chí Thánh của chúng tôi giẫm trải qua người đời mà ấy vậy. Nếu họ tự trải qua tích chứa tháo thủ thì ánh ngời như châu sáng sắc ngọc tinh nhật hoa nguyệt mà chẳng đủ để sánh với ấm đượm cao khiết sáng sạch đó vậy. Nên Trần Lịch Cử biên ghi trong Hạnh nghiệp của Đại sư, nói: "Đại sư sở dĩ tự đắc mà vui ở chính mình là bởi chẳng cùng ở trung gian đó. Tuy vì Hộ pháp mà gặp nạn, nhưng chỗ đó gọi là châu sáng sắc ngọc tinh nhật hoa nguyệt là đời tuy thấy đó, có các hoạn khói mây nước lửa cháy chìm tệ khuyết mà sắc sáng tinh hoa đó hẳn ánh ngời như vậy". Nên Đại sư tự mang sách đó theo hướng Tây đến dâng hiến Thiên Tử. Sự việc hoàn tất, sắp trở lại hướng Đông về núi rừng, mà Thiền Sư Liên - Đại Giác phú vịnh bài "Mây trắng" để nêu dẫn hạnh của Đại sư, nói là:

"Mây trắng nhân gian lại

Chẳng nhuốm sắc bụi bay
Xa rực sáng thái dương
Muôn trạng tình nào cùng
Than ôi! Khinh béo tốt
Thấy phỏng rủ cánh trời
Đồ Nam thật có cơ
Đi đang sáu tháng dứt
Sao biết sắc dẫy đầy
Vô tâm mặc tôi thích,
Chữ trời nào có xa
Buông cuộn chẳng hưu dấu".

Nhưng mà phong thái nghi mạo thanh dung của Đại sư, chỗ sở dĩ xuất hiện đó, đoán có thể thấy được vậy.

Ngày mồng mười tháng chín năm Giáp Dần (1134), niên hiệu Thiệu Hưng thứ tư thời NamTống. Biên ghi tại hiên phía bắc Thảo đường ở Đông giao - Ngự Khê.

LẠI TIẾP LỜI TỰA

Đại sư từ Đông Sơn đến, mới đầu dừng ở chẳng cố định. Về sau, đến ở núi Phật Nhật tại Dư Hàng, lui dưỡng lão tại Tinh xá Vĩnh An - Linh Phong, im lặng bày vết tích đó. Tuy hoặc nơi ra vào không nhất định, nhưng Đạo của Đại sư giẫm trải qua cao diệu sâu xa, mà người học cuối đường khí thức cạn gần không thể hiểu ngộ. Và, Đại sư trọn cũng chẳng chịu thấp ít vận đó để vỗ về theo có họ. Nhân đó mà than rằng: "Tôi sao có thể đục khoét tròn để thành cán vuông ư? Nghe các bậc Hiền Thánh chỗ gọi là Đắc chí thì hành Đạo đó, không thì hành ngôn từ đó mà thôi. Hành của ngôn từ còn đủ làm pháp cho cả muôn đời, khiến người học đời sau trong thiên hạ có thức độ tu sáng lánh xa tà kiến mà đi trên đường chánh, thì sao hẳn nhắm thẳng mà trao đó, bảo đó theo mình mà ra ư?"

Nhân đó, Đại sư bít cửa biên thuật sách để khảo chánh vết tích của Tổ Tông sở dĩ lại đó, làm thành mười hai quyển, và "Sách phụ giáo" gồm ba quyển. Lại khắc "Định Tổ Đồ" một mặt. Sách hoàn thành, mang đến Kinh đô, nhờ Nội Hàn Vương Công Tố hiến dâng lên Hoàng Đế Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-1064) thời Bắc Tống, lại ghi thư để trên đó. Hoàng Đế đọc sách đó, cho là Bậc chí Thần hẳn vì Đạo chẳng vì danh, vì pháp chẳng vì thân, tán thán mến thích thời gian lâu, biểu dương nêu bày hai chữ "Minh Giáo" để phong hiệu cho Đại sư, và ban

sắc sách đó đem nhập Tạng.

Lúc sách đã đưa đến Trung Thư, Ngụy Quốc Hàn Công Kỳ đọc xem đó rồi chỉ bày cùng Âu Dương Văn Trung Công. Tu Công cho là văn chương tự có đủ khả năng làm bậc thầy tiêu biểu của thiên hạ. Lại vì Hộ Tông (?) chẳng ưa thích giáo của chúng tôi, nên khi đọc xem văn đó mới nói cùng ngụy công rằng: "Không để ý trong chúng tăng lại có người như vậy. Hôm sau đáng nên một lần nhận biết đó!" Nghe thế, Đại sư nhân đến cùng ra mắt đó. Văn Trung cùng Đại sư trò chuyện trọn ngày, bèn rất khen thưởng sở học của Đại sư đủ giúp Đạo sáng tỏa. Từ đó, tiếng tăm đức hạnh của Đại sư vang tỏa khắp hoàn vũ. Sự việc hoàn tất, Đại sư bèn mua thuyền trở về lại phương Đông trọn tuổi già ở chốn núi rừng.

Đại sư tuy đối với kinh sách nội ngoại xưa nay, không gì chẳng xem học. Đến như các sách do Đại sư biên thuật, là rộng làm sáng tỏ Đạo Hoàng Cực, Trung Dung của ngoại giáo, chước lược an nguy trị loạn, quyền hành Hình danh thưởng phạt của Vương Bá, mà trọn dẫn dắt đó kết quy về Đạo vô vi tịch mặc. Đương thời người nghe ít thấy đó sánh vai vậy. Mà Đại sư khổ dùng Nội giáo tự hành luật thân mình, đoan nghiêm dùng kiêm tố thành đức làm cứ địa ở dừng, mà mến mộ cung cách làm người của Sa-môn Huệ Ước ở thời nhà Lương vậy. Đó tích chứa chí Đạo sâu kín, nhưng điều học đó so với việc làm đó mà chưa thấy ít sai vậy. Biên thuật văn sách thì bao trùm các Sĩ Đại phu ở đương thời. Vì hạng người chẳng đoái hoài danh thật mà phải ở mình quấy ở người (nghĩa là vì Nho mà hiềm ghét Phật), mới làm "Sách Phụ giáo". Vì người học mất hiếu trái nghĩa, theo dưỡng điều họ muốn, mới làm "Hiếu luận". Vì người dệt theo trang sức từ chương mà không biết gốc Đạo, mới làm "Tán thán Đàn Kinh". Vì người cẩu thả dung hợp tự khinh mà chẳng dùng Đức tự kính thượng, mới làm "Đề văn ở Ảnh Đường Viễn Công". Vì chí chỗ mến mộ đó, nhân vì phong hóa xa xỷ của mạt tục, mới làm "Đề tựa Sơn tỳ Đường". Nhàn cảnh thắng của phong tục núi sông, muốn ném bỏ tài sức để gom cảnh thú đó, mới làm "Võ lâm sơn chí".

Đại sư thấu suốt ngằn mé xuất xứ của Thánh Hiền, uyên nguyên của tánh mạng Đạo đức, Điển nhã rõ ràng chân chánh, mênh mông sâu rộng, rất là Bác Thiệm (Rộng đủ), gọi chung đó là "Luận Nguyên". Còn như Thư, Thi, Tự, Tán, Ký, Truyện, Biểu, Khải, Minh, Chí, Đề, Thuật, Bình, Biện... của Đại sư, phải phải quấy quấy, chỗ gọi là Hào mang của Thái sơn. Đến sau khi Đại sư thị tịch ở Hồ Nam, mà thiêu đốt,

có sáu vật không rã hoại, thiên hạ nghe phong đó mà không ai chẳng xoay đầu về Đông Sơn mà nghĩ tưởng dài.

Than ôi! Đại sư như mây tỏa chim bay ở giữa khoảng đất trời. Thấy Tôn quý của muôn thừa, thế đó xa tít của đất trời vậy, nhìn Vương Công quý nhân khác với mây bùn vậy. Một sớm may đem sách biên thuật đó hiến dâng lên Thiên Tử. Thiên Tử lấy làm đổi sắc mặc, thiên hạ tự nhiên ảnh hưởng phong, mà khiến đó là Tông là Tổ, Diệu Đạo vô thượng của Phật chúng tôi sáng tỏ đến muôn đời, mà cuối cùng đáp lại chí ôm Đạo phụ giáo đó, chẳng phải công hiệu của tự tin tu thành đó ư? Người học về sau đọc sách đó hẳn có ôm quyển mà ba lần than đó vậy! Than ôi!

Đạo hạnh, Đức độ, tiếng tăm, vinh dự của Đại sư đã vượt xa, nên các người học đời sau, hoặc đương thời đang tại vị, đều tán thán là Nhân chủ sư biểu ở trong thiên hạ, và đời sau đều kính ngưỡng mà mến mộ đó, như mây trời muôn sao vậy. Cho nên có người tìm Di Phong, tưởng nghĩ vết xa, chiêm ngưỡng đọc tụng xưng tán không thôi, có như:

- Phú vịnh ca dao “Mây trắng” của Thiền sư Liên - Đại Giác ở Tịnh Nhân tiễn đưa Đại sư - (như biên ghi trước).

- “Thơ đảnh lễ tháp cốt của Đại sư” của Sa-môn Huệ Hồng - Giác Phạm ở Thạch môn - Giang Tây.

- “Cổ thơ kinh điếu Đại sư” của Sa-môn Thủ Đoan - Nhiên Giới ở núi Lăng già - Nam Hải.

- “Thơ Tán thán xa kính mộ Đại sư”của Thiền sư Tu Tĩnh - người Tây Thục ở núi Thiên trụ - Long Thư.

- “Hai Thiếp viết tay tán thán Đại sư” của Thiền sư Duy Thanh Linh Nguyên.

Nay đều biên ghi vào đây, hoặc rõ ràng hoặc đơn lược, để đầy đủ nghiên tầm đọc xem, mà phát chí ý tiết tháo của người học Phật ở đời sau vậy. Phú vịnh ca dao “Mây Trắng” của Thiền sư Liên - Đại Giác ở Tịnh Nhân đã thấy trong lời “Hậu Tự” ở trên, nên đây không phiền ghi lục lại nữa.

(Nay đã lấy bài ký của Trần Lệnh cử biên thuật làm lời tựa đầu. Xưa trước có một lời tựa, không ghi tên người biên thuật, chẳng biết do người nào làm nên. Hoặc có người nói là Oánh - Đạo ôn đọc xem đó văn vẽ mỹ lệ, mà gần đây có tợ như những người khác không thể làm đó. Và trung gian thuật nguyên do làm văn đó mà chẳng kham lưu loại, chẳng khỏi tùy làm, nên gom tập chánh đó, nhưng y như cũ để biên ghi ở cuối tập).

THƠ LỄ THÁP THIỀN SƯ KHẾ TUNG.

(Sa-môn Thích Huệ Hồng ở Thạch môn thuật).

Đạo tôi sánh Khổng Tử
Như tay và nắm tay
Nắm buông nên có khác
Cốt yếu tay thì vậy.
Đời sau khổ lấn lướt
Giảng tập mất uyên nguyên
Ông nhìn người gieo vết
Rối ren như cuồng điên.
Hàn Tử cũng áo Nho
Cứng cỏi xưng là Hiền
Cậy lấn làm lời dối
Đến chết chẳng đổi chừa.
Đời sau bọn học Hàn
Những trường còn khá thương
Theo Danh chẳng tự tin
Chạy đuổi khéo ngôn từ
Dối bày đầu Hoàng Hựu (1)
Bay tiếng đấu ồn đầy
Chư tăng động thành đoàn
Giận ung không tự cao
Thiếu đầu chẳng rảnh dứt
Ngồi cao như khỉ xổn.
Đường Đường Đông sơn Công
Tài lớn đức cũng toàn
Răng ngà sanh gió sấm
Bút trận đầy mác vụn
Ẩn ở trên Hồ Hải
Trường canh giăng hiểu trời
Làm sách bày mạnh mẻ
Khu chống chẳng dám trước
Đàn tư tuy tỏ kính
Đoán luận đã chẳng chuyên
Sách thành tấu Thiên Tử
Một ngày muôn miệng truyền
Được khiến Sĩ thiên hạ
Muốn thấy than không duyên.

Công thành về trong núi
Cười nói đáp khói mây.
Tôi đến không kịp thấy
Núi nước tự sáng đẹp
Vào cửa vắng không tiếng
Trúc tre phủ đầy hiên
Trọn nhớ dáng tự nhiên
Cốt mắt cao thanh cứng.
Dẫn tôi chỉ tháp đá
Cỏ gai đỉnh bắc phong
Kính bái chẳng nhẫn đi
Nghe đây quanh khe suối
Thở than trong mạt vận
Đâu lại người ấy vậy
Văn chương cũng việc nhỏ
Thanh khổ chẳng chỗ tiện.
Chỉ mến chỗ công giữ
Xa vỗ vai Chư Tổ
Chầm chậm ngâm thơ công
Thời lặn đầy sông tạnh
Nguyện giữ bẻ khóa chân
Kết am phía Tây suối
Thời gian che tùng cối
Đến đây quét gạch đổ.

THƠ VIẾNG ĐIẾU THIỀN SƯ KHẾ TUNG.

(Sa-môn Thích Thủ Đoan ở núi Lăng già thuật).

Ngày mười sáu tháng mười một năm Tân Tỵ (1011) thuộc niên hiệu Kiến Trung Tỉnh Quốc (1101-1102) thời Bắc Tống, tôi mang "Viễn Công văn tập" từ Lô Sơn mà đến hướng Đông, muốn vào Tiền Đường để lưu bố cùng thiên hạ, mới riêng đến sau Tinh xá Vĩnh An - nơi ở xưa cũ của Đại sư. Trên đảnh núi tuyết phủ sương giăng, gai cỏ um tùm, tôi đến trước tháp nhỏ nơi tôn trí năm thứ xá-lợi lúc trà tỳ không cháy hoại, cung kính dâng bày hương thơm trà đèn... đảnh lễ để cúng dường vậy. Nhân đó, nhân nảy sinh tư tưởng quê kệch mà làm thơ cổ ngũ ngôn gần trăm vận, quỳ dài ngay thẳng tưởng thành thật trăm tâm đó, sáng rỡ như có đối diện. Bèn làm theo điệu Nam âm, cúi đầu đọc rõ đó, ngõ hầu không quên bản đó mà hãy làm men theo chí thành mến mộ kính

thương đó. Lúc bình sanh, Đại sư có lời thơ rằng: "Khác quê phong tục khách chẳng ghét, chỉ muốn Nam âm lại bên tai". Tôi liền cùng dùng giằng động tây giao triệt rất lấy làm kín gần. Đại sư thị tịch lúc mùa Hạ năm Hy Ninh thứ năm (1072) thời Bắc Tống, khi ấy tôi mới tám tuổi, đó thật là tủi nhục sanh muộn trong quê hương của Đại sư. Điều làm Nam âm, không được không như vậy, tạm chẳng lìa chánh thọ, ngõ hầu chọn lựa đó vậy.

Giác Thành lại chẳng Hoàng
Tuệ Nhật sách có thực
Nếu biết sĩ vô minh
Sao để cứu gốc nghiêng.
Xa chỉ Sư Đông Sơn
Giáng linh từ Đức trời
Bày lớn yên thêm đến
Phấn thân như Bồ bặc.
Pháp tôi nghiêng không lưới
Xanh vàng chẳng lường đó.
Đung đúc phỉ báng Phật
Nham nham đợi ông nghiêng.
Vừa tiết tháo quyền hành
Kiêm lãnh chức từ bút,
Dẫn ý chuyên phẩm tảo
Lắm hình ở vùng ven
Đường Thư dự chỉnh tu
Hàn ngữ bày thêm vẻ
Trộm tự sách Khâu, Kha
Chống ta hơn Dương Mặc
Tiếc kia thuật chí ngôn
Tằng rành thông Hoàng cực
Phế Đạo chuyên dùng người
Dối ác bày sức lực
Hầm đốt hẳn có đãi
Chặt vót đâu dung khắc
Ngu tục đầu dễ khinh
Thánh chúa cuối khó hoặc.
Đương thời bạn Thiền giảng
Động loại trăm ngàn ức
Riêng ai dám cành ngô

Không tay đợi huy buộc.
Chỉ sư mạnh mẻ làm
Cảm giận hình ở Sắc
Một lời thoa can đảm
Muôn quyển bày nỗi lòng.
Người quyền tước thóa bỏ
Thầm nhẹ chống lòng được
Cựa quậy than Đồng nhân
Chầm chậm từ nước Nam
Qua Sở đi đến Ngô
Trăm Thành mến tri thức
Rồng nghĩa gặp mây trời
Hổ Thiền sừng thêm cánh
Diệt lau Tây Linh phong
Phá gian Bắc Tiên Nguyên.
Viết sách học Long mãnh
Hộ pháp ngay Chưởng Ty,
Chánh Tông thuật chiêu mục
Nguyên giáo biện tức ly,

(Nghĩa là Nho giáo và Thích giáo tuy khác nhưng đều cùng nhờ nhau mà hóa vật vậy).

Núi bút xa dài lớn
Biển từ đầy nước gội
Phân Ba như sáng tỏa
Hoằng Lệ chuộng Điển thật.
Tượng Oa bù cao lớn
Sánh Vũ dẫn rạch ngòi
Động hoặc mấy trăm quyển
Kinh đời làm mẫu mực
Văn đó Hùng ngàn xưa
Nghĩa đó đặc muôn phu,
Cứ Lý theo chỗ đến
Xử đánh không chỗ khắc.
Hoàng tôi gặp Đường Ngu
Tướng tôi gặp Vũ Tắc
Ôm sách đến Tây dâng
Nhân thời mở hung bít
Mừng xem Điện minh quang

Vỗ nghĩ thêm than thở
Thưởng buộc bày tài đó
Chừa làm khuôn thiên hạ
Gọi thường săn anh tuấn
Chợt đây bỏ cung bắn
Nhỏ lánh vị Tam Công
Cao cậy thức Tứ y.
Tuệ nhật mờ lại sáng
Kinh Thiền loạn lại phong.
Rừng trí lâu nên tốt
Ruộng phước rộng phải gieo.
Tin lớn quá heo cá
Chí nhân khắp Động thực.
Lương đáng bày các kho
Từ đó tuân sắc chỉ
(Lượt bớt năm vận)
Chương bay loại chiếu cuốn
Giăng bày đồng soi sét
Cối hạng nào bù bếp
Cây miệng khóa khoang im
Mới biết mạnh lăng ông

(tức tên Lý của Đại sư, vì ở đó có nhiều nam tử Di mạnh Lăng), Nguyên thệ không sót ngầm.

Kim Thang nghĩa khư khư
Kinh vị tình trong suốt.
(Lược bớt hai vận)
Thế rồi nói về Đông
Mộng hồ sơn lại nhớ
Bày cửa biếc đáng nhiễm
Ngay cửa xinh nên dệt
Phong còn thanh tán làm
Tăng tuổi ngựa bạch thúc
Ai quý cầm đuốc đi
Trồng phửu thực ngày Ngô
Rừng xa tranh đuổi theo
Tông lôi khổ lạnh xót
Thiền gọi tâm hơi hẹp
Tao nhã hưng nhưng thừa

Đạo hạnh càng cao trội
Đức Danh càng sáng rỡ
(Lược bớt bảy vận)
Ngồi yên Quân không sao
Lưu kệ thấy vẻ thuần
Mai lớn tiếng Ngô thử
Chẳng ta cùng tù phước

(Lúc sắp thị tịch, Đại sư lưu lại bài kệ, có nói "Chẳng tợ mai lớn già, tham theo tiếng Ngô thử = (chuột)).

An nhiên bèn thị tịch
Thôi bày khó đủ sách
Sáng phát dưới Thứu phong
Trà-tỳ lửa vừa tắt
Năm tướng bền chẳng hoại
Đẹp mềm sáng ngày mai
Rực như vàng ra đinh
Ánh như ngọc phân đá
Thức biểu không vọng phạm
Phụng pháp cứng không bít
Chúng Linh sơn đều thấy
Trông rừng thêm phát tướng
Khắc kỳ quan trước tịch
Cảnh ngưỡng động vức khác
Vương công tranh than lạ
Sĩ thứ thêm thực thà
(Lược bớt 02 vận)
Cùng gom cốt Hạc lâm
Hợp táng sườn Thứu sơn
(Lược bớt ba vận)
Vượn khe nhọc tự kêu
Cá Thư trùng ai ăn
Tăng sử nửa mười điều
Công Ca toàn chính vực
(Lược bớt sáu vận)
Khiến tôi đến Ngô Sở
Kính mộ sư cao vời
Được ký du Lăng già
Tụng vị quá chức nem

(Đại sư có đến Đình yến gia tại Niết Xuyên tôi, và ghi về chùa núi Lăng già)

Thiết nhân đã nói chết
Chí Đạo cũng vấp chết
Nay đã ba mươi năm
Đến viếng nhọc khắc sâu
Diệu phong cao làm Tháp
Phạm Thiên rộng thành nước
Muôn vật đủ chúng thưởng
Năm mây tranh phụ giúp
Đất trời hoặc mây dứt
Biển núi có lúc nức
Đạo và Danh của Sư
Bột nhiên dài nhọn hoắt.

(Bảo Nghiêm tầm khí vị thơ đó, tuy phong điệu khí vận cao sáng mưu cứng, mà khoảng giữa, Phàm dùng việc ghép vận quá ở xa lánh, nay lược lấy từ ý đó, giản đơn câu cao nhã vượt xa, xếp thành bảy mươi ba vận, cũng có thể thấy tài chí đó hướng đến thành chí của muôn mộ vậy).

TÁN THÁN ĐẠI SƯ MINH GIÁO.

(Sa-môn Tu Tĩnh ở núi Thiên Trụ - Long Thư thuật)

Mới đầu, tôi đọc “Sách Phụ giáo” của Thiền sư Khế Tung, mến mộ văn đó lỗi lạc, có khí kỳ vĩ, mà hay phát huy Đạo của nhà Phật, để dẫn dụ các bậc Danh nho Thích tử ở đương thời không biết nguồn gốc của giáo, khiến họ thấu đạt áo nghĩa của tánh mạng, thấy tâm của Hiền Thánh sở dĩ thiết giáo phu hóa, mà chẳng đắm chìm nơi chốn phải quấy cùng đấu nhau. (Khoảng giữa có nhiều nơi phiền tạp nên lược). Như phàm bao gồm đó có Tông mà cùng sâu và vi diệu thì còn sợ người học của trong hai giáo hoặc chưa dễ hiểu được ngằn mé đó, huống là có thể rốt ráo Đạo đó mà thấy hoàn toàn đó ư? Đến lúc Thiền sư thị tịch, sau khi trà tỳ mà có năm vật không cháy hoại. Nhưng đó tuy là vỗ xếp của Thiền sư mà vì mất nên đã mới thấy tin ở học trò đó, thì chỗ tích chứa tinh túy yếu diệu của Thiền sư mà không được thấy biết ở nơi người hẳn lắm nhiều vậy.

Than ôi! Đạo đó khó truyền đến như thế ư? Tôi rất buồn thương đó. Đạo đó tuy hay hóa các bậc Danh Nho ở đương thời, mà không thể chuyển hóa hết học trò đó. Cho nên sau khi Thiền sư thị tịch, chân

phong thắng quỷ đó không lắm sáng tỏ sặc sở ở đời. Đó, hoặc là tài hiếm có ở đời, âm thanh chuông vàng không đến nơi quê nhà vậy. Khí nhỏ thay? Tôi học sau ở cuối đường, chẳng kịp rưới quét nơi sân nhà mà trông nhìn ánh sáng thừa dư, nhọc đến gió lay rơi lệ có sao chẳng than của muôn năm, nên nay gom nhặt hương thơm sót lại, cúi đầu nghĩ tưởng dài, kết buộc đó để tán thán rằng:

Phía Đông Đằng Châu
Mây tía nỗi trời
Bên có Tăng Long
Tên là Khế Tung
Từ vừa bé thơ
Sống Nhân và Hiếu
Băng tuyết tự thân
Luật nghi là học
Xa trông cao liệng
Đến Ngô tới Lương
Đạo tiếp Tổ Tông
Muôn ẩn càng sáng
Vừa đang Kỳ viên
Lửa báng nỗi khắp
Tung bút thành sách
Bởi bất đắc dĩ
Thế mà đánh diệt
Hoa Đàm lại tỏa
Trong thời Gia Hựu(1)
Riêng bay Danh tài
Ân vua thường đượm
Công khanh gãy tiết
Than ôi! Bọn Tôi
Trái bày lưỡi quyết
Bèn phú về vậy
Sao đến chén úp
Thiếu lâm ăn độc
Khác vết đồng đường
Trí nhỏ tự Hiền
Nơi ở thành chợ
Ái ngại bọn ai
Lý hẳn nên vậy

Thái A ra hộp
Chán giao giết ly
Dùng đó bù đắp
Trọn chẳng như dùi
Đáp đó, đã đi
Di tích chẳng tiếp
Lạnh thay chân phong
Trọn mất khí che
Than ôi! Tép sanh
Chẳng khắc kỳ thừa
Mỗi một nghĩ đến
Khí đầy lòng ngực
Trọn sao thể làm
Chỉ thêm thẹn sợ
Mượn bút thanh phần
Báo người sau học.

ĐỀ THIẾP VIẾT TAY TÁN THÁN THIỀN SƯ.

(Có hai bài, do Sa-môn Duy Thanh - Linh Nguyên thuật).

BÀI MỘT

Đại pháp của Phật chúng tôi là cội nguồn của thế gian và xuất thế gian. Ngàn Thánh muôn Linh, Đạo đức Tánh mạng, nguồn sâu gốc diệu, chẳng phải nghĩ bàn có thể kịp ứng duyên dương hóa đó vậy. Hẳn phải nhờ các bậc Khai Sĩ nhân, sức của vua tôi mở vật tin mà ngự ma ngoài. Khai Sĩ xuất hiện bởi thấy sự thông bít của vận pháp, quyết cùng đời thấu đạt đến lợi ích, chẳng cẩu thả ấy vậy. Đại sư Minh Giáo - Thiền sư Khế Tung ở Đằng Châu là người ấy vậy. Khéo đạt Huyền Tông, rộng cùng thế giải. Trong khoảng niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1054), Chí Hòa (1054-1056) thời Bắc Tống, thấy ngoại đảng có người gieo rắt bệnh tật với giáo pháp tôi, thì nói: “Tôi trộm quyền Bồ-tát, làm sứ giả Như Lai, biện giải mà làm sáng tỏ đó, để độ lầm hoặc ấy vậy, khiến họ quay về với chánh thú, thật là chỗ nhậm chức vậy”. Từ đó bèn biên thuật sách mà tấu trình. Được Hoàng Đế Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-1064) thời Bắc Tống ngợi khen tán thưởng, ban sắc nhập vào kinh tạng, ban hành trong thiên hạ. Từ đó, mây ma vén sạch mà Phật nhật tỏa sáng lại vậy.

Hòa thượng đã kiến lập công đức ở giáo môn, thanh danh tinh anh tươi tốt thật mạnh nghiêm sức đồng bọn đó, nên người hơi tích chứa

nhận biết đều khắp biết mà phàm chuộng ngưỡng mộ. Nhưng vì tuổi pháp gặp thời hạ suy, căn người hẹp kém, mừng tiện xuống tóc nhuộm y, tranh đua biến đổi hình phục, trộm vào nhà Phật tôi, rối tình bụi đời, lạm dự vào hàng chúng Tăng, đều là thấy nghe tư lự chẳng thoát quê kệch tục tình. Nào có hay Cao đức thắng nghĩa giảng mộ thay!

Thật Nhân Trạch nói: "Thượng nhân đang lúc đó hay thông điều nghe mà kính trọng điều mến mộ Hiền đó đối với hạng lạm xen đó nên có thể xưng vậy. Tuy lâu ở trong rừng Thiền, đượm phục hạnh nghiệp Tổ Đạo, mà đối với Đại sĩ hoằng giáo mở dẫn mắt tai, khởi chí ngóng nhìn vậy. Nên ở tại Kinh đô, chư Tăng nghe luật có trên đời, cùng Minh Giáo cùng đồng thiện sâu dày, mới phỏng hỏi đó". Kia về nói việc trước, lại nêu ra hai thiếp này để chỉ bày đó. Trạch nói: "Thượng nhân khổ cầu mà được đó, trân quý nhận lấy theo hướng Nam đem lại chỉ bày cùng tôi, như có được kỳ lạ". Nhân đó nói rằng: Người mong ngóng người đó mà trọng Di tích đó, vì đó là Danh ư? Hay là Thật ư? Nếu lấy Danh đó thì đối với kia thuộc bên ngoài vậy, nhọc có thể nhờ ở Đàm bính mà không ích đối với chính mình. Lấy Thật đó thì chí luận của minh giáo có thể khảo xét để mở bày giẫm trải đến xa lắm nhiều vậy. Người nên tìm mà nguyên cứu đó. Vả lại, tưởng kia nêu đến để tự gắng cảm thì trọn có lợi ích ấy vậy.

Ngày... tháng... năm.

BÀI HAI

Đại sư minh giáo - Hòa thượng Khế Tung tự xưng là Sa-môn Sơn Đông ở Đằng Châu, nhân từ thệ nguyện xưa trước mà xuất hiện ở hoằng Triều. Mới đầu vì các hàng Quan lại tiên sanh trong thiên hạ hoặc chưa nghiên cứu cội nguồn Đại đạo của pháp ta, mà đối với những người trong nước nhà tập học theo vết tích Phật giáo, cho đó là làm pháp của Di Địch mà miệt thị đó. Đến nỗi phá diệt đó mà cho là không để lẫn lộn hại tới Đạo của Chu Khổng ở Trung Quốc.

Hòa thượng tiếc thương họ theo cành mà bỏ sót rễ, trái nguồn mà hướng theo dòng mạch, chẳng phải nhọc gọi đó là mờ tối ấy ư? Người học Đạo của Chu Khổng có thể được gọi là tự sáng tỏ (Minh) đó, mà cùng cực thành thật (Thành) đó ư? Do Thành đó mà tận cùng Đạo đó, vì Thành là Đại Bản Đại Công của thiên hạ, bao rộng không ngoài Diệu thần thuần toàn ấy ư? Do đó chẳng tự biết, do vì không biết người vậy. Hòa thượng rộng thông cùng cực gốc Đạo giáo của Nho Thích xưa nay, hối thông vết tích luận nghị sự lý của Thánh Hiền. Như bày lưới giăng

lưới, nâng cổ kéo áo, mắt phân lâng kiểm, người thấy đều sáng rõ. Nghĩa suốt lý dung, cảm hội thần phủ, mới biết phương của chỗ ra, ngôn được biện bày của Thánh nhân, đặc vết tích của giáo đó, khiến người biết đó sáng tỏ. Do đó tự trở lại sở dĩ vết tích, sở dĩ nói đó để soi chiếu bên trong đó thì linh ở rỗng rang, không có trong ngoài, không có đây kia, đâu có Hoa Di Thích Nho có thể biện ư?

Đại sư mới biên thuật sách đề là "Sách Phụ giáo", để mở bày dẫn dụ các hàng Quan lại Tiên sinh, dâng tấu Thiên Tử. Thiên Tử vui mừng tán thán đó, sắc và ban hành, mà các hàng Danh khanh cự Nho, đến như Âu Dương, Văn Trung Công các Hào sĩ đọc xem sách đó, không ai chẳng thán phục, kính mà lễ đó. Lại nhân đó, nên Đại sư soạn thuật "Chánh Tông Ký Định Tổ Đồ" để biện giải thuyết đó, cũng tấu trình Thiên Tử ban sắc hành đó. Thế rồi, Đại sư trở về Đông Ngô mà thị tịch, linh tính rất khác lạ, đầy đủ như nói trong Truyện ký, bờ tường pháp môn đó mở dẫn đường tin, tuy các bậc Tài hùng cao tăng thời xưa trước cũng chẳng hơn đó vậy. Thiền nhân Bảo Trí có được Di Thiếp đó, xin đề lời bạt, nên nắm bút viết tay, thẹn chẳng thể thuật đó trong muôn một vậy. Linh Nguyên kẻ già xin ghi:

"Chí Đạo chí ngôn
Xoay nghiêng dựng chánh
Hoàng Thiên Hoàng giác
Khơi cạn trách sâu
Lớn thay! lành thay!
Phước đượm mai sau
Sớ thuật trùng khắc
Tiếp tục từ đây".

SỚ TRÙNG KHẮC ĐÀM TÂN VĂN TẬP

Đại sư Minh Giáo thật là Bồ-tát Đại thừa, biết Phật Pháp có nạn, do đó, cưỡi xe Đại nguyện sanh lại nơi thế gian biên thuật "Sách Phụ giáo" ấy vậy. Ngày trước ở thời Bắc Tống, các hàng Cự Nho, Quan lại, Tiên sanh từng bình phẩm Văn đó rằng: "Không chỉ thông Không Tông, mà cũng là văn cách cao". Lời nói đó thật đúng vậy. Âu Dương Tử nói: "Không ngờ trong chư Tăng có người ấy ư!" Khi ấy tâm phỉ báng Phật đã rỗng rang diệt mất, chẳng còn chút gì vậy.

Xưa nay trong chư tăng, người làm văn có nhiều mà chưa từng có người cự xuất như ấy vậy, chỗ gọi là Bắc Đẩu vì một người phương Nam mà thôi.

Từ xưa trước binh biến trở lại, các bảng Kinh đều bị hư hoại, người học về sau không chỗ thấy nghe là đáng lo buồn vậy. Nay muốn trùng khắc lại tại Ngô Trung, tốn phí rất nhiều, do đó biên ghi lời sớ, ngưỡng mong các bậc Hiền nhân người học đồng Đạo, thấy đó là việc ưu thắng, được không bùi ngùi mà tán trợ đó ư? Làm nhân duyên mà xuất hiện nơi đời đều tông chủ ở Thứu lãnh, dùng văn chương mà phủ phất Thánh Đế, chỉ còn ở Đàm Tân. Sâu cùng nguồn của muôn pháp, đồng vào tạng của Tam thừa, đọc đó có thể để mắt tai của người trời, bao gồm đó có thể để quét bờ rào của Nho Thích. Người ưa chuộng sách mà chẳng ưa chuộng sách này thì sao bảo là Hiếu học? Minh Đạo mà chẳng minh Đạo đây thì đâu có thể gọi là minh Tâm? Muốn trùng khắc ở Vân gian càng rộng truyền nơi thiên hạ, khiến Vĩnh thúc thấy của ngày sau, danh trọng một thời. Gặp được Hoàng đế Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-1064) thời Bắc Tống hỗ trợ đủ đầy, công duổi muôn xưa. Các Hiền giả đã gặp, việc ưu thắng sẽ thành.

Mùa Xuân năm Giáp tý (1384) thuộc niên hiệu Hồng Vũ (1368-1399) thời nhà Minh, Sa-môn Nguyên Húc ở Tùng Vũ trai tại Thiên Thai biên soạn.

Như trên là do Hòa thượng Tùng Vũ vì Thủ tòa Kỳ mà chế sớ trùng khắc bộ "Minh Giáo Đại sư Văn Tập ở thời nhà Tống" ở Vân gian, đã vì hóa thành khai đến hơn hai mươi bản, vừa lúc Kỳ Công gấp làm, nên không thành tựu việc đó. Nay Thủ tòa Duệ-Thiên Toàn xót thương tà pháp thêm lớn nên phát chí kiên cố tiếp tục công việc đó. Một ngày nọ đem quyển đó qua chỗ tôi ở nơi Tinh xá Kiên Mật xin đề ở cuối. Tôi tuy không thông mẫn nhưng thấy thắng nhân đó, bất chợt nhảy nhót mà vui mừng. Vì Tập đó đã ẩn mất từ lâu vậy. Như khiến dốc hết sức lực mà thành tựu, lưu hành rộng khắp nơi đời, chánh điều gọi là đất cao Tuệ nhật ở trung thiên, chiếu sáng đường tối ở thúc thế ấy vậy. Thiên Toàn cố gắng lắm đó vậy.

Mùa Đông năm Vĩnh Lạc thứ ba (1405) thời nhà Minh, Sa-môn Hoằng Tông ở chùa Thiên Ninh làm Tăng cang Ty Đô cang tại Phủ Gia Hưng biên ghi.

HẬU TỰA TRÙNG KHẮC ĐÀM TÂN VĂN TẬP

Học có công kịp vật, văn làm khí chuyển Đạo. Học mà không thể lợi đối với vật là không học vậy, văn mà không thể diễn Đạo, là không văn vậy.

Như, phàm suy Đạo đó phát ở văn chương, bày học đó để viện

giúp người, thì Thiền sư Khế Tung Minh Giáo ở thời Bắc Tống là người ấy vậy. Than ôi! Phàm, giáo Pháp của Phật chúng tôi là Tâm Pháp vậy, sanh linh đều đồng có vậy. Chỉ vì hư vọng ngăn che, không thể hiển hiện, ghé trong bốn loài, chìm giữa Lục đạo, biết đó đâu được rõ ư? Mà Đức Phật chúng tôi xót thương đó, dùng tâm Pháp này tùy theo khí mà dẫn dụ, khiến mỗi mỗi đều được ở vốn có. Hoặc có người chẳng kính ngưỡng Ân nghĩ nhớ Đức, trái lại sanh tâm dèm pha phỉ báng, đó là tự hủy hoại Tâm họ chứ chẳng phải hủy hoại gì giáo pháp đó vậy. Như điều trong giáo nói Thế trí biện thông là một trong tám nạn. Vả lại, không tin mà hủy hoại, lại chẳng phải chỗ tệ của hư vọng. Nếu ở chỗ tệ của hư vọng, hoặc có thể suốt rõ vọng tức là chân. Chẳng tin mà hủy hoại thì tự mờ tối tâm đó, tự mờ tối tâm đó, như giống đó bại mầm đó tiêu, không có ngày phát sanh lại vậy. Được không rất đáng xót thương ư?

Mà Đại sư Minh Giáo bẩm tánh vừa sanh tức biết, có khả năng thấu rõ Phật lý, học thì hẳn muốn giúp đời, chẳng phải học không vậy; làm văn thì hẳn ở minh Đạo, chẳng phải văn không vậy. Huống gì thời ấy, Học sĩ trong thiên hạ tôn sùng Hàn Tử mà chống lại đạo ta, nên khuyên sách Nguyên giáo và các Văn không thể không làm vậy. Người học gom tu tất cả đề hiệu là “Đàm Tân Văn Tập”. Văn đó lưu hành ở đời, thật là yếu thuật của cứu đời minh Đạo vậy. Có thể một ngày mà không ư? Bảng cũ đã tiêu mất, mọi người đều đau tiếc. Thủ tòa Thiên Ninh ở Gia Hòa và Hiến Công - Thiên Toàn đều là Đệ tử của Thiền sư Hoằng Biện - Tuệ Nhãn ở Đông Hải, thí hết y vật của cải để khắc bảng lại mà lưu hành. Đó cũng là Tâm của minh giáo ấy vậy. Bảng khắc đã hoàn thành, xin ghi lời tựa ở sau cuối. Kẻ mông muội hậu sanh, muộn đọc văn tập đó, có chẳng được nắm bút theo đi đó tán thán. Nay được ghé tên ở sau cùng, cũng chẳng là may mắn lắm ư? Cũng chẳng là may mắn lắm ư?

Ngày mồng một tháng tư năm Canh Dần (1410), thuộc niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tám thời nhà Minh, Sa-môn Văn Tú trú trì Kính Sơn Thiền Tự, tại Phủ Hàng Châu, Chiết Giang ghi thuật.

ĐÀM TÂN VĂN TẬP

(Trọn bộ).

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 194

BIỆN NGỤY LỤC

SỐ 2116
(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2116

LỜI TỰA

BIỆN NGỤY LỤC

Triều Nguyên Hàn Lâm trực Học Sĩ phụng huấn Đại Phu tri chế cáo Đồng tu Quốc Sử Trương Bá Thuần kính soạn.

Trời không che riêng, đất không chở riêng, Nhật Nguyệt không soi chiếu riêng. Đó là điều nói trong Biện Ngụy Lục. Tốt lành đến thế, lớn thay Thánh triều, tiếp nối theo trời mà lập cực, luận đạo kinh bang. dùng tâm Phật nuôi dưỡng muôn dân, dùng chánh pháp thấm nhuần bốn biển.

Đầu mùa xuân Năm Tân Mão, niên hiệu Chí Nguyên, Trưởng lão Mại Cát Tường ở chùa Đại Vân Phong, kính vâng mạng lệnh của Hoàng Đế, soạn thuật "Chí Nguyên Biện Ngụy Lục", tấu lên cùng Hoàng Đế, xét xem thấy sâu sắc, bèn ban hành nhập tạng để lưu thông. Với nguyên nhân phát xuất là từ khoảng năm Ất Mão (1251), các đạo sĩ Khâu Xử Cơ, Lý Chí Thường v.v... phá hủy miếu "Thiên Thành" thờ Khổng Tử ở phía Tây kinh đô để làm "Văn Thành Quán", phá hủy tượng Phật Thích-ca, tượng Quán Thế Âm bạch ngọc trắng và các tháp báu thờ xá-lợi, mưu mô chiếm đoạt bốn trăm tám mươi hai cơ sở chùa viện truyền bá sự dối bày Lão Tử có tám mươi mốt Hóa Đồ của Vương Phù, làm mê loạn thần dân. Bấy giờ, ở chùa Thiếu Lâm có Trưởng lão Lâm Dụ dẫn Sư Đức vào cung tấu trình. Tiên triều là Hoàng Đế Mông Kha tuyên ban chiếu dụ đến ngay cung điện để đối biện việc hóa Hồ là chân hay ngụy, đích thân Hoàng Đế lâm triều chứng kiến. Các Đạo sĩ Lý Chí Thường v.v.. đuối lý, vâng theo thánh chỉ thiêu đốt ngụy kinh, có mười

bảy người bỏ đạo làm Tăng, trả lại ba mươi bảy ngôi chùa Phật. Bọn bè đảng chiếm đoạt đang ở các chùa khác lại nảy sinh tệ hại rất nhiều. Mùa Thu năm Đinh Tỵ (1257), trưởng lão Lâm Dụ ở Thiếu Lâm lại tấu trình, tiếp tục vâng theo luân chỉ lần thứ hai thiêu đốt ngụy kinh. Chư tăng phục hồi lại hai trăm ba mươi bảy ngôi chùa. Kể từ năm Ất Mão đến năm Tân Dậu, cả thảy chín năm (1255 - 1261) mà các đạo sĩ ấy như bọn chuột rúc chưa chịu chừa bỏ tà thuyết, ton hót lưu hành ở những vùng vắng, còn vọng khinh lờn ý vua. Do đó, đến mùa Đông niên hiệu Chí Nguyên thứ 18 (1281), kính vâng Thánh chỉ ban khắp trong nước, ngoài Đạo Đức kinh, các thứ kinh văn dối láo khác thảy đều thiêu hủy, các đạo sĩ ưa thích kinh Phật thì cho xuất gia làm tăng, còn ai không làm tăng sĩ hay Đạo sĩ thì trở về cưới vợ làm dân.

Lúc bấy giờ, tại Giang Nam, Thích Giáo Đô tổng thống Vĩnh Phước Dương Đại sư Liên Chân đang ở đó mở mang giáo hóa, từ mùa Xuân niên hiệu Chí Nguyên thứ 22 đến mùa xuân niên hiệu Chí Nguyên thứ 24, trong vòng ba năm (1285 - 1287), khôi phục lại được hơn ba mươi ngôi chùa Phật, như: Tứ Thánh Quán, xưa kia là chùa Cô Sơn vậy. Đạo sĩ Hồ Đề Điểm v.v..., bỏ tà về chánh bỏ Đạo làm tăng, chẳng những thế mà có đến bảy, tám trăm người treo mũ trên xà Điện Vĩnh Phước Đế Sư. Các sách xưa ở núi Nam Nhạc vì những người phụng thờ tà ngụy mà răn cấm. Thử xét lại điều đó, kể từ khi Đại giáo từ trời Tây truyền lại, Hán Minh Đế đón rước hai vị pháp sư Ca-diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan ở thành Lạc Dương, Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc như Trữ Thiện Tín v.v... dâng biểu dèm pha phá hủy Phật pháp, khi ấy lập đàn để thiêu đốt kinh điển Phật giáo và Đạo giáo, Đạo kinh đều biến thành tro bụi, còn kinh Phật phát ra ánh sáng không hư tổn gì. Tôn giả Ma-Đằng bay lên hư không hiện mười tám thứ thần biến. Loài cáo chẳng phải sư tử; ánh sáng của đèn không như của mặt trời, mặt trăng và các Đạo sĩ cạo đầu làm tăng nhiều không thể tính kể, như Khấu Khiêm Chi kiêu ngạo sai lầm. Thôi Hạo mê hoặc Ngụy Thái Võ mà cuối cùng Thôi Hạo bị giết cả dòng họ. Đàm mô chiết phục Khương Bân, khiến Khương Bân phải ẩn mình ở ấp mã. Đàm Hiển đời Tề làm cho Lục Tu Tĩnh hổ thẹn. Vào niên hiệu Tổng Chương thứ nhất, đời Đường, Pháp Minh biện biệt rõ sự dối trá trong Hóa Hồ kinh, vu ban sắc tịnh thu tất cả Hòa Hồ kinh trong nước đem đốt hết. Từ xưa đến nay nhiều đời Đế Vương chế định như thế, có đâu thảng thốt vậy ư? Bởi vì, Đức Thế Tôn xem chúng sinh trong ba cõi đều như con một. Vậy mà trái bỏ Đức Đại giác tức là con trái nghịch cha mẹ vậy. Con trái ngược với cha tức tự mình mê mờ tánh

thiên nhiên của mình vậy. Vả lại, hai thiên Đạo Đức kinh của Lão Tử lấy sự thanh tịnh đạm bạc dứt bặt việc đời, xả bỏ mưu trí để lập nên Tông, ẩn cư để cầu chí khí, tiêu nhiên vô vi. Mà nay bọn trộm danh, kêu réo bè đảng giả lập áo mũ, làm suy sụp cung quán, chạy theo lợi dưỡng ở đời. Đâu phải là dụng ý của Lão Tử. Huống chi Lão Tử có nói rằng: "Tranh biện chẳng bằng im lặng, khôn khéo chẳng bày vụng về. Kẻ tranh biện thì chẳng tốt, người tốt thì không tranh biện. Chớ ghét chớ đánh, lấy một làm khuôn phép cho mọi người". Vậy mà chiếm đoạt phá hủy chùa Phật, trộm kinh ngụy bày việc Hóa Hồ, đó là chẳng bằng vụng về; chẳng bằng im lặng ư? Đó là người tốt lành không tranh luận ư? Bắt chước Lão Tử mà trái phạm tính cách của Lão Tử ấy cũng là trái ngược với Tự Tông vậy. Như Đích Sư đối với Lão Tử thì chẳng làm vậy, qua về cuối dòng vậy. Tuy nhiên, Kỳ Lân là loài thú chạy, Phụng Hoàng là loài chim bay, Lan Huệ là loại huân du, Chiên Đàn là loại xú uế, nhưng đời không bỏ điềm lành của Phụng Hoàng Kỳ Lân, mùi hương của Lan Huệ Chiên Đàn, mà thường thỏa ý thú chạy chim bay, nhơ bẩn của huân du xú uế. Lòng người lý trời thương ghét đều đồng. Cớ sao lúa đậu chưa phân rõ ràng mà cam phụng thờ giáo điển luống dối chẳng thật? Lại khoe dối phù từ, khinh thường bậc Đại giác, vu báng hủy hoại Chí Thánh, mà chẳng sợ chìm đắm trong ba đường ư? Đó là chánh danh giáo của Biện Ngụy Lục. Tạo lý sâu xa, bài bác bắt bẻ khó tinh minh. Lẫm liệt thay! Chống cự sự kinh tháo của áng mây, thản nhiên đi trên đường chánh của Vương đạo, làm bờ đê đề phòng sự chìm đắm bởi sự xâm đoạt của người sau. Nói như vậy rất là chí lý.

Bởi vì có ngụy thì có biện, không ngụy thì không biện. Đâu phải là ham thích biện luận! Mở rộng Tứ vô ngại biện là đức của trưởng lão Mại Cát Tường vậy. Người nói thế không tội, người nghe đủ để răn. Nên Hoàng thượng từ miệng vàng khẩu nói lời dụ rằng: "Thí như năm ngón tay đều từ bàn tay mà có. Phật giáo như bàn tay, ngoài ra đều như ngón tay". Tin ư, lời vua nói như tơ, ảnh hưởng ra như sợi lớn. Rõ hơn cả mặt trời mặt trăng, bền chắc hơn cả vàng đá. Làm gương soi sáng cho muôn đời, thì Biện Ngụy Lục này đâu phải là ít bổ ích ư! ...

LỜI TỰA BIỆN NGỤY LỤC

Nghe rằng: Năm vận chưa hình thành, vốn không có tên gọi người và vật, ba tài đã lập mới bắt đầu có sự thấp cao. Triệu Phân Lục Hào, mới họa Bát Quái mà có thư khế, đặt ra huấn chương. Phụng Triệu; Quy Đồ; Kim Đằng; Ngọc Tự, trăm nhà khác vết, muôn quyển phân khu, tuy lý rốt ráo tinh vi, lời nói đáng làm khuôn mẫu cho chúng sinh, ghi tình bỏ tánh chưa vượt ngoài Hoàn Vũ, từ đầu đến cuối, há gồm hết Hóa nội. Huống gì pháp thân vô tướng cao vượt trước đế tượng, chân đế không thể xưng gọi, thoát ra ngoài sự suy nghĩ, bàn luận. Mưu tài tốt thật, đời có người vậy. Trưởng lão Như Ý, vốn dòng họ Hồ Diên, người ở Thái Nguyên, là con cháu của Diên Tán, làm quan truyền từ đời này đến đời khác, dời đến Quận Đại nhân vì làm nhà. Chín tuổi xuống tóc, theo thầy học đạo. Ngọc lìa kinh trụ, quý giá bởi đức sáng cao, quế bỏ núi sâu, hương thơm gió thoảng bay xa. A sư (= như ý) trong thì thấu suốt nghĩa sâu của ba Tạng, ngoài thì nghiệm xét nguồn gốc của chín học phái. Danh quan tại Trung Hoa, tiếng vang khắp triều đình đến thôn dã. Vận dụng lời nói của Đàm Thiên, thi thố tài năng đời không sánh kịp. Ngào ngạt giữa đường chỉ của gấm thêu, uy hùng kinh động khí Lăng Vân. Châu ngọc của Ban Mã chưa thể đồng năm, văn chương của Cố Lục sao ngang hàng được. Đến như học thuyết của Trang Tử, Mặc Tử; sách của Hoàng Lão, Lý Lão, văn của Tam Thanh báng đạo, luận của Thập Dị cửu mê, bí mật của Hỗn Nguyên Ẩn Nguyệt, nghi quỹ của Linh Bảo Xích Thư. Sáng như Não Ưng, rõ tợ chỉ bàn tay. Thêm nữa, tham học thiền tông nơi năm phái, bên cạnh đó, xem đọc các thứ sách vở. Đã có tài hùng bút lớn, đặc chuyên soạn thuật, vận ngoài nghĩ suy, cấp dẫn không cùng. Dẹp tà thí có công của Hống Thạch, nâng chánh thì có đức của Tiên Thi. Hẳn dùng tài ngang bằng Đạo An; Tuệ Viễn, học vượt xa Đạo Sinh; Đạo Dung, thật là vãy rồng trong biển giác, mới là cột trụ chống đỡ trong cửa Phật. Nhân thấy toàn chân đạo sĩ: Khâu Xử Cơ, Lý Chí Thường, Sử Chí Kinh, Linh Hồ Chương v.v... học nghiệp tầm thường cạn cợt, sự hiểu biết chẳng dài xa, đều là những ngôn từ thô bỉ dùng để hủy báng chánh pháp, gõ trống vãi thô mà trộm so bì sấm nổ, khiến hàng trung lưu hạ lưu đều sinh tà kiến. Kính phụng Tiết thiền Thánh Minh Hoàng Đế phát tâm đại bi, thương kẻ mù lòa, sợ nó đọa vào địa ngục, ban lệnh chế cấm luận ấy, mở mang biển pháp, dẹp bỏ từ ngữ sắc bén kia, móng vuốt như gà Bích mà tranh chạy rong, loang lổ như ngựa vàng mà giành hoang ruổi. Hình dáng như lò lớn mà đốt mảy lông, còn như hơi nóng mặt trời mà soi băng mỏng. Ai kẻ hơn thua ngay

đó thấy rõ. Tạm quy về từ định để phá quân ma. Ngày 20 tháng 10, niên hiệu Chí Nguyên thứ 18 (1281), lại kính vâng thánh chỉ của Tiên Hoàng Đế, ban lệnh khắp trong nước, tất cả ngụy kinh đồng một lúc đốt hết. Từ đó, mặt trời Phật lại sáng soi nơi Bích Hán, mây pháp bủa khắp cõi Diêm-phù.

Biện Ngụy Lục do Như ý (= Mại Cát Tường) soạn, Văn Phú chú giải lời tựa tứ kinh, Hàn văn biệt truyền tánh Hải Phú v.v... tại thời đó đã truyền, nhưng luận này gồm năm quyển hơn hai trăm trang, suốt cùng cội nguồn của Phật giáo, Lão giáo, chia ra hơn kém chánh tà. Bởi vì đề xướng càng cao thì người họa càng ít. Thật đáng thẹn thay!

Tôi, văn thật xấu hổ với Ỷ Lệ, học chẳng bằng Thông Viên, thấy lời hay đẹp của luận này, kính phục sự che chở lớn lao của Hoàng thượng, không kềm được nỗi mừng vui, gắng làm lời tựa này, liền dùng dây tơ nối liền ngọc khuê, ngọc chương. Mong rằng các bậc quân tử học rộng thanh nhã muốn hiểu tỉ mỉ xin cùng xem duyệt vậy!

Trú trì chùa Đại Vân Khang, Sa-môn Tập Tổ

Tuyết Hề Dã lão Quý Cát Tường kính soạn.

Chú thích: với tiêu đề "Biện Ngụy Lục", tôi có nhã ý muốn dịch là "Nhận chân sự dối bày của đạo giáo", song ý thì rõ mà lời vượt quá xa nguyên tác, nên đành giữ nguyên tiêu đề cũ. Và ở quyển một, quyển hai trong đây có đưa ra như Ngụy một, ngụy hai v.v... và luận viết, mà tôi đành phải để "Ngụy bày" hay "biện luận rằng". Đó là muốn để sát chữ với tiêu đề, chứ cảm thấy chưa vừa ý lắm.

BIỆN NGỤY LỤC

Đời Nguyên, Sa-môn Tường Mại ở chùa Vân Phong, núi Đạo Giả, vâng sắc thực lục kính soạn

QUYỂN 1

Nghe rằng: đấng Pháp Vương ngự thế mở mang chánh đạo để giúp thời, bậc minh chúa lâm triều mở mang Hoàng cực mà cứu vật, xô ngã tà ngụy, nâng dậy chánh pháp, quý trọng đạo đức và phân biệt sự sai lầm. Nên vua Nghiêu giết sạch bốn hung mà tám hoàng đạo thái bình, Đức Phật hàng phục sáu chúng mà năm miền Ấn độ quy tâm, đều do sửa đổi lầm loạn, cứu chữa sự thiêu đốt, mở dẫn mắt tai. Đức Thế Tôn chúng ta thành Phật đã nhiều kiếp, vì chúng sinh mà ứng hiện ở thế gian, vốn "vô sinh" mà bày sinh, lợi khắp cõi nước đại thiên, vốn "dứt tướng" lại hiện tướng, đốn ngộ cho trăm ức chúng sinh. Như vầng trăng giữa hư không, ngàn sông đều ứng hiện, như tiếng gió rít dài muôn người nghe tiếng. Dụ dẫn kẻ si mê đến thừa nhất cực, đưa người lạc lối vào đường Bát Chánh, xua tan nóng bức của năm thứ vẩn đục, dẹp bỏ rào giậu của bốn đảo điên, chỉ hạt châu sáng nằm trong chéo áo, vạch bày kinh điển dưới bụi nhơ. Phá quân ma dưới cây Đạo, chẳng hạ mếu đường, diệt ngoại đạo tại kim hà, gãy sạch không ngoài, ân lưu muôn nước, thấm khắp bốn loài, mây từ bủa khắp trời Hữu Đảnh, mưa pháp đượm cùng pháp giới không bờ mé. Những chúng sinh không cảm được Đức Đại thánh trở về chân, các bậc Thánh triết tiếp nối duy trì phát huy khuông phép cao mầu thì có ngài Mã Minh; Long thọ khôi phục giềng mối giáo pháp ở Tây thiên, Đề-Bà; Ái Hiền dựng lập cờ pháp tại Nam Ấn, Thế Thân chuyên Đức đánh thây, Trần Na thẳng là rống đá. Bẻ dẹp ngoại đạo một thời, lưu truyền tiếng tốt từ muôn xưa đến nay. Nhuần nhã thay! Trung hoa mộng thấy Kim Dung, tây vức ngựa quý truyền đến, Ma Đằng hiển chánh ở Lạc Dương, kinh sách Đạo giáo đều cháy sạch, Tăng Dung phá tà ở trong cung, Phạm Chí đuối lý không nói được. Treo mặt trời Phật giữa đường tăm tối, thổi gió từ khắp nơi cư ngụ. Anh mao tiếp võ, Tuấn ngạn tiếp nối danh thơm, nên có Đại Thống (Pháp

sư Pháp Thượng đời nhà Tề) đa năng, chiết phục Khương Bân tại cung nhà Ngụy, pháp lâm hiểu rộng bài phá Phó Dịch ở triều Đường. Đức lớn vượt cao ở đương thời, vang động tiếng tốt trong đời loạn suy. Chỉ vì cách thánh càng xa, ma ngụy bức hiếp chánh chân, màu tím thật loạn mầu son, đá mân thường lẫn trong ngọc, tự chẳng có các bậc thượng trí trừ khắp minh xét, do vậy kẻ tầm thường lạm danh, khắp mọi người chỉ một sang hèn, gà phụng hình dáng khác nhau, rõ ràng kẻ tục mê mờ phải quấy, nên có giữ văn khúc lưu, chống đối cho là thuyết dị đoan, khéo nói tà đạo, dẫn làm đồng thuyết của mình. Tuy chí đạo không tổn hại mảy may, nhưng ngụy thuyết có vô số kẻ thấy nghe, do đó mà đường tối dễ rơi vào, cửa thánh khó bước đến vậy!

Đất nước mà ta vốn có, chúc mừng kim luân, điềm lành đúng với Ngọc lịch, sang bằng sáu hợp mà sáng ngời yên định, thống nhất muôn nước để nắm giữ cương giới; đông tới bàn đào, tây cùng tế liễu, phía nam dời đỉnh vàng, phía bắc tận Ngọc Hành. Từ các đời Tôn Lư Hách Tế trở đi, sáu đời Tần, Hán, Tùy, Đường, chưa có đời nào thịnh như đương triều vậy. Các vị Thái tổ Thái tông ban minh chiếu mà che chở giúp đỡ, Nguyên Đế, Minh Đế bỏ vàng ngọc để tu kính, tâm đều lo nghĩ phó chúc, dạy cùng kính ngưỡng từ bi, miễn bỏ thuế dịch, mở mang phong hóa. Nay, Thượng Hoàng Đế, lòng nhân sâu trí sáng, thể đạo khoan dung, gánh vác nghiệp lớn của bốn Thánh, biên soạn sự mạnh mẽ của trăm vua, muôn dịp nhàn rỗi, mến đoái hoài cửa Phật, đọc lời văn vàng ngọc của trăm ngàn tạng, mở thắng hội với số muôn vị tăng, trồng phước vườn giác ngộ, xây dựng chùa miếu, chính sách mến chuộng khoan dung, nhân từ thấm khắp dân đen. Tìm giúp kẻ hèn kém, cất nhắc người hiền ngu, thấu rõ sự cạn sâu của Phật giáo và Đạo giáo, thông suốt sự hơn kém giữa chánh tà. Các đạo sĩ không biết nên coi khinh quốc gia, xem thường dễ kẻ ở phương bắc, phóng tứ biện luận ức đoán riêng, như Khâu Xử Cơ vọng nói xiểm nịnh với kẻ trên, Lý Chí Thường kiêu sức a dua, nhóm bọn tội đồ trốn dịch, kết thành ngụy điển bài xích Phật giáo, khiến Cô Chương thủ biên vọng thuyết, Sử Chí kinh lại rộng bày văn tà. Bắt chước Đức Như Lai có tám mươi hai khám, tạo thành Lão Tử có tám mươi mốt hóa đồ, xưa nay không biện luận, kinh sử chẳng làm thông, trộm cắp sách Phật lấy làm Đạo giáo, lấy điều tốt của Đức Thích-ca làm điều tốt của Lão Tử, đổi họ thay tên, lấy phúc lành của Phật làm phúc lành của Lão, tự chuyên lấy làm đức của mình, trong tà ngụy lại sinh tà ngụy, trên hư dối lại thêm hư dối. Đặt bày Lý Đam xuất hiện trước thời trống không rỗng rang, khuất phục Đức

Thích-ca đản sinh vào đời Chu Trang Vương. Lập truyền đồ tượng, thực hành ấn bản lưu thông, giúp Y Hỷ thành Phật, tôn xưng Lão Đam là Tổ của Phật Thích-ca, Phục Hy trao truyền chỉ dạy. Cao Bá Dương là thầy Phục Hy Thần Nông, Hoàng Đế Hiên Viên hỏi đạo ngài Quảng Thành, cho là Lão Tử, vua Văn Vương coi Lã Vọng là thầy, Nữu là Lão Quân. Chu Công Đán quỳ gối trước giường (Lão Tử đem kinh Tuyền Cơ mà chỉ dạy). Khổng Tử gục đầu dưới tòa (để hỏi Lễ), diệt cả tam giáo mà riêng bày, vượt cả ngàn thánh mà ở ngôi tôn quý, riêng cao trước năm vận, làm thầy trong trăm đời. Trong địa vức chỉ riêng mình Thánh, còn có ai đâu? Khéo điểm tô trăm mối hoàn toàn không một điều thật. Thế đủ rõ âm mưu ấy vậy, ý muốn dứt bỏ trăm họ riêng chuyên một tông, khỏa lấp Thánh công của Phục Hy; Hiên Viên, diệt bỏ khuôn phép của Thích-ca và Lão Tử. Đầu tội ác lớn, người đời không biết. Tuy có làm loạn chính sách nhà Hạ, vương mãng xem thường nhà Hán, cũng chưa đủ quá vậy!

Nếu Chúa thượng chẳng phải là bậc Minh thánh sáng soi không sai lầm, thì ai có thể giám xét biện biệt chơn ngụy, hay biết phải quấy? Do đó mà đặc biệt xuống chiếu kén chọn chuẩn định hư thật, muôn năm hung tài một lúc nhổ sạch, bèn có thọ giáo ở Tôn sư Hoà Thượng thiếu lâm là trụ sở Tổ đình là rường cột trong phạm vũ. Ngài với tư chất ngay thẳng mà vô tư, tánh sâu lắng nhưng sâu rộng, thương kẻ ngu mù mênh mang giữa cồn bãi mê mờ, quét sạch yêu khí giữa trường không, dựng cao mặt trời Phật mà soi sáng.

Tường Mại tôi nghe luận ấy, không thể tiếc lời, mừng sức thần minh của thánh Chúa, vui sự đối đáp tao nhã của Hòa thượng Thiếu lâm, nhờ vào chánh điển phá dẹp tà đàm, lấp cội nguồn luận thuyết, luống dối, xô ngã rừng rậm núi tà. Khiến Đại la ngọc đế kinh hồn trong cửu thiên, Nguyên Thỉ thiên tôn khiếp đảm trên tam thanh, giáo chủ vạn Thiên thẹn thùng, khó phân bua cho phải lẽ. Chín phủ động tiên hổ thẹn kinh hoàng không đất dung thân. Vả lại, điều chương số mục phân biệt nêu bày cùng chung mẫu mực, khiến vàng thau mỗi màu tự phân rành đục trong. Nước ngọc rưới lòng, khiến mê bóng nhoáng mà gột tan. Mũi vàng gọt mạc, khiến mắt sáng để phân minh, làm ánh sáng ban đêm soi nhà tăm tối, làm gương trong sáng chiếu rọi đường mờ. Nhưng bậc thông minh đạt sĩ biết đạo ấy vậy.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ 2 (1265) - tháng Tính kỷ
Dương Phục, năm Chiêu Mông Long tập.
Viết xong tại Lan nhã vạn thọ.

1) Ngụy Bày: Vọng Dựng Lập Thiên Tôn

Trong hóa đồ thứ nhứt nói: Đạo là cha mẹ của muôn sự biến hóa, là cực tôn của tự nhiên. Ở trong u huyền vi diệu ấy sinh ra không động (rộng rãi mà trống không), không động tức là thuần nhất vậy. Sau khi khí của thuần nhất hóa sinh trải qua chín mươi chín muôn ức chín mươi chín năm mới hóa sinh thượng tam khí. Tam khí ấy lại trải qua chín mươi chín muôn ức chín mươi chín năm, tam hợp thành đức cùng sinh vô thượng; là hư hoàng thiên tôn. Lại trải qua số năm như trên mới sinh trung tam khí, tam hợp thành đức mới sinh huyền lão; tức là Nguyên thỉ thiên tôn vậy. Lại trải qua số năm như trên mới sinh hạ tam khí, tam hợp thành đức cùng sinh Thái thượng; tức Thái thượng đạo quân vậy. Từ đó về sau, mỗi lại sinh tam khí, mỗi khí cách nhau tám mươi mốt muôn ức, tám mươi mốt muôn năm tam hợp thành đức cùng sinh Lý lão quân. Tuy bốn thánh lần lượt xuất hiện, mỗi vị chẳng nhân nhau, gọi đó là Độc hóa, Lão Quân ra đời, sau đó mới sinh Ngũ vận; tức là Thái Dịch, Thái Sơ, Thái Thỉ, Thái Tố và Thái Cực. Trong hóa đồ thứ năm nói rằng: Lão Quân là tổ tông của hỗn độn. Là cha mẹ của trời đất, nên có khả năng phân bố trong đục, mở đóng đất trời.

Biện luận rằng:

Nghe rằng: Trong văn của Long Đồ Điểu Triện, trong điển Quy Thư Khoa Đẩu, trong ký Ngọc Bản Ngọc Mưu, trong thư Kim Đằng Kim Quỹ, trong chương Tần Hán Ngụy Tấn, trong giản Tống Tề Lương Trần, ghi sự ghi sử, viết thẳng nói thẳng, chẳng thấy tên của Hư Hoàng, không nghe danh hiệu Nguyên thỉ, sao có tay cầm ngọc khuê, thân mang áo vàng, đảnh xõa tóc trắng, đầu đội mũ vàng, biệt hiệu là Thiên Tôn, cao kính trên tam thanh, riêng xưng giáo chủ, thống ngự ở cung cửu hoa. Giả sử có tên gọi Thiên Tôn đều là trộm cắp lời Phật. Trong kinh xưa, gọi danh hiệu Phật là Thiên tôn, không quan hệ gì đến việc của Lão Quân. Trộm từ tôn xưng quý đẹp của người vọng tự tôn nghiêm mình. Lấy niềm tin đối với người thông bác, ấy là lời sai lầm.

Xét các bộ “Liệt tử” và “dịch câu mạng quyết” đều nói: “Trước lúc trời đất chưa sinh, có Thái Dịch, có Thái Sơ, có Thái Thỉ, có Thái Tố, có Thái Cực”. Thuyết giả đều nói: Thái Dịch là chưa thấy khí vậy, Thái Sơ là ban đầu của khí, Thái thỉ là ban đầu của hình, Thái tố là ban đêm của chất, Thái Cực là chất hình đã đủ, hỗn độn chưa phân. Sau Thái Cực mới sinh lưỡng nghi, tức là trời đất. Phàm Danh từ Thật sinh, Thật từ Danh khởi, Danh thật đã có thì đạo mới hành hóa. Trước Thái Dịch, mịt mờ không động, mây mù mênh mang, vốn không âm dung,

sao dối bày được? Cửu khí vọng sinh bốn người, trên hư lại sinh hư, dường như gõ không mà cầu âm hưởng, trong Ngụy sinh Ngụy, như đuổi bóng mà tìm dấu vết. Sao không suy nghĩ: đã lập danh thì phải có hình thể, đã lập hình thể thì phải có dòng họ. Vả lại, đạo Hư Hoàng Nguyên thỉ ai là người sinh ra? Thuộc dòng họ gì? Cư trú tại đâu? Nếu có nguồn gốc thì xuất xứ từ sách nào? Nếu không có nguyên do tức là dối bày. Thêm nữa, trước khi không động, vốn không có số năm, nay nêu số năm, càng thấy rõ sự dối bày. Bởi vì, số mục phát xuất từ thời Phục Hy, từ năm giáp tý xưng gọi Hoàng Đế. Đem việc ngày nay, ghi chuyện ngày xưa, điên đảo sao nhiều thế! Vả lại, tam tôn ở trên là hữu hình hay là vô hình? Nếu là hữu hình, chẳng ở trên Thái Dịch, nhờ từ cha mẹ mà sinh, tức phải có năm tháng, ngày giờ, nơi chốn, dòng họ tên gọi. Ở trên nói: "Tam khí hợp đức mà sinh" vậy thì dùng khí sinh khí, cùng với khí không khác, đâu có hình tướng, tên gọi? Nếu là vô hình, tức vốn không sinh vị, sao ở hóa đồ thứ bảy nói: ngày mồng 02 tháng 09 niên hiệu Thượng Hoàng thứ nhất, Lão Quân đi đến Tây Hà, gặp Nguyên Thỉ Thiên Tôn ngồi xe ngọc tám cảnh, trên rồng đen chín màu, các tiên theo nhau, tay cầm tràng hoa, sư tử hạc trắng, hót ca hòa reo cùng lên trên Tây Hà, trao ngọc phù cho Lão Quân động Huyền. Đó là ai? Tới lui tìm cầu cả hai nơi đều không chuẩn đích, cho nên biết Hải Táo hư đàm, có danh không thực, vẽ băng khắc tuyết, uổng phí từ chương. Chỗ mà núi biển chẳng thâu, hư không chẳng nhận, dung ngu xảo trá phô bày đâu đáng tin. Lão Quân suy ở thời Trụ sử nhà Chu, cuồng bày là tổ tông của hỗn độn, lánh loạn thời Chu mà qua Hàm Quan, vọng nói là cha mẹ của trời đất. Đã tự nói trái nhau, sao chứa tên để đánh nhau? Bít tai trộm chuông, muốn ẩn càng lộ.

Trong chương đạo đức nói: "Ta (Lão Quân?) có ba thứ báu, do quí báu nên phải giữ gìn nó, đó tức: một là từ, hai là kiệm và ba là không dám làm trước mọi người". Vậy mà Lão Quân hiến dâng vợ con vua Hồ, đánh nhau với lính Hồ, vậy làm gì có Từ? Cỡi xe ngọc hành, ngồi trong cửa vàng, mặc áo ly la chín màu, che lọng thêu hạc chín sắc sáng ngời, vậy làm gì có kiệm? Sinh từ vô thỉ, khởi từ vô nhân, làm trước muôn đạo, làm Tổ của Nguyên khí, xét hỗn độn từ lúc chưa chia, xem đục trong từ thuở chưa phân, làm thầy của Đế Vương, làm mẹ của trời đất, vậy làm gì mà không dám làm trước mọi người? Ông Cao Hiến tự là Trọng Thường ở Liêu Dương đến Bạch Hạc Quán ở Đông Kinh, thấy tượng Tam Thanh, bèn chỉ tượng bên phải và hỏi: "Đó là tượng ai?" - Quán chủ đáp: "Tượng Đức Lão Quân". Hỏi: "Người thuộc thời đại

nào?" Đáp: "Thời Chu Định Vương". Lại chỉ tượng bên trái hỏi: đó là tượng ai? - Quán chủ đáp: "Tượng Đạo Quân". Hỏi: "Người ấy thuộc thời đại nào?" - Quán chủ bàng hoàng chưa đáp, Cao Kiến chỉ tượng đứng giữa và hỏi: "vả lại, phải chăng đó là Nguyên Thỉ Thiên Tôn?" người nghe đều cười.

2. Ngụy Bày: Sáng Lập Niên Hiệu Kiếp Vận.

Trong hóa đồ thứ ba nói: Ban đầu thì khí của Thái Hư, khí ấy đánh nhau, bắn nhau qua lại rối loạn, sau trăm ức muôn khí, khí ấy mới thong thả lưu hành qua lại, là khí tự nhiên (đây là trộm sự phong luân xoay lại khi thế giới mới hình thành trong sách Phật). Lại gọi là khí của Di la vạn phạm, lại trải qua chín muôn chín ngàn chín trăm chín mươi chín ức khí, kết khí cát tường thành một bậc thánh, tự lấy hiệu là Nguyên Thỉ Thiên vương, đồng thời sinh ra Ngũ Lão (đứng đầu Ngũ Hành) kiếp ấy hiệu là Diên Khang, niên hiệu Long Hán. Lại trải qua số khí như trên mới sinh ra Đạo Quân, thời kiếp ấy hiệu là Xích Minh, năm cũng hiệu Xích Minh, đồng thời sinh ra Cửu Lão, chia làm chín trời. Lại trải qua số khí như trên, mới sinh ra Lão Quân, kiếp tên là Thanh Vận, niên hiệu là Thượng Hoàng. Lúc ấy sinh ra Bát Công, lại lập ra Ngũ Vận là Thái Dịch, Thái Sơ v.v... Lão Quân mới lấy hai khí âm dương kết thành hỗn độn mà phân bố trời đất muôn vật mới cùng khắp vậy.

Biện luận viết:

Nghe rằng: trong Chí của Ban Cố Luật dịch, trong sách sử ký Thiên Quan, Đế Niên của Hoàng Phủ Bật, Đế Kỷ của Đào Ẩn Cư chưa nghe trước Ngũ Vận từng có niên hiệu, trong Tam khí luống lập ra tên kiếp, đã chưa hình thành đục trong, chỉ là một khí rộng lớn, sao có Lão Quân nguyên thỉ; Ngũ Lão; Ngũ Thiên? Tuy bắt chước theo Phật đặt ra tên kiếp mà chẳng hiểu rõ số thành hoại. Tiếng Phạn gọi là "kiếp-ba" Hán dịch là thời phần, thời tuy có dài ngắn đều đặt ra tên kiếp. Hiểu lầm tiếng Phạn, mê hoặc thể tướng. Khi Phật giáo chưa truyền đến xứ này, chỉ có kiếp sát và kiếp tặc, nên trong "thuyết văn" của Hứa Thận nói: "Đem binh hiếp người gọi là kiếp". Lại nữa Tào Mạt, tướng nước Lỗ cướp đoạt hoàn công trên đàn, tìm chỗ xâm chiếm đất, đó là bức hiếp cướp đoạt gọi là kiếp, đâu có nói kiếp vận ư? Nay bày lời này là thấy rõ vọng trộm vậy.

Phàm danh vị đã có, niên hiệu đã bày, sắp dùng thống lãnh muôn phương, chỉnh tề bốn biển, hỗn đồng chín cõi, đồng một xe sách. Thiên tử chí tôn được lập niên hiệu, kẻ không danh vị chẳng dám lập vậy.

Như Đức Khổng Tử tuy là sau đặt ra sách vở tiết lễ, phân biệt vua tôi, vì không phải là hiền vị nên chỉ là Tố Vương. Huống hồ Lão Đam liệt vào hạng bề tôi ở thời Trụ sử nhà Chu, mà dám trộm danh Đế Vương, vọng kiến lập niên hiệu ư? Thứ nữa, huống gì trước thời Hiên Hoàng, vốn không có tên năm Giáp tý (thần Đại Nhiêu ở thời Hoàng Đế tạo lập tên năm Giáp tý) ở thời Hán Võ mới lập niên hiệu (Võ Đế mới lập niên hiệu). Đem việc xưa nêu bày việc xưa, cũng đâu là ngụa. Hoặc có người nói rằng: "Lão Tử sinh ra trước trời đất, lập riêng niên hiệu đâu có gì sai trái?" - Đáp rằng: đã ở trong trời đất, mới là trước Thái Dịch, thế giới chưa thành hình, vua tôi không dấu vết, mịt mờ vắng lặng, chỉ là một khối mênh mông, vậy kiến lập niên hiệu để thống lãnh người nào? Như thế, rõ biết trộm lấy ý nghĩa kiếp Trang Nghiêm, kiếp Hiền, kiếp Tịnh Tú của Phật mà lập danh mục Diên Khang, Xích Minh và Thanh Vận này. Trong đạo Phật nói rõ ba đời, ở đây chỉ nói một thời. Chính là đồng rợ Khương trên núi trộm áo của vua, mê hoặc đảo điên, trên dưới mất cả thứ lớp. Trở xuống lại nói: "Lão Tử sinh ra Thiên Cương Lý Cốc, tự là Quang Minh". Vậy thì sau thời Tam hoàng, Lão Quân đâu thể dùng hai khí âm dương kết làm hỗn độn mà phân bố trời đất ư? Hai môi đầu đuôi xuyên tạc thấy rõ vậy.

3. Ngụy Bày: Chia Phân Ba Cõi

Trong hóa đồ thứ năm nói: trời đất có hình thể rất lớn, Thái Thượng Lão Quân là tổ tông của hỗn độn, là cha mẹ của trời đất, nên có khả năng phân bố đục trong, mở đóng trời đất. Vận huyền nguyên thỉ tam khí mà thành, trên trời là thanh ba cảnh, tức thỉ khí là Ngọc thanh cảnh, nguyên khí là Thượng thanh cảnh, và huyền khí là Thái thanh cảnh. Lại đem khí ba thanh, mỗi khí sinh ra ba khí, cộng chung thành chín khí mà làm chín trời: một là trời Uất đơn, hai là trời Thượng thiền thọ vô lượng thọ, ba là trời Phạm lam tu diên, bốn là trời Đâu-suất vắng lặng, năm là trời Ba la ni mật bất kiêu lạc, sáu là trời Động huyền hóa ứng thanh, bảy là trời Linh hóa Phạm phụ, tám là trời Cao hư thanh minh, chín là trời Vô tưởng vô ái. Chín tầng trời này mỗi tầng trời sinh ra ba khí, mỗi khí là một trời, cộng chung thành hai mươi bảy trời, cộng với chín trời trên thành ba mươi sáu trời, thì trên cùng ba cõi, bốn dân thượng cực Tam thanh, là số ấy vậy. Bắt đầu từ dưới là sáu tầng trời cõi Dục, tức: 1/ trời Thái Hoàng, 2/ trời Thái Minh, 3/ trời Thanh Minh, 4/ trời Huyền Thai, 5/ trời Nguyên Minh, 6/ trời Thất Diệu. Kế đến là mười tám tầng trời cõi Sắc: 1/ trời Hư vô, 2/ trời Thái cực, 3/ trời Xích Minh, 4/ trời Cung

Hoa, 5/ trời Diệu Minh, 6/ trời Hoàng giá, 7/ trời Linh Minh, 8/ trời Đoan tĩnh, 9/ trời Nguyên Minh, 10/ trời Cực Diêu, 11/ trời Nguyên Tải, 12/ trời Thái an, 13/ trời Cực phong, 14/ trời Thỉ hoàng, 15/ trời Thái hoàng, 16/ trời Vô Tư, 17/ trời Nguyễn lạc và 18/ trời Đàm Thệ. Kế đến là bốn tầng trời cõi Vô Sắc: 1/ trời Tiêu khánh, / trời Nguyên Đồng, 3/ trời Diệu thành, 4/ trời Cấm thượng. Hai mươi tám tầng trời này gọi là Tam giới (= 3 cõi Dục, Sắc và Vô Sắc). Trên đó lại có bốn tầng trời gọi là Chủng nhân thiên: 1/ trời Thường dung, 2/ trời Ngọc long, 3/ trời Phạm độ, 4/ trời Cổ Dịch, bốn tầng trời này vượt ngoài ba cõi. Lại nói rằng: ba tầng trời trên là cảnh ba thanh cảnh: 1/ trời Thái Xích, / trời Vũ Dư, 3/ trời Thanh Vi, và trên cùng là trời Đại La. Bao gồm tầng các trời cùng cực cao vô thượng, Huyền Đô Ngọc kinh trấn giữ ở trên đó, là chỗ của Tam Tôn vậy. Lại nữa, trong Thái Tiêu Ẩn thư chép: Đại Đạo Quân trị ở trên năm ươi lăm tầng trời vô cực trong Đại La trên Ngọc kinh, Huyền Đài bảy báu, giường vàng ghế ngọc, chỗ Kim Đồng Ngọc Nữ hầu hạ, trú ở trời ba mươi hai; ngoài ba cõi.

Biện luận rằng:

Nói rõ ràng: phám sách của Thân rắn (Phục Hy) Đầu trâu (Viêm Đế), Điển của Long sư (Thái Hạo), Phụng Kỷ (Thiếu Hạo), cáo của Đàm Thiên (Trâu Diễn), Luận Thiên (Hoàng Liêu), Đồ của Quát Địa (Địa Chí), Dư Địa (Địa Đồ), Cam thị Tinh kinh trương Hành Linh Hiến, chẳng nói hiệu của Tam Thanh, chẳng phải nghe tên của Đại La đều là nương vào kinh Phật, sửa đầu đổi đuôi, lượm lặt danh tướng của người ta trang sức chải chuốt sách mình. Vả lại, cội nguồn của Đạo giáo, bắt nguồn từ thời Hoàng Đế, mà Lão Tử, Quyên Tử, Liệt Tử, Trang Chu, Hạt Quan, Y Văn, chia những điều các nhà Hiền Triết phân làm chỗ của Đạo giáo nói, đồng thời không nói đến việc trời, chỉ trong Linh Bảo Kinh do Trương Đạo Lăng góp nhặt, mới nói ba mươi hai tầng trời. Bắt chước thần chú của Phật mà tạo mật ngôn, từ đó về sau, sách của Đạo giáo cổ xúy lẫn nhau, không cành dẫn lan, chỉ là luống dối hạng hạ tục. Phật giáo chưa truyền đến, sao gọi là không nói? Kinh Phật truyền bá rộng mới đề xướng tên gọi ấy, rõ danh, tu tĩnh tăng thêm ba trương vọng xiển, chó trộm chuột cắp có gì đáng quý? Nhĩ Nhã lập bốn hiệu ước, gồm có bốn thời. Thuyết chín trời của Thái Huyền y cứ vào chín hữu, chẳng giống như Đạo gia dối thêm số mục. Trời vốn định thể, đâu có ít nhiều? Nay các thuyết khác nhau, rõ ràng biết là vọng lập. Xet do ba cõi, ba nghiệp trong kinh Phật chiêu cảm nên, tổng cộng có hai mươi tám, ở cõi Dục có sáu, cõi Sắc có mười tám và cõi Vô Sắc có bốn. Đầy

đủ các dục hấp dẫn, gọi là cõi Dục. Hình sắc siêu tuyệt gọi là cõi sắc và căn thức cả hai đều mất gọi là cõi Vô Sắc. Vượt đó mà đi gọi là ra khỏi sinh tử, xả bỏ thân sau của phần đoạn. Dứt tuyệt hình danh mà không nương gá, lám sao có cảnh của Huyền đô, núi của Ngọc kinh, việc của Kim Đồng Ngọc Nữ giao tạp và trang sức của xe quỳnh trướng ngọc? Vọng trộm chẳng thật, ngay đó thấy rõ vậy.

Thử hỏi các đạo sĩ: Ba cõi từ đâu mà lại? Do công gì cảm nên? Thích danh biện tướng, toàn bộ chẳng thể biết. Vả lại, cùng cực Tông chỉ của Đạo giáo chỉ đều sinh lên cõi trời. Linh Bảo huyền diệu, kỳ tham vũ hóa. Khó lánh bốn tướng sao khỏi được năm suy? Nổi trôi trong sóng nghiệp, trôi lăn trong sinh tử, giả sử nghiệp thức mịt mờ, chứa nhóm nguồn khổ mênh mang, trôi lăn mãi chẳng trở lại, đâu thể dứt than sao! Như Uất-đầu-lam-phất, lấy đó làm kinh nghiệm vậy.

4. Ngụy Bày: Tùy Thời Đại Mà Làm Thầy Đế Vương.

Trong Hóa Đồ thứ 11 nói: Lão Quân ở thời Phục Hy, hiệu là Uất Hoa Tử, nói kinh Nguyên Dương, dạy cho Phục Hy, bắt đầu cho nhân luân họa vẽ bát quái. Ở thời Chúc Dung, hiệu là Quảng Thọ Tử, nói Án ma thông tinh kinh, dạy cách dùi gỗ ra lửa, nung đúc đồ dùng. Ở thời Thần Nông, hiệu là Đại thành tử, nói Thái nhất nguyên tinh kinh, dạy cách gieo trồng ngũ cốc, bào chế các loại thuốc. Ở thời Hoàng Đế hiệu là Quảng thành tử, để dạy đạo giữ thần giữ tính. Ở thời Thiếu Hạo, hiệu là Tùy Ứng Tử, nói Trang kính kinh để dạy Điểu quan làm theo lý, phân bố chín hỗ để thống lãnh trăm ti. Ở thời Chuyên Húc, hiệu là xích tinh tử, nói những lời vi mật. Ở thời Đế Khốc, hiệu là Lục Đồ Tử, nói Huỳnh đình kinh. Ở thời vua Nghiêu, hiệu là Vụ thành tử, nói Tuyên Hóa kinh. Ở thời vua Thuấn, hiệu là Y Thọ tử, nói thông huyền kinh gồm bảy mươi quyển, lại nói đạo đức kinh một ngàn hai trăm quyển. Ở thời Hạ Võ, hiệu là Chân Hành tử, nói Nguyên Thỉ kinh gồm sáu mươi quyển. Ở thời vua Thang nhà Ân, hiệu là Tích tắc tử, nói trường sinh kinh hai mươi quyển. Ở thời Chu Văn Vương, hiệu là Tiết ấp tử, nói xích tinh kinh, để dạy đạo nhân hiếu. Cho đến nói rằng các bậc quân vương thời thượng cổ đều thọ giáo với Lão Tử, sau đó mới tạo tác mọi vật vậy.

Biện luận rằng:

Phàm các bậc Hiền và Thánh, danh vị khác nhau, các bậc hiền triết xưa nay chỗ xuất xứ đều khác. Trang Chu nói rằng: "muôn đời mới có một lần gặp được bậc Đại Thánh, giống như sớm chiều qua đi" đó là nói số bậc Thánh ra đời phô bày điềm lành, ứng theo thời kỳ cả ngàn

năm, thích hợp với thời vận, riêng bày đặc tú khác hẳn thường lưu, nên được làm thầy các bậc Đế vương, các nước chư hầu lễ trọng. Muôn năm gặp một lần, còn như sớm chiều, đâu có mỗi thời đại xuất hiện?

Lý Nhĩ là người lui về tĩnh lặng, trong sử ký gọi ông là Ẩn Quân tử. Lánh loạn qua cửa, ở dưới lành Hòe, dấu thân dưới trụ, vốn là kẻ bề tôi. Phẩm vị chưa qua Thượng Giai, danh tiếng chưa ghi ngang Thai phụ, sao bèn cất nhắc lên địa vị bậc Thánh, làm thầy Đế Vương được? Dối trá chẳng kinh hãi mắt tai của người, đống đất mà muốn ngang hàng núi Tung Hoa, ai chịu nương tựa. Ao nước đọng mà nghĩ rộng như bể cả mênh mông, là điều khó tin vậy. Đâu có sau khi khai thiên lập địa hơn muôn ức năm, trong suốt thời gian ấy, không một ai siêu xuất khác thường, chỉ có Lão Tử làm thầy Đế Vương vậy? Ba phần (= Phục Hy, Thần nông, Hoàng Đế) năm điển, tám Sách, chín Khâu, Khổng Tử viết sách Xuân thu, khâu minh quốc ngữ, các thuyết khác nhau của trăm nhà hiền triết, tạp đàm của chín học phái... đều không nói Lão Tử làm thầy. Chỉ do đời sau, các đạo sĩ vô tri vọng soạn lời ấy, muốn làm cho mình Lão Tử vượt cao trên các Thánh, tốt đẹp thì thật là tốt đẹp mà hư dối cũng rất hư dối. Vả lại, Phục hy Thần nông đều có Thánh Đức, Hiên Hoàng, Nghiêu Thuấn đều được tôn xưng là minh quân. Hoặc có vị từ thuở nhỏ đã có khả năng ăn nói, mới sinh ra đã biết Đạo mầu, há còn nhờ cậy Lão Tử dạy bảo, sau đó mới tạo tác mọi vật ư? Huống hồ trong sách truyền ghi chép, sử xưa có nói rõ (có các bộ sử xưa khảo cứu cùng các bộ hiện thời đều nói rõ nguồn gốc của tạo vật) như là:

Người nước Toại dùi lửa, Phục Hy họa quẻ, Viêm Đế cấy cày, Nữ Oa tạo Hoàng (= kiên), Hoàng Đế xây cung thất, Hiên Viên miện lạc có ao Hàm, chuyên húc làm lục anh, vua Nghiêu có Đại Chương, vua Thuấn có Đại Thiều và làm cờ vậy, vua Võ có Đại Hạ, vua Thang có Đại Hoạch, vua Văn có Tịch Ung, vua Võ có Hạ Võ Cổn làm thành quách, Xuất Vưu làm binh khí, Kỳ Bá làm thuốc, Dũ Phụ có Mạnh kinh, Linh Luân chế luật, Lệ Thư làm toán, Dung Thành làm lịch, Đại Nhiêu tạo ra giáp tý, Hề Trọng làm xe, Tào Hồ chế áo, Bá Dư chế Xiêm, Ư Tắc làm giày, Cộng Cổ làm thuyền chèo, Cự Huy làm cung, Di Lao làm tên, Hoàng Ung Phụ làm cối chày, Mạnh Trang Tử làm móc sắt, vua Triệu Võ Linh làm giày, Tô Uy Công làm sáo, Bạo Tân làm huyên, Tôn Thúc Quân của Hậu Tắc làm cày, Mông Điền làm bút, Thái Luân làm giấy, Hạ Côn Ngô Thị làm ngói. Các vị trên đây mỗi vị đều có vua của họ, các sách ghi rõ, đâu được tự khoe nhận mình tạo?

Lại nữa, Chu Dịch hệ từ, Khổng Tử thuật lại, nói rõ việc của các

bậc đế vương thời xưa chế tạo, như nói vua của Bào Hy Thị là thiên hạ, xem hình tượng ở Thiên phủ xét ở đất, gần thì lấy ở các thân, xa thì lất ở các vật, mới họa vẽ bát quái để thông với đức của thần minh, để giống với tình của muôn vật, thắt dây để kết thành lưới, để làm ruộng; đánh cá, bởi lấy quẻ ly, họ thần nông chế tác lưới cày để lại, vì làm lợi cho muôn dân, nên giữa ngày làm chợ, đổi chác có không, cho đến hoàng đế Nghiêu, Thuấn rủ áo Xiêm cai trị nhân dân, bởi lấy ở trời đất. Trình bày pháp dịch tạo vật như thế, chẳng nói là do Lão Tử tạo nên vậy. Trộm công nghiệp của người khác làm của mình, khoe danh tự cao, người quân tử không làm như vậy.

Lại nói rằng: "Lão Tử vào thời vua Nghiêu hiệu là Vụ Thành Tử" xét theo "Hậu Hán ứng thiệu phong tục thông" nói rằng: Đông Phương Sóc là Thái Bạch Tinh Tinh, ở thời hoàng đế là Phong Hậu, thời Đế Nghiêu là Vụ Thành Tử, thời nhà Chu là Lão Đam, ở thời Việt là Phạm Lãi, ở thời Tề là Si Tử. Vậy thì Vụ Thành Tử là Đông Phương Sóc không can hệ gì đến Lão Tử đã rõ ràng quá, sao lại vọng thêm câu dẫn xướng Lão Tử là người thầy ư? Xét theo Lỗ Ai Công hỏi Tử Hạ rằng: "Năm Đế ba Hoàng đều có thầy chăng?" Tử Hạ đáp: "Có! Thần nghe rằng: Hoàng đế học với Thái Chân, Chuyên Húc học với Duyên Đồ, Đế Khốc học với Xích Tùng Tử, vua Nghiêu học với Y Thọ, vua Thuấn học với Vụ Thành Phụ, vua Vũ học với Tây Vương Quốc, vua Thang học với Uy Tử Bá, vua Văn Vương học với giáo thời Tử tư, vua Võ học với Quách Chính, Chu Công học với Thái Công Lã Vọng. Trên đây dẫn trích văn rất rõ ràng mà nói Lão Tử tùy theo thời đại mà làm thầy các bậc đế vương, sao nói ra lời ngông cuồng bồng bột như vậy! Xảo ngôn sao lắm như Hoàng Nhan vậy. Vả lại, Lão Tử suy từ sử thời nhà Chu, sử có ghi văn rõ ràng, vốn là kẻ bề tôi. Trái lại làm thầy các bậc đế vương ở thời thượng cổ, đạp mũ đội dép, sao điên cuồng quá lắm vậy?

Thêm nữa, như văn trên nói: "các bậc quân vương ở thời thượng cổ đều thọ giáo với Lão Tử". Vậy thì, Kiệt Trụ bất nhân, U Lệ vô đạo, vua Tần hung bạo, Vương Mãng soán nghịch, cũng bởi Lão Tử dạy nên. Đã như vậy thì Lão Tử đứng đầu việc bội nghịch, tạo nên đại loạn. Bất trung bất hiếu cũng do Lão Tử gây ra, bất nghĩa bất nhân đều bởi Lão Tử chủ trương. Làm bậc thầy chẳng thấy xấu hổ ư? Lão quân đã nói tùy theo thời đại mà làm thầy, mà từ thời nhà Tần, nhà Hán về sau cho đến triều đại hiện nay, không hiện một lần nào vậy. Nay đã là không thì xưa cũng chỉ hư dối. Vả lại Hán Văn Đế cần kiệm, Hiếu Võ Đế anh minh, Hiếu Minh Đế đạt thì lễ nhạc, Hiếu Chương Đế kiêm đạo nho

nhã, Ngụy Văn Đế phong lưu văn tảo, vua Thế Tổ đời Tấn Minh đạt khoan nhân, Tống Văn Đế rất mực sửa trị thanh bình, Lương Võ Đế văn võ song toàn, Tùy Cao Tổ hòa đồng bốn biển, Đường Thái Tông hỗn đồng một xe sách. Thời ấy chẳng nhờ cậy sự giáo hóa của Lão Tử mà đều được tiếng vàng âm ngọc. Vậy đủ biết dẫn hợp dối bày, uống phí từ chương, chỉ có thể luống dối kẻ dốt nát quê mùa, khó thể tin ở bậc đạt sĩ, tô son điểm phấn, người thấy càng cười chê, cô gái bên cạnh bắt chước nhăn mày, người cùng làng chẳng quý (Ai Công hỏi Tử Hạ họ Văn thời xuân thu cũng có thấy Lưu Hương mới bày Lữ Văn không thứ lớp vậy).

5. Ngụy Bày: Lão Tử Lưu Xuất Tam ĐỔNG LINH BẢO

Trong hóa đồ thứ 9 nói: ngày mồng 1 tháng 3 niên hiệu Trung Hoàng thứ nhất, Thái Thượng Lão Quân ở tại Ngọc Thanh Thiên Kim Quyết Thượng Quan, soạn tập Linh Thiên, lấy làm kinh báu gồm ba trăm quyển, Phù Đồ có bảy ngàn chương, Ngọc Quyết chín ngàn thiên. Lão Quân lúc ở Thượng Tam Hoàng xuất hiện, làm Pháp sư của muôn trời, hiệu là Pháp sư Huyền Trung. Niên hiệu Long Hán thứ nhất, trao cho Thượng Tam Hoàng Động Chân kinh mười hai bộ, đem đạo vô cực xuống dạy người đời, lúc đó con người thọ đến chín muôn tuổi, lúc ở tại Trung Tam Hoàng, hiệu là Cổ tiên sinh, niên hiệu Xích Minh thứ nhất trao cho Trung Tam Hoàng Đổng Huyền kinh mười hai bộ, dùng đạo lý vô thượng chánh chân để dạy người, lúc đó con người thọ đến sáu muôn tuổi. Lúc ở Hạ Tam Hoàng ra làm thầy, hiệu là Kim Quyết Đế Quân, niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất, trao cho Hạ Tam Hoàng Động Thần kinh mười hai bộ, dùng đạo lý thái bình để dạy người, lúc đó con người là thọ đến muôn vạn tám ngàn tuổi. Phàm Động Chân, Động Huyền và Động Thần, mỗi vị có mười hai bộ, cộng chung là ba mươi sáu bộ Tôn Kinh vậy.

Biện luận rằng:

Trọng Ni nằm mộng, đạo mười dực mới tuyên bày, Bá Vương qua ải, giáo pháp hai thiên mới mở rộng. Hữu danh là đầu muôn vật, vô danh là trước trời đất. Cuồn cuộn dò tìm, diệu mà đồng huyền, sợ nhục sủng ái mà nhất trí. Thần hang không chết, nhìn lâu sống mãi, dẹp bỏ sự sắc bén giải phân, nhún nhường khiến tự chăn dắt, đó là yếu chỉ của Lão Giáo vậy. Ngoài ra, các thứ giáo điển đều là ngụy thư, chế tạp phàm lưu, chỉ chuộng khoe khoang cạnh tranh, lượm nhặt lời Phật, đổi thể đặt tên. Phỏng theo ba cõi mà lập tam thanh, bắt chước ba đại mà

lập ba Động, luống nhọc giấy mực, vọng trang sức từ chương. Vì sao biết được? Vào thời nhà Hán, Trương Đạo Lăng soạn Linh Bảo kinh, Vương Bao soạn Đổng Huyền kinh, Cát Hiếu Tiên thời nhà Ngô soạn Thượng Thanh kinh. Vương Phù thời nhà Tấn soạn Minh uy hóa Hồ kinh, Bảo Tĩnh soạn Tam Hoàng kinh; sau đổi là Tam Thanh kinh. Trần Hiển Minh thời nhà Tề soạn Lục thập tứ chân bộ Hư kinh. Đào Hoằng Cảnh thời nhà Lương soạn Thái Thanh kinh. Phụ Tuệ Tường cuối thời nhà Tùy đổi Niết-bàn thành Trường An kinh. Về sau, sự việc bị phát giác nên bị giết chết. Căn cứ theo "Tiếu Đạo Luận" của Chân Loan nói: "Các Đạo gia vọng chú giải ba trăm năm mươi quyển của các nhà Hiền triết làm kinh của Đạo giáo". Rõ ràng như thế, đời đời xuyên tạc, người người vọng chế, lượm nhặt của Phật giáo, nêu làm sách của Đạo giáo. Hoặc nói từ động tiên bay đến, hoặc nói Lão Tử tái hiện. Các bậc hiền nhân không thấy, đạo sĩ riêng truyền. Xem thường vua đương thời, chẳng sợ triều hiến. Nên Pháp sư Lâm đời Đường đối trước Hoàng Đế Thái Tông nói: Nếu căn cứ theo những lời bàn luận cung kính ôn hòa thì Đạo giáo chỉ có hai thiên Đạo đức. Nếu y cứ Hán Minh Giảo lượng thì ứng hơn bảy trăm quyển. Theo thuyết của Cát Hồng thần tiên thì chỉ có một ngàn. Theo trong mục lục do Tu Tĩnh dâng vua thì hơn trước chín mươi. Lại kiểm xét Huyền Đô mục lục thì lại trở nên càng nhiều. Ấy đã là trước sau chẳng đồng, rõ biết người đời sau vọng soạn, tăng thêm pho quyển, bổ túc thiên chương. Nương vào kinh Phật, thay đổi đầu đuôi. Hoặc nói từ danh sơn xuất hiện, có lúc đề xướng từ động tiên bay đến. Sao chỉ Hoàng lĩnh riêng biết, bậc Anh hiền ít thấy? Sách vở chẳng ghi, lịch sử chẳng nghe?

Thử hỏi các Đạo sĩ hiện nay: tìm xét các kinh có ra sau này, đó là Lão Tử bày riêng hay là Thiện Tôn nói lại? Nếu là nói lại thì nên có thời gian nơi chốn, thầy trò trao nhận, vậy thì vào năm nào, tháng nào, nước nào, đời nào? Nếu từ trên trời mà nói thì người nào truyền lại? Nếu từ Tây Vức mà đàm luận thì ai là người dịch ra? Nếu họ có chứng cứ thì được lưu hành. Còn nếu là vọng nói, đúng lý là phải xé bỏ thiêu đốt.

Thêm nữa, vào thời nhà Hán, nhà Tấn, tăng sĩ Phật giáo gọi là Đạo sĩ, Khấu Khiêm Chi đắc chí, mạo dụng danh xưng ấy. Nay gọi Pháp sư, càng là kiêu sức. Danh hiệu pháp sư, xuất xứ từ kinh Phật. Vạn quyển của trăm nhà hiền triết vốn không có danh từ ấy. Là thầy của Pháp gọi là Pháp sư, Pháp tức là Sư gọi là Pháp sư. Danh nghĩa chẳng biết, vọng đặt hiệu mình! Xét từ đầu kiếp hiền về sau, có ba đức Phật

xuất thế. Lúc Đức Phật đầu tiên ra đời, tuổi thọ con người là sáu muôn năm. Lúc Đức Phật thứ hai ra đời, tuổi thọ con người là bốn muôn năm. Lúc Đức Phật thứ ba ra đời, tuổi thọ con người là hai muôn năm. Vì sao sửa đổi Tam Hoàng kia vọng hợp số ấy? Lại nữa, ở trước nói: "Trong ba khí trên có hiệu Long Hán xích minh". Lúc ấy, năm vận còn không có, chỉ là một khí, sao có Quân vương của Tam Hoàng, số thọ con người ư? Giả sử ở thời thượng cổ có Năm Rồng; bốn Họ; chín Đầu; mười Kỷ cũng không có Tam Hoàng kiến lập niên hiệu. Thử hỏi: Long Hán; Xích Minh; Thượng Hoàng; Khai Hoàng là niên hiệu của vua nào? Nếu nói có thuyết nói vậy, sao sử sách không có văn ghi rõ. Nếu nói không có bằng chứng, thì không thể vọng lập. Hợp cả hai mối, thì rốt cuộc chẳng có một thật. Thứ nữa, trước thời Phục Hy, văn tự chưa có, sao có ra thiên chương của Tam Động Linh Bảo, và danh từ mười hai Bộ vốn xuất xứ từ kinh Phật. Một đời giáo hóa của Đức Phật, kinh sách được chia thành mười hai bộ loại, các đạo gia không biết danh nghĩa, cớ sao vọng đặt vào sách mình? Như giũa ngọc đẹp để làm đồ sành, tuy chịu khổ nhọc, nhưng người hiểu biết thấy thì chê cười.

6. Ngụy Bày: Lão Quân Du Hóa Ở Chín Tầng Trời

Trong Hóa Đồ thứ 26 nói: Lúc ấy, Lão Quân ở tại Đại Hội Thanh Dương, dẫn Y Hy Nhiễm Nhiễm bay lên không trung. Đầu tiên đến tầng trời thứ nhất, thấy Ba-lợi Thiên Đế ngồi xe Cửu quang nguyên linh, che lọng Thất Nguyên giao thần, dựng tiết năm mầu Nhiếp ma, kim đồng ngọc nữ có chín muôn người, đón rước Lão Quân vào cung Đại Hữu, thỉnh hỏi đạo Tự nhiên. Cứ như thế, các trời Ma-Di, trời Phạm Bảo, trời Hóa Ứng, trời Bất kiêu lạc, trời Đâu-suất, trời Tu-diên, trời Thiền Thiện, trời Uất-Đơn... tùy theo chỗ vua trời nào cũng đều cùng kim đồng ngọc nữ đón rước kính lễ Lão Quân, thưa hỏi pháp yếu. Đến các cung trời đều thiết bày các thứ Quỳnh tương, Bích lễ, Đơn dịch, lưu huân, lan tu, bát triệt, linh chi, trân quả.

Biện luận rằng:

Thuở xưa, Đức Thế tôn lúc mới thành Chánh giác, chẳng rời cây đạo mà lên khắp các cõi trời. Một thân chẳng phân mà cùng khắp tất cả, ngay nơi nhiều là một; ngay nơi một mà nhiều, giống như trăng sáng giữa không gian mà bóng chia khắp các mặt nước. Trời đất hơi than, muôn lổ tức giận kêu vang, lớn nhỏ đều khắp, xa gần không ngăn cách. Vô tâm mau ứng, đâu chỉ có chín tầng trời. Trụ sứ của Bá Chu, Y Hy Hàm Cốc, thân ở địa vị thấp hèn, khó ngang bằng vết chân bậc thánh,

muốn làm đức của mình. Bởi khéo trộm cắp, quỷ thần không biết, đã bị người biết thì chẳng phải tay giỏi. Lìa dục nên được bay lên nhẹ nhàng, thiền định chiêu cảm thần thông. Lão Tử đã không có công ấy, sao có thể bay bổng lên trời?

Ngày xưa, Liệt Tử ở đất Trịnh, vợ chồng đều quên nhau, tai mắt chẳng phân, tiêu nhiên dứt gởi, tâm định thân tan, xương cốt đều dung hóa, sau đó, thân như lá cây khô, theo gió thổi bay khắp đông tây, muôn dặm chỉ trong khoảnh khắc, hơn tuần lễ mới trở lại. Vậy mà Trang Chu chê trách rằng "còn có chỗ đợi chờ", huống gì Lão Đam chẳng dứt tuyệt vợ con (con của Lão Tử tên là Tông, con của Tông tên là Chú, con của Chú tên là Cung theo hầu Ngụy văn Hầu), chưa kịp hình mất, qua ải cỡi xe mỏng mảnh, kinh của Đạo giáo nói về hoạn có thân, há có thể bay lên trời, đạp sương cỡi hạc lướt mây, bắt chước theo Đức Thích-ca mâu ni mà khoe là mình hơn. Vả lại, bố thí nên được phước lớn, giữ giới nên cảm sinh lên cõi trời. Ngươi còn chẳng đạt được nhân đó, làm sao nói pháp cho các vị trời nghe?

Ở cõi dục vốn chỉ có sáu mà vọng nói có chín tầng trời, ở cõi Sơ thiền toàn là người nam mà nói có Ngọc Nữ, hư cấu xiển ngụy khéo nói nhiều mối. Vả lại, Sơ thiền đã vượt lên trên thuyền duyệt là thức ăn, định sinh hỷ lạc, xả niệm thanh tịnh, sao dùng quỳnh tương, Bích lễ, lan tu, bát triệt ư? Cho rằng trên trời đồng với nhân gian, ham thích sự tanh hôi của rượu thịt, tranh giành uế trược của cá hôi, giống như cú mèo đắm thích chuột chết bèn cho rằng ngon đồng với thịt Phụng Hoàng. Trộm nghe chẳng thật, xin bày nói cả nỗi lòng. Cùng quê lắm quái, ít học nhiều lời. Lời nói ấy đáng tin ư?

■

BIỆN NGỤY LỤC

QUYỂN 2

7. Ngụy Bày: Trộm Kinh Giáo Của Phật.

Trong Hóa Đồ thứ ba mươi nói: Vua Hồ thấy đồ chúng của Thái Thượng quá đông, nghi là thấy quỷ mỵ, bèn chất củi để đốt. Lửa bốc cao lên trời, từ thân Lão Quân phát ra ánh sáng, ở trong lửa dữ, giảng kinh Kim Quang Minh cho vua nghe. Vua Hồ càng thêm tức giận, bỏ Lão quân vào trong cái vạc lớn, nấu suốt ba ngày, Lão Quân ở trong cái vạc nóng, hoa sen mọc lên, ngồi trên hoa sen, nói kinh Niết-bàn.

Lại nói: Lão Quân bảo Y Hy làm Phật, làm thầy cho vua Hồ mà sám hối ba nghiệp sáu căn năm nghịch mười ác, mới chỉ dạy năm giới mười điều lành và kinh Tứ Thập Nhị Chương.

Biện luận rằng:

Kỳ lân đánh nhau nên mặt trời mặt trăng khuyết, cá nghê cá kình chết mà sao chổi hiện, núi Đồng sụp đổ mà chuông Lạc vang động, tro lau thiếu nên vầng trăng tàn. Bởi vì cảm ứng đạo giao, nên có giáo tương hòa, lòng người khát ngưỡng, mưa pháp thơm tho. Chỉ bày cởi bỏ trình trần cho kẻ kia, mở mang sự ngu muội cho người khác. Nên Khổng Tử nói: "Không phấn chí không mở mang, không hứng chí không phát sinh ý kiến hay". Đó là nói rõ đợi hỏi mà nói vậy, huống gì các bậc Thánh thiết giáo quyền biến nhiều cách, đâu khiến người khác sinh lòng tức giận đến nỗi mình phải bị lửa đốt và nhận chìm dưới nước? Thật hoàn toàn không biết xấu hổ? Gượng nói với người khác, đâu biết đạo hư đi thực lại. Đục khoét tự dạng khéo hợp tên kinh. Đã ngồi trên lửa dữ, giảng Kinh Kim Quang Minh, ngồi trên hoa sen nói kinh Liên Hoa thì, hai thiên Đạo Đức hẳn là ngồi ngoài đường mà nói, ba bộ Động Huyền vốn đàm luận trong hang nước. Đây đã chẳng thế, kia sao như thế? Vả lại, kinh Kim Quang Minh tánh tướng hiển nhau, kinh Pháp Hoa phá quyền về thật, kinh Niết-bàn nói rõ Phật tánh chân thường, kinh Tứ thập nhị chương là trích từ các kinh mà biên tập thành. Hạng chẳng phải rễ sâu bám chặt, trộm nghe vọng nói. Chỉ miệng nói thẹn, ra

đâu dễ dàng, khó mê hoặc hàng thượng trí, chỉ luống dối kẻ hạ ngu.

Thứ nữa, các kinh nói trên, đã là do Lão Tử trình bày, các Đạo Sĩ phải nên theo đó để học Phật, cớ sao hợp khí làm đạo chuyên môn, phúng tụng Linh Bảo? Thử hỏi: văn trong ba kinh nói rõ nghĩa gì? Kinh tạng Đạo giáo đã chẳng thâu nhiếp đạo sĩ lại chẳng thông sáng. Trộm giáo điển của bậc Đại Thánh làm cực xướng của Lão Quân, thật phù hợp với thí dụ trộm trâu của kinh Niết-bàn, lại đồng với người mù đi lầm vào hang vàng, tuy được vật báu đó nhưng không biết sử dụng thế nào!

Lại nói rằng: "Sám hối ba nghiệp cho đến năm tháng trai pháp", nếu là như vậy thì các Đạo sĩ phải nên thông suốt. Thử hỏi: Sám hối là lời nói gì? Nay đây sám hối là sự sám hay là Lý sám? Nói về pháp môn công đức mà diệt tội hay nói về tâm ngược dòng sinh tử mà diệt tội ư? Tâm năng sám nên có mấy thứ? Tội sở sám an bài ở đâu? Nguyên do của hai chữ "Sám hối" còn ít biết được thì khuôn phép của ba nghiệp, sáu căn, năm nghịch, mười ác, năm giới, mười điều lành, danh từ năm tháng trai pháp nhất quyết không hiểu rõ. Nếu là lời Lão Tử nói thì các Đạo sĩ nên biết đủ cả, nhưng một chữ chẳng thông, thì biết rõ trộm của Phật mà bàn luận càn quấy. Đó là đồng như trộm cắp vật của người, bị chủ bắt được, còn chẳng nhận chịu mà lại biện bác chống cự, đến nỗi đốt kinh thiêu bản mới biết hổ thẹn, người quân tử thận trọng dè chừa trước thì đâu đến nỗi như thế.

8. Ngụy Bày: Lão Tử Kết Khí Thành Chữ

Trong Hóa Đồ thứ tám nói: Thánh kỷ kinh nói rằng: Ngày xưa, Thái Thượng Lão Quân, vào khoảng niên hiệu Long Hán, theo Nguyên Thỉ Thiên Tôn ở tại nước Trung Ương Đại Phước Đường, nói 10 bộ kinh Linh Bảo, đưa ra pháp độ người. Lại ở tại nước Đông cực Đại Phù Lê, đưa ra pháp độ người, dùng bút viết ở rừng Không Thanh. Lại ở cõi Nam cực Thiền Ly, dùng lửa luyện chân văn, oánh phát hình chữ. Lại ở thế giới Tây Cực Vệ La, nước Bắc cực Uất Đơn, đều bày pháp độ người. Lão Quân dùng tinh chân khí ở năm phương kết thành chữ báu, vuông vức một trượng tám, rủ cỏ gai làm hình vân triện, hình dạng chim bay, để lập văn chương. Lại nói rằng: "Phần điển tự ta mà có ra, kinh tịch từ ta mà sinh ra".

Biện luận rằng:

Phàm nguồn gốc văn tự vốn từ thời thượng cổ, Phục Hy là vua của muôn dân, ban đầu họa vẽ bát quái, tạo thư khế để thay chính sách thất

dây. Do đó, sinh ra sổ sách, nên có văn khắc trên đá của Thanh Khâu Tử Phủ Tam Hoàng, chữ của Lục Kiểm dây vàng lục giáp linh phi. Về sau, có Thương Hiệt nhân đó mà chế thêm, đại triện phát xuất từ Sử Trứu; Tiểu Triện có ra từ Lý Tư, Phi Bạch bắt đầu từ Thái Ấp, Lệ Thư thay đổi do Trình Mại. Sách Tần có tám thể, chữ Hán có sáu hình. Vàng xấu, vàng đống, rủ mây rủ móc, Thái Diệp, Long Trảo, nhan thể, Pha thư đều theo xưa mà thêm thành, gần đây thay đổi pháp chế, đâu nhờ chân khí mà kết, đâu liên quan gì Lão Tử mà truyền đến? Bít lấp trộm lấy tài năng người khác, phô bày rao bán cho là đức của mình, buông thư trắng mắt, chẳng xấu hổ với bậc danh sĩ!

Ở trên nói rằng: "Long Hán sinh khởi từ sơ khí". Vậy đâu có Lão Tử mà sinh? Đã nói là bút tía rừng sách; mới chỉ sau Mông Điềm. Dắt nay dẫn xưa, xem thường các bậc hiền của ta! Khổng An Quốc nói: sách của Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, gọi là ba phần, nói về đại đạo. Sách của Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, gọi là Năm Điển, nói về thường đạo. Sách dịch thì ba vị Thánh mới định thành, kinh thi là lời của các bậc anh triết, sách Xuân Thu do Khổng Tử sửa chữa nên, sách lễ do Chu Công Đán định thành, sách Nhĩ Nhã do Chu Công Đán biên soạn, sách Quốc Ngữ do Khâu Minh thuật lại, Lưu Hy có thích danh, Hứa Thận có Thuyết Văn. Bì thương có Quảng Nhã, Quế Uyển có Châu Tòng, Ngọc Thiên của Cố Dã Vương, thiết vận của Lục Pháp Ngôn, mỗi bộ sách đều có liên hệ nguồn gốc, chẳng quan hệ gì đến Lão Đam mà nói là "Phần Điển từ ta mà có ra, kinh sách từ ta mà sinh ra". Đó cũng do như Thượng Lâm nói: "Quýt đen mùa hạ chín, cây dương lớn mạnh do suối ngọt phú cho, Ngọc thọ mùa đông tươi tốt". Nghe lời ấy thì mênh mang vui đẹp tai, nhưng cứu xét về việc ấy thì mịt mờ không biết do đâu truyền, huống hồ dối bày tên nước, vọng lượm nhặt trong sách người khác, từ "Đại Phước Đường" đổi thành "Đại Đường" mà lấy tên, "Đông Phù Lê" phỏng theo "Phù Tang" mà lập hiệu. "Nam Thiền Lê" đổi "trùng lê" mà nêu tự, "Tây Vệ La" là trộm ở chữ "Ca Duy-la-vệ", bắc phương lấy đủ tên "Uất Đơn Việt". Không thuộc mười châu, thần dị, trong địa lý không ghi, trong địa đồ chẳng có hình danh. Rỗng không phô bày năm xe, rõ ràng không một thật. Trộm chuông bịt tai, ấy chính là vậy.

9. Ngụy Bày: Ở Thời Chu Văn Vương Làm Trụ Hạ Sử.

Trong Họa Đồ thứ 19 nói: Vào thời Chu Văn Vương, Lão Quân là Tiếp Ấp Tử, bấy giờ, vua Trụ hoang dâm bạo ngược, dân chúng lầm

than, bèn ngồi xe phi tiễn, Phong Bá dẫn đường, Bành Tổ ngồi bên cạnh bay đến phía nam núi kỳ. Tây Bá nghe vậy, trao cho chức quan Thủ Tạng. Võ Vương Khắc Thương đổi làm Trụ Hạ Sử, soạn Xích Tinh kinh, dạy cho vua văn Vương về đạo nhân nghĩa, soạn truyền ki kinh để trao cho Chu Công, đời vua Thành Vương, Khương Vương đời đời làm Trụ Hạ Sử. Vào thời Chiêu Vương có điềm lành khí đen (đây là sự phá Phật sinh ra ban đêm có mười hai vầng cầu vồng vào suốt Thái Vi). Lão Quân trao ẩn văn của tám trời cho Chiêu Vương. Chiêu Vương không sử dụng. Về sau chịu nạn của Giao thuyền.

Biện luận rằng:

Nghe rằng: Ký của Cửu Đầu Ngũ Long, sách của Trọng Đồng Tứ nhũ, văn của Kim Tần Hỏa Hán, Điển của Hoàng Ngụy Bạch Tấn, chẳng nghe Văn Vương bắt chước Lão Tử, Tuyền ki giáo huấn Chu Công. Chỉ nói rằng: Văn Vương bắt chước Thái Công, Võ Vương bắt chước Cơ Đán. Các sách đều ghi lời đàm luận của các vị tiên nho, sao trái lệ của trăm nhà Hiền triết riêng bày lông mắt, rối tâm xương lòa, liếc mắt sinh linh. Phàm muốn làm bậc Thánh, thì nên chuyên sự thật, còn bàn nói không căn cứ, thì tự chuốc lấy sự cười chê của người đời!

Theo Sử ký biệt truyện thì Lão Tử sinh vào thời Định Vương, kế tiếp Lão Tử, cớ sao vọng nói sinh ở thời Tây Bá ư? Đã là bậc Thánh, thấy vua Trụ hoang dâm, nên gắng sức tìm cách can ngăn, chỉ sợ không kịp. Trái lại phó mặc, cỡi xe bỏ đi mà trốn xa. Là một kẻ tôi trung, lại như thế ư? Ngày xưa qua ải, thuê từ giáp để ngồi, cỡi xe bạc phản, nay thì ngồi xe phi tiễn, có Phong Bá dẫn đường, Bành Tổ ngồi bên cạnh. Sao tự cao như thế mà chẳng sửa ư? Huống hồ, thời ấy Bành Tổ đã chết, Phong Bá chẳng chịu dẫn đường. Từ đời Văn Vương Từ Công Lưu về sau, đời đời chứa nhóm nhân hiếu, mỹ hóa đi khắp giang hán, nhân từ đến cả Hành Vi, đâu đợi thọ giáo của xích tinh ư? Chu Công Đán chế lễ soạn nhạc, thay thế thiên hạ, thiết lập kim đằng nói lên thệ nguyện, chế tác chu lễ mà để lại khuôn phép, sao phải dùng giáo nghĩa tuyền ki ư? Chiêu Vương, đương thời tôn xưng là bậc Minh Quân, sử không ghi chép biến loạn khí đen, vọng đổi điềm lành cầu vồng mầu trắng mà gọi là "khí đen". Viện dùng Ẩn Văn, lại thành thuyết của Mạnh Lãng.

Ở trước nói rằng: Lão Quân là Kim Quyết Đế Quân giáo chủ cả chín tầng trời, bày ra mũ Thất Diệu, mặc áo choàng chín màu, ngồi xa ngọc tám cảnh, cỡi rồng thần năm mầu, ở trong cửa vàng, ngồi trong trướng ngọc, tiên đồng hầu hạ bên trái, ngọc nữ phục dịch bên phải, muôn thánh ủng hộ tùy tùng, ngàn linh kính giúp vâng theo. Lão Tử đã

có địa vị cao quý như thế, sao không bằng lòng yên ở, trái lại, đi giữ chức Thủ tạng, cúi mình làm tôi, đứng ở dưới trụ hầu bên cạnh vua, sáng dẫn đường chiều bái lạy, cầm hốt đứng hầu. Bỏ tiên quý trên cây cao, gieo đất tiện chốn hang vắng, thay trên đổi dưới, cớ sao sai lầm vậy? Danh hiệu Tiếp Ấp trong chu thư chẳng chép, kim quyết đế quân, vốn từ đạo sĩ dối bày. Có danh không thực, ai chấp nhận truyền tin cho? Gieo gió tìm hình, trồng điện chớp tìm rễ. Đó chính là vậy.

Nếu vì Chiêu Vương không tin nên chiêu cảm nạn giao thuyền thì Tần Thỉ Hoàng tìm tiên, đích thân ra giữa biển, sóng gió dập dồn muôn vàn hiểm nguy, mong gặp thần tiên. Hư tưởng danh cầu an, chẳng thấy mặt cửa tham. Sa Khâu Đạo chết no hôi thối xông người. Hán Võ ưa thích Tiên, thân mặc áo lông người, miệng uống sương thiên biểu, thao túng lời nói quỷ quyệt của Loan Đại, tin thuật dối trá của Thiếu Quân mà thân vùi đáy mộ, không hề bổ ích gì. Ngụy Thái Võ tin theo thuyết của Khấu Khiêm Chi, dựng xây thiên cung Tĩnh luân, phế sạch nhọc người, cuối cùng thân mang bệnh hủi. Chu Võ Vương miệng uống đơn dược, thân mặc áo vàng, nóng phát Tấn Dương thất âm mà chết. Đường Võ Tông bắt chước Triệu Quy Chân ngậm thuốc kim đơn, trong khoảng niên hiệu Hội Xương bất mãn sớm dẫn đến vong thân. Gần đây, Tống thượng Hoàng tin Lâm Linh Tố đi đến nguyệt cung, tụng chương Thái cực, đeo kiếm đuổi tà ma, mất nước phá nhà thân chết tại Đông Hàn. Số các vị Quân vương này, đều nghiêng thành một chí trông hưởng ngàn năm, mà gặp hoạn Di Lưu, cuối cùng không một kinh nghiệm. Chê cười vì nạn giao thuyền, không phải là vọng tìm lỗi người ư! Mừng vui khi thấy người gặp nạm, bậc quân tử chẳng làm vậy.

10. Ngụy Bày: Trước Sau Lão Quân Giáng Sinh Chẳng Đồng.

Trong Hóa Đồ thứ nhất nói: “Lão Tử sinh trước Năm Vận. Trong Hóa Đồ thứ hai nói Lão Tử sinh trong Hạ tam khí. Trong Hóa Đồ thứ sáu nói Lão Quân họ Lý; Húy là Hoằng Nguyên Diệu linh; tự Quang Minh, lấy niên hiệu Thượng Hòa thứ bảy - vào giờ Mão, ngày mồng ba tháng chín năm Canh Thìn. Lúc mới sinh ở trong hang Lý Cốc, núi Thiên cương Linh Cảnh, phía Bắc nước Huyền Ngọc. Vào đêm Huyền Linh thánh mẫu sinh ra, có ba mặt trời mọc ở phía Đông, chín con rồng phun nước, Nguyệt Phi rải hoa, Nhật Đồng tụng mây mầu. Đến năm năm tuổi thể đạo ngưng chân, năm hai mươi tuổi có dáng dấp vàng ngọc, lìa bỏ gia đình; xa lìa người thân, dấn bước phong trần. Sau cảm được Nguyên Thỉ chỉ dạy, trao cho Uất Nghi, Thái Chương, Thái Đấng

chân kinh. Tử vi Thiên đế Ngọc Thanh Quân đem xe quỳnh xuống đón rước, ban cho ấn đỏ phù thư, làm Thượng Thanh Kim Quyết, sau Thánh Đế Quân nắm giữ mười trời, thần tiên sông biển. Trong Hóa đồ thứ 11 nói: ngày mồng một tháng bảy niên hiệu Thanh Hán thứ nhất, Lão Quân gá thần ở Huyền thần Ngọc Tinh, giáng sinh ở Thái Nguyên Ngọc Nữ một ngàn ba trăm năm, hiệu là Vô Thượng Lão Tử, hiệu khác là Đại Thiên pháp Vương. Trong Hóa Đồ thứ 12 nói: niên hiệu Thanh Hán thứ nhất, Lão Quân gá ở Cửu Thiên Phi Huyền Ngọc nữ trong tám mươi mốt năm, hiệu là Cao Thượng Lão Tử. Trong Hóa Đồ thứ 13 nói: niên hiệu Thanh Hán thứ nhất, ngày mồng chín, tháng chín, năm Giáp ngọ, Lão Quân giáng ở Nguyên Tố Ngọc nữ bảy mươi ba năm, hiệu là Cửu Linh Lão Tử. Trong hóa đồ thứ 10 nói: Đời vua thứ mười tám nhà Ân, tức Dương Giáp, tháng năm năm Canh dần, Lão Tử vào trong miệng Huyền Diệu Ngọc Nữ tám mươi mốt năm, đến niên hiệu Võ đinh thứ 09 - ngày 15 tháng 2 năm Canh Dần, Thánh mẫu vạch hông bên trái, vịn cây lý mà sinh, vừa mới sinh, liền đi 09 bước, dưới mỗi bước chân có mọc hoa sen, có chín rồng phun nước, có bảy mươi hai tướng tốt tám mươi mốt vẻ đẹp, tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất mà nói: trên trời dưới trời, chỉ có đạo là cao quý hơn cả, ta sẽ mở mang đạo pháp vô thượng, độ khắp tất cả".

Lại nói rằng: Lý Linh Phi đắc đạo tu sinh, trời Chân Thê, họ Thủy y ở Lệ Hương nằm ngủ ban ngày, thấy Thái Thượng từ trên trời bay xuống, hóa thành Huyền Châu, bèn ngậm mà có thai, tám mươi mốt năm, vừa mới sinh ra mà đầu đã bạc trắng nên gọi là Lão Tử. Sinh dưới cây lý, tức chỉ "Lý" là họ.

Biện luận rằng:

Phàm sao chuyển động suốt mão, thật nêu điềm lành của văn mạng (= văn vương) điện chớp sao rơi, là hiện niềm vui của Hiên Hoàng, cầu vòng chuyển động bãi hoa; Sa Hạo bấy giờ ứng kỳ, Tinh Quan Nguyệt Luân; Chuyên húc vì thế ứng theo điều lành. Xích Long bịt mắt nói biểu thị vua Nghiêu, mây nhóm nung nấu, thật bày Hán Tổ. Đó là các thứ Thần dị của bậc Thánh, trong các tờ gia phả đều ghi rõ. Chưa nghe việc Lão Tử mới sinh ba ngày cùng đi khắp chín bước, Nguyệt Phi rải hoa, Nhật Đồng tung mây mầu. Vả lại, sao rơi như mưa, mặt trời có nhật thực, trong sách xuân thu cho đó là việc lạ. Lý Nhĩ nếu có hiện điềm, vì sao Khổng Tử không ghi chép ư? Thêm nữa, Lỗ Dương khua gươm mà trái mặt nhật. Hoài Nam Tử có cảnh công khéo nói mà hết hoa mắt (Lưu Hướng tân văn). Nhị sư rút kiếm mà suối chảy (trong

Tiền Hán Thư), Cảnh Cung lạy xuống giếng mà nước tuôn (trong Hậu Hán thư). Nếu có tướng lạ, sách vở bàn luận tốt lành. Lão Tử đã không chữ nào, sự việc hẳn là nêu bày luống dối, dựa nhờ Đại thánh lấy làm thần kỳ. Phàm các bậc Thánh hiện tướng, tuy có nhiều đường, thác hóa; đản sinh, việc không hai thể. Đức Thế tôn có trăm ức hóa thân, khắp đại thiên thế giới đồng một lúc hiển hiện, hóa duyên đã xong thì nhập Niết-bàn, còn Lão Tử tùy thời đại mà giáng sinh. Vì sao sai lầm quá lắm vậy?

Vốn là Lý Nhĩ vọng đổi húy của ông ta là “Lý”, Bá Dương mà gọi là Quang Minh. Che giấu tên gốc mà thêm danh hiệu đẹp. Trong “Sử ký chân văn” một từ chẳng chép, Đạo thư ngụy nói trăm thứ trang sức khỏa lấp. Hai Hóa đồ ở trước nói “sinh trước Thái Dịch”, mười lớp sau ghi là “sinh sau Phục Hy”. Tìm hư nhặt Ngụy, luống dối người sau. Trước nói: “Năm tuổi ngưng chân, hai mươi tuổi nhập đạo”, sau thì tám mươi mốt năm sinh ở Hạo Thủ, tự nói mâu thuẫn, đâu đợi người khác công kích. Lệ Hương ở Hào Châu thật mà chẳng nhận, phía Bắc nước Huyền Ngọc dối mà vọng truyền. Đam Nhĩ bạc đầu, lầm nói có bảy mươi hai tướng tốt. Giữa đồng phối hợp hoài thai, ton hót rằng đi chín bước. Lượm nhặt những điều hay trong Phật giáo lấy làm tướng lạ của Lão gia. Đem thứ Huân Du này làm xáo trộn Lan Chỉ kia. Chỗ núi biển phía Bắc nước Huyền Ngọc chẳng ghi, nơi Lý Cốc Thiên cương; Địa lý không rõ ràng. Vương Kiệm Bách gia (Thái úy Vương Kiệm có gia phả trăm nhà Hiền triết) chẳng nghe danh Ngọc Nữ, sao dòng họ uyển Hãn nói dòng họ Huyền diệu?

Xét theo lời tựa bộ “Cao Đạo Truyện” của Đạo sĩ Cổ Thiện Tường nói: “Bá Dương bắt đầu dấu vết từ Cơ Chu”, đã nói bắt đầu dấu vết từ Cơ Chu thì là Lão Tử, chẳng tại nhà Thương vậy. Rõ ràng thời của Dương Giáp vốn không có Lý Nhĩ. Khoảng thời Chu suy mới thấy Lão Đam (Hồ Hội nói rằng: bảy Hùng giáo mác loạn như mè, bốn bể không ai được ở nhà, Lão Tử lại nghĩ đi Tây Trúc, bèn nhờ từ giáp vượt sa mạc. Vậy, đã rõ là người ở cuối thời nhà Chu vậy) lánh loạn chạy đến đất Tần, chết an táng lành Hòa, Tần lén điếu viếng khóc than ba lần rồi ra. Đó là chứng cứ rành mạch, sao còn nghi ư? Trong sử ký bổn truyện chẳng biết cuối cùng ông mất ở đâu. Trong “Hoá Hồ lãng ngữ” nói vượt qua sa mạ, đem điềm lành của Đức Như Lai lúc đản sinh hợp với khí của Lão Tử qua ải, ông tuy khéo góp nhặt ngụy nói bày, có ai y cứ, theo “Đôn Hoàng Thật lục”nói: Chu Hoàn Vương năm thứ 39, may rảnh rỗi dự đình, cùng các quan đối luận xưa nay. Chu Hoàn Vương

nói; "Lão Đam, cha là người như thế nào vậy?" Sách Hoãn trong Thiên Thủy Thái thủ đáp rằng; "Cha của Lão Đam họ Hàn, tên là Càn, tự là Nguyên Tỳ, bị gù lưng bại liệt, thấp kém nên thai không có tai, một mắt không sáng, cô đơn xin ăn, năm sáu mươi hai tuổi không có vợ, cùng người hàng xóm là Ích Thọ, trong nhà nuôi heo, Lão Lý Tử nói: "Tinh phu", giữa đồng phối hợp mà mang thai, năm tám mươi mốt tuổi mới sinh ra đời. Lão Tử vừa mới sinh mà tóc đã bạc trắng, nên gọi là Lão Quân". Đó vốn thật là dấu tích hèn tệ nên chẳng truyền bá, trộm cắp tài năng của người khác mà phô bày Lão Thánh. Nhà có chổi cùn mà hưởng ngàn vàng. Lời đó tin được ư !

11. Ngụy Bày: Ba Lần Thành Phật.

Trong Hóa Đồ thứ 34 nói: Lão Quân nói với Hồ Vương rằng: khiến đệ tử ta thành Phật, ông phải bắt chước đó. Liền sai Y Hỷ biến thân thành Phật; làm thầy cho người Hồ. Bảo làm Tang môn, trao cho pháp của Phù-Đồ, giảng kinh Tứ Thập Nhị Chương. Lại nói rằng: "Lão Quân đến nước Xá-Vệ, tự hóa làm Phật, ngồi trên tòa bảy báu. Thân cao trăm ngàn muôn trượng đầy khắp hư không". Lại nói rằng: "Lão Quân muốn chỉnh đốn lại Phật giáo, nên vào năm thứ 09 thời Chu Trang Vương, Phạm Thiên bảo vua phiền Đà (đệ tử của Lão Quân) nương nguyệt tinh gá vào thai của Phu nhân Ma-da ở Thiên Trúc. Đến ngày mồng 08 tháng 4 năm thứ 10, từ bên hông phải mà Đản sinh, sau vào núi tuyết tu hành sáu năm, thành đạo giống Phật-đà; các hiệu cuối của Mâu-ni. Đến năm Khuông Vương thứ tư, giải hóa mạng Thái Thượng, bay lên trời Cổ Dịch, làm Thiện Tuệ tiên nhân.

Biện luận rằng:

Phàm cây rễ sâu quả tươi tốt, nguồn xa dòng rộng dài. Hổ gầm gió động, rồng ngâm sương móc sinh. Các bậc Thánh lợi kiến đều có cội nguồn sâu xa. Ngày xưa gieo trồng nhân lành, nay được cảm diệu quả. Đức Phật Thế Tôn của chúng ta trong ba vô số kiếp chứa nhiều công hạnh, không bỏ Lục Độ mà cầu Bồ-đề. Vất bỏ thân mạng như cát sông Hằng, bỏ nước thành như số bụi nhỏ, trang nghiêm thế giới, dẫn dụ quần sinh, sau đó, ứng theo dự ký của Phật Nhiên Đăng, bổ xứ tiếp thừa ngôi vị của Phật Ca-diếp, hạ sinh ở xứ Trung Ấn-độ, thát hóa tại cung vua, bảy bước đi khắp, tay chỉ đất, tay chỉ trời nói chỉ riêng ta tôn quý, ba mươi hai tướng tốt sáng như mặt trời, mặt trăng, bốn vị Thiên vương uâng gót vượt khỏi bụi trần, sáu năm hạnh mãn mà thành đạo, hiện thân khắp trăm ức cõi nước, nói pháp suốt bốn mươi chín năm,

truyền bá thanh giáo ở trời người, đuổi ngoại đạo nơi song thọ, việc hóa duyên hoàn tất; trở lại vô vi, ứng vật thích thời, thị hiện như thế. Đâu đợi Lão Tử bảo Y Hỷ biến thân? Lấp bít thần công người khác, khoe trương mình hơn! Đức Phật đản sinh vào thời Chu mục vương, Lão Tử ra đời thuộc triều Định Vương, đời cách mười bảy vị vua, năm xa hơn ba trăm năm. Việc giáo hóa đã cùng khắp thiên hạ, giáo hóa đã xong ở cung rồng, gia đình kính ngưỡng phong cách nhân từ, nước nhà tôn sùng khuôn phép họ Thích. Đâu nhờ Lý Nhĩ chỉnh đốn, Phiền-đà tái hiện ư? Vin trước bày sau, luống dối kẻ hèn ngu. Ngày xưa qua ải, nhờ Từ giáp mà làm theo, đâu có trời người hầu hạ che chở? Cỡi xe gỗ nai, đâu có tòa bảy báu? Trán rộng sứt tai, sao có thân cao muôn trượng ư? Xảo quyệt chẳng sửa, xem thường hiền thánh. Cá côn hóa chim bàng bởi duyên tự biến, rắn thích làm trĩ chẳng nhờ công người khác. Đó đều là vật lý tự nhiên, âm dương chiêu cảm, đợi thời mà phát, chẳng phải kẻ khác sai sử. Lão Tử vốn là người phàm, thân làm bề tôi, sao có thể riêng sinh thần thánh? Lại sai Y Hỷ làm Phật, tự mờ mịt tâm mình lại làm mù mắt người khác, bội lễ khinh mạn thánh hiền, ương báo rút lưỡi. Tiên nhân Thiên Tuệ sắp lên Bát địa, gặp Phật Nhiên Đăng được thọ ký Vô sinh. Đó là hiệu của Đức Thế tôn ở đời quá khứ, đã là thành Phật đức công thành quả mãn, việc hóa duyên hoàn tất vào cảnh Niết-bàn, dời thần đến chỗ thường lạc, vĩnh viễn vào cảnh vô vi. Há có thể việc làm Phật hoàn tất trở lại làm tiên nhân Thiện Tuệ? Đem sau bày trước, một thứ lầm lạc. Vọng trộm chẳng thật, làm sai lạc sự thấy nghe của người. Làm trời, người tuy vui, nhưng cuối cùng cũng luân hồi, chẳng khỏi cái họa ba tai, khó trốn khổ khổ năm suy. Bậc Thánh vượt khỏi sinh tử, khổ vui đều hết, vượt cao đến bờ ba cõi, riêng bước ngoài cảnh sáu trần, sao trở lại cõi trời vào chốn huyên trần, tạp nhơ thánh nhân, khi thường Đại giác. Việc ấy giống như bỏ sự tôn nghiêm của vua mà mến thích sự thấp hèn của Tư Dương, bỏ nhà lớn cao đẹp mà vui chòi tranh lụp sụp. Ông vui thích sự vinh hoa của Cổ Dịch, ta xấu hổ sự nhục nhã của đất phẩn! Ở đời nhà Tùy, quan đại thần Sở quốc Công Dương Tố đến Kinh Lâu Quán, thấy trên đường vách có vẽ tượng, bèn hỏi Đạo sĩ ở đó rằng: “ấy là hình vẽ gì vậy?” - Đạo sĩ đáp: “đó là hình vẽ Lão Tử giáo hóa người Hồ thành Phật”. Dương Tố nói: “tôi nghe Lão Tử giáo hóa người Hồ, người Hồ không tin nhận, Lão Tử bèn biến thân thành Phật, người Hồ mới tin nhận. Vậy thì thật có khả năng giáo hóa người Hồ, đạo không thể hóa, sao nói Lão Tử giáo hóa người Hồ vậy?” Vị đạo sĩ không thể trả lời: lành thay, lời của Dương Tố. Đó là cách biện

luận của người thông minh. Nếu người Hồ trước không biết có Phật, há chấp nhận sự giáo hóa của Phật ư? Lấy đó để khảo sát thì ở Ấn Độ trước đã có Phật vậy, thế mà nói là Y Hỷ thành Phật, Lão Tử mới biến. Sau khinh thường chúng tôi quá vậy? (Lâu quán là nhà xưa của Y Hỷ, ở phía Nam ải, hiện nay đạo sĩ vẫn còn ở tại đó).

12. Ngụy Bày: Mạo Danh Tiến Thánh

Trong hóa đồ 48 nói: thời nhà Thương, quan Thái Tể hỏi Khổng Tử rằng: "Phu Tử có phải là bậc Thánh không?" - Khổng Tử đáp: "Thánh thì Khâu tôi đâu dám, nhưng Khâu tôi thì học rộng biết nhiều vậy?" - Thái Tể hỏi: Tam Vương là bậc Thánh phải không?" - Khổng Tử đáp: "Tam Vương là những người khéo léo trí tuệ mạnh mẽ, còn phải thánh không thì Khâu tôi không biết". Thái Tể hỏi: "Ngũ Đế có phải là bậc Thánh không?" - Khổng Tử đáp: "Ngũ Đế là những người khéo léo nhân nghĩa, còn có phải thánh không thì Khâu tôi không biết". Thái Tể hỏi: "Tam Hoàng có phải là bậc Thánh hay không?" - Khổng Tử đáp: "Tam Hoàng là những người khéo léo, nhân thời, còn có phải là Thánh không thì Khâu tôi không biết". Thái Tể lấy làm lạ hỏi: "Vậy thì ai là bậc Thánh ư?" - Khổng Tử nhíu mày giây lát nói: "Khâu tôi nghe người ở phương Tây có bậc Thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không giáo hóa mà tự thực hành. Rộng rãi thay! Chẳng thể gọi tên, Khâu tôi nghi đó là bậc Thánh". Trong "Tử Chí kinh" nói rằng: "Khổng Tử ở nước Lỗ, nhìn về đất Lạc Dương của Chu, nên thuộc về phương Tây, là chỉ Lão Tử tức bậc thánh ở phương tây vậy. Lúc Khổng Tử hỏi về Lễ, trước hết có khen ngợi của Do Long, nên ở đây chỉ cho Lão Tử vậy".

Biện luận rằng:

Phàm tự khoe tự mưu là hạnh xấu của người nữ, chẳng ghét chẳng đánh là điều hay của bậc Thánh. Vì vậy, vua Thuấn tốt lành, vua Vũ công lớn, mừng có hun đúc mà chẳng cạnh tranh, Khổng Tử xứng danh, Mạnh phản lại (phản của Mạnh) còn lui về mà sống đơn sơ, cho nên tiếng thơm vang mãi ngàn thu, gương sáng nhún nhường soi khắp bốn bể. Trích dẫn trên đây thấy ghi rõ trong thiên "liệt tử Trọng Ni".

Xưa nay, các luận thông thường đều cho rằng đó là lời Khổng Tử suy tôn Đức Phật là bậc thánh ở phương Tây (biểu tấu của pháp sư lâm đời Đường đối biện trước vua Thái Tông, Trương thừa tướng soạn hộ pháp luận đều dẫn văn đó, là Phật tức bậc Thánh ở phương Tây vậy). Chứ không nghe nói Lão Tử ở đất Chu, còn Khổng tử ở nước Lỗ nên

chỉ Lão Tử là bậc Thánh ở phương Tây. Trộm danh mạo thánh, sao xem thường ta quá, tiến bậc Thánh là kẻ vô trí bất nhân nói lời trái lý. Vả lại, tổ của nguồn đạo pháp xuất từ hoàng đế, chẳng can hệ gì đến Lão Tử, Lão Tử bắt chước Dung Thành Tử diễn bày năm ngàn bài văn. Giả sử nói Thánh cũng chưa thể vượt qua Hiên viên. Tam Hoàng Ngũ Đế, Khổng tử chẳng suy tôn là thánh, trái lại chỉ Lão Tử mà cho là bậc Thánh, cũng chẳng sai lắm ư?

Đức Thế Tôn Công tròn muôn hạnh, quả chứng mười thân, sáng soi khắp các cõi nước như bụi, phân thân cùng các cõi nhiều như cát, chẳng thể lấy việc người mà suy lường được, cũng chẳng thể lấy nơi chốn mà tìm cầu. Thật là bậc đạo sư của ba cõi, là cha lành của bốn loài sinh. Trong cõi trần hoàn riêng bước, làm vua pháp trong các vị vua, riêng vượt lên cõi thế, một mình tôn quý, là đại thánh trong các thánh. Nên có khả năng mở rộng trường giác ngộ, uy đức khắp muôn nước. Giả sử Chu Công Đán có thể chế Lễ làm Nhạc, Khổng Tử thuật lại Chu Dịch, sinh định kinh thi, văn chương cua Bốc Tu, tài nói năng của Đoan Mộc, tài biện bác của Mã Tiên, khả năng cai thông của Cát Hồng, Huyền Đàm của Phụ Tự, thần hóa của Tả Từ, đều chỉ rong ruổi trong địa vức, lời chưa thể vang khắp phương xa, có thể là cao lưu trong thiện thế, khó thể làm bậc thánh xuất trần.

Xét lại Thiên Trúc là nơi của các bậc Thánh, là chỗ các bậc hiền nhóm tụ, trong quá khứ, các Đức Phật đều đản sinh ở đó. Trong "Phạm Hoa Hán Thư" (Hậu Hán Tây Vức truyện sử luận văn) nói: "Nước đó thịnh như Trung Hoa, Ngọc chúc hòa xướng, chỗ linh thánh giáng sinh nhóm họp, nơi Hiền Ý đản sinh, cho nên thuở xưa, bậc Hiền Năng thường đến đó". Trong "Lão Tử Tây Thăng" kinh nói: "Nghe nói ở Tây Càn (= trời Tây) (được đổi thành khai đạo ở Trúc Càn) có Cổ Hoàng tiên sinh khéo vào vô vi, không đầu không cuối, tồn tại mãi mãi. Vì vậy, nên ta đi đến Tây Càn". Lại nữa, trong "Hóa Hồ kinh bản xưa" nói: "Ta sinh sao muộn vậy, Nê-hoàn sao sớm thế! Chẳng thấy Phật Thích-ca, lòng rỗng không buồn bã". Đó là Lão Tử tự chỉ Phật là bậc Thánh ở phương Tây vậy. Lại nữa, Hoàng Đế nằm mộng thấy đến nước Hoa Tế, nước đó ở phía tây Yểm Châu. Vương Thiều chú thích "Đó là chỉ thiên trúc ở phương Tây". Lại nữa, thời Chu Mục Vương nghe nói ở phương tây có bậc đại Thánh ra đời, trong lòng đất lo sợ, bèn sai Tháo Phụ cỡi ngựa Hoa Lưu là một trong tám con ngựa giỏi, thẳng đến phương Tây, lên núi Côn Lôn xem chỗ mặt trời lặn để yếm khí đó. Lại nữa, ở tây Cực có Hóa nhân đến, hay dời trời đổi đất,

thánh lực vô phương, ngàn biến muôn hóa không thể cùng cực. Mục Vương kính trọng như thần, bèn xây dựng Trung Thiên Đài để ở. Hóa nhân dẫn thần thức Mục Vương đi, chỉ trong chốc lác mà đã như mấy năm. Lại nữa, năm thứ 52 thời Chu Mục Vương, Đức Thế tôn diệt độ, ở phương Tây có mười hai vòng cầu vồng, nối liền nam bắc, suốt đêm không tan. Vua hỏi thái sử Hỗ Đa: "Đó là điềm làm gì?" - Hỗ Đa đáp: "Ở phương Tây có bậc đại Thánh, suy tướng hiện vậy". Mục Vương vui mừng nói: "Trẫm thường sợ ở đó, nay không còn lo nữa vậy". Vậy thì Trúc Càn; phương trời thù thắng, bậc Thánh ở đó, nên được Hiền Vương đi đến phương Tây mong thỉnh cầu hóa nhân đến phương Đông. Lại nữa, Trương Khiên vâng phụng đi sứ phương Tây khắp cùng Hà Nguyên, đến nơi Đại Hạ, nghe nói phía Nam núi Tuyết có nước Thân-độc, người ở đó kính thờ Phù-đồ (= Phật-đà) nên không giết hại, cỡi voi mà chiến đấu. Thân-độc tức là Ấn-độ ngày nay vậy. Thế thì phong hóa nhân từ, rõ ràng trong Hán Sử vậy.

Các trích dẫn trên đều chỉ Ấn-độ là phương Tây, Phật sinh ở đó, nên chỉ Phật là bậc Thánh phương Tây. Đâu nói Lạc Dương cho là phương Tây. Vậy Lão Tử là bậc Thánh ư? Lại nói rằng: "Khổng Tử trước có khen ngợi Do Long, nên Thánh đức ở đây chỉ cho Lão Tử vậy". Ý muốn đem việc Khổng Tử hỏi lễ, bèn cho là đệ tử của Lão Tử. Khổng Tử nói: Ta không có thầy thường, chủ yếu lấy điều thiện làm thầy, ba người cùng đi chắc chắn trong đó có thầy ta". Nên học đàn cầm với Sư Nhượng, hỏi Nhạc với Trành Hoằng, hỏi việc quan với Đàm Tử. Vào Thái Lang mỗi mỗi việc đều hỏi. Có khi hỏi về cách thức cấy lúa làm ruộng, nói rằng: tôi không bằng người Nông dân. Có khi hỏi về cách thức trồng rau làm vườn, nói rằng: tôi không bằng người làm vườn. Điều đó nói lên Khổng Tử muốn nhận lấy điều thiện, hết lòng đối với đạo vậy. Đâu phải có một việc là muốn làm thầy ư? Bởi vì lúc bấy giờ, Lão Tử làm quan Thủ Tạng, coi xét lễ điển của Chu Công, nên Không Tử hỏi về lễ, nếu vì hỏi lễ, mà Lão Tử làm thầy của Khổng Tử thì người làm ruộng và người làm vườn cũng là thầy của Khổng Tử ư? Chắc chắn không phải vậy. Bán danh khoe đời, mong làm thầy người, bậc quân tử không làm như thế.

13. Ngụy Bày: Hợp Khí Thành Đạo.

Trong Hóa Đồ thứ 23 nói: ngày 12 tháng bảy năm thứ 23 thời vua Chiêu Vương nhà Chu, Lão Tử đến ải Hàm Cốc, Y Hỷ đã thấy ung dung trở về nhà cũ, nói đạo đức kinh, gồm hai thiên, hơn năm ngàn lời. Y Hỷ

cúi đầu nói: “Xin trao cho yếu nghĩa ấy”. Lão Quân nói: “Khéo vì hiểu yếu nghĩa của đạo đức và nói: đạo là Nê-hàn, Nê-hoàn là đức của trời vậy. Lý ở trong đầu người. Tử khí giáng xuống, xuống đến đơn điền. Danh đổ nghĩa là lá lách, lá lách là trung hoàng thái nhất vậy. Hoàng khí vận chuyển trong lý trung cung, mẹ của muôn vật chính là đơn điền vậy; đơn điền huyền tẫn vậy, ở trong hạ nguyên. Lúc nửa đêm, một khí giáng xuống, khắp cùng ba cung đồng xuất mà khác tên gọi là tinh vậy. Một là tinh, hai là mồ hôi, ba là máu, bốn là nước dịch nên gọi là tên khác. Huyền lại thêm huyền, nghĩa là hai quả thận bên phải bên trái. Cửa của các diệu, đạo có thể nói; nghĩa là sáng sớm ăn thức ăn ngon, chẳng phải là thường đạo; nghĩa là chiều tối trở thành phẩn tiểu. (Đây là y theo Trương Đạo Lăng giảng giải, Trương Đạo Lăng nói như vậy), có vô tướng sinh ra, nghĩa là miệng và bụng, khó dễ thành cho nhau, nghĩa là tinh và khí vậy. Đó là Lão Tử trao cho Y Hỷ tiết yếu vậy. Lại trao cho Y Hỷ thần đơn kinh, Kim Dịch kinh và bí quyết tám lần luyện chín lần trở lại đơn phục hỏa. Ở đó nói: kim Dịch Hoàn đơn, tiên hoa chuyển động bay cao, mây liệng quanh lên trời, hợp khí thành xích hoàng (= đỏ, vàng) trong khoảnh khắc sẽ được phân loạn trống mái. Châu có thể đằng biến, cho đến hành trì Linh Đồng Ngọc Nữ. Ta vì thế vào ra không gián đoạn. Thiên Đồng phù chân tinh ngưng sương khéo chìm nổi. Ông hãy quý kính đó chắc chắn trở lại nhàn tản. Lại trao cho tên của Cửu Đơn và ca rằng:

Tròn ba năm (03 - 05)
Tấc một phân
Miệng bốn tám
Môi hai tất
Dài hai thước
Dầy mỏng đều
Bụng ba ngang
Ngồi rủ ấm
Âm ở trên
Dương buông dưới
Đầu đuôi võ
Ở giữa văn
Thỉ bảy mươi
Chung ba tuần
Trong hai trăm
Khéo điều quân

Âm lửa trắng
Vàng quặng chì
Hai gom nhóm
Giúp đỡ người
Ông ở cung
Được yên ổn
Nhàn tới lui
Không ra cửa.

Biện luận rằng:

Đạo quý ở chỗ thanh tịnh, đức chuộng ở chỗ vô vi. Điềm đạm trong giữ, nhún nhường giúp tự chăn, chẳng nương đạo ấy riêng xướng nhiều mối, chỉ lấy hành khí vận công mà cho là tu dưỡng, mất thuần túy của đạo đức, trái với cửa mầu tự nhiên, hư bày lời xảo, vọng thêm xuyên tạc, bảo Đơn Điền là chí đạo, giữ gìn hai quả thận là Trọng Huyền, bỉ uế thô phù, luống dối làng xóm, bọn Vương Kiều tiện môn chẳng ưa phương ấy, kẻ đá trắng thông đỏ không nương đạo này. Đơn kinh, bí quyết luyện chẳng thấy lâu năm, ăn bánh thơm ngon, ít gặp lâu thấy. Chu Võ uống đơn mà câm ngọng, Đường Võ uống đơn mà chết sớm. Lầm kẻ khác có ít nhiều hiền lương, chẳng giữ ý chỉ của Lạc Thiên. Đã là đạo đức chân thật quyết lý cùng cực ở đây, thì trong đạo tạng các văn khác chẳng đáng quý, các đạo sĩ ngày nay lại ưa thích các thuật nông cạn, hoặc có nâng loan mà loạn sách, chỉ tham uống đêm, hoặc có đuổi tà mà đoạn quỷ, dối người trừ hung. Hoặc có câu thúc quanh tường mà trong giữ, đó gọi là tọa trì, hoặc có khi tiếc lời nói mà chẳng thực hành, đó gọi là si mặc, hoặc có gấu kinh mà chim dẫn, bắt chước Bành Tổ mà sánh vai, hoặc có uống khí mà dứt thần, bắt chước rùa hạc mà lão thọ, hoặc có khi vận tinh mà lên não, đó gọi là xe kéo sông. Hoặc có khi làm đơn điền bền chắc mà trong bít, đó gọi là bảo dưỡng, hoặc có khi hợp khí mà làm đạo, cha con nhóm bụi, hoặc có khi đoạt tinh mà nhặt thần, nam nữ lẫn lộn, gõ răng, gọi đó là trống trời. Nuốt nước dãi gọi là rượu bọt, gọi nam căn là Kim hành, chỉ làm cho cứng mạnh, gọi Nữ Khiếu là Ngọc Hộ, tiềm ẩn tên xấu, gọi Đồng Nữ là Chân Nhân, gọi Giao Cấu là rồng cọp, Anh nhi Xá nữ luyện đan sa thủy ngân. Nên nói: mở cửa mạng, ôm Chân Nhân, đứa trẻ đoái nhìn rồng cọp đùa vui, ba năm bảy chín thiên la địa võng, nên trong hoàng thư, Trương Đạo Lăng nói: "nam nữ có pháp hòa hợp, ba năm bảy chín là đạo giao tiếp". Đạo ấy thật bí quyết ở đan điền, tức ngọc môn vậy, chỉ lấy cấm kỵ làm việc gấp, không cho tiết ra nơi đạo lộ, đạo lộ là lỗ tiểu. Thêm nữa, triều luật

trong Đạo gia” nói: lễ pháp nam nữ đến ngày mùng 1, 15, hầu thầy vào phòng riêng, đến chỗ thầy lập công đức, âm dương đều dâng, ngày đêm sáu thời thường lập công đức. Không được mất bày của kẻ hầu ở trong, không được tham ngoại đạo, bỏ mất đạo ngự trị bên trong, không được lấy trước bày sau, bỏ mất thứ lớp, cũng không được ghét xấu, ưa tốt. Lại nói rằng: vào ngày mùng 1, 15, hầu thầy trong phòng riêng, tình ý gần nhau, nam nữ giao tiếp, khiến bốn mắt hai mũi trên dưới đối nhau, hai miệng hai lưỡi kia đối nhau, âm dương đã tiếp tinh khí liền thông, nên Lão Tử nói rằng:

Thầy ta dạy ta Kim Đơn kinh
Bảo ta chuyên tâm dưỡng Ngọc Hành
Ba năm bảy chín hoàn âm tinh
Hít thở Ngọc trì nhập Huyền Minh
Hành đạo bình đẳng lên Thái Thanh.

Các ca quyết này, nghĩa đồng như thế, đem sự trai gái qua lại ấy cho là chân tu, chẳng nghĩ lời quy căn phục mạng, chỉ hành thuật hợp khí thấp hèn, lấy đó cầu đạo, uổng hại nhân luân, lấy đó để siêu thăng, trọn đời không thể được, lấy đó để diệt tội, tội chẳng thể tiêu, lấy đó để dứt tai, tai không thể lùi, lấy đó để cầu phước, khước không thể sinh, lấy đó để xuất gia, nhà phiền não không thể ra khỏi, đâu khác gì nấu cát muốn thành cơm, chỉ luống mệt nhọc, trong gương tìm hình thật không bao giờ được! Than ôi! Bỏ ngọc ngựa ô mà lượm vòng đá vụn, hạ đảnh mà tiện khang, tự làm sai lầm, làm kẻ khác sai lầm, chết chìm biển khổ. Thương thay! Thương thay!

14. Ngụy Bày: Trộm Thần Hóa Của Phật

Trong hóa đồ thứ 42 nói: Lão Tử đến nước Ma-kiệt hiện tướng ít có để giáo hóa vua xứ đó, đặt ra tên gọi Phật giáo gọi là thanh tịnh, Phật hiệu Mạt Ma-ni, đến nước Xá-Vệ, tự hóa thành thần từ trời mà xuống, người trời theo hầu, hiện thân cao trăm ngàn muôn trượng. Lại đến nước Kế-tân hàng phục Hồ Vương và Vương Tử, lửa không đốt cháy được, vạc sôi không nấu được, nước không nhận chìm được, Hồ binh có trăm muôn, cung tên kiếm kích đồng một lúc bắn xuống, chớp bay tám đường như sấm sét, người ngựa sợ ngã. Bắc Quách tiên sinh từ không trung tụng tán. Lại nữa, đến nước Điều Chi, tay đánh tan núi lớn. Đến Câu-tát-la, hàng phục chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Đến nước Ca-di-la, tay trái nắm mặt trời, tay phải nắm mặt trăng giấu ở trong đầu, đất trời tăm tối, núi bay đá nứt, sông biển chảy ngược dòng, núi sông không

hành. Lại đến Vu-điền, ở núi Nam Cự chỉ dạy Hồ Vương. Bảo Y Hỷ hóa thành người vàng, thân cao trượng sáu, vầng ánh sáng tròn bao quanh, chân đứng trên hoa sen từ không trung xuống lễ bái. Lão quân bảo Hồ Vương rằng: Đệ tử của tôi đây là thầy của ông. Lại để lại thần khiến được pháp vị. Lại ở thành Tỳ-ma, đất biến thành sắc vàng, phát ra ánh sáng chín màu chiếu khắp các cõi nước nhiều như cát bụi, liền có Xích linh Chân Nhân, Trung hoàng trượng Nhân, Thái nhất chân quân, Cửu Kinh lục đỉnh, Bát quái thần quân, Thanh Long bạch hổ, Ngọc Nữ rải hoa, ngồi trên mây nổi bay đến. Lão Quân ngồi trên tòa bảy báu, đốt hương do trăm thứ hương hòa lại, tấu trỗi nhạc trời. Lại có các vua, cung phi hoàng hậu của hơn tám mươi nước đều đến nghe pháp. Để Y Hỷ ở lại làm Phật và để bát ở thành Tỳ-ma. Lại bay lên trời. Lão Quân lại đến thông lãnh hàng phục rồng dữ, đi khắp năm xứ Ấn-độ ở núi Kỳ-xà, dưới cây độc mộc hóa thành tòa ngọc, cùng vua nói Phù-đồ để độ tạng môn, có hai ngàn năm trăm người thọ giới luật.

Lại trong Hóa Đồ thứ 66 nói: Các chùa ở thành Tỳ-ma nước Vu-điền là nơi Lão Quân giáo hóa người Hồ thành Phật. Ở đó có cây cột đá ghi khắc việc ấy rằng: "Có vị Thánh ở phương Đông, hiệu là Lão Quân đến giáo hóa nước ta", phía dưới vẫn nêu tên tám vị Học sĩ bàn chứng sự tích ấy.

Biện luận rằng:

Căn cứ theo Hậu Hán, Tây Vực truyện, Tam Quốc Chí, Ngụy Tùy Thư, Tây Vực Chí (Đồ sáu mươi quyển, Chí bốn mươi quyển, công chung thành một trăm quyển, tức Tây Vực Chí) đều ghi ở trời Tây năm xứ Ấn-độ có Thánh tích của Phật. Hoặc cột hoặc trụ đều khắc việc ấy, không nói Lão Quân có để lại tên gọi. Đầu tiên, Trương Khiên đến phương Tây mới truyền danh hiệu Phù-đồ, đến đời nay, sứ của nước qua lại gồm cả trăm người đều không thấy thuyết của Lão Quân đến phương Tây giáo hóa. Xưa kia, Cốc Hoàng Đế tây chinh tận biển, chỗ đất Ngài đến chỉ có Phật tăng gần Tây Bắc biển, có một cõi nước, trong thành tháp Phật trang nghiêm như rừng. Nước đó, Quân Vương chỉ là Hòa-thượng. Lại nữa, vào đời Đường, Vương Huyền Sách vâng lệnh đi sứ sang phương Tây, đến nước Ma-kiệt-đà, vào núi Kỳ-xà-quật và nơi Phật thành đạo, đều thuật bi minh ca ngợi sự giáo hóa của Phật thánh, không nghe nói có sự tích của Lão Quân (Bia Ký ca ngợi nói trên trong truyện Vương Huyền Sách). Lại nữa, cư sĩ Trạm Nhiên theo cùng Thái Tổ tây chinh Vu-điền và nước Khả-phất-xoa. Vượt Thiên Sơn qua Tuyết Lãnh, phong hóa đều rõ ràng cũng chưa biết có sự tích của Lão

Tử. Ngày nay, đại vương Hú Liệt là em ruột của hoàng đế Đại vương trấn giữ Tây Vực, tại đó đi lần về phía Tây nam và phía Nam núi Tuyết, sứ mạng đến đi qua lại không dứt, hỏi thăm về việc giáo hóa của Lão Tử đều nói không nghe, vậy thì thần dị của Lão Tử là trong đạo thư ngụy bày. Đã không luận bàn thông suốt, đâu đáng tin ư?

Phàm hiển bày là rõ được thần thánh đến con người. Chuột trộm chó cắp, trẻ con gian xảo quỷ quyệt. Vả lại, sự lập giáo của bậc Thánh là, từ gần mà cảm hóa sau đó mới đến xa. Nên sách bắt đầu từ Thạnh Đức của vua Nghiêu, trước gần chín họ, sau mới bình trị bá tánh, bá tánh rõ ràng, sau đó mới hiệp hòa cả muôn bang, nên có thể sáng soi bốn bể phô bày khắp trên dưới. Đức Như Văn Vương trước hình phạt từ vợ con, sau mới lắng trong bốn biển, nên phương xa kính mến chín dịch mà đến. Lúc Lão Quân làm Trú sử, Chu Đạo không lớn mạnh, các nước chư hầu chuyên quyền, quan đại phu chấp chính, trên lấn lướt dưới chiếm đoạt, khắp các châu thổ ngày một bức ngặt. Lý Nhĩ đã có thần thánh, liền hợp nhau cứu giúp suy đồi yếu kém làm cho nước giàu dân an, làm cho vua tôi mỗi vị không tiếm đoạt nhau, sao lại bỏ xa cửu châu một mình trốn đến phương Tây? Nếu ngay ở nhà quê mình hiển hiện được linh dị, thì chín họ rạng rỡ, một cửa mừng vui, vậy chẳng là mầu nhiệm ư? Mà suốt tám mươi bốn năm không một điều lạ lùng, nhờ người giá xe đi đến phương Tây vượt ải Hàm Cốc, thân chết tại Phù Phong (ngày nay tại làng Hòe thuộc Phù Phong có phần mộ của Lão Tử), Ngụy nói đi về phía Tây mới đặt chân tới Khương Hồ, tức là có thần thông, trong Thần châu vốn hoàn toàn chẳng hề có một ứng nghiệm, chỗ không người thấy chỗ bèn tung tin lắm điều, trộm cắp năng lực cao siêu của Phật, khéo nói xuôi theo, sự Thần dị của Phật, kinh điển ở phương Tây ghi đủ, nay có thánh tích. Lão quân linh biến sao sách sử phương Đông chẳng chép? Lấy đó để nghiệm rõ sự luống dối, thật đã thấy vậy.

Hỡi các bậc quân tử có mắt sáng! Hãy lắng nghe căn do: Đức Thế tôn lên tầng trời Đao-lợi, vì báo ân mẹ nên nói pháp ba tháng. Lý Nhĩ cũng phỏng theo đó mà lên Thái Cực, Đức Thế tôn thành Phật không rời cây Đạo mà lên sáu tầng trời Dục, Lão Tử mô phỏng theo cũng lên chín tầng trời. Đức Thế tôn ngồi dưới cội Bồ-đề, thị hiện hàng ma, cung tên đều biến mất. Lão Tử cũng bẻ gãy kiếm kích. Đức Thế tôn đi đến nước Câu-thi-na, giữa đường nâng tảng đá lớn. Lão Quân cũng đẩy ngọn núi lớn. Đức Thế tôn nói kinh “Đại Tập” đồng thời nhóm họp các vua. Lão Quân cũng hội hơn tám ngàn nước. Đức Thế Tôn đi đến phương Bắc nhiếp phục Long Vương Abala và để lại hình bóng. Lão Quân ở núi

tuyết cũng hàng phục rồng dữ. Trong kinh "Bản Hạnh" Đức Thế Tôn nói có chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Lão Tử cũng hàng phục chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Đức Thế tôn hiện năng lực thần thông rộng lớn làm cho núi Diệu Cao vọt lên, chìm xuống, ngửa lên, cúi xuống. Lão Quân cũng có núi bay, đá vỡ, sông biển ngược dòng. Đức Thế tôn để lại bát thần để phước cho chúng sinh, Lão Quân cũng để lại bát thần. Đức Thế tôn từ hông phải sinh. Lão Quân cũng vạch nách trái sinh ra. Đức Thế Tôn đi đủ bảy bước nói lên tròn đầy bảy thánh tài. Lão Tử mới đi chín bước, vọng hợp số cực dương. Đức Thế tôn có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. Lão Quân cũng có bảy mươi hai tướng tốt tám mươi mốt vẻ đẹp. Đức Phật nói hai thứ chân thân và ứng thân nói lên hai thứ quyền và thật. Lão Quân cũng nói chân thân và pháp thân. Phật nói: thân có bốn thứ, tức là pháp thân, báo thân (chia ra tự báo thân và tha báo thân) và hóa thân. Lão Quân cũng nói: Hư Hoàng Nguyên Thỉ, Đạo quân và Lão Quân. Phật nói ba cõi. Lão Quân cũng nói Tam Thanh. Phật nói 3 luân trì thế. Lão Quân cũng nói ba khí hạ vận. Thanh Long, Bạch Hổ, Tương bỉ Kim Cương. Pháp sư Huyền trung cậy ở bậc Thánh, học thiền đình mà lập phương trượng, nương chùa Phật mà dựng pháp đường, cho đến các bài văn ca tán kệ tụng, các thứ trang nghiêm tiết lễ như chuông trống, vân bảng, cúng tế tiên linh ma chay đám đình, sám hối tiêu tai. Cửu u sám văn, hai mươi bốn nguyện giới (hoàn toàn y cứ Thập bất thiện pháp trong phẩm Nhập pháp giới của kinh Hoa Nghiêm mà tập thành). Xét thấy hễ thứ gì Phật có thì kia liền dựng lập, ở Phật nếu không có thì Lão cũng không chế, vậy thì rõ biết trăm thứ thiết lập hoàn toàn lấy từ cửa Phật. Đời đời xuyên tạc, người người vọng khởi. Vàng thau lẫn lộn, người trí khó phân, vốn muốn đổi thành để trang điểm nhà mình, hỗn độn đục khoét mắt tai đầy đủ, chân thần vùi lấp, vinh hạnh chân văn của đạo đức, thâu lượm hay dở ngụy bày, chiết trung giáo môn, tội ai chịu ư?

Vả lại, Bắc Quách tiên sinh vốn hầu Hán Võ, nay theo Lý Lão càng thấy sau thêm. Thêm nữa, núi Nam Cừ và thành Tỳ-Ma vốn là Thánh tích Phật giáo, vọng hợp việc ấy khuất cùng phụ theo. Sợ mọi người không biết nay cũng xin nói rõ là căn cứ theo: "Tây Vực Ký" nói: "cách phía Tây nam thành vua nước Vu-điền hơn hai mươi dặm, trong núi Cù (nay đổi là "Cừ") thất-lăng-già, có ngôi chùa, trong đó có tượng Phật thường luôn rực sáng. Xưa kia, Đức Phật đến đó lược nói pháp yếu cho trời, người nghe. Phía bên phải núi có một cái thất, hiện có vị La-hán nhập định diệt tận để đợi chờ Đức Từ Thị Di-lặc ra đời". Thế thì

Lão Quân chẳng biết vậy. Lại nói rằng: "cách phía Đông thành vua hơn ba trăm dặm, có thành Tỳ-Ma, ở đó có pho tượng Phật đứng được chạm trổ cao hơn hai trượng, rất nhiều điềm linh, thường phát ra ánh sáng, hễ người nào bị bệnh tật đến cầu nguyện thì liền hết. Tượng đó vốn do vua Ưu-điền tạo ra, sau khi Đức Phật diệt độ pho tượng này, vượt không trung đến đất phước này. Đến lúc giáo pháp của Đức Thích-ca diệt hết, tượng sẽ xuống cung rồng".

Lời bình rằng: căn cứ theo "Tây Vực ký" đó, văn nói rất rõ ràng. Thành tích của Phật mà muốn lấy làm thánh tích của Lão, các ông tuy khéo góp nhặt nhưng phải cân nhắc cho kỹ, xe bốn ngựa không thể chạy kịp tất lưỡi của người; ông nên ghi nhớ điều ấy. Nói tám vị học sĩ bàn luận chứng nghiệm đều là người đời Đường. Song, Đường Thư Liệt truyện không có tên tuổi một ai, huống là những gì bàn luận chẳng đưa vào yếu sách. Tìm xét tới lui đều không chứng cứ, dù muốn luận biện rộng, cũng uổng phí từ chương. Đạo sĩ hư bày chẳng nhọc phiền đầu mối. Tuy có người giữ nửa ngàn danh truyện, mà không có "Hóa Hồ kinh", bàn luận rõ đó là ngụy kinh, xưa nay đều bác bỏ. Đời Đường, vua Trung Tông cấm nó ở đời trước (xem Lưu Hú cựu Đường Thư), nay vua Thế Tôn dứt nó ở triều sau (xem Ngộ Liễu Nhiên phá Hóa Hồ trạng). Nếu thật là chân văn, thì ai dám trừ diệt? Mà các Đạo sĩ chẳng hay biết mãi nối gót theo dấu vết ấy, làm cho Lão Tử mang lấy tội tiếm thánh, khiến các đạo nhân chuốc lấy tội phỉ báng Phật! Vương Phù đã ở tại địa ngục, sử chí kinh lại gieo quanh nhà Lão Tử vốn muốn ẩn trốn, chí kinh đổi ra sân nhà, rũ bỏ bổn tâm về gốc, chuyển dòng sóng đến cõi khác. Chấp mê chẳng tỉnh lại, hư vọng bền bỉ khó trừ. Đồng như sự cứng ngắt của đá, dường như sự mê man của rượu thuốc. Nay đây, biện chiết cốt yếu để phá tâm cuồng, trở lại chánh đạo đến thuần nguyên, dẫn bọn tà đến đoạn đường bằng phẳng, biết đạo đức là lời của hiền giả, hiểu việc giáo hóa người Hồ là lời luận đàm của yêu quái, mở rộng phong cách khiêm nhường vắng lặng của Lão Tử, dẹp bỏ tệ hại của đạo sĩ khoe khoang, đều tuân theo lời dạy ấy để đạo thanh nhã mãi hưng thạnh. Nếu chẳng được thế, lật xe cùng ấy vậy.

Luận rằng: đại đạo truyền đến Trung quốc có hơn ngàn năm, suốt thời gian ấy các đời quân vương kính tin hay phá hủy, trải qua suy thạnh. Tà chánh tranh giành chưa từng thắng Phật giáo, mà đạo sĩ làm tăng trước sau có đến ba đời. Đầu tiên, Hán Minh đế đêm nằm mộng thấy người vàng bay đến điện đình, trên cổ có vầng ánh sáng như mặt trời, bèn sai sứ đến phương Tây tìm cầu, Phật pháp từ đó mới truyền

đến Lạc Dương, đã vẽ đồ ở trên gò hiển tiết. Thêm nữa, kinh dịch trong Thất Lan Đài mà các đạo sĩ khoe trương tài năng muốn thích Bạc kỹ. Tôn giả Ma-đằng tạm hiền thần dị, không ai chẳng quy tâm, giáo điển của Phật luyện lại thêm tinh, kinh sách của Đạo bị đốt cháy hết. Do đó bỏ tà theo chánh, cạo tóc làm tăng. Ở thời Bắc Tề, Cao Tổ Văn Tuyên hoàng đế, đầu thành Phật lý rõ ý pháp môn, mà các đạo sĩ không hiểu biết tha hồ làm theo sự tức giận riêng tư của mình, ánh lửa đom đóm muốn bít lấp ánh sáng đuốc rồng, Văn Tuyên xét thử, không một chứng nghiệm, chẳng lẽ Hoàng Thượng ban cho tấc đạo, đạo sĩ Tu Tĩnh nạp khoản nơi cửa quan, cạo đầu bỏ mũ, tất cả đều làm tăng. Thánh triều ta; Mông Cổ hoàng đế, nhân sâu suốt thánh, thể đạo đa năng, mưu sáng quạt khắp tám huyền, uy tắc chiếm khắp muôn nước, lưu tâm trong Phật lý, hiểu khắp chánh tà, nghiên cứu thơ phù của Đạo giáo, thấu đạt yếu diệu của Thích Tông, trước tiên ban hành minh chiếu đặc cùng quét trừ, khâm vâng theo Thượng hoàng đế, bẩm chất thái dịch thái sơ, vốn linh của Thiên Hoàng, Thiên Đế, Đạo khế hợp với trăm vua, gieo thuần phong mà dưỡng đức, trí biết cùng muôn vật, mở rộng sửa trị để giúp thời. Như Ngọc Ma-ni đâu nhận mảy trần dơ uế, tợ gương hiên viên đâu chứa miếng bụi hoặc mờ? Nên hay không sáng tỏ độc đoán, lượng xét phải quấy, dứt trừ tiếng hư dối của đạo sĩ, rõ biết thật lý của tăng đồ. Kính vâng tiên chế, lại cùng biện minh, vời cả hai tông để rõ ràng hơn kém. Cờ trận chưa giăng, hàm bích trở giáo. Không đàm mưu của Lục Thao, chẳng giúp cái mát mất của ba đời, cởi áo cạo đầu, giao hết cho cửa Phật. Bởi vì tà pháp dễ xô bỏ, chân này khó diệt. Nếu không qua sự luyện rèn sao hiển được vàng ròng? Yêu khí từ đó mà vắng bặt tiêu tan, mặt trời Phật từ đó chiếu sáng cao vời, giúp kẻ lạc đường từ đó trở lại nẻo chánh, kẻ biết vùi lấp chìm đắm biết được lối đi. Làm cán cân cho đời nay, để gương sáng cho đời sau. Chỉ có Phật giáo nhân từ vốn không cạnh tranh, bọn tà ngông cuồng hẹp hòi nói dối lắm điều. Vì các ông bất bình khiến tôi phân biệt. Nên Khổng Tử nói rằng: "hẳn là chánh danh vậy" tất tại đó vậy.

Phàm Nho; Đạo và Phật ở đời gọi là Tam giáo. Nói về sự răn ác khuyên thiện thì cả Tam giáo đều có thể tuân hành, so về tông thú sâu cạn thì chẳng thể không có sự hơn kém. Từ đời Hán, đời Đường về sau, cố nhiên đã có lập luận quyết định, không đợi người khác vọng sinh cao thấp. Phật giáo từ bi lấy lợi sinh làm gốc. Lão giáo khiêm nhường lấy xa rời tổn hại làm công. Nho pháp cứu dân lấy trung hiếu làm đầu. Trung hiếu được thực hành thì có thể đem toàn nước nhà đổi lấy thân

mạng. Khiêm nhường được thực hành thì có thể cởi mở sự phân tranh, dứt trừ hậu hoạn. Từ bi được thực hành thì có thể cứu vớt sinh linh cùng tánh mạng. Ven theo từ cạn đến sâu, trong ngoài cùng cứu. Cũng như giữa trời có 3 thứ ánh sáng (mặt trời, mặt trăng và các sao) thay nhau chiếu soi. Đảnh có ba chân chung sức nâng đỡ. Nhưng mà Đạo giáo có lắm ngụy bày, riêng đề xướng khuôn phép, muốn khỏa lấp xưa nay, riêng vượt hẳn Nho giúp Phật giáo. Nhưng các bậc hiền triết trước sau mỗi vị đều có soạn sách, đều tuân theo Phật, chẳng nói Lão Thánh. Xét văn tự nghiệm, đâu cần gì phải tranh luận. Đức Khổng Tử nói với Thái Tể rằng: “Khâu tôi nghe phương Tây có bậc thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không giáo hóa mà tự thực hành, người dân rộng lớn thay, rộng rãi thay! Chẳng thể gọi thay, không thể gọi tên (đây là xuất xứ từ thiên Liệt Tử Trọng Ni)”. Lão Tử nói: “Thầy ta du hóa Thiên Trúc, khéo vào Nê-hoàn (xuất xứ từ Lão đàm kinh). Đó là Khổng Tử, Lão Tử tôn xưng Phật là bậc thánh vậy. Phù Tử (tức Phù Lãng) nói: “Thầy của Lão Tử là Phật Thích-ca”. Mâu Tử thời Hậu Hán nói: “Phong hóa của vua Nghiêu, vua Thuấn, Chu Công, Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử so với Phật thì giống như kỳ lân so với nai trắng vậy”. Thượng thư lệnh Hám dịch nói với Ngô Chúa rằng: “Nếu so sánh Khổng giáo, Lão giáo với Phật pháp thì xa lại càng xa vậy. Tại sao biết thế? Vì Khổng Tử, Lão Tử lập giáo, là dựa theo pháp chế của trời, không dám trái với trời. Còn các Đức Phật lập giáo, thì các trời vâng làm không dám trái Phật. Do đó mà nói thì thật chẳng thể so sánh. Ngô chúa khéo thay thêm thái tử thái phó (xuất xứ cựu Ngô thư)”. Thời Bắc Tề Quang Lục đại phu Nhan Chi Thôi nói rằng: “việc ba đời của nhà Phật, tin mà có thể răn, muôn hạnh đều kết quy về không, ngàn cửa đều quy về thiện, đâu nhọc rộng rãi như lục kinh trăm họ ư? Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng, Lão, Trang chẳng bằng được”. Đời Đường, bí thư Giám Ngu Thế Nam nói trong “Đế ký sử luận” rằng: nghĩa của Lão Tử là Cốc Thần chẳng chết, Huyền Tẩn còn mãi, Lâu xem trường sinh cỡi mây ngồi hạc, đó là giáo pháp trong cõi này vậy. Còn cáo của họ Thích, chẳng dính mắc “có, không”, nhân; ngã đều mất, vượt khỏi sinh tử, trở về vắng lặng. Đó là lời bàn luận vượt ngoài muôn tượng vậy”. Thời Hậu Chu, Vương Bao Đình nói rằng: bộ “Thích Đạo Thập dị” của Lý Tư Thận đời Đường, chỉ thú sâu sắc, chẳng nhọc phiền trích ra, người trí biết vậy (cáo chương của Vương Bao Đình thời Hậu Chu trích trong Lương Hoằng Minh Thập Dị, lại ở trong Hoa Nghiêm đại giáo của ngài Thanh Lương)”. Nay thượng hoàng đế thường nói rằng: “Người đời gọi

Khổng Tử, Lão Tử và Phật là Tam thánh, lời đó là hư vọng vậy. Lời dạy của Khổng Tử, Lão Tử chỉ là trị thế ít dùng, không thấu đạt tánh mạng, chỉ nói ở đời hiện tại. Nên chỉ có thể tôn xưng là hiền nhân (âm, phù, ban cố v.v... chín người xếp Lão Tử vào giai vị hiền nhân và tân tôn Mạnh Cơ "Lão Tử phi đại hiền luận văn" tại Quảng Hoằng Minh tập vậy). Lời dạy răn của Phật cùng tận cội gốc tử sinh thiện ác, là đạo thâm đạt tánh mạng sáng suốt tối tăm, ngàn muôn biến hóa, thần thánh vô phương. Đó thật là bậc đại thánh vậy. Từ nay về sau, đồ tượng Tam giáo, không được xếp ngang hàng với Phật. Trong Tam Giáo Thế của Lý Thương Ẩn (tự là Nghĩa Sơn) đời Đường có ca ngợi tam giáo rằng: "Thầy của đạo Nho ta là Trạng Ni - người nước Lỗ, thầy của Trọng Ni là Đam Long. Ta không biết thầy của Đam Long ở Trúc Càn khéo vào vô vi, kính lạy bậc Chánh giác, Đức Phật là thầy của Lão Tử, (Lão Tử) là thầy của Khổng Tử, (Khổng Tử) là thầy của ta vậy". Lấy đó suy nghiệm lại, cao vời khác lạ, lấy đó để cầu tìm, Tông Lan Cảo tự biện. Vả chưng, dòng ấy dễ hiểu, sự trả lời với Thiên Phần (đối với việc Ngô Chúa) của Hám Dịch, lý ấy rất khó mê hoặc, văn Hải Tiệt của Tư Thận (Lý Tư Thận Thích Đạo lập dị văn), Trứ luận của Ngu Thế Nam, Nhạc trỉ uyên thuần (Đế Vương thông kỷ), Thuật thiên của Nham Chi Thôi. Mây tan trời sáng tỏ, chỉ vì cách Thánh thời gian quá xa, ma ngụy loạn chân, nếu chẳng là người ấy đạo chẳng dối bày vậy.

Nay, cúi mong Thượng Hoàng Đế nhận Phật phó chúc, không quên che chở giữ gìn, muôn cớ duyên có thừa, để tâm vào kinh Phật, là bậc tài đức ở Tây thiên, là minh sư nơi đông độ, thường hỏi lời của Tam Tạng, nhiệm mầu thấu suốt ý chỉ Nhất thừa, riêng vui nghị luận, lại kính chuộng Tỳ-ni, thông suốt cội nguồn tánh tướng, thấu đạt sự hơn kém giữa Phật giáo và Đạo giáo, rồng rắn dễ rõ, mắt trời khó mờ, cuốn khí độc ở chín từng trời, rải mây từ khắp cả bốn biển, đốt lại đuốc tuệ, thắp sáng đèn trí, làm rường cột của ngôi nhà giáo pháp, làm mặt trời mặt trăng giữa bầu trời Phật giáo.

Tường Mạo tôi được sinh trong thời tượng quý, mừng gặp lúc hưng thạnh. Mỗi khi có Nhã đàm, dự nghe cuối tòa, vô cùng mừng vui, thuật bài tụng rằng:

Nhị Nghi vừa phân
Tam tài mới chia
Dựng vua lập nước
Cứu giúp dân chúng
Hy hiên trở lại

Ngũ vận tiếp theo
Kim triều chính suy
Huyền thiên nối vết
Thái tổ dẹp loạn
Thế Tông hưng thạnh
Dốc sinh sau ta
Nối dấu đẹp trước
Nhận Nghi Nam Tống
Nghe hiến trời tây
Leo núi vượt biển
Muôn nước chầu vương
Trời ban thông minh
Vừa sinh rõ đạo
Dựng chùa Long Đình
Tụng kinh Quỳnh đảo
Đạo sĩ dung ngu
Si bày lão thánh
Mờ mắt cá kia
Che gương vàng này
Thánh minh soi gương
Nói ra lời cuồng
Một lời đuổi bắc
Muôn đời Tư nam
Phật nhật treo cao
Mây pháp bủa rộng
Chín cõi sáng soi
Bốn sinh được đạm phước
Giữ long đồ mà bền chắc
Mừng phụng lịch để mới thêm,
Hợp kim luân mà sáng mãi
Điều đuốc ngọc để sống hoài.
Vời hồng danh ở sách trời
Rực báu lớn giữa trời xanh
Gieo hoàng uy nơi nhung hạ,
Đồng bền thật với đất trời
Dẫn dân đem đến nơi thọ
Hưởng thiết đãi của các nước
Chuộng phẳng bằng của Vương đạo

Hợp hiền nhân của cháu con,
Thánh hoàng trường thọ muôn tuổi
Ý hậu hưởng lạc nghìn năm
Bốn Tam hoàng mà sáu Ngũ đế,
Đâu đáng như đời Hán, đời Đường.

Lời ghi ở sau:

Ngày trước, tôi thấy người đời Đường chê trách Đạo sĩ rằng: “mở miệng nói lời dơ uế cuồng vọng chẳng chân thật, khiến người kính phụng kẻ bất nhân bất hiếu, gia đình sinh con loài kiêu kính, vô lễ vô thân, ở đời xuất hiện kẻ sói lang”. Lại thấy đạo sĩ mới xuống tóc mắng nhiếc nhà Trường Xuân Cung rằng: “giáo môn không việc gì, các ông được vinh hạnh, giáo môn có bị hại, ta đây phải bị nhục”. Tôn xưng chưởng giáo cầm mặc áo lam, ngày không chay tịnh, tháng có tiệc ngon, chia ra đen trắng, đầy mắt hoan hô, trán đẹp mày ngài, trọn đêm riêng hưởng lạc, hưởng cổ ngon trên kẻ khác, nhận cung kính khánh triết người kia, mờ trời dối lòng, ngày nay tự chiêu cảm, chợt nghe lời ấy, cho là chẳng đúng, ngày nay xét lại, chưa là quá lắm. Lão tử sinh tại làng Lệ Dương, qua đời tại làng Hòe, phần mộ bỏ phế mà chẳng ai tu sửa, mặc tình gai góc quạnh hiu, cho loài cáo dẫm đạp, quanh năm tắt lửa, ai nghe đạo sĩ đoái hoài, dâng tuế ngày thu, chẳng thấy nữ quan cúng tế! Người đi đường vì thế mà rơi lệ, người thấy vì vậy mà buồn thương. Thế mà buông tuồng nói lời yêu quái giáo hóa người Hồ trôi dạt đến nước khác chẳng trở lại. Vương Phù phát ra các lỗ, chí kinh lại vẫy gió hôi, khiến cho Diệu Môn của Lão Tử lại thêm huyền, đến đó quét đất mà gột rửa hết.

Vả lại, ngày nay trong tám mươi mốt Hóa Đồ có hơn năm mươi Hóa Đồ trộm của Phật, bắt chước nheo mày, hơn hai mươi Hóa Đồ nói Lão Tử trao cho Y Hỷ đạo đức chân quyết. Toàn đem hợp khí vận tinh mà lập công, chẳng lấy thanh tịnh làm tâm, chuyên lấy giao cấu làm đạo. Lấy đó cầu phúc, phước làm sao sinh? Lấy đó tống khứ tai họa, tai họa làm sao hết?

Tường Mại tôi ngưỡng đội ân Thượng Hoàng lại thêm phần Thích Tử, khắc lòng giữ đạo, đóng cửa ở nhàn, đợi tàn hết hơi tức giận ở Tang Du, không cầu phân biệt ở chánh tà. Giận căm gian xảo của Lý Chí Thường, mừng vui chân chính của Thiếu Lâm, rửa gột uế đàm của việc giáo hóa người Hồ, trả lại chùa viện đã chiếm cứ. Sáng ngời khuôn phép nhà Phật phụ giúp chân thừa, công che giúp trời, nghiệp lớn lập cực. Tuy Tôn giả Ma-đằng thấy rợ Khương ở triều Hán, sư Pháp Thượng

nổi tiếng ở đời Tề (Pháp Thượng tức Đại Thống thời Bắc Tề tranh luận với đạo sĩ, đạo sĩ thua bèn xuống tóc). Lấy nay so xưa đâu có gì đáng nói ư? Thêm nữa, Chúa thượng minh thánh, hiểu suốt Phật tâm, biết sự khác nhau giữa ngọc và đá, xét rõ mùi khác nhau giữa thơm và hôi. Phật là bậc đại thánh trong các thánh, Lão Tử là bậc đại hiền trong các hiền. Đã khác xa như trời xanh, cũng khác giá như Ngọc và Đá. Do đó riêng xoay trời, vén mắt xem xét thật hư, ngăn gió độc kia, soi mặt trời tuệ này. Tường Mại tôi dự hội vui ấy, tâm linh hớn hở, ít có hiến thay sự thanh trần của đời trước, tôn kính khuôn phép của bậc tiên triết, bèn nương sách cũ phá dẹp mưu nay, nhổ tận gốc rễ của nói dối, bẻ gảy biện xằng của chí kinh. Gốc nghiêng cành ngã, ngói vỡ băng tan. Đâu chỉ khuôn phép ngàn năm, cũng bày việc là một thời, chẳng dám phụ ở Long tạng, cũng có thể tiếp tục ở Hoằng Minh, xương lời này mà không hổ thẹn, mong sáng suốt mà biết kẻ thường nhặt hoa ta, khó cùng ngôn luận vậy.

Niên hiệu Chí Nguyên, đầu mùa Xuân năm Đơn Át (?) dừng bút.

Tỳ-kheo tu hạnh rưới quét ở núi Đạo giả là Tường Mại ghi chép.

Kính vâng Thánh chỉ cấm đoán Đạo tạng ngụy kinh, ở khoảng dưới (hễ thấy thì liền đốt bỏ).

- Hóa Hồ kinh (Vương Phù soạn)
- Do long truyện
- Thái thượng Thật lục (Tạ Thủ Hạo đời Tống soạn)
- Thánh kỷ kinh
- Tây thăng kinh
- Xuất Tái ký
- Đế vương sư lục
- Tam Phá Luận (Trương Dung - người đời Tề giả mượn họ khác)
- Thập Dị cửu mê luận (truyền dịch Lý Huyền Khanh)
- Minh chân Biện Ngụy Luận (Ngô Quân)
- Thập tiểu luận (Ngô Quân)
- Khâm Đạo Minh chứng luận (Viên Bán Thiên, đời Đường giả mượn họ khác)
- Phụ Chánh trừ Tà luận (Ngô Quân)
- Tịch tà quy chánh nghị (Đỗ Đình)
- Hột tà luận (Lương Khoáng)
- Biện Tiên luận (Lương Khoáng)
- Tam Quang liệt ký
- Báng Đạo Thích kinh (Phá đại Tạng kinh, Lâm Linh Tố, Đỗ

Quang Bình soạn)

- Ngũ công vấn Hư vô kinh
- Tam giáo căn nguyên Đồ (Đại kim thiên trường Quán, đạo sĩ Lý Đại Phương thuật)
- Đạo tiên sinh tam thanh kinh
- Cửu thiên kinh
- Xích thư kinh
- Thượng thanh kinh
- Xích thư độ mạng kinh
- Thập tam hư vô kinh
- Tạng đại ẩn nguyệt kinh
- Nam đẩu kinh
- Ngọc vĩ kinh
- Linh bảo nhị thập tứ sinh kinh
- Lịch đại ứng Hiện đồ
- Lịch Đại Đế vương sùng đạo ký
- Thanh Dương cung ký
- Kỷ thắng phú
- Huyền nguyên nội truyện
- Lâu quán tiên sinh nội truyện
- Cao thượng Lão Tử nội truyện
- Đạo Phật tiên hậu luận
- Hỗn nguyên Hoàng Đế Thật lục.

Trường sinh thiên khí lực thay phước lớn chở che thay Thánh chỉ của Hoàng Đế nói cùng các quan Trung thư tỉnh khu mật viện Ngự sử Đài Tùy lộ Tuyên úy Ty, Án sát ty, Đạt Lỗ Hoa xích Quản Dân quan Quản Quân trạm nhân tượng v.v... và các ông trong Thánh chỉ của hoàng đế Mông Kha trước kia, vào năm Mậu Ngọ (1258), Hòa-thượng tiên sinh thường phân tích chứng minh Phật pháp, tiên sinh thường chuyển đến cùng, Thượng Đầu Giáo v.v... cả thảy mười bảy vị đều xuống tóc. Hòa-thượng lại đem Hóa Hồ kinh v.v... và các ân bản của các ông dối làm thiêu đốt hết. Trong tùy Lộ Quán Viện, họa vẽ tám mươi mốt hóa đồ trên bia đá và các chiếc đỉnh thảy đều thiêu đốt phá bỏ hết. Ma đạo đến như nay Đô Công Đức Sứ ty trình tấu: Tùy lộ các ông mỗi vị đem nhóm hủy hết kinh văn và ấn bản, đến nay vẫn còn tàng trữ, lại chưa hề phá hủy, vẫn còn giữ kỹ. Ở các nơi như Chân Định, Thái Nguyên, Bình Dương, Hà trung phủ vương, tổ sư am đầu, Quan Tây v.v... có đạo tạng kinh bản. Đó là các ông Thượng Đầu Giáo, Trương Bình Chương,

Trương Hữu Thừa, Tiêu Thượng Thư, Tuyền Tổng Thống, Hốt Đô Vu Tư, các học sĩ trong Hàn Lâm Viện, Trung Thư Tỉnh, khách tỉnh sứ đô, Trung thư tỉnh tuyên sứ khổ tốc Đinh Uyên, Tăng lục Chân Tạng, tăng phán chúng giảng chủ Trưởng Lão v.v... trình tấu. Các Ông Trương Thiên Sư, Kỳ Chân Nhân, Đỗ Chân Nhân, mỗi mỗi đều ở trong Trường Xuân Cung phân chọn tới lui. Như nay các ông Trương Bình Chương v.v... thường tự trở lại trình tấu. Tạng kinh nhà các ông, trừ Đạo đức kinh là yếu chỉ chân thật kinh của Lão Quân, ngoài ra đều do người đời sau tạo ra và giảng nói, phần nhiều là hủy báng Phật giáo, trộm cướp lời Phật, lại còn thâu thập ở sách của các nhà âm dương y dược, các nhà Hiền triết. Thường thường là sửa đổi danh hiệu, truyền bá chú thích sai lầm, làm mất gốc thật. Ngụy tạo bùa chú vọng bảo đeo nó, khiến người buôn bán có lợi gấp bội, vợ chồng hòa hợp như uyên ương, con cháu nối dõi đông nhiều không dứt, nam sống lâu, nữ trinh tiết. Lừa dối muôn dân chẳng chỉ một mối, ý muốn tham mưu tài lợi, dụ dỗ vợ con. Đến nỗi dạy người vọng đeo bùa ở cánh tay, nam làm vua, nữ làm Hậu Phi, xuống nước không chìm, vào lửa không cháy, đao kiếm không thể làm thương tổn hủy hoại v.v... Đến lúc bảo Trương Thiên Sư, kỳ chân nhân, Lý chân nhân, Đỗ chân nhân đến thử lửa, thì tất cả đều cầu xin tha mạng, tự nói hư ngụy gian dối, không dám thử nghiệm.

Nay đây bàn luận, được trừ “Lão tử đạo đức kinh” ra, tùy lộ chữ có Đạo tạng nói dối kinh văn và ấn bản, đều nên đốt bỏ hết. Lại căn cứ Kỳ chân nhân, Lý chân nhân, Đỗ chân nhân, v.v... trình tấu; báo cho biết căn cứ trong Đạo tạng kinh, trừ “Lão Tử Đạo đức kinh” ra, còn lại đều do người sau bùa theo, văn tự chẳng thật, tình nguyện đốt bỏ hết. Ta đây cũng gạn sạch chuẩn tấu, từ nay về sau các ông mỗi người đều y cứ theo “Lão Tử đạo đức kinh” mà thực hành. Nếu có ai yêu thích kinh Phật thì cho làm hòa thượng, còn ai không làm tăng sĩ, đạo sĩ thì cưới vợ làm dân. Trừ “Đạo đức kinh” ra, các thứ đạo tạng kinh văn dối bày và ấn bản, đều đem đốt bỏ hết. Nay sai các Lộ Thích giáo tuyền Tổng thống, trung thư tỉnh, khách tỉnh Sứ Đô Lỗ đi trước, ngày thánh chỉ đến thì không vì bất cứ quan lại nào. Các ông Đạo Cô tú tài, quân dân, thầy thợ, phòng ốc chim ưng đánh bắt các sắc nhân v.v..., nên có chỗ cất giữ tất cả kinh văn của đạo gia. Đạt Lỗ Hoa xích quản dân, cơ quan thêm khí lực, dụng tâm bắt soát, thấy thường phân chia giao phó, sai quan đem đốt bỏ hết. Lại thấy trong viện họa vẽ tám mươi mốt Hóa đồ trên bia đá, trên đỉnh, đều phá hủy hết. Từ lúc tuyên dụ về sau, nếu có chỗ nào ẩn dấu Đạo gia, tất cả các thứ hùa theo nói dối, hủy báng Phật giáo,

trộm cắp lời Phật, dòm ngó mưu cầu tài lợi, dụ dỗ vợ con. Các thứ bùa chú văn tự lừa dối trăm họ như vậy cùng các loài kinh văn lớn nhỏ của Đạo gia. Nếu các quan ty sở tại không ra sức bắt soát, cùng với người ẩn dấu, thì tất cả phạm tội nặng. Ngoài ra văn thư của các nhà y dược phải tự có bản gốc, không thuộc trong cấm ngăn hạn chế. Y cứ theo đây.

Niên hiệu Chí Nguyên thứ 18 (1281), ngày 20 tháng 10.

■

BIỆN NGỤY LỤC

QUYỂN 3

Phàm giáo lý của ba bậc Thánh đều được xếp của Trung Quốc, như chân đỉnh vững vàng để giúp Hoàng Đế cai trị. Nhân nghĩa mà Khổng Tử nói chính là khuôn phép cho kẻ sĩ vô đạo. Sự khiêm nhường mà Lão Tử nói chính là sự dập tắt cho những người hơn thua. Tánh mạng mà Phật giáo nói chính là muốn khiến trở lại cội nguồn vậy. Thế nhưng, Thúc Diệp phân luận chỉ thấy riêng cho y kiến mình là độc tôn, tự khoe tự cho mình hơn, mê gốc lầm tông, bởi không rõ đường đạt đạo. Rất không biết nhân nghĩa được thực hành thì người người dẫm bước trên đường của quân tử, khiêm nhường được thực hành thì người người lấp được sự mong cầu tham lận. Và tánh mạng được rõ ràng thì người người đạt đến cội nguồn Đạo mầu. Còn không như vậy sao gọi là Đạt sĩ Quân tử ư? Điều mà Trọng Ni nói: "Từ Tề một biến là đến Lỗ, từ Lỗ một biến là đến Đạo", gần như vậy mà các đạo sĩ đời sau chuyên chuộng khoe dối. Lấy sự khoát lát chưa trải qua làm điều khác lạ, cho sự luống dối chẳng thật là cửa mầu. Bỏ thuần nồng của nhị thiên, xen tạp uế thuật của Tam Trương, Vương Hại Phong lấy điên cuồng làm chí đức, không rõ cội nguồn của đạo. Khâu Xử Cơ lấy Hành loan làm thần kỳ, mất chỗ yếu diệu của toàn chân. Đi đến phương Tây muôn dặm, không biết bàn luận cùng Chúa Thượng, trở lại phương Đông ba năm, tình cờ nêu sự khác lạ ấy, khinh người dối Thánh, khoe khoang tự cao. Ban đầu thì bàn có quạ, cuối thì thánh thuyết không phải, xưa nay kiểu vọng vả lượt chẳng nói, nay chầu hành sự lại bày mấy đoạn. Đức Thái Tổ thành Cát Tư Hoàng Đế của ta, rồng bay đồng bắc, hổ rảo bước ở trung nguyên, ứng với Bảo Lịch để giúp mưu, tới kỳ hưng thạnh mà tư thâu, thuận trời đổi mạng, dẹp loạn định công. Quân nước tuy phiền, song để tâm ở đường giác, đầu tiên ban ân chiếu giữ gìn che chở cửa Phật, Đại Thánh thần hóa không thể đo lường, ngay tại hình nghi, không được tổn hoại, tùy chỗ chùa miếu, chỗ có ruộng đất, nước tưới trên đất, nước lăn nước mài, chùa dùng các vật lặt vặt, phàm xâm phạm đến chỗ

Phật đều bảo hoàn trả, không được xâm chiếm. Các thứ khoa dịch lớn nhỏ, trạm ngựa chỉ nên, đồng thời ngưng xuất. Vị tăng xuất gia là đệ tử Phật, cùng con con cháu cháu trong Hoàng gia ta đây, những người niệm kinh cầu trời giúp đỡ tu phước. Phàm là vị tăng đi ở tự tại không có ngăn ngại, có kẻ tồi xấu thường cậy sức mạnh khuấy nhiễu chùa Phật, tấu đem họ tên lại, để các bậc Minh Quân đời sau đều tuân theo thể thức đó. Vậy mà Ma biện bác chân vọng sinh cao thấp, đều nói Khâu Xử Cơ mở nềng móng của Tam giáo làm đất gốc của Nho giáo, Phật giáo. Thử từ đầu đến cuối, xin giấu kỹ chăng? Ban đầu, sự hưng thạnh của toàn chân, việc chẳng khơi dậy xưa cũ.

Căn cứ theo văn bìa "Trùng dương chân nhân" của Nguyên Dụ nói: Ngay lúc nhà Kim đang lớn mạnh, thì có Vương Thế Hùng là người ở Tam phụ vậy. Thuở nhỏ được gọi là hào hiệp, đến tuổi trung niên, bỗng có sở đắc, bèn bỏ việc nhà, trôi nổi nơi quán rượu, đủa bỡn lãng xao không tiết chế, càn rỡ liều lĩnh vọng hành, ôi không cười một mình. Người thời bấy giờ cho là bệnh cuồng, cho nên Mục Vương hại phong vậy. Về sau, gặp hai đạo sĩ mặc áo dạ cừu, dẫn nước uống rượu, cuồng túng càng thêm quỷ quyệt khó lường. Tại huyện Đông, đào mồ để ở, để làm mắt người chết sống lại, ở đó hai năm, sau dời đến am Lưu Tương, dại chúng không nhóm đến ba người, am không liền với hai nhà, từ đó, ở hoài trong hang đất, chỗ nương tựa đã cùng đường, xé rách áo lông cừu để đắp thân, cầm gậy mang bình đi xin ăn tự sống. Bắt chước giữ sự im lặng của những người si thiền, ngồi xoay mặt vào tường mà tự bó buộc. Thường nói rằng các vị Thiền tăng tuy thấu đạt tánh mà không rõ mạng, còn các Nho sĩ bàn về mạng mà chẳng nói đến tánh, còn ta thì gồm cả hai mà tu, nên hiệu là Toàn chân. Đi xin ăn ở phía Đông đến tận Ninh Hải Quân, có được bảy đệ tử như Khâu Xử Cơ, Lư Đầm Hác v.v... Giáo pháp của Toàn chân từ đó lan rộng ra vậy. Sau đó bọn Phan Chí Nguyên v.v... tìm đến, Phạm Quân mạc phủ đến đó. Vương Quân viết số mạng, Nguyên Dụ thuật văn bia ca ngợi. Đức Dụ dẫn dắt, Cát Hồng Trĩ xuyên ở đời Tấn, Đào (Hoằng Cảnh), Trinh Bạch ở đời Lương, Khấu Phụ Chân (khiêm chi) ở đời Ngụy, Tư Mã Tử Vi ở đời Đường, Trần Đô Nam (bác) ở đời Tống, từ đó, bắt đầu các vị hiền sĩ đều không sánh kịp, tạo thành sự tốt đẹp ấy mà bọn Toàn chân gọi là không sáng tỏ, nên Văn Lập thích hỏi mà lại hủy bỏ bọn ấy. Lại phát hiện ở tháp báu Đỗ Thuận liên hoàn xương vàng, vùi chôn trong huyệt mã Thế Hùng, làm xá-lợi của Vương Hại Phong vậy.

Đạo sĩ Khâu Xử Cơ, tự là Thông mật, người xứ Thê Hà thuộc

Đăng Châu, hiệu là Trường Xuân Tử, bắt chước Vương Hại Phong, tiếp nối đề xướng Toàn chân, vốn không có đạo thuật. Có Lưu Ôn tự là Trọng Lục, lấy làm gọi là Đích hạnh ở Thái Tổ, đầu tin hẹp nói A ý Cam ngôn, dâng y dược lên Hoàng Thượng và nói: Khâu Xử Cơ nay đã hơn ba trăm tuổi, có thuật bảo dưỡng sống lâu, mới tấu cử đến. Vào năm Mậu Dần, nên triệu đến phương Bắc, Khâu Xử Cơ mỏi mệt trong việc đến đi, nghe thượng hoàng đi đánh dẹp phương Tây, bèn dâng biểu xin đợi trở lại sứ trung thư Trạm Nhiêu Ôn Chiếu vời lại, Khâu Xử Cơ bèn đi. Ban đầu, đến hướng Tây đánh dẹp Đại Thạch Lâm nha và nước Khả-phất-xoa, đến cùng đất ấy mới toát mồ hôi, chiếm đoạt đánh phá khắp nơi, quân ngựa mạnh mẽ, y cứ có Thành Tầm Tư Can nghe Thượng Hoàng đánh dẹp phương Tây, bèn chạy về phương Nam vào cửa sắt, trốn ở phía Nam núi Đại tuyết, lén vượt đến Ấn-độ. Thượng Hoàng đem quân đuổi theo đánh úp, dựng đóng quân ở phía Nam núi Đại Tuyết. Ngày 18 tháng 11 mùa Đông năm Tân Tỵ, Khâu Xử Cơ đến thành Tầm tư Can, vì núi Tuyết, có tuyết lớn đến hai trượng, sâu không thể đi nên dừng ở trong thành. Đến ngày mồng năm tháng tư mùa hạ năm Nhâm ngọ, mới qua núi tuyết đến ở Hàng cung. Đến trước Hoàng thượng bái chào rồi lui mình rất cung kính, lễ bái xong, sau đó vào trướng. Hoàng thượng hỏi: “Có thuốc sống lâu gì để giúp thân thể trẫm chăng?” Khâu Xử Cơ lùi lại cúi mình đáp: “Có đạo vệ sinh chứ không có thuốc sống lâu”. Hoàng Thượng cho đó là nói thật bèn ban cho sữa ngựa. Lúc trở về lui Hột Sơn, có giặc loạn ở Mật Nhĩ, vả lại bảo Khâu Xử Cơ về lại thành Tầm Tư Can, kỳ hẹn đến tháng mười sẽ vời lại. Vào khoảng hậu tuần tháng 8, Khâu Xử Cơ lại đến Hàng cung, hễ có điều gì đối đáp đều nói tiếng trầm trầm, không thể nghe được. Hỏi về tuổi tác đã được bao nhiêu thì giả bộ nói không biết, hỏi về cốt yếu của Thần tiên thì chỉ luận bàn cố tinh dưỡng khí, ra thần vào mộng, cho đó là rốt cùng của đạo. Mỹ Lâm Linh Tố thần du, ưa thích việc nhập mộng của Vương Hại Phong. Lại cử Mã Đơn Dương Hằng nói: thường mong thánh hiền dắt dẫn, chân tánh được ngao du ở cõi khác. Lại cảnh lắm ác mộng chẳng phải của nhà thiền, bởi do phước mỏng nên không thể đến cảnh mộng tốt lành vậy. Lại hỏi cư sĩ Trạm Nhiên về ý nghĩa ca ngợi Quán Âm, Trung thư xem thường nên chẳng đáp, nhưng có biết nghe đến, không ai chẳng hoàn toàn đảo ngược. Lúc đã trở lại phương Đông, dâng biểu cầu xin bia phù, tự nêu danh hiệu của thầy, riêng cấp biển ngạch Đạo Quán, tự điền Thánh chỉ, dối lừa Chúa thượng, riêng miễn khoa dịch cho môn nhân của Khâu Xử Cơ, chẳng cùng các vị tăng và các đạo chúng khác,

việc làm từ xưa không hề có thể lệ, tự ý muốn thi hành. Điều Hoàng Thượng nói, cư sĩ Trạm Nhiên biên vào trong: "Tây Du Lục". Rõ đủ mười sự sai lầm của Khâu Xử Cơ. Trở về đến các châu như Tuyên Đức v.v... được các vị tăng đón rước. Sau đến thành yên, hai bên đánh trống ngợi khen năng lực xâm chiếm, khiến các đạo đồ Vương Bá Bình dẫn đường theo mấy mươi, treo bảng ra vào, rong ruổi khắp các châu, muốn quản lý cả tăng ni, Khâu Xứ Cơ tự đến Kế Châu, riêng mở Thánh chỉ, bức hiếp, muốn truy tìm nhiếp phục Hòa-thượng Cam Tuyền Bổn Vô Huyền, muốn ngài khuất tiết, nhưng cuối cùng không thể được.

Ở phía Tây thành Kinh Thiên, miếu thờ Đức Phu Tử bị phá làm Văn thành Quán, ở Cảnh Châu, chiếm đoạt núi Long Giác, cổ tiên sinh đổi thành Xung Hư Quán. Về sau, chư tăng muốn lấy lại, Khâu Xử Cơ gửi thư cho cư sĩ Lạc bào chữa lỗi lầm của mình. Ở huyện Bình Cốc, ba tôn tượng nơi chánh điện chùa Thủy Cốc đều do Lưu Loan chặt tay đánh vào trong khe, đổi thành Quán và ở đó. Ở phủ Thái Nguyên, đệ tử của Khâu Xử Cơ là Tống Đức Khương chiếm núi tịnh cư, đục đá làm động, đổi thành đạo viện, lập bia dựng bảng hiệu. Ngôi chùa xây dựng vào đời Tùy, Đường ở núi Hoàng Hoa, Tương Châu, bia khắc vẫn còn, bị các đạo sĩ chiếm định. Chùa Bản Sùng Phước ở Hỗn nguyên Tây Đạo viện bị các đạo sĩ chiếm hẳn. Mấy ngôi Phật Điện ở Loan Châu Hạ Huyện, các đạo sĩ phá hủy xong đều hủy các tượng Phật. Ở Đàn Châu, chùa Linh Nham ở núi Thử Cốc, xưa kia, là nơi Trâu Diễn mở mang luật học, Điện Đường mái hiên thảy đều hoàn bị đầy đủ, khi Toàn Chân Cổ Chí qua đời, Vương Chí Khâm cậy vào khí lực của Khâu Xử Cơ, đập bỏ hết tượng Phật, vẽ họa Tam Thanh, dựng cột đá, đẩy vào trong khe, có các ruộng vườn, chiếm ruộng làm chủ, đổi tên là Đại Đồng Quán. Chánh điện, chùa Mộc Lâm ở Đàn Châu có xây tường bao quanh, năm Nhâm Tý, Toàn Chân Hứa Tri Quán hủy phá tượng Phật đắp họa, đổi thành Tam Thanh, lấy hiệu là Cung Thiên Bảo Vạn Thọ. Chùa Hưng Thiền ở thôn Trương Tạ, ở hướng đông nam huyện Lương Hương, đất đai vườn cây, rừng cây táo đều bên ngoài hết sạch, đệ tử của Khâu Xử Cơ là Khổng Chí Đồng cưỡng chiếm làm ruộng, khinh thường ni chúng. Những trường hợp như thế có đến mấy trăm. Tuy đàng điếm đầy tràn trái ngược ở Nam Kinh, trộm cướp hung tợn ở Đông Lỗ, so với thời cướp bóc này cũng không hơn. Chẳng lấy đạo đức làm tâm, chỉ lấy cướp đoạt làm việc chính. Về sau, bệnh lỵ phát tác, nằm trong nhà xí suốt bảy ngày, đệ tử vào dời ra ngoài như chịu, đau đớn khốn cùng, mới nói dối rằng: "Nằm rạp ở đây so với ngủ đâu khác gì?" Lại qua hai ngày nữa,

cuối cùng nằm trong nhà xí mà chết. Thế nhưng các đệ tử bên ngoài nói dối với mọi người rằng: "Sư phụ cầu phước", soạn biên thành "Khâu Công lục" (do Lý Hạo Nhiên soạn tập), ngay giữa ban ngày lên Bảo Quang mà hóa, hương thơm khác lạ khắp phòng. Việc ấy, mọi người đều biết mà còn nói khác như thế. Ngoài ra, những thứ bất công khác đại lược đều như vậy nên người thời bấy giờ đều nói rằng:

"Một nắm hình hài thân gầy ốm
Xuân dài một sớm hóa thành thu
Hòa tuy mang phẩn, chết nhà xí
Một đạo lưu truyền, hai dòng đạo."

Ấy là chứng minh rõ ràng vậy (lời của Đại Đạo Tứ Tổ), tức ngày mồng chín tháng bảy năm Đinh Hợi (1287)

Sau đó, đạo sĩ Chí Thường tự là Hạo Nhiên, hiệu là Chân Thường Tử, cắm mũ tự chỉnh tiếp nối lại dấu vết trước, thâu góp tài sản của đạo sĩ, mua chuộc ý của Vương thần, du đảng xảo sức, dua nịnh thời lưu, dối mạo danh hiệu Toàn chân, chẳng thực hành đạo đức chân thật, như chim kêu chánh đạo, hổ nhìn nhà Phật. Cậy tà làm oai xâm chiếm chùa Phật, men theo vết ngụy của Khâu Xử Cơ, cuốn thổi gió thừa của giặc hèn hạ, thao túng kẻ dưới cướp đoạt, tùy tình riêng mà hủy phá, đập phá tượng Phật mà thờ tượng Lão, phế bỏ Bồ-tát dựng lập Thiên tôn, tham được quên nhân, dòm ngó tìm cầu vô độ, xứ khác xa xôi sợ người không chỗ nương. Vả lại, từ kinh thành cho đến trong các châu huyện, chiếm đoạt chùa viện, xâm lấn trồng trọt ruộng vườn, mài hủy bia cờ, đập phá tượng Phật, lược nêu một vài trường hợp, nghiệm lại liền biết hư thật.

Chánh điện viện Quán Âm ở ải kinh thông huyền, có ba gian nhà họa vẽ đầy đủ, Lý Chí Thường sai đạo chúng trong bổn viện phá hủy hết các thánh tượng trong bổn viện, đắp vẽ tượng Tam Thanh, tuy thường dâng kháng chiếu trình bày tố cáo nhưng chẳng cho, nay tuy đổi chánh nhưng ở ngã tư phía Tây viện, nhà gần ba mươi gian vẫn chưa phân giao. Chánh điện chùa Tịnh Ân ở kinh đô và liêu phòng, phương trượng, kho, nhà hơn năm mươi gian, trong chánh điện tôn tượng Phật Vô Lượng Thọ, tượng thập lục quán, toàn bằng vàng ngọc sáng lòa mắt, Nữ quan đổi làm Tu Chân Quán, vĩnh viễn chiếm ở. Tại kinh đô, Đông tháp chùa Mẫn Trung, viện đại đạo bị tín đạo cô chiếm giữ để ở. Cung Trường xuân thuộc viện từ thánh ở kinh đô, bị Tịch đạo lục đổi thành Huyền Đô Quán chiếm giữ để ở. Thiên Trường quán thuộc viện kinh tạng, chùa Bảo Tháp ở kinh đô ban cho đạo cô Phước Đồng chiếm định để ở. Chùa Tư Thánh ở kinh đô, vào thời Đường Liêu xem

đó là ngôi chùa cổ, đường thông trước sau, có hơn ba mươi mẫu đất, có hơn một trăm gian phòng, Toàn Chân Củng Chí Lãng cải đổi làm Bảo Chân Quán và chiếm định để ở. Tại kinh đô, phía ngoài cổng cảnh hoa có chùa Kim Kiều, trong chánh điện, tôn tượng Đức Phật Thích-ca đúc bằng vàng ròng, Toàn Chân Trương Tri Quán phá hủy đại điện, sang bằng nền móng, an trí phần mã của Khâu Xử Cơ, đổi thành đất chôn cất. Tại kinh đô, viện kiến phước ở phường Đồng Mã, Toàn Chân Bằng Đầu Trương tiên sinh chiếm đổi để ở. Tại kinh đô, phía Tây phường Xuân Đài, viện hoằng giáo ở phường Vạn Doanh, Chánh Điện, Thánh Đường, liêu phòng chúng tăng, nhà trù, nhà kho, vườn trồng rau, bia đá đều bị phiền tiên sinh đập phá, sau đó, liền đem cây đá từ ngoài lang trạch mang vào phía Đông che làm miếu thiên tề thánh nhân. Tại góc Tây bắc kinh đô, cung Trường Xuân, thuộc viện Cát Tường bị chiếm làm Diêu Đàn (= lò) để luyện Đan kinh, nay thánh chỉ đã quyết định mà còn chưa giao trả. Viện Diệu Phong ở làng Bắc thuộc huyện Ngọc Điền, đạo sĩ Toàn Chân Vinh đều phá hủy hết, ruộng nhà đều bị Đạo Cô, Lộ Đạo Cô ở Nữ Quan Dương chiếm ở. Ở Thông Châu, trước sau chánh điện nhà trù, nhà kho, tăng phòng viện Quán Âm, Toàn Chân Trần Hòa Đồng đập phá tôn tượng Quán Âm trong thành, đổi lại đắp họa Lão Quân và đổi tên là Thông Tiên Quán. Chùa Linh Lục ở thôn Trại Đường tại huyện Uyển Bình,, Toàn Chân Lưu Tri Quán bán tượng Thái Tử Thích-ca cho người khác, đốt phá bia đá, cất giấu chuông đồng, đập phá điện Phật, lại đập phá tháp báu xá-lợi, sang bằng khu tháp mộ, đổi thành Thông tiên Quán, và đắp họa tượng Tam Thanh. Viện Thiết Tế tại Thành Trác Châu, có tháp Xá-lợi cao hơn năm mươi thước, Toàn Chân Cổ Tiên Sinh nửa đêm đập phá đỉnh tháp nhọn, các quan sở tại hỏi han quở trách, bên trốn bỏ đi, vào năm Giáp dần, đổi thành Tề Tiên Quán. Điện Quán Âm của chùa Hạnh Mãn ở Trác Châu có tôn tượng Quán Âm bằng ngọc thạch màu trắng ngồi cao ba thước, có Khang Thiền nghe lời Chí Kiên, nửa đêm đập nát tất cả mười một khối, đồng thời chiếm lấy chùa viện, đổi thành Vĩnh Ninh Quán và ở đó. Ở chùa Quảng Nhân, các vị thường trú tại cựu đường đều đầy đủ, Toàn Chân Lương Tiên Sinh đổi thành Thập Phương Quán và ở đó. Tại chùa Lịch Tây ở huyện Bình Cốc, trong chánh điện có các tôn dung Thánh tượng, Toàn Chân Vương Tri Quán đập phá tôn tượng đắp họa, chiếm làm vườn trồng giẻ, mài phá bia đá, cày phá đất đai. Tại trang trại văn gia, chùa Thủy Cốc, điện vũ ba cửa, Vân Đường, phòng kho, nước lăn cối nghiến giã bằng sức nước, đất vườn, Toàn Chân Vương Tri Quán

đập phá tượng đắp và đắp lại tượng Lão Quân, đồng thời ở chùa Độc Ba, phá hủy chánh điện, chiếm làm vườn trồng giẻ, đổi thành đạo viện. Chùa Niên Phong Long Tuyền ở Thuận Châu, đất trồng cây gai, vườn táo, ngoài ra đều hết sạch, đều bị Mã pháp sư chiếm định và đổi thành Đại Đạo Quán. Chùa Bắc Đài tại huyện An Thứ, Toàn Chân Dương Bì Lý chiếm làm ruộng, chùa Phổ Từ, Dương Đạo Cô chiếm đoạt. Hạ viện chùa Đài Sơn tại huyện Tuân Hóa, vườn cây giẻ ở núi Linh Ứng, Lưu tiên sinh chiếm đoạt. Vườn cây giẻ của hang La Văn ở viện Tịnh Nhân bị Trương tiên sinh chiếm đoạt. Đại điện viện Bát-nhã ở phía Đông bắc huyện Thực và Vân Đường chùa Trung Đồng, Vân Đường ba cửa của cốc Tịnh Gia đều bị Trương tiên sinh phá hủy, che làm khai Dương Quán. Đất đai vườn cây giẻ chùa Thiên Hương ở Kế Châu đều bị Vương đạo Chính chiếm làm ruộng, tháp báu xá-lợi cao bốn mươi thước, bị Vương đạo Chính phá hủy, trụ sắt trên tháp cũng tự xô ngã, lại phá hủy mười ba ngôi tháp mộ. Tại hạ viện núi Cam Tuyền một cối nghiến giã bằng sức nước, Tôn tiên sinh cưỡng hành chiếm mất. Tại chùa Báo Quốc, vườn cây giẻ ở Hạ Viện, bị Cổ tiên sinh chiếm đoạt. Ruộng đất vườn cây giẻ ở Hạ viện núi Không Đồng, Ngô tiên sinh che quán và chiếm giữ. Các trường hợp trên đâu phải đã đầy đủ. Ngoài ra, tại các con đường ở Đông Bình, Tế Nam, Ích Đô, Chân Định, Hà Nam, Quan Tây, Bình Dương, Thái Nguyên, Võ Sóc, Vân Trung, Bạch Tập, Liêu Đông, Phì Thủy, v.v... đều bị đập phá chiếm đoạt làm hư nát trụ phướn, mài xóa văn bia, khó thể nói hết, chỉ lược biết về tên gọi có hơn năm trăm chỗ, đều do Lý chí Thường chủ trương thực hiện.

Lại tự xét về sự cống hiến tiền, gạo, trái cây, mật đường, trà, gừng, phương tiện xe ngựa tới lui, đủ để mỗi năm đút lót trên dưới mà cầu vinh hiển, chẳng lấy sự khiêm nhường làm tâm, chỉ lấy khoe danh làm chính. Trong năm Nhâm Thìn, ít cùng với Hoàng Đế viếng thăm dân Lạc Nhiễu, hỏi tội Biện Lương, gấp ở bên ngoài chinh chiến chưa nhàn rỗi để chỉnh đốn bên trong, mà Lý Chí Thường gian tâm dòm ngó, muốn khinh thường Phật giáo, xem thường triều đình, dám làm điều không đúng với phép tắc. Thừa lúc quân nước Nhiễu nhương, đương khi Vũ Hịch giằng co, nên thao túng bọn tầm thường, viết làm các sách không có căn cứ. Nay cô chương đứng đầu góp nhặt Ngụy nói Sứ Chinh kinh, lại truyền bá Tà văn, lúa đậu chẳng phân, xưa nay không rõ, lượm nhặt lừa dối của Vương Phù lấy làm lời bàn luận bỉ ổi của Tây thăng. Bắt chước theo nhà Phật nói có tám mươi hai tướng tốt, lẫn lộn làm nên Lão Tử có tám mươi mốt hóa đồ, muốn hợp số chín mươi chín, mê hoặc

phong hóa của Nhị Thiên (Đạo Đức kinh), mới nêu Lý Nhĩ sống trước Hư vô, đem Đức Thích-ca đản sinh vào thời Chu Trang Vương, trộm ý của Phật giáo, bày vẽ lắm điều. Muốn cao hơn Đức Thích-ca mới nói Lý Nhĩ sinh vào năm Dương Giáp, muốn vượt lên trên Nho giáo, mới lập chín năm trước Thái Dịch. Muốn đồng thuyết năm Phương Như Lai của nhà Phật mới nói ở năm phương lưu xuất giáo pháp độ người. Bắt chước theo kinh Phật nói thế giới lúc mới hình thành phong luân thổi xuống, mới nói khí bay qua lại biến thành khí di-la, những việc như thế mỗi việc khó trình bày rõ ràng. Chỉ muốn hỗn tạp tự mình vẫn đục, lưu lạm dòng trong mát kia, vàng thau lẫn lộn, đục, trong khó phân. Lừa dối thánh hiền, che mờ mọi người, lòa mắt người khác tự mờ tâm linh, yêu cấm cửa Phật, khơi ngòi chánh đạo, ngạo mạn luật nước, chẳng sợ triều chương, khiến cho đạo chúng ở Trần Châu mờ mịt sự lưu truyền các phương xa phát dương, muốn chướng ngăn chỉ tự hại. Nếu chẳng gặp Minh Thánh thì thật giả ai phân, trong lúc Phật pháp hưng thạnh đợi thời mà xuất hiện. Nếu chẳng là vị ấy thì đạo chẳng dối truyền. Thánh thượng Mông Kha Hoàng Đế chúng ta được tôn xưng là Kỳ là Nghi, là Thánh là Minh, ban bố chính sách đơn giản nhưng nghiêm mật, thông đạt thần võ, tu chỉnh lệnh điển của Tổ Tông, nối tiếp khuôn phép lớn lao của đời trước, dẫn nguyên do từ chương cũ chẳng quên ngoại hộ. Đầu tiên đúc của báu quốc gia trước hết khen ngợi cửa Phật. Phàm là vị tăng đều không bắt thuế. Thánh Chỉ đặc ban cho Quốc sư Na-ma hai ngàn định vàng trắng tu phước cửa Phật (tính ra hai mươi muôn lượng). Lại ban lệnh cho Thắng am chủ phát năm trăm lượng vàng rồng, một muôn lượng vàng trắng ở chùa Hạo Thiên làm Phật sự lớn (bảy ngày mới mãn sự cúng dường trai phạn, hơn một muôn vị tăng). Trong lúc đó thì môn nhân của đạo sĩ Lý Chí Thường khắc bảng tám mươi mốt hóa đồ đã hoàn thành, ban bày bản ấy. Nếu chẳng xa gần đều ban bố thì làm sao biết được sự tốt đẹp của Lý Lão Quân. Nên trước tiên dâng lên triều đình thì các thứ còn lại tự nhiên thô suốt mà tổn hại, mới sai Kim Pha Vương tiên sinh, đạo nhân Ôn Đích Hãn mang rãi bản ấy khắp các quan của triều đình, ở Thổ Lỗ cho đến Khất Đài, Phổ Hoa v.v... đều truyền bản ấy.

Bấy giờ, Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm đang xây dựng chùa Cốt Lâm là người được Hoàng-thượng kính trọng, vì thấy bản ấy hủy báng Phật giáo nên sai học sĩ An Tạng dâng trình Đại vương A-lý-Bất-Ca và tố cáo đó là luống dối, Đại vương bèn giở Hóa Đồ ra kiểm nghiệm nghĩa lý, xem xét thật hư mới tâu lên vua trình bày rõ đủ sự dối trá giả

mạo phá diệt Phật pháp, làm bại hoại phong hóa, vua vẫn chưa rõ là thật hay dối, nên sai mời Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm và đạo sĩ Lý Chí Thường đến dưới lầu Vạn An trong đại nội, cùng thừa tướng Bát Thích Hải, các thân vương quý thích v.v..., dịch ngữ Hợp Lạt, Hợp Tôn và học sĩ An Tạng, Hoàng Đế ngồi ở giữa còn hai bên đối diện nhau cùng khảo xét. Căn cứ theo Hóa Đồ mà gạn hỏi. Lý Chí Thường chỉ một lời không dối, khoanh mình xoa tay và chỉ nói "Khất Nhi không biết" mà thôi, suy lấy sự không biết, Trưởng Lão Dụ khiêm nhường hỏi: "Ông đã không biết, lại sao lại làm chưởng giáo?", Chí Thường lại im lặng không nói. Trưởng Lão Du nhân đó nói: "Đạo sĩ xem thường nước nhà, dám làm điều không đúng phép tắc. Nay đây, trong Hóa Đồ nói Lý Lão Quân sinh trước thời Ngũ vận, lời luống dối ấy từ đâu mà có? Vả lại, trong sử ghi rõ Lão Tử và Khổng Tử đồng thời xuất hiện vào lúc đang suy biến. Nên đầu đời Đường, tú tài Hồ thường ngâm vịnh sử thi rằng:

Thất hùng giáo mác loạn như mè
Bốn biển không ai được ở nhà
Lão Tử sợ, nghĩ đến Tây vực
Bèn nhờ từ giáp, vượt sa mạc.

Như vậy, Lão Tử là người ở vào cuối thời nhà Chu, mọi người đều biết tại sao vọng tạo ra thuyết ấy để dối gạt Chúa thượng ư ? Lý Chí thường nói: "Đó là do người xấu ở mặt dưới làm ra, Đệ tử thật không biết". Trưởng Lão Dụ lại nói: "Lão Tử đã là bậc đại hiền, đáng ra nên giúp nước an dân phò vua còn chưa đủ, tại sao ngồi nhìn loạn lạc rồi bỏ đi đến phương tây vượt qua sa mạc, nhẫn tâm không cứu giúp ư? Ở ngay quê nhà mà không thể sửa sang, trái lại muốn đi xa mà hóa độ Khương Hồ, cũng chẳng là sai lầm ư? Đó đồng như lửa cháy trên đầu mà không thể tự dập tắt mà lại muốn đi xa cứu lửa ở núi khác! Giả sử là người ngu cũng biết đó là luống dối vậy!" Lý Chí Thường khoanh tay im lặng không nói được gì, mặt đỏ rần toát mồ hôi. Trưởng lão Dụ lại tấu rằng: "Đạo sĩ khinh mạn triều đình, ở chốn xa xôi, cậy lắm tiền của, mua chuộc nhiều quan dân để lừa dối nhân tình, ỷ cậy phép thuật hung dữ, bướng bỉnh chiếm cướp chùa Phật, đập phá tượng Phật, phá nát tháp đá. Ở núi Ngọc Tuyền, có tôn tượng Quán Thế Âm bằng đá ngọc trắng, ông đã đập phá, tùy chỗ có các trụ đá làm phướn ông đều xô gãy, chiếm trồng vườn nhà chùa, vườn trái cây lê, giẻ, nước đất, ruộng... nói chung thì biết được tên gọi có đến hơn năm trăm chỗ, nay đối trước Thiên tử, cần phải trả lại", và Chí Thường tình nguyện trả lại, mà không nói gì. Trưởng Lão Dụ lại nói: "Hóa Hồ này vốn là ngụy tạo, nếu không đốt bỏ

bảng khắc thì khó dập lấp nguồn tà". Lý Chí Thường chỉ nói: "Xin tình nguyện đốt bỏ hết" và không thêm lời nào cả. Thượng Hoàng nói: "Ta là Hoàng đế, lúc chưa lên ngôi, xưa nay có đặt ra những gì thì y như xưa mà thực hành. Sau khi ta đã lên ngôi, những gì mà trước sau chưa đặt ra thì không nên bày thêm. Đã là nói dối, đạo nhân mới biên tập nên không được lưu hành". Khi ấy, Thắng giảng chủ, trừng mắt mắng rằng: "Chỉ có loài súc vật, mới lù lù không đáp lại". Thượng Hoàng nói với các quan rằng: "Đạo sĩ cụt lý nên không dám đối đáp vậy".

Ngày hôm sau, Trưởng Lão Dụ lại dâng biểu tấu rằng: "Hòa Lâm thượng đô bắc Thiếu Lâm tự nối pháp tổ tuyết đình dã nhân vô cùng lo sợ, cúi đầu kính cẩn xin thưa: nghe rằng nên trình bày ngay thẳng lầm lộn để khiến mọi cong vạy được ngay thẳng. Nêu trình bày các thứ cong vạy để khiến cho các thứ ngay thẳng trở thành cong vạy. Đó là hai thứ cội nguồn của việc thưởng phạt, là cơ sở để trị loạn, không trường hợp nào chẳng xuất xứ từ trong ấy vậy, từ thủa sinh dân cho đến nay, thuần phác chưa tan, nên Ba Hoàng năm Đế, đều khoanh tay nhìn về hướng nam, các chính giáo ấy không cung kính mà thành, không nghiêm khắc mà bình trị, bởi vì các bậc thánh nhìn thiên văn để xem xét thời biến, nhìn nhân văn để hóa thành thiên hạ vậy, suốt ba đời cứu xét nhật băng để trừ gian. Nên thánh hiền giáng sinh ứng thời lập giáo, hoặc dùng đạo đức để rửa sạch hoặc ban cho nhân nghĩa, để phòng ngừa tệ hại nhỏ nhiệm ở đời sau vậy. Từ đó, Đức Đại Giác Thích-ca Thế Tôn chúng ta đã đản sinh tại Thiên Trúc vào thời vị chúa tể thứ năm thời nhà Chu là Chiêu Vương năm thứ 24 - ngày mồng 08 tháng 04 năm giáp dần, cha là Hoàng Đế Tịnh Phạn, mẹ là Thánh Hậu Đại-thuật (= Ma gia) bà mộng thấy voi trắng cỡi vầng mặt trời bỗng nhiên rơi vào bụng, khi tỉnh giấc thì mang thai. Gần đến ngày sinh, thánh mẫu tay vịn cành cây, từ hông phải thần hóa mà sinh, các vì sao cùng giúp sen hồng, chín rồng phun nước hương thơm để tắm rửa. Thân được trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt, kèm theo tám mươi vẻ đẹp. Tay chỉ trời, tay chỉ đất để xưng tôn, hiện điềm tốt lành mà ra đời, ra bốn cửa thành nhìn thấy cảnh khổ, nửa đêm vượt thành xuất gia, sáu năm tu khổ hạnh để viên thành nhân của nhiều kiếp, muôn đức khắp thân để khắc quả của nhiều đời. Giảng nói giáo pháp hơn ba trăm hội, hóa độ mở mang tám muôn pháp môn, nhận lời cầu thỉnh của ma Ba-tuần mà vào Niết-bàn, thuận theo căn cơ chúng sinh mà thị hiện viên tịch. Do đó, Đạo vượt thánh phàm, hóa khắp trời người, phàm thanh giáo lưu truyền, không đâu chẳng thấm nhuần, không phong hóa nào chẳng y theo, nên xếp vào địa vị thì đứng

đầu trong các thánh. Những ai học theo đạo ấy thọ trì năm giới thì hoàn bị được năm thường, tu tập mười điều lành thì lấp bít mười điều ác. Người sống thì an ổn đối với Vương đạo. Kẻ chết thì thác sinh lên cõi trời, cõi người. Cao xa hơn thì mau dứt bởi cội nguồn sinh tử, riêng vượt ngoài thánh phàm.

Kế tiếp sau đó là các bậc Hiền xứ Hoa Hạ ở phương Đông (= Trung Quốc) có Lão Quân, vào đời vua thứ 22 thời nhà Chu, tức năm thứ hai của Chu Định Vương - Ngày 14 tháng 09 năm Bính Dần, Lão Quân sinh tại nước làng Khúc Nhân, xóm Lệ, huyện Quốc Khổ, nước Sở. Cha tên Hàn Càn, mẹ tên là Tinh Phu, mang thai tám mươi mốt năm và sinh dưới gốc cây lý, do đó lấy họ Lý, tên là Nhĩ và tự là Bá Dương. Thân cao một trượng sáu tấc, trán vồ, mày thô, môi lận, mũi gãy, vai nhọn, đùi rộng, tai vẹt, đầu bằng. Vừa mới sinh ra mà đầu đã bạc trắng nên gọi là là Lão Đam. Lấy đạo nghi riêng kín giữ trong tâm, lấy đức Tam Bảo giúp ích cho sở dụng, đó gọi là Từ, là Kiệm, là không dám ở trước thiên hạ. Đến năm thứ hai vua Giản Vương, làm quan với chức Thư tạng, mười bốn năm sau đổi làm Thái sử. Đến năm thứ 23 thời vua Cảnh Vương tức năm Ất Mão, vì Thất Hùng phân bá, dân chúng nhiễu nhương, Lão Tử không nỡ ngồi nhìn sự tệ hại ấy. Có luồng khí mầu tím nổi lên ở cửa ải, nên muốn tìm về hướng Tây, vượt qua sa mạc mà hỏi thăm đến Hàm Cốc, gặp được quan lệnh Y Hỷ, liền trao cho hai Thiên “Đạo đức kinh” và rất thâm thiết tạo thành Lý của Diệu Đạo, và rồi chẳng vượt qua được sa mạc, chết tại Hòe Lý, đồng thời an táng ở đó, tức nay là xứ Hưng Bình thuộc Kinh Triệu. Về sau, các người học theo đạo ấy, tâm rỗng lòng thật, chỉ đi trong đạo đức bỏ mặc sự thông minh, bước đi trên mây khói, sớm vượt ngoài trần thế. Tiếng tăm, lợi dưỡng không thể làm nhụt chí, hình phạt thế lực cũng chẳng thể đổi dời.

Tuy thời gian của hai bậc thánh hiền có cách nhau trước sau, giaó lý có sâu cạn, nhưng xét về tâm của các bậc thánh hiền thì không hề có ngăn cách. Kể từ lúc hoàng triều Thánh tổ khai mở đại thống về sau thì trong thời gian binh lửa, có học giả bắt đầu khai mở pháp môn ấy, đó gọi là Toàn Chân, đội mão mặc áo của Bá Dương, tự xưng là đồ đảng của Bá Dương mà lại bỏ tông miếu của Bá Dương, phản bội đạo đức của Bá Dương, xâm lạm bốn phương không thể tính kể, hủy phá chùa am, đập phá thánh tượng, ngụy bày hóa đồ, vọng lập điển chương, buông lung lắm điều để liên quan đến thời cuộc, mê hoặc mọi người. Tàn hại đạo lý của bậc thánh, liền đem những lời không chứng cứ tự khắc in vào tạng, gọi là kinh, thật đáng cười vậy. Như mới góp nhặt “Lão Tử tám mươi

mốt Hóa Đồ Hóa Hồ kinh" v.v... nói cả trăm điều khiến người hiểu biết hễ đọc thì răng lạnh, hễ nghe thì bịt mũi. Như trong Hóa Đồ nói rằng: "Vào năm Canh Thân niên hiệu Dương Giáp, đời vua nhà Ân thứ 18 Chân Diệu Ngọc Nữ ngủ ngày, mộng thấy mặt trời cỡi chín con rồng bay xuống hóa thành hạt châu năm mầu, bà ngậm viên châu ấy mà có thai suốt tám mươi mốt năm, đến vua Võ Đinh - ngày 15 tháng hai năm Canh thìn đời vua thứ 21, bà mẹ của Lão Quân tay vin cây lý, vạch nách trái sinh ra, bước đi chín bước; dưới chân mọc hoa sen nâng đỡ và đi khắp bốn hướng. Nhật Đồng nâng đỡ, Nguyệt Phi rải hoa, Thất Nguyên giữ ảnh, mây lành che mát, Tứ linh kính giữ, Ngọc nữ bưng án. Bà mẹ vịn cành cây, muôn chim Hạc liệng quanh giữa không trung, chín con rồng phun nước. Thân có bảy mươi hai tướng tốt và tám mươi mốt vẻ đẹp, tay chỉ lên trời tay chỉ xuống đất và nói: "Chỉ có đạo là tôn quý hơn cả, đến lúc khôn lớn làm quan lại Thủ tạng dưới thời Văn Vương. Đến niên hiệu Thành Khang thì làm Trụ Hạ sử, bỏ tước của nhà Chu", không biết thuyết này từ đâu mà có? Lại nói: "Vào ngày mồng 8 tháng 04 năm thứ 24 thời vua Chu Chiêu Vương, Lão Quân bay lên Thái Vi, lại sinh ở thành đô trong nhà họ Lý cùng gặp Y Hỷ, lại bay đến Tây Trúc, bảo Y Hỷ làm Phật để hóa độ người Hồ, cạo bỏ râu tóc làm tăng, và sau khi chết trở về trời lại". Vài điều sai lầm như vậy đều là lời của bọn trẻ nít đùa bỡn vậy.

Than ôi! Phật sinh vào thời Chu Chiêu Vương, Lão Tử sinh vào thời Định Vương, Y Hỷ thọ nhận Đạo đức kinh vào năm Kỷ Mão thời Cảnh Vương, cách nhau năm trăm lẻ bảy năm. Vậy, sao nói Y Hỷ làm Phật ư? Như thế, ngày nay thích vượt mà xưa đến thế, chẳng phải là quá dối ư? Phàm trước sau cuộc đời của Lão Tử đều ghi đủ trong Chu sử mà nay cho là Chân Diệu Ngọc Nữ sống vào niên hiệu Dương Giáp đời nhà Ân sinh ra. Song, Chân Diệu là phàm hay thánh? Nếu là thánh thì Lão Tử sao lại làm quan đời nhà Chu? Nếu là phàm thì thuộc dòng họ nào? Huống hồ, thánh như Lão Quân có muôn thứ tốt lành mà người đời há lại là không biết, mà cho là quan lại ư? Tại sao bỏ sự sáng suốt mà hướng về sự tối tăm như thế? Có thể chẳng hổ thẹn ư! Huống gì hiện nay ở làng Hòe phần mộ còn đó, mà họ cho rằng Lão Tử giữa ban ngày bay lên không trung, thì sao lại có phần mộ? Mới để cho cỏ gai lan tràn mà không cúng kiến. Đó đều là những điều không đáng làm của những người các căn đầy đủ. Như Trang Tử, Liệt Tử cũng là những người có danh tiếng trong đời; là Á thánh của Bá Vương vậy, mà con của Trang Tử nói Lão Đam chết, Tần Dật đến điếu viếng gào khóc ba lần mà ra,

không hề nói việc bay lên Thái Vi vậy. Con của Liệt Tử tuy khéo quan hệ với Y Hỷ mà một mực bác bỏ điều đó. Bên cạnh đó, đáng mừng lời đáp của Trọng Ni là “ở phương Tây có bậc đại thánh”. Đó là lời nói rốt cùng vậy, không hề nói đến việc giáo hóa người Hồ. Lược nêu hai việc ấy thì những điều sai lầm tự nó đã rõ ràng vậy. Vì các điều nói ra trước sau so với bản sử hoàn toàn trái ngược, dường như chẳng phải Lão Đam. Nhưng mà, ngoài Lão Đam còn có Thái Thượng Lão Quân thành thánh nữa ư? Sao dối bày là chẳng phải thánh như vậy. Vả lại, ở đời cũng có những kẻ rất không ra gì, nhưng đứng thẳng như những người hái củi, chăn trâu sao dám liền than như thế, huống hồ là bậc Thánh ư? Trọng Ni nói rằng: “Chẳng phải bậc Thánh thì không noi theo, đó là đạo của đại loạn vậy!” Thêm nữa, Hứa Xướng Tân làm bia của tam giáo, an trí Lão Tử ngồi giữa, Phật và Khổng Tử phụ ở hai bên, cũng rất là chẳng xét xem ngọn nguồn vậy. Vả lại, địa vị trong tam giáo, từ đời nhà Hán đến nay đã hơn ngàn năm, như đường chỉ trên lòng bàn tay, ngắn dài phải trái, cố nhiên đã có cố định sẵn, đâu phải những kẻ nam nữ tầm thường mà làm khác lại được? Xem đó, bắt chước bọn nhăn mặt quên gốc, đó là muốn hủy diệt đạo của đấng Đại giác, chẳng phải hủy mà diệt được, thật tiếc thay đạo của Bá Vương chỉ là quét đất, làm sao còn như cây đằng, cây la nhờ nương cây tùng cao, cành lá tốt nhiều che râm cả mẫu đất, những kẻ hái củi, chăn trâu đi ngang qua đó ngửa mặt mà than rằng: “Lớn lao thay, sự rậm rạp đó là sự tốt tươi và lớn mạnh của cây đằng”. Như vậy mà không nói gốc lớn của cây tùng, cây bá vậy, đã là cây tùng mà không nhờ cành lá nó thì khô héo, khô héo thì tuyệt nhiên dây leo, cây la, sà xuống đất không chỗ nào chẳng lan đến. Tuy rễ sâu mún chặt mà lại muốn trông nó ở vân hán, cũng chẳng phải xa ư? Đối với đạo của Bá Vương đùa giỡn, nó cũng như vậy mà thôi. May gặp chúa thượng anh hùng, tiếp nối Thánh hiền, thông triết, ngự trời, ngồi làm gương sáng soi chiếu suốt tám phương như mặt trời vua Thuấn soi khắp bốn biển, xét từng mảy may mà không che giấu, vào Đại thống bằng sự vô tư, ngưỡng mong ngay chính điển mô của Tam giáo mà răn dạy các bảo hiệp đại hòa, làm khuôn phép chuẩn mực cho muôn đời hẳn không ít lợi ích, chỉ vì kẻ có phước đức, không chịu trông trời nhìn thánh. Vô cùng lo sợ, cúi đầu kính cẩn tỏ bày. Tức tháng tám năm Ất Mão (1255).

Hoàng Đế đã đề xem thị phi biết hết tốt xấu rồi, mới truyền thánh chỉ rằng: Đại sư Na-ma, Trưởng Lão Dụ ở thiếu lâm tấu lại, các ông hủy hoại hết kinh giáo của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và làm ra kinh

điển giả dối. Hủy hoại tượng đấp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và đặt trước tượng Lão Quân. An trí tượng đấp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngồi dưới bên mặt của Lão Quân, cùng với Lý Chân Nhân đồng một chỗ đối chứng hỏi đáp. Lý Chân Nhân nói: "Ta đều không có lý hiểu được", nay giao cho Bố Chỉ Nhi đứng đầu các quan xử đoán công việc. Người nào tạo kinh giả và in bản mộc, bất kể là ai có cội gốc, đều gọi cùng đối chứng qua. Nếu thật mới soạn thuyết ấy kinh ấy thì giao cho Đại sư Ma-na. Các ông nào tạo kinh giả, Bố Chỉ Nhi là vị quan đứng đầu các vị xử đoán công việc cùng một chỗ thẳng mặt đối chứng trái lúc, quyết đoán tội lỗi thích đáng nặng nhẹ, Đại sư Na-ma đều biết. Lại nữa, phá hủy tôn tượng Đức Phật Thích-ca và tượng Quán Thế Âm, đổi lại đấp vẽ hình tượng Lão Quân, dạy nào các ông phải y như cũ trước đây mà đấp vẽ tượng Phật Thích-ca và tượng Quán Âm, đấp sửa hoàn tất thì phân giao cho các Hòa-thượng, các ông nào phá hoại Phật, phải y theo lý mà xử tội thích đáng. Đoán sự quan đứng trước để chứng kiến giao cho Đại sư Na-ma xét biết. Còn nếu Hòa-thượng mà phá hoại tượng Lão Tử, để đấp vẽ tượng Phật, cũng y như thể lệ trước mà xử tội thích đáng. Tức ngày 29 tháng 09 năm Ất mão.

Bọn Não Nhi thực hành Thánh chỉ ấy, Đại sư Na-ma vin theo thánh chỉ ấy, thấy các ông ở chùa Phụng Phước xâm chiếm các tự viện khác, các ông không chịu giao phó, cho đến Tôn tượng Quán Âm ở núi Ngọc Tuyền, các ông đập phá mà không chịu bồi thường trả lại, khiến Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm, Trưởng Lão Kim Đăng cùng đến phủ Đức Hưng đối chứng với kim thượng Hoàng Đế, tuyên cáo thánh chỉ trước kia thì phải bồi thường thích đáng. Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm trước cùng chấp kết, quyền giáo Trương Chí Kính vọng muốn chống lại ta, không chịu giao phó, Kim Thượng tức giận khiến Trung Thị Lưu Hoạt nghĩ bắt đánh mắng nó, đầu mặt chảy máu, nhưng hoàn toàn không xấu hổ. Năm sau, sai khiến Hồ Đổ Tôn xuống lại y theo bổn ý Thánh chỉ của Hoàng Đế, thảy đều quy định đoán việc, dựng ranh giới tường rào, giao cho chùa Phụng Phước, đại diện thay thế thánh chỉ đầu tiên của Mông Kha Hoàng Đế, giao cho Bố Chỉ Nhi làm chức quan đứng đầu trong các vị xử đoán công việc, tùy đường cùng lui, các ông đang ở trên đất của chùa viện gồm ba mươi bảy chỗ đều bảo giao lại cho Phật giáo mà Lý Chí Thường không y cứ theo mà xử đoán, sai đạo sĩ Phiên Đạo Lục, lại tấu thánh chỉ sinh tình kiến riêng, y theo Hồ Đổ Hổ Na Diễn, sao số về sau không chịu sửa đổi. Tuy tấu như vậy, nhưng Kim Thượng Hoàng Đế chưa chấp thuận, mà đạo sĩ Phiên Chí Ứng những hướng đến các xứ

Khất Đài Phổ Hoa để nói, tự tiện dối truyền thánh chỉ của Hoàng Đế, một mực từ khước, đều chiếm đoạt, lại xô ngã tường rào ranh giới.

Tháng 5 năm Bính Thìn (1256) Đại sư Na-ma lại cùng với Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm. Trưởng Lão Phụng Phước Hanh, Am chủ thống nhiếp Ôn, Trưởng Lão Thượng Phương Vân, giảng chủ Tư Phước Lãng, Trưởng Lão Khai Giác Mại, Trưởng Lão Đại Danh Tân, Đại sư Tháp tất tiểu tô ma thất lợi, trung sơn Đề lãnh yếu a thất chân định dịch âm mông cổ đải đều đến Hợp Lạt, cốt lâm dự đợi Lý Chí Thường v.v... cùng đối chứng giữa triều đình, thường cùng các ông thực hiện cuộc biện luận lớn. Định ngày 16 tháng bảy, ra mắt Hoàng Đế ở phía Nam thành cốt lâm; xưa là Thích hành cung. Hoàng Đế dẫn các sư vào đại nội, ôn hòa tiếp rước, đều ban cho vàng lụa, chỉ đợi các đạo sĩ biện minh chân ngụy mà Lý Chí Thường sợ không dám đến. Tự suy nghĩ trước đây đối với vua chỉ nói là "không biết", nay lại chống đối, lo sợ thua cuộc, mới sai Quyền giáo Trương Chí Kính (tự là Nghĩa Hương), Ngụy Trọng Bình, Ôn Đích Hãn v.v... dời việc đến chậm, do xét chư tăng xa gần không bao giờ ra mặt, rình nghe các sư lui triều liền đến trình. Thiên tử A-lý-Bất-Ca Đại Vương biết các đạo sĩ là vô lý, tuy lại lắm lời mà chẳng hề nói với họ. Song, Lý Chí Thường thấy chư tăng đến thực hành, tiến thối nương nhau, sầu lo uất kết, biến thành bệnh ung thư não, lòng sợ hồn kinh, lại cảm thấy sấm sét, nhân đó mà chết, nên người thời bấy giờ vì thế mà làm thơ vịnh rằng:

"Quán tra tử có thuốc không chết,
Lão Khâu truyền lại lý chân thường
Ba ngàn Ngọc nữ, trường xuân quán,
Mười hai lầu Quỳnh nhà ngắm trăng,
Uống khí biến thành cơn tắt thở
Nuốt ráng hóa thành ung thư não
Toàn chân nghiệp suốt tròn năm tháng
Sấm sét xốc vánh, tội Ngọc Hoàng".

Người nghe đều cho đó là lời thật (tức vào tháng sáu năm Mậu ngọ (1258)).

Hoàng đế vì các vua mở đại hội lo việc ban thưởng, tha thiết đối với việc chư tăng và đạo sĩ đối đáp biện luận. Vả lại, bảo A-lý-Bất-Ca đại vương tán hành thưa hỏi tất cả các sự kiện mỗi mỗi đều tấu lên để biết. Chùa Trung Bàn Pháp Hưng ở trên núi Sơ Bàn, khoảng năm Hợi năm Tý (?) thiên binh mới qua, có ít vị tăng. Ở Hải sơn vốn không nối thờ Lão sư, Trưởng lão Chấn Công đầu tiên ở thượng phương, chuẩn bị

hạt dẻ để làm lương thực sống qua ngày. Bọn Toàn chân cậy thế lực của Khâu Xử Cơ, mưu chiếm Trung Bàn, mới đến chỗ Chấn Công giả nói xin ở tạm. Chấn Công cho rằng Đạo nhân ở lại qua đêm còn hơn để hoang vắng, trái lại ra lệnh quyền dừng ở đã lâu bèn thành lệ định cư vĩnh viễn. Vương đạo chính Trần Tri Quán, Ngô Tiêu Sinh v.v... bèn sửa đổi mái điện, đập hết tượng Phật,, lại mạo tấu cùng quốc mẫu thái hậu nương nương, lập bia đổi biển ngạch là "Thê Vân Quán viện", bên trong có ngôi tháp báu xá-lợi Phật xưa, cao hai trăm thước thì san bằng cả, ảnh đường chánh Điện, Vân đường ba cửa, thảy đều đập phá, chư tăng đòi lại mà không được. Năm Ất mão (1255), thánh chỉ quyết định ban cùng hòa thượng nhưng không chịu giao, sau đó, Trưởng lão Vân Công ở thượng phương tức giận điều vô lý ấy bèn đập nát văn bia, tấu báo cùng kim thượng hoàng đế. Lại cùng Đại sư Na-ma, Trưởng lão Dụ ở Thiếu lâm vào triều hầu Mông Kha hoàng đế, trình bày rõ ràng việc ấy. Thánh chỉ ủy phó cho kim thượng hoàng đế, sửa đổi tệ hại ấy, liền làm tăng viện, tức là ngày mồng bốn tháng chín năm Mậu ngọ (1258).

Chùa Thủy Cốc ở Phủ Đức Hưng, xưa nay tượng Phật và tượng mười sáu vị La-hán đều tạc bằng đá, kỳ công tuyệt đẹp. Sau thời binh lửa không có chư tăng coi ngó giữ gìn, nên các đạo sĩ chiếm trộm ở đó, trải qua lâu ngày, lo sợ chư tăng đòi lại nên phá hết các dấu vết ấy, bèn đập phá các tượng lấp vùi dưới ao nước. Về sau, chư tăng đòi lại, sợ vốn là đạo viện, chư tăng tìm soát tượng ra, các đạo sĩ bèn giấu. Tại Thượng Phương, Đề Lãnh Vân, Trưởng Lão mang tượng Phật bị nát đầu đến tấu triều đình, A-lý-Bất-Ca Đại Vương thấy vậy mà thương cảm, liền gọi Kim Pha Vương tiên sinh đến, nói người nương vào pháp lục, cho dùng tên bắn nó, dùng đá chọi nó, đầu của đạo sĩ đều chảy máu. Nói với đạo sĩ rằng: "Chân thân của Phật mịt mờ dứt điềm, giống như hư không, không thể phá hoại, mắt còn không thấy vậy làm sao hủy hoại được? Chỉ vì các ông không biết mới gieo nhân địa ngục. Giả sử ngươi; tà ngu trong đời ngươi hủy hoại được, nhưng đâu thể tổn hại được chân thân của Phật ư?" Vậy rõ biết các đạo sĩ xâm chiếm chùa Phật, phá hoại tượng Phật, hẳn không phải là lời nói luống dối. Thêm nữa, tại yên bắc, núi Ngọc Tuyền, xưa có tôn tượng Quán Thế Âm bằng đá ngọc màu trắng, bị đạo sĩ đập phá, thân đầu lìa nhau, đục nát tháp đá, xuyên thủng vách đá làm hang động, phía trong khắc chạm đạo tượng, còn dua nịnh triều đình, nói vì quốc gia mà làm nơi tu tạo phước lành. Gieo giản phước địa, muốn chiếm đoạt vĩnh viễn, sợ người sau này chiếm đoạt, nên sau khi Lý Chí Thường bị bệnh ung thư não đã phát,

lại bị sấm sét mà chết, bèn giả chôn quan tài, làm nấm mồ thật lớn, cây gậy của ông chôn ở Ngọc Tuyền, mà thật là thây chôn ở trong Ngũ Hoa Quán. Âm mưu muốn dời năm, thay đổi cách an táng, chỉ lộ bày hòm không, vọng đợi chờ truyền bá, bắt chước như Tổ Sư Đạt-ma thây giải tiên đi, mà thần chẳng dung kẻ gian lận, muốn ẩn lại càng bày. Nhân Tái Điển Xích sai người cải táng, trình bày việc ấy. Phiên Hán nghe vậy, mỉa mai cười trách gian lận. Hoàng đế của đại vương nghe việc dối trá ấy, mới chê trách với Hoàng Đế rằng: các đạo sĩ, từ xưa đến nay xem thường quốc gia, năm xưa nói là gieo giản đất phước, ngày nay lại vùi chôn thây thối, nếu thật như thế thì không thể tha thứ", bèn sai lính trạm Hà Hội Tất Xà Xích và A Tư Lan đến đào bới, quả thật phơi bày chiếc hòm rỗng, xét hỏi thì thật là thây chôn trong Ngũ Hoa Quán, dở ra xem thì đã thối nát. Các việc dối trá hư vọng như vậy, mọi người đều biết, mà đạo sĩ khắc chạm trong Hóa Đồ nói là xuất thần bay lên trời. Và, trong Thiên Trường Quán, một ngàn cái vân bản tự nhiên bị nứt, đánh không kêu, chiếc vạc chứa cả muôn người bất chợt nứt nẻ, gác lớn bằng lưu ly bỗng nhiên bị sụp đổ, mọi sự bất tường khó thể nói hết. Đó cũng chính do sự chứa nhóm hư nguy khinh thường mà chiêu cảm ra! Núi Ngọc Tuyền, đất nước, thánh chỉ giao hết cho Đại sư Na-ma, đạp bờ, lên trên dòng suối, xây dựng Quán Âm trùng các, bên trong đắp họa tượng Ngài, thếp vàng thêu lụa, rất khéo léo đẹp đẽ, trở lại có Phật. Hoàng Đế nói cùng các sư rằng: "Đất nước ta đây nương nhờ năng lực Phật sáng soi làm nền tảng lớn. Thánh chỉ của Phật chẳng dám không vâng, mà các ông mỗi lúc thấy Hoàng Đế ta đây, mọi người trong nhà đều quy y Phật pháp nên sinh tâm ganh ghét, rộng muốn đạo các ông ngăn ngại Phật giáo, chữ Phật giáo, Đạo giáo hai đường đều chẳng ngại nhau. Chỉ vì muốn bành trướng nhà mình mà ngăn cấm cửa nhà người, đó chẳng phải thông luận vậy. Nay các ông nói Đạo giáo tối cao, các vị tú tài nói Nho giáo là bậc nhất, đắp đổi vụn vặt, người kính phụng càng mất, quở trách rằng nói được sinh lên trời, được mất cậy thế làm càn rỗng giữa không trung, tạ trời ban thưởng cho. Suy xét một cách tinh tế, căn bản đều khó ngang bằng với Phật, khi ấy, Hoàng Đế đưa cánh tay lên mà thí dụ rằng: Thí như năm ngón tay đều từ trong bàn tay mà ra. Phật giáo như bàn tay, ngoài ra đều như các ngón tay, không nhìn chính gốc ấy mà mỗi giáo tự khoe khoang, đều là bọn người mù sờ voi mà nói vậy". Bấy giờ, đang mùa Đông giá lạnh mà cá ông ấy chẳng hề chịu bước lên trên đường chỉ ngâm mình trong nước. Hoàng Đế nói với các sư: "Đạo gia đã không chịu đến thì chắc chắn đoản nên không dám

cùng đối luận", bèn ban lệnh cho tăng chúng cỡi ngựa trở lại đất Yên. Tức ngày mồng 10 tháng 09 năm Bính Thìn.

Vào tháng 8, mùa thu năm Đinh Tỵ (1237), Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm, Trưởng Lão Kim Đăng lại cùng đến triều đình. A-lý-Bất-Ca Đại Vương đặc biệt ban truyền thánh chỉ: "Đạo gia từ trước đến nay làm ra 81 Hóa Đồ phá hoại Phật pháp và các thứ văn tự cũng như bản mộc phỉ báng Phật pháp, đều đốt bỏ hết, hoặc có đắp trước hay họa vẽ các hình tượng, khắc chạm trên trụ đá ... Các ông mỗi mỗi đều chẳng y theo thể lệ thời xưa, đều cho phá hủy và chà rửa sạch. Người mài giao cho Kim Thượng Hoàng Đế như pháp thực hành rồi. Đế nghĩ rằng: "Ở đây đã định là đất Hán, không biết nêu chẳng đến kia, nhóm họp rộng rãi để đối biện do vì cạn lời mà tự thua, mới tố tụng quốc gia cưỡng bức chiết phục, khi Kim Thượng Hoàng Đế xây dựng thành ở Thượng Đô, vì nước nhà mà ban thánh chỉ của Hoàng Đế khắp trời đông, để lại cho tương lai. Ra lệnh nhóm họp các vị danh sĩ của chín học phái lại cùng khảo luận, khiến cho Phật giáo, Đạo giáo hai đường tà chánh phân rõ.

Kim Thượng Hoàng Đế nương Thánh chỉ trước, mời khắp cả Phật giáo Đạo giáo hai tông, Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm đứng đầu tăng chúng, Hòa-thượng mỗi Trương Chân Nhân đứng đầu đạo chúng. Các ông mỗi mỗi vào cung thượng đô dưới đại các, ngồi trước đối luận, trong chúng thì có Quốc sư Na-ma, quốc sư Bạt-hợp-tư bát, Tây Phiên Quốc Sư, các vị tăng nước Hà Tây, Ngoại ngũ lộ Tăng, các vị tăng nước Đại Lý, Hán Địa trung Đô Viên Phước Siêu trưởng lão, Phụng Phước Hanh trưỡng lão, bình loạn lộ khai giác mại Trưởng lão, Đại danh Tân Trưởng Lão, Đại sư Tháp Tất Tiểu, Đề-Điểm-tô-ma-thất-lợi dịch âm là Chân Định, Mông Cổ Đãi Bắc Kinh Tuân giảng chủ, Đại Danh Khuê Giảng chủ, Trung Đô thọ tăng lục, Tư Phước Lãng giảng chủ, Long môn dục giảng chủ, Thái Bảo Thông Công v.v... hơn ba trăm vị tăng. Nho sĩ Đậu Hán Khanh, Diêu Công Mậu v.v..., Thừa tướng mông tốc tốc Liêm Bình Chương, Thừa tướng Một Lỗ Hoa Xích, Trương Trọng Khiêm v.v... hơn hai trăm vị cùng làm người chứng nghĩa. Đạo sĩ Trương Chân Nhân, Man Tử Vương, tiên sinh Đạo Lục, Phiên Chí Ứng, đạo Phán Ngụy Chí Dương, giảng sư Chu Chí Lập v.v... hơn hai trăm vị cùng với chư tăng biện luận, Kim Thượng Hoàng Đế hỏi rằng: "Đạo gia tạo ra tám mươi mốt Hóa Đồ và các thứ văn tự phỉ báng Phật giáo, Lý Chí Thường trước kia đối diện trước Mông Kha Hoàng Đế biện luận với Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm, đã bị thua và kinh sách bị đốt bỏ hết.

■

BIỆN NGỤY LỤC

QUYỂN 4

Kim Thượng Hoàng Đế hỏi rằng: “Đạo gia tạo ra tám mươi mốt Hóa Đồ và các thứ văn tự phỉ báng Phật giáo, Lý Chí Thường trước kia đối diện trước Mông Kha Hoàng Đế, biện luận với Trưởng Lão Dụ ở Thiếu Lâm, đã bị thua và kinh sách đã bị đốt bỏ hết, Hoàng Đế sợ các ông mỗi người trong lòng vẫn chưa khuất phục nên đặc biệt ban truyền thánh chỉ để lại cho tương lai, bảo phải bàn luận kỹ càng, nếu là Phật giáo hay Đạo giáo hai bên, ai thua thì phải trị phạt thế nào?”, chư tăng nói: “Ở Tây Thiên có điều lệ; nếu người thua lý thì chặt đầu để tạ lỗi”, còn các đạo sĩ nhìn nhau không dám trả lời. Hoàng Đế nói: “Không cần phải như vậy, chỉ cần chư tăng không có chứng cứ thì để tóc đội mũ, còn đạo sĩ thua nghĩa thì cạo đầu làm tăng”. Khi ấy, tiên sinh mỗi người như le nhảy hạc bay, mũ lam áo gấm, rối rít giành trước. Chư tăng nói: “Phật giáo, Đạo giáo tranh biện về nguồn gốc sinh khởi việc giáo hóa người Hồ, nay thảo luận từng việc từ đâu, tháng như ở đề sách các ông nói: Thái Thượng hỗn nguyên Thượng Đức Hoàng Đế minh uy Hóa Hồ thành Phật kinh, nếu biện luận đầy đủ rõ ràng thì sợ thành phiền toái, nên có thể nêu bày đại ý để thử bình luận, hỏi rằng: Nay Hóa Hồ kinh văn có thật do Lão Tử nói chăng?” - Đạo sĩ nói: “Là do Lão Quân nói”. Chư tăng nói: “Nếu thật do Lão Quân nói thì trong Hóa Hồ kinh nói về việc chúng tăng cạo đầu thọ giới, ông phải biết đó. Vậy hãy nói rõ ràng về nghi quỷ thọ giới”. Đạo sĩ nói: “Việc của ông (= chư tăng), chúng tôi không quản lý”. Chư tăng nói: “Thọ giới là việc nhỏ, ông còn không biết, vậy đủ rõ kinh văn Hóa Hồ đều là trộm trong kinh Phật mà làm ra”. Các đạo sĩ im lặng không đáp lại. Chư tăng lại hỏi: “Giáo hóa người Hồ thành Phật. Vậy Phật nghĩa là gì?”. Đạo sĩ nói: “Phật là người tốt lành bậc nhất trên thế gian”. Chư tăng nói: “Từ xưa đến nay có biết bao nhiêu người tốt lành, sao không tôn xưng là Phật? Ý nghĩa sâu sắc về Đức Phật các ông vốn không biết”. Đạo sĩ nói: “Phật nghĩa là Giác”. Chư tăng nói: “Giác cái gì?”. Đạo sĩ nói: “Giác sát giác ngộ”. Chư tăng

nói: "Thế nào là năng giác và thế nào là sở giác?". Đạo sĩ nói: "Giác thiên, giác địa, giác âm, giác dương, giác nhân, giác nghĩa, giác tri, giác tín, ... không gì chẳng giác, đó nghĩa là Phật vậy". Chư tăng nói: "Phật là bậc Đại thánh, đạo tận cùng tánh mạng, đâu chỉ giác về nhân nghĩa ư? Đó là giáo điển ngũ thường dùng để dạy đời, là điều nói của Đức Khổng Tử. Nếu Phật chỉ biết như vậy, tại sao Khổng Tử không được tôn xưng là Phật?" Đạo sĩ không trả lời được.

Trưởng lão Viên phước hỏi Diêu Công Mậu rằng: những từ ngữ nhân nghĩa v.v... là lời của Lão Tử hay là lời của Khổng Tử?" Diêu Công Mậu nói: "đó là lời dạy của Khổng Tử". Viên Phước nói: "Đạo sĩ từ trước đến nay trộm kinh Phật để làm sách của Đạo. Nho giáo chỉ có nói nhân tín, các ông xem lấy bất định, cũng bị các đạo sĩ trộm lấy trước mặt". Hoàng đế hỏi các Nho sĩ rằng: "các từ ngữ nhân nghĩa đều do Khổng Tử nói phải không?" Diêu Công Mậu v.v... đều đáp rằng: "đó là do Khổng Tử nói". Hoàng đế nói: "đã là do Khổng Tử nói, tại sao cho là Phật nói, vậy đủ biết lời của Đạo gia đều là lời nói dối". Các đạo sĩ không trả lời được, mới tấu trình các sách như Lão Tử Hóa Hồ kinh, sử ký v.v... lên hoàng đế. Hoàng đế nói: "không cần các ông phải nói nhiều, chỉ lấy văn tự để làm chứng. Vậy đây là sách của ai?". Đạo sĩ nói: "đó là tại đất Hán từ xưa đến nay đã có tên tuổi hoàng đế, tập Đại Thành đặt sử ký xưa nay để làm bằng chứng". Hoàng đế hỏi: "Từ xưa Hoàng đế chỉ xuất hiện tại đất Hán? Hay xứ khác cũng có?". Đạo sĩ đáp: "nước khác cũng có". Hoàng đế lại hỏi: "hoàng đế ở nước khác cùng với hoàng đế tại đất Hán là cùng một loại phải không?". Đạo sĩ đáp: "Là cùng một loại". Lại hỏi: "đã là một loại, vậy ngôn ngữ của hoàng đế ở nước khác và ngôn ngữ của hoàng đế tại đất Hán đều được dùng như nhau phải không?". Đạo sĩ đáp: "Đều sử dụng như nhau". Hoàng đế nói: "Đã sử dụng như nhau, tại sao Lão Tử ở tại xứ khác không hề hành hóa mà văn tự, sử ký ấy chủ trương Lão Tử giáo hóa người Hồ. Ấy chẳng phải là văn tự nói dối ư? Nên loại sử ký ấy đều nên gom lại đốt bỏ, không đánh kính tin, nương tựa". Các đạo sĩ đều không một lời đáp lại.

Quốc sư Na-ma lấy gậy chỉ thẳng mặt các đạo sĩ mà quở rằng: "hạng người như lừa ngựa ấy, mọi việc đều không hiểu, cùng các tiên sinh ấy bày ra cái gì?" Bạt-hợp-tư-bát quốc sư hỏi: "Lão tử để lại kinh giáo căn bản gọi là gì?"- Đạo sĩ đáp: "Có Đạo Đức kinh thật là căn bản chính". Lại hỏi: "trừ kinh ấy ra còn có kinh giáo căn bản gì nữa không?" - Đáp: "Chỉ có Đạo Đức kinh là kinh nguyên bản". Lại hỏi:

“Vậy trong đạo đức kinh có nói đến việc giáo hóa người Hồ không?” - Đáp: “Không có việc ấy”. Hỏi: “trong ấy không có, vậy từ đâu nói ra?” - Đáp: “Tại đất Hán mà văn tự sử ký nói việc giáo hóa người Hồ”. Ở trước hỏi các ông nói sử ký ở nước khác cùng với sử ký tại đất Hán cùng là một loại, thì ở Tây thiên có vua Tần-Bà-Sa-la ngôn ngữ trong sử ký có bằng chứng không?” Đáp: “Đều là sử ký, đâu dám không tin bằng chứng”. Lại hỏi: “Đã vậy bằng chứng tin sử ký kia nói: “Trên trời, dưới đất không ai bằng Phật, thế giới mười phương cũng chẳng ai sánh ví”. Đó là sử ký Tây thiên nói lại như thế, đã trên trời dưới đất không ai bằng Phật, vậy xứ nào lại xuất hiện Lão Tử giáo hóa người Hồ thành Phật? Thế đủ rõ lời của các ông đều là lời nói hư dối dua nịnh”. Các đạo sĩ không trả lời. Quốc sư lại hỏi: “Sử ký kia lại nói: dưới trời có người trần tục để râu tóc lễ bái một sa-di nhỏ tuổi. Lời nói ấy trong sử kia nói lại, chứ không hề thấy Lão Tử độ người, các ông có nghe chăng?” Đạo sĩ đáp: “Không hề được nghe”.

Hoàng thượng giận nói: “riêng sử ký ấy, các ông chưa từng được nghe, vậy sử ký đất Hán riêng các ông được nghe ư?” Diêu Công Mậu nói với các Đạo sĩ rằng: “kẻ sĩ vụn vặt chỉ giữ góc cạnh, khó có thể bàn luận các việc lớn, chỉ vì chấp trước sử ký đất Hán, lời nói tự trái nhau, nhìn lại lời trước đều là sử ký đâu dám chẳng tin bằng chứng ư? Sử ký Tây thiên đã nói như thế thì Phật là bậc Thánh vậy, nay đã trộm lấy, lại còn hủy bỏ chứng cứ”. Các đạo sĩ im lặng, hoàng đế nói: “tên của Lão Quân chỉ nghe ở xứ này, danh hiệu Phật nghe khắp thiên hạ, thì làm sao ngang bằng với Phật ư?” lời nói của đạo sĩ đã không chứng cứ, mặt đỏ bừng, đuối lý. Trước đây trưởng lão Dụ ở Thiếu Lâm dâng biểu lên Mông Kha hoàng đế biện luận Đạo giáo không chân thật, nên ở trong đây có một đạo sĩ không dằn nổi cơn tức giận nên lớn tiếng nói trưởng lão Dụ rằng: “văn biểu của ông phỉ báng Lý Lão Quân, nói Lão Tử chết thật, vọng dẫn Trang Tử Tần Dật đến viếng Lão Tử. Đó là truyện ngụ ngôn của Trang Chu làm sao có thể tin được?” Trưởng lão Dụ nói: “sách của Trang Tử, đạo gia tôn sùng kính chuộng, đã là ngụ ngôn thì lời của Đạo Tạng đều là lời nói không thật”. Các đạo lại chịu thua.

Hoàng đế hỏi Trương Chân Nhân: “Tâm ông còn cần giữ lập luận chăng?” - Trương Chân Nhân đáp: “Không dám giữ lập luận”. Hoàng đế nói: “Ông thường nói, trong các đạo sĩ có nhiều vị thông đạt phương pháp cấm chú, như nhảy vào lửa không bị cháy, hoặc giữa ban ngày bay lên trời, hoặc thâu hồn trả lại người, hoặc xua đuổi yêu quỷ, hoặc uống khí không già, hoặc cố tinh nhìn lâu... các phương pháp như thế ngày

nay đều nên thể hiện ra". Trương Chân Nhân đều không đáp lại. Khi đó, mặt trời gần lặn vào chỗ tối tăm. Hoàng đế nói: "Đạo sĩ nói ra là luống dối cướp trộm, phải y theo sự ước định trước, là cởi bỏ mũ mão, cùng một lúc xuống tóc. Ngay lúc kháng luận ấy có tất cả mười bảy người. Tranh luận vừa dứt, đại sư Na-ma sai Tây Kinh Minh Đề Lãnh, Yên Kinh Định Tăng Phán, Ngọc Điền Trương Đề Điểm, Đức Hưng Phủ Sủng Tăng Lục Và Tùy Độ Tăng Quan, coi giữ phòng đưa đến Yên Kinh. Khi đã vào cửa đô thành thì đại sư Tháp-tất Tô-ma-thất-lợi bảo các đạo sĩ đem mũ sao áo bào treo trên chiếc sào dài, đồng thời thông báo rõ cho quần chúng biết và những nơi đã xâm chiếm như chùa miếu núi rừng đất nước, tất cả là bốn mươi tám chỗ, đồng thời bảo giao cho Phật giáo. Cho đếnTrường Xuân cung chùa Phụng Phước ở Yên Kinh bị chiếm, hư hoàng đại các liền giao cho Trưởng lão Kim Đăng, tám mươi mốt hóa đồ nói trên, các ngụy kinh và các bản mộc điêu khắc, đều bảo đốt bỏ hết. Những văn bản khắc trên biavà tượng đắp họa, Đạo gia không được để lại mà phải đập phá.

Trưởng lão Dụ ở Thiếu lâm bàn với chư tăng rằng: "Nếu thực hành đúng theo yêu cầu, sợ sẽ cơ hiềm và cậy vào thế lực, nên để lại cho hai trăm tám mươi chỗ, chỉ lấy hai trăm lẻ hai chỗ mà thôi". Mọi người lớn nhỏ đều khen ngợi Phật giáo rất nhường nhịn.

Kim Thượng hoàng đế bèn ban thánh chỉ: "y cứ thánh chỉ của Mông Kha hoàng đế để xử đoán, trước đây trưởng lão Dụ ở Thiếu Lâm cáo xưng, Lý Chân Nhân đứng đầu các ông để khắc chạm các văn thư nói dối như: hóa hồ kinh, thập dị cửu mê luận, phục thuần hóa luận, Minh Chân biện ngụy luận, Biện chánh Báng đạo Thích kinh, Tịch tà quy chánh nghị, tám mươi mốt hóa đồ. Trên vâng phụng thánh chỉ ý giao phó cho tương lai, ta đây mỗi giữ góp nhặt lại, hòa thượng các ông chỉ nói dối trá, hóa hồ kinh có nhiều văn thư và các bản khắc đều đốt bỏ hết. Đó là loại kiên bỏ vậy. Sợ người khác tìm soát không cùng khắp nên sai Trương Chân Nhân tự thực hành việc sai người đi các nơi tìm lấy lại các thứ kinh văn bản mộc, hạn định nội trong hai tháng đem giao về giao cho Yên Kinh, góp nhặt lại để đốt bỏ hết. Đồng thời y cứ văn thư dối trá ấy chuyển khắc trên bia, cốt và đắp họa trên vách tường, thấy được bất cứ ở đâu các ông phải liền mài phá bỏ. Cạo bỏ xong, các ông không được che giấu, nếu có che giấu các thứ ấy mà có người tố giác ra, thì các ông ấy phạm tội rất nặng". Lúc đó là ngày 11 tháng 7 năm Mậu ngọ (1258), Trương Chân Nhân nghe đọc xong bèn sai người đến Vân Đài quán, tìm lấy ngụy kinh dối trá, hóa hồ kinh, tám mươi mốt hóa đồ

v.v... các thứ bản mộc. Và tùy theo các chỗ cung quán có đặt để ngụy kinh, đưa xe chở đến Yên Kinh, ở phía Tây nam chánh điện chùa Đại Mẫn Trung, đối trước các quan đều cùng đốt bỏ.

Hòa-thượng Vạn Thọ Gián nhìn xuống lửa và nói: "Kính nghe: triệu của Tam Nguyên Ngũ vận, sách của trăm nhà hiền triết, không đâu chẳng nói thuần phong của Nhân Luân tín nghĩa, thuật lại đạo của vua Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng, tất cả mọi cốt yếu đều chưa thấu đạt cội nguồn chân tục, trình bày nghĩa lý thì chưa vượt khỏi cấm vức "hữu vô", đâu như trí Tam Đạt vô ngại, trăm thần không cùng lũ, mười lực tôn quý chẳng ai bằng, ngàn thánh chẳng thể sánh ví. Phạm thiên kính ngưỡng, Đế-thích tôn làm thầy, đạo cứu giúp bốn loài, hóa độ khắp ba cõi. Viên âm một khi xướng lên thì ngoại đạo nhiếp phục, trống pháp tạm đánh thì thiên ma cúi đầu, nên tôn xưng Phật là thầy của trời người, là bậc Đại pháp vương vô thượng, há có thể cùng với Lão Tử ở thời nhà Chu suy thoái mà so sánh công đức hay sao? Chỉ vì dòng pháp dần xa, ma quân ngoại đạo thêm nhiều, nên có Toàn Chân biên tập Đạo tạng, ngậm đầy ích kỷ, không nhiều phương pháp tu luyện, đắp an đầy kho, mạn nói thuật đạo dẫn. Dài năm xa cách Lão Tử từ xưa hư truyền, Vũ Hóa sống lâu đến nay có mấy, không ngại cúng rượu, đạo sĩ Vương Phù học chí kinh, nhận trí dòm khe hở hổ thẹn xoáy lường, khoe cánh chim trắng, trông nhìn núi Thái, mang ánh lửa đóm tranh với mặt trời, mặt trăng. Hả lòng chỗ mình lay động, trái với lời khen, vọng nói hóa hồ, lầm xưng thập dị, lời tà hoặc chánh, ma biện bức chân. Trộm cướp kinh Phật, nhiễu loạn thánh điển, hoàn toàn không kiêng sợ, buông lung ý ngông cuồng, đạp nước mà nói Niết-bàn, rõ không bằng chứng, dẫm lửa mà bàn pháp mầu, có loại bài ưu. Dùng Phạm làm Đường, đem mũ thêm chân, văn nhiều sai lầm, nghĩa có sai trái. Dối trá tự chương sao dệt nói. Đã chẳng phải do Lão Tử, đặt ra hủy nó đi thì có ích cho chúng sinh, huống hồ là lời nói của người thấp hèn, trừ nó đi thì sáng ngời tiên triết, cúi vâng thánh triều thế chủ, hiền vương nước lớn của ta, ứng kỳ ngàn năm, an vận cửu ngũ, ân đức trừ ách cứu đời cao trội một mình, hơn cả Thang Võ, công lao giết hung dứt bạo nổi bật hơn hẳn Hán Đường, mênh mông cao vợi, thánh đức khó nói cùng! Lại thêm, lưu tâm họ Thích chú ý cửa Phật, chí muốn hoàn toàn thuần hóa, tình còn dứt bỏ ngụy lý. Kẻ lẫn lộn việc trái tuy thân thích nhưng phải trừ, người đáng nêu danh tuy xa lạ song hẳn cử. Gần đây nghe tùy các chỗ đạo quán vọng truyền sách ngụy giáo hóa người Hồ và các truyện ký khác, thuộc từ loại thấp hèn đến nỗi không đáng nghe, tuôn lời ác như tiếng chim

ưng, chim kiêu, buông lung tham độc như đuôi bò cạp, thuật yêu vọng mê hoặc tâm người, truyền sách dâm làm loạn tánh người, làm lành thì ít, làm ác thì nhiều, điếm nhục khuôn phép của tiên hiền, bại thương phong hóa của Nhân luân. Như thánh chỉ đến ngày bắt soát từ trước lại ở Yên Kinh, trước mọi người đông đảo thảy đều đốt bỏ, dứt bặt nguồn tà. Nếu ai chứa riêng, chuẩn chế khoa tội. Từ đó lá rơi cành gãy, mây thâu sương cuốn. Giống như lò lớn đốt sạch mảy lông, như cảnh hơi nóng bốc lên sáng rực khinh băng. Ai người hơn thua từ đó thấy rõ. Tạm trở về từ định phá dẹp ma quân, nương nhờ dao tuệ gọt bỏ tà giáo. Đáng gọi là mở rộng hoàn vũ trong lành, phấn phát ngọn gió huyền. Mặt trời Phật từ đó thêm sáng ngời, mây pháp do đây mà lan rộng. Mong nhờ hoàng gia mở rộng đường chánh giác, giúp dân đen thoát lối tà kiến, chính ngày hôm nay đã tròn một năm, tương lai hãy đốt bỏ cùng một lúc. Vả lại, sau khi kinh sách của Đạo giáo bị đốt về sau thành được việc lắm, mọi người trở lại Uỷ-tất-ma, gió tây cũng biết chê bai bừa bãi, thổi sạch tro Đạo giáo ngay trong năm (ngày mồng 7 tháng 9 năm Kỷ mùi (1259), dựng đài trước chùa Trung Mẫn ở Trung Đô, nhóm họp tất cả chư tăng, đạo sĩ, các quan liêu, thứ dân đến tại thành, thiêu đốt Đạo tạng kinh, truyện ký từ các nơi đưa đến và các thứ ấn bản khắc hành đều đốt bỏ, quét sạch vết tà. Tại các đạo quán không được chứa để, nếu ai trái phạm thì trị tội). Nay xây dựng thượng đài dùng ghi chỗ ấy, như trong nước chiếm dụng các chùa viện cũng phải sửa đổi ngay, tất cả tinh quan áo bào, rải khắp tây phiên. Bồi hồi Đại lý, cả nước đều nghe. Thấy các đạo sĩ cạo đầu ở rải rác khắp các chùa, không ai bỏ trốn, nếu ai bỏ trốn thì đồng tội với giặc".

Lúc biện luận vừa xong, có một Đạo sĩ giấu tên họ, không dằn được cơn tức giận, bèn đứng dậy nói: "Ba trăm tám mươi năm nhờ sống lâu để khuynh động các vị tăng". Hoàng Thượng mời đến hỏi: "Ông đã sống nhiều năm, vậy ở thời Thượng Hoàng đầu đời Tống, chư tăng có lỗi gì mà bắt đội mũ?" Đạo sĩ đáp: "Tôi vốn ở trong núi ra không biết việc đó". Hoàng Thượng nói: "Đã nói sống ba trăm năm, sao lại nói không biết? Đã là không thể biết việc ấy tức là người nói dối". Bèn sai Liêu tả Trương trọng Khiêm Nguyên học sĩ xem xét kỹ tuổi tác, thì thật mới hơn ba mươi, vốn người ở Hình Châu vậy. Hoàng Thượng tức giận Đạo sĩ không thành thật, ban đầu thì cho làm việc nặng nhọc, cuối cùng thành loài báo tử. Than ôi! Làm công đức, tâm nhàn rỗi, ngày nghỉ ngơi, làm việc ngụy tâm khổ nhọc, ngày càng vụng về. Lời ấy đáng tin ư? Đầu tiên, Khâu Xử Cơ đi đến phương Tây, vào niên hiệu Nhân Niên

thấy vua Thái Tổ, chỉ bảy mươi bốn hoặc bảy mươi lăm tuổi, đến khi thiên hóa, mới gần tám mươi, mà Lưu Ôn nói dối vua Thái Tổ rằng: Khâu Xử Cơ hơn ba trăm tuổi. Đến lúc Thái Tổ hỏi về niên giáp, thì nói dối không biết. Nên cư sĩ Trạm nhiên biên lời đó vào trong "Tây du lục", nêu rõ sự lừa đảo Chúa thượng. Đạo nhân ngày nay lại dẫm lên vết trước, một lời đã nói ra khỏi miệng, thì dẫu xe bốn ngựa cũng khó đuổi theo, tha hồ buông lung nói cuồng, cuối cùng vùi thân trong bụng báo. Bị bệnh nặng dữ mà chẳng chữa trị, tâm đồng với đá chai nên khó trở lại. Xe trước đã vấp ngã, mà xe sau lại chẳng lánh vết, yêu tà ngụy vọng nhiều đời thường sinh khởi. Nay lược nêu vày ba sự việc để nêu rõ sự gian lận.

Ban đầu, vào thời Hậu Hán, Trương Đạo Lăng vốn người Đất Bái, làm khách đến đất Thục lên ở trên núi Hộc Minh, biên soạn đạo thư, sáng lập điều nghi, ở trên đỉnh núi My Hạc, dụ dỗ dân quê, người nào tôn sùng kính đạo thì ban thưởng cho năm đấu gạo, bấy giờ xưng hiệu là "Mễ tặc", về sau bị rắn lớn ăn nuốt, thân vùi trong bụng trăn, mà đệ tử nói dối là toàn thân bay lên hư không. Vào thời Hậu Ngụy, có Khấu Khiêm Chi, tự là Phụ Chân, tự lấy hiệu là Thiên sư, nịnh hót mê hoặc vua Thái Võ ở trên núi Tung, xây dựng Tịnh luân Thiên cung. Thái võ đích thân nhận phù lục, cờ xí cũng chọn màu xanh để hợp với màu sắc của đạo gia, mong mỏi được sống lâu mà Thái võ thân bị bệnh dịch, còn Khấu khiêm Chi cũng chết sớm, phiền nhiễu khổ nhọc muôn dân, không hề có ích lợi gì! Đạo sĩ ở kim lăng là Lục Tu Tĩnh có tài lợi khẩu chế thêm phù Chương, vọng bày ba pháp cứu thế nhương hung, gặp Lương Võ Đế bỏ việc, Lý Lão chiếu hành, nên đạo Thiên hạ không thể hưng thạnh, bèn dẫn môn đồ đệ tử đi về hướng Bắc Cao Tề, rộng ban vàng lụa, khắp rải vương công, mong hành đạo pháp, chỉ nương vào thuật cạn, muốn được nổi tiếng. Văn tuyên đế bèn thử nhưng chẳng có hiệu nghiệm gì. Nói bay lên trên không lại rơi xuống đài, vào lửa thì cháy rụi lông mày. Diệp Tĩnh đời Đường yêu thuật loạn chúa, ban đêm dẫn vua Huyền Tông đến nơi Nguyệt cung, Lộc Sơn dắt họa, gần như mất nước, Đạo sĩ Triệu Quy Chân nói năng khéo léo lấy danh dự, làm hoặc loạn Võ Tông, thực hành hợp khí uế thuật uống vàng, đá, thuốc độc, sống lâu chưa hiệu nghiệm, mà thuốc khô đã chết trước. Lâm Linh Tố ở đời Tống, khoe thẳng chút nghề nhỏ mọn, cốt yếu được vinh hạnh đối với vua, ban đêm dẫn Thượng Hoàng mộng du đến trời cao, lừa bịp tai mắt, xưng hiệu là Thiên Sư, nước sông biện dân tràn vùi lấp người dân, Hoàng Thượng Bảo Lâm Linh Tố cúng tế mà hoàn toàn

không hiệu nghiệm, sóng lớn vọt cao lên đến Thiên tân, khắp triều đình và thôn dã đều kinh hoàng, không nơi khống cáo, Thượng Hoàng đốt hương cầu Phật, tạ lỗi trách mình, cảm được Tăng-già Đại Thánh ở Tứ Châu hiện thân, mây sóng tự dứt, muôn dân vui mừng, Lâm Linh Tố trốn mất. Cuối đời Kim có Ô Cốt Luân tiên sinh, thường đắp mền gai, nhọc đi trong hang cùng ngõ hẻm, quát tháo mắng chúng, trá hiệu thần tiên, bọn ngu dốt tầm thường cũng có kẻ tin. Vua Ai Đế cảm mến rất tin thuật thấp hèn ấy, mặc tình đạo sĩ tâm tình dữ dằn, hành pháp nhàm nhở của thế gian, đạo sĩ thân dính mắc nơi hiến võng, Ai Đế cũng qua đời ở Thái Châu. Gian ác hung tàn như thế đời nào cũng có, đầu thì họa lan nơi thôn xóm, sau thì tràn khắp cả nước nhà. Như Bá Cô đó là tốt lành, còn rắn hổ thì tiết độc, dùng quái sinh quái, đem hư nắn hư, người nghe thì đầy tai mênh mông, kẻ tìm cầu thì bắt gió buộc hình, tan mất tính chất thuần túy của đạo đức, quạt cơn gió tà thổi khắp, ô nhục nhân luân, bại thương vương hóa, mà lại ban cho ngu mù, chẳng sợ triều chương, điều lành vô thượng, như nước hay có hạng hạ ngu ham ăn háu uống đi qua, xâm lấn đất tốt của Dân đen, chiếm đoạt màu mỡ của họ Thích, mua tình người bằng quyền thế, ngăn chánh đạo nơi cửa Phật. Đầu lạm xúc nơi Khâu Xử Cơ, mới vỡ lỡ tại Lý Chí Thường, tuy buông lung gian tâm, rốt cùng bị người hiểu biết cười chê!

Khéo thay trong sách của cư sĩ Trạm nhiên! Trong "Tây Du Lục" nói rằng: "Khách hỏi cư sĩ: người xuất gia ngày nay, phần nhiều trốn tránh việc nặng nhọc, mưu cầu ăn mặc, nếu cạo tóc thì khó trở về thế tục, nên người làm tăng thì ít mà kẻ vào đạo thì nhiều. Từ khi bình lửa xảy ra về sau, tịnh xá chùa viện danh lam đều chưa đến đổ vỡ hư hoại, nếu đạo sĩ không chiếm lấy thì cũng thành sở hữu của những kẻ có quyền thế, nếu triệt xuống để làm củi thì đâu có ích gì?" - Cư sĩ nói: "Người thông minh đặc đạt thì không cần làm như vậy, vượt khỏi hữu vi này, đó là người ngu hèn, sao lại lấy ư? Đã gọi là người xuất gia, trái lại làm việc của kẻ tiểu nhân. Đổi chùa hủy tượng chiếm đoạt núi rừng. Do đó, người quân tử chê trách hiền giả. Bọn này ban đầu ở viện không có tôn tượng, sau phá hủy chùa có tôn tượng. Ban đầu thì chiếm đoạt tịnh xá ở núi rừng, há không có ý mong mỏi thành quách, chùa chiền ư? Từ xa đến gần, từ ít đến nhiều, sâu còn có trí bao la, cũng chỗ âm mưu chẳng cạn vậy. Dù có gò mã xa xưa, người ưa thích sự hùng vĩ tráng lệ nơi núi non, sự tươi đẹp nơi bờ rừng, bèn nghĩ rằng: "Gò mả này ta không chặt phá thì người sau này cũng chặt phá. Ta vứt bỏ hài cốt nơi đó ngoài hào rãnh mà chôn cất cha mẹ ta". So với tình người thì như vậy

là thế nào nhỉ? Người xưa tốt đẹp ở chỗ suốt sáu tháng mặc áo lông dê, lông cừu mà chẳng lượm vàng của kẻ khác đánh rơi. Đã là đạo nhân thì nỡ lòng nào làm sự cường hào chiếm đoạt ư? Đó là bọn ban đầu lấy sự sửa chữa chùa viện tịnh xá cứu hộ thánh tượng làm danh, ở đó lâu rồi thì dần dần đập phá tôn tượng, tìm cách cải đổi tên gọi biển ngạch, lớn thêm nữa thì có ý hủy diệt Phật giáo. Họ sửa chữa cứu hộ chùa viện tịnh xá mà như vậy ư? Nếu như muốn mở mang bổn giáo, thì nên chọn đất kết duyên, xây dựng cung quán, chẳng phải là làm sáng ngời đạo môn sao? Bậc đại trượng phu trộm cướp chùa miếu, tịnh xá của người, hủy phá tổ tông của người, lấy đó làm tài năng của mình. Vậy đâu khác gì việc làm của loài chuột cướp, chó trộm ư? Nhân người khác thành đạt, há chẳng xấu hổ ư? Việc binh lửa ở đời có lúc phế, lúc hưng vẫn không hề có sự kiện đổi chùa thành quán. Chống cự xem thường triều đình mà dám làm việc trái khuôn phép này ư? Xưa kia, Lâm Linh Tố nương gá thần quái, được nhà Tống trọng dụng, có thể gọi là đầu ác tội lớn vậy, còn chưa dám đổi chùa thành quán, hủy tượng thành đạo. Nay thì việc làm của bọn này vượt xa quá xa Lâm Linh Tố. Đâu phải thần minh tức giận mà rút ngắn tuổi thọ của Khâu Xử Cơ? Phàm vật mau thành thì mau hoại, chậm xong thì bền bỉ.

Xưa kia, Phật giáo từ phương Tây truyền đến, tới nay đã hơn hai ngàn năm, các vị minh quân hiền tướng không ai chẳng tôn sùng kính ngưỡng, cao tăng kỳ sĩ tùy theo đời đại mà xuất hiện, những vị làm quốc sư ở đời nào mà không có, như Phật Đồ Trừng, Hậu Triệu Quốc Sư, Vệ Đạo An được Phù Tần kính trọng. La-thập thì Diêu Tần khát ngưỡng tôn xưng là thầy, Pháp Quả là gia sư của Nguyên Ngụy, Lãng Công thì các nước đều kính phụng, Bắc Tề kính sùng Đại Thống, đời Tùy xem trọng ngài Thiên Thai, Đại Đường thì có ngài Lão An, Tuệ Trung, Bắc Tông Thần Tú, Quốc Sư Thanh Lương, Tam Tạng Bất Không, Quốc Sư Đại Liêu Trúc, Quốc Sư Đại Kim Viên Thông Thiện, các danh sư như thế, chưa có ai đổi quán thành chùa, do đó, đạo của Phật tổ gốc sâu bám chặt, xác thực nên không thể nhổ lên. Nếu họ Thích đắc chí chiếm đoạt đạo quán, đạo sĩ được quyền mà phá hủy chùa Phật thì làn gió đấu tranh không có ngày chấm dứt. Phàm hiến chương của đất nước là chính sách xa xưa từ thời Hán, thời Đường, chẳng phải là pháp luật của một đời vậy, mà thật là pháp luật của muôn đời. Thời đại quân chủ đều sự dụng, nếu là khuôn phép của bậc Đại sư thì không thể hủy phá vậy. Trong tạp luật có hình phạt nghiêm khắt đối với tội đập phá tượng, khắc điều ghi rõ phương thức cấm tà. Nay, bọn ấy đập phá miếu thờ Tuyên Thánh,

đập phá tượng Đức Thích-ca. Hạng người tay không về đông như chợ, hạng khách ăn chực nhóm tụ một nhà, chẳng phân có che giấu hay chăng, nhất loạt thâu nạp hết. Đó chính là vực sâu bụi rậm cho những kẻ trốn nợ vậy. Hội quán không đánh phá mà tự thua. Ôi! Kẻ sĩ ở chốn Lâm Tuyền chẳng cạnh tranh với vật, dấu danh ẩn vết, người còn xấu hổ. Huống hồ tự chuyên bùa ấn, ức chế quyền của quan thự, chiếm đoạt dân của quan thự, tự xem cống hiến treo bài trên dưới để dua nịnh nhân chủ, đâu được dung chứa ở đời ư? Lấy đó mà chứng minh việc làm sai trái quỷ quyệt chẳng có khuôn phép, mọi người đều biết, đâu phải đợi lời nói quê hèn của tôi!

Mông Kha Hoàng Đế, đầu tiên vào mùa xuân năm Nhâm tý (1252) ban chiếu chỉ, đến khi Kim Thượng Hoàng Đế chinh phạt các nước Thổ Phiên và Hoa Mã, Đại lý v.v... Hoàng Thượng đến nước Đại Lý, được xá-lợi và ngôi tháp bằng vàng ròng, cao đến hai thước, sớm tối lễ bái phụng thờ làm đầu, trở về đến núi Lục Bàn, nay am chủ là Ôn Công làm thống nhiếp giáo môn. Nhóm họp các danh tăng trong nước đến núi Thanh Lương, mở thắng hội một trăm ngày, hưởng cúng đức đại Thánh Văn-thù, các quan cung cấp mọi thứ cần dùng. Điềm lành tuyệt diệu không thể ghi hết. Hoàng Thượng trên đường trở về Tần Xuyên, thấy Tam giáo đường có thờ tượng Lão Quân ở giữa, tượng Phật đứng hầu bên cạnh, mới nói cùng mọi người chung quanh rằng: “Lão Tử là bậc hiền trong người đời, giáo điển của ông ít dùng chưa thấu đạt lý của bậc Thánh, khó vượt bến sinh tử, cùng ngồi ngang Phật, so về lý còn chưa thể được, huống gì chiếm đoạt tôn vị, càng không thể được. Năm sau đến núi Nhật Nguyệt, bảo Trưởng lão Chí Công chùa Càn Minh ở phủ Trung Sơn kính vâng chiếu chỉ cỡi ngựa tùy đến các nơi để cải chính, Trưởng lão đi khắp bốn mươi chín chỗ, thấy tượng đắp họa thì bị đập nát, tượng vẽ thị bi bôi xóa. Các chỗ trái với thể thức thảy đều sửa đổi. Ở bốn phủ Hà Trung, Kinh Triệu, Ráng Châu, Bình Dương đều dựng bia để nói lên sự ngụy vọng ấy. Ở đây góp nhặt sao lại những gì trong ấy, nói rằng:

Người xưa bảo “rễ sâu quả tốt, nguồn xa dòng dài” lời đó thật đáng tin cậy, xưa kia, đấng Phápvương chúng ta trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp chứa nhóm công đức, đạo quả viên thành, sau đó mới ở khắp trăm ức thế giới, đồng một lúc hiện thân, suốt bốn mươi chín năm nói pháp, độ thoát trăm ngàn muôn ức, Phạm Vương Đế-thích cúi đầu cung kính, ngoại đạo thiên ma đạp sừng, bẻ gan, nhóm muôn thánh trong đạo tràng Bồ-đề, hàng phục sáu vị giáo chủ ngoại đạo bên bờ sông Bạt-đề. Việc

hóa duyên đã mãn trở lại Liên Hoa Đài tạng, tám vị đại quốc vương giành chia xá-lợi, năm trăm vị La-hán kết tập lời vàng. Giáo hóa khắp trời người, pháp truyền khắp các cõi nước như số cát sông Hằng, gió vô vi thổi đến, giáo hóa không lời thực hành đến thế, mãi đến thời tượng quý văn ấy còn chẳng mất. Mã Minh, Long Thọ toát yếu lời vàng, Vô Trước; Thế Thân truyền bá di sản đẹp, vang lời trong khắp bốn biển, bay tốt thật cả tám phương. Trúc-Pháp-Lan, Khương Tăng Hội mang kinh sách truyền về phương Đông; Tuệ Viễn, Đạo Lâm phấn phát ngọn gió mát ở các nước phía nam, Phật Đồ Trừng tay soi ngàn dặm, A-mục-khư bị đổ máu bọn hung, Vệ Đạo An chú giáo khoa kinh, ngài Trí Giả đời Tùy chia tông lập điển. Cứu sinh linh nơi tro bụi, cởi mở ách nạn treo ngược, nhổ ra bến sinh tử, đặt cao trên bờ Niết-bàn. Vòi vọi mênh mông không đức nào không khen ngợi, sáng sủa rực rỡ có chúng sinh cậy nhờ. Minh quân ủng hộ bên ngoài, thạc đức giữ gìn bên trong, nhiều đời đế vương kính ngưỡng mở rộng khuôn phép bậc Thánh. Do đó Hán Minh đế sai sứ đến Tây Trúc thỉnh cầu, họa tượng dịch kinh. Tấn Minh Đế miệng tụng lời vàng tay vẽ tượng Phật. Giản Minh đế thường suy nghĩ pháp vị, Hiếu Minh đế bẩm thọ giới chương, Tống Văn đế thọ huấn ngài Bạt-ma, Tề Võ đế khâm sùng Tăng Viễn, Lương Võ đế giảng kinh, giữ giới, Trần Tuyên nói pháp trong pháp đường, Tuyên Võ đế rộng cúng dường chư tăng. Tề Văn Xương chỉ nhờ Phật lực, Tùy Văn đế quỳ gối trước Đàm Diên, Huyền Tông chú giải chân văn Bát-nhã, Túc Tông tụng Kinh Nhân Vương, Đức Tông; Hiến Tông đón rước xá-lợi cúng dường, Tuyên Tông; ý tông khôi phục giác lộ để hưng hành. Lương Tấn giành cân mưu hay chưa nghỉ, Viên Tống nhận mạng giao phó chẳng quên, Đại Liêu thì nghiêng nước thờ Phật, nhà Kim thì từ đầu đến cuối tôn sùng họ Thích, Đại Nguyên mở vận ghé ý pháp môn, Thái Tổ thì minh chiếu ban mở mang đạo này, Thái Tông thì thử kinh, xây chùa, khắc giúp kinh tạng. Cốc và Hãn thì khiến Tăng Hỗ Tùng thường tụng kinh Phật. Mông Kha hoàng đế thì cúng tăng viết kinh, xây tháp báu cao, Kim Thượng hoàng đế thì cúng cơm chư tăng, xây chùa, tạo tượng, nấu vàng đúc trượng, xả bỏ của báu rộng rãi, tụng đọc tạng giáo của đấng vô thượng, tôn ngài Bạt-hợp-tư-bát làm thầy cả nước, mắt tai biết đủ chẳng là luống dối, không ai chẳng dựng điện lớn để an trí tượng ấy, nối hiên dài để đồ chúng yên ở, nếm mùi đạo mà tánh dung thần, tôn người ấy mà lưu lại thể thức, chẳng thể tiếp sáng ở đạo vua, cũng hợp sức ngợi ca nền tảng của Hoàng đế. Trở lại thấm khắp nơi nguồn ròng, dẫn dân đen đến thọ vực, gia đình biết khổ của sự chứa

nhóm điều ác, mọi người hướng về đường lành. Ban đầu là thói đẹp ở triều đình, cuối cùng lan tràn khắp sĩ nữ, nếu chẳng là huyền diệu sao thực hành được bền lâu. Thuở xưa, tốt lành như Công Tôn; Long tổ là những người trong sạch, học trò ở đất Điền Ba bị Tô Khâu bàn luận thuế hạ, chẳng phải ba Hoàng phá diệt năm thường, ngôn từ khéo léo chiết phục ngàn người mà chẳng lưu truyền cho đời sau. Vì không có đạo thật đáng truyền? Phật giáng sinh tại Tây Trúc, giáo pháp lưu truyền hưng thạnh ở Đông Độ, tướng hiền vương triết nối gót giữ gìn, đạo ấy có thể bắt chước được sao?

Nên Hòa-thượng Đại Diên nói với Hàn Dũ rằng: "Từ đời Hán đến nay, trải qua nhiều đời lâu dài như vậy, vua quan sĩ dân đông đảo như vậy, trời đất thần kỳ sáng tỏ như vậy mà lời Phật nói vẫn thực hành theo trong đó, mọi người tín ngưỡng mà tin theo, không dám bàn luận mà xóa bỏ. Đây chắc hẳn là có chống cự với trời đất nên không xấu hổ, liên quan với trăm thánh mà không hổ thẹn? Diệu Lý tồn tại suốt thời gian ấy, sau đó mới đến thời nay. Ông sao suy nghĩ sâu sắc thế?", đó là đối luận vậy. Các đạo sĩ ngày nay chỉ trau chuốt dối nói sức trời chẹt bít nhà người, buông lung tâm gian, che mờ giác lộ. Chẳn g đội ân lớn khoan dung của nước nhà, lại tự ý soạn tập văn chương phỉ báng. Lời không thích hợp với sự dẫn giải thánh, văn có luống dối loạn chân, trộm thánh giáo của Phật, vọng loạn ngụy thư, tâm buông lung càn bướng không nghĩ gốc gác, thấy kinh Pháp Hoa liền nói ở trong hoa sen, thấy kinh Kim Quang Minh bèn bảo ngồi trên lửa dữ, hoàn toàn mê mờ nghĩa lý, khéo hiểu tên kinh. Lời xấu tợ chim kêu, bạo ngược quá hơn chó cắn, trái lời loạn đức, lừa dối mọi người, điếm nhục hiến chương, hại thương phong hóa. Nếu như chẳng cắt bỏ, thì giống ác càng thêm, kính mong Kim Thượng hoàng đế, đạo hợp cùng hạ vũ, nghiệp lớn như Chu Văn, tiếp nối cơ đồ lớn lao của ba hoàng năm đế, an định ngôi báu cửu ngũ, tinh thần bên trong sáng suốt, trí soi chiếu ngoài tỏ tường. Đối với người có đức tuy là thù oán mà vẫn phong ban, hàng người không công dù là thân thích cũng quyết phạt. Đạt rõ bốn mắt, u uổng đều thông, uy động chín Phục, gian tà cắt dứt. Thể nhận thật lý của tăng đồ, biết rõ hư danh đạo sĩ. Triệu vời cả hai giáo (Phật giáo và Đạo giáo) biện rõ tông thú, đạo sĩ muốn phô bày mắt cá, dùng để chiếm đoạt châu sáng, ngựa ô lóa mắt đạp vũng nước giành nhiều biển xanh, cẩu thả nêu đề cương mục, cứng lưỡi hết lời. Thử thăm dò cội nguồn tông chỉ, đành ngậm ngọc quy phục. Binh lớn dàn bày, Lý Hạo Nhiên thất bại từ trước, tướng nhỏ trở giáo, Trương Chí Kính ngậm miệng về sau. Tuy Le rão mà Hạc bày,

rốt cùng ngói vỡ đất tan, ném tinh quan mà mặt hổ thẹn, cởi áo cừu mà tình thẹn. Phật thật, Đạo dối từ đó rõ bày. Năm uế hung gian, sáng nay bại lộ. Do đó, mây thâu chiếu cuốn, lá rụng cành lìa, như mặt trời hừng xuyên suốt băng mỏng, tợ lò lớn nấu tiêu lông nhẹ, bọ ngựa lấp vết há gọi là có khả năng chịu đựng? Trùm giun ra oai trọn thành bột mịn! Ngày xưa, Minh đế kiểm nghiệm sự chân ngụy, tử thư đều đốt bỏ hết, nay thượng hoàng trừ khí yêu tà, Đạo kinh đều thành tro bụi, giáo hóa người Hồ ra ải lại chết trong hư không báng đạo trừ tà, tùy theo gió tan. Phí thúc tài đương lúc ấy tức giận mà chết, Lý Chí Thường gan vỡ mất thân, oai linh như một ngày chạy đến năm ngàn, hiện giờ ở đâu? Thần biến như bùa bay làm thây chết đứng dậy, lúc này chẳng nghe, phương pháp thần diệu trốn trên trời, ẩn dưới đất, hoàn toàn không một nửa linh nghiệm, bí thuật dời núi kéo đẩu, chẳng hiện mảy may nực cười. Bọn tầm thường trong xóm vắng, giao đầu xấu hổ thẹn thùng theo chịu loạn. Một bề tuôn ra nhỏ xấu, ngàn năm khó xóa mờ. Tuy khéo nói như rót trọn để lại dáng mặt dạn dày. Nên bị thánh thượng thâu quyền, triều thần đổi quán. Mặt trời Phật từ đó lại lên cao, mây pháp do đây mà bủa khắp, mở rộng trời đất, thổi mạnh gió mát. Phá bỏ rừng rậm tà kiến, mở đường chánh của Đấng pháp vương. Hoan hô hoàng thượng, nhảy múa khắp xóm làng, đức lớn chiếu soi, tiếng vui vang xa. Than ôi! Bầu trời trong sạch mà mây mê dấy khởi, Đại thánh xa đời mà ngoại đạo nhiễu nhương, dị học loạn chân, từ xưa vốn có, chẳng phải do các ông tranh luận ấy mới hiển bày tông thú của ta. Chỉ vì ông bất bình nên sinh ra ta bất bình, đạo của các ông nếu bình thản thì ta tự bình vậy. Chánh đạo như biển lớn, ông có thể vùi lấp chăng? Chánh đạo như hư không, ông có thể hủy diệt được ư? Ngữa mặt phun nước miếng lên trời, chỉ tự nhơ mặt mình! Nhọc khởi tranh biện một khía cạnh đối với các ông làm sao bù đắp nổi? Hớn hở vui mừng không kềm chế được, kính cẩn tỏ bày khen ngợi rằng:

Chánh pháp Phật-đà
Khắp năm Thiên-trúc,
Giáo chỉ là lành
Tông vốn quên lờ.
Thánh triết kính nương
Ngu phu cười lớn,
Đạo không dứt luân
Chẳng phải yếu diệu
Dị đạo ngoan cố

Nhiễu thánh vô lễ
Minh chúa khó lầm
Vài lời chiết phục.
Tà khó giúp chánh
Ngụy chẳng bít chân
Mây ma tan hẳn
Phật nhật sáng mãi
Thánh thọ muôn năm
Tiếng tốt ngàn xưa
Mừng vui che chở
Vui hưởng lộc trời
Biển lớn có cạn
Hư không có cùng
Mở mang khuôn phép
Mãi mãi vô cùng
Pháp vương lớn mạnh lạ thay,
Riêng cao xa cách xưa nay
Mở năm thừa làm phạm vi
Vận sáu thông để vân du
Bình thản trên đường bát chánh,
Chứa nhóm mười trí bao kềm
Cỡi bốn đại mà vượt bộ
Đứng đầu trăm dân hào hùng
Nương cương giới cả đại thiên
Giúp khó nhọc của bốn loài
Gió từ vượt dấu chân lân
Nhân hóa vượt xa Thước Sào
Ngang bằng trời đất chở che
Đồng với tạo hóa luyện đúc
Người trí biết thì kính mến,
Kẻ ngu mê thì lánh xa,
Than ôi! Thánh vận thấm nhỏ,
Bùi ngùi đường chánh sinh cỏ,
Mừng thay Hoàng Đế sáng suốt,
Sáng soi thấu suốt mảy may,
Phơi bày Toàn Chân ngụy tạo,
Muốn như chó kiệt sủa Nghiêu,
Từng là một lời chưa chỉnh

Đều cởi áo mão lông cừu
Núi cao sụp đè trứng mỏng
Lò lớn nấu đốt mảy lông.
Xua tan mây ma Tám Biểu,
Nâng Phật nhật ở chín cao.
Chí đạo tốt lành mở mang,
Chân thừa xoay chuyển thấm nhuần
Đẹp thay văn ấy chưa vùi
Gieo đức lớn dựng cờ tinh...

Tên họ mười bảy vị Sư đức nắm giữ lập luận đối đáp cùng các đạo sĩ:

**** Tại Yên Kinh:***

- Trưởng lão Tùng Siêu chùa Viên Phước
- Trưởng lão Đức Hanh chùa Phụng Phước
- Trưởng lão Tùng Luân viện Dược Sư
- Trưởng lão Viên Dận chùa Pháp Bảo
- Thống nhiếp Chí Ôn chùa Tư Thánh
- Trưởng lão Minh Tân ở phủ Đại Minh.

**** Tại Kế Châu:***

- Trưởng lão Bổn Liên ở núi Cam Tuyền
- Trưởng lão Đạo Vân ở Thượng Phương

**** Tại Loan Châu:***

- Trưởng lão Tường Mại chùa Khai Giác

**** Tại Bắc Kinh:***

- Giảng chủ Liễu Tuân chùa Truyền Giáo
- Giảng chủ Khánh Quy chùa Pháp Hoa, phủ Đại Danh
- Giảng chủ Hạnh Dục ở huyện Hàng thuộc Long Môn.

**** Tại Đại Đô:***

- Giảng chủ Đạo Thọ chùa Diên Thọ
- Luật chủ Tương Duệ chùa Ngưỡng Sơn
- Giảng chủ Thiện Lãng chùa Tư Phước

**** Tại Ráng Châu:***

- Duy thức giảng chủ tên Tổ Khuê
- Giảng chủ Nguyên Nhất ở Thục Châu

Tên họ mười bảy vị đạo sĩ nắm giữ lập luận bị khuất phục nên xuống tóc làm tăng:

**** Tại Thiên Trường Quán ở Đại Đô, có mười hai đạo sĩ:***

- Đạo lục Phiền Chí Ứng

- Đạo phán Ngụy Chí Dương
- Đề Điểm Hoắc Chí Dung
- Giảng sư Chu Chí Lập
- Giảng sư Chu Chí Toàn
- Giảng sư Trương Chí Nhu
- Giảng sư Lý Chí Hòa
- Giảng sư Vệ Chí Ích
- Giảng sư Trương Chí Chân
- Giảng sư Thân Chí Trinh
- Giảng sư Quách Trạch Thiện
- Mã Chí Ninh (đợi chiếu).
- Giảng sư Triệu Chí Tu ở Thần Tiêu Quán, phủ Chân Định
- Giảng sư Trương Chí Minh ở Khai Nguyên Quán, Tây Kinh.
- Giảng sư Lý Chí Toàn ở Huyền Đô Quán, đường Bình Dương.
- Giảng sư Thạch Vĩnh Ngọc ở Đại Đường Thắng Ninh Quán.
- Vu Chí Thân, là chủ Long Hưng quán ở Phủ châu

(Tịch Đạo lục và đạo sĩ Lý Đường Tế, ở trong tối đã trốn bớt một số vị, danh sách mười bảy đạo sĩ đây, trước đây những bài Đồng Dao có nói rằng: "Mười bảy vị đạo sĩ đổi đầu đến đó kiểm nghiệm vậy").

Cuối cùng, có bài rằng:

Bài thứ nhất:

Đáng cười Toàn Chân nói Hóa Hồ
Kịp đến luận bàn đều thành dối
Lời hết, đuối lý cởi áo mão
Buồn thua, đầu cúi, cạo tóc râu.
Chiều lạy danh Phật thẹn tiếp hòa,
Sớm dự tăng chúng, dối thở dài
Kể từ đời Hán đốt kinh giáo
Bỏ đạo, làm tăng đến hai lần.

Bài thứ hai:

Toàn Chân luận đạo, miệng ngậm câu
Quy phục làm tăng biệt Lão Đam,
Hôm qua nắm tay, đầu còn cúi
Sáng nay chắp tay lại kính lễ
Áo mão thất tinh vừa vất bỏ
Ba y, bình bát hẳn chưa quen
Tự bày việc ấy, xưa nay chê
Khâu; Lưu tuy chết cũng hổ hèn.

BIỆN NGỤY LỤC

QUYỂN 5

Văn bia: Thánh chỉ đốt bỏ Đạo tạng kinh ngụy tạo ở các con đường.

Các quan: Đường Phương, Dương Văn Úc, Vương Cấu, Lý Khiêm, Diêm Phục, Lý Đào, Vương Bàn v.v... ở Hàn lâm viện kính vâng chỉ dụ biên soạn

Tháng 3, niên hiệu Chí Nguyên thứ 21 (1284).

Chiếu sai Tư Đức đại phu tổng chế viện sứ kiêm lãnh đô Công Đức sứ ty sự tướng ca dụ Hàn lâm viện: Năm mậu ngọ (1258) chư tăng và đạo sĩ biện luận với nhau, đến ngày 20 tháng 10 niên hiệu Chí Nguyên thứ 18 (1281) đốt bỏ từ đầu đến cuối Đạo tạng ngụy kinh, có thể viết lại việc ấy ở sau.

Thần tôi Vương Bàn v.v... căn cứ theo sự tích ghi trong Thích giáo tổng thống hợp Đài Tát Lý, thì xưa kia, dưới triều đại vua Hiến Tông, Đạo gia có truyền bá quyển sách với nhan đề "Lão Quân Hóa Hồ thành Phật kinh" và tám mươi mốt Hóa Đồ, khắc in bản gốc truyền bá khắp bốn phương, trong đó lời văn thấp kém, gian dối với ý đồ khinh thường Phật giáo, đề cao tông giáo mình. Đại sư Lan-ma; người nước Kế-tân coi sóc chung, Trưởng lão Phước Dụ ở Lâm tấu trìnhviệc ấy lên triều đình để xét biết. Bấy giờ, Thượng Hoàng đang ở trong dinh, Hiến Tông có chỉ dụ bảo cả tăng sĩ và Đạo sĩ cùng đến để biện bạch phân minh. Cả hai bên đều giao ước: Nếu đạo sĩ thắng thì chư tăng đội mũ lên đầu để làm đạo sĩ, còn tăng sĩ thắng thì đạo sĩ phải cạo đầu làm tăng.

Chư tăng hỏi đạo sĩ rằng: "Sách của các ông tên là Hóa Hồ thành Phật kinh. Vậy, Phật nghĩa là gì?" - Đạo sĩ trả lời: "Phật là giác. Nghĩa là giác thiên, giác địa, giác âm, giác dương, giác nhân, giác nghĩa". Tăng sĩ nói: "Vậy đâu phải. Nói giác tức là tự giác, giác tha và giác Hạnh viên mãn, ba giác tròn sáng nên được tôn xưng là Phật-đà. Đâu chỉ giác thiên, địa, âm, đương, nhân, nghĩa mà thôi?" Thượng Hoàng nói với các quan đứng hầu rằng: "Tâm ta cũng biết nhân nghĩa là lời

của Khổng Tử. Cho rằng Phật giác nhân, giác nghĩa, nói thế chẳng đúng vậy". Đạo sĩ lại mang các sách sử ký để dâng vua, muốn đem nhiều thuyết cầu may giành phần thắng. Bạt-Hiệp-tư-bát là đế sư biện luận hỏi rằng: "Đó gọi là sách gì?" - Đáp: "Sách của Đế Vương đời trước". Thượng Hoàng nói: "Nay nắm giữ lý luận về giáo pháp, sao lại dính líu đến Đế Vương đời trước?" Đế sư nói: "Ở Thiên Trúc ta cũng có sử ký, ông có nghe chăng?" - Đáp: "Chưa nghe". Đế sư nói: "Ta vì ông mà nói vua Tần-bà-sa-la ở Thiên Trúc khen ngợi công đức Phật có nói:

"Trên trời, dưới thế không ai bằng Phật
Các cõi mười phương cũng chẳng ai sánh.
Tất cả thế gian, ta đều thấy hết,
Không có một ai bằng được như Phật!"

Lúc, vua Tần-bà-sa-la nói lời ấy thì Lão Tử ở đâu? "Đạo sĩ không trả lời được. Đế sư lại hỏi: "Trong sử ký của ông có thuyết giáo hóa người Hồ không?" - Đáp: "Không". Hỏi: "Vậy thì Lão Tử lưu truyền lại những kinh gì?" - Đáp: "Đạo đức kinh". Hỏi: "Ngoài Đạo đức kinh ra còn có kinh gì nữa?" - Đáp: "Không". Đế sử hỏi: "Trong Đạo đức kinh có việc giáo hóa người Hồ không?" Đế sư nói: "Trong sử ký đã không, trong đạo đức kinh lại chẳng chép. Vậy việc giáo hóa người Hồ là Ngụy vọng đã rõ ràng vậy". Đạo sĩ đuối lý. Thượng Thư Diêu Khu nói: "Đạo sĩ thua rồi". Thượng Hoàng bảo y như lời giao ước mà hình phạt, sai sứ thần Thoát Hoan dẫn mười bảy vị như Phiền Chí Ứng v.v... đến chùa Long Quang, cạo đầu làm tăng, đốt bỏ ngụy kinh gồm bốn mươi lăm bộ. Các ngôi chùa Phật trong nước bị đạo sĩ chiếm là hai trăm ba mươi bảy ngôi, đến đó thảy đều bàn giao trả lại. Cam Chí Tuyền với chức sắc Đề Điển trong Đạo giáo, ở tại viện Cát Tường, đó là một cơ sở chiếm đoạt mà không chịu giao trả lại.

Tháng 4, mùa hạ, niên hiệu Chí Nguyên thứ 17 (1280) Tăng nhân lại bị bắt bẻ giáo lý, các Đạo sĩ ở Trường Xuân muốn mưu hại Tăng Lục Quảng Uyên. Nhóm hạp đồ chúng bắt bớ đánh đập tăng chúng, tự đốt nhà kho rồi vu cáo Quảng Uyên sai bảo tăng nhân phóng lửa. Vả lại, trong lời vu cáo nói thiêu đốt gạo hơn ba ngàn chín trăm thạch và những vật khác cũng như thế. Sự việc đưa đến Trung Thư tỉnh biện rõ việc vu cáo ấy, Cam Chí Tuyền, Vương Chí Chân thảy đều hùa theo, vua ban chiếu sai Khu Mật Phó sứ Bột-la và các quan đại thần xét lại, vẫn không lời khác. Chí Tuyền, Chí Chân bị phạt xẻo mũi chặt chân, có một số chạy trốn thoát khoảng mười người. Y cứ theo lời nói gạo và các vật đúng như số gom về. Tăng chúng biết đạo gia ngụy kinh vẫn còn

nên nói với các Hoàng Thái Tử biết.

Tháng 9, niên hiệu Chí Nguyên thứ 18 (1281) Đô Công Đức Ty là Thoát Nhân Tiểu Diễn Xá tâu rằng: “Các ngụy kinh bản gốc hóa đồ của đạo gia đã đốt bỏ năm trước, phần nhiều vẫn còn cất giấu chưa đốt bỏ. Các loại sách của Đạo tạng đều mắng nhiếc hủy báng Phật giáo, ăn cắp lời Phật và thêm phần phân biệt”. Lúc ấy, vua ra lệnh xu khu mật phó sứ cùng với tiền Trung Thư tỉnh Tả Thừa Văn Khiêm, bí thư Giám Hữu Trực, thích giáo Tổng thống hợp Đài-tát-lý, Thái Thường Khanh Hốt Đô Vu Tư, Trung Thư Tỉnh, Khách tỉnh sứ đô Lỗ ở tại kinh đô, Tăng Lục Ty giáo thiền chư tăng và các quan v.v... đến Cung Trường Xuân vào thềm cấp điện vô cực. Các vị Đạo sĩ như Chánh nhất Thiên Sư Trương Tông Diễn, Toàn Chân Chưởng giáo Kỳ Chí Thành, Đại Đạo chưởng giáo Lý Đức Hòa, Đỗ Phước Xuân Ký v.v... khảo chứng ngụy chân, xem duyệt cả tuần, tuy pho quyển có đến số ngàn nhưng nghiên cứu về gốc ngọn thì chỉ hai thiên đạo đức là do Lão Tử soạn, còn lại đều do Trương Đạo Lăng đời Hán, Khấu Khiêm Chi đời Hậu Ngụy. Ngô Quân, Đỗ Quang Đình đời Đường, Vương Khâm đời Tống v.v... các vị ấy soạn tập giảng nói. Nương gá vào những việc không có để mắng nhiếc hủy báng Phật giáo, vọng tự tôn sùng mình. Lại có người vì ưa thích những lời đó mà trộm làm của mình. Mượn âm dương thuật số để nói lên sự sâu xa, góp nhặt của các thầy thuốc để khoe sự hiểu biết rộng rãi, thường sửa đổi danh hiệu, truyền bá chú giải sai lầm, lẫn lộn đánh mất gốc chân. Lại ghi phù chú vọng bảo đeo mang, khiến người buôn bán ham bội lợi, con cháu đông nhiều, hòa hợp sánh đôi như uyên ương. Dùng lời mai mối, dâm dục mà mưu cầu của cải. Đến nỗi có khi dạy người đeo bùa vào cánh tay thì nam làm quân tướng, nữ làm hậu phi, nhảy xuống nước không chìm, bị xô vào lửa không cháy, dao kiếm không thể làm tổn hại v.v... nó ngụy vọng lẫn lộn như thế, bọn chúng để lại để mê hoặc hàng ngu tục, trừ Đạo Đức kinh ra, đều nên đốt bỏ, chúng thần đồng lời tấu trình để Thượng Hoàng xét biết.

Thượng Hoàng nói: kinh văn của Đạo gia truyền bậy dẫn bạ chẳng phải chỉ trong một ngày. Nếu vội vàng đốt bỏ thì bọn chúng chưa hẳn đã tâm phục. Trong kinh sách ấy có nói bị xô vào lửa không cháy, nhảy xuống nước không chìm, có thể lấy đó làm đầu mối để thử xem, đợi những điều ấy không thật sự linh nghiệm rồi hãy đốt bỏ cũng chẳng muộn vậy. Vua bèn bảo Khu Mật Phó sứ Bột-la là quan Thủ ty Đồ Hòa Lễ, Hoắc Tôn v.v... bảo Trương Tông Diễn, Kỳ Chí Thành, Lý Đức Hòa, Đỗ Phước Xuân v.v... trong các vị ấy chọn ra một người đeo bùa nhảy

vào lửa để tự thử xem việc đó. Cả bốn người đều tâu: “Đó là thuyết luống dối, chúng tôi nhảy vào lửa chắc chắn sẽ thành tro bụi, thật không dám thử, xin đốt bỏ Đạo tạng, ngõ hầu tắm gội cho chúng tôi đỡ tội”. Thượng hoàng chấp nhận lời tấu ấy. Bèn ban chiếu chỉ bảo khắp dân chúng trong nước rằng: “Trong các kinh sách của Đạo gia chỉ có thể để lại hai thiên Đạo đức kinh. Ngoài ra, các thứ văn tự và bản gốc hóa đồ, thảy đều đốt bỏ, ai cất giấu sẽ bị tội. Trong dân gian, khắc in truyền bá các loại sách về thuốc của các nhà Hiền triết thì không nằm trong cấm chế. Từ này về sau, các Đạo gia đều phải tuân theo pháp của Lão Tử. Còn ai thích theo Phật thì cạo tóc làm tăng. Những người không muốn làm tăng sĩ và đạo sĩ thì cho về làm dân. Đến tháng 10 Nhâm tý, nhóm họp các quan đến chùa Mẫn Trung, đốt bỏ Đạo tạng ngụy kinh và các sách khác, sai sứ đi đến các ngã đường bảo phải tuân hành”.

Chúng thần là Vương bàn, v.v... nghe rằng: “Đạo của Lão Tử lấy thanh tịnh làm tông, vô vi làm gốc, lấy khiêm nhường chan hòa để xử sự, tự mình không chèn ép kẻ dưới, không có sự tham dục háu thắng. Về sau, phân chi lập phái, đồ chúng đông nhiều, theo nhau làm bậy, trở thành hư ngụy, dối trá, sinh ra trăm thứ, khiến thanh tịnh biến thành ô uế, vô vi biến thành không gì chẳng vi. Như Văn Thành Ngũ Lợi đời Hán dốc mình cầu tiên, hoảng hốt dối huyễn, trên lụa trắng dối viết là ăn ngọ, nói dối vàng ròng có thể thành, một mai bại lộ, bị Võ Đế giết chết. Bọn ba người họ Trương dùng quỷ đạo mê hoặc quần chúng, xúi giục dân chúng trong nước làm loạn, bị Hoàng Phủ Tung Tào Ngụy dẹp tan. Tống Vương Tử, xưa kia ở tại Thượng Thanh Bảo Lục Cung cùng với Nữ Quan làm gian. Lâm Linh Tố tự xưng là thần, Tiêu Tử Phủ Tiên Khanh cầu nước lớn không được ứng nghiệm, đều bị vua Huy Tông giết chết. Đến cuối năm này có hai người là Ma-Bị và Thiết-lạp-lý dùng mưu gian bí kế vào ra cửa thời quý, tha hồ làm việc dâm ô, đều bị giết chết. Nhiều đời về sau, các loại như thế không thể tính kể. Truy tìm cội nguồn của họa loạn, đều gốc từ gian trá quỷ quyệt. Nhất định đều mượn Phù lục để thần tượng hóa giáo điển của mình, nương gá ngụy kinh đề kính giữ phong tục, buông lung xảo trá, làm những việc lạ lùng, mắng hủy thánh giáo, trộm cắp nội điển, hẳn đã trái ngược với sự ngăn cấm không tranh giành, không trộm cướp của Lão Tử vậy, cho đến vùi lấp luật hình nhà vua, đều là chồi con từ trong làm bướng. Vậy tội ấy thuộc về ai? Vả lại, phàm là giáo điển của họ Thích mở rộng tốt đẹp rộng lớn, các giáo phái khác không bằng được. Trải trăm ngàn đời, các bậc Thánh Đế Minh Vương không ai chẳng tôn sùng. Các xứ Đông mạo,

Phù tang, Tây cực, Muội cốc, Băng thiên, Quế hải, núi sông đất đai, côn trùng cây cỏ, các loài thấp sinh, thai sinh, noãn sinh, hóa sinh, hữu tình vô tình v.v... trăm ngàn muôn loài, đều nhờ Phật chở che mà sinh sống, động tĩnh ở trong trời đất, nên trên trời, dưới thế chỉ có Phật là tôn quý hơn cả, ra khỏi ngoài vòng tử sinh, về đến cùng cực chân thật vô ngại. Trí tuệ phủ khắp ba cõi, thần diệu bao trùm các nơi, thấm nhuần khắp đại thiên, công dụng chẳng ai hơn. Sự lớn lao như thế ấy, chỗ thuyền từ ghé đến, không ai bị chìm đắm mà chẳng cứu vớt, chỗ mưa pháp thấm nhuần hữu tình đều thấm đượm. Thương người đời nổi trôi trên biển huyễn, điên đảo đắm đuối trong bờ mê, nên xoay vần nhiều đời, trải qua kiếp, dẫn dắt cho thoát phàm trông ngóng đến thánh, bỏ tệ sùng chân, nên Thần quang phá cửa trầm hối, Đại giác chỉ nẻo vô sinh. Đức nhân như thế, vì sao cuồng mưu mà sinh ganh ghét? Dù có chứa nhóm, thiêu hủy cốt chúng, xông ấm núi Lật, pháp thể viên thành vẫn không mảy may sức mẻ. Thí như người mù không thấy mặt trời mặt trăng, đâu làm thương tổn ánh sáng của mặt trời mặt trăng ư? Như con ếch nhỏ ở đáy giếng, đem thả xuống sông biển, đâu có tổn mất sự rộng lớn của sông biển. Thật thấy nhiều mà không biết vậy.

Kính mong thánh Thiên tử biết vượt bốn đế, đạo ham thích ba thừa, dự vào chân không vô hình tướng; truyền tâm ấn của Pháp vương. Do đó, kính lễ tôn sùng, thành tâm quy hướng, nắn sửa trăm ngụy để theo chân, gạt bỏ các tà mà về chánh, có thể chẳng dung chẳng nghiêm được chăng? Huống gì loại bút mực khuyến dâm, yêu thuật lừa đời, buông lung lừa dối, xách động những kẻ ngu. Nếu chẳng sửa đổi hoàn toàn thì tà thuyết tha hồ lưu hành, đạo tà vạy mê hoặc dân chúng, trong dân chúng ở đời sau sẽ thế nào? Phàm lý của thiên hạ có thiện có ác, có chánh có tà, có chân có ngụy, thường hỗn nhiên mà đồng xứ, tạp nhiên mà đều thực hành, tự chẳng phải bản chất của thượng thánh vừa mới đản sinh mà biết được tánh, trí xuất ra nhiều vật, chiếu soi tình thức chúng sinh thì hồng tía loạn với đỏ, oa dâm biến đổi hòa nhã, vậy ai biện rõ được ư? Cho nên nói rằng: “Thánh Thiên tử cứu giúp chân đồ, nâng đỡ đại pháp, công thật rất lớn, đại lược các thánh không thể thêm được vậy. Đến như đục thông tai mắt của hàm Linh, mở mang đường chánh bị hoang uế, khiến ánh sáng của trí tuệ mãi mãi soi chiếu vô số kiếp, trùm khắp các thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Kéo dài thánh thọ không ngằn mé, chứa nhóm lâu dài phước lợi của Đế Quân, đảnh lộc lâu đến cả ức muôn năm, công có đã thế, nên có thể thuật lại như vậy”.

Chúng thần Vương Bàn tôi v.v... kính vì soạn thuật, để tặng người sau, giúp những ai học đạo Lão Tử có được sự cảnh giác ấy!

Thảng 3, niên hiệu Chí Nguyên thứ 21 (1284).

Trong thánh chỉ Hoàng Đế nói: Trung thư tỉnh đóng gần cung Trường Xuân, Đạo sĩ Vương Chí Chân v.v... tố cáo Tăng Lục sứ Quảng Uyên chùa Phụng Phước sai bảo tiểu hòa thượng Mã Giới Hiển phóng lửa thiêu đốt kho lẫm, phòng nhà của bản cung, đồng thời bị cháy gạo thóc lương thực hơn ba ngàn chín trăm thạch và các thứ dầu mì muối bột. Việc công quy hỏi được xác đáng. Ban đầu vốn là do Cam Đề Điểm xúi giục Mã Giới Hiển ở Giao Chỉ do Tăng Lục Quảng Uyên sai lệnh phóng lửa, Vương Chí Chân sai khiến Bằng Đạo Đồng dẫn Mã Giới Hiển phóng lửa và bị giặc bắt, đồng thời dối làm tên gọi tri cung, Bằng Đạo Đồng xúi bảo. Đó là ngôn ngữ của người viết cáo trạng.

Lại hỏi được nguyên cáo, lương thực không hề bị cháy, đó chỉ vì danh, ở chỗ mọi người, cầu xin thí lợi tiền vật, lấy mỗi việc ấy để chiêu phục. Ngày 22 tháng 6, có các vị quan tên Bột-la, Phó Khu Trương Bình Chương, Trương Hữu Thừa, Tiêu Thượng thư, Cảnh Tham Chánh, Thoát Nhân, Thoát Lý, A Lý Thượng Thư v.v... kính vâng thánh chỉ tiết cai. Trong thời gian các đạo sĩ cùng với Hòa-thượng tranh đoạt quán viện, nhóm đến năm trăm cái, đạo sĩ nắm gậy đánh hòa thượng. Thường mỗi lần đến, trong mỗi giáo pháp ấy chẳng thực hành theo Hồ Tố, trách mắng trong đó có thể lệ ấy. Trước kia trong địa phận phủ Kinh Triệu, Vương Tổ Sư Am Đầu nhóm nhiều người, bọn sinh tâm tồi đến. Như nay, các đạo sĩ ấy thường lại có loại Hồ hành đó. Các đạo sĩ ấy thường rõ ràng vời đến, Thượng Đầu đứng đầu bọn, giết cả hai cái vậy. Riêng một cái là cắt tai, một cái xẻo mũi và riêng một cái là đánh đập. Ngoài ra, giao bắt làm quân. Loại ấy đoán được xong xin kính vâng trừ diệt. Nay đem số người đã đoán định khai đủ ở khoảng dưới và đem thủ cấp của Đề Điểm Cam Chí Tuyền đến cửa bổn cung, buộc vào đầu cây tre và thường xuyên treo như vậy, mang hợp hành, dựng bia đá, để công chúng được biết, chánh hai tên điển hình. Giáo lệnh hư chỉ Tăng Lục Quảng Uyên phóng lửa là phạm nhân Đề Điển Cam Chí Tuyền. Dối bắt Mã Giới Hiển làm kẻ giặc phóng lửa là Tri Cung Vương chí chân, một người cắt tai xẻo mũi. Người ghi thêm tình tiết của cáo trạng là Đề Điểm Thái Chí Tường, đày đi nơi xa sáu tên. Người nhóm chúng hành hung là Ân Hạc Đồng, Trần Đạo Quảng. Người lên đô tiên cáo trạng là Vương Chí Ngọc, Trần Chí Dụng. Người kiểm ghi cáo trạng là Lan Đức

Nghĩa. Người dối báo lương thực bị thiêu đốt là Lý Đức Trinh. Người xử đoán tha ba người là Sứ Lệnh Vương Chí Thân, người cáo trạng Đề Điểm Thái Chí Hy và người đồng cáo trạng là Phó Cung Chu Đạo Toàn; Giả Chí Nhu.

Nay niêm yết để mọi người cùng biết.
Tháng 6, niên hiệu Chí Nguyên thứ 17 (1280).
Dựng lập bia đá.

Thánh chỉ đưa đến chùa Đại Mẫn Trung ở Đại Đô, về việc đốt bỏ ủy Đạo tạng ngụy kinh, trừ Đạo Đức kinh, tất cả đều đốt bỏ. Bèn bảo niêm hương châm lửa tạ ân đã xong xuôi.

Trong bài Niêm Hương nói rằng: "Thiên tử tâm Phật thương chúng sinh, sợ rơi hố tà kiến ba đường, trong đó rất không riêng khu xứ, nhưng mà đỏ tím phải rõ ràng. Vì thế, Đạo Thánh soi chiếu vô tư, máy trời chẳng thể lường được. Đã là trọng đức, đâu dám chẳng nhớ ân. Hương này, chính vì kính chúc Thế chủ triều chính Đại Nguyên đương kim Hoàng Đế thánh thể muôn năm, muôn năm, muôn muôn năm! Kính mong: Kim Luân và Pháp Luân cùng quay. Phước vượt cả ba kỳ, mặt trời Thuấn và mặt trời Phật cùng soi sáng. Thọ đến ức kiếp".

Và trong lúc châm lửa có nói rằng: "Nhớ xưa kia, đương thời Minh Đế đã từng nhờ lửa dữ để biện rõ tốt xấu, nay Đại Nguyên Thiên tử đây cũng tiếp nối khuôn phép ấy, nâng chánh xô tà ai chẳng biết. Than ôi! Đạo giáo như sâu mọt, ngầm gặm sách Phật, từ xưa đến nay, tạo lầm nắn ngụy, trộm cắp ngôn cú kinh Phật, đồ mưu Bối diệp đề tên, phỉ báng Như Lai, vu oan bậc Thánh trước, từ xấu, lời ác, sao có thể nói ư ? không vướng cuồng đàm thật khó nêu khắp. Ban đầu từ Trương Đạo Lăng, Đỗ Soạn chẳng tuân theo huyền ngôn của Lão Tử, lầm soạn tiếu thư và góp nhặt linh bảo. Dối đạo theo không được nói dối, Thái thượng đích thân trao truyền ba trang Quỷ pháp để mê hoặc người ngu, bày năm vận thần phù mà yểm gian thất phụ. Lấy đó mà xem xét thì Cát Hiếu trước kia nhọc sưu tầm yếu diệu, Đào Hoằng Cảnh dối thuật lời hư, Đỗ Quang Đình nêu lời khéo trộm, không khác gì kiếp giặc! Lục Tu Tĩnh ngoài tốt lành trong yếu hèn, nói khách khác gì. Nếu chẳng ngậm đắng, chẳng cam tranh bằng, nói tốt nói xấu, bảo tĩnh bị giết còn có thể, Vương phù chiêu báo chẳng nhẹ nhàng, phó Dịch Khương Bân chẳng kham ghi chép, Trương Sinh nhóm bọn đâu đáng luận bàn. Khấu Khiêm Chi miệng lưỡi lật lọng, hại người lợi mình. Lâm Linh Tố cơ mưu xảo trá dua nịnh, nước mất nhà tan, hủy phá tổ tông của người, nhất định bị

nhục một thời, diệt bậc hiền lương, chắc chắn vời lấy ương họa ba kiếp, Nhân quả không sai, báo ứng nhất định. Than ôi! Thương thay pháp lâm không gặp mà gặp bọn biếm giềm. Bùi ngùi đạo đời tuy trở lại mà khó thực hành, đến nỗi khiến cho Thích tử phải thương tâm, may được hoàng thiên mở mắt.

Kính mong Đại nguyên Thế chủ thánh minh hoàng đế bệ hạ chúng ta đây bỏ tà về tánh, dứt ngụy còn chân, sợ chúng sinh mãi đoạ trên bến mê, giúp mọi người đều lên đường giác. Rửa sạch oan khiên đã xong nên cảm tạ ân đức hoàng thượng, thân nát xương tan, chẳng thể báo đáp, bèn dùng lửa đuốc quay một vòng tròn nói với tất cả: "mọi người chỉ như Tam Đổng linh văn, lại có thể chứng được hỏa quang Tam-muội này chăng? Nếu ngay đây có thể hội được thì mọi nhà đều có bắc đẩu, luống uổng dạy người, miệng chẳng an ổn? Nếu chưa được vậy thì theo hơi khói tro này khi tàn rụi theo hơi đến chỗ mách cùng thiên tôn; trong phúc chốc sẽ thấy rõ trước mắt!"

Ngày 20 tháng 10, niên hiệu Chí nguyên thứ 18 (1281).

Trưởng lão Cát Tường - Bậc sĩ Lâm Tuyền chùa Báo Ân ở Đại Đô vâng phụng sắc ban châm lửa.

HƯ CHUNG THỌ KHẤU TẬP

Trưởng lão Như Ý đời Nguyên vâng Chiếu kính soạn.

Thuật lại việc: Như Ý tôi trả lời cùng Thạch Giới về sự quái lạ.

Đời Tống, có Thạch Giới tự là Thủ Đạo, tạo nên thuyết quái lạ, vu báng Phật giáo và Lão giáo, bít lấp tai mắt kẻ khác, người thông minh không bị mê hoặc, chỉ có thể luống dối hàng ngu phu. Ông nói rằng: "Trung Quốc là nơi bậc Thánh cai trị, là nơi thường ở của bốn dân (sĩ, nông, công, thương), là chốn nhóm họp của áo mão, dòng họ Thích cạo bỏ râu tóc, đắp y vai phải, chẳng phải sĩ, chẳng phải nông, thật là một nửa rợ Di vậy. Thậy là quái lạ ở Trung Quốc vậy. Phàm tại Trung Quốc là chỗ trị của đạo đức, là chỗ thực hành thể nhạc, là nơi hoàn bị năm thường, vậy mà buông lung, giáo hạnh chẳng sửa, là chỗ đủ thứ yếu quái dối trá huyễn hoặc, thật đáng quái lạ vậy". Lại nói rằng: "người quân tử thấy lúc nhật thực, một vị sao băng, mưa gió không đúng mùa, cây cỏ không gieo trồng được thì cho đó là sự quái lạ của trời đất. Những kẻ kia diệt đạo vua tôi, dứt tình cha con, bỏ đạo đức, trái lễ nhạc, phá hoại năm thường, dời đổi bốn dân, hủy bỏ áo mão của người Trung Quốc, bỏ sự cúng tế tổ tông. Trái lại chẳng biết đó là quái lạ mà lại kính phục. Lúc người thấy một con cáo đẹp, một chim le kêu

ngoài đồng trống, chim thước hót vang, trẻ con chạy vào, thì người lấy đó làm quái lạ, mà cách biệt cha con, tập theo di quỷ, có hơn ngàn năm, lại chẳng cho là quái lạ ư?”

Tôi xin trả lời: “Hễ tốt thì đồng, xấu thì khác là thường tình của con người. Chẳng thấu đạt cội nguồn của đạo, mà bàn biện sự khác nhau của hình tướng và y phục, thật đó là biết đá mà chẳng biết ngọc vậy! Phàm các bậc thánh ra đời làm lợi ích cứu giúp chúng sinh rất sâu xa, bởi vì căn khí khác nhau nên lập giáo cũng có khác nhau. Hoặc rõ được sự giáo huấn trong khu vực, thì nói pháp năm thừa hoặc mở mang phong hóa của tượng ngoại, riêng nêu Nhất thừa cùng cực, phá tự nhiên mà đàm luận nhân quả, duyên hợp mà sinh, vì trệ ngại nơi hữu nên giảng nói chân không, các pháp vô tánh, ứng với bệnh mà cho thuốc, nên có nhiều phương pháp rốt ráo quy về một tông, chẳng có một pháp. Vậy mà kẻ ngoan cố ngu tục khoác lác miệng lưỡi, chẳng hiểu thấu đúng sai vọng bày ra biện luận mà chẳng nghĩ chỗ giống là đạo, chỗ khác là phục (điều phục hình tướng). Vả như nhân nghĩa mà Khổng Tử nói thì nhà Phật gọi đó là từ ái, còn huyền diệu mà Lão Tử nói thì nhà Phật gọi là vắng lặng. Chỗ chí lý chẳng khác như văn từ có biến đổi chút ít. Vả lại, Phu Vũ vào nước Khỏa, cởi bỏ áo mão, là thuận theo phong tục ở đó vậy. Thái Bá chạy đến đất Ngô thì vẽ mình cạo tóc để hợp nghi ở đó vậy. Há như thế là quái lạ ư? Biến đổi tập tục để vì hợp với đạo nên bỏ y phục đẹp của vua quan, chẳng phải trái lễ vậy. Dứt bỏ tình thân để vì xóa đi hệ lụy, vì thế quên tình vợ con, chẳng phải xem thường tập tục vậy. Tử Lăng từ chối lễ nghi của Quang Võ, càng thấy tôn nghiêm. Dật Dân chẳng thờ Vương hầu là ý cao thượng. Chẳng rõ cội gốc, lầm bài xích cho là rợ Di. Cũng như Sở Linh mắng trời, trời đâu có giận; Tử Cống khen trời, trời đâu có vui, vui giận chẳng liên can gì mà mắng khen tự chuốc lấy nhục.

Phàm bậc Thánh ở cõi trời chẳng cầu cõi người, chỉ lưu lại điển giáo mà rải khắp thần châu. Hóa chẳng nói mà tự hành, gió vô vi mà tự tốt đẹp. Chùa chiền giăng bày như sao, già lam nhóm rải, lập tượng yên người, dâng hoa rưới nước, vua tôi kính lễ trọng vọng, thường dân khâm phục tôn sùng. Nếu như không có công lớn thì ai bằng lòng sùng phụng ư? Vả lại, từ đời Hán đến nay, năm tháng trải qua nhiều như thế, vua tôi sĩ dân, chúng đông như vậy. Trời đất thần minh linh thiêng đến thế, các bậc ấy đáng khinh thường ư? Quyết chẳng vu oan vậy. Phàm, đạo làm người, phải lường sức tự biết. Thạch giới chỉ là gã học trò, trí nhỏ như hạt cải, đem sự không thấu đạt của chính mình mà hủy báng

bậc Thánh một cách còn bậy, thật giống như chim yến mà cười chê cá côn, chim bằng, như loại triều khuẩn mà khinh Tồng Bá vậy. Hỏa Hoán của Ngụy Văn vào lửa càng tươi, kiếm của Côn Ngô khắc ngọc càng bén, đâu thể không thấy mà bèn trách là sai lầm ư? Trí của Thạch Giới so với Tôn Xước là nhỏ, tài của Thạch Giới sánh với Chiếu Minh thì cạn. Luận của Thạch Giới ví với Vương Thông khó gần, văn của Thạch Giới so với Liễu Tử thì hiếm, vị của Thạch Giới trông với Ngụy Trưng thì cách xa như trời với đất. Sự học của Thạch Giới sánh với Tô Thức thì như vũng ao và biển cả. Thơ của Thạch Giới so với Đỗ Phủ thì như vàng và sắt. Tài luận nghị của Thạch Giới hợp với Lục Chí thì như chó và lân. Các bậc quân tử trên đều tin Phật, tài lượng của ông, có hơn ai mà vọng ý dèm pha chê trách bài bác Đại Thánh, Phật như mặt trời mặt trăng, ai có thể hơn ư? Xưa kia, Điền Ba biện luận càn quấy, miệng lưỡi hơn người song không nhiếp phục được tâm người. Miệng chê ba Hoàng ngồi chẳng bằng năm Đế, đến nay nghe thế, người còn lạnh răng. Huống hồ, Đức Phật có cả sáu thông sáng soi, muôn xưa chẳng ai bằng, vậy mà ganh ghét thánh hiền, môi lưỡi tôi tớ, buông lung miệng mồm. Thật là thấy được nhiều mà không biết lượng vậy.

Trong "Lục thiếp" ghi sớ viết tay của Ngu Thế Nam cúng dường trai phạn ngàn vị tăng thì nói: "Đệ tử Ngu Thế Nam cúi đầu kính lạy mười phương Tam Bảo. Đệ tử lúc còn bé, thường gặp bệnh nặng, liền vận tâm nguyện nhờ năng lực Phật, đến ngày lành bệnh kính bày thiết trai cúng dường ngàn vị tăng. Nay kính cẩn đến đạo tràng, dâng cơm rau cúng dường trăm vị tăng. Mong chờ nguyện lực này, hy vọng đời đời kiếp kiếp thường không bệnh tật khổ não, đồng thời cha mẹ bảy đời, kẻ oán người thân trong sáu đường, đều đồng được như ý nguyện hôm nay!" Lại đọc trong "Đế Kỷ" biết được sử Thế Nam biện luận về việc niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) vua Võ đế nhà Chu là Vũ Văn Ung, phá diệt Phật giáo và Đạo giáo, có người hỏi rằng: "Vũ Văn Ung phế diệt Phật giáo và Đạo giáo là đúng hay sai?" Thế Nam trả lời: "Là sai, xin cùng bàn luận điều đó. Pháp của Phật giáo chẳng vướng kẹt không - hữu, nhân ngã đều quên, dứt rễ sinh tử, bặt lụy hoạn lớn, danh lợi không màng, trở về vắng lặng. Đó là lời bàn tượng Ngoại vậy. Nghĩa là Lão Tử thì cốc thần bất tử, nhiệm mầu thường còn, cầu diệu đồng huyền, cỡi rồng gá hạc. Đó là giáo trong khu vực vậy. Đến như thắng tàn dứt sát, chỉ tranh chuộng nhân từ, đều có ích cho vương hóa, không trái ngược khuôn phép. Giả sử người có khuyết thiếu, đối với pháp đâu thể gạt bỏ. Nay vì tăng đồ phạm luật, đạo sĩ trái kinh, bèn cho rằng giáo

đó có thể bỏ, đạo ấy có thể dứt. Đâu khác gì trách Đào Ngột mà phế vua Nghiêu, oán Hữu Miêu mà bỏ Vũ, thấy Biếm lạm của Hồ Tử bèn lấp nguồn sông, trông lửa dữ của Côn Nhạc liền ném đồ lấy lửa! Từng chẳng nghĩ đức của Nhuận Hạ lợi tế rất sâu, dụng của Biến tinh, công ấy rất rộng lớn. Ếch ngồi đáy giếng trông nhìn biển cả thường tự chẳng biết, ve sầu chim cưu liệng quanh cây du, xấu hổ gặp phải cánh chim đại bàng. Tự hạn cuộc nơi lượng nhỏ mà mờ ám nơi phương trời rộng lớn, luân hồi mê suốt đêm dài, tự để lại khổ chìm đắm, nghi lầm người sau, thật đáng thương thay!"

Tôi đọc được văn ấy mới biết Ngu Thế Nam thật là người kỳ lạ. Đường Thái Tông thường khen ngợi Ngu Thế Nam có bốn thứ tuyệt diệu: "Một là đức hạnh, hai là trung tín, ba là văn chương và bốn là bút lễ". Hễ người có đức hạnh khác thường thì chắc chắn có khả năng khác thường, có khả năng khác thường chắc chắn có tài năng khác thường. Xét Ngu Thế Nam làm người như vậy, là thờ vua trung hậu, chơi bạn ngay thẳng tin thực, đức cao hơn mọi vật, học cùng tận trượng phu, thấu cùng tông yếu sâu mầu của Thích Tôn; Lão Tử, thành đạt ý thú diệu huyền của các bậc Thánh. Tên "tự" cao một đời, công hạnh xuyên suốt bốn khoa, lên Doanh Châu của Hàn Uyển, chiếm chiếu tựa của văn trường. Dốc lòng kính tin Phật đà, tôn thờ sùng phụng chư tăng. Thầy giúp Dương Lâm Công làm khế ước kim lan. Đâu cùng với Hàn Vũ, Thạch giới bướng bỉnh cầu danh. Ngồi đáy giếng nhìn trời, mù nói chẳng phải thánh, không vào luận của người thông triết, lạm dựng dòng dõi nho nhân, hạ ngu chẳng đổi, nói thế xác đáng vậy!.

Văn bia: Thánh chỉ đặc biệt xây dựng tháp Thích-ca xá-lợi Linh Thông

Trưởng lão Như Ý đời Nguyên vâng sắc kính soạn.

Nghe rằng: Đức Thích Tôn tam kỳ luyện hạnh, chứng pháp thân chân tịnh, tu nhân sáu độ, Quả Diệu Giác viên dung, không sinh không diệt, dứt đến đi trong ba đời, chẳng tối chẳng sáng, lìa dấu vết của Bách Phi, chỉ dùng lòng chân từ đổi vật, xưa nguyện nay đáp, Phụng liệng Ca-duy, rồng bay cây đạo, vô tướng hiện tướng, mau rõ trăm ức thân, thường danh chẳng phải danh, truyền ứng thế giới Đại thiên. Trên pháp tòa phá diệt mười quân, vang động chín tầng trời. Nhóm các thánh nơi Trường Giác, sáng ngời khắp muôn nước. Nắm giữ ba luân mà phó cảm, xa gần đều khắp. Treo bốn biện để đàm luận, trùm khắp thánh phàm. Mở rộng mười hai thể loại kinh, mở khai tám muôn bốn ngàn pháp

môn. Chứa túi mười trí, biết lại giấu đi. Vận gương thần sáu thông, suốt cổ cùng kim. Xâu mười hiệu để xưng tôn, vượt ba cõi mà riêng bước, trí cùng mé chân. Thập thánh mừng được sáng nghe, nhiệm mầu thêm huyền. Sáu vị giáo chủ ngoại đạo cam nhận tối chết, nhổ nóng bức nhà lửa, dẫn giải thoát đến mát mẻ, không nhọc mưa dầm dề truyền nói, cứu giúp bốn loài nơi sáu đường chẳng nhờ soi chiếu của mặt trời, mênh mông bảy thú tối tăm, mây từ che trời Hữu Đảnh, mưa pháp nhuần bủa vô cương, vạn linh kính giữ. Như các sao quay đầu hướng bắc, năm Ấn nghiêng tâm, tợ trăm sông xuôi chảy biển đông, đâu chỉ mang Ngu Dưỡng Hạ, đúc Ân nắn Chu! Thật là đè ép chín dòng, giam nhốt muôn loại, giả như Chu Công chế lễ tác nhạc, Trọng Ni khen dịch sửa sách, Trang Lão đàm huyền, Kha Hùng luận đạo, Trương Hoa biết rộng mọi vật, Phủ Từ suốt thông, Quách Phát học rộng, Tả Từ thần hóa. Duỗi hướng biển sâu vàng ngọc, ngựa ban áo lễ Hà Hán, đều là loanh quanh ở vức nội, lời chưa đạt đến phương trời rộng lớn, nên làm Cao Hiền trị đời, khó làm giáo chủ xuất trần!

Nếu chẳng phải là Lý bao trùm muôn tượng, đạo vượt Hoàn Vũ, che trùm các thánh mà chẳng hổ thẹn, đứng đầu trăm nhà mà vượt lên mọi người thì sao có thể gồm thâu các diệu ấy mà tập đại thành sách này ư? Đến lúc hóa duyên sắp mãn, đoái dạy tha thiết, chánh pháp giao phó A-nan, tâm ấn truyền cho Ca-diếp. Sau đó treo y nơi Song thọ, bỏ dép ở Kim hà, thoát khỏi lồng chậu của hai thứ sinh tử, vui vắng lặng trong tâm. Nhưng mà lòng từ lớn chẳng keo lận, tình lợi vật thâm sâu, phàm thân kim cương bất hoại, lưu cốt xá-lợi thông linh, sắc ngậm ngọc sáng, bền ví vàng ròng. Long Vương, Thiên Đế, đều phân chia xây cất ở cung mình. Ấn-độ Diêm-phù đua nhau kính thờ dựng xây tháp báu. Sau đó trăm năm, kính phụng càng thêm, có đại vương A-dục thống nhiếp châu Thiệm-bộ ở phía nam, xây khắp tám muôn bốn ngàn tháp báu. Từ đó, vết thần lan khắp năm Ấn, thánh hóa đi cùng bốn biển. Đến lúc, Hán Minh Đế nằm mộng thấy, thanh giáo được giảng nói, dịch phạm bối ở trong thất lan đài, họa kim dung trên gò Hiển tiết. Ban đầu, sóng gợn nơi Đế Kỷ, cuối cùng gió thoảng khắp xóm thôn. Do đó, Ngô Vương mở đầu ở kiến sơ, Tùy chúa thạnh hành nơi kinh lạc. Từ thành đô đến thôn dã rải khắp chùa miếu, khắp đồng xanh, núi đẹp bày các ngôi tháp, không đâu chẳng mâm vàng sáng rực, cùng tiên chưởng để cùng cao, chuông báu gió khua, vùng vang đến âm trời. Tầng mái xếp lớp, trên vượt suốt đại thanh, hàng hàng lưới bày, bèn xoay mặt trời, mặt trăng, trụ son nhạn liệt, ngói biếc ương phân, rồng vàng đổi dạng

nơi rường đẹp, phụng ngọc rong chơi ở cửa thêu. Bỗng như long cung hóa ra, hoảng nghi trên trời dời đến. Đó đều xuất phát từ lòng tin, chẳng phải dụ dỗ mà vòng làm.

Nhà Đại Nguyên ta có được đất nước, nhân dân từ Tông Nghiêu tổ thuấn, Vũ gót Thang nền. Thánh đạo hiệp ở kim luân, Minh Đức sáng ngời Ngọc lịch, ứng trời đổi mạng, có võ công này. Âm thanh lớn vang động cả trăm man, oai linh thêm lớn nơi muôn nước. Tám hoang vào cống, chín phục đến mừng. Nhóm mưu lớn của bốn thánh, ứng kỳ vận cả ngàn năm, làm khuôn phép xa cả ức triệu, mở mang bờ cõi của đời lớn. Ngang võ dọc văn, chế lễ soạn nhạc, xây thành đảnh định, dựng quyết lập cung. Vì rằng không lớn lao rực rỡ chẳng lấy gì hiển bày tôn nghiêm, không oai hùng trang nghiêm chẳng lấy gì làm uy cùng dân chúng trong nước. Bèn mới mở rộng cửa chính, dẫn lớn điện đài, dựng gác lạ, giá cung tía, dùng màu xanh đỏ để trang sức, họa vẽ gấm lụa nhiều màu, vàng đề trụ ngọc, trên dưới chiếu sáng lẫn nhau, vẽ chuyết chạm rường, dọc ngang rải sắc, khuôn mẫu dung mạo hành thương, oai nghi dáng võ rão bộ. Bày chuông trống để thiết đãi vua quan, nhóm trăm quan để chầu muôn nước. Dẫn dắt cứu giúp hòa mục sáng ngời, thật là lễ lớn của vua. Những lúc nhàn rỗi triều chính, để tâm cửa Phật, vâng tuân theo cựu chương của tổ tông, thực hành chiếu chỉ khoan nhân. Phàm là Phật tử thảy đều được an vui, thường mời danh tăng, giảng nói sự sâu xa của Phật pháp, tâm thành đối với Phật pháp, tụng lời vàng của trăm tạng, nghiên cứu học hỏi điều chưa nghe, lãnh hội được nghĩa mầu của ba thừa. Hằng nghĩ thành mới đã xây nên ba năm dài, lấy phước làm nền không gì hơn xây tháp. Mong sự phù hộ của long thần giúp xã tắc được lâu dài, liền ở ngay trong thành đô, cạnh đất vườn riêng, nối rộng mênh mông cao ráo phẳng bằng, mài ngọc, đá để dựng xây tháp báu. Đầu tiên ở phía bắc cửa Thông Huyền nơi thành cũ, có chùa Vĩnh an, điện đường đều hoang phế, chỉ còn ngôi tháp, xem biển ngạch đề là tháp xá-lợi Phật Thích-ca, khảo xét bia đá có khắc: “Ngày 15 tháng 3 niên hiệu Thọ xương thứ hai (1096) đời Liêu, Pháp sư tu hiển mật viên thông là ngài Đạo Chân xây dựng”. Trong có xá-lợi giới châu hai mươi viên, hai ngàn tháp nhỏ Hương nê. Năm bộ kinh Đà-la-ni như Vô cấu tịnh quang v.v..., trục bằng thủy tinh, nhân gặp binh lửa hoang tàn phá hại, những lúc đêm vắng thường phát ra ánh sáng, ở gần hoảng sợ nghi là các mũi tên lửa, ngước mặt nhìn xem, khói lửa đều không có mới biết là oai linh của xá-lợi, người người bắt đầu kính lễ, tâu lên vua điềm lành ấy. Hoàng thượng nghe rất kính tin. Muốn thêm phần nguy nga

tráng lệ, bảo mở tháp cũ để xem cho tận tường, quả thật có ngôi tháp nhỏ Hương nê. Ban mở hòm đá, bên trong có ngôi tháp sắt, phía trong nữa lại có chiếc bình đồng, nước thơm đầy tràn, sáng sách mới đẹp màu trắng như Ngọc tương, xá-lợi cứng tròn sáng như vàng báu, phía trước có hai long vương quỳ hầu giữ gìn. Năm bộ kinh trên bàn vẫn như cũ không hư tổn. Vàng ngọc bảy báu, mười thứ quả trái khác thường sắp bày cúng dường. Dưới đáy bình có một đồng tiền đồng, trên đúc bốn chữ "Chí nguyên thông bảo" mới biết rằng các bậc thánh chế pháp đã dự định trong âm thầm, đợi thời trình bày mở rõ ý trời.

Ngày 25 tháng 3 niên hiệu Chí Nguyên thứ 08 (1271), Đế Hậu xét xem, càng thêm tôn trọng, liền đón rước xá-lợi đó mà xây dựng tháp báu này. Đem quân gìn giữ, nghi giá tượng treo đà đô, khánh diệu kỳ công sâu cùng khắc chạm, Quỳnh Dao trên bịt, dưới vũ phu thành biểu pháp. Bày mô tòa, khắc chạm cầm thú bốn góc rũ xuống, gậy ngọc; thềm bày đá, lan can treo diềm, vòng hoa quấn thân, lưới ngọc chuông quý đón gió mà vọng âm, mâm vàng hướng về mặt trời mà soi chiếu. Dong dỏng cao vời xa rọi nơi cung tía, nguy hiểm không an trên gò ở Bích lạc. Phép tắc hay khéo, xưa nay ít có, nhân có Quốc sư Ích Lân Chân giả vốn người Tây phiên, thông minh thần giải, khí thuộc sâu xa, Hiển giáo Mật giáo đều thông dung, Đại thừa Tiểu thừa thảy đều tỏ ngộ, thắng duyên phù hội, đức chọn lòng vua, thường nghĩ đến Hoàng Gia tin Phật, công phu xây dựng tháp báu linh thiêng, ích nước an dân phải nhờ thần chú, bèn y cứ vào Mật giáo, bài bố trang nghiêm, tôn trí Như Lai, ba nghiệp thân, ngữ, ý, trên dưới giáp vòng, điều có thứ lớp:

- Thứ nhất chỗ thân nương tựa là trước tiên dưới đáy tháp phô bày hòm đá, khắc tượng Phật năm phương, tượng đá ngọc trắng tùy chỗ sắp bày, bên cạnh tôn trí tám đại quỷ vương, tám quỷ mẫu luân, và hình tượng ấy dùng có cố định, kế đến tầng dưới; ở trên tòa đá Tu-di, khắc tượng các thần hộ pháp; chủ tài bảo thiên, tám đại thiên thần, tám đại phạm vương, tứ vương cửu diệu và tượng trời rồng ủng hộ mười phương. An trí ở phía sau thân bình Đồ Tượng Đồ Ấn các vị thánh, tức các Đức Phật mười phương, các đấng Điều ngự trong ba đời Bát-nhã Phật mẫu, tàng lọng lớn màu trắng che Phật tôn nghiêm vô cấu tịnh Quang Ma-lợi-chi Thiên, Bồ-tát Kim Cương Thủ, Văn-thù, Quán Âm lần lượt vây quanh.

- Thứ hai chỗ Ngữ y cứ là Đà-la-ni, tức là Phật Đảnh vô cấu bí mật Bảo khiếp Bồ-đề trường trang nghiêm Ca la sa bạt Ni tràng đảnh nghiêm quân quảng bác lâu các tam ký cú chú, Bát-nhã tâm kinh, kệ các

pháp nhân duyên sinh, hơn trăm bộ kinh lớn như thế, mỗi mỗi lại tạo ra hơn trăm ngàn bộ, cấp đầy đồng sắt nghiêm chỉnh phô bày.

- Thứ ba chỗ ý y cứ là sự vậy. Ở ngoài thân bình khảm tượng các Đức Phật ở năm phương, nói lên tự tiêu biểu của pháp hiển bày, phương Đông một cái chày, phương nam Châu báu, phương Tây hoa sen, phương Bắc hai cái chày giao nhau, ở khoảng tứ duy, có khí vật do tượng bốn vị đại thiên cầm nắm. Lại thấy ở phương Tây chỗ Phật thành đạo dưới tòa kim cương là đất thật béo vàng và ở phương này các nơi Đông tây Ngũ Đài, đại nhạc danh sơn, các chỗ thánh tích, lấy đất ở đó, cùng với các thứ hương long não, trầm tiên, tử bạch chiên đàn, tô hợp, uất kim v.v... vàng, bạc, châu báu, san hô, bảy chất báu, cùng trộn chung với bột hương, làm tháp hương nhỏ một ngàn lẻ tám cái, lại dùng các thứ hương An tức, kim nhan, Bạch giao, huân lục, đô lương, cam tùng v.v... hòa tạp bột hương, làm tháp hương nhỏ mười ba muôn cái. Đều tôn trí trong tháp, uyển chuyển như Tam bảo thường trú bất diệt, Thần Công Thánh Đức không giới khó lường, giữ quốc giúp dân, ở đó có cả.

Trộm bàn luận rằng: từ xưa đến nay các bậc hiền triết, chi ghi tên suông, so sánh về linh tích, tối tăm không dấu vết, như mộ của Hoàng Đế trên núi cao, dối chôn áo mão, lăng của Ngu Thuấn nơi Thương Ngô, không ủy thiều nhạc. Phục Hy chỉ còn bát quái, văn mạng chỉ bày ở cửu trù, đâu nghe thật là bất hủ, huống gì thấy xương cứng chắc. Há như Mâu-ni xá-lợi thần hóa vô phương, càng luyện càng tinh, càng đập càng cứng. Vàng bền ngọc nhuận xưa nay thường truyền, Thánh đế minh vương, nhiều triều đại kính thờ. Nên đời Đường, Hoàng Đế Thái Tông có khen ngợi rằng:

“Công thành nhiều kiếp dấu ấn ngay
Chẳng là núi nam được sự khó
Mắt trông nhiều lớp sắc vàng nhuận
Tay nâng một phiến ngọc sáng bày.
Lúc luyện trăm lửa tinh thần thấu
Cất giấu ngàn năm ánh chẳng phai.
Nhất định Huân tu chân bí mật,
Vững tin chớ tưởng rỗi nhàn bày!”

Hoàng Đế Nhân Tông đời Tống có bài kệ khen ngợi tháp xá-lợi ở chùa Phụng Tường Pháp Môn rằng:

“Cốt vàng răng linh thể hiện bày
Hào quang chiếu sáng suốt trời mây,
Chày sắt mang đánh thêm nhọc sức

Trăm lửa đốt thiêu, sắc sáng thay!
Quân Vương nhiều đời từng cúng dường,
Thiên tử lắm triều dâng hương hoa
Hằng năm chỉ nghe mở xá-lợi
Đâu từng đầu đội cốt lão quân!"

Hoàng Đế Nhân Tông đời Tống, chiêm ngưỡng lễ bái xá-lợi, thuật lại bài kệ khen ngợi rằng:

"Ba hoàng vùi thân thành tro bụi
Năm đế lấp hình hóa mãy trần,
Khổng Tử khắp nơi tôn xưng Thánh
Lão Đam mọi giới đều gọi Chân,
Chôn thân chỉ thấy mồ không trống
Nơi nào cất giấu chỉ người sau?
Chỉ có thầy ta lưu xá-lợi
Trăm lần đốt luyện vẫn nguyên màu!"

Xét xem những lời cùng cực này, có thể như là mai rùa làm gương soi sáng. Luận Đại Trí Độ của Bồ-tát Long Thọ có chép: "Xá-lợi đức Như Lai làm lợi ích mọi vật sắp mãn, sẽ biến thành Luân vương như ý Bảo Châu, vẫn làm lợi ích lớn cho chúng sinh, thì Chân Linh không thể hết, phước đời làm sao cùng".

Nay, vua không quên lời phó chúc, thường giữ ý ngoại hộ, dốc lòng kính tin lý Phật, khi ăn lúc nghỉ chẳng đổi dời. Phàm điện đường mới xây thành, phải mời chư tăng đốt hương giảng pháp. Thành đô vừa thành tựu, trước tiên xây dựng tháp này, nhờ sự năng lực chở che của Phật, mong vận báu vĩnh viễn lâu bền, bảo vệ sự hưng thịnh của nghiệp lớn, hưởng lộc trời suốt nhiều năm. Lo gò đổi mà hang biến, sợ lửa dữ mà không truyền, sao chiếu chỉ bảo cuối đời Thích phát huy đạo này.

Tôi đây, tài chẳng như Pháp Lâm, Tuệ Viễn, học thẹn với Đạo sinh, Đạo Dung, gắng sức phô bày mảy may, thiếu tám chữ của Tào Nga, hết tình cạn nghĩ, nhọc năm thần của Dương Hùng, khâm phục tâm của vua ta Hoằng Tán, mừng sự tốt đẹp thêm sáng của xá-lợi, tay vỗ chân nhảy, kính cẩn buộc khắc lời minh, vàng ẩn, mây rũ ngọc nhị hoa thơm. Nhiệm mầu thay! Ngàn Phật kiếp hiền hiển hiện cát tường, thánh tổ Thích-ca Mâu-ni là vị thứ tư ra đời. Mây nổi nơi trời Ma-kiệt-đà, gió liệng ở thành Ca-tỳ-la-vệ. Trời nâng lọng báu, rồng phún bồn vàng, đông tây riêng bước, trên dưới xưng tôn. Đạo thành ở xứ Ma-kiệt-đà, trí tỏa khắp trường giác ngộ, như sen xanh hé nở gặp ánh trăng soi, thanh giáo vang khắp các phương như bụi nhỏ, pháp màu truyền rộng các cõi

như cát sông Hằng. Vô vi mà hóa, chẳng nói mà hiểu, vạch quyển kinh trong bụi nhỏ, chỉ hạt châu trong chéo áo, khiến người mê biết được nẻo quay về, người ngu ôm hoài mến đạo. Bày giáo ba thừa, vốn chỉ một thừa, việc lớn đã chu toàn, quy thần thường vắng lặng, giới định huân tu, để lại xá-lợi, phước giúp trời người, ân nhuần động vật thực vật. Ban đầu phát khởi tại Tây Trúc, sau truyền rộng đến Đông Châu. cửa vua cung rồng lễ cúng không thôi. Khương Tăng Hội cảm được linh ứng, Ngô Tôn Quyền dựng lập đầu tiên. Ngụy Hậu chân thành, Vĩnh Ninh mở mang. Cung kính vua ta ôm ấp chánh đạo, làm tường hào cửa Phật, phụ giúp pháp bảo, dựng thành vàng này, xây tháp ngọc ấy, dùng ngọc bích nước sở treo quanh, đem ngọc mân xứ yên rải khắp, diềm khuynh núi xa, cửa ánh rừng cao, gió tùng vi vu, bóng quế phẳng lặng. Chí nguyên gọi chung, thánh ý khó lường, trong tháp hiện ra, mới thấy điều lành. Chỉ hằng mong phước đức tạo dựng này phò trì Hoàng Đế ở đời, lâu dài đồng với trời đất, muôn xưa chẳng đổi dời.

BIỆN NGỤY LỤC
(Trọn bộ)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 194

LUẬN
TAM GIÁO BÌNH TÂM

SỐ 2117
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2117

LUẬN TAM GIÁO BÌNH TÂM

BÀI TỰA

Mặt trời mặt trăng và các sao tô điểm bầu trời, vẫn luôn soi sáng từ ngàn xưa. Trăm sông cùng chảy về biển, đều cùng một vị mặn mà mất tên các sông. Sự hưng khởi của Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo cũng đã lâu dài, đồng thời truyền bá ở đời và giáo hóa thành tựu thiên hạ. Bàn về gốc tích thì chưa từng chẳng khác. Suy theo lý thì chưa từng chẳng đồng. Một mà ba, ba mà một. Không thật có nhưng lại thân sơ. Nên Pháp sư Viên ở Cô Sơn nói: “Tam giáo như cái vạc có ba chân, thiếu một không thể được”. Thật là luận cứ xác thực xưa nay vậy. Tiếc thay! Những người chấp gốc tích mà quên Đạo lý, đến nỗi bài bác lẫn nhau. Đạo Vô Vi của bậc Tiên thánh trở thành đầu mối của sự phân chia tranh chấp, thật đáng buồn than! Lý luận do Học sĩ Tỷ Quán Tĩnh Trai soạn thuật, ngôn từ đơn giản, lý lẻ rõ ràng, rất mực tốt đẹp. Suốt thâú nguồn sâu của Nho giáo, Đạo giáo, khai mở sự huyền bí của Phật giáo. Biện luận xóa tan mọi thứ nghi ngờ, chọn phải bỏ quấy, chưa từng chẳng xuất hiện nơi công luận. Thí như ở trên bàn cân, nặng nhẹ không sai. Đứng trước đài gương, đẹp xấu không thể che dấu. Nay luận này được soạn ra, bởi có lý do như vậy, cùng với cư sĩ Ngô Đỉnh Lai ở Thành thật Đường, hiểu biết vượt xa Đồng bạn, rất mực Công bình (Đồng bạn xuất xứ từ sử ký, cho rằng lời ý hợp nhau, nên kết thành bạn lành) bảo thợ khắc thêu để truyền bá, vì muốn cho mọi người xem đọc. Như các vị hiền sĩ ở đời Đường, đời Tống là Bạch Cư Dị, Trương Thương Anh v.v... Xét soi chỗ chí lý mà thẳng đến.

Mé thật đồng thoát trần lụy, đâu phải ít bổ ích!

Thời Lang Tập, thượng tuần tháng 7 mùa Thu năm Giáp Tý.

Kính tựa.

LUẬN TAM GIÁO BÌNH TÂM

Tĩnh trai học sĩ Lưu Mật soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Thường thấy ở Trung Quốc có ba tôn giáo. Từ thời Phục Hy vẽ hoạ đồ Bát Quái ma Nho giáo bắt đầu có từ đó, từ khi Lão Tử soạn Đạo Đức Kinh thì Đạo giáo bắt đầu có từ đó. Từ khi vua Minh Đế đời nhà Hán nằm mộng thấy người vàng thì Phật giáo bắt đầu có từ đó. Ấy là khởi đầu ở Trung Quốc có tam giáo, đại để, Nho giáo dùng "Chánh" để lập giáo, Đạo giáo lấy "Tôn" để lập giáo và Phật giáo lấy "Đại" để lập giáo. Xét về sự thích sống, ghét chết thì đồng một chữ "Nhân", xem người như mình đồng là của chung, trừng trị sự giận giữ, lấp bịt dục tình, ngăn ngừa tội lỗi, đồng một tiết tháo tu hành. Sấm sét nổ rền tai kẻ điếc, mặt trời mặt trăng soi sáng những kẻ mù loà nên đồng một phong hóa. Nói về dấu vết thô sơ thì lý thiên hạ không vượt quá hai đường thiện ác. Và ý nguyện của Tam giáo thì không ai chẳng muốn theo về đường lành. Nên vua Lý Tông soạn "Nguyên Đạo biện" có nói: "Dùng Phật giáo để trị tâm, dùng Đạo giáo để trị thân và dùng Nho giáo để trị đời". Thật biết được tâm, thân và đời, không cho có một thứ không trị nên Tam giáo đâu cho có một chẳng lập. Cư sĩ Vô Tận soạn bộ "Hộ Pháp luận" nói: "Nho giáo trị bệnh ngoài Da, Đạo giáo trị bệnh mạch máu và Phật giáo trị bệnh xương tủy". Thật biết được ngoài da, mạch máu, và xương tủy không cho có một không chữa trị, như vậy thì trong Tam giáo đâu cho có một không thực hành?

Nho giáo ở Trung Quốc dùng cang thường để hợp chánh, dùng Nhân luân để soi sáng, Lễ, nhạc, hình, chính bốn thứ đều thành đạt không trái ngược. Trời đất muôn vật an bài đúng vị trí mà dưỡng thành, nê Nho giáo có công rất lớn đối với Thiên hạ. Vì vậy mà Tần Thỉ Hoàng muốn phế bỏ Nho giáo nhưng Nho giáo không bao giờ bị phế bỏ.

Đạo giáo ở Trung Quốc khiến người trong sạch, tự giữ mình thấp hèn, yếu kém. Rửa sạch thói quen lăng xăng lộn xộn mà trở về cảnh giới vắng lặng vô vi, Đạo giáo giúp ích cho thế giáo cũng rất lớn. Vì

vậy Vua Lương Võ đế muốn dẹp bỏ Đạo giáo mà Đạo giáo không bao giờ bị phế bỏ.

Phật giáo ở Trung Quốc khiến người bỏ hoa mà trở về với trái, trái ngụy trở về với chân, do lực hành mà tạo được an lạc, do tự lợi mà đạt đến lợi tha.Phật giáo là nơi nương tựa của Nhân sinh, không gì bằng được, nên ba vua họ Võ muốn dẹp bỏ Phật giáo mà Phật giáo không bao giờ bị phế bỏ.

Lý Sĩ Khiêm đời Tùy luận về Tam giáo, nói rằng: "Phật giáo như mặt trời, Đạo giáo như mặt trăng và Nho giáo như năm sao sáng. Đâu khác gì ba thứ ánh sáng ấy giữa bầu trời, thiếu một cũng không thể được. Tuy ba tôn giáo đó có sự hơn kém bất đồng, nhưng cốt yếu không nên nghiêng lệch một phía nào mà phế bỏ. Nhưng vì người đời có tâm khác, tâm có thấy khác, những người mến mộ Đạo giáo thì cho rằng Đạo giáo không tôn quý bằng Phật giáo. Những người theo Phật thì cho rằng Đạo giáo không lớn bằng Phật giáo. Các nhà Nho sống trong cái chánh, bài bác cả Phật giáo lẫn Đạo giáo, cho đó là dị đoan, đâu phải kia quấy, hơn một ngàn một trăm năm trở lại đây đã vậy. Tôi lấy sự sáng suốt để bàn luận vấn đề ấy. Thiết nghĩ không thể bàn luận theo tâm riêng tư, không thể bàn luận theo tâm thương ghét. Chỉ có tâm niệm bình đẳng, cứu xét công đức cùng cực của các tôn giáo thì có thể vỡ lẽ rõ ràng. Bởi vì Công đức cùng cực là chỗ thâu nhân kết quả vậy, mọi sự vật trong thiên hạ đều có công đức cùng cực. Chân lấm tay bùn là việc của Nông phu cày cấy, đến lúc kho lẫm lúa thóc tràn đầy là công đức cùng cực của kẻ nông phu. Ăn ngủ dọc đường là việc của kẻ buôn bán, đến lúc vàng bạc đầy rương thì đó là công đức cùng cực của người buôn bán. Đối với Tam giáo giáo cũng như thế, Nho giáo có công đức cùng cực của Nho giáo, Đạo giáo có công đức cùng cực của Nho giáo, và Phật giáo có công đức cùng cực của Đạo giáo, từ công đức cùng cực này mà xét về sự hơn kém thì không đợi phải bàn luận mà tự rõ.

Từ đó mà xem xét thì giáo lý của Nho giáo là từ một cá nhân đến một gia đình, từ một gia đình đến một quốc gia, từ một quốc gia đến khắp bốn biển và đầy khắp sáu hợp. Có thể gọi là Nho giáo giữ gìn phép tắc mà thực thi rộng ra. Nếu như ngoài bốn biển sáu hợp thì như thế nào: "Nho giáo nói: Từ Đông dần dần đến Tây, và dừng lại ở bốn biển, sự rất xa này không quá đến bốn biển thì dừng lại ở đó, không còn xa hơn nữa". Giáo lý nhà Nho thì như vậy, nên các nhà học Nho là Tồn tâm dưỡng tánh, hành nhân giữ Nghĩa, thuần tuý là một kẻ sĩ đầy đủ đạo đức và hoàn toàn tốt đẹp. Thế mà có những người bỏ cả sự nghiệp

để phò vua, thấm nhuần muôn dân, giữ yên quốc gia mà lập nên xã tắc. Có thể giúp cho thế giáo mà đạt đến thái bình. Khi công danh thành đạt thì thân già suy, tên tuổi được ghi vào trang sử xanh. Công đức cao tốt của đạo Nho chỉ thế thôi. Tăng Tử nói: Sau khi chết là rất xa, bởi vì đến chết là rốt cùng vậy!

Giáo lý của Đạo giáo là ngay thân ta mà thông suốt cõi tối tăm, từ cõi người mà vượt qua cả cõi trời, từ núi rừng sâu thẳm mà đến các cung điện vàng ròng, xa tít mù khơi. Có thể gọi là vượt Phàm lên Thánh vậy. Song, ngoài trời đất tạo hóa ra thì thế nào? Đạo giáo cho rằng: "Lớn thì cùng khắp cõi trời, nhỏ thì có thể vào trong hạt bụi nhỏ". Như vậy, cùng cực của lớn không vượt qua cùng khắp cõi trời. Cõi thì hạn cuộc ở đây, mà ngoài hạn lượng ấy phải chỗ dự biết của Đạo giáo, giáo lý của Đạo giáo là như thế, cho nên người học đạo tinh thần chuyên nhất, động hợp với vô hình, an nhiên nơi cảnh giới thanh tịnh ít muốn mà bỏ cũ nhận mới, dành chứa công hành hạnh. Có thể thi giải, có thể bay bổng giữa không trung, có thể sai bảo Quỷ thần và nổi gió. Có thể ca ngợi tạo hóa mà lập huyền công, sống lâu vô cùng, vui sướng tự tại. Công đức cao tột quả của Đạo giáo như vậy mà thôi. Trong Huỳnh Đình kinh nói: "Có sống lâu mới được bay đi". Bởi vì đạt đến sống lâu là cùng cực vậy.

Giáo lý của nhà Phật là khi một Đức Phật ra đời thì Tam thiên đại thiên thế giới đều là cõi nước y báo. Nếu nói theo một thế giới thì trong một thế giới có núi Tu-di từ giữa biển lớn đứng trơ trọi lên thẳng chín tầng trời xanh. Mặt trời, mặt trăng vòng quanh lưng chừng núi mà chia ra ngày đêm. Ở bốn phía núi Tu-di là bốn Biển lớn, phía Đông gọi là Phất-vu-đãi, phía Tây là Cù-da-ni, phía Nam là Diêm-phù-đề và phía bắc là Uất-đơn-việt. Trong bốn châu lớn, mỗi mỗi châu đều có ba ngàn châu nhỏ, thế giới này là Diêm-phù-đề. Nay, Trung hoa ở đây là một trong ba ngàn châu của Diêm-phù-đề ở phía Nam. Đức Thích-ca hạ sinh ở Ấn Độ là chính giữa của Nam châu. Ở phía trên núi Tu-di chỗ gần mặt trời, mặt trăng, gọi đó là Trời Đế Thích, lại lên trên khoảng hư không an trụ trong sáng, mây phủ bốn tầng, tất cả gọi đó là Cõi Dục. Từ lớp mây ấy trở lên có mười tám tầng trời nữa, gọi đó là Cõi Sắc, từ khoảng không ấy lên trên thêm bốn tầng nữa, gọi là cõi Vô Sắc. Tất cả chúng sinh ra trong ba cõi đó đều bị sinh già bệnh chết. Đó là một Thế giới, một ngàn thế giới như vậy gọi là một Tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên Thế giới như vậy gọi là một Trung thiên, tức một trăm muôn. Và một ngàn Trung Thiên thế giới như vậy gọi là một Đại thiên, tức một trăm ức. Vì ba lần một Ngàn, nên gọi là ba ngàn Đại thiên, kỳ thật chỉ

một Đại thiên. Trong một Đại thiên có trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trời, mặt trăng và trăm ức tứ thiên hạ. Như có một trăm muôn đồng tiền nhỏ, cứ mỗi thế giới đặt một tiền, đến hết trăm muôn đồng tiền ấy mới là một Đại thiên thế giới. Đó là cõi nước y báo của một Đức Phật vậy. Khi một Đức Phật xuất hiện thì trong trăm ức thế giới có trăm ức thân đồng thời xuất hiện. Nên trong Kinh Phạm Võng nói:

"Mỗi Hoa trăm ức nước, mỗi nước một Thích-ca
Đều ngồi cội Bồ-đề, cùng lúc thành Phật đạo
Ngàn trăm ức như vậy, Lô-xá-na bản thân
Ngàn trăm ức Thích-ca, đều có chúng bụi nhỏ"

Đó gọi là ngàn trăm ức Hóa thân vậy. Dùng trăm ngàn ức hóa thân mà hóa độ tất cả các loài chúng sinh từ noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, loài hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc, không sắc, có tưởng, khôngbtưởng cho đến chẳng phải có tưởng chẳng phải không tưởng trong ngàn trăm ức thế giới đều khiến được độ. Đó là giáo lý của Phật giáo vậy.

Nên người học Phật rõ biết năm uẩn đều không, gạn lọc thanh tịnh sáu căn, xa lìa mười điều ác, tu hành mười điều thiện, quán bốn niệm xứ, thực hành bốn pháp chánh cần, dứt bỏ sáu mươi hai kiến chấp và tà ngụy không chỗ dung chứa, dứt bỏ chín mươi tám kiết sử, phiền não chẳng thể làm rối loạn. Ba ngàn oai nghi, tám muôn hạnh nhỏ đều giữ gìn cẩn thận, bốn thân vô lượng, sáu Ba-la-mật thường dùng để huân tu. Trong suốt thời gian tu hành đó, có người vì Pháp quên mình, như lột da chích máu chép kinh, chặt tay, gieo mình xuống vực để tham hỏi mà chẳng khiếp sợ chẳng nghi ngờ. Vì chúng sinh quên mình thì như chịu khổ cắt thịt mình cho chim ưng ăn, bỏ mạng để cứu hổ đói mà không sợ hãi. Tiền tài của báu nước thành vợ con, vất bỏ như giày rách. Chi tiết chân tay đầu mắt tủy não, xả bỏ như cởi áo. Từ đời này đến đời khác, trải qua trăm ngàn muôn ức đời mà tâm này không lui sụt, từ kiếp nọ sang kiếp kia trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp nhưng tâm này càng tinh tấn. Do đó, qua ba A-tăng-kỳ kiếp, hạnh quả viên mãn, công đức viên mãn, lìa bốn câu, bốn câu nghĩa là các Pháp chẳng tự sinh, cũng chẳng từ tha sinh, chẳng chung cùng, chẳng phải vô nhân, cho nên nói vô sinh dứt bách phi. Thông đạt vô lượng vô biên Pháp môn, khéo vào được vô lượng vô biện tam-muội, thành tựu năm căn năm lực, đầy đủ ba đạt ba minh, hiển bày bốn trí ba thân, vượt chướng sáu thông năm nhãn. Được bốn biện tài vô ngại, giảng nói vô cùng, vào bốn như ý phần, thần thông tự tại. Tám thắng xứ, tám giải thoát thường được hiện tiền, bốn món vô

uý, bốn pháp nhiếp thọ dụng không cùng, tám chi thánh đạo, mười tám pháp bất cọng, không đồng với ba thừa, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, pháp thân trang nghiêm nhiệm mầu, kiếp số như bụi nhỏ đời Quá Khứ, kiếp số như bụi nhỏ đời vị lai, không đời kiếp nào không thấy rõ. Hiện tại, chúng sinh trong các thế giới nhiều như cát bụi, tâm như cát bụi thảy đều biết rõ. Viên minh mười hiệu tôn qúy, vượt ngoài ba cõi. Đó là Nhất thiết chủng trí, đó là trời trong các trời, là Pháp vương vô thượng, là bậc Chánh đẳng Chánh giác. Vượt khỏi các thứ phương tiện, đầy đủ mười lực, trở lại cứu độ chúng sinh trong khắp Pháp giới. Đó là công đức cao tột của Phật, đến như thế.

Kinh Pháp Hoa chép: "Đức Như Lai vì một việc lớn Nhân duyên mà xuất hiện ở đời, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều thành Phật Đạo". Bởi vì Đại nguyện, Đại lực ấy thệ nguyện cùng tất cả chúng sinh đều chứng Diệu quả Niết-bàn Vô thượng. Cho nên, bàn luận về Tam giáo, không thể dùng tâm riêng tự để bàn luận, không thể dùng tâm ưa thích hay oán ghét để bàn luận, chỉ có tâm niệm hoàn toàn bình đẳng nghiên cứu đến công đức cao tột của Tam giáo, thì biết những người học Nho ở đời thành đạt kết quả, bất quá là rủ bỏ công danh vậy. Người học theo Đạo ở đời, thành đạt kết quả, bất quá là đạt được sống lâu vậy. Và người học Phật ở đời có thể thành đạt kết quả có thể chấm dứt được sinh tử, rốt ráo Niết-bàn, độ khắp chúng sinh đều thành Chánh giác. Nên sự hơn kém ở Tam giáo hẳn đã hiển bày thấy rõ. Vì vậy, từng thí dụ như sở hành của Nho giáo là trong một nước, sở hành của Đạo giáo là khắp trên trời và ở nhân gian. Sở hành của Phật giáo là khắp cùng hư không khắp Pháp giới. Nho giáo, giống như bình trị một nhà, chỉ trong phạm vi bốn bức tường, những gì ngoài bốn bức tường đều không được kêu gọi. Đạo giáo như đứng đầu một thôn ấp cho đến bốn phía địa vức của thôn ấp, ngoài phạm vi bốn phía ấy thì bị khống chế, không được tư do. Phật giáo thì bao la, có cả bốn biển, là vua của thiên hạ, khắp cả trời đất, không ai chẳng là Thần dân, lễ nhạc, chinh phạt thảy đều do tự mình phát ra. Đó là bàn luận về sự rộng hẹp của Tam giáo. Người học Nho sau khi chết rồi, mọi việc chỉ trong một utrăm năm, người học Đạo giáo, mục đích là cầu sống lâu đến ngàn muôn dặm. Người học Phật muốn dứt bỏ sinh tử, trạm nhiên thường trú, bởi vì trải qua kiếp số như bụi nhỏ, không có cùng tận. Nho giáo như một ngọn đèn chiếu sáng một đêm, đến lúc canh tàn chuông điểm thì dầu khô đèn tắt. Đạo giáo thì như ngọn đèn đốt sáng được trăm năm của vua A-xà-thế làm để cúng dường xá-lợi Phật, được trăm năm rồi, đèn ấy cũng sẽ tắt mất, Phật giáo

thì như ánh sáng mặt trời chiếu soi, từ ngàn xưa vẫn thường soi sáng, lặn ở phía Tây, mọc ở phía Đông mãi tuần hoàn không dứt. Đó là sự bàn luận về thời gian lâu mau của Tam giáo.

Từ đó mà biết rằng có Pháp thế gian và Pháp xuất thế gian. Nho giáo và Đạo giáo là Pháp thế gian, còn Phật giáo thì khởi đầu là Pháp thế gian mà cuối cùng là để hiển bày Pháp xuất thế gian. Vì sao gọi đó là thế gian? Kinh Hoa Nghiêm nói: "Có thiên thế gian, có nhân thế gian, có Diêm-ma vương thế gian. Trong ba cõi đều gọi là thế gian vậy. Có Pháp đây khiến người luân hồi tuần hoàn không thôi, không ra khỏi ba cõi, gọi đó là Pháp thế gian. Giác tánh nhất chân khắp cùng trong mười phương, ba cõi không thể ràng buộc được, gọi đó là Pháp xuất thế gian.

Đức Phật dùng năm thừa để lập giáo, hai thừa đầu gọi là Nhân thừa và Thiên thừa và đó là Pháp thế gian. Ba thừa sau là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa là Pháp xuất thế gian.

- Pháp của nhân thừa là năm giới:

1. Không giết hại, nghiã là phải tôn trọng sự sống, không được hung bạo đối với mọi vật, không chỉ không ăn thịt nó.

2. Không trộm cướp, nghĩa là vật phi nghĩa chẳng lấy, không chỉ không trộm cướp vật của người khác.

3. Không tà dâm, nghĩa là không loạn dâm với những người chẳng phải là chồng hay vợ mình.

4. Không nói dối, nghĩa là không dùng lời nói khinh người.

5. Không uống rượu, nghĩa là không say sưa, mà tu tâm, giữ được năm giới này tức là gây nhân làm người. Ngũ thường của Nho giáo cũng chính là ý nghĩa này vậy.

- Pháp của Thiên thừa tức là mười điều lành:

1, 2, 3, 4, bốn Pháp này ý nghĩa đồng như bốn giới đầu trong năm giới.

5. Không nói thêu dệt, nghĩa là không trau chuốt những lời nói sai sự thật.

6. Không nói lưỡi đôi chiều, nghĩa là nói việc người khác sau lưng họ.

7. Không nói lời thô ác, nghĩa là không mắng chửi, cũng là lời nói không Đạo đức, không nhân nghĩa.

8. Không ganh ghét, nghĩa là không ganh tỵ.

9. Không tức giận, nghĩa là không có tâm sân hận.

10. Không ngu si, nghĩa là phải biết rõ đối với mọi việc thiện ác.

Người tu cả mười pháp lành này, thì kết thành quả báo sẽ samh lên cõi trời. Chín chân Diệu giới của Đạo giáo cũng chính là ý nghĩa này. Nhân thừa tức là nơi gieo nhân con người, Thiên Thừa là nơi gặt hái kết quả của các cõi trời vậy. Đó là Pháp thế gian, Tam giáo đều có được. Còn ba thừa sau dẫn dắt đồ chúng đến chỗ siêu nhiên và xuất thế. Khiến thiện ác đều mất, thẳng đến mé chân, thần và thông ở Thế gian không thật có mà nhìn thấu suốt.

Hoặc có người thấy được "Khúc Học A Thế" của Công tôn Hoằng hay "Ngũ Kinh tảo địa" của Chúc Khâm Minh, hay Diệu lý của Dương Tử Vân Minh Thái Huyền mà ton hót Hán Công. Hứa Kính Tông biết Nghĩa của Đế Khâu mà mất thân nữ chúa, đó đều phát sinh từ Nho giáo. Đạo sĩ Thử nữa đêm vào giờ tý bày huyễn thuật mà khi dối Đông Pha. Lâm Linh Tố dùng thần tiên mà mộng hoặc Huy triều. Thần tiên trên trời có Trịnh Hóa Cơ mà thật là một kẻ ngu hèn, thần tiên dưới đất có Hà đắc Nhất, nhưng thật là một thường dân. Đó đều phát xuất từ Đạo giáo. Hồ Tăng chú thuật mà không thể giết chết Phó Dịch. Phật đá phát sáng mà không thể xem thường Trình Hạo. Răng Phật tuy linh mà vẫn bị bể dưới sừng dê của Phó Dịch. Răng Phật tuy thần nhưng vẫn tan hoại bởi lưỡi búa của Triệu Phụng. Đó đều phát xuất từ Phật giáo. Nói chung thì Tam giáo ở Trung Quốc đều chưa thể thuần túy hiển bày cái chánh chơn, làm sao mãi khư khư biện luận sự hơn kém ư? Hay là chẳng cần suy nghĩ lời tôi? Nho giáo dùng Cương Đại chánh trực để dạy người. Vì việc làm của Nho giáo phần nhiều trái với Đạo, đó đều là người tội của nhà Nho. Đạo giáo lấy thanh tịnh vô vi để dạy người. Vì phụng đạo mà cam tâm chịu theo tà thuật, đó đều là người tội của đạo giáo. Phật giáo lấy sự mến chuộng mạng sống làm Tâm, không cho dẫm đạp lên cỏ tươi, mà cho rằng nói ngữ chú đề giết người được sao? Phật dùng vô tướng làm Tông, không thể căn cứ vào thân tướng mà thấy được Như Lai, mà cho rằng nương vào hòn Đá xanh để mê hoặc mọi người được chăng? Răng mà có thể bể nát, đá chẳng phải răng vậy. Răng mà có thể tan hoại, ngụy chẳng phải chân vậy. Phàm nương cậy vào giáo môn để bày ra yêu dị hư ngụy, đều là người tội trong nhà Phật vậy. Kẻ ngu hèn có thể chấp vào đó để bàn luận về Tam giáo ư?

Hoặc có Người lại thấy Đạo giáo có "Hóa Hồ Kinh", lại cho rằng Thích-ca và Văn-thù là do Lão Tử Y Hỷ hóa ra. Thấy Phật giáo có "Luận Phá Tà", bèn cho rằng Phật sai ba đệ tử đến Trung Quốc để giáo hóa, trong đó, Khổng Tử là Bồ-tát Nhu Đồng. Nhan hồi là Bồ-tát Tịnh Quang và Lão Tử là Ma-ha Ca-diếp. Xét như vậy thì sự hơn kém

trong tam giáo đâu dể dùng lập luận để luận bàn ư? Khổ nỗi không biết, những người viết hai sách ấy mỗi mỗi đều tự tôn mình mà đè nén kẻ khác, cho nên chỉ dựa vào không mà mất đi sự thật.

Vương Phù soạn thuật "Hóa Hồ Kinh", nói Lão tử và Y Hỷ muốn giáo hóa người nước Hồ để thành Phật, bèn biến thân thành Phật Thích-ca và Bồ-tát Văn-thù, mà sau đó, người Hồ (Ấn Độ) được giáo hóa. Vương Phù không nghĩ đến năm Phật ra đời là năm thứ 24 thời vua Chu Chiêu Vương và diệt độ ở năm thứ 52 thời vua Chu Mục Vương. Sau Phật diệt độ ba trăm bốn mươi hai năm mới đến thời Định Vương, Lão tử mới sinh ở tại huyện Sở Hỗ, làm quan dưới thời Chu Trụ Vương, khi đến ải Hàm Cốc mới gặp Y Hỷ, lúc ấy Phật đã diệt độ hơn bốn trăm năm. Đạo giáo ở đời sau mà biến thân thành Phật ở đời trước. Đó là Đạo giáo không đủ để giáo hóa người Hồ, phải mượn Phật để hóa độ người Hồ, Quan Bộc Xạ Dương Tố đời Tùy nói rằng: nghe Lão quân đến giáo hóa người Hồ, người Hồ sẽ không tin nhận, bèn cùng Y Hỷ biến thân thành Phật, người Hồ mới tin nhận. Xét vậy thì Lão tử không thể giáo hóa người Hồ. Người Hồ phụng thờ Phật Tố Minh. Dương Minh lại thường nói cùng Đaọ Lưu rằng: "Sao Lão tử không giáo hóa người Hồ vì Đạo mà hóa người Hồ rồi thành Phật?". Há chẳng phải Đạo hóa không bằng Phật hóa sao?. Cho nên luận thuyết cưa Vương Phù là muốn khinh miệt Phật mà không dè rằng chính là đưa cao Phật lên.

Pháp Lâm soạn thuật "luận Phá tà", đại khái cho rằng Phật giáo thấu suốt cội nguồn của muôn Pháp mà Khổng tử, Lão tử là riêng bình trị trong một khu vực, cho rằng có thể dùng để ngăn dứt Tà thuyết mà khai sáng kẻ tối tăm, hay Pháp Lâm không nghĩ Khổng Tử và Nhan Hồi nhất định không phải Bồ-tát, Lão tử chẳng phải là Ca-diếp. Muốn mình là chánh, nên vu báng người khác, đâu có thể tự mình ra khỏi sự vu khống ấy ư? Nên cho rằng Khổng tử và Nhạn hồi là Bồ-tát, còn chưa quá lắm, còn chỉ cho Lão tử là Ca-diếp thì thật rất sai lầm vậy! Ca-diếp được truyền riêng giáo pháp, làm tổ kế đức Phật Thích-ca. Bấy giờ, sự Huyền diệu tối thượng nhất thừa không thể truyền nói, trăm vạn trời người từ xưa đều mê lầm, chỉ một mình Ca-diếp đạt ý Pháp ấy thôi. Lão tử đâu phải là Ca-diếp biến hóa? Nên Ca-diếp truyền Pháp cho A-nan rồi liền nhập định ở núi Kê túc, đợi đến lúc Đức Di-lặc ra đời, Ca-diếp vẫn chưa xuất định. Cho nên nhục thân của Ca-diếp hiện nay vẫn còn ở trong định. Đó đủ chứng minh Ca-diếp không xuất định biến thành Lão tử vậy. Nều cho rằng Ca-diếp là Lão tử thì Lão tử là tổ sư của Thiền tông, chẳng là sai lầm sao? Vì vậy, luận thuyết của Pháp Lâm là muốn

khinh miệt Đạo giáo mà không dè rằng đó lại là tôn vinh Đạo giáo. Uổng lời soạn thuật, rất là giả dối vu khống. Người trí đâu dám nhận lấy ư?

Hoặc có người thấy Nguyên thánh tiên sinh nói: "Lời nói của Phật và Khổng tử làm trước sau lẫn nhau. Khổng tử và Phật vốn là một, chỉ vì môn đình thi thiết khác nhau". Đó là Phật giáo và Nho giáo không hề chẳng hợp nhau vậy. Cư sĩ Khuê Đường nói: "Phật là sự cao tột của Tánh Đạo, là sự cao tột của Mạng, hai bên đối lập để giao tiếp thì sự nhiệm mầu của tánh mạng tiểu thiên mới hoàn toàn". Đó là Phật giáo và Đạo giáo không hề chẳng đồng nhau. Thơ của phó Đại sĩ chép: Đội mũ Đạo giáo, mang giày Nho giáo, mặc ca-sa Phật giáo, hòa hợp ba nhà thành một nhà, Ba giáo này không hề không hợp thành một. Nay chỉ trưng bày ưu việt của Phật giáo mà chỉ trích khuyết của Nho giáo và Đạo giáo thì đâu hợp với ý của các bậc tiền hiền? Chỉ khổ nổi không biết lời nói của các bậc tiền hiền là phương tiện của các Ngài vậy.

Các nhà Nho được thời hành Đạo, nhậm chức ở quan, quyền hành ban cho hay chiếm đoạt, không gì chẳng từ trong tay họ. Nếu chúng ta tôn trọng Phật giáo mà khinh miệt Nho giáo, thì họ sẽ cậy vào Nho giáo mà đè ép Phật giáo. Lý Đức Dụ là tướng của Võ Tông phá hủy hơn bốn mươi ngàn ngôi chùa, ai là kẻ thật sự chủ mưu việc đó? Đạo gia nói Đạo là Đạo của họ, Đức là Đức của họ, trong tâm suy nghĩ, không khiến người được mà đè ép mình. Nếu chúng ta tôn trọng Phật giáo mà xem thường Đạo giáo, thì họ sẽ tôn trọng Đạo giáo mà Phế bỏ Phật giáo. Thôi Hạo tin theo Khấu Khiêm Chi mà giết Sa-môn, đốt bỏ kinh sách. Các việc ấy ai thật sự gấy ra? Nên nhớ như dùng Tâm Phương tiện mà nói Phương tiện. Cho rằng Phật giáo hợp với Nho giáo thì ngõ hầu không kích động sự tức giận của Nho giáo. Cho rằng Phật giáo đồng với Đạo giáo thì ngõ hầu không khơi dậy sự tranh chấp của Đạo giáo. Cho rằng Tam giáo đều có thể hợp thành một, thì như Nho giáo, Đạo giáo đều có thể dẫn dụ mà đến với Đạo Phật, nên cho rằng lời nói của các bậc tiền hiền là phương tiện của các bậc tiền hiền. Nhưng những kẻ ưa thích bàn luận ở đời, trong tâm mỗi người đều có chủ tâm nhiều tranh chấp, Nho giáo yếu kém thì bàn luận về Nho giáo, Đạo giáo yếu kém thì bàn luận về Đạo giáo, Phật giáo yếu kém thì bàn luận về Phật giáo. Tam giáo tuy bất đồng mà dự vào bàn luận thì chỉ có một. Tôi đem tâm bình đẳng để bình luận, thiết nghĩ cho sự bàn luận đó thật là đáng tội, thì họ nói không dung thứ đối với kẻ không khuất phục. Bàn luận với sự thật thì đã nói có khi tự khuất phục. Đó chẳng phải là đắc thất chí lý mà

thôi và thiên hạ đời sau cũng không thể vu cáo vậy.

Nay xem xét sự bàn luận về Nho giáo thì Kiểu Mã Thiên nói: "Nho giáo tuy rộng rãi mà ít quan trọng. Vì vậy, lao nhọc mà vô công." Chỉ nỗi không suy nghĩ không biết vật là điều xấu hổ của bậc Quân tử, mà Đạo lý trung thứ dùng để xuyên suốt tất cả, nên gọi đó là ít quan trọng. Chăm lo nướng mình suốt năm có thể gọi là lao nhọc, nhưng mà tu thân cho đến bình gia khắp cả thiên hạ, gọi đó là vô công được sao? Bởi vì sở học của Kiều Mã Thiên không phải là Nho học nên Kiều Mã Thiên không đủ để biết về Nho.

Trình Di là một nhà Nho, ông luận bàn về Phật giáo thì cho là Tà vạy yêu dị ngăn che tai mắt mọi người. Bởi vì Pháp Phật nói thì không bờ bến mà sự hiểu biết của Trình Di thì có giới hạn. Đối với Hê Dục mà bàn về kiếp sống, nên dùng Tà vạy yêu dị làm mờ mắt nó vậy. Nhưng Trình Di cũng thường trở lại suy nghĩ điều đó, Tà vạy yêu dị đối với Nho giáo thì có vậy. Kinh Dịch nói: "Thấy lợn vác bùn, một xe chở quỷ". Kinh Thi nói: "Mạng Trời huyền diệu, chim bay lại mà sinh nhà Thương". Sử nói: "Đến năm Giáp thân, ất dậu thì Cá, Dê ăn thịt người." Truyện nói: "Tề Hầu thấy người đứng lên như heo mà khóc, đến lúc thần giáng vào Tân thạch thì nói đến thời nhà Tấn. Ngụy Khỏa thấy người già, Chồn Cáo chợt gặp Khỉ sinh", gọi là Tà cũng được, gọi là yêu cũng được, là dị cũng được. Kinh Thi nói: "Đế Bảo Văn Vương rằng: Ta ôn hoài Minh Đức, trời chẳng nói từ lâu, bỗng nhiên có nói, người sao được mà nghe? Nay ta giữ mãi lời nói đó." Nếu thấy được sự tiếp xúc nhau giữa tai và miệng ấy, thì không nói đó là tà vạy chăng? Vì Trình Di bài báng tà vạy yêu dị mà tìm cầu cái tà vạy yêu dị của các nhà Nho. Bởi vì cái không thể được mà ngăn cản đó.

Nay xem xét sự bàn luận về Phật giáo, thì đời Đường, có Phó Dịch là người tinh thông các sách thuật số, giữ chức Chưởng ty Thiên. Trước sau có đến bảy lần dâng sớ phế bỏ Phật giáo. Thời đó, có Lý Sư Chính soạn bộ "Nội Đức Luận" để biện luận. Luận ấy nói: "Phó Dịch cho rằng Phật giáo vốn xuất phát từ Tây Hồ (Ấn Độ), không nên phụng thờ ở tại Trung Quốc". Thật không đúng vậy, Phù do Dư đến Tây Nhung giúp Tần Mục để khai có nghiệp, nói: Đạn sinh ở bắc Địch, hầu Hán võ mà trừ ách hại, đâu cần lấy đồng tục ấy mà lại bỏ sự khác nơi chốn kia? Ngựa giỏi nhất đàn, chẳng phải sinh ở trong thôn ấp, vật quý báu ở đời chẳng phải vật của các loài hoa, vì thế nên nhà Hán tìm Ngựa giỏi ở Tây vực, vua Ngụy thâu nhặt ngọc báu ở biển nam. Vật sinh ở xa còn quý trọng như thế, Đạo phát xuất từ nơi xa, làm sao mà có thể phế bỏ?

Nếu các phương thuốc xuất phát ở Nhung Di, Cấm chú Khởi ở Hồ Việt, có thể trừ bệnh trừ tà, đâu thể bảo nó từ xa lại mà không dùng? Phàm dứt trừ tám khổ, nếu dùng đến thuốc thường, đó là trừ bệnh đã lâu dài vậy, diệt ba độc để chứng Vô Vi thì đó là trừ Tà càng thành đạt vậy. sao phải câu nệ xa gần mà tính chuyện thân sơ? Phó Dịch nói: "Trong Kinh thi không nói đến", vì là Tu-đa-la không đủ, cũng lại không nên. Vả lại, vật mà Chu Công Đán và Khổng Tử chưa nói thì nhiều vô cùng, và việc kinh Thi chưa chép lại lai láng vô hạn. Sao có thể câu nệ bó buộc trong lục kinh mà đặc biệt yếu chỉ chung của Tam thừa ư?

Đức Phật chưa hưng khởi ở thời thượng cổ, hàng Thánh nhân khai nghiệp ở hậu lai, cho nên Đống Vũ dời đổi chuồng ổ mà ở, đó là chế độ bó buộc ở thời đại văn tự. Tập tục ăn lông uống máu, tuy trước kia dùng, nhưng không phải quý. Công phu tạo lửa để nấu nướng thức ăn tuy có sau nhưng chẳng phải là xấu tệ. Đâu có thể lấy Kinh thi truyền bá trước mà đáng tôn sùng. Tu-đa-la có đến sau đáng xem thường ư? Phó Dịch nói: "Phật là khí của Yêu mị, chùa là nơi cúng tế dâm tà". Đó cũng thật không biết suy nghĩ! Xưa kia, từ thời Đông Hán đến thời Đại Đường, đời đời đều cấm lời yêu, nơi nơi thảy dứt cúng tế tà vạy. Lẽ nào nhân xả bỏ của cải sức lực mà xây dựng điện đường của Ly mỵ, thả hàng sĩ Dân vào làm Đồ chúng của Vọng lượng? Huống gì các hàng tể bổ quan Cái, nhân luân đạo đức, hàng Vua chúa suy lượng; bọn Đới Đạt Hứa Tuần đều để tâm mà kính tin, và vâng theo lời dạy mà quy y. Lẽ nào là tôn sùng yêu mị mà tự khuất phục sao? Chỉ bởi những hạng người ấy thấy được chỗ huyền diệu biết được điều Chơn nên khiến họ nhu vậy. Phó Dịch nói: "Đời nhà Triệu, nhà Lương đều có hạng tăng phản nghịch". Đó lại là lời nói không suy nghĩ. Nếu dùng việc ngày xưa có hạng tăng phản nghịch mà phá bỏ các Pháp ngày nay. Đâu có thể vì xưa có thần phản nghịch mà nay chẳng dùng Dân sĩ thông minh, đâu thể vì xưa có dân loạn mà nay không nuôi dưỡng Dân đen? Học trò có tội đâu phải lỗi của thầy giáo. Tăng sĩ làm sai đâu phải lỗicủa Đức Phật. Tăng can triều hiến ni phạm tục hình thí như tụng luật mà khoét vách, như đọc sách Lễ mà làm kẻ ở đậu. Chỉ nên răn cấm điều sai trái để mở mang Đạo Pháp, không thể vì người mà phá hoại Đạo. Phó Dịch nói: "Đạo Nhân đều là giống chim kiêu ác độc tham nghịch". Đó cũng là lời nói không suy nghĩ. Phàm người bỏ tục tu Đạo, nên gọi là Đạo Nhân, đối với các loài bò bay máy cựa cũng không có tâm hại nó, huống gì hành động giống như chim kiêu chim kính ư? Lễ cưới xin còn bỏ không làm, huống là làm tâm loài cầm thú? Sao lại dẫn trích hàng

thượng nhân ly dục mà sánh với loài vật thấp kém lấm trần? Hủy mọi hạnh lành của Đại bi mà so với loài chim xấu bất tường? Lấy Đạo Nhân làm giống nghịch, so hàng Phạm hạnh với loài tâm dã thú. Phá hại sự tốt lành có gì hơn vậy ư? Phó dịch nói: "Người Hồ ở phương Tây nhân bùn mà sinh, do đó nên phụng thờ bùn ngói". Đó cũng là lời nói không suy nghĩ. Vả lại, các miếu ở Trung Quốc thì xây dựng bằng gỗ là chính, đâu thể cho rằng chế lễ quân tử đều từ gỗ mà dưỡng thành ư? Đối với người thân không thể quên cho nên làm vị thần đứng đầu để biểu lộ lòng biết ơn vô cùng. Không thể quên Phật nên lập hình tượng để kính thờ như Ngài còn tại thế, khâm kính bậc thánh đức có gì mất mát ư? Phó Dịch nói: "Đế Vương không Phật thì nước bình trị lâu dài. Từ sau khi có Phật thì chánh sách bạo ngược, vận may ngắn ngủi". Không nghĩ rằng Đức Phật thiết giáo, đâu lấp bít những việc bạo ngược loạn dâm. Bồ-tát mở lời đâu mở mang những việc của vua Trụ, vua Kiệt. Cái Đức của Phục Hy, Hiên Viên, Đế Thuấn, Hạ Võ đều bao gồm trong sáu độ. Cái tổi của Nghệ (?), Trác (?), Tân (?), Quý (?), tất cả đều là mười ác để giữ phòng giới cấm. Xoay về khiến vua Kiệt tuân theo giác lý mà ít muốn, vua Trụ thuận với Đại Đạo từ bi thì Y Doãn và Lữ Thượng không thể dùng mưu của họ. Và Vua Thang vua Võ làm sao thực hành được kế của họ. Phó Dịch nói: "Trước lúc chưa có Phật thì mọi người thuần hòa, ở đời không bạo ngược". Chẳng nghĩ rằng Cửu lê loạn đức chẳng phải là thời kỳ chưa có Phật, Tam Miêu (?) nghịch mạng chẳng phải sau khi đã có Phật. Cuối đời nhà Hạ nhà Ân làm gì có thuần hòa? Thời Xuân thu đâu phải không có việc bạo ngược! Giáo lý nhà Phật là khuyên thần trung tín, khuyên con hiếu hạnh, khuyến khích Quốc gia bìmh trị, gia đình hòa thuân. Mở rộng điều lành thì chỉ bày sự vui ở cõi trời, làm điều sai quấy thì chỉ bày cho thấy cái khổ ở chốn địa ngục. Ấy vậy mới đáng gọi là tổn thương hòa thuận mà thêm nhiều loạn lạc, đâu phải vu báng lắm thay! Và thương tổn gì đến Phật pháp ư? Chỉ tự đắm chìm trong biển khổ. Phàm đem những lời của Phó Dịch mà tha hồ phỉ báng hay đem luận lý của Sư Chính mà soạn thuật biện luận sai lầm, phải trái quanh co, đều rất rõ ràng, thiên hạ muôn đời đều có thể thấy.

Sau đó, có Hàn Dũ, người này bái bác Phật giáo cũng như Phó Dịch. Nguyên nói về cốt Phật, Hàn Dũ diễn giải chương sớ của Phó Dịch. Phó Dịch phỉ báng Phật giáo, trước kia có Sư Chính biện luận sự mê lầm của Phó Dịch. Còn Hàn Dũ phỉ báng Phật sau này, không một ai bàn luận đến lời quấy rối của Hàn Dũ cả. bởi vì Phó Dịch là quan Thái sư lệnh, là nghề nghiệp riêng biệt của ông ta. Hàn Dũ dùng văn chương

để diễn giải, hơn nữa, Hàn Dũ là một nhà Nho. Nói về nghề nghiệp thì có người khác cùng biện luận phải trái. Còn nhà Nho luận bàn thì thế tục thường không dám nói tới điều ấy ư? Theo tôi thì lời nói đúng lý tuy không phải là nhà Nho cũng phải tuân theo. Còn lời nói sai lầm vu khống, tuy của nhà Nho cũng có thể không theo. Hàn Dũ không rõ Đạo Phật mà lại luận bàn khiến ông ta nói ra dẫn đến sai lầm đời sau vậy.

Hàn Dũ nói: "Phật là một trong các Pháp của Di Địch". Ông thấy Phật pháp từ Tây Vực truyền đến Trung Quốc, bèn theo đó mà phá hoại. Thật là không biết Phật sinh ở Thiên Trúc mà Ngũ Ấn là cùng đất chính giữa của Diêm-phù-đề ở phía Nam nên Phật giáo lấy đó làm trung tâm vậy. trong "Hậu Hán Thư" viết: "Phật đạo thần hóa phát xuất từ nước Thân Độc, nước đó thạnh vượng phong nhiêu hòa khí nên các nhà Nho cũng cho đó là chính giữa vậy. Vì thế mà biết đây có một Trung Quốc và kia cũng là một Trung Quốc, vậy mà gọi kia mọi rợ được chăng? Sự rộng lớn của trời đất thật không cùng tận vậy. Liệt Tử nói: "Vô cực lại vô cực, cô tận lại vô tận", nên biết nó vô cực vô tận nhưng không biết nó có cực có tận. Vua A-dục cất giữ xá-lợi-Phật ở cõi Diêm-phù-đề có đến tám mươi bốn ngàn nơi, mà hiện nay ở Trung Quốc chỉ thấy một trăm mười chín chỗ, thì Trung Quốc đối với cõi Diêm-phù-đề đâu khác gì hạt gạo giữa trời xanh. Làm sao biết được đây thật là trung tâm mà kia chẳng phải là trung tâm ư? Cái thấy của Hàn Dũ thì chỉ biết trong phạm vi bốn biển chín châu là Trung Quốc. Ngoài bốn biển chín châu là bốn thứ mọi rợ. Ngoài ra, không còn biết có gì nữa, đâu biết ngoài bốn thứ mọi rợ ra còn có cái chẳng phải là mọi rợ! Cái thấy của Hàn Dũ như ếch ngồi đáy giếng mà nhìn trời. Trái lại, không phải vậy, trong Bắc sử viết về nước Đại Tần, cách Châu u mấy muôn dặm, ở ngoài các nước mọi rợ, ở nước đó, các thứ lễ nhạc áo mão, chế độ văn chương, đều hưng thạch như ở Trung Quốc, nên gọi là Đại Tần, và cũng như Đại Hán Xỉ. Do đó mà quán sát thì ngoài bốn thứ mọi rợ còn có Trung Quốc, mà" Hậu Hán thư" gọi" Thân Độc" là Trung Quốc vậy. Người tin được, hẳn không bài bác vậy. Ếch ngồi đáy giếng không đủ sức để nói về việc biển cả. Nên Phật giáo chẳng phải là chỗ mà Hàn Dũ có thể biết được vậy.

Hàn Dũ nói: "Vua Thuấn, vua Võ làm vua trăm năm, lúc đó tại Trung Quốc không có Phật, đến thời Hán Minh Đế mới có Phật pháp. Vua ở ngôi chỉ được mười tám năm". Thật là không biết! Số hạn ngắn dài tùy thuộc nghiệp thiện ác, mà Quả báo thiện ác chung cho cả ba đời, nên nói" muốn biết nhân đời trước cứ xem sự hưởng thọ ở đời nay,

muốn biết quả ở đời sau hãy xem nhân gây ra ở Hiện tại”. Vì vậy mà biết sự ngắn dài ở đời này là do nghiệp thiện ác ở đời trước, và nghiệp thiện ác ở đời này lại làm nền tảng cho sự dài ngắn ở đời sau. Hưởng thọ ngôi vị Đế Vương lâu dài là do đời trước khéo làm việc lành nên vận may dẫn dắt đến thế. Còn đời trước làm ác, đâu thể theo đó mà lấy việc trước mắt để luận bàn. Lại nữa, đâu phải vì có Phật hay không Phật mà gây ra như thế ư? Đức Khổng Tử nói” Người có đức Nhân thì thọ”. Vậy có đức Nhân thì chắc chắn sống lâu, người không có đức Nhân chắc chắn chết yểu. Vậy, khắc kỷ giữ lễ, đoái lại, có thể gọi là đức Nhân, mà đoái lại trái ngược chết yểu, sự can đảm của Quan đầu bếp có thể gọi là Bất nhân vậy. Đâu thể cho rằng lời nói của Đức Khổng tử không có kiểm nghiệm mà không theo sự chỉ dạy của Ông ư? Bộ” Hồng Phạm” lấy năm Phước sáu Cực để dạy người. Hợp với Cực thì Phước mà thọ, trái lại với Cực thì Họa và Hung. Ngắn ngủi như vua Văn Đế và Cảnh Đế nhà Hán là vị chúa rất có đạo, chỉ có Hoàng Tác Cực, hai vua nên không hổ thẹn vậy. Mà Hiếu Văn Đế ở ngôi hai mươi ba năm, chỉ bốn mươi bảy tuổi, còn Hiếu Cảnh Đế ở ngôi chỉ mười sáu năm, bốn mươi tám tuổi. Tính theo lịch số đều chưa đến một đời, và sống ở đời chưa đến tuổi Hạ thọ. Đâu có thể nói thuyết trong” Hồng Phạm” vu cáo mà đốt bỏ sách ấy đi. Chỉ có thể chứng minh bằng thuyết nhân quả mà kê cứu cả ba đời lâu dài, thì mới có thể rõ ràng không ngại vậy. Còn như Hàn Dũ cương quyết nói không có Phật mà hưởng thọ lâu dài thì vua Thuấn vua Võ làm vua cố nhiên đều đến trăm năm cả, nhưng Võ Tông đời Đường phá Phật, sao làm vua chỉ được sáu năm và chỉ ba mươi ba tuổi ư? Nếu nói có Phật mà chết yểu, thì Hán Minh Đế làm vua mới mười tám năm vậy, sao Lương Võ Đế kính thờ Phật mà làm vua bốn mươi tám năm và thọ đến tám mươi sáu tuổi ư?

Hàn Dũ còn nói: “Tôn giáo ngày xưa chỉ có một, ngày nay có đến ba, từ thời thượng cổ đến nay chỉ có Nho giáo, còn Phật giáo ngày nay tợ như bám víu vậy”. Thật là không biết, Phật giáo lập giáo đâu có trái với Nho giáo, nên Phật giáo dạy người cũng không khác Nho giáo vậy. Các nhà Nho mở mang giáo lý trong kinh thi, kinh thư, lễ, nhạc mà phụ vào đó bằng uy phước hình chính. Chẳng qua là muốn thiên hạ tìm đến hiền thiện mà lánh xa tội lỗi, cố nhiên có thưởng mà chẳng khuyến khích và trị phạt. Ấy là đề xướng Diện mạng mà không bao giờ đem dạy người, đến khi nghe Phật nói làm lành được Phước làm ác có tội, thì mọi người đều bỏ ác để làm thiện. Đó là Giáo lý của Phật giáo, đâu khác gì Giáo lý của Nho giáo ư?

Tống Văn Đế nói với Hà Thượng Chi: "Thích thấy Nhan Diên Tống Bình soạn luận phát minh Phật Pháp, rất là có lý, nếu khắp nơi đều thấm nhuần sự giáo hóa ấy thì Trẫm có thể ngồi khoanh tay đến khi thái bình vậy". Hà Thượng Chi nói: "Một thôn; trăm nhà có mười người giữ năm giới thì mười người thuần cẩn, một ấp ngàn nhà có một trăm người tu theo mười điều lành, thì có trăm người hoà mục. Đem phong hóa ấy dạy khắp mọi nơi cùng cả ngàn ức thì người lành có đến trăm vạn. Nếu hay thực hành một việc thiện thì bỏ đi một việc ác, bỏ đi một việc ác thì dứt một hình phạt. Một hình phạt chấm dứt ở một nhà, thì muôn hình phạt chấm dứt ở trong nước, đó là điều mà Bệ hạ nói đạt đến thái bình vậy".

Trong lời tựa bài Sở Tống Sa-môn của Lý Tiết đời Đường nói: "Giáo lý Phật giáo lấy thanh tịnh hoạt hư làm thiền định, lấy nhu khiêm thối nhượng làm nhẫn nhục, nên oán tranh có thể dứt trừ. Lấy đạm bạc cần khổ mà tu hành, lấy cùng đạt thọ yêu làm nhân quả nên ít sai lầm mà được an vậy. Khắp luân thường thế tục, không có Phật giáo để cải hoà tâm người, thì kẻ mạnh phấn chấn tính nghĩ việc đấu tranh, người trí lắng lặng mà suy lường mưu kế, người ở nam bắc tương phân mà đồng khởi vậy". Lữ Hạ Liêu được vào kinh đô nói: "Hàng tiểu nhân không sợ hình ngục, chỉ sợ Địa ngục. Nếu người trong thiên hạ đối với mọi việc lớn nhỏ đều có nhân quả thì đâu dám tự khinh tâm mình. Không có việc xâm lăng tranh đoạt thì đâu không xếp đặt mà khổ nhọc trị đời ư?" Do đó mà quán xét thì Phật giáo có sự giúp sức trong việc giáo hóa thế gian rất lớn vậy. Và đâu xấu ác gì trong tam giáo ư?

Hàn Dũ còn nói: "Một người làm nông mà sáu người ăn, như vậy làm sao dân không nghèo khổ và tệ hại trộn cắp được". Ấy chính là cho hàng Tăng sĩ Phật giáo không cày cấy mà ăn, gây ra sự nghèo khổ cho dân và sinh tệ hại trộm cắp vậy. Hay không nghĩ ở đời hạng người không cày cấy mà ăn, đâu chỉ riêng hàng Tăng sĩ Phật giáo ư? Công Tôn Sửu hỏi Mạnh Tử rằng: "Kinh Thi nói: Chẳng ngồi không mà ăn vậy. Quân tử không cày cấy mà ăn là sao?" Mạnh tử nói: "Quân tử đứng đầu Quốc gia, nên Quân tử mà sử dụng thì đất nước được an ổn, giàu có tôn vinh, và con em Họ theo Anh hiếu để trung tín", không ăn chay, giữ gìn việc đó. Nay tôn Phật làm thầy, chẳng ngồi không mà ăn, im lặng thì thành thật, nói năng thì hiền thiện, dẫn đến khuyên người bỏ ác hướng đến tốt lành, mọi người lấy đó khuyến hóa nhau khắc kỷ, giữ gìn trai giới, mến thích sợ sống, ngăn dứt sự giết hại, tụng Kinh niệm Phật, sửa tâm đổi hành vi làm nhân từ, làm hiếu hạnh, làm cung kính. Như người hằng

ngày có điều lành mà chẳng tự biết thì không ăn chay. Có gì lớn hơn việc ấy ư! Vậy sự khốn khổ và tệ hại trộm cắp trong Dân có quan hệ gì với Phật giáo chăng? Kinh Thi nói: “Tiểu Đông đại đông, then chốt ở Hản”. Truyện nói: “Dân có hiện tượng Đói kém, ngoài Đồng có kể chết đói. Đó là sự khốn cùng của Dân vậy”. Thời ấy ở Trung Quốc không có Phật. Kinh Thư nói: “Trộm muông sinh của thần kỳ, dùng thuần muông để mong cầu”. Phó Dịch lại nói: “Trộm cắp không thể gạn hỏi và dứt tuyệt, lại cũng không thể ngăn cấm sự trộm cắp trong dân”, thời đó ở Trung Quốc không có Phật vậy. Khoảng niên hiệu Trinh Quán thời vua Thái Tông, Phật giáo rất thạnh hành, tăng ni nhiều không thể tính kể, thực dụng rất rộng rãi mà ngoài dân chẳng đóng cửa hiệu, chẳng than lo lương thực. Sao thời ấy Dân không khốn cùng không trộm cắp? Khoảng niên hiệu Khai Nguyên thời Vua Minh Hoàng, tăng sĩ Phật giáo càng đông nhiều. Tăng ni không giảm bớt so với thời Trinh Quán và sự thực dụng cũng không giảm đi so với thời Trinh Quán. Trong thời ấy ở thiên hạ mọi việc tham lam, phá hoại, trộm cắp đều dứt tuyệt, sao bấy giờ dân không khốn cùng, không trộm cắp ư? Vậy biết rằng dân khốn khổ và trộm cắp quyết chẳng phải do Phật giáo gây ra. Nếu hẳn nói có Phật mà dân khốn cùng, sao như thời vua Thành thang không có Phật mà cũng có nạn khốn cùng? Nếu như nói có Phật mà Dân sinh trộm cắp, thì thời Lý Khương tử không có Phật mà vẫn có nạn trộm cắp ư?. Khổng tử chẳng muốn thưởng ban kẻ chẳng trộm cắp. Vì sao lại nhiều người xuất gia ư?

Hàn Dũ lại nói:”Bỏ cả Vua tôi, bỏ cả cha con”. Ấy là chỉ cho người xuất gia mà nói vậy, tiếc rằng không nghĩ Tử Lăng xấc láo với Quang võ mà cày cấy ở Phú Xuân, Âu Dương Công ca ngợi đó là sự thanh bạch của bậc thánh, còn chưa từng nói là Vua tôi. Thái bá bỏ Thái Vương mà trốn đến Hình Man, Khổng tử khen là đức cao thật, mà chưa từng nói là bỏ cả cha con. Lấy đó để so sánh thì Phật đâu có gì quá lắm ư? Huống gì cát ái xuất gia, không phải chỉ riêng làm cho bản thân mình được tốt. Khi thành Đạo chứng quả, sẽ hóa độ khắp tất cả chúng sinh. Trong kinh Pháp Hoa nói rằng: “Ta và tất cả chúng sinh đều cùng thành Phật đạo”, huống gì đối với Vua tôi cha con ư? Nên đối với Vua của người thường chẳng qua hết mực cung kính và tin thuận mà trong Phật giáo đối với Vua, với cha thì có thể dùng Chánh Pháp để khuyến hóa. Đối với Con em của người thường chẳng qua là rất mực mến thương còn con em trong Phật giáo thì có thể dùng chánh Đạo để chỉ dạy cho. Vua Diệu trang nghiêm là Vua cha của Bồ-tát Dược Vương, nhờ Dược Vương xuất

gia nên Vua Diệu Trang Nghiêm cũng xuất gia, nhân đó mà được đoán trước là sẽ thành Phật đạo. La-hầu-la là Trưởng tử trong dòng họ Thích, từ sự Đức Thế tôn Thích Ca xuất gia mà La-hầu-la cũng xuất gia, nhân chứng đắc mật hạnh mà được đoán trước sẽ là thành Chánh giác. Từ đó mà quán xét thì người xuất gia đâu cô phụ Vua tôi cha con ư? Huống gì tâm của người thì có thân sơ mà Tâm Phật thì không thân sơ, tâm của người thường có hạn lượng mà Tâm Phật thì không hạn lượng. Người thường biết có Vuacha của chính mình mà Phật thì không khác vậy, nên trong Kinh Viên Giác nói: "Xem kẻ oan gia như cha mẹ mình". Người thường chỉ biết có con cháu của mình, mà Phật thì không phân biệt vậy, nên trong Kinh Hoa nghiêm nói: "Xem tất cả chúng sinh bình đẳng như con một". Tâm lượng như vậy, Hàn Dũ làm sao hiểu thấu nổi!

Hàn Dũ lại nói: "Đạo Phật cấm tương sinh dưỡng". Há chẳng nói cưới vợ gả chồng do đó sinh ra dưỡng nuôi con cháu. Phật răn cấm nữ sắc, do đó mà cấm sự sinh ra và nuôi dưỡng. Thật là không biết, Phật giáo chế giới tự có đốn tiệm, đâu từng khiến mọi người là người trượng phu rộng lượng, mọi người là những người nữ oán thù. Nếu vì người xuất gia mà nói Giới Bồ-tát thì gọi là "Lìa phi phạm hạnh". Vì người tại gia mà nói giới Ưu-bà-tắc thì gọi là "Lìa tà dâm". Lìa phi phạm hạnh tức là dứt hẳn dâm dục, lìa tà dâm tức chẳng xâm phạm đến vợ người. Trong kinh Bát-nhã nói: "Bồ-tát dứt bỏ dục, xuất gia tu hành phạm hạnh chứng được Bồ-đề". Kinh Lăng-nghiêm chép: "Tâm dâm chẳng dứt bỏ thì không thể ra khỏi trần lao". Nếu người không dứt bỏ dâm dục mà tu hành thiền định thì như nấu cát đá mà mong thành cơm, dù trải qua nhiều kiếp cũng chỉ gọi đó là nấu cát. Đó là vì người tu giới Bồ-tát mà nói vậy. Trong Kinh Sinh Thiên Thập thiện nói: "Trọn đời không tà dâm, cho nên được sinh lên cõi trời". Luận Tỳ-bà-sa chép: "Nếu chế phục vợ mình thì các hàng Vua chúa, tể quan, trưởng giả không thể xả bỏ vợ con của chính mình. Phật chỉ răn dạy không xúc phạm vợ người khác". Đó là vì người giữ giới ưu-bà-tắc mà nói vậy. Chỉ ở Nho giáo lập giáo răn cấm đối với sắc, cũng do đó mà răn cấm nữ sắc, chứ chẳng răn người cưới vợ, thật khế hợp với quan Tư Đồ giáo dục nhân luân, thì gọi là "chồng vợ có sự riêng biệt", nhà nhà vẽ họa treo nghĩa khí ấy ở trong nhà, thì gọi là "chồng chồng vợ vợ". Tốt lành thay! Sống Hán thì hàng Hảo Hán đi qua, còn người nữ thì không thể mong cầu suy nghĩ. Nhìn cửa nên theo dấu chân Lân thì hàng Công tử ở thời đại suy bại không phạm phi lễ. Đó đều gọi là không xúc phạm đến vợ người khác vậy. Đó tức là sự răn cấm không tà dâm của Phật giáo vậy. Nên Cư Sĩ

Duy-ma-cật cũng có vợ con nhưng thường có tâm xa lìa. Trong Kinh Lăng-nghiêm chép: “Người đối với vợ con mình mà chưa thể xa lìa, thì được Phước sinh lên các cõi trời. Đâu từng cấm ngăn đạo sinh ra và nuôi dưỡng.

Hàn Dũ lại nói: “Sao có việc xả bỏ đạo thánh nhân, bỏ pháp của Tiên Vương mà theo giáo lý của bọn mọi rợ để cầu phước lợi”. Xem xét lời của Hàn Dũ thì Hàn Dũ rất không biết gì về Phật giáo. Bởi vì Phật dạy người, cho người học Phật. Phật giáo đâu nhọc lòng khư khư đối với nơi Phước lợi? Phật vì một việc nhân duyên lớn nên xuất hiện ở đời, chúng ta cũng vì một việc nhân duyên lớn nên quy hướng về Phật. Điều gì Phật khen ngợi thì nương theo đó mà thực hành. Điều gì Phật răn cấm thì tuân theo mà gìn giữ. Từ quyền mà đến thật, từ tiệm mà đến đốn, mong để rõ tâm thấy tánh, vượt thoát sinh tử, đạt đến Phật quả, vậy phước lợi gì ư? Nên nói về năm thừa Phật giáo thì: Nhân thừa nghĩa là giữ được năm giới thì phước báo sẽ được làm người. Thiên thừa nghĩa là tu được mười điều lành thì phước báo được sinh lên cõi trời. Hai thừa này, có thể nói là phước lợi vậy. Còn ba thừa sau thì phải dùng lý quán, không thể nói là phước lợi. Lý của ba thừa cố nhiên không dễ nói. Nói về dấu tích thô phù thì địa vị của Thanh Văn Duyên Giác chẳng qua là giai vị dừng nghỉ, phải đạt đến giai vị Phật Bồ-tát, sau đó mới là chỗ cao tột của lý. Người xưa nói: Phật là quả vị cùng cực, nghĩa là muôn thiện muôn lý trong thiên hạ, thì đạt đến Phật quả là cùng cực vậy. Người học Phật ngày nay là mong đạt đến cái cùng cực ấy, vậy phước lợi là gì ư? Chu Mẫn Yêm khi nói về Phật giáo cũng cho rằng: “Vì Phật giáo có thuyết không tịch, cho nên chẳng hệ lụy đối với vật dục, thì mọi hiền sĩ ở đời đều ham thích vậy. Vì Phật giáo có thuyết huyền diệu nên chẳng dính mắc nơi hình tướng, thì những người trí ở đời đều vui thích. Vì Phật giáo có thuyết sinh tử luân hồi nên tự cho rằng có thể không trầm luân trong tội khổ, thì bao kẻ tôi tớ xăm mình, cắt tóc, trộm cướp cũng khúm núm mà nương theo. Như cái gọi là phước lợi mà Hàn Dũ nói chính là điều mà Chu Mẫn Yêm nói là tôi tớ tội xâm mình, cắt tóc, trộm cướp cũng nương theo như vậy. Hàn Dũ không biết Phật là như vậy mà ngang nhiên phỉ báng Phật, chính như con chó của đất Việt không biết tuyết và con chó của đất thục không biết mặt trời mà cứ sủa cũng vậy.

■

LUẬN TAM GIÁO BÌNH TÂM

QUYỂN HẠ

Hàn Dũ lại nói: "Thân Phật chết đã lâu, xương cốt khô mục là vật dư thừa sót lại của sự dơ bẩn, đâu nên đem vào cung cấm," Hàn Dũ so sánh Xá-lợi của thân Phật với xương khô của người thường, sao không biết sợ hãi đến thế ư? Trong kinh Đại Bát Niết-bàn nói: Bấy giờ, Đức Thế tôn dùng năng lực Đại bi, từ trong tâm não phát lửa ra ngoài kim quan, từ từ thiêu đốt thân vàng thành mạt Xá-lợi. Do đó mà biết xương Phật tức là Xá-lợi Phật vậy.

Niên hiệu Xích Ô thứ tư (241) thời Ngô Tôn Quyền, Tam tạng Khương Tăng Hội người nước Khương Cư đến Kim Lăng. Tôn Quyền mời đến hỏi về tình hình, Khương Tăng Hội nói: "Đức Như Lai Đại Sư diệt độ đã ngàn năm nhưng linh cốt Xá-lợi thần ứng không gì bằng." Từ đó, chay tịnh khẩn cầu đến ngày thứ 21, bỗng nghe trong vạc có tiếng động, đứng dậy nhìn trong bình thấy có năm màu biểu hiện. Tôn Quyền cùng với Công Khanh dân chúng đều cùng nhau xem, nói: "Thật là điềm lành hiếm có ở đời vậy." Bảo lực sĩ đập vào đó, chày đá bị vỡ vụn, ánh sáng vẫn tự nhiên, bèn xây tháp phụng thờ tại đó và chỗ đất ấy tôn xưng làng Phật-đà. Lại nữa, tại Viện Tinh Nghiêm ở Tú Châu có một Xá-lợi, cứ một ngày hành đạo, một ngày nhập định, hành đạo tức xoay chuyển không ngừng, nhập định là vắng lặng bất động. Thiền Sư Tung soạn "Hành Đạo Xá-lợi ký" để nói về sự linh nghiệm của đạo ấy vậy. Các học giả trong chín học thuyết thời Tam Quốc đều phân vân, cho rằng Đạo ấy cùng với Phật không hề có khác nhưng xét sự linh nghiệm ấy thì không có trong thiên hạ, đua nhau tôn xưng là Thầy. Và cho rằng Phật không đủ để so sánh với Thánh Hiền đó. Đến khi Thiền Sư Tung qua đời chưa được mấy ngày mà thân hình thối rửa và chưa được trăm năm thì xương mục nát. Thần ấy chẳng thế đâu có gì hoảng hốt, há đạo ấy cũng có kịp với Phật ư? Nhưng người thấy Xá-lợi ở trong thiên hạ xưa nay có nhiều, hoặc xổm vẩn theo hư không mà liệng quanh, hoặc chẳng đầu mối mà đến, hoặc phát sáng đồng như mặt trời, mặt trăng,

không thể nghe, không thể phá vỡ. Nếu hành đạo ngày đêm như vậy mà không dừng nghỉ, trong thiên hạ không hề có vậy, nâng tháp mà kính thờ thì chuông vàng càng chuyển. Nếu cùng với ý người và tương ứng khác thì tốt, nhưng thần kỳ của Xá-lợi là như vậy mà đem sánh ví với xương cốt của người thường được ư? Liệt Tử nói: "Sống thì vua Nghiêu vua Thuấn, chết thì xương thịt thối nát." Nên tuy khen ngợi tốt lành cho là lớn và hóa thánh mà không thể biết thì đều chưa khỏi ư? Thịt sống hôi thối cùng mục nát như cỏ cây, nó có thể như xương cốt Phật cả mấy ngàn năm mà thần kỳ lạ lùng, cùng làm tốt lành phước đức cho đời sau?

Hàn Dũ lại nói: "Hãy vất bỏ xương ấy trong nước lửa." Nhưng sau đó biết được việc làm của bậc đại thánh nhân vượt hẳn người bình thường cả muôn muôn lần. Há không biết Phật là bậc đại thánh, sao Hàn Dũ điên đảo sai lầm loạn lạc đến thế ư? Trương Vô Tận hỏi Thiền Sư Đại Huệ rằng: "Các vua Nghiêu, Thuấn, Võ thang đều là thánh nhân, sao Phật chẳng hề nói đến?" Đại Huệ hỏi: "Các vua Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang so với trời Phạm Vương Đế Thích có hơn kém nhau chăng?" Trương Vô Tận thưa: "Các vua ấy đâu có thể sánh với trời Phạm Vương Đế Thích". Đại Huệ nói: "Phật cho Phạm Vương, Đế Thích là hàng phàm phu, ngoài các vị ấy thì có thể hiểu. Ông là người đánh nhịp lấy làm lý luận cao siêu." Do đó mà quán xét thì các vua Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang còn cách xa so với Trời Phạm Vương Đế Thích, mà trời Phạm Vương Đế Thích vẫn còn là Phàm Phu. Tự các vua Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang cho đến Văn Vương, Võ Đế, Chu Công Đán, Khổng Tử, các nhà Nho đều được tôn xưng là Thánh. Ở đó, những người như Bá Di, Y Doãn, Liễu Hạ Huệ, mỗi vị đều nhờ một hạnh lành mà được mọi người biết tiếng, cũng tôn xưng là Thánh, mà trong các Thánh chắc chắn có bậc Đại Thánh. Tể Ngã nói: "Với sự nhìn nhận của tôi về Khổng Tử, thì các bậc hiền như vua Nghiêu, vua Thuấn cách xa vậy". Từ lúc có sinh Dân trở lại, chưa lúc nào thạnh như thời Khổng Tử, nên Khổng Tử là bậc đại Thánh nhân của các nhà Nho vậy". Nhưng Phật lại là Thánh trong các bậc Thánh, nghĩa là nếu Ông không tin thì hãy tìm thỉnh những sách sử ghi chép về công đức cao tột của Phật giáo để đọc xem. Phật thì tự tu nhân trong ức kiếp mà chứng quả ở đời nay, sáu độ muôn hạnh không gồm tu, công đức nhiều như cát sông Hằng thảy đều viên mãn. Liệt Tử Viện dẫn lời của Khổng Tử nói: "Khâu tôi nghe ở phương Tây có bậc Đại thánh, không trị mà chẳng loạn". Phạm Úy Tông soạn Tây Vực Luận, nói: "Chỗ Linh Thánh nhóm họp là nơi bậc

Hiền ý đản sinh". Có người hỏi Phật về Văn Trung Tử, đáp rằng là bậc Thánh. Ngài Huyền Trang dịch kinh, vua Thái Tông đời Đường gọi đó là Thánh giáo. Bản triều Thái Tông Hoàng Đế ban lời tựa cho "Thiên Trúc Tam Tạng Pháp sư Thiên tức tai dịch kinh" là: "Bài tựa Tam tạng Thánh giáo". Có người nói: "Phiên dịch chân thuyên bới diệp là tiếp nối thánh giáo của trời người", nên Vua chân Tông ban lời tựa cho "Thiên trúc Minh giáo Đại sư Pháp Hiền dịch kinh" là "Bài tựa Tục Thánh giáo". Có người nói: "Bậc Thánh ở Long cung mới mẻ, ngưỡng trông Tỳ-kheo ở Linh thứu mà khen ngợi. Tiêu Vũ nói: "Phật là bậc Thánh, nếu chẳng phải bậc Thánh thì không có giáo pháp". Bùi Hưu nói: "Phật là bậc Đại Thánh, Giáo Pháp của Ngài có những việc không thể suy nghĩ bàn luận. Sắp xếp lại mà xem xét thì những người ở đời gọi là bậc Thánh. Có đâu ai hơn Phật? Hàn Dũ không tin Phật mà phỉ báng Phật, sống thì làm người ngu, chết thì làm quỷ ngu bỏ thân này thọ thân khác, càng thúc giục thì càng thối lùi. Người khéo chọn lựa quả nhiên như vậy ư? Hàn Dũ lại nói: "Thần tuy rất ngu, nhưng chắc chắn biết bệ hạ không mê lầm đối với Phật". Lại nói: "Giữ gìn mà truyền bá ở ngoài, không để cho mê hoặc mọi người". Bởi vua Hiếu Tông bị Phật mê hoặc, lại do đó mê hoặc mọi người. Hàn Dũ lại chẳng nghĩ rất lắm! Đức Khổng Tử nói: "Người hiểu biết thì không bị mê hoặc". Nghĩa là người có thể bị mê hoặc trong thiên hạ đều là người ngu. Người hiểu biết đã sáng tỏ lại khôn ngoan, thấu suốt mọi chuyện phải trái. Phàm mọi hành vi tạo tác hẳn đã thấy rõ lý lẽ có thể làm sau đó mới làm, tuyệt đối chẳng bị sự vật mê hoặc, nên cho người ngu mà kính thờ Phật thì đó gọi là bị mê hoặc, song, mình chưa kính thờ Phật mà cho đó là nhận chịu sự mê hoặc thì không thể được vậy. Như vua Hiến Tông thông minh quả quyết, có được Thiên tánh thì đâu phải là người ngu, đâu phải là kẻ dễ mê hoặc? Không riêng gì vua Hiến Tông như vậy mà thông minh anh võ, dân chủ như vua Thái Tông đời Đường, kể từ thời nhà Hán về sau không hề có. Vua dốc lòng kính tin Phật giáo, trước sau như một. Xem vua xây dựng chùa Hoằng Phước, thì nói: "Chuyện vì Sùng Mục Thái hậu mà làm phước." Lời vừa nói, lệ lưng tròng, tự soạn lời sớ, xưng là "Hoàng Đế Bồ-tát giới đệ tử." Đến khi Pháp sư Huyền Trang dịch kinh, thì vì đó mà viết lời tựa và gọi là "Ngự chế Tam Tạng thánh giáo tự." Xem tạng kinh Bồ-tát ham thích ý chỉ nhiệm mầu cho nên ban chiếu cho Hoàng Thái tử soạn lời tựa cho tạng kinh Bồ-tát. Ngu Thế Nam đã chết mà mộng thấy đến nói giống như lúc còn sống, thì nhà ấy liền trai tăng tạo tượng để tạo phước thầm. Nhớ nghĩ các nghĩa binh từ trước trở lại bỏ

mình đánh trận chẳng gì bằng vậy, cho nên khắp vì các nghĩa binh cũng như bọn người hung dữ mà xây dựng chùa miếu. Sau khi hưởng thái bình, nhớ nghĩ dưới tay mình đã giết hơn ngàn người, cũng như những kẻ không thấy biết thì dâng áo vua cúng dường chư tăng mà cầu dâng cúng. Bởi vì sự thông minh của vua Thái Tông vượt xa so với vua Hiến Tông, và sự kính thờ Phật của vua Thái Tông không chỉ như sự cung nghinh cốt Phật của vua Hiến Tông vậy. Đó đâu phải là bị Phật mê hoặc ư? Nếu vua Thái Tông quả thật là người ngu mà bị sự mê hoặc thì bấy giờ Phòng Lương Công Huyền Linh và Đổ Lai Công như Mẫn Vương Ngụy nói thẳng không che dấu, cớ sao chẳng cản ngăn vua kính thờ Phật ư? Chẳng những không cản ngăn vua kính thờ Phật mà Phòng Lương Công Huyền Linh còn vâng mạng Huyền Trang dịch kinh. Đỗ Lai Công Như Mẫn thì dùng pháp tôn thờ Kinh Triệu Huyền Uyển. Tâm tôn kính quy hướng, vua tôi đồng một đức hạnh. Lại nữa, không chỉ hai ông Phòng Lương và Đỗ Lai là như vậy. Tống cảnh cương giới là bậc nhất đời Đường, cho nên nhờ Pháp mà làm thầy Đàm Nhất. Bùi Tấn Công dùng thân ràng buộc sự an nguy của thiên hạ, cho nên bắt đệ tử lễ kính ngài Kính Sơn Pháp Châm. Ôm giữ trung tiết đối với quốc gia chết vẫn không thay đổi, ai như Nhan Lỗ Công vì giới pháp xin làm đệ tử ngài Huệ Minh ở Hồ Châu, hỏi đạo với ngài Nghiêm Tuấn ở Giang Tây. Khinh thường danh lợi, ít duyên sức, thuần hiếu hạnh và liêm chính thì ai như Thiên Lỗ Sơn, khi mẹ chết thì chích máu viết kinh Phật khoảng vài ngàn lời. Còn như Trương Vô Tận nói soạn: lời tựa “Tâm kinh”, Mạnh Giản kết giao với Trần Ngoại, Đỗ Hồng tạm tham Thiền với Vô Trụ. Quyền Đức Dư soạn lời ký “ Thảo Y”. Các bậc Hiền Thánh ấy đều là mẫu mực nhưng chẳng xuất đầu lộ diện. Nếu Phật giáo quả thật mê hoặc người, thì cũng mê hoặc được những Thánh Hiền như thế ư? Do đó mà biết vua tôi đời Đường đều chẳng bị mê lầm, Hàn Dũ quả thật mê quả lầm lắm. Tuy nhiên, sự mê lầm của Hàn Dũ thì không đáng luận bàn, nhưng việc Hàn Dũ mê hoặc Thiên hạ đời sau thì đó không phải việc nhỏ vậy. Bởi vì Hàn Dũ nương vào Nho giáo mà tự phụ, học sĩ Kinh Sinh xem Hàn Dũ là bậc tài giỏi, hễ cái gì Hàn Dũ cho là đúng thì Kinh Sinh cho là đúng, cái gì Hàn Dũ cho là sai thì Kinh Sinh cho là sai. Có mấy ai xem xét lại một cách rõ ràng tường tận và tìm hiểu về dấu tích của Hàn Dũ nó như thế nào? Tôi từng nhận những văn bản của Hàn Dũ để lại mà tìm hiểu về dấu vết của Hàn Dũ có ba sách nổi tiếng mẫu mực, đem bán cho quan tể tướng thời bấy giờ, làm sao ông không bỗng chốc trở thành giàu sang ư? Khổng Tử nói: “Nhà Nho có vật báu trên

chiếu để đợi hiến dâng, sớm tối cố gắng học đợi hỏi han, ôm giữ trung tín để đợi tiến cử, gắng sức làm việc nhân để đợi thâu nhận." Các nhà Nho chỉ đợi mà chẳng mong cầu cũng như thế. Bởi vì Đạo nghĩa tự trọng vậy. Mạnh Tử nói: "Nghịch đón rất mực cung kính để có lời nói phép tắc, sắp nói lời ấy thì liền đến ngay, phép tắc suy bại thì bỏ đi ngay. Việc ấy khó tiến mà dễ lui sụt cũng như vậy." Bởi vì đạo nghĩa tự cao vậy. Sự ham thích của Hàn Dũ đạt đến như thế, tức là đạo nghĩa quét rác vậy. Sách của Hàn Dũ muốn triều đình nhân vào tước lộc của mình để dùng tài năng của mình ra dụ dỗ thiên hạ. Thật là không biết kẻ sĩ trong thiên hạ cố nhiên có người không coi thường sự nghèo hèn, không coi trọng sự giàu sang, rất hay giữ gìn đạo nghĩa như các học trò của Doãn Phó, chẳng dâng lụa xấu để mong cầu hình tượng vẽ vời, chẳng xem thường thân mình để được lời trọng dụng. Người xưa không hề chẳng muốn làm quan vậy, cái xấu đó chẳng do nơi Đạo, chẳng do nơi Đạo mà đến thì giống như loài khoét tường vậy. Như vậy thì dấu vết của Hàn Dũ có thể thấy rõ rồi.

Khi đến tướng Tử Định, Hàn Dũ dâng sách để dua nịnh. Khảo cứu về sách sử đời Đường thì Tử Địch Khuất Cường phạm mạng có nghịch khéo giữ Đặng Châu, chiêu mộ chiến sỹ, có tâm muôn chuyên quyền chiếm cứ Hán Nam, dạy múa theo lễ phép, thanh thái hùng xỉ có ý dòm ngó ngầm cướp trộm. Vua gọi đó là ôm giữ mưu gian. Vương Nhan uy gọi đó đạt được yếu lãnh là may, vậy thì Tử Địch là con cháu của Thiếu Thành Nguyên Tế. Hàn Dũ mới ca tụng ngợi khen, xưng tăng. Đó là ngôn hạnh của thánh hiền, khen đó là có đức. Và có mở lời thì nghĩ dùng cái mênh mông của sách Thương và cái nghiêm túc của sách Chu. Vậy Hàn Dũ ton hót dua nịnh chẳng quá lắm ư? Thuở xưa, Vũ Văn Sỹ khen ngợi Thái Tông bị Thái Tông chê trách đó là dua nịnh, Sơn Nhân Phạm Tri Tuyền khen ngợi Tống Cảnh mà Tống Cảnh trách đó là ton hót. Vì sự thông minh anh võ của Thái Tông và sự ngay thẳng cương chính của Tống Cảnh mà hai người ấy khen ngợi chưa lấy làm quá lắm, còn chưa thể tránh khỏi sự cười chê là ton hót dua nịnh. Huống là sự ngầm chứa khác của Tử Địch gần gũi giúp đỡ triều đình mà Hàn Dũ hết lời khen ngợi, thì sự dua nịnh và ton hót của Hàn Dũ đến như vậy. Lời nói khôn khéo khiến bóng dáng Khổng Tử xấu hổ điều đó, và dèm pha thì ton hót Mạnh Tử răn giữ điều ấy. Như vậy, vết tích của Hàn Dũ lại càng rõ biết đó.

Triều Dương một lần bác bỏ. Chu Chương khiếp sợ, vội tôn sùng thờ sách của vua mà tụng đọc Phong Thiền, ý muốn tiến dâng ton hót

triều đình, mong thoát khỏi giáng chức và đổi chỗ. Chỉ nổi không suy nghĩ Thuyết Phong thiền không ra ngoài sách của Nhị Đế Tam Vương mà chỉ sáng lập ở đời Tần Hoàng Hán Võ, nên Nghê Khoan Phong Thiền bàn luận rằng: "Lễ nghi dâng cúng không ghi ở kinh, thì không có kinh của Phong Thiền, không đợi ghi nhớ rồi sau đó mới biết vậy." Hàn Dũ lúc sinh thời tự phụ, cho rằng có khả năng chuyên rành sự dẫn dắt của hai đế ba vua mà khéo bác bỏ thuyết không có kinh của các nhà tu tưởng, nên dèm pha phế truất, vội tự suy bại sai lầm, tức lấy việc của Tần Hoàng Hán Võ không có kinh mà ton hót nhà vua vậy. Đương lúc thái bình thạnh trị, mà có cầu xin Phong Thiền cũng không thể được, huống gì sau khi phiên trấn mới bình yên, chính là lúc phải cẩn thận tần tiện tiết dụng, không rảnh rỗi mà có thể dẫn dắt xa xỉ thái quá ư? Trong hàng Đô Hội Du Ca mà có lời thỉnh của Phong Thiền còn không nên, huống gì ngay lúc đã bị trách phạt, đúng là lúc nên đóng mà không chịu tội huống hồ ra mặt mở lời ư? Thầy ta Mao Tiên Ông dựa điều bất chánh để phá loạn chánh thể, Hàn Dũ mới trông ngóng hơi hám để phá dẹp mà Tiên Ông nắm lấy cho đó là điềm tốt, bấy giờ soạn lời tựa cho Mao Tiên Ông Thập Bát Huynh, và nói: Huynh nói quả thật có trừng phạt, đến nỗi nói ngay quét nhà khổ nhọc, huống hồ một ngày vui cười... mà chẳng biết vận mạng thì chẳng cho là quân tử, Hàn Dũ sao dễ bị lay động như thế ư? Hàn Dũ dèm pha Phật là Dị đoan mà lại cúi đầu hạ tâm tự mình nén khí vì bạn mà kính thờ Tiên Ông dị nhân. Thật là con người không giữ gìn được định hướng vậy.

Miếu Hoàng Lăng Nhị phi chẳng phải là thần trong sách cúng tế, Hàn Dũ bài xích Triều Dương còn hơn Động Đình, bèn cầu nguyện với Nhị phi để được thoát họa, đến lúc được trở về liền xuất tiền của để sửa sang ngôi miếu ấy, sắm đủ lễ nghi để cúng tế, soạn sách ghi chép việc đó. Em Vua Cầu Phước không quay lại, sao Hàn Dũ lại theo Tà Cầu phước như vậy ư? Hàn Dũ dèm pha Phật là Quỷ rợ Di mà rúm ró, lo sợ kêu cầu sự thương tưởng nơi Quỷ của phu nhân, thật không biết xấu hổ. Kẻ sĩ Quân tử vốn bị hoạn nạn thì an bài cúng hoạn nạn, vốn bị nghèo khổ thì an bài cúng nghèo khổ. Hàn Dũ vừa mới bị dời đổi phế truất, liền phát điên cuồng nhiễu loạn uất ức buồn thảm. Đã dùng phong thiền để ngợi ca thiên tử, lại do dùng Cát Hung để cầu Tiên Ông, lại họa loạn mà cầu đảo Nhị phi. Vậy Hàn Dũ đâu phải là Người giữ đạo bất biến ư? Nên lúc bấy giờ Thiền sư Đại Điên nói với Hàn Dũ rằng: "Ta biết sống chết họa phước là bởi tại trời, Hoàng Lăng Nhị phi kia đâu thể ban phước cho ngươi, Chúa thượng sau khi kế vị ngôi báu, gian thần phụ

nước mà bỏ đi. Thuế khóa khắc nghiệt, nạn giết người đầy đồng, chỉ nên khắc phục được chăng? Vết thương chưa khỏi, mà ông bèn muốn dùng phong thiền kể công để khích động thiên hạ, đó là do ý ông muốn Đàn bà. Ông làm sao chịu đựng vậy ấy ư? Vả lại, vì khốn cùng tự loạn mà cúng tế nữ quỷ, đó là không biết vận mạng vậy. Khuấy động thiên hạ mà chẳng ngó ngàng để tiện cho mình, đó là chẳng biết Nhân vậy. Gượng nói là điên đảo. "Thấy ở các sách truyện khác ghi chép như vậy, thì dấu tích củ Hàn Dũ lại có thể biết rõ hơn.

Khổng Tử nói: "Người thấp hèn có thể kính thờ vua được chăng?" Ông chưa được thế mà lo được thế. Ba sách nổi tiếng mẫu mực của Hàn Dũ tự bán như vậy, đã được việc đó lại lo mất đi nên Hàn Dũ lập kế kính thờ Tử Địch để giữ gìn tư cách ấy vậy. Nếu như lo mất thì không chỗ nào không đến, sự mong cầu phong thiền, cầu Tiên Ông, khấn đảo Nhị phi Của Hàn Dũ như thế, dấu tích của Hàn Dũ như vậy, tuy văn chương của Ông cao hơn thiên hạ nhưng đâu đáng nói ư? Trong "Chu Tử thông thư" nói: "Không biết mục đích là Đạo Đức mà dùng văn từ làm hay, ấy chỉ là nghề nghiệp mà thôi". Do đó mà nói thì Hàn Dũ và Phó Dịch đều là những người theo nghề nghiệp vậy. Ai có thể cho rằng Hàn Dũ xứng đáng là nhà Nho? Huống hồ Hàn Dũ vì văn chương rất không đáng bàn luận. Tác phẩm của Nguyên Đạo nói rằng: "Bác ái, ấy gọi là Nhân, thực hành đúng như vậy, gọi là xoa. Do đó mà đạt đến, ấy gọi là Đạo. Thật là không suy nghĩ, vô cực và thái cực ấy gọi là Đạo. Khi ấy vốn có cái gọi là thương yêu khắp cùng và thực hành hợp nghi không gì chẳng phải là sự lưu hành phát hiện của Đạo ấy mà Hàn Dũ cho rằng Đạo từ bác ái hành nghi mà có ra, vốn rất điên đảo vậy. Hàn Dũ không biết Đạo cũng như thế.

Các nơi làm bia miếu Khổng Tử, nói rằng: "Xã tắc không oan khuất mà lập đàn cúng tế, đâu như Khổng Tử ngồi trên tòa an nhiên." Thật là không suy nghĩ, xã tắc sử dụng khí thông suốt thiên địa, ngay vì không nhà mà lập đàn cúng tế là tôn quý. Chỉ có đền thờ táng quốc là nhà, nói lên ý nghĩa bày tuyệt dương mà thông âm, thật là nhục vậy. Hàn Dũ mới lấy xã tắc không nhà, chẳng như Khổng tử vinh hạnh có nhà. Vốn rất là trái lý. Hàn Dũ không biết kinh cũng như thế.

Nguyên Đạo nói rằng: "Vua Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang lấy đạo truyền trao như thế." Vua Võ mất đã bốn trăm năm vua Thang mới sinh, cho rằng vua Thang tiếp nối vua Võ, Hàn Dũ nói: "Vua Võ lấy đó truyền cho vua Thang." Vua Thang mất sáu trăm năm vua Văn, vua Vũ mới sinh, nghĩa là vua Văn, vua Vũ tiếp nối sự truyền thừa của vua

Thang. Hàn Dũ nói: "Vua Thang lấy đó truyền cho vua Văn, vua Vũ." Đâu có thể đã chết mấy trăm năm mà có thể lấy Đạo để truyền cho người ư?" Nói rằng: "Có thể chết không được sự truyền thừa ấy." Hàn Dũ cũng biết chết thì không thể truyền Đạo. Sao vua Võ, Vua Thang đã chết mà có thể truyền Đạo cho đời sau ư? Hàn Dũ không biết Đạo cũng lại như thế.

Cùng với Phùng Tú Thư, từ khi Bắc Dương Tử làm Thái Huyền, đồng thời cho rằng hơn hẳn Lão Tử, lại dẫn luận của Hầu Ba, nói rằng: "Thái Huyền hơn hẳn Chu Dịch." Phàm năm ngàn lời của Lão Tử, cố nhiên chẳng phải Dương Tử bằng được, còn như Kinh Dịch thì nên. Có một số vị thánh về sau làm thành toàn kinh. Tuy Thánh như Khổng Tử mà còn nói: "Năm mươi tuổi mới học Dịch." Có thể lấy không làm quá lắm mà Hàn Dũ lại nói rằng: Chu Dịch không bằng Thái Huyền của Dương Tử. Sao ông sai lầm đến thế? Dương Tử soạn Thái Huyền vì phỏng theo Dịch. Người xưa nói đó là như Ngô Sở giả mạo để xưng vương. Phỏng theo Dịch còn chưa khỏi giả mạo như thế, mà cho rằng Thái Huyền hơn hẳn Chu Dịch được sao? Hàn Dũ không biết kinh cũng lại như thế.

Hoàng Phác, đời Đường bàn luận về Âu Dương Đảm, nói rằng: "Ông vì qúa thương một con hát mà chết." Và chê cười đó là bất hiếu. Hàn Dũ làm ai từ viếng Âu Dương Đảm, ca ngợi rằng: "Âu Dương Đảm kính thờ cha mẹ thật trọn đạo hiếu, nhân từ đối với vợ con." Hễ ca ngợi điều người ta chê bai, thì ấy là lời nói, vu báng rất lắm vậy. Soạn thuật "Gián thần luận", cười chê Dương Thành chẳng phải bậc có đạo. Và Thành trấn giữ Đạo Châu mà Hàn Dũ đưa Thái học sinh Hà Kiên trở về Đạo Châu. Lại nữa, nơi Hiền Thành cai trị là bậc có Đạo, có thể sánh với Hoàng Đá cai trị Dĩnh Châu. Phàm trước là hủy hoại mà sao lại có thể khen ngợi thì theo tôi nói đó là cũng phản phúc lắm vậy.

Nguyên Đạo nói: "Lão Tử nói về đạo của mình, không phải điều tôi nói gọi là Đạo." Sư ấy cho rằng thầy của Khổng Tử là Lão Đam. Xét như thế thì Đạo của Khổng Tử xuất xứ từ Đạo của Lão Tử, cũng có thể gọi Đạo ấy là Đạo vậy. Cùng với Sách Mạnh Giản nói: đạo của các Thánh hoại diệt hoàn toàn, họa ấy xuất phát từ Dương Mặc. Hàn Dũ đọc sách Mặc Tử bèn cho rằng: Khổng Tử và và Mặc có thể dùng lẫn nhau. Xét như thế thì Đạo của Khổng Tử vốn đồng với đạo của Dương Mặc, cũng có thể gọi đó là phá hoại đạo của các Thánh vậy. Phàm Lão Tử và Mặc Tử đều là Đạo dị đoan, Hàn Dũ đã dèm pha bài bác như thế, mà lại cho đạo của Khổng Tử là Lão Tử, Khổng Tử là Mặc Tử. Chẳng

là phản lại Khổng Tử lắm ư? Học Khổng Tử mà phản lại Khổng Tử, giống như Trần tướng phản thầy, phùng mông xạ nghệ vậy. Đời sau có học sĩ Kinh Sinh bắt chước sự dèm pha Phật của Hàn Dũ, còn sự phản lại Khổng Tử của Hàn Dũ cũng có thể bắt chước được sao? Chỉ nỗi, Hàn Dũ dèm pha Phật mà lại tiếp nhận Phật, bởi vì Hàn Dũ giao thiệp với Thiền sư Đại Điên vậy. Và tiếp nhận cái thông minh và hiểu biết Đạo lý. Hàn Dũ đưa tiễn Cao Nhàn thì nhận thức được sinh tử. Hàn Dũ soạn thuật hành trạng của Mã Vị thì tiếp nhận cái cắt máu để viết kinh Phật. Hàn Dũ dèm pha kích bác mà lại tiếp nhận. Có thể nói rằng Hàn Dũ là người bất thường, vì trong tâm Hàn Dũ vốn không định kiến. Phải quấy, lấy bỏ chẳng biết thuận theo. Nên buông miệng mở lời, tùy thời mà sửa đổi, trước chẳng nhìn sau, sau chẳng ngó trước và chẳng nghĩ lại đó là để lại tiếng xấu cho muôn vạn đời sau. Người hiểu biết đối với vấn đề ấy, không thể bàn luận bằng tâm riêng tư, không thể bàn luận bằng tâm thương ghét, thử bình lặng tâm thức để bàn luận thì Hàn Dũ là con người quả thật là quân tử hay tiểu nhân, quả thật là nhà Nho hay chẳng thật là nhà Nho ư?

Thời bấy giờ, Hàn Dũ và Liễu đều nhờ văn chương mà nổi tiếng. Hàn Dũ thì dèm pha kích bác Phật giáo, còn Liễu thì học Phật. Xem ông hậu tặng Pháp sư Trọng Tốn bài văn, viết: “Tôi học Phật từ nhỏ, tìm cầu Đạo ấy, suốt ba mươi năm, lại nhờ Nho giáo mà được thông hiểu như Trịnh Trung Thư, Mạnh Thường Châu và Liên Trung Thừa. Do sự biện bác của Liên Trung Thừa, sự mẫn đạt của Trịnh Trung Thư, mà còn tôn sùng kính trọng Phật giáo. Huống gì tôi là kẻ ngu tối?”

Ông tặng bài văn cho Văn Sướng Thượng nhân, viết rằng: “Từ đời Tấn, đời Tống về sau, cả các Pháp sư Đạo lâm, Đạo an, Huệ Viễn và Hưu thượng nhân, cùng giao du với các vị đó thì có Tạ An Thạch, Vương Dật, Thiếu Tập, Tập Tạc Sỹ, Tạ Linh Vân, Bão Chiêu v.v... đều là sự chọn lọc thời bấy giờ, do đó mà chân Thừa pháp ấn và kinh sách Nho giáo đều trọng dụng, và người ta biết được phương hướng”. Còn bài tựa tặng Sâm Thượng Nhân, bài tựa tặng Cử Thượng Nhân, bài tựa tặng Hạo Thượng Nhân, soạn thuật văn bia luật sư Đại Minh ở Nam Nhạc, soạn văn bia Lục tổ Tứ Ích, soạn văn bia Hòa-thượng chùa Di-đà ở Nam Nhạc, soạn bia tháp luật sư Pháp Chứng, soạn bài ký viện Tịnh độ ở Vĩnh Châu, soạn bài ký ở chùa Liễu Đại Vân, đâu đâu cũng mở mang Phật pháp, chỉ bày cho người ngu tối, nên Tô Đông Pha đến Tào Khê mà đề rằng: “Phật giáo phiên dịch ở Trung Quốc, chắc chắn dựa vào những người nói hay của Nho giáo, nhưng sau đó lan truyền rộng rãi, Tử

Hậu dời về Phương Nam soạn các văn bia ở Tào Khê, Nam Nhạc, tuyệt diệu xưa nay. Bởi vì tìm hiểu lời ông nói hợp với Mạnh Kha kia, có thể chẳng khiến hàng học giả hằng ngày nhìn thấy mà đọc. Tuy văn bia của Tử Hậu đối với Phật giáo như vậy, thích hợp với Tô Đông Pha khen ngợi và ưa thích đạo ấy vậy, nhưng các nhà Nho bất mãn Tử Hậu, bởi vì ông thất tiết với Vương Thúc Văn. Đó hẳn nhiên là mất mác của Tử Hậu, mà lại tìm sâu tâm của Tử Hậu, cũng là ý của Liễu Hạ Huệ không xấu hổ ô nhục vua, vì ban đầu chẳng phải nương vào quyền thế mà ham giàu sang vậy. Xem ông bài xích Vĩnh Châu, an nhiên tự đắc, cái gọi là mong cầu Phong Thiền, cầu Tiên Ông, khấn đảo Nhị Phi, không hề có, vậy thì đó là an nhiên xử thuận cũng có thể thấy vậy. Đến lúc làm thứ sử Liễu Châu và người bạn là Lưu Võ Tích được Bá Châu, Tử Hậu nói Bá Châu chẳng phải chỗ người ở, Lưu Võ Tích đích thân ở trong nhà. Ta không chịu đựng được sự khốn cùng ấy, liền soạn biểu xin Liễu đổi Bá Châu. Tuy Lưu Võ Tích được đổi Liên Châu, không đợi để Liễu Châu và Bá Châu đổi nhau, nhưng ngay một niệm ấy của người hiền thiện đối với sự lo mất của Hàn Dũ đâu không như Bá Di đối với Đạo Chích ư? Thâm ý cầu làm người của Hàn Dũ và Liễu, đại khái là Hàn Dũ thích tiến tới, còn Liễu thì an tĩnh, Hàn Dũ thì bôn ba đua đòi còn Liễu thì điềm nhiên lùi bước. Nên trong bài tựa tặng tiễn chân Hoạt Sơ thượng nhân, Tử Hậu viết: "Nhà Nho Hàn Dũ lùi bước vì thường bệnh, tôi ham thích Phù-Đồ (Phật). Tôi cho rằng phàm người làm Đạo, chẳng thích quan quyền, chẳng tranh tài năng, người hiền đối với ham thích đua đòi như thế, chỉ ấn tổ là mục đích cũng phải xa lìa". Hay thay, lời nói của Tử Hậu, thấm sâu trong tim gan của Hàn Dũ vậy. Lại nói: "Phù-đồ thật có điều không thế phá hoại, thường hay hợp với Dịch, Luận ngữ, chẳng khác đạo với Khổng Tử dị Đạo, tuy bậc thánh còn sinh lại cũng không thể được mà phá hoại vậy". Lại nói: "Lui lại chỗ tội lỗi, đó là dấu vết vậy". Bảo rằng cạo tóc, mặc áo thâm, không chồng vợ, cha con, không làm việc cày cấy dệt thêu. Tức giận bên ngoài mà để lại bên trong, đó là biết đá mà không biết ngọc vậy". Lại nói rằng: "Nếu như chẳng tin Đạo mà bài bác cho đó là mọi rợ thì sẽ có bạn ác đến cướp trộm, mà khinh rẻ Lý Trác do tôi ư?". Xét rõ lời nói của Tử Hậu, thì cái thấy của Hàn Dũ và Liễu, há chẳng phải cách xa như trời vực đó sao? Đời sau có học sĩ Kinh Sinh, không tìm hiểu rõ ràng chỗ đúng sai của Hàn Dũ mà luống bắt chước sự dèm pha phá hoại Phật của Hàn Dũ, Âu Dương, Văn Trung Công ngày nay là Hàn Dũ vậy. Cựu Đường thư cho rằng: Hàn Dũ tánh tình ngang bướng bạo ngược, lúc bấy giờ được làm quan đều

bị mọi người khinh bạc, mà ông thì ưa thích bài xích dẹp bỏ Phật giáo, Lão giáo. Đó là che dấu cái xấu và nêu bày cái tốt, mà khen ngợi ông giúp đỡ sáu kinh vậy.

Vua Thái Tông giúp đời an dân, ông thì oán ghét việc xây dựng Phù-đồ, ông bèn che dấu sở trường chê trách sở đoản mà chỉ vì trung tài là chủ yếu. Phàm người đời Đường quy hướng Phật giáo Đại thừa, kính tin theo về thì ông cực lực bài xích. Các vị khanh hiền đại phu, phần nhiều giao thiệp với Chư tăng, đều có sự duyên sự tích, thì ông tức giận xoá đi và chẳng hề ghi chép. Đồng thời, còn nói: "Gặp Đời không có Phật, lời tao nhã của kinh thi, kinh thư khiến người dân được phước". Thật là không suy nghĩ, cẩn thận, dè dặt trong việc lập giáo. Và thực chất là thịt dê, mà da cọp, tiếng chim phụng mà lông chim thứu, đầy dẫy đều như vậy, đến khi nghe làm lành hưởng quả báo thiên đường thì tâm lành chẳng mong mà tự sinh. Đàm luận lễ nhạc để đào luyện dân, và miệng nói bút chép sửa trị thâm tâm, bó buộc bàn luận luôn luôn đều như vậy. Đến khi nghe làm ác sẽ chịu khổ địa ngục thì tâm, ác chẳng mong mà tự sửa đổi. Thời vua Hiếu Tông, có bộ "Nguyên Đạo Biện" nói: Phật lập năm giới là: không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Phàm không giết hại là nhân, không trộm cướp là nghĩa, không tà dâm là lễ, không uống rượu là trí và không luống dối là tín. Đạo lý của Trọng Ni (Khổng Tử) đâu có gì xa lạ. Do đó mà nói rằng đạo lý của Phật giáo chẳng thua kém so với Kinh thi, Kinh Thư, Nhã, tụng vậy.

Lại nói rằng: "Lời nói ấy man mác dễ nghe, biến hiện di huyễn, khéo tìm hiểu điều không kiểm nghiệm đều là việc chẳng thật". Chỉ nỗi không suy nghĩ, nói về sự lâu dài của kiếp số là cái thấy của Phật, thông đạt cả quá khứ lẫn vị lai, không bị hạn ngại, chẳng như các nhà Nho chỉ căn cứ sự ghi chép của các thư khế chỉ biết được việc trong vài trăm ngàn trăm mà thôi. Nói về sự rộng lớn của thế giới, là cái thấy của Phật, rỗng suốt cả hư không pháp giới, không có ngằn mé, chẳng như các nhà Nho căn cứ vào địa phương chức phận mà khảo xét, chỉ biết được những việc của bốn thứ dân mọi rợ chung quanh Trung Quốc mà thôi". Trong Hộ Pháp luận của Trương Vô Tận chép: "Con người, có kẻ rất thông minh, có kẻ rất ngu ngốc vụng về. Người thông minh đối với mọi dấu tích húng thạnh hay suy vong từ thượng cổ, mọi Luận lý của lục kinh tử sử đều biết rõ. Còn kẻ ngu ngốc kia, thật là chẳng biết. Há có thể lấy cái biết của họ mà cho là chẳng biết. Há có thể lấy cái biết của họ cho là rộng lớn hay sao?" Do đó mà nói rằng thuyết của Phật giáo,

đâu có thể gọi là không kiểm nghiệm, không phải sự thật ư?

Lại nói rằng: "Vua Hiến Tông mong cầu phúc mà bị họa". Thật là không suy nghĩ, điều chẳng làm mà làm thì gọi là thiên vậy, điều chẳng nên gây ra mà gây ra là mạng vậy. Nho giáo nói Thiên mạng, Phật giáo gọi là định nghiệp, bởi vì số phận không thể trốn lánh vậy. Đâu phải mọi việc thiện ác trước mắt gây ra? Kẻ trộm cướp chết rồi mà ông ướp thịt, chẳng phải là sự không kiểm nghiệm của Nho giáo vậy. Lại nói rằng: "Phật là mối họa lớn của Trung Quốc". Thật là chẳng suy nghĩ, Nho giáo cố nhiên dùng điều lành để cảm hóa Trung Quốc, Phật đâu có dạy người Trung Quốc điều ác? Việc làm lành tuy chẳng đồng nhưng đều là sửa đổi, đều không lý lẽ gì có thể vu khống vậy. Giả sử như có đại hoạn gì, mà trời người đều quy hướng và quỷ thần khâm phục thì chắc chắn có lợi ích lớn đối với họ vậy. Đại khái như công dèm pha phỉ báng Phật chính bởi Hàn Dũ và công dẫm giày cũng bởi chính Hàn Dũ. Triều vương xướng độ, cao tiếng cầu ân, tức sự dâng ba sách của Hàn Dũ. Đứng đầu xướng bàn mọi việc, rêu rao luận vật, tức là sự cầu xin phong thiền của Hàn Dũ vậy. Lão tử buồn thương, nhìn lại âu sầu. Trương Vô Tận nói: "Xem sửa các sách, lo lắng vì già bệnh mà tự buồn, tuy ở địa vị giàu sang nhưng lo lắng không chỗ dung. Nhìn Hàn Dũ không đạt Thiên mạng, cầu Tiên khấn Thần, đồng một chỗ thấy". Sửa chữa đường thư, vừa tốt vừa xấu, Trương Vô Tận cho rằng: "Đó là nói phỏng khen chê mà làm lụa Ngô, sam bện hơn hai trăm điều. Xem sự múa bút thành văn của Hàn Dũ, rất nhiều sam luận đồng một ý thức vậy. Khẳng khái mạnh mẽ bài xích Phật giáo, mãi đến tuổi già mới lấy hiệu là cư sĩ. Sau đó, thấy Hàn Dũ biệt truyện của Hàn Dũ mới làm lời bạt: "Tôi làm quan ở Lang Da có biệt truyện của Thối Chi để chỉ bày, xem xét cẩn thận lại luận tụng, mới biết thiền sư Đại Điên là người phi thường. Tôi thường lo sự thạnh hành của Phù-đồ, mà vui mừng thuyết của Thối Chi và quán xét lời của Thiền sư Đại Điên mới biết Tử Hậu chẳng phải là quá". Phàm đã bài xích Phật giáo mà lại tiếp nhận Phật giáo, thấy Hàn Dũ giao thiệp với Thiền Sư Đại Điên, tiễn chân Cao Nhàn, ca ngợi Mã Vị cùng một xu hướng vậy. Đạo đồng chí hợp, có như vậy, gọi đó là Hàn Dũ ngày nay kính tin vậy.

Tự công sư Hàn Dũ, mà các nhà Nho đua tranh cùng Hàn Dũ như Trình Minh Đạo nói: "Phật giáo chỉ có mục đích là mong thượng đạt, không có hạ học". Thật là không suy nghĩ, sáu pháp Ba-la-mật của Phật giáo đều là thuyết hạ học thượng đạt, trong đó: Thiền Ba-la-mật, nghĩa là nhờ Thiền định mà đạt đến bờ kia. Thiền định là hạ học, đạt

đến bờ kia là thượng đạt. Đàn Ba-la-mật, nghĩa là do bố thí để đạt đến bờ kia, bố thí là hạ học, đạt đến bờ kia là thượng đạt vậy. Ngoài ra, như trinh tấn, giữ giới, nhẫn nhục, trí tuệ, mà đạt đến bờ kia tức là thượng đạt. Nên trong kinh giải thoát liễu nghĩa nói: "Học có sáu việc, đó là sáu Ba-la-mật, bố thí, giữ giới, nhẫn nhục là tăng thượng giới học, thiền định là tăng thượng tâm học, bát nhã là tăng thượng tuệ học". Thêm nữa, trong bốn thệ nguyện sâu rộng có nói rằng: "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành". Không gì chẳng từ hạ học mà đến thượng đạt. Vậy mà cho rằng Phật giáo không có hạ học được ư?

Chu Hối Yêm nói rằng: "Phật giáo tự cho rằng chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật mà kỳ thật không biết được tâm tánh". Thật là chẳng suy nghĩ, kinh Thủ-lăng-nghiêm là một bộ kinh mang tính học vấn thâm sâu về tâm tánh. Trong kinh nói: "Tiền trần hư vọng là mê mờ chân tánh của ông". Lại nói: "Để mất đi bản tâm vốn tròn sáng nhiệm mầu, bản tánh vi diệu quý báu, do đó mà phá vọng tâm vậy". Lại nói: "Nếu lìa tiền trần mà có tính phân biệt, thì đó chính là tâm của ông". Lại nói: "Con thấy tay Đức Phật Như Lai tự mở tự nắm, chẳng phải tánh thấy của con có mở có nắm, do đó mà làm sáng tỏ được chân tâm". Lại nói: "Không biết ngoài sắc thân, cho đến núi sông mặt đất đều là vật trong chân tâm mầu sáng, vì vậy tỏ rõ tâm này trùm khắp, không gì ngoài nó". Lại nói: "Mỗi mỗi tự biết tâm trùm khắp mười phương, tất cả các vật trong thế gian đều là bản tâm Bồ-đề mầu sáng. Rõ ràng tự biết được tâm vốn nhiệm mầu thường trú bất diệt, do đó mà chứng được tâm nhiệm mầu như hư không, mà vào cảnh giới Phật vậy". Thế mà gọi Phật giáo không biết tâm tánh được sao?

Trương Hoành Cừ không tin thuyết luân hồi, cho rằng: "Phật nói có thức chết đi thọ sinh luân hồi". Vì chưa suy nghĩ, đó tức là quan điểm của Trang Tử dứt ngã để chết. Ý nói là, chết tức ngừng dứt, không còn việc gì khác. Thật là không biết, sinh tử không bờ mé, luân hồi không ngừng dứt. Bốn loài chúng sinh trong sáu đường phải chịu quả báo theo nghiệp mình đã gây ra. Vậy mà cho rằng không có luân hồi được sao? Trong bộ "Nam sử" chép: "Vua Lương Võ Đế mộng thấy một vị tăng mù mắt, tay bưng thủ lư vào trong cung muốn thác sinh vào cung Vua. Khi tỉnh giấc thì ở hậu cung sinh Tử Thích, từ nhỏ đã bị bệnh mắt, các danh y đều không chữa trị được, cuối cùng chịu mù một mắt. Đó là vua Nguyên Đế". Trong bộ "Danh thần ngôn hành lục" chép: "Khi sinh võ tướng Phạm Tổ, người mẹ mộng thấy có một vị trượng phu cao lớn đứng

bên cạnh, bảo “Ta là tướng quân Trịnh Võ nhà Hán”. Khi thức giấc thì sinh con, nên bèn đặt tên là Tổ Võ. Do Trịnh Võ nội hành thuần thục đầy đủ, nên đặt tên tự là Thuần Phu để làm chứng điều đó”. Vậy thì sách của nhà Nho, vốn đã có thuyết luân hồi, vậy mà cho rằng thuyết luân hồi của Phật giáo là chẳng phải thật, sao không quán xét điều ấy vậy? Trình Minh Đạo không tin thuyết địa ngục, cho rằng Phật vì hàng hạ căn mà lập ra ngụy giáo ấy để làm cho người sợ mà làm lành. Đó chính là quan điểm của kẻ tiểu nhân cho là việc ác nhỏ không tổn hại gì vậy. Ý cho rằng khi sống làm ác, chết rồi, ai theo cùng để trị? Thật là không biết, trời đất thần minh chiếu soi khắp cùng, thưởng thiện phạt ác, như bóng theo hình. Vậy mà cho rằng không có địa ngục được sao? Trong bộ “Tuỳ sử” chép: trong niên hiệu Khai Hoàng, quan Đại phủ thừa Triệu Văn Xương, chết rồi sống lại, nói rằng đến cõi âm thấy Chu Võ Đế chịu tội. Chu Võ Đế nói với Triệu Văn Xương rằng khi đã trở lại cõi dương nên vì tôi mà nói với vua Hoàng Đế nhà Tùy là tôi phá diệt Phật pháp bị trọng tội, nên làm các công đức hồi hướng cho tôi để giúp tôi được ra khỏi địa ngục. Triệu Văn Xương tấu trình việc ấy, vua Văn Đế bèn ban sắc cho tất cả tăng ni trong nước tụng Kinh Kim Cương kỳ siêu vua Chu Võ Đế. Trong bộ “Danh thần ngôn hành lục” chép: con của Vương kinh công tên là Phu, gây ra nhiều điều bất thiện. Phàm những việc mà Vương Kinh Công trái ngược tổn thương đạo lý, phần nhiều đều phát xuất từ Phu. Đến sau khi Phu chết, Vương Kinh Công thỉnh thoảng thấy Phu mang gông sắt đứng ở cạnh cửa. Từ đó bỏ chỗ ở, đến lưng chừng núi xây dựng chùa Chung Sơn, tạo phước thầm hồi hướng cho Phu. Lấy đó mà chứng minh thì trong sách của các nhà Nho rõ ràng có thuyết địa ngục, vậy mà cho rằng Thuyết địa ngục của Phật giáo là không có. Sao không suy nghĩ đến điều đó ư?

Trương Hoành Cừ nói: “Đó là sai lầm vậy, trần giới sáu hợp, nó che lấp những cái nhỏ vậy, đời người mộng huyễn”. Chỉ nổi không suy nghĩ, Trang Tử nói: “Bốn biển nằm trong khoảng trời đất, giống như đá lăn trong đầm lớn, đất nước ở trong biển như hạt gạo giữa hư không, chẳng phải là trần giới là gì? Bạch Lạc Thiên nói:

Hôm qua đầu nhà ham nướng thịt,
Sáng nay ngoài cửa, lưới nhăn ra,
Chớ cười nghèo khó, khoe giàu có
Đều thành nắm cốt, ấy sao nà.

Chẳng phải mộng huyễn là gì? Mắt Trương Hoành Cừ chưa tỏ rõ điều đó, đâu thể nói ông tỏ rõ được đúng sai ư? Trình Minh Đạo nói:

“Phật giáo cần nói bỏ căn trần, nhưng không lý đó, cần có lý đó, trừ là chết vậy”. Chỉ nỗi không suy nghĩ, thiền sư Đại Huệ nói: “Sự chướng đạo của tâm ý thức, hơn cả rắn độc hổ dữ, với hổ dữ còn có thể tránh né, tâm ý thức không có chỗ để tránh né. Vậy người học đạo, có thể an nhiên ràng buộc nơi căn trần ư?” Đại sư Huệ Năng nói:

Bồ-đề vốn không cây
Gương sáng chẳng phải Đài
Xưa nay không một vật
Nơi nào bám bụi nhỏ

Vậy người ngộ đạo sao lại hệ lụy nơi căn trần ư? Trình Minh Đạo tự chẳng rõ như vậy, đâu có thể gọi thiên hạ không có lý ấy ư?

Trương Hoành Cừ nói: “Phật giáo nói thật tế mới biết đạo, đó gọi là thành thật vậy, giúp cho đạt được, mới là thật làm sáng tỏ điều ác”. Phàm Trương Hoành Cừ lấy thật tế là thành thật có thể được vậy, nhưng gọi thành thật ấy là làm sáng tỏ điều ác, thì chưa thật suy nghĩ vậy. Kinh Lăng-nghiêm chép: “Minh Cực tức Như Lai, Tịnh Cực tức Quang Thông Đạt”. Kinh pháp Hoa nói: “Chiếu sáng khắp thế gian”. Tâm quyết định rõ ràng, làm sáng tỏ điều ác có thể như thế ư? Ôn Công nói: “Điều nhiệm mầu ấy không xuất phát từ Tông ta, hư vọng ấy ta không tin, chỗ nhiệm mầu ấy chính là Vô ngã. Ông ta nói thiên đường, địa ngục không đáng tin”. Phàm Ông Công cho vô ngã là nhiệm mầu thì có thể được vậy, còn không tin thiên đường địa ngục, thì thật chưa suy nghĩa vậy.

Lưu Nguyên Thành nói: “Cái mà mắt tai của người không thấy, không nghe đến thì phải biết cái đó là không có”. Liệt Ngự Khấu nói: “Hoàng tử quả thật tự tin. Nếu như đối với lừa dối lý chẳng tin, vậy thật là biết lý ư?”

Trương Hoàng Cừ nói: “Phật giáo lừa dối trời đất, cho là huyễn vọng”. Sao không xem bài phú Xích Bích nói: “Tự nó biến mà quán sát, tuy trời đất không thể trong một nháy mắt, thì chung cùng của trời đất”. Cuối cùng, hẳn nhiên đã xuất phát từ thuyết của Tô Đông Pha, đâu riêng gì chỉ Phật giáo có lời ấy ư?

Trình Minh Đạo nói: “Phật giáo thật là mến tiếc thân mạng không thể xả bỏ”. Sao không xem trong “Ngũ Đại Sử” nói: “Phật đối với đầu mắt tay chân, đều bố thí cho người”. Vậy Phật đâu mến tiếc thân mạng, và điều đó đã xuất hiện nơi ngòi bút của Âu Dương Công, đâu riêng gì sách Phật nói điều đó.

Y Xuyên nói: “Ngày xưa mê hoặc người là đè cởi trên kẻ ngu dốt,

ngày nay mê hoặc người nhân vì họ cao minh”. Chỉ nỗi không suy nghĩ, người hiểu biết quán sát sự chưa thành, kẻ ngu mờ mịt đối với việc đã thành. Đã gọi là Cao Minh, mà lại nói họ chịu sự mê hoặc được ư?

Trình Minh Đạo nói: “Phật giáo, Lão giáo lời nói gần với lý, lại chẳng thể so sánh với Dương Mặc; do đó, gây nên tai hoạ quá hơn tai họa của Dương Mặc”. Chỉ nỗi không suy nghĩ, muôn hình đều có sự tệ hại, chỉ riêng có chẳng hư hoại. Đã nói là gần với lý mà lại nói nó là hại được sao?

Tạ Hiển Đạo lần lượt nêu lời Phật những chỗ đồng với Nho giáo để hỏi Y Xuyên. Y Xuyên đáp rằng: “Tùy chỗ đồng ấy, tuy phần nhiều chỉ là bản lảnh chẳng đúng, nhất loạt sai bỏ”. Y Xuyên không thể rõ để chỉ đâu là sai, là không đúng, đâu phải là công luận của thiên hạ ư? Hễ không thể chỉ nó sai chỗ nào thì không bao giờ thấy nó có chỗ sai, không thể chỉ nó chẳng đúng chỗ nào, lại cũng không bao giờ thấy nó có chỗ chẳng đúng vậy. Ngay như, muốn dùng tâm thương ghét mà vu khống nó là sai, vu khống nó là chẳng đúng, thì thiên hạ đời sau, há lời không căn cứ mà có thể lừa dối được ư? Đến như Chu Hối Yêm chỉ cái sai mà ông thấy thật thấy, cho rằng: “Cái học của Phật giáo chính là chán ghét sự đầy khắp không chỗ trống của lý này, khiến đã không được mảnh đất của chiếc chiếu vô lý để tự an. Nhàm chán lý này lưu hành không dứt, khiến cho lúc không được vô lý để tự do”. Thật là không biết, Phật giáo chẳng phải chán ghét lý này mà muốn không lý này vậy. Chính vì ở đời có hai thứ chướng, đó là sự chướng và lý chướng. Không riêng sự làm chướng ngại tâm ta, mà lý cũng làm chướng ngại tâm ta. Trong Kinh Viên Giác nói: “Nếu các chúng sinh trước đã dứt bỏ được sự chướng mà chưa dứt bỏ được lý chướng, thì chỉ có thể ngộ nhập Thanh văn Duyên giác, chưa thể hiển bày được việc trụ vào cảnh giới Bồ-tát”, chỉnh là ý này vậy. Nên người học Phật không rõ lý này cố nhiên không biết cái chân chánh của tâm tánh, mà chấp trệ lý này cũng chưa khỏi bị chướng ngại tâm tánh. Do vậy, trước nên khuyên gắng sức thực hành, phải nên nghiên cứu cùng tận lý này, sau khi đã dung thông Trung đạo thì không thể chấp trệ ở lý này. Nên nói: “Qua sông phải dùng bè, đến bờ chẳng dùng nữa”. Không chỉ Phật giáo mới như thế mà Nho giáo cũng như thế. Chỉ như Chu Văn Vương, không lớn tiếng, chẳng lo dài, thì dứt bỏ được sự chướng, đến khi không hay không biết, thì lý chướng dứt bỏ vậy. Nhan thị không đổi giận, chẳng ngờ sai, thì đó là dứt bỏ được sự chướng vậy, đến khi như người ngu ngồi quên, thì lý chướng dứt bỏ vậy. Chu Văn Vương là bậc Thánh, Nhan Tử là thánh gì vậy. Hẳn có thể chẳng

bị Lý làm chướng, nếu phân lượng chưa đến bậc thánh thì chỉ có thể bỏ ác làm lành để dứt bỏ sự chướng, vậy có thể không nghĩ không cố gắng để dứt bỏ lý chướng ư? Chu Hối Yêm phân lượng còn xa chưa thể đến thế, do vậy, nhọc muốn chấp trệ lý này, mà cho rằng Phật giáo không nên chán ghét lý này. Vả lại chỉ vì cái sai thật thấy, nên người hiểu biết quán xét thì biết sai chẳng tại nơi Phật giáo mà bởi Chu Hối Yêm vậy. Than ôi: nhìn núi thì núi cao xanh thẩm, ngóng ra biển thì biển rộng mênh mông. Nhấc giày bước lên, xanh thẩm cao xa, vỗ chèo bơi tới, mênh mông xa mù! Và sau đó đi đến chỗ không cùng tận. Chỗ thấy không cùng tận mà khinh bàn luận. Lời cùng lý cạn thì dứt bặt không tiếng. Trình Minh Đạo nói: "Thuyết của Phật giáo, nếu muốn rõ cùng thuyết ấy mà lấy bỏ thì thuyết ấy chưa thể cùng tận, cố nhiên đã biến hóa mà thành Phật vậy. Đến đây, Trình Minh Đạo mới biết thuyết của Phật giáo chẳng phải chỗ mà Nho giáo biết được. Chu Hối Yêm nói: "Nếu như thuyết ấy có thật thì thuyết của Nho giáo ta cũng không sánh bằng. Đó là quá đỗi trung chánh và cùng với sự không sánh bằng chẳng có gì khác". Đến đó, Chu Hối Yêm mới biết thuyết của Phật giáo thì Nho giáo chẳng sánh bằng.

Thuyết của Phật giáo, thì Nho giáo không thể biết cùng tận, Nho giáo cũng chẳng thể sánh kịp. Vậy ai bảo Phật giáo có thể phá hủy ư? Hàn Dũ phá Phật, vì không biết Phật. Các tiên Nho phá Phật, vì bắt chước theo Hàn Dũ vậy. Thử đọc biệt truyện của Hàn Dũ, thấy ông cùng với thiền sư Đại Điên hỏi đáp rất rõ ràng. Hàn Dũ nói: "Người mà ông gọi là Phật, miệng chẳng nói pháp luật của Tiên Vương, sao có thể để yên mà không phá dẹp?" Đại Điên nói: Phàm ông đã từng đọc sách Phật, ông nghi khác với Tiên Vương điểm nào, có thể nói chăng? Hàn Dũ nói: "Tôi đâu có rảnh để đọc sách ấy?" Đại Điên nói: "Ông chưa từng đọc sách ấy sao biết sách ấy không nói pháp luật của Tiên Vương? Vả lại, ông chưa từng thường đọc sách của Khổng Tử, mà nghi Phật giáo sai lầm ư? Chỉ nghe người nói là sai lầm, mà bèn cho là sai lầm ư? Nếu tự vì thường đọc sách của Khổng Tử mà bèn nghi sai lầm của Phật giáo, thì đó là con chó của vua Thuấn vậy. Nghe người cho là sai lầm mà bèn sai lầm, ấy là kẻ thê thiếp vậy. Ngày xưa, nhà của vua Thuấn có một con chó, sớm tối nó chỉ được thấy một mình vua Thuấn. Ngày nọ, vua Nghiêu đến nhà vua Thuấn, nó bèn sủa rân. Chẳng phải mến vua Thuấn ghét vu Nghiêu mà nó sủa, bởi vì nó thường thấy chỉ là vua Thuấn mà chưa từng thấy vua Nghiêu vậy. Nay ông thường học Khổng Tử, song, chưa thường đọc sách Phật, bèn lấy làm lạ. Đó là cái thấy của

con chó nhà vua Thuấn. Người con gái lúc lấy chồng, người mẹ đưa đi và răn dè, về đến nhà chồng phải kính, phải răn. Nên người con gái ở nhà mình thì theo cha mẹ, lúc gã rồi thì theo chồng, chồng chết thì theo con, trọn đời như thế, chỉ người khác là theo, đó là đạo lý của người vợ vậy. Nay ông nghe lời người cho là sai lầm, bèn hùa theo nói là sai lầm. Ấy là cái thấy của người vợ vậy". Do đó, mà nói sự phá Phật của Hàn Dũ giống như con chó của vua Thuấn, những kẻ bắt chước Hàn Dũ mà phá Phật, chẳng phải là hạng vợ con ư? Làm chó nhà vua Thuấn làm người vợ, không gì thấy nghe sâu rộng như thế.

Đời nhà Hán, có Mâu Tử, có viết sách để biện minh Phật giáo, có bộ sách tên là "Lý Hoặc Luận". Trong đó nói: "Tôi (Mâu Tử) chẳng phải là biện bác, chỉ do thấy rộng nên chẳng bị mê hoặc. Khi tôi chưa hiểu kinh Phật, thì tụng đọc ngũ kinh, cho rằng lý trong thiên hạ đều nằm trong đó. Khi đã đọc được thuyết của kinh Phật, xem lại Ngũ Kinh, thì giống như vào trong giếng trời mà nhòm khe hang, lên núi Thái mà nhìn gò đồi vậy". Lại nói: "Thấy biết ít thì lấy làm lạ nhiều, thấy lạc đà mà nói ngựa bị sưng lưng". Nhu vậy, sự phá hủy Phật giáo ngày nay, đâu khác gì thấy lạc đà mà nói ngựa bị sưng lưng ư? Người hiểu biết đối với sự việc này cũng xét xem kỹ lưỡng, so ngắn lường dài mà suy nghĩ đó. Nói rằng giáo lý của ta quả thật là ưu việt hơn so với họ ư? Hay kém hơn so với họ ư? Đạo quả của họ là kém hơn của ta ư? Thần thông diệu dụng của Phật là chỗ không thể luận bàn. Ban đầu xét việc đệ tử Phật đến Trung Quốc thì Minh Hoàng hỏi Nhất Hạnh về vận nước rằng: "Xe Loan có đi cả muôn dặm, xã tắc rốt cùng là tốt lành". Sau đó, vua Đường Minh Hoàng vì sự biến loạn của An Lộc Sơn mà đến đất Thục, vận nhà Đường chấm dứt ở đời vua Chiêu Tông mà Chiêu Tông lúc đầu được phong là Cát Vương, đều như lời của Nhất Hạnh. Các nhà Nho cho thông minh duệ trí là Chí Thánh, vậy có thể thấy biết trước được như thế chăng? Nêu bày thuyết ấy cùng với lời của Nho giáo, chắc chắn họ sẽ nói: "Nhà Nho tôi không quý điều ấy, thật là không suy nghĩ. Lời ký chép: Đạo chí thành có thể biết trước, chẳng phải không quý việc ấy, riêng miệng hay nói như thế, mà thấy thì chưa đến thế, Tam tạng Pháp sư Đại Nhĩ chứng được tha tâm thông, Quốc Sư Trung thử hỏi rằng: "Ngài hãy nói xem, Lão tăng hiện giờ đang ở đâu?" Đại Nhĩ đáp: "Ở trên cầu Thiên Tân xem khỉ làm xiếc". Trung lại hỏi: "Lão Tăng hiện giờ ở đâu?" Đại Nhĩ đáp: "Ở tại Tây Xuyên xem thì bơi lội". Các nhà Nho từ thời vua Thuấn, vua Nghiêu, cho đến Khổng Tử, Mạnh Tử quả thật có thể có được chút biết ấy ư? Nêu bày thuyết ấy cùng với lời của

Nho giáo, chắc chắn họ sẽ nói: “Nhà Nho tôi không chuộng điều đó”. Chỉ nỗi không suy nghĩ, trong kinh Thi nói: “Người kia có tâm, ta nghĩ đạt được vậy”. Không phải chẳng chuộng điều ấy, chỉ nói bằng miệng vậy, mà biết chưa đến được thế.

Đến như, Đại Sư Đạt-ma sau khi an táng thì nhục thân trở về Tây Trúc. Đại Sĩ Vạn Hồi chỉ trong một ngày mà đi lại muôn dặm. Kỳ Vực dùng một thân mà đồng thời thọ nhận sự cúng dường của trăm nhà. Viên Trạch trong một đời mà có thể biết được việc của ba đời. La-hán đảnh lễ ngài Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch, thần núi thọ giới với ngài Khuê Phong ở núi Tung. Đàm Thỉ dao kiếm không thể làm thương tổn. Hàn Sơn ẩn vào trong vách đá, sinh tử đến đi, tùy theo ý thích, thần thông biến hóa không thể suy lường. Đó tuy chỉ là cặn bã của Phật giáo, ban đầu chẳng phải là chỗ mến chuộng của Tông môn, những từ các Tông giáo khác mà quán sát thì chưa hề có dấu tích kỳ lạ như thế. Cái thấy đã chưa thể kịp như vậy mà muốn khinh bàn Phật pháp, không biết họ sẽ nói thế nào? Nếu nói thuyết nhân quả không đáng tin thì làm việc lành có trăm điều tốt, làm việc chẳng lành thì bị trăm sự tai ương. Người làm điều lành chắc chắn có phúc thừa, kẻ làm điều chẳng lành chắc chắn có ương họa. Các nhà Nho chắc chắn đã dùng nhân quả để dạy người. Há cho rằng không đáng thực hành, hung bạo là chẳng tổn hại và trái lại là biết đạo ư? Nếu nói thuyết ăn chay không đáng giữ, cho nên người không ăn mặn, như Khổng Tử lấy sự chay lạt để cúng tế, nhưng chỉ ăn chay ba ngày. Trong lễ ký lấy làm cái đức của thanh minh. Các nhà Nho đều lấy sự chay lạt thanh khiết để dạy người, há rủ thịt làm ngày tụ hội ăn muôn tiền. Trái lại là việc tốt lành ư? Nếu nói giới không giết hại chẳng phải đúng, thì sự chúc võng của vua Thành Thang, việc phóng sinh của Triệu Giản Tử, đều là ý ấy, Tề Tuyên Vương không nỡ giết một con bò. Mạnh Tử gọi đó là Nhân Thuật. Tống Tường cứu các loài dế kiến. Người quân tử lấy đó bàn việc tốt lành. Các nhà Nho chẳng thường lấy việc hộ sinh để làm việc phát sinh thạnh đức ư? Nếu nói giới không uống rượu chẳng phải đúng thì ác như Đại Võ còn ban chỉ không uống rượu, do đó can phạm sự trách phạt của Tiên Vương, say mà gào khóc rầm rỉ, do đó, dẫn đến sự giết hại của Tân Diên. Sao các nhà Nho không cho việc say sưa là cội gốc để chuốc họa ư? Nếu nói giới trộm cướp chẳng phải là điều mến chuộng của các nhà Nho, thì chỗ mà Y Doãn gọi đó là phi đạo phi nghĩa vậy, một hạt cải cũng không lấy của mọi người. Tô Đông Pha nói: “Mọi vật trong khoảng không gian của trời đất, mỗi mỗi đều có chủ, nếu chẳng phải là sở hữu của ta, tuy chỉ mảy may cũng chớ

lấy, ấy là nói gì vậy? Nếu nói giới không nói dối chẳng phải là điều cần thiết của nhà Nho thì sự học chí thành của Tư Mã Ôn là tự không nói uống dối, ban đầu ông làm tư trị thông giám, nói: "Tần Hiếu Công chẳng phí bỏ vật thưởng của Di Mộc, Tề Oai Công chẳng trái lời thề của Tào Mạc, Tấn Văn Công chẳng tham lợi của Phạt Nguyên. Ấy, quả thật là ý gì? Nếu cho rằng giới không tà dâm là nói phỏng, thì mỹ phản chánh thứ dâm dật thấy nói tiếng, là điều ngâm vịnh của kinh Thi. Đó là các nhà Nho không hề dung túng cho người tà dâm vậy. Nếu cho rằng thuyết bố thí là nói cuồng, thì cho người nghèo khó, giúp kẻ thiếu thốn, thấy ghi chép trong Đới Lễ. Vậy thì các nhà Nho không hề cấm người bố thí. Nếu cho rằng thiền định không phải là đường lành, thì biết chỉ và sau có định, có sách Đại Học ghi nhận vậy. Nếu nói nhẫn nhục không phải là việc tốt thì điều nhỏ không nhẫn chắc chắn sẽ loạn mưu lớn, cớ sao trong Luận Ngữ răn dè như vậy. Nếu cho rằng lời nói xấu ác không cần răn cấm thì sao sách Lễ Ký chép: lời nói ác không tuôn ra ở cửa miệng". Nếu nói tức giận không cần phải cấm ngăn, sao trong Kinh Thư lại ghi "Chẳng những không dám ôm lòng tức giận". Nếu cho rằng giới không nói lời đôi chiều chẳng phải là việc phải mau làm thì người không có mặt đừng nói sau lưng, sao khắn khít với mệnh lệnh của Đế Thuấn vậy. Nếu cho rằng giới không nói lời thêu dệt là xa vời không thiết thực, thì "Nói khéo như Hoàng Nhan thật sâu sắc vậy" sao lại thấy viết ở chương Tiểu Nhã? Nếu nói tham dục không thương tổn mọi sự, thì "Người tham là hạng người hư hủy", cớ sao thi nhân viết vậy? Nếu nói Tà kiến không có hại cho đạo, thì tà thuyết lừa dối người, sao Mạnh Tử lại bài bác? Nếu cho rằng không màng đến thân thể, ăn mặc thô sơ, chẳng phải là trung đạo của Thiên hạ, thì Thái Bá cắt tóc vẽ mình, sao tôn xưng là có Chí đức. Nếu cho rằng không cưới gả, không dưỡng nuôi là cắt đứt thường Đạo của nhân luân, thì Lỗ Sơn trọn đời không cưới vợ, cớ sao giúp ông dùng văn thực hành đạo lý cao xa của Phật, hẳn chưa dễ nói với người đời. Tạm dùng dấu tích cạn cợt để luận bàn, thì không biết thế nào là sai trái, thế nào là bị chê bai? Thấy nghe không được rộng rãi mà vọng cho là sai trái, chê bai thì chưa khỏi thuộc hạng chó của vua Thuấn và chỉ là người vợ mà thôi vậy.

Mâu Tử nói: "Điều tôi khen chỉ như lấy bụi đất đắp lên núi Thái, lấy sương mai để thêm vào sông hồ. Điều ông phỉ báng chỉ như dùng một bàn tay để che ánh sáng mặt trời, vốc đất hòn để lấp bờ sông. Điều tôi khen, không thể khiến Phật cao hơn, điều ông phỉ báng, không thể khiến Phật thấp xuống. Giờ đây chẳng hủy báng cũng đâu thương tổn

đến Phật giáo? Chỉ tự mau đến Quyết cung vậy". Trương Vô Tận nói: "Hàn Dũ cho rằng người làm sử, không có họa do người gây ra thì có trời phạt, đâu thể không sợ mà khinh thường được. Phàm người viết sử trích chọn sự thật của người, giả sử khen chê không công bằng, thì còn có hình phạt, tai họa, huống gì vô cớ khinh bạc để phỉ báng bậc Đại Thánh ư. Tất cả các tội nặng đều có thể sám hối, nhưng tội phỉ báng Phật pháp không thể sám hối. Nên trong kinh Pháp Hoa nói: "Tội phỉ báng Pháp rất nặng nề". Nay, người chỉ phỉ báng Phật, tức đã gieo vô lượng nhân tội lỗi. Huống gì Phật dùng đạo lý tốt lành giáo hóa người, người tin Phật sẽ làm việc lành, người không tin Phật sẽ làm việc ác. Chứa nhóm điều ác thì bị mất thân, sau khi chết tội báo càng nặng. Trời gây tai vạ, có thể lánh né, tự mình gây tai vạ không thể trốn tránh. Đó là nói ý vậy. Nếu cho rằng chết là mất hẳn không còn biết gì, cho nên trong Hệ Từ nói: "Hồn đi tức là biến". Trong Hiếu kinh nói: "Cho quỷ hưởng đó". Tả Truyện nói: "Quỷ vẫn xin ăn". Trương Huy Dương nói: "Chết phải làm quỷ dữ để giết giặc". Cho nên sau khi chết chắc chắn có tánh thấy, nghe, hay, biết vậy. Nếu cho rằng chết tuy có biết nhưng không còn tội, thì trong kinh Thư nói: "Đạo trời phước thiện họa dâm". Trong kinh Dịch nói: "Quỷ thần hại đầy phước khiêm". Trong Tả truyện nói: "Có đổi lời thề này, minh thần giết chết". Trang Tử nói: "Ở nơi chỗ vắng vẻ làm những điều bất thiện, thì bị quỷ giết". Vậy thì trong chỗ tối tăm, hẳn có việc thưởng thiện phạt ác. Ở đời có khơi móc cho ra tình gian, phát hiện cho ra việc bí mật như thần linh, chắc chắn không dung túng cho kẻ có tội mãi làm gian ác. Huống gì quyền hành mâu đoạt thực để thần minh xem xét ư? Kẻ kia thông minh ngay thẳng, không thể ngăn che, không thể khi dối vậy, không thuận theo tình riêng của người đời, không khiếp sợ quyền thế ở dương gian, thì người có tội làm sao trốn tránh khỏi hình phạt ư?

Thuyết địa ngục trước đã có nói, đến lúc chết biến thành loài súc sinh, thấy sự ghi chép trong các nhà Nho chẳng phải một. Cổn sinh làm gấu vàng, Bành Tổ sinh làm heo, có nói trong tả truyện. Bao Quân làm rồng, có ghi trong sử ký. Triệu Vương Như ý làm chó, có ghi trong Tiền Hán thư. Vậy ở Trung Quốc trước khi chưa có Phật giáo, trong sách của Nho giáo đã ghi chép những việc ấy, chẳng phải Phật giáo sáng lập ra thuyết ấy vậy. Cổ Tuyên nói: "Bỗng nhiên thành người, đâu đủ để khống chế, hóa thành vật khác cũng đâu đáng lo? Tin được lời ấy thì biết người có thân này không thể giữ mãi được, bỏ lành theo ác, không khỏi sinh làm các loài vật khác. Thông minh không thể thắng

nghiệp, giàu sang đâu khỏi luân hồi. Ngày nay béo phì gấm vóc, lúc khác ngậm sắt mang yên. Đời nay vung tay múa bút, kiếp khác mang lông đội sừng. Đó là lý tất nhiên vậy, nên Phật dùng tâm rộng lớn, chỉ bày giáo lý năm thừa: nhân thừa tức là dạy người giữ năm giới, thường được làm thân người, không rơi vào các loài vật khác. Thiên thừa tức là dạy người tu hành mười điều lành, được quả báo làm trời, chứ không chỉ làm người vậy. Còn ba thừa sau là dạy người từ Thanh văn, Duyên giác đến thành Phật đạo, dứt hẳn sinh tử, thường trú bất diệt, chứng Vô Thượng giác, trở lại cứu độ chúng sinh. Đại đạo cao xa trong thiên hạ, ai có thể vượt qua như vậy ư? Ở đời có Đại đạo cao xa, mà u mê không biết, mới cậy ỷ mình thông minh, cậy mình có thanh thế, báng bổ thánh giáo, chứa nhiều tội lỗi oan khiên mà tự hướng đến đường ác. Đó cũng rất đáng thương vậy. Nói chung, con người có được thân này, sống rất khó, còn chết thì rất dễ. Đức Thế Tôn cầm nắm đất để chỉ dạy các đệ tử, cho rằng chúng sinh luân hồi trong bốn loài sáu đường, được làm thân người, chỉ như nắm đất trong lòng bàn tay, còn bỏ mất thân người, như đất trong cõi Diêm-phù. Bởi vì thời gian làm điều lành thì rất ít mà làm điều không lành thì rất nhiều, do vậy thời gian làm được thân người thì ít mà thời gian bỏ mất thân người thì rất nhiều. Vậy thì sự sống chẳng phải rất khó ư?

Bạch Lạc Thiên tự răn mình rằng: "Đời người trăm tuổi, sống đến bảy mươi tuổi là ít có". Giả sử cho ông sống được bảy mươi thì ông nay đã bốn mươi bốn tuổi, chỉ còn hai mươi sáu năm, thời gian có là bao nhiêu. O^ng không nghĩ việc trong hai mươi lăm – hai mươi sáu năm trở lại, thoáng vụt qua mau như một giấc ngủ. Vậy thì sự chết há chẳng rất dễ ư? Vì sống khó được mà sự chết dễ đến, hãy đau đáu sợ hãi ngày sợ đêm lo, để mưu tính giải thoát ư? Phật chỉ bày cho thiên hạ pháp môn giải thoát, hễ có tánh của huyết khí tâm trí đều có thể hướng đến mà vào. Và chỉ căn khí chẳng hèn, trí thức vượt hơn người thường, được thấy biết chân chánh, mới không rơi vào tà kiến, có thể biết đó chăng? Thấy đủ trong nguyên bản, ngoài ra không ghi chép.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 194

LUẬN CHIẾT NGHI

SỐ 2118
(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2118

LUẬN CHIẾT NGHI

BÀI TỰA

Tiến sĩ Bạch Thủy Khuất Bàn ở Hồng Kông soạn.

Pháp sư tên là Tử Thành, tự Ngạn Mỹ, hiệu Diệu Minh, người ở Bá Lăng, Kinh Triệu, thuở nhỏ học theo Nho, đến tráng niên theo Phật, tánh ưa sách sử, thích văn chương, muốn du học, giỏi soạn thuật. Thường cùng các bậc hiền sĩ đại phu xướng hòa thi từ. Mỗi câu mỗi vế bỏ lại trong cuộc vui, mọi người lưu truyền nhau khá nhiều, như trong bài thơ "Chim oanh vũ" viết:

Học được tiếng người khá rõ rành
Biết dùng lời khéo tỏ tâm tình
Không biết thân ở trong lồng nhỏ
Vẫn thường thỏ thẻ với trời xanh.
Bài thơ "Ngủ ngày" viết:
Trong mơ chẳng quản tay ôm sách,
Một túi "Nam Hoa" cạnh giường nằm.
Bài thơ "Nhàn du" viết:
Nhà nhà trăng tỏ phần ai thiếu
Chốn chốn non xanh ta có duyên.
Bài thơ "Đình Thủy Tâm" viết:
Nước biết, sen xanh, hương đầy ao,
Khắp Đình lặng lẽ ánh lưu ly
Hiên cao, giường thấp, nghe mát lạnh
Nằm nhìn sóng xanh gợn ly ty.

Tất cả các thứ thơ văn, dẫu trường thiên hay đoản kệ, đều như thế,

rất là suốt thấu ý chỉ Phật pháp.

Ngày trước, tôi thường cùng quan huyện Đại phu Trương Mão thỉnh chú giải Tâm Kinh, trong năm ngày thì hoàn tất, tất cả gồm mười hai ngàn chữ. Ngôn từ nghĩa lý tình tường xác đáng, nhưng không vì thế mà cho là vừa ý, lại còn soạn thuật "Bản sắc Pháp sự văn tập" gồm hai trăm bài. Lời lẽ mạnh mẽ, ý chỉ hùng hồn, mà rất hàm súc, cất giữ trong đấy không hề bày ra, cho là khó được và không có ý muốn loan truyền. Bỗng chốc, bởi chiến tranh loạn lạc, bèn ẩn náu nơi núi rừng, thường tiếp khách đến thăm hỏi các nghi ngờ, giải thích cho hiểu mọi sự đuôi đầu, bèn viết thành sách, lấy tên là "Luận Chiết Nghi", gồm hai mươi chương, chương đầu là "Tự vấn", chương cuối là "Giải quyết tên gọi". Lời giản đơn nhưng lý xác đáng, văn sơ lược mà nghĩa dồi dào. Bao gồm ngụ ý trong sáu kinh, lược đủ sử sách của các nhà Hiền triết. Trong mỗi chương, dẫn loại minh chứng, giải quyết dứt nghi, lý rất sáng tỏ. Nếu chẳng phải là người đầy đủ biện-tài tam muội, thì ai có thể đạt được như thế ư?

Tôi và Diệu Minh là bạn không mời, có được một thời gian gần gũi, phàm soạn được tác phẩm gì, đều không dấu diếm tôi. Nên lời tựa này không đợi mời mà viết vậy.

Ngày mồng 8 tháng 8 năm Tân Mão
Kính ghi

CHIẾT NGHI LUẬN

Tỳ-kheo Sư Tử, người Tây Vức,
ở chùa Đại Từ Ân tại Kim Đài thuật lại và chú giải.

QUYỂN 1

Cong nên chặt bỏ, gọi là "Chiết", chần chừ không nhất quyết, gọi là "Nghi". Bình phẩm bàn bạc điều khó rõ ràng, gọi là "Luận". Luận này, nhân Pháp sư Diệu Minh lúc ở chùa có khách riêng đến thỉnh hỏi để giải quyết những điều nghi ngờ. Pháp sư Diệu Minh dẫn lời trong tam giáo để giải đáp, bèn ghi chép thành, nên gọi là Chiết Nghi.

CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỰ VẤN

Tự: là thuật lại nguyên nhân. Vấn là hỏi về sự nghi ngờ.

Đệ (= thứ) là thứ tự. Nhất (= một) là đứng đầu trong các số.

Pháp sư Diệu Minh:

Người ở Hoa Châu huyện Vị Nam, xuất gia ở chùa Hồng Phúc, gặp được Ngư Nham lão nhân tướng công mà đắc pháp, mở rộng kinh luật luận Đại thừa. Khoảng niên hiệu Chí Chính đời nhà Nguyên, được chiếu phong. Truyền giới Đại thừa, và được ban tặng hiệu là Tử Nhuận Đại quốc sư.

Ở nơi Thạch thất:

Sau về núi Chung Nam, ẩn cư nơi thạch thất.

Có khách đến thăm hỏi, Diệu Minh mời khách ngồi và hỏi rằng: "Ngài đến có việc gì"

Nghĩa là khách có việc gì mà đến đây.

Khách nói: "Có điều muốn hỏi nên đến đây"

Người khách nói do có điều nghi ngờ mà đến xin hỏi.

Diệu Minh nói: "Tôi ở núi này gần mấy năm mà người đời ít ai biết".

Ngô là tôi (= Ngã) Kỷ là gần, Hãn là ít. Nghĩa là tôi ở tại núi này gần mười năm mà người đời ít ai biết.

Thêm nữa núi cao lơ lững, dốc đá cheo leo nguy hiểm, không dấu

chân người.

Sàm, là núi cao nguy hiểm. Nham là chỗ đất đá hiểm yếu. Kiệu là núi cao mà nhọn. Hiểm là hiểm nguy. Gia dĩ là thêm nữa. Huyền thạch nghĩa là đá chồng chất rất đáng sợ. Nghĩa là chỗ nguy hiểm khó đi, ít có người lui tới, nên nói là không dấu chân người.

Nhân giả (= Ngài) từ xa xôi nhọc mệt đến đây vậy.

Đường xa nhọc mệt phiền hà ngài đến đây một lần vậy.

Khách nói: Tiếng sấm sét không muốn đến tai người nghe mà tai người tự nghe.

Ông Hoài Nam nói: "Sấm là tiếng Âm và dương đụng nhau, cảm là sấm, kích là sét. Tiếng sấm đâu cần được nghe ở tai người, mà là do tai người tự nghe".

"Âm thanh tiêu sáo chẳng có ý làm vui lòng người, mà là do lòng người tự vui".

Nhạc Phổ nói: "Quản là ống sáo, Thược tợ như ống sáo, có ba lỗ, nhỏ và ngắn hơn. Âm thanh của tiêu sáo không muốn làm cho hân hoan lòng người chỉ bởi người nghe tự vui vẻ hân hoan mà thôi".

Bá Di, Thúc Tề ẩn tích ở Thủ Dương, không muốn khoe đức với người, mà người tự biết đức của hai vị.

Trong sử ký nói: "Bá Di, Thúc Tề là hai vị quan, được nhường ngôi nhưng không nối ngôi, muốn đi đến Tây Nam, gặp Võ đế đánh Trụ, liền đón rước mà thối thác chẳng theo, ở ẩn nơi núi Thủ Dương, thề không ăn một hạt mì, cuối cùng phải nhịn đói mà chết vậy.

Sào Phủ, Hứa Do ẩn dấu nơi Kỳ Tụ, chẳng phô dương đạo ở đời, mà đời tự khen ngợi đạo của hai vị.

Thao là chôn vùi dấu cất. Trong Chương Nhượng Vương của Trang Tử nói: "Vua Nghiêu nhường đất nước cho Hứa Do, Hứa Do không nhận, về ở ẩn trong núi Kỳ Tụ".

Ông ở nơi núi non cũng giống như vậy, sao người đời không biết cho được.

Khách lấy cái đức của Bá Di, Thúc Tề, Hứa Do để sánh ví đồng loại, sao người đời không biết được.

Diệu Minh nói: Điều ông muốn hỏi, tôi có thể nghe được không?

Đây là lời thử hỏi.

Khách nói: Xin không trái ý.

Không lời cấm chỉ. Ông không cản trở và cấm đoán.

Diệu Minh nói: Tử Trương nói: người quân tử quý Hiền mà dung chúng, khen ngợi điều thiện mà thương xót người không khả năng. Đại

hiền như tôi, đối với người không chỗ nào chẳng dung, chẳng hiền như tôi, người sắp chống ta cớ sao chống người vậy.

Trong Luận Ngữ nói: học trò của Tử Hạ đến thăm hỏi Tử Trương. Tử Trương hỏi: "Tử Hạ nói thế nào?" Đáp: "Tử Hạ nói nếu được thì cùng chung với họ, còn không được thì chống cự họ". Tử Trương nói: "Lạ thay điều ta nghe; người quân tử quý hiền mà dung chúng v.v... Bởi vì lời của Tử Hạ là bức hiếp, Tử Trương chê Tử Hạ là như vậy. Chữ dung mà Tử Trương nói chính là để phá chữ cự (= chống cự) của Tử Hạ vậy.

Biết thì không chống cự.

Đây là lời hứa đáp vậy.

Khách nói: Ôi!

Ôi là lời buồn than.

Tôi cùng với ông đều là nhà Nho.

Tôi cùng với ông đều từng là Nho sĩ vậy.

Ngày trước, tôi thường cùng ông là bạn phương ngoại.

Dư là tôi. Tích giả là ngày trước, thường là từng vậy. Bỏ đi bờ rào vượt ngoài bản hiệu của lưu tục, gọi là phương ngoại, cùng đồng chí hướng gọi là bạn.

Chỉ vì loạn lạc binh lửa, không được ở cùng một chỗ, thật đáng thương vậy.

Độc là một mình, nói riêng chỉ vì binh lửa mà trốn lánh phân tán vậy. Trốn lánh không được ở chung. Thật đáng cũng là lời buồn thương vậy.

Ông xuống tóc, xa lìa thế tục được mấy năm vậy?

Ông cắt tóc xuất gia làm Tăng xa bỏ tục gia được bao nhiêu năm vậy.

Thường muốn đến ra mắt một lần mà không được như ý muốn.

Từng muốn đến đây một lần để được thấy mặt mà chưa được như ý muốn.

Nhân khoảnh khắc cởi bỏ trần tập, bỏ qua việc người, tạm thừa dịp rảnh rỗi trong chốc lát, bèn đến nơi cao cư này, muốn xoá tan điều nghi ngờ, chẳng biết có thể được chăng?

Phất âm phủ, là lời thử hỏi. Khoảnh là thời gian trong chốc lát, dĩ là dùng vậy. Thuế giá là dụng cụ của nhà nông. Nhân khoảnh khắc... nghĩa là phóng hạ (= buông xuống). Trần tập là thói quen việc nhà, bác trí là để bỏ một bên. Việc người tức là việc lui tới giao tiếp vậy. Tạm nhân một thời gian rảnh rỗi ngắn, bèn đến chỗ ở cao kín này, muốn để

xoá tan những điều nghi ngờ, không biết có được phép chăng!

Diệu Minh nói: xin cứ nói điều đó.

Xin cứ nói điều nghi ngờ ấy ra.

Khách nói: người ta nói.

Mượn lời của người khác.

Trước kia, lúc Diệu Minh đang là một nhà Nho, chưa từng đọc kinh Phật.

Nẵng là ngày trước. Nói ngày tháng trước kia, lúc chưa thường đọc kinh Phật.

Ngày nay theo Phật, say đắm nhân quả, bảo rằng Phật giáo là thuyết vắng lặng.

Nay xuất gia đầu Phật như tham mê tửu sắc, tâm ý mê say như đắm chìm mà chẳng tỉnh, mới vọng đặt ra luận thuyết nhân duyên quả báo hư vô không tịch.

Bỏ đi sách của Chu, Khổng, Hoàng, Lão, không biết gì vậy.

Di, luống bỏ vậy. Nghĩa là luống bỏ kinh sách của các vị Chu, Công, Khổng Tử, Hoàng Đế và Lão Đam.

Diệu Minh nói: Tử Tống nói rằn: "Người quân tử đối với một lời nói lấy làm biết, một lời nói lấy làm không biết" nên lời nói không thể không thận trọng vậy.

Tri (= biết) đều âm là trí, trong Luận ngữ nói: "Trần Tử Cầm nói với Tử Cống: "Ông là cung, Trọng Ni há là bậc Hiền đối với ông ư?" Nói: "cung" nghĩa là cung kính là tôn trọng thầy ông vậy. Tử Cống bảo: "Người quân tử đối với một lời nói lấy làm biết v.v...". Đó là trách Tử Cầm không thận trọng trong lời nói. Bởi vì một lời nói Thiện là Trí, một lời nói bất thiện là chẳng phải trí. Trí không biết lệ thuộc ở lời nói, không thể không thận trọng vậy.

Tất cả mọi vật phải từ nhỏ đến lớn, duyên từ cạn đến sâu.

Vi là nhỏ nhặt. Trước là rất nhỏ cho đến rất lớn. Tất cả mọi vật phải từ rất nhỏ đến rất lớn. Duyên nghĩa là Do. Thí như người xuống biển đi từ cạn đến chỗ sâu.

Thí như leo lên núi nhạc cao muôn nhận, không thể một bước mà đến được, phải từ chỗ thấp lên chỗ cao.

Sách xưa nói: bảy thước là một nhận. Núi Nhạc là núi cao lớn. Thí như có người leo lên núi Nhạc cao muôn nhận, không thể chỉ một bước là đến nơi mà phải từ nơi thấp dần dần lên cao.

Đã lên tới đỉnh, các núi đã bước qua, đâu gọi là bỏ.

Đã lên đến đỉnh rất cao, nhìn lại các núi đã qua, thảy đều thấp cả,

không hề bỏ qua vậy.

Tôi ban đầu học sách của Chu, Khổng, Hoàng, Lão, tưởng là đã đến chỗ cùng cực:

Lúc ban đầu tôi học các sách của các vị Chu Công Đán, Khổng Tử, Hoàng Đế, Lão Đam, tưởng rằng đã đến chỗ cùng cực.

Kế đến xem đọc kinh Phật, mới biết Thánh Đạo có quyền, thật vậy.

Thứ đến, nhờ xem đọc kinh sách Phật, mới biết Thánh đạo có Lý Quyền giả chân thật vậy.

Nay tôi đem sách của Cơ, Khổng, Hoàng, Lão làm các núi.

Cơ là họ của Chu Văn Vương. Nghĩa là sách của bốn vị Thánh Chu Công Đán, Khổng tử, Hoàng đế và Lão Đam được thí dụ như các núi.

Đem kinh Phật đệ nhất nghĩa đế làm tuyệt đỉnh:

Đệ nhất nghĩa đế tức là bàn đến chỗ cùng cực của giáo thừa vậy. Đã đạt đến Thánh vị gọi là chân đế, chưa thoát khỏi phàm tình gọi là tục đế, đến lúc chân tục chẳng còn lập, tình kiến, phàm Thánh đều hết, chẳng chấp hai biên, chỉ còn trung đạo, nên gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Lấy đó để dụ cho đỉnh núi tuyệt cao.

Đã lên tới đỉnh tuyệt cao, nhìn lại các núi kia tự xa, đâu bỏ nó ư?

Đã rõ được kinh sách Phật, như lên đỉnh núi tuyệt cao, nhìn lại sách của Chu Khổng mà như các núi mà tự xa vậy, đâu hề luống bỏ nó?

CHƯƠNG THỨ HAI : THÁNH SINH

Chương này nói về sự tích Phật Đản sinh nên gọi là Thánh sinh.

Khách hỏi : Nơi Phật Đản sinh ở tại nước nào, giòng dõi cao quý và hình dáng, đức tướng, cũng như các pháp yếu Phật nói, có thể được nghe chăng?

Cả nước nơi Phật Đản sinh, giòng họ gia tộc và hình tướng, cùng với Pháp mầu Phật nói cũng có thể nghe được chăng?

Diệu Minh nói: Quý thay lời hỏi!

Với câu hỏi rất sâu xa rộng lớn, nên nói Quý thay lời hỏi:

Tôi tuy không được thông minh nhưng sẽ lược nói điều biết được để trả lời cho ông hiểu.

Tôi tuy không phải là người thông minh rành rẽ, nhưng lược đem chút ít sự hiểu biết để trả lời câu hỏi của ông.

Từ đất Hán đi về hướng Tây khoảng vài vạn dặm.

Từ đất Hán tức chỉ về đất Hán Trung Hoa. Chi là đi. Từ đất Hán đi về hướng Tây ước chừng khoảng vài muôn dặm đường.

Có nước tên Ca-duy-la.

Ở đó có nước tên là Ca Duy La, là Trung Quốc nơi Phật Đản sinh.

Vua dòng họ Thích-ca.

Giòng họ Thích, nguyên gốc tiếng Phạn là Thích-ca, Hán dịch là Năng nhân.

Cha tên là Tịnh Phạn.

Tiếng Phạn gọi là Thủ-đầu-đà-la, hoặc Duyệt-đầu-đàn, Hán dịch là Tịnh Phạn.

Đại phu nhân tên là Ma-da.

Tiếng Phạn là Ma Da, Hán dịch là Đại thuật.

Phật vốn ở tại cung trời Đâu-suất.

Tiếng Phạn là Đâu-suất-đà, cũng gọi là Đổ-nhất-sử-đa, Hán dịch là Tri Túc.

Sau khi Phật Ca-diếp nhập niết-bàn, Phật sẽ bổ xứ, tên là Hộ Minh.

Tiếng Phạn gọi đủ là Ma-ha bát Niết-bàn-na, Hán dịch là Đại diệt độ, cũng gọi là Đại tịch diệt. Từ sau khi Phật Ca-diếp nhập Niết bàn, Phật phải bổ xứ một nơi, riêng đợi lúc xuất hiện.

Thật vì tu nhân ba A-tăng-kỳ kiếp đã mãn.

Tất cả các Đức Phật đều tu nhân trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp vậy.

Tam kỳ tức là ba đại A-tăng-kỳ kiếp vậy.

Quả muôn đức đã tròn đầy.

Các Đức Phật đều đủ muôn đức mới là đầy đủ Đạo quả.

Nhưng túc nguyện chưa xong.

Đời trước có nguyện chưa hoàn thành, nên sinh ở nhân gian.

Hiện bày sinh diệt.

Thị hiện thọ thân sinh diệt .

Gá Nhật Luân cỡi Hương tượng, thác ấm nơi cung vua.

Lúc mới đầu thai, hóa hiện trong vầng mặt trời cỡi hương tượng vào thác thai mẹ ở cung vua.

Tôn đại Phu nhân Ma-da làm mẹ. Vào ngày mùng 08 tháng 04 năm Giáp Dần, nhằm năm thứ 24 thời vua Chu Chiêu Vương.

Đương thời nhà Chu, ngày Tý tháng Giêng, tức nay là ngày mùng 08 tháng 02 vậy.

Tại vườn Lâm-tỳ-ni, từ hông phải Mẹ sinh ra.

Sinh từ bên hông phải, là nói lên khác với người thường. Trong sách "Chu thư Dị Ký" nói: "Ngày mùng 08 tháng 04 năm thứ 24 thời vua Chiêu Vương ở tại Trung Hoa sông suối nổi sóng, quả đất rúng động, ánh sáng xuyên suốt soi chiếu từ phương Tây. Vua lấy làm lạ hỏi các quan, khi đó, Thái sử Tô Do tấu trình rằng: ở phương Tây có bậc Đại Thánh ra đời.Vua hỏi? Như vậy là thế nào? Tô Do đáp: không việc gì. Đến ngàn năm sau, giáo Pháp lưu truyền, khi đó bèn khắc bia ở ngoại ô phía Nam của nước để kỉ niệm ghi nhớ".

Khi ấy, mặt đất rung chuyển sáu cách.

Sáu cách rung chuyển là: động, dũng, chấn, khởi, hống, kích. Lay động không yên, gọi là động, đất đai lồi lõm gọi là Dũng. Mịt mù có tiếng nổ gọi là Chấn. Từ thấp lên cao gọi là Khởi. Đá kêu loảng choảng gọi là Hống, mọi vật va chạm nhau gọi là Kích.

Nhưng có ba thứ: trực tiếp rung chuyển gọi là Động, từ thiên hạ rung chuyển gọi là Biến Động. Khắp Đại Thiên đều rung chuyển gọi là Đẳng biến động. Còn năm thứ khác cũng như vậy.

Trời rải bốn thứ hoa

Vũ âm là Dụ, là rơi xuống. Bốn thứ Hoa là: Hoa mạn-thù-sa, Hoa Đại mạn-thù-sa, Hoa Phân-đà-lợi và Hoa Câu-vật-đầu.

Thần nâng chậu tắm bằng vàng.

Thần Đất nâng giữ chậu tắm bằng vàng.

Rồng phun nước thơm.

Chín con rồng phun nước thơm để tắm thân Thái tử.

Liền bước đi bảy bước.

Xoay quanh bước đi bảy bước, dưới bảy bước chân đều có hoa sen nở. Bảy bước là nói lên bảy thứ Tịnh Tài, cũng gọi là bảy Đức Tài, tức là: Tín, Tấn giới, Tàm quý, Văn xả, Định và Huệ.

Mắt ngước nhìn bốn phương.

Mắt ngước nhìn bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Trong kinh Bản hạnh nói: phương Đông nói lên Niết-bàn tối thượng, phương Nam là nói lên lợi lạc cho chúng sinh, phương Tây nói lên sự giải thoát, và phương Bắc là nói lên dứt hẳn luân hồi.

Một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất và nói: "Trên trời, dưới nhân gian, chỉ có ta là tôn quý nhất".

Mắt ngước nhìn bốn phương, tay chỉ trên tay chỉ dưới. Một là khác với người thường, hai là chỉ bày Đại Sự nhân duyên, nghiền ngẫm trong khoảng thời gian động dụng, tức liền tiêu dứt.

Có ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại Nhân.

Trong luận A-tỳ-đàm nói: ba mươi hai tướng tốt là: tướng tiếng nói như phạm thiên, tướng lông trắng giữa hai đầu chân mày, tướng nhiệm mầu Ô-sắt-ni, tướng mắt như trâu chúa, tướng mắt xanh biếc, tướng lưỡi rộng dài, tướng thức ăn biến thành thượng vị, tướng răng trắng sạch, tướng răng bằng và khít, tướng đủ bốn mươi hai chiếc răng, tướng má như sư tử, tướng thân đứng thẳng tay sờ tới đầu gối, tướng vai và bắp tay tròn đầy, tướng thân như sư tử, tướng rộng lớn thẳng, tướng các chỗ đều tròn đầy, tướng da dẻ mịn màng, tướng thường phát sáng một tầm, tướng thân sắc vàng ròng, tướng lông trên thân xoay về phía hữu, tướng mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông, tướng lông trên thân xoay lên trên, tướng thân phần tròn đầy, tướng ẩn mật tàng, tướng bắp đùi như nai đầu đàn, tướng mu bàn chân đầy tròn, tướng ngón tay có màng mỏng, tướng tay chân nhỏ mềm, tướng gót chân tròn đầy, tướng màng mỏng dài sáng sạch, tướng lòng bàn chân có bánh xe ngàn căm, tướng lòng bàn chân bằng phẳng, no đầy.

Và tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Tám mươi vẻ đẹp là: móng tay màu hồng đỏ, móng tay nhô lên, móng tay sạch sẽ, móng tay đầy đặn, móng tay tụ nhóm tròn, móng tay mỏng thẳng, giữa các ngón tay khít kín, tay sạch sẽ, tay chân no tròn, tay chân hồng đỏ, tay chân bằng đầy, chỉ tay hiện sâu, vân tay ngay thẳng, vân tay mỏng dài, tay chân mát sạch, vân tay không loạn, mắt cá nơi chân ít lồi, đầu gối tròn đầy, đầu gối lần lượt đầy, bước đi ngay thẳng, như sư tử, bước như ngỗng đầu đàn, tướng như rồng đi, tướng đi

như trâu đầu đàn, đi không ngoái nhìn, bước đi không loạn, nửa thân ngay thẳng, thân Phật cao hơn người, tất cả đều đầy đủ, thân Phật đều tốt đẹp, thân thể bằng phẳng, thân thể khắp đủ, thân thể ngay thẳng, thân thể trơn láng, thân thể sạch sẽ, thân thể khôi ngô, thân theo thứ lớp lớn nhỏ, các căn chân chánh, thân mầu không đen, thân thể không nám, lông trên mình sạch sẽ, tướng bụng tròn đầy, bụng không lằn rộng, thân thể sáng sạch, rốn ngay tròn sâu, lỗ rốn nhóm tụ, lằn rốn xoay về phía hữu, lỗ rốn không lõm, lỗ rốn không dài, lỗ rốn không ngắn, lỗ rốn không liền, được tướng răng rồng, răng không quá môi, bốn răng nhóm tụ, bốn răng bén nhọn, bốn răng bằng khít, lưỡi dài mềm mại, tròng mắt đen sáng, lưỡi màu đỏ đẹp, tiếng như phạm âm, tiếng như voi đầu đàn, tiếng như chim ca-lăng-tần-già, răng môi tròn đầy, lỗ mũi sạch sẽ, mũi không rũ xuống, mũi cao mà dài, mũi cao vuông lớn, mắt rộng sạch sẽ, lông mi mọc thứ lớp, lông mày như nữa vầng trăng, lông mi đen mướt, lông mi sáng suốt, tai dài rũ xuống, tóc nâu đầu nhỏ mịn.

Vua mời Tiên nhân A-tư-đà đến xem tướng.

Vị tiên ở phương Tây có khả năng xem tướng lành dữ tốt xấu.

Tiên thưa: Thái tử có tướng tốt trên thân rực rỡ như hoa phân-đà-lợi:

Thân tướng Thái tử như hoa Phân-đà-lợi mới nở xinh đẹp rực rỡ thơm tho.

Nếu sống tại gia thì làm vua Chuyển luân, xuất gia thì thành Đạo Vô Thượng.

Ở tại gia thì nhất định làm kim luân thánh vương, xuất gia chắc chắn thành đạo quả vô thượng.

Theo sự thấy biết của thần, thì chắc chắn Thái tử không ở tại gia vậy.

Tiên nhân nói rằng Thái tử nhất định sẽ lìa bỏ ngôi vua.

Bèn rơi lệ, nói: Thái tử thành Phật, chắc chắn sẽ ban bố đại pháp, nay thần đã già yếu, mất lợi lớn ấy, thật đáng buồn thương!

Khóc có nước mắt mà không ra tiếng, gọi là khấp. Tiên nhân biết Thái tử thành Phật, giảng nói Đại pháp. Vì già không được nghe nên mới rơi lệ.

Ngày mồng 08 tháng 02 năm Nhâm thân, lúc ấy Thái tử đã mười chín tuổi.

Ngày Tý tháng Giêng thời nhà Chu, ngày mồng 08 tháng 02 tức nay là ngày mồng 08 tháng 12 vậy.

Gọi Xa nặc thắng yên cương ngựa.

Xa-nặc, là người sống trong nhà của Phật, Chu tông là tên ngựa.

Dạo chơi bốn cửa thành, khi gặp được vị tăng, rõ được pháp, không còn vui thích chốn cung vua, gấp muốn tu tâm.

Nhân dạo chơi bốn cửa thành, đến cửa Đông thấy một người già nua suy yếu, đến cửa Nam thấy một người bệnh, đến cửa Tây gặp một đám tang, đến cửa Bắc gặp một vị Tỳ-kheo; đó là do vị trời Tác Ngõa hóa hiện. Thái tử hỏi: Ông là ai? Vị Tỳ-kheo đáp: Thế gian là vô thường, Ta do tu hành đạo thánh, vượt đến bờ kia. Nếu ai tu được như vậy cũng đều được như thế. Nói xong liền bay lên hư không biến mất.

Thái tử nhân thấy già, bệnh, chết, khổ rất sợ hãi, gặp vị Tỳ-Kheo, càng khởi tâm lành, nhàm chán chốn cung vua mà gấp muốn cầu được xuất gia tu hành.

Vua sinh lo buồn, sợ không có người kế thừa ngôi vua, bèn tăng thêm người hầu hạ ca nhạc để vui lòng Thái tử, nhưng Thái tử chẳng vui.

Vua biết tâm Thái tử muốn xuất gia, lo sợ không có người kế thừa đất nước, bèn tăng thêm các thể nữ hầu hạ, lại thêm đàn ca xướng hát để Thái tử được hân hoan vui vẻ, nhưng Thái tử chẳng lấy làm vui thích.

Đợi đến nửa đêm.

Đãi là đến, ương là một nửa. Đến nửa đêm đó.

Người ở cõi trời Tịnh cư.

Người ở cõi trời Tịnh cư là người giúp cho Thái tử xuất gia vậy.

Dùng năng lực phức đức cõi trời, hiện bày hình tướng xấu xa của các người hầu hạ, chín lỗ chảy tràn các thứ bất tịnh, ruồi lằn bu nhóm, thật đáng chán bỏ.

Xú là xấu xa dơ uế. Người cõi trời Tịnh cư, vận dụng thần lực phước báu cõi trời, hiển bày thân tướng của các người hầu hạ, thể nữ thảy đều ngủ say, hiện tướng thây chết, ở mỗi người, hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng, đường đại tiểu tiện v.v... khắp chín lỗ đều tuôn chảy vật bất tịnh. Ruồi lằn bu nhóm. Thái tử càng sinh tâm nhàm chán, xa lìa.

Nữa đêm, giờ tý, người cõi trời Tịnh cư báo rằng: Thái tử hãy rời khỏi cung, bây giờ đã đúng lúc.

Người cõi trời bảo với Thái tử: Đã từ cung trời Đâu-suất xuống đây, muốn viên mãn túc nguyện, cần phải rời cung vua, bây giờ đã đúng lúc.

Khi ấy, Thái tử cỡi kiền-trắc.

Kiền trắc là tên ngựa.

Cùng với người hầu cận Xa-nặc.

Xa nặc là người hầu cận đi theo.

Người cõi trời nâng chân ngựa.

Người cõi trời nâng đỡ chân ngựa kiền-trắc.

Bay đi trong không gian.

Bay giữa khoảng không vượt thành ra đi.

Đến núi tuyết, ngồi kiết già trên tảng đá.

Đã đến núi tuyết, ngồi trên tảng đá Bàng-đà.

Thiền quán vắng lặng sáu năm, mới thành Phật quả.

Trong "Chánh Tông Ký" nói: Trước tiên đến núi Di-lâu, tập hành bất dụng xứ định, kế đến, tới chỗ Uất-đầu-lam-phất, tập hành Phi phi tưởng xứ định. Lại đến núi Tượng Tỷ, khi nhìn thấy sao mai ló dạng liền ngộ đạo. Sáu năm vắng lặng thiền quán, mới thành Phật quả.

Không điều ác nào chẳng bỏ, không điều thiện nào chẳng đủ.

Khử là dứt bỏ, các điều ác đều dứt hết, muôn điều lành đầy đủ.

Đầu tiên, đi đến rừng Nai, ba lần chuyển Pháp Tứ Đế, và Ma-ha-Nam v.v... cả thảy năm người đều đắc Đạo.

Năm người là, lúc Phật mới vào núi, bên giòng họ cha có ba người: A-thấp-bà, Bà-đề và Ma-ha-nam-câu-lợi. Bên giòng họ mẹ có hai người: Kiều-trần-như và Thập Lực Ca-diếp đi theo hầu Phật, Phật không sử dụng, năm người ấy đều tu phạm hạnh. Lúc Phật đã thành Đạo, đầu tiên đến Lộc Uyển, vì Kiều Trần Như v.v... Ba lần quay bánh xe pháp Tứ Đế. Ba chuyển là: thị tướng chuyển, khuyến tu chuyển và tác tướng chuyển. Thị chứng chuyển tức là dạy: "Đây là khổ, đây là Tập, đây là Diệt, đây là Đạo". Khuyến tu chuyển tức là dạy: "Đây là khổ các thầy phải biết, đây là Tập các thầy phải đoạn, đây là Diệt các thầy phải chứng và đây là Đạo các thầy phải tu". Biết được nhân khổ quả khổ ở thế gian và nhân an vui, quả an vui của xuất thế gian. Tác chứng chuyển là dạy: "Đây là khổ ta đã biết, đây là Tập ta đã đoạn, đây Diệt ta đã chứng và đây Đạo ta đã tu". Kiều Trần Như v.v..., nghi ngờ hỏi: "Đức Như Lai còn trở lại thế gian với nhân khổ quả khổ, nhân an vui quả an vui nữa chăng?" Đức Phật đáp: "Ta đã biết, ta đã dứt, ta đã tu và ta đã chứng". Năm người nghe nói pháp ấy rồi mỗi người tự đắc Đạo quả.

Ban đầu, nói Pháp nhỏ.

Tức là ba chuyển pháp Tứ Đế

Thứ đến nói về không tông, do đó, đến các nơi như Thành Thất-la-phiệt, tinh xá Kỳ-hoàn v.v... Với tám bộ bát nhã, lần lượt giảng nói.

Thành Thất-la-phiệt tức là thành của nước xá-vệ, Tinh xá Kỳ-hoàn tức là nơi vườn cây của Thái tử Kỳ-đà, tinh xá do Cấp Cô Độc xây dựng. Tám bộ bát nhã là: Đại phẩm bát nhã, Trung phẩm bát nhã, Phóng quang bát nhã, Quang tán bát nhã, Đạo hạnh bát nhã, Kim Cương bát nhã, Thắng thiên vương bát nhã, và Văn-thù bát nhã. Tám bộ bát-nhã, phần nhiều là phá "hữu" quy "không", nên gọi là Không Tông.

Sau cùng, ở núi Linh Thứu, giảng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hội ba quy về một, bỏ quyền theo thật.

Linh Thứu là tên núi. Núi ấy hình dáng giống như chim thứu, nên gọi là Linh Thứu. Núi cao hang rộng bóng lộn có thể dung chứa cả muôn người. Phật trú tại đó giảng nói nhiều pháp sâu mầu. Nhân vì trước kia, đến vườn nai, nói các pháp hữu nên thảy đều chấp hữu, kế đến giảng nói tám bộ bát-nhã, vì nói không nên thảy đều chấp không, cho nên cuối cùng ở tại núi Linh Thứu, giảng nói kinh pháp hoa, hội ba quy về một tức là nhóm hội ba thừa kết quy về một thừa. Bỏ quyền theo thật tức là từ cạn đến sâu, bỏ tiểu mà quy về đại vậy.

Và ở những nơi như Điện Phổ Quang Minh, đạo tràng Bồ-đề, các tầng trời cõi Dục, cõi sắc, Thệ Lâm v.v... giảng nói kinh Đại Hoa Nghiêm, tiếng pháp sâu mầu.

Kinh ấy có ba bộ: bộ thượng có mười ba ngàn Đại thiên vi trần số kệ, cả thảy một tứ thiên hạ vi trần số phẩm. Bộ Trung có bốn trăm chín mươi tám ngàn tám trăm kệ, tất cả một ngàn hai trăm phẩm. Bộ hạ có mười muôn kệ tụng, tất cả bốn mươi tám phẩm. Hiện nay lưu truyền có ba mươi chín phẩm. Tổng cộng bốn mươi lăm ngàn bài tụng. Ở bộ tịch đời đường ra còn có chín phẩm chưa thuộc loại hạ bộ kinh này vậy, kinh này, Đức Phật ở bảy nơi mà giảng nói chín hội, đủ cả tám giáo: thiên, viên, đến, tiệm, không, hửu, quyền, thật, xuyên suốt cả huyền lý của ba thừa năm giáo. Nên gọi là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm vậy.

Không sự gì chẳng cùng, không lý gì chẳng tận.
Kinh ấy cùng sự đại tiểu, hết lý cạn sâu
Thánh phàm đều thấu suốt, chủ bạn cùng tham.

Viên mãn năm giáo, xuyên suốt ba thừa, bao trùm mười phương, thâu nhiếp tất cả, hội nhóm cả phàm, thánh quy về một thể, suốt cả chân tục để hòa lẫn ấy vậy.

Không và hữu đều hiển bày rõ ràng
Như giữa không gian mà hiện ảnh.
Sắc và tâm đều vào.

Chiếu và cảnh đều vắng lặng.

Như đèn thay nhau soi chiếu, giống như kiếng phản chiếu lẫn nhau, lớn nhỏ bao hàm lẫn nhau, mật nhiều không ngại.

Soi chiếu lẫn nhau vậy, là tổng kết ý văn trên là diệu dụng của Phật, thì hoặc lớn hoặc nhỏ thảy đều dung chứa lẫn nhau, hoặc một hoặc nhiều cũng là vô ngại. Đây là nói lên việc Thánh phàm đều thấu suốt, chủ bạn cùng tham, không chướng ngại. Như đèn và đèn soi chiếu lẫn nhau, kiếng và kiếng dung chứa lẫn nhau.

Mười đời đồng trong một niệm:

Nên trong Kinh Hoa nghiêm có bài kệ rằng:

"Một niệm quán khắp vô lượng kiếp.
Không đi không đến không an trú.
Rõ việc ba đời như thế ấy.
Vượt qua phương tiện đủ mười lực".

Chỉ trong Sát na hiện đủ trong một chân lông.

Diệu dụng của Đức Như Lai gom nhiếp cả cõi nước đại thiên, đặt để trong một lỗ chân lông, trong đầu một sợi lông mà chứa khắp đại thiên sa giới, đó là các Đức Phật, Bồ-tát viên dung tất cả cảnh giới Hoa nghiêm vậy.

Vì chẳng Hữu huyễn hữu của Hữu thật vô mà thành ra Tông Diệu hữu của Hữu Năng hữu Hữu sở hữu. Vì chẳng không chân không của không ngoan không mà hiệu cảnh chất chân pháp giới nơi không năng hiệu không sở hiệu.

Chính vì không Hữu chẳng lập, nên nhị đế thường tồn. "Chân" thì không chỗ lập, "Vọng" vốn là không, chẳng tức chẳng ly, nên hai đế thường còn.

Tịch chiếu đều mất, chân tục đều bày.

Khi ấy, thể dụng đều mất, hai đế đều hiển bày.

Ngay nơi Hữu mà hiện ra không Hữu:

Ngay nơi Hữu mà quán không Hữu

Tức không mà hiện ở Hữu không:

Ở tại không mà Quán Hữu không

Bao gồm các tên gọi Đồng Dị trong pháp giới

Như biển tiếp nhận nước ở nhiều dòng khác nhau,

Đều gọi là Phương Quảng

Tợ như trăm sông mà đồng rộng lớn

Cộng hết tên gọi khác nhau của các giáo

Gồm thâu nhiếp tên của Ba thừa năm giáo

Mà gọi chung là Hoa Nghiêm.

Bổn giáo: Tiểu, thỉ, chung, đốn đều không ngoài Viên giáo này, nên nói gọi chung là Hoa Nghiêm.

Thật là khuôn phép lớn tròn đầy:

Thật là khuôn phép lớn đầy đặn tròn đủ.

Mới là Diệu thuyết của chân thường.

Chẳng phải “Giả” là “Chân”, chẳng phải “ Biến” là “Thường”. Bàn luận về Lý chân thường, nên gọi là Diệu thuyết.

Thật lớn thay.

Khen ngợi sự rộng lớn của Viên giáo.

Đạt đến cùng cực, không thể suy nghĩ, bàn luận.

Pháp không có lớn nhỏ, trước sau, y cứ theo căn có mà gọi tên, vượt ngoài tâm tưởng, nói năng suy nghĩ, đều không thể được. Tình thức danh ngôn không thể diễn tả được, nên cùng cực không thể nghĩ bàn, và tận cùng trong giáo pháp.

Cho nên, Phật làm lợi ích chúng sinh vô cùng rộng lớn,

Cố (= nên) là từ chỉ cho Nghĩa, nêu bày như thế, độ khắp tất cả chúng sinh, đồng chứng diệu quả Nhất thừa, nên nói là rộng lớn.

Thấm nhuần muôn vật khắp nơi.

Tâm lợi ích cứu giúp, như trời mưa tuôn, muôn vật đều được thấm nhuần, nên nói là thấm nhuần muôn vật khắp nơi.

Phương tiện khéo léo cứu độ ức kiếp chúng sinh.

Trong Kinh Hoa nghiêm chép: Vung lưới Đại giáo, bắt tất cả cá trời người đem về bờ Niết bàn.

Cứu vớt vô biên nỗi khổ.

Tùy loại hóa đạo, cứu vớt kẻ đắm chìm, thảy đều lìa khổ được vui.

Nhưng dùng sinh của vô sinh mà hiện sinh ở Hữu sinh.

Đức Như Lai diệu thể chân tịnh, xưa nay vốn vô sinh, nhưng thấy tất cả chúng sinh qua lại trong sáu đường, không lúc nào ngừng dứt, cho nên vì chỉ bày thể của vô sinh, mà hóa hiện ở loài của hữu sinh.

Dùng tướng của vô tướng mà hiện ra tướng của Hữu tướng.

Tướng chân thật, gọi là vô tướng, dùng lý vô tướng mà hóa hiện ra hữu tướng, mới là tướng hóa độ chúng sinh.

Khách im lặng suy nghĩ hồi lâu không nói.

Khách nghe nói pháp môn viên dung mầu nhiệm của Phật như vậy, tự lắng đọng tâm tư suy nghĩ hồi lâu không nói.

Diệu Minh hỏi: Với những lời tôi nói, Ông chẳng trả lời được hay

sao?

Nay ông nghe tôi nói pháp yếu, chẳng thể tự giải quyết được lý ấy ư?

Khách nói: Tôi sợ ông dùng những từ lớn lao, những câu Thánh thiện mà khinh thường tôi.

Tôi sợ ông dùng những từ ngữ hay khéo, những câu nói cao siêu mà khinh thường lừa dối tôi.

Diệu Minh nói: Không.

Không phải như vậy.

Ngày xưa, trong pháp hội Hoa nghiêm, các vị Thánh Nhị thừa đều là những vị lậu tận Đại A la Hán.

Tiếng Phạm là A-la-hán, Hán dịch là Vô học. Xưa kia, trong pháp hội Hoa nghiêm, lúc Phật nói kinh này, các tiểu thánh Nhị thừa Thanh văn Duyên giác, các lậu hoặc đã hết sạch, đều là những bậc Đại A la Hán không còn phiền não, có đủ tám Pháp giải thoát, tùy ý vô ngại, trần lao không thể ràng buộc, nên gọi là giải thoát. Tám thứ ấy là:

1. Trong có sắc quân, ngoài có sắc giải thoát.
2. Trong không sắc quán, ngoài sắc giải thoát.
3. Tịnh giải thoát.
4. Không vô biên xứ giải thoát.
5. Thức vô biên xứ giải thoát.
6. Sở hửu xứ giải thoát.
7. Phi tưởng xứ giải thoát.
8. Tưởng thọ diệt xứ giải thoát.

- Được sáu thứ thần thông.
- Hoạch (= được). Sáu thứ thần thông gồm:

1. Thiên nhãn thông.
2. Thiên nhĩ thông.
3. Tha tâm thông.
4. Thần cảnh thông.
5. Túc mạng thông.
6. Lậu tận thông.

Lúc mới nghe chỉ dạy giáo pháp Hoa nghiêm viên mãn.

Bậc Thánh nhị thừa ấy, lúc đầu trong pháp hội Hoa nghiêm nghe Phật chỉ dạy đạo lý viên giáo này.

Mắt không nhìn thấy thân Phật.

Đổ là thấy, không thấy thân Phật.

Tai không nghe tiếng Phật nói.

Văn là nghe, tai không nghe lời Phật nói pháp.

Tâm không rõ nghĩa pháp.

Tâm không rõ biết nghĩa vị của giáo pháp Phật nói.

Thần ý mê say.

Đồng như giải thích ở câu dưới.

Trí mờ tình mê.

Tâm thần những vị ấy như không biết Đông, Tây, Nam, Bắc, mê mờ chân như. Như người mắt sáng đi vào chỗ tối tăm, tánh tình họ hôn mê mịt mờ, chẳng tự rõ biết.

Mịt mờ tự mất, là không biết gì cả, mơ màng mà tự mất thân mạng.

Đều không hay biết gì là vì đối với Viên giáo ấy, chỉ có Bồ-tát Đại thừa mới biết được, hàng Nhị thừa tiểu thánh nghe pháp yếu ấy, đều như mù như điếc, nên nói là thường không hay biết.

Đến sau nói phẩm Nhập Pháp Giới, mới lãnh hội được.

Cẩn là mới. Đến khi Phật nói phẩm Nhập Pháp Giới, chỉ mới tỉnh ngộ chút ít.

Vả lại, họ bị che lấp, sau đó trí tuệ phát sinh hiểu biết là vì sao? Vì ba mươi tám phẩm trước, phải là người có căn tánh.

Chep lấp không thông thì sẽ bị ngăn ngại, nghĩa là trước bị bít lấp, ngăn ngại mà không biết, nhưng sau trí tuệ phát sinh lãnh hội được, là vì sao? Vì người căn tánh thấp kém không thể mau lãnh hội được Đại pháp. Hơn nữa vì ba mươi tám phẩm trước là dành cho người có đủ căn tánh lớn, nên hàng Nhị thừa không thể rõ biết.

Chỉ có Bồ-tát nhập địa, lý vi diệu, lời cùng cực chẳng gần với thường tình.

Duy là chỉ có, chỉ có người bước vào Địa vị Bồ-tát, mới thấu được ngôn từ rất vi diệu ấy. Nên không thể dùng tình thức cạn cợt tầm thường mà suy lường được.

Chẳng phải cảnh giới của bậc Thánh nhị thừa nên không thể được nghe.

Pháp ấy thật chẳng phải cảnh giới của bậc Tiểu thánh nhị thừa Thanh văn Duyên giác, nên không thể được nghe.

Có ít vị Bồ-tát lặp lại ví dụ, nhưng các vị ấy ức chế không tin.

Phả là ít, có các Bồ-tát lặp lại thí dụ để trình bày, nhưng các bậc Thánh ấy tuy đè nén mà còn không thể tin.

Các bậc Thánh còn vậy, huống chi là ông ư?

Nhĩ là ngữ trợ từ, bậc Thánh nhị thừa đối với các thứ thí dụ như thế

còn chẳng biết chẳng tin, huống chi đối với ông?

Khách nói: Bậc Thánh còn không rõ, làm sao ông biết được?

Hê là sao. Khách lại nói rằng: Các bậc Thánh còn không biết thì làm sao ông có thể biết được ư?

Diệu Minh nói: Dùng trí bậc Thánh mà nói thì Đại phàm không bằng tiểu thánh.

Trí bậc Thánh tức là bậc tiểu Thánh nhị thừa, khéo có thần biến, tự tại vô ngại. Do say đắm vào đó nên đối với Nhị thừa không thể tu hành. Người phàm phu đại tâm, do không có thần thông nên không sánh bằng bậc Tiểu thánh.

Nói theo căn tánh thì bậc Tiểu thánh không bằng đại phàm.

Phàm phu thượng căn thượng tín, thực hành hạnh Bồ-tát tu đạo Đại thừa, không lập giai vị, thẳng đến chánh giác, đó là Tiểu thánh không bằng đại phàm.

Do căn cơ có lớn nhỏ, tánh có dày mỏng.

Người thượng căn, ý khí cao xa, kẻ hạ căn ý khí nhỏ kém. Nên có chia ra lớn nhỏ dày mỏng.

Tôi do rất mực kính trọng tin đạo, nên rất nhịn chịu dục lạc, đối với Đại pháp có thể lược biết chút ít.

Tôi do tin đạo lý này, tôn kính sâu dày, do vậy rất nhẫn nhịn dục lạc thế gian, răn dè mà chẳng tham. Lại đối với pháp Đại thừa lược biết chút ít.

Như muốn giải thích rộng ra hãy đợi nghe nhiều.

Nếu có trích dẫn rộng rãi và rõ ràng nghĩa ấy thì hãy đợi bàn rộng nghe nhiều.

CHƯƠNG THỨ BA: HỎI VỀ ĐỨC PHẬT

Chương này, vì trong chương hai, nói về Phật đã có họ tên, vì sao không gọi, nên nói là hỏi về Đức Phật.

Khách hỏi: Kia đã có họ, sao bỏ không gọi, lại gọi là Phật. Nghĩa ấy thế nào?

Diệu Minh nói: Đó là Thụy hiệu của bậc Đại thánh.

Trong sử ký nói: Thụy pháp tức là dấu vết của hạnh, hiệu là phô bày công lao, người có công lớn thì xưng thụy hiệu.

Hễ nói về hiệu thì có mười: Như Lai phỏng đồng với tích trước. Ứng cúng kham nhận làm ruộng phước, Chánh biến tri thấu suất cả chân ngụy. Minh Hạnh Túc quả được từ nhân Thiện thệ khéo đạt được giác ngộ. Thế gian giải, Vô thượng sĩ, cùng tận Pháp giới. Điều ngự trượng phu giáng sinh thành đạo, Thiên nhân sư ứng cơ nói pháp, Phật Tam giác viên minh, Thế Tôn Độc tôn xuất thế.

Dùng hiệu mà xưng nên gọi là Phật, do từ thời Tam Hoàng và Ngũ Đế xưng hiệu mà không xưng họ.

Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hiên Viên, Ngũ Đế là Thiếu Đạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường Nghiêu và Ngu Thuấn. Đều có họ tên mà chỉ xưng hiệu.

Phật, nghĩa là Giác.

Tiếng Phạm là Phật-đà, Hán dịch là Giác Giả.

Nghĩa ấy có ba: Tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn.

Tự giác là tự lợi, giác tha là lợi tha và giác hạnh viên mãn là tự tha đều lợi.

Vì Ba kỳ đã mãn.

Tiếng Phạm gọi là Kỳ, Hán dịch là Kiếp, chư Phật đều tu ba vô lượng kiếp, mới được công hạnh tròn đầy.

Ra khỏi ba cõi.

Không bị bó buộc ở cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc nên gọi là ra.

Đủ ba thân.

Thanh tịnh pháp thân, viên mãn báo thân và tùy loại hóa thân.

Ba thân đã tròn đủ nên gọi là đủ.

Sáng ba trí.

Trí sinh không trí Pháp không và trí câu không, ba trí đã sáng, nên gọi là sáng.

Đủ ba đức.

Bát-nhã, Pháp thân và Giải thoát đều đủ, nên gọi là đủ.

Sáng ba giác.

Tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn, ba giác đều soi suốt, nên gọi là sáng.

Đủ ba thường

Thường bất động, thường bất đoạn và thường hóa thân tức là ba thân; pháp thân, báo thân và hóa thân, cả ba thường đầy đủ nên gọi là đủ (= bị) vậy.

Tròn mười lành:

1/ không giết hại, 2/ không trộm cướp, 3/ không tà dâm, 4/ không nói lời đôi chiều, 5/ không nói lời thô ác, 6/ không nói lời thêu dệt, 7/ không nói lời luống dối, 8/ không tham dục, 9/ không sân nhuế, 10/ không tà kiến. Lìa mười thứ ác ấy thì thành mười điều lành, nên gọi là tròn (= viên) vậy.

Đủ mười độ:

Bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, phương tiện, đại nguyện, đại lực, đại trí, đầy đủ mười độ ấy nên gọi là đủ (= mãn) vậy.

Vượt mười Địa :

Hoan hỷ Địa, Ly cấu Địa, Phát quang Địa, Diệm tuệ Địa, Hiện tiền Địa, Viễn hành Địa, Bất động Địa, Thiện tuệ Địa và Pháp vân Địa. Vượt qua mười địa, chứng Đẳng giác, Diệu giác, nên gọi là vượt vậy.

Đủ mười thân:

Bồ đề thân, Nguyện thân, Hóa thân, lực trì thân, tướng hảo thân, oai thế thân, ý sinh thân, phước đức thân và trí thân, đủ mười thân ấy nên gọi là đủ (cụ) vậy.

Đủ mười lực:

Thị xứ phi xứ trí lực, tri nghiệp lực, tam muội lực, tri căn lực, tri dục lực, tri tánh lực, đạo lực, túc mạng lực, thiên nhãn lực, vô lậu lực, mười lực đầy đủ, nên gọi là đủ vậy.

Mười trí sáng tỏ:

1/ thế tín trí, 2/ pháp trí, 3/ loại trí, 4/ khổ trí, 5/ tập trí, 6/ diệt trí, 7/ đạo trí, 8/ tha tâm trí, 9/ tận trí, 10/ vô sinh trí. Mười trí ấy soi suốt nên gọi là sáng tỏ.

Mười hiệu oai nghiêm:

1/ Như Lai, 2/ Ứng Cúng, 3/ Chánh Biến Tri, 4/ Minh Hạnh Túc, 5/ Thiện Thệ, 6/ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ, 7/ Điều Ngự Trượng Phu, 8/ Thiên Nhân Sư, 9/ Phật, 10/ Thế Tôn. Oai trọng tôn kính nên gọi là nghiêm vậy.

Mới gọi là Phật:

Tổng kết ý văn trên, đủ các công đức như thế, nên gọi là Phật.

Phật có ba thân, ở đây là nói về Báo thân, Hóa thân.

Vì đây, chỉ nói về Báo thân và Hóa thân.

Về Pháp thân thì ông chẳng nghe được.

Nếu nói về lý của pháp thân thì ông không nghe được.

Khách nói: Nhân muốn nghe điều ấy:

Khách nhất định muốn được nghe vậy.

Diệu minh nói: người tha thiết muốn nghe về pháp thân:

Dưới đây là hình dung về sự nhiệm mầu của pháp thân.

Nghĩa là các Đức Như Lai chân tịnh pháp giới:

Chân tịnh pháp giới tức là lý pháp thân.

Gốc của thần minh, cội gốc của tạo hóa:

Gốc của thần minh tức là bản thể của chân tịnh Diệu minh.

Cội gốc của tạo hóa tức là cội nguồn của chí thánh thần hóa. Đó là cảnh giới của các Đức Phật vậy.

Un đúc lưỡng nghi, rèn luyện muôn hữu:

Ở đây thí dụ tạo hóa là xưởng đúc lớn. Trang tử lấy trời đất làm lò lớn, lấy tạo hóa làm xưởng đúc lớn, như nung chảy mà đúc. Lưỡng nghi là Lý Âm Dương thăng giáng, tức là pháp một động một tĩnh, cũng như người thợ đúc các vật dụng, phải dùng các thứ lò, bệ, kềm, búa làm các đồ dùng, đều từ từng khoảng tất vuông mà phát sinh. Đó là dụ về mặt sự của pháp thân.

Lớn mà không ngoài:

Lý pháp thân bao trùm trời đất, nên gọi là không ngoài.

Nhỏ mà chẳng trong:

Pháp thân nhiệm mầu, nhỏ như hạt bụi gần như hư không cũng không ở trong ấy.

Rộng mà không đầu mối:

Khoáng là chiếu sáng nghi rộng lớn và lý Pháp thân, tuy chiếu sáng rộng lớn nhưng không có đầu mối để quán sát.

Mịt mờ vắng lặng mà không gì sánh đối:

Yểu là hiện tượng sâu xa lặng lẽ. Diệu dụng của pháp thân tuy mịt mờ sâu lắng nhưng không gì sánh đối bằng.

Nguyên nhân sinh ra muôn tượng:

Các loại muôn tượng đều từ pháp thân sinh ra.

Là chỗ hình thành năm thứ âm thanh:

Trong Nhạc Tinh Đồ Phổ nói: Năm thứ âm thanh là: cung, thương,

dốc, chủy, vũ. Nếu phối hợp với năm hành thì: Cung thuộc Thổ, Thương thuộc Kim, Dốc thuộc Mộc, Chủy thuộc Hỏa và Vũ thuộc Thủy. Năm thứ âm thanh và năm hành cũng từ lý ấy sinh ra.

Sinh mà không đầu mối:

Lý chân như vốn không có điểm khởi đầu.

Thành mà không có chỗ cuối cùng.

Thể của Diệu hữu cũng không có chỗ cuối cùng.

Không có chỗ khởi đầu, không có chỗ cuối cùng:

Tổng kết hai câu trên, lại dẫn từ sau, đã không điểm khởi đầu, cũng không chỗ cuối cùng.

Không sáng tỏ, không tối tăm.

Lý pháp thân chẳng sáng, chẳng tối.

Không hình tượng, không ứng điềm:

Bản thể rỗng sáng linh thiêng, không phô bày hình tượng, ứng hiện các điềm.

Không tên gọi, không dấu vết.

Về lý Vô tướng thì không có tên gọi và không có dấu vết.

Không dọc không ngang.

Pháp thân chân thật của Phật như hư không, đâu có dọc nam bắc, ngang đông tây, đâu có bốn phương để nghĩ ngợi so sánh.

Không cao không rộng:

Viên thông lớn như hư không, trùm khắp mọi chốn, đâu thể bị bó buộc bởi chiều cao, chiều rộng ư.

Không phương không duy:

Chân không diệu hữu trùm khắp tất cả chỗ, đâu thể so lường ở bốn phương, bốn duy.

Không nhỏ không lớn:

Bản nhiên thanh tịnh bao trùm pháp giới, đâu thể đồng đẳng lớn nhỏ ư?

Vô tướng vô tánh:

Sự nhiệm mầu của pháp thân, không tướng để thấy được, không có tánh để y cứ được.

Không diệt không sinh:

Diệu lý chân không vốn không sinh diệt.

Không nhiễm, không tịnh:

Diệu thể chân không đâu có nhiễm tịnh.

Xưa nay vắng lặng:

Vốn thường xưa nay lai như như, nên gọi là vắng lặng.

Tự tánh Niết-bàn:

Chân thường vắng lặng, không tùy vật chuyển hóa, nên gọi là tự tánh Niết bàn.

Chẳng phải quá khứ:

Nhưng hiện Niết-bàn vốn không lay động, nên gọi là chẳng phải quá khứ.

Chẳng phải vị lai:

Trong Văn kiến lục nói: "Thiệu Tử nói: "Thân có sau trời đất, tâm có trước trời đất, đất trời từ ta sinh, những thứ còn lại không đáng nói" vậy há có lý vị lai chăng?".

Chẳng phải hiện tại:

Người xưa nói: "Ba đời tìm tâm, tâm chẳng có, tâm chẳng chỗ có, vọng vốn "không". Chỗ vọng vốn "không" tức Bồ-đề, Niết-bàn sinh tử vốn bình đẳng". Nếu vậy thì hiện tại cũng không chỗ có vậy.

Chẳng ràng buộc cũng chẳng lìa ràng buộc:

Từ đây về sau nói về sự nhiệm mầu của pháp thân, pháp thân chẳng dính mắc do sự trói buộc, cũng không phải chẳng dính mắc so sự trói buộc.

Không ràng buộc, không giải thoát:

Đã không dính mắc do sự trói buộc cũng không dính mắc đối với sự giải thoát.

Chẳng phải khổ, chẳng phải vui:

Về lý thật tế thì chẳng dính mắc một mảy trần, làm gì có khổ có vui ư?

Chẳng phải không khổ, chẳng phải không vui.

Cũng chẳng dính mắc nơi không khổ, cũng chẳng dính mắc nơi không vui.

Chẳng phải sắc, chẳng phải tâm.

Bản giác rộng lặng linh thiêng chẳng thuộc về sắc tướng, cũng chẳng thuộc về Tâm tướng.

Chẳng phải không phải sắc, chẳng phải không phải tâm.

Lý Pháp thân, vắng lặng tợ như vô, động thì lại có. Tuy như vậy nhưng cũng chẳng dính mắc nơi không sắc, không tâm.

Chẳng phải lý, chẳng phải sự.

Không phải là lý, không phải là sự.

Chẳng phải không lý, chẳng phải không sự.

Không gì chẳng là lý, không gì chẳng là sự.

Chỉ là một vị.

Tâm, Phật và chúng sinh, ba thứ ấy không khác nhau, tợ như biển cả thâu nhận nước cả trăm dòng mà chỉ một vị mặn.

Mà chẳng phải một vị.

Cũng chẳng phải chấp đắm đối với một vị.

Trùm khắp tất cả mọi nơi.

Pháp thân như hư không, không nơi nào chẳng có, nên nói là trùm khắp tất cả mọi nơi.

Mà chẳng phải tất cả mọi nơi.

Mà cũng chẳng phải trùm khắp tất cả mọi nơi.

Diệu thể thường tròn đầy.

Diệu thể chân thường, ở phàm không bớt, ở Thánh không thêm, đứng vững mà thường tròn đầy.

Nhưng chẳng phải thường tròn đầy.

Mà cũng chẳng chấp đắm thường tròn đầy.

Vắng lặng như hư không.

Lý Pháp thân lắng đọng như hư không.

Mà chẳng nghĩ tưởng như ngoan không.

Thanh tịnh vô vi.

Thanh tịnh bản nhiên, vốn không hành vi tạo tác.

Mà chẳng phải không thi vi tạo tác.

Pháp thân thường vắng lặng, vì độ sinh nên cũng như có tạo tác.

Hữu tình vô tình.

Hữu tình là tất cả hàm linh, vô tình là xiển-đề, xiển-đề cũng là hữu tình, nhưng vì không rõ chân lý nên cũng giống như vô tình.

Bình đẳng đều có.

Tóm kết nghĩa câu trên Kinh Kim Cương nói: “Pháp ấy bình đẳng”.

Dùng vô lượng hành tướng như thế.

Dùng như các đều nói trên, thí dụ cho vô lượng hành tướng.

Mà chẳng phải hành tướng.

Tuy dùng vô lượng hành tướng để thí dụ đó, nhưng thật không dính mắc các hành tướng.

Phải biết đúng như thế mới gọi là Phật Pháp thân.

Tổng kết ý văn trên, phải hiểu biết đúng đắn như trên mới gọi là Phật Pháp thân.

Khách hỏi: Nghĩa Pháp thân Phật cùng tận đó ư?

Ý nghĩa của Pháp thân chỉ có bấy nhiêu thôi sao?

Diệu Minh nói: Tạm thôi, chưa phải vậy.

Chỉ tạm như thế, mà chưa thật cùng tận.

Nói đến Pháp thân Phật, thì

Dưới đây lại nói đến sự nhiệm mầu của Pháp thân

Lìa bốn câu, dứt trăm phi.

Bốn câu là: có, không, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không, trăm phi là từ bốn câu nhân bốn (4x4) thành mười sáu, lại nhân với ba đời (16x3) thành bốn mươi tám, lại nhân hai thứ đã khởi và chưa khởi (48x2) thành chín mươi sáu, cộng thêm bốn câu căn bản, thành trăm (100) pháp. Chỉ dính mắc một pháp là phi, nên gọi là trăm phi.

Động niệm thì cách biệt.

Động niệm thì tình sinh, tình sinh thì trí cách biệt.

Cưỡng nói thì sai trái.

Cưỡng nói thì không hợp lý, chỉ dính mắc sự nói năng thì trái lìa vậy.

Thoát khỏi thanh trần.

Vượt khỏi nhĩ (tai) giới và thanh (âm thanh) trần.

Lìa văn tự, và

Lìa bỏ lời nói, tên gọi.

Nói, nín, động, tịnh đều không thật có mà gần gũi.

Có lời tức nói, không lời là im lặng, thể lay động là động, tâm vắng lặng nhiên gọi là tịnh. Trong khoảng nói, nín, động, tịnh ấy đều không thật có mà gần gũi vậy.

Bởi vì Pháp thân xa lìa sự nói năng.

Tổng kết ý văn trên, đại khái Pháp thân xa lìa hẳn sự nói năng, như nói chẳng đấm trước đối với sự thấy, nghe, hay biết vậy.

Nhưng lìa nói năng cũng chẳng phải Pháp thân vậy.

Nếu sự lìa nói năng mà tìm cầu Pháp thân, cũng chẳng phải Pháp thân, như nói chẳng lìa thấy, nghe, hay, biết vậy.

Ông rất muốn học đạt đến đạo xa lìa, không xa lìa nói năng này ư?

Ông rất ít muốn học Đạo mầu xa lìa, không xa lìa nói năng này ư?

Khách nói: Muốn chứ!

Duy, âm là vĩ, là từ ngữ trả lời.

Diệu Minh nói: muốn tốt được việc làm, thì trước tiên dụng cụ để làm phải bén nhọn.

Trong luận ngữ chép: “Tử Cống nói: “Người thợ muốn làm ra vật dụng tốt đẹp, trước tiên vật dụng để làm phải sắc bén”. Muốn làm việc

nhân nghĩa thì nên gần gũi người hiền nhân. Muốn học đạo Thánh hiền, thì trước phải lập chí, như vậy thì thánh đạo mới để sáng tỏ vậy”.

Nay ông trước nên học phương tiện để xa lìa, không xa lìa, phương tiện nói năng ư?

Khéo léo dễ làm, gọi là phương tiện.

Khách nói: Vâng! Xin được nghe.

Mau chóng đáp lại, gọi là nghe theo mệnh lệnh.

Diệu Minh nói: Muốn đạt được đạo xa lìa, không xa lìa nói năng.

Dưới đây là hình dung sự nhiệm mầu của đạo.

Trước phải quán sát tất cả pháp

Muốn học đạo ấy cần phải quán sát tất cả các pháp sinh diệt trong thế gian.

Chẳng phải thật, chẳng phải hư:

Chớ cho là hư là thật mà sinh ra chấp đắm.

Không có ta, không có người:

Chớ sinh kiến chấp có nhân, có ngã.

Không dơ không sạch:

Bản tánh vắng lặng, vốn không dơ sạch.

Gạt bỏ thông minh:

Bỏ trí gọi là truất (= gạt bỏ). Nghĩa là gạt bỏ sự thông minh ở đời.

Buông rơi chi thể:

Lìa hình hài gọi là trụy (= buông rơi). Nghĩa là lìa chi thể bốn đại.

Buông thả thói đời:

Buông bỏ thói quen ở đời.

Dứt niệm lự:

Bình âm là bỉnh, nghĩa là dứt bỏ vọng niệm tư lự.

Quét sạch tình dục:

Bổ phá tình riêng, dứt trừ ưa dục.

Diệt trí ngưng thần:

Dứt bỏ thế trí, ngưng hết tâm thần.

Bặt quên hoài bảo, lắng đọng tâm tư:

Không ghi nhớ tình cảm nghĩ ngợi, lắng đọng sự suy tư. Nếu bỏ được những việc nói trên thì gần với đạo vậy.

Sau đó, mắt như tai, tai như mũi, mũi như miệng, miệng như tai:

Phàm người học đạo đến lúc tâm đã ngưng, thân đã bặt thì sáu căn đều trở về một nguồn. Thân tâm chỉ một không hai. Đã vậy thì đối với

sáu trần; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tâm đều không lay động.

Thân tâm hòa quyện lẫn nhau, thể trí viên dung:

Tóm kết ý văn trên, sáu căn đã không nhiễm thì thân tâm hòa quyện lẫn nhau, viên thông một thể.

Xuyên suốt luôn cả thân sơ:

Không biết thân với mình, cũng chẳng sơ với vật.

Quên cả vật và ta:

Chỉ đạo không thật có. Dùng tình để cầu tình của vật ngã ấy, đều không thể không quên vậy.

Hết vinh nhục:

Tính chất vui với vinh, xấu với nhục đều diệt sạch hết.

Dứt phải quấy:

Thị (= đúng) và chẳng thị (= sai) đều dứt bặt hết.

Thâu ngắn tầm nhìn, nghe lại chính mình:

Thâu xét mắt mình, soi lại cội nguồn.

Hư dĩ minh chân:

Không hư ngã hữu, minh khế bản chân.

Trăm thứ meo móc có ra từ miệng:

Quên cả nói năng.

Cỏ xanh mọc nơi đầu lưỡi:

Rất giống người chết.

Ngàn thánh gọi chẳng quay đầu:

Tâm linh thiêng dứt bặt sự đối đãi.

Trăm chim đều không tìm chỗ:

Dứt tướng lấng thần.

Hình đồng như cầu gỗ:

Hình thể đồng như cây cầu gỗ khô, chẳng sinh ý.

Tâm như tro tàn:

Tâm như tro nguội lạnh, không còn khởi niệm.

Trí nhàn ở nơi núi cao xa nước:

Trang Tử nói: cái nhàn của người đại trí, nhàn là từ dung mạo mà tự được. Có thể nói là nơi núi cao xa nước, tuy có hình mà nắm bắt không được vậy.

Tánh lặng như trăng soi trong đầm lạnh:

Tánh thể vắng lặng, như bóng trăng dưới nước trong đầm lạnh, tuy động mà không gợn sóng và không mất đi.

Vậy sau đều hợp với đạo lý xa lìa, không xa lìa nói năng.

Tổng kết ý văn trên, nếu được như vậy, sau đó có thể là đạo lý xa

lìa, chẳng xa lìa nói năng.

Khách choàng đứng dậy nói rằng:

Quyết là dáng mạo bỗng nhiên đứng dậy, Hưng là lời nói phát ra.

Tâm ý tôi buồn sợ:

Mộng là buồn lo và tánh mờ tối, Đổng là tâm mê không sáng suốt.

Tinh thần hoảng hốt ngu muội:

Hoảng là hoảng hốt, mỗ là ngu tối.

Đối với lời Ông nói, không biết vào từ chỗ nào:

Tổng kết ý văn trên, do buồn lo tánh mờ tối, tâm mê không sáng suốt, hoảng hốt ngu muội. Đối với Diệu Lý pháp thân của Ông nói, đều không biết vào từ chỗ nào.

Diệu Minh nói: vì sao hoảng hốt vậy?

Có gì mà hoảng hốt vậy ư?

Lúc ban đầu, tôi tưởng Ông là người mẫn đạt, giờ sao ông yếu kém đến thế ư?

Ban đầu thấy Ông là người thông đạt, giờ lại hoảng hốt, không biết gì cả. Há chẳng hèn mọn mà đến thế ư?

Ông ngồi yên, tôi sẽ nói cho ông nghe.

Cư (= ở) như tọa (= ngồi). Nghĩa là tôi sẽ nói lý ấy cho ông nghe.

Ngày trước, tôi học với Ngư Nham lão nhân:

Ngư nham là tên núi, Lão nham tức Diệu minh tử, giữ trao pháp yếu cho sư Tường công vậy.

Trong ba năm giữ lễ làm đệ tử:

Suốt thời gian ba năm, giữ lễ Đệ tử mà hầu hạ kính thờ.

Không dám dùng một lời hỏi về nghĩa ấy:

Không dám khinh dùng một lời hỏi nghĩa lý ấy.

Mà Ngư nham cũng chẳng nói cho tôi nghe vậy:

Ngư nham cũng không chỉ bảo cho tôi vậy.

Sau năm năm chăm lo làm việc, không gì chẳng theo ý thích:

Năm năm sau, nhờ chăm lo làm lụng mọi công việc, không điều gì chẳng theo ý nguyện và theo ý thích vậy.

Mới được Ngư nham dẫn dắt cùng ngồi một chiếu, chỉ bày đạo lý ấy, mới có tỏ ngộ chút ít:

Khi ấy mới được ngồi chung một chiếu, chỉ bày cho ít đạo lý, mới hơi được khai ngộ rõ biết.

Sau đó, mỗi ngày đến hỏi nhưng không tiếc lời nói với tôi.

Từ đó về sau, mỗi ngày đến hỏi, không hề keo lận mà không nói cho tôi nghe.

Nay ông tâm ý thúc bách, mà dễ dãi đối với đạo ư?

Há chỉ vì tâm ý bức bách hối thúc dễ dãi mà liền được đạo ấy ư?

Khách hỏi: Nếu vậy thì nghĩa ấy thế nào?

Như vậy là thế nào?

Diệu Minh nói: Thôi vậy, thôi vậy!

Thôi là từ cấm ước, lập đi lập lại thì bị can ngăn.

Hễ càng đi thì dấu chân càng nhiều:

Hễ là hô khởi từ, số là âm vọng. Có nghĩa là bước đi càng nhiều thì dấu vết càng lắm.

Nói càng nhiều thì đạo càng xa:

Nói càng nhiều thì đạo thay đổi mà chẳng còn hợp nữa.

Nếu chẳng vào bóng râm và bặt dấu, quên lời mà thể hội với đạo vậy:

Trang Tử nói: "Vào chỗ râm thì không còn bóng, vào chỗ vắng thì mất dấu tích". Ít ngôn từ thì đạo tự gần vậy.

Hướng đến điều tôi nói thì ban đầu dùng lời nói để nói cái lời nói.

Hướng đến điều tôi nói, thì dùng lời nói để nói đạo lý ấy.

Kế đến, dùng lời nói để nói cái không lời nói:

Lời nói kế sau thì dùng lời nói để nói về đạo lý không lời nói.

Nhưng chưa kịp dùng không lời nói để nói cái không lời nói.

Như vậy thì còn chưa lìa lời của không nói không năng vậy.

Khách nói: Xin được nghe đạo lý không lời.

Muốn nghe đạo lý không lời.

Diệu Minh im lặng để chỉ bày:

Im lặng giây lát để chỉ bày đạo lý không lời.

Trong giây lát:

Trong khoảng thời gian ngắn.

Khách hỏi: Ấy là đạo lý lìa lời nói ư?

Chỉ thế, có thể gọi là đạo lý lìa lời nói ư?

Diệu Minh không đáp lại, bèn gõ ghế ca rằng:

Gõ tay vào ghế và hát mấy câu:

"Trúc dài, gió lay chừ, cửa nhà thấm lạnh
Đầm vắng, trăng soi chừ, ngàn sao lấp lánh
Đàn không dây chừ, khúc ca lảnh lót
Núi cao, nước tuôn chừ, róc rách thay đàn".

Như Thiệu Tử có bài thơ: "Trăng soi ở lòng trời, gió lay cây gợn bóng, khắp nơi đều êm dịu, liệu được mấy ai hay". Tự gõ tay vào ghế và ca những lời ấy chính là nói lên đạo lý không lời.

Hát xong, nằm xuống gối:

Đó là nói lên toàn bộ đạo lý không lời. Người học, ngay lúc ấy có thể tự vui mà thưởng thức và tự tiêu tan phiền não.

Khách cũng rời khỏi chiếu bước ra khỏi nhà, giây lát vào lại, đến chỗ Diệu Minh và nói: Lý rất sâu kín ấy chẳng gần nhân tình, xin đừng nói nữa:

Lìa khỏi chiếu, ra ngoài cửa, chốc lát trở lại nói: Nếu hướng về lời nói, ngôn từ hỏi đáp ấy, thì nghĩa lý rất sâu mầu, chẳng gần với hạng người tình ý tầm thường, hãy thôi chớ nói điều ấy nữa.

Xin hỏi: Phật đến núi Tuyết tu đạo, sao không thành Tiên mà lại nói thành Phật, nghĩa ấy thế nào?

Nghĩa là, dám xin hỏi lại: Phật tu đạo ở núi Tuyết, chẳng gọi là thành Tiên mà gọi là thành Phật, nghĩa ấy thế nào?

Diệu minh nói: Đạo nghĩa là dẫn dắt. Dẫn dắt người đạt đến vô vi. Đó là ý nghĩa của sự dẫn dắt:

Nghĩa là dẫn dắt chúng sinh đến chỗ vô vi vậy.

Khách hỏi: Vô vi là thế nào?

Lý của vô vi là thế nào?

Diệu Minh nói: vừa rồi không nói ư? Pháp thân Phật tức là vô vi.

Nói pháp thân Phật tức là diệu lý vô hình vô tướng, vô tác, vô vi vậy:

Nhưng về vô vi:

Văn sau là nói về diệu lý vô vi.

Dẫn nó thì không trước:

Như Nhan Tử nói: Bỗng nhiên ở sau vậy.

Dắt nó thì chẳng sau:

Như mịt mờ phía trước vậy.

Giở lên thì không trên:

Như ngước mặt càng cao vậy.

Đè nó thì không dưới:

Như đè nén mà không có vật gì dưới vậy

Đón nó mà chẳng đầu:

Muốn đón rước mà xem nó, thì không đầu mối.

Theo nó thì chẳng cuối:

Theo để nhìn nó, thì chẳng có cái cuối cùng.

Nhìn nó thì không hình:

Bày xem mà không thấy được hình tướng nó.

Nghe nó mà không tiếng:

Lắng nghe mà không nghe được âm thanh ấy.

Đục mà chẳng đục:

Hổn và quật đều nghĩa là đục, nghĩa là đục mà chẳng đục.

Lóng mà chẳng trong:

Lắng đọng trong sạch vậy, nghĩa là trong mà chẳng trong.

Không thể dùng lời để nói:

Lý pháp thân, khởi niệm thì liền trái, nên không thể nói năng.

Không thể dùng ý thức để nghĩ suy biết được:

Thức tình mỗi khi khởi động thì liền chướng ngại chân như, nên không thể nói năng bàn luận được.

Mênh mông bát ngát.

Hồng là nguyên khí tự nhiên, dụ cho pháp thân. Mông là mưa phun nhẹ, dụ pháp thân dường như có mà không. Bát ngát là như nước lớn, dụ pháp thân như nước mênh mông không có bờ đê ngăn chặn vậy.

Chỉ có trí Như như mới có thể thầm hiểu.

Chỉ có trí Như như thông đạt, mới có thể biết và thầm hiểu.

■

LUẬN CHIẾT NGHI

QUYỂN 2

CHƯƠNG THỨ TƯ: NÊU BÀY THÍ DỤ

Chương này nhân nói kinh Phật nhiều mà không thiết yếu. Vì vậy, lấy thí dụ để chỉ bày. Nên nói nêu bày thí dụ.

Khách nói: Ánh sáng rất quý báu mà không hoa huyễn.

Vật hết sức quý báu có bóng láng mà không hình sắc hư huyễn.

Lời lẽ rất tốt đẹp mà không phù phiếm.

Lời lẽ chí lý tốt đẹp thuần thiện, mà không trang sức.

Lời đơn giản mà rất hay khéo.

Lời rất dón gọn mà hết sức bóng bẩy.

Sự đơn sơ mà lý đạt phân minh rõ ràng.

Sự tuy ít mà lý thông đạt rõ ràng.

Nên châu ngọc tuy ít mà quý.

Tóm kết ý văn trên, dùng châu ngọc dụ cho sách của Nho giáo tuy ít nhưng rất quý.

Ngói sỏi tuy nhiều mà rất rẻ.

Ngói, sỏi, sạn dụ cho kinh Phật, nhiều mà rẻ mạt.

Các bậc thánh soạn ra sáu kinh, không quá năm mươi muôn lời.

Sáu kinh là: kinh dịch, kinh thư, kinh thi, xuân thu, lễ ký.

Nay thấy kinh Phật, có hằng muôn quyển, lời thì ức muôn, khả năng một người chẳng thể đọc xiết, bởi nhiều mà không thiết yếu vậy.

Nói rằng: kinh Phật, rộng cả muôn quyển, nhiều lời đến ức muôn, chẳng thể dùng năng lực của một người mà đọc xem hết được, bởi quá nhiều mà không đơn giản, thiết yếu.

Diệu Minh nói: Mạnh Tử nói rằng: nước sông biển khác với sự rộng sâu của các vũng nước trên đường đi.

Hàng lạo tức là nước mưa đọng lại trên đường đi, vốn không phải là nguồn nước vậy. Nước sông biển rất sâu rất rộng, so với nước đọng trên đường đi có khác vậy.

Núi Thái khác so với gò đồi là nó cao lớn vậy.

Khâu (= gò) là nơi đất nhóm lại vậy, Lăng (= đồi) là ụ đất lớn mà cao vậy. Núi Thái rất lớn rất cao, so với gò đồi chắc chắn có khác.

Nếu nước sông biển lớn sâu không khác nước đọng vũng trên đường đi thì trẻ con sẽ tắm ở những vũng nước đó.

Nhụ tử, Thuyết văn gọi là Nhũ tử. Nếu như sự rộng sâu của sông, và rộng lớn của biển mà không khác các vũng nước ở đường đi thì hạng người đang còn bú sữa cũng có thể tắm giặt ở những vũng nước đó.

Cao không vượt quá gò đồi thì dê què cũng vượt qua được đỉnh.

Chữ lăng trên tức là đồi đất, chữ lăng dưới là xem thường. Ý muốn nói sự cao lớn của núi Thái mà không hơn gò đồi, thì dê què cũng có thể xem thường đùa giỡn trên đỉnh núi.

Loài chim vung cánh chọc trời, đâu đậu trên cành lau cỏ.

Về chim vung cánh chọc trời, trong chương Trang Tử Tiêu Dao nói: ở bể bắc có con cá tên là Côn, hóa thành con chim tên là bằng. Mỗi khi tức giận nó bay đi, cánh nó dang ra như mây trời rủ. Nó đập cánh thì nước bắn lên ba ngàn dặm, nó đánh tát thì cao lên chín muôn dặm. Cành lau sậy nhỏ bé, như chim đại bàng vung cánh chọc trời, há trên cành nhỏ bé ấy mà đậu được ư?

Loài cá nuốt được thuyền bè đâu sống trong ao lạch.

Trang Tử nói: loài cá côn lớn không biết bao nhiêu dặm, nuốt cả thuyền bè không lấy làm khó, đâu thể sống nơi lạch cạn ao ít nước ư?

Mổ xẻ bung trai hến, để tìm Ngọc Minh Nguyệt.

Ngọc Minh Nguyệt tức là ngọc Dạ Minh, chỉ ở dưới cổ rồng mới có, ban đêm chiếu sáng như ban ngày. Nếu mổ bụng loài trai hến tìm ngọc minh nguyệt, thì không sao có được.

Dò tìm trong đám gai quét để mong lấy trứng chim loan, chim phượng.

Quýt đem đến trồng ở Hoài Bắc thì trở thành cây chanh gai, gai trong ổ chim trên cây chanh gai mà muốn tìm để lấy trứng chim loan phượng, chẳng khó ư?

Chắc chắn là khó được vậy, vì sao?

Đây là tóm kết văn trên mà dẫn lời ở dưới.

Bởi vì, nhỏ không dung chứa được lớn mà lớn lại không ở nơi nhỏ vậy. Nên, với cái đỉnh chứa muôn hộc, không thể đổ nước của chén vào mà đầy được.

Năm đấu gọi là một hộc. Cái đỉnh có hai quai ba chân. Nói đầy cái đảnh muôn hộc, há có thể đổ nước của một cái chén, cái bát vào mà

đầy được ư?

Cái chung một quân không thể dung chứa nước cả dòng suối.

Cứ ba mươi cân là một quân. Như cái chung ba mươi cân mà muốn chứa nước của cả dòng sông, thì không thể được vậy.

Cây lớn ôm hai người, đâu thích hợp dùng làm chòi khoai từ.

Hai người ôm choàng quanh, gọi là hợp bão, mão từ tức mão thảo (= khoai từ). Thích nghĩa là thích hợp. Ý nói cây gỗ lớn hai người ôm, đâu thích hợp dùng để làm chòi khoai?

Cái gai cỡ tầm xích, đâu thể chống đỡ nhà lớn?

Sáu thước (= xích) là một tầm. Kinh tức là kinh cức (cây gai). Quảng hạ là ngôi nhà lớn. Nói cây gai sáu thước đâu có thể chống nổi nhà lớn.

Cho nên đồ vật có rộng hẹp.

Khí tức khí mãnh (= đồ vật). Tóm kết văn trên nói các thứ hộc, đảnh, chung và chén vậy.

Lượng có lớn nhỏ:

Cũng tóm kết văn trên, nói các thứ hộc, đảnh, chung, chén mỗi thứ có lượng lớn nhỏ của nó.

Nguyên liệu làm ra có xấu tốt:

Cũng tóm kết văn trên như cây lớn hai người ôm dùng làm chói khoai. Gai cỡ tầm xích dùng chống đỡ nhà lớn. Nên đều cơ sự lớn; hơn, nhỏ; kém khác nhau vậy.

Vật có nhẹ nặng:

Tóm kết văn trên, ý nói các vật nặng như đảnh, cây, nhà. Vật nhẹ như chung, chén, từ, gai vậy.

Đức có dày mỏng:

Vài việc nêu trên, để dụ cho Đức của các Thánh, dày dụ cho Đại thừa, mỏng dụ cho Tiểu thừa.

Đạo có cạn sâu:

Đạo của đại Thánh thì sâu xa, đạo của tiểu Thánh thì cạn cợt.

Pháp có quyền thật.

Quyền là tạm bày ra, thật là chân chất chuẩn mực.

Cơ có nhỏ lớn.

Giáo lý quyền, thật mỗi thứ đều có căn cơ lớn nhỏ vậy.

Nên chỗ phân chia, không hề sai trái vậy.

Quai là sai đối với lý. Lại tóm kết ý văn trên. Ý nói các thứ lượng như rộng hẹp, hơn kém, nhẹ nặng, dày mỏng, sâu cạn, quyền thật, lớn nhỏ v.v... phân chia ở các chỗ mà không thể có sự trái ngược vậy.

Vả lại kinh Phật như vậy.

Trước dùng thí dụ nhưng sau hình dung nghĩa lớn của kinh.

Trước nói việc trong ức kiếp:

Như trong kinh nói: việc của ngàn muôn ức kiếp ở quá khứ.

Sau nói điều cần yếu của muôn đời:

Đạo là nói: sau nói chỗ cốt yếu nhiệm mầu của muôn đời.

Đến cả năm thỉ chưa khởi sự.

Trong chương Thiên Thụy của Liệt Tử nói: “Vốn lúc đầu trời đất chưa chia có Thái dịch, Thái sơ, Thái thỉ, Thái biểu, Thái cực”. Nghĩa là trước lúc trời chưa phân chia, là lúc năm thỉ còn hỗn độn chưa phát khởi vậy.

Khi nhị nghi mới thành hình.

Triệu nghĩa là mới; lúc ban đầu. Trong Kinh Dịch nói: “Thái cực sinh lưỡng nghi” nghĩa là lúc mới phân chia.

Nó xa vời không thể suy lường.

Điều mà Phật nói, với kiếp số lâu xa không thể suy nghĩ đến cùng.

Việc ấy không thể ghi chép.

Những sự tích ở kiếp Không về trước cũng không thể ghi chép nổi.

Nó nhỏ nhiệm không không thể nắm bắt.

Lão Tử nói: “Tát bắt mà không được, gọi là nhỏ nhiệm, nên không thể nắm bắt”.

Nó mỏng manh không thể vào:

Nó nhỏ nhiệm, vi diệu không vào đến tận cùng.

Phật thảy đều trùm khắp luân lý vượt ngoài sự rộng lớn ấy:

Tất nghĩa là cùng tận, Di là trùm khắp, Luân là luân lý vậy. Tóm kết ý văn trên nói như năm thỉ, hai nghi, không thể suy nghĩ đến cùng, không thể ghi chép, nắm bắt, đi vào. Chỉ có Phật mới đều tận cùng các lý nêu trên, vượt ngoài trời đất vậy.

Mổ xẻ phân tích trong sự sâu xa kín mầu ấy.

Bổ chiết nghĩa là phân phá. Chỉ có Phật mới có khả năng mổ xẻ phân tích, ở trong sự sâu xa kín mầu ấy.

Trên thì cao đến trời vô cực.

Trên đến cõi trời phi phi tưởng.

Dưới đến chỗ đất dày không cùng.

Dưới đến mé nước kim luân.

Không gì chẳng thể chỉ bày ở đó vậy, như chỉ tay trong lòng bàn

tay.

Thị là chỉ bày, chư là ở, tư là đó. Tổng kết ý văn trên. Nói công dụng nhiệm mầu của Phật vượt ngoài trái đất rộng lớn, trong sự sâu mầu, trên cả trời cao, dưới cả đất dày, hễ có sự lý gì, không gì chẳng biết đến cùng. Nên nói chỉ bày ở lý ấy, như chỉ vật nắm trong lòng bàn tay vậy.

Với chỗ thấy rõ ràng rộng rãi thì văn kinh đâu phải là nhiều.

Tóm kết ở trước nói tính hàng muôn có ức số lời. Việc Phật đã thấy rõ ràng rộng lớn vô cùng như vậy thì kinh văn đâu phải là nhiều.

Quyển có hằng muôn, lời có hằng ức, cũng chưa phải là nhiều.

Lập lại lời khách nói: quyển có hằng muôn, lời có hằng ức, cũng chưa phải là nhiều.

Sao có sự không giản yếu ư?

Với những việc rõ ràng nói trên sao cho rằng có sự không đơn giản thiết yếu ư?

Đâu riêng dùng sức một người mà chịu nổi, nhưng sau lại cho là được.

Không thể dùng sức một người mà làm được, nhưng sao xứng hợp được sự đơn giản thiết yếu vậy.

Thí như người khát uống nước biển, no rồi tự cho là đủ, cần gì biết đến những gì còn lại ư.

Lại tóm kết ý văn trên, nghĩa là kinh văn có đến muôn quyển muôn lời. Thí như người quá khát nước, vốc nước dưới biển cả uống no mới thôi, cần gì phải biết ngoài ra nó rộng lớn thế nào.

CHƯƠNG THỨ NĂM: TÔN THỜ KÍNH TRỌNG THẦY

Chương này nói xưa nay các bậc đế chúa hiền sĩ điều tôn thờ kính trọng thầy, nên nói là tôn thờ thầy vậy.

Khách nói: như điều ông nói Phật đạo cao cả, thanh hư, rất tôn quý rất rộng lớn, sau hai đế ba vua đều chẳng tu theo.

Phật đã là cao cả thanh hư, rất mực tôn quý rộng lớn, vua Nghiêu, vua Thuấn, cho đến ba chúa Hạ, Thương, Chu, sao chẳng tu theo đạo của Phật.

Khổng Tử, Lão Đam sao chẳng truyền bá đạo Phật?

Đức phu tử và Lão tử sao không truyền bá đạo của Phật?

Trong sáu kinh không ghi lại lời nào của Phật.

Trong kinh sách Nho giáo, không thấy ghi chép lời của Phật.

Các nhà hiền triết chẳng ghi lại lời nào của Phật.

Những sách vở của các nhà hiền triết đạo Nho, cũng không thấy nói đến.

Lại nữa, trong sách vở của các bậc tiên hiền cổ triết, cũng không thấy nghe ai thực hành đạo ấy, mà riêng mình ông ham thích cái dị đoan ấy ư?

Tóm kết văn trên, nói trong kinh của các bậc thánh triết tiên hiền ngày xưa trong sách của các nhà hiền triết v.v... đều không tôn sùng quý kính Phật. Sao chỉ riêng mình ông ham thích giáo lý dị đoan ấy ư?

Diệu Minh nói: ông chấp chặt quá lắm.

Ông thiên chấp như thế, cho nên tệ lắm vậy.

Sách không hẳn lời của Khổng Tử, hễhợp nghĩa thì theo.

Khổng Khâu tức là Khổng Tử. Nhưng sách của Khổng Tử, lý sâu nhiệm, lời lẽ cùng cực vẫn có điểm chưa đạt cũng không nên nhất định phải dùng. Chỉ cần hợp ý nghĩa, thì cũng đều phải thuận theo vậy.

Thuốc không hẳn là phương thức của Biện Thước, chỉ lành bệnh là tốt.

Theo Danh y Truyện, Biện Thước là thầy thuốc giỏi ngày xưa đã từng trị lành bệnh Thái tử, cũng không hẳn nhất định dùng theo. Chỉ lành được bệnh thì cũng là tốt vậy.

Muôn điều lành tuy khác đường mà cùng về một.

Tuy là muôn điều lành chẳng cùng một đường nhưng điều lành ấy chỉ là một vậy.

Có trăm điều suy nghĩ mà chỉ là điều lành.

Suy nghĩ có đến cả trăm điều, mà chỉ là một việc lành vậy.

Làm lành tuy khác nhau, mà đồng quy về sửa trị:

Làm lành hẳn nhiên chẳng phải là một mối, mà không gì chẳng là lành. Có chỗ thành nhuần nhã thì đồng gọi là trở về thiện trị vậy.

Người quân tử chứa nhóm các việc lành giúp ích cho thân mình.

Quân tử tức là kẻ sĩ thành đức. Tất cả mọi việc làm của người quân tử chỉ chứa nhóm các điều lành mà để giúp cho tự thân mình vậy.

Và làm gì có sự coi thường thầy ư?

Trong luận ngữ nói: triều đại Công Tôn Vệ Hàn Đại Phu hỏi Tử Cống rằng: Trọng Ni sao lại học? Tử Cống nói: đạo của văn võ, chưa rơi nơi đất, ở người hiền thì biết đó là lớn, ở kẻ chẳng phải hiền thì biết đó là nhỏ. Không gì chẳng có đạo của văn võ vậy. Phu tử sao không học và cũng sao mà có sự coi thường thầy được.

Xưa kia, Ngu Thuấn chính là Vụ Thành, Đường Nghiêu chính là Doãn Thọ.

Tôi căn cứ bộ Lão Tử Liệt Tiên Truyện, Hóa Quy Thật Tích, thì thời Đế Thuấn là Vụ Thành, Đế Nghiêu là Doãn Thọ vậy.

- Hán Văn Đế đảnh lễ Hà thượng Công:

Đời nhà Hán, vua Văn Đế đảnh lễ Hà Thượng Công mà cầu đạo đức hai chương vậy.

- Hoàng đế kính lạy Quảng Thành.

Hoàng đế ở núi Không Đồng, kính lạy cầu đạo sửa thân ở Quảng Thành Tử.

- Võ Đinh nhận lời răn dạy ở Truyền Nham.

Truyền Nham tức là truyền thuyết vậy. Võ Đinh tức là Cao Tông thời nhà Thương. Trong chương Duyệt Mạng của sách Thượng Thư nói: sớm tối tiếp nhận lời răn dạy đạo đức được tăng cao.

- Thái Giáp đầu thành nơi Y Doãn.

Trong thượng thư nói: Thái Giáp là Thang Tôn; người rất tối tăm. Thang Tôn ba lần tìm Y Doãn làm tướng. Sau vì sự tín nhiệm của A Hành, bèn đuổi bỏ Thái Giáp ra khỏi từ cung. Vua hối hận lỗi lầm mà tu đức, sau khi thành công bèn lấy hiệu là Thái Tông vậy.

- Văn Vương tôn thờ Lã Vọng.

Trong sử ký nói: Văn Vương sống vào thời Tây Bá, một hôm nằm mộng thấy con gấu, bèn bói điềm ấy, biết được ở phía Bắc sông Vị Thủy sắp có bậc Đại Đức, trời giúp cho vua bậc thầy để giúp đỡ. Vua liền ban lệnh chay tịnh ba ngày. Đến sông Vị Thủy quả thật gặp được Lã Vọng, vua khổ nhọc thưa hỏi, bèn mời lên xe mời về cung, lập làm Thái Công Vọng.

- Trọng Ni học ở Lão Đam.

Thiên Thích Chu trong bộ Gia Ngữ nói Khổng Tử hỏi lễ ở Lão Đam, hỏi nhạc ở Trành Hoằng. Khi sắp đi, Khổng Tử nói với Nam Cung Kính Thúc rằng: “Thầy của ta là Lão Đam, là người thông hiểu mọi việc xưa nay vậy”.

Đâu chỉ thấy ghi chép trong sáu kinh, sau đó bèn noi theo để học vậy.

Đây là lập lại lời của khách để tóm kết văn trên. Ý nói như các bậc Thánh nói trên đều có thầy của họ. Đâu chỉ đợi thấy ghi chép trong sáu kinh mới học theo đó.

Đức Phật đản sinh vào thời Chu Chiêu Vương, sự giáo hóa bằng chánh pháp chưa đến Trung Quốc. Mãi đến niên hiệu Vĩnh Bình thứ 10 thời Hán Minh Đế, Thanh giáo mới dần dần bắt đầu truyền vào Trung Hoa:

Trong sử ký nói: ngày mồng 08 tháng 04 niên hiệu Vĩnh Bình thứ ba, vua Minh Đế đời Hậu Hán, nằm mộng thấy người vàng cao trượng sáu tỏa ánh sáng rực rỡ, hôm sau vua hỏi các quan, Thừa tướng Hàn Hiến tâu rằng: đó là điềm có bậc Thánh ở phương Tây. Chu Triều Bị nói: Một ngàn năm sau, Phật giáo sẽ truyền đến nước này. Vua vui mừng, sai mười tám vị như Thái Âm v.v... mang chiếu đến Tây Vức, tìm hỏi Thánh điển. Đi đến Châu Sa gặp Ca-diếp Ma-đằng và Trúc-pháp-lan từ Bạch Mã Đà mang hòm kinh đến. Vào tháng 10 niên hiệu Vĩnh Bình thứ 10 về đến Lạc Dương, vua rất vui mừng, lại ban sắc dịch kinh. Từ đó, Phật giáo mới truyền bá đến Trung Hoa.

Vả lại, hai đế ba vua, so với Phật, thời đại khác nhau, cách biệt nơi chốn, nên họ không tu theo Phật.

Thời thế của hai đế ba vua không đồng với thời Phật, lãnh thổ cách xa, nên không tu theo đạo Phật vậy.

Trọng Ni và Bá Dương, xét không tiếp nhận khí phần, biết mà không truyền vậy.

Trọng Ni là Phu tử, Bá Dương là Lão Tử, cả hai vị Thánh ấy xét không tiếp nhận khí phần của đạo nên không thể truyền được, vì thế nói là biết mà không truyền vậy.

Các nhà hiền triết chưa thấu đạt, đâu dám mở lời.

Thời đại Chu; Tần, Phật giáo chưa truyền đến, các nhà Hiền triết đâu dám vọng truyền.

Đã vậy thì, truyền tập ghi chép của hai đế ba vua, Khổng Tử, Lão Đam làm sao có được ư?

Tóm kết ý văn trên.

Sau đó, có kinh từ Bạch Mã truyền đến.

Và trong thời kỳ Xích Ô có tăng sĩ đến.

Theo Tam Quốc Chí, niên hiệu Xích Ô thứ tư thời Ngô Vương, có vị Sa-môn người nước Khương Cư tên là Tăng Hội đến, hiển bày thần thông rộng lớn, vua bèn đảnh lễ kính thờ.

Ca-diếp Ma-đằng và Trúc-pháp-lan mở mang Đạo Phật ở thời Minh Đế.

Trong Tam Bảo Lục chép: thời vua Minh Đế nhà Hán, có hai vị Ca-diếp Ma-đằng và Trúc-pháp-lan, đến niên hiệu Vĩnh Bình thứ 14, các đạo sĩ ở Ngũ Nhạc xúi giục các thiện tín v.v... dâng biểu phá dẹp đạo Phật. Vua ban lệnh cho hai tôn giáo đến chùa Bạch Mã, cho kinh sách của hai tôn giáo vào hai lò rồi châm lửa đốt. Kinh sách của Đạo giáo đều cháy rụi, chỉ có kinh Phật không cháy, khi ấy vua và các quan đều kinh ngạc và càng kính trọng hơn.

- Đức của Tăng Hội bao trùm Tôn Quyền.

Theo Tam Quốc Chí, Tôn Quyền là vua nước Ngô. Lúc Khương Tăng Hội đến, truyền bá rộng lý huyền diệu của Như Lai, vua xin Xá-lợi, lập đàn cầu nguyện trong ba tuần. Cho đến khi vua thử là thật hay giả, như dùng lửa đốt, dùng chày để đập, đều không hư hao sứt mẻ, vua mới xây dựng tháp để thờ.

- Tùy Văn Đế đảnh lễ Đàm Diên:

Trong tùy sử Cao Tăng truyện nói Đàm Diên là vị tăng ở chùa Tây Cung núi Trung Điều, Tùy Văn Đế mời cùng ngồi chung xe. Vua đảnh lễ tôn xưng làm thầy và phong làm Quốc sư.

- Lương Võ Đế đầu thành Bảo chí.

Trong lương sử, nói về Tăng Bảo. Chí tức là Chí Công. Vua Lương Võ Đế lễ tôn xưng ngài Chí Công làm thầy.

- Lý Thế Dân đời Đường tôn thờ ngài Huyền Trang.

Trong Từ Ân Truyện chép: ở đời Đường, khoảng niên hiệu Trinh Quán thời vua Thái Tông, Pháp sư Huyền Trang thỉnh kinh từ Tây Vực trở về, vua đích thân đón rước ở điện Nghi Phụng, nói ở phương Tây cảnh Thánh, bèn vâng chiếu ở chùa Hồng Phúc phiên dịch kinh sách. Vua cùng thần dân cả nước đều tôn kính lễ bái.

- Diêu Tần lễ bái ngài La-thập.

Trong Thích Thị Thông Giám nói. Diêu Tần tức là Diêu Hưng, đóng đô ở Trường An, nhân đánh nước Quy-tư gặp được La-thập ở núi Chung Nam. Ban chiếu lập vườn Tiêu Dao, phiên dịch kinh sách, vua

đem hương hoa đến kính lễ trọng đãi, vua tôi cùng cả nước đều kính lễ.

- Phù Kiên lễ kính Đạo An.

Trong Ngũ Đại Sử Tăng Bảo Truyện nói: Phù Kiên chinh phạt đất Tương Dương, gặp được Pháp sư Đạo An, thỉnh cùng ngồi xe trở về, tôn xưng làm thầy, kính lễ ân đức thấm đượm sâu dày.

- Chúa Tề kính trọng tôn sùng Thượng Thống.

Trong Tề Sử Tăng bảo Truyện nói: Đời nhà Tề vua Thế Tổ Võ Thành Đế, khoảng niên hiệu Đại Ninh thứ 3, tiếp nhân Pháp sư Thượng Thống, các đại thần trong triều không ai chẳng kính lễ, đồng thời xây dựng chùa Báo Đức, thỉnh ngài an trụ.

- Bùi Tướng biết rõ nguồn tâm, nhờ Hoàng Nghiệt.

Trong Truyền Đăng nói: Bùi tướng húy là Hưu, tự Công Mỹ, người ở kinh triệu làm quan Thứ sử Thụy Châu, đến chùa Cao An, nhân hỏi Hoàng Nghiệt: "Người đứng cách vách là ai?" Hoàng Nghiệt nói: "Cao Tăng Chân nghi". Bùi Hưu nói: Chân Nghi thì thấy được, còn cao tăng ở đâu? "Hoàng Nghiệt lớn tiếng gọi "Ông Bùi". Bùi Hưu nói "Dạ". Bùi Hưu liền có tỏ ngộ.

- Xướng Lê cầu pháp với Đại Điên.

Trong Thích Thị Thông Giám nói: Xướng Lê tức là Hàn Dũ, tự là Thối Chi, làm chức quan Hình Bộ Thị Lang. Đời Đường, vua Hiến Tông đến chùa Hộ Quốc ở phủ Phụng Tường, tức nay là chùa Pháp Môn, đón rước cốt Phật vào cung cúng dường. Hàn Dũ dâng biểu phỉ báng Phật. Vua bèn muốn giết Ông, nhưng Bùi Độ v.v... can ngăn, bị đày đến Triều Châu, nghe danh Đại Điên bèn đến cầu pháp, thưa rằng: "Đệ tử ở quân Châu, bận nhiều việc, có điềm tỉnh yếu, xin Đại sư chỉ bày". Giây lâu, Hàn Vũ chẳng thi thố gì, Thị giả là Tam Bình gõ vào giường thiền bước xuống. Đại Điên hỏi: "Làm gì vậy". Tam bình đáp: "Trước lấy Định để động, sau dùng trí để nhổ lên. Hàn Dũ nói: Môn phong của Sư thật cao vợi". Ở nơi chỗ thị giả mà có được lối vào.

- Lý Cao hỏi Đạo với Dược Sơn.

Trong Truyền Đăng nói: Lý Cao tự là Tập Chi, là một hiền thần đời Đường, ra trấn giữ Phong Châu, nghe Đạo Phong của Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm, một ngày nọ, đến ra mắt nhưng Duy Nghiễm không thèm để ý tới. Lý Cao nói: "Thấy mặt chẳng bằng nghe danh", bèn thối lui. Duy Nghiễm bảo: Thượng thư sao được Tôn quý như thế mà lại hèn vậy?" Lý Cao liền quay lại đảnh lễ và hỏi: "Thế nào là Đạo?" Duy Nghiễm đưa tay chỉ vào tịnh bình hỏi: "Hiểu không?" Lý

Cao đáp: "Không hiểu". Duy Nghiễm nói: "Mây trên trời xanh, nước trong bình". Lý Cao từ lời nói ấy mà có phần tỉnh ngộ.

- Sơn Cốc tham thiền với Phật Ấn:

Trong Truyền Đăng nói: Hoàng Đình Kiên, tự là Lỗ Trực, hiệu là Sơn Cốc Đạo nhân. Khoảng niên hiệu Nguyên Hựu vua Triết Tông thời nhà Tống, ở nhà tại Đinh ưu đến núi Hoàng Long, nơi Thiền Sư Hối Đường ở một ngày, nói chuyện về Khổng Tử với học trò: Nhị Tam Tử, cho rằng ta ở ẩn ư? Ta không ở ẩn vậy, Ta không làm gì mà không cùng như Nhị Tam Tử đó là chuyện của Khâu Tử vậy, đồng thời xin Hối Đường giải thích. Hối Đường im lặng không nói gì, Sơn Cốc tức giận buồn rầu... Hối Đường hỏi: "Ông nghe mùi hoa mộc trĩ không?" Đáp: "Nghe". Hối Đường nói: "Ta không an ổn như vậy. Sơn Cốc bỗng nhiên có sự lãnh hội".

- Tấn Chúa cung kính Huệ Viễn:

Trong Tấn Sử Thích Giám nói: Vua Hiếu Võ Đế đời nhà Tấn, khoảng niên hiệu Đại Nguyên, nghe đồn đạo phong của Pháp sư Tuệ Viễn, vua bèn đến chùa Đông Lâm trên núi để kính lễ Pháp sư Tuệ Viễn.

- Tống Văn Đế cung kính ngài Cầu-na-bạt-ma:

Trong Thích Giám nói: Thời Ngũ Đại, vua Văn Đế nhà Tống khoảng niên hiệu Nguyên Gia, vua đến ra mắt Pháp sư Cầu-na-bạt-ma, thưa rằng: "Đệ tử thường muốn trai giới mà không được toại nguyện, xin Pháp sư chỉ dạy cho, Cầu-na-bạt-ma nói: Thanh danh của Đế Vương so với thất phu khác nhau. Thất phu tôi thân hèn danh kém, còn đế vương lấy bốn biển làm nhà, làm vua cả muôn dân, cái đức không giết hại cũng đã quá lắm vậy". Vua nói: "Lời Pháp sư nói thật là mở bày tâm người, thấu đạt lý vật vậy". Vua rất kính ngưỡng.

- Tiêu Diễn đến chùa Xả thân.

Trong sử ký. Diễn tức tên của vua Lương Võ Đế, vua ba lần vào chùa Xả thân, các quan dùng trăm muôn thứ vàng ngọc để chuộc vua về lại triều đình.

- Đơn Hà quay đường chọn Phật

Truyền Đăng chép: Đơn Hà sống khoảng thời vua Văn Tông nhà Đường. Nhân ứng cử Nho vị ở Trường An, gặp vị tăng nói: "Chọn làm quan không bằng chọn Phật". Đơn Hà đến Giang Tây, Mã Tổ đã đến nói rằng: Duyên tại Thạch Đầu đã đến bảo Chấp Linh sau ba năm cạo tóc đắp y, sẽ tỏ rõ ý Tổ vậy. Ấy là nói Đơn Hà trước là nhà Nho, sau tìm về cửa Phật, kết quả là thành đạo vậy.

Vậy mà ông lại bảo rằng: "Chưa nghe ai thực hành đạo ấy", sao tệ quá vậy!

Tệ là chướng (= ngăn che). Từ thời vua Nghiêu, vua Thuấn về sau đến nhà Hán, nhà Đường, Tống cho đến nay, các bậc Thành Quân, hiền Thần cao sĩ minh nho thực hành Đạo Phật lược nêu để hiểu việc ấy. Ông sao không nghe mà tự chướng ngăn vậy.

Từ xưa, các bậc Hiền triết, không ai chẳng dấu tích nơi sách Phật gắn lòng nơi Thánh Đạo, sao riêng mình ông ưa thích cái khác vậy.

Từ xưa đến nay, các bậc hiền năng Thánh triết không ai chẳng ẩn náu dấu vết nơi kinh sách Phật, lắng để tâm ý nơi Tổ Đạo, sao nay riêng mình ông ưa thích cái khác vậy ư?

CHƯƠNG THỨ SÁU: THÔNG TƯỚNG

Chương này nói rõ chung về các tướng mầu của Phật nên gọi là Thông tướng.

Khách nói: Ông nói Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, sao quá khác người thế?

Khách suy nghĩ điều nói trong chương thứ 2 nên nêu bày lại điều nghi ngờ.

Đem lời nói dồi dào phú của ông nói ấy chẳng thật vậy sao?

Đãi = tương, nghĩa là Đem lấy. Khách nói: ông đem lời nói dồi dào của ông nơi đó để đáp, chẳng là thành thật vậy sao?

Diệu Minh nói: không phải.

Không phải nói thế.

Ngày xưa, Phục Hy thân như rắn.

Phục Hy Ngoại Truyện chép: Phục Hy sinh ra, thân có vảy như rắn.

Thần Nông đầu như trâu (= bò).

Thần Nông Ngoại Truyện nói: Thần Nông, đầu mọc hai sừng như Trâu.

Vua Nghiêu lông mi tám mầu.

Nghiêu Ngoại Truyện nói: Hoài Nam nói lông mi vua Nghiêu có tám mầu.

Mắt của vua Thuấn, có hai lớp con ngươi.

Thuấn Ngoại Truyện nói: Hoài Nam nói mắt vua Thuấn có hai lớp tròng.

Văn Vương có bốn vú.

Văn Vương Ngoại Truyện nói: Ngực Chu Văn Vương có bốn vú.

Chu Công Đán lưng gù.

Chu Công ngoại truyện nói: lưng của Chu Công bị gù.

Miệng Cao như miệng ngựa.

Miệng Cao Đào Ngoại Truyện nói: hiền thần vua Thuấn miệng giống miệng ngựa.

Vua Võ nhà Hạ, mũi như mũi cọp.

Hạ Võ Ngoại Truyện nói: Hạ Võ mũi như mũi cọp.

Trọng Ni là người trời phú cho đức tốt.

Khổng Tử Ngoại Truyện nói: Trọng Ni là tên tự của Khổng Tử, là bậc hiền tốt lành mạng trời, là người đầy đủ đức bậc Thánh.

Lông my như vua Nghiêu, mắt như vua Thuấn, lưng như vua Võ.

Lão Tử đời trước chứa nhóm hình chất quái dị, nên mới sinh ra đã bạc đầu.

Lão Tử Ngoại Truyện nói: Lão Tử đời trước chất chứa hình chất quái dị, nên vừa mới sinh mà đã bạc đầu.

Già lão mà hình dáng trẻ con.

Tóc bạc vì già, nhưng nhan sắc, dung mạo thì trẻ con.

Tai đầy mà lớn, vành tai không tròn:

Tai đầy dài lớn, mà không vành tai nên tên hèm là Đam.

Đó đều là tướng trạng của người khác, sao chỉ hỏi về tướng riêng khác của Phật?

Như các điều trích dẫn trên, các bậc thánh hiền trong nhiều đời đều có tướng trạng khác thường. Sao chỉ nghi ngờ tướng khác của Phật mà hỏi vậy ư?

Do đó, các bậc Thánh đều có tướng trạng khác thường và có đức khác thường.

Xem xét lại, thì các bậc thánh hiền đều có tướng trạng khác người thường và cũng có đức hạnh khác người thường vậy.

Đâu cùng loại với hàng thất phu thất phụ trên thế gian vậy.

Đâu riêng cùng hàng ngu phu, ngu phụ trên thế gian, đồng loại người thường mà nêu bày vậy.

Và điều Ông hỏi, có thể nói là hạn cuộc vậy.

Như điều Ông hỏi có thể gọi là thiên chấp cục bộ vậy.

CHƯƠNG THỨ BẢY: LUẬN VỀ HIẾU

Chương này hoàn toàn nói về hiếu, nên gọi là luận về hiếu.

Khách nói: trong hiếu kinh lấy bốn sự không hủy hoại làm cội gốc của đức:

Bốn sự ấy là: Thân, thể, tóc, da. Một thân, bốn thể, lông tóc, da dẻ của con người, đều là do cha mẹ sinh ra, không dám hủy hoại thương tổn. Các hạnh của con người không gì lớn hơn hiếu, nên nói là cội gốc của đức vậy.

Luận ngữ lấy ba sự không trái làm đầu của hiếu.

Mạnh ý Tử hỏi về hiếu. Khổng Tử nói: "Không trái". Mạnh ý Tử đại phu nước Lỗ hỏi đạo hiếu ở Phu Tử, Phu Tử nói không trái, nghĩa là không trái lý vậy. Phiền Trì là học trò của Phu Tử, đang cầm Quân. Phu Tử lo ngại ý tử chưa thấu đạt, nên nói với Phiền Trì để cởi mở cho. Phiền Trì nói: "Vậy là thế nào" Phu Tử nói: "Lúc sống lấy lễ để phụng thờ, lúc chết lấy lễ để mai táng và cúng tế cũng phải lấy lễ mà thực hành". Nên sống thì phụng thờ, chết thì cúng tế mới là phụng thờ cha mẹ từ đầu đến cuối được đầy đủ vậy. Đó là hạnh đứng đầu của đạo hiếu vậy.

Nên Tăng Tử có bệnh sắp chết, gọi học trò đến, bảo: "mở tay tôi ra, mở chân tôi ra"

Cố = nên, là từ chỉ nghĩa. Khải = khai, là mở. Tăng Tử bị bệnh lúc sắp chết, bảo học trò kéo bỏ chăn đắp, để nhìn chân tay.

Vì ông có thân thể từ cha mẹ, không dám làm hủy hoại thương tổn, nên bảo học trò kéo chăn đang đắp mà nhìn nó và nói: "Cha mẹ sinh con ra toàn vẹn, con phải giữ toàn vẹn mà quy (= chết). Như vậy mới gọi là hiếu". Các vị Sa-môn ngày nay.

Tiếng Phạn là Sa-môn, Hán dịch là Cần Tức.

Cạo bộ râu tóc, không giữ toàn thân. Sao làm điều bất hiếu trái với thánh đạo vậy? Diệu Minh nói: không đúng:

Lý luận như vậy không đúng.

Thuở xưa, Thái Bá cắt tóc vẽ mình, có thể gọi là hủy hoại thương tổn vậy, nhưng Trọng Ni Tôn xưng đó là bậc Chí Đức.

Thái Bá là con trai trưởng của Chu Thái Vương, từ chối không kế thừa ngôi vị, cắt tóc vẽ mình đi đến đất Ngô của người em là Trọng Ưng. Trong luận ngữ nói: "Thái Bá là người đáng gọi là Chí Đức vậy. Ba lần đem đất nước mà nhường ngôi. Dân vô đức mà xưng vậy ư?" Thái Bá cắt tóc vẽ mình, sao Khổng Tử không trách ông ta bất hiếu mà

lại tôn xưng đó là Chí Đức.

- Dự Nhượng sơn thân:

Sử ký nói Dự Nhượng người nước Tấn, trước thờ Phạm Trung Hàng, sau thờ Trí Bá. Triệu Tương Tử giết Trí Bá, Dự Nhượng muốn báo thù, sơn thân làm kẻ mắc bệnh hủi, ăn than để đổi tiếng, năm lần giết Triệu Tương Tử mà không trúng, sau tự đâm kiếm vào cổ mà chết.

- Kinh Kha vì nghĩa mà chết.

Theo Thích Khách truyện thì Kinh Kha người nước Tề, đi đến đất Yên. Thái tử Đan nước Yên Đại Kinh Kha đến nước Tần làm thích khách, không trúng, bèn chết ở đất Tần.

- Giới Tử thiêu mình.

Tấn Văn Công đã lên ngôi, Tử Thôi không tước vị, bèn bỏ vào núi Văn Công, mời không ra, người bèn dùng lửa thiêu đốt núi rừng, nghĩ rằng sẽ bị nóng bức mà ra. Nhưng Tử Thôi giữ kỷ tiết tháo, chịu lửa cháy mà chết.

Bá Di, Thúc Tề tự nhịn đói mà chết, hủy hoại đến thế, mà trong sáu kinh hay tử sử không nghe chê họ là bất hiếu.

Đem Thái Bá, Dự Nhượng, Kinh Kha, Tử Thôi, Bá Di, Thúc Tề v.v... đều là những người tự hủy hoại thân mình mà xem trong sáu kinh, sách sử của các nhà hiền triết đều không thấy nghe trách họ bất hiếu. Trái lại tôn xưng họ là chí đức là tại sao?

Hiếu gọi là thuận vậy.

Thuận theo chánh lệnh của cha mẹ, gọi đó là hiếu thuận.

Khéo vâng thờ cha mẹ đó là hiếu.

Chỉ có khéo vâng thờ cha mẹ, ấy là hiếu vậy.

Nguyên khí hỗn độn, hiếu ở trong đó.

Khi trời đất chưa phân, một khối hỗn độn, trước lúc nguyên khí chưa chia thì lý hiếu đạo đã có sẵn trong ấy.

Lấp cả trời đất, ngang đầy bốn biển.

Sau khi trời đất đã phân, hiếu đạo có khắp khoảng không gian của trời đất, dọc ngang trong bốn biển.

Không đâu chẳng đến, thuần toàn hiếu đạo:

Võng = vô, nghĩa là không. Thuần là thuần hậu. Trong khoảng không gian giữa con người và trời đất, không đâu chẳng là thuần hậu hiếu đạo vậy.

Phát khởi từ vô thỉ.

Nên đạo hiếu phát khởi từ thời vô thỉ.

Đạo lý thân thân, liên quan đến hữu vi.

Chữ thân trên nghĩa là tôn ái (mến yêu tôn kính), chữ thân dưới là chỉ cho cha mẹ. Nên đạo lý tôn thờ cha mẹ mà liên quan đến hành vi tạo tác vậy.

Ngày xưa, ở thời Bao Hy, lấy vô vi làm đạo giáo hóa làm lợi ích khắp dân chúng trong nước.

Sử ký nói: Bao Hy tức là Phục Hy. Nghĩa là từ thời tam hoàng thượng cổ, dùng vô vi vô tác, để giáo hóa người dân trong nước.

Mà dân chất phác.

Người thời xưa chất phát đôn hậu.

Không biết đạo lý đi thưa về trình, nghi tắc mùa đông sưởi ấm mùa hè quạt mát.

Cáo âm là cô, trình bày văn trên, trong lễ ký nói lúc ra đi phải thưa, để biết đi đâu vậy, lúc trở về phải trình với cha mẹ, không dám để cha mẹ trông mong. Vậy mùa đông thì sưởi ấm giường chăn của cha mẹ, mùa hè thì dùng quạt để quạt mát giường chiếu, từ thời xa xưa đều không có nghi tắc ấy.

Đâu có thể tròn ba việc không trái phạm, bốn thể không hủy hoại tổn thương ư?

Tóm kết văn trên nói Thái Bá, Dự Nhượng, Kinh Kha, Tử Thôi, Bá Di, Thúc Tề v.v... đều ghi chép trong sách sử, tôn xưng bằng đức hạnh của thánh hiền, chưa từng giữ gìn ba việc bốn thể ấy, mà khen ngợi vậy sao?

Mà các bậc tiên thánh, hậu thánh, không nơi nào, lúc nào cho rằng những người dân ấy bất hiếu vậy.

Lại tóm kết ý văn trên. Tiên thánh, hậu thánh là chỉ ở thời thượng cổ trung cổ mà nói. Nghĩa là trong sáu kinh các sử đều không thấy nói sự bất hiếu của những người dân ấy.

Khổng Tử nói: Hiếu là cội gốc các Đức, Đức nghĩa là Phước tuệ nhân từ.

Đức nghĩa là thành đạt được, nghĩa là được tôn xưng thiện mỹ, chánh đại thuần nhất, phước nghĩa là an hưởng hiển vinh bách thuận vậy. Tuệ nghĩa là tánh thông, lý giải và hiểu đạt vậy. Nhân là lý của đức từ ái của tâm, từ là nhu hòa, khéo khoan dung đối với mọi vật vậy.

Lại nói: Hiếu để vậy, đó là gốc của điều nhân vậy.

Luận ngữ nói: Khổng Tử có nói khéo kính thờ cha mẹ, đó gọi là Hiếu, khéo vâng kính người anh lớn, đó gọi là Để. Làm điều nhân ng-

hĩa, còn gọi là hành nhân.

Nhân là lời tôn xưng đối với sự thương người lợi vật, lại nữa, nhân là nhẫn nhục vậy. Ưa thích sự sống, chán ghét sự giết hại, thiện ác đều chịu đựng, gọi đó là Nhân.

Sách Trung Dung nói: "Nhân là người". Mạnh Tử nói: "Nhân là tâm người". Lại nữa ham thích sự sống, chán ghét sự giết hại, đó gọi là nhân, ưa thích sự sống là ưa thích mến thương mọi vật. Chán ghét sự giết hại là hiềm ác vậy. Thấy giết hại thì bất nhẫn đối với sự giết hại loài vật. Chịu đựng là nhân vậy, bởi vì lòng nhân tích chứa lâu ngày và rộng lớn, tất cả mọi sự thiện ác đều không thể làm lay động tâm ấy. Đó gọi là chịu đựng. Đây là thấu suốt sâu sắc về lý của nhân.

Như lưới dày không tung xuống vào ao dơ, búa rìu đợi thời mới mang vào rừng núi.

Mạnh tử, số âm xúc, ô là dơ, số = mật là dày; kín. Cố là lưới. Ngày xưa làm lưới thì làm mắt ô khoảng bốn tấc. Cá chưa đủ thước thì ở chợ không bán. Cỏ cây điêu tàn, sau đó mới có thể mang vác búa rìu vào rừng núi.

Không phải thời, chặt một cây tức là chẳng phải hiếu, không phải thời giết một con vật cũng là chẳng phải hiếu vậy.

Trong lễ ký, Tăng Tử nói: "Cây gỗ phải đợi thời mới chặt, cầm thú cũng phải đợi thời mới giết". Khổng Tử nói: "Đoạn âm đoản. Chặt một cây, giết một con thú, không phải thời là chẳng phải hiếu vậy". Nên tâm của người quân tử rộng lớn nhân ái, đối với cây cỏ, cầm thú, còn không nỡ sát hại, huống gì đối với người?

Vì vậy, người quân tử đối với cầm thú, thấy nó sống mà không nỡ thấy nó chết, nghe tiếng nó kêu than mà không nỡ ăn thịt nó.

Mạnh Tử nói: ở thời Tề tuyên Vương Hấn chung dùng dê đổi bò. Hai là được toàn mạng cả hai, đều không hại, vì tôn xưng làm việc nhân nghĩa vậy. Tiếng kêu nghĩa là lúc sắp chết tiếng nó kêu than buồn thảm. Bởi vì con người cùng với cầm thú cùng sống mà khác loài, nên dùng nó để lấy lễ, mà tâm không nỡ, không thể giết hại khi thấy nghe nó kêu than.

Đến như Khổng Tử chỉ câu mà không chài lưới.

Luận ngữ nói: Cương là dây lớn của lưới. Thuộc âm là độc, giăng lưới ngăn dứt dòng nước mà bắt cá vậy. Khổng Tử thửa nhỏ gia đình nghèo khó, vì bảo tồn sự sống và cúng tế, hoặc bất đắc dĩ (chẳng đặng đừng) mà đi câu vậy!

Ân, Thang sửa đổi lời cầu nguyện.

Theo Sử ký, Thương Thang ra đồng, thấy giăng lưới khắp bốn phía, cầu nguyện rằng: Từ thiên hạ bốn phương đều vào trong lưới của ta. Thang nói rằng: "Ôi!": Ôi là từ than ôi vậy, bỏ bớt đi ba phía, các nước chư hầu nghe vậy, nói: vua Thang, tỏa đức khắp cùng, đến cả loài cầm thú vậy.

Tuy dung mạo đều là chịu đựng, mà còn chưa sánh bằng với tâm đại từ che khắp sinh linh vậy.

Khổng Tử chỉ câu mà không chài lưới, Ân thang sửa đổi lời cầu nguyện, Mạnh Tử thấy nó sống nghe tiếng nó v.v... đều có sự chịu đựng, còn chưa thể sánh bằng tâm đại từ bi che khắp cứu giúp tất cả sinh linh của Đức Phật ta vậy.

Mà Bậc Đại thánh nhân ở Thiên Trúc.

Cãn là thiên (= trời) vậy, trời tây có năm: đông, tây, nam, bắc và trung ương vậy. Bậc Đại thánh chỉ cho Phật.

Ngài nhân từ chịu đựng, riêng biệt vượt hẳn người thường.

Đặc = Dị, nghĩa là riêng biệt, việt = quá, nghĩa là vượt qua. Lòng nhân từ chịu đựng của Phật vượt hẳn loài người tầm thường.

Vì trong bốn phương sáu hợp:

Đông, tây, nam, bắc gọi là bốn phương, cộng thêm phương trên và phương dưới gọi là sáu hợp.

Trong tám hoành chín vi.

Về tám hoành, Hoài Nam Tử nói: Ngoài chín châu có tám Di; Di tức là duyên liền. Ngoài tám Di có tám hoành. Tám Hoành tức là bốn phương bốn duy. Trong "Văn tuyển" chú thích: "Hoành là cương, là kỷ, là giềng mối phương vị trong thiên hạ. Hoành của phương đông là tang dã, hoành của phương đông nam là chúng an, hoành của phương nam là Phản thanh, hoành của phương Tây nam là Hỏa thổ, hoành của phương Tây là yêu dã, hoành của phương Tây bắc là sa sở, hoành của phương Bắc là ủy vũ, hoành của phương đông bắc là phương thổ. Chín vi là chín châu của võ công, tức là ký, duyên, thanh, từ, dương, kinh, dự, lương và ung vậy.

Các loài bay trên trời, chạy dưới đất.

Loài bay trên trời tức là chim, loài chạy dưới đất là thú.

Có đủ tình thức.

Bốn loài sinh trong sáu đường đều có tình thức.

Móng vảy lông cánh.

Móng vảy tức là loài rồng, cá và rắn vậy, cánh là loài chim, lông là loài thú vậy.

Thuộc chủng loại khí huyết.

Bất luận lớn nhỏ, loài có tình thức đều thuộc phẩm loại khí huyết.

Thảy đều từ bi bình đẳng, giữ gìn không giết hại.

Tóm tắt văn trên, tất cả loài hữu tình thảy đều từ bi bình đẳng, gìn giữ mà không giết hại.

Cho nên Kinh Phạm Võng chép: "Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta":

Phật quán tưởng tất cả người nam người nữ là cha là mẹ.

Ta đời đời, đều thọ sinh từ những người nam người nữ ấy:

Ý Phật dạy là đời đời kiếp kiếp đều từ cha mẹ sinh ra, nên quán tưởng tất cả người nam, người nữ đều như cha mẹ vậy.

Nên tất cả chúng sinh trong sáu đường đều là cha mẹ:

Sáu đường tức là trời, người, A-tu-la, địa ngục, quỷ đói, và súc sinh. Mọi người nam, người nữ trong sáu đường, e rằng đã từng làm cha mẹ trong đời trước, nên đều khởi tưởng đó là cha mẹ vậy.

Mà giết mà ăn đó, tức là giết hại cha mẹ của ta, và cũng là giết hại thân đời trước của ta vậy.

Tức "Giết hại cha mẹ của ta", nghĩa là giết hại cha mẹ trong nhiều đời kiếp đến nay đã sinh ra ta vậy, hoặc do nghiệp báo đời trước mà đọa vào các loài ấy, nếu ngày nay giết mà ăn nó thì sợ rằng như vậy. "Cũng là giết hại thân trước của ta", nghĩa là hoặc giết thân ta đời trước đã từng đọa làm các loài ấy, nay nếu giết nó cũng như giết hại thân trước của ta vậy.

Người xuất gia, giới luật có ghi chép rõ ràng, đối với cỏ xanh còn không giết hại, huống gì đối với loài hữu tình ư!

Trong luật nói: Thuở xưa, có vị Tỳ-kheo bị giặc cướp đoạt hết y áo. Giặc biết người đệ tử Phật không phá hoại cỏ xanh, giữ giới không giết hại. Sợ bị đuổi theo, bèn trói vị Tỳ-kheo lại để trên cỏ, vị tăng ấy suốt ngày không dám cử động, sau gặp được người đến cởi trói mà đi. Đối với loài cỏ xanh, còn như vậy, huống gì đối với loài hữu tình ư?

Lấy đó mà luận bàn thì đức hạnh thô tế đã hiển nhiên.

Đức hạnh thô sơ là như lời của Mạnh Tử v.v..., đức hạnh tinh tế là hạnh của Như lai.

Và đạo lý quyền thật đã rõ ràng.

Ý của quyền thật, chú thích, xem ở trước.

Phàm, con hiếu nuôi nấng cha mẹ già, lấy sự dưỡng chí làm đầu, vui thích theo tâm cha mẹ tức là không trái tâm của cha mẹ, nên vui mà

không buồn vậy. Chí thì phát động của tâm, có sở dục (= điều ưa muốn) vậy, nên lại phải trước lấy ý chân thành, không để trái nghịch, vui vẻ để hỏi, do đó vui tai cha mẹ, mềm dịu ôn hòa, do đó vui mắt cha mẹ.

Giúp cho cha mẹ nghĩ ngơi yên ổn.

Lễ ký nói: Tối viếng là an sự nghĩ ngơi, sớm thăm là an sự yên ổn.

Để cha mẹ thọ hưởng đức hiếu trung dưỡng trọn đời của con.

Lễ ký nói: Hiếu trọn đời là trọn đời người con.

Trọn đời ấy chẳng phải trọn đời cha mẹ mà là trọn đời mình vậy.

Lễ ký nói tự trọn đời mình vậy.

Cho nên, điều ưa thích của cha mẹ cũng nên ưa thích điều đó,

Điều kính trọng của cha mẹ cũng nên kính trọng điều đó, còn đối với chó ngựa đều như vậy, huống gì đối với người ư?

Lễ ký nói: đối với vật mà cha mẹ đang yêu thương mến thích, như chó ngựa còn không dám khinh thường, huống hồ cha mẹ là người cha mẹ kính mến ư?

Công Minh Nghi.

Học trò của Tăng Tử.

Hỏi Tăng Tử rằng: Thầy.

Tôn xưng Tăng Tử.

Đáng gọi là Hiếu, Tăng Tử nói:“Sao ông nói như vậy? Sao ông nói như vậy?”

Tăng nghe Công Minh Nghi nói: “Thầy, đáng gọi là hiếu” Tăng Tử còn chưa dám nhậnmình làm tròn đạo hiếu.

Phàm ý hạnh trước của cha mẹ, phải tiếp nhận thuận theo ý chí khí ấy.

Tiên âm là tuyến. Ý hạnh trước tại cha mẹ, Thừa tức là thừa thuận chí của cha mẹ.

Chỉ bày cha mẹ sống với đạo mới được gọi là hiếu.

Chỉ bày đạo lý của bậc Thánh cho cha mẹ thực hành, thì được gọi là hiếu.

Tăng Sâm tôi kính dưỡng cha mẹ như vậy, đâu được gọi là hiếu?

Sâm là tên của Tăng Tử. Tăng Tử tự xưng tên mình. Tăng Sâm tôi phụng thờ cha mẹ như thế. Phàm hiếu là tôn kính nghiêm phụ phối hợp với Đạo Trời mới dám xưng là hiếu.

Mà các vị Sa-môn, chỉ bày cha mẹ làm việc phước lành.

Chỉ bày cha mẹ làm việc phước lành, là nền tảng để thành Đức.

Khuyên thực hành việc phước lành không thôi.

Không thôi, nghĩa là làm mà không dừng nghỉ.

Dần dứt sinh tử, bỏ hẳn luân hồi.

Dần dần dứt bỏ nhân sinh tử, xa lìa hẳn khổ luôn hồi.

Con sông ân ái, khô biển phiền não.

Dần cạn sông phan duyên ân ái, làm khô cạn biển phiền não vô minh.

Thoát khỏi thân giả hợp, được quả báo chân thật.

Thoát khỏi thân tướng huyễn hóa, thể chất luống dối, khí huyết nhóm tụ, mà chứng được quả vị Vô thượng thiện quả chân tịnh thực tế.

Há ít bổ ích ư ?

Thoát khỏi sự giả hợp, liễu đạt chân thật như trên, há gọi đó là ít bổ ích ư?

Vả lại, cha mẹ có điều không phải, mà con có thể can ngăn, khiến khỏi rơi vào bất nghĩa, cũng được gọi là hiếu.

Trong Hiếu kinh chép: cha mẹ có được người con biết can ngăn thì thân không rơi vào bất nghĩa, chính là nói ý này vậy, người con ấy vẫn được tôn xưng là hiếu.

Huống gì thoát khỏi đường ác, hoặc chứng thiện quả mà thôi.

Tóm kết ý văn trên, giúp cha mẹ khỏi rơi vào bất nghĩa, còn được tôn xưng là hiếu, huống gì khuyên cha mẹ làm điều lành, thoát khỏi đường ác, chứng được quả lành ư?

Nay, các vị Sa-môn cắt tóc cạo râu, dứt bỏ danh lợi:

Cạo bỏ râu tóc nghĩa là xả bỏ hình tướng thế gian, dứt bỏ hư danh, xa lìa lợi dưỡng mong manh.

Xa lìa vinh nhục, dứt bỏ phù hoa:

Có vinh thì có nhục, nên xa lìa vinh nhục và xả bỏ phù hoa hư ngụy ở thế gian.

Mến đạo vô vi, tâm thong dong ngoài muôn vật:

Tu đạo tự nhiên; ưa mến vô vi, vô tác, tâm biểu lộ tự tại đối với muôn vật.

So với những người đốt thân tự hại, cũng xa lắm vậy:

Phương = tỷ, nghĩa là so sánh. Nếu như Sa-môn cạo bỏ râu tóc mà là bất hiếu, thì so với Tử Thôi, Dự Nhượng, Kinh Kha, Thái Bá, Bá Di, Thúc Tề v.v... đốt thân tự hại, đã xa lại càng xa lắm vậy.

Tử Trương nói: kẻ sĩ bị ách nạn đến nỗi phải chết:

Trong luận ngữ, Tử Trương nói kẻ sĩ bị ách nạn đến nỗi phải chết là đối với chỗ đáng chết mới phải chết.

Ý nói chết vì nghĩa:

Quên thân mạng, giữ lấy nghĩa.

Không mến tiếc thân mình:

Đã quên thân, giữ nghĩa, nên không mến tiếc thân vậy.

Do đó, đạo của người quân tử, làm việc không mang kết quả, chỉ cần có nghĩa mà thôi.

Chỉ cần giữ gìn nghĩa khí vậy.

Nếu bó buộc nơi đạo nhỏ mà bỏ đi đức lớn, là việc mà các bậc hiền sĩ không làm vậy. Thuở xưa vua Thọ nhà Thương.

Trong Thương Thư nói: Thọ là tên của vua Trụ, vì tánh nết hung tàn bất nghĩa, tổn thiện, nên gọi là Trụ.

Vô đạo, hung tàn, bạo mạn, khốc ngược:

Đại Học nói: "Người làm vua phải giữ lấy lòng nhân". Do không thực hành chính sách nhân nghĩa gọi là vô đạo. Bạo ác thương hại là hung tàn, cưỡng đoạt bạo ngược là bạo mạn, pháp luật hà khắc, lạm xử hình phạt là khốc ngược.

Mổ bụng phụ nữ có thai:

Mổ bụng vợ Tỷ Can để xem thai nhi.

Thiêu đốt hiền sĩ trung lương:

Chẳng kể hiền sĩ trung lương, đốt lửa mà thiêu sống.

Hành hình bằng cách đốt nướng áp lửa:

Dựng cột đồng, bôi mỡ vào, dưới có than lửa, bắt người tội leo lên, mà vua Trụ và Đắc Kỷ lấy làm rất vui vẻ. Đó gọi là hành hình bằng cách đốt nướng áp lửa.

Chặt cẳng chân người tội sáng sớm lội qua nước lạnh:

Trạc âm là chước. Mùa đông sáng sớm xem những người tội bị bắt lội qua nước mà sợ lạnh. Cho rằng cẳng chân cốt tủy chưa đầy, nên chặt chẻ ra để khám nghiệm.

Rượu chứa đầy hồ, thịt treo đầy rừng:

Rượu chứa thành ao, treo thịt thành rừng, nam nữ thân thể lõa lồ đuổi bắt nhau trong đó.

Trong mê đắm sắc dục:

Trong cung lập ra chín chợ, sủng ái Đắc Kỷ, mê loạn dâm sắc, uống rượu suốt đêm, trăm họ oán trách than van, các nước chư hầu có kẻ phản lại.

Ngoài bỏ phế việc cai trị sửa đổi nước nhà:

Phế là hoại (= phế bỏ hư hoại) vậy. Chính là chánh. Dùng chánh lý mà lập ra phép tắc thường pháp thì gọi là chánh. Do trong mê loạn bởi sắc dục mà ngoài phế hoại việc cai trị sửa đổi nước nhà.

Giàu sang cùng cực trong nhân gian:

Giàu sang dục lạc cùng tận trong nhân gian vậy.

Buông lung kiêu xa ngoài thân:

Tự do buông lung ngoài thân trội phần xa xỉ kiêu đãi.

Vi Tử giả điên bỏ đi:

Vi Tử là anh thứ của vua Trụ, vì vua Trụ vô đạo, mấy lần can ngăn không nghe theo, nên Vi Tử giả điên bỏ đi.

Cơ Tử vì đó mà làm tôi tớ:

Cơ Tử là bác ruột của Trụ, con của Đế Ất nhà Ân, can ngăn mà không nghe, bèn bứt tóc giả điên mà làm tôi tớ.

Thần thúc Tỷ Can hết lòng trung thực can ngăn, bèn mổ bụng mà chết:

Tỷ Can là chú ruột của vua Trụ, dùng lời ngay thẳng can ngăn vua Trụ. Vua Trụ bảo: "Tôi nghe tim của bậc Thánh có bảy lỗ", bèn mổ bụng xem tim mà chết.

Đó cũng là không giữ toàn thân, sao bất hiếu vậy mà không trách ư?

Như Tỷ Can v.v... bứt tóc mổ bụng, cũng là không giữ toàn thân, sao không khiển trách là bất hiếu ư?

Trong khi Khổng Tử y cứ theo đức nhân mà tôn xưng họ vậy:

Phu tử đều tôn xưng họ là người nhân đức.

Đâu thể nào y cứ vào sự giữ gìn râu tóc của thân mình mà tôn xưng ấy là người hiếu hạnh ư?

Tóm kết ý văn trên. Đây thể lấy ngay râu tóc đầy đủ nơi thân mình mà tôn xưng đó là hiếu hạnh ư.

Vì vậy, các bậc thánh do từ sự mà lập chế, lý không thường giữ:

Từ xưa các bậc thánh y cứ vào sự mà lập ra chế độ, lý ấy tuy bày nên, cố nhiên không thường giữ gìn vậy.

Khổng Tử nói: Quân tử bất khí.

Luận ngữ nói: Kẻ sĩ thành đức, không đắm trước khí lượng vậy.

Nói khí, tức mỗi mỗi tự hoàn bị diệu dụng của nó:

Như xe không thể làm thuyền, thuyền không thể làm xe vậy.

Còn bậc quân tử không gì chẳng làm được:

Kẻ sĩ thành đức, thể không gì chẳng đủ, dụng không gì chẳng hoàn bị, riêng chẳng một tài một nghệ mà thôi. Quân tử sở dĩ không đắm trước khí lượng, là vì không tạo tác.

Luận ngữ nói: Rất sợ bùn:

Luận ngữ nói: Tử Hạ nói bùn là không thông. Đường lớn càng xa

càng thông, đường nhỏ rất xa mà tắt nghẽn bởi bùn vậy.

Đó là căn bệnh của bậc Thánh vậy:

Bệnh là hoạn. Do đó, bậc thánh buồn lo việc bùn không thông.

Như bốn vị là Mạnh Tôn v.v... cùng hỏi về đạo hiếu, câu hỏi tuy giống mà lời hỏi thì khác nhau.

Luận ngữ nói: Mạnh Ý Tử hỏi đạo hiếu, Khổng Tử dạy: "Không trái". Mạnh Võ Bá hỏi đạo hiếu, Khổng Tử dạy: "Cha mẹ chỉ lo bị bệnh". Tử Du hỏi đạo hiếu, Khổng Tử dạy: "Hạnh hiếu ngày nay là kính thờ nuôi nấng, đến như chó ngựa đều dưỡng nuôi được, bất kính đâu khác gì ư?" Tử Ưu hỏi đạo hiếu, Khổng Tử dạy: "Nạn sắc, có đệ tử phục dịch lao nhọc của nó, có rượu quý thức ăn ngon thì kính dâng cha mẹ ăn. Hiểu được thế, đó là hiếu". Đây là câu hỏi về đạo hiếu đều giống nhau, mà chỗ trả lời của thiên tử có khác nhau.

Bởi vì tùy khí lượng mà trao truyền đạo.

Luận ngữ nói: Khổng Tử nói với Mạnh Ý Tử tức là dạy chung mọi người vậy. Nói với Mạnh Võ Bá là vì người ấy có nhiều sự đáng lo. Nói với Tử Du là phụng thờ nuôi nấng mà hoặc đánh mất sự kính trọng. Nói với Tử Du là hay thẳng nghĩa mà hoặc thiếu sắc mặc ôn hòa. Mỗi người vì tài khí cao thấp, đối với điều mất mát của họ mà dạy nên có khác nhau. Do đó, tùy khí lượng của họ mà trao truyền đạo.

Sao lại vì nhất thể mà tự hạn cuộc vậy ư?

Các bậc thánh trong tam giáo, mỗi vị đều tự lập ra môn phong, sự thực hành khác nhau. Do đó, đạo tùy căn khí con người mà trao truyền. Sao lại lấy một thể mà có thể tự cục lượng vậy ư?

Vì vậy, bậc tri sĩ, những bậc hiền, không đắm trước, danh cú.

Trí tuệ đạt sĩ, đức hạnh người nhân, không nhất định chấp trước danh tướng ngữ cú, vì thiên chấp là thuộc loại cục lượng.

Như lời Ông hỏi, thật là thấp kém vậy:

Như điều ông hỏi, thành thật mà nói thì quá thấp kém vậy.

CHƯƠNG THỨ TÁM: CHỐNG CỰ SỰ HỦY HOẠI

Chương này, nhân có điều thắc mắc, vì cự tuyệt điều đó nên gọi là "Chống cự sự hủy hoại".

Khách nói: kéo dài phước đức không gì hơn nối dõi về sau. Tội bất hiếu chẳng gì bằng không có con cái:

Mục = vô là không. Muốn kéo dài phước đức, không gì có thể vượt qua sự nối dòng con cháu về sau. Muốn khỏi bị gọi là bất hiếu, không gì bằng đừng để không có con cháu nối giòng.

Chưa dọn đẹp đẽ không gì bằng châu ngọc, trang sức diễm kiều không gì qua lụa là gấm vóc:

Vua ưa ham thích tốt đẹp, chẳng gì hơn châu báu vàng ngọc, trang sức đẹp đẽ chẳng gì bằng lụa là gấm vóc. Đó là từ ngữ dẫn dụ.

Khổng Tử nói: "Cha mẹ sinh con tiếp nối dòng giống, chẳng gì lớn bằng". Tức cha mẹ sinh con, truyền thể nối nhau, đạo của con người không gì lớn bằng.

Đạo lý của con người, tiếp nối dòng giống về sau là lớn hơn cả.

Nay thấy các vị Sa-môn lìa vợ con, vất bỏ của cải.

Vất bỏ vật chất gia tài.

Sao trái ngược với hạnh phước hiếu, xa lìa đạo giúp thân vậy ư?

Nhân sao lại trái ngược với hạnh lành phước đức hiếu thuận, xa lìa đại đạo giúp thân vậy ư?

Diệu Minh nói: Ông nói quá, vợ con là vật dư ngoài thân, của cải là đồ thừa đối với đạo vậy:

Vợ con là vật dư ngoài thân, của cải là đồ thừa đối với đạo.

Vì vậy, ái niệm tình dục là cái hại của thân.

Vợ con của cải mà vọng niệm yêu riêng, động tình kéo theo dục, không ích lợi mà lại có tổn hại, cho nên là họa hoạn của thân vậy.

Lắng đọng gương lòng trong sạch là sự nhiệm mầu của Đạo.

Trừng giám là gương sáng. Nơi tâm nếu thanh tịnh như gương sáng, thì thật là chỗ nhiệm mầu của chí đạo.

Như trước thì có vàng ngọc, mà sau thì có con Hủy con Hổ. Hẳn lòng người sẽ bỏ mà đi, không dám đến lấy vàng ngọc. Vì sao? Vì trước phải quý mạng sau mới lấy cái lợi vậy:

Hủy âm là Tự (= con tê giác cái), giống như con bò một sừng, thân nặng ngàn cân, bắt cọp mà ăn, là loài thú hung dữ làm tổn hại người. lại dụ như trước mặt tuy có vàng bạc châu ngọc nhưng ở phía sau hoặc có loài hủy, hổ, nên người chắc chắn bỏ đi, không dám lấy vàng ngọc

trước mặt ấy. Vì sao? Vì trước tiên phải yêu tiếc tánh mạng, sau đó mới có thể vui với tài lợi vậy.

Lão Tử nói: thân mạng và của cải, cái nào quan trọng?

Muốn thân được an vui, thì phải xem thường cái lợi.

Được và mất, cái gì sinh bệnh:

Muốn dứt trừ bệnh, trước tiên phải quên cái được (= đắc).

Cho nên, càng mến thích sâu đậm thì phải phế bỏ nhiều:

Mến thích nó càng nhiều thì sự phế bỏ nó càng lớn.

Cất chứa nhiều thì mất càng nhiều.

Đã cất chứa nhiều thì chắc chắn có họa hoạn mất mát cũng lắm.

Biết đủ thì không nhục, biết dừng thì không nguy:

Đãi là nguy, có thể làm, có thể dừng thì không nguy hại đến thân. Nên nói: "Biết đủ thì không nhục". Hán Sớ Quảng nói: "Bậc hiền mà lắm của cải thì tổn hại chí, kẻ ngu mà lắm của cải thì càng thêm lỗi lầm", nên nói: "Biết dừng thì không nguy".

Và có thể lâu dài vậy:

Thấu đạt được ý nghĩa của các câu trên đây, thì có thể giữ gìn thân mạng được lâu dài.

Lại nói: Tội không gì lớn bằng chấp nhận tham dục:

Khả là chấp nhận, Dục là tham dục. Tâm Dục đã sinh, bao giờ mới đủ, chỉ được là chính như vậy. Chấp nhận tham dục thì tội ấy không gì lớn bằng như thế.

Họa chẳng gì lớn bằng không biết đủ:

Tham của bất nghĩa, mà không biết thỏa mãn thì họa hoạn không gì hơn như vậy.

Tai vạ không gì lớn bằng muốn được:

Cửu là ương cửu (= tai vạ) vậy, Khổng Tử nói: "Răn đe ở cái được (= đắc), được là tham dục vậy, tham dục không thôi, thì tai vạ sẽ sinh.

Nên cái "đủ" của sự biết đủ là thường đủ vậy. Lại nói: "Vàng ngọc đầy nhà, chẳng phải do tham thì mới giữ được".

Vàng ngọc đầy nhà chẳng phải tham ái mà có được, nên người xưa nói: Tham của cải không bằng chẳng tham của cải, vì tham của cải thì trời giáng tai họa, của cải do tham mà được, nó đến với người tồn tại không lâu. Sao bằng người không tham của cải ư?

Giàu sang mà kiêu ngạo là tự chuốc lấy lại tai vạ ấy:

Kiêu căng buông lung là tai vạ. Phàm ở địa vị giàu sang, chẳng gìn giữ bổn phận mà rong ruổi luông tuồng. Giàu sang kiêu ngạo là tự phế bỏ địa vị của mình mà chuốc lấy tai vạ vậy.

Riêng mình Ông không nghe vậy ư? Vả lại tánh mạng con người nặng hơn so với núi Thái:

Trong khoảng trời đất, muôn ngàn loài vật, quý trọng nhất là tánh mạng con người, nên được dụ như núi Thái.

Vợ con của cải đối với con người nhẹ hơn lông chim thu:

Hào = mao, là lông vậy. Chỉ có lông chim thu rất nhỏ nhiệm, vợ, con, của cải chẳng phải không quý vậy. Có ta thì nên dùng, Ta đã mất rồi thì vợ, con, của cải chẳng phải là cái của ta nữa, nên thí dụ nó nhẹ như lông chim thu vậy.

Lắng đọng gương sáng thanh tịnh thì ái niệm tình dục cũng fiống như thế:

Tóm kết ý văn trên, vì khi đã lắng đọng gương tâm trong sáng thì ái niệm tình dục cũng cùng một loại.

Vì vậy, các bậc thánh gấp rút việc lớn, hòa hoãn việc nhỏ, trước lo cái nặng, sau tính cái nhẹ vậy:

Gấp rút việc lớn tức lắng đọng gương tâm trong sáng, hòa hoãn việc nhẹ tức là ái niệm tình dục, trước lo cái nặng tức là tánh mạng, nên xem trọng tánh mạng như núi Thái, sau tính cái nhẹ là vợ con, của cải, nên xem nhẹ vợ, con, của cải như lông chim thu vậy.

Ai là người hiểu biết mà bỏ mạng sống sâu dày, hướng đến chút lợi mỏng manh ư?

Thú là hướng đến. Ý nói ai là người hiểu biết thì đâu thể bỏ tánh mạng sâu dày mà chạy theo chút lợi mỏng manh.

Mạnh Tử nói rằng:"Ham thích của cải riêng lo vợ con là bất hiếu vậy". Các vị Sa-môn lìa vợ con, bỏ của cải, so với đạo lý ấy, có thể gọi là phù hợp vậy. Đâu thể cho là bất hiếu mà bị khiển trách vậy! Phàm người học Phật, phải hiểu được thế đạo là phao nổi và rõ mọi điều thiện ác.

Tạng là lành, phủ là ác, luống dối không thật gọi là bao. Nghĩa là người học Phật trước tiên phải hiểu biết thế đạo là không thật, không bền chắc, sau đó soi xét cái lý lành dữ, chính đáng trong đương thời.

Tôn sùng quả đức, đi vào Thánh đạo.

Thành thật, kính tin quả Đức, thì chân bước lên con đường thánh.

Bỏ ác lập thân.

Khử = trừ là bỏ. Nặc là Ác. Như dứt bỏ ác để lập thân.

Dứt bỏ hung bạo để thực hành từ nhẫn.

Dứt bỏ hung bạo ngạo mạn, mà thực hành từ hòa, mềm mỏng.

Không ai chẳng khuyên người bước đến tốt đẹp an lành, để đạt

vô vi.

Mạc = vô là không . Ngự = Tấn là bước đến. Tán kết mấy câu văn tròn. Nếu y cứ vào đó mà thực hành thì không ai chẳng khuyên người bước đến tốt lành mà thông đạt đạo lý vô vi tự nhiên.

Nương vào Phước Hiếu để vượt hữu lậu

Bằng = y thác, là nương tựa. Siêu = việt, là vượt, Lậu = Sấm lậu là thấm chảy. Nêu sở hành ở ý văn trên, thì y vào đó để có phước đức và Hiếu đạo, sẽ vượt qua và đạt đến quả vị vô lậu.

Gần thì làm tỏ rạng Tổ nể:

Gần thì tỏ rạng vinh hiển tổ tông tiên nể.

Xa thì đạt đến Bồ-đề:

Lịch = cận tháo, là gần đạt đến. Xa thì đến gần Bồ-đề.

Sự lớn lao của phước hiếu ấy, không gì vượt hơn:

Dũ = việt, là vượt, hơn. Đầu mối lớn lao của phước đức hiếu đạo, không gì hơn làm tỏ rạng tổ nể, đạt đến quả vị Bồ-đề cùng cực vậy.

Có gì là mê hoặc ư?

Như điều đã nói trên, thì có gì là mê hoặc ư?

Ngày xưa Bá Di, Thúc Tề, không người nối dõi, Sào Phủ, Hứa Do không có con cái.

Bá Di, Thúc Tề chết đói ở Thủ Dương, Sào Phủ, Hứa Do ẩn tích nơi Kỳ Trụ, đều không có con cái tiếp nối dòng dõi.

Mà Trọng Ni tôn xưng các vị ấy là bậc hiền:

Luận ngữ nói: Tử Cống hỏi: “Bá Di, Thúc Tề là người thế nào?”. Khổng Tử nói: Đó là những bậc hiền sĩ thuở xưa.

Không hề nghe chê trách họ chẳng phải hiếu. Ngày nay các vị Sa-môn, vất bỏ sự ràng buộc của trần tục, chuộng lấy đạo lý thanh hư vượt ngoài mọi vật:

Chư tăng ngày nay vất bỏ sự ràng buộc của bụi đời oan trái, chuộng đạo lý vô vi thanh hư vượt ngoài muôn vật.

Hướng về phương trời không qua không lại:

Đến phương trời rộng lớn chân tịnh không qua không lại.

Mong cầu điệu lý không diệt không sinh:

Để cầu diệu lý không diệt không sinh.

So với đạo lý của Bá Di, Thúc Tề, Sào Phủ, Hứa Do cũng không cao xa.

Tóm tắt ý văn trên. Như đạo lý tu hành của các vị Sa-môn, nếu so sánh với đạo lý của Bá Di, Thúc Tề, Sào Phủ, Hứa Do đã sống, thì cũng không cao xa vậy.

Vậy thì đâu trái với hạnh phước đức và hiếu đạo ư?

Với đạo lý tu hạnh như thế đâu có trái ngược đối với phước đức hiếu đạo?

■

LUẬN CHIẾT NGHI

QUYỂN 3

CHƯƠNG THỨ CHÍN: BÀN VỀ LỄ NGHI

Chương này bình luận về kiểm chế của lễ nghi, nên gọi là "Bàn về lễ nghi".

Khách nói: Hoàng đế rũ áo mà tấn thân ăn mặc.

Để lại ở đời mà làm lợi cho dân chúng vậy. Nên áo mão, đầu tiên được chế ra từ hoàng đế.

Tố Vương chế lễ mà hình dáng cung kính.

Tố là không vậy. Nói Khổng Tử có đức làm vua mà không ngôi vị vua. Lời tựa của Tả truyện nói: Phu Tử sáng tác Xuân Thu là Tố Vương. Tả Khâu minh truyện Xuân Thu là Tố Thần. Nên lễ nhạc bắt đầu có ra từ Khổng Tử.

Phục (mặc) là đứng đầu trong ba đức

Trong Hiếu kinh nói: "Chẳng phải pháp phục của tiên vương thì không dàm mặc. Chẳng phải đức hạnh của tiên vương thì không dám làm. Chẳng phải pháp ngôn (= lời nói) của tiên vương thì không dám nói. Ba đức ấy, phục (mặc) là đầu nên nói là sơ (= trước tiên = đứng đầu).

Mạo đặt là đầu trong năm việc.

Thượng thư nói: Năm việc: 1/ mạo, 2/ ngôn, 3/ thị, 4/ thính, 5/ tư. Chú thích rằng: mạo là cung, ngôn là tùng, thị là minh, thính là thông và tư là duệ. Cung làm túc, tùng làm hựu, minh làm triết, thông làm mưu và duệ làm thánh. Trong năm việc ấy, mạo liệt đứng đầu tiên, nên gọi là trước tiên (= đầu tiên = thủ).

Tử Lộ gặp nạn, không quên thắc giải mũ:

Anh là giải buộc mũ. Tử Lộ gặp nạn Thái tử Vệ, còn thất dãi chỉnh mũ mà chết, tuy khốn cùng mà chẳng bỏ mũ miện ấy.

Nguyên Hiến tuy nghèo mà chẳng lìa mũ đẹp:

Nguyên Hiến người nước Lỗ, nghèo không nhà ở, thường hay đội

mũ. Tử Cống đi ngang qua, nói: “Sao bệnh quá thế!” Nguyên Hiến nói: “Tôi nghe kẻ không có của cải là nghèo, có đạo lý mà không thực hành là bệnh,” tôi đây là nghèo chứ không phải bệnh.

Ngày nay các vị Sa-môn, cạo bỏ râu tóc, mặc áo nhuộm:

Âm y nghĩa là mặc, truy là màu đen, bào là đại y.

Ngoài không dung nghi quỳ đứng, trong không lễ phép ôn cung, vậy đối với pháp chế của tiên vương, không là trái ngược ư?

Ngoài là đối với vua quan, không lễ nghi quỳ lạy. Trong là đối với cha mẹ không có lễ mạo ôn hòa cung kính. Không thực hành pháp của các bậc tiên triết hiền vương chế định, vậy mà không trái ngược ư?

Diệu Minh nói: Ông rất không thông đạt lý ấy!

Quá lắm là trách lời khách hỏi, rất không thông hiểu lý ấy.

Ngày xưa, các vua thân rắn mũi cọp, các Thánh đầu trâu vảy rồng:

Phục Hy thân như rắn, vảy như rồng, Võ Vương mũi như hổ, Thần Nông đầu như trâu, đều là những bậc thánh, vua.

Ăn tanh uống thối

Đạm = thực là ăn. Thiên = tinh là tanh. Xú = thối là thịt đã hủy hoại. Trước kia con người chưa tìm được lửa, nên ăn thịt sống uống máu tươi, ngày nay dùng vật sống để cúng tế.

Mặc bằng lông da

Từ thời hoàng đế về trước, chưa có quần áo, đều dùng lông da của cầm thú làm đồ mặc.

Mùa hè ở trên ổ như chim

Tăng âm là tăng, là ổ chim. Thời thượng cổ, các bậc thánh không có nhà, mùa hè thì ở trên ổ chim.

Mùa đông thì ở trong hang động.

Doanh là tạo tác, mùa đông thì đào hang động để ở.

Luận về đạo thì tôn sùng chất phác

Luận về đạo thì tôn kính.

Luận về đức thì mến chuộng thanh hư

Luận về đức thì tôn trọng, mến chuộng thanh hư vô vi.

Chưa biết lễ nghi ôn hòa, cung kính, bái quỳ, không biết cái đẹp của chương phủ tấn thân.

Chương phủ, lễ quan

Cho nên phục hy quấn đầu mà chân chẳng mang giày

Quấn tóc trên đầu và chỉ đi chân không

Thần nông để đầu trần, không đội mũ

Đầu không đội mũ miện

Vào thời ấy đâu có phục sức trâm cài, giải thắt, áo mũ vậy ư?

Tóm kết văn trên, các vua thánh đức, hành đạo vô vi, làm lợi cho dân chúng đâu có các thứ trâm anh, mũ miện để trang sức vậy.

Mà trong sáu kinh và các nhà hiền triết đều tôn xưng họ là chí đức, không hề nghe vì thiếu mũ miện mà trách họ phi lý vậy! Ngày xưa, Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử: "Vua Thuấn đội mũ gì?":

Hỏi vua Thuấn đội mũ như thế nào?

Khổng Tử không trả lời. Lỗ Ai Công hỏi: "Quả nhân có hỏi mà ông không nói, ấy là có ý gì?"

Quả là ít vậy, là ngôn từ khiêm nhượng, nói tôi ít đức vậy.

Khổng Tử nói: "Câu hỏi của Ông không lớn, mới suy nghĩ lời để đáp"

Nhân thấy Lỗ Ai Công hỏi lời ấy không lớn, mới suy nghĩ lời để đáp.

Lỗ Ai Công bảo: "Sao là chẳng lớn?"

Lỗ Ai Công nói: Sao là không lớn?

Khổng Tử nói: vua Thuấn làm vua là đức của Người ưa thích sự sống, chán ghét sự giết hại

Ác là chán ghét. Thuấn làm vua, lấy đức trị dân, ưa thích sự sống, trở thành chán ghét sự giết hại.

Chính sách của vua Thuấn là tín nhiệm người hiền, mà loại bỏ kẻ chẳng ra gì.

Người chẳng ra gì là không phải người hiền. Hành chánh thì chọn lựa người hiền đức, loại bỏ người không hiền đức.

Đức tỏ sáng như mặt trời, mặt trăng

Đức tỏ sáng ví như mặt trời, mặt trăng.

Hóa hành như thần

Phong hóa đại hành, cảm ứng như thần.

Rùa phượng tượng trưng cho điều lành, lân rồng kêu là điềm tốt.

Rùa, phượng, lân, rồng, gọi là bốn con vật linh thiêng là điềm tốt lành của vua. Nước nhà có bậc thánh vương minh chúa, thì bốn con vật này xuất hiện.

Ông chỉ hỏi về mũ miện, nên chẳng phải lớn.

Như chỉ hỏi về mũ miện, thì chẳng phải là việc lớn của Quốc chính vậy.

Như vậy, thì Đạo Đức Lễ nhạc do con người làm ra.

Bởi vì, Đạo Đức Lễ nhạc, đều do các vua đương thời chế ra vậy.

Chẳng phải mũ miện của chương phủ làm ra, nên Lão tử nói: “Mất Đạo thì sau đó dùng Đức”:

Đạo là tự nhiên, Đức là còn cái được. Nên Đạo suy thì dùng Đức để cai trị, nên nói mất Đạo thì dùng Đức.

Mất Đức thì sau đó dùng Nhân:

Nhân là tâm có sự mến thương, lợi lạc. Cho nên Đức suy thì thực hành Nhân, vì thế nói mất Đức thì dùng Nhân.

Mất Nhân thì dùng Nghĩa:

Nghĩa là tâm có đoán chế. Tâm Nhân suy thì thực hành Nghĩa, cho nên nói mất Nhân thì dùng Nghĩa.

Mất Nghĩa thì dùng Lễ:

Lễ, có ý nghĩa là cưỡng dân. Do nghĩa suy mà dùng Lễ, nên nói mất Nghĩa thì dùng Lễ.

Phàm, Lễ là sự mỏng manh của trung tín mà đứng đầu mọi loạn lạc:

Nói Lễ tức chẳng hợp với Đạo vô vi. Nên Lão tử nói Lễ là sự mỏng manh của trung tín mà đứng đầu mọi hoạn lạc. Bởi nó không phải việc chính bên trong mà chỉ là sự trang sức bên ngoài, nên từ Lễ phát sinh ra sự luống dối của con người.

Vì vậy, các vua Thánh Đức dùng Đạo vô vi để cai trị làm lợi ích cho dân chúng.

Ngày xưa, có Đạo, nên các vua Thánh Đức dùng Đạo vô vi vô tác mà giáo hóa cho dân chúng được tốt đẹp. Do Đạo suy, Đức mất, mà chuộng đến Nhân. Do Nhân mất thì nghĩa mất, lại chuộng đến Lễ. Nên Lão Tử nói Lễ là sự luống dối trang sức ngoài thân.

Đâu nên câu thúc nơi lễ tiết ư!

Sao lại chấp trước sự trang sức của Lễ mạo tiểu tiết ấy ư?

Lễ là cung kính mà thôi!

Lễ là Dung nghi cung kính mà thôi.

Kinh xuất phát từ tâm:

Nên sự kính Lễ xuất phát từ bản tâm.

Mà chẳng phải ở mũ miện.

Chẳng phải mũ mạo sinh ra kính lễ vậy.

Phàm đạo của bậc Thánh đâu hạn cục ở nghi tiết mà thôi ư:

Các bậc thánh ngày xưa dùng thật chất thuần đức, hành đạo để giáo hóa chúng sinh, đâu hạn cuộc nơi mũ mạo nghi tiết mà thôi vậy.

Nên Khổng Tử nói: “Lễ ư, Lễ ư, Ngọc lụa gọi là Lễ ư? Nhạc ư, nhạc ư, chuông trống gọi là nhạc ư?”.

Kính mà lấy đó dùng Ngọc lụa thì là Lễ, Hòa mà phát đó dùng chuông trống thì là Nhạc. Nếu bỏ mất gốc mà chỉ lấy ngọn nhành đâu thể gọi là Lễ nhạc.

Lễ chủ yếu là kính. Không chỉ tôn trọng Ngọc lụa, mà quý ở chỗ trên an để trị dân:

Lễ là rõ ràng an định trên dưới để trị dân. Nên trên an mà trị Dân, chẳng cần thêm lễ.

Nhạc chủ yếu là Hòa, không chỉ ở chuông trống, mà quý ở chỗ sửa đổi phong tục vậy:

Nhạc sở dĩ nhờ trị mà hòa được tiếng của dân, cho nên sửa đổi phong tục không cần phải thêm Nhạc.

Vì thế, Quân tử không thể cho cái biết nhỏ là lớn vậy.

Quân tử là lời tôn xưng đối với Bậc Thành Đức, không thể lấy cái biết nhỏ nhặt mà có thể chấp nhận, cho đó là lớn.

Nhưng sự chế tác của các Bậc thánh đã trải qua nhiều đời phục sức, để cho người Dân Trung Quốc thực hành theo Lễ của Trung Quốc. Tuy không thể phế bỏ:

Từ Hoàng Đế chế tác y phục, chu công chế tác lễ nhạc, lấy đó mà trang sức, làm lợi cho người Dân của Trung Quốc, thực hành theo Lễ của Trung Quốc, tuy nhiên không thể phế bỏ nó.

Nhưng những kẻ sĩ lìa trần tục, vượt ngoài vạn tượng, sống với cao hạnh, đâu có thể bắt chước theo đó ư?

Nếu là những bậc cao sĩ vượt ngoài trần tục, ra ngoài vạn tượng mà thực hành công hạnh cao xa, sao lại bắt chước theo lễ nghi khúc cung, mũ miện ấy để hạn cuộc ư?

Vả lại, Lịch Sinh chẳng vái chào Đế cao:

Hán Cao Tổ có ra lệnh gọi Ẩn sĩ Lịch Sinh tên Thực ở đất Tần đến ban thưởng, xong rồi, thấy thị nữ rửa chân cho vua, cho rằng vua không tôn trọng người Hiền, bèn không vái chào; mà nói rằng: “Cảm ơn Người ngồi giữa trong chiếu”.

Hứa Do từ chối mệnh lệnh của Đế Nghiêu:

Trang Chương Nhượng Vương, Trang Tử nói: Vua Nghiêu nhường ngôi cho Hứa Do, Hứa Do từ chối không nhận lấy.

Hà Thượng Công ngồi nhìn Hán Văn Đế:

Liệt Tiên truyện chép: Hán Văn Đế ưa mến đạo đức, sai sứ đến thưa hỏi Nghĩa lý đối với Hà Thượng Công. Hà Thượng Công nói: “Đạo cao đức quý, không thể từ xa mà nghe được”. Sau, vua đích thân đến tận am của Hà Thượng Công, Hà Thượng Công ngồi nhìn vua đến.

Gia cát Khổng Minh nằm ngủ khinh ngạo tiên chúa:

Trong Sử ký chép: Gia Cát Khổng Minh ẩn cư ở am Nam Dương, Từ thứ tâu cùng Tiên chúa, Tiên chúa đến xem, Khổng Minh vẫn nằm ngủ không dậy.

Đó đều là những vị đạo đức sáng soi bốn biển, đức trùm khắp mọi nơi, từ xưa đều tôn xưng, cho là cao thượng, cũng không vì thiếu quỳ lạy mà trách cứ là trái Lễ nghi:

Đây là nêu điều hỏi ở trước. Nghĩa là những người nêu trên, cũng không vì thiếu quỳ lạy mà trách cứ là trái với Lễ nghi.

Các vị Sa-môn ngày nay, với đạo thì tôn sùng chữ tín, ý chí mến mộ vô vi:

Chư tăng ngày nay, noi theo phong tục của Phật tổ, đạo thì tôn sùng cao xa mà đôn hậu tín thật. Quyết chí mến mộ sâu sắc đạo vô vi.

Trong nhà thì không bái lạy mẹ cha:

Gia quân là cha vậy.

Ở ngoài thì không lạy vua chúa.

Nhân chủ là Quốc vương vậy.

So với những người như Hà Thượng Công, cũng giống như vậy:

Những bậc Cao tăng hữu đức so với những người như Hà Thượng Công v.v... cũng đều giống nhau.

Y cứa vào đó mà xét, thì từ xưa, những bậc hiền đức vẫn có ở vị ở trên cao hay trong tỉnh lý, hoặc thong dong cùng mây núi.

Mạnh tử nói: chín trăm mẫu là tỉnh điền, năm lân là lý. Kể từ xưa, các bậc hiền nhân đức sĩ, mến mộ Đạo, hoặc cao ẩn nơi tỉnh lý, hoặc tiếu ngạo lánh đời mà ẩn cư giữa khoảng mây núi.

Đối với thiên tử chẳng được làm tôi, với vương hầu chẳng được làm bạn.

Trong lễ ký, chương nho hành nói: "Nhà Nho có người trên không làm quan cho vua, dưới không phụng sự chư hầu". Trong Trang Tử, chương Thiên Đạo nói: "Tăng Tử ở nước vệ, vua không có quan, chư hầu không được phản". Nên người dưỡng chí thì quên mình, dưỡng thân thì quên lợi, chí Đạo thì quên tâm.

Chế độ lễ nghi không thể được ép buộc. Tóm kết văn trên. Vua không có quan, chư hầu không có bạn. Với ý nghĩa ấy thì đâu thể bó buộc nơi chế độ lễ nghi được ư?

Huống gì là Thánh giáo vượt ngoài vạn tượng ư?

Huống gì là Sa-môn, Thánh giáo thoát trần vượt ngoài vạn tượng vậy.

Vì thế, quân tử tùy theo sở nghi, chẳng thích hợp thì không dùng.

Cho nên, quân tử chỉ theo nghĩa, và chỉ có sở nghi, còn không thích hợp thì không dùng.

Đâu có khư khư nơi mũ miện lễ nghi mà ngăn cấm.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI: NÊU BÀY THÍ DỤ ĐỂ HỎI

Chương này nêu bày thí dụ việc khác mà hỏi, nên gọi là "Nêu bày thí dụ để hỏi".

Khách nói: Lý Lộ hỏi việc quỷ thần.

Lý Lộ tức là Tử lộ.

Khổng Tử nói: "Chưa thể làm việc người, sao làm được việc của quỷ". Lý Lộ nói: "Muốn hỏi chuyện chết". Khổng Tử bảo: "Chưa biết được sự sống, làm sao biết được sự chết".

Luận ngữ chú thích rằng: Ngày đêm là đạo sống chết. Biết được đạo của sự sống thì biết được đạo của sự chết. Rõ được đạo lý của việc người, thì rõ được đạo lý của việc quỷ. Sống, chết; người, quỷ tuy một mà hai, tuy hai mà một". Hoặc nói: "Khổng Tử không trả lời, Tử lộ không biết". Đó là sự chỉ bảo sâu xa.

Đó là điểm cùng tuyệt của bậc Thánh.

Đó là việc mà Khổng Tử là bậc Thánh tuyệt đối không nói.

Nay, Phật giáo thì nói việc sinh tử đến đi và việc quỷ thần báo ứng.

Nay Phật giáo chỉ nói những việc sinh tử đến đi luống dối.

Tôi sợ đó chẳng phải lời của bậc Thánh triết vậy.

Mạnh Tử nói: "Đại mà hóa, gọi đó là Thánh". Kinh thư nói: "Biết điều ấy gọi là Minh, Triết nghĩa là biết Đạo vậy". Nên khách nói tôi sợ Đạo của Phật đây không phải là lời nói chân thành của bậc Thánh Triết.

Phàm người hành đạo, phải hòa hợp uẩn tố.

Phàm người thực hành Đạo ấy, cần phải bao hàm xung hòa uẩn tích thuần tố.

Chỉ thuần nhất Đức tin, chuyên làm việc chân thật.

Đốc là thuần hậu, Tín là thành thật, vụ là chuyên tâm nơi việc làm, và Thành là thành tín không luống dối. Nghĩa là chỉ thuần hậu thành tín mà chuyên làm việc chân thật.

Cần gì phải nói sinh tử để bị loạn tâm, nói quỷ thần mà mê hoặc ý chí ư?

Nếu như hòa hợp uẩn tố, chỉ thuần đức tin, chuyên làm việc chân thật, thì cần gì nói đến sinh tử, khiến cho loạn tâm, bàn về quỷ thần làm mê hoặc ý chí.

Diệu Minh nói: Như điều ông nói có thể gọi là thấy được bên ngoài mà chưa thấy bên trong.

Diệu Minh trách người khách rằng: Ông có thể thấy trong giáo lý của ngoại giáo nói về việc sinh tử quỷ thần, mà chẳng thấy trong giáo lý mình đang tôn sùng cũng có chỗ nói. Như trong Trung Dung, Khổng Tử nói: "Quỷ Thần tức là Đức vậy". Trong Thái Cực Đồ nói: "Nguyên thỉ phẩn chung, nêu biết thuyết sinh tử". Và chú thích rằng: "Chỗ gọi Thỉ đó là sống, ý nói lúc ban đầu của sự sống. Chỗ gọi chung tức là dĩ, ý nói nhất định phải chết.

Tìm cái gần, mà không tìm cái xa, chỉ tìm việc cạn cợt, mà không tìm cầu Lý sâu xa.

Vì Tử Lộ tánh khí cứng rắn nóng nảy, hổ dữ qua sông, chẳng khéo nhiếp phục sự sống. Nên Khổng Tử nói: "Chưa biết được sự sống, làm sao biết được sự chết".

Vì Tử Lộ tánh tình thô tháo, dỏng khí cứng rắn, mạnh mẽ, bạo ngược, không sùng phụng mà đả phá. Như người qua sông mà không có thuyền thì không qua được, chẳng khéo quyền biến tu bổ sự sống nên nói: "Chưa thể biết được việc của người, làm sao biết được việc của quỷ, chưa biết được sự sống làm sao biết được sự chết". Đó là lời khiển trách của Khổng Tử đối với Tử Lộ.

Hông ngực sinh khởi.

Nghĩa là trong lòng Tử Lộ sinh khởi sự buông lung.

Nói năng không dè dặt, nhường nhịn.

Việc con người còn chưa biết được, làm sao biết được việc của quỷ thần.

Đó là Khổng Tử ức chế mà can ngăn, chứ đâu phải lời nói hoàn toàn thật sự như vậy.

Ý Khổng Tử là đè nén, dứt bặt, chứ đâu phải không nói đến quỷ thần.

Khổng Tử nói: chẳng phải là quỷ mà cúng tế họ, đó là dua nịnh.

Trong Luận Ngữ, Khổng Tử nói: Chẳng phải là quỷ, nghĩa là không cần phải cúng tế, nhưng cứ vẫn cúng tế. Ấy là dua nịnh, bợ đỡ.

Thần người gọi là quỷ:

Duỗi ra mà sống gọi là thần, co lại mà chết gọi là quỷ.

Quỷ là nói quay trở về vậy:

Đến mà duỗi ra gọi là thần, trái lại trở về gọi là quỷ.

Nơi hồn phách con người trở về:

Xuân Thu Tả Truyện nói: "Nhân sinh mới hóa thành hồn, đã sinh phách dương gọi là hồn". Hoài Nam Tử nói: "Khí trời làhồn, khí đất là phách". Trong lễ ký nói: khí hồn trở về trời, thể phách còn trong đất.

Bởi vì Hồn là Thần, là Dương, là Khí. Phách là Tinh, là âm, là hình. Tóm kết văn trên nói Hồn phách của người có chỗ trở về mà qua lại vậy.

Ý nói chẳng phải là tổ khảo Quỷ thần mà cúng tế thì đó là dua nịnh mong cầu.

Ông và cha, khi đã chết đều gọi là khảo. Ý nói nếu không phải hồn thần tổ khảo của mình, mà cúng tế thì đó là dua nịnh mong cầu.

Lại nói: Nên vì cúng tế nơi Tông miếu để Quỷ thọ hưởng.

Người chết, chôn đã ba năm, lập thần chủ ở gia miếu, cúng tế theo lễ Quỷ thần vào mùa xuân mùa thu mà hưởng thọ.

Cúng tế vào mùa xuân mùa thu, do vì thời tiết mà cảm tư hiếu đạo.

Mưa mốc mùa xuân đã mãn, mưa mốc mùa thu đã xuống, đều nên thiết lễ cúng tế. Do sự biến đổ nóng lạnh mà cha mẹ cảm kích hiếu hạnh.

Lại nói: Sống thì thương kính.

Cha mẹ còn sống thì thương kính phụng thờ.

Việc chết thì buồn bã.

Cha mẹ đã chết thì phụng thờ bằng sự đau buồn thương tiếc.

Lại nói: việc tang thì rất đau buồn.

Cha mẹ chết, chịu tang thì rất đau buồn.

Việc cúng tế thì rất trang nghiêm:

Theo thời tiết hằng năm mà cúng tế, phải rất mực nghiêm túc.

Lại nói: Chu Công cúng tế Hậu Tắc Giao để phối hòa với trời.

Hậu Tắc là Thỉ tổ của Chu Công. Ngày xưa Chu Công nhiếp chính, nhân hành lễ cúng tế giao thiên, còn Thỉ Tổ Hậu Tắc thì phối hòa với trời mà hưởng thọ.

Cúng tế Văn Vương nơi Minh Đường, để phối hòa với thượng Đế:

Văn Vương là cha của Chu Công. Minh Đường là cung điện, của vua Bố Chánh. Chu Công nhân cúng tế thượng Đế nơi Minh Đường, mới tôn xưng là cha để phối hưởng. Đó là Tông miếu cha của vua Văn Vương, để phối hợp với thượng đế.

Lại nói: Còn sống thì gần gũi, an ủi.

Từ vua đến dân thường, đều được hân hoan vui vẻ, thì cha mẹ sống được an vui vinh hiển.

Cúng tế thì Quỷ hưởng thọ.

Cha mẹ chết mà làm Quỷ thì được hưởng sự cúng tế của con cái.

Lại nói Trời Đất xét rõ, thần minh rõ ràng:

Thờ trời mà xét rõ thì cha mới hợp với Đạo Trời. Thờ Đất mà xét rõ thì mẹ mới hợp với Đạo Đất vậy. Đã có hiếu như vậy thì lý trời đất thần minh tự rõ ràng vậy.

Lại nói: nơi tông miếu hết mực chí kính thì Quỷ thần linh ứng vậy.

Nếu rất mực tôn kính nơi tông miếu, thì lý quỷ thần Tông miếu rất rõ ràng linh hiển.

Rất mực hiếu Để thì thông cảm đến thần minh.

Đạo hiếu để thực hành đạt đến điểm rất mực u huyền thì có thể cảm thông với thần minh.

Lại nói: Lúc sống thì phụng thờ bằng lễ.

Cha mẹ còn sống thì lễ là yêu kính.

Cha mẹ đã chết thì mai táng bằng lễ.

Cha mẹ chết, thì mai táng bằng lễ.

Cúng tế bằng lễ cha mẹ chết, thì cúng tế bằng lễ.

Lại nói: Đối với vua Võ, ta không vạch bày khuyết điểm, giảm bớt sự uống ăn mà rất mực hiếu kính với Quỷ thần.

Khổng Tử nói: Đối với việc làm của vua Võ, ta không chỉ điểm sai sót. Có thể rất hiếu kính Quỷ thần, Nghĩa là hưởng sự cúng tế rất dồi dào tinh khiết. Giảm bớt sự uống ăn, để cúng tế Quỷ thần hậu hĩ.

Trong Lễ ký có nghi quỹ cúng tế, chỉ nói đạo lý phối hòa với trời cúng tế Thượng Đế, Tổ phụ cùng hưởng, phụng thờ thần quỷ:

Tóm kết ý văn trên. Trong Lễ ký có nói rõ về nghi Quỹ cúng tế, ở đây trích dẫn để làm chứng. Riêng chỉ nói đạo lý cúng tế thượng đế, tổ tông cùng hưởng, đạo cúng tế thần quỷ là sai. Đó là chỉ trích chê trách Tử Lộ tánh khí cứng rắn nóng nảy, không thể nói những lời hòa dịu khiêm nhường thành ý vậy.

Đâu phải không có người phụng thờ Quỷ thần mà biết được sống chết ư? Sao riêng Ông không biết việc ấy?

Trách người khách riêng mình là người không biết lý ấy.

Chỉ vì lời nói của Khổng Tử có sự phảng phất tương tợ:

Chỉ vì lời nói của Khổng Tử, hơi có phảng phất tương tợ mà thôi.

Đức Như Lai phân tích sự sâu kín nhiệm mầu, phát minh rõ ràng nhân quả, chỉ bày bảo ứng. Làm lành thì hưởng phước, gây ác thì chịu ương báo, dạy chúng sinh thực hành điều lành.

Giáo lý của Đức Như Lai phân tích rõ ràng sự thật của nhân quả. Gieo trồng nhân lành ở nơi sâu xa kín đáo thì tôn kính sự ứng đáp của

phước báo. Gieo trồng nhân xấu ác thì tự chuốc lấy sự ứng đối của tai ương. Lấy đó mà phân chia mọi việc trong thiên hạ, thì ai cũng quy hướng về đường lành. Trong kinh thư nói: "Làm điều lành thì trăm điều tốt lành đến, làm điều ác thì trăm sự tai vạ đến". Trong Chu Dịch nói: "Người gom chứa điều lành thì có hưởng phước thừa, người gom chứa điều bất thiện thì chắc chắn có tai ương". Đó là nói về thiện ác báo ứng rất rõ ràng vậy.

Đâu thể cho rằng chỉ có nhà Phật ưa thích nói việc Quỷ thần?

Tóm kết ý văn trên, đâu thể cho rằng chỉ có Phật giáo thích nói những việc báo ứng của quỷ thần thiện ác.

Và như vậy thì, đâu có sự trái ngược giữa Nho giáo và Phật giáo ư?

Như trên đều là do Khổng Tử dạy rõ đạo lý vâng thờ lúc sống khi chết, phối hòa cùng trời, cúng tế thượng đế, ông cha, thờ phụng quỷ thần v.v... Nếu như vậy thì Phật giáo và Nho giáo đâu có sự trái ngược không hợp với nhau?

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT: GIẢI THÍCH VỀ ĐỊA VỨC

Chương này vì phân biệt địa vức giữa Trung Hoa và các vùng mọi rợ mà khác nhau, nên gọi là "Giải thích về Địa vực".

Khách nói: Khổng Tử nói rằng: Dẫu các vùng mọi rợ có vua, chẳng bằng ở Trung Hoa không có.

Trong Luận Ngữ nói: Nếu như ở vùng mọi rợ có Quân trưởng, không bằng ở Trung Hoa đang tiếm loạn phản nghịch, không phân trên dưới. Bởi vì Khổng Tử đương thời vua bị loạn lạc mà than như vậy, vì tuy có vua mà không thực hành đạo vua, chẳng bằng không có.

Mạnh Tử nói: Tôi nghe nói biến Trung Hoa thành mọi rợ, chứ chưa nghe nói biến để mọi rợ.

Đó là trách Trần Tướng Hứa Hành dùng lễ nghi của Trung Hoa để biến thành mọi rợ.

Vả lại, Ngày trước, Ông và tôi học đạo với hai đế Ba vua, học sáu kinh và sách của các nhà Hiền triết, trái lại, nay học ngôn giáo của Tây Vực, chẳng phải là thấp kém sao?

Trái lại học ngôn giáo của Phật ở Tây Vực, ấy chẳng phải là thấp kém sao?

Diệu Minh nói: Ngày trước, lúc tôi chưa thấy được tôn chỉ nhiệm mầu của bậc Đại Thánh, cũng có nói lời ấy, sự thấy biết không cách xa với ông, nay thì không như vậy, nếu ông nói biết được phù hoa của Lễ nhạc mà che khuất cái chân thật của đạo đức, thấy được ánh sáng của đóm lửa mà không thấy được ánh sáng của mặt trời mặt trăng.

Nay ông có thể hiểu biết được sự tươi đẹp của Lễ nhạc và mê mờ khuất lấp cái chân thật của đạo đức, thì đâu khác gì. Trang Tử nói: mặt trời đã lên vậy mà đóm lửa chưa tắt, thì nơi nó soi chiếu được cũng khó vậy. Nghĩa là sự thấy biết của khách chỉ bằng đóm lửa chứ không thấy ánh sáng của mặt trời, mặt trăng.

Điều Khổng Tử nói là thương vua thời ấy phá bỏ lễ nghi. Mạnh Tử chê trách sự chuyên nông của Trần tướng, ý có chủ lý chứ chẳng phải tự nhiên.

Nghĩa là Khổng Tử thương các vua thời ấy lọan lạc mà phá bỏ lễ nghi. Điều Mạnh Tử nói là chê trách cái thấy của Trần Tướng lại biến thành mọi rợ.

Ngày xưa Khổng Tử muốn sống ở Cửu Di:

Luận Ngữ chú thích rằng: Phương Đông có chín loại mọi rợ. Trong hậu Hán Dông Di truyện, nói: Quyến Di, Phương Di, Ư Di, Hoàng Di,

Bạch Di, Xích Di, Huyền Di, Phong Di, Dương Di. Muốn ở đó nên mới có ý thả bè trôi giữa biển.

Có người nói: Sao hẹp hòi như thế? Khổng tử bảo: Quân tử ở đó, làm gì có hẹp hòi xấu xa?

Quân tử ở đó thì sửa đổi tốt lành, làm gì có hẹp hòi xấu xa.

Đến lúc, Khổng Tử đi khắp trong nước, mà vua thời ấy không ai thực hành theo đạo của ông.

Đến lúc Khổng Tử đi khắp hơn bảy mươi nước, muốn thực hành đạo lý Nhân chính của Tiên vương. Nên vua các nước đương thời không ai thực hành đạo lý của ông.

Mạnh Tử suy nghĩ muốn cứu giúp dân thời ấy, mà các vua chư hầu không nghe lời Mạnh Tử.

Mạnh Tử cũng đi khắp các nước, rao truyền chánh sách các vua thực hành nhân nghĩa, muốn cứu giúp dân chúng thời ấy, các chư hầu cũng không nghe theo thuyết của Mạnh Tử.

Đâu xấu xa hẹp hòi gì đối với giáo thuật của Tây Vực mà chẳng dùng ư?

Như Khổng Tử thương các vua đương thời phá bỏ lễ nghi, Mạnh Tử chê trách sự chuyên nông của Trần Tướng, nên chư hầu không nghe lời ông nói. Các giáo lý của Tây Vực đâu xấu xa gì mà chẳng dùng?

Như Cơ Văn, Tự Võ là những vị vua Thánh Đức, Nhật Bi, Do Dư là các hiền thần, họ đều sinh ra từ những vùng mọi rợ.

Cơ là họ của Văn Vương, Tự là họ của Võ Vương. Văn Vương sinh ở Tây Bân, Võ Vương sinh ở Thạch Điền. Hai vị Thánh ấy đều sinh ở xứ mọi rợ, ở Trung Quốc làm vị vua thực hành nhân từ, lấy lòng nhân mà nhiếp chính, không hề nghe nói họ phá bỏ quốc chính. Kim Nhật Bi là bậc tôi trung thời Hán Văn Đế, có đức hiền nhân, Do Dư vào làm sứ ở đất Tần thời Tần Thỉ Hoàng, cũng là bậc hiền. Như Văn Vương, Võ Vương, Kim Nhật Bi, Do Dư v.v... là những bậc Minh Quân hiền thần đều là những người của Di Địch vậy.

Thái Khang, Chu U là những vị vua hoang đãng:

Sử ký nói: Thái Khang là con của Khải, là cháu của Võ Vương, rất ham thích săn bắn. Trong Thương thư nói: trong các thứ đam mê hoan lạc sắc dục, ngoài ưa thích săn bắn cầm thú, mua vui chén tạc chén thù, ham thích ca vũ, khoét tường, thì rất hoang dâm. Nếu vậy nước ấy không khỏi chẳng mất vậy. Sử ký nói: Chu U Vương sủng ái Bao Tự, vì Bao Tự biếng cười, U Vương vì đốt lửa, đánh trống và ban lệnh rằng: Nếu có giặc đến sẽ nổi lửa thì hãy đến cứu. Sau đó U Vương nổi lửa

đốt núi, chư hầu thảy đều đến nhưng không có giặc, Bao Tự cười lớn, U Vương lấy làm hả dạ. Về sau giặc Hồ kéo đến, U Vương đốt núi, chư hầu không tin có giặc, ý cho rằng đó chỉ lấy làm vui nên không đến, giặc bèn giết U vương tại chân núi Lịch và bắt lấy Bao Tự.

Thạch Triệu, Doanh Tần là những vị vua bạo ngược:

Sử ký nói: Thạch Triệu chính là Thạch Lặc, là người sống vào thời Đông Tấn Nguyên Đế, chuyên giết hại. Sử ký nói: Doanh Tần tức Thỉ Hoàng, tung hoành vô đạo, hung bạo thôn tính đất nước.

Triệu Cao, Lý Tư là những bầ tôi dua nịnh:

Triệu Cao làm quan, Lý Tư làm tướng, cả hai đều là kẻ tôi của Tần Thỉ Hoàng, giết thái tử Phù Tô và Nhị Thế Hồ Hợi.

Hầu Cảnh, là kẻ tôi bội ngược của vua Lương Võ Đế, làm cho Vương Võ Đế khốn khổ ở Đài Thành mà chết. Vũ Văn là kẻ tôi bội ngược của Tùy Dạng Đế, giết Dạng Đế ở Lạc Kinh.

Những người đó đều sinh tại Trung Hoa:

Từ Thái Khang... trở xuống đều sinh ra tại Trung Hoa, lấy đó mà xem xét, đâu có thể bưng bít ngay địa vức mà hạn định kẻ ngu người hiền, và có văn hóa hay thấp kém ư?

Đâu có thể ngăn cách bởi địa vực mà bàn luận sự hạn cuộc về hiền; ngu hay có văn hóa hoặc là thấp kém hạn hẹp ư?

Vả lại, Văn Mạng sinh ra ở Tây Khương mà là bậc Thánh triết:

Thượng thư nói: Văn Mạng trải đều khắp bốn biển, là đức hiệu của Võ Vương. Tây Khương là vùng đất mọi rợ nay thuộc vùng Nhung Châu.

Cổ Du sinh ra ở Trung Hoa mà ngu càn dối trá:

Cổ Du là cha của Thuấn, tâm không thực hành theo phép tắc đức nghĩa của Tiên Vương, là ngu Càn, kế mẫu của Thuấn, miệng không nói lời trung tín là dối trá.

Văn Vương sinh ở Tây Ban mà tu nhân:

Văn Vương sinh ở biên giới Tây Bân, mà thực hiện chính sách nhân từ để tu đức.

Ân Trụ đều sinh ở Đông Lạc mà buông lung hung ác tàn bạo.

Ân Trụ, Húy pháp, tàn hại nhân nghĩa, tổn thương người hiền thiện, gọi là Trụ, đều là sinh ở Lạc Vương, tại vùng Trung Nguyên mà buông lung hung ác tàn hại vô đạo vậy.

Hoàng Đế nói hâm mộ Hoa Tư:

Liệt Tử nói: Hoàng Đế an ở Đại Đình để an tâm phục hình, ba tháng không tham gia chính sự. Ban ngày ngủ mộng thấy đến nước Hoa

Tư, sau đến ở Hoa Tư trị vì.

Lão Tử nghĩa học ở Thiên trúc:

Chương Tôn Thích nói: ở Thiên Trúc, thầy Cổ Hoàng, tức thầy của ta, khéo vào nê-hoàn, du hóa tại Thiên trúc. Nay đã trở thành Thần, về với vô danh, dứt bặt thân hình, vô thỉ vô chung, tồn tại mãi mãi, ta nay đến đó vậy.

Mục Vương qua Chung Bắc mà quên trở về, tự hiềm chê Chu Thất không bằng ở Chung Bắc.

Liệt tử nói: Chu Mục Vương, theo hướng bắc đến nước ấy, ba năm quên trở về Chu Thất, vì mến mộ nước ấy, tuyệt nhiên tự mất, không tiến cống rượu thịt, chẳng triệu tôn ngự. Mấy tháng trở lại, khi đã về Chu Thất, hiềm chê sự bình trị ở nước Chu không bằng như ở nước phương Bắc.

Tề Hoàn đi đến Liêu Khẩu mà quên về, tự nghĩ nước Tề không bằng như ở đó:

Liệt Tử nói: Quản Trọng Miễn Tề Hoàn Công, nhân đến Liêu Khẩu, đều đi đến nước ấy. Cơ Khắc Cử Thấp đến can ngăn, nói rằng: Vua bỏ nước Tề rộng lớn, dân chúng đông nhiều. Nhìn núi sông đồi thực vật và nói: Ta tự nghĩ nước Tề không bằng ở đó vậy.

Thứ nữa, Thần của bắc tinh:

Trước bảy sao bắc đẩu, có năm sao. Thiên văn bộ thiên ca nói: ngôi thứ nhất tên là sao Tử Vi, ngôi thứ hai tên là sao Thái Tử, ngôi thứ ba tên là sao Thứ Tử, ngôi thứ tư tên là sao Hậu Cung, ngôi thứ năm tên là sao Thiên Xu. Nói theo tên sao thì tức là Bắc thần vậy.

Ở giữa trời:

Cũng trong Thiên bộ ca nói: nói giữa trời, có ba khu vực, nếu sắp xếp theo thứ tự thì khu vực một là Tử vi, khu vực hai là Thái vi và khu vực ba là Thiên thự. Ngoài ra, còn có hai mươi tám sao phân vị cùng các sao khác. Như y cứ theo lý thì Bắc Thần chính là ở giữa trời vậy.

Tức thuộc phía Bắc của nước Tề, lấy đó mà xem xét thì các địa vức như Tề, Lỗ, Hán, Ngụy chưa chắc là ở trung tâm:

Nói sao Thần Bắc Tinh ở phía bắc của địa vức nước Tề. Như vậy thì các nước Tề, Lỗ, Ngụy v.v... chưa phải là ở giữa vậy.

Như ở đây mà cho kia là Tây Nhung thì kia chắc chắn sẽ cho đây là Đông Di vậy:

Giả sử ở đây nhìn nước Thiên trúc kia mà cho là Tây Nhung, thì ở nước kia chắc chắn sẽ chỉ nước này cho là Đông Di vậy.

Và như vậy, thì ai là ở giữa?

Nếu quả thật như vậy thì lấy nước nào là nước trung tâm?

Từ sự che trùm của trời cao, sự nâng đỡ của đất dày, núi sông rộng rãi, bang vức có nhiều, không thể ghi chép bằng số muôn ức.

Theo toán số, thì mười muôn là một ức. Nói trong khoảng đất trời, núi sông rộng lớn, bang vức rất nhiều, nên không thể ghi chép bằng số lượng muôn ức.

Lại sao biết đây là chính giữa, kia là một bên?

Nếu nói như vậy, thì làm sao biết ở đây là nước chính giữa mà nước kia là nước bờ mé ư ?

Vả lại, trong kinh Phật lấy Tam thiên Đại Thiên thế giới, làm cõi nước của một vị Hóa Phật giáo hóa ở đó.

Ba ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, ba ngàn trung thiên thế giới là một Đại thiên thế giới, ba ngàn Đại thiên thế giới là khu vực của một một vị Hóa Phật giáo hóa.

Tôi vì tôn kính như thế nào mà Học và chấp nhận theo cái rộng lớn ấy:

Tôi do tôn kính mà học theo đó và thuận theo theo cái rộng lớn của Phật vậy.

Phàm, vàng ngọc không thương hại nhau.

Các báu vàng ngọc, mỗi thứ đều có cái quý riêng, sao làm thương hại nhau.

Mầu xanh và mầu ngọc bích, có gì phải chướng ngại nhau ư ?

Mầu xanh và mầu ngọc bích, mỗi thứ có chỗ dùng của nó, đâu chướng ngại nhau.

Thứ nữa, nếm một giọt nước của biển lớn thì đã đủ mùi vị của trăm sông:

Dụ như một giọt nước của biển lớn tức có đủ mùi vị của trăm sông. Tuy trăm sông lẫn lộn chảy về biển cả, mà mùi vị chỉ là một.

Với Đạo lý xuất thế, thì biết rất ít, nhưng đối với Đạo lý thế gian, không cần phải khổ nhọc mà biết được vậy:

Chỉ cần biết rất ít về Đạo lý xuất thế gian thì Đạo lý thế gian không cần phải khổ nhọc nghĩ suy mà vẫn biết được.

Và như vậy thì, Đạo lý của Chu Công Đán, Khổng Tử đâu có bỏ ư, và Thánh hiền chẳng hạn cuộc nơi mọi rợ hay Trung Hoa, mà con người tự là mọi rợ hay Trung Hoa vậy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI: GIẢI THÍCH VỀ SỰ HỦY BÁNG

Chương này giải thích về sự nghi ngờ hủy Báng, nên gọi là "Giải thích về sự hủy báng".

Khách nói: Tôi nghe người giữ giới phải là ngăn ngừa tất cả việc ác, phát huy tất cả mọi việc lành, trong sạch không nhuốm bẩn, không ăn mặn và các thứ tanh nồng:

Khách dẫn Pháp luật của Phật giáo nói: Tôi nghe nói người giữ giới, thì tất cả mọi việc ác đều phải dứt bỏ không được làm, tất cả mọi việc lành đều phải làm. Quyết phải phát huy sự trong sạch không nhuốm bẩn, lại không được dùng năm thứ rau tanh nồng, cho đó là khó.

Nay thấy các vị Sa-môn xúc nhiễm Phạm hạnh, đam mê ham thích, các chất rượu:

Tiếng Phạn gọi là Phạm, Hán dịch là Tịnh. Khách nói nay thấy chư tăng nhuốm bẩn tịnh hạnh, ưa thích rượu chè...

Cân, lường, buôn, bán, đổi chác của cải:

Cân bằng đồ vật là cân, đo đạc là lường, đi là buôn, ngồi là bán, trao đổi đồ vật ở chợ gọi là đổi, thay biến vô thường gọi là chác, giao hàng hóa gọi là của, chứa nhóm đồ vật gọi là cải.

Xét theo đó, há không phạm ư?

Lấy đó mà xem xét, há không trái phạm giới luật ư?

Diệu Minh nói: điều ông nói, lược gần mà quên xa, lấy nhỏ mà bỏ lớn.

Trách khách rằng: điều nói của Ông như lược cái việc cạn cợt mà bỏ quên cái sâu xa và chỉ lấy cái vụn vặt mà bỏ mất cái to lớn.

Phàm mặt trời, mặt trăng dù cao xa vẫn bị che khuất.

Trong Âm Dương chí nói: mặt trời là nguồn sáng lớn nhất, mặt trăng là tinh túy của các vì sao. Nói theo khoảng cách thì mặt trời, mặt trăng cách mặt đất hơn bốn muôn do-tuần. Một Do-tuần bốn mươi dặm. Cao như vậy mà cũng vẫn bị nạn che khuất.

Ngọc Khuê Bích dù quý vẫn có vết:

Khuê Bích là Ngọc. Trong thuyết văn nói: hình dạng nó trên tròn dưới vuông. Mỗi lúc vua thăng triều, thì cầm theo. Nó là thứ báu quý nhất trong các vật báu. Hà (= vết) tức ngọc có sắc đỏ là vết. Vật rất mực quý trọng còn chưa khỏi có tỳ vết.

Công Du có khả năng trao khuôn thước cho người, nhưng không thể khiến người khéo sử dụng:

Công Du là tay thợ giỏi người nước Lỗ. Quy là đồ vật hình tròn,

củ là đồ vật hình vuông. Có thể trao cho người cái khuôn thước, nhưng không thể khiến người vụng về sử dụng nó được.

Bậc Thánh có khả năng trao giới luật cho người, mà không thể ép buộc người thực hành theo.

Phật thánh tuy có khả năng trao truyền luật nghi giới pháp cho người, nhưng chắc chắn không thể khiến người bền giữ không phạm.

Cao Đào tuy khéo trị tội kẻ trộm cướp quậy phá, nhưng không thể dạy người trở thành Bá Di, Thúc Tề:

Cao Đào là bề tôi hiền của vua Thuấn, tuy có tài trừng trị những kẻ tội, nhưng không thể khuyến hóa những kẻ trộm cắp quậy phá trong ngục tù trở thành nghĩa nhượng như Bá Di, Thúc Tề.

Lã Hình tuy giỏi trừng phạt kẻ dữ dằn, nhưng không thể khuyên kẻ ác trở thành như Tăng Sâm Mẫn Tử:

Chương Lã Hình trong Thượng Thư nói: Lã Hầu là ty khấu của vua Chu Mục Vương ban lệnh hình phạt truyền khắp bốn phương, mà không thể tự giáo hóa sửa đổi việc ác của con mình trở thành hiếu hạnh như Tăng Sâm, Mẫn Tử Khiên.

Bậc Thánh triết như Đường Nghiêu, không thể sửa đổi sự ngu muội của Đan Chu:

Thượng Thư nói: Đan Chu là con của vua Nghiêu, vì quá ngu dốt, nên Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn.

Nhân Hiền như Trạng Ni, không thể ngăn can sự bạo ác của Đạo Chích:

Trang Tử nói: Đạo Chích là em của Liễu Hạ Huệ, vô đạo bạo ngược, khuấy phá dân chúng, nước lớn thì giữ thành, nước nhỏ thì vào lũy. Khổng Tử đến khuyên dạy, đến lúc trở về, nói cùng Liễu Hạ Huệ: Nó không khỏi cái nạn miệng hổ.

Nhân Đức như vua Thuấn, nhưng không thể thấm nhuần Thương Quân:

Ý pháp. Nhân thánh rất sáng gọi là Thuấn. Thương Quân là con của Thuấn, không có đức của bậc Đại nhân, nên Thuấn truyền ngôi cho Võ.

Ân Đức như Chu Công, không thể đượm nhuần Quản Thái:

Quản Thái là chú hai của Thành Vương, phỉ báng Chu Công.

Đâu phải hình pháp không cao và đạo đức không hoàn bị.

Tóm kết văn trên. Hình pháp của Cao Đào, Lã Hình đâu phải không cao hiểm. Thuấn, Nghiêu, Chu, Khổng đâu phải không đạo đức mà còn không thể phạt trộm cắp, dối trá, sửa đổi kẻ hung tàn, ngu si, để

dạy con em đều thực hành hạnh hiền hiếu vậy.

Đâu riêng chỉ vì việc ăn mặn hay ham thích rượu chè mà bị chê trách vậy ư?

Sao chỉ đem việc các Sa-môn ăn mặn uống rượu mà chê trách là sai quá vậy.

Ngày xưa, Nghiêm Lăng câu cá.

Nghiêm Quang, tự là Tử Lăng, người ở Nam Dương, là bạn cũ của Quang Võ, vì loạn Vương Mãng, nên ẩn câu nơi Thất Lý.

Tử Nha duỗi thẳng móc câu:

Tử Nha, họ Khương tên Thượng. Vì vua Trụ vô đạo nên ẩn cư nơi vị Tân, Văn Vương đi săn gặp được, bèn mời về làm Thái Công vọng, phá vua Trụ mà lập nhà Chu.

Thần Chu Mại vác củi:

Thần Chu Mại, nhà rất nghèo, thường vác củi đọc sách, về sau làm quan Thái Thú ở Cối Kê.

Côn Ngô un đúc nghề gốm:

Côn Ngô là người làm nghề gốm thời nhà Hạ, sau được hiển vinh.

Võ làm ngòi tháo nước:

Võ dẫn nước trăm sông xuôi chảy về biển đông, muôn họ khỏi bị nạn cá (?), nên công lao ấy lưu lại đời sau.

Thuấn cày đất núi Lịch:

Lịch Sơn là tên khác của núi Trung Điều, ở phía Đông của sông, khi vua Thuấn chưa gặp thời, từng cày đất ở đó.

Tướng Như Lâm Ngang mà tự nấu rượu:

Lâm Ngang là tên vùng đất. Tư Mã Tương Như lúc chưa gặp thời, ở tại Lâm Ngang nấu rượu bán, sau hiển danh, ngồi xe tứ mã.

Chu Hợi chưa gặp thời, tự thân làm nghề mổ thịt:

Chu Hợi lúc chưa gặp thời, tự thân từng làm nghề mổ thịt, sau gặp Phong Tín Lăng quân.

Đó là những bậc quân tử thành đạt thì cứu giúp cả nhân dân, không thành đạt thì tự tu tỉnh bản thân:

Như Nghiêm Lăng, Tử Nha, Chu Mại, Côn Ngô, Võ, Thuấn, Tướng Như, Chu Hợi v.v... đều là những vua thánh, tôi hiền, thân đã thông đạt thì Đạo giúp cả thiên hạ, thân chưa thông đạt thì giữ mình cho tốt.

Loài linh thiêng nhất trong mọi loài, chính là con người.

Trời sinh ra muôn vật đều gọi là Hữu sinh, trong đó loài người linh thiêng quý giá nhất.

Con người, đâu phải là quả bầu, sao treo mãi mà không ăn ?

Luận ngữ nói: Bào qua còn gọi Hồ qua, tức là quả bầu. Quả bầu thì chỉ treo một nơi mà không ăn, con người thì không phải như vậy.

Thân chẳng phải gỗ đá, sao lại lõa lồ không mặc quần áo ? Tuy tay chân mạnh mẽ nhưng không đủ để trốn lánh sự đói khát, cần phải ăn uống để nuôi dưỡng thân mạng. Lông tóc tuy kín đầy, nhưng không đủ để chống ngăn sự giá lạnh, cần phải mặc áo để che kín thân thể. Nên biết ăn mặc có công năng nuôi dưỡng thân mạng. Thân mạng có thể dùng để giúp ích cho đạo nghiệp:

Ăn mặc đầy đủ thì sẽ nuôi dưỡng thân mạng. Thân mạng đã an ổn thì có thể giúp ích cho đạo nghiệp.

Nếu ăn mặc không đủ thì đạo nghiệp sẽ bị phế bỏ.

Ngạn ngữ nói: con người không ăn có uống căn bản, thành thật mà nói nếu con người không ăn mặc thì chắc chắn thân mạng chấm dứt. Thân mạng đã chấm dứt, thì đạo nghiệp làm sao không phế bỏ được?

Vả lại, người tu đức không thích ngồi ăn không của người:

Tổ sư của ta có dạy: "Một ngày không làm một ngày không ăn".

Lại muốn tự tìm cái ăn mặc cho mình, trải qua các gian khổ, mới biết sự cực nhọc của thế đạo.

Các Tổ của chúng ta muốn tự tạo sự ăn mặc, để trải qua các thứ gian nan khổ nhọc, mới biết được đạo lý gian khổ của những người cày ruộng dệt vải, nhờ đó tiết kiệm bớt sự tiêu dùng.

Sự chua cay của người dân:

Tân toan nghĩa là cay chua đắng xót, dáng mạo đổ mồ hôi sôi nước mắt. Đàn ông cày ruộng, đàn bà dệt vải đều khổ nhọc đắng cay hao mòn sức lực.

Sau đó tiến bước trên đường thánh thiện, cắt đứt sinh tử:

Đã biết sự nhọc nhằn của thế đạo, thì mọi thứ cần thiết phải tự hoàn bị, sau đó mới có thể cắt dứt việc sinh tử.

Bởi vì nó được xuất phát từ tâm hổ thẹn và chí hàng phục tánh kiêu mạn:

Không phải để thất tiết, gọi đó là hổ. Tâm không sử dụng sai quấy, gọi là thẹn. Phàm đối với mọi vật dụng ăn mặc, đại khái cần phải biết chỗ có ra rất khổ nhọc thì có tâm hổ thẹn và chí hàng phục tánh kiêu ngạo ngã mạn.

Cũng chẳng phải là việc làm bất thiện.

Tóm kết ý văn trên. Như điều nghi ở trước, thì những việc đong lường buôn bán v.v... cũng chẳng phải là việc bất thiện.

Đâu chỉ vì buôn bán của cải mà chê trách.

Há chỉ vì những việc làm buôn bán của cải mà chê trách họ sao?

Vì vậy, Đạo của Quân tử, hoặc đi, hoặc ở, hoặc nín, hoặc nói, đáng sử dụng thì thực hành, đáng bỏ xả thì dẹp đi.

Cho nên đạo lý tu hành của người Quân tử, đối với việc nói năng hay im lặng, động hay tịnh, đáng tiến hành thì tiến hành, đáng ngừng nghỉ thì ngừng nghỉ.

Không hẹp hòi tình ý:

Việc làm của quân tử, không vì hẹp hòi tình ý.

Không quá lắm tâm tánh:

Cũng không dâm đãng tánh nết.

Đạo ấy quý ở chỗ sử dụng thích hợp:

Ý chí quyết định thực hành theo gọi là Thích, Đạo của Quân tử, không thể, không không thể, nên nói thích hợp với chỗ dùng mà thôi.

Đâu chỉ một đường mà cùng tận ư?

Đạo của bậc Thánh có muôn ngàn khác nhau, nhưng điểm đến chỉ là một, đâu chỉ hạn cuộc một lối đi mà có thể cho là tận thiện tận mỹ.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA: BÀN LUẬN VỀ XẢ THÍ

Chương này biện luận về xả thí nên gọi là "Bàn luận về xả thí".

Khách nói: Khổng Tử nói: Vừa giữ lễ vừa xa xỉ, chẳng bằng tiết kiệm.

Lễ là ở chỗ được cái vừa chừng, vừa giữ lễ vừa xa xỉ chẳng bằng tiết kiệm mà không có giữ lễ, xa xỉ.

Lại nói: xa xỉ thì không thuận theo, tiết kiệm thì chắc chắn. Cùng với không thuận theo thì chẳng bằng chắc chắn.

Tốn là thuận theo, hẳn nhiên hạn hẹp và xa xỉ đều mất trong đó, song, cái hại của xa xỉ thì lớn vậy.

Lão tử nói: Vì thế, bậc Thánh bỏ cái quá lắm, bỏ cái xa xỉ, bỏ cái thái quá.

Điều Lão Tử nói là quá lắm, xa xỉ và thái quá đều là sai quấy không đúng đạo nghĩa, nên bậc Thánh dứt bỏ hết. Quá lắm về âm nhạc, xa xỉ sự ăn mặc, và thái quá về nhà cửa, nếu không có ba thứ ấy thì hợp với vừa chừng.

Ngày xưa, Sở Linh Vương ham thích xa xỉ, cuối cùng thì mất thân:

Sử ký nói: Sở Linh Vương, nhân xây dựng Đài Chương Hoa, khiến dân suy khổ, về sau bị Ngô Vương đánh bại đến nỗi mất thân.

Tần Chính thích xa xỉ, cuối cùng mất nước:

Tần là Quốc hiệu, Chính là tên của Thỉ Hoàng, Thỉ Hoàng là khi Trang Nhượng Vương thâu nạp vợ của Lã Bất Vi thì Hữu Cơ đã có thai mà sinh ra Chính. Vì vậy người đời nói Thỉ Hoàng là Lã Chính, đến lúc lên ngôi, thôn tính sáu nước, thống nhất đất nước, tự cho mình có đức của cả tam hoàng, công trội vượt hơn Ngũ đế, và lấy hiệu là Hoàng Đế, nên gọi là Thỉ Hoàng Đế, chuyên nhất hình uy mà lập nước, đốt sách chôn học trò, bạo ngược vô đạo, ưa thích xa xỉ, ra tận biển Đông tìm tiên, sau chết ở Sa Khâu, chưa đầy ba năm thì nước mất.

Ngày nay nhà Phật xả thí thân mạng, cho đó là Phước cao nhất.

Bố thí thân mạng thì được phước rất nhiều.

Xả thí bảy báu, cho đó là phước cao thứ hai.

Bố thí bảy báu như vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, v.v... thì đều là phước cao thứ hai.

Dùng thiện ác để dẫn dụ người:

Dùng thí dụ để chuyển hóa người, thì dùng thiện để trừng trị ác.

Dùng nhân quả để khiến người hiểu rõ:

Thí dụ để dẫn dắt người hiểu rõ thì dùng Nhân để rõ Quả.

Khiến người dốc sạch kho lẫm đem hết của cải bố thí để cầu phước.

Vì làm việc lành sinh lên cõi trời, làm việc ác đọa xuống địa ngục chỉ rõ lý nhân quả, khiến tất cả mọi người dốc hết tư tài của cải, vi cầu phước mà khuyên người làm việc lành.

Rồi mà xây dựng chỗ ở rộng rãi tráng lệ, sửa sang không thôi, lầu cao gác lớn, vàng ngọc lấp lánh, chẳng là thái quá ư?

Nghĩa là chư tăng, tự mình xây dựng nhà cửa chỗ ở cao rộng đẹp đẽ, quanh năm sửa sang không thôi, như lầu cao gác lớn, trang hoàng bằng vàng ngọc mầu sắc lấp lánh, như vậy cũng chẳng là xa xỉ quá lắm sao?

Diệu Minh nói: Điều mà Ông hỏi, chỉ biết được lưu truyền ma không biết được cội gốc.

Trách khách chỉ biết sự lưu truyền của bậc thánh mà không biết cội gốc của bậc Thánh.

Chỉ thấy cải cạn cợt mà không thấu đạt cái sâu xa. Trọng Ni không thích sự xa xỉ buông lung của vua đương thời:

Trọng Ni trả lời câu hỏi của Lâm Phóng là: "Vừa giữ lễ vừa xa xỉ chẳng bằng tiết kiệm". Đó là không thích sự xa xỉ buông lung của các vua đương thời nên nói như vậy.

Lão Tử cảnh tỉnh sự mê mờ dâm đãng của Nhân chúa đương thời:

Lão Tử nói những từ bỏ quá lắm, bỏ xa xỉ v.v... là cảnh tỉnh sự mê mờ dâm đãng của Nhân chúa ở đương thời.

Đâu phải lời nói bảo đừng bố thí?

Lúc Lão Tử, Khổng Tử nói những lời trên thì Phật giáo chưa truyền bá đến nước này. Đâu phải nói bố thí.

Ngày xưa, Ngu Thuấn cày đất ở Lịch Sơn, Ân Trạch chưa nhuần thấm nơi bạn bè bà con, cho đến sự ăn mặc còn chưa đầy đủ cho cha mẹ.

Vua Thuấn nước Ngu. Vua Thuấn lúc đầu cày đất ở núi Lịch, làm người câu cá ở Lôi Đầm, luyện nghề gốm ở Hà Tân, Trắc Lậu lúc nghèo đói khốn khổ, đối với chỗ bạn bè thân thích, cũng không biết lấy gì để đượm nhuần cha mẹ, cũng chẳng cấp dưỡng đầy cơm ăn áo mặc v.v... Như vậy là tại sao? Chỉ bởi chưa gặp thời vậy.

Thái Công câu cá ở sông vị Thủy, của cải không đủ để chu cấp cho vợ con, đâu có để giúp cho bà con xóm giềng:

Thái Công lúc chưa gặp thời, câu cá ở bờ sông Vị Thủy, đối với vợ con, còn chưa chu cấp đủ, thì làm sao giúp đỡ xóm giềng.

Đến lúc lên ngôi cửu ngũ (lên ngôi vua):

Trong sách dịch quẻ Càn tên là Hào. Quẻ 91 là rồng ẩn tiềm là chớ dùng, Thuấn đang ở tại Trắc Lậu, tức là rồng ẩn tiềm. Quẻ 92 thấy rồng ở dưới ruộng, vua Thuấn câu cá ở đồng ruộng, quẻ 93 là can càn, quân tử suốt ngày, danh đức vua Thuấn đang nổi lên vang vọng. Quẻ 94 là vọt lên cao từ vực sâu, Thuấn đến núi Lịch để thử thời. Quẻ 95 là rồng bay giữa trời, Thuấn lên ngôi vua, nên gọi là lên ngôi cửu ngũ.

Ứng mộng gấu bay:

Sử ký nói: Tây Bá sắp đi săn, bốc quẻ nói: gặp được chẳng phải là con gấu, con bi, con man, con cọp. Sư giúp đỡ của Bá vương quả gặp được Lã Thượng ở bờ sông Vị Thủy, cùng nhau nói chuyện rất vui vẻ, bảo: từ Tiên Quân Thái Công tôi có nói là sẽ có bậc Thánh giúp nhà Chu. Thái Công trông Ông lâu lắm, nên hiệu là Thái Công vọng, tôn xưng làm thầy, về sau giúp cho Võ Vương diệt Trụ, để muôn dân được sống yên ổn khốn khổ lấm mình tro bụi. Đó là chẳng phải điềm mộng thấy gấu.

Tuệ thấm nhuần tám phương, ân đức thấm đượm bốn biển:

Tuệ là lợi ích của Bố thí, trạch là nhuận trạch, nghĩa là thấm nhuần vậy. Khi Thuấn làm vua, tuy không làm gì nhưng dân chúng được bình trị. Thái Công giúp Võ diệt trừ bạo ngược của Trụ. Tám phương tức bốn phương và bốn duy, bốn biển tức là bốn biển đông nam tây bắc. Nên trong tám phương bốn biển, nhân dân đều được đượm nhuần ân đức của Thuấn.

Nhưng nhiều của cải thì quý trọng việc Tuệ thí:

Những bậc vua Thánh tôi hiền có được nhiều của cải thì giúp ích dân chúng.

Nghèo thiếu thì quý trọng sự hành đạo:

Lũ tức là nghèo nàn túng thiếu. Đã nghèo lại không địa vị thì quý trọng sự an nhiên, mà thực hành đạo ấy.

Khổng Tử nói: Giàu có mà không bố thí, đến lúc nghèo khổ không ai cứu giúp.

Nếu như người giàu có mà không bố thí của cải thì khi nghèo khổ không ai cứu giúp mình.

Thuở xưa, Triệu Thuẫn biếu thức ăn cho Linh Chiếp, sau cùng cảm được sự báo đáp giúp đỡ xe đi:

Sử ký: Triệu Thuẫn là quan nước Tấn, thường lui tới trong vườn

dân, thấy người đói khổ bèn đem thức ăn cho. Triệu Thuẫn ưa can ngăn thẳng. Một hôm, vua Tấn bảo rang khô mà ăn, lại dự định muốn tháo bỏ xe của Thuẫn đang đi, bỏ mất một bánh xe, xe ngựa bốn con, bớt hai con, đến lúc Thuẫn lên xe không đi được, chợt có người đến đẩy xe giúp mà đi thì thoát khỏi nạn ấy, bèn hỏi: người đẩy chiếc xe ấy là ai? Đáp: "Tôi là người đói ở trong vườn dân, vì báo ân một bữa ăn nên giúp Ngài".

Phiêu Mẫu biếu cơm cho Hàn Tín, về sau được đáp trả bưng mâm vàng.

Sử ký nói: Phiêu Mẫu tức là Phiêu Nhứ, thời Hàn Tín còn mặc áo vải, thường ngồi câu ở dưới thành, Phiêu Mẫu mỗi lần mang cơm đến, thì biếu cho Hàn Tín trước, về sau làm vua Tề, hồi hương dùng bưng mâm vàng ròng để báo ân của Phiêu Mẫu.

Âm thầm bố thí không hề để ý, mà quả báo đến rõ ràng như ban ngày.

Âm là tối tăm = âm thầm, Dương là hiển hiện. So sánh như Triệu Thuẫn, Phiêu Mẫu, lúc đem cơm bố thí hoàn toàn vô tâm, sau gặp được quả báo đẩy giúp xe, bưng mâm vàng ròng, đó là dương báo rõ ràng như ban ngày.

Huống gì dốc hết gia sản, phát tâm lành, phước lợi mà họ được, cao như núi Thái, thấm nhuần khơi thông như sông biển.

Khuynh là đảo phúc; dốc hết vậy, tuấn là thâm sâu thấm trầm, như Triệu Thuẫn, Phiêu Mẫu chỉ chút ân qua bữa cơm mà còn được quả báo, giúp đỡ đẩy xe, bưng mâm vàng ròng, huống gì dốc hết gia tài của cải, phát tâm lành để bố thí thì được phước lợi đâu chẳng cao lớn như núi Thái, thâm sâu như sông biển.

Cho nên có tâm lành thì sẽ được ứng đáp tốt lành, cậy ác thì sẽ có tai ương báo ứng. Trồng lúa nếp mà gặt lúa mì, làm họa mà được phước, là điều không bao giờ có.

Làm điều lành được phước, làm điều ác bị tai ương, nhất định không thể thay đổi. Nên trồng lúa nếp mà gặt lúa mì, làm ác mà được phước, thì việc ấy không bao giờ có.

Ngày nay, các vị sa môn dùng phước giúp người, dùng điều lành khuyên người.

Lấy phước để giúp đỡ cho người, dùng điều lành để khuyên nhủ người.

Khiến người bố thí cái cầu, cái nhà, một cây hương, một bông hoa, như bóng theo hình:

Khuyên người bố thí một vật, như bóng theo hình, không bao giờ mất.

Quả lành sẽ trang nghiêm ở đời sau:

Quả lành ấy chắc chắn sẽ trang nghiêm ở đời sau.

Đâu chỉ ở trong ngôi nhà đẹp hoa mà hưởng lạc ư?

Đã khuyên tất cả mọi người làm lành, thì mỗi người đều được an vui, đâu chỉ vì mình ở trong phòng ốc đẹp lệ mà hưởng lạc.

Vả lại, sự xa xỉ của Linh Vương, xây dựng đài thất ở chương hoa, giàu sang cùng tận nhân gian, vàng châu ngọc bội, trang sức tươi sáng trong đó, vui chơi ca múa với người, phế bỏ việc nước buông lung kiêu xa, thì làm sao chẳng mất thân mạng.

Nếu tham dâm, ưa đắm dục lạc, không dẫn đến phế bỏ nước nhà tan thân mất mạng thì làm sao được.

Tần Chính xây dựng cung điện, chứa cả muôn người:

Tần Chính, tức là Thỉ Hoàng, đóng đô ở Hàm Dương, xây dựng cung thất chứa cả muôn người.

Tại thành của A Phòng, từ đông sang tây đến năm trăm bộ, từ nam sang bắc đến năm mươi trượng.

Trong thành A Phòng có cung điện, bốn phía điện có phòng cao rộng, trên có thể ngồi được muôn người, dưới có thể dựng trụ cờ cao năm trượng.

Phía đông đến Ly Sơn, chỉ 50 dặm, trong khoảng đó, cứ mười bộ là một tòa lầu, năm bộ là một gác.

Phía đông đến Ly Sơn, phía Tây đến Hàm Dương trong khoảng năm mươi dặm, trừ cung điện chứa cả muôn người ra, cứ mười bộ, năm bộ, đều có xây dựng lầu gác.

Xe giá qua lại, không ngại mưa gió, nó cao rộng, rực rỡ hùng vĩ, lớn như thế chỉ biết thao túng sự ham muốn của tai mắt, mà không biết sự khổ nhọc của người dân làm việc nặng nhọc. Chỉ tự do, kiêu ngạo, xa xỉ, không sửa đổi quốc chính thì không mất nước làm sao được, nay các vị Sa-môn, tuy ở nhà đẹp thất xinh, chỉ vì chuông sớm mõ chiều, theo gió thoảng vang xa, khen ngợi lời Phật để sinh phước đức sinh lên cõi trời, cõi người:

Ngày nay, các vị sa môn tuy sống như thế, chỉ dùng sáng chuông tối mõ để khen ngợi trì tụng kinh điển, trên thì cầu chúc Hoàng Vương thánh thọ, dưới thì cùng với dân chúng cầu phước lâu dài, mở mang đến phong tục tốt lành.

Chỉ như thế mà thôi, đâu bằng cùng Tấn Sở xa hoa thường ngày

mà nói ư? Mạnh Tử nói: Như đạo ấy, tuy vua Thuấn nhận ngôi báu của vua Nghiêu, chẳng lấy làm thái quá:

Như vua Thuấn lúc còn nghèo nàn khổ cực, vì có đạo đức nên vua Nghiêu trao cho hai người nữ để làm vợ, trao thiên hạ bốn biển và cả ngôi vị cho, không phải là quá lắm vậy.

Nếu chẳng phải Đạo ấy, thì tuy chỉ một miếng thức ăn cũng không thể thọ nhận của người được:

Nếu không khế hợp với lý đạo đức, thì tuy có thức ăn chỉ một miếng, cũng không thể thọ nhận của người được.

Đâu phải là lời luống dối.

■

CHIẾT NGHI LUẬN

QUYỂN 4

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN: SỰ THẤY BIẾT KHÁC NHAU

Chương này nhận sự thấy biết khác nhau nên có khác nhau, vì thế gọi là sự thấy biết khác nhau.

Khách nói: Như lời ông nói thì Phật đạo cao quý, không Thánh nào trên:

Đây là do ở chương hai và chương ba, nói Pháp thân của Phật rộng lớn, Quả Thánh cực tôn, vì thế mà hỏi vậy.

Hoặc có người nói: Giáo lý của Phật, văn từ dồi dào, luận thuyết sâu xa, nghĩa cú rộng lớn, chỉ thú kín mầu, mênh mông trùm khắp, khó tin khó dùng, do vậy mà phỉ báng, thì tại vì sao?

Nghĩa là Phật dạy như vậy rất khó tin khó dùng, do đó mà có sự phỉ báng, là tại sao vậy.

Diệu Minh nói: mùi vị ngon nhất khó điều thích cho vừa miệng mọi loài, âm thanh của nhiều loại nhạc khó hợp với tai quần chúng. Như loài giun ăn đất nên cam chịu sống dưới đất, đâu biết có sự hòa hợp của năm vị. Chó heo ăn phẩn thì thấy phẩn ngon, đâu biết có mùi vị của sự lên men. Thật thương xót cho người không biết, nếu biết thì chắc hẳn không ăn. Nếu giun đất cho ăn năm vị, chó heo cho ăn phẩn lên men, nên chắc chắn nó sẽ phản đối và cho đó là chất độc, vì sao? Vì không thích hợp với sự bổ dưỡng của nó. Như loài giun mà thả vào ao dơ nước bẩn, loài chó heo mà cho nó bả rượu nước gạo, nhất định nó sẽ chuyển mình cựa quậy, vẩy đuôi phấn chấn, rất là vui thích. Tại sao? Bởi vì hợp với sự nuôi dưỡng chúng nó:

Chuyển mình cựa quậy tức dáng mạo loài giun chuyển động, vẫy đuôi hớn hở là bộ dạng vui thích của loài heo chó.

Vả lại, Thừa Vân là nhạc hoàng đế, Hàm Trì là nhạc vua Hạ, Cửu Thiều là nhạc vua Thuấn, Đại Hoạch nhạc vua Than, Đại Võ là nhạc vua Chu Võ, v.v... là những thứ nhạc rất hay. Nếu điều thích phối hòa cả

năm âm, khởi tấu những khúc nhạc hay của cửu thành, ca vinh những nét đẹp của tiên vương, như mến luyến chim phụng vây quanh, mừng vi mây nổi, rưới nước cam lô, suối nguồn ngọt ngào tuôn chảy, các thứ chim phụng hoàng bay lại, cầm thú đua nhau nhảy múa:

Vua Nghiêu bảo ông quỳ khải tấu khúc nhạc, đánh gõ đá, trăm thú kéo nhau nhảy múa, thổi ống tiêu thiều chim phụng hoàng bay lại.

Nếu muốn xướng họa, hẳn không biết ứng đối thế nào? Vì sao? Vì trái với những gì đã nghe.

Như năm thứ nhạc nói trên muốn ứng họa, thì không thể được. Vì trái khác với những gì thường nghe.

Nếu khúc nhạc dùng bằng âm điệu của Trịnh Vệ, ca vinh theo phong cách thế tục, khúc hợp thường quen, vận hiệp với Ba Ca. Khiến người nghe hẳn không đợi chỉ dạy mà tự biết ứng họa. Vì sao? Vì thích hợp với những gì đã nghe.

Ca khúc của Trịnh Vệ là những âm tiết dâm đãng, hợp với thói quen của thế tục, như Ba Ca biết ứng họa càng nhiều. Vì sao? Vì thuận theo những gì đã biết.

Lại nữa, vua Thuấn, vua Võ, đáng tôn xưng là bậc Thánh, nhưng Dương Chu vẫn theo báo thù vậy.

Trong Liệt Tử nói: Dương Chu nói: Thuấn cày đất ở Hà Dương, đào luyện ở Lôi Trạch, tay chân còn không được tạm nghỉ, miệng bụng không có được thức ăn ngon, không được cha mẹ thương, anh em khó gần gũi, năm ba mươi tuổi, không trình mà cưới vợ. Đến lúc nhận ngôi của vua Nghiêu, thì tuổi đã lớn trí đã suy, không tài buôn bán, bèn trao ngôi cho Võ, sống an nhàn đến khi chết, đó là cùng độc của trời, người vậy. Cổn trị đất, nước, công tục chẳng thành, giết các chim rừng. Võ dựng nghiệp giữ gìn danh dự, chỉ khổ lòng do đất, sinh con không tên tự, qua cửa chẳng vào, thân thể khô gầy, tay chân mệt nhọc, đến lúc nhận ngôi của vua Thuấn, làm nên cung thất, sống an nhàn đến chết. Đó là sự buồn khổ của Trời, người.

Đức như Trọng Ni, đáng tôn xưng là bậc hiền, nhưng Hoàn Đồi vẫn theo để hại.

Luận ngữ nói: Hoàn Đôi muốn hại Khổng Tử, Khổng Tử nói: Trời sinh Đức ở ta, Hoàn Đồi sao bằng ta được.

Tang Thương người nước Lỗ hủy báng Mạnh Tử.

Mạnh Tử nói: ông họ Tang làm sao khiến cho ta không gặp?

Công Bá Liêu mách bảo Trọng Do:

Công Bá Liêu người nước Lỗ, Trọng Do tức Tử Lộ. Luận Ngữ

chép: Bá Liêu mách bảo Tử Lộ với Lý Tôn.

Những người ấy như ngửa mặt phun nước bọt lên trời, chỉ luống làm dơ mặt mình:

Đem việc Dương Chu báo thù, hủy báng vua Thuấn, vua Võ, Hoàn Đôi hại Khổng Tử, Tang Thương hủy báng Mạnh tử, Bá Liêu mách bảo Tử Lộ v.v... dụ như sự hủy báng Phật của khách, đâu khác gì ngửa mặt phun nước bọt lên trời, chỉ luống tự làm dơ mặt mình.

Hễ người nghe nhạc, nghe thanh thương mà cho đó là cung chủy, lỗi chẳng do gẩy dây đàn mà vì nghe nhưng không chịu xét, người tìm ngọc thấy Hòa Bích mà cho đó là võ phu, giá rẻ chẳng phải tại vật báu nơi cửa ải mà vì người thấy không biết rõ.

Hòa Bích. Sử ký nói: Tạp hòa được ngọc Phác ở Kinh sơn, đem dâng Sở Văn Vương và Võ Vương, cả hai vua đều chặt chân, sau đem dâng Thành Vương, bảo người thợ làm ngọc dũa mài, quả thật được ngọc đẹp, gọi là của báu Liên thành. Võ phu là tên loại đá giống như ngọc. Nếu cho Hòa Bích là võ phu, thì chẳng can hệ gì ngọc giá rẻ, mà là do người thấy không biết rõ.

Thần rắn có thể chặt đứt rồi nối liền lại được, nhưng không thể làm cho người chẳng chặt:

Trong Dị vật chí nói: thần rắn bị chặt đứt mà nối liền lại được.

Rùa linh xét biết được họa phước của người, nhưng tự mình không tránh khỏi tai họa bị mổ xẻ.

Liệt Tử nói: Tống Nguyên Quân mộng thấy một người tóc bạc nói: “Tôi là người đánh cá ở Thanh Giang hà bá, xin anh cứu giúp”. Tỉnh giấc đi tuần ra ngoài quả thấy nộp được con rùa trắng tròn năm thước, ông muốn nó sống để bốc xem, bèn nói: rùa có bảy mươi hai vòng, dùng để bói tốt xấu. Như vậy thì tuy có thể bói được sự tốt xấu của người, nhưng không thể tự thoát khỏi tai họa bị mổ xẻ.

Chí đạo rộng lớn, các bậc Thánh cực lực đề xướng, kinh sách sâu mầu xuất thế, người thế tục chẳng thể biết được. Vì khen ngợi thì quý, phỉ báng thì khinh rẻ.

Giáo điển của bậc Đại Thánh, những hạng người dưới ca ngợi thì quý, phỉ báng thì khinh thường.

Thực hành hay không thực hành đều có thời.

Thực hành hay không thực hành đều có thời vận của họ, như Khổng Tử không có ngôi vị làm thầy vua.

Tin hay không tin cũng tùy cơ hội.

Tin hay không tin chỉ tại nơi cơ hội, như Đạo Chích không vâng

theo sự chỉ dạy của Khổng Tử.

Thí như vác kim để san bằng núi Thái Hành, vác sỏi đá để lấp biển sâu, ấy thật rất tốn công và nhọc sức.

Sự hủy báng Phật của khách, thí như có người mang vác kim châm, muốn san bằng núi Thái Hành, vác sỏi đá mà lấp biển lớn, công lực như thế thật là khổ nhọc, khó khăn.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM: TÙY NGHI

Chương này nhân tùy thuận hợp nghi mà đáp nên gọi là "Tùy Nghi".

Khách nói: ông nói Phật giáo, nghĩa cao như núi Thái, Lý thông suốt như sông biển, văn tợ như chọn gấm, câu như lựa vàng, vậy sao không dùng kinh Phật để trả lời những điều tôi hỏi, mà lại dùng kinh thi kinh thư, trích lấy điểm dị đồng mà trả lời như thế?

Diệu Minh nói: Mâu Tử bảo rằng: người khát nước không cần phải xuống sông, xuống biển mà uống, người đói không cần phải ăn mới no. Đạo là do người có trí tuệ lập nên, biện luận là do người thấu đạt mà thông suốt, sách là do người hiểu mà truyền bá, tôn thờ là do người thấy được tỏ rõ. Tôi biết ông hiểu ý ấy, nên trích dẫn mà trình bày. Nếu nói lấy kinh Phật trả lời với ông thì thí như người mù mà chỉ cho thấy vật năm mầu, người điếc mà khởi tấu khúc nhạc năm âm vậy. Vả lại, Sư Nhượng thầy của Sư Văn, Bá Nha Hồ ba thúc Dạ. Những người khéo đánh trống, gảy đàn thời xưa, họ học tuy khẩn thiết, nhưng không thể thành khúc nhạc không dây.

Hồ Ba trống đàn mà chim múa cá liệng. Sư Nhượng là thầy của Sư Văn chỉ vỗ đàn, đang mùa xuân, đánh dây thương đề với lại Nam Lã tiết tháng tám, gió mát chợt thổi đến, cỏ cây thành thật, đến mùa thu mà đánh dây chủy để đóng giáp chung, mới tiết tháng hai mà gió ấm từ từ trở về, cỏ cây tươi tốt, đang giữa mùa hè mà đánh dây vũ để vời Hoàng Chung. Đến tháng 11, sương tuyết giao rơi, sông ai chảy xiết, đến đông mà đánh dây trưng để kích Sinh tân, đang tiết tháng 5, nắng nóng gay gắt, băng cứng chảy tan, sắp chung mạng thì đánh cung mà gồm cả bốn dây thì mến luyến, gió vây quanh, vui mừng mây ùn đến, cam lồ rưới xuống suối nước ngọt tuôn trào. Tuy khéo thao tác như thế nhưng chẳng thể thành khúc điệu không dây.

Cam Tháo, Phi Vệ, Kỷ Xương Phùng Mông, Bố Thả là những người giỏi bắn cung tên ngày xưa, tài nghệ của họ tuy như Thần, nhưng không thể dương cung không dây.

Liệt tử nói: Cam Tháo là người tài giỏi bắn cung ngày xưa, hễ dương cung là thú gục chim rơi. Học trò là Phi Vệ học ở Cam Tháo mà khéo giỏi hơn thầy. Kỷ Xương lại học bắn cung ở Phi Vệ, về sau có tiến bộ trong nghề nghiệp, Kỷ Xương muốn giết Phi Vệ, hai người cùng dương cung bắn lẫn nhau, hai mũi tên trúng nhau rơi giữa đường... Họ tuy giỏi bắn cung tên như thần, mà không thể dương cung không dây

vậy.

Hồ Hạc tuy ấm nhưng không thể sưởi ấm người chết.

Lông da Hồ Hạc tuy ấm áp nhưng không thể sưởi ấm người chết.

Nước, đất tuy thấm nhuần nhưng không thể thấm nhuần cây không có rễ.

Nước đất tuy thấm nhuần, nhưng khó thấm cây không rễ.

Phật pháp tuy tốt đẹp tinh nhuần, nhưng không thể rót vào tai người không có niềm tin.

Phật Pháp tuy là hay ho, nhưng không thể giáo hóa dắt dẫn vào tai người không tin.

Ông chưa dốc lòng tin đạo nên có lắm sự mê mờ nghi hoặc. Tôi đâu dám đem diệu chỉ của bậc Đại Thánh để trả lời điều ông hỏi! Ngày xưa, Công Minh Nghi khảy đàn tai trâu.

Thanh giác là tai trâu, tai trâu không nghe tiếng được, chỉ dùng sừng để nghe, nên nói khảy đàn tai trâu.

Nó vẫn cúi đầu ăn như cũ, chẳng phải trâu không nghe, mà là chẳng hợp với tai nó vậy.

Trâu ấy vẫn cúi đầu gặm cỏ như cũ.

Bèn chuyển sang làm tiếng côn trùng, tiếng trâu nghé kêu.

Chuyển làm tiếng loài trùng nhặng bay lại, tiếng trâu nghé kêu gọi tìm mẹ.

Trâu liền vẫy đuôi vểnh tai, dẫm đạp chân mà nghe. Vì sao? Vì thích hợp với cái biết của nó.

Trâu nghe tiếng ấy, bèn vẫy động đuôi, vểnh dựng hai tai, bốn chân lay động dẫm đạp, để nghe tiếng ấy. Vì sao như vậy? Đại khái là thuận theo cái biết của nó nên như vậy.

Chính vì thế, nên tôi đem kinh thi, kinh thư để trả lời để giúp ông dễ hiểu vậy.

Không đem kinh Phật để trả lời. Nhân vì ông thông hiểu sáu kinh, sách của các nhà hiền triết, cho nên trích dẫn đó, giúp ông được dễ hiểu vậy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU: PHÂN BÀY HƠN KÉM

Chương này, nhân khách nêu Vương Kiều, Tiêu Sử cùng với Ca-diếp Ma-đằng và Trúc-pháp-lan để so sánh hơn kém nên gọi là "phân bày hơn kém".

Khách nói: Vương Kiều và Tiêu Sử là hai vị tiên.

Vương Kiều, người sống vào thời Hậu Hán, làm Diệp Huyện lệnh, mỗi khi hiển bày thần dị, cỡi le le mà bay qua lại. Tiêu Sử là người ở thời Tần Mục Công, giỏi thổi sáo, vợ chồng theo chim phượng hoàng mà bay đi.

Ma-đằng và Trúc-pháp-lan là hai vị tăng. Đạo phong của họ bằng nhau chăng?

Ý khách hỏi: Đạo Đức của hai vị tiên và hai vị tăng ấy có bằng nhau chăng?

Diệu Minh nói: Hãy thôi, đừng nói điều ấy.

Mong được an nhiên, tôi không muốn đất bằng phẳng mà dậy cơn sóng gió cao ngàn trượng.

Không đáng được nên gọi là mong. Mong hãy để bình yên vô sự, bỏ đi sự luận bàn cao thấp hơn kém, không thì chính là không gió mà nổi sóng.

Khách nói: Mong lược nên điều giống nhau để khai mở chỗ ngu tối cho tôi.

Ý khách nói: lược nêu bày một vài điều giống nhau để khơi mở sự bế tắc trong đầu tôi vậy.

Diệu Minh nói: Phàm đi thuyền phải biết nước cạn sâu:

Người đi thuyền cần biết chỗ sâu cạn của thế nước.

Ngồi xe phải biết sự cao thấp của đất.

Người lái xe phải biết rõ sự cong thẳng cao thấp của mặt đất.

Người học đạo phải biết sự hơn kém của người:

Người học đạo phải biết sự hơn kém của người làm thầy, nếu không phân biệt hơn kém thì khó rõ chánh tà.

Tôi là kẻ tầm thường mặc chiếc áo vuông làm Thích tử:

Tôi chỉ là một vị tăng tầm thường vậy.

Sự thấy biết rất hạn hẹp như nhìn qua ống sáo.

Như nhìn qua ánh sáng trong lỗ ống sáo ống tiêu, rất hạn hẹp, không đủ sáng suốt.

Như vách tường không hay biết:

Không học không biết như vách tường.

Chỉ là ánh sáng đóm lửa nhỏ không thể chiếu xa.

Chước hỏa nghĩa là đóm lửa nhỏ, lời nói khiêm nhường: Tôi chỉ như đóm lửa nhỏ, ánh sáng ít, dùng để soi chiếu trong đêm đen thì không thể soi rọi xa được.

Đâu dám bình phẩm Đạo phong cao thấp của các bậc Tiên Đức?

Đã như đóm lửa nhỏ soi qua lỗ ống tiêu, ống sáo, đâu dám bàn luận về đạo đức của các bậc Tiền bối?

Nhưng vì Bồ Lao ngậm tiếng, bởi có hình dài khuấy động, thì chớ nên buồn phiền vì tiếng ấy.

Ở biển có cá lớn tên là Kình, cũng trong biển có con thú lớn tên là Bồ Lao. Bồ lao rất sợ cá Kình, mỗi lần cá Kình vẫy đạp thì Bồ lao liền rống lớn tiếng. Vì thế, trên quả chuông làm hình Bồ lao, và trên mõ làm hình cá Kình. Nên người hỏi như cá Kình, và người đáp như sự lớn tiếng của Bồ lao.

Thương thay! Chó của Kiệt Trụ đáng để sủa vua Nghiêu:

Dực thiện Bác Thánh gọi là Nghiêu. Lại nói khéo thực hành Đức nghĩa gọi là Nghiêu. Thương thay là lời than. Kiệt và Trụ là hôn chúa, Nghiêu Thuấn là Thánh quân. Chó của Kiệt Trụ tuy biết chủ của nó, mà không biết sự hôn mê của chủ. Tuy Nghiêu Thuấn là bậc Minh triết, chó không biết được sự thánh minh ấy cho nên sủa. Phật dụ như Vua Nghiêu, người phỉ báng Phật dụ như chó.

Bọn Dương mặc đủ để phỉ báng vua Thuấn, và những kẻ thế tục ngày nay, phần nhiều là đồng bầy chạy theo, không thẩm xét Thánh Đạo giai vị cao thấp mà phỉ báng vậy:

Nhân Thánh oai minh gọi là Thuấn, Dương Chu phỉ báng Thuấn. Nay Phật được dụ như Thuấn, và kẻ phỉ báng Phật dụ như Dương Chu. Bọn thường tục sống ngày nay như bầy chó. Cho thấy chủ mất đi vùi thành khối bèn cong đuôi chạy theo. Nói khách không thể bình luận thẩm xét Thánh đạo có giai cấp, trên dưới khác nhau, cũng như yên ổn được sự ngang bằng của yếu kém.

Mịt mờ không thể biện luận:

Tâm mịt mờ và không thể biện biệt được sự cao thấp.

Giả sử có có sự trong sáng mà bình luận để đi đến sự thật, mà chỉ theo sự mê hoặc, đâu thể vâng theo ư?

Giả sử như ngày nay có người thấu đạt như gương sáng, bình luận để đi đến chỗ chân thật không luống dối, mà theo chúng bọn cho đó là mê hoặc, thì làm sao có thể vâng tin và đạt được đại đạo của bậc Thánh?

Hãy ngồi yên, tôi sẽ nói cho ông nghe.

Mời khách ngồi mà nói với họ.

Ma-đằng là một vị tăng, đối với Đạo thì thông đạt rõ tứ Đế, trí thì đầy đủ ba Minh.

Trí tuệ soi sáng minh bạch thì có ba: thấy rõ đời kiếp trước, thấy rõ mọi sự sinh tử và thầy rõ các lậu hết sạch.

Đạt được sáu thứ thần thông, đầy đủ tám pháp giải thoát, có khả năng bay đi qua lại, thay đổi hình thể.

Bay đi qua lại tức là thần thông, thay đổi tức là biến hóa. Hình thể là thân hình tướng mạo.

Hoặc biến thành già nua.

Thuyết văn nói: bảy mươi tuổi gọi là Lão, khúc lễ nói tám mươi - chín mươi tuổi gọi là mạo.

Hoặc hiện hình dáng như Nhụ Hài.

Thuyết văn nói: Biết đi mà ăn bú sữa gọi là Nhụ, mới sinh gọi là Hài.

Hoặc diệt hoặc sinh

Hoặc hiện chết đi, hoặc hiện sống còn.

Dài ngắn tự tại.

Diên là dài, xúc là ngắn, đã có thần thông thì dài ngắn tùy ý.

Lại có khả năng lay động trời đất.

Lay động thì động đến trời đất.

Dời đổi núi non.

Thay đổi chuyển đời núi non.

Ngăn lấp sông biển.

Ngăn sông lấp biển.

Nhảy vào nước lửa.

Xuống nước không bị chìm, nhảy vào lửa không bị cháy.

Ngàn muôn biến hóa, không thể cùng tận.

Tuân Tử nói: “Thay đổi chất cũ gọi là biến, biến đổi hình mạo gọi là hóa”. Có đến muôn ngàn sự biến hóa như vậy, không cùng tận.

Do năng lực thiên Định giúp sức, không gì không làm được.

Thần thông diệu dụng ấy là do năng lực của định huệ, không việc gì không làm được.

Nếu ai gặp được mà cúng dường thì hiện đời có đầy đủ của cải, tuổi thọ và sang trọng.

Đối với sức diệu dụng của Ma-đằng và Trúc Pháp Lan, tất cả chúng sinh gặp được mà cúng dường thì hiện đời này đầy đủ các thứ của

báu, sống lâu và giàu sang.

Đâu chỉ cùng với cỡi chim le, ngồi lưng chim phụng, đồng ngày mà nói.

Thần thánh như thế, đâu chỉ cùng như ngồi giá chim le, cỡi lưng loan phụng, lũ quỷ ngàn năm không chết, so sánh mà luận bàn.

Tam Hoàn mà so sánh với Tam Vương.

Lấy đây mà so sánh. Sử ký nói: Tam Hoàn tức Mạnh Tôn, Quý Tôn và Thúc Tôn vậy, đều là con cháu của Hoàn Công. Tam Vương gồm Hạ, Thương và Chu là ba đời vua Thánh. Vương Kiều và Tiêu Sử được dụ như Tam Hoàn, Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dụ như Tam Vương.

Năm Bá sánh ví với năm Đế.

Sử Ký nói: Năm Bá tức là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Tống Nhượng Vương và Sở Trang Vương. Năm Đế tức là Thiếu Hạo, Hiên Viên, Cao Tân, Đường Nghiêu và Ngũ Thuấn vậy. Năm Đế được dụ như Ma-đằng và Trúc-pháp-lan. Năm Bá được dụ như Vương Kiều và Tiêu Sử.

Đó đều là những vị vua, mà không có giai cấp?

Tuy năm Bá năm Đế đều là vua cả, nhưng chẳng lẽ không có giai cấp cao thấp ư?

Dương Hóa sánh với Trọng Ni.

Dương Hóa là bề tôi của nhà họ Quý. Khổng Tử là Tổ của văn chương ngàn năm, là thầy của muôn đời vua chúa.

Dương Chu, Mặc Địch sánh với Tuân Tử, Mạnh Tử.

Mạnh Tử nói: Dương Chu chỉ biết mến thân mà không biết nghĩa tạo nên thân, nên không vua vậy. Mặc Địch thì kiêm ái mà không sai khác. Xem người thân cũng như mọi người không khác, đó là không cha vậy. Nên không cha, không vua thì đạo làm người đã dứt mất.

Đó điều là những nhà Nho, mà không thứ lớp ư? Từ Phước sánh với Hà Thượng.

Tần Kỷ nói: Từ Phước là Đạo Sĩ luyện tập tu tiên. Tần Thỉ Hoàng bảo đem đồng nam, đồng nữ ra biển để tìm thuốc thần tiên bất tử, thuyền ra giữa biển đến nỗi bị chìm. Hà Thượng tức Hà Thượng Công, là người mà Hán Văn Đế tôn thờ làm thầy.

Quan Doản sánh với Lão Đam.

Sử Ký và Liệt Tiên Truyện nói: Doãn Hỷ ở ải Hàm Cốc là quan Đại Phu của nhà Chu, Lão Tử đi về hướng Tây, tới cửa ải thì thọ học hai chương đạo đức với Doãn Hỷ.

Đó đều là những đạo sĩ, mà không cấp bậc ư?

Từ Phước, Doãn Hỷ sánh với Hà Thượng Công. Lão Tử đều nói là kẻ sĩ có đạo, chẳng lẽ không có cấp bậc cao thấp ư?

Gò đống mà sánh với núi Thái.

Điệt là đất ùn đống do kiến dồn lại, núi Thái là một trong năm núi lớn ở Trung Quốc. Sánh đạo đức của Vương Kiều và Tiêu Sử với Ma-đằng và Trúc-pháp-lan, cũng như so sánh gò đất do trùng kiến ùn lại với núi Thái.

Vũng nước trên đường mà sánh với sông biển.

Vũng nước trên đường là nước không nguồn, đâu thể sánh với nước sông biển được.

Các loài thú chạy mà so với Kỳ Lân.

Các loài thú như nai hươu đâu thể sánh ví với Kỳ Lân

Các loài chim bay mà sánh với Phượng Hoàng.

Những loài chim như se sẻ... đâu thể sánh bằng với Phụng Hoàng.

Đó đều là loài vật, mà không sai khác ư? Da dê mà sánh với da cọp.

Vãi sợi loang lổ mà sánh với tơ lụa gấm vóc.

Ban trữ là vải bố loang lổ màu trắng. Miên tú, theo khảo Công Ký nói: kim tuyến dệt vẽ gọi là miên, năm mầu có đủ gọi là tú.

Đó đều là văn vẽ, chẳng lẽ không khác nhau ư? Hễ là thánh hay phàm. Phàm thánh hai đường không thể lẫn lộn.

Mạnh Tử nói: Lớn mà hóa gọi là Thánh, Vận Nghĩa nói: khinh nhỏ thường tục gọi là phàm. Nên phàm thánh hai đường, không thể xen lẫn, lộn lạo nhau.

Cho nên có Đại Thánh, tiểu thánh, thượng phàm, hạ phàm.

Phàm, thánh đều có đẳng cấp.

Đại thánh thì quy về Giác Hoàng.

Giác Hoàng tức là Phật, nên tôn xưng Phật là Đại Thánh.

Tiểu thánh thì còn ở ứng chân.

Tức bốn quả thánh nhỏ vậy. (= bốn quả Thanh Văn).

Ma-đằng, Trúc Pháp Lan ta tôn sùng là Tiểu thánh.

Ma-đằng và Trúc Pháp Lan là Tiểu Thánh trong Phật giáo.

Phàm, là danh từ để gọi những ai chưa phải là thánh. Thượng Phàm thì gồm cả các trời.

Thượng phàm là dân chúng ở các cõi trời.

Hạ phàm thì chỉ cho triệu dân.

Mười ức gọi là triệu, là chỉ cho nhân dân trang thế gian.

Tuy Vương Kiều, Tiêu Sử có thể giữa ban ngày mà bay bỗng nhẹ nhàng, nhưng chưa thể xếp vào các trời, giả sử có xếp vào cũng chẳng phải là Thánh. Dám lấy đạo đức phàm tình ấy mà sánh với bậc Thánh ư? Nếu quả thật lấy việc cỡi loan, ngồi lưng phụng mà tôn xưng đó là thánh, thì Trọng Ni Lão Đam chẳng phải là thánh. Bởi vì thánh là thông vậy.

Đã là bậc Thánh thì tất cả đều thông đạt. Chẳng phải đối với ai hễ cỡi ngồi trên lưng chim, loan phụng thì tôn xưng đó là thánh.

Phàm là thường vậy.

Phàm thường là phàm tục tầm thường.

Vắng lặng bất động, cảm mà bèn thông, biến hóa không thể sánh ví, oai linh chẳng thể so lường. Gọi đó là Thánh.

Hệ Từ nói: Vắng lặng Bất Động là lý của tâm, cảm mà bèn thông là dụng của thể.

Mịt mờ mà sinh.

Nghĩa là sinh mà không biết từ đâu đến.

Mê man mà chết.

Nghĩa là chết mà chẳng biết đi về đâu.

Lo toan việc ăn mặc.

Doanh doanh là qua lại không thôi. Nghĩa là người tham lam ăn mặc.

Lo lắng việc danh lợi.

Luận ngữ nói: Quân tử luôn bình thản, tiểu nhân thường lo toan. Dáng mạo lo lắng không thôi. Nghĩa là người tham danh tham lợi.

Đều là sống, đều là chết.

Thường tục ở đời vì tham danh lợi ăn mặc, nên đều sống trong sinh tử.

Xem thường việc sống chết.

Coi sống chết là việc tầm thường.

Nên gọi đó là phàm.

Do đó mà gọi là phàm.

Vả lại, người ở cõi trời sắp chết, năm tướng suy hiện và có sự tức giận trên nét mặt.

Kinh Nhân Quả chép: Người ở cõi trời thân sạch, không dính bụi dơ, có ánh sáng rực rỡ, tâm thường vui vẻ, không gì chẳng thích ý. Đến lúc Phước hết thì năm tướng suy hiện, đó là: - Hoa trên mũ héo rụng, - Hai nách đổ mồ hôi, - Không thích chỗ ngồi, - Quyến thuộc chia lìa, và

- Ánh sáng trên thân tự biến mất, nên nét mặt nổi lên tức giận, nghĩa là phiền não tức giận hiện trên nét mặt.

Đều gọi đó là tham danh lợi cõi trời mà không sửa đổi xả bỏ.

Tất cả các vị trời đều do tham danh lợi sung sướng ở các cõi trời ấy mà không thể sửa đổi xả bỏ.

Thì sao chẳng là phàm phu cho được. Than ôi! Kia là những kẻ ít nghe biết, trí hẹp hòi.

Lễ Ký nói: Học một mình không bạn bè, gọi là cô đơn ít học.

Trên đây đều là những người sống ở cõi trời, đều xếp họ vào hàng thánh.

Song trong Phật giáo thì chỉ mới cởi bỏ áo thế tục để mặc áo nâu sồng, không ai chẳng vỗ tay mà cười sự sai lầm ấy.

Trong đạo Phật của ta thì chỉ mới cởi bỏ chiếc áo thế tục và mặc vào chiếc áo nâu sồng nhỏ bé. Không ai chẳng vỗ tay cười sự bàn luận sai lầm ngông cuồng ấy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY: BÀN VỀ VIỆC BIẾT TRƯỚC

Chương này, nhân dự biết ở Tây Vức có Phật ra đời nên gọi là: Bàn về dự biết trước.

Khách nói: Như Ông nói về Đức Phật, đạo Ngài rộng lớn như thế. Vậy xin hỏi trước giấc mộng của Hán Minh Đế, còn ai biết nữa chăng?

Trước lúc Hán Minh Đế mộng thấy người vàng bay vào nơi sân điện, thử hỏi còn ai biết phươn Tây có Phật nữa không.

Diệu Minh nói: Ông hỏi thật là xa xôi.

Liêu là xa thẳm; xa xôi vậy.

Xưa kia, vào thời vua Chu Chiêu Vương năm thứ 24, ngày mồng 08 tháng tư năm Giáp Dần, ban đêm thấy có ánh sáng rực rỡ chiếu soi ở sân cung điện, vua bèn hỏi Thái tử Tô Do rằng:

Thái tử là quan thông hiểu về các hiện tượng trong trời đất.

"Đêm qua thấy có ánh sáng chiếu soi ở sân cung điện, đó là điềm lành gì vậy?" Tô Do đáp: "Ở phương Tây có vị thánh mới ra đời. Đó là điềm linh hiển hiện". Vua hỏi: Vậy ở nước ta có chuyện gì chăng?

Ở tại nước ta, không biết có chuyện xấu tốt gì chăng.

Tô Do đáp: "Nay thì hoàn toàn vô sự, một ngàn năm sau thì giáo pháp của vị thánh ấy truyền khắp cõi này".

Tô Do nói: Một ngàn năm sau, các kinh giáo đã nói được lưu truyền đến nước này.

Vua bèn ghi khắc việc đó vào bia đá.

Về sau, bèn khắc sự việc đó vào bia đá.

Và dựng ở đền Nam Giao.

Chôn dựng tại đền Nam Giao, nơi cúng tế trời để đợi sự kiểm nghiệm.

Đến thời Hậu Hán vua Minh Đế, năm Giáp Tý, nhằm niên hiệu Vĩnh Bình thứ bảy, chỉ mới một ngàn năm.

Tập sự ghi: Niên hiệu Vĩnh Bình thứ tư nhằm năm Tân Dậu, vua Minh Đế mộng thấy Phật, đến năm Mậu Thìn, tức niên hiệu Vĩnh Bình thứ 11 thì Đạo Phật truyền đến Trung Hoa.

Đó là điều biết trước thứ nhất.

Điều nói rõ trên đây là việc biết trước thứ nhất.

Lại nữa, thời vua Chu Mục Vương năm thứ 52, vào giữa tháng 02 năm Nhâm Thân, có cầu vồng soi suốt từ Nam chí Bắc, suốt đêm không tan.

Ánh sáng cầu vồng, ánh sáng ấy xuyên suốt cả Nam Bắc, ngày đêm không tan.

Vua hỏi Thái Tử Hỗ Đa rằng: "Đó là điềm lành gì vậy?". Hổ Đa đáp: Ở phương Tây có bậc Đại Thánh diệt độ nên hiện tướng ấy vậy.

Tập sự ghi: Mục Vương tên là Mãn, con của Chiêu Vương, làm vua 55 năm. Năm Nhâm Thân là năm thứ 52, ngày rằm tháng 02 năm ấy, Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn.

Vua nói: ta thường lấy đó làm lo, nay đã diệt mất rồi. Ta đâu còn gì phải lo nữa? Hỗ Đa nói: Vua đâu cần phải lo gì. Ở thời trước Thái Tử Tô Do đã từng khắc ghi ở bia đá, nói rằng một ngàn năm sau, thanh giáo mới lưu truyền khắp Trung Quốc, đến nay, mới chỉ bảy mươi chín năm. Vua đâu phải lo gì? Đó là điều biết trước thứ hai. Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử rằng: Thầy có phải là Thánh không?

Hỏi Khổng Tử có phải là bậc thánh hay chăng.

Khổng Tử nói: Thánh thì Khâu tôi đâu dám.

Khâu là tên của Phu Tử. Đâu dám là lời khiêm nhường.

Khâu tôi là người học rộng biết nhiều. Lại hỏi: Ba vua là thánh phải không? Khổng Tử đáp: Ba vua là người khéo nhậm trí dũng.

Khéo hay nhậm dụng trí dũng để trị đời.

Còn có phải thánh chăng, thì Khâu tôi không biết.

Thánh hay chẳng phải thánh, Khâu tôi không biết.

Lại hỏi: Năm Đế là Thánh có phải không? Khổng Tử đáp: Năm đế thì khéo nhậm nhân nghĩa.

Khéo hay nhậm dụng nhân nghĩa để cái trị dân trong nước.

Còn có phải thánh chăng, thì Khâu tôi không biết.

Còn có phải thánh hay chăng, Khâu tôi không biết.

Hỏi: Ba Hoàng là Thánh có phải không?

Ba hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hiên Viên.

Khổng Tử đáp: Ba Hoàng khéo nhậm nhân thời.

Khéo nhậm dụng nhân thuận thời cơ.

Còn có phải thánh chăng, thì Khâu tôi không biết.

Thánh hay không phải thánh Khâu tôi cũng không biết.

Thương Thái Tể giật mình nói: Vậy thì ai là bậc thánh?

Thái Tể cho rằng: Ba Hoàng, năm Đế, ba Vương đều chẳng phải là bậc Thánh, vậy ai là bậc Thánh, do đó mà giật mình.

Khổng Tử mấp máy giây lát.

Động dung (= mấp máy) là im lặng mà tâm nghĩ tưởng, dáng bộ mắt mày giao động mà thân yên tĩnh.

Nói: ở phương Tây có bậc thánh, không trị mà không loạn.

Đây là nói điềm lành lớn vô vi của Đức Như Lai. Nghĩa là không dùng pháp độ để trị mà tự không rối loạn.

Không nói mà tự kính tin.

Chẳng dùng ngôn giáo để khuyến hóa mà tự kính tin.

Không giáo hóa mà tự thực hành.

Chẳng phải giáo hóa mà tự thực hành theo đạo ấy.

Mênh mông thay! Mọi người chẳng biết gọi là gì.

Mênh mông là hình ảnh rộng lớn thênh thang. Nên Diệu đạo của Đức Như Lai mọi người không biết gọi là gì?

Khâu tôi nghi đó là bậc thánh, không biết thật là bậc thánh hay thật không phải thánh?

Phu Tử có ý suy tôn, chữ vi (= là) ở đây là từ bất định.

Đó là điều biết trước thứ ba. Thời Doanh Chính tức Tần Thỉ Hoàng Đế, có hai mươi bảy vị Phạm tăng như Thất-lợi-phòng v.v... đến đất Tần. Lúc ấy, Thỉ Hoàng Đế mới gấp việc thôn tính thất hùng tranh thắng.

Thất hùng là: Tần, Tề, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy và Sở.

Đang lúc binh pháp đánh nhau, không rãnh để tôn sùng kính tin.

Đang lúc binh lính mặc áo giáp đánh trận, không rãnh rỗi mà tôn sùng kính tin.

Trái lại cho là quỷ quyệt hư dối.

Chúa Tần trái lại cho đó là quỷ quyệt lọc lừa luống dối.

Bèn đem Thất-lợi-phòng v.v... giam giữ và cấm đoán.

Bèn dẫn Thất-lợi-phòng v.v... đến bệ lao mà ngăn cấm.

Tối lại, có vị thần nhân mặc áo giáp vàng từ trên không trung xuống, dùng chày vàng đánh và dùng cái khóa để dẫn các vị tăng đi. Đó là điều biết trước thứ tư.

Hán Hộ Tả Đô Thủy Sứ Lưu Hướng nói: Tôi xem xét tàng thư, lục tìm Thái Sử khắc vẽ đồ hình các vị tiên. Từ thời Hoàng Đế về sáu tới đời thứ sáu cho đến nay, thành đạt đạo tiên có hơn bảy trăm vị, xét thật đạt thì có một trăm bốn mươi sáu vị, trong đó có bảy mươi bốn vị đã thấy kinh Phật. Đó là điều biết trước thứ năm. Thời Tiền Hán Võ Đế, niên hiệu Nguyên Thú thứ ba, ở phía Tây nam thành Trường An, đào hồ Côn Minh:

Vua muốn đánh nước Tỳ Minh, người nước đó giỏi đánh đường thủy, nên đào hồ để tập trận.

Gặp tro đen, hỏi Đông Phương Sóc. Đông Phương Sóc nói: Vấn đề ấy thần không biết. Bệ hạ có thể hỏi các vị tăng Ấn độ ở Tây Vực, thì

sẽ biết rõ. Vua bèn sai người đi hỏi. Vị tăng đáp: Đó là tro chứa nhóm từ thời kiếp hoại. Đó là điều biết trước thứ sáu.

Vả lại, Khổng Tử sinh ở Đông Chu, Đức Phật thì sinh ở Tây Vức, cách nhau xa vời, song sự hiểu biết âm thầm sâu kín, kiểm nghiệm như đích thân thấy. Nếu chẳng phải đồng thanh tương ứng thì ai có thể dự biết xa vời như thế ư?

Quẻ văn trong Chu Dịch nói: Quả chín mươi lăm là rồng bay giữa trời, người căn tánh bén nhạy thấy được bậc đại nhân. Vậy là thế nào? Khổng Tử nói: “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM: TÔN KÍNH PHẬT

Chương này, nhân vĩ khách mới kính tin Phật, nên gọi là: "Tôn kính Phật".

Khách hỏi : Trọng Ni trong lòng hiểu rõ về bậc Năng nhân (đức Phật). Thức có âm là chí, nghĩa là biết rõ, tuy không nói ra song trong nội tâm hiểu biết rất rõ. Tiếng Phạm là Thích Ca. Trung Hoa dịch là Năng nhân. Thương Thái tể hỏi Phu Tử có biết về Phật.

Đã được nghe như vậy, xin hỏi: Lão Đam có biết Tây Vực có bậc Thánh như thế hay không?

Lại xin hỏi Lão Tử có biết ở phương Tây có Phật thánh hay không?

Diệu Minh nói: Tốt thay, lời ông hỏi! Ngày trước, tôi thường đến cung Hoa Thanh.

Ở huyện Lâm Đồng tại núi Quắc Bảo có cung Hoa Thanh.

Đạo sĩ Hồng Mông Lão Nhân mời tôi lên gác Ngọc Nữ. Mở kho kinh, đem hòm đựng đạo tịch lục ra xem, thấy được một quyển tên là "Tây Thăng kinh", đọc văn trong đó có viết: "Thầy ta đến giáo hóa ở Tây Trúc, khéo nhập nê-hoàn".

Nê-hoàn tức là Niết-bàn.

Tôi hỏi Hồng Mông: Có phải chỉ cho Đức Phật không? Hồng Mông nói: "Tôi không dám quả quyết như vậy". Tôi nói: "Nếu chẳng phải chỉ cho Đức Phật thì ai là thầy của Lão Tử". Lại được Cổ Đạo Nguyên Hoàng Lịch nói: Ở Tây Vực có Cổ Hoàng tiên sinh, tức là thầy của ta.

Nếu nói như thế thì đều chỉ cho Đức Phật. Bởi vì, Lão tử biết Tây Trúc có bậc thánh, nên ba lần tôn xưng như thế.

Khéo vào nê-hoàn, đến giáo hóa ở Thiên Trúc.

Nhân khéo vào Nê-hoàn mà đến giáo hóa năm trước ở Thiên Trúc.

Nay đã trở về với nguyên thần, trở lại vô danh.

Nói Phật nhập Niết bàn nơi rừng Ta-la song thọ, nay đã trở về với cội nguồn, phục hồi nhiệm mầu vô danh.

Dứt mất thân hình, không đầu không cuối.

Dứt mất thân hình là trở về với lý vô thỉ vô chung.

Dài dẳng còn mãi, nay ta nên đi tìm.

Dài dẳng còn mãi, nên Lão Tử nói: nay ta nên đi, đó chính là lúc đi đến ải Hàm Cốc.

Lại gặp được "Đạo Sĩ Pháp Luân Kinh" chép: "Nếu thấy Sa-môn,

suy nghĩ vô lượng, nguyện sớm hiện thân, để tu tập chân Phật. Nếu thấy hình tượng Phật, suy nghĩ vô lượng, nên mong cầu tất cả đều vào pháp môn, thông hiểu pháp độ, được đạo như Phật”. Lại gặp được “Linh Bảo Tiêu Hồn An Chí Kinh” chép: “Đạo lấy trai giới làm đầu, siêng năng thực hành sẽ thành Phật, nên lập ra chiếc cầu pháp lớn, độ khắp các chúng sinh”.

Chữ chư (= các) là trợ từ “ư”.

Lại gặp được “Kim Khuyết Triều Nguyên Kinh” chép: “Nguyện hái hoa Ưu-đàm, nguyện đốt hương chiên đàn cúng dường ngàn Đức Phật, Đảnh lễ Phật Định Quang, Con sao sinh quá muộn, Phật sao Diệt Độ mau, không thấy Đức Thích-ca, trong lòng thường buồn khổ. . .”

Lúc tôi ở tại Bắc Kinh, ở cung Đàm Tế tại hiên Tây bắc có bức họa đồ trên vách, thấy một vị tăng ngồi và một người đang đảnh lễ. Tôi hỏi các đạo sĩ ở cung ấy bức họa đồ ấy có ý nghĩa thế nào? Vị Đạo Sĩ nói: Đó là Đàm Tế chân Quân, nhờ đó đảnh lễ Phật Định Quang làm thầy.

Thầy trong Đạo Nho chúng ta là Trọng Ni người nước Lỗ, thầy của Trọng Ni là Lão Đam.

Trong chương Khổng Tử gia Ngũ thương chu, Khổng Tử nói: thời chu có Lão Đam thông rõ nay là thầy của ta. Đã hỏi lễ và khen ngợi rằng: Lão Tử còn tôn kính.

Tôi không biết thầy của Lão Đam ở trời tây, khéo vào vô vi.

Năm xưa tôi chưa rõ việc này, không biết Lão Đam tôn kính thầy ở trời tây khéo vào vô vi, tức là Phật.

Cúi đầu đảnh lễ Đấng Chánh Giác.

Tiếng phạn gọi là Tam-bồ-đề, Hán dịch là Chánh Giác, tức là Phật.

Thầy của tôi, là bậc thầy trong các thầy.

Nên cúi đầu đảnh lễ đấng Chánh giác Thế tôn, là thầy của tôi, bậc thầy trong các thầy.

Đối với lời nói này phải hiểu cho đúng đắn.

Nói như vậy, cần nên hiểu rõ ý ấy.

Lão Đam cũng biết cõi nước ở trời Tây có Phật là bậc Thánh, được gọi là sáng tỏ. Sao riêng ông không biết ư? Lão Đam Thái thượng sinh ở phía đông Trung Hoa, Đức Phật Thích Ca thị hiện ở trời Tây.

Lão Tử sinh ở phía Đông Trung Quốc, Đức Phật sinh ở trời Tây.

Địa vức cách nhau hơn năm muôn dặm, thời gian năm tháng cách biệt gồm mười sáu đời vua.

Thời Chu Định Vương năm thứ hai, nhằm ngày rằm tháng hai năm Bính Thìn, Lão Tử ra đời. Đã trải qua mười sáu đời vua là Lịch cung, ý, Hiếu, Di, Lệ, Định, U, Bình, Hoàn, Trang, Hy, Tuệ, Tương, Hạng, Khuông, tất cả là ba trăm bốn mươi lăm năm.

Tuy địa vực khác nhau và thời đại cũng cách biệt mà ra đời. Với sự âm thầm khế hội, miên mật như thế, nếu chẳng phải là trí tuệ của bậc thánh thì sao có thể soi xét tới đạo đức huyền diệu tương đồng, ai có thể sánh như vậy được ư?

■

LUẬN CHIẾT NGHI

QUYỂN 5

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN: BÀN VỀ SỰ PHÙ HỢP.

Chương này nói về nghĩa lý hợp nhau giữa ba tôn giáo nên gọi là: "Bàn về sự phù hợp".

Khách nói: Đối với đạo lý khác nhau cũng như hợp nhau giữa Phật giáo và Nho giáo, hoặc tạm biết được đại khái.

Đạo lý hợp nhau hay khác nhau giữa Phật giáo và Nho giáo, hoặc tạm đã biết được đại khái.

Chẳng hay lời của Lão Tử và lời của Phật giáo và Nho giáo, xin hỏi có giống nhau không?

Diệu Minh nói: Có. Chỉ vì thời thế có thuần túy có khinh bạc, căn cơ có lớn nhỏ, tùy sự thích hợp.

Giáo lý có cạn sâu, tuy không thể hoàn toàn giống nhau, nhưng cũng có những lời giống nhau. Khổng Tử nói: "Người căn tánh bậc trung trở lên có thể nói chuyện của người bậc thượng, còn người căn tánh bậc trung trở xuống, không thể đem chuyện của bậc thượng để nói".

Ý nói để dạy người cần phải tùy sự cao thấp ở người mà dạy, thì lời nói ấy dễ vào và không có cái tệ vượt qua.

Lão Tử nói: người bậc thượng nghe đạo thì siêng năng thực hành, người bậc trung nghe đạo thì hoặc còn hoặc mất, người bậc Hạ nghe đạo thì cười lớn.

Người bậc thượng toàn là người hiểu biết, chẳng phải người ngu nên siêng năng thực hành theo đạo, người bậc trung nghe đạo chì hoặc tiến lên hoặc thối lùi, người bậc hạ chỉ có người ngu chẳng có người hiểu biết, nên trở lại cười thánh đạo. Cho nên, người bậc thượng thì ngộ, người bậc trung thì nghi còn người bậc hạ thì hoàn toàn mê mờ.

Phật dạy: Thân lớn, cành lớn và lá lớn, thân cây bậc vừa, cành vừa lá vừa, thân cây bậc nhỏ cành nhỏ, lá nhỏ.

Kinh pháp hoa chép: ba bậc thượng, trung, hạ tức ba thừa.

Đạt Ma chín năm không nói.

Tổ sư Đạt-ma đến chùa Thiếu Lâm bằng đường biển, ngồi xoay mặt vào tường suốt chín năm.

Nhan Hồi suốt ngày như ngu.

Khổng Tử nói: Ta nói chuyện với Nhan Hồi suốt ngày, song chẳng trái như ngu.

Lão Tử nói: Nói nhiều thì số sẽ hết, chẳng bằng giữ bậc trung.

Đạo không thuộc nơi lời nói, nói nhiều thì tầng số và hơi sẽ hết, không bằng giữ đạo bậc trung.

Quý Khang Tử lo sợ trộm cướp, bèn hỏi Khổng Tử, Khổng Tử đáp: Nếu ông không ham muốn, dù đem thưởng cho cũng không lấy.

Nếu không tham dục thì dù có đem thưởng cho dân khiến họ trộm cướp, dân vì biết xấu hổ nên họ không trộm cướp.

Lão Tử nói: Không quý của cải khó được, khiến dân chẳng làm kẻ trộm cướp. Phật dạy: không được cất chứa vàng bạc và vật quý như vàng bạc, trong Thượng thư nói: Chỉ cần ông chẳng khoe công thì mọi người chẳng có ai tranh giành công lao với ông.

Nếu chẳng khoe mình có công thì mọi người không ai tranh đoạt công lao với ông.

Chỉ cần ông không tự kiêu thì mọi người không ai tranh đoạt khả năng với ông cả. Thái thượng nói: tự thấy thì không sáng suốt, tự cho là phải thì không tỏ rõ, tự khoe thì không công lao gì và tự kiêu thì không lâu dài.

Tự chuyên chỗ thấy của mình thì chắc chắn không rõ được đạo, tự nói mình là phải thì đạo đức chắc chắn không hiển bày, tự khoe khoan thì chẳng có công lao gì, tự kiêu căng tài năng không được lâu dài.

Trong kinh Phật dạy: Không được cố ý tự khen mình chê người, tức giống như ở đây nói.

Kinh dạy: Không được khen ngợi khoe khoang mình mà phỉ báng người khác.

Các thứ như thế.

Những lời nói giống như vậy rất nhiều.

Vì thế các bậc thánh, tuy ở khác địa vực, nhưng cơ phong hoàn bị đồng một chỗ nên như từ một miệng nói ra.

Các bậc thánh của ba tôn giáo, tuy thời đại và cõi nước khác nhau, nhưng cơ duyên được hóa độ giống nhau, nên như từ miệng một người nói ra.

Chỉ vì bệnh có nặng nhẹ, thuốc có khác nhau, mà trị liệu bệnh khổ

mong cầu bình an thì việc ấy chỉ có một.

Tóm kết ý văn trên, chỗ thiết lập của ba tôn giáo có sự cạn sâu khác nhau, chỉ là bệnh khổ, Ngôn giáo của ba vị Thánh chính là thuốc, tuy nhiều phẩm loại khác nhau bất đồng. Song việc chữa trị bệnh khổ và mong cầu sự an lạc thì cùng một lý.

Riêng vì ở thời Chiến Quốc mọi sự tung hoành, không có những người căn khí lớn, nên hai vị thánh Khổng Tử và Lão Tử không nói những kinh sách vượt ngoài thế tục.

Chỉ đem đạo lý ba cương, năm thường, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ mà giáo hóa làm lợi ích cho dân chúng, còn kinh sách xuất thế nhiệm mầu thì không nói.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI: GIẢI THÍCH TÊN GỌI

Chương này giải thích tên gọi của các bậc Thánh trong ba tôn giáo, nên gọi là "giải thích tên gọi".

Khách nói: Nghĩa lý giống nhau và khác nhau của các bậc Thánh trong ba tôn giáo thiết lập giáo pháp, thì đã được nghe và được hiểu như vậy, xin hỏi về đạo lý từ nguyên thỉ cho đến chung cùng của các bậc Thánh, có thể được nghe chăng?

Vốn từ đầu biết được chỗ phát sinh, đến điểm chung cùng biết được sự chết. Đạo lý ấy, có thể cho phép được nghe chăng.

Diệu Minh nói: Sâu xa thay, câu hỏi của ông!

Đó là khen ngợi câu hỏi của khách.

Tôi là hạng tầm thường theo chúng ăn cơm cháo:

Lời nói khiêm nhường, tôi là hạng tầm thường hằng ngày tùy theo chúng vào trai đường ăn cơm cháo.

Đâu thể thấu rõ được mọi sự từ khởi đầu cho đến tận cùng của các bậc thánh, nhưng theo sự hiểu biết, tôi xin nói với ông: Xưa Phật ở tại cung trời Đổ-sử-đa.

Tiếng Phạn gọi là Đổ-sử-đa, còn gọi là Đâu-suất-đà, Hán dịch là Tri Túc.

Nêu tên là Bồ-tát Hộ Minh:

Thời ấy Phật hiệu là Bồ-tát Hộ Minh, cũng gọi là thiên tử Thắng Thiện.

Giáng thần nơi cung vua Tịnh Phạn, nước Ca-duy-la, vào thời vua Chu Chiêu Vương năm thứ 24, nhằm ngày mồng tám tháng tư năm Giáp dần, ở dưới gốc cây Ba-la-xoa, trong vườn Tỳ-bà-ni-lam sinh ra từ hông phải của hoàng hậu Ma-da. Đến năm mười chín tuổi vượt thành xuất gia thành Phật, đức tướng tốt đẹp, trụ thế bảy mươi chín năm, giảng nói kinh pháp, gồm ba trăm năm mươi lần:

Đức Phật từ lúc Đản sinh đến khi diệt độ nơi Sa-La song thọ, là bảy mươi chín năm. Từ sau ngày thành đạo trải qua bốn mươi chín năm, giảng nói kinh pháp hơn ba trăm hội.

Đến năm Chu Mục Vương thứ 52 nhằm ngày rằm thánh hai năm Nhâm Thân thì Ngài nhập Niết-bàn, đạo của Ngài vốn chia rõ thành hai pháp sắc và tâm.

Phật giảng nói giáo pháp ba thừa, đạo ấy vốn được chia rõ thành hai pháp sắc, tức chân đế và tục đế.

Chỉ bày nhân quả, nêu lên hành vi.

Chỉ điểm vạch nói, trước nhân sau quả, tùy đến chỗ rốt cùng mà chứng bày năm mươi hai hành vị giai cấp.

Rõ thoát sinh tử, vượt khỏi bốn dòng nước xoáy:

Suốt thấu giải thoát mọi sự sinh tử, vượt khỏi bốn dòng nước xoáy bạo ngược đó là: Dòng tham dục, dòng hữu nghiệp, dòng tà kiến và dòng vô minh.

Vượt ra ba cõi, đạt đến bờ kia.

Vượt khỏi ba cõi là: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc. Tiếng Phạn gọi là Ba-la, Hán dịch là Bỉ ngạn (bờ kia).

Xả bỏ phàm phu, tu theo thánh đạo, đắc đại Bồ-đề.

Tiếng Phạn gọi là Bồ-đề, Hán dịch là "Giác". Xả bỏ phàm phu mà chứng Đại Giác Bồ-đề.

Sau cùng, đưa lên cành hoa, cho đại chúng thấy, riêng truyền ngoài kinh giáo, chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, xưa nay vốn là Phật", truyền trao Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết bàn Diệu Tâm cho Tôn Giả Ẩm Quang.

Tiếng Phạn là Ca-diếp, Hán dịch là Ẩm Quang.

Ngài Đạt-ma đến Trung Quốc, riêng phát huy Pháp ấy.

Tiếng Phạn là Bồ-đề Đạt-ma, Hán dịch là Giác Pháp, ở Tây Vực, từ Ca-diếp làm Sơ Tổ, tương truyền đến Đạt-ma là Tổ thứ 28. Đạt-ma đến Đông Độ phát huy đạo lý từ ban đầu cho đến cuối cùng.

Ngài đến truyền đạo, như mặt trăng hiện ở sông Tâm.

Tổ sư đến Đông Độ, chứng truyền Tâm ấn như trăng hiện sông Tâm.

Ngài thị tịch, như mặt trời khuất bóng trên đảnh núi cao.

Như Tử Cống nói: phu tử hiền như vua Nghiêu, vua Thuấn.

Phân thân truước lúc âm dương còn hỗn độn, truyền giáo trước lúc có thái cực.

Phật Tổ và tất cả chúng sinh vốn có từ trước khi còn là thái cực hỗn độn vô cực, thì đã có đạo lý ấy. Do đó truyền giáo từ lúc ban đầu của thái hư vậy.

Không sinh không diệt.

Bản thể vắng lặng xưa nay vốn không sinh diệt.

Vượt khỏi chín tầng trời trùm khắp tất cả.

Theo sách dịch, số chín (09) là chỗ tận cùng của Lão Dương. Đạo vượt khỏi trên chín tầng trời ấy.

Không đi không đến.

Bản thể như như đâu có đến đi.

Vượt khỏi tám hướng, hình chất cõi đất.

Vượt khỏi bốn phương bốn duy, hình chất cõi đất.

Lớn thay, rộng thay! Sâu thay, rộng thay, vòi vọi như thế không thể suy nghĩ bàn luận.

Đó là khen ngợi đạo mầu của Phật tổ, như biển lớn sông rộng, lại như núi Ngũ nhạc cao vời, không thể suy nghĩ bàn luận.

Kinh Đại Quyền Bồ-tát chép: “Lão Tử là Bồ-tát Ca-diếp hóa hiện đi đến phương Đông”. Trong “Hưng Chánh Lục” chép: Thời vua Chu Định Vương năm thứ hai nhằm ngày rằm tháng hai năm Bính Thìn, Lão Tử giáng thần ở đất Bạc.

Lão Tử sinh tại Lý Nhân, Hương Lại, huyện Khổ, quận Trần, nước Sở.

Mẹ Ngài mang thai suốt tám mươi mốt năm, sinh Ngài dưới gốc cây lý, nên lấy họ là Lý.

Cha của Lão Tử họ Hàn, tên là Càn, tự là Nguyên Ty. Mẹ tên là Trịnh Phu, mang thai tám mươi mốt năm, sinh dưới gốc cây lý, bèn lấy họ là Lý, tên là Nhĩ, tự là Bá Dương. Thân cao bốn thước sáu tấc, trán lồi mắt to, môi lận mũi gãy, mông nhọn, khố rộng, tai lớn đầu vẹt, nên gọi là Lão Đam.

Mới sinh ra đầu đã bạc trắng.

Mới sinh ra mà đầu đã bạc.

Làm quan Trụ Hạ sử thời nhà Chu

Trụ Hạ Sử là Quan Chưởng Lễ thời nhà Chu.

Đạo đức thời nhà Chu đã suy, đến lúc thời Chiến Quốc tung hoành

Nếp sống thời nhà Chu đã suy đồi, phong tục thối hóa, vương đạo không hưng thạnh, đang lúc đến thời mất nước.

Phải đi xe trâu, nghĩ muốn đến Thiên trúc, qua ải Hàm Cốc được quan Lệnh Doãn Hỷ dạy cho hai chương đạo đức, đi dần về hướng Tây đến Lưu Sa và chết tại làng Hòe.

Lưu sa là địa danh, ải Hàm Cốc tức nay là ải Hồng, làng Hòe cũng là địa danh.

Đạo lý của Lão Tử vốn chuyên nơi khí dẫn đến thành đạt nhu hòa, ôm giữ nhất chân, lòng thật, tâm rỗng không.

Đạo của Lão Tử chuyên giữ tinh khí, khiến không tán loạn thì hình thể ứng hiện mà thường thuận phục. Nên sẽ đạt đến sự nhu hòa. Ôm giữ nhất chân, có nghĩa là đạo tự nhiên vô vi. Nhất là nói duy nhất (= chỉ một), vốn không hai. Nên ôm giữ một thứ tinh khí và cố giữ bổn

chân. Trong Đạo Đức Kinh nói: "Lòng chân thật là mến đạo, ôm giữ nhất khí và giữ tinh thần chân thật ấy, Tâm rỗng không là dứt trừ mọi sự ham thích và loại bỏ các thứ phiền não".

Bớt suy nghĩ, ít ham muốn.

Không có tâm riêng tư che lấp ít ham muốn.

Thấy mà như không thấy.

Đạo Đức Kinh nói: Thấy mà như không thấy, gọi đó là Di, Di nghĩa là không hình sắc. Đạo ấy không có hình sắc thấy được.

Nghe mà như không nghe.

Đạo Đức Kinh nói: Nghe mà như không nghe, gọi đó là Hy, Hy nghĩa là không âm thanh. Nên đạo ấy không âm thanh nghe được.

Vắng lặng vậy mênh mông.

Tịch (= vắng lặng) là không tiếng và không vang. Liêu (= mênh mông) là vô hình mà không. Như kinh thi nói thích lên trời không âm thanh, không trời xanh.

Độc lập mà không thay đổi.

Độc lập nghĩa là đạo ấy không có hai, không thay đổi là thường hóa mà vẫn có thường.

Biến hành khắp nơi mà không nguy ngại.

Đã rõ đạo không hình không ảnh này thì biến hành khắp thiên hạ mà không có gì nguy ngại.

Sau đó, lập ra sự hóa giáo vô vi.

Sáng tỏ đạo chuyên nhất ôm giữ tinh khí, sau đó có thể gọi là sự giáo hóa vô vi.

Thực hành giáo lý vô ngôn.

Đã rõ được Đạo mầu thì có thể thực hành giáo lý không lời không nói.

Có thể đủ để đổi già thành trẻ.

Có thể chứng được lý, thay đổi già nua thành trẻ thơ.

Ngồi trên xe loan xe phụng, được sống mãi.

Ngồi trên xe loan xe phụng gọi là Vũ Giá. Bản thể bất diệt ấy gọi là đạo lý sống mãi nhìn lâu.

Cùng với âm dương để tối sáng.

Âm dương tức chỉ cho mặt trời mặt trăng, cùng với âm dương mà cùng tối cùng sáng.

Cùng với trời đất mà lâu dài, chẳng hàm dưỡng trung hòa, chứa nhóm thuần chân trong sạch, quên đi tình dục, giữ gìn diệu đạo duy nhất như gà ấp trứng, thì không thể đủ để luận bàn về đạo đức này.

Nếu chẳng phải hàm dưỡng trung hòa, chứa nhóm thuần chân, giữ gìn duy nhất sự ấp trứng của gà, chăm chăm mà hành đạo, thì không đủ để luận bàn về đạo đức này.

Mâu Tử nói: Trong kinh Thanh Tịnh Pháp Hạnh nói: "Người ở nước Chấn đán (= Đông Độ, Trung Quốc) khó dạy bảo, trước nên đưa ba vị thánh đến đó mà giáo hóa họ.

Đoạn văn này trích từ Phá tà luận, trong Đại tạng kinh, hộp chữ "ký" quyển thượng.

Bồ-tát Đại Ca-diếp xưng là Lão Tử, Bồ-tát Đồng Tử Tịnh Quang xưng là Trọng Ni, và Bồ-tát Nho Đồng xưng là Nhan Hồi.

Phật Thuyết Không Tịch Sở Vấn Kinh và Thiên Địa Kinh, đều chép: "Đệ tử ta, Ca-diếp đến đó là Lão Tử, hiệu là Vô Thượng Đạo, Tịnh Quang đến đó hiệu là Trọng Ni làm Thiên Tử dần dần giáo hóa. Nho Đồng đến đó hiệu là Nhan Hồi". Trong kinh Tu Na chép: "Sau khi ta diệt độ khoảng ngàn năm, giáo pháp sẽ truyền bá đến Đông Độ, vua và nhân dân mọi nhà đều kính trọng giới và tu pháp lành vậy". Trích từ Đại Tạng kinh hộp chữ "minh".

Trong Hưng Chánh Lục chép: "Ngày mồng bốn tháng 11 năm thứ 21 thời vua Chu Linh Vương, là ngày Khổng Tử ra đời". Trong Niên Phả chép: Triều đại nhà Chu, đời thứ 22 là chúa Linh Vương, ngày mồng 04 tháng 11 năm thứ 21, Khổng Tử sinh tại Lý Khuyết Đảng, Hương Bình, ấp Châu, Châu Duyện.

Tập sự ký chép: Chu Linh Vương làm vua 27 năm. Ngày mồng 04 tháng 11 năm Canh Tuất là năm thứ 21, năm ấy Lão Tử đã năm mươi lăm tuổi, Khổng Tử ra đời tại Lý Tấn Xương, ấp Châu, Châu Duyện nước Lỗ. Mới sinh đã có râu, thân cao chín thước sáu tấc, eo rộng mười vi, tay dài quá gối, mắt trong như sông, miệng rộng như biển, tướng mạo như rồng, trán vuông, nghiêm trang như phụng, cổ tợ yến, nhìn như hổ, nói như sấm rền, có đức trung hòa, ăn mặc trang nghiêm, sắc mặt ôn hòa mà nghiêm lệ, như thế gia nói.

Cha là Thúc Lương Hột, mẹ là Nhan Thị Trưng.

Sử ký thế gia chép: Trước kia là người nước Tống.

Gặp lúc đạo đức nhà Chu đã suy vi, thuần phong giảm sút, nên đi khắp trong nước.

Đi khắp trong nước để hành hóa dẫn dắt.

Đức cao vợi nhưng không địa vị.

Khổng Tử có đức làm vua, nhưng không ngôi vị vua.

Đến nước Tống thì đàm đạo dưới gốc cây đã chặt.

Khổng Tử thường đàm đạo tại nước Tống thì ở dưới gốc cây mà người nước Tống đã chặt.

Người nước Vệ bôi xóa vết chân.

Khổng Tử đến nước Vệ, thì người nước Vệ bôi xóa dấu chân.

Bị nhục ở Dương Hóa.

Dương Hóa nói với Khổng Tử rằng: "Nhường cái quý báu mà mê lầm cả đất nước, đáng gọi là nhân ư? Khéo rõ ràng mọi việc luôn thất thời, đáng gọi là trí ư?

Bị cười chê ở Tiếp Dư.

Người cuồng nước Sở là Tiếp Dư thấy Khổng Tử bèn hát rằng: "Phượng chừ, phượng chừ, sao đức suy vậy. Đi qua không thể can ngăn, trở lại còn có thể đuổi theo. Đã mà, đã mà, nay theo gốc chính, nguy mà.

Sợ người ở đất Khuông.

Khổng Tử đến đất Khuông, người nước Tống vây quanh mấy vòng, Khổng Tử gãy đàn cầm không nghỉ. Tử Lộ vào, trông thấy bèn nói: "Thầy sao cứ vui vậy? Người nước Tống muốn giết hại thầy đó". Khổng Tử thôi đàn, nói với Tử Lộ: Nguyên nhân ta nói với ngươi, ta kỵ sự cùng kiệt đã lâu lắm vậy, mà không tránh khỏi mạng. Ta mong cầu sự tương thông đã lâu lắm vậy mà không gặp thời. Đương thời vua Nghiêu, vua Thuấn, dân chúng không cùng diệt mà người chẳng biết được vậy. Đương thời của Kiệt Trụ, dân chúng không được tương thông, ngươi chẳng biết là mất vậy. Cuộc đời là thế vậy. Phàm đi trên nước thì chẳng tránh né giao long, đó là sức mạnh của người đánh cá. Đi trên đất liền không tránh né tê giác, cọp beo, đó là sức mạnh của người thợ săn. Mũi nhọn trắng lòe bay trước mặt, thấy chết như thấy sống. Đó là sức mạnh của liệt sĩ vậy. Biết cùng kiệt là có mạng, biết tương thông là có thời, lâm vào đại nạn mà không khiếp sợ. Đó là sức mạnh của bậc thánh. Cho nên, nay ta tuy gặp nạn ở đây mà không lo sợ, nên đánh đàn cầm mà vui vậy". Trong luận ngữ nói: Khổng Tử nói: "Trời sinh đức nơi ta, người đất Khuông sao bằng ta ư?".

Gặp phải khốn khổ ở Trần thái.

Luận ngữ nói: Khổng Tử ở Trần Thái, hết lương thực, từ đó mà bệnh không thể thuyên giảm.

Hết lời khuyên bảo Đạo Chích, chịu sự hủy báng ở Hoàn Đồi.

Hoàn Đồi là Tư Mã đời Tống, muốn hại Khổng Tử. Khổng Tử nói: "Trời đã ban cho ta cái đức như thế, Hoàn Đồi làm gì được ta ư?".

Năm bảy mươi ba tuổi, Khổng Tử mất tại nước Lỗ.

Khổng Tử sống đến năm bảy mươi ba tuổi, mất tại nước Lỗ, an táng ở phía Bắc thành, nay là xứ Khổng Lâm.

Đạo lý của Khổng Tử vốn là Đạo, Đức, Nhân, Nghĩa, Lễ và Nhạc.

Khổng Tử thực hành đạo của ông, vốn là đạo đức tự nhiên vô vi của vua Nghiêu, vua Thuấn. Phàm Nhân tức là đức của tâm và lễ của kính ái. Nghĩa là trí của tâm và mọi thích nghi của sự. Lễ là tiết văn của lẽ trời. Nhạc là thay đổi phong tục mà chủ yếu chú trọng ở hòa vậy.

Cung, kiệm, ôn, lương, từ, nhượng.

Cung là trang nghiêm cung kính, kiệm tức là sự tiết chế, ôn là hòa hậu vậy. Lương là dễ dàng ngay thẳng. Từ là nhân mà có ái với mọi người. Nhượng là khiêm tốn.

Văn, hành, trung, tín.

Khổng Tử dùng bốn pháp để dạy đó là: văn, hành, trung và tín. Dạy người dùng học văn, tu hành lưu giữ sự trung tín, trung tín là cội gốc làm người vậy.

Bắt chước theo vua Nghiêu, vua Thuấn.

Xa thì bắt chước theo đạo lý của vua Nghiêu, vua Thuấn.

Giữ gìn theo pháp luật văn võ.

Gần thì giữ lấy pháp luật văn võ.

Gạn lọc kinh thi, kinh thư.

San (= gạn lọc) là gạt bỏ, bôi xóa, định ra năm tháng. Quý thị cưỡng chế chiếm đoạt, ở Dương Hổ thì làm loạn chuyên chính, Khổng Tử bèn thối lui, bôi xóa gạch bỏ ngôn từ sai khác và câu văn rườm rà trong kinh thi, ba phần ba điển trong kinh thư.

Đặt ra lễ nhạc.

Chương Phu Tử Thích Vấn chép: Khổng Tử học lễ với Lão Đam, học nhạc với Trường Hoằng, sau đó đặt ra lễ nhạc.

Ca ngợi đạo lý Chu Dịch.

Khen ngợi Chu Dịch mà giảng rõ đạo trời và nói Quẻ văn ngôn hệ từ v.v...

Bổ chú sách Xuân Thu.

Hàn Tuyên tử đến nước Lỗ, thấy Khổng Tử nói: Dịch tượng và Xuân thu nước Lỗ là sách xưa cũ của nhà Chu, sao không sửa chữa nó. Vì sử sách của nước Lỗ viết thành văn, bèn dùng bút bôi xóa và bổ thích thêm vào đó là khôi phục nhân đạo và hoàn bị tương đạo.

Soạn ra Hiếu kinh.

Tức là những lời dạy bảo, nói với tăng tử.

Sửa trị y khí.

Khổng Tử xem ở miếu của Lỗ Hoàn Công có chiếc ghế dựa, bèn hỏi người giữ miếu ấy rằng: “Đó là vật gì vậy?”. Người giữ miếu đáp: đó là vật ở chỗ ngồi rộng rãi. Khổng Tử nói: Ta nghe vật ở chỗ ngồi rộng rãi, hễ hư thì là y, trung thì chánh và mãn thì phúc. Bậc Thánh cho là chí thành, nên thường đặt bên cạnh chỗ ngồi. Khổng Tử xoay lại bảo học trò thử đổ nước vào xem, khi đổ nước vào quả nhiên trung thì chánh, đầy thì úp, Khổng Tử bùi ngùi than rằng: “Than ôi! Phàm vật có đầy mà không úp như vậy ư? Tử Lộ đi đến hỏi: “Xin hỏi giữ đầy có đạo gì ư? Khổng Tử nói: Bậc thông minh thánh trí thì giữ vẻ ngu khờ, người công lao trùm thiên hạ thì giữ vẻ khiêm nhường, người có sức mạnh chấn động thế gian thì giữ vẻ khiếp sợ, giàu sang khắp bốn biển thì giữ vẻ cẩn thận. Đó gọi là đạo lý, đã tổn hại lại càng tổn hại.

Học đạo với Ngư Phủ.

Sự việc như ở chương Trang Tử Ngư Phủ.

Hỏi Lễ với Lão Đam, chính là ba Cương.

Ba Cương tức là cha con, vua tôi, chồng vợ.

Rõ ràng ngũ kỷ.

Ngũ kỷ tức là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Phối hợp với trời, cúng tế vua, ông và cha mẹ, tôn thân đồng hưởng.

Việc này xuất xứ từ hiếu kinh.

Kẻ tớ nàng hầu hết lòng vui vẻ.

Hiếu kinh chép: Trị gia, không dám thiếu sót khuyết đối với tôi, thiếp, huống gì đối với vợ con ư? Nên được tâm tư vui vẻ của người.

Thần tôi, con cái dốc lòng trung hiếu

Thờ cha mẹ dốc hết sức lực, thờ vua tôi chẳng tiếc tự thân.

Ở nhà dùng đạo lý bình trị thì lớn nhỏ đều thuận hòa theo nhau.

Hiếu Kinh chép: Ở nhà sử dụng đạo lý nên bình trị thì có thể biến đổi đến vua, thờ anh em nên thuận hòa có thể thay đổi ở người lớn.

Thân gánh vác đạo sáng như trời trăng.

Yết là gánh vác. Ý nói thân gánh vác đạo ấy sáng đồng như mặt trời mặt trăng.

Đạo trải qua nhiều đời vững chắc như trời đất.

Đạo đức của Khổng Tử trải qua nhiều đời vẫn được giữ gìn tốt đẹp như sự vững bền của trời đất.

Đây là khái lược sự thật về Khổng Tử.

Đây là lược ít mà nói những sự tích thật có về Khổng Tử.

Nhưng, đạo của bậc Thánh, ngửa mặt nhìn lên, đã cao lại càng cao vời vợi.

Luận ngữ chép: Nhan Hồi bùi ngùi than rằng: đạo của bậc Thánh, ngửa mặt nhìn lên, đã cao lại càng cao vời vợi.

Khoan đâm thủng nó, lại càng bền chắc.

Khoan đâm mà bền chắc nên không thể vào.

Nhìn nó ở trước mặt, bỗng nhiên lại ở sau lưng.

Ở trước ở sau, hốt nhiên không thể cho là hiện tượng. Đó là Nhan Tử hiểu biết sâu sắc về đạo của Khổng Tử không cùng, không tận, không hình, không thể, nên than như vậy.

Ở thì đất lành, tâm thì nghĩ lành, đón rước nó thì không đầu mối, thuận theo nó thì không cuối cùng.

Đạo thể của Lão giáo mầu nhiệm mà không gì bằng.

Sinh mà không sinh, diệt mà không diệt.

Là đạo lý không sinh không diệt của Phật giáo.

Lìa tướng, vắng lặng, dứt bặt mọi lý luận.

Đây là hình dung đạo thể của Phật giáo nhiệm mầu không gì bằng.

Vả lại, ai có thể biết được đạo lý ấy cao thấp, ẩn hiện nguyên từ đầu đến đến cuối.

Đây là tổng kết sự nhiệm mầu của ba tôn giáo và bằng lời lẽ khiêm nhường rằng: vả lại, ngày nay, ai dám nói biết hết mọi sự cao thấp tối sáng, vốn từ khi mới phát sinh cho đến điểm chung cùng ở đạo ấy vậy ư!

Khách cúi đầu lễ bái, nói: chẳng phải điều ông nói, thì tôi không được nghe chỉ đạo của bậc Thánh rộng lớn như thế.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 194

BIỂU KHẢI CỦA TAM TẠNG PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

SỐ 2119

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2119

BIỂU KHẢI CỦA TAM TẠNG PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

1. BIỂU VĂN KÍNH DÂNG KINH LUẬN V.V...

Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang nghe rằng: nghĩa họa đã phô bày, bắt đầu có thư khế diễn Xương Trứu Văn ấy, giúp đầy đủ Điển mô. Từ đó, sáng Nghĩa giúp Đức, mở tình tìm tánh, vẫn còn ràng buộc trong vòng ai lụy, chưa thoát khỏi sự đóng khung của hoàn cảnh. Đâu như yếu chỉ sâu mầu dưới cung rồng, ngôn từ nhiệm mầu nơi Thứu lãnh, dẫn dắt chúng sinh mê muội trong các thế giới nhiều như cát sông Hằng, chở che còn mất với kiếp số như bụi nhỏ, vậy thì chí cực không hình tượng, giảng nói ngọn nguồn, chỉ có Đấng Pháp vương thấu hiểu chỗ chí lý thì không lời, phô bày đạo lý đó, hẳn là Bậc Thánh đế.

Cúi mong Bệ hạ Uy linh vượt xa chấn động, theo thời vận viết thành sử sách. Tốt đẹp hơn cả chín bể, đóng cốt đình mà bước một mình. Anh tài vang khắp tám cực, vén trời xanh mà nhìn rộng. Phân cờ đỏ khắp, tên nhọn theo giặc ở U lăng, dừng chân đồi xanh, dẹp yên yêu khí ở Bàn Mộc. Võ công đã dấu, quay ngựa trở lại Hoa Sơn. Văn Đức Lưu truyền, nhận mưu nơi Uyển trụ. Từ đó, khắc văn sách sử gồm đầy các, mở mang lễ nghi chọn Phật đài. Văn Rồng Triệu Phụng đã cất kỹ nơi Đông Quán. Chữ ngọc giấy bạc cũng rửa dơ ở Nam cung. Nhưng vẫn nghĩ tưởng chân như, nhớ hoài vắng lặng, nối truyền pháp mầu để làm răn bảo. Vì vậy, kinh nói ở Lộc Uyển, Ứng Thánh thời mà phiên dịch lại. Đại sĩ ở Kê Lâm, kính thần hóa mà đến nghi. Dựng Hương thành ở trung châu, dẫn Huyền tân ở Thần huyện. Trong thời Tượng pháp, tại Đông đô đầy đủ như vậy đó là hưng thạnh.

Huyền Trang tôi hạnh nghiệp chẳng ghi, không hợp khúc thành, lạm nghĩa tăng môn, hổ thẹn danh tiếng, đau buồn ôm hận, phát nguyện mở rộng, cậy vào uy nước, xa dần dấu linh, tầm đến Tây vực, tập học tiếng Phạm. Xem nghĩa sâu của Tỳ-ni, xét mật tạng của Kinh Giáo. Kinh điển bản Phạn có được gồm một ngàn pho, sáu trăm năm mươi bảy bộ, bảy pho tượng Phật, một trăm năm mươi viên Xá-lợi Phật và một hòm Cốt xá-lợi, đã là sửa sang Đất vàng, vụt bày của ngọc. Kính phụng luận ngôn lại hợp phiên dịch, vốn vời khai sĩ đồng chứng tuệ nghĩa, nghĩ suy ngăn ngại, chưa thể hoàn tất. Thấy các tuyệt bút gồm có năm mươi tám quyển đó là:

- Kinh Đại Bồ-tát tạng, hai mươi quyển
- Kinh Phật Địa, một quyển
- Kinh Lục môn Đà-la-ni, một quyển
- Luận Hiển dương Thánh giáo, hai mươi quyển
- Luận Đại Thừa tạp A-tỳ-đạt-ma, mười sáu quyển.

Khắc thành tám pho, ghi chép rõ ràng. Cùng các thứ: Xá-lợi, tượng Phật, kinh luận bản Phạn... kính cẩn đem đến cửa cung kính dâng để Thánh từ soi chiếu, lời huyền cao xa.

Huyền Trang tôi học chẳng sâu kín, biết tạ ngâm thông, sao để mô xưng khuôn trời, mở mang chí giáo. Cũng do vẻ vang lửa đốm đối sửa cảnh để bắt sáng, từng giọt nhỏ xuống đủ hang lớn mà thành to. Thẹn thùng run rẩy như bước trên hang băng. Kính lời.

Trinh Quán năm thứ 20 (647) ngày 13 tháng 07
Sa-môn Huyền Trang kính biểu.

2. BIỂU VĂN KÍNH DÂNG BỘ “TÂY VỨC KÝ ”

Sa-môn Huyền Trang nói: Đất Bàn mộc U lăng Vân quan ghi nhượng Hoàng đế Hiên Viên, xứ Lưu Sa Thương Hải, nhà Hạ giao phó Y Đoản Đế Nghiêu. Tây phương vòng ngọc dâng Thùy y đến Hoàng hậu, Đông Di tên nỏ trình hình thố lên Đế quân, Hẳn đã Phi anh nhiều đời, thử xét xem nơi sách cũ.

Cúi mong: Bệ Hạ nắm Giềng mối nương thời, nâng Cán cân làm khuôn mẫu, mổ thuyền đàn mộc, Uy khắp thiên hạ mà giúp giúp chúng sinh, chân ngao tro lan lấp xe Uông để bồi lọng tròn. Sai Kinh võ ở bảy Đức, giảng văn giáo nơi mười loài. Vẩn đục nguồn suối, hóa nhuần Tiểu Vĩ. Cô Chi trong phòng tươi tốt, sóng xao đáy giếng mở hoa. Vui thời thuần ban, Sào A hưởng luật. Mở tía nổi nơi Bối quyết, mây trắng rơi ở Ngọc kiềm, bèn khiến chất chứa bao cây mà ao mưa cùng khắp,

dội lửa dữ mà chiếu soi băng đóng. Dựa Xích pha mà nương trước, nổi bờ xanh để chuộc lại sử soi tốt trước, việc dứt phủ xưa. Đâu như, cửa Hán trương dịch gần tiếp Kim thành, Tần Nhung quế lâm cắt thông Châu Phố mà thôi.

Huyền Trang tôi may mắn thuộc đất trời Trinh Quán, Trung Hoa; Đông Di tĩnh lặng, Tâm ngầm cảnh phạm, dám bày việc tốt, mạng tợ sương mai, sức như Sâu thu. Không vì trên nương Hoàng linh, dưới nhờ Dần mạng, phiêu thân xa tích; Cầu xa tự gần, xoay vần đến quê hương Mộ bái, lưu li tại ngoài trùng dịch, cành mềm tước lớn, mới nghiệm nghe xưa. Kế tân lan lẽ, lại bên được bước xuống núi tuyết mà tìm đến sông Đề Hà, vin theo Hạc Lâm không tồn, nền tảng Vương xả, Bà-Đà có thể qua. Tìm cầu lịch lãm, thời khắc đổi dời, nói trở lại Đế Kinh bỗng dưng gần hai kỷ (24 năm), lần mò học hỏi trài qua một trăm ba mươi tám nước. Trộm nghĩ: chở dấu vết bước đến chương Hợi, không bày khoa rộng, khoe điều xa rộng của cha. Chẳng nói về phong thổ, ban siêu hầu mà chưa xa, bày thiếu trông còn chẳng rộng. Còn những điều ghi chép của Huyền Trang rất là tường tận, văn từ giai tạp thảy đều cắt bỏ, viết thành bộ sách “Đại Đường Tây vực ký” gồm mười hai quyển, viết khéo như biệt.

Huyền Trang tôi bẩm chất ngu lỗ, vụng về ghi thật, mong ban bút hữu dùng lời ghi tả, cắt bỏ lời rườm rà, chọn ghi việc thật . Nên đứng đầu trăm vua, hợp với Cửu Khưu ở Hoàng Đại. Ngõ hầu Sử sơn Kinh muộn, Thái Cấp truyền Thao hoa, chẳng dám khu khư, kính cẩn đến cửa quyết phụng dâng. Nhiễu phiền chốn tôn nghiêm. Phục sâu chiếm ước, kính lời.

Trinh Quán năm thứ 20 (647), ngày 13 tháng 07
Sa-môn Huyền Trang kính biểu.

3. BIỂU VĂN THỈNH ĐẠI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ LÀM LỜI TỰA CỦA KINH VÀ VIẾT ĐỀ KINH

Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang tôi sớm dự vào Huyền môn, nay gặp vận lớn, ít có thay được nghe Chí Đạo, thả tâm trong biển pháp. Thường ân hận rằng di văn của Đấng Chánh Giác còn chưa rõ hiểu, bèn xúc động luyến mộ, đi khắp mọi phương, xa cậy Hoàng uy, điều ước mong đều được ban giúp: Tháng 02 năm trước, vâng chiếu chỉ phiên dịch kinh điển, nay thấy đã hoàn thành năm bộ cả thảy năm mươi tám quyển, viết khéo như biệt. Trộm thấy ở chùa Hoằng Khúc, tôn tượng mới hoàn thành, Hoàng Thượng đích thân bước xuống xe loan,

khai mở mắt sen xanh. Nay kinh luận mới phiên dịch, cảm duyên nghĩa ấy, cúi xin Bệ hạ chủ ban thần bút, học phát đề kinh, thân nương huyền tháo, tựa rõ tông cực, ước mong văn Thiên nghĩa kín sáng đồng mặt trời mặt trăng, chữ Ngọc, móc bạc vững chắc như trời đất. Ngõ hầu trăm đời về sau ca vịnh không cùng, ngoài ngàn năm nữa chiêm ngưỡng chẳng dứt, không dám phân vân đến cùng, kính cẩn dâng biểu để Bệ hạ xét biết, dám khinh uy trời, càng thêm lo sợ. Kính lời.

Trinh quán năm thứ 20 (647) ngày 13 tháng 07
Sa-môn Huyền Trang kính biểu.

4. CHIẾU THƯ CỦA THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ ĐÁP SỰ THỈNH MỜI VIẾT TỰA KINH

Xem thư thì hiểu rõ ý, Pháp sư Huyền Trang xưa nêu cao hạnh, sớm ra khỏi trần, nổi trội thuyền báu vượt đến bờ kia, sưu tìm Diệu đạo Khai mở pháp môn, mở mang Đại đạo, rửa sạch tội lỗi. Vì vậy, mây từ muốn cuốn che khắp bốn phương, mặt trời tuệ sắp tàn chiếu soi cùng tám cực. Người ban che soi chiếu ấy chính là Pháp sư vậy.

Trẫm học thức thiển cận, tâm trí vụng về, đối với sự vật còn mê, huống hồ Phật giáo sâu xa, đâu thể ngưỡng mộ suy lường, xin làm đề kinh. Chẳng phải điều mình nghe biết. Lại nói rằng: mới soạn bộ "Tây vực ký", đang tự đọc xem. Ban sắc cho Huyền Trang Hòa thượng.

Trinh quán năm thứ 20 (647) ngày 13 tháng 07
Nội cung ban trao cùng Pháp sư Huyền Trang .

5. BIỂU VĂN CẢM TẠ CHIẾU THƯ CỦA THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ BAN

Sa-môn Huyền Trang nói: Cúi vâng chiếu chỉ, bèn dủ khen dụ, kính phụng luân ngôn, tinh giữ vượt qua, Huyền Trang tôi thật rất lo sợ.

Huyền Trang tôi nghiệp còn không sợ, lầm than kháp lữ, may thuộc chín doanh, rành rẽ bốn biểu không lầm, cậy nương Hoàng linh để đi xa, nương nhờ uy nước mà hỏi đạo, cùng xa mạo hiểm, tuy gắng ngu thành, ham thích mới lạ, thật vốn nhờ Triều đình cảm hóa. Các kinh luận có được, vâng chiếu chỉ phiên dịch, xếp thành pho quyển, chưa có làm tựa. Cúi mong Bệ hạ mưu nghĩa mây bày, hoa trời ảnh sáng, lý bao muôn trượng, từ thả uy anh. Vượt ngàn xưa để vang tiếng tăm, cản trăm vua mà bày sự thật. Trộm nghĩ rằng: Thần lực vô phương, chẳng phải thần tư chẳng đủ để giải thích nghĩa lý. Thánh giáo cao vời, không là

thánh tiết biết lấy gì mà đề tựa ngọn nguồn, Thế nên, mạo phạm uy nghiêm, dám mong đề mục, chấn quyền xung mạo, chẳng dám hứa nhận, vỗ mình lụy dứt, cùng lại mất nước.

Huyền Trang tôi nghe: Mặt trời mặt trăng tô đẹp bầu trời, đã tỏ phận nơi nhà cửa. sông ngòi quanh đất cũng lưu nhuận khắp núi non. Mây hòa nhạc trỗi không giấu tiếng với kẻ mù điếc. Vàng cùng châu ngọc há giấu mình với người mù ngu. Dám duyên lý ấy lại để mong cầu, cúi xin mây mưa ban rủ, văn trời phủ chiếu, phối trời đất mà cùng lâu dài, hợp nhật nguyệt để sóng soi cao, vậy thì lời huyền nơi Thứu lãnh, mượn bút thần để mở rộng, nghĩa sâu chốn Kê viên, nhờ lời hay mà tuyên xướng. Đâu chỉ khu khư như phạm chúng chỉ nhờ ân đức vinh hiển. Nhung nhúc loài mê mới vượt được trần lụy mà thôi? Không dám thành khẩn đến cùng, kính cẩn đến cửa cung, dâng biểu tỏ bày để bệ hạ xét biết. Xúc phạm đến uy trời thật đáng lo sợ. Kính lời.

Trinh quán năm thứ 20 (647), ngày 14 tháng 07
Sa-môn Huyền Trang kính biểu.

6. BIỂU VĂN CẢM TẠ NHẬN ÁO CÀ SA VÀ DAO CẠO TÓC

Sa-môn Huyền Trang nói: Cúi vâng chỉ dụ thí nhận một áo cà sa và một dao cạo mới. Mây mưa rũ xuống, lạm đượm ân ban, mang hậu sáng mầu, tinh giữ vượt qua. Huyền Trang tôi may được sự cảm hóa của văn minh, sớm dự vào những người bạn dứt tâm, Ba nghiệp không ghi, bốn ân chẳng đáp, Hoàng quyền chẳng giữ, ân vinh để rơi. Pháp phục nhẫn nhục, thể hợp lưu hà. Gươm dao trí tuệ, nhọn hơn ngọc giũa. Kính cẩn đang đắp mặc để hàng ma phiền não, cầm nắm để xé lưới trần lao. Dấy hiềm trách khác đối với người, sợ không sơ đối với mạo ân. Lạm nhận lễ thuê, hổ cam vinh hạnh. Không dám cảm động đến cùng, kính cẩn dâng biểu tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Nhiễu thiền gương trời, thật đáng sợ lo. Kính lời.

Trinh quán năm thứ 22 (648), ngày 14 tháng 07
Sa-môn Huyền Trang kính biểu

7. BIỂU VĂN CẢM TẠ THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ CHẾ TÁC LỜI TỰA TAM TẠNG THÁNH GIÁO

Sa-môn Huyền Trang nói: Lục hào thâm trách nghĩa lý sâu mầu, hạn cuộc nơi trường sinh diệt. Chánh danh của trăm vật, chưa vào trong cảnh giới chân như. Còn như sách nghĩa cao xa, thấy sâu mầu mà không trắc lường thần bí. Hiên Đồ xa tưởng, soạn qua đồng quy về nghĩa ấy.

Cúi mong Hoàng đế Bệ Hạ Ngọc hào Giáng chất, xe vàng ngự trời, mở rộng chín châu của Tiên vương, che khuất trăm ngàn Nhật nguyệt, phá tan khu vực của nhiều đời, nạp vào hằng sa thế giới. Bèn khiến Tinh xá Kỳ Viên đồng nhập vào đề phong, Linh Văn bới diệp đều quy về sách Phủ.

Huyền Trang tôi trước nhân chấn tích bái yết thánh địa Kỳ-xà-quật, trải qua đường dài muôn dặm. Chiêm ngưỡng uy trời như Xích bộ, chẳng phải nương sen ngàn cánh. Đến song lâm như thời gian chừng bữa ăn, tìm kiếm Tam Tạng. Đến tận Long cung nơi chất chứa nghiên cứu Nhất thừa. Cùng Di chỉ ở Thứu Phong, đồng thời đã ghi chép trong Tố tượng, trở lại dâng hiến cung đình, mong được hạ chiếu, ban sắc Phiên dịch. Huyền Trang tôi trí hiểu biết trái với Long thọ, lầm thẹn vinh hạnh truyền đăng. Tài khác với Mã Minh, càng hổ thẹn với sự thông minh của Tả Bình. Các kinh luận phiên dịch phần nhiều lầm lẫn, bèn trông nhờ Thiên ân lưu thần soạn tựa. Văn vượt ngoài muôn trượng, như mặt nhật phát ra ngàn tia ánh sáng. Lý bao trùm các cửa nhiệm mầu đồng mây pháp xưa thấm trăm loại cỏ cây. Một lời giảng nói muôn kiếp khó gặp, bỗng dưng ngay đời bé bỏng này được thân thừa Phạm hưởng, hớn hở vui mừng như nghe thọ ký, Huyền Trang tôi không dám vui mừng gánh vác, kính cẩn dâng biểu đến cửa cung tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Kính lời.

Trinh quán năm thứ 22 (648), ngày 05 tháng 08
Sa-môn Huyền Trang kính biểu cảm tạ.

8. CHẾ THƯ CỦA THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ ĐÁP BIỂU VĂN CẢM TẠ CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Trẫm tài hổ với Quế Chương, lời thẹn với Bác Đạt, còn như Nội điển, thật chưa tỏ tường. Hôm qua soạn lời văn tựa, rất là thô thiển vụng về chỉ sợ bẩn dơ bút mực nơi Kim giản, bày ngói sỏi nơi rừng châu ngọc, bỗng được thư gởi đến, lầm thừa nhận ngợi khen, sửa mình suy xét càng thêm dày mặt, khéo chẳng đáng ngợi khen. Không nhọc phiền cảm tạ.

Trinh quán năm thứ 22 (648), ngày 05 tháng 0
Nội dung ban xuất cùng Pháp sư Huyền Trang.

9. KHẢI THƯ CẢM TẠ BIÊN SOẠN THÁNH KÝ

Sa-môn Huyền Trang nói: Trộm nghĩ rằng: Hạng người thật sự hiểu biết rất ít, khổ nỗi đường của Tồ Đông kẻ mê mờ thì nhiều cùng ngưỡng mộ xe của Tư Nam. Huống hồ Đạo lớn cao xa, cửa mầu vắng

lặng, nếu không nhờ bậc duệ trí, ai có thể thuyên giải đề tựa ư !

Cúi mong Hoàng Thái tử điện hạ thể vốn thần cực, đức nhân trùm xuân phương. Soi mặt trời Phật để thêm sáng, tiếp nối pháp luận ở thời sắp rơi rụng. Bến bờ có thuộc, truyền đăng tại đây. Huyền Trang tôi chỉ cùng Phật đạ thề mất thân mạng, vốn từ Đông Hạ, nguyện đến phương Tây. Hoàng linh che chở, gặp được Kinh luận gồm sáu trăm năm mươi bảy bộ, được ân vua ban sắc bảo Huyền Trang tôi phiên dịch. Bèn ban từ chỉ, soạn lời tựa cho tôi, bày mây từ nơi trần kiếp. Rải mưa huệ khắp Sa giới. Điện hạ đi sâu vào Tam tạng, ngưỡng mộ mở mang mười điều lành, lại bảo soạn thuật Thánh ký, sánh sáng mở mang đạo lớn, soi sáng cửa thật tướng, cho nên hữu mà bất hữu, bàn về cảnh không tịch thì "không" cũng đều "không", như được mốc thần vượt xa muôn biểu.

Huyền Trang tôi chưa gạn nước đục, bỗng được Minh Châu, Kính cẩn đầu đội phụng trì, mãi mãi làm gương lòng, không dám buông thả tinh thần, sợ lo gánh vác đến cùng, kính cẩn phụng dâng thư khải tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Kính khải.

Trinh quán năm thứ 22 (648), ngày 05 tháng 08
Sa-môn Huyền Trang kính dâng thư khải.

10. CHẾ THƯ CỦA HOÀNG ĐẾ ĐANG Ở TẠI XUÂN CUNG ĐÁP KHẢI THƯ CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Trẫm vốn không có tài học, tánh chẳng thông minh. Văn kinh nội Điển thật chưa xem đọc, văn từ tựa luận trẫm viết vụng về luộm thuộm dài dòng, bỗng được Thư Khải gửi đến, ngợi khen trẫm biên soạn. Vỗ mình tự xét, lo thẹn dồn dập, lại nhọc phiền Pháp sư phải từ xa đến, càng thêm hổ thẹn.

Trinh quán năm thứ 22 (648), ngày 05 tháng 08
Nội dung ban xuất cùng Pháp sư Huyền Trang .

11. THƯ CỦA THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ GỞI CHO BÀ-LA-MÔN TRƯỜNG MẠNG

Tạo hóa un đúc, tuổi thọ có dài ngắn khác nhau, trời đất chở che, trí ngu cùng chung sống. Nên biết bậc thượng thánh thượng hiền không đời nào chẳng có, nhưng mà Tiên vương tiên đế hiếm được gặp nhau. Trẩm tự nhìn lại mình, đức mỏng hạnh khinh, trí nhỏ sức cạn, may nhân túc duyên có phước, được gặp chân nhân. Từ khi cho thuốc đến nay, tay chân dần dần được đỡ khỏe, càng thêm thận trọng, mong được dứt trừ hết. Sờ mó da mình mà tự mừng vui, đội ơn thần phương mà rất hổ thẹn,

chỉ nhờ mạng sau khi uống thuốc, ngõ hầu kéo dài tuổi thọ có cơ may, hẳn mong vượt khỏi thế gian mà sống mãi, nhan sắc thường trẻ mãi chứ không già cỗi, tóc đã bạc biến trắng thành đen, thân đã già yếu hết suy thành mạnh khỏe, với tâm nguyện ấy có thể được chăng. Duy hết tâm thành, kính nhờ lương thuật !

Trinh quán năm thứ 22 (648), ngày mồng 10 tháng 08
Nội cung ban xuất cùng Bà-la-môn Trường mạng.

12. BIỂU VĂN CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG XIN LƯU HÀNH KINH LUẬN

Sa-môn Huyền Trang nói: Trộm nghĩ rằng: Huyền Tông không điềm, nhân đó gọi là giáo để chỉ dạy. Pháp vốn vô vi, giúp ngôn tượng để thành hóa. Cho nên biết giải thích cái gọi là giáo là chước khéo của Pháp vương, mở mang Ngôn tượng là tài năng của Thánh đế. Nếu chẳng phải bậc Trượng phu Tam đạt sao xét rõ tứ hoằng Phủ tế thì ai có thể vỗ vận Kim luân, mở rộng giáo pháp của ngọc hào ư!

Cúi mong Hoàng đế Bệ Hạ nhanh bằng Thánh đức, kính rõ thể đạo, thay đổi phong tục xấu ác, rủ ban mỹ hóa sắc mục. Truyền giáo trùm khắp Tam thiên, bờ cõi che khuất trăm ức, vào bát chính mà ban giá, ngự Năm thừa để chuyển nhanh, đào dấu vết ở phương ngoài, tùy theo vị ở trong vực, bốn biển không lo, muôn cơ có rỗi, chứa báu tuệ ở lân các, dẫn nước trí nơi cung rồng.

Huyền Trang tôi, nghiệp tạ sơ thông, học hổ theo xưa, vâng thừa Minh chiếu, phiên dịch văn Phạn. xét lại mình đang là ngu muội, sợ trái với Huyền chỉ, rất là ái ngại lo bẩn Đại đạo. Vì vậy, đêm trước không nhác, thân tâm chẳng lười. Hoàng hóa thưởng ban, không lầm lời nói một âm, Linh chú che chở, có cảm tâm của một người. mặt trời sáng quay rọi ba nhà, đơn thành nghe động chín tầng. Chung quanh Thần chung, tựa rõ Thánh giáo, từ vượt tài ba, đã chấn đến cung của Thích chủ, biển nghĩa nổi trời, sắp động đến lời mời của Phạm vương. Do đó, Đức Mâu-ni chỉ dạy tận tình vốn từ thánh tảo chiếu tuyên. Lời sâu Bát-nhã nhờ Đế đạo mà sáng ngời. Nhưng mà, ở chốn quê mùa hèn tiện chưa nghe tiếng Phạn âm, biên địa hoang sơ xa bỉ hả thấy sự rực rỡ của thiên văn? Thấy phiên dịch xong kinh luận, xin quan ngự chế lời tựa Tam tạng thánh giáo, và hoàng thái tử soạn thánh ký, truyền bá gần xa đều khiến nghe biết. Các châu, quận danh tiếng, mỗi nơi ban thí một bản. Vậy thì Đạo chẳng hư hành, Pháp không trệ ngại. Mây trí tuệ bủa khắp xa gần, mưa pháp che phủ như rưới khắp trong ngoài. Hoàng linh

hưởng phước Pháp thí mãi mãi không cùng. Thợ dân phũ dụng pháp tài đời đời chẳng hết, không dám thành khẩn đến cùng. Kính cẩn dâng biểu tỏ bày cầu xin để Bệ Hạ xét biết. Cúi mong Thiên từ ban rũ hứa cho. Xét theo lời mọn càng gấp sợ lo. Kính lời.

Trinh Quán năm thứ 22 (648), ngày 20 tháng 08
Sa-môn Huyền Trang kính biểu.

13. KHẢI THƯ CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG CẢM TẠ ĐÔNG CUNG BIÊN THUẬT THÁNH KÝ

Sa-môn Huyền Trang khải bày: Trung Sứ quang lân, vâng thừa Minh lệnh, thân giáng vi hào, biên soạn Thánh ký, rũ ban ân huệ, xa thấm hư vi, cung thừa sủng mạng, đối cảm bàn hoàn. Trộm nghĩ rằng: Nhật nguyệt giữa trời, tại xem tỏ rạng, Thánh hiền hóa độ rộng rãi gặp cảm mới mở mang. Vì vậy, chân giáo thịnh hành ở thời Minh, Đại huấn thạnh tại vận lớn. Chẳng nhờ phúc của một người sao đượm u hoang. Chẳng nương trí Tam minh, đâu soi tối tăm?

Cúi mong Hoàng Thái tử điện hạ ngậm thầm nước trí, tháo tánh huyền tân, vốn rọi khắc vân, tiếp soi thêm sáng, nghiệp chiếu cùng trời, học suốt ba thừa, Đạo kế sinh trí, tài thông bao quát bốn biện. Đến khi mở mưu bày vết, diệu mầu khắp cùng tám thể. Lìa Kinh biện chí, nghĩa lý gồm thâu chín trù. Chữ viết như mây nổi, lời văn như sương thấm. Ngậm bút biến tượng sáu hào, quơ bút gợi sáng tam thần, nên đề bỉ tháo Giáp quán, mở rộng nghĩa sâu ở Kỳ viên. Ân đồng mây gió, trời trăng sáng rỡ. Thuần hóa khắp cùng trăm họ nhờ phước, nhuần đượm kẻ mất người còn, đức gội trời người, không gì hơn rất mực mừng vui. Kính cẩn trình dâng thư khải tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Kính lời.

Trinh Quán năm thứ 22 (648), ngày 26 tháng 08
Sa-môn Huyền Trang kính khải.

14. KHẢI THƯ XIN BAN XUẤT KINH ĐIỂN LƯU HÀNH

Sa-môn Huyền Trang khải bày: Trộm nghĩ rằng: Sáu Hào bày vết, xét âm dương mà khen phục, Bát quái thành tượng, xét nhật nguyệt mà hôi mong. Cùng với những bậc quên lời, khéo biện chí đạo, bao trùm trời người. Mở rộng phép tắc tốt thật hơn cả không hữu, cứu giúp kẻ đắm chìm, soi xét những kẻ yếu đuối. Bàn về lấy bỏ, công há đồng nhật.

Cúi mong Hoàng Thái tử Điện hạ ngậm chương nuôi đức, vốn tánh nhiều tài. Tiếng nhân từ khắp muôn nước, tình ân huệ lưu cùng

Tam Bảo. Suất thông quyền thật, diệu đạt sắc không. Không làm mà Đạo tốt tươi, quên mình mà công hiển bày. Hàng Chí nội thạnh, giữ thần tán thuật, như Hồng Chung đợi tên gọi, giống như hạng rồng vang tiếng, mở mang Diệu tượng qua tên gọi, nêu bày chỗ sâu xa qua Thanh giáo. Nên dùng đuốc huệ chiếu soi, đem thuyền trí mà cứu giúp, đã soi phá bóng tối đêm dài, cứu vớt những kẻ đắm chìm. Ba đường hưởng phước, bốn loài được nhờ, huyền môn vui mừng, Thích tử may mắn. Nhưng mà dân thường ở chốn biên ngung chưa thấy tiết tháo của Thánh hoàng. Dân đen chỗ tối tăm há nghe giáo thuyết của Như Lai? Khắp trời đều rợp bóng mây Nghiêu, thế tục phương xa chưa nhuần mưa pháp.

Huyền Trang tôi hưởng hòa ân trạch, tĩnh cung huyền huấn, kính vâng chỉ dụ phiên dịch kinh Phạn. Có cảm hoàng linh bắt văn. Lời tựa đúng chánh giáo, trên lưu duệ trí phấn tảo. Biên soạn tông chỉ thật trướng, phàm quyết hoài sinh, cảm mừng được nhờ. Huống gì đích thân đượm nhuần ân trạch, hớn hở không kềm chế được, thấy các kinh luận đã phiên dịch xong, xin giao phó cho bên ngoài truyền bá, mở mắt huệ cho chúng sinh, bủa mây từ khắp ba cõi. Khiến phàm những người truyền bá di kháp đều được lợi mừng, kẻ tục lầm đường đều quay về nẻo giác. Không dám thành khẩn đến cùng, kính cẩn dâng trình thư khải, tỏ bày cầu xin để Bệ hạ xét biết. Phúc mọn xét xem, càng thêm lo sợ. Kính lời.

15. KHẢI THƯ CẢM TẠ HOÀNG ĐẾ Ở TẠI XUÂN CUNG NHẬT VIẾT KINH LỤC MÔN ĐÀ LA NI VÀ ĐỀ BỒ TÁT KINH TẠNG...

Sa-môn Huyền Trang khải bày: Trung sứ thân lâm, bảo ban ân lớn. Cúi vâng thần bút viết kinh Lục môn Đà la ni 01 quyển và Đề Đại Bồ-tát tạng kinh... gồm sáu mươi sáu quyển. Thừa ân bỗng nhiên ban giáng, cẩn thận ngừa lỗi, ân huệ vẻ vang trùm khắp, mừng như được lên cao. Trộm nghĩ rằng: Chí Đạo ít thấy, lý vượr ngoài sâu thẳm. Huyền chương xa thẳm, Đạo mở giữa ngôn tượng. Hiện ẩn theo thời, hành tàng tùy vận. Nếu chẳng phải phong hóa thuần hòa, đâu có thể mở mang Đại giáo khắp mọi nơi ư?

Cúi mong Hoàng Thái tử Điện hạ Đức lớn như trời đất, đạo chiếu tròn sáng, ba tâm linh an định, muôn nước đều trông mong, trải mây tuệ mà dập tắt nhà lửa, nổi trống pháp để cảnh tỉnh đường mê. Nước lớn mong đượm nhuần, vượt khỏi rồi trở lại cứu ư? Phàm, tâm thành lóc da làm giấy, chẻ xương làm bút, làm sao thí dụ hết, thệ nguyện quên

thân bỏ mạng. Nhìn thấy vậy hổ thẹn nhiều, đó là vui mừng nhóm họp cho Hoàng linh, mãi mãi ngự trị thời vận Kim luân. Phước thấm nhuần Thánh thiện, mau tiếp nối ngôi vị Vương hào.

Huyền Trang tôi tự xét lại mình loài dong phỉ, xem đạo Khánh thần, kiếp ngắn tài hèn, không đội vinh hạnh đượm nhuần. Rất hớn hở không kềm chế được, kính cẩn dâng khải tỏ bày để Bệ hạ xét biết. Xin phiền soi xét, càng thêm sợ lo. Kính lời.

Trinh Quán năm thứ 22 (648), ngày 18 tháng 09
Sa-môn Huyền Trang kính dâng thư khải.

16. BIỂU VĂN CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG XIN NHỜ HỎI CÁC VẬT VÀ THƯ ĐI TÂY VỨC

Sa-môn Huyền Trang nói: từng nghe rằng đạo lớn chở che, công cao mà hóa rộng. Đức phủ trang ngoài, gần kính mà xa an. Vì thế rũ giáo pháp cho các trời, thành hóa độ nhân địa. Đó hẳn là chúa tể của tạo vật, là khuôn phép lớn của một Thánh vương.

Cúi mong Hoàng Đế Bệ hạ giúp sự hưng thạnh của huyền tượng, ban chí đức sây dày, trồng thành phẩm loài, mở mang thưởng luân, vị quan bên chiếu tả dịch lại nạp cống, người tục trái lưỡi, xin quan sửa âm. Nếu chẳng phải bậc Đức thông thần minh nhơn trùm u hiển, thì sao sương tan rồi đọng lại, gió cuốn khắp vùng ư ?

Huyền Trang tôi ngày trước nương nhờ năng lực vua, hỏi Đạo phương xa, kính vâng pháp ngôn, dồi tâm học Phạn, tham khảo rộng rãi cội nguồn danh tướng, học hỏi đến cùng về chuyền thật, bèn lại tuyên dịch, thử treo Cao Đại huấn, trên cảm đến tâm vua, lại mở mang Đạo lý Linh Thứu, xa kính Phật chỉ, lại giảng Điển giáo ở cung rồng, lắng lời giáo nghĩa. Công quy gần người, nghiên cứu Đại Đạo, thật chỉ dẫn rõ pháp vị vô vi. Có mang ân lớn, chẳng bỏ nghĩa nhân sâu, bỏ mất sự cảm hóa của vua!

Huyền Trang tôi từ lúc về nước cho đến nay, tất cả tăng ni, rất vui cầu pháp, thương mặc áo xấu, bố thí Tăng y. Ngày nay thấy có ba bộ ca sa. Thánh ân ban tặng mười bốn xấp tơ lụa, các chùa hỏi được cúng lụa gấm phướn thêu cùng các vật Đạo cụ cúng dường, đều nhờ Đơn thư kính hỏi thầy bạn. Xin nhân ngày nay sai nhờ đến Thiên trúc. Mong qua thư này, cảm tạ ân dầy, thì vẻ vang phong hóa nhân nghĩa nước nhà để dứt bỏ ý chí ngu lậu. Không dám lòng thành hoài đức. Kính cẩn dâng biểu tỏ bày cầu xin để Bệ hạ xét biết. Cúi xin Thánh từ dư tâm hứa khả. Kính lời.

17. THUẬT HOÀI

(Hoàng đế soạn nhân lúc ở tại Xuân cung nhật qua thăm phòng Pháp sư Huyền Trang ở chùa Đại Từ Ân)

Dừng xe xem Điện phước
Đưa mắt ngắm Hoàng cơ
Pháp luân ngày ngày chuyển
Long hoa tiếp mây bay
Mây xanh hương quyện các
Ráng đỏ rọi y báu
Cầu vồng xa bao thể
Nước trời lóng lánh rơi
Lắng yên lên Thập địa
Tự được rõ Tam Quy

18. BIỂU VĂN KÍNH DÂNG KINH ĐIỂN

Sa-môn Huyền Trang nói: các kinh và giới bổn nói trước, thật sự quan trọng của việc phát tâm, là bến bờ của bè vượt nạn. Phúng tụng danh văn, được phước vô lượng, mong được thầm khen, bảo hộ thánh thân. Kính vì dâng lên, càng thêm lo sợ. Kính lời.

19. BIỂU VĂN XIN TIẾP NHẬN KINH ĐIỂN PHẠN BẢN

Sa-môn Huyền Trang nói: Các kinh luật, v.v... nói trước đều là dấu vết của năm thừa, là ý chỉ sâu kín của Tam tạng, văn nghĩa đã rộng, người học mến chuộng.

Huyền Trang tôi ngày trước ở Tây Vực, tìm hỏi các bản văn còn lại, các kinh có được hơn sáu trăm bộ. Các kinh luật trước kia còn chưa thỉnh về được. Đến khi Đại pháp được lưu thông, có điều chưa đủ. Nay tại nước Vu-điền, rõ ràng có đủ.

Cúi mong Bệ hạ ngự ngang bằng trời, mở mang Đại đạo, nên ghi nhận đồ, mở mang chánh pháp, các loài phương khác, dịch lại đến chầu. Vua Phiên Vu-điền, nay thuận Thánh Hóa.

Cúi xin ban sắc di thư, tiến hành phiên dịch hẳn có hy vọng được lợi ích rộng lớn, liều dám tấu trình, quấy phiền tôn nghiêm, càng thêm lo sợ. Kính lời.

20. PHI BẠCH THƯ 18 CHỮ CỦA HOÀNG ĐẾ GỬI PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Pháp sư tuổi lớn, thời tiết nóng bức, ở đây nhỏ hẹp trong thân thể

thế nào, lật lại xong mà chưa sắc ban?

21. BIỂU VĂN CẢM TẠ THỈNH ĐƯỢC NHẤT THIẾT KINH

Sa-môn Huyền Trang nói: trộm nghĩ tâm cầu Tam tạng Thánh giáo, bởi vì đó là gương báu soi chiếu mê chân, là thuyền bè vượt ra biển ái, là nhân tốt vào tịnh tuệ, là khuôn pháp mầu để hướng đến Bồ-đề. Vì vậy các hướng chiết cốt dùng để nói lên tâm thành cầu pháp. Núi Tuyết gieo mình, nói lên ý vui được nghe kinh.

Cúi mong Hoàng đế Bệ hạ ngự ở Kim luân, sự cai trị bằng mười điều lành càng mới. Văn Ân trị thiên, gió tám chánh càng thổi. Tuy là muôn phương việc lớn, hạnh Bố thí chẳng thiếu, ngõ chuyên ân đượm. Tâm vượt cao không bỏ, trước ban minh chiếu, sai soạn Nhất Thiết Kinh. Muốn khiến chuyển lời vàng nơi Tố Điệp, đâu chỉ Hạc lâm, mở chữ ngọc ở Sương Loa, há chỉ Lộc uyển. Gỗ Đàn hương làm pho trục, bít mùi Chiêm Bồ. Gấm Tú tổ may đảy đoạt thể sáng xinh. Trang nghiêm tôn kính, mỗi việc đều nhiệm mầu, khiến bậc nhân Vương quân Đức đến lại tuyên Thiên Ân thương xót. Huyền Trang tôi ngu muội bèn vào cung rồng, ban lưu chuyển độc. Khiến cho thắng pháp Cam lồ lầm đượm cửa cỏ, thần châu Mạt-ni khúc nhóm lều tranh. Cung kính vui mừng không biết thí dụ thế nào, bèn liền cung kính đốt hương rải hoa thọ trì giảng tụng. Nguyện đem các công đức có được, hồi hướng trang nghiêm Bệ hạ sáng đồng nhật nguyệt, thọ bằng đất trời, hóa thấm Tam thiên, sủng đạo không ngoài. Không dám mừng đội đến cùng, kính cẩn tùy biểu cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Giấu bút để cùng, bày ân khó hết. Kính lời.

22. BIỂU VĂN CẢM TẠ HỨA KHẢ CHẾ TÁC VĂN BIA CHÙA ĐẠI TỪ ÂN VÀ ĐƯỢC TỂ TƯỚNG PHU GIÚP PHIÊN DỊCH KINH

Sa-môn Huyền Trang nói: Ngày 24 tháng này, Nội Cấp Sự Vương quân đức phụng tuyên khẩu chiếu ban sắc hứa vì chùa tháp mà dựng bia và soạn văn. Đồng thời sai bảo Tả Bộ Sạ Vu Chí Ninh, Trung thư lệnh đến giúp. Lễ Bộ thượng thư Hứa Kính Tông, Hoàng môn thị lang Tát Nguyên Siêu, Đỗ Chánh Luân, Trung thư thị lang Lý nghĩa phủ. Quốc tử Bác sĩ Phạm Quân... các học sĩ giám cùng dịch kinh. Dòng Duệ ngầm chảy, gió huyền thổi lại, kính vâng từ cáo, vui mừng lẫn lo sợ. Phàm trong hàng xuất gia không gì hơn Khánh Thao.

Huyền Trang tôi nghe: Thánh Đức không thể phỏng, Thần Công

chẳng thể dò. Phàm đã mở mang phong hóa vô vi, hẳn mở các cửa nhiệm mầu. Kể từ khi bậc Đại sư nhàm tục, đấng Năng nhân chẳng quản, Non Thứu lưu lại ảnh hình. Tượng hóa không truyền, hạc thọ còn tiếng, lời mầu trùm khắp. Nếu chẳng phải bậc Hoàng minh xuất chấn, hàng Duệ Triết thừa mưu, Đạo giúp bốn loài, trí thông ba cõi, sao có thể dứt nghĩ nơi cảnh huyền tân, dẫn tình trên đường Đại giác, dẫn dụ người đi buôn mỏi mệt vượt qua ngôi thành hóa hiện, cứu giúp cùng tử thoát khỏi nhà hiểm.

Cúi mong Hoàng đế Bệ hạ cầu câu ghi phúc, nắm khế thừa thời, mang nuôi ba linh, luyện rèn muôn phẩm, xa an gần đến, biển lặng sông trong, cỏ cây đong gốc, khói mây động mầu, dựng cờ nhiều vui, thuộc tưởng rừng từ, lý treo ba Huyền, văn cao bảy vĩ, mà đem kinh mầu của Đức Thích-ca cứu giúp nhiều chỗ. Tình tại nốo thạnh, phủ rủ u tán, sắp muốn gần gũi Duệ tháo, thử chọn Đạo màu, ban chiếu triều anh, hứa tuyên pháp mầu. Tượng giáo truyền khắp phương Đông hơn năm trăm năm, tuy phu xướng quyết chỉ đã có nhiều đời, mà vinh hạnh Quang tán chỉ tại ngày nay. Trời người hoan hỷ, minh thần mừng vui. Bánh xe vàng tại vận, ngọc trải vừa lâu. Nhưng mà Hán Hoàng anh tháo, không diễn ý tứ nơi sông Phân. Ngụy đế kỳ tài chỉ bắt ngôn từ ở Ngô hội. Chưa có rung động Hồng bút ấy, ca ngợi khuôn phép kia, suốt ba cõi để vang dội tiếng tăm, khắp sáu u mà sáng ngời nhuần thấm. Nên khiến sáng ngời mặt trời trí tuệ, nhờ Thánh giáo mà thêm sáng rỡ, nhung nhúc loài mê thấy Thiên từ mà ngộ đạo.

Huyền Trang tôi nay gặp vận tốt, sớm ở nơi tụ hội, Đức hổ cùng Khương Tăng Hội, Nghiệp kém so với Trúc Pháp Lan, nhiều lần nhận hưởng ban ân. Càng thêm kinh hãi, lại kính ân thưởng, càng thêm sợ sệt. Không dám mang đợi đến cùng, kính cẩn đến cung quyết dâng biểu tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Kính lời.

23. BIỂU VĂN CẢM TẠ ĐƯỢC VĂN BIA CHÙA ĐẠI TỪ ÂN

Sa-môn Huyền Trang nói: Khắp phủ Hồng lô cúi vâng Thánh chỉ, đích thân ngự bút. Vì vì văn bia do chùa Đại Từ Ân chế tác đã thành. Ân duệ mênh mông, lời thần soi chiếu, Huyền môn càng cao, bạn Phạm hạnh thêm vinh. Ở Hậu địa mà hổ thẹn, phụ tăng rộng mà thiếu sức lực.

Huyền Trang tôi nghe: Công tạo hóa đã gieo vật mà thành giáo. Đạo Thánh nhân cũng nhờ lời mà thấy tình. Nhưng mà họa quẻ rủ văn, không bàn ở hình Khí. Bày hào phân tượng, chưa vượt khỏi hoàn vực. Đức của Nghĩa Hoàng còn được xưng ở thuở trước, phong tục của Cơ

Hậu như riêng đề cao ở đời sau. Đâu như mở vật thành mục đích, mở rộng tám chánh để cầm chương, giảng Đạo dựng lời, chứng Ba minh mà làm khuôn phép tục. Lý cùng vốn trời đất, tình bao hàm nhật nguyệt, so sánh về hơn kém, ấy là hưng thạnh vậy.

Cúi mong Hoàng Đế Bệ Hạ Kim Luân tại vận, ngọc trải thừa thời, hóa được bốn châu, nhân cùng Chín cõi, đạo gồm tợ thánh, công lớn như thần, mặc tình đa năng nơi sinh tri, giúp dẫn do ở Thiên chí, bi đầu hợp gương, liền lập chiêu đề, chốc lát dựng lập cờ cao, lại treo văn luật. Như là Hoa trời nở lạ, duệ tảo vọt cao. Ngậm bút biển mà có mang ở cung rồng, che rừng từ mà bao hàm cây hạc, trong gồm tám tạng, ngoài nghiệm sáu kinh, sâu mầu mà làm khuôn mâu, rộng rãi mà lại kín nhiệm, làm vững chắc di tích vườn bồ câu, Giáo bảo tư mà càng cao. Hương thừa tại Lộc uyển nhờ Quỳnh Chương nên không mờ tối. Đâu ngày bít mở cảnh mộng, soi chiếu đường mê, lượng làm khuôn phép, bốn loài ngục lồng, ba cõi ấy sao?

Huyền Trang tôi ngôn hạnh không giữ, liên hệ đến hàng tăng, được ban ân thưởng, thường gọi may mắn, càng thẹn tiết tháo khúc thành, mừng gặp thời thạnh Tượng pháp, vừa hổ thẹn, vừa mừng vui, giao xen lẫn nhau. Không dám kính đội đến cùng, kính cẩn đến Triều Đường, dâng biểu tỏ bày xin cảm tạ. Kính lời.

24. BIỂU VĂN CẦU XIN VIẾT VĂN BIA CHÙA ĐẠI TỪ ÂN

Sa-môn Huyền Trang nói: Trộm nghĩ: ứng vật hiện hình, thần dụng trải khắp, tùy thời thiết giáo, thánh công rốt ráo cùng tận. Vậy nên biết trời trăng soi sáng đầu cuối vận trải khắp trời, cỏ cây tươi tốt mới cùng Đức sáng tròn đất.

Cúi mong Hoàng đế Bệ hạ trí biết khắp muôn vật, nhân từ đượm ba cõi. Đã hưng thạnh cảnh hóa lại mở mang huyền phong, kịnh đạo tất cả Cơ mục, không thưởng vịnh của Diêu trì, xem thường sùng Pháp của Hán trang, nhọc mở miếu từ ở Bạch mã, mới rủ ban thiên văn, xa nông u chỉ, dùng khắc phong khuê, mãi rủ mậu tắc, cùng phát tiếng sáu anh, như năm vĩ bắt sáng. Bày chí đức mà cảm tục, mở mang Đại nguyện để giúp thời, đâu riêng u tán chơn như, mở bày huyền trách đấy ư? Tuy Ngọc tảo ấy sướng, bảng xanh sắp khắc mà ngôn câu chưa viết, chữ son còn ẩn. Nhưng mà Kỳ nhạc đã treo giúp Lý Khúc kham dự, long hưởng đã tận, sao lửa đóm có thể sáng ư? Nếu chẳng là bậc Nha khoáng cầm luật nghĩa và thông minh, sao đủ để gióng âm lớn của trống Pháp, khiến huệ nhật soi chiếu rỗng rang. Cảm duyên nghĩa ấy, mạo muội đến

cầu. Cúi xin đầy đủ khắc đẹp để quanh thần bút, ngõ hầu huyền diệu cao vút ngang mây. Vết xa vua trước rải sương lạ lùng, vượt hương hậu thánh. Tiếng vàng ngọc rung, liền rõ đường mê, phụng múa rồng cuộn sắp khai mở chúng sinh mờ tối. Đâu chỉ làm hưng thạnh Tượng giáo, ôm giữ ân đức rộng lớn? Thật cũng bút khen thời sáng, tông xã hưởng phước vô cương.

Huyền Trang tôi vốn biết ngu hèn, lạm xen vào hàng ngũ xuất gia, vốn chẳng nhìn xa, thiếu sót luật hạnh, hèn nhục lời Thần, ngu khờ bớt đẹp. Tuy rất kinh sợ không dất dung mình, mà hết mực khẩn thiết có ngày kiều thành. Lại dám phiền nhiễu, càng nhớ hang lạnh! Kính lời.

25. BIỂU VĂN CẢM TẠ HỨA VIẾT VĂN BIA CHÙA ĐẠI TỪ ÂN

Sa-môn Huyền Trang nói: Cúi vâng sắc chỉ, lệnh hứa ban thần bút tự khắc ngự soạn văn bia chùa Đại Từ ân. Ấn cáo chậm đến, Luân từ nhóm họp, chỉ mong lo sợ, không biết bày biện làm sao.

Huyền Trang tôi nghe: nỏ mạnh nhờ cung, chuộc nhất không đáng động đến máy. Chuông lớn bặt âm, sợi cỏ không thể phát ra tiếng vang. Chẳng là trời trăng soi chiếu bèn quay cảnh ở không môn, thấm đượm mây đùn chiêu cảm tại Huyền tự. Đó là ước nguyện vậy, đâu là mưu đồ ư!

Cúi mong Bệ hạ đạp cửa giữ then, cầm bầu mối vận, tìm Hiên Viên xa quá chuyên húc, dựng nhà Hạ thôn tính nhà Ân. Giảng nói nhiệm mầu để luyện thời, gồm nhiều tài năng mà cảnh tục. Trong chín vức đã tắm gội nhân phong, ngoài bốn trời cũng đượm nhuần huyền hóa. Nhưng pháp của Tân lương, không phải là bậc chí thánh thì đâu đáng để phô bày nguồn gốc. Công của U tán, không phải là bậc chí nhân thì đâu đáng để phô bày nguồn gốc. Tuy tìm chỗ xa cùng tự động Thiên tình mà vận may có thể cầu, bèn hồi cung cuộn. Ánh từ rải khắp đã vượt ngọc quý hiến có ở đời. Dấu kín mở ra, sắp xa vật báu vô giá. Phàm ở mọi loài không ai chẳng mong nhuần gội, nhưng hàng xuất gia Thích tử càng gấp bội mừng vui. Mộng Quân nhạc lớn của trời, trái đây chẳng lạ. Được ngọc ở búi tóc Luân vương, trù ấy đâu quý, kế đáng khắc để trinh thạch, dùng đựng phước đình, chung sinh nhung nhúc mê muội mới mở tai mắt. Lớn thay đuốc pháp, tuyền đến tương lai, khiến những ai chiêm ngưỡng chữ Báu mà hiểu ngân câu, phát tâm Bồ-đề ngay ngày ấy. Đọc di văn mà nghiên cứu nghĩa sâu, ngộ bát-nhã như ở đất này. Cướp thành hạt cải, sáng ngời tốt đẹp thường còn. Biến bãi biển thành nương dâu, gió mát tốt tươi không khô héo.

Huyền Trang tôi xuất thân từ hạng Phàm tình, xưa hổ thẹn hạnh nghiệp, đã được sống nơi đô hội, nghĩ mong mở mang đạo mầu, tìm đến Ca-tỳ-la-vệ, vốn nhờ Hoàng hóa, kịp đến nay phiên dịch, lại được triều đình khen ngợi, và trong những năm thuộc niên hiệu Trinh Quán, lạm gội ơn Hồng từ, mãi miết đến nay, lại nhận đãi ngộ. Thần bút của hai chúa chứa tặng nhiều đầy, thánh tiết của hai triều đều rủ vinh tiết. Nhìn lại, sửa chữa ngu kém. Thật là lo sợ luôn muốn báo đáp, ngày đêm không quên. Chỉ vì ân sâu như hang lớn, đâu thể đền đáp dù chỉ bằng giọt nước. Thí dày tựa núi cao, chẳng là mây trần mà cảm tạ được! Chỉ nên nhờ các Huệ lực, vận dụng vô phương. Nhờ cảnh xã nơi Viên Tẩm, giúp Long Cơ ở Thất Bách. Không dám kính đội đến cùng, kính cẩn nhờ Nội Cấp sự thần vương quân đức dâng biểu tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Khinh phạm đến oai nghiêm càng thêm lo sợ. Kính lời.

26. BIỂU VĂN CẢM TẠ ĐƯA VĂN BIA CHÙA ĐẠI TỪ ÂN VÀ THIẾT BÀY CHÍN BỘ NHẠC

Sa-môn Huyền Trang nói: Ngày 14 tháng này cúi vâng sắc chỉ dâng lên vua Chế Ngự Thư văn bia chùa Đại Từ Ân và thiết bày chín bộ nhạc cúng dường, Trời Nghiêu chia chiếu, trước thêm ánh sáng của đuốc tuệ, Biển Thuấn chung sóng, càng đủ rộng dòng pháp. Phong kiệt cao đợi, văn trời đuốc cảnh, ráng chiều soi rọi Linh sơn, sao Nghi nhục lấp lánh Tiên kiểu. Phàm tại kẻ tăng người tục, sấm chớp rền vang, ngắm nhìn cung kính kinh sợ được chưa từng có.

Trộm nghĩ rằng: Bát quái rủ văn, sáu hào phát buộc, xem chim chế pháp, khóc lân bày sách. Việc hay của bậc Thánh, thấy hết ở đó. Sấp lấy phỏng vật thành khuôn, tùy thời lập huấn, đào luyện sinh linh, đèn nén tâng bốc phong liệt. Nhưng mà Tần Hoàng khắc đá, riêng chiêu đẹp ở Phong thiền, Ngụy hậu chạm bia nhọc ghi công nơi Đại hưởng. Còn xưng Đề mục, Cao nhìn trăm vua. Đâu như thân quanh Duệ tảo, rủ khai bút tiên, kim tấu phát vận, ngân câu sạch vết. Thăm cung rồng mà treo ba huyền, vượt Phụng triện mà cùng tám thể, dâng sóng xuân rong ruổi suy nghĩ, ngưng sương thu mà nêu điều kỳ lạ. Mở mang lý mầu nhất thừa, ngợi ca nghĩ sâu của sáu độ, hóa khắp khu vực Tam thiên, tiếng vang ra ngoài trăm ức. Lời huyền nơi Lộc uyển, nhờ Thiên từ mà càng hiển rõ. Khai sĩ tại Trúc lâm gá thần bút mà thêm tôn kính. Hẳn khiến Pham chí quy tâm, xé lưới nghi mà kính vâng lời chỉ dạy. Ba-tuần đổi suy tư, xô núi tà để nhanh nhẹn theo Đạo. Đâu chỉ Bậc Đại sĩ nơi cửa trần mới rõ đường mê. Khách ngoài cảnh mộng, vượt khỏi mé khổ.

Tượng giáo truyền dân phương Đông hơn sáu trăm năm, sự lớn mạnh của việc mở mang, chưa từng có như ngày nay. Đến như Hán Minh Đế thông cảm còn hỏi mưu ở Phó Nghị, Ngô Tôn Quyền quy kính vẫn còn nghi đối với Hám Trạch. Từ đó đã ban, không đáng xưng sao! Tùy duyên hóa vật, riêng suy chiêu vận, làm lành chắc chắn có báo ứng, khắc cao nền lớn, như vua Kim Luân, thần công khó lường, đồng chúa đội mũ báu, vương vận mới lâu bền.

Huyền Trang tôi lầm thẹn ân triều đình, may mắn bước lên Huyền tứ, thuộc mây từ lại bủa. Trống pháp lại vang: Hóa ba minh đã hưng thạnh, cửa tám chánh mở rộng, mà nhìn lại chẳng là trinh khẩn, hư rỗng mãi nhờ ơn dắt dẫn, ngửa trời xanh mà mang ơn, cúi xuống hang rỗng để hổ thẹn. Không dám thành thật mang đội, kính cẩn đến Triều đường, dâng biểu tỏ bài cảm tạ, huyên thuyên phiền nhiễu nơi cấm cung, càng thêm lo sợ. Kính lời.

27. BIỂU VĂN CẢM TẠ XIN CHO PHÁP SƯ THIỆN LẠC... ĐƯỢC XUẤT GIA

Sa-môn Huyền Trang nói: Kính nhờ ơn vua, độ cho Thiện Lạc v.v... xuất gia, mừng kính khôn xiết, buồn vui dồn dập. Trộm nghĩ rằng: tìm ân trạch mây mưa còn nhờ đồ ngửa bụng, trời trăng soi chiếu vẫn cản trở bởi chum úp, mà ân ba của thánh đế bèn kịp khắp ngoài bến bờ, quang sủng của chí nhân hẳn vượt bao bổn phận.

Cúi mong Hoàng đế, Hoàng hậu Bệ hạ chân tánh diệu giác, ứng tích thiện quyền, nên có thể xét soi khắp cùng chân như, quay bánh xe pháp nơi chín cõi, thương tưởng muôn dân, cứu vớt khổ nạn chìm đắm trong ba đường, giúp cho các vị Thiện Lạc, Pháp thông, Xứ Nghiễm v.v... lại được tắm gội bằng sóng trời, sưởi mình dưới mặt trời Phật, vạch suối vàng mà vượt lên thanh hán, dẹp nhà lửa để bủa mây Pháp, dù đá không tiêu, ân ấy chẳng mất. Thân mọn nhọc mất, nương đâu đền đáp. Ngõ hầu công ơn xuống tóc, rủ phiền não nơi Tiêu điện. Năng lực giới cụ túc dâng phước đức tại Lan đồ. Cúi mong Hoàng đế, Hoàng hậu tuổi thọ muôn năm, đạt được trăm phước, ở hoài ngôi vua, mãi giúp trăm họ, cung Xuân được tốt, Quỳnh kha mầu tươi, đất xanh yên giữ, lớn vững như đá tảng, mọc cũng như nhà son.

Huyền Trang tôi mỗi lần tự suy xét lại, thật là không có công đức đối với thời gian, chẳng có công lao đối với đất nước, mà lạm hưởng ân trạch, chất chứa nhiều năm đâu từng không chết, thẹn ảnh hồn dừng, quên ăn mất ngủ, trúc sông Tương không viết hết ân được, bỏ thân như

số cát sông Hằng, ai có thể đáp đền, còn cậy ân sủng của trời, lại mời ủy an. Không gì hơn mang đội đến cùng, kính cẩn nhờ biểu tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết, bụi nhơ vấy bẩn mãi, càng thêm sợ lo. Kính lời.

28. BIỂU VĂN CẢM TẠ ĐƯỢC THUỐC THANG

Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang tôi tự vụng giữ gìn, bệnh lạnh thêm động, gần đến chỗ lìa đời, tiếp lời chiêu vận, ân trời thương tưởng ban cho thuốc hay, vừa thêm thuốc chính liền được thuyên giảm. Dừng tuổi già dục hết, trở quỳnh phách sắp tiêu, lại được thấy thời hưng, tuân theo dẫn rõ, đâu chỉ bệnh nặng dứt hẳn, thớ thịt trong ngoài thường điều mà thôi. Trông lại mình men theo mập béo, thường hưởng thù ân, ban cho thì nhiều mà mạng thì mỏng, không biết làm sao đền đáp, chỉ nương nhờ tuệ lực, ngõ hầu đền đáp phước thầm.

Huyền Trang tôi tự còn chưa ổn định, không thể đến cửa cung để tỏ bày cảm tạ, không dám mang đội đến cùng, kính nhờ đệ tử là Đại Thừa Quang dâng biểu để Bệ hạ xét biết. Kính lời.

29. BIỂU VĂN CẢM TẠ ĐƯỢC BAN CẤP THUỐC MEN VÀ SAI SỨ ĐẾN THĂM HỎI BỆNH TÌNH.

Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang tôi nghiệp lụy vây quanh, đến nỗi mang lấy bệnh khổ, trong khoảng hít thở gần như cách biệt cõi trần. Bỗng nhiên đội ơn tâm niệm từ bi của Hoàng Đế Hoàng Hậu rũ lòng thương lo tánh mạng. Thiên sứ luôn tu sửa có hơn mười úy, thần dược ban cứu, nếu gặp được một viên uống gội thánh từ, đả dứt đau đớn, may nhờ trị liệu, nên được lành bệnh. Há lúc hồn đã chết được vời đến Thượng đế, mạng thọ đưa đến trời lại bẩm thọ ở Hồng lô. Lại xét mình kẻ mọn, vì sao được như vậy, vỗ ngực càng thẹn, lời không đủ nói. Đội thù ân mà hơn hẳn, phấn dính mình mà chẳng tạ. Mới mong Húc tư lễ tụng hết thân tâm này để đáp ân không tính xiết, đền trả nợ không cùng, không dám cảm đội đến cùng, kính cẩn nhờ biểu cảm tạ để Bệ hạ xét biết, vừa mừng vừa lo không biết tỏ bày. Kính lời.

30. BIỂU VĂN CẢM TẠ TĂNG NI...
ĐÌNH BỎ ĐIỀU KỆ THEO TỤC PHÁP

Sa-môn Huyền Trang nói: Kính thấy vua ban sắc cho tăng ni... có lỗi đình bỏ điều lệ, y theo pháp luật thế gian, trở lại y theo phong cách cũ. Ân trạch ngoài phần, bỗng nhiên ban cho tăng ni. Ân đức không thể tính kể, lại đượm nhuần chốn yên vắng. Mong trời gội nhuần cho đạo,

thật dụng vinh hoa, quanh đất sửa mình, chỉ thêm lo sợ! Trộm nghĩ rằng: Đấng Pháp Vương đã viên tịch, tượng giáo không truyền, tôn quý khuôn phép tiếp nối, phó thác ở Minh Hậu.

Cúi mong Hoàng Đế Bệ hạ ngự cùng bảo viên ngự cực, thừa chánh Kim Luân, kính quý Phật giáo, tâm muốn tuyên dương. Bởi vì cửa thiền thanh tịnh vốn khác thế tục. Tuy tình kéo theo năm thứ vẩn đục, Luật hạnh phần nhiều khuyết thiếu, nhưng thân mặc ba y, ruộng phước là ở đó. Đoạt lưới dầy của Ngọc điều, ban trải khoan nhân, tin lời chân thật nói ra từ kim khẩu, bằng lòng hồi hướng. Như thế, cố nhiên trời thần vui vẻ, đáp lại đó bằng chứng vui mừng. Đâu chỉ tăng ni đội ân, thêm vào đó là sự trinh bạch đích xác, nếu có trái với khoan dung này, tự mình có lỗi, thì trái với Nghiêm chỉ của Đại sư, thiếu sót lòng từ sâu xa của Thánh chúa. Phàm tại Minh Linh, tự nên trách phạt, đâu đợi luật bình phản mới liệu tội gian vọng.

Huyền Trang tôi tâm thường mê muội, lạm xen trong hàng tăng, thường thẹn ân lớn, đã có tâm lo sợ, lại kính đội thù ân, càng thêm lo sợ. Chỉ vì gần đây bệnh tật vây mình, không thể đích thân đến cửa cung quyết, không dám thật tình mang đội. Kính nhờ đệ tử là Đại Thừa Quang dâng biểu tỏ bày cảm tạ. Kính lời.

31. BIỂU VĂN THÊM LẦN NỮA CẢM TẠ TĂNG NI... ĐÌNH BỎ ĐIỀU LỆ Y THEO PHÁP TỤC

Sa-môn Huyền Trang nói: Cúi mong Ân vua trừ bỏ điều lệ khám xét Tăng NI phải y theo pháp luật thế gian. Rất mực mừng vui, chẳng biết nói sao cả! Trộm nghĩ rằng chánh Pháp có hưng thạnh hay chăng, tùy như trên mà áp chế hay ủng hộ. Thường luân mỏng dày, phụ thuộc vào Huyền phong. Lớn mạnh hay khuyết lầm từ thánh vận tại Quỳnh minh Hoàng cầm giữ chín chắn, kính sùng đạo nghệ. Khu biệt Phật giáo, Nho giáo, mở khóa không hai, nới rộng đường vết duy nhất, tả cung rồng ở nơi Bồng các, tiếp Thứu nhưỡng ở thần cao khiến tiếng Hồng chung vang khắp khu vũ, nghiệp phước lành rửa sạch mầm đen. Thật là gia hội của pháp môn, rất may của khắp chốn. Thẹn nỗi Tăng đồ không nghiêm chỉnh dạy dỗ chế ngự trái cách, đến nỗi trong thì lầm sai lời Phật dạy, ngoài lại trái phạm luật pháp nước nhà. Một người mắc tội cả chúng vướng mang, nên xúc phạm đến uy trời, ban lệnh y theo pháp luật thế gian. Điều mong vắng lặng trang nghiêm, mục đích là trừng phạt dạy răn, tăng ni lo sợ. Đêm trước hổ thẹn bàng hoàng mà thánh thiên đến chứng giám, ân đức trùm khắp, dốc lòng mong cầu sự

nhiệm mầu, bít ngăn mấy nhơ tại Hàm hoằng, chưng bày thù ân, bãi bỏ nghiêm phạt, chẳng phải là sự đáng tiếc của người ấy, mà nhìn lại Pháp đó thật đáng tôn kính, như khiến cho Cá đã vào lưới lại được giao du nơi Giang hán, chim trong lồng lại vụt bay xa tít. Nước pháp đục mà lại trong. Ruộng phước nhiễm mặn được trở thành ngon ngọt. Tăng Ni đều tự mang đội ân sâu, người người biết cố gắng, ngõ hầu khuyên tình bỏ ác để giúp tâm trời, chuyên tinh lễ niệm, để báo đáp ân lớn.

Cúi mong Hoàng đế, Hoàng hậu nối thạnh công đức, mãi được trăm phước, nương hạnh nghiệp từ bi khoanh tay ngồi vững muôn năm, đông thành ràng buộc an lành, quanh thành đầy đủ sự tốt đẹp. Không gì hơn múa nhảy cảm động mang đội đến cùng. Kính cẩn lại nhờ Biểu ăn tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Bụi trần dính cờ miện, càng thêm sợ lo. Kính lời !

32. BIỂU VĂN CẢM TẠ CẤP NHẬN GỒM CÁC TẠP VẬT...

Sa-môn Huyền Trang khải bày: Rũ hưởng cấp gồm các vật lặt vặt... bưng đáp kinh thẹn, không biết thí dụ làm sao. Vả lại áo đẹp tơ vàng truyền từ bậc Hiền thuở trước, hoặc là y báu vô giá, nghe từ các Thánh điển. Chưa từng có cùng tận sự thần diệu chính mắt trông thấy trong lòng bàn tay như vật được tặng hôm nay vậy. Nhìn nó đều màu rượu nhạt, kính vua không thể vượt qua công khó ấy, cắt may kín đẹp, tạp thêu không thiếu mọi nơi. Bèn hiểu rằng: Ráng khói vào nhà, vườn lan tại thân, thí ban tự chiêm nghiệm, mau thêm vinh giá. Ngày xưa, Đạo An nôi kính quý đời Tần, chưa gặp ân này, Chi Tuần xưng lễ ở triều Tấn, hiếm nghe mưa móc ấy, chỉ mình Huyền Trang tôi tầm thường, riêng trộm hưởng ân lớn, nhìn lại sự sủng ái mà sửa mình, càng lo sợ toát mồ hôi.

Cúi mong Hoàng đế Hoàng hậu con cháu đông đàn, hưởng phước đức vô cương, luôn soi kiếng ngọc, mãi ngự ngôi báu. Chở che chúng sinh, vô cùng cực như trời, không dám hỗ thẹn đến cùng, kính cẩn dâng biểu tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Thương cấp cho nhiều mà lời nói đơn giản, không thể nói hết. Kính lời.

33. BIỂU VĂN MỪNG PHẬT QUANG VƯƠNG CHU VƯƠNG (TRUNG TÔNG HIẾU HÓA HOÀNG ĐẾ) RA ĐỜI

Sa-môn Huyền Trang nói: Trộm nghe rằng: Chí Đạo vụt bày, mở trời người ở Tải toán, rất cảm sâu việc ấy, sinh Huyền thánh tại khắc kỳ. Cúi mong Hoàng đế, Hoàng hậu tình gương ba không, hóa tin chín cõi,

nên có thể mở kiếm vàng nơi Nhị đế, dứt bỏ lúa ngựa ở nhất Thừa. Lan Điện mới hưởng chưng phát nguyện câu-chi, tuyền kha trong bào thai, bèn kết vớt vượt thành, khiến đấng Thập hiệu Giáng linh, mở mang che chở, trăm thần giúp đỡ, giúp khéo trang nghiêm quanh cung ấy. Do đó, hung tai dịch lệ tức khắc lắng trong, an hòa mới giáng sinh. Bảy đóa hoa nghiễm nhiên nâng đỡ bước chân, chín rồng cúi mình phun nước tẩy rửa ngọc chất. Huyền môn đợi vết, cây đạo rủ bóng. Tuy dấu vết giày xưa vua bày điềm lành, Võ trời hiển hiện khác thường, đâu đủ để so sánh sự hưng thạnh ấy; ban cho đạo mầu này, khắp nơi có ca vịnh mừng được sự che chở của Hoàng đế. Tăng đồ mạnh mẽ, mừng vui cho ngựa xanh đến. Cúi xin ân trước không ngợi khen, đặc ban Pháp phục, cục nào thường mến mộ trở lại gây nhân tốt. Vả lại, ngôi vọng cao quý của con vua vốn ở tại đó, ngôi vị của Đấng Pháp vương cao còn xa hơn, thêm nữa công đức vô biên, bến bờ chở xa. Nếu Thánh ân không lẫn lộn, thệ nguyện rộng lớn chẳng đổi dời. Trộm nghĩ rằng: Hết vật báu của bốn biển, không đủ để so sánh hạnh bố thí ấy, dốc hết nghiệp của mười Địa cũng không thể thí dụ với cội gốc phước đức đó. Nên nguyện Hoàng đế, Hoàng hậu trăm phúc đơm hoa, sáng soi khắp cùng, muôn năm hưởng thọ, bền tợ núi Nam, mừng vui lạc ở tuổi già, dẫm cùng khắp kiếp xa. Thái tử Đông cung đáng tốt, tiếp nối Đạo vua, sủng ái nhiều chỉ nên giúp sáng cung vua, đeo mang Anh dận (Thái tử vừa sơ sinh), dừng Phúc bị phiền. Nên kỳ tiết ở gốc ngọn, nối trần thơm tại tòa cỏ.

Huyền Trang tôi chợt lạm vận lớn, cục ảnh cửa cấm, quý phải chăng đức lớn, mến duyên chứa Ân, may thuộc Quốc khánh chỉ mới, tịnh nghiệp mở đầu, trong tâm hớn hở, ăn cháo nhừ chẳng hận. Vui mừng không kềm chế được, kính cẩn dâng biểu để Bệ hạ xét biết, khinh xúc đến uy nghiêm, càng thêm lo sợ. Kính lời.

34. BIỂU VĂN MỪNG PHẬT QUANG CHU VƯƠNG CHÀO ĐỜI VỪA BA NGÀY VÀ KÍNH DÂNG Y, BÁT, TÍCH TƯỢNG

Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang tôi nghe: Nghĩa vui ngày mới, thơ khen con cháu không ngần. Do đó, vận nhà Chu vượt quá mong ước, đời nhà Hán trải dài triền miên. Ứng hợp với Đạo này. Lại nghe rằng: cửa rồng xoáy sâu, vốn nguồn dài mà dòng xa. Quế thọ tốt tươi, bởi rễ sâu mà thơm ngát sum suê.

Cúi mong vận thời của Hoàng đế được thừa truyền từ nhiều bậc thánh, có lắm khuôn phép, gieo trồng nhân nghĩa, thấm nhuần dân đen, đã đến từ lâu. Vì vậy, nhị Hậu Quang ứng Đại bảo, làm nền tảng cho

con cháu, có thể nói là Gốc sâu nguồn dài vậy. Đợi Bệ hạ được viên, công nghiệp càng lớn, lại thuần tự xét trắng trong. Hơn cả dấu Tam hoàng ngũ đế, soạn ra lễ nhạc, vượt hẳn vết nhà Ân nhà Chu, chẳng giữ nhà vàng làm quý. Vì lòng cứu giúp triệu dân, chưa sáng đã cầu y, bóng xế còn quên ăn, tảo luyện Anh hiền, ban bố cùng các vị, hay bớt bỏ lỗi, khuyến khích tinh tấn chánh đạo, một người an nhiên ngồi khoanh tay, muôn lý mở mang thanh bình, tuy thành an khang thạnh vượng, chưa đến được như vậy. Thế nên, mây Khanh ngào ngạt, biển không nổi sóng, khắp nơi tuân theo phong tục, long khanh gợi nhuần cảm hóa. Mênh mông thay! Cao vợi thay! Khó có thể nói cho đầy đủ. Đã là Đạo Cách tợ trời cao, Thần sáng suốt ban phước, tháng tốt giờ vui, Hoàng tử mới sinh, cành trời lớn tốt, Quỳnh ngạc thêm bày, muôn dân yên sống, ai cũng mừng an lành.

Đối với Huyền Trang tôi giữ trăm tình cảm thường hằng, đau chỉ mừng vui sự bình an của Thánh Hậu, thật cũng mừng sự có người nối dõi Đức Như Lai. Cúi xin chớ trái lời chiếu trước kia, xin cho phép xuất gia, đổi con của vua cõi người làm con của Đấng Pháp vương, đắp mặc Pháp phục, đặt ra Pháp danh, truyền trao Tam quy, xếp vào hàng tăng chúng, tiếp nối làm hưng thạnh tượng hóa, mở mang truyền bá Huyền phong, lại làm đẹp rừng thiền, rạng ngời vườn giác, sắc thân vi diệu, ví tợ sơn vương, lưới sáng trang nghiêm quá hơn Nhật nguyệt. Sau đó, giăng bủa mây lành khắp cõi Đại thiên, giơ cao đuốc tuệ cùng trăm ức châu. Đánh trống pháp để phá dẹp thiêm ma, dựng phướn mầu mà đẩy lùi ngoại đạo, cứu kẻ chìm đắm trong biển đảo điên, dập tắt lửa dữ ở núi tà kiến, tát cạn sông sâu phiền não, đập nát vỏ cứng vô minh, làm bậc Điều ngự, thầy của trời người, cúi xin các bậc tiên triều tiên linh nhờ phước cháu con mà sinh đến bờ kia, Hoàng đế Hoàng hậu, nhân phước của con mà hưởng muôn năm, mãi mãi cầm giữ linh đồ, thường soi sáng chín cõi. Kẻ làm con có được như vậy mới gọi là Đại hiếu, mới là vinh hạnh tôn thân. Sở dĩ Đức Thích-ca bỏ nước mà chuyên cầu đạo Bồ-đề là bởi vì như vậy, đâu thể dùng điều lành vụn vặt của Đông bình, cái tài vụng về của Trần Tư mà suốt ngày luận bàn hơn kém, cùng năm mà xuy luận cạn sâu ư! Kính cẩn sửa y bưng bát để trông đợi khách lành đến, phẩy ghế quét đường để dựng giá vượt thành. Mừng vui khôn xiết dẫn dắt nghiêm chỉnh đến cùng, kính cẩn dâng biểu để Bệ hạ xét biết, khinh xúc đến thần uy, càng thêm lo sợ. Kính lời!

35. BIỂU VĂN CẢM TẠ NHÂN VỀ PHẬT QUANG CHU VƯƠNG ĐẦY THÁNG LÀM LỄ XUẤT GIA VÀ MỪNG ĐƯỢC ĐỘ NGƯỜI XUẤT GIA

Sa-môn Huyền Trang nói: Hôm qua cúi vâng ân chỉ bảo ban Huyền Trang tôi làm lễ cạo tóc cho Phật Quang Vương, và ban sắc độ bảy người xuất gia làm tăng. Tóc được cạo bỏ thì phiền não của Vua được rơi rụng vậy, Tăng được độ xuất gia thì người hầu của Vua thêm đông đủ vậy. Đó là để rung chuyển cung điện ma Ba-tuần, hớn hở hoài bão của trời Tịnh Cư. Nguyện rộng đã tuyên, cảnh phước càng thạnh. Há rằng tay của kẻ ngu hèn mà có thể so tài với Thiên phu, người thường dân mong vào Đạo ở yến hội lớn lao? Trên dưới hân hoan, buồn vui lẫn lộn. Trộm nghĩ rằng: ơn chở che là trọng thì chiếc tả là trước tiên, nhân của giải thoát thì cởi bỏ trang sức làm đầu.

Cúi mong Hoàng đế, Hoàng hậu đạo ngưng ngoài muôn trượng, phước đượm thấm ở mọi nơi. Do đó, dùng ánh sáng mở cửa nhiệm mầu, bèn tu sửa cội Đức, mong cho Hoàng đế được che chở, cửa Đế vương mãi hòa, soi xét trăm ức cùng thiên hạ, hết ngàn muôn năm lạ lùng. Phật Quang Cao tử chỉ nên bú mớm, Thiện thần bảo vệ ngọc chất, các Đức Phật xoa đầu, tăng thêm dáng dấp hoa mỹ sáng trong, đầy đủ phó thác hàng mục tiếp nối hưng thạnh. Các vị tăng vừa mới được Độ, đội ân đã sâu, cũng nên chuyên cần Đạo nghiệp, tinh tu giới hạnh, đủ xứng như luân, đợi chờ nhận thảo. Không gì hơn cảm đội đến cùng, kính cẩn dâng biểu để bệ hạ xét biết. Kính lời.

36. BIỂU VĂN MỪNG PHẬT QUANG CHU VƯƠNG ĐẦY THÁNG VÀ KÍNH DÂNG PHÁP PHỤC...

Sa-môn Huyền Trang nói: Trộm nghe rằng: Huơ gió bay lông, nhiều ngày vọt lên không trung, đúc ngọc minh nguyệt, hơn tuần thì hoàn tất. Vậy đủ biết Bẩm chất linh vật bên ngoài, sáng sắc trời bên trong đó, hẳn đã tuấn phát ở em gái, chỉ mới tốt đẹp ấy vậy. Chỉ có Phật Quang vương vốn thượng thiện cùng kết an lành, mở mang trung hòa mà dưỡng đức, từ vườn nhỏ giáng sinh đến đền thờ trời chấn động chiêm ngưỡng. Duệ khí học trò, nhà thêm được che chở, dáng ngọc đơm bày, sớm tối thêm hoa. Tự chẳng riêng Hoàng đế, Hoàng hậu mặt trời trí tuệ tại thân, dùng pháp gội rửa ý tưởng. Giao phó tiếp nối làm rạng ngời ở Bàn Thạch, mở bỏ trừ trang sức ở trời, người. Vậy, ai có thể làm phước thay đổi áo chăn, an giúp bú mớm, không tai không hại, được hơn bậc tuy bé nhỏ mà cố chí tranh vanh khác người ư! Nay phách chiếu mới

hoàn mà dáng dấp tròn đầy như trăng rằm vậy. Cành Minh Giáng lại dài như mắt Hoa sen vậy. Do đó, Điện tía yên hoài, dân thường đều vui, bảy chúng quay về nương tựa, bốn cửa đứng trông soi xét. Đâu chỉ Nhật sách giỏi nói, Hạc ngựa đợi ngự mà thôi?

Huyền Trang tôi may mắn nhờ ân sủng, hứa rủ lòng chở che, trông mong sư đệ, chẳng phải chỗ ngõ hầu, đồng tình Phạm hạnh, thật có hoài bão thiết tha, bèn dám dâng một quyển "Bát nhã tâm kinh" bản chữ vàng, gồm một hòm, một bộ "Kinh Báo Ân", một bộ pháp phục y áo cà sa, tọa cụ, lò hướng báu nhỏ, bình tấm, giá kinh, chuỗi hạt, tích trượng, tháo đậu, cốc,... mỗi thứ một cái, đầy đủ các đạo cụ, để bày tỏ nỗi vui mừng riêng. Ước mong Sửu tài đùa ở Bán chương, thay tích da tại Bồng thỉ, khiến các bậc thiện thần thấy mà hăng hái, thệ nguyện rộng lớn nhờ đó được bền bỉ. Khinh dùng chỉ bấy nhiêu kính dâng, thật vô cùng lo sợ. Cúi xin Hoàng đế, Hoàng hậu ngôi quý từ xa xăm thảy chấp tay hướng về, vừa sáng soi vừa linh diệu. Kết tâm vui mừng với triệu dân, hưởng phước thọ muôn năm, ít biển lặng trong, bít sự khuyến khích rộng lớn để được sự tốt đẹp, ân sủng quá nhiều như gian bình mà chở nhanh. Ước nguyện Phật quang vương được ngàn Phật xoa đầu, trăm phước ở trong thân, tiếng đức ngày một lớn tốt, chẳng trái với tăng quy. Cảm đội không xiết, dâng biểu để Bệ hạ xét biết, khinh xúc đến oai trời, càng thêm lo sợ. Kính lời.

37. BIỂU VĂN XIN VÀO NÚI TUNG

Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang tôi nghe: Đường Bồ-đề xa vời, người hướng đến phải nhờ tư lương, sông sinh tử sâu thẳm, người muốn vượt qua phải nhờ thuyền bè. Tư lương là hạnh mầu, ba học, ba trí. Tư lương chẳng phải loại túc thung, thuyền bè là tịnh nghiệp tám nhẫn tám quán, chẳng phải đồ phương chu vậy. Vì thế, các Đức Phật đầy đủ tư lương nên đạt đến bờ kia, phàm phu kém khuyết nên trôi lăn trong sinh tử. Do đó, mênh mang trong ba cõi, trôi nổi trong sông bảy lậu, mịt mờ trong bốn loài, đều chìm đắm dưới sóng gió mười triền, không ai chẳng bị sóng dập khói xông, tâm Ý mê say, cùng kiếp thạch không lười nhác, hết thành hạt cải mà càng vững chắc, không hề biết ngồi ba xe mà ra nhà cửa, cỡi tám chánh mà đến đảo châu báu, thật đáng thương thay! Há gặp được mùa thu mà khí tốt thêm vui vậy? Đâu chỉ tình của Khổng phụ. Bởi vì luôn soi xét thức ăn nên liền cho là ngon vậy. Đang nằm trên giường mà kinh sợ vậy.

Huyền Trang tôi thường suy nghĩ thân này là các duyên giả hợp,

niệm niệm vô thường. Tuy là cây bờ dây giếng, chẳng đáng để toan tính tránh khỏi nguy ách. Thành khô chùm bọt, không đủ để thí dụ sự chẳng bền chắc của nó. Vì vậy, chỉ mong sớm chiều, chẳng trông lâu dài, mà ngày tháng như dòng chảy, vụt chốc sáu mươi hai năm đã qua rồi vậy. Niệm ấy nhanh chóng thì bờ mé sự sống có thể biết được vậy. Lại ít nhân cầu pháp, tìm hỏi thầy bạn, từ trong ra đến ngoài nước không xứ nào không trải qua. Bụi đường xa tít, sức lực mỏi mòn, khoảng vài năm trở lại đây, càng thêm yếu kém, ngoái nhìn âm cảnh, đâu còn được bao lâu, đã là tư lương chưa đủ, đường trước dần dần hối thúc, không ngày nào chẳng lo nghĩ điều ấy, dùng bút mực để tỏ bày không thể hết vậy. Nhưng đời mỏng manh này, được nhiều may mắn, thường gặp Thánh minh. Nhờ mưa móc của triều đình không theo thứ bậc, đội ân của Bệ hạ ngoài phần hạn, tắm gội đức từ lớn với năm tháng đã lâu. Còn Danh tiếng tăng thêm, vinh dự vang xa, không cánh mà bay, vụt ngồi trên mây ngàn. Thọ nhận cúng dường tứ sự, vượt hẳn sự tốt đẹp của thường luân. Tìm hạng người như thế, từ xưa chưa từng có người vậy.

Huyền Trang tôi nhờ công gì đức gì mà được đến thế? Tất cả đều là, sóng trời thấm nhuần khắp nơi, nhật nguyệt rủ soi, bèn khiến đem đá nước yên làm châu ngọc, lấy ngựa dở cho là ngựa quý, vỗ mình tự suy xét lại chỉ thêm xấu hổ thẹn thùng. Vả lại, ác hại tràn đầy, ý chỉ cao nhã của những bậc hiền triết là ít muốn biết đủ, và cũng là điều dạy răn của các Đức Phật vậy. Huyền Trang tôi tự bỏ nghề nghiệp rỗng không, danh thiệt chẳng lấy, đối với ân trạch của thánh từ không nên mạo dụng lâu dài, xin được hài cốt xả mạng nơi núi rừng, lễ tụng kinh hành để đáp ân dẫn thưởng. Lại mong Bệ hạ đem ngôi vị luân vương mà mở mang sự giáo hóa của đấng Pháp vương, các bản kinh thỉnh được từ Tây Vực đều khiến phiên dịch, Huyền Trang tôi thừa cơ hội thiếu người, lạm đảm trách nhiệm ấy, đã kính vâng thánh chỉ, đêm trước chẳng là bao, nay đã dịch xong hơn sáu trăm quyển, đều là tổng yếu của ba tạng bốn hàm, bốn bộ a hàm là then chốt của Đại thừa lẫn Tiểu thừa, là khu rừng rậm của hành vị phàm thánh. Tám muôn bốn ngàn biển hồ Pháp môn, ở TâyVực xưng tụng ca ngợi là thánh điển giữ yên đất nước, chỗ cầu văn nghĩa, không tìm chẳng được. Thí như tìm gỗ được rừng, tùy ý tìm lớn nhỏ, nhặt ngọc biển phố, mặc lấy vuông tròn, giềng mối của học giả, ấy là phảng phất. Huyền Trang tôi lấy đó để báo đáp ân sâu của nước nhà, thật không thể hết, tuy nhiêm cũng mong được một trong muôn phần vậy, chỉ dứt trừ, chế phục phiền não, hẳn định huệ sẽ giúp đỡ lẫn nhau. Như xe có hai bánh, thiết một không thể đi, như nghiên cứu pháp

vị, Kinh luận là huệ học, nương rừng yên ngồi là định học.

Huyền Trang từ trẻ đến giờ rất được chuyên tinh giáo nghĩa, chỉ ở bốn thiền chín định, chưa được rảnh rỗi để an tâm. Nay xin nhờ suy nghĩ Thiền môn, lắng định nước tâm, chế tình nhảy nhót như vượn, buộc ý rong ruổi tợ voi. Nếu không giấu vết trong rừng, chẳng thể thành tựu. Nay, nhân tại châu này có sùng cao thiếu thất, tại đỉnh núi hình như bình phong trùng điệp nhiều ngọn, có lắm kỳ lạ, ngậm đầy gió mây, bao chứa nhân trí, quả thuốc tốt tươi, rau cải, cỏ tiết thanh hư, thật là một danh sơn trong nước, là thần núi trong khu vực. Ở đó lại có chùa Thiếu Lâm, vắng lặng, v.v... đều vượt gối núi hang, quanh mang rừng suối. Phật sự tôn nghiêm, phòng nhà nhàn sâu, đó chính là nơi Tam Tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi thời Hậu Ngụy phiên dịch kinh điển, thật có thể nương tựa để tu thiền quán. Thêm nữa, lưởng túc triếu sĩ, còn bỏ về biển, từ giã vinh hoa, Sào Hứa là người đời, còn dừng ngông láo mà dồn chứa tinh thần, huống hồ Huyền Trang tôi xuất gia vì pháp, còn phiền thệ trong chợ, gió lành kích động người nghĩ suy càng thêm thẹn vậy.

Cúi mong Bệ hạ sáng tỏ hơn cả Bắc đẩu, chiếu cùng chín chốn tối tăm. Cúi xin soi xét tâm niệm ngu thành này, đặc rũ hứa cho, khiến dứt bặt được các huyên trần nơi thế tục, cuốn hình bóng ở nhân gian. tiếp bầy nai thêm đông, theo bạn cùng le hạc, dừng thân trên phiến đá, nương mình dưới gốc cây, giữ xét tâm vượn, quán sát thật trướng các pháp, khiến giặc bốn ma chín kết không nơi đục khoét, tâm năm nhẫn mười hạnh theo nhau dẫn phát. Làm nguyên do dẫn đến Bồ-đề, tạo nhân duyên lành để đến bờ kia. Ngoài chẳng vướng lụy bởi Hoàng phong, trong tăng thêm hạnh nghiệp, lấy đó để tiễn biệt ân trời vậy. Thảng mong dủ tình hứa khả thì tiết tháo thanh nhã của Huệ Viễn ở Lô Sơn ngõ hầu tìm tòi được, tinh diệu trong lành của Đạo Lâm Thanh Vi ở Diệm tụ hy vọng tiếp tục thay. Nhưng mong những thời gian rảnh rỗi của thiền quán sẽ phiên dịch. Không dám lạc nguyện đến cùng, kính cẩn đến cửa cung dâng Biểu để Bệ hạ xét biết, khinh xúc đến thần uy, càng thêm lo sợ! Kính lời.

38. SẮC THƯ CỦA HOÀNG ĐẾ ĐÁP LẠI BIỂU VĂN XIN VÀO NÚI TUNG CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Xem đọc biểu văn, trẫm biết Pháp sư muốn ẩn tích trong núi non, sống nơi chốn rừng sâu, gá tu thiền định, khuôn phép lắng đọng, nay nêu mọi vụn vặt, ngửa rót thói hay. Thật là điều đáng khâm phục mến chuộng! Trẫm đây hạnh nghiệp rỗng không ít học, không nghiên cứu

cao sâu, nhưng vì sự biết cạn nghe sơ chưa thấy ấy mà Pháp sư là bến bờ của ba cõi, dẫn dắt bốn loài, tâm trí như đèn sáng, định lắng nước ý, chẳng phải cái âm u của tình trần, há sóng thức có thể kinh chuyển? Song, chỗ ở của người Đạo đức, đâu hẳn phải là nơi hoa lớn núi non chập chồng, nhà là sự vắng lặng, há chỉ ở thiếu thất lắm núi điệp trùng? May cấm nói đi, chớ lại tỏ bày cầu xin thì ngay chốn thành thị là nơi đại ẩn. Không riêng quý những Bậc hiền sĩ ngày xưa, lại cũng đáng trọng những vị ở ngày nay vậy!

Nội cung ban xuất cùng Pháp sư Huyền Trang.

39. BIỂU VĂN CẢM TẠ SẮC THƯ

Sa-môn Huyền Trang nói: Sứ thần Lý Quân Tín đến, ban trao thủ chiếu (= thư văn viết tay), nét bút rực rỡ chữ son, lời văn ẩn chứa ở Hà Đồ. Lỗi lạc mang hình của núi đồi, thấm nhuần hơi gió mây. Không phải chiều hôm của Bạch tạng, lại thấy văn của Xuân Ba, thân ở chốn Y lạc, bỗng nhìn thấy báu vật ở Côn Kinh. Bưng đáp vui mừng, vỗ tay hớn hở. Xưa kia, Lý Trọng mong lễ của Ngụy quân, chỉ tự Khuê ly, Huệ Viễn may được thư của Tấn Đế, mới khiến cấp gạo, chưa thấy lời lẽ bao gồm ý chỉ "vắng lặng khả xá", chỉ dạy tình ẩn dật ở chốn thành đô. Cố nhiên biết lòng của Thánh chúa, tâm thần vui tục, bao gồm Hữu; Vô, vượt Nghĩa hiên mà càng cao, giá chuồng ngựa mà càng xa ấy vậy. Riêng Huyền Trang tôi vốn thân tơ mành rất sợ đỏ xanh, thân hình dây sắn, thật trông mong tùng bá, ý nguyện muốn đội ráng mây ở Thiếu thất, chợt gặp suối đá ở Tung A, trốn tránh tình chìm, ngăn ngừa chí lửa. Vì vậy, dám dốc hết ngu mù, mạo muội phạm tội chết tỏ bày cùng Bệ hạ xét biết, ngõ hầu lòng từ unđúc không để sót loài le yến, ân mây mưa chẳng bỏ loài sâu bọ, nhưng chiếu chỉ rành rành ban đến chẳng dũ lòng hứa khả, nhân ban ân thưởng, khúc tồn sáng rỡ, đành rành năm tình lo sợ, chẳng biết giữ gìn thế nào. Đã ban lệnh cấm nói lại, không dám cầu xin thêm, kính cẩn dâng biểu cảm tạ Bệ hạ xét biết, chỉ thêm lo sợ! Kính lời.

40. BIỂU VĂN CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG LẠI XIN VÀO NÚI (= CHÙA) LẦN NỮA.

Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang tôi tiếng tăm luống dối, may mắn được dự vào hàng tăng, từ những tháng ngày của niên hiệu Trinh Quán, sớm gội nhuần thù ân, từ niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) trở lại, được ân đãi ngộ, ngoái trông thấy mình hèn kém, thường hổ thẹn

đội mang, tự vâng chiếu lệnh phiên dịch trong mươi lăm năm. Đêm trước chẳng là tạm rảnh, nghĩ rằng sức lực đã mỏi mòn, tuổi đã sáu mươi, lại bị bệnh phong, tâm tư mê lầm, chẳng được bình thường, bệnh tật liên miên, đường trước đã gần như...! Nay không còn đảm đương chuyên việc phiên dịch, đâu nên lạm trộm hồng ân? Thấy Chư tăng, v.v... ở tại Dịch trường đều xin nghỉ, xin đem theo một vài đệ tử đến cung Ngọc Hoa, còn được thời gian phiên dịch ít Bộ kinh, và được tụng niệm. Trên phụ giúp nước nhà, dưới hết những năm còn thừa. Đồng thời xin thêm năm vệ sĩ y như cũ để phòng ngự giữ gìn. Ngõ hầu đội ơn thần tạo, khỏi phải trái lệnh. Không dám khẩn thiết đến cùng, kính cẩn đến cửa cung dâng biểu để Bệ hạ xét biết. Khinh xúc đến uy nghiêm, vô cùng lo sợ! Kính lời.

41. BIỂU VĂN CẢM TẠ ĐƯỢC CHO PHÉP VÀO NÚI (= CHÙA)

Sa-môn Huyền Trang nói: Hôm qua kính vâng ân sắc, cho phép Huyền Trang tôi cùng các đệ tử dời đến ở chùa Ngọc Hoa. Đồng thời các vị Tăng, v.v... phiên dịch kinh điển cùng đến để phiên dịch. Được cung cấp như cũ, mừng đội ân vô cùng, hăng hái tham gia. Huyền Trang tôi là hạng tầm thường, thường được Thánh Đức mến thương, Chí nhân dủ đãi, thù ân lại thêm, thừa sự nghiệp ấy. Ở nơi tôn vinh ấm áp, xét lòng càng thêm hổ thẹn, đội ân sâu dày, một đời nhận chịu, muôn kiếp sao đáp đền, mang đội khôn xiết. Kính cẩn đến cửa cung tỏ bày cảm ta Bệ hạ xét biết! Kính lời.

42. BIỂU VĂN XIN VUA SOẠN LỜI TỰA KINH ĐẠI BÁT NHÃ

Sa-môn Huyền Trang nói: Trộm nghĩ rằng: Trong Phật giáo Đại thừa, thì Bát-nhã là gốc, tướng mầu un đúc, không gì chẳng gồm đủ. Các vị Đế vương đời trước, phước có hơn kém, cảm thông chánh pháp, chưa hết các kinh điển bằng tiếng Phạn. Song, Kinh Đại Bát-nhã tổng cộng gồm có hai mươi muôn bài kệ, ở Tây Vực cho đó là vật báu quý trọng giữ gìn nước nhà, phần nhiều giữ kín không truyền trao.

Cúi mong Hoàng đế Bệ hạ sự cai trị sáng sủa, Thánh giáo ngầm khắp, đến như những kinh điển sâu mầu khắp nơi đều truyền đến. Huyền Trang tôi ngày trước cậy nhờ uy phong nước nhà, đến phương xa hỏi đạo, trải qua đủ mọi gian nan nguy hiểm, tìm cầu kinh pháp còn để lại, gom thỉnh về Trung Quốc. Suốt mười chín năm, phiên dịch tiếng Phạn hơn một ngàn ba trăm quyển. Chỉ vì Huyền Trang tôi tuổi đã bảy mươi, thân thể thường mỏi mệt, sợ rằng mưa móc của Tiên triều, không

đáp đền được ơn trời. Vì vậy, với sức lực yếu kém này, chong đèn thâu đêm, kính phụng chiếu ân, đêm trước phiên dịch. Khởi đầu từ ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Hiển Khánh thứ năm (661), phiên dịch Kinh Đại Bát-nhã, đến ngày 23 tháng 10 năm Long Sóc thứ ba (663) là hoàn tất, tất cả gồn sáu trăm quyển. Nguyện đem công đức này, kính giúp vận nước, trên thì xa đến cả bảy triều đều lên muôn phước. Hoàng đế, Hoàng hậu sáng đồng như Nhật nguyệt, Đức hợp cùng đất trời, mãi ngự ngôi Kim Luân, hưng thạnh trong các cõi nhiều như cát bụi. Hoàng đế giữ gìn hưng thạnh bền bỉ như đá tảng, các vương hầu lớn mạnh vinh hạnh cả gốc ngọn, ngầm mừng sự phong tặng, vui xa đâu cũng khắp cùng. Công đức đã lớn, không dám chẳng nói năng, trông mong xin ngự chế lời tựa, Hoàng Thái tử khắc thuật Thánh ký, ngõ hầu khiến bao kẻ trần tục mê muội ở muôn phương thấy được Thiên tảo mà tỏ ngộ chí chân, sinh linh trong chín cõi trông nhìn xe báu mà biết được sức lực của Hoàng đế. Cửa thiền tôi càng cao vòi vọi, chư tăng thêm mừng vui. Kiếp số như mây trần hẳn có bờ mé, hay đẹp vô cùng. Huyền Trang tôi kính vâng chiếu chỉ ở tại chùa Ngọc Hoa phiên dịch. Không đi đến được nơi cửa cung, kính cẩn nhờ đệ tử dâng biểu để Bệ hạ xét biết. Nhiễu phần chốn cung nghiêm, vô cùng lo sợ! Kính lời.

Long Sóc năm thứ 3 (663), ngày 22 tháng 11.

Châu Phòng; huyện Tuyên Quân; chùa Ngọc Hoa, Sa-môn Huyền Trang kính Biểu.

... Ngày mồng 07 tháng 12, Thông sự xá nhân Bằng Nghĩa tuyên miệng chỉ dụ hứa chế.

BIỂU KHẢI CỦA TAM TẠNG PHÁP SƯ HUYỀN TRANG
(HẾT)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 194

BIỂU CHẾ TẬP

SỐ 2120

(QUYỂN 1 → 6)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2120

BIỂU CHẾ TẬP

Đại tông triều tặng Tư Không Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng Hòa-thượng biểu chế tập

Sa-môn Thích Viên Chiếu chùa Tây Minh ở Trường An thuộc Thượng Đô biên tập.

Hòa-thượng húy Trí Tạng, hiệu Bất Không Kim Cương. Tiếng Phạn là A mục Khư-bạt-chiết-la, vốn người Tây Vực, ở chùa Đại Hưng Thiện, đời Đường. Ngày trước, Ngài kính thờ Tam tạng Đại Hoằng Giáo Kim Cương, thọ học Mật tông. Năm hai mươi bốn tuổi mang y bát đi thỉnh cầu chỉ dạy thêm, sau khi Đại sư Kim cương trí viên tịch, ngài Trí tạng - Bất Không đi khắp năm xứ ở Ấn Độ, tìm cầu thọ học tất cả các Kinh luận Du-già, rồi trở lại đế kinh, hoặc du hóa ở Hà Tây, hay quay về Quan nội. Khoảng niên hiệu Thiên Bảo (756) từ xứ Hồ, Ngài đi bằng ngựa đến Trung Hoa. Đến niên hiệu Chí Đức thứ 02 (757), khôi phục lại Kinh đô Lạc Dương, Hòa-thượng đích thân vâng thừa Thánh chỉ, tinh thành kiến lập đàn tràng, làm Quán Đảnh Sư, cả ba triều vua đều đãi ngộ rất tôn kính. Các thứ biểu; tạ; đáp; chế thầy trò truyền thừa nhau gồm có một trăm bốn mươi bốn bài, mới chia thành sáu quyển truyền bá tương lai, những người thích học biết được ý chí của Hòa-thượng vậy.

BIỂU CHẾ TẬP

Sa-môn Thích Viên Chiếu chùa Tây Minh
ở Thượng Đô Trường An biên tập.

QUYỂN 1

Theo bản A và B, biểu có hai mươi bài, đáp chế có tám bài, tất cả là hai mươi tám bài.

I. Ở triều đại vua Túc Tông (756 - 763)

1. Biểu chúc mừng lấy lại Tây Kinh (có phần trả lời).
2. Biểu chúc mừng lấy lại Đông Kinh (có phần trả lời).
3. Biểu chúc mừng Thượng hoàng trở lại kinh đô (có phần trả lời).
4. Biểu bày tỏ tâm tình cảm tạ ban tặng Danh hương.
5. Chế thư xin tìm hỏi góp nhặt kinh điển trong thiên hạ để sửa chữa và phiên dịch.
6. Chế cáo Điệp của Từ Bộ hứa khả tìm hỏi kinh điển.
7. Biểu chúc mừng sách Hoàng hậu Trương Thị (có phần trả lời).
8. Chế cáo Điệp của Từ Bộ Hứa Khả phiên dịch kinh điển (có phần trả lời).
9. Trạng kính dâng tôn tượng Hổ phách và Phạn bản “Tùy cầu chân ngôn” (có phần trả lời).
10. Trạng xin thiết lập Đạo Tràng tu pháp Quán đảnh ở chùa Đại Hưng Thiện.
11. Chế thư chùa trí cự phụng tu công đức và Điệp ban sắc thiên hạ binh mã nguyên sư.

II. Ở triều vua Đại Tông (763 - 780):

12. Trạng hiến dâng tôn tượng Ma-lê-chi và bản Phạn “Đại Phật đảnh chân ngôn” (có phần trả lời).
13. Bài trạng xin mỗi năm thiết lập Đạo tràng tu Pháp Quán Đảnh.
14. Điệp Văn thỉnh bốn mươi chín vị Đại Đức đến trụ chùa Đại

Hưng Thiện.

15. Điệp Văn Từ Bộ xin độ bảy vị tăng vào ngày Khánh Đản.

16. Chế thư xin y cử Phạn bản phiên dịch lại kinh Nhân Vương Bát-nhã.

17. Chế thư của Trung thừa Đỗ Miện xin hồi hướng cung cấp ủng hộ việc Phiên dịch.

18. Biểu cảm tạ Ngự chế lời tựa Kinh Nhân Vương Bát-nhã mới phiên dịch và chúc mừng trăm tòa Khánh Vân.

19. Chế thư ban tặng cố Tam tạng Kim Cương Khai phủ và Hiệu.

20. Chế thư kính bái Tam tạng Bất Không đặc tiến thí Hồng lô khanh và ban hiệu.

*****

1. BIỂU CHÚC MỪNG LẤY LẠI TÂY KINH

Chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Tam Tạng Trí Tạng nói: trộm nghe rằng: "Duy trời là lớn lao, nếu chẳng là Nguyên Thánh thì không biết lấy gì để thuận trời mà hành xử. Chỉ Vua là Pháp trời, nếu không hưng thạnh thì chẳng biết lấy ai thay trời để hóa dưỡng muôn loài".

Cúi mong Bệ hạ; công lao vượt hơn cả sự lập cực, Đạo trùm khắp trời đất, tiếp nối cơ đồ của Đế Nghiêu, phục hồi nghiệp lớn của Đế Võ. Từ lúc Nguyên hung hết tàn hại, yêu nghiệt còn mê, Bệ hạ nghĩa trước đợi trở giáo, ân trước khéo tha thứ. Tạm an ủi Tỷ Võ, diệt hẳn sói lang. Từ kinh đô, mọi người quét sạch lâu đài mà trông mong Bệ hạ dủ lòng theo ước muốn của mọi người, khắc phục lẽ sai đối với lòng Trời, núi sông không dời đổi, vườn tược y như cũ. Nay xe loan đã giáng, chính Thánh đã đổi mới, đang cần chiếu soi báo đáp, như trời cao che khắp, nhân từ sống lâu. Xe giá Thượng Hoàng đến phía Bắc sông Phân, giống như lập đàn Thượng Đế ở đồi viên. Giảng nói kiếp số như cát bụi mà quay bánh xe pháp, chiếu soi ngàn muôn thế giới mà treo mặt trời Phật.

Trí Tạng tôi từ lâu được đượm nhiều ân hóa dục của Vua, lại thấy được khuôn phép nơi xứ Hán, sinh thành đã nhiều, đâu mong báo đáp, không hơn sự cùng cực của Phù Tảo. Kính cẩn đến cửa Ngân Đài, dâng biểu trình bày, chúc mừng để Bệ hạ hay biết. Thật là kẻ hèn mọn khuấy nhiễu chốn thâm cung tôn nghiêm, ngỏ lời khâm phục sâu sắc chiến công ưu việt. Sa-môn Trí Tạng tôi hết sức lo sợ kính chúc mừng.

Chí Đức năm thứ 02 (757), ngày 14 tháng 02.

Chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Tam Tạng Trí Tạng kính biểu.

Càn nguyên Quang thiên Đại Thánh văn võ Hiếu cảm Hoàng Đế phê:

Thụy Văn Minh Võ Đức Đại Thánh Đại tuyên hiếu Hoàng Đế.

Bọn nhiều mưu gian lâu ngày sẽ thành tàn bạo. Trời chán ghét họa ấy, lâu ngày cũng làm cho chúng nó bại vong. Nhìn lại Thành Quyết vẫn như cũ, đến như Hiền Sĩ thứ dân đều như cũ, cảm kích sự an ủi cùng cực ấy thật sâu sắc với ước muốn của Trẫm. Đó là điều chúc mừng vậy.

2. BIỂU CHÚC MỪNG LẤY LẠI ĐÔNG KINH

Sa-môn Tam Tạng Trí Tạng chùa Đại Hưng Thiện nói: vâng thừa quan quân giải nạp tù binh báo mừng thắng trận lấy lại Đông Kinh, bè đảng phản nghịch đều tiêu sạch, một mình Bệ hạ chế phục, nhân dân vui mừng vỗ tay hớn hở, dẹp tan mưu đồ. Trí tạng tôi nghe: "Bọn nghịch Đức quên mình tạo tác yêu nghiệt, khó ẩn núp dưới bóng lá tre". Vâng, đó là cách ngôn. Từ lúc bọn rợ Hồ điên cuồng nhiễu loạn đất Trung Hoa gần đến ba năm, thần dân oán giận, chứa nhóm hung ác lâu ngày đầy tràn. Bệ hạ khéo thức khuya dậy sớm, khiến những người phụ tá đắc lực mạnh mẽ, tranh giành nơi chốn trước, không bỏ sót mưu lược, thần công thật không hai. Nhân đó, phá tre, gặp phải bọn nghịch Đức kia phản lại, chỉ một lát giáo đánh được cả ba, kéo dài đến mười ngày mà cả hai đô thành đều khâm phục. Thật là, mưu tính rành rẽ, vận mạng lớn lao, anh hùng chiến lược khác thường, thánh lực giúp đỡ che chở rất cao, hơn hẳn các Vua, đang cần dốc lực nâng cao như mặt trời chiếu soi trên đỉnh núi Thái.

Trí Tạng tôi nay được gánh vác xương minh, được ban thạnh lễ, chẳng dám vỗ tay reo mừng hớn hở. Kính cẩn đến cửa Ngân Đài, dâng biểu trình bày chúc mừng để Bệ hạ xét biết. Thật là kẻ hèn mọn khuấy nhiễu chốn cung sâu tôn nghiêm, ngỏ lời khâm phục sâu sắc chiến công lẫy lừng. Sa-môn Trí Tạng tôi hết sức vui mừng kính chúc.

Hoàng Đế phê:

Đó là điều chúc mừng vậy.

3. BIỂU CHÚC MỪNG HOÀNG THƯỢNG TRỞ LẠI KINH ĐÔ

Sa-môn Bất Không nói: Bất Không tôi nghe: "Đạo, chỉ Đạo của Trời và Tiên Đế hòa hợp thì Thần công không gì cắt được. Hiếu là cội gốc của Đức, chí Đức hưng thịnh mà hay nhận Nguyên phù". Cúi mong

Bệ hạ vâng chịu mạng trời nối nghiệp Đế Nghiêu, tùy thuận lòng người phục hồi Đế Võ, không sửa đổi vật mà xét xem chính trực Nhị Nghi, chưa hết mười hai ngày mà hai kinh thành đều vắng lặng cả. Thật công cách như trời cao, Đức vượt hẳn các Vua, Đông nhường các Hậu, Tây đón Thượng Hoàng. Rủ áo trời mà từng dẫn xe Loan, rảo bước giữa trời xanh mà kéo dài xe Pháp. Thiên phụ thiên tử, ngày trước ngày sau, bỏ cửa chánh cung mà trở lại ngôi vua. Sửa đổi giềng mối triều đình mà chở che bình an muôn họ. Đó thật là Thượng hoàng dủ lòng dạy bảo, suy công cao trước phép vua. Bệ hạ thừa thời Chí Đức mà đứng đầu hưng vượng. Đủ để làm sáng ngời khuôn phép trong sử sách, soi sáng xem như Đường Ngu.

Bất Không tôi sống nhằm thời hưng thạnh này, chợt gặp lúc vinh hạnh vẻ vang, chẳng dám mừng vui đến cùng, kính cẩn đến cửa Ngân Đài, dâng biểu trình bày chúc mừng để Bệ hạ nghe biết. Thật là kẻ hèn mọn xúc phạm đến chốn cung sâu tôn nghiêm, ngỏ lời bội phục chiến công lẫy lừng. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng mừng vui kính chúc.

Chí đức năm thứ 02 (757) ngày mồng 09 tháng 12.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện, kính biểu.

Hoàng Đế phê:

Quét sạch khí đó, thôi định hoàn cảnh, Thánh Thượng trở về để sắp đặt yên ổn trong triều, sớm hôm khai lễ, vui mừng rất sâu. Đó là điều chúc mừng vậy.

4. BIỂU BÀY TỎ TÂM TÌNH CẢM TẠ BAN TẶNG DANH HƯƠNG

Sa-môn Bất Không nói: Trung sứ Ngô Du Nham đến Phụng tuyên Thánh Chỉ để Bổn viện của Bất Không tôi ngày nay thiết trai, đặc tặng Danh hương và ban Thiên sứ. Thư riêng đầy đủ, mừng vui thật khó tả, Bất Không tôi vô cùng hoan hỷ, Bất Không được ngâm mình trong dòng Pháp, ý muốn mở rộng Mật giáo, một mình đi muôn dặm, học khắp năm xứ Ấn Độ. Nghĩ tưởng như được ra mắt các Đức Phật ở thế giới Hoa Tạng trong mười phương, chuyên tinh năm bộ, cùng khắp chân ngôn của Nại Uyển. Thường bày tự Quán, gieo thân mong cầu che chở, mong nương năng lực thệ nguyện rộng lớn, được gặp Luân Vương ra đời, trong sạch thành khẩn mười năm dần gặp được Minh Thánh. Năm trước, Hàm quan chưa mở, Bệ hạ dưỡng đức ở cung Xuân, sớm vâng âm vang đức hạnh dủ lòng xét hỏi, lại ban cho thuốc thơm, thầm bảo gia trì. Đến lúc Bệ hạ tuần du phương bắc, Bất Không tôi tuy chẳng

theo hầu mà cùng các đệ tử như Hàm Quang v.v... đi về Tây Vức, vừa ra, lại đích thân được gặp xe Loan nơi giữa khoảng núi gập ghềnh xứ rợ Nhung quay trở lại, được dự nghe bàn luận Định Sách. Bất Không tôi tuy thân vùi nơi đất Hồ, tâm thường kính vâng triều đình, luôn thừa mật chiếu, kính dâng đều đạt. Bệ hạ, mưu rành riêng vận, nhờ năng lực Phật pháp thầm che chở, bọn hung nghịch đều thất bại. Phép tắc cung đình trở lại chân chánh. Bất Không tính chất nhỏ mọn, thật hổ thẹn với ân sủng triều đình. Mười tháng ở Thanh cung để lập hội Bích ma, chính triều ban hiệu vẫn vào đàn Quán Đảnh, trang sức vào cung, huân tu ở điện riêng, đã hứa phiên dịch vẫn cùng độ tăng thấm nhuần ân đức đã sâu, muốn dốc sức báo đáp, chẳng biết ngày nào. Nên kính cẩn đáng ba thời tắm rửa tôn tượng, nửa tháng làm Pháp Hộ-ma, ngõ hầu ba mươi bảy Tôn Bảo, cõi nước của minh vương, mười sáu vị Hộ tăng, oai thần của Thánh Đế, sống lâu như núi Nam, vĩnh viễn không cùng. Chẳng gì hơn, cảm kính vui mừng gánh vác đến cùng. Kính cẩn dâng biểu tỏ bày cảm tạ để Bệ hạ nghe biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng mừng vui kính cảm tạ.

Chí Đức năm thứ ba (758) ngày 23 tháng 01.

Chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Tam Tạng Bất Không kính biểu.

Quang Thiên văn võ Đại Thánh Hiếu cảm Hoàng Đế phê:

Sa-môn Bất Không hiện thân ở Tây Vực, khai pháp ở Trung Quốc. Ngày xưa, thệ nguyện sâu rộng, lòng trẫm hẳn đã biết, trải qua hằng sa, được năng lực phước đức lớn lao, từ khoảng thời gian, đường đi khó khăn, thường nhớ nghĩ nhân duyên, nay Tỳ-kheo khai đạo, trong ý nguyện thảnh thơi. Nay Liên Hoa đã rất mực thanh tịnh, trùng tuyên kinh điển nhiệm mầu không thể suy nghĩ bàn luận của Phật. Cao quý không gì ngăn ngại sợ hãi, là ban thưởng cho mạt Hương, vâng giữ tinh tu, thường không lui sụt. Đó là biết cảm tạ vậy.

5. CHẾ THƯ XIN TÌM HỎI GÓP NHẶT KINH ĐIỂN TRONG THIÊN HẠ ĐỂ CHỈNH SỬA VÀ PHIÊN DỊCH

Các chùa tại Trung Kinh như Từ Ân, Tiến Phước v.v...

Các chùa tại Đông Kinh như Thánh Thiện, Trường Thọ, Phước Quang v.v... Đồng thời ở các châu, huyện, quán, chùa, thôn, phường, có các kinh điển do các ngài Tam Tạng Đại Biến Giác Nghĩa Tịnh, Thiện Vô úy, Bồ-đề-lưu-chi, Bảo Thắng v.v... Đem đến.

Tam Tạng Sa-môn Bất Không chùa Đại Hưng Thiện tấu trình: các kinh điển trước ấy, các vị tam Tạng Pháp sư trước đây phần nhiều

chưa phiên dịch hết, do năm tháng đã lâu dài, sách bìa rách nát, rơi rớt lưu lạc, thật đáng buồn thương, nếu không sửa chữa, sợ e trái với Thánh Giáo. Gần đây, vâng mạng ban ân hứa bảo phiên dịch, sự việc vốn là tìm xét hội chứng lời sai, trông mong cho phép các nơi sở tại kiểm duyệt thâu xét. Trong đó, nếu có chỗ rách nát khuyết sót, tùy sự mà thêm vào và với các kinh điển có thể phát huy rộng rãi giúp ích nước nhà thì mở mang, hoằng hóa, tiếp tục phiên dịch để trình bày lên Bệ Hạ xét biết. Nhờ phước đức ấymà thân thể Bệ hạ rất thù thắng, xin giao phó cho ty sở.

- Trung thư môn hạ.
- Điệp văn của Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện.
- Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên y theo Điệp văn cầu xin để chuẩn định. Ban sắc như cố điệp.

Càn Nguyên năm thứ nhất (758), ngày 12 tháng 03.

- Đặc tiến hành Trung Thư lệnh Thôi viên
- Đặc tiến hành Thị Trung Hoàng Tấn Khanh.
- Tư không Binh Bộ Thượng thư Đông Bình chương sự Lý sứ.
- Tư Đồ Thượng thư Tả bộc xạ Đồng Bình chương sự Thuận sứ.

6. CHẾ CÁO ĐIỆP CỦA TỪ BỘ HỨA KHẢ TÌM HỎI KINH ĐIỂN

Các chùa Từ Ân v.v... ở Trung kinh, các chùa Thánh Thiện, Trường thọ ở Đông kinh cùng với các châu; huyện; quán; chùa; thôn; phường có kinh điển của các vị Tam tạng Pháp sư Đại biến giác Nghĩa Tịnh, Thiện Vô Úy, Bồ-đề-lưu-chi, Bảo Thắng v.v... đem đến.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không ở chùa Đại Hưng Thiện đã trình tấu: các kinh điển ấy, các vị Tam tạng Pháp sư phần nhiều chưa phiên dịch, trải qua năm tháng đã lâu, sách bìa rách nát, rơi rớt lưu lạc, thật đáng buồn thương, nếu không sửa chữa lại, sợ e trái với thánh giáo. Gần đây, vâng mạng ban ân cho phép phiên dịch, sự việc ấy vốn là tìm xét hội chứng lời sai, trông mong cho phép các nơi sở tại kiểm duyệt thâu xét. Trong đó, nếu có chỗ bị rách nát khuyết sót, tùy sự mà bổ sung. Và các kinh điển có thể giúp ích nước nhà mở mang hoằng hóa, tiếp tục phiên dịch để tấu trình lên bệ hạ xét biết. Nhờ phúc đức ấy mà thân thể bệ hạ rất tốt đẹp. Được Bệ hạ ban ơn chấp thuận, xin giao phó cho tư sở.

Chỉ dụ ban sắc y như Điệp Văn trình tấu.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ nhất (758), ngày 12 tháng 03.

- Đặc tiến hành trung thư lệnh Tập Hiền Viện Đại Học Sĩ tri viện sự giám tu Quốc sử thượng Quế quốc Triệu Quốc Công thần Thôi Viên tuyên cáo.

- Trung thư thị lang Quyết trung Đại phu trung thư xá nhân kiêm Thượng Thư Hữu thừa Tập hiền viện Học sĩ phó tri viện sự thượng Quế quốc tứ Tử kim ngư đại Từ Hoạt vâng lệnh thực hành.

Phụng sắc viên như Điệp văn vâng lệnh thực hành.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ nhất (758) ngày 15 tháng 03

- Đặc tiến hành thị trung Hoằng văn Quán Đại Học sĩ tri Thái Thanh cung sự giám tu Quốc sử Thượng Quế Quốc Hàn quốc công Tấn Khanh Hoàng môn thị lang khuyết.

- Ngân Thanh Quang lục Đại phu hành cấp sự trung thượng Quế Quốc Tấn vân huyện khai quốc nam dịch Thượng thư từ Bộ.

- Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ như Điệp văn chuẩn định. Ban sắc như Cố Điệp.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ nhất (758), ngày 17 tháng 03.

Lệnh sử môn Quý Điệp, chủ sự Đường quốc Hưng viên ngoại lang Vi Thiếu Du.

7. BIỂU CHÚC MỪNG SÁCH HOÀNG HẬU TRƯƠNG THỊ:

Sa-môn Bất Không nói: Cúi xuống để nhìn lệnh thần sách ngày nay là Hoàng hậu. Cúi xuống để nghe có trời có đất là sinh muôn vật, một âm một dương, đó gọi là Đạo. Do đó, Thần hóa nhiều thứ, mẹ nuôi dưỡng muôn dân. Ngày xưa, Hoàng hậu như vậy là lễ nghi long trọng.

Cúi mong Hoàng Hậu Đức hạnh sáng ngời, mẫu mực mềm dịu. Có công giúp đỡ Xuân Vi (các đợt thi hội), trông nhìn khí mây mà biết trở về, bước lên cỗ xe cao lớn mà dẫn dắt mọi người. Bệ hạ, trên thật tương phù với Cảnh mạng (= trời), dưới hợp với Khôn nghi (= đất), thuận lòng trăm họ, hòa cùng với mẹ của muôn dân. Trời đất đã định sẵn, muôn vật đều tốt lành. Phàm ở trong đời, ai chẳng ca ngợi vui mừng, huống gì Bất Không tôi nặng mang Tư Đạo, từ lâu đượm nhuần ân sâu, tình cảm vui mừng hớn hở, muôn ngàn chủng loại, không dám tự vui riêng nơi cung vắng. Kính cẩn dâng biểu chúc mừng để xét biết. Bất Không tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ nhất (758) ngày mồng 08 tháng 04.

Chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Tam Tạng Bất Không kính biểu.

Càn Nguyên Quang thiên văn võ Đại thánh Hiếu cảm Hoàng đế phê:

Hoàng Hậu Đức trùm cung vi, công thành phụ giúp, dùng lấy sách lễ quý trọng để sửa khuôn phép Khôn nghi (nữ lưu). Đó là điều chúc mừng vậy

8. CHẾ CÁO ĐIỆP CỦA TỪ BỘ CHO PHÉP PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN:

Tạng Giáo Đà-la-ni, kinh Kim cang đảnh Du già v.v... gồm tám mươi bộ, các kinh luận Đại Tiểu thừa gồm hai mươi bộ. Tổng cộng một trăm hai mươi quyển.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: Bất Không tôi nghe "Tiếp nối cơ nghiệp Đế Vương là tiếp nối ngôi Vua, nhận di chúc của Phật là truyền trì Phật giáo". Lược xét cách ngôn ấy, chưa từng sửa đổi, lưu truyền hưng thạnh muôn đời, sinh sôi ngàn muôn ngõ ngách. Bất Không tôi, chống tích mang bình đi xa đến chốn Thiên Trúc, trải qua núi non khe động, rảo bước đến các nước, hễ gặp các Thánh tích thì đầu thành đảnh lễ, thường nghe kinh pháp, hết lòng cầu mong, tìm tòi cầu học tinh tường, cùng khắp sâu rộng. Thật lòng dặn dò từ phương xa, phát nguyện mở mang, bèn gặp được các kinh luận trước ấy. Từ sau khi đến Trung kinh, chưa phiên dịch được, đã quyết biên chép giữ gìn. Rất trông mong Thánh từ cho phép phiên dịch, ngõ hầu chiếu pháp ban trải, mở lối giữ gìn, mặt trời Phật lên cao, tăng thêm công lao mở mang. Mong ân Bệ hạ cho phép, xin tuyên cáo giao phó cho ty sở.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ nhất (758) ngày 11 tháng 06.

Chỉ dụ ban sắc y như trình tấu.

- Trung thư lệnh khuyết.
- Trung thư thị lang đồng trung thư môn hạ bình chương sự tứ tử Kim ngư Đại Vương Hưng tuyên cáo.
- Triều tán Đại phu Trung thư xá nhân Kiêm Lễ Bộ thị lang thượng Quế quốc Cô, Tang huyện Khai Quốc Công Lý Quỹ phụng hành.

Phụng sắc chiếu chỉ như Điệp văn phụng hành.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ nhất (758), ngày 16 tháng 06.

- Đặc tiến hành thị trung Hoằng văn Quán Đại học sĩ tri Thái Thanh cung sự giám tu Quốc sứ thượng quế quốc Hàn quốc công Hoàng Tấn Khanh Hoàng Môn thị lang quyết.

- Thông nghị Đại phu hành cấp sự trung tứ tử Kim Ngư đại khai quốc Nam Hưu Thượng Thư từ Bộ.

- Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện.

Điệp văn phụng vâng chỉ dụ như Điệp văn chuẩn định. Ban sắc như cố Điệp.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ nhất (758), ngày 18 tháng 06.

- Lệnh sử môn Quý Điệp, chủ sự Đường Quốc Hưng, Viên ngoại lang Vi Thiếu Du.

9. TRẠNG KÍNH DÂNG TÔN TƯỢNG HỔ PHÁCH VÀ "TÙY CẦU CHÂN NGÔN" BẢN TIẾNG PHẠN:

- Một tôn tượng Đức Bảo Sinh Như Lai bằng hổ phách.

- Một bản "Đại Tùng Cầu Đà-la-ni" bằng tiếng Phạn.

Trước kia, Hà Thanh mở vận, nơi cung đình sáng tỏ báo điềm tốt lành, mới thuộc thời tiết Trùng dương (09 tháng 09), vui mừng ngàn năm Thánh Đản. Do Bệ hạ ưng thuận tôn tượng Phúc báu có tên là Bảo Sinh. Do bệ hạ phát khởi xưng niệm tùy thông minh có hiệu là Tùy cầu. Tôn tượng hay phát ánh sáng soi suốt như Bệ hạ ban ánh sáng nhà dân khắp bốn duy. Ánh sáng ấy hay khiến sợ hãi giống như ma oán, như Bệ hạ uy phục muôn nước.

Kính cẩn xét theo Kinh Kim Cương Quán đảnh thì tất cả các Đức Như Lai thành Đẳng chánh giác đều nhận lãnh Pháp Quán đảnh của Đức Phật Bảo Sinh, cho đến Bệ hạ huyền công cách trời, dùng chánh Pháp trị nước, phụng thờ và thời vận đều khế hợp tương phù. Cúi mong Thiếu tu kính niệm gìn giữ mang theo, cho nên phải trì chú ánh sáng soi tỏa rộng ra, Bệ hạ cảm hóa ở Đông Hộ. Bổn tôn ban bố giúp đỡ lâu dài, Thánh thọ so với Nam sơn, không dám vui mừng sâu xa, kính cẩn dâng sớ, thật là kẻ hèn mọn khuấy nhiễu nơi chốn tôn nghiêm, bội phần khâm phục chiến công lẫy lừng. Xin kính dâng.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ nhất (758), ngày mồng 01 tháng 09.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không kính dâng chùa Đại Hưng Thiện.

Càn Nguyên Quang thiên Đại thánh văn võ Hiếu cảm Hoàng đế phê:

Thân tướng các Đức Phật như hoa ưu-đàm hiếm khi xuất hiện, Mật tạng của Như Lai, thần chú khó thể suy nghĩ bàn luận. Sa-môn Bất Không mở rộng Không Tông, thọ trì ấn quyết bí mật, dùng chánh Pháp ấy mở rộng che chở cho thân thể trẫm, tin nhận vâng làm, lợi ích thật

sâu xa vậy.

10. SỚ XIN THIẾT LẬP ĐẠO TRÀNG TU PHÁP QUÁN ĐẢNH Ở CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN

Thần trộm nghe: Phương pháp phá trừ tai ương, dứt hết ách nạn không gì hơn giáo Pháp bí mật của Đại thừa. Trong các pháp môn Đại thừa thì Pháp Quán đảnh là trên hết. Nay thuộc tháng Hạ nhuần, trăm hoa đều nở, cúi mong mạng cho Tam tạng Bất không. Với sự việc trên, chùa vì nước nhà mà thiết lập đạo tràng tu Pháp Quán đảnh. Trong Đạo tràng có giáo pháp dứt trừ tai ách, tăng ích phước thọ, có công năng hàng phục mà vui mừng. Kính phụng công lực ấy để dứt trừ hung ác. Đức Bệ hạ thêm lớn, Thánh thọ vô cương. Nhân điềm tốt lành ấy mà dân được thanh bình lâu dài. Thần (bề tôi) vốn không tài năng thực hành, hổ thẹn kính vâng chóng gấp, thành thật kính trình bày, Thần thêm lo sợ toát mồ hôi. Nếu chấp thuận điều Thần trình tấu thì xin Ban chỉ dụ y như điều tấu trình.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ ba (760), ngày mồng 04 tháng 04 nhuần.

- Cung Uyển Đô tuần sứ, ngự vũ hiệu ủy hữu nội suất Phủ Suất viên ngoại trí đồng chánh viên tứ Tử kim ngư đại nội phi long khu sử thần sử tông kính dâng trạng.

11. CHÙA TRÍ CỰ TU CÔNG ĐỨC, MỘT BÀI CHẾ THƯ.

Liên nguyên sư điệp phụng sắc Sa-môn Tam Tạng Bất Không cùng ba vị đệ tử Tăng tuyên cáo ở chùa Trí Cự tu công đức.

... Ngày 25 tháng 08, khai phủ phán hành quân Lý phụ quốc, tuyên sắc thiên hạ Binh mã nguyên sư.

Điệp Tam Tạng Bất Không.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ ghi như điều xin thi hành, ban sắc các Điệp văn chiếu theo lý do, ban lệnh sự việc xong ngày thì đình chỉ nên gọi là Điệp.

Niên hiệu Thượng nguyên năm thứ nhất (760) ngày 25 tháng 08.

Khai phủ phán hành quân Lý phụ quốc, nguyên sư việt vương tại nội.

12. ĐỜI VUA ĐẠI TÔNG TRẠNG HIẾN DÂNG TÔN TƯỢNG MA-LÊ-CHI VÀ "ĐẠI PHẬT ĐẢNH CHÂN NGÔN" BẢN PHẠN

- Điêu khắc một tôn Tượng Ma-Lê-Chi bằng bạch đàn.

- Một Bản “Đại Phật Đảnh Chân Ngôn” bản Phạn.

Bất Không tôi may nhân Thánh vận, sớm vâng phụng tốt lành trong sáng, bỗng gặp thời giáng đản, lại gặp ngày Kim Luân. Cúi mong Bệ hạ thọ mạng lâu dài và do phúc báu của Bệ hạ nên Tôn Tượng có tên là Oai Quang (= Ma-Lê-Chi). Do Bệ Hạ đứng đầu trăm vua nên chân ngôn hiệu là Phật Đảnh.

Kính cẩn suy xét theo kinh Đại Phật Đảnh thì tất cả các Đức Như Lai thành Đẳng chánh giác đều thọ trì chân ngôn này, cho đến các vua Chuyển luân Thánh vương đang tại vị không ai chẳng tuân theo mà thực hành. Cúi mong Bệ hạ nương trời mà lên ngôi, Quốc chính của Thánh vương đều đổi mới, dùng chánh pháp để trị nước cùng khế hợp với thiên nhiên. Cúi mong Thiểu tu kính niệm, gìn giữ mang theo thì rộng truyền đến hóa độ Đông Hộ, kéo dài Thánh thọ so với Nam Sơn, không dám vui mừng đến cùng, kính cẩn dâng sớ. Thật là kẻ hèn mọn khuấy nhiễu chốn cung sâu tôn nghiêm, càng gấp bội lần khâm phục chiến công lẫy lừng. Thành thật kính dâng.

Niên hiệu Bảo ứng năm thứ nhất (762) ngày 13 tháng 10.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không kính dâng chùa Đại Hưng Thiện.

Hoàng Đế phê:

Triều đại hiệu là Đại Tông, Thụy hiệu là Duệ Văn Hiếu võ Hoàng Đế.

Tôn Tượng Đàm-Ma, chân ngôn Bối diệp, trời Nam đã xa cách, ở Trung Quốc khó gặp. Bất Không Thượng nhân từ mẫn giữ gìn mà đến, chẳng dấu kín Tang môn, truyền các tượng quyết, được chưa từng có, do vậy mà dứt trừ mọi sự lo toan.

13. SỚ XIN MỖI NĂM THIẾT LẬP ĐẠO TRÀNG TU PHÁP QUÁN ĐẢNH

Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện, xin vì nước nhà mà thiết lập Đạo tràng tu pháp Quán Đảnh.

Bất Không tôi nghe rằng: “Thân Phật Tỳ-lô-giá-na bao trùm muôn vạn thế giới, chân ngôn mật ấn gồm thâu các kinh. Chuẩn định về giáo thì có Đốn (nhanh), tiệm (chậm). Tiệm tức vào nơi Học xứ của hàng Thanh văn tiểu thừa, Đốn tức pháp môn quán đảnh của hàng Bồ-tát Đại sĩ. Đó là đến con đường an vui cùng cực, là chánh vị làm Phật. Đảnh nghĩa là Đảnh đầu, biểu thị sự cao quý của hạnh lớn, Quán tức là Quán trì, rõ suốt sự che chở giúp đỡ của các Đức Phật. Vượt lên và ra khỏi phiền não đâu chẳng do từ đó, vì vậy khắc kỷ giữ gìn, siêng năng

không buông bỏ, ngày đêm chỉ nguyện khen ngợi kính ngưỡng đâu dám biếng lười. Mong rằng mỗi năm vào giữa mùa Hạ và ba tháng trường trai, y cứ kinh pháp, thiết lập Đàn tràng, nghiêm tịnh hoa hương để khai pháp hội, khiến các loài hữu tình quy hướng chánh chân, ngõ hầu mọi nơi thảy đều nghiêm tịnh, Bệ hạ sống lâu muôn tuổi, khẩn niệm không thể kể xiết, kính cẩn đến cửa Ngân Đài, dâng sớ trình bày xin xét biết. Mong ân Bệ hạ chấp thuận, xin ban chỉ dụ như sớ tấu trình.

Niên hiệu Quảng Đức năm thứ nhất(763) ngày 14 tháng 11.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện, kính dâng trạng văn.

14. ĐIỆP VĂN THỈNH BỐN MƯƠI CHÍN VỊ ĐẠI ĐỨC ĐẾN TRỤ CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN

- Chùa Định Quốc:

1/ Đại Đức Hoài Cảm.

2/ Đại Đức Hàm Quang.

3/ Đại Đức Pháp Thành.

4/ Đại Đức Huệ Viễn.

5/ Đại Đức Nguyện Hiệu.

- Chùa Kính Ái ở Đông Đô:

6/ Đại Đức Thừa Như.

7/Đại Đức Siêu Độ.

- Chùa Thắng Nghiệp:

8/ Đại Đức Thông U; (được giữ chức thượng tọa)

9/ Đại Đức Huệ Linh (được giữ chức Tự chủ).

- Chùa Tiêu Giác ở phủ Phụng Tường:

10/ Đại Đức Thâm chiếu (được giữ chức Duy-na).

- Chùa Tiên Phước:

11/ Đại Đức Tạng Dụng.

12/ Đại Đức Pháp Chuẩn,

13/ Đại Đức Huệ Thông.

- Chùa Thiên Phúc:

14/ Đại Đức Phi Tích.

15/ Đại Đức Đàm Diên.

16/ Đại Đức Pháp Sùng.

- Chùa Linh Giác ở Hạ Châu:

17/ Đại Đức Tiềm Chân.

- Chùa Sùng Đạo ở Thương Châu:

18/ Đại Đức Tuệ Thông.

- Chùa Phụng Ân:

19/ Đại Đức Tuệ Đoan.

- Chùa Long Hưng ở Đông Đô:

20/ Đại Đức Tuệ Chiếu.

21/ Đại Đức Linh Sơn.

22/ Đại Đức Tánh Như.

- Chùa Quảng Phước:

23/Đại Đức Tuệ Minh.

- Chùa Vĩnh Ninh:

24/ Đại Đức Trí Thuận.

- Chùa Thiên Trúc:

25/ Đại Đức Đàm Nghĩa.

- Chùa Tướng Quốc ở Biện Châu:

26/ Đại Đức Duy Tú.

- Chùa Nam Dương ở Hán Châu:

27/ Đại Đức Đạo Yến.

- Chùa Tịnh Chúng ở Thành Đô:

28/ Đại Đức Đạo Ngộ.

- Chùa Bảo Đảnh:

29/ Đại Đức Tuệ Ánh.

- Chùa Tuệ Nhật ở Kinh Châu:

30/ Đại Đức Pháp Trân.

- Chùa Thiên Trường:

31/ Đại Đức Diên Tú.

- Chùa Thúy Vi:

32/ Đại Đức Đạo Lãng.

- Chùa Đại Vân:

33/ Đại Đức Hải Minh.

- Chùa Tư Thánh:

34/ Đại Đức Thông Do.

- Chùa Từ Ân:

35/ Đại Đức Pháp Lâm.

- Chùa Kim Quang Minh:

36/ Đại Đức Đạo Du.

- Chùa Bảo Đài:

37/ Đại Đức Đại Biện.

- Chùa Tây Minh:

38/ Đại Đức Tuệ Hãn.

- Chùa Sùng Phước:

39/ Đại Đức Tuệ Tông.

40/ Đại Đức Như Tịnh.

41/ Đại Đức Tuệ Nguyệt.

- Chùa Thanh Long:

42/ Đại Đức Nam Ngạc.

- Chùa Thắng Nghiệp:

43/ Đại Đức Trí Minh,

44/ Đại Đức Hy Thấu,

45/ Đại Đức Khai Xiển.

- Chùa Linh Cảm:

46/ Đại Đức Giác Siêu.

- Chùa Lễ Tuyền:

47/ Đại Đức Tuệ Trừng.

- Chùa Bảo Thọ:

48/ Đại Đức Tuệ Sùng.

- Chùa Kiến Pháp ở Huyện My, phủ Phụng Tường:

49/ Đại Đức Pháp Kính.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: sự việc trên là do ngày trước, chùa thiết lập tại Trường An là muốn gìn giữ đất nước. Lúc đầu, mới xây dựng chùa ấy, thì mái chùa cao rộng toàn dùng một phường. Xưa nay, các đời trụ trì đều là những bậc danh đức, sau khi các bậc lão túc viên tịch, thì tăng chúng điêu tàn, oai nghi phép tắc phạm thảy đều phế bỏ, trải qua nhiều năm, đài điện hoang sơ lạnh lùng. Nhìn đọc bản thanh quy, thật đáng buồn than thương tiếc, tuy có người nối tiếp nhưng giới luật chưa được kiềm thúc, lại bị khó khăn. Phụng thờ cậy nhờ phúc thần ban giáng. Trước, chọn lựa thỉnh mời bốn mươi chín vị tăng đều là đạo nghiệp thanh cao, thông suốt kinh điển giới luật, là những bậc mà mọi người kính phục yêu mến, xứng đáng làm khuôn phép. Lại cúi xin đặt tên chùa ấy, có gì khuyết thiếu thì cho thay điền vào. Ngõ hầu hợp sức giữ gìn, tích tập chỉnh lý những tệ hại, mãi mãi thờ phượng hương hỏa, làm phúc cho bệ hạ, đảm nhiệm giềng mối, trông mong điều y cứ chuẩn định. Lại nhân vì chùa bị nghèo nàn đổ nát nên cứ xin xót thương ban cho các tạp sai định liệu ngôi thứ. Ngõ hầu gọn gàng việc thuế khóa, không cắt dứt sự báo đáp nước nhà mà hành đạo. Nếu ân đức bệ hạ chấp thuận, xin giao phó cho tư sở.

Chỉ dụ ban sắc y như trình tấu.

Niên hiệu Quảng Đức năm thứ 02 (764), ngày 23 tháng giêng.

- Tư Đồ Kiêm Trung tư lệnh Phân Vương quận vương sứ.
- Ngân Thanh Quang lục đại phu hành trung thư thị lang Đồng bình chương sự thần Nguyên tải tuyên cáo.
- Triều tán đại phu hành trung thư xá nhân trường lạc huyện khai quốc hầu thần Phan viêm phụng hành.

Phụng vâng chỉ dụ như Điệp văn phụng hành.

Niên hiệu Quảng Đức năm thứ 02 (764), ngày mồng 02 tháng 02.

- Thị trung sứ.
- Hoàng môn thị lang đồng bình chương sự Vương Tấn.
- Cấp sự trung Cạo.
- Thượng thư từ bộ Điệp, Tam Tạng Bất Không.

Niên hiệu Quảng Đức năm thứ 02 (764), ngày mồng 06 tháng 02

- Lệnh sứ lận côn điệp, chủ sự hà y, viên ngoại tức Sầm sâm.

15. ĐIỆP VĂN TỪ BỘ XIN ĐỘ BẢY VỊ TĂNG NHÂN NGÀY KHÁNH ĐẢN

1) Đại đức Tuệ Thông (năm mươi lăm tuổi) (người họ Vương, ở huyện Khúc Lệ, Hàng Châu, không quê quán, thỉnh trụ chùa Thiên Phước).

2) Đại đức Tuệ Vân hai mươi ba tuổi (họ Đoàn, ở huyện Trường An, phủ Kinh Triệu, không quê quán, thỉnh trụ chùa Đại Hưng Thiện).

3) Đại đức Tuệ Lâm ba mươi tuổi (họ Hà, tên Quang Vương, cùng quê với Huynh Bột ở Lý Văn Hương, hương Phương Tường, huyện Văn Hương, châu Hổ, thỉnh trụ chùa Đại Hưng Thiện).

4) Đại đức Tuệ Trân ba mươi ba tuổi (họ Vương, tên Đình Hiện, cùng quê với Bá Cao ở lý Phúc Nhuận, hương Hồng Đổng, huyện Vạn Niên, phủ Kinh Triệu, thỉnh trụ chùa Đại Hưng Thiện).

5) Đại đức Pháp Hùng hai mươi tám tuổi, (không quê quán. Ở tại lý Tỷ Do, hương Xích Dương, huyện Phú Bình, phủ Kinh Triệu, thỉnh trụ chùa Tỉnh Pháp).

6) Đại đức Pháp Mãn mười tám tuổi (họ Hồ, cùng quê với Tố Tân ở Lý Văn Viên, hương Sùng Đức, huyện Vạn Viên, phủ Kinh Triệu).

7) Đại đức Tuệ Tấn bốn mươi tuổi.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: bảy vị đại đức trên từ lúc xuất gia đến nay thường tìm học giáo pháp, không hề thiếu sót đạo nghĩa thầy trò, tinh tu giới hạnh, xứng đáng làm pháp khí. Thân tuy lìa tục, theo vết tích vẫn gọi tên riêng, nay nhân bệ hạ

khai hội Khánh Đản, triều đình chúc mừng ngày hân hoan, xin ban tên quan (quan danh) để làm chánh độ, nhờ vận may lớn mà phúc đức vô cương. Nếu ân trời chấp thuận, xin giao phó cho tư sở.

Trung thư môn hạ, Điệp Từ Bộ.

Điệp Văn vâng phụng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Quảng Đức năm thứ 02 (764), ngày 19 tháng 10.

- Trung thư thị lang Bình chương sự Đỗ Hồng Tiệm
- Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải
- Hoàng môn thị lang Bình chương sự Vương Sứ.
- Kiểm hiệu thị trung Thư Lý Sứ.
- Đại úy kiêm trung lệnh sứ.

Thượng thư Từ Bộ, Điệp Tam Tạng Bất Không.

Điệp văn vâng phụng trung thư môn hạ, ban sắc Điệp văn như Điệp chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Quảng Đức năm thứ 02 (764), ngày 19 tháng 10.

Lệnh sứ điệp chủ sự.

16. CHẾ THƯ XIN Y CỨ BẢN PHẠN PHIÊN DỊCH LẠI KINH NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ

Xét theo bản Phạn kinh Nhân vương để dịch lại bản cựu văn (bản dịch cũ).

Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: Kính vì: Diệu chỉ Như Lai, ban giúp sinh linh, kinh báu nhân vương, nghĩa tôn sùng giữ quốc. Bản dịch trước kia nghĩa lý chân dung thông, nhuận sắc lời nhiệm mầu việc làm đồng quy về minh thánh. Cúi mong Tiên vương Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế bệ hạ thông văn mở vận, suốt lý nương thời, mở mang chân ngôn, tuyên dương tượng giáo. Gia phong Hoàng thượng chấn động phương xa, mặt trời Phật càng sáng. Mỗi khi vì dân đen bảo khai giảng tụng kinh Nhân Vương, xét nhìn theo bản phạn dịch lại cựu văn. Lời trong kinh pháp không hề lược bớt, điều Phật chỉ dạy càng thêm rõ ràng. Mới thỉnh các vị Đại Đức Hoài Cảm, Phi Tích, Tử Lân, Kiến Tông, Quy Tánh, Nghĩa Tung, Đạo Dịch, Lương Bí, Tiềm Chân, Tuệ Linh, Pháp Sùng, Siêu Ngộ, Tuệ Tĩnh, Viên Tịch, Đạo Lâm v.v... ở trong đạo tràng phiên dịch, nương nhờ phúc đức Thánh hoàng mà đượm nhuần hàm linh, những kẻ trộm cướp lạm dụng thảy đều tiêu trừ, khắp nơi đều hòa mục, truyền bá nhiều nơi, cứu giúp sâu xa.

- Trung thư môn hạ, Điệp Từ Bộ.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định.

Ban sắc cố Điệp

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất (765), ngày mồng 02 tháng 04.

- Trung thư thị lang Đồng bình chương sự Đỗ Hồng Tiệm.
- Trung Thư thị lang Đồng bình chương sự Nguyên Tải.
- Hoàng môn thị lang Đồng bình chương sự Vương Sứ.
- Kiểm hiệu thị trung Lý sứ.
- Kiểm hiệu Hữu bộc xạ Bình chương sự sứ.
- Kiểm hiệu Tả bộc xa Bình chương sự sứ.
- Trung thư lệnh sứ.
- Thượng thư từ Bộ, Kinh Nhân Vương xét theo bản Phạn dịch lại cựu văn, Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Hưng Thiện, Điệp văn phụng chỉ trung thư môn hạ ban sắc điệp văn như điệp văn chuẩn định, ban sắc cố Điệp.

Vĩnh Thái năm thứ nhất (765), ngày mồng 04 tháng 04.

Lệnh lại Trương Tế Điệp chủ sự Dương Hiến lang trung Thôi Y.

17. CHẾ THƯ CỦA ĐỖ TRUNG THỪA XIN HỒI HƯỚNG CUNG CẤP ỦNG HỘ VÀO VIỆC PHIÊN DỊCH

Đô phòng Ngự Sử các châu phủ, phường, đặc tiếng thí Đại thường khanh sứ trì tiết các quân sự châu phu, thứ sử châu phu, kim Ngự sử trung thừa thượng Quế Quốc Trịnh Quốc, Công Đỗ miện tuyên châu thật Phong Đài Bá Hộ.

Ngày 19 tháng 05, niên hiệu Bão Ứng thứ nhất, chế tặng:

Đỗ Miện trình tấu: Thần (bề tôi) không có công un đúc, được đượm nhuần ân đức, lầm dẫm lên ân Bệ hạ ban cho. Mong nguyện báo đáp thánh từ, nay nhìn lại: Từ niên hiệu Bảo Ứng thứ nhất (762) về sau, và từ niên hiệu Vĩnh Thái thứ nhất (765) về trước, đã ủng hộ cung cấp ước tính khoảng hơn một muôn quan tiền. Thần xin vì nước nhà hồi hướng tu tạo công đức. Trong niên hiệu Bảo Ứng thứ nhất (762) ban cho trước, xin được hơn hai ngàn một trăm quan tiền, đến kinh đô, giao cho Sa-môn Tam Tạng Bất không chùa Đại Hưng Thiện, ủng hộ việc phiên dịch kinh Phật. Ở đó, xin cho lương thực vật tiền xung cấp vào đạo tràng để lo các việc ăn mặc phiên dịch sao chép v.v... Ở đó, các vị mời mà chưa đến, trước sai bảo đệ tử coi sóc mọi việc, xin trông mong mỗi vị bày tỏ lý do, phát huy sai bảo tiếp tục cúng dường kinh Phật.

Hoặc có những bản Phạn kinh chưa phiên dịch, mong muốn khai mở để phiên dịch. Xưa nay, tuy có soạn dịch nhưng nghĩa lý chưa hoàn toàn. Rất trông mong ân đức Bệ hạ ban cho tân lang võ quân tướng quân Lý Nguyên Tông câu nên cùng Sa-môn Tam Tạng Bất Không và Đại đức Tân Chân chùa Đại Hưng Thiện, đồng thời xét thêm bảy vị Đại đức nghĩa học ở kinh thành cùng tham hội phiên dịch, mỗi vị chép hai mươi mốt bản, ban bố bày khắp các đạo và những chùa lớn ở kinh thành, tức truyền đến cả ngàn nơi lưu bố cả muôn năm, khiến không riêng mình Thần diệt sạch hình phong sái (ong và Bò Cạp), buộc những kẻ tôi mọi điên cuồng quét hết dấu vết tâm tư lang sói.

Cúi mong Bệ hạ nhận nạp phước lộc vô cương, vâng chịu sự nghỉ ngơi vô cùng, tức tấm lòng thành nhỏ mọn của ngu thần vậy, nguyện sinh tử lo xong. Rất mong Thánh từ chấp thuận điều thần cầu xin.

Trung thư môn hạ.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên y Điệp văn chuẩn định. Ban sắc cố Điệp.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất (765) ngày 18 tháng 06.

- Trung thư Thị lang Bình chương sự Đỗ Hồng Tiệm.
- Trung thư Thị lang Bình chương sự Nguyên Tải.
- Hoàng môn thị lang Bình chương sự Vương sứ.
- Kiểm hiệu thị lang Lý sứ.
- Kiểm hiệu Hữu bộc xạ Bình chương sự sứ.
- Kiểm hiệu Tả bộc xạ Bình chương sự sứ.
- Trung thư lệnh tại sứ viện.

18. BIỂU CẢM TẠ NGỰ CHẾ LỜI TỰA KINH NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ MỚI PHIÊN DỊCH VÀ CHÚC MỪNG TRĂM TÒA KHÁNH VÂN

Sa-môn Tam Tạng Bất Không nói: Bất Không tôi trước thiếu tu đạo, học xưa ít thông, lạm nhận chiếu chỉ phiên dịch chân kinh, như đi trong sương xuân vào nơi hang suối, cúi mong Bệ hạ dứt trừ tối tăm, mở mang mặt trời trí tuệ, ban rải mây lành, thông suốt phong khí, văn Rồng chuốt ngọc đích thân viết lời tựa, soi sáng khắp cùng Đại Thiên, truyền lưu mưa pháp ở chín cõi, dựng trăm ngọn cờ đẹp, oai nghi dung vệ, uyển chuyển như Đức Thích-ca bước xuống Thứu phong, quan quân kéo đến đông đầy, tợ vua Ba-tư-nặc đến thành Vương-xá, mây lành hiển hiện, khí tất nổi khắp không gian. Đủ để phô bày sự bình đẳng của các cấp bậc, tự được sự che chở vô cùng, kính cẩn dâng biểu chúc mừng bày tỏ

để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vừa sợ vừa mừng, kính dâng biểu.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất (765) ngày mồng 02 tháng 09.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện, kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng xa từ Liên cung kính giữ Bối diệp, giảng nói huyền giáo cứu giúp quần sinh, phiên dịch đã thành, trời người đều hiểu, sáng ngời cảnh tượng trong lành của ba thu, khai mở mây lành năm sắc, mở mang chân thừa, khế hợp diệu lý, bỗng nhân chỉ dụ, sớm kết thầy trò, thấy vậy, cảm thông cao sâu, càng thêm cung kính.

19. CHẾ THƯ BAN TẶNG CỐ TAM TẠNG KIM CƯƠNG KHAI PHỦ VÀ HIỆU

Ban sắc chỉ dụ Hòa-thượng Tam Tạng Bất Không;

Cố Tam Tạng Kim Cương trí thiên tính tuấn tú khác thường, bẩm thụ khí chất dung hòa, hiểu biết thấu suốt bốn loài chúng sinh, tâm luôn nương tựa sáu pháp ba-la-mật, vốn từ Tây vức chấn tích đến Trung Hoa. Dùng phạm hạnh bao trùm tự thân, đem từ tâm cứu giúp muôn vật, hoa giác ngộ phô bày bên ngoài, đèn trí tuệ chiếu rọi bên trong, dẫn dắt quần mê, chứng thông viên tịch. Bí mật trao truyền pháp ấn, hiển bày Niết-bàn. Y bát không giữ lại, âm ba vang vọng hoài. Giáo pháp truyền lại đời sau, lễ điểm trong đến cùng. Nên ca ngợi tôn xưng tiếng tốt, hợp với vinh hạnh. Thật đáng ban tặng khai phủ nghi đồng tam tư, nhân tặng hiệu “Đại Hoằng giáo Tam Tạng” vậy.

Niên hiệu Vĩnh thái năm thứ nhất (765) ngày mồng 01 tháng 11.

- Trung thư lệnh sứ.

- Ngân Thanh Quang lục đại phu hành trung thư thị lang Bình chương sự thượng Quế quốc, Dĩnh Xuyên quận Khai Quốc Công Nguyên Tải tuyên cáo.

- Chánh nghị đại phu hành trung thư xá nhân thượng Quế quốc thần phan viêm phụng hành.

Vâng phụng chỉ dụ như Điệp phụng hành.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất (765), ngày mồng 03 tháng 11.

- Thị trung sứ.

- Đặc tiến hành trung thư thị lang bình chương sự tri môn hạ tỉnh sự thượng Quế Quốc Hồng Tiệm Ngân Thanh Quang lục Đại phu hành cấp sự trung thượng Quế quốc thần Lư Doãn.

... Ngày... tháng.

Thời đô sự

Hữu ti lang trung.

- Kim tử Quang lục đại phu lại bộ thượng thư Bác lăng huyện khai quốc bá ngẫu.

- Chánh nghị Đại phu lại bộ thị lang thượng Quế quốc Lũng tây huyện khai quốc tử Lý Khanh.

- Ngân Thanh Quang lục đại phu hành lại bộ thị lang thượng Quế quốc phù phong huyện Nam Diên Xương, triều nghị Đại phu thủ thượng thư tả thừa tập hiền viện học sĩ phó tri viện sự kiêm tu Quốc sử quán cáo tặng khai phủ nghi đồng tam tư, nhân tặng hiệu Đại Hoằng giáo Tam tạng.

Phụng chỉ dụ như phù chiếu phụng hành.

Chủ sự phượng, lệnh lại chủ quyên, thư lệnh sứ, lang trung nguyên hội.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất (765) ngày 20 tháng 11 ban giáng.

20. CHẾ THƯ KÍNH BÁI TAM TẠNG PHÁP KHÔNG ĐẶC TIẾN THÍ HỒNG LÔ KHANH VÀ BAN TẶNG HIỆU

Chỉ dụ ban sắc Tam Tạng Bất Không Liên cung, giòng họ Thích, hương giới đạo sư, tánh phô bày chân như. Học tinh thông mật tạng. Thừa diệu chỉ của cám viên, mở bày bốn pháp nương tựa. Phiên dịch kinh pháp của Phật làm bến bờ cho sáu đường chúng sinh. Thân giữ gìn kinh điển bản Phạn từ đường xa khó khăn đem đến, đèn truyền càng sáng, cam lộ đượm nhuần. Rải mây lành vào trong nhà lửa, soi mặt trời tuệ vào chốn tối tăm. Bỗng dưng thăm hỏi thắng nhân, mở rộng chỉ bày phương tiện, xé rách hẳn dứt trừ lưới nghi, thêm cho hiểu rõ. Tuy tâm xuất trần ngang bằng với từ tạ danh vị mà khen trọng điển thức, nêu cao bậc hiền triết, khiến nên vui mừng, ban dùng hợp với triều chương. Đáng đặc tiến thí Hồng lô khanh, nhân ban tạng hiệu Đại Quảng Trí Bất Không Tam tạng.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất (765), ngày mồng 01 tháng 11.

- Trung thư lệnh sứ.

- Ngân thanh Quang Lộc Đại phu trung thư thị lang Bình chương sự thượng Quế quốc dĩnh xuyên quận khai Quốc Công thần Nguyên tải tuyên cáo.

- Trung thư xá nhân thần Dương viêm phụng hành.

Vâng phụng chỉ dụ như Điệp văn phụng hành.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất (765), ngày ... tháng 11.

- Kiểm hiệu thị trung sứ.

- Đặc tiến hành trung thư thị lang quyền phán môn hạ tỉnh sự thượng Quế quốc vệ quốc công Đỗ Hồng Tiệm.

- Ngân Thanh Quang lục đại phu cấp sự trung thượng Quế quốc Phạm Dương huyện khai quốc hầu lư Doãn.

... Ngày 02 tháng 11.

- Thời đô sự.

- Tả ty lang trung.

- Kim Tử Quang Lộc Đại phu lại bộ thượng thư thượng Quế Quốc Bác lăng huyện, khai quốc Bá ngẫu chánh nghị đại phu lại bộ thị lang thượng quế quốc lũng tây huyện, khai quốc tử tứ tử kim ngư đại Lý Khanh.

- Ngân Thanh Quang Lộc đại phu lại bộ thị lang thượng Quế quốc phù phong huyện khai quốc Nam Diên Xương, Triều nghị lang thủ thượng thư hữu thừa tập hiền điện, học sĩ phó tri viện sự kiêm tu Quốc sử quán đặc tiến thí Hồng lô khanh Đại Quảng Trí Bất Không Tam tạng.

Vâng sắc như hữu Điệp văn phụng hành.

- Chủ sự hải, lệnh sứ Quyên,

- Thư lệnh sứ, Lang trung ngạc.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất (765), ngày ... tháng 11 ban giáng

TAM TẠNG ĐẠI BIỆN CHÁNH QUẢNG TRÍ BIỂU CHẾ TẬP QUYỂN 1 (HẾT).

■

BIỂU CHẾ TẬP

Sa-môn Thích Viên Chiếu chùa Tây Minh
ở Thượng Đô Trường An biên tập

QUYỂN 2

Biểu văn có hai mươi hai bài, đáp chế có sáu bài, tổng cộng hai mươi tám bài.

1. Biểu văn tạ ân ban tặng Quan hiệu v.v... cho Cố Tam Tạng Kim Cương Trí.

2. Chế văn xin xả y bát để giúp Sa-môn Đạo Hoàn tu sửa chùa Kim Các.

3. Chế thư xin xả y bát đồng tu sửa chùa Thánh Ngọc Hoa.

4. Biểu chúc mừng Bình Chu Trí Quang.

5. Chế văn chọn mời chư tăng tụng niệm ở tịnh Đường Vạn Bồ-tát tại chùa Hóa Độ nhân ba tháng trường trai.

6. Chế thư xin miễn truy hô những thợ tài giỏi lo việc xây dựng các chùa Kim Các, Ngọc Hoa v.v... ở núi Ngũ Đài.

7. Chế thư xin tuyển chọn thỉnh mời chư tăng đến trụ năm chùa tại núi Ngũ Đài.

8. Chế thư thỉnh Pháp sư Tử Lân giảng dạy ở chùa Hóa Độ.

9. Chế văn xin độ năm vị tăng, nhân ngày Khánh Đản.

10. Chế văn xin chọn các vị tăng chuyên lo việc quét tước tháp Long Môn của tiên sư.

11. Biểu văn tạ ân Ngự đề biển Ngạch Bảo Tháp tôn sư và thiết trai cúng dường. (có phần trả lời)

12. Biểu tạ ân ban vì tôn sư thiết lễ húy kỵ và ban tặng trà vật. (có phần trả lời)

13. Chế thư xin độ ba vị tăng, nhân ngày Khánh Đản.

14. Chế văn xin đưa viện Đông tháp chùa Quang thiên sung vào làm viện vãng lai đình chỉ ở núi Ngũ Đài.

15. Chế văn xin thiết trí tòa báu đại thánh Văn-thù-sư-lợi nơi trai Đường ở các chùa trong nước.

16. Chế văn: Ngày mồng 05 tháng 07 niên hiệu Đại Lịch thứ năm (770), Sa-môn Tam Tạng Bất Không ở tại phủ Thái Nguyên thiết trai cúng dường muôn người.

- Cùng năm ấy (770), ngày 13 tháng 07, ban sắc thủ chiếu.

17. Chế thư xin lập viện Văn-thù ở chùa Chí Đức tại phủ Thái Nguyên.

Cùng năm ấy (770), ngày mồng 04 tháng 09, lại ban sắc Thủ Chiếu.

18. Chế thư xin an trí tôn tượng ở Lệnh Đường hiệu lệnh tại phủ Thái Nguyên và chọn lựa chư tăng ở viện Tịnh Độ.

19. Biểu thỉnh Pháp sư Tuệ Lâm giảng dạy ở chùa Bảo Thọ.

20. Biểu tạ ân ban tặng chùa Đại Hưng Thiện thí giới phương đẳng và lương liệu.

21. Cáo Điệp của từ bộ thỉnh Sa-môn Tam Tạng Quảng Trí đăng đàn truyền giới.

22. Biểu tạ ân ban tặng năm con bò và nghé con.

*****

1. BIỂU VĂN TẠ ÂN BAN TẶNG QUAN HIỆU V.V... CHO CỐ KIM CƯƠNG TAM TẠNG.

Sa-môn Tam Tạng Bất Không nói: Vâng lệnh ngày mồng một tháng này, đặt ban Cố Đại Hòa-thượng Tam Tạng Kim Cương, đáng tặng "Khai phủ nghi đồng tam tư", nhân tặng hiệu "Đại Hoằng Giáo Tam Tạng". Bất Không tôi Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, nhận ban hiệu "Đại Quảng Trí Tam Tạng". Một cơn mưa từ trời cao đổ xuống, khắp cả cành lá đều thấm nhuần. Một ánh mặt trời ló dạng soi sáng đến tận chỗ tối tăm. Bàng hoàng mang đội, vui buồn lẫn lộn, Bất Không tôi thành thật vừa sợ vừa mừng, vừa thương vừa sợ.

Bất Không tôi nghe: Mười hiệu là tôn xưng đặc biệt biểu thị đức hạnh, Chín Khanh (chín chức quan: Thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo, trủng tề, tư Đồ, Tôn bá, tư mã, tư Khấu, cà tư Không) là địa vị quý trọng của tượng hà. Cố Đại Hòa-thượng, đạo hợp truyền đăng thật xứng đáng nêu bày sự mạnh mẽ của người để lại, Bất Không tôi đối với pháp thì tiếp nối lờ mờ không chắc thật mà đồng đảm nhận Hồng tư (Ban tặng lớn lao), tợ như lẫn lộn sắc màu của đá ở đất Yên, lại đồng như Đông Quách lạm xen bổng lộc thổi sáo ở xứ Tề. Vinh hạnh và còn mất, ân sủng ban cho cả thầy trò, kính phụng kinh sợ, ngưỡng trông mệnh lệnh mà bẽn

lẽn sắc mặt. Huống là người xuất gia cởi bỏ mọi trang sức, vốn quên mọi vinh nhục, thanh bạch báo đáp nước nhà. Phàm là tăng thì phải rõ phép tắc. Bệ hạ vận chuyển bánh xe vàng rộng lớn, nhận thâu cả ngói sỏi, truyền bá thiền định nơi cung cấm, lễ nghi thù đặc kính trọng thưởng khen. Tuy không sức lực gánh vác núi sông mà dấu vết chân đi gần cùng, thiếu dòng pháp cảm tạ cao quý, điểm vào dấu vết trong sạch của hạnh ít muốn. Vì vậy xuất đầu lộ diện trình tấu cùng Tam Nhượng, nói năng phiền đến cửu trùng. Mong ân soi xét sự khẩn thành, há đích thực vậy mà không cất nhắc lên? Xe Dê trẻ nhỏ hổ thẹn Quảng Trí mà mịt mờ, lộc uyển kém hèn rất thẹn Hồng lô, không dám đảm nhận mà đến cùng, kính cẩn dâng biểu trình bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng vừa sợ vừa mừng kính dâng.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ nhất(765), ngày mồng 05 tháng 11.

Đặc tiến Thí Hồng Lô khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí chùa Đại Hưng Thiện, Bất Không dâng biểu.

Bảo Ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng Đạo hạnh ẩn mật song lâm, công phu vượt qua Chánh giác, xa từ Thiên Trúc đến truyền bá Chân ngôn, bỗng dưng được Quy y, đích thân thừa hưởng phú chúc. Thạnh lễ ngợi khen tôn sùng phẩm trật thuở trước, khiến Tăng vinh hạnh của ấn thụ, kiểu mẫu kính trọng thầy trò kiêm bày tỏ ân sủng kính tặng, ngõ hầu phô bày truy niệm vinh hạnh vậy.

2. CHẾ VĂN XIN XẢ Y BÁT ĐỂ GIÚP SA-MÔN ĐẠO HOÀN SỬA CHỮA CHÙA KIM CÁC.

- Chùa Kim Các ở núi Ngũ Đài.

Sa-môn chùa Đại Hưng Thiện, đặc tiến thí Hồng lô khanh Đại Quảng Trí Bất Không trình tấu: ngôi chùa nói trên, tiên Thánh viết biển ngạch, song, chùa làm chưa xong, khoảng niên hiệu Khai Nguyên thứ 24 (737), Thiền sư Đạo Nghĩa ở Cù Châu đến núi Ngũ Đài thấy dấu vết chùa Văn-thù Đại Tích, hiệu là “Kim Các viện”, có mười ba gian phòng tăng chúng, khoảng một độ muôn người, Đài điện cửa lầu toàn bằng vàng, viết chép vẽ lại, Họa đồ một quyển tập đưa vào nội cung, trăm họ trong thiên hạ đều mong hoàn thành chùa Kim Các, mọi người không ai chẳng ước muốn, khiến Sa-môn Đạo Hoàn ở Trạch Châu hằng ngày mang đồ vật cúng dường lên núi. Đạo hoàn rất kính mến việc mà Thiền sư Đạo nghĩa thấy được, bèn phát tâm phụng vì nước nhà, y theo bản vẽ mà xây dựng chùa Kim Các, chùa viện ra sao đều như đã thấy.

Mùa hạ năm nay các thợ khởi công, giao phó vật liệu ấy để tự dựng xây sắp xong. Tiên Thánh ngự đề tấm biển "Chung Thành Đạo nghĩa cảm thông". Quán xét Sa-môn Đạo Hoàn chí nguyện không phải nhỏ, có người cho là nhân lành dựng lập của Bồ-tát Văn-thù. Vả lại, chùa Linh Sơn ở núi Ngũ Đài có năm ngôi chùa được đề Biển ngạch, trong đó có bốn chùa: Thanh Lương, Hoa Nghiêm, Phật Quang, Ngọc Hoa đã hoàn thành trước, chỉ riêng chùa Kim Các chưa xong.

Đã là Thánh tích, thì ai không chiêm ngưỡng? Bất Không tôi nguyện xả y bát, theo giúp Sa-môn Đạo Hoàn xây dựng việc lớn. Từng sợ tuổi tác không cho phép, tội lỗi còn nhiều ở trong tâm, thường cũng tấu trình để Bệ hạ xét biết. Ngưỡng mong ân trời thương xót, phàm thánh tích của Bồ-tát Văn-thù thì Thánh là chính, kết cấu Kim Các, chẳng phải Bệ hạ thì là ai? Phàm rường cột là chỗ nương của Đại Hạ, bầy tôi là gởi gấm của nguyên thủ, cùng thành một thể, hòa hợp cả muôn nước, Kim Các cao quý như thế, chẳng phải do các bậc Tổ phụ tán thành, Quân khách giúp đỡ, ngàn muôn Quan liêu tiếp nối cùng tôn sùng kính trọng thì lấy gì để nói lên sự tốt lành của Vua tôi? Để làm sáng rỡ sự lớn lao của Kim Các? Sa-môn Hàm Quang chùa Bảo Thọ vâng thọ chiếu chỉ đi tuần núi Ngũ Đài cung kính công đức tu sửa. Kính mong nhân chỗ xây dựng chùa mà phụng tuyên Thánh chỉ, cầu nguyện rất mực thiết thành, ngõ hầu linh thần soi sáng để giúp cho cảnh phúc khương ninh, khắp nơi che chở thân thể bệ hạ, nếu ân đức bệ hạ chấp thuận, xin giao phó cho tư sở.

Trung thư môn Hạ, Điệp văn của Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định. Ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Vĩnh Thái năm thứ hai (766), ngày mồng 01 tháng 05.

- Trung thư thị lang Bình Chương Sự Nguyên Tải.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Đổ Hồng Tiệm.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Vương Tấn.
- Kiểm Giảo thị trung Sứ.
- Kiểm Giảo Hữu bộc xạ Bình Chương Sự Sứ.
- Kiểm Giảo Tả bộc xạ Bình Chương Sự Lý Bảo Ngọc.
- Trung thư lệnh sứ.

3. CHẾ THƯ XIN XẢ Y BÁT CÙNG SỬA CHỮA CHÙA THÁNH NGỌC HOA

Chùa Thánh Ngọc Hoa ở núi Ngũ Đài.

Hữu Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không trình tấu: ngôi chùa nói trên, khoảng ngày mồng 01 tháng 09 niên hiệu Càn Nguyên thứ nhất (758) đồng gặp lúc ban sắc dựng lập chùa Kim Các. Bất Không tôi trước xin tự xả y bát. Kính mong các thượng tọa ở tại chùa lúc bấy giờ, công hạnh được viên mãn, chuẩn định chùa Kim Các đồng thời xem xét việc xây dựng.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn kính vâng, chỉ dụ y cứ Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố Điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (766), ngày mồng 21 tháng 11.

- Trung thư thị lang Bình Chương Sự Nguyên Tải.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Đỗ Hồng Tiệm.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Vương Tấn.
- Kiểm Giảo thị trung Lý Sứ.
- Kiểm Giảo Hữu bộc xạ Bình Chương Sự Sứ.
- Kiểm Giảo Tả bộc xạ Bình Chương Sự Sứ
- Trung thư lệnh sứ.

4. BIỂU CHÚC MỪNG BÌNH CHU TRÍ QUANG

Sa-môn Bất Không nói: Kính vì Chu Trí Quang dám khinh phụ thánh chỉ triều đình, tự mạo nhận trời phạt, chứa nhóm bạo ác tự hại diệt thân, quả thấy truyền đầu. Mừng tràn khắp nơi, vui như ngày xuân. Bởi do bệ hạ tính toán tinh thông, tài giỏi mưu lược ẩn mật khéo dùng. Võ sĩ còn chưa thi thố sức mạnh, thương sinh vội đã được an vui, khắp nơi đều chuyển thành thanh bình, mọi rợ thảy tiêu tan ý chí. Vậy đủ biết sức mạnh của Thánh vương bèn thành công không cần đánh dẹp, tâm từ của Nhân Vương cứu được mạng sống của hữu tình. Bất Không tôi hổ thẹn đội ân, càng thêm mang nhận. Không gì hơn vui mừng đến cùng, kính cẩn dâng biểu trình bày ân mang đội để bệ hạ xét biết. Bất Không tôi thật vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai (767), ngày 14 tháng giêng.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Trí Quang hung bạo điên cuồng, dám nhiễu loạn chốn Quan phố. Vương sư vừa dấy khởi, tự có giết hại. Tông xã oai linh, Đại thánh phù trì. Nhờ sự che chở của Ngài (= Bất Không) mà khí Độc tiêu sạch hẳn. Đó là điều chúc mừng vậy.

5. CHẾ VĂN CHỌN MỜI CHƯ TĂNG TỤNG NIỆM Ở TỊNH ĐƯỜNG VẠN BỒ-TÁT TẠI CHÙA HÓA ĐỘ NHÂN BA THÁNG TRƯỜNG TRAI:

Tịnh Đường Văn-thù-sư-lợi hộ quốc Vạn Bồ-tát ở chùa Hóa Độ mời mười bốn vị Đại đức tụng niệm, nhân ba tháng trường trai.

- Chùa Đại Hưng Thiện:

1/ Đại Đức Tĩnh Siêu

2/ Đại Đức Tuệ Linh.

- Chùa Hóa Độ:

3/ Đại Đức Pháp Chân

4/ Đại Đức Trí Tạng

5/ Đại Đức Đạo Ngạn,

6/ Đại Đức Bồ-Đề-Nê-Sa (= Nghĩa Khoan)

7/ Đại Đức Ba-la-đàn (= Thiện Ngạn)

8/ Đại Đức Đàm Diễn.

- Chùa Tây Minh:

9/ Đại Đức Quang Diễn

10/ Đại Đức Ma-ha Diễn.

- Chùa Hưng Phước:

11/ Đại Đức Đạt-ma.

- Chùa Thiên Phước:

12/ Đại Đức Pháp Sùng.

- Chùa Tuệ Nhật:

13/ Đại Đức Nghĩa Thành.

- Chùa Lễ Tuyền:

14/ Đại Đức Lợi Ngôn.

Hữu Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: Kính vì tịnh đường Hộ Quốc Vạn Bồ-tát ở chùa Hóa Độ, đồng y theo chỗ thấy Đại thánh Văn-thù ở núi Ngũ Đài, cỡi mây ngồi voi lướt đi, ánh sáng chiếu khắp tịnh đường chẳng khác gì chùa Kim Các. Ngày 23 tháng chạp năm trước (766), kính vâng ân mạng, ban tặng danh hương và tuyên cáo khẩu

lệnh, bảo Bất Không tôi chọn lựa thỉnh mời các vị Đại đức tụng niệm và bảo tự chủ Trí Tạng chuyên việc xem xét Đạo tràng.

Các vị Đại đức nói trên, hoặc chuyên rành chân ngôn, học thông giới luật, hoặc giảng nói diệu chỉ chuyển đọc chân kinh, mong chọn ở tại trong đó, mỗi năm nhân ba tháng trường trai, xây dựng đạo tràng vì nước nhà mà đọc tụng. Nếu có sự cố, hễ thiếu chỗ nào thì thêm vào cho đủ. Ở tịnh đường ấy trong ngoài thi kịp công đức mỗi một vật đã dâng, nay xin thỉnh Tam võng chuyên cú, đang mong không để rơi sót.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không. Điệp văn do Từ Bộ chuẩn định. Lệnh Sứ Triệu Xương chủ sự Huân ý. Lang trung tước y.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố Điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai (767), ngày mồng 16 tháng 02.

- Trung thư thị lang Bình Chương Sự Nguyên Tải.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Đỗ Hồng Tiệm.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Vương Tấn.
- Kiểm hiệu thị trung Lý Sứ.
- Kiểm hiệu Hữu bộc xạ Bình Chương Sự Sứ.
- Kiểm hiệu Tả bộc xạ Bình Chương Sự Sứ
- Trung thư lệnh tại sứ viện.

6. CHẾ THƯ XIN MIỄN KÊU GỌI NHỮNG NGƯỜI THỢ TÀI GIỎI LO VIỆC XÂY DỰNG CÁC CHÙA KIM CÁC, NGỌC HOA V.V... Ở NÚI NGŨ ĐÀI:

Đô liệu tăng xây dựng chùa Thánh Kim Các ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu.

- Các vị Đại Đức Thuần-đà, Đạo Tiên, Pháp Đạt.

- Thợ mộc gồm có: Sĩ Sán, Cốc Lễ, Chiêu Di Khâm (ở huyện Không Tương, châu Hân), Đàn Mạng Huy (ở huyện Ngũ Đài), Ngũ Mậu Lâm, Dương Hỷ Tử (ở huyện Đường Lâm) Ủng Nhật Tân.

Đô liệu xây dựng chùa Thánh Ngọc Hoa.

- Thợ mộc gồm có: Ân Đồ (ở huyện Nhạn Môn), Tượng Hoắc Long (ở huyện Phồn Thời), Chiêu Như Yến Quách Chiết (ở huyện Đường Lâm), Hàn Thanh, Cổ Lễ, Chi-A-Bát (ở huyện Đường Lâm), Trương Huy (ở huyện Phồn Thời).

- Sửa chữa sáu chỗ thường cúng dường ở núi Ngũ Đài, thợ mộc gồm có: Đinh Tu Linh (ở huyện Định Tương), Ban Tân, Trí Nghĩa Sán,

Quách Khuê, Mã Nguyên, Lý Tứ Sư, Phong Đỗ Nhi (ở huyện Ngũ Đài) Mã Nguyên Chiết.

Hữu Đặc tiến Hồng Lô Khanh, Tam Tạng Sa-môn Đại Quảng Trí Bất Không trình tấu: Trước kia kính vâng ân mạng, bảo Sa-môn Hàm Quang coi sóc hiệu việc xây dựng các chùa và các chỗ thường cúng dường nói trên. Ở đó, các thứ cây gỗ cần làm thì tại núi có sẵn, đã là Thánh tích linh thiêng thì những người thợ làm phải là tài giỏi. Các thợ nói trên đều được tìm kiếm khắp nơi xa gần, nay thấy ở tại núi xây dựng theo thứ lớp, sợ rằng các Doanh sở, châu huyện hoặc có sự kê gọi, rất mong Bệ hạ ban đặc ân để công đức được hoàn thành mỹ mãn.

Trung thư môn hạ, Điệp văn Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn vâng phụng sắc nghi ủy Vân kinh cú đương vật linh truy nhiễu Điệp văn chuẩn định. Ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai (767), ngày 16 tháng 02.

- Trung thư thị lang Bình Chương sự Nguyên Tải, trở xuống đều có bảy Tướng.

7. CHẾ THƯ XIN CHỌN TĂNG ĐỘ NGƯỜI Ở NĂM CHÙA TẠI NÚI NGŨ ĐÀI:

Năm chùa Kim Các, Ngọc Hoa, Thanh Lương, Hoa Nghiêm, Ngô Ma Tử ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu.

Hữu Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu:

Thánh tích Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, từ xưa mọi người đã từng kính ngưỡng. Nay gặp Bệ hạ rất quan tâm xây dựng nhiều ngôi chùa, ân ban rất nhiều, vậy đủ biết trăm thần, âm thầm hộ giúp, muôn Thánh hướng về. Nơi chốn linh thiêng dựng xây đến thế là hưng thạnh. Nơi chốn đã trang nghiêm thanh tịnh thì con người ở đó cũng phải như vậy. Từ lúc khó khăn đến nay, tăng chúng dần dần giảm ít, hoặc có vị kinh hành hóa độ bèn ở nơi xứ người, hoặc thuận duyên an trú nơi các A-lan-nhã ở xứ khác, khiến cho trong các thời khóa lễ sám, chuông mõ sớm chiều bị khuyết thiếu. Dưới bóng cây, nơi giường thiền, khám thất Nhện giăng bụi bám tối tăm, ruộng phước chưa được mở rộng, thật hổ thẹn với thánh tâm. Cúi xin Bệ hạ ban ân trước đây tại núi có các hành giả Đồng tử từ lâu tinh tấn tu hành khổ hạnh, mỗi chùa độ mười bốn vị, ở các châu huyện chọn lựa bảy vị tăng đạo hạnh trang nghiêm. Mỗi chùa cần có đủ hai mươi mốt vị vì nước nhà mà hành đạo, có thiếu khuyết thì thêm vào cho đủ. Ở năm ngôi chùa Kim Các v.v... thường tụng kinh Nhân Vương

Hộ Quốc và kinh Mật Nghiêm. Lại nữa, chùa “Ngô Ma Tử”, tên gọi không được tiện nên đổi thành “Đại lịch Pháp Hoa” thường vì nước nhà trì tụng kinh Pháp Hoa, cả thảy năm chùa đều khỏi sai khiến chọn lựa người. Mong ủy vân kinh tướng quân Tống phụng triều cùng với trung sứ Ngụy Minh Tú. Lại nữa, Sa-môn tu công đức là Hàm Quang chọn lựa, mong không trộm cắp lạm dụng. Lại ở chùa Thanh Lương xây dựng đài các Đại Thánh Văn-thù đã hoàn tất, cúi mong Bệ hạ ban ơn viết tặng biển ngạch bốn chữ “Vĩnh Quang Lai Diệp”.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của ngài Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai (767), ngày 26 tháng 03.

- Trung thư thị lang Bình Chương sự Nguyên Tải, trở xuống đều có bảy Tướng đồng dâng.

8. CHẾ THƯ THỈNH SA-MÔN TỬ LÂN GIẢNG DẠY Ở CHÙA HÓA ĐỘ:

Trung thư môn hạ, Điệp văn của ngài Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ, đặc tiến thí Hồng Lô Khanh Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu mời Sa-môn Tử Lân giảng dạy tại Tịnh Đường Vạn Bồ-tát ở chùa Hóa độ, nên y theo Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai (767), ngày 28 tháng 06.

- Trung thư thị lang Bình Chương sự Nguyên Tải, trở xuống đều có bảy Tướng đồng dâng.

9. CHẾ VĂN XIN ĐỘ NĂM VỊ TĂNG, NHÂN NGÀY KHÁNH ĐẢN:

1. Hành giả Tất Số Diên, năm mươi lăm tuổi (không rõ quê quán châu huyện, tụng bản Phạn kinh Hiền Hộ Tam-muội một bộ và tụng các phẩm Đà-la-ni, xin pháp danh Tuệ Đạt, ở chùa Trang Nghiêm).

2. Hành giả Khương Thủ Trung, bốn mươi ba tuổi (không rõ quê quán, châu huyện, tụng một trăm hai mươi trang kinh và tụng các phẩm Đà-la-ni, xin pháp danh Tuệ Quán, ở tại viện Đại Hoằng giáo Tam Tạng Tỳ-lô-giá-na, chùa Quảng Phước ở Đông Kinh).

3. Hành giả Tất Việt Diên, bốn mươi ba tuổi (không rõ quê quán châu huyện, tụng bản Phạn Kinh Lăng-già một bộ, tụng Kinh Kim Cương và tụng các phẩm Đà-la-ni, xin pháp danh Tuệ Nhật, ở chùa

Trang Nghiêm).

4. Đồng tử Thạch Tuệ Sán, mười ba tuổi (không rõ quê quán châu huyện, tụng bản Phạn kinh Đại Khổng Tước Vương một bộ, tụng Tùy Cầu Đà-là-ni và kinh, xin pháp danh Tuệ Quang, ở chùa Tây Minh).

5. Đồng tử La Thuyên, mười lăm tuổi (không rõ quê quán châu huyện, tụng bản Phạn Kinh Xuất Sinh Vô Biên Môn, tụng thần chú Tùy Cầu Đà-la-ni và kinh, xin pháp danh Tuệ Tuấn, ở chùa Tây Minh).

Hữu Đặc Tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: các vị Hành giả Đồng tử nói trên, bẩm tính vốn điều nhu, khí chất thuần hòa, đích xác thường cần kinh giới đọc tụng chân ngôn, chí nguyện mong cầu xuất gia tinh tấn tu hành báo đáp nước nhà. Nay nhân ngày khánh đản, xin độ làm tăng, mỗi mỗi được phân phối ở các chùa nói trên, mong phước đức Thánh thọ lâu dài như trời đất.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất Không.

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai (767), ngày 13 tháng 10.

- Trung thư thị lang Bình Chương sự Nguyên Tải.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Đỗ Hồng Tiệm.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Vương Tấn.
- Binh Bộ Thượng Thư Bình Chương Sự Lý Sứ
- Kiểm Giảo thị trung Lý Sứ.
- Kiểm Giảo Hữu bộc xạ Bình Chương Sự Lý Sứ.
- Trung thư lệnh sứ.

10. CHẾ VĂN XIN CHỌN CÁC VỊ TĂNG CHUYÊN LO VIỆC QUÉT DỌN THÁP TÔN SƯ KIM CƯƠNG TRÍ Ở LONG MÔN

Quét dọn Bảo tháp Cố Tôn sư Khai Phủ Nghi đồng tam tư Đại Hoằng Giáo tam tạng Kim cang trí ở Long Môn tại Đông Kinh.

1. Đại đức Tuệ Hoằng, bốn mươi sáu tuổi (họ Trương, tên Cảnh Phương, quê quán ở Lý An Tín, hương Đàn Sơn, huyện Vinh Dương, Trịnh Châu. Cha là Hoại Đạo cùng Hộ, tự thân không sổ sách, tụng Bồ-tát Giới Kinh một quyển, tụng Thanh Văn Giới một quyển, tụng kinh Pháp Hoa 1 bộ, thường luôn niệm tụng. Ở tại Tháp viện Tỳ-lô-giá-na; chùa Quảng Phước, phủ Hà Nam, và xoay về chỗ tháp ở Long Môn, qua lại quét dọn).

2. Hành giả Triệu Nguyên Cập, ba mươi lăm tuổi, ở tại viện này (quê quán ở làng Tu Đức, xóm Vân Long, huyện Vân Dương, phủ Kinh Triệu, cha là Trình Quán cùng hộ, tự thân không sổ sách, tụng kinh

Pháp Hoa một bộ, tụng kinh Duy-ma một bộ, tụng Giới Bồ-tát Giới Kinh một quyển, tụng kinh Kim Cang một quyển, tụng kinh Dược sư một quyển, tụng kinh Di-đà một quyển, tụng kinh Kim Quang Minh bốn quyển, tụng kinh Vô Thường một quyển, tụng kinh Vu-lan-bồn một quyển, ở tại chùa Bảo Thọ, pháp danh là Tuệ Tường).

3. Hành giả Điền Vinh quốc, ba mươi ba tuổi (quê quán ở làng Tích Đức, xóm Tích Phước, huyện Vạn Niên, phủ Kinh Triệu, cha là Hoài Thường cùng hộ, tự thân không sổ sách, tụng Đại Tùy cầu chân ngôn, tụng Tôn thắng Đà-la-ni, tụng Di-đà Đà-la-ni, tụng kinh Pháp Hoa một bộ, ở chùa Tổng trì, pháp danh là Tuệ Duệ).

4. Đồng Tử Lý Bảo Đạt, mười ba tuổi (quê quán ở làng Tu Văn, xóm Cố Điệp, huyện Chiếu Ứng, phủ Kinh Triệu, cha là Thủ Tín cùng hộ, tụng kinh Pháp Hoa hai quyển, tụng Tùy Cầu Đà-la-ni, tụng kinh Lý Thú Bát-nhã, ở chùa Đại Hưng Thiện, pháp danh Tuệ Chánh).

Hữu Đặc tiến Thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: Các vị Đại Đức v.v... nói trên, trước thường phụng thờ Cố Đại Hòa-thượng, luôn siêng năng hương đèn nhiều năm, chí khí tánh tình mềm mỏng bền bỉ; không biếng lười. Xin ban cho chánh danh để tiện đưa đến tháp ngạch, ở đó lo việc quét dọn, mong tròn võng cực, thành đạt sự triển chuyển đạo nghĩa thầy trò. Các vị hành giả Đồng Tử v.v... nói trên, đều đã từ lâu tu tập chân ngôn, kiêm tụng kinh điển, chẳng lìa viện này, sự nghiệp đã thành tựu, cúi xin ban ân độ cho khiến họ cố gắng tu trì.

Trung thư môn hạ, điệp văn của Đại Quảng trí Bất Không.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ ba (768), ngày 13 tháng 06.

Trung thư lệnh Nguyên Tải, môn hạ Đỗ Vương đồng dâng.

11. BIỂU VĂN TẠ ÂN NGỰ ĐỀ BIỂN NGẠCH BẢO THÁP TÔN SƯ VÀ THIẾT TRAI CÚNG DƯỜNG (có phần trả lời)

Sa-môn Bất Không nói: Bất Không tôi sớm được theo hầu Tôn sư Cố Đại Hòa-thượng, bèn nương chỉ dạy ngợi khen. Thẹn mình không phải là hiền triết để thăng đường, lầm sai hèn mọn gặp lúc nhật thất. Đàn pháp mạn-trà-la Quán đảnh là tông của muôn hạnh, đứng đầu Mật chứng, sắp vào quả vị Giác ngộ không ai chẳng do từ đây, Cố Hòa-thượng tôn sư truyền mở mắt mũi ấy, đèn tuệ soi sáng như mặt trời mặt trăng thật sâu xa. Bệ hạ nghĩ muốn nối tiếp cảnh quang, chớ khiến tỳ

vết hoại tàn, ban chiếu khai Pháp Quán đảnh, lập thiết đạo tràng, vừa phảng phất ở tồn niên, há nương về chốn bổ xứ? Lòng từ của Bệ hạ là quyến thuộc, ân nhuần thấm đượm sâu xa. Ban năm vị tăng xuất gia, mây buông theo xuống tóc, cho ngàn người dùng cơm trời, hương thơm theo gió thoảng, huống là nơi Bảo tháp đích thân trị đề "Quế chư y lạc" (vầng trăng rơi rụng!). Dưới long môn, núi cao tự mọc dậy, giữa vầng trăng, Nhạn thường nhóm bay lên. Không dám đội mang Dinh vắng đến cùng, kính cẩn nương nhờ Giám sứ Lý Hiến Thành, dâng biểu trình bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ ba (768), ngày 13 tháng 06

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng là Tông sư của Đế Thích, Phạm thiên, là nơi hướng về nương tựa của trời người. Từ bi trí lực cứu độ sinh linh, khai mở Đạo tràng giảng nói pháp yếu. Phước đượm đất nước, ân thấm hữu tình. Thẹn tốt lành nhiều, nhọc phiền cảm tạ.

12. BIỂU TẠ ÂN BAN VÌ TÔN SƯ THIẾT LỄ HÚY KỴ VÀ BAN TẶNG TRÀ VẬT...

Sa-môn Bất Không nói: Kính mong Bệ hạ ban Ân ngày rằm tháng này là ngày Húy kỵ Tôn Sư Cố Đại Hòa-thượng Đại Hoàng Giáo Tam Tạng Kim cang trí, thiết trai cúng dường một ngàn vị tăng, ban tặng trà vật trị giá một trăm mười quan tiền. Cúi chịu mất mát tình thương mà không nơi bày tỏ, Bất Không tôi thành thật lo sợ, vì thương vì cảm, Cố Đại Hòa-thượng đạo trùm cả bốn sinh, hóa khắp Thập Địa, diện mạo tôn dung đến ngày húy kỵ này lại tăng phần mến thương như sương mốc thấm ướt, chứa nhóm nỗi niềm đau xót của rừng hạc. Bệ hạ cung kính mở mang phó chúc, nhớ nghĩ đạo mầu, bảo ban người tài giỏi nấu nướng cúng dường ngàn vị tăng, để lại danh hương hơn trăm quan tiền, rực rỡ cả chùa viện, thơm ngát sân thiền. Phàm trong nhóm đệ tử chẳng ai dám đảm đương, không gì hơn thương nhớ đến cùng, kính cẩn nương nhờ Giám sứ, dâng biểu trình bày cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ ba (768), ngày 15 tháng 08.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo Ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Cố Đại Hòa-thượng Kim Cang Trí, pháp lưu truyền như bè báu, đèn trí chiếu soi an ủy, dẫu chứng nhập Niết-bàn từ lâu, song vẫn còn thiết trai húy kỵ, mãi mãi phó chúc, nhớ nghĩ đạo mầu, dâng bày chút hương trà lễ mọn, đâu gì phải phiền hà cảm tạ vậy.

13. CHẾ THƯ XIN ĐỘ BA VỊ TĂNG, NHÂN NGÀY KHÁNH-ĐẢN:

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất Không.

1) La Văn Thành, ba mươi tuổi (quê quán ở nước Thổ-hỏa-la, tụng kinh Kim Cương Bát-nhã, tụng Luận Khởi Tín, tụng Bồ-tát Giới Kinh, pháp danh là Tuệ Hoằng, xin ở chùa Tây Minh).

2) La Phục Ma, bốn mươi lăm tuổi (nguyên là Bảo ứng công thần võ hiệu úy thủ hữu Vũ Lâm Quân đại tướng quân viên thí Đại thường khanh thượng quế quốc tứ tử kim ngự đại. Quê quán ở làng Cao Đình, huyện Thiên Bảo, Vinh Châu, pháp danh là Tuệ Thành, xin ở chùa Hóa Đô).

3) Đồng tử Tào-ma-ha (quê quán ở làng Vĩnh An, xóm Vạn Niên, Vinh Châu. Cha cùng Hộ. Tụng Kinh Pháp Hoa một bộ, pháp danh là Tuệ Thuận, xin ở chùa Thiên Phước).

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên đều ban độ và phối trí ở các chùa nói trên, theo Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ ba (768), ngày mồng 13 tháng 10.

- Trung thư thị lang Bình Chương Sự Nguyên Tải.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Đỗ Hồng Tiệm.
- Hoàng môn thị lang Bình Chương Sự Vương Tấn.
- Binh bộ thượng thư Bình Chương Lý Sứ.
- Tư đồ kiêm trung thư lệnh sứ.

14. CHẾ VĂN XIN ĐƯA VIỆN ĐÔNG THÁP Ở CHÙA QUANG THIÊN SUNG LÀM VIỆN VÃNG LAI ĐÌNH CHỈ Ở NÚI NGŨ ĐÀI:

Thiền sự Tuệ Ẩn ở viện Đông Tháp chùa Quang Thiên, đúc sơn Đẩu và năm đẩu Đồng (?)? gồm một trăm ba mươi cái.

Hữu Đặc tiến Hồng Lô Khanh, Sa-môn tam Tạng chùa Đại Hưng Thiện, Đại Quảng Trí Bất Không trình tấu: Tuệ Ẩn là đệ tử ngài Bất Không vì nước nhà nên đúc các vật nói trên sung vào các chùa Thánh Kim ở núi Ngũ Đài và những nơi cúng dường thông thường. Chỗ viện

của Tuệ Ẩn đang trú ở, xin sung vào tu trợ công đức ở núi Ngũ Đài và đưa cúng làm nơi chúng sinh lui tới dừng nghỉ. Lại bảo Tuệ Ẩn đưa các vật ấy đến núi Ngũ Đài cúng dường vĩnh viễn. Mong phước giúp vận may Hoàng thượng, Thánh thọ vô cương.

Trung thư môn hạ; Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất Không.

Niên hiệu Đại Lịch thứ tư (769), ngày 17 tháng 6.

Trung thư thị Lang Bình Chương Sự Nguyên Tải, năm tướng đồng dâng.

15. CHẾ VĂN XIN THIẾT TRÍ BẢO TÒA ĐẠI THÁNH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI NƠI TRAI ĐƯỜNG Ở CÁC CHÙA TRONG NƯỚC:

Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát.

Tại kinh thành, Hữu Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: không xứng đáng với vết tích thiền môn, tu hành phạm hạnh đã lâu, tập dịch kinh điển, tỏ ngộ Huyền môn, biết được Đức Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, trong Đại thừa Mật giáo đều có phô bày. Nay thường trú tại núi Ngũ Đài, phước nhuần xa rộng, cúi mong Bảo Ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế Bệ Hạ, Đức hợp với trời đất, sáng đồng như mặt trời mặt trăng, phước hạnh vô cương làm cho Tôi và muôn dân vui vẻ. Cúi mong từ nay về sau, ra lệnh cho các chùa trong nước, phía trên hình tượng Tôn giả Tân-đầu-lô-phả-la-đọa ở trai đường, nên thiết lập bảo tòa tôn thờ Thánh tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, tìm xem trong Thánh điển đều có chỉ bày rõ ràng. Các Đức Như Lai trải qua A-tăng-kỳ kiếp còn phải vâng thừa lời chỉ dạy. Phàm người xuất gia, hẳn phải hợp với khu y. Các vị Bồ-tát Phổ Hiền, Quán Thế Âm còn cầm quạt đứng hầu, các vị Thanh văn, Duyên giác còn ôm lọng đứng sau. Đó là các nước Thiên Trúc đều như vậy, chẳng phải cái thấy thô tục của chúng tôi. Nhân vậy, xin thường kính lễ như thế.

Trung thư môn hạ, Điệp văn Từ bộ.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ viết; Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương tử, oai đức Đặc Tôn, là thầy dẫn đường của các Đức Phật, luôn tẩy rửa tai mắt của chúng sinh, làm ta an vui sâu rộng. Ấy là cứu vớt vô biên. Không có nơi tôn sùng, mọi người biết đâu để chiêm ngưỡng? Nay các vị Đại đức ở kinh thành, khẩn thiết trình tấu như thế, thường hợp với thánh điển. Điều thỉnh xin nên y cứ điệp văn mà chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ tư (769), ngày 19 tháng 12.

Trung thư, Bốn tướng đồng dâng.

16. CHẾ VĂN: Ngày mồng 05 tháng 07 niên hiệu Đại Lịch thứ năm (770), Sa-môn Tam Tạng Bất Không ở tại phủ Thái Nguyên thiết trai cúng dường một muôn vị tăng.

Trung thư môn hạ, Điệp Văn Đại Đức Tam tạng Bất không. Điệp Văn kính vâng chỉ dụ nên ở tại phủ Thái Nguyên, thiết trai cúng dường một muôn vị tăng, lấy tiền vật của các quan ở phủ Thái Nguyên, chuẩn định số lượng mà cúng dường chớ để thiếu sót. Nhân vậy ban bảo Tam tạng Bất không xem xét. Điệp văn theo chuẩn định, ban cố Sắc Diệp.

- Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 5 (770), ngày mồng 5 tháng 7.
- Trung Thư thị lang Bình Chương sự Nguyên Tải .
- Môn Hạ thị lang Bình Chương sự Vương Tấn.
- Binh Bộ thượng thư Bình Chương sự Lý Sứ.
- Tư Đồ kiêm trung thư lệnh sứ.

* Đồng năm ấy (770), ngày 13 tháng 07, ban chiếu.

Chỉ dụ viết: Hòa-thượng Tam tạng Đại Quảng Trí, từ lâu tu tập định huệ, sớm khế ngộ Du-già. Tham học nơi Linh Sơn xa xôi, đích thân mong cầu Thánh đạo. Chí linh hẳn ứng, Huyền cảm thông thấu, sen xanh dụ Tâm liễu chứng tại đó, cảnh thu nóng bức khéo thêm trân vệ, để lại chúc thư, chẳng nhiều vậy.

....Ngày 13......

17. CHẾ THƯ XIN THIẾT TRÍ VIỆN VĂN-THÙ Ở CHÙA CHÍ ĐỨC TẠI PHỦ THÁI NGUYÊN.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Tam tạng Đại Quảng Trí Bất không.

Điệp văn vâng thừa chỉ dụ, Đặc tiến Hồng Lô Khanh, Tam tạng Đại Quảng Trí Bất không trình tấu: xin thiết trí xây dựng viện Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát tại chùa Chí Đức ở phủ Thái Nguyên. Đồng thời chọn mười bốn vị Đại đức tinh thông ba học thay nhau mở mang Bổn giáo để đèn pháp mãi được tiếp tục, nhân đó thỉnh mời Pháp sư Đạo Hiếu ở tại chùa Chí Đức giảng dạy trong thời gian lâu dài. Nên y cứ Điệp văn để chuẩn dịch, ban sắc cố Điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ năm (770), ngày 13 tháng 07.

- Trung thư thị lang Bình Chương sự Nguyên Tải, cùng bốn tướng đồng dâng.

* Đồng năm ấy (770), ngày mồng 04 tháng 09, lại ban Thủ

Chiếu.

Chỉ dụ viết: Hòa-thượng Tam Tạng Đại Quảng Trí, hợp nguồn Đạo sâu, tìm dấu Linh xa, từ bi diệu lực tỏ bày chân tông. Năm uẩn đã không, như như tại đó, tiết thu lạnh lẽo, Hòa-thượng vẫn bình an mạnh khỏe, gởi lại chúc thư chỉ dụ chẳng nhiều vậy.

....Ngày mồng 4...

18. CHẾ THƯ XIN AN TRÍ TÔN TƯỢNG PHỔ HIỀN Ở TỊNH ĐƯỜNG HIỆU LỆNH TẠI PHỦ THÁI NGUYÊN VÀ CHỌN LỰA CHƯ TĂNG Ở VIỆN TỊNH ĐỘ

Chùa Đại Đường Hưng Quốc Thái sùng phước ở phủ Thái Nguyên, là nơi Cao Tổ Thần Nghiêu Hoàng Đế khởi nghĩa, tại tịnh đường Hiệu Lệnh xin an trí một tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền. Viện Tịnh Độ là nơi thiết lập đạo tràng Quán Đảnh, xin chọn mười bốn vị Đại đức tăng ở đó, vì nước nhà mà trì tụng kinh chú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni trong thời gian lâu dài.

Hữu Đặc tiến Hồng lô Khanh, Sa-môn Tam tạng Đại Quảng Trí Bất không trình tấu: trước kia kính vâng ân ban đến núi Ngũ Đài phụng tu công đức, nhân đến phủ Thái Nguyên tham lễ chùa Chí Đức, được nhìn thấy Thánh tích nơi Cao Tổ Thái Tông khởi nghĩa, đồng thời tại chùa ấy, thật là nơi bắt nguồn hưng thịnh của nước nhà và Đế nghiệp, chắc chắn không hợp như các chùa khác, cúi xin Bệ Hạ nghĩ tưởng miễn bỏ tất cả mọi sai liệu và thuế khóa để tiện hồi sung.

Ngày húy kỵ thất Thánh Cao Tổ Thái Tông, thiết trai và hành hương, đồng thời sửa chữa tịnh đường Hiệu Lệnh và an trí tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền. Nhân ba tháng trường trai, mỗi tháng mười ngày trai, ban bảo toàn thể tăng chúng tại bổn tự phụng vị Cao Tổ... Cho đến Túc Tông cả thảy bảy vị Thánh, trì tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã. Ngõ hầu có được phước đức vô cương, mãi mãi đội ơn của bảy vị Thánh. Pháp ân vô tận trên phù hợp với Hoàng thọ, ấy là sự trì tụng của chư tăng, cúi mong lựa chọn rõ ràng đầy đủ như danh mục. Trình tấu cùng Tiên đình và tục khách, mong rằng tức thời đồng phát khởi.

Trung thư môn hạ, Điệp văn, Sa-môn Tam tạng Đại Quảng Trí Bất không.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định, ban cố sắc Điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 5 (770), ngày mồng 1 tháng 10.

- Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải.

- Môn Hạ Thị Lang Bình Chương sự Vương Tấn.
- Binh Bộ Thượng Thư Bình Chương sự Lý tại sứ viện.
- Tư Đồ Kiêm trung thư lệnh tại sứ viện.

19. BIỂU THỈNH PHÁP SƯ TUỆ LÂM GIẢNG DẠY TẠI CHÙA BẢO THỌ

Sa-môn Bất không nói: Bất không tôi nghe: “Kinh điển phiên dịch mở mang Phật giáo. Diễn kệ Liên Hoa, vì để phó chúc thiên vương”, cúi mong Bệ hạ ngôi vị kim luân quý trọng, tâm sống trong kệ báu, hiếu đức cảm động cả đất trời, ánh sáng như nhật nguyệt, cúi xuống để xét nhìn Sa-môn Tuệ Lâm ở chùa Chương Kính, từ thuở nhỏ đả thông minh dĩnh ngộ, chí nguyện muốn truyền đăng. Giảng nói Đại thừa, trên muốn báo đáp ân lớn dựng lập nên, mỗi ngày thường thì tụng diệu nghĩa, hay nhớ nghĩ công đức chở che. Riêng may đượm nhuần ân đức của trời, Bất Không tôi nay vì nước nhà nên xin thỉnh đến chùa Bảo Thọ vì kẻ tăng người tục mà giảng nói chân kinh, ngõ hầu vận may tông miếu kéo dài đến đại kiếp mà trai tịnh trọn năm. Ruộng phước nơi thương sinh, sống lâu như núi Tu-di. Như ân đức bệ hạ chấp thuận, xin ban sắc chỉ dụ như trình tấu thỉnh mời.

Niên hiệu Đại Lịch thứ sáu (771), ngày mồng 02 tháng 02.

Đặc tiến thí hồng lô khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không kính biểu.

20. BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG THÍ GIỚI PHƯƠNG ĐẲNG VÀ LƯƠNG LIỆU CHO CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN.

Sa-môn Bất Không nói: Trung sứ Lý Hiến Thành kính tuyên thánh chỉ, đặc ban chùa Đại Hưng Thiện thí giới phương đẳng, ngay trong đạo tràng mọi vật lúa nếp gạo mè (vừng) dầu, củi v.v... không ai chẳng đầy đủ để cung cấp thiết trai cúng dường. Bỗng đối hổ phận kính sợ mừng lo lẫn lộn. Đồng thời hứa ở đạo tràng ấy, thật rất may mắn, lại còn ban tặng cúng dường chư tăng, ân mưa móc thật sâu xa, tự thẹn không làm sao đáp được, chỉ ngày đêm siêng năng gia công niệm tụng mong báo đáp trong muôn mật, đồng thời kính cẩn dẫn dắt chư tăng cầu thọ giới, suốt hai mươi mốt ngày chí thành khẩn thiết niệm tụng kinh sám, tinh tu hành đạo, kính vì nước nhà mà tu tập phước đức thù thắng, mong được vô lượng công đức dâng đáp thân thánh, chẳng gì hơn xin nguyện mang đội đến cùng, kính cẩn nhân Trung sứ Lý Hiến Thành phụ giúp biểu văn trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng

vừa mừng vừa sợ kính dâng

Niên hiệu Đại Lịch thứ sáu (771), ngày 18 tháng 02.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Bất Không chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Thư đáp của Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế :

Sa-môn Tam Tạng (Đại Quảng Trí Bất Không) lòng từ ân tuệ tinh thành, nhớ nghĩ nước nhà sâu sắc, rộng tu phước lợi trùm khắp sinh linh, thiết lập đàn tràng, mở mang pháp mầu, phát huy cho hàng hậu học. Trẫm ban tặng gieo trồng duyên lành. Những gì đã cung cấp chẳng phải tốt lành lắm, đâu có gì phải cảm tạ!

21.CÁO ĐIỆP CỦA TỪ BỘ THỈNH SA-MÔN TAM TẠNG ĐẠI QUẢNG TRÍ ĐĂNG ĐÀN TRUYỀN GIỚI

Trung thư môn hạ, Điệp văn chuẩn định viết:

Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện.

Chùa Bảo Thọ thiết lập đàn tràng, các vị Đại đức Tuệ Triệt v.v... trình tấu: Kính vì Tam Tạng Quốc sư là tường thành vững chắc của Phật giáo, là nơi mà cả bốn biển đều kính ngưỡng, cả hai kinh thành đều tôn kính vâng thừa. Giới đàn thanh tịnh, gội nhuần túc đức, kính thỉnh lập đàn thực hành pháp, truyền giới cho đại chúng.

Trung thư môn hạ, Điệp văn từ bộ, Điệp văn Tam Tạng chuẩn định như vậy.

Điệp Văn kính vâng chỉ dụ nên y theo điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ sáu (771), ngày 03 tháng 04.

- Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải
- Môn hạ thị lang Bình chương sự Vương Tấn.
- Binh bộ thượng thư Bình Chương sự Lý Tại Sứ viện
- Tư Đồ kiêm trung thư lệnh sứ.
- Từ Bộ, Điệp văn chùa Đại Hưng Thiện.

Điệp Văn kính vâng, trung thư môn hạ ban sắc Điệp văn như chuẩn định, ban sắc cố điệp như Điệp văn trình bày lý do.

Niên hiệu Đại Lịch thứ sáu (771), ngày 09 tháng 04.

- Lệnh lại Hà Đồ Điệp, Chủ Sự Chiêu ý, lang trung Huân Tấn.

22.BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG BÒ SỮA:

Sa-môn Bất Không nói: Ngày nay, đặc biệt kính ân ban tặng năm

con bò sữa, mỗi con đều có nghé con, tặng thưởng từ thiên đế, hớn hở vô cùng. Bất Không tôi thành thật hổ thẹn nhờ ân, vừa mừng vừa thẹn. Cúi mong Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế như Nhật Nguyệt chiếu soi, Ân quá mưa móc, tuy là tinh tấn tu tập cả bốn mùa, há báo đáp được trong muôn một, dốc sức tận trung thật khó báo đền, vỗ về tâm cang tu kỷ, giữ gìn mặt mắt, cũng không hơn được ân sủng thấm đượm ưu ái sâu xa đến cùng. Kính cẩn dâng biểu trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ sáu (771), ngày 24 tháng 09.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng sâu vào Bí tạng, che chở tinh cần tha thiết. Nhìn lại chính là do sự tinh tấn tu tập, nên thừa ban ân, với vật ban tặng đâu phải sâu dày mà phiền lòng tạ ân.

ĐẠI BIỆN CHÁNH QUẢNG TRÍ TAM TẠNG
HÒA-THƯỢNG CHẾ BIỂU TẬP
QUYỂN 2 (HẾT)

■

BIỂU CHẾ TẬP

Sa-môn Thích Viên Chiếu chùa Tây Minh
ở Thượng Đô Trường An biên tập.

QUYỂN 3

Biểu văn có mười tám bài, đáp chế chín bài, tổng cộng hai mươi bảy bài:

1. Biểu văn xin đưa tất cả kinh điển đã được phiên dịch, suốt trong ba triều vua vào mục lục để lưu hành. (có phần trả lời)

2. Biểu tạ ân đức cho phép đưa các kinh luận mới phiên dịch vào mục lục để lưu hành. (có phần trả lời)

3. Chế văn ban tặng biển ngạch chùa Phật Đường ở phường Tây Uyển, huyện Tây Hà, Phân Châu.

4. Biểu ân ban cầu mưa, mừng được mưa. (có phần trả lời)

5. Chế văn tuyển chọn các vị Đại đức ở tháp Viện Tôn Sư và ở viện Cổ Thạch Giới Đàn tại Đông Đô.

6. Chế văn thỉnh Pháp sư Siêu Ngộ tu sáu pháp Bồ-tát ở chùa Hóa Độ.

7. Chế văn ban lệnh thiết trí viện Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ở các chùa trong nước.

8. Biểu cảm tạ ban sắc thiết trí viện Văn-thù ở các chùa trong nước.

9. Chế văn xin ở hai đường cái trong kinh thành, mỗi nơi lập một ngôi chùa để giảng kinh.

10. Chế văn giáng chức tự chủ chùa Đại Hưng Thiện của Sa-môn Viên Kính và đưa về chùa Tuệ Viễn ở phủ Hà Nam.

11. Sớ văn kính dâng kinh "Văn-thù-sư-lợi Phật Sát Công Đức".

12. Chế văn xin bổ nhiệm Sa-môn đạo ngộ trước đây giữ chức Duy-na, nay cho làm chức tự chủ.

13. Biểu tạ ân ban tặng một tạng "Nhất Thiết Kinh của Quỳnh Hoa chân nhân". (có phần trả lời)

14. Biểu tạ ân ban tặng bánh chưng, tiền v.v... mọi vật, nhân ngày

thượng lương điện các Đại Thánh Văn-thù. (có phần trả lời)

15. Biểu tạ ơn vua đã ban sắc cho Tam tạng Hòa-thượng cầu mưa, chúc mừng trời mưa. (có phần trả lời)

16. Biểu vâng chịu an ủy Quỳnh Hoa chân nhân tạ thế. (có phần trả lời)

17. Biểu tạ ân ban tặng lụa trắng ngày mùng 5 tháng 5. (có phần trả lời)

18. Chúc thư của Hòa-thượng Tam Tạng.

*****

1. BIỂU VĂN XIN ĐƯA TẤT CẢ KINH ĐIỂN ĐÃ ĐƯỢC PHIÊN DỊCH, SUỐT TRONG BA TRIỀU VUA VÀO MỤC LỤC ĐỂ LƯU HÀNH:

Suốt thời gian ba triều vua (Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông), các kinh điển đã được phiên dịch gồm có bảy mươi bảy bộ; một trăm lẻ một quyển đều đưa vào mục lục một quyển:

- Kinh Kim Cương Đảnh Du-già Chân Thật Đại Giáo Vương: ba quyển
- Kinh Kim Vương Đảnh Du-già Bát-nhã Lý Thú: một quyển.
- Kinh Quán Tự Tại Bồ-tát Thọ Ký: một quyển.
- Kinh Du-già Niệm Châu: một quyển.
- Kinh Kỳ Đặc Phật Đảnh: ba quyển.
- Kinh Quán Tự Tại Bồ-tát Tối Thắng Minh Vương Tâm: một quyển.
- Kinh Kim Cương Đảnh Du-già Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát: một quyển.
- Kinh A-lợi-đa-la-a-lỗ-lực: một quyển.
- Tán Phổ Hiền Hạnh Nguyện: một quyển.
- Tán Địa Tạng Bồ-tát Vấn Pháp Thân Tán: một quyển.
- Kinh Xuất Sinh Vô Biên Môn: một quyển.
- Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ: một quyển.
- Kinh Để Lý Tam-muội-da: ba quyển.
- Kinh Thập Nhất Diệu Quán Tự Tại Bồ-tát: một quyển.
- Kinh Kiết tường thiên nữ thập nhị danh hiệu: một quyển.
- Kinh Kim Cương Đảnh Du-già Thập Bát Hội Chỉ Quy: một quyển.
- Kinh Kim Cương Đảnh Du-già Tam Thập Thất Tôn Phân Biệt

Thánh Vị Pháp Môn: một quyển.

- Kinh Bồ-đề Tràng Sở Thuyết Nhất Tự Đảnh Luân Vương: năm quyển.
- Kinh Bảo Khiếp: một quyển.
- Kinh kim Cương Thọ Mạng Đà-la-ni: một quyển.
- Kinh Đại Khổng Tước Minh Vương: ba quyển.
- Kinh Đại Vân Thỉnh Vũ: hai quyển.
- Kinh Tương Ngô lê Đồng Nữ: một quyển.
- Kinh Vũ Bảo Đà-la-ni: một quyển.
- Kinh Đạo Cán Dụ: một quyển.
- Kinh Đại Bảo Quảng Bác Lâu Các: ba quyển.
- Kinh Bồ-đề Trường Trang Nghiêm: một quyển.
- Kinh Trừ Nhất Thiết Tật Bệnh Đà-la-ni: một quyển.
- Kinh Thí Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà-la-ni: một quyển.
- Kinh Tam Thập Ngũ Phật Danh: một quyển.
- Kinh Bát Đại Bồ-tát Đà-la-ni: một quyển.
- Kinh Diệp Y Quán Tự Tại Bồ-tát Đà-la-ni: một quyển.
- Kinh Ha-lợi-đế mẫu: một quyển.
- Kinh Tỳ-Sa-môn Thiên Vương: một quyển.
- Kinh Quán Tự Tại Bồ-tát Thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni: một quyển.
- Kinh Văn-thù Vấn Tự Mẫu Phẩm: một quyển.
- Kim Cương Đảnh Liên Hoa Bộ Tâm Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Kim Cương Đảnh Du-già Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại: một quyển.
- Vô Lượng Thọ Như lai Niệm Tụng Nghi Quỹ: một quyển.
- A Súc Như lai Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Phật Đảnh Tôn Thắng Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Kim Cương Đảnh Thắng Sơ Du-già Phổ Hiền Bồ-tát Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Kim Cương Vương Bồ-tát Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Phổ Hiền Kim Cương Tát-đỏa Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Kim Cương Đảnh Du-già Ngũ Bí Mật Tu Hành Nghi Quỹ: một quyển.
- Kim Cương thọ mạng Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Nhất Tự Đảnh Luân Vương Du-già: một quyển.
- Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương Niệm Tụng Nghi Quỹ: một

quyển.

- Nhân Vương Bát-nhã Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Như Ý Luân Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Du-già Liên Hoa Bộ Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Cam lộ Quan-tra-lợi Du-già Niệm Tụng Pháp: một quyển.
- Quán Tự-tại Bồ-tát Chân Ngôn Quán Hạnh Nghi Quỹ: một quyển.
- Pháp niệm tụng Quán tự tại Da la Du già: 1 quyển.
- Hoa nghiêm Nhập Pháp Giới Phẩm Tứ Thập Nhị Tự Môn Quán: một quyển.
- Văn-thù Tán Pháp Thân Lễ: một quyển.
- Thọ Bồ-đề Tâm Giới Nghi: một quyển.
- Kim Cương Đảnh Du-già Tam Thập Thất Tôn Lễ: một quyển.
- Lý Thú Bát-nhã Thích: một quyển.
- Đại Mạn-đồ-la Thập Thất Tôn Thích: một quyển.
- Kim Cương Đảnh Du-già Hộ-ma Nghi Quỹ: một quyển.
- Chư Bộ Đà-la-ni Mục: một quyển.
- Luận Đại Thừa Duyên Sinh: một quyển.
- Kinh Thất-câu-chi Phật mẫu Đà-la-ni: một quyển.
- Kinh Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Sở Vấn: một quyển.
- Kinh Nhân Vương: hai quyển.
- Kinh Mật Nghiêm: ba quyển.
- Nhân Vương Niệm Tụng Nghi Quỹ: một quyển.
- Nhân Vương Kinh Sớ: ba quyển.

Sa-môn Bất Không nói: Bất Không tôi từ thuở nhỏ được kính thờ tôn sư Đại hoằng Giáo Tam Tạng Hòa-thượng Kim Cương trí suốt hia mươi bốn năm, bẩm thọ Pháp Môn Du-già. Sau đó, đi khắp năm xứ Ấn Độ tìm cầu những điều chưa được thọ học và các kinh luận, để học tập lại. Tìm được các kinh luận Du-già chân ngôn bản Phạn hơn năm trăm bộ. Kính vì nước nhà mà dịch rõ lời Thánh, rộng gieo phước đức. Vào niên hiệu Thiên Bảo thứ 5 (746), đi đến Thượng đô, vâng phụng ân ban Hoàng Đế Huyền Tông, ở tại trong cung, thiết lập đạo tràng, đem các kinh luận mang theo được, cố gắng phiên dịch, đến lúc Hoàng Đế Túc Tông kế thừa vương vị, đặc biệt kính vâng ý chỉ, ở tại đạo tràng trong cung kiến lập đàn tràng Hộ-ma quán đảnh. Lại vì nước nhà phiên dịch kinh điển giúp vua Hoằng Hóa. Được nhận đặc ân ban tặng của hai vị Thánh vương (Huyền Tông, Túc Tông) nên các kinh luận bằng

tiếng Phạn của các vị Tam Tạng Pháp sư ở đời trước đem đến đều được tìm hiểu. Trong đó có những quyển sách bìa rách nát rơi rớt sót mất bèn được tu bổ. Còn với những bộ không phiên dịch thì tiếp tục phiên dịch để trình lên vua xét biết, cúi mong Bệ hạ kế thừa mà tiếp nối vận Thánh, chở che hàm linh, mở rộng ruộng phước, sáng ngời như nhật nguyệt. Ân nhuần khắp xa, mưa Pháp truyền rộng, bốn biển tâm tưởng là nhà, muôn phương vui mừng mang đội. Vậy đủ biết sự phó chúc của Phật Tổ đều đầy đủ ở Thánh Quân.

Bất Không tôi được nhờ ân đức, vinh hạnh thật sâu. Tự suy xét điều ấy biết làm sao báo đáp nước nhà! Kính Vâng thánh chỉ tiên vương mở bày pháp mầu, lại kính vâng ân ban của bệ hạ cung kính tuân theo chỉ dụ để lại, tiếp tục phiên dịch kinh điển làm lợi ích chúng sinh. Tuy là trọn năm bốn mùa đều cố gắng siêng năng nhưng chưa thể báo đáp trong muôn một. Vì vậy cứ khư khư suốt ngày đêm, lo việc phiên dịch chân ngôn và các kinh điển Đại thừa, mong xem xét lại những sai sót. Trên nương nhờ Hoàng đạo, với các pháp môn trong Kim Cương Đảnh Du-già đã phiên dịch, ấy là con đường thành Phật nhanh chóng. Những ai tu hành theo pháp môn ấy, thì chắc chắn nhanh chóng vượt khỏi cảnh phàm, đạt đến bờ kia. Ngoài bộ chân ngôn ra, phương tiện của các Đức Phật không chỉ là một, nên các kinh điển Đại thừa đã phiên dịch đều là tu tạo phước đức để nước nhà dứt hết sạch tai ách. Trăng sao không gây hoạn nạn, mưa gió thuận hòa. Ngưỡng nhờ năng lực Phật giúp thành nước nhà. Kính cẩn gom góp lại các kinh điển trước sau đã phiên dịch xong, tính từ niên hiệu Khai Nguyên cho đến niên hiệu Đại Lịch thứ 06 (trước năm 742-771), gồm có một trăm lẻ một quyển; bảy mươi bảy bộ và Mục lục một quyển. Đồng thời ghi chép tên tuổi cho kẻ tăng người tục đã xong. Nay nhân ngày khánh đản, kính cẩn trình dâng, ngõ hầu được chân ngôn giúp đỡ, ủng hộ bệ hạ lâu dài. Do oai lực của Đại thừa mà quốc dân mãi an khương. Trong các kinh điển bản Phạn chưa phiên dịch, chỉ có các kinh giữ gìn nước nhà, phước nhuận sinh linh mới tiếp tục phiên dịch, trình tấu lên bệ hạ xét biết. Không gì hơn sự thành kính đến cùng, kính cẩn dâng biểu để bệ hạ xét biết, Sa-môn Bất Không tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 06 (771), ngày 12 tháng 10.

Đặc tiến Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không kính biểu.

Bảo Ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng ngày trước phụng thừa tiên triều mở mang pháp mầu,

giảng nói kinh điển, rộng chỉ bày bến mê. Trẫm kế thừa nghiệp lớn, cung kính vâng thừa yếu chỉ sáng suốt, Hòa-thượng lại phiên dịch rõ ràng, khiến mỗi quyển bộ thảy đều hoàn tất, mãi mãi cứu giúp sinh linh, thật đáng vui mừng thấm thiết. Các kinh điển Hòa-thượng đã phiên dịch nên giao phó trong ngoài, đưa vào mục lục Nhất Thiết kinh.

2. BIỂU TẠ ÂN ĐỨC CHO PHÉP ĐƯA CÁC KINH LUẬN MỚI PHIÊN DỊCH VÀO MỤC LỤC ĐỂ LƯU HÀNH:

Sa-môn Bất Không nói: Trung sứ Lý Hiến Thành phụng tuyên thánh chỉ đưa các kinh luận mới phiên dịch vào mục lục, ban một bài chế đáp lại biểu văn đưa kinh vào mục lục, ban một chỉ dụ bảo trong ngoài thi hành, vẫn cung kính đưa vào mục lục Nhất Thiết Kinh. Vui mừng ân trọng, không dám vừa mừng vừa sợ, vừa vui vừa thẹn! Cúi mong Bệ hạ vâng thừa phó chúc của Đấng Pháp vương, đầy đủ chí nguyện của tâm người, gìn giữ mật ấn của Phổ Hiền, thực hành chánh giáo của thiên tử, suốt ngày đêm soi sáng ban trải khắp tám phương, trong khoảng khắc đó rưới ân nhuần đến muôn vật. Đó là khắp đất trời đều rất hạnh phúc, huống gì đối với Bất Không tôi ư? Nhưng Bất Không tôi, suốt hơn bốn mươi năm phiên dịch thánh điển, suốt ba triều đại ca ngợi tu tập công đức với chí nguyện muốn truyền bá. Trên nhờ ân đức bệ hạ, dưới thấm nhuần sinh linh, đâu phải tâm ý ấy trong một triều đại mà nguyện mãn. Ân đức thánh vương thật rộng lớn, nhiều kiếp khó đáp đền, huống gì lại còn đặc ân cho phép phiên dịch bản Phạn các kinh chưa phiên dịch, càng thêm buồn vui, cảm kích, dốc hết sức lực kính vâng thánh chỉ, tiếp tục phiên dịch để dâng lên, mừng sợ mang ân đến cùng không tự kềm chế được, kính cẩn, nhờ trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu để bệ hạ xét biết, Bất Không tôi vừa mừng vừa thẹn kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 07 (772), ngày 27 tháng giêng.

Đặc tiến Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng đã chứng Bồ-đề từ lâu, nhập vào tri kiến Phật, các kinh điển phiên dịch thảy đều thấu suốt tinh tường đáng thọ học. Trẫm ban lệnh thi hành phép tắc truyền bá, soi sáng ban bày khắp nơi, rộng cứu giúp hàm linh, còn chưa tỏ sáng thuyền từ, sao nhọc lòng phải trình bày cảm tạ vậy.

3. CHẾ VĂN BAN TẶNG BIỂN NGẠCH CHÙA PHẬT ĐƯỜNG Ở PHƯỜNG TÂY UYỂN, HUYỆN TÂY HÀ, PHÂN CHÂU:

Viên Phật đường xưa ở phường Tây Uyển, huyện Tây Hà, thuộc Phân Châu.

Hữu Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không trình tấu: việc chùa Phật Đường nói trên, ở huyện Tây Hà, người dân trong xã ấp, khoảng niên hiệu Chí Đức (756-758), cùng chung chí nguyện tu tập, nên yêu nghiệt đều tan mất, nước nhà phục hồi, cũng nhân vậy, tiên thánh hiếu cảm Hoàng đế lấy làm tên xã, cũng không phiền nhiễu công gia, cũng khhông có cầu xin riêng. Mọi người ở xã ấy tự đem của cải trong nhà ra để xây dựng. Từ đó về sau, thường xuyên sửa chữa không thôi. Năm trước vâng lệnh vua ban phụng tu công đức ở núi Ngũ Đài, một hôm đến viện Phật Đường ấy tìm hỏi nguyên do, thảy đều rõ biết sự thật, ở đó, Điện đài phòng nhà đều làm hoàn tất, rất mong ân đức bê hạ ban cho biển ngạch hiệu chùa.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ nên ban tặng biển ngạch hiệu chùa là "pháp tân", như Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 07 (772), ngày 04 tháng 03.

- Trung thư thị lang Bình Chương sự Nguyên Tải
- Môn hạ thị lang Bình Chương sự Vương Tấn.
- Binh bộ thượng thư Bình Chương sự Lý Sứ.
- Tư Đồ kiêm trung thư lệnh sứ.

4. BIỂU ÂN BAN CẦU MƯA, MỪNG ĐƯỢC MƯA:

Sa-môn Bất Không nói: Trung sứ Khương Đình Hoàn đến phụng tuyên thánh chỉ. Nhân vì kháng dương (Hạn hán quá đỗi) nên ra lệnh cầu mưa, chỉ trong bảy ngày là được, Bất Không tôi nghe: lời nhỏ như mây tơ chuẩn xác là vua vậy, ban truyền rộng lớn mà vâng theo là bề tôi vậy. Cúi mong Bệ hạ rõ tứ mục, đạt tứ thông. Trời cao nghe biết khiến tâm lo cấy gặt. Thật đáng gọi là Nguyên thủ rất mực thấu suốt vậy. Đã kính vâng thiên chiếu, hẳn chóng gấp trang nghiêm đạo tràng, không ai chẳng dốc hết lực chuyên nhất tâm, khiến bệ hạ thành khẩn y theo Di giáo của các Đức Phật, tâm vi mật khẩn thiết, chí thành thì cảm cách đến thần linh, không nhọc sự vời đến của yên vũ, đã ban ân huệ khắp trời, dưới thì thuận lòng người trông mong, trên thì phù hợp với thánh tâm. Chân dậm tay múa, không dám nhảy nhót reo mừng, kính cẩn dang biểu trình bày chúc mừng để bệ hạ xét biết, Sa-môn Bất

Không tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ sáu (771), ngày 03 tháng 04.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không dâng biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng hạnh mầu tròn sáng, lòng từ cứu giúp rộng lớn, lo nghĩ sâu xa về nước nhà, lòng nhân phù hợp với sinh linh. Trang nghiêm thanh tịnh đàn tràng, chí thành mong cầu ân trạch, ngày đêm siêng cầu chân thánh chiếu lâm, chưa đến mười ngày đã có mưa, mầm xanh tươi tốt, hy vọng được mùa. Ngoảnh nhìn lại chỉ vì trẫm đức mỏng nên ôm lòng tự thẹn mà cố gắng vậy.

5. CHẾ VĂN TUYỂN CHỌN CÁC VỊ ĐẠI ĐỨC Ở THÁP VIỆN TÔN SƯ VÀ Ở VIỆN CỔ THẠCH GIỚI ĐÀN TẠI ĐÔNG ĐÔ:

Tháp viện Cố Hòa-thượng Tam Tạng Đại Hoằng giáo ở chùa Tiến phước tại Đông Đô, xin chọn bảy vị Đại đức nổi tiếng đức hạnh ở các chùa.

Ngày tôn sư của Bất Không tôi còn tại thế, đặc biệt được Huyền Tông tiên đế an trí tháp viện nói trên, trải qua nhiều năm tháng đã lâu, mái tháp có phần hư hoại, hương đèn dâng cúng thường thiếu sót, không người lo việc quét dọn. Nay xin chọn bảy vị Đại đức ở các chùa đến ở tại tháp viện ấy, ngày đêm sáu thời sám tụng, vì nước nhà mà tiến tu tam mật du già, tiếp tục kế thừa đạo nghiệp cũ của Tôn sư.

Đồng thời Viện Nhất thiết Hữu bộ Cổ Thạch Giới Đàn cũng chọn mời bảy vị luật sư nổi tiếng đức hạnh mỗi năm kiến lập giới đàn, truyền giới cho chư tăng.

Viện Cổ Thạch giới Đàn ấy là nơi ngày trước Hòa-thượng Bất Không xả y bát mà sáng lập. Ngay trong ngày Bất Không thọ giới cụ túc cũng có tâm nguyện chân thành hứa đồng tu tập. Bất Không tôi được nương ân Thánh, mong rằng gương ngọc lại sáng soi, thấy được phép tắc của tôn sư, trông mong bánh xe vàng luân lại xoay chuyển, nay xin đặt trí biển ngạch viện “nhất thiết hữu bộ Giới đàn”, đồng thời chọn bảy vị Đại đức nổi tiếng, bốn mùa vì chư tăng thường giảng nói giới luật, ngày đêm sáu thời vì nước nhà mà tu hành pháp môn tam mật.

Các việc trên, Đặc tiến Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: sự việc các viện chọn mời chư tăng và đặt trí biển ngạch, xin có gì thiếu sót thì thay thế vào, ở tại phủ huyện ấy, tất cả mọi sai liệu và tất cả việc tăng, đều

xin xóa bỏ, không đồng như các chùa khác. Cẩn trọng các sự việc nói trên.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất không.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ nên y cử Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 7 (772), ngày 16 tháng 6.

- Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải.

-Môn hạ thị lang Bình chương sự Vương Tấn.

- Binh Bộ Thượng thư Bình chương sự Lý sứ.

- Tư Đồ Kiêm Trung thư lệnh sứ.

6.CHẾ VĂN CUNG THỈNH PHÁP SƯ SIÊU NGỘ GIẢNG KINH TRƯỚC SÁU TÔN TƯỢNG BỒ-TÁT Ở CHÙA HÓA ĐỘ.

Sáu tôn tượng Đại Bồ-tát ở chùa Hóa Độ.

Hữu Đặc tiến Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: Trước đây kính vâng ân ban tu tạo công đức nói trên, nay cung thỉnh Pháp sư siêu Ngộ ở trước các tôn tượng, vì nước nhà mà giảng nói Kinh Đại Bát Niết-bàn, mong Bệ hạ sùng tu tẩy rửa mắt tai của hàm linh, thì tâm nguyện vi mật sẽ được viên mãn.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất không.

Điệp văn Từ Bộ chuẩn định như vậy.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ, nên y cử Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 07 (772), ngày mồng 02 tháng 08.

- Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải.

- Môn hạ thị lang Bình chương sự Vương Tấn.

- Binh Bộ Thượng thư Bình chương sự Lý Bão Ngọc.

- Tư Đồ liêm trung thư Lệnh sứ.

- Từ Bộ Điệp Đại Quảng Trí Bất không.

Điệp văn kính vâng Trung thư môn hạ ban sắc Điệp văn như Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 07 (772), ngày mồng 04 tháng 08.

- Lệnh Sử Thượng Tú Điệp, chủ sự Lưu nghĩa, tức trung Trữ Trường Nhụ.

7. CHẾ VĂN BAN LỆNH THIẾT TRÍ VIỆN VĂN-THÙ-SƯ-LỢI BỒ-TÁT Ở CÁC CHÙA TRONG NƯỚC:

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Tam Tạng Bất Không.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ ban sắc tại kinh thành, và tăng ni các chùa khắp trong nước. Mỗi nơi phải chọn một vị trí tôn nghiêm, thiết trí viện Đại thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát. Mỗi nơi tại bổn phủ, huyện, trưởng quan cần phải tu tập và tìm kiếm tôn tượng Văn-thù-sư-lợi đắp thắp họa vẽ công phu hoàn tất, mỗi mỗi về lại hình trạng để trình tấu, không được tạo lập riêng ngoài chùa. Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 07 (772), ngày mồng 16 tháng 10.

- Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải.
- Môn hạ thị lang Bình chương sự Vương Tấn.
- Binh Bộ Thượng thư Bình chương sự Lý Sứ.
- Tư Đồ Kiêm trung thư lệnh sứ.

8. BIỂU CẢM TẠ BAN SẮC THIẾT TRÍ VIỆN VĂN-THÙ Ở CÁC CHÙA TRONG NƯỚC:

Sa-môn Bất Không nói: "Kính thấy ngày 16 tháng nay, đặc ban tại kinh thành cũng như tăng ni các chùa trong nước, mỗi nơi tự chọn một vị trí tôn nghiêm để thiết lập viện Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, đồng thời tìm kiếm người họa vẽ khắc đắp tôn tượng Văn-thù". Bất Không tôi nghe: Duy Thánh tu đạo pháp lành, công đức ấy kinh động cả trời đất, thấm nhuần ân tuệ khắp sinh linh, cao như Nhật Nguyệt. Bất Không tôi vô cùng vui mừng đội ân, lại vui mừng hớn hở. Cúi mong Bệ hạ khai huyền tạo của Đấng Pháp Vương, mở ruộng phước thật khác thường. Kiến lập chân dung Đức Đại thánh Văn-thù, khiến khắp cả nước đều được chiêm ngưỡng. Ở nơi kẻ tăng người tục sáng ngời vinh hạnh thật sâu sắc. Vả lại, Đức Đại Thánh Văn-thù là thầy của các Đức Phật, các Tổ, vì lòng Đại bi phát thệ nguyện rộng lớn không nhận quả chánh giác, vận dụng Đại thừa dẫn đạo lợi lạc không kỳ hạn. Ngày xưa, Đức Thích-ca Như Lai, trước đã có lời huyền ký: giáo điển nhất thừa sẽ hưng thạnh tại Trung Hoa, sẽ có những bậc chí Thánh Đế vương sẽ dùng chánh pháp Đại thừa để trị quốc. Hơn tám trăm năm, trải qua rất nhiều đời Đế vương, Thánh hiền, thật chưa có ai như Bệ hạ cả. Bất Không tôi do nhân hạnh gì mà được sinh gặp thời Thánh triều, tu hành Đại thừa, kính thờ Văn-thù-sư-lợi. Thường đem các chân ngôn của Đại Thánh Văn-thù vì nước nhà mà trì tụng đặt biệt, thường mong hộ niệm, ân đức càng sâu. Ngày đêm suy nghĩ không biết làm sao để báo đáp! Chẳng phải là bỗng nhiên, thiên từ nhuần khắp, rơi lệ túc thành, quên

ăn bỏ ngủ, không dám buồn vui, chẳng gì hơn mong đợi đến cùng, kính cẩn nương nhờ trung sứ Dương Quý Trân dâng biểu trình bày nỗi vui mừng để Bệ hạ xét biết, Sa-môn Bất không tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 07 (772), ngày 27 tháng 10.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo Ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Đức Đại Thánh Văn-thù chứng chánh giác từ lâu, cứu vớt chúng sinh trong ba cõi, trấn nhiếp rồng dữ nơi Ngũ Đài, đạo từ bi sâu xa, công mở mang sự cứu giúp rộng, cho nên bảo ban tất cả tăng ni hướng về nương tựa. Tôn sư của Tam tạng Bất Không vốn người Tây Vực nên đáng rất an ủy thỏa thích. Đó là điều đáng chúc mừng vậy.

9. CHẾ VĂN XIN Ở HAI ĐƯỜNG CÁI TRONG KINH THÀNH, MỖI NƠI LẬP MỘT CHÙA ĐỂ GIẢNG KINH:

Kinh Đại Hư Không Tạng mới phiên dịch. Đại Đức Pháp sư Nguyên Doanh ở chùa Chương Kính, mời giảng ở chùa Bảo Thọ, Đại đức Pháp sư Đạo Dịch ở chùa Tư Thánh mời giảng ở chùa Tây Minh.

Hữu Đặc tiến Thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: bộ kinh nói trên, kính vâng chiếu ban hành, chưa từng khai giảng, nếu không khen ngợi, thì sao nói lên công đức của bậc Thánh, các Đại đức nói trên đồng thuật sớ giải đã xong, xin ở hai đường cái ở phía Đông và phía Tây mỗi bên lập một chùa để thường giảng kinh ấy, mong cầu phước đức lưu nhuận, trên đội ân Thánh thọ.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ nên y cử Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), ngày mồng 08 tháng 01.

-Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải.

- Môn hạ thị lang Bình Chương sự Vương Tấn.

- Binh bộ thượng thư Bình chương sự Lý sứ.

- Tư Đồ kiêm trung thư lệnh sứ.

Ngày 15 tháng 2, đầu tiên ban sắc ở viện phiên kinh, chùa Đại Hưng Thiện, tu tạo Điện các “Đại Thánh Văn-thù trấn quốc”. Đại đức Tú Nham sung sứ tu tạo, nhờ Sa-môn Tuệ Thắng cùng xem xét, Sa-môn Bất Không nói: cúi mong ân ban thánh chỉ phiên dịch kinh ấy, nhờ thần

lực các vị thiên che chở giữ gìn mà cho quyển hoàn tất, tên tuổi tăng tục chứng nghĩa nhuận văn, ngày tháng năm, nơi chốn đều xếp ở cuối quyển. Tháng trước, nhân lễ Đoan ngọ, kính dâng đã xong. Ân tình tháo tiết thánh vương hứa tặng ban tuyên. Bất Không tôi vừa mừng vừa sợ, lại thẹn mà gánh vác. Bất Không tôi nghe. Người lập giáo là Đức Như Lai, còn người mở mang truyền bá thi hành Phật sự chẳng phải Thánh Chúa thì là ai? Cúi mong Bệ hạ quay trời trăng ở Hoàng Đạo, rũ mưa móc nơi thương sinh, thấm nhuần muôn vật hữu tình, kẻ tăng người tục riêng hạnh tu hành thấm đượm vỗ về. Chưa biết báo đáp thế nào! Nhưng kinh này là cội nguồn của các hạnh, là tên gọi riêng của Tịnh Độ, Bồ-tát Đại nguyện công đức trang nghiêm tam muội thần thông, pháp ấn Như Lai, không pháp nào chẳng đầy đủ. Tạm nghe tùy hỷ, phước còn vô lượng, huống gì thọ trì đọc tụng, công đức làm sao hạn lượng được, mong đem pháp lợi này báo đáp trong muôn vật. Rất mong ân đức bệ hạ ban bảo khắp trong nước, ở chùa lớn thì bảy vị tăng, chùa nhỏ thì ba vị tăng ở tại viện Văn-thù mới thiết lập, suốt thời gian lâu dài vì nước nhà mà giảng nói trì tụng, như có thiếu sót tức liền thay thế, mục đích là làm cho pháp âm lưu truyền không dứt, khắp cùng đất nước mãi mãi an khang, bảo hộ thánh vương lâu dài, không gì hơn khẩn nguyện đến cùng, kính cẩn dâng biểu để xét biết, Sa-môn Bất Không tôi vừa kính xin vừa lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 08 (773), ngày ... tháng 06.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Tam Tạng Sa-môn Đại Quảng Trí Bất Không kính biểu.

10. CHẾ VĂN GIÁNG CHỨC TỰ CHỦ CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN CỦA SA-MÔN VIÊN KÍNH VÀ ĐƯA VỀ CHÙA TUỆ VIỄN Ở PHỦ HÀ NAM:

Tự chủ chùa Đại Hưng Thiện là Sa-môn Viên Kính bị phân phối về chùa Tuệ Viễn ở huyện Lục Hồn, Phủ Hà Nam.

Hữu Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện trình tấu: Sự việc Sa-môn Viên Kính trước đây gần sắp giải xem xét tăng, Bất Không tôi bèn đề cử sung chức tự chủ chùa Đại Hưng Thiện, nay được Đồ chúng khiêm nhượng khen ngợi hành trạng v.v.... Sa-môn Viên Kính tự đảm nhiệm giềng mối, xâm đoạt tổn hoại của thường trụ, phá hủy nhà cửa của chúng tăng yên ở mà sửa chữa phòng riêng của mình, phi lý sai sử người nhà, ngàn công đã hạ, vọng bày nhóm họp ni chúng ngủ nghỉ qua đêm, chẳng gìn

giữ mọi sự chê bai nghi ngờ, thấy khắp phủ kinh triệu tìm tòi xét hỏi, sự việc bày lộ rõ ràng. Sợ bị chiếu theo luật pháp xử trị, trong hàng Sa-môn thật đáng xấu hổ. Cúi xin lưu giữ pháp phục cho Sa-môn Viên Kính chớ tước đoạt chức danh vị tăng, bắt trở về chùa cũ ở Lục Hồn, cho được sửa đổi lỗi lầm, vì nước nhà mà tu trì.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 08 (773), ngày 13 tháng 07.

-Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải.

- Môn Hạ Thị Lang Bình Cương sự Vương Tấn.

- Binh Bộ Thượng Thư Bình Chương Sự Lý sứ.

- Tư Đồ Kiêm Trung Thư Lệnh sứ.

11. SỚ VĂN KÍNH DÂNG KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI-PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC:

Kinh Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Phật Sát Công Đức Trang Nghiêm, một bộ gồm ba quyển và hòm Bảo Điền.

Bất Không tôi trước đây vâng thừa chỉ dụ phiên dịch kinh này, được ân Bệ hạ quan tâm nên đều đã hoàn thành, tham khảo so sánh bản Phạn đời Đường, định rõ ngôn âm, tháng năm ghi chép nơi chốn và tên tuổi các vị tăng tục chứng nghĩa, đều ghi ở quyển trung (= quyển thứ hai).

Nguyên do duyên khởi sự tích Đức Đại Thánh Văn-thù ban đầu từ khi mới phát tâm đến thành Chánh giác, cõi nước trang nghiêm, trong kinh đều giảng nói đủ. Lý thể các Đức Phật, hạnh môn các vị Bồ-tát, pháp giới hữu tình, thật tướng vô sinh đều hiển bày rõ ràng, công đức rộng lớn, các kinh khác ít có. Nguyện đem thắng nhân này vun bồi vận may cùng thánh vương, cúi xin tuyên bày khắp nơi để tạo phước cho sinh linh, rất mong ân đức Bệ hạ, do vậy mới an trí tại các viện Văn-thù suốt thời gian dài vì nước nhà mà giảng nói tụng tập. Nếu có chỗ thiếu sót thì liền thay thế. Đó là khiến cho đèn pháp liên tục chói sáng không tát. Linh thần muôn loại không ai lòng chẳng vui mừng. May nhân ngày luân vương giáng sinh. Ngày thiên hạ mở hội vui mừng, mong cảnh phước ấy lớn như núi thọ, muốn dòng pháp vị chảy tràn biển thánh. Kính cẩn tùy trạng trình bày kính dâng để bệ hạ xét biết, như ân đức bệ hạ vui lòng xin ban cho chỉ dụ.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 08 (773), ngày 13 tháng 10.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Tam Tạng Sa-môn Đại Quảng Trí Bất Không kính trạng.

12. CHẾ VĂN XIN BỔ NHIỆM SA-MÔN ĐẠO NGỘ TRƯỚC ĐÂY GIỮ CHỨC DUY-NA, NAY CHO LÀM CHỨC TỰ CHỦ:

Hữu Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không trình tấu: Sa-môn Đạo Ngộ giới hạnh tinh khiết, được đại chúng suy tôn, trước đây được làm chức Đô sư, coi sóc mọi việc ở chùa, trước sau như một, đức tánh siêng năng rất sáng suốt. Hiện nay, chùa (Đại Hưng Thiện) bị thiếu người làm tự chủ, nhờ Sa-môn Đạo Ngộ coi sóc, cúi xin bổ nhiệm cho làm chức Tự chủ.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn vâng phụng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố điệp.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 08 (773), ngày mồng 04 tháng 08.

-Trung Thư Thị Lang Bình Chương Sự Nguyên Tải.

- Môn Hạ Thị Lang Bình Chương Sự Vương Tấn.

- Binh Bộ Thượng Thư Bình Chương Sự Lý sứ.

- Tư Đồ Kiêm Trung Thư Lệnh Sứ.

13. BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG CHO “QUỲNH HOA CHÂN NHÂN MỘT TẠNG NHẤT THIẾT KINH”:

Sa-môn Bất Không nói: giám quan nội yết Ngô Hưu Duyệt kính tuyên thánh chỉ: Quỳnh Hoa chân nhân chơn như kim Cương Nhất Thiết Kinh mật tạng gồm năm ngàn năm trăm năm mươi quyển, đều là trục bằng chiên Đàn hương, dệt thành gáy lụa, các thứ hương hợp thành tạng kinh gỗ hương làm bàn để kinh, vàng báu làm lò hương, ráng mây chiếu nhau, mặt trời, mặt trăng xen tạp nhau, sáng rỡ thơm tho đầy khắp các ngã đường, đều ban tặng cho Bất Không tôi, an trí tại bổn viện, bảo ban tụng đọc, kính rước lễ bái. Tôi vui mừng vô cùng, chưa biết phải làm thế nào để đáp đền ân huyền tạo! Lại xét nghĩ rằng thánh điển của các Đức Phật, chỉ cần thọ trì đã được phước vô biên, mong đem nhân duyên thù thắng ấy để đền đáp trong muôn một. Nên kính cẩn liền sai mười bốn vị tụng đọc thọ trì suốt thời gian dài, nguyện cầu chân nhân chân như Kim Cương phước đức vững chắc, Thánh hoàng được vận báu muôn kiếp đều mới mẻ, ý chí vui mừng không kềm chế được, kính nhờ trung sứ Ngô Hưu Duyệt dâng biểu trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng vừa lo vừa mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 08 (773), ngày 18 tháng 10.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Tam Tạng Sa-môn Đại Quảng Trí Bất Không kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Sa-môn Tam Tạng Phạm hạnh tinh ròng sâu xa, chân thánh che chở, kinh hành chuyển đọc phước đức vô biên, trẫm kính đem tạng kinh an trí nơi hương sát (= chùa) nguyện cầu phúc đức che chở Quỳnh Hoa, khiến bệnh tật chóng dứt trừ, mọi tốt lành thấm nhuần lâu dài. Đâu có ân đức đặc biệt gì mà phiền lòng tạ ân như thế.

14. BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG BÁNH CHƯNG, TIỀN V.V... MỌI VẬT, NHÂN NGÀY THƯỢNG LƯƠNG ĐIỆN CÁC ĐẠI THÁNH VĂN-THÙ:

Sa-môn Bất Không nói: điện các Đại Thánh Văn-thù, trước đây kính vâng ân ban lấy ngày 14 tháng này làm lễ thượng lương. Được bệ hạ quan tâm chú ý ban tặng cúng dường trai phạn một ngàn vị tăng, thượng lương tiền đỏ hai trăm quan, chưng bánh hai ngàn cái, bánh Hồ hai ngàn cái, trà hai trăm bao, nước thơm nóng mười hũ, đường mật mười mâm, quýt ngọt mười lăm mâm, mía bốn mươi cây, trung sử tiếp nối ở đường sá, uống ăn tấp nập đầy đủ khắp các ngã đường, thức ngon vật lạ đầy đủ cho cả hội lớn, trà nước cung cấp đủ cho mọi người. Ân đức bệ hạ thật là quá cao, những người hiểu biết đều nói: Từ khi đạo Phật truyền đến Trung Hoa cả ngàn năm nay, các vua ngày xưa đâu phải không tu phước, song làm lợi ích rộng lớn thật chưa có ai như Hoàng thượng ngày nay. Bất Không tôi do duyên may gì mà sinh gặp thời thánh triều, lại truyền bá chân ngôn, phụ giúp Bệ hạ hoằng hóa, tuy có trăm thân cũng không thể chọn lựa, ngày đêm tinh tấn trì tụng, ngõ hầu báo đáp trong muôn một, thật là vừa mừng vừa sợ không gì hơn, kính cẩn nương nhờ giám sứ Lý Hiến Thành dâng biểu trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vừa mang ơn, vừa hổ thẹn, kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 08 (773), ngày mồng 10 tháng chạp.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng truyền giáo ở Phạm cung, lưu âm nơi Đông Hạ (= Trung Hoa), mở mang thánh điển, hộ trì Chân tông, phước lợi khắp chúng sinh, mừng vui chung của đất nước. Dựng xây điện các Văn-thù, khởi đầu thượng lương hương sát. Sắm sửa thức ăn phụ giúp cúng dường

trai diên, chớ nhọc lòng trình biểu cảm tạ.

15. BIỂU CHÚC MỪNG TRỜI MƯA: : (có phần trả lời)

Sa-môn Bất Không nói: khoảng cuối Đông năm trước dứt tuyết, khiến tháng giêng năm nay đã mãn, còn tự trái mùa, khắp mọi nhà đều nóng bức, cõi lòng bệ hạ lo nghĩ quanh co, vì mọi người chỉ dẫn đều sai trái, tinh cần mong cầu trời, quả được theo thời, ân tuệ thấm nhuần khắp cả, sông ngòi đồng ruộng nước tràn đầy, cỏ cây đơm hoa kết trái. Vậy đủ biết thánh đức cảm động đến trời, thần ứng như tiếng vang, một người có được sự cảm thông mà muôn loài chết rồi được sống lại, vui mừng đến cùng, không kềm chế được, kính cẩn nhân nhờ trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu trình bày chúc mừng để bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng vui mừng đội ơn, kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày mồng 05 tháng 02.

Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Tam Tạng Sa-môn Đại Quảng Trí Bất Không kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Từ mùa đông đã ít tuyết, trẫm lo nghĩ đến nhà nông, bảo ban các quan, tìm cầu khơi ngòi nơi núi cao, tông xã ban cho thần giúp, linh kỳ xót thương, mây mù kéo khắp, mưa thấm ruộng đồng. Hòa-thượng nhớ nghĩ nước nhà sâu sắc, cung kính thỉnh lập đạo tràng, mùa màng thời tiết điều hòa như có hy vọng, trẫm an ủi vui mừng ở điều đó. Ấy chính là điều biết chúc mừng vậy.

16. BIỂU KÍNH VÂNG AN ỦI QUỲNH HOA CHÂN NHÂN QUA ĐỜI:

Sa-môn Bất Không nói: Kính vì sự ra đi của Quỳnh Hoa chân nhân, thượng hoàng lo lắng bi thương, bàng hoàng buồn thảm trên bước đường. Bất Không tôi vụng về tự nuôi dưỡng chữa trị kề cận bên giường một thời gian lâu dài. Bệ hạ không vì phàm tăng Bất Không tôi sai khiến nuôi dưỡng chân nhân làm con gái, đau đớn đến cùng thật gấp bội thường tình. Lúc chân nhân thay đổi khác thường, chính tự thân Bất Không tôi vô cùng khốn khổ, không còn năng lực vội vào nội cung để gia trì, chiều hôm qua, là ngày 27, phù sách muốn xin đối, vừa đến góc đông nam tử thành đã nghe tin dữ của chân nhân, giữa đường bèn trở lại, truy cảm lúc còn sống thật không do đâu mà quả quyết, đau thương chẳng xét ý, đau đớn thật vô vàn. Cúi mong thánh từ cho phép Bất Không tôi ngày mồng 02 tháng tới (= tháng 5) giúp lực đến an táng chân

nhân, chuyển ý nhớ nghĩ để lấy lại lễ tình, thật là buồn thay! Thường kính thành phát nguyện trên hướng đến các Đức Phật, ngõ hầu nương vào pháp lực, che chở vong linh. Cúi mong lòng thương của Thượng hoàng dũ lòng soi xét, Bất không tôi có ít thời gian thuyên giảm, mong được che chở an ủi, kính dâng biểu để Bệ hạ xét biết, Bất không tôi vô cùng đau buồn kính dâng.

Niên hiệu Đại lịch thứ 9 (774), ngày 29 tháng 04.

Đặc tiến Hồng lô khanh, Sa-môn Tam Tạng Bất Không Đại Quảng Trí Kính Biểu.

Bảo Ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng đế phê:

Quỳnh Hoa chân nhân lúc còn sống là người mà trẫm lo nghĩ rất nhiều, vì bệnh tật đã quá lâu, nương nhờ ruộng phước, Hòa-thượng từ bi nuôi dưỡng làm con gái, song bệnh tình không thể cứu thoát, xót thương vô vàn. Hòa-thượng nhiều lúc trái trời, thân thể khí lực yếu mệt, vả lại nên giữ gìn, không nên nhọc lòng, đến lúc an táng, thử trừ nghe thuyên phục vậy.

17. BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG LỤA TRẮNG: (có phần trả lời)

Sa-môn Bất không nói: Cúi mong trung sứ Nguyên ứng Toàn tuyên cáo thánh vấn, đồng thời ban tặng lụa trắng v.v... bưng nhận hổ thẹn lo sợ không biết tính liệu làm sao! Phục dĩ: không cách nuôi sống, từ tấm bé đã bị bệnh khổ, ra sức không kịp đối đầu yêu họa của Quỳnh Hoa. Lại tắm gội ân sủng, hỏi han nhiều lần, không dám buồn giận đến cùng, kính cẩn tuỳ biểu trình bày để bệ hạ xét biết, Sa-môn bất Không tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09(774), ngày mùng 05 tháng 05.

Đặc tiến thí Hồng lô khanh, Sa-môn tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hoà thượng Đạo hạnh tròn sáng, từ bi thấm khắp, từ thuở bé thường bệnh, lo lắng bàng hoàng khác thường, mọi vật đều đượm nhuần, sao nhọc lòng cảm tạ vậy.

18. CHÚC THƯ CỦA HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG:

Tôi báo cho khắp bốn chúng đệ tử v.v... biết rằng: Đại Giáo Tổng Trì rộng lớn sâu xa, du già bí mật ai dò được cội nguồn, tôi từ tuổi trẻ xuất gia, nương thầy học đạo, tìm kiếm kinh phật hơn hai mươi năm, ngày đêm siêng năng, cúi vâng thưa hỏi, mới được trao truyền cho bốn

ngàn bài trụng pháp Du-già, làm sao chứa nhóm sâu nặng. Tôn sư qua đời, không nơi nương tựa, chẳng biết nhờ đâu mà tiến tu đạo nghiệp? Vì vậy, phải đến tận thiên trúc, vượt biển trèo non tham học Du-già, đích thân lễ bái các thánh tích, được mười muôn bài tụng pháp tạng ấn khả, tương truyền về lại đế hương (= Trung Hoa), hành hóa nơi đất phước Sang, nhưng một triều đại mà làm thầy cả ba đời vua, là người chủ trao truyền mật pháp Du-già, bèn từ đó Thánh vương hoằng giáo, mười tám hội Du-già rất sâu sắc thảy điều kiến lập, ba mươi bảy thánh chúng mỗi vị đều tu hành. Mỗi lúc vào đạo tràng, y theo thời khóa niệm tụng, chín trùng muôn thừa bằng quán tâm năm trí, cung đình Bách liêu điều trì ấn Tam mật. Tôi đời nay quán đảnh hơn ba mươi năm, vào đàn truyền pháp cho đệ tử rất nhiều. Năm Bộ trác-ma thành lập thám thứ, dần hồi hao mất chỉ còn sáu người. Đó là sáu vị nào? Đó chính là Hàm Quang ở chùa Kim Các, Tuệ siêu ở Tân-la, Tuệ Quả ở Thanh Long, Tuệ Lãng ở Sùng Phước, Nguyên Kiểu và Giác Siêu ở Bảo Thọ. Sau này nếu có ai nghi ngờ, các ông nên chỉ bày cho họ giúp đèn pháp không tắt tuyệt, để đền đáp ân tôi.

Huống gì, nay tôi tuổi đã bảy mươi, khí lực dần suy yếu, các ông nhiều người còn nhỏ dại, nên trước hết giao phó Bổn viện cho đệ tử tăng là Tuệ Thắng v.v... từ thuở nhỏ đã theo kính thờ tôi, rất cung kính cẩn trọng, không biếng lười, khổ nhọc nhiều năm, thật đáng thương khen. Tuy đối với năm bộ du già chưa được hoàn toàn nhuần thấm, nhưng nhiệt khí tu trì để thành phật thì có thừa, mỗi người hãy tự cố gắng như ngày tôi hiện còn, phải hòa mục cùng nhau trụ trì. Nếu có hại đến quần chúng, thì tôi không giúp đỡ các ông. Tôi thọ trì Kim Cương, Chung Linh, chày gậy, mâm bạc, chuỗi hạt Bồ-đề, chuỗi hạt thủy tinh v.v..., thảy đều dâng cúng các bậc thánh, xin đưa vào cung.

Đồng thời những ai là đệ tử tôi ở các chùa Bảo Thọ, Hóa Độ, Đại Hưng Thiện v.v... ngày tôi còn sống, các ông nương tựa tôi, tôi che chở các ông, sau khi tôi qua đời, các ông phải y cứ vào nước nhà; Đối với nước nhà phải trung thành, nỗ lực kính thành, vì nước nhà mà trì niệm, nước nhà an bình; nhân dân khương thái, ấy là nguyện tôi đã mãn vậy: Đối với Đàm Trinh ở chùa Thanh Long, thì Đại pháp chân ngôn, tôi truyền trao cho Đàm Trinh trước, còn như khế ấn người nào chưa được, thì các ông nên chuyển trao dùm tôi vậy. Đệ tử là Ấn Tục công đức xử lý khai phủ nương tôi thọ pháp hơn ba mươi năm, siêng năng tinh tấn, tâm hiếu sâu dày, ở Hà Tây, Nam Hải qua lại hỏi đạo, Tịnh Ảnh Hồng Lô, đích thân cúng dường, năm bộ Du-già trước tiên đem trao cho đó.

Thân tôi bảy mươi tuổi, càng tăng thêm bí mật, tôi đủ năm cỗ Ngân Đạo, ba cỗ chày Kim Cương, riêng cỗ Chung Linh đều giữ tại khai phủ, nhớ nghĩ thọ trì, mau chứng tất-địa, chư tăng trong khai phủ qua lại xem xét như ngày tôi hiện còn, mục đích là đáng phải an định, trên dưới phải hòa mục. Giám sứ Lý Đại Phu từ lúc coi sóc tôi đến nay không hề trái ý, qua lại dâng tấu đều hợp với Thánh tâm, không chỉ phụ giúp nước nhà mà cũng là Bồ-tát hộ pháp, Phổ Hiền bí mật tìm để thọ trì, tiếp nối Đại thừa chắc chắc sẽ chứng đắc. Tôi có Ngân Yết ma, chày Kim cương bốn cái đều luân phiên lưu giữ, thọ trì nhớ nghĩ, chứng đắc Bồ-đề, giữ gìn Phật pháp như ngày tôi hiện còn vậy.

Hiền giả Triệu Thiên, lúc tôi phiên dịch kinh, có một thời gian làm người ghi chép, ngoài ra các thứ như sao chép v..v... ông ấy cũng rất có công. Nếu ông ấy muốn xuất gia thì nên chấp thuận cho ông, còn thích ở đời các ông cũng nên cho ông ấy được như ý.

Thời gian sau này tôi có phiên dịch được: Kinh Văn-thù một quyển, Bảo Lâu Các Niệm Tụng Pháp một quyển, kinh Như Lai tạng một quyển, phiên dịch tuy đã xong, nhưng chưa kịp trình lên, cần nên viết ra, và vì tôi mà tấu trình. Bảo Kim Cương theo hầu tôi lâu ngày, tâm thường hiếu thuận. Còn việc niệm tụng càng luôn tinh tấn, nên giữ lại trong viện, cùng ở cấp dưỡng. Các hành giả đồng tử ở tại nội viện, trên từ những bậc hiền đức dưới đến các kẻ nô sĩ các ông, đại phu nên tấu trình để độ cho họ. Trong đó như Tô-đà-na-dã-xa đều nên thả cho về, tùy theo ý thích, nếu muốn ở lại trong viện cũng tùy theo ý thích. Còn Đình Tú là người già nua mới đích thân được gặp Nam Hải, muốn được theo hầu, cũng nên nói cùng khai phủ thả đi để nuôi thân, Linh Kiêu như là người nhà, vì thời gian lâu nương tựa theo tôi vào nơi nội cung. Thượng Hoàng cũng biết, mỗi lần sai sử khổ nhọc rất nhiều. Sứ Lý Đại phu cùng nên xuất gia, Trang Thượng có hai con bò, có thể chuẩn định tìm vật khoảng hơn mười quan, đem bồi đắp trong thường trú, dùng làm các giá trị, đem chuộc lại Linh Kiêu trong viện để ứng duyên. Trong đạo tràng có phướn hoa cột tượng, các vật công đức biếu tặng như mũ giạ, thảm, dầm, đồ đồng, đồ sứ, chén bát v.v... tất cả đều đưa vào dưới điện các Văn-thù cúng dường vĩnh viễn, không được giao truyền thất thoát ra ngoài cho người mượn. Y áo của tôi đều xả bỏ hết. Vàng có tám mươi bảy lượng, bạc có hai trăm hai mươi lượng rưỡi, đều đem cúng dường vào các chùa Kim Các, Ngọc Hoa ở núi Ngũ Đài. Để trang nghiêm tu tạo công đức. Các vật sẵn có trong nhà như đồ sơn, đồ thiếc, đồ gốm, giường, chiếu, mền, dạ, giường con, dầm v.v... và các tạp vật

tôi đều xả bỏ để lại bổn viện sử dụng. Đệ tử tới lui phải có nương gởi. Kinh sách trên điện các trong tạng an trí tạng kinh ấy thế nào phải chỉ bảo người giữ viện an trí.

Các ông phải thường vì nước nhà mà chuyển đọc trì niệm đốt hương cúng dường gìn giữ và không được để lưu lạc tản mất. Tôi trình tấu Thánh thượng dựng lập các điện, phía dưới an trí tôn tượng Đại Thánh Văn-thù Bồ-tát, phía trên tôn trí kinh sách Phạm cũng như tiếng Hán, làm ruộng phước cho nước nhà, trọn đời cúng dường điện các đổi xây dựng lại đã hoàn thành, làm nhà thiếu tiền trang trí chưa xong, mái hiên lan can cửa nhà, phòng tăng cũng chưa thành lập. Như có chỗ đánh rơi rớt tàn tạ mới thay đổi gỗ Phù, ông cùng với đại phu tính bàn khéo làm văn tấu để tu sửa tốt quý hơn, sau khi xây dựng điện các hoàn thành, lại kính vì nước nhà mà mời hai mươi mốt vị tăng tụng niệm kinh sám, giúp cho thánh thọ, ấy là đã tròn bổn phận của tôi vậy. Tháp viện vườn nhà của chư tăng ở tại tháp báu Tôn Sư Hòa-thượng tại Đông Kinh, ông cũng nên vì tôi mà đứng ra thành lập. Như xe bò ở trang trại Hào Nam Huyện Ngọc đều mới mua đất và Ngự Tú Xuyên thêm được đất trồng lúa, vườn, rau, ở Nhai Nam, tôi đều để lại cho bổn viện đạo tràng điện các Văn-thù, chuyển niệm chư tăng, mãi mãi cung cấp lương thực sử dụng các thứ cúng dường như nhang dầu, than lửa v.v..., không được đưa ra ngoài viện phá dùng, người ngoài viện, tất cả không được cản ngăn cho đến có sự chiếm đoạt, còn trang trại Tường Cốc Tử đem tô bồi cho thường trú, và văn khế các trang trại đều giao phó cho nhà chùa.

Tôi lại muốn nói với các đệ tử rằng: các ông phải nên biết đời người vô thường không ai tránh khỏi, Đạo thầy trò như pháp nghĩa tình thân chẳng đồng cốt nhục, so với người thế tục hoàn toàn khác biệt. Nếu các ông y theo lời tôi tức là pháp tử của tôi, nếu trái lời tôi tức không có duyên đối với Phật pháp. Sau khi tôi qua đời, đều không được mặc tang phục hoặc khóc lóc mến tiếc, nếu nhớ thương tôi thì phải gia tâm niệm tụng, đó là báo đáp ân đức của tôi vậy, cũng không được phá uổng tiền của trong việc tang lễ tống đưa, cũng chớ an trí nhục thân nơi doanh thành tốn hao công người, chỉ để lại trên một chiếc giường, tất cả đều phải niệm tụng rồi đưa ra ngoài thành theo pháp làm lễ thiêu, lấy lại nắm tro để gia trì chú nguyện rồi tán vãi. Cũng không được lập linh vị, họa vẽ hình ảnh tôi, bảy mươi hai vị nho sĩ còn có tâm tang, tôi dạy Quán đảnh tương truyền đều không nên làm như thế, các ông là những người con từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh, được pháp phần của Phật, tức thân đồng với thân Phổ Hiền, hạnh đồng với hạnh Phổ Hiền,

an trú trong tâm Phổ Hiền, tròn sáng khắp cùng, năm trí đều hiện, tu hành được như vậy thì khế hợp với tâm tôi, sao lại khư khư khổ nhọc làm những việc phi pháp vô ích? Những gì tôi nói, các ông nên làm theo đó, sợ e sau này không có bằng cớ y cứ, nên thỉnh mời Tam cang Trực tuế và những vị nổi tiếng trong đồ chúng, vì ký vào ở Ổ-ba-đà thư cáo.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) tức ngày mồng 07 (ất tỵ) tháng 5, năm Giáp dần.

- Trực tuế Tuệ Đạt.
- Điển tọa Minh Ngạn.
- Đô-duy-na Pháp Cao.
- Tự chủ Đạo Ngộ.
- Thượng tọa Tiềm Chân.

ĐẠI BIỆN CHÁNH QUẢNG TRÍ TAM TẠNG
HÒA-THƯỢNG BIỂU CHẾ TẬP
QUYỂN 3 (HẾT)

■

BIỂU CHẾ TẬP

Sa-môn Thích Viên chiếu chùa Tây Minh
ở Thượng Đô, Trường An biên tập.

QUYỂN 4

Biểu văn có mười chín bài, đáp chế có ba bài, tổng cộng hai mươi hai bài.

01- Chế văn xin sắp đặt chư tăng tụng niệm ở hai đạo tràng: Quán đảnh và Điện các Văn-thù-sư-lợi tại chùa Đại Hưng Thiện.

02- Chế văn tặng thêm khai phủ và phong tặng tước hiệu “Túc Quốc Công”.

03- Chế văn bày tỏ tâm tình từ tạ của Hòa-thượng Tam tạng Đại Quảng Trí Bất Không. (có phần trả lời)

04- Chế văn ban tặng đồ vật khi Hòa-thượng mới ra đời.

05- Chế văn ban lệnh các vị Hiếu tử mỗi mỗi tự giữ lấy Nghi pháp Hòa-thượng chỉ dạy.

06- Chế văn ban lệnh các vị Hiếu tử đắp mặc tang phục đúng lễ nghi.

07- Chế văn thư chiếu (văn thư chép tay), ban cấp gạo, bún mì cho các vị Đệ tử và chọn vị trí, ngày an táng (nhập tháp).

08- Khen ngợi ảnh Tả Chân của Hòa-thượng và lời tựa.

09- Chế văn ban ơn xây dựng linh tháp.

10- Biểu văn tạ ân ban tặng bảy trăm năm mươi hai xấp lụa để xây dựng tháp. (có phần trả lời)

11- Văn tế của Đặng Quốc phu nhân Trương Thị, nhân ngày an táng (= nhập tháp).

12- Văn tế đệ tử bí-sô Tuệ Thắng.

13- Văn tế Lý Tướng Công, ngày mùng 5.

14- Chế văn ban tặng tước hiệu “Tư Không”, thụy hiệu “Đại Biện Chánh” Tam Tạng Hòa-thượng. (văn của Sa-môn Phi Tích)

15- Văn bia Cố Đại Đức khai phủ Nghi Đồng tam tư, Thí Hồng Lô Khanh túc Quốc công, chùa Đại Hưng Thiện, Hòa-thượng Tam Tạng

Đại Quảng Trí thời Đại Đường.

16- Ảnh tán Cố Tư Không, chùa Đại Hưng Thiện, Hòa-thượng Tam Tạng Đại Biện Chánh Quảng Trí Bất Không, do vua Đại Tông đời Đường ban tặng.

17- Sắc bảo sứ Lưu Tiên Hạc trao dâng tế văn.

18- Văn tế của Nguyên Tướng công, nhân ngày an táng cố Hòa-thượng Tam tạng.

19- Biểu tạ ân Chế văn truy tặng Tôn sư và thụy hiệu.

*****

1. CHẾ VĂN XIN SẮP ĐẶT CHƯ TĂNG TỤNG NIỆM Ở HAI ĐẠO TRÀNG: QUÁN ĐẢNH VÀ ĐIỆN CÁC VĂN-THÙ-SƯ-LỢI TẠI CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN.

Các đệ tử tăng Tuệ Lãng, Tuệ Siêu, Tuệ Xán, Tuệ Hải, Tuệ Kiến, Tuệ Giác, Tuệ Huy... các vị Đại đức trên, được mời ở tại đạo tràng Quán Đảnh thường vì nước nhà niệm tụng. Các vị đại đức, Tuệ Cán. Tuệ Quả, Tuệ Nghiêm, Tuệ Vân, Tuệ Tín, Tuệ Trân, Tuệ Thắng, Tuệ Thâm, Tuệ Ứng, Tuệ Hạnh, Tuệ Tích, Tuệ Tuấn, Tuệ Hiền, Tuệ Anh. Các vị đại đức này, được mời ở tại Điện các Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi thường vì nước nhà chuyển độc, sắc ban Nhất Thiết Kinh.

Sự việt trên Đặc Tiến Hồng lô khanh, chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không trình tấu: Bất Không ở tại tu viện này hơn hai mươi năm, thiết lập đạo tràng, vì nước nhà trì tụng kinh sám, linh ứng chẳng phải một, không thể nói hết. Điện các Đại Thánh Văn-thù, được Bệ hạ ân tặng tiền vật dựng xây vừa xong, đã tôn trí kinh sách, lại có ngự kinh, lý hợp với Hoằng Trì vun bồi cảnh phước, hai mươi mốt vị Đại đức như Tuệ Lãng v.v..., từ lâu đã nghiên cứu sâu mật tạng, thấu đạt sâu sắc chân thừa, giới hạnh tròn sáng, khuôn mẫu của pháp môn, mong nương hai đạo tràng nói trên, thường đọc tụng thọ trì kinh sám. Nếu sau này có sự cố, thì liền mời chọn lựa sáng soi, có các vị tăng đạo hạnh thay chỗ thiếu khuyết, ngõ hầu Đèn pháp không tắt, Thánh thọ vô cương.

Trung thư môn hạ, Điệp văn của Đại Quảng Trí Bất Không.

Điệp văn kính vâng chỉ dụ nên y cứ Điệp văn chuẩn định, ban sắc cố Điệp

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày mồng 06 tháng 06.

- Trung thư thị lang Bình chương sự Nguyên Tải.

- Môn hạ thị lang Bình chương sự Vương Tấn.
- Binh Bộ thượng thư Bình chương sự Lý Bão Ngọc.
- Tư Đồ kiêm trung thư Lệnh sử.

2. CHẾ VĂN TẶNG THÊM KHAI PHỦ VÀ PHONG TẶNG TƯỚC HIỆU "TÚC QUỐC CÔNG".

Chiếu chỉ viết: Hạnh của Đại Đạo đồng hợp với dị tướng, chí lý các thánh vương đều quay về chánh pháp, mới hóa thành đế cùng ngang nhau. Nho Thích đâu có khác đường. Nên các vị Đế vương đời trước ai chẳng tôn sùng, kính thờ chánh pháp, hoằng hóa mở mang, thời gian nào cũng thực hành. Đặc tiến thí Hồng Lô Khanh, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện, là bậc thầy của ta, là thuyền buồm của người vượt đến ba học, dứt sạch Kiến thủ, tu trì muôn hạnh, thường hiển hiện ở hóa thành. Giữ gìn luật pháp, xả bỏ ràng buộc, giữ gìn giới cấm làm chuẩn phép tắc, tiếp nối ý chí của giáo pháp trong sáng, tốt lành, đến nhận lời thỉnh mời của Nhân Vương. Trẫm ngày trước sống ở tiên triều, sớm nghe yếu đạo và được phó chúc, thường là chỗ quy y. thườn trì kinh nơi nội điện, khai pháp trước tòa, nương lễ của người giao tự, thuận theo lới hỏi của không đồng, sánh như gió, âm mầu giảng nói tròn đầy, mật hành gìn giữ bên trong, chờ hỏi, như pháp, tự bến bờ đều gặp gỡ, tẩy rửa mờ tối, điều phục ma oán. Trời người rửa lòng nơi cửa độ, Rồng quỷ nhận chức ở Thần ấn. Hẳn dùng khí lực mà tiêu tan dịch lệ, phước đức tốt lành, thật chỉ làm cho bản ngã lớn ra, đâu chỉ lợi đẹp ở ta. Thường có bảo ban pho trật, trọng dụng ưu lễ mà được làm thầy. Vị ngon đạo thấm, ân sâu lại mạnh, phẩm chất bên trong có khác ở Quả địa. Vốn là chuộng đức, kính thuận thời điển. Thật xứng đáng khai phủ nghi đồng tam tư, nhân phong tước hiệu "Túc Quốc Công", ban bổng lộc ấp lớn ba ngàn hộ, ngoài ra đều như cũ.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày 11 tháng 06.

- Ngân thanh Quang Lộc Đại phu, trung thư thị lang bình chương sự Nguyên Tải.
- Tư Đồ kiêm trung thư lệnh sứ tuyên cáo.
- Trung thư xá nhân Dương Viêm vâng làm.

Vâng phụng chỉ dụ như Điệp Văn vâng làm.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày 11 tháng 06.

- Thị Trung Khuyết.
- Kim Tử Quang Lộc Đại phu hành môn hạ thị lang Đồng Bình Chương sự Vương Tấn.

- Triều nghị lang thủ cấp sự trung Triệu Quyên.

... ngày... tháng 06.

Thời đô sự, tả tư lang trung.

- Kim tử Quang Lộc Đại Phu Lại Bộ Thượng Thư Thượng Quế Quốc Bành thành quận Khai Quốc Công, yến lại bộ thị lang khuyết.

- Thượng thư tả thừa khuyết.

Tuyên cáo: Khai phủ nghi đồng tam tư Túc Quốc Công thực ấp ba ngàn hộ, Sa-môn Tam Tạng Bất Không Đại Quảng Trí chùa Đại Hưng Thiện kính vâng chỉ dụ như điệp phù đáo phụng hành.

- Chủ sự Quang viễn.

- Lệnh sử tịch thành.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày... tháng 06 ban sắc.

3. BIỂU VĂN BÀY TỎ TÂM TÌNH TỪ TẠ CỦA HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG ĐẠI QUẢNG TRÍ BẤT KHÔNG:

Sa-môn Bất Không nói: Bất Không tôi từ thuở nhỏ kính thờ tôn sư suốt hai mươi năm, sớm nương nhờ ân tuệ thánh thượng, hơn ba mươi năm giảng nói pháp môn Du-già, vâng nhờ ân chú ý của các vị thánh vương. Kể từ lúc bệ hạ lên ngôi thì càng sâu đậm hơn, ban tặng hoàng các để yên trú, ban thưởng tử vi mà hỏi đạo, chứa nhóm ân sủng chập chùng. Ngày tháng tiếp nối, tuy là tinh thành khẩn thiết, há báo đáp được trong muôn một, như sương móc điện chớp khó dừng lâu, phận bồ liễu dễ suy tàn. Một lần đổ bệnh, từ xuân đến hạ, bệ hạ thâm thiết lo toan còn hỏi hai ba lần, các trung sứ thầy thuốc nổi tiếng cùng nhau tìm phương cứu chữa, chỉ vì bệnh cao manh, tuy châm chích, thuốc men mà khó khỏi. Thể chất sinh diệt đâu phải mến tiếc mà bền bỉ chắc được. Bỗng nhiên từ chiều hôm qua trở lại, cảm thấy khí lực thêm hồi hợp, thân này chẳng phải của chính mình, chỉ trong nháy mắt hơi thở đã ngừng, tâm thần thấm suy, lìa tạ thánh triều. Bất không tôi nay tuổi qua trung thọ, không phải là chết yểu, chỉ vì ngày trước vượt qua Nam Hải, đi khắp năm xứ Ấn Độ, tìm tòi những gì chưa được thấy nghe, học tập những gì chưa hiểu. Có được mười muôn bài tụng của Kim Cương Đảnh Du-già, các bộ chân ngôn và kinh luận v.v... hơn năm mươi muôn bài tụng, mong đều phiên dịch để báo đáp phần nào ân sâu của nước nhà. Sao nguyện xưa chưa thành, bỗng dưng bến bờ mạng sống đã hết, đó là điều ân hận của Bất Không tôi vậy! Cúi mong Bệ hạ ban ân từ tuệ của các Đức Phật, dưới tùy theo ước muốn của mọi người, Bất Không tôi trước đây kính dâng kinh “Đại Thánh Văn-thù Phật Sát” thánh tình tìm

hứa ban bày trong ngoài, cúi mong thương xót một lời ước muốn lúc sắp qua đời, mong phước hoàng gia, thấm nhuần muôn kiếp tốt lành. Thật là tăng nhân vinh hạnh trong sinh tử. Năm bộ kim cương, chung linh, chày, do tôn sư truyền lại và mâm bạc, chuỗi hạt Bồ-đề, chuỗi hạt thủy tinh v.v... đều kính cẩn tùy biểu căn kính dâng phụng cúng. Đã đến lúc, giấy lòa nước mắt buồn rơi lai láng, vĩnh viễn từ tạ thánh vương. Mến nhớ đến cùng không kềm chế được, kính cẩn trông nhờ giám sứ Lý Hiến Thành dâng biểu tỏ bày từ tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Bất Không tôi vô cùng thương mến kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 09 (774) ngày 15 tháng 06.

Khai phủ nghi đồng tam tư, Thí hồng lô khanh Túc Quốc Công, Sa-môn Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo Ứng nguyên thánh văn võ hoàng đế phê:

Hòa-thượng hạnh chứng Thập Địa, đến từ Tây Vực, mở mang Du-già, truyền bá kinh sách, đi khắp muôn dặm, sống qua ba triều, trước kia phiên dịch thánh ngôn, đích thân tiếp nhận từ thầy truyền trao, đương lúc vận lớn của Hạ Võ, tiếp nối lửa của củi trước để truyền bá, mở rộng tâm Bồ-tát, vì chúng sinh bệnh nên có thưa hỏi, thần điệu thêm sâu xa, đồng thời nên nương theo sự cầu thỉnh. Bấy giờ, khai phủ nghi đồng tam tư thí hồng lô khanh Túc Quốc Công, Hòa-thượng Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không dâng biểu bày tỏ cùng thánh thượng, thánh thượng rơi lệ, ban gấp chỉ dụ, đều y theo sự thỉnh cầu, tình ý của hòa-thượng nhiếp thân nhất tâm quán hạnh, nằm nghiêng phía hữu duỗi chân an nhiên qua đời. Đệ tử buồn khóc cảm mộ, trung sứ tấu trình lên, thánh thượng, cung điệu rất sâu vắng, bãi triều ba ngày, viện ban trung sứ đến chùa tuyên cáo an ủi đồ chúng và ban cho các vật.

Kính vâng ban cho vải lụa ba trăm xấp, vải bố hai trăm đoan, nên đưa đến viện Cô Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không ở chùa Đại Hưng Thiện mà ban cho các vật.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày 16 tháng 06, tuyên cáo.

4. CHẾ VĂN BAN LỆNH CÁC VỊ HIẾU TỬ MỖI NGƯỜI TỰ GIỮ LẤY NGHI PHÁP HÒA-THƯỢNG CHỈ DẠY:

Kính vâng chỉ dụ bảo ban cùng các vị đệ tử: hòa-thượng là quốc sư của ba triều (Huyền Tông, Túc Tông và Đại Tông), môn đồ khá đông, nên mỗi mỗi nương nhau hòa thuận sống đúng du-già quán hạnh, y theo bổn giáo tu hành. Nếu có ai sai trái tranh chấp tức liền ghi tên

trình tấu.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày 16 tháng 06.

Giám quan Nội Yết Lý Hiến Thành tuyên cáo.

5. CHẾ VĂN BAN LỆNH CÁC VỊ HIẾU TỬ MẶC TANG PHỤC ĐÚNG NGHI LỄ:

Kính vâng chỉ dụ bảo ban cùng các vị hiếu tử mặc tang phục than khóc, oai nghi tống táng, thiết lập linh vị, bảo pháp, họa vẽ tôn dung, v.v... ngoài những điều này ra, tất cả đều y theo chúc thư của hòa-thượng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày 18 tháng 06.

Trung sứ Lý Hiến Thành tuyên cáo.

6. CHẾ VĂN THỦ CHIẾU (văn thư chép tay) BAN CẤP GẠO, MÌ CHO CÁC ĐỆ TỬ VÀ CHỌN NƠI CHỐN, NGÀY AN TÁNG:

Phụng sắc thủ chiếu ban cho các hiếu tử v.v... các thứ lương thực như gạo, bún mì, đồng thời chọn nơi chốn xây dựng tháp báu và ngày làm lễ nhập tháp v.v... Trong đó gạo trắng năm xe, gạo canh năm xe, bún mì trắng năm xe, củi mười xe, dầu bảy tạ, than ba xe và như kinh tuyên cầu nhưng không chuẩn tấu lại, nên riêng giữ đưa đến.

7. ẢNH TÁN CỦA TAM TẠNG HÒA-THƯỢNG ĐẠI QUẢNG TRÍ BẤT KHÔNG VÀ LỜI TỰA:

Ảnh Tán Tam Tạng hòa-thượng Tán Tạng Đại Quảng Trí Bất Không đời Đường.

Đệ tử Triều Tán Đại phu kiểm giảo tả thứ tử Nghiêm Dĩnh soạn thuật.

Hòa-thượng húy Bất Không. Thánh thượng tôn xưng là Đại Quảng Trí Tam Tạng. Là đệ tử cố Hòa-thượng A-xà-lê Kim Cang Trí ở nam Ấn Độ.

Xưa kia, Đức Như Lai Tỳ lô giá na đem giáo pháp Du-già vô thượng bí mật tối Đại thừa trao truyền trao Bồ-tát Kim Cương. Bồ-tát Kim Cương trải qua mấy trăm năm mới gặp Bồ-tát Long Mãnh mới trao truyền lại, cho Bồ-tát Long Mãnh. Bồ-tát Long Mãnh lại trải qua mấy trăm năm mới truyền trao cho A-xà-lê Long Trí. Long Trí lại trải qua mấy trăm năm mới truyền trao cho A-xà-lê Kim Cương Trí, ngài Kim Cương Trí chấn tích đến Trung Hoa và trao truyền cho Hòa-thượng. Từ pháp thân Như Lai cho đến Hòa-thượng, sự trao truyền đạo ấy chỉ có

sáu vị mà thôi.

Hòa-thượng xuất gia từ tuổi tấm bé, thông minh đỉnh đạt khác thường, siêng năng cần mẫn khổ nhọc đêm ngày không nghỉ, những gì thoáng qua tai mắt, đều thông thuộc không sót mất, nghe một biết mười như có thần mách bảo. Tôn sư có khen ngợi rằng: “Đạo ta truyền về phương Đông”. Sau khi tôn sư qua đời, Hòa-thượng bèn vượt biển đến Thiên trúc trải qua các nước Sư Tử v.v...

Đến chỗ Hòa-thượng A-xà-lê Long Trí lại dự được mười tám pháp hội Du-già, năm bộ Bí Tạng, giáo điển ba thừa còn để lại, pháp nào cũng nghiên cứu chỗ tinh yếu sâu xa. Hòa-thượng dung mạo như người thường, nhưng tâm ngang đồng với các Đức Phật vậy, khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742), trở về Thượng Đô, vua Huyền Tông (712-756) vô cùng kính ngưỡng được gặp Hòa-thượng, Hòa-thượng lần lượt làm Quốc sư cho cả ba triều vua, vào cửa nơi cung. Thánh thượng mỗi lúc đến nội điện thuận tiện thưa hỏi, lời huyền khéo mở rót vào tai, khiến sự kính ngưỡng ngày càng sâu sắc. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), Sư thị hiện bị bệnh, bảo sai kết triệt, các thầy thuốc lo liệu thuốc thang, song ngày một hư vô, ân ban chiếu chỉ đến tận giường bệnh, tặng thêm “Khai phủ nghi đồng tam tư”, y cử Hồng lô khanh trước kia phong tước hiệu “Túc Quốc Công” ban bổng lộc thực ấp ba ngàn hộ, nhưng Hòa-thượng khước từ không nhận. Đến ngày 15 tháng 06 (năm 774), bỗng nhiên tắm rửa, thay đổi y phục, kháng biểu bày tỏ tự tạ thượng hoàng và an nhiên thị tịch. Hòa-thượng trụ thế bảy mươi tuổi, năm mươi hạ lạp.

Thánh thượng buồn thương, bãi triều ba ngày. Tại chùa hòa-thượng cư trú có một hồ sen rộng khoảng mấy mươi mẫu, bên bờ không có tưới rót, ở giữa tuôn trào dòng suối ngọt, suối nước ngọt gương trong sáng, mùa đông mùa hạ thảy đều tràn đầy, đến ngày hòa-thượng thị tịch, trước đó một đêm, nước trong hồ khô cạn, như xưa kia nơi rừng Ta-la song thọ biến thành mầu trắng, sự việc tuy khác nhưng cảm ứng tương đồng vậy. Phàm, pháp thân vững chắc không đến không đi, nhưng ứng theo duyên tục, thị hiện ở thế gian, chứng đắc đạo phẩm thì kết quy Niết-bàn, há thường tình có thể suy lường được ư?

Phụng thờ như lúc sống, huyễn duyên đã hoại, tiếp thuật bản hạnh, ghi lại lời hay, tuyên lại nghĩa này và viết lời khen ngợi rằng: pháp môn Du-già thượng thừa bí mật, vượt các thiền định mau nhập Phật thân, đệ tử chân truyền đến nay có được sáu vị, kính mong Hòa-thượng vì thời mà xuất hiện, bày pháp cứu đời như phô bày Nhật Nguyệt, là bậc tông sư của ba vị thánh vương, như hoa Ưu-đàm lại nở,

như nước Cam Lồ mới rót, cảnh Niết-bàn không phải đợi chờ. Chúng con hàng hậu học, tâm chìm trong biển lo buồn, họa vẽ tôn dung, để chiêm ngưỡng như lúc còn sống...

8. CHẾ VĂN ÂN TĂNG LỤA XÂY DỰNG LINH THÁP:

Phụng ban: Bảy trăm năm mươi hai xấp lụa, nên ban tặng viện cố Hòa-thượng Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không ở chùa Đại Hưng Thiện, sung ngay vào việc xây dựng Linh tháp tôn sư.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày 28 tháng 06

Nội thị Vi Thú Tông tuyên cáo.

9. BIỂU VĂN TẠ ÂN BAN TẶNG BẢY TRĂM NĂM MƯƠI HAI XẤP LỤA ĐỂ XÂY DỰNG THÁP: (có phần trả lời)

Chư vị Đại đức như Đàm Trinh v.v...: Ngày nay quan nội thị Vi Thú Tông vâng tuyên chỉ dụ ban tặng bảy trăm năm mươi hai xấp lụa, sung vào việc xây dựng linh tháp tôn sư. Bưng đội đặc chỉ dâng tràn buồn thương lẫn vinh hạnh, khiến đất cung kính rung chuyển, mới xây tháp xá-lợi. Trộm nghĩ rằng: Lời vi mật vẫn còn vang vọng, thánh triều thêm phước, do đạo hạnh bệ hạ tôn kính, đâu phải là tâm hiếu của môn nhân có thể chiêu cảm. Chúng tôi Đàm Trinh v.v... gào khóc tỏ sự buồn thương không kềm chế được, kính cẩn dâng biểu trình bày cảm tạ để thượng hoàng xét biết. Đàm Trinh v.v... chúng tôi vô cùng buồn thương lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày 28 tháng 06

Chùa Đại Hưng Thiện, tăng sĩ Thảo Thổ Đàm Trinh kính biểu.

Báo ứng Nguyên Thánh Văn Võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng lãnh đạo tăng đoàn, mở mang diệu chỉ, mãi mãi về nơi vắng lặng. Đại tông tôi hâm mộ tốt lành sâu sắc, nhiều ngày đã ước vọng, song Hòa-thượng vừa viên tịch gần đây. Tặng ban ít lụa để xây dựng tháp báu, đâu có gì phải cảm tạ ân!

10. VĂN TẾ CỦA ĐẶNG QUỐC PHU NHÂN TRƯƠNG THỊ, NHÂN NGÀY AN TÁNG (= nhập tháp):

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 09 (774) nhằm ngày mồng 05 (Nhâm Dần) tháng 07 (Mậu Tuất) năm Giáp Dần, Đặng Quốc phu nhân là Trương Thị kính cẩn dùng thuốc sữa tiến cúng giác linh Cố Quốc Đại Đức Hòa-thượng Tam Tạng Bất Không.

Cúi mong Hòa-thượng nhiều kiếp căn tu đã vượt ngoài ba cõi,

hiện thân hành hóa thường đến các cõi. Truyền tượng giáo ở Đông Lai, bày vi ngôn nơi bắc cực. Khuyên răn thánh chúa, muôn vàn đều kính tuân, ban hương vô giá, tặng vật vô giá, mới muốn un đúc người nông đượm vẻ thông minh, bình trị rộng lớn ở thái giai, dắt dẫn muôn dân đến bờ kia. Há rằng nước sông không dừng, ngày qua chẳng lại, trong đó thị hiện diệt độ, đồng phàm quy chân vội gấp. Ô hô! Thương thay! Buồn nhớ sợ lo, nước mắt chảy tràn từ cung đình đến hàng chợ, cam lồ thâu lại mà lan huyên hết mất, gió nhẹ thổi mà gợn sóng biển sông. Các hàng hữu học, vô học biết thưa hỏi bẩm thọ thế nào? Ô hô! Thương thay! Đệ từ may nhờ đấng chồng, hổ nhục quốc hiệu. Ba nghiệp tham, sân, si, dễ quen mà một việc thánh thiện khó thành. Nhờ Hòa-thượng mở rộng đức từ, đặc ân sủng rũ lòng huấn dụ, nhân đó thọ pháp, tâm thật sợ lo, bên trong thức tỉnh sự kiêu căng si dại, ngoài chẳng phải là xa xỉ buông lung, tuy muôn phần mà chưa bỏ, trọn chín biến mà biết lời. Bỗng chốc trái hẳn, đau thương luyến nhớ khôn cùng, giã từ thượng hoàng cố quận, lên xe mầu trắng, đứng nhìn tháp nhạn, suối lệ tuôn trào. Đem bày buồn thương dâng cùng lễ bạc, kính mong giác linh chứng giám vi thành.

Ô hô! Thương thay! Ngưỡng mong chứng nhận.

11. VĂN TẾ CỦA ĐỆ TỬ TỲ-KHEO TUỆ THẮNG:

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) nhằm ngày mồng 05 (Nhâm Dần) tháng 07 (Mậu Tuất) năm Giáp Dần. Đệ tử Tuệ Thắng kính cẩn dùng thuốc sữa cúng tiến giác linh thầy.

Trộm nghĩ rằng: Hiếu đối với cha mẹ, thì đối với thầy trò cũng vậy, huống hồ gần gũi phụng thờ cảm mến sâu sắc duyên xưa, hầu hạ bên thầy hơn hai mươi năm. Tự hổ phận ngu muội, gội mình nhớ thương rất lắm. Ôi! Ân thầy chở con như đất, đức thầy che con như trời, đèn trí tuệ soi chiếu con như mặt trời, dùng pháp như thấm nhuận con như suối. Sao một mai mà trời cách biệt, sao giữa đường mà đất cản ngăn, sao một ngày mà mặt trời đã lặn, sao giữa đường mà suối nước khô dòng! Mắt chạm lệ tuôn, gào thương giữa trời ảm đạm! Tuy sinh diệt là lẽ thường nhiên, song cuối cùng đớn đau thống thiết. Phạm âm đã ngừng dứt, tôn nhan vĩnh viễn xa lìa. Đồ chúng nhìn nhau, pháp hội còn đâu mà nương tựa?

Ô hô! Thương thay! Kính mong thầy chứng nhận.

12. TẾ VĂN CỦA LÝ TƯỚNG CÔNG NHÂN NGÀY NHẬP THÁP CỐ HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG:

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày mồng 05 (nhâm dần) tháng 07 (Mậu tuất) năm Giáp dần. Binh bộ thương thư đồng trung thư môn hạ Bình Chương sự Lý Bão Ngọc kính cẩn phụng dâng hương hoa tiến cúng giác linh cố Đại Hòa-thượng Tam Tạng.

Phàm người đứng đầu pháp khí, bậc tôn quý trong Phật giáo, nếu chẳng phải sinh linh độc giác không lấy gì mong cầu thánh đạo. Nếu chẳng là đức cao nghiệp lớn không lấy gì định đạt tông môn. Cúi mong Hòa-thượng thần ngộ tạng bản, thầm đến chân ngôn, trên hợp nội soi, trí đầy trong mát, ngay nói "Không" tuy "Hữu", bày tưởng quên sắc, hoa nhóm cung vua, đèn truyền cõi tịnh. Xin thánh hậu của con, bày cầu chỉ dạy, học hỏi làm thầy, nương nhơn giúp đức, mở bày mật chỉ, quyết rõ từ thức, trời rồng cảm linh, quái quỷ ẩn núp. Ứng thời xuất hiện, chuyển đổi phong tục, làm sao chán khổ, bày dứt thân tôi. Than ôi! Có sinh phải có chết, thần mà xuất đi, tháp bày hiển hiện, song lâm biến suy, đường mê chưa tỉnh. Hậu học buồn bã, nhớ hoài mới gặp. Nỗi đau buồn này không thời hạn ngừng dứt! Ngưỡng mong giác linh cố Hòa-thượng chứng giám.

13. CHẾ VĂN BAN TẶNG TƯỚC HIỆU "TƯ KHÔNG", THỤY HIỆU "ĐẠI BIỆN CHÁNH" TAM TẠNG HÒA-THƯỢNG:

Chỉ dụ ban sắc viết: Vắng lặng là an vui, do đó trở về nơi chân thường, gửi gắm người có duyên, vì vậy tôn quý ở xưng hiệu. Tu các cố sự, ấy hoặc là cưỡng gọi Cố Khai Phủ Nghi Đồng Tam Tư Thí Hồng lô khanh, Túc Quốc Công, chùa Đại Hưng Thiện Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không. Đức lớn đạo cao, là bậc thầy trẫm hằng kính ngưỡng, tâm mật pháp ấn, hạnh vượt độ môn, nhỏ nhiệm có nói, rộng lớn không hình. Một cơn mưa thấm nhuần rộng khắp chúng sinh. Trăm ngọn đèn truyền soi sáng khắp nơi chánh giác. Tựa đạt nghĩa thú, rộng thông nho huyền. Tình của bậc thánh hợp như phù khế, trẫm thuận phong tước có được mấy năm. Thuyền từ không lưu lại, cầu mộc đã hoại tan, vi âm cách biệt hẳn, cung đình ai điệu sâu xa. Các quan luận đạo, tìm lễ nghiêm sư, nhân đó tôn xưng thêm thụy hiệu, dùng phó danh thật, nên đáng tặng tước "Tư không, nhân tôn thụy hiệu" Đại biện chánh Quảng Trí Bất Không Tam Tạng Hòa-thượng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày mồng 05 tháng 07.

Tư đồ Kiêm Trung Tư Lệnh phân dương quận vương sứ.

Trung thư thị lang bình chương sự Dĩnh xuyên quận khai quốc công thần Nguyên Tải tuyên cáo.

Trung thư xá nhân thần Tôn Túc vâng làm.

Vâng sắc chỉ dụ như hữu điệp văn vâng làm.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày mồng 6 tháng 07.

Thị trung quyết kim tử quang Lộc đại phu môn hạ thị lang bình chương sự thượng quế quốc thần Vương Tấn.

Triều nghị đại phu thủ cấp sự trung thần Triệu Quyên.

Một ngày... tháng bảy.

Thời đô sự (01 bản) tả ty lang trung.

Kim Tử quang Lộc đại phu, lại bộ thượng thư thượng quế quốc tả ty lang trung bành thành quận khai quốc trung Công yến.

Lại bộ thị lang khuyết

Thượng thư tả thừa khuyết.

Tuyên cáo ban tặng Tư không đại biện chánh Quảng Trí Bất Không Tam tạng Hòa-thượng.

Sắc như hữu phù đáo vâng làm.

Chư sự Quang Viễn

Lệnh sứ Tịch Thịnh, Thư Lệnh Sứ

Lang trung Du thư lệnh sứ, thư lệnh sứ.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày mồng 6 tháng 06, ban tặng.

14. VĂN BIA CỐ ĐẠI ĐỨC KHAI PHỦ NGHI ĐỒNG TAM TƯ THÍ HỒNG LÔ KHANH, TÚC QUỐC CÔNG, HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG ĐẠI QUẢNG TRÍ CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN, ĐỜI ĐƯỜNG.

Chỉ dụ ban sắc Sa-môn Phi Tích xem xét hai pháp viện Thiên Phước, An Quốc và đạo tràng Pháp Hoa soạn thuật.

Một trăng giữa trời, muôn sông chẳng muộn.

Năm trời rũ bóng, ba Tạng giáng sinh.

Sao ai nói thế? Ấy là đại sư chúng ta vậy.

Đại sư pháp húy Bất Không, vốn giòng dõi Bà-la-môn, ở Bắc Thiên Trúc. Ban đầu, mẹ ngài gặp một thầy tướng nói: “Chắn chắn là sẽ sinh một vị Bồ-tát”, nói rồi bèn mất. Vài hôm sau, quả thật bà nằm mộng thấy Đức Phật mỉm cười, mắt phát ra ánh sáng dọi vào đảnh đầu, đã ngủ say mà như tỉnh, khắp trong nhà chiếu sáng như ban ngày, nhân đó mẹ Ngài có thai. Mẹ ngài mất sớm.

Năm mười tuổi, Ngài theo người cậu đến quận Võ Oai, năm mười ba tuổi, đến phủ Thái Nguyên tìm vào Trường An để cầu xuất ly, gặp

ngài Đại Hoằng giáo Kim Cang Trí Tam Tạng, cho rằng chính là bậc thầy của ta. Đầu tiên thử giáo Tất đàm chương, bảo tụng kinh điển bằng tiếng Phạn. Sau đó thiết tha cầu học tiếng Phạn, một khi lọt qua tai thì không còn rơi sót, bèn cho phép vào đàn tràng. Trao Giới Phát Bồ-đề tâm đến năm đủ mười lăm tuổi, mới cho xuất gia, tuổi đủ hai mươi thọ giới cụ túc với Hữu Bộ thành Đại bí-sô, Luật tướng tinh thông, biết mà không trú chấp, sắp muốn học Thanh minh luận, Nghiên cùng Tông Du già, đem ý muốn ấy bạch cùng Tôn sư. Thầy ngài chưa chấp nhận, đêm đến mộng thấy tôn tượng các Đức Phật, Bồ-tát thảy điều đi đến, bèn nghĩ rằng: "Điều ta mộng thấy chính là pháp tạng đã có người giao phó", nên liền trao cho Tam mật, bàn luận năm trí, công phu mười hai năm, sáu tháng thành tựu.

Mùa Thu, niệu hiệu Khai Nguyên thứ 29 (742) Thầy Ngài thị tịch, nhập tháp, có chiếu lệnh mang quốc tín đến nước sư tử, sóng trắng xoá trùm núi, sóng lớn tung hoành giữa biển khơi, ba đào dữ dội, gió lớn cuồn cuộn, phàm các chướng muôn khởi lên, ngài nắm chày kim cương, trí niệm chương "tùy cầu", các tai chưởng đều yên tĩnh, thuyền đi đến nước ấy an lành, các đệ tử Hàm Quang, Tuệ Biện đều tự kinh sợ. Vua nước Sư Tử ra tận ngoài xa nghinh đón về nội cung cúng dường bảy ngày, dùng bền đồ múc bằng ròng để ngài tắm rửa, khoanh tay lễ độ thăm hỏi, như cách Phạn lễ, quyến thuộc nhà vua cũng như các quan Tể phụ Đại Thần thảy đều chí thành cung kính. Ở nước đó có ngài Phổ Hiền A-già-lê, ngôi vị gần Thánh Địa, đức hạnh tôn quý đương thời, theo mà thưa hỏi, không khai mở mới thật, hiến dâng vàng và vật báu, Ngài nói: "Vật báu của tôi là tâm, không phải vật báu này vậy". Tức thời truyền trao cho mười tám hội kim cương đảnh Du-già và năm bộ Tỳ-lô-giá-na Đại bi thai tạng cùng hơn năm trăm bộ quán đảnh chân ngôn bí điển, kinh, luận v.v... Thêm vì được truyền như vậy, một ngày khác,vua bảo điều voi điên đến thử Ngài. Ngài liền kiết Ấn Phật nhãn, trụ trong định Từ Tâm, trí tụng chân ngôn để điều phục nó, voi điên ấy liền ngã lăn không thể tiến đến, vua kinh sợ lấy làm lạ, cùng với kẻ điều khiển voi điên có gì khác ư? Thì biết được Hoa bảy cánh vốn không mùi thơm, nhà năm uẩn đâu có ngã nhân, trong tam-ma-địa hiển bày công năng trí tuệ ấy.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ 06 (747), từ nước Sư Tử trở về, Vua Huyền Tông mời vào cung kiến lập đàn tràng, đích thân trao pháp Quán đảnh, trụ chùa Tịnh Ảnh. Đến khi nắng hạn gay gắt, đang lo lắng gấp gáp, ngày kết đàn đã đến kỳ, mây ùn nổi khắp bốn phương, nước mưa

tuôn xuống, vua bèn xuất kho báu, ban tặng một y cà sa sắc đỏ tía, hia trăm xấp lụa, để tiêu biểu cho sức thần diệu dụng. Hoặc tai ương gió lớn nhổ tróc cây, yêu tinh lăng loàn mất độ thường, ngài cử tâm mặc niệm như ảnh hưởng. Niên hiệu Thiên Bảo thứ 13 (754), có sắc lệnh đến Võ Oai đi tiết độ sứ do Ca thư Hàn mời, kiến lập đạo tràng lớn, cùng Sa-môn Hàm Quang và đệ tử cư sĩ khai phủ lý nguyên Tông v.v... trao năm bộ Quán Đảnh Kim Cương giới Đại Mạn-đà-la pháp, khi ấy đất tại chỗ thiết lập đạo tràng liền rung chuyển, người có nghiệp chướng rãi hoa không rơi xuống mà lại bay bổng lên lọng che, như bầy ong hút mật ở nhị hoa, không thể rời ra, đến lúc việc xong mới rơi xuống. Thần nào giúp như vậy ư? Thập quế tử nhãn nguyệt, ban lệch trở về kinh đô dừng trú ở chùa Đại Hưng Thiện.

Đến khoảng niên hiệu Chí Đức (756-758), Hoàng đế Túc Tông thân hành đến Linh Võ, ngài kính dâng kinh “Bất Động Tôn bát phương thần kỳ” và định ngày lấy lại kinh đô như phù ấn vậy. Vào niên hiệu Càn Nguyên (758-760) nhà vua mời vào nội cung kiến lập đàn tráng Hộ-ma, đích thân trao pháp Quán Đảnh, thấm đượm ân sâu, có đáp lễ thường. Tiếp đến mời ở chùa Trí Cự để trì tụng kinh sám, cảm ứng đến Bổn Tôn ngọc hào vạch sáng tỏa khắp thấu suốt núi hang, đến lúc bảo ứng (= Đại Tông) lâm triều, kim luân ngự lịch, nhà vua càng thêm kính ngưỡng, ngài giữ đạo kính thờ làm thầy, nên trao ban đặc tiến thí hồng Lô khanh, thêm danh hiệu Đại Quảng Trí, đích thân bẩm thọ pháp bí mật huyền diệu, cát tường đến cùng. Hoặc Phổ Hiền rót thần quang nơi điện tía, sáu cung lễ lạy. Hoặc Văn-thù hiện tướng lành ở gác vàng, muôn thừa đều tu hành tôn sùng. Hoặc phiên dịch bản tiếng Phạm kinh Mật Nghiêm Hộ Quốc, mây ùn năm mầu. Hoặc dịch Bối kệ kho tàng hư không, mưa móc che chở ngàn vị tăng. Ngài vâng mạng mà vượt trên sự trong lành, thừa ân mà trở lại nơi đế ấp. Phàm các sự ứng nghiệm, sai khác khó tỏ cùng, vừa tỏ ngộ phàm hoa của hư không, thể không sinh diệt. Dụng của chân như há có đến đi.

Trước sau, ngài vâng chiếu phiên dịch các kinh luận, tổng cộng gồm tám mươi ba bộ, một trăm hai mươi quyển, đều đã ban hành đưa vào mục lục kinh tạng, đồng thời tấu trình các chùa trong nước tôn thờ Đại Thánh Văn-thù là thượng tọa, nhân đó thiết trí viện thờ và lập tượng, bảo giữ quốc giới, bày tỏ ân cần cung kính. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 08 (773), có tiến chỉ, ở bổn viện chùa Đại Hưng Thiện, lại tạo dựng gác vàng Đại Thánh Văn-thù, cấm tài vật bên trong không được để thất thoát ra ngoài, thợ thuyền con trai làm cả. Lọng báu treo cao

trên chín tầng mây, ngự hương cũng do một người cung cấp. Các thứ vi trần như từ dưới đất vọt lên, nhạc của quân thiên như từ giữa không trung nhóm đến.

Đến ngày 11 tháng 06 niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), chế văn ban tặng Ngài là khai phủ nghi đồng Tam Tư, phong tước Túc Quốc Công, và bổng lộc ấp lớn ba ngàn hộ, ngoài ra đều như cũ, vẻ vang thăm hỏi đủ đầy đượm nhuần, ân sủng sáng ngời dần dần thêm lắm, ban tôn quý của bắc cực, làm lễ bậc tông sư, ân tặng phiền tượng, thi ban ngọc bạch, sắc thư đầy hòm. Các trung sứ cùng nhau nghĩ ngợi từ xa xưa đến nay chưa có ai thanh tịnh kính tín như hoàng thượng ta vậy, sắc son thành thật như tôn sư ta vậy! Ngài vốn từ tuổi hai mươi trở lại, theo tâm hơn năm mươi năm, mỗi ngày bốn thời tụng niệm nơi đạo tràng, lên trên ngự điện, xuống dưới ghế giường, trong khoảng sát-na chưa từng luống không. Như đảnh núi cao lạnh buốt muôn vàn, cây tùng trải mình trong sương gió mà vẫn đen nhuần, có thể lấy đó để nhìn thấy tiết tháo cương trực của Ngài. Huống gì vào nơi nhà quyền quý mà vẫn như là ở nhà cỏ trinh, năm năm hết ba như áo chim thuần. Tuy rong ruổi ở Kỳ lân mà thường thanh tịnh an trú ở Cửu Thiền, ở một mình không bằng. Đồng thông suốt mọi màu sắc, ngọc ma ni vốn không có mầu sắc nhất định, có mầu gì là tùy gốc độ của người đứng nhìn. Đối với ta thì làm sao? Thật đúng gọi là Huyền tượng của chân như, là báu lớn của đấng pháp Vương vậy. Đối với Hí Bồ-tát ứng hiện thành mà chẳng trụ tâm. Ngài như đến chốn đông đúc, độ chúng hữu tình, thị hiện chút bệnh, tự biết giờ đi, qua ngày 15 tháng 06, nhờ bảo đệ tử dâng biểu từ tạ Thượng hoàng, giao phó hậu sự, cắt tóc tắm gội, nằm nghiêng phía hữu, duỗi chân, lặng lẽ thị tịch.

Ngài trụ thế bảy mươi năm, năm mươi pháp lạp, lúc đó trời mưa như trút nước, chỉ chút ít ánh trời le lói, buồn bã đến nhà vua, thượng hoàng bãi triều ba ngày. Ban ba trăm xấp vải lụa, hai trăm đoan vải bố, ba mươi vạn tiền, gạo bún tổng cộng bốn trăm thạch, hương, dầu, củi, than và các trai thất bên ngoài chi cấp. Lại ban cấp hai trăm hai mươi lăm vạn tiền để xây dựng linh tháp, đặt để vào trong mà chiên lễ, lại ban lệnh Cao phẩm Lý Hiến Thành câu đáng và công đức sứ Khai phủ Nghi Đồng Tam Tư Lý Nguyên Tông xem xét giúp đỡ, định ngày mồng 06 tháng 07, pháp táng ở Thiếu lăng Nguyên tại phía nam Vu Phụng. Trong ngày đó, trong thư môn hạ ban điệp tặng quan hiệu Tư Không, thụy hiệu Đại Biện Chánh Quảng Trí Bất Không Tam Tạng Hòa-thượng, lại sai nội cấp sự Lưu Tiên Hạc tuyên sách cúng tế. Nội

xuất gỗ thơm, thiêu đốt kim quan, đầy đủ lễ nghi trà-tỳ vậy. Tại chùa, hồ sen khô cạn và hoa úa tàn là cảnh tượng cáo chung, cờ mộng nghiêng đổ và điện các xiêu vẹo là lúc kinh sợ răn nhắc. Rừng ta-la biến đổi màu trắng, thống cảm suốt thấu, nước chảy ngược dòng. Đâu phải chỉ có ở thời xa xưa! Bá quan tể phụ đã từng lãnh thọ pháp ấn, không ai chẳng buồn thương! Môn nhân được thường tu đạo công đức, các sứ xem xét trong điện, coi sóc chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Đại tế, v.v... bốn chúng đệ tử đến mấy muôn người thống thiết trở lại bóng tối đêm dài, buồn thương đèn tuệ tắt hẳn, chẳng vì tài vụng, khiến ghi phương du, phi tích lầm sai tiếp chiếu của La-thập chịu vâng hội của vua Tần, nhớ đến sự khóc than của Cao Sài, đều đồng huyết kiến xa hoa, thử nêu thuyết của vô thuyết, để ca ngợi rồng trong rồng. Với bài từ rằng:

Giảng nói văn tự tức chân ngôn chừ!
Trời sinh thầy ta dịch các kinh chừ!
Cung rồng bít cửa, suốt cội nguồn chừ!
Tượng giá đến đâu, nhạc tiên nổi chừ!
Việc làm đã xong ta sắp diệt chừ!
Kinh vẳng không trung cùng các hoa chừ!
Cờ xí điều viếng, cùng an táng chừ!
Người sầu đất rung muốn nói gì chừ!
Chống gậy Kim cương mờ về Tây chừ!
Rõ ràng thầy ta cõi an dưỡng chừ!
Con pháp Vương kinh động xe báu chừ!
Thoát hẳn sinh tử phá oán ma chừ!

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) nhằm ngày mồng 06 (kiến Đinh Dậu) tháng bảy năm Giáp Dần.

15. ẢNH TÁN CỐ TƯ KHÔNG, CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN, HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG ĐẠI BIỆN CHÁNH QUẢNG TRÍ BẤT KHÔNG, DO VUA ĐƯỜNG ĐẠI TÔNG BAN TẶNG:

Đệ tử thọ Pháp Quản Đảnh, bí-sô Phi Tích ở chùa Thảo Đường, núi Tử Các soạn thuật.

Đấng Bất Động tôn thiên tử Quán đảnh A-già-lê-da
Bậc thầy mô phạm truyền đạo nước nhà,
Trông pháp như rồng, nhìn người tợ ngọc
Tay nâng kinh pháp, bản Phạn suốt thông.
Tâm đồng trăng tỏ, sáng suốt ao ngọc,
Xả bỏ báo thân, Đài lân vẽ ảnh

Tam mật vắng yên, cửu trùng buồn bã,
Nhạc trỗi xe đưa đều theo chiếu sáng.
Muôn dặm mây sầu, ngàn non tùng thảm
Lạnh lùng ai nỡ luống bặt bóng thầy
Nhìn sắc tuyết, không bày cũng không nói,
Truyền mênh mông kiếp, bỏ ư lấy ư!

16. SẮC BẢO SỨ LƯU TIÊN HẠC TRAO DÂNG TẾ VĂN:

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày mồng 06 (Quý Mão) tháng bảy (Mậu Tuất) năm Giáp Dần. Hoàng thượng sai bảo nội cấp sự Lưu Tiên Hạc đem dâng hương trà đến tiến cúng giác linh cố Hòa-thượng Đại Biện Chánh Quảng Trí Bất Không Tam Tạng.

Duy; linh trí tỏ rõ, gặp tư chất thông đạt, xưa gieo giống phạm hạnh, sinh ra đã biết thắng nhân, đẹp trội ngũ thiên, đi khắp muôn dặm, tâm như kho biển, lời thông mọi tiếng. Truyền bá kinh điển, giảng nói Du-già, lợi lạc muôn dân, vào ra ba triều. Đạo vốn không lời, lý đều chẳng vết, Niết-bàn thường vắng lặng, chí thánh đồng quy, đất hương gội mình, hoa duyên đã xong, trẫm vâng biểu nghĩa, đủ lễ thầy trò, phút giây vĩnh biệt, thống cảm cấm cung, kính dâng hương trà, kính mong chiếu giám!

17. VĂN TẾ CỦA NGUYÊN TƯỚNG CÔNG, NHÂN NGÀY AN TÁNG (NHẬP PHÁP) CỐ HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày mồng 06 (Quý Mão) tháng bảy (Mậu Tuất) năm Giáp Dần. Trung thư thị lang đồng thượng thư môn hạ Bình Chương sự Nguyên Tải, kính cẩn dâng cúng hương hoa giác linh Cố Đại Hòa-thượng Tam Tạng.

Than ôi! Tượng hình du hóa như gió động bánh xe, lớn như đất nước đều là thân ta, đến như người biết còn mà chẳng giữ, vất bỏ để đến cảnh giới vắng lặng. Được độ nên thường nhàm chán đến với bụi trần nhiễm ái. Đối với Hý đại sư, vui đùa tiếp nối nhân sáng Phật pháp, trông cao đều rõ, thương rộng đồng nhân, sắc tâm thấu suốt, công học vẻ vang. Rành rành sau ta cùng đạo thuận hòa. Đức lớn sinh thời chân tông mở vận, mang sinh chồi lộc, thật truyền mật ấn. Bằng tâm nhàn quản, ban chiếu mời thăm, đông hưởng tôn sư, ba lần kính dâng. Duy thánh trữ phước, vốn thần gặp may, chúng con... bốn chúng nhóm họp đạo tràng, kế thừa phó chúc, mong nhờ nương cậy, sao báo đáp cùng!

Than ôi! Pháp thể tròn soi, suốt cả trước sau, chẳng đợi hình mà

sinh, đâu duyên nhóm mà có, linh sơn gặp lại, nhân vì quá lâu, thương mến thần nghi, nhớ hoài từ dụ! Kính mong thùy từ chứng giám.

18. BIỂU TẠ ÂN CHẾ VĂN TRUY TẶNG TÔN SƯ VÀ THỤY HIỆU:

Sa-môn Tuệ Lãng v.v... nói: hôm qua ngày mồng 06, là đêm hành lễ trà-tỳ Tôn sư, thánh thượng buồng thương, truy tặng tước hiệu "Tư không", nhân phong thụy hiệu "Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng Hòa-thượng Bất Không". Chiếu ban hành lễ quốc táng, sủng mộ rạng ngời thần đạo, tặng tước tam công vượt lệ chương cũ, tôn xưng Hòa-thượng kinh trước chưa ghi, vậy đủ biết đượm ân trời cao nhuần thấm sông biển không bờ, linh ứng u đồ cảnh trời trăng mà soi chiếu. Đệ tử có đến ngàn vị, thương cảm thánh ân, không dám mang đội. Kình cẩn nương nhờ trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ lãng v.v... vô cùng lo sợ và tự thẹn kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày mồng 07 tháng bảy.

Chùa Đại Hưng Thiện, chúng thảo thổ Sa-môn Tuệ Lãng v.v... đồng kính biểu.

Bảo ứng Nguyên thánh văn võ hoàng đế phê:

Hòa-thượng khởi đầu từ Tây Vực, đi khắp muôn dặm, giảng nói chánh pháp, lợi lạc chúng sinh, trở về Niết-bàn, chân thường, trẫm với lòng hiếu hạnh sùng phong thị hiệu, lễ qua như thế, sao phiền lòng mà tạ ân!.

ĐẠI BIỆN CHÁNH QUẢNG TRÍ TAM TẠNG
BIỂU CHẾ TẬP
QUYỂN 4 (HẾT)

■

BIỂU CHẾ TẬP

Sa-môn Thích viên Chiếu chùa Tây Minh
tại Thượng Đô Trường An biên tập.

QUYỂN 5

Biểu văn có ba mươi bài, đáp chế có mười sáu bài, tổng cộng bốn mươi sáu bài:

1. Chế văn mời chư tăng niệm tụng.
2. Chế văn ban sắc Sa-môn Tuệ Lãng giảng dạy hàng hậu học.
3. Chế văn ban sắc Sa-môn Tuệ Thắng y cứ theo sự thỉnh mời.
4. Chế văn tạm ngưng việc sửa chữa chỗ đất tháp cũ.
5. Chế văn ban sắc xây dựng linh tháp ở tại bổn viện. (có sứ điệp)
6. Biểu văn của Sa-môn TLãng cảm tạ ân ban tặng y tía. (có phần trả lời)
7. Chế văn ân ban Biển ngạch điện các Văn-thù.
8. Biểu tạ ân ban tặng biển ngạch. (có phần trả lời)
9. Trạng văn dâng cúng xây dựng điện các Đại Thánh Văn-thù.
10. Biểu tạ ân ban tặng phẩm vật cúng dường nhân ngày tiểu tường (cố Hòa-thượng Bất Không). (có phần trả lời)
11. Biểu tạ ân ban tặng gấm lụa. (có phần trả lời)
12. Chế văn ban lệnh tăng ni khắp trong nước thọ trì đọc tụng “Tôn Thắng chân ngôn”. (có phần trả lời)
13. Biểu cảm tạ trì tụng “Tôn Thắng chân ngôn”. (có phần trả lời)
14. Biểu xin vì tôn sư, dựng lập văn bia.
15. Biểu chúc mừng Lý Linh Diệu chiến thắng.
16. Vãn ca từ cố công đức Lương Quốc Công Lý tướng quân.
17. Biểu xin tiếp tục đặt chức Quan sứ Công Đức.
18. Biểu tạ ân thiết trai cúng dường và ban tặng trà vật.
19. Biểu chúc mừng mùa xuân. (có phần trả lời)
20. Biểu chúc mừng độ con gái vua nước Hàn xuất gia.

21. Văn biểu của Sa-môn Đàm Trinh chúc mừng ở Nam Sơn cầu mưa được ban tặng phẩm vật. (có phần trả lời)

22. Biểu chúc mừng trời tạnh mưa. (có phần trả lời)

23. Biểu chúc mừng cầu mưa nơi ao trũng. (có phần trả lời)

24. Biểu bày tỏ xin khước từ trụ trong đạo tràng. (có phần trả lời)

25. Biểu chúc mừng cầu mưa. (có phần trả lời)

26. Biểu chúc mừng đánh dẹp Thổ Phiên. (có phần trả lời)

27. Biểu chúc mừng cầu mưa ở đầm Ngọc Nữ. (có phần trả lời)

28. Biểu Đàm Trinh chúc mừng cầu mưa. (có phần trả lời)

29. Biểu chúc mừng Bình trị Hà Nam của Sa-môn Đạo nhuận ở Đài Linh Ứng.

30. Biểu dâng cúng lông chim Bồ Câu. (có phần trả lời)

*****

1. CHẾ VĂN MỜI CHƯ TĂNG NIỆM TỤNG.

Kính vâng chỉ dụ nói cùng Nguyên Tông: các chùa Hóa độ, Bảo Thọ, Đại Hưng Thiện v.v... các vị Đại Đức Tăng trước kia sống bên cạnh Cố Hòa-thượng tam Tạng lãnh thọ giáo pháp, những người có công nghiệp đều ghi đủ tên họ để tấu trình lại.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày mồng 07 tháng 07.

Quan giám Nội Yết Lý Hiến Thành tuyên cáo.

2. CHẾ VĂN BAN SẮC SA-MÔN TUỆ LÃNG GIẢNG DẠY HÀNG HẬU HỌC.

Vâng phụng chỉ dụ nói cùng Sa-môn Tuệ Lãng, chuyên tri kiểm hiệu viện sự, kiêm giữ chức giảng dạy hàng Hậu học. Mỗi mỗi đều tôn kính khế hợp có thứ lớp nghe tấu.

Đại Lịch năm thứ 09 (774), ngày mồng 07 tháng 07.

- Trung sử Lý Hiến Thành tuyên cáo.

3. CHẾ VĂN BAN SẮC SA-MÔN TUỆ THẮNG Y CỬ THEO SỰ THỈNH MỜI.

Kính vâng chỉ dụ nói cùng Sa-môn Tuệ Thắng: lúc cố Hòa-thượng tạ thế Sa-môn Tuệ Thắng truyền đạt ý chỉ, nay truyền ban ở tại linh tháp giữ việc hương hỏa, trước kia ở bên cạnh cố Hòa-thượng thọ lãnh được Pháp Niệm tụng Phổ Hiền, với trẫm là cùng thầy, gắng sức tinh tấn tu trì mãn ba năm sau tức trở lại cùng trẫm thương lượng giáo Pháp

Đức Bổn tôn. Nên y cứ sự thỉnh mời mà an trú.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày mồng 07 tháng 07.

Chung sứ Cao Phẩm Lý Hiến Thành tuyên cáo.

4. CHẾ VĂN TẠM NGƯNG VIỆC SỬA CHỮA CHỖ ĐẤT THÁP CU.

Kính vâng chỉ dụ nói cùng Nguyên Tông: việc xây dựng tháp Cố Hòa-thượng Đại Biện chánh Quảng Trí Bất Không, bảo ban nên tạm ngưng, để chọn vị trí tốt đẹp hơn mới xây dựng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày 15 tháng 07.

Trung sứ Lý Hiến Thành tuyên cáo.

5. CHẾ VĂN BAN SẮC XÂY DỰNG LINH THÁP Ở TẠI BỔN VIỆN (có sứ điệp)

Kính vâng chỉ dụ nói cùng Nguyên Tông: sau lễ trà-tỳ cố Hòa-thượng Tam Tạng Đại Biện Chánh Quảng Trí có được xá-lợi, nên bảo ban bổn viện xây dựng tháp thờ xá-lợi.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày 28 tháng 08.

Giám quan nội yết Lý Hiến Thành tuyên cáo.

Ban lệnh các Sứ xem xét việc tu tạo của công đức sứ ở các chùa tại kinh thành nên theo điệp văn chùa Đại Hưng Thiện là Điệp văn được cử xưng kính vâng chỉ dụ như các điệp văn chưa có lý do, xin thi hành theo chỗ ghi chép. Ban sắc điệp văn chùa Đại Hưng Thiện nhân điệp văn theo cố Điệp tại bổn viện cố Hòa-thượng Tam Tạng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày mồng 08 tháng 09.

Phán quan tiền Tư châu Tư Mã Lưu hoạt sứ khai phủ nghi đồng tam tư kiêm Hữu long võ quân tướng quân Lý Tông.

6. BIỂU VĂN CỦA SA-MÔN TUỆ LÃNG CẢM TẠ ÂN BAN TẶNG Y TÍA. (có phần trả lời)

Sa-môn Tuệ Lãng nói: Tuệ Lãng tôi nhỏ bé như hạt cải giữa chúng hội Du già, nương nhờ ơn đức thánh thượng, lạm gội mình riêng tư, vào ra nơi cửa vàng, huân tu ở điện riêng, may mắn kính vâng minh chiếu, luôn đối trước cửu trùng, được đặc ân ban tặng y lụa cà sa đỏ tía, không chỉ vẻ vang đối với tôn sư mà thật huy hoàng cùng hàng hậu học. Tuệ Lãng nhỏ bé tôi không giám buồn thương, kính cẩn dâng biểu trình bày để Bệ hạ xét biết. Không gì hơn xin xét đến cùng và vô vàn mừng vui kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), ngày 29 tháng 11.

Chùa Đại Hưng Thiện, đệ tử phú pháp của Cố Hòa-thượng Tam Tạng đại biện chánh Hoảng Trí Bất Không, Sa-môn Tuệ Lãng kính biểu.

Bảo ứng Nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Đại sư ngày trước siêng tu phạm hạnh, sớm sống trong dòng giáo pháp, phước tuệ vốn có, muôn vàn sinh linh đang trông mông cậy nhờ, Trẫm ban tặng y phục có gì phải phiền lòng cảm tạ.

7. CHẾ VĂN ÂN BAN BIỂU NGẠCH ĐIỆN CÁC VĂN-THÙ.

Kính vâng chỉ dụ ban tám phân vàng viết một biển ngạch điện các "Đại Thánh Văn-thù Trấn Quốc", nên đưa đến viên phiên kinh chùa Đại Hưng Thiện.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), ngày 13 tháng 02

Trung sứ Lý Hiến Thành tuyên cáo.

8. BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG BIỂN NGẠCH.

Sa-môn Tuệ Lãng nói: ngày nay cửu nhận thánh chỉ do Trung sứ Lý Hiến Thành tuyên cáo và đặc ân ban tặng tám phân vàng viết một biển ngạch điện các Đại thánh Văn-thù. Ngự trác vết thần, thế bút tuyệt diệu, tên hùng "Trấn quốc" chữ sáng thiên văn, chim thước ngoảnh đầu, phượng hoàng quay lại, rõ ràng bay động, thế rồng hùng võ, gấu phóng cuốn gió mây, hãm rủ sương nơi chín tầng mây, lo rơi đá ở ngàn muôn nhận. Ánh quang vàng sáng lạng cùng nhật nguyệt treo cao, dấu Thánh mẫu mực cùng đất trời còn mãi, hầu đón chiêm ngưỡng mặt mắt sáng trong. Nhìn xem suy xét tâm thần tỏ rạng. Tuệ Lãng tôi nhỏ bé may mắn gì được tắm gội ân ba này? Đội mang trời cao, không đất hổ thẹn. Rất vui mừng không kềm chế được, kính cẩn dâng biểu trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Lãng tôi vô cùng mừng vui, mang đội kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), ngày 13 tháng 02.

Sa-môn Tuệ Lãng chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế đáp:

Viện riêng ở già-lam an trí tôn dung, trên bảng vàng phát huy thử quang Đại Thánh. Đại sư siêng tu hương hỏa, giữ gìn nước nhà. Đó là điều biết tạ ân vậy.

9. SỚ VĂN DÂNG CÚNG XÂY DỰNG ĐIỆN CÁC ĐẠI THÁNH VĂN-THÙ:

Viện phiên kinh chùa Đại Hưng Thiện xây dựng điện các Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, tính tổng cộng tiền nhận vào là 22.487 quan 950 văn. Nội xuất thay lụa, (1) văn là một đồng tiền, quan là 100 đồng tiền, nên 100 văn mới được 1 quan. Ở đây giữ theo quan; văn, mà lượt "Đồng tiền" cộng tính nhận vào 13.052 quan văn (11.152 quan văn, chuẩn định theo lụa là 4.117 xấp, chiết sung vào 2000 quan văn thấy tiền nhận vào) 1.084 quan, 503 văn. Tiền y của Hòa-thượng và tiền các tạp vật nhận vào là 8.852 quan 447 văn. Ngoài thử và bán các tạp vật nhận vào, nên xây dựng điện các Đại thánh Văn-thù-sư-lợi, phá dụng và thấy tại số như sau:

- 4.542 quan 545 văn, mua gỗ vuông 610 căn rưỡi.
- 974.810 văn, mua gỗ hốc làm đòn tay làm cột, cộng 804 căn.
- 1491 quan 170 văn, mua gạch ngói si thú 55.698 viên.
- 214.500 văn, mua sạn 700 bó để dùng.
- 746.225 văn, mua gỗ bá làm cửa song câu lan ...
- 764.000 văn mua đá viên, đá tạp và thuê xe, cước phí lương thực thủ công.
- 116425 văn mua ma đào để sử dụng.
- 339591 văn mua đinh sắt để dùng.
- 80000 văn làm tám phòng tranh ở hai tầng trên và dưới các.
- 85288 văn mua đá vôi, đất đỏ, sáp đen để dùng.
- 2478 quan 946 văn làm cửa kim đồng đinh mua bản lề để dùng.
- 694550 văn thuê người làm tầng cấp và hào thoát v.v...
- 2288 quan 300 văn thuê người san bằng núi dựng cây gỗ và lương thực cho thợ dùng.
- 800 quan văn mua thái sắc giải lục vẽ La văn mềm, dùng làm lương thực thủ công.
- 1.051 quan 296 văn thuê người xẻ gỗ và lương thực cho thợ dùng.
- 305.000 văn thuê người đúc ngói và lương thực cho thợ dùng.
- 1518 quan 900 văn làm cửa song ngô bách, câu lan che nắng và lương thực cho thợ dùng.
- 330 quan văn đắp đất bùn bờ lũy và lương thực cho thợ dùng.
- 257 quan văn thuê người vẽ nền lăng cách lỗ và mua thái sắc, thủ công lương thực cho thợ dùng.
- 595.687 văn thuê xe thuyền chở gỗ vuông và tiền cước.

- 357.700 văn thuê người sắp xếp bờ gạch và lương thực cho thợ dùng.

- 162 quan 548 văn mua chiếu trúc việt triệu tịch bạc thán hoa, dược cù, giấy bút, dầu v.v...

- 100 quan 982 văn tăng sứ hành giả ngoại sứ thôi sấm lo lương thực, sắp đặt công thợ.

- 52 quan 510 văn mua keo và ma đinh, giây, để buộc các vật.

- 312.790 văn thuê người làm các việc lặt vặt suốt năm tháng.

- 873 quan 250 văn thuê bốn chiếc xe và sáu con trâu.

- 682 quan 87 văn, mua cỏ đậu thuốc cho bò và tiền bánh cho người kéo đẩy xe.

Về phần phá dụng thì theo số liệu như trên, còn phần mua vào hay tạp thí nhận vào hồi tàn xem như sau:

- Hợp nhận gỗ vuông 685 căn rưỡi, 75 căn, ngoại thí nhận vào 610 căn rưỡi.

- Mua vào 487 căn rưỡi dùng làm gác xong xuất bán 127 căn, còn 71 căn.

- Hợp nhận bác trụ 244 căn, 148 căn, ngoại thí nhận vào 96 căn.

- Mua vào 173 căn làm gác xong, hiện còn 71 căn.

- Hợp nhận vào gỗ đòn tay 2.414 căn, 1.570 căn, ngoại thí nhập vào 844 căn.

- Mua vào 1.854 căn, dùng làm gác xong, hiện còn 560 căn.

- Hợp mua vào sạn 700 thúc, 350 thúc dùng làm gác xong, hiện còn 350 thúc.

- Hợp nhận 683 cân keo, nhận của ban tặng 600 cân, ngoại thí 40 cân, mua vào 43 cân, dùng làm gác xong.

- Hợp nhận 620 cân sáp, nhận của ban tặng 600 cân, mua vào 20 cân đều dùng làm gác hết.

Trên đây, ngoài tiền vật, gỗ vuông, v.v... nhận vào để xây dựng điện các, và các tạp dụng thì hiện còn với số lượng như trên đã ghi lục, kính cẩn tấu trình để xét biết, đồng thời xin tuân phục theo thánh chỉ.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), ngày mồng 05 tháng 04.

Xem xét công việc xây dựng điện các, Sa-môn Tú Nghiêm v.v... kính dâng sớ văn.

Đồng xem xét xây dựng điện các Sa-môn Tuệ Thắng. Ban sắc xem xét viện sự Sa-môn Tuệ Lãng.

10. BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG PHẨM VẬT CÚNG DƯỜNG NHÂN

NGÀY TIỂU TƯỜNG (Cố Hòa-thượng Bất Không) (có phần trả lời)

Trung sứ đoán vật, hoa đến kính tuyên thánh chỉ: Nhân ngày tròn một năm nhập tháp Cố Hòa-thượng Tam Tạng Đại Quảng Trí Bất Không, ban tặng phẩm vật cúng dường một ngàn vị, đồng thời tặng hai trăm xuyến trà và độ hai vị đệ tử.

Kính vì tiên sư thị tịch thoáng đã tròn năm, thánh ân nhớ tưởng thiết lập cúng thí. Ban tiền xây tháp, soạn lễ cúng tăng, ân mưa móc thấm khắp mọi nơi, đức ngời sáng soi kẻ còn người mất. Phàm là bạn pháp, buồn thẹn giao hòa, trung sứ đến tiến cúng, kính dâng hương trà. Đặt toàn thân nơi tôn tháp Đa Bảo, đặc thù thấm đượm cả chín tầng mây, không dám rất cảm đội, kính cẩn dâng biểu trình bày cảm tạ ân sâu để bệ hạ xét biết, rất tỏ sáng không thể nói được, Sa-môn Tuệ Lãng tôi vô cùng mừng vui kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), ngày 15 tháng 06.

Sa-môn Tuệ Lãng chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo ứng Nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Cố Đại Hòa-thượng thị tịch, trở về nơi chân thường, nhanh chóng tròn năm, càng thêm thương nhớ, nghĩ tưởng phước đức che chở, nên thiết trai cúng dường, trẫm suy xét lại chẳng sâu đậm gì sao nhọc lòng tạ ân như vậy!

11. BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG GẤM LỤA (có phần trả lời)

Sa-môn Tuệ Quả nói: Kính vâng ngày mồng 09 tháng nay, trung sứ Lý Hiến Thành phụng tuyên tiến chỉ ban tặng hai mươi bốn xấp gấm lụa cho tôi. Bưng đội mừng lo như núi lớn đè mình. Tuệ Quả tôi nay gặp tốt lành, dâng chịu thánh ân, đã nhiều năm tháng kính thờ tôn sư Cố Đại Hòa-thượng Bất Không, hơn hai mươi năm giữ gìn khăn gậy. Với tông chỉ Du-già bí mật, yếu chỉ sâu xa của Phổ Hiền, đặc biệt được chỉ dạy, riêng thừa ý chỉ, tha thiết vì nước nhà mà suốt ngày đêm tu hành. Tuệ Quả tôi nhỏ bé, vì vậy quên cả thân hình, thường không gián đoạn, khẩn thành thề nguyện cầu mong báo bổ ân sâu mưa móc, đáp đền ơn tạo dựng riêng, không dám hớn hở đến cùng, kính cẩn dâng biểu trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Quả tôi vừa mừng vừa sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), ngày mồng 10 tháng 11.

Sa-môn Tuệ Quả chùa Đại Hưng Thiện kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng Đế phê:

Hòa-thượng để lại lời chỉ dạy, xà-lê khắc niệm tuân hành tông chỉ

bí mật, truyền bá đệ tử. Xét thấy Sa-môn Tuệ Quả tinh tấn khẩn thiết luôn biểu lộ sự siêng năng khổ nhọc, trẫm ban tặng chúc ít gấm vóc để làm việc hương quả vậy. Đó là điều biết cảm tạ vậy.

12. CHẾ VĂN BAN LỆNH TĂNG NI KHẮP TRONG NƯỚC THỌ TRÌ ĐỌC TỤNG "TÔN THẮNG CHÂN NGÔN":

Kính dâng chỉ dụ nói với Lý Nguyên Tông, ban lệnh tăng ni khắp trong nước thọ trì đọc tụng Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni, hạn định trong một tháng phải tụng thuộc lòng, trông đó, mỗi ngày trí tụng hai mươi mốt biến. Hàng năm, vào ngày mồng 1 tháng giêng khiển hạ chánh sử, trí tụng đầy đủ biến số như đã hạn định.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776), ngày mồng 08 tháng 02.

Giám quan nội yết Lý Hiến Thành tuyên đọc.

13. BIỂU CẢM TẠ TRÍ DỤNG "TÔN THẮNG CHƠN NGÔN"

(có phần trả lời)

Sa-môn Tuệ Lạng nói cúi dâng ân sắc bảo ban tăng ni khắp trong nước tụng trì "Phật đảnh Tôn Thắng chân ngôn", Tôn Thắng chân ngôn là mắt tâm của các Đức Phật, là bến bờ của muôn dân, bệ hạ được các Đức Phật phó chúc, dùng chánh pháp để cai trị muôn dân.

Tuệ Lãng tôi vốn người xuất gia lại được gần gũi hầu hạ rất mực ngu thành, thật vừa sợ vừa mừng. Cúi mong bệ hạ mưu đức hợp với thánh từ, che mát lợi ích nhơn sinh, đạt đến bờ cực nhân thọ. Ngay một lời nói đã ban rõ sự mừng vui không ngằn mé, bình lặng cả muôn quốc gia. Núi sông quỷ thần cũng không loài nào chẳng được an ổn, chim thú cá rùa đều được vận may, kẻ tăng có đường thắng tấn, người tục thành thục, phong hóa đồng thiện. Đó là ân sâu của bệ hạ vượt ơn thiên hạ, tham thừa chí đạo mà ứng dụng, há phàm tăng như tôi mà có thể biết được ư? Ân sinh dưỡng rất sâu dầy, đức dắt dìu men đâu báo đáp! Kính cẩn nhờ trung sứ Nguyên Ứng Kim dâng biểu trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Lãng tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776), ngày mồng 23 tháng 03.

Sa-môn Tuệ Lãng chùa Đại Hưng Thiện v.v... kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê.

Phật đảnh chân ngôn thần lực trùm khắp, giúp sức làm lợi ích, trẫm bảo ban thọ trì đọc tụng có gì phải trình biểu tỏ bày cảm tạ.

14. BIỂU XIN VÌ TÔN SƯ DỰNG LẬP VĂN BIA:

Sa-môn Tuệ Lãng v.v... nói: Tôn sư Hòa-thượng Tam Tạng Đại Biện Chánh Quảng Trí Bất Không sớm gặp đời có bậc Thánh, mồi ngọn đèn Phật, vượt biển trèo non, tìm cầu pháp bảo, thành đạt mật ấn kim cương, thấu suốt tổng trì tam-muội, xá lợi bao bọc ở sắc thân, gương trí treo ở trăng tâm, mở mang đạo lớn, phụ giúp hoàng gia. Từ niên hiệu Thiên Bảo về sau, các vị hoàng tổ, hoàng khảo đều nghiên mình cung kính thưa hỏi giáo pháp, đủ lễ thầy trò. Đến lúc bê hạ lên ngôi, càng thêm ưu đãi, kính trọng đạo đức, sủng ái ban tặng vượt hẳn thường tình, lúc sinh tiền thì tôn xưng là bậc thầy quán đảnh, khi thị tịch, ban tặng chức vị thượng công. Từ lúc tôn sư thị tịch, trải qua năm tháng, xây dựng linh tháp ở song lâm, đức lớn chưa khắc nơi đá tảng. Thánh từ thương kính, hứa chế tặng bia. Ngửa mặt nhìn thiên văn, mong đợi giáng chỉ, Sa-môn Tuệ Lãng v.v... chúng tôi, nguyện xưa mong chờ đã đến lúc cùng, cúi xin hồng ân rũ lòng cho phép, không gì hơn khẩn khoản đến cùng, kính cẩn dâng biểu trình xin để bê hạ xét biết, khinh mạo long nhan không dám lo sợ. Sa-môn Tuệ Lãng v.v... chúng tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776), ngày mồng 05 tháng 04.

Sa-môn Tuệ Lãng chùa Đại Hưng Thiện, v.v... kính biểu.

15. BIỂU CHÚC MỪNG LÝ LINH DIỆU CHIẾN THẮNG:

Sa-môn Tuệ Lãng v.v... nói: Tuệ Lãng tôi nghe “Bọn nghịch đức chết rồi còn khó tránh khỏi yêu nghiệt”. Cúi mong Bệ hạ anh minh một mình quyết đoán, thầm vận thần mưu, dùng tướng sĩ uy võ rất thành khẩn đánh dẹp. Bắt gấp bọn giặc khấu đảo, tám châu có được khai thông hải ngoại. Vạn nước đến triều chầu, bốn cõi cùng dâng cống. Tuệ Lãng v.v... chúng tôi, rất vui mừng không kềm chế được, kính cẩn nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu trình bày chúc mừng để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Lãng v.v... chúng tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776), ngày mồng 28 tháng 11.

Sa-môn Tuệ Lãng chùa Đại Hưng Thiện, v.v... kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Linh Diệu cuồng phản, chống cự kinh đình, quân sư bốn phía lâm trận giặc khấu yêu nghiệt tiêu tan, bắt được hung thủ, sông biện trở lại an khương thái bình. Đó là điều chúc mừng vậy.

16. VÃN CA TỪ CỐ CÔNG ĐỨC SỨ LƯƠNG QUỐC CÔNG LÝ TƯỚNG QUÂN:

Tiền Tả lãnh quân vệ binh, Tào tham quân Hàn lâm đợi chiếu dời Triệu:

Nghiệp lớn thời Đường Nghiêu
Công thành quân Văn Tử.
Nhận ân sủng ba triều
Xông sáu tỷ năm thần.
Vẽ sừng, buồn thổi lạnh
Kèn buồn nghẹn sương mai.
Cốt trung nghĩa thánh triều
Nay phần mồ hoang lạnh.
Cây lớn buồn gió thổi
Tướng quân đi chẳng về.
Võ hàn, tâm càng đau
Nhìn huyệt, lệ khó cầm.
Trăng mai đọng sương cỏ
Suối ẩn cản dạ đài.
Lắng nghe bạn ca khóc,
Chạm vật đều buồn thương!

17. BIỂU XIN TIẾP TỤC ĐẶT CHỨC QUAN SỨ CÔNG ĐỨC:

Sa-môn Tuệ Lãng nói: "Tuệ Lãng tôi nghe: chỉ có con người gieo trồng cội phước, chỉ có phước đức làm lợi ích con người. Nếu thiếu sót đi thiện công đức thì không do đâu mà sinh trưởng". Cúi mong Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế bệ hạ, lên ngôi thiên tử chở che muôn dân, cắt dứt dường tà, giữ gìn chánh pháp, muôn cõi nước đều an lành, chứ đâu chỉ có ở kinh thành. Từ lúc quốc gia đặc biệt an trí quan sứ công đức về sau thì phước lành ngày một thêm nhiều, còn hung tà thì mất đi. Chốn hoàng cung khởi vận may cao lớn, cảnh thiền môn yên vui, dứt tuyệt cái nhục. Chỉ trời biết được, người ít rõ vậy. Từ hôm Lý Nguyên Tông qua đời, từ đế kinh cho đến tăng lữ nhìn nhau ảm đạm, mở mắt thêm buồn thương, lệ rơi trong lời nói. Lại lo sợ ác ma được dịp thương tâm, ngoại đạo gặp thời nhiễu loạn, chánh giáo bị hoại diệt, rừng tà càng tươi tốt! Cúi xin thánh từ chọn một vị hiền thần đảm chức Tư công đức, mãi mãi vì nước nhà mà tạo phước đổi đời, cởi mở sự lo buồn để tăng nhân phấn chấn. Kính cẩn nhờ giám sứ Lý hiến Thành dâng biểu trình bài cầu xin để bệ hạ xét biết. Không gì hơn soi xét đến cùng, Sa-môn Tuệ Lãng tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776), ngày... tháng12

Sa-môn Tuệ Lãng chùa đại Hưng Thiện kính biểu.

18. BIỂU TẠ ÂN THIẾT TRAI CÚNG DƯỜNG VÀ BAN TẶNG TRÀ VẬT:

Sa-môn Tuệ Lãng nói: Kính vì ngày 14 tháng này, thiết trai cúng dường một ngàn vị tăng, ban tặng hai trăm xuyến trà. Ngày này lại mong trung sứ tuyên bày ân mạng an ủi cùng các đệ tử, hành khắp thiên hương, xông khắp kẻ còn người mất, Tuệ Lãng v.v..., chúng tôi vừa buồn vừa lo, tâm hồn rơi lạc, nương sự chở che của tôn sư, gội mình nơi đặc ân của Bệ hạ. Nếu thần lý có còn, âm thầm cảm thánh ân thì ân kết cỏ hẳn do trà thơm vậy, không dám phụ bạc ơn núi biển đến cùng. Sa-môn Tuệ Lãng tôi kính cẩn nhờ trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu trình bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Lãng tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777) ngày mồng 10 tháng 06.

Sa-môn Tuệ Lãng, v.v... kính biểu.

19. BIỂU CHÚC MỪNG MƯA XUÂN:

Sa-môn Tuệ Lãng v.v... nói: Ấy là do mùa Đông năm trước quá hạn hán, Thánh tâm lo lắng, rộng bày thắng phước khắp vì sinh linh, quả nhiên thành tựu mây xuân vần vũ, khắp trời tuyết rơi bày điềm tốt, khắp nơi thấm nhuần, ân trùm khắp nơi, bụi mờ tự lắng sạch, lúa thóc trúng mùa, Tuệ Lãng v.v... chúng tôi cả thảy năm mươi ba vị, thường ở tại đạo tràng, vì nước nhà mà trì niệm kinh chú, từ đầu tháng giêng đến nay, cùng nhau sách tấn, có vị đã bảy ngày tuyệt thực, có vị qua hơn mười ngày quên cả ngủ nghỉ, quý vốn chút điều lành nhỏ, trên riêng báo đáp, gội nhuần như những năm tháng thời vua Nghiêu, nhân thẹn ông già miền quê, không dám mừng vui đến cùng, kính cẩn nhờ trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu tỏ bày chúc mừng để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Lãng v.v... chúng tôi vô cùng mừng vui kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778), ngày 17 tháng giêng.

Sa-môn Tuệ Lãng chùa Đại Hưng Thiện, v.v... kính biểu.

Bảo ứng Nguyên Thánh văn võ hoàng đế đáp.

Khoảng vì thời gian đang phát sinh từ mùa Đông không có sương tuyết, trẫm thật tình lo lắng bởi tháng ngày hạn hán kéo dài. Các vị tinh thành cầu nguyện, mưa đượm nhuần khắp. Do sự chí thành mà cảm cách, đáng dùng để an ủi vậy. Ấy là điều biết chúc mừng.

20. BIỂU CHÚC MỪNG ĐỘ ĐƯỢC CON GÁI VUA NƯỚC HÀN XUẤT GIA

Các vị Sa-môn ở kinh thành cũng như các vị thượng tọa ở chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Tuệ Lãng v.v... nói: Cúi vâng thánh chỉ ngày mồng 06 tháng này, độ con gái lớn của vua nước Hàn xuất gia. Hồng ân yên định thiên tôn xuất gia, vận phúc vốn tự Hoàng Hậu sự mến mộ của ái đạo dòng họ Thích. Cúi mong Bệ hạ tâm thật chí Thánh, lợi vật rộng khắp, tuy lớn như trời đất nào ai có thể, huống gì bỏ thân mai hoàng thượng tự cắt bỏ tóc xanh, cởi áo báu châu ngọc để đắp mặc cà sa. Trời người khắp ba cõi đều đượm nhuần ân phước, Sa-môn trong nước mang đội chúc mừng không thể kềm chế, kính cẩn nhờ trung sứ Ngụy Hành Lâm dâng biểu để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Lãng v.v... chúng tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778), ngày mồng 09 tháng 10.

Các vị Sa-môn ở kinh thành cũng như các vị Thượng tọa ở chùa Đại Hưng Thiện, Sa-môn Huệ Lãng v.v... kính biểu.

21. VĂN BIỂU CỦA SA-MÔN ĐÀM TRINH CHÚC MỪNG Ở NAM SƠN CẦU MƯA ĐƯỢC BAN TẶNG PHẨM VẬT.

(có phần trả lời)

Sa-môn Đàm Trinh nói: Ấy khoảng vì trời mưa chưa đến, thánh tâm lo lắng, đặc vâng tiến chỉ bảo ban đến Nam Sơn cầu mưa. Dốc tận tim gan, mong động lòng trời. Đối với pháp, không có công phu nên rồng thần chẳng ứng, không nhọc nghĩ tưởng, hư phí sự cúng dường. Đã không hy vọng trông mong gì, thật đáng tội trách phạt. Thánh từ lại khoan dung tha thứ, ban thưởng rất sâu đậm, vâng nhận bảy mươi xấp gấm lụa. Thật trời che đất chở, chẳng biết cao dày. Há rằng lo giận môn đình, bỗng gặp mưa trông thấm đượm, không dám mừng vui thẹn sợ đến cùng, kính cẩn nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu tỏ bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Đàm Trinh tôi vừa sợ vừa mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777), ngày mồng 03 tháng 08.

Chùa Thanh Lang, Sa-môn Đàm Trinh kính biểu.

Bảo ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế đáp:

Sư (Sa-môn Đàm Trinh) từ lâu tinh tấn phạm hạnh, thiết tha thành khẩn thanh tịnh đạo tràng, cầu nguyện mưa rãi đượm nhuần khắp nơi, trẫm có phần khen thưởng, sao nhọc lòng tỏ bày cảm tạ vậy.

22. BIỂU CHÚC MỪNG TRỜI TẠNH MƯA (có phần trả lời)

Sa-môn Phi Tích v.v... nói: Cúi vâng ngày 26 tháng 08, trung sứ cao phẩm Lý Hiến Thành tuyên cáo thánh chỉ các vị Sa-môn ở tại kinh thành trì tụng kinh Đại Bát-nhã Khổng Tước Vương v.v... cầu nguyện tạnh mưa, để giúp thánh tâm.

Phi Tích tôi nghe: Đế Nghiêu rất mực chí thánh, không đâu mưa nhiều. Kinh Đại vân quý báu cũng có dạy cầu xin tạnh mưa. Khoảng ấy còn như lâm râm, lo nhận bàng hoàng, Bệ hạ đích thân bày tâm nơi người vàng, thường đốt hương ở điện ngọc, bèn khiến trời quang tạnh, mặt nhật lên cao, soi suốt mây dày mà chiếu khắp bốn phương, gió lành phảng phất quét sạch mây mù ở tám hướng. Lúa thóc tốt tươi được mùa, kho vựa thường luôn tràn đầy. Đó đều do ân trời tinh nghệ, phàm tăng đâu biết được. Phàm tại đạo tục, không dám cảm đội, kính cẩn nhờ trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu trình bày để bệ hạ xét biết. Sa-môn Phi Tích v.v... chúng tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777), ngày mồng 01 tháng 09.

Cùng chư tăng ở tại kinh thành, Sa-môn Phi Tích kính biểu.

Bảo ứng Nguyên Thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Sư (Sa-môn Phi Tích) lãnh đạo các vị Sa-môn, từ lâu ở tại đạo tràng, siêng năng kết duyên phạm hạnh, phước đức giúp ích chúng sinh, chân thánh che chở, xưa ngầm dần khai mở, nên càng thành kính, để lại an vui cho nước nhà. Ấy là điều đáng chúc mừng vậy.

23. BIỂU CHÚC MỪNG CẦU MƯA NƠI AO TRỦNG:

Sa-môn Giác Siêu, Tuệ Chiếu v.v... nói: ngày 15 tháng này, Trung sứ Dương Quý Trân đến kính vâng thánh chỉ bảo ban các vị Giác Siêu, v.v... cầu mưa nơi ao trủng tại Nam sơn suốt bảy ngày. Bệ hạ nghiêm thân dưỡng vật, lo ơn mưa móc ở Phu thời, lấy lòng người làm lòng mình, thương nông phu trồng trọt giữa năm, bèn khiến có linh, hẳn cầu thần tích và tức khắc tạo phúc, mà muôn họ đội ân từ ái, chúng sinh mừng nghĩa mẹ cha, so với mưa tuy hiếm ít mà cỏ cây đều tươi tốt, hạn hán không phải lo lắng, ngũ cốc đều xanh tươi. Đó tức là bệ hạ thuận với đạo trời ngầm ẩn vận thời, thể nguyên chuyển hóa bên trong hài hòa, Giác Siêu v.v... chúng tôi còn ngu mờ không dám mừng vui quá lắm. Mọi người thảy đều biết, mang đội vui vẻ đến cùng không thể kể xiết.

Giác Siêu tôi cúi vâng thánh chỉ, bèn thiết lập đạo tràng, ngày đêm tinh thành để giúp yếu chỉ của văn ân, chẳng dám biếng lười, làm sáng tỏ lênh của Quang Trạch, ngay đêm đầu trì tụng kinh chú, mây

sương bỗng dưng tụ lại nơi núi sông, khải thỉnh chưa xong thì mưa đổ, nước tuôn tràn đầy rưới khắp cửa thành. Cho nên biết cảm động như thời vua Nghiêu, huyền ứng ngay trong chốc lát, mưa đức như lúc vua Thuấn, vui nhỏ chẳng dám chậm lâu, nơi mầm mống cây, bỗng nhiên như mưa tăng thêm nữa, phàm gọi là lương trữ, thật sẽ càng tàn. Giác Siêu tôi cùng với các vị già trẻ v.v... trong hương thơm, mang đội mừng vui bất giác vỗ tay vào cổng làng, vừa tát vừa dừng, tự nhiên chân đạp đến hang cùng ngõ hẻm, không dám mừng vui hớn hở đến cùng, kính cẩn dâng biểu trình bày chúc mừng để bê hạ xét biết. Sa-môn Giác Siêu, Tuệ Chiếu v.v... chúng tôi vô cùng mừng vui kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 07 (772), ngày mồng 20 tháng 06.

Chúa Bảo Thọ Sa-môn Giác Siêu v.v... kính biểu.

Bảo ứng Nguyên thánh Văn võ Hoàng đế đáp:

Các vị Sa-môn (...) kinh hành ngồi thiền, từ lâu đã tỏ ngộ vô sinh, nhớ nghĩ sâu sắc về nước nhà, chí thành mong cầu mưa móc, thánh chân rũ lòng che chở, mưa xuống đúng thời, truyền hợp thu nguyên đem lại mùa màng tốt tươi, tây thành có trông mong, diệu dụng hổ thẹn khó nhọc. Ấy là điều biết chúc mừng vậy.

24. BIỂU BÀY TỎ XIN TỪ KHƯỚC Ở TRONG ĐẠO TRÀNG:

Sa-môn Giác Siêu, Tuệ Hải v.v... là những vị chuyên trì tụng ở đạo tràng nơi điện Trường Sinh nói: Giác Siêu, Tuệ Hải... chúng tôi vốn không đức nghiệp, lạm nhận kẻ xuất gia, theo hầu tôn sư, vào ra nơi cung cấm, ăn phần cơm vua, mặc lấy áo trời, ngồi ngựa xe công, qua lại bằng xa giá. Dần dà ngày tháng hơn mười lăm năm trời, nhận của thù ân ban thưởng, chất cao đầy gò. Nếu bàn về công lao báo đáp nước nhà thì chưa từng có được mảy may, vỗ mình tu trì đâu kham nhận hổ thẹn. Vả lại, người xuất gia nhận lời Phật dạy, siêng tu công đức, cho ở chốn già-lam, từ lâu ở chốn cung trời, thật để lại vật bàn luận, đêm trước nghĩ suy, đâu dám tự an! Rất mong thánh từ nhủ lòng thương phóng thích cho mỗi người tự trở về chùa cũ, vì nước nhà mà tu hành, nhóm vốn ruộng phước đâu hạn trong ngoài. Khẩn thiết chí thành đến cùng, không thể kể xiết, kính cẩn nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu trình bày cầu xin để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Giác Siêu, Tuệ Hải v.v... chúng tôi vô cùng lo sợ kinh dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777), ngày mồng 22 tháng 05.

Sa-môn tu hạnh tụng niệm Giác Siêu, Tuệ Hải v.v... kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Các vị Sa-môn ... diệu hạnh tinh tu, giữ vững chánh giác, lưu lại nơi cung cấm, để làm nhân tốt, không đến không đi, sao lại dâng biểu từ nhượng vậy.

25. BIỂU CHÚC MỪNG CẦU MƯA:

Sa-môn Giác Siêu v.v... nói: ngày 27 tháng 08, cúi dâng trung sứ Ngụy Hành Lâm tuyên cáo. Thánh chỉ: Mưa dầm đã lâu, phải xin cầu tạnh. Giác Siêu v.v... chúng tôi bỗng nhiên vâng thừa chỉ dụ, càng gấp bội khẩn thành khởi cáo rồng thần, ngày đêm tinh ròng thành khẩn, dốc tận tim gan, nương nhờ thiên oai của Bệ hạ, mây tan mưa dứt, mùa màng đều tươi tốt, cúi mong Hoàng đế Thánh Đức kinh động đến trời, Ngài nuôi dưỡng muôn loại, dắt dẫn sĩ dân vui lòng, quan liêu điều an vui, chư tăng v.v... nới Đạo tràng vui mừng đến cùng không thể kể xiết, kính cẩn nhờ trung sứ Nhạc Lệnh Khâm dâng biểu trình bày chúc mừng để bệ hạ xét biết. Sa-môn Giác Siêu v.v... chúng tôi vô cùng mừng vui kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777) ngày mồng 01 tháng 09.

Đạo tràng ở điện Trường Sinh, Sa-môn Giác Siêu v.v... kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Sư lãnh đạo chư tăng, từ lâu ở tại đạo tràng, siêng năng kết duyên phạm hạnh, phước đức lợi giúp lê dân, chân thánh che chở, xưa nay ẩn mật, dần dần tỏ rõ nên càng thành kính, để lại an vui cho nước nhà, đó là điều đáng chúc mừng vậy.

26. BIỂU CHÚC MỪNG ĐÁNH DẸP THỔ PHIÊN.

(có phần trả lời)

Sa-môn Giác Siêu v.v... nói: nhìn thấy giữa đường tràn đầy Tử Nghi hạ tướng sĩ phá dẹp Thổ Phiên. Bắt sống cả ngàn tên giặc, chém đầu đến cả số muôn. Kính nghe: Bệ hạ dùng thuận để phạt nghịch, khởi quân chắc chắn chiến thắng, vì nghĩa mà trị gian tà, khắp nơi không ai chẳng khắc phục. Ngày mà bọn giặc Thổ Phiên phụ trái ước, dám phản ân nước nhà. Theo giặc ở biên thùy, nhờ lấp đất đá. Cúi mong Bệ hạ thánh lược thông thật, thiên oai chấn động nơi xa, thế đồng như chẻ trúc, như châm lửa đốt đồng, bắt được tên đầu sỏ, chết cứng đầy đồng. Giác Siêu v.v... chúng tôi hổ thẹn ở nơi cửa Phật, mừng vui nước nhà thanh bình, không dám hớn hở quá lắm, kính cẩn dâng biểu trình bày để bệ hạ xét biết. Sa-môn Giác Siêu v.v... chúng tôi vô cùng vui mừng

kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777) ngày 28 tháng 08.

Sa-môn Giác Siêu nội đạo tràng chùa Bảo Thọ v.v... kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Bọn Tây phiên phụ ân, Nguyên Nhung đặt bày mưu lược, đạo trời giúp sức thuận hòa đánh dẹp hung tàn. Các vị là Sa-môn Thích tử cũng nên an ủy vậy. Ấy là điều đáng chúc mừng.

27. BIỂU CHÚC MỪNG CẦU MƯA Ở ĐẦM NGỌC NỮ.

(có phần trả lời)

Sa-môn Tuệ Siêu nói: ngày 16 tháng trước trung sứ Lý Hiến Thành kính tuyên chỉ dụ bảo ban Tuệ Siêu tôi đến đầm Ngọc Nữ ở huyện Chu Ốc tu hương quả cầu mưa. Tuệ Siêu tôi hạnh thiếu tinh tu, bày sai thiên chỉ, nơi núi sông linh ứng, bất muội cầu nguyện, ban đầu mới lập đạo tràng, từ lạch khe bỗng dưng róc rách và gieo xá-lợi mưa vải như tơ, một tối mà cây cỏ thêm hoa, một đêm mà sông đồng tràn ngập thấm sâu khô cạn, mừng hợp thần dân. Cúi mong Bệ hạ thánh đức kinh động đến trời, ân trời ban phước. Đâu phải là Tuệ Siêu tôi bé nhỏ mà vật tinh thành cảm thông, không dám vui mừng hớn hở đến cùng, kính cẩn nhờ trung sứ Lý Hiến Thành vào cung trình tấu dâng biểu tỏ bày chúc mừng để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Siêu tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại lịch năm thứ 09 (774) ngày mồng 05 tháng 02.

Nội đạo tràng ... Sa-môn Tuệ Siêu kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Trẫm luôn thương xót lê dân, trông mong trời mưa. Phân ban các làng cầu đảo khắp các linh từ mà hòa trạch thấm nhuần, phủ cùng tuần mẫn. Sư (Tuệ Siêu) từ lâu đã nhọc chí thành khiết tịnh, siêng năng thanh tịnh đạo tràng, có thể trông mong, nhìn lại càng thêm vui mừng vậy. Ấy là điều đáng chúc mừng.

28. BIỂU CHÚC MỪNG:

Sa-môn Đàm Trinh v.v... nói: ngày 29 tháng trước, kính vâng trung sứ Lý Hiến Thành đến phụng tuyên thánh chỉ bảo ban Đàm Trinh v.v... chúng tôi đến đầm Ngọc Nữ, ở trước chùa trì tụng kinh sám trợ giúp cầu mưa. Cúi mong Bệ hạ nhân vì mùa đông trước không nhóm tuyết, đến xuân lại nắng gắt. Lo giúp đầu tiên, tinh thành cầu nguyện, các trung sứ v.v... ban đầu tu hương đèn, bầu trời không mảy may bụi nhơ lúc tuyên xưng thánh chỉ, bỗng nhiên linh ứng, gió núi rạt rào như ùn sấm sét,

nước đầm ngầm thấm, hoặc phân theo mạch núi tuôn trào bèn khiến tuôn mưa đầy đầm và tràn khắp sông, đồng bằng. Nhâm Cao nhờ đó mà khơi mạch, cỏ cây nhờ đó mà nẩy mầm. Muôn dân mừng vui, ngày thường khó nói hết. Đàm Trinh v.v... chúng tôi học đạo rõ thời, lánh ở nơi hang núi, may thấm nhuần ơn đức thánh vương, hớn hở thêm lên, không dám mừng vui đến cùng, kính cẩn nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu bày tỏ chúc mừng để bê hạ xét biết. Sa-môn Đàm Trinh v.v... chúng tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774) ngày mồng 03 tháng 02.

Chùa Tiên Du ở huyện Chu Ốc, Sa-môn Đàm Trinh kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

(Đáp chế đồng như văn trên) (bài 27).

29. BIỂU CHÚC MỪNG BÌNH TRỊ HÀ NAM CỦA SA-MÔN ĐẠO NHUẬN Ở ĐÀI LINH ỨNG:

Kiểm hiệu đạo tràng Quán Âm ở đài Linh Ứng. Các Sa-môn tu hạnh niệm tụng là Đạo Nhuận v.v... nói: Kính vâng các tướng ở Hà Nam đánh lấy được Châu Biện, đánh phá Điền Hoảng, bắt sống Lý Linh Diệu. Bọn cứu vọ bị tan tác, độc bò cạp liền như băng tiêu. Trời đất, Thần, người. Không ai chẳng mừng vui. Cúi mong Bảo ứng nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế Bệ Hạ y cứ chánh giáo của đấng Pháp vương, thực hành hạnh đại bi của đức Quán Âm. Ban ân cho trăm họ, sợ mọi vật mất chỗ, mà bọn Lý Linh Diệu kia cuồng điên, hoành hành chống cự trái ngược đạo trời, nếu trời không giết thì cũng tự chuốc lấy tay họa. Nay đây, biển lặng, mặt nhật soi sáng núi non tĩnh lặng. Còn nghe thiên sư còn chứa thừa sức mạnh giết giặc thù, kế thừa chắc chắn không xa. Kẻ xuất gia nhỏ bé như tôi giờ đây mừng vui sao xiết. Ngưỡng nhờ ân đức Thượng Hoàng, so sánh thì sông biển chẳng sâu bằng, vui mừng đến cùng, không thể kể xiết, kính nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu tỏ bày chúc mừng để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Đạo Nhuận tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776) ngày 29 tháng 07.

Kiểm hiệu đạo tràng Quán Âm ở đài Linh Ứng, Sa-môn Đạo Nhuận kính biểu.

30. BIỂU DÂNG CÚNG LÔNG CHIM BỒ CÂU.

Thần Lý Hiến Thành nói: vô cùng lo sợ! Tội chết! Tội chết! Cúi mong Bệ hạ dùng đạo Hiếu để cai trị thiên hạ, núi ngòi do đó mà ban

tốt lành, tin đến cả loài côn trùng, loài lông vãy vộng mà hiện bày điềm tốt. Nay thấy trong kinh Phật ghi rõ; chim Bồ câu sợ chim ưng bay đến bên cạnh ngài Xá-lợi-phất, lo sợ vẫn còn, đến bên Đức Phật, lòng sợ hãi điều hết. Người ấy cùng với cốt xương đều đã mục rã, chỉ lông chim bồ câu nay vẫn còn, thể chất nhẹ nhàng, màu xanh biếc, bỏ vào lửa không cháy, gặp gió liền tung bay. Thần Hiến Thành từ lâu hầu cận nơi hiên thiềm, đích thân tự thấy thử đốt lông không cháy, biết rằng Phật Pháp chưa suy vi. Từ đời nhà Chu truyền đến nhà Đường, rõ ràng qua các triều đại lâu xa, chỉ chó ngựa so để hiến cầu, tình của chim muông, sẽ đến hiến dâng, sự tuy thật nhỏ, song không dám chẳng cúng dâng. Thần Lý Hiến Thành tôi vô cùng lo sợ tội chết! Tội chết! Kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777) ngày 01 tháng 01.

Nguyên tùng triều Tán Đại phu hành nội thị giả, nôị yết thị giả, Giám Đồng chánh viên thượng Quế Quốc Tứ Ngư đại thần Lý Hiến Thành kính biểu.

Bảo ứng nguyên Thánh văn võ Hoàng Đế đáp rằng:

Ông nhờ gần gũi, che chở Phật giáo, từ lâu tỉnh tấn siêng năng, thật có nhiều kinh nghiệm rõ ràng. Với việc dâng cúng lông chim Bồ Câu, rất đáng vui mừng vậy, đó là điều đáng tấu trình.

ĐẠI BIỆN CHÁNH QUẢNG TRÍ TAM TẠNG BIỂU CHẾ TẬP
QUYỂN 5 (HẾT)

■

BIỂU CHẾ TẬP

Sa-môn Thích Viên chiếu chùa Tây Minh ở Thượng Đô Trường An biên tập.

QUYỂN 6

Biểu văn có hai mươi hai bài, Đáp chế có mười một bài, tổng cộng ba mươi ba bài.

1. Biểu dâng cúng kinh Diệu Pháp Liên Hoa bản chữ vàng, của giám sứ Lý Hiến Thành. (có phần trả lời)

2. Biểu chúc mừng dẹp yên Lý Linh Diệu.

3. Biểu xin độ tăng của Sa-môn Nguyên Hiệu.

4. Biểu tạ ân ban tặng phẩm vật cố tôn sư Tuệ Kiên.

5. Biểu tạ các bài ca; tự; tụng leo lên thang Dao. (có phần trả lời)

6. Bài tụng: Sa-môn Sùng Tuệ leo lên thang Dao. (có phần trả lời)

7. Biểu cảm tạ ban tặng y tía và chúc mừng. (có phần trả lời)

8. Biểu tấu trình việc ân ban quét dọn lau chùi tháp tượng các Chùa ở kinh thành đã xong. (có phần trả lời)

9. Biểu tấu trình việc tiến hành phụng tu một số công Đức ở trong và ngoài điện các Văn-thù tại chùa Đại Hưng Thiện. (có phần trả lời)

10. Biểu cảm tạ ân ban tặng gấm lụa v.v... tất cả bốn mươi xấp. (có phần trả lời)

11. Chế Văn của Hoàng Đế Túc Tông ân ban Sa-môn Tuệ Vu - Đệ tử Hòa-thượng Tam Tạng Bất Không vào trong đạo tràng để niệm tụng.

12. Chế Văn ân chỉ bảo ban Sa-môn Tuệ Hiểu - Đệ tử Hòa-thượng Tam Tạng vì nước nhà niệm tụng.

13. Chế Văn của Hoàng Đế Đại Tông ân chỉ bảo ban chùa Tây Minh cung cấp cơm cháo cho người qua lại tạm trú, nương nhờ.

14. Biểu cảm tạ thánh ân và từ biệt để đến núi Ngũ Đài phụng tu công đức. (có phần trả lời)

15. Biểu cảm tạ ân ban bảo cùng Sa-môn Tuệ Lãng đồng phụng tu công đức. (có phần trả lời)

16. Biểu phụng dâng “Chân thúc ca bảo” nhân tết Nguyên Đán. (có phần trả lời)

17. Ngày 13 tháng 08 ban tặng thủ chiếu (khi ấy đang ở tại chùa Kim Các, núi Ngũ Đài).

18. Biểu trình bày việc đến núi Ngũ Đài phụng tu pháp Hộ-ma công đức. (có phần trả lời)

19. Chế Văn ban sắc Sa-môn pháp cao đô Duy-na ở chùa Đại Hưng Thiện y cứ như trước mà đảm đương công việc.

20. Biểu tạ ân ban lệnh Sa-môn Pháp sư Hữu Tắc khai giảng kinh pháp tại chùa Đại Hưng Thiện. (có phần trả lời)

21. Biểu cảm tạ Chế Văn bổ nhiệm Sa-môn Tuệ Lãng cho làm chức thượng tọa ở chùa Đại Hưng Thiện. (có phần trả lời)

22. Văn bia Hòa-thượng Tam Tạng tại Bổn viện. (Văn Nghiêm Trình)

*****

1. BIỂU DÂNG CÚNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA BẢN CHỮ VÀNG, CỦA GIÁM THẦN LÝ HIẾN THÀNH:

Giám thần Lý Hiến Thành nói: Con có được việc tốt lành nào thì dâng lên cha. Kẻ bề tôi có được việc tốt lành nào thì dâng lên vua. Nhưng kinh Diệu Pháp Liên Hoa bản chữ vàng, non Linh Thứu giảng bày truyền bá chân kinh, chốn cung rồng chép diệu thú hướng Liên Hoa. Vì vậy, pho quyển làm bằng chất trân kỳ, chữ chép thuộc loại chất vàng, hùng thế hiển lộ rõ ràng, sáng ngời như muôn sao soi chiếu. Mở quyển thọ trì tợ trăm hoa đua nở giữa cây mùa xuân, lật văn giảng nói giống đàn chim hồng vỗ cánh trên biển xanh. Lọc sạch năm thứ vẩn đục, trang nghiêm sáu căn, kính cẩn từ sáng sớm, quỳ mà kính dâng, để bày tỏ điềm tốt lành. Mong được tuổi thọ bằng Như Lai, kéo dài thời kỳ xưng thạnh của bệ hạ, không dám như loài chó ngựa khẩn khoản đến cùng, kính cẩn dâng lên để bệ hạ xét biết, Giám thần Lý Hiến Thành tôi vô cùng lo sợ, cúi đầu kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778), ngày mồng 01 tháng giêng.

Nguyên tùng triều tán đại phu Quế Quốc Lý Hiến Thành kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Ông nhờ gần gũi, xem xét phụng tu công đức, đáp mừng mới mẻ, có thể thấu đến kinh mầu, mở quyển sán lạn, rất đáng khen chuộng vậy. Ấy là điều đáng cúng dâng.

2. BIỂU CHÚC MỪNG DẸP YÊN LÝ LINH DIỆU:

Thần Triệu Thiên nói: Kính nghe: Hoạt hào tiết độ sứ miễn v.v..., kính thừa mưu sáng, thuận hành trời phạt, Lý Linh Diệu bắt kẻ tù, Điền Hoãn bại vong, quét sạch bụi khói của Hà Hữu, thâu lấy châu huyện của Đại lương. Cứu muôn dân khỏi khổ lầm than, rao lòng từ trắc ẩn của Đại Vương. Muôn nước đều hân hoan, triệu dân đều ca tụng, phô bày linh ban của tông miếu, chiếu rọi oai thần của thánh chúa. Mọi rợ bé bỏng của thần tôi may gặp đời Thánh, nghe vậy rất mừng, hớn hở không gì bằng. Kính nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu tỏ bày chúc mừng để bệ hạ xét biết. Thần Triều Thiên tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776) ngày 29 tháng 10.

Tiền tả lãnh quân vệ Binh Tào Hàn Lâm đãi chiếu Thần Triệu Thiên kính biểu.

3. BIỂU XIN ĐỘ TĂNG CỦA SA-MÔN NGUYÊN HIỆU:

Sa-môn Nguyên Hiệu trong mọi hành động. Cúi mong Bệ hạ muôn phước, Nguyên Hiệu sống ở Phước Châu, riêng loại phẩm hèn, lớn lên gặp nhiều may mắn, theo hầu xe loan. Từ khi Linh Võ trở lại kinh thành, gặp nhờ rõ việc Phật, bẩm thọ di huấn của tiên sư, hứa vì nước quên mình, hổ thẹn không mảy may công khó, đã đến tuổi mọi sự theo ý muốn (tuổi 60), thân mang bệnh tật, không người cấp dưỡng, ngưỡng nhớ Thánh từ ban ân thương xót. Có cháu hiếu thường sớm nhờ ơn trời, sai bày sùng ban, thật không lao nhọc báo đáp nước nhà, chí muốn xuất gia. Nguyên Hiệu tôi biết thật nghiệp đó, khắp không bỏ người thân, tuy sống tại gia, thường siêng tụ tập. Cúi mong Thánh ân ban cùng, riêng xin báo đáp, mong dốc thân tàn, vẫn mong đáp lời, không dám khẩn khoản lo sợ đến cùng. Nay nhân ngày giáng đản, kính cẩn nhờ trung sứ Ngụy Hành Lâm bày tỏ cầu xin để bệ hạ xét biết. Nếu Ân trời cho phép, xin giao phó cho sở ti, kính cụ cước sắc như sau. Sa-môn Nguyên Hiệu tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778), ngày mồng 09 tháng 10.

Chùa Bảo Thọ - Đạo tràng niệm tụng trước điện Trường Sinh, Tự chủ Sa-môn Nguyên Hiệu kính biểu.

4. BIỂU TẠ ÂN BAN TẶNG PHẨM VẬT CỐ TÔN SƯ TUỆ KIÊN:

Sa-môn Thường Thanh v.v... nói: Kính vâng Trung sứ Mỹ Đình Hoàn tuyên cáo thánh ân ban tặng cố Sa-môn Tuệ Kiên hai mươi xấp lụa, quỳ bưng mà bàng hoàng hổ thẹn, vừa thương vừa sợ. Sa-môn Thường Thanh v.v..., chúng tôi rất lo, rất sợ, đều thọ nghiệp ở Tôn sư Tuệ Kiên với nhiều năm tháng. Đạo không tinh cần khổ nhọc, trên mời tiên sư. Cúi mong Thánh từ nhớ nghĩ đặc tặng, thân làm phẩm cuối. Kẻ tăng bé nhỏ chúng tôi buồn thương không kềm chế được, kính cẩn dâng biểu bày tỏ cảm tạ để Bệ hạ xét biết. Sa-môn Thường Thanh v.v... chúng tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 07 (772) ngày mồng 12 tháng 06.

Sa-môn Thường Thanh v.v... đệ tử cố Sa-môn Tuệ Kiên thường niệm tụng trong đạo tràng kính Biểu.

5. BIỂU TẠ CÁC BÀI CA; TỰ ; TỤNG LEO LÊN THANG DAO

Thời Đại Đường, niên hiệu Đại Lịch thứ 03 (768) nhằm ngày 28 tháng 10 năm Mậu Thân, kính vâng chỉ dụ thiết lập đạo tràng ở chùa Chương Kính, bấy giờ có Sa-môn Sùng Tuệ ở Giang Đông, leo thang Dao, lên cây kiếm, lội vạc dầu sôi, ngồi giường chùy kiếm, ngày ấy trăm cung tinh trì, muôn người nhóm họp, không ai chẳng kinh hồn ca ngợi là việc chưa từng có, thảy đều cúi đầu đứng một chân mà ca ngợi rằng:

Trăm thước giữa không nương tầng kiếm.
Ngàn núi yên đứng tiếp trời mây.
Rầm rị sương bày, chim nói đạo.
Suối Rồng vàng vàng sinh cầu vòng.
Dao làm cây mọc, kiếm núi cheo leo.
La-hán Phi tích dạo trong đó.
Mỗi bước mỗi lên, tay vin mao vũ.
Bắc Đẩu xán lạn, soi chiếu sáng ngời.
Cang tương kiếm nhận lìa đôi, vạch ngọc chiếu sáng.
Người đạp chân lên không nguy hiểm.
Kiếm Mạc-Da; Dao gươm bén nhọn, có thể thổi bay.
Như nay đạp lấy, chẳng nhọc phiền.
Trắng như tuyết, trong như băng.
Mai rùa vảy cá mấy trăm tầng.
Bốn bộ trông nhìn cùng nhau tranh cạnh.

Muôn nhận đầu non thấy một tăng.
Sắt mới văn sinh màu rắn.
Tốt tươi cao ngất lạnh hiểm nguy.
Chẳng hề thương tổn khó suy lường.
Mới là sức Từ-bi, giải thoát.
Từ xưa võ thần ưa kiếm thuật.
Múa đó, quẳng đó đều chẳng mất.
Trông kìa gan dạ, thân run sợ.
Ai bảo múa giáo dời mặt Nhật?
Lý Quảng xưa truyền trăm chiến công.
Sao bằng nay được thấy thần thông.
Y tía choàng ngang, bay giữa trời.
Vào ra ngang dọc, đạp trên bạch nhẫn.
Phỉ thúy sáng ngời ngời.
Tinh Quang hòa năng lợi.

6. BÀI TỤNG: SA-MÔN SÙNG TUỆ LEO LÊN THANG DAO

(có phần trả lời)

Từ đời nhà Hán, vua Minh Đế nằm mộng thấy ngài Ca-diếp Ma-đằng và Trúc pháp lan, thiết lập giềng mối ở Lạc Dương, Chúa Tần hoài nghi ngài La-thập, hiển bày gương Phật ở trong bình, phó dịch từ trách, Pháp lâm soạn văn biện chánh, Sùng Tuệ phá tà hiển bày thần dụng ở chùa Chương Kính, sự tướng gầy dựng cây cao trăm thước, trên có hai tầng, nhận báu bao phủ, linh vàng bốn lớp, lò lửa bốn đường. Ao mọc hoa sen, tòa sắt nhọn độc, đều bày bố lan thuẫn ở trong. Ngày đó mặt Nhật thêm sáng, gió bụi chẳng nổi, sương ngưng tựu tán, khí trời ôn hòa. Đến lúc ban sắc Pháp y, đích thân thần sứ trông thấy, Quốc sư tể phụ, văn võ hùng ban, các nước láng giềng giúp hài hòa, bạn pháp rồng voi, mũ vàng cờ đỏ, các loại đua nhau cùng đến nghe Pháp, dân chúng đầy đường, chen chân chiêm ngưỡng. Tiếng Phật vang vọng khắp mười phương, các lò hương báu như mây như lọng, khi ấy tay vịn cây lá hình kiếm, chân đạp rừng dao, lửa dữ khói xông, bước đi qua lại trong đó. Giữa ao trải đồ nằm, như hoa sen vọt nở, các độc tán nhọn, đều đi quanh lấy ăn, nghi dung tăng mạo chẳng sai sót, rửa tắm súc nhổ tán tiêu, đại chúng điều khâm phục ngợi khen là việc chưa từng có. Kẻ bề tôi đích thân thấy rõ việc lớn ấy, mừng vui chẳng kềm chế được, đồng gội trong mây lành, lại thấm đượm ân tốt quý. Lửa dữ bốc cao chiếu soi núi tối tăm. Mở toang dòng vẩn đục, đồng chảy về biển pháp, tụng rằng:

Lớn thay Chánh giác!
Thần lực khó nghĩ.
Mộng cảm Minh Đế
Bay trong ánh sáng.
Bọn tà bỏ chấp
Cúi đầu quy y.
Điện Tần, gương báu
Bình hiện dứt nghi.
Phó Dịch từ trách
“Biện chánh” dẹp liền.
Sa-môn Sùng Tuệ
Dừng quấy dứt lỗi.
Nước, lửa, nhận, độc
Đối nghiệm hiếm lạ!
Lành thay! Việc lớn một thời.
Tương lai ngàn năm chẳng đổi dời.

7. BIỂU CẢM TẠ BAN TẶNG Y TÍA VÀ CHÚC MỪNG.

Sa-môn Sùng Tuệ nói: Hôm qua vâng phụng Quán Quân Dung sứ tuyên cáo tiến chỉ, bảo đến chùa Chương Kính leo lên cây lá kiếm, nhảy qua hầm lửa. Cúi vâng trung sứ Củng Đình Ngọc tuyên cáo tiến chỉ, ban tặng y tía. Sùng Tuệ tôi nghe: Có ước nguyện mà không bị phụ phàng, ấy là lòng từ nhanh chóng của Quán Âm, khắc niệm liền tương ứng, đó là do năng lực Đại hùng của Phật. Vì vậy, vào lửa không bị thiêu đốt, ước muốn mong cầu chắc chắn có hiệu nghiệm, đạp dao không bị cắt thịt vốn đã rõ ràng. Há chẳng là Đức Đại Thánh gia trì oai lực, ân trời trùm khắp, bèn khiến quán thân pháp giới, chịu lửa dữ mà chẳng tổn thương, giở chân đã đến đạo tràng, lướt qua sương gió, gươm dao mà chẳng ướt. Thật mong yêu khí dứt hẳn, biển nghiệp trong hoài. Huống gì kẻ tăng người tục đều vui, trời người đều trông thấy. Ấy chính là do sự chí thành của bệ hạ mà cảm nêu, đâu phải chí khí kẻ tăng bé nhỏ này tạo nên, chịu gội ân riêng, không dám mừng vui, kính cẩn dâng biểu tỏ bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Sùng Tuệ tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 03 (766), ngày 23 tháng 10.

Sa-môn Sùng Tuệ chùa An Quốc kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế đáp:

Sư (Sùng Tuệ) riêng tu phạm hạnh, từ xưa khế hợp chân thừa,

lòng thành cảm thông, được Phật che chở, gởi thân trên lửa dữ, đạp chân trên đầu mũi nhọn, vẫn thản nhiên kinh hành như trên giường chiếu. Đô thành đều thấy, bốn bộ quy y. Điều ban tặng chẳng gì tốt quý, sao nhọc phiền cảm tạ.

8. BIỂU TẤU TRÌNH VIỆC ÂN BAN QUÉT DỌN LAU CHÙI THÁP TƯỢNG CÁC CHÙA Ở KINH THÀNH ĐÃ XONG.

(có phần trả lời)

Sa-môn Tuệ Quả nói: Ngày 19 tháng 12 năm trước, kính vâng trung sứ Lý Hiến Thành vâng tuyên chỉ dụ bảo ban kẻ tăng bé nhỏ tôi tuần du các chùa khắp kinh thành, rưới quét điện đường, lau bụi tôn tượng, và khắp tăng ni, đồ chúng đốt hương niệm tụng, vì nước nhà phát nguyện, kính cầu phước đức che chở. Kể từ ngày 20 tháng 12 năm trước, khởi đầu tại chỗ thờ răng Phật ở chùa Trang Nghiêm đến ngày mồng 08 tháng này là hoàn tất. Một trăm mười hai ngôi chùa, như chùa Hưng Thiện v.v..., có điện, tháp, thờ răng Phật, kinh tạng, di tích linh ứng, chỗ thờ Xá-lợi v.v... cả thảy chín trăm năm mươi bảy cơ sở.

Kính vâng tuyên cáo Duệ Thành, phát huy tượng giáo, phất qua tảng đá trong kiếp số nhiều như cát bụi, ban áo trời ở sáu thù, rửa bụi thân vàng, ngàn cánh sáng trên tòa sen, tôn dung cũ soi sáng lại, kinh sách xưa mới mẻ liền. Đốt hương trong điện, rưới quét trong đình. Nương thanh tịnh mà phát nguyện, như linh ứng mà cảm thông. Ngày nay, bốn biển sóng lặng, ba cõi cuốn mù, giặc bụi chẳng nổi, mặt trời mới mọc xua tan bóng tối. Kẻ tăng bé nhỏ tôi lại kính cẩn căn cứ kinh tạp Bảo Tạng v.v... thấy nói rằng: "Nếu quét sạch đất một cõi Diêm-phù-đề, chẳng bằng quét tháp Phật chừng khoảng bàn tay, thường làm vua chuyển luân thánh vương". Vì vậy, đó điều là do bệ hạ khéo lo nghĩ tinh vi, tín tâm mở rộng, làm sạch cõi tịnh, mở rộng cửa "không", giúp Phật giáo đồ lan rộng đến muôn đất nước. Phước như mây nhóm, ứng tợ âm vang, cho nên được các thứ dịch lệ chẳng sinh, khí độc tự tan, hợp cùng ý niệm sâu xa. Nhanh như thế nên kẻ tăng bé bỏng tôi nhân đó mà thầy trò đặc biệt nhờ thánh đức thương nuôi, mượn ân giữ ngựa, giám sủng trong cung vinh mạng tự kính cẩn, nguy sợ thất thố, mảy may không hiệu nghiệm, sao dám đội ân! Khẩn thiết đến cùng, không thể kể xiết, kính cẩn nhờ trung sứ Nguyên Ứng Kim dâng biểu để bệ hạ xét biết, Sa-môn Tuệ Quả tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777), ngày mồng 08 tháng giêng.

Chùa Đại Hưng Thiện, kiểm hiệu hai đạo tràng Kiêm Tri viện sự

Sa-môn Tuệ Quả kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê.

A-xà-lê Tuệ Quả hạnh mẫu giữ gìn, thường tu khiết tịnh, vì vậy trẫm bảo ban tuần du khắp tịnh giới, dùng làm nhân tốt, chùa vâng tặng thêm thanh tịnh, bút ngọc bày sáng soi, rất mực chí thành, thật đáng mừng vậy. Ấy là điều đáng trình tấu.

9. BIỂU TẤU TRÌNH VIỆC TIẾN HÀNH PHỤNG TU MỘT SỐ CÔNG ĐỨC Ở TRONG VÀ NGOÀI ĐIỆN CÁC VĂN-THÙ TẠI CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN. (có phần trả lời)

Trong điện các Văn-thù Trấn Quốc của chùa Đại Hưng Thiện, kính vâng chỉ dụ họa vẽ sáu chữ "Đại thánh Văn-thù-sư-lợi" và một tôn tượng Bồ-tát chín thân, phía ngoài điện các trên tường vách họa bức đồ Văn-thù đại hội thánh tộc Bồ-tát có một trăm lẻ bốn thân, nay đã hoàn thành mỹ mãn.

Sa-môn Tuệ Thắng nói: cúi mong Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế bệ hạ mở mang sự nghiệp của Bồ-tát Văn-thù, thực hành hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, làm lợi ích cho chúng sinh, gieo nhân tốt đẹp ấy, hẳn hiển bày quả Đức chân nghi, ứng hiện tướng thật của sắc thân. Nay, bảy tai tiêu diệt, muôn phước trang nghiêm. Nếu không gặp được thánh từ, biết do đâu mà thấy được nhà son đèn sáng như nhìn thấy cung mặt trời, ngọc hào đêm đêm chiếu sáng như mở điện mặt trăng. Khiến những người vui vẻ vâng theo, ấy là nhờ uy lực của đế vương, những kẻ quay về mà hướng đến phát tâm Bồ-đề, làm cho vô số chủng loại hữu tình đều nương nhờ ân tuệ của Phật, và hàng xuất gia thích tử riêng tắm gội sóng ân của bệ hạ. Đâu chỉ thọ trì đọc tụng kinh sám mà có thể kính vâng báo đáp được ư? Chỉ mong nhờ pháp lực của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mới đáp được ân lớn. Với các bức đồ họa vẽ ruộng Phước Đại thánh, nay nhân thời giáng đản, kính cẩn trình bày cùng Trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu tấu trình để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Thắng tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777) ngày mồng 08 tháng 10.

Kiểm hiệu hai đại tràng kiêm Tri viện sự, Sa-môn Tuệ Thắng kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê:

Sa-môn Tuệ Thắng xưa vốn siêng tu phạm hạnh, giới luật tinh nghiêm. Từ lâu ở trong đạo tràng, phụng tu công đức, khổ nhọc đã phô bày theo năm tháng, phước đức nhóm họp cho nước nhà, có vô lượng

nhân tốt, đáng khen ngợi an ủy ở tại đạo tràng vậy.

10. BIỂU CẢM TẠ ÂN BAN TẶNG GẤM LỤA V..V... TẤT CẢ BỐN MƯƠI XẤP. (có phần trả lời)

Sa-môn Tuệ Thắng nói: Kính vâng Trung sứ Lý Hiến Thành tuyên cáo thánh chỉ đặc ân ban thưởng gấm lụa v.v... tất cả bốn mươi xấp, quỳ bưng hổ thẹn mang đội, mừng sợ không dám đảm đương. Cúi mong Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế Bệ hạ là thân thệ nguyện của các Đức Phật, mật hạnh của Phổ Hiền, vì hóa độ rộng lớn, khuất đã thành tôn, riêng sư tăng bé nhỏ tôi thấm đượm ân đức. Nhưng pháp Phổ Hiền vốn là giáo điển của tôn sư truyền thừa, lại là đạo lý mà Bệ hạ giao phó, nên kẻ tăng bé nhỏ tôi xa thì cảm mộ di huấn của tôn sư, ngưỡng mong ân sâu của thánh chúa, bắt chước việc người xưa hiến cầu, có được nhỏ giọt này, trên thấu đạt thánh tình, chẳng ngờ ân trời ban thưởng quá lắm, bèn đem các vật được ban thưởng dâng cúng nơi tháp ảnh tôn sư. Vì nước nhà mà tụng niệm, các hội đạo tràng, phát nguyện thành khẩn, mong chờ Phật lực mãi che chở hoàng gia, mang đội đến cùng không thể tính kể hết, kính cẩn nhờ trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu tỏ bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Thắng tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778) ngày mồng 06 tháng 06.

Chùa Đại Hưng Thiện, kiểm hiệu hai đạo tràng kiêm tri viện sự Sa-môn Tuệ Thắng kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê:

Bí tạng của các Đức Phật, tiên sư thọ trì truyền bá trời người. Thật là pháp yếu, trẫm ban thưởng chút ít phẩm vật để giúp việc tu hành. Ấy là điều đáng biết cảm tạ vậy.

11. CHẾ VĂN CỦA HOÀNG ĐẾ TÚC TÔNG ÂN BAN SA-MÔN TUỆ VU, ĐỆ TỬ HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG BẤT KHÔNG VÀO TRONG ĐẠO TRÀNG ĐỂ NIỆM TỤNG

Kính vâng chỉ dụ nói cùng Ngân Đài môn gia mời bốn vị Sa-môn Tuệ Vu, Cù Na, Tuệ Thắng, và Tuệ Nguyệt là đệ tử Hòa-thượng Tam Tạng Bất Không vào trong đạo tràng, giúp phi long Mã Thư cùng Hòa-thượng Tam Tạng thiết lập đạo tràng niệm tụng.

Niên hiệu Chí Đức thứ 02 (757), ngày 16 tháng hai

Phẩm Quan Yên Như Chương tuyên cáo.

12.CHẾ VĂN ÂN CHỈ BẢO BAN SA-MÔN TUỆ HIỂU - ĐỆ TỬ HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG VÌ NƯỚC NHÀ NIỆM TỤNG:

Kính vâng chỉ dụ nói cùng Sa-môn Tuệ Hiểu v.v.. Đệ tử Hòa-thượng Tam Tạng Bất Không: Các vị ở trong thời giặc giã, đã vì trẫm mà khắc niệm tinh thành âm thầm siêng tu công đức. Nay đã khắc phục được người dân trong nước đều do năng lực Phật cảm ứng nên, từ nay về sau cần phải gia công tinh tấn vì trẫm mà niệm tụng bái sám, chớ vì độ thủ mà không tinh tấn.

Niên hiệu Chí Đức thứ 03 (758) ngày 18 tháng giêng.

Tướng quân Đoàn Kiêu Phước tuyên cáo.

13. CHẾ VĂN CỦA HOÀNG ĐẾ ĐẠI TÔNG ÂN CHỈ BẢO BAN CHÙA TÂY MINH CUNG CẤP CƠM CHÁO CHO NGƯỜI QUA LẠI TẠM TRÚ NƯƠNG NHỜ

Kính vâng chỉ dụ nói cùng Sa-môn Tuệ Hiểu chùa Tây Minh vì trẫm phụng tu công đức ở tại bổn tự thường luôn hai bữa cơm cháo cho những người vào ra qua lại nương nhờ tạm trú, tất cả đều cung cấp chớ để thiếu sót.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 06 (771) ngày 25 tháng 08.

Cao Phẩm Mã Phụng Thành tuyên cáo.

14. BIỂU CẢM TẠ THÁNH ÂN VÀ TỪ BIỆT ĐỂ ĐẾN NÚI NGŨ ĐÀI PHỤNG TU CÔNG ĐỨC:

Sa-môn Tuệ Hiểu nói: Ngày mồng 10 tháng này, kính vâng tiến chỉ bảo ban đến núi Ngũ Đài xem xét nhan sắc tôn tượng: Khế ẩn chùa Đại thánh kim các, cho đến tháng 09 thì tạm ngưng công việc, vào chốn cung đình, bảo ban tu công đức nhân ngày gián đản của bệ hạ. Tuệ Hiểu tôi từ tuổi thiếu niên đã từ biệt gia đình, mến mộ đạo pháp, thừa thuận kính thờ tôn dung Hòa-thượng Tam Tạng Bất Không Đại Quảng Trí hơn ba mươi năm, năm bộ chân ngôn đích thân được chỉ dạy truyền đạo, gần gũi không rời. Được đối diện tôn nhan thánh thượng, thường các điện Hàm Huy, Diên Anh, Trường Sinh thường tu công đức. Có điều ân hận không thể tinh cẩn khẩn thiết, chưa bình trị được yêu nghiệt. Thánh từ lại quan tâm bảo ban đi xứ xa xăm, ban tặng ba mươi xấp lụa bạch, ngựa trạm cởi chở lương thực của công mượn gởi ở chùa. Kẻ tăng bé nhỏ tôi sao may được ân đức quá sâu đượm, thật vô cùng mừng vui, mang đội đến cùng không thể kể xiết, tức lấy ngày nay bắt đầu ra đi, có thể nói rằng mang chở rong ruổi lưng ngựa ngóng trông lầu vàng mà chẳng xa,

xuân qua thu lại, yết kiến cung son mà xa vời vợi! Không dám quyến luyến ân đức lo sợ đến cùng, kính cẩn nhờ giám sứ Phẩm quan Ngụy Minh Tú dâng biểu tỏ bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Hiểu tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 12 (777) ngày 19 tháng 03.

Núi Ngũ Đài, thần sứ phụng tu công đức, chùa Tây Minh, Sa-môn Huệ Hiểu kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê:

Sa-môn Tuệ Hiểu nương tựa cửa Phật, mở mang Thánh giáo, nói tầm hữu tướng, sẽ đến Linh Sơn, trẫm ban tặng phẩm vật chẳng phải nhiều, sao nhọc lòng cảm tạ vậy.

15. BIỂU CẢM TẠ ÂN BAN BẢO CHO SA-MÔN TUỆ LÃNG ĐỒNG TU CÔNG ĐỨC:

Sa-môn Tuệ Hiểu nói: Trước đây, ngày 11 tháng 03, kính vâng tiến chỉ bảo ban đến núi Ngũ Đài phụng tu công đức. Đến ngày 19 tháng 07, sau khi thọ thai, cùng hơn bảy mươi vị như Trung sứ Lý Đồng Chi v.v..., sắp sửa hương đèn đến tuần lễ, lửa đem theo không giúp được đến nơi đài, khẩn trách tâm mình, biết nhờ đâu mà khởi thỉnh? Đến đảnh núi đồng tử Biện Tài, bỗng thấy trên tảng đá có đống tro nguội, bên được chút lửa, cúi mong Bệ hạ trên cửu trung xa giúp, lửa thánh pháp sinh từ tro tàn nguội lạnh. Bèn đốt hương khấn cầu, Bồ-tát muôn hình xuất hiện, chiếu soi rực rỡ, tướng tốt sáng suốt, ngưng nhiên khắp đầy hư không, đến tối vẫn chưa tan biến. Lại cùng giám sứ Ngụy Minh Tú đồng đến núi ấy, vì nước nhà mà cầu nguyện, kế đến phát nguyện, nhiếp thân Bồ-tát quang Viên Quang v.v... các tướng lần lượt, phô bày hiển hiện đến hai mươi bảy lần. Bệ hạ Thánh cảm ngầm vận, Bồ-tát bày rõ, tôn kính núi Ngũ Đài, điềm linh chẳng phải một. Kẻ tăng thấp kém tôi may đâu được trông thấy Thánh tích ấy! Cảm đội mừng vui đến cùng không thể kể xiết, ngày mồng mười tháng này, mong nhờ ân trời bảo ban thường cùng Sa-môn Tuệ Lãng đồng tu công đức, chiếu soi báo đáp, lại vào cửa vàng, điện báu tu trì, không dám lo lắng, kính cẩn nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành dâng biểu tỏ bày cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Hiểu tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778) ngày 17 tháng 11.

Thần sứ phụng tu công đức núi Ngũ Đài chùa Tây Minh, Sa-môn Tuệ Hiểu kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê:

Sư Tuệ Hiểu siêng tu phạm hạnh, từ lâu trong lành, nghiệp rộng giới tròn, ý chí tinh tấn công phu đầy đủ, đều trai khiết, tạo phước lớn cho nước nhà. Ấy là điều đáng cảm tạ vậy.

16. BIỂU KÍNH DÂNG "BÁU CHÂN THÚC CA" NHÂN TẾT NGUYÊN ĐÁN.

Sa-môn Tuệ Hiểu nói: Cúi dâng ân chỉ bảo ban đến núi Ngũ Đài xem xét phụng tu công đức, vì nước nhà mà cầu phước. Đến Nam Đài, ở phía Nam có núi, trước đây từng có các phạm tăng từng đến lễ bái, nói ở núi ấy có "Báu chân thúc ca". Với những người có lòng tham đến đó điều có gió dữ sấm sét. Tuệ Hiểu tôi đốt hương khấn nguyện leo lên núi ấy, có hang đá nhỏ vuông khoảng mấy thước, có dòng nước mầu đỏ, tại đó, thâu lượm được vật báu độ ba mươi tấm, màu sắc như hổ phách, Tuệ Hiểu tôi nghe: "Minh chúa có cảm ứng, đất không chứa vật trân quý, cúi mong Bệ hạ chở che như trời đất, soi sáng như mặt trời mặt trăng, huống hồ dựng cao gác vàng dưới núi, tạo dựng ngọc hoa nơi núi hiểm, kẻ tăng bé nhỏ tôi được thượng hoàng bảo ban đi đến chốn danh sơn ấy, đốt hương chí thành khải thỉnh. Chẳng có sấm sét mưa gió, nên thu nhặt được các vật báu đó. Lại y kinh Bát Niết-bàn nói rằng: "Chân dẫm lên một mảnh đá ở núi Ngũ Đài, từ đó về sau bảy kiếp chẳng đọa vào đường ác". Huống chi vật báu hiếm lạ, nay muôn vật đổi mới, lúc cửu trùng nạp phước vận may kính cẩn nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành tùy biểu kính dâng để bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Hiểu tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778) ngày mồng 01 tháng giêng.

Thần sứ phụng tu công đức ở núi Ngũ Đài, chùa Tây Minh, Sa-môn Tuệ Hiểu kính dâng.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê:

Sa-môn Tuệ Hiểu hỏi đạo ở Linh Sơn, tinh tấn tu hành chánh giác, đá lạ quý báu đem đến hiến dâng, để nói lên sự thành kính tinh cần. Ấy là điều biết hiến dâng vậy.

17. NGÀY 13 THÁNG 08 BAN TẶNG THƯ CHIẾU

(khi ấy đang ở tại chùa Kim Các, núi Ngũ Đài).

Ban sắc Xà-lê Tuệ Hiểu, bảo ban Trung sứ Dương Thiện Đức đến đó đảm đương vâng tu công đức. Sư kính cẩn siêng năng thiền tụng, vốn mừng vui của nước nhà vậy, thời mát mẻ sư khiến bình yên tốt đẹp, để lại thư chỉ chẳng nhiều vậy.

... Ngày 13.

18. BIỂU TRÌNH BÀY VIỆC ĐẾN NÚI NGŨ ĐÀI VÂNG TU PHÁP HỘ-MA CÔNG ĐỨC. (có phần trả lời)

Sa-môn Tuệ Hiểu nói: Ngày mồng 10 tháng 04 năm nay, trung sứ Ngụy Minh Tú vâng tuyên tiến chỉ bảo ban kẻ tăng bé nhỏ tôi đến chùa Đại thánh Kim các Bảo Ứng Trấn Quốc ở núi Ngũ Đài vâng tu Hộ-ma công đức. Tuệ Hiểu tôi kính cẩn ngu thành tinh đạt thánh ý, vâng tu công đức trên, trình bày túc nguyện của Đại thánh Văn-thù, khởi cáo minh lực của tiên sư. Nương nhờ việc ít có, ảnh hưởng ứng tượng, bên được sắc lửa sáng tươi, hơi khói chẳng xông, khác lạ ngày thường, thật là phô bày thời buổi thanh bình, là hiển hiện sự yên lặng nơi Hoa Hạ, là hiệu nghiệm của chấm dứt giặc giã binh đao. Đó đều do Bệ hạ chỉ đạo vận ngầm, hợp với đức Trời ở trên cao, khiến muôn loài hưởng phước, trăm họ vui lòng. Yêu tà dứt hẳn, mừng vui ngày một nhóm họp. Tuệ Hiểu tôi hổ thẹn xen lạm đứng vào hàng tăng, kính vâng minh giáo, sợ nhục thánh chỉ, hạnh phúc tốt lành. Không dám hớn hở mừng vui đến cùng, kính cẩn nhờ Trung sứ Ngụy Minh Tú dâng biểu đế bệ hạ xét biết. Sa-môn Tuệ Hiểu tôi vô cùng lo sợ kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778) ngày 18 tháng 12.

Sa-môn Tuệ Hiểu chùa Tây Minh kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê:

Đức Đại Thánh Văn-thù che chở Linh sơn. Tâm Sa-môn Tuệ Hiểu chí thánh nên thần ban chiêu cảm, tâm chí thành chắc chắn có ứng nghiệm, thật đáng mừng khen. Ấy là điều đáng chúc mừng vậy.

19. CHẾ VĂN BAN SẮC SA-MÔN PHÁP CAO ĐÔ DUY-NA Ở CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN Y CỨ NHƯ TRƯỚC MÀ ĐẢM ĐƯƠNG CÔNG VIỆC. (có sứ điệp)

Kính vâng chỉ dụ nói cùng Lý Nguyên Tông: Sa-môn Pháp Cao đô Duy-na ở chùa Đại Hưng Thiện nên ban lệnh tức y cứ như trước đảm đương công việc của Duy-na.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), ngày 17 tháng 04.

Cao phẩm Lý Hiến Thành tuyên cáo:

Chỉ dụ ban sắc sứ điệp; Sa-môn Pháp Cao đô Duy-na ở chùa Đại Hưng Thiện đảm đương các chùa ở kinh thành coi sóc việc vâng tu công đức.

Điệp Văn được cử xưng, kính vâng chỉ dụ như chưa có các chỗ lý

do thi hành của các điệp văn, phân phát ghi lục ban sắc điệp văn cho Sa-môn Pháp Cao.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 10 (775), ngày 17 tháng 04.

Sứ khai phủ nghi đồng tam tư kiêm Hữu lang võ quân tướng Lý Nguyên Tông.

20. BIỂU TẠ ÂN BAN LỆNH SA-MÔN PHÁP SƯ HỮU TẮC KHAI GIẢNG KINH PHÁP TẠI CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN.

(có phần trả lời)

Sa-môn Pháp Cao v.v... nói: Ngày mồng 04 tháng nay, kính vâng chỉ dụ bảo ban Pháp sư Hữu Tắc chùa Chương Kính đến tại bản tự (= chùa Đại Hưng Thiện) khai giảng kinh Kim Quang Minh. Sương móc tại tôn nhan, ty luân lóa mắt, Phật sự bắt đầu, pháp âm thử tuyên cáo, mãy trần đâu nương tựa, quanh quẩn không đựng chứa. Cúi mong Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế, nhân vương ngự gởi, mật hạnh trì pháp, nhớ lời đông lưu, ấy là để ngoảnh về phương Nam vậy. Vả lại, chùa Đại Hưng Thiện có từ đời nhà Tùy, dựng lập đã gần hai trăm năm. Tuy danh tăng trụ trì thì đời đời chẳng thiếu, nhưng ân ban tuyên xướng pháp âm thì chưa được nghe. Ngày nay, chiếu chỉ từ trời ban xuống, người từ đất vọt lên, kinh văn tuy cũ, nhưng sớ giải thì mới mẻ, bảo ban tăng ni phải nhanh chóng, cầu sĩ nữ mà nai hiền đến, đều là năng lực nhiệm mầu của các Đức Phật là duyên tốt lành của kinh ấy, sướng thích tâm ngoại hộ của Bệ hạ, thành vận may của khó gặp chư tăng v.v..., hẳn mong thánh thượng ban giúp, bày việc mở mang cảnh quan nước nhà, đến năm lúa thóc ở thăng bình, nạp hàm sinh ở thọ vức, mừng vui hớn hở đến cùng không thể kềm chế, kính cẩn dâng biểu tỏ bày cảm tạ để bệ hạ xét biết, Sa-môn Pháp Cao v.v... chúng tôi vô cùng vui mừng kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778), ngày 19 tháng 04.

Chùa Đại Hưng Thiện đô Duy Na, Sa-môn Pháp Cao v.v... kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê:

Pháp sư Hữu Tắc, tinh tấn tu hành hạnh mầu, mở cửa phương tiện, giảng nói pháp nghĩa Đại thừa, tuyên dương thánh giáo để mở rộng nhân tốt, kế un đúc sự trung thành của bậc hiền, mở rộng ý chí sâu nhiệm, giúp cho các loài hàm linh đều đượm nhuần phước lớn. Ấy là điều đáng cảm tạ vậy.

21. BIỂU CẢM TẠ CHẾ VĂN BỔ NHIỆM SA-MÔN TUỆ LÃNG CHO LÀM CHỨC THƯỢNG TỌA Ở CHÙA ĐẠI HƯNG THIỆN

(có phần trả lời)

Sa-môn Pháp Cao v.v... nói: Ngày 14 tháng nay, kính vâng chỉ dụ bổ nhiệm Đại Đức Tuệ Lãng giữ chức Thượng tọa ở Đại Tự (= chùa Đại Hưng Thiện). Ánh sáng trời soi chiếu, oai xét tại tôn nhan, cửa dân có người, tượng pháp sẽ lâu dài vậy, Pháp Cao v.v... chúng tôi nghe: ước nguyện của người, trời chắc chắn sẽ thuận theo, đạo nếu còn, vua thật có năng lực, cúi mong Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế bệ hạ xoay chuyển bánh xe vàng, tiếp thừa đèn ngọc, mở rộng ngoại hộ bằng thánh tâm, ban ân từ với vô duyên. Người từ nơi cung cấm, nhớ nghĩ tụng niệm mà không ngại, chùa gần đường cái, nhờ trụ trì nên không tán cử, hớn hở đến cùng không thể kềm chế, kính cẩn nhờ nội công đức sứ Lý Hiến Thành dâng biểu bày tỏ cảm tạ để bệ hạ xét biết. Sa-môn Pháp Cao v.v... chúng tôi vô cùng mừng vui kính dâng.

Niên hiệu Đại Lịch thứ 13 (778), ngày 15 tháng 04.

Chùa Đại Hưng Thiện đô Duy-na, Sa-môn Pháp Cao v.v... kính biểu.

Bảo ứng nguyên thánh văn võ Hoàng đế phê:

Các vị Sa-môn v.v... tinh cần thanh khiết, phạm hạnh chu toàn, thích ứng thiền tụng, chi-đề nhóm họp, phải chọn lựa kỷ cương, Sa-môn Tuệ Lãng v.v... cung kính siêng năng, đủ để lựa chọn, đảm nhiệm mọi việc ở chùa. Đó, đáng gọi là chọn được người vậy. Đó là điều đáng biết cảm tạ vậy.

22. VĂN BIA HÒA-THƯỢNG TAM TẠNG TẠI BỔN VIỆN

Bia đề biển ngạch của Hòa-thượng Quốc sư Tam Tạng Đại Biện Chánh Quảng Trí Bất Không ở chùa Đại Hưng Thiện thời Đại Đường.

- Bia minh cố Đại Đức Hòa-thượng Tam Tạng Đại Biện Chánh Quảng Trí Bất Không ở chùa Đại Hưng Thiện thời Đại Đường.

- Ngân thanh Quang Lộc Đại phu Ngự Sử Đại Phu Thượng Quế Quốc Phùng Lãng huyện Khai Quốc Công Nghiêm Dĩnh soạn thuật.

- Ngân thanh Quang Lộc Đại phu Bành Vương Truyền Thượng Quế Quốc Cối Kê Quận Khai Quốc Công Từ Hoạt ghi chép.

Hòa-thượng húy Bất Không, vốn người xứ Tây Vực, giòng họ Không nghe ở Trung Hoa nên không ghi chép.

Vua Huyền Tông soi xét biết được chí đạo nên rất tôn trọng kính ngưỡng, trải qua vua Túc Tông, Đại Tông cả ba triều đại đều làm Quốc

sư Quán Đảnh. Dùng huyền nói đức lành, mở danh chí tôn. Đầu thời vua Đại Tông, dùng chức Đặc Tiến Hồng lô khanh để khen thưởng, mãi đến lúc thị hiện bị bệnh không ngồi dậy, nhà vua lại đến bên giường ban thêm chức “Khai phủ nghi đồng tam tý túc Quốc Công”, nhưng đều từ chối không nhận. Đặc tặng pháp hiệu “Đại Quảng Trí Tam Tạng”. Tháng 06 (Quý Mùi), mùa hạ niên hiệu Đại Lịch thứ 09 (774), Sư thị tịch tại chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô, vua Đại Tông vì vậy, bãi triều ba ngày, ban tặng tước hiệu “Tư không”, truy phong hiệu “Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng Hòa-thượng”. Đến lúc thiêu nhục thân, ban chiếu bảo lưu lại trong cung để yết kiến, thiết trai tiến chúc tổ phụ, phụng thờ kính ngưỡng như lúc hiện còn, khéo hỏi sâu sắc, mừng tiến lưu phương, lễ bái quần luân, ngợi khen không gì bằng. Cũng năm đó, đến tháng 09, ban chiếu dựng tháp xá-lợi tại bổn tự; nơi ngài an trú để kính thờ xá-lợi.

Hòa-thượng tánh khí thông minh, thấu suốt muôn pháp yếu chỉ của các Đức Phật, một mình đứng giữa chúng xuất gia, cao vợi rung động không ai bằng, kê cứu hiến đạt tự nghĩa chân ngôn, dấu vết lên đàn Quán Đảnh thì thời gian thành Phật rất mau, ứng thanh chứa phước nhiệm mầu, trời xa mà cao, đất rộng mà dầy. Nên chẳng thể chưa học mà rõ biết được. Thử đem khái quát để nhìn cả quy mô rộng lớn.

Xưa kia, ngài Kim Cương Tát-đỏa đích thân ở trước Đức Phật Tỳ-lô-giá-na thọ nhận yếu nghĩa du già tối thượng, sau đó khoảng vài trăm năm, truyền trao cho Bồ-tát Long Mãnh. Bồ-tát Long Mãnh lại trải qua vài trăm năm sau, truyền trao cho A-xà-lê Long Trí, Long Trí lại truyền cho A-xà-lê Kim Cang Trí, Kim Cang Trí đem đến phương đông, truyền trao cho Hòa-thượng. Hòa-thượng lại ngược dòng tìm đến Tây Trúc, trải qua các nước Sư Tử v.v... đến chỗ A-xà-lê Long Trí, xiển dương tìm tòi mười tám hội pháp. Pháp hóa tương thừa, từ Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai cho đến đời Hòa-thượng gồm có sáu lớp. Mỗi lần trai giới lưu ở trung đạo, đón rước khí lành, đăng lễ đều đáp, phước ứng hiệu nhiên. Cây ấm không nói, chẳng thể ghi đủ, nơi ải cảng hiểm nguy ở Tây vực, voi điên hung dữ xúc phạm, Hòa-thượng nhìn nó bằng ánh mắt hiền lành, chẳng dùng chân đỡ đạp mà voi nằm chẳng dậy. Ở giữa biển Nam Hải, trời rầm rỉ nhiễu loạn, Hòa-thượng dùng định lực để đáp lại, chẳng mấy chốc mà biển lặng hết sóng.

Hòa-thượng lúc ra đời, từ mẫu có điềm lành ánh sáng chiếu rực, lúc thị tịch, nước hồ khô cạn khác thường, Hòa-thượng thọ bảy mươi tuổi, năm mươi tăng lạp. Từ bé thơ cho đến tuổi xế bóng, thường sửa soạn

vật cúng, ngồi đạo tràng, tắm lan đốt hương, vào sâu tri kiến Phật, hơn năm mươi năm, sớm tối nóng lạnh, không hề có khoảnh khắc biểu hiện vẻ mỏi mệt biếng lười, hơn người quá xa là như thế đó.

Hàng hậu học lên giảng đường tụng trì, giảng nói, người đạt pháp chẳng phải một, nhưng Sa-môn Tuệ Lãng tiếp nhận dự ký kế thừa, thành đạt ý chỉ truyền đăng, tiếp nối làm sáng ngời Phật pháp. Tiếp theo đời thứ sáu làm đời thứ bảy, lớn thay đến thế vậy!

Đối với Hý Pháp tử hoài diệt hẳn lương mộc, sẽ ghi bản hạnh, nhờ tôi khắc lại. Xưa nương nhờ lời lẽ nhiệm mầu, nay nhìn trông bàn án gậy trượng. Dung nhan ngời sáng, đàn tràng thanh tịnh, toát ghi Chiếu Minh. Tiểu tử sao từ chối!

Minh rằng:

Than ôi Đại sĩ
Có ba tông ta,
Đạo làm thầy vua
Phép đồng giới nghi,
Xưa ở Quảng Thành
Hiện sâu gió thuận
Năm vượt ba ngàn
Lại có Túc Công.
Du già thượng thừa
Chân ngữ mật khế,
Sáu cánh trao nhận
Truyền đẳng tiếp nối
Thuật lại điệp văn
Sáng ngời có đệ.
Voi cuồng phục đất
Nước dứt trời gầm,
Tâm từ chế mộ
Sức tuệ dứt ngu.
Vắng lặng cảm thông
Ai so lường được!
Hai cột mộng điện
Song thọ đổi mầu,
Tư không sủng mất
Biện chánh bày đức
Sứ trời cúng Tổ
Trang cung ẩn trắc,

Chiếu xây tháp báu
Ngay tại chùa xưa,
Dưới chứa xá-lợi
Trên xây dựng tháp.
Dấu khác sinh diệt
Pháp lìa có không
Khắc đá làm kệ
Truyền ở Đại Đô.

Niên hiệu Kiến Trung thứ 02 (781) tức ngày 15 (Kỷ Tỵ) tháng 11 (Ất Mão), năm tân dậu, kiến lập.

ĐẠI BIỆN CHÁNH QUẢNG TRÍ TAM TẠNG HÒA-THƯỢNG CHẾ BIỂU TẬP QUYỂN 6 (HẾT)

Niên hiệu Đức trị thứ hai (Đinh mùi), tức ngày mồng 03 tháng 05, năm Đinh Mùi.

Ở chùa Thần Hộ, viện Thành thân, lấy theo Tế Hoàng Tăng Đô lưu giữ thư bản viết xong, du nhiên. (74) một giao xong.

Điểm bản v.v... lấy theo Đại Tạng kinh ở chùa Khuyến tu, Ngự bản xem xét xong, v.v...

■